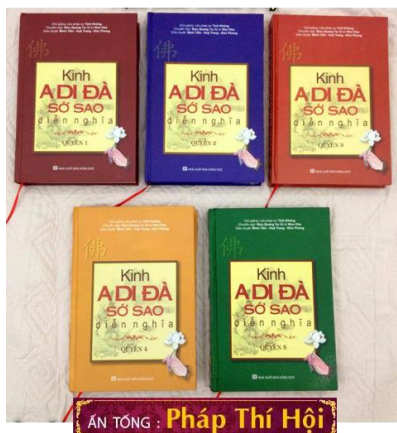


A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa 阿彌陀經疏鈔演義



Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao

Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa

阿彌陀經疏鈔演義

明古杭雲棲寺沙門祿宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

越南譯本



Tập VI

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong

---o0o---

Nguồn

<http://niemphat.net>

Chuyển sang ebook 07-02-2016

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Tập 151

Tập 152

Tập 153

Tập 154

Tập 155

Tập 156

Tập 157

Tập 158

Tập 159

Tập 160

Tập 162

Tập 163

Tập 164

Tập 165

Tập 166

Tập 167

Tập 168

Tập 169

Tập 170

Tập 171

Tập 173

Tập 174

Tập 175

Tập 176

Tập 177

Tập 178

Tập 179

Tập 180

---o0o---

Tập 151

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm hai mươi ba:

(Sớ) Hựu công đức giả, vô lậu tánh công đức dã, phục hữu thắng liệt, kim thị thắng công đức cố.

(疏) 又功德者，無漏性功德也，復有勝劣，今是勝功德故。

(Sớ:) Lại nữa, “công đức” là công đức của tánh vô lậu, lại có thù thắng và kém cõi. Nay [công đức được nói trong chánh kinh] là công đức thù thắng).

“Vô lậu tánh”: Nói rõ công đức này là xứng tánh khởi tu, nên gọi là “vô lậu tánh công đức”.

(Sao) Vô lậu công đức giả, Sơ Tổ dĩ doanh tu thế phước, vi hữu lậu chi nhân, bất danh công đức.

(鈔) 無漏功德者，初祖以營修世福，為有漏之因，不名功德。

(Sao:) “Vô lậu công đức”: Sơ Tổ coi chuyện lo toan tu tập phước thế gian là cái nhân hữu lậu, chẳng đáng gọi là “công đức”).

“Sơ Tổ” là nói đến Sơ Tổ của Thiên Tông, tức là Đạt Ma Tổ Sư. Nói theo sự truyền thừa tại Ấn Độ, Bồ Đề Đạt Ma thuộc đời thứ hai mươi tám, tức là kể từ Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho tôn giả Ca Diếp là Sơ Tổ tại Ấn Độ, Ca Diếp truyền cho A Nan, truyền như vậy đến đời thứ hai mươi tám là Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma đem Thiên Tông truyền sang Trung Quốc, Đạt Ma là Sơ Tổ tại Trung Quốc. “Dĩ doanh tu thế phước, vi hữu lậu chi nhân” (Coi chuyện lo toan tu tập phước thế gian là cái nhân hữu lậu): Ngài Đạt Ma đến Trung Quốc, thở ấy nhằm thời đại Lương Vũ Đế, Ngài gặp Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp của Phật môn, là một Phật tử kiên thành, đáng tiếc là nhà vua toan tu phước! Trong thời gian làm hoàng đế, ông ta đã kiến tạo tất cả bốn trăm tám mươi tòa tự miếu. Chép kinh, thời ấy chưa thể in kinh, phải bỏ tiền thuê

người chép kinh. Lại còn độ người xuất gia; chỉ cần có người phát tâm xuất gia, nhà vua đều hoan hỷ giúp đỡ, thành toàn cho người ấy xuất gia. Nói thông thường, công đức ấy cũng rất lớn. Khi tổ Đạt Ma đến, nhà vua bèn hỏi tổ Đạt Ma: “Trăm cất chùa, chép kinh, độ người xuất gia vô số, vô lượng, công đức của trăm có to hay không?” Đạt Ma Tổ Sư đáp: “*Thật vô công đức*”, [nghĩa là] Tổ nói: “Tôi nói thật cho bệ hạ biết, chẳng có công đức gì cả!” Lương Vũ Đế nghe nói vậy rất cụt hứng, cũng chẳng hộ trì Tổ. Tổ chẳng có cách nào, đến chùa Thiếu Lâm nhìn vào vách, chẳng ai quan tâm đến Ngài. Nếu Tổ khen ngợi Lương Vũ Đế, Lương Vũ Đế sẽ làm hộ pháp cho Tổ, sẽ khá lắm! Pháp duyên của Ngài có thể thù thắng lắm! Tổ ở Trung Quốc nhiều năm ngàn ấy, chỉ độ một mình Nhị Tổ Huệ Khả, chỉ truyền pháp cho một người. Đó là “*thuyết pháp chẳng kể cơ*”, nhưng Đạt Ma Tổ Sư nói lời chân thật.

Bản thân chúng ta học Phật nhất định phải biết, rốt ráo chúng ta đang học gì? Đang tu gì? Phải hiểu rõ ràng! Những gì Lương Vũ Đế đã làm là phước báo nhân thiên, là nhân hữu lậu. Tu phước trong Phật môn, quả báo trong tam giới, chẳng thoát ra được, nên chẳng phải là chân thật. Công đức chân thật là gì? Công đức chân thật là tâm thanh tịnh. Trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh được gọi là trí huệ Bát Nhã; đó là công đức chân thật. [Công đức] tuyệt đối chẳng thể cầu từ pháp thế gian, chỉ nên cầu công đức trong nội tâm. “*Công*” là công phu, “*Đức*” là cái quý vị đầu hoạch, đó gọi là “*cày cấy một phần, đầu hoạch một phần*”. Vì lẽ đó, [những việc Lương Vũ Đế đã làm] “*bất danh công đức*” (chẳng gọi là công đức).

(Sao) Hựu vân công đức tại Pháp Thân trung, tác thử chi đại hạnh đại nguyện, giai tự tánh vô lậu công đức, phi sự thượng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân dã.

(鈔) 又云功德在法身中，則此之大行大願，皆自性無漏功德，非事上人天小果有漏之因也。

(Sao: Lại nói, công đức ở nơi Pháp Thân, nên đại hạnh đại nguyện này đều là công đức vô lậu của tự tánh, chẳng phải là cái nhân hữu lậu nơi mặt Sự thuộc về tiểu quả trong cõi trời người).

Công đức ở nơi Pháp Thân. Nói cách khác, công đức nhất định phải tương ứng với Pháp Thân. Nay lại hỏi, Pháp Thân là gì? Chữ “*Pháp*” chỉ hết thầy vạn pháp, “*Thân*” có nghĩa thể tánh. Pháp Thân,

nói theo danh từ triết học hiện đại, sẽ là “bản thể của vạn hữu trong vũ trụ”, Phật pháp gọi [bản thể ấy] là Pháp Thân. Bản thể của hết thảy vạn pháp là không tịch, nên nói “*vạn pháp đều là Không*”. Chúng ta nói “*hết thảy các pháp*” là nói theo tướng, tuy tướng là có, nhưng chẳng thật sự có, nên gọi là Diệu Hữu. Vì sao gọi là Diệu Hữu? Diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ nó “có mà chẳng phải có, chẳng phải có mà là có”, đó là Diệu! Hết thảy vạn pháp chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể, tánh “vô tánh” là chân tánh; chân tánh còn gọi là Pháp Thân.

Do vậy có thể biết, tu hành nhất định phải tương ứng với vô tự tánh, đó là “*công đức*”. Tự tánh là gì? Vô tự tánh là gì? Trong kinh Giải Thâm Mật, đức Phật đã giảng rất rõ ràng. Kinh Giải Thâm Mật giảng ba tự tánh và ba vô tánh, nhưng cách giảng chẳng dễ hiểu. Nếu chúng tôi giảng nông cạn và dễ hiểu hơn một chút thì là: Trong tất cả hết thảy sự tu học trong cuộc sống hằng ngày, hễ quý vị có thể làm đến mức chẳng chấp tướng sẽ liền tương ứng. Quý vị có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó là cái nhân hữu lậu. Lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, chấp trước, bèn là công đức xứng tánh, tương ứng với Pháp Thân.

Vì sao nói đại hạnh đại nguyện của Phật, Bồ Tát là “*đại*”? Vì chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nên hạnh ấy bèn lớn. Hạnh được tu bởi đại tâm được gọi là “*đại hạnh*”. Nay ta bố thí, bố thí một đồng tiền bèn là đại hạnh, vì sao? Vì bố thí một đồng tiền, ta chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Chẳng có phân biệt và chấp trước, công đức của một đồng tiền ấy bèn là tận hư không trọn pháp giới, to như pháp giới, nên gọi là “*đại hạnh*”. Nay ta cúng dường một trăm vạn, [bèn tự nhủ] ta rất giỏi, nay ta cúng dường rất nhiều; do có chấp trước, có vọng tưởng, nên gọi là “*tiểu hạnh*”. Vì thế, tuy Lương Vũ Đế kiến tạo bốn trăm tám mươi tòa tự miếu, nhưng cứ nghĩ mãi về con số “bốn trăm tám mươi ấy”, [nên phước đức trở thành] quá ít! Độ mấy vạn người xuất gia, con số mấy vạn ấy cũng chẳng nhiều! Do đó, biến thành tiểu hạnh. Nếu nhà vua có thể thật sự “tam luân thể không” như kinh Bát Nhã đã dạy, nay ta tu mà chẳng chấp ngã tướng, cũng chẳng chấp chúng sanh tướng. Lấy bố thí để nói, chẳng chấp trước ta, cũng chẳng chấp trước người nhận sự bố thí của ta, cũng không nghĩ tới những vật ta đem bố thí. Tuy tu bố thí, chẳng bận lòng đến chuyện ấy, đó là “*tam luân thể không*”. Bố thí như vậy, công đức liền xứng tánh. Nói gọn lại một câu, đối với tám vạn bốn ngàn hạnh môn, chỉ cần quý vị có chấp trước, hạnh ấy bèn là tiểu hạnh. Kinh Kim Cang nói quý vị có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, hạnh do quý vị tu sẽ là tiểu hạnh, tu cái

nhân hữu lậu, chắc chắn là tám vạn bốn ngàn pháp môn không thoát khỏi tam giới; chư vị phải biết điều này!

Chuyện này khó lắm! Nếu chúng ta muốn phá vọng tưởng, chấp trước, há phải là chuyện dễ dàng? May mắn thay! Có pháp môn Niệm Phật có thể đối nghiệp vãng sanh, mang theo nghiệp gì? Mang theo vọng tưởng, chấp trước đi vãng sanh. Trừ pháp môn này ra, chẳng có pháp nào có thể đối nghiệp chứng quả, chẳng có pháp nào đối nghiệp thành Phật, chẳng có pháp nào đối nghiệp thành Bồ Tát, cũng chẳng có pháp nào đối nghiệp chứng quả Tu Đà Hoàn, chẳng có! Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là có thể đối nghiệp vãng sanh, chúng ta mới được cứu! Nếu không, chẳng có cách nào cứu. Tuy là như vậy, chúng ta vẫn phải rất nỗ lực, trong hết thầy các pháp, giảm thiểu các ý niệm vọng tưởng, chấp trước càng nhẹ càng tốt, vì sao? Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phạm vị khác nhau. Nếu đối với hết thầy sự vật đều hết sức lạt lẽo, chẳng ghim trong lòng, quý vị niệm Phật như thế sẽ chẳng bị chướng ngại, rất dễ dàng đắc công phu thành phiền, rất dễ dàng đắc nhất tâm bất loạn. Phạm là kẻ không thể thành tựu, đều vì ý niệm chấp trước quá nặng. Chướng ngại rất lớn thì một là chấp trước, hai là nghi hoặc. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã dạy nghi hoặc là chướng ngại trọng đại đối với hàng Bồ Tát, huống hồ phạm phu chúng ta! Do vậy, phải có tín tâm kiên định, quyết định chẳng nghi hoặc. Phải coi nhạt nhẽo hết thầy sự vật, kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, có gì phải coi chúng rất trọng? Coi chúng là rất quan trọng thì chắc chắn là chính mình bị tổn hại.

Do tâm các Ngài to lớn, tâm là tâm thanh tịnh, chẳng phải là tâm phân biệt, tâm bèn to lớn. Tâm lớn nên hạnh cũng lớn, nguyện cũng lớn, chẳng có gì không lớn. “*Giai tự tánh vô lậu công đức*” (Đều là công đức vô lậu nơi tự tánh), chẳng phải là “*sự thượng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân*” (cái nhân hữu lậu nơi mặt Sự thuộc về tiểu quả trong cõi trời người).

(Sao) Thắng liệt giả, Thanh Văn, Bồ Tát, nữ chí u Phật, giai hữu công đức, tiểu đại huyền thù. Kim thị bỉ Phật nhân địa, tu vô lượng nguyện hạnh chi sở thành tựu, sùng công chí đức, bất khả tư nghị, cố vân thắng dã.

(鈔) 勝劣者，聲聞菩薩，乃至於佛，皆有功德，小大懸殊。今是彼佛因地，修無量願行之所成就，崇功至德，不可思議，故云勝也。

(Sao: “Thù thắng và hơn kém”: Từ Thanh Văn, Bồ Tát cho đến Phật đều có công đức, nhưng nhỏ hay to khác biệt rất xa. Nay đức Phật ấy (A Di Đà Phật) trong lúc tu nhân đã tu vô lượng nguyện hạnh thành tựu, công đức cao cả tốt bậc, chẳng thể nghĩ bàn, nên nói là “thù thắng”).

Ở đây nói về A Di Đà Phật, chẳng phải nói tới Thanh Văn, Duyên Giác, hay hàng Bồ Tát thông thường, nên công đức có lớn hay nhỏ, khác nhau! Hạnh do phàm phu chúng ta tu chẳng sánh bằng A La Hán. Sở tu của A La Hán chẳng sánh bằng Bồ Tát, sở tu của Bồ Tát chẳng sánh bằng Phật. Sở tu của hết thầy chư Phật vẫn chẳng sánh bằng A Di Đà Phật. Mọi người đều đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Công đức của A Di Đà Phật vọi vọi, chẳng thể nói kể, vượt trội hết thầy chư Phật, nên công đức được nói ở đây thù thắng khôn sánh. Tiếp đó, đại sư giả lập một đoạn vấn đáp:

(Sớ) Vấn: Kim Cang Bát Nhã vị “trang nghiêm Phật độ giả, thật phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”, kim nữ quảng trần y chánh, vân hà nhị kinh ý nghĩa tương bội?

(疏) 問：金剛般若謂莊嚴佛土者，實非莊嚴，是名莊嚴。今乃廣陳依正，云何二經意義相背？

(Sớ: Hỏi: Kinh Kim Cang Bát Nhã nói “trang nghiêm cõi Phật nhưng thật ra chẳng trang nghiêm thì mới gọi là trang nghiêm”, nay [kinh này] lại trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo, có sao hai kinh có ý nghĩa mâu thuẫn nhau?)

Kinh Di Đà hoàn toàn nói tương phản kinh Kim Cang là vì lẽ nào? Nếu đã đọc hai bộ kinh ấy, chắc có lẽ cũng có người thật sự có nghi vấn này. Ở đây, trước hết chúng tôi phải thuyết minh đơn giản. Kinh Kim Cang được giảng cho bậc đương cơ là tôn giả Tu Bồ Đề, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Ư ý vân hà, Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ?” (Ý ông nghĩ sao, Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật hay không?). Tu Bồ Đề rất thông minh, lập tức đáp: “Phật dã, Thế Tôn! Hà dĩ có?”

Trang nghiêm Phật độ giả, tắc phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm” (Bạch đức Thế Tôn! Không ạ! Vì có sao? Trang nghiêm cõi Phật chẳng phải là trang nghiêm, bèn gọi là trang nghiêm). Trong kinh Kim Cang, những câu giống như vậy rất nhiều. Kinh ấy từ đầu tới cuối tuân theo cách nói chẳng để lại dấu vết. Nói xong, ngay lập tức phủ định, lại phủ định của phủ định, dùng cách thức ấy để trình bày nghĩa chân thật, hồng tử lộ chân nghĩa.

Bồ Tát tuy tu hành trang nghiêm Tịnh Độ, nhưng nếu thật sự hữu ý trang nghiêm thì sai mất rồi! Vì thế, Bồ Tát tu hành là *“hành mà vô hành, làm mà không làm, không làm mà làm”*. Đối với phàm phu chúng ta mà nói, dường như Bồ Tát thật sự có tạo tác, thật sự có trang nghiêm, nhưng trong tâm Bồ Tát chẳng chấp tướng ấy, bốn tướng đều là không, đây mới là trang nghiêm thật sự, nên nói: *“Tắc phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”* (Chẳng phải là trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm).

Chúng ta phải biết ý nghĩa thật sự của ba câu này ở đâu. *“Trang nghiêm Phật độ”* là Tướng; *“tắc phi trang nghiêm”* là nói về Tánh, và cũng là Thể. *“Thị danh trang nghiêm”* là nói tới tác dụng, Thể - Tướng - Dụng. Tướng có hay không? Có, nhưng Thể thì chẳng có! Nếu phối hợp với Tam Đế để nói, *“trang nghiêm Phật độ”* là Tục Đế, *“tắc phi trang nghiêm”* là Chân Đế, *“thị danh trang nghiêm”* là Trung Đế. Tam Đế như tông Thiên Thai đã nói chính là Thể, Tướng, Dụng, quý vị quan sát từ góc độ nào? Nhưng quý vị phải biết Thể, Tướng, Dụng là một mà ba, tuy ba mà một. Nó là một chuyện, một chuyện được nhìn từ ba góc độ, quý vị mới có thể thấy chân tướng của sự việc rõ ràng, mới chẳng mê hoặc.

Câu hỏi được giả thiết là có người nói: *“Kim nãi quảng trần y chánh báo, vân hà nhị kinh ý nghĩa tương bối?”* (Nay [kinh này] lại trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo, có sao hai kinh có ý nghĩa mâu thuẫn nhau). Ý nghĩa của hai kinh quyết định chẳng trái nghịch, đức Phật nói hết thấy các kinh chẳng tự mâu thuẫn, quyết định chẳng thể nào! Đây là do người đọc kinh dấy lên sự hiểu lầm, nên mới có câu hỏi này, đó gọi là *“đoạn chương thủ nghĩa”* (hiểu ý nghĩa tách rời khỏi ngữ cảnh). Quyết chẳng phải là nói thật sự không trang nghiêm mới là trang nghiêm thật sự, [nếu hiểu như vậy thì] cũng sai mất rồi! Trong tâm còn có [ý niệm] trang nghiêm, tức là đã không trang nghiêm. Do vậy, nêu lên câu hỏi này, không chỉ là người ấy chưa hiểu rõ Tịnh Độ, mà cũng chẳng hiểu rõ kinh Kim Cang.

Đại Thừa Phật pháp thường nói hết thấy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tịnh Độ của Phật có sự trang nghiêm của Phật Tịnh Độ, Bồ Tát và La Hán có sự trang nghiêm của Bồ Tát và La Hán, chư thiên có sự trang nghiêm của chư thiên, con người có sự trang nghiêm của con người, cho đến địa ngục cũng có sự trang nghiêm của địa ngục, nhưng các tướng trang nghiêm ấy khác nhau, chỗ khác nhau là “*duy thức sở biến*”, do thức biến. Nhưng tướng ấy sanh từ tánh, tướng là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, tướng là tánh, tánh là tướng, nên tướng của mười pháp giới y báo và chánh báo trang nghiêm là Chân Như bản tánh. Mười pháp giới rốt cuộc là mười hay chẳng phải là mười? Trong Phật pháp có nói “*phi nhất, phi dị*”, [nghĩa là] chẳng thể nói “là một”, mà cũng chẳng thể nói “không phải là một”. Nếu quý vị nói “chẳng phải là một” ư? Tánh là một. Nếu quý vị nói là một ư? Tướng khác nhau. Vì thế, chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là khác, đó là nói rõ cho chúng ta biết chân tướng.

(Sớ) Đáp: Tánh tướng bất thù, sở tông dị cố.

(疏) 答：性相不殊，所宗異故。

(Sớ: Đáp: Tánh và tướng chẳng khác, nhưng mỗi kinh đề cao những điều khác nhau).

Dưới đây còn có giải thích.

(Sao) Tánh tướng bất thù giả.

(鈔) 性相不殊者。

(Sao: Tánh và tướng chẳng khác).

“Thù” (殊) là sai biệt.

(Sao) Toàn tánh khởi tướng, toàn tướng quy tánh, tánh tướng bản phi nhị vật.

(鈔) 全性起相，全相歸性，性相本非二物。

(Sao: Toàn bộ tánh khởi tướng, toàn bộ tướng quy hồi tánh, tánh và tướng vốn chẳng phải là hai vật).

“*Tánh - tướng*” là một, không hai, thật vậy, nhưng người thật sự có thể ngộ nhập chẳng nhiều lắm. Quý vị thật sự có thể ngộ nhập thì trong cuộc sống sẽ có thụ dụng, được tự tại. Quý vị chưa ngộ nhập thì tánh và tướng có cách biệt. Phải có điều kiện gì thì mới có thể ngộ nhập? Phải có công phu định lực kha khá, và cũng phải có tâm thanh tịnh kha khá thì mới có thể ngộ nhập. Phải làm thế nào để đắc tâm thanh tịnh? Vẫn là một câu cũ mèm: “*Phải lìa vọng tưởng, chấp trước*”. Vì quý vị có vọng tưởng, chấp trước, nên tâm chẳng thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chẳng thể tiến nhập cảnh giới này. Tâm nhất định phải thanh tịnh thì mới có thể nhập cảnh giới này, mới có thể thụ dụng chân thật. Nay có thể nói là hễ nói theo Lý thì chúng ta có thể hiểu, nhưng về Sự bèn chẳng thể dung nạp, cũng là chẳng thể thụ dụng nơi mặt Sự. Hiểu rõ Lý thì như cổ nhân thường nói: “*Lý có thể đón ngộ, nhưng Sự cần phải trừ dần dần*”, trừ gì vậy? Trừ vọng tưởng, chấp trước. Sau khi đã trừ vọng tưởng, chấp trước, đó là “*chứng ngộ*”, nay chúng ta gọi là “*giải ngộ*”. Giải ngộ chẳng thể đoạn phiền não, không thể liễu sanh tử, ắt phải chứng ngộ thì mới được.

“*Tánh*” là chân tánh, “*tướng*” là hiện tượng. Hiện tượng trong tận hư không trọn pháp giới được gọi là “*sâm la vạn tượng*”, do đâu mà có? Từ bản tánh của chúng ta biến hiện. Giống như nằm mộng, khi quý vị nằm mộng, trong mộng có cảnh giới, có tướng, do đâu mà có tướng? Từ cái tâm có thể nằm mộng của quý vị biến hiện. Lại bảo quý vị, sự biến hiện ấy chẳng có thứ tự trước sau, đồng thời biến ra! Chúng ta biết mộng do tự tâm biến hiện; vì thế, cũng hiểu rõ toàn thể mộng cảnh là tâm! Nếu hỏi quý vị, tâm có hình trạng như thế nào ư? Khi quý vị nằm mộng, quý vị nghĩ tới điều gì, tức là tâm có tình trạng như thế nào, nó sẽ biến ra cảnh giới có tướng trạng như thế ấy, biến thành Tướng Phần. [Do đó], vừa trông thấy [tướng cảnh giới ấy], sẽ biết tướng trạng của tâm [là như thế nào].

Nếu bây giờ quý vị hỏi: Chân Như bản tánh của chúng ta có hình dạng như thế nào? Nay lực căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần, đó là hình dạng của Chân Như bản tánh, vì cảnh giới chúng ta trông thấy trước mắt do tự tâm của chúng ta biến hiện, nó là Tướng Phần của tự tánh. Tướng ấy tốt hay xấu do chính quý vị biến hóa. Tâm quý vị tốt đẹp liền biến ra tướng tốt đẹp, tâm quý vị ác sẽ biến ra tướng ác. Tướng chuyển theo tâm mà! Tướng tốt - xấu trong mười pháp giới đều do chính mình biến hiện, chẳng thể trách ai khác, chẳng thể oán trời, hờn người! Vì thế, “*toàn tướng quy tánh*”.

Tánh ở chỗ nào? Hết thấy hiện tượng là tánh. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, đọc những câu cơ phong trong ngữ lục của Thiền Tông cũng rất thú vị. Những người ấy sau khi đã nhập cảnh giới, nếu quý vị hỏi họ: “Đạo ở chỗ nào?” Hòa thượng Triệu Châu nói: “*Uống trà nhé!*”, uống trà chính là đạo! Vì thế nói “*Triệu Châu trà*” là nói về minh tâm kiến tánh. Chẳng có pháp nào chẳng phải, pháp nào cũng đều là [đạo, là cảnh giới minh tâm kiến tánh]! Tùy tiện lấy một pháp, chẳng có pháp nào không phải! Giống như chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng chẳng phải là tâm ư? Cảnh giới ấy là tâm biến; vì thế, bất luận cảnh giới nào cũng toàn là tâm! Toàn thể tâm biến thành mộng, toàn bộ mộng là tâm, cái thân của chính mình trong mộng do tự tâm biến hiện. Trong mộng thấy kẻ khác thì [những kẻ đó] vẫn do tự tâm biến hiện. Núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ trong mộng đều do tự tâm biến hiện. Ngoài cái tâm của chính mình ra, chẳng có một pháp nào. Đó là “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Như thế thì mới có thể thật sự thấu hiểu “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” như đức Phật đã dạy. Xác thực là vạn pháp trong vũ trụ và chính mình có cùng một Thể, cùng một tâm tánh. Điều này nêu rõ “*tánh và tướng vốn chẳng phải là hai vật*”, tánh và tướng là một, vốn chẳng phải hai. Tánh Tông và Tướng Tông đều giảng rất thấu triệt [đạo lý này]!

(Sao) Nhi đương kinh các hữu sở tông, bỉ kinh dĩ Vô Tướng vi Tông.

(鈔) 而當經各有所宗，彼經以無相為宗。

(Sao: Nhưng mỗi kinh có điều được đề cao riêng, kinh kia lấy Vô Tướng làm Tông).

Đức Phật giảng các loại kinh, cũng tức là trong hết thấy các pháp môn, [trong mỗi kinh bèn] nêu ra, chỉ dạy một phương pháp. Nói cách khác, mỗi một bộ kinh giảng một phương pháp khác biệt. Nếu hoàn toàn giống nhau, cần gì phải giảng hai thứ? Chẳng cần giảng! Thể tánh của hết thấy các kinh giống nhau, nhưng phương pháp tu hành được nói trong hết thấy các kinh khác nhau. “*Tông*” là phương pháp tu hành. Phương pháp [của các kinh luận thuộc] Bát Nhã Bộ là dốc sức tu tập từ Vô Tướng, đi theo Không môn. Đó là chỗ khác biệt. Cũng có nghĩa là nói “*phải lià hết thấy tướng*”, giống như kinh Kim Cang đã nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, “*vô pháp tướng, diệc vô phi pháp tướng*” (chẳng có pháp tướng, mà cũng

chẳng phải là không có pháp tướng), họ nhập môn từ chỗ này. Nhập môn kiểu này đúng là khó khăn. Nếu bốn tướng chẳng không, quý vị vĩnh viễn ở ngoài cửa Bát Nhã, chắc chắn chẳng thể nhập môn được!

(Sao) Cố duy minh Đệ Nhất Nghĩa tướng, bất thủ hình tướng, thật tức thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện.

(鈔) 故唯明第一義相，不取形相，實則清淨心中，身土自現。

(Sao: Do vậy, chỉ nói về tướng Đệ Nhất Nghĩa, chẳng giữ lấy hình tướng, thật sự là từ trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện).

Đó là như kinh Kim Cang nói: “*Dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai*” (Dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai)¹, lại nói: “*U pháp bất thuyết đoạn diệt tướng*” (Đối với pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt), có ý nghĩa ấy, bảo quý vị hãy lià tướng từ ngay nơi tướng. Trên thực tế, có thể lià tướng hay không? Chắc chắn chẳng thể lià tướng! Vì sao? Vì tướng là tánh, nếu quý vị tách lià tướng, tánh cũng chẳng có, há có lẽ ấy? Nói cách nào cũng chẳng suông! Chắc chắn không thể lià tướng! Bảo quý vị “lià tướng” chính là bảo quý vị đừng chấp tướng, “không chấp” là gì? Trong tâm đừng nghĩ tới nó, chớ nên chấp trước nó, đó là “lià tướng”. Tâm phải thật sự thanh tịnh. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”, chẳng phải là bên ngoài vốn chẳng có một vật, bên ngoài thứ gì cũng có, nhưng trong tâm chẳng có. Chư vị phải biết: “*Lià tướng*” là tâm lià tướng, chẳng phải là thân lià tướng, thân chẳng lià được! Ví như cái thân, ta lià tướng bèn vào chốn núi thăm, tìm một cái hang để tu hành trong ấy. Quả núi đó vẫn là tướng, hang vẫn là tướng, quý vị vẫn chẳng có cách nào rời lià! “Lià” là tâm lià! Tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp hết thấy các pháp. Chúng tôi nói rõ hơn một chút thì là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thấy các pháp! Đó là “lià”.

Nếu chúng ta nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị [tri thức ấy] đều là đại thiện tri thức, đều là Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải là phàm nhân, đều là bậc đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, mà cũng đều [tối thiểu] đạt tiêu chuẩn của kinh Kim Cang trở lên, chẳng có vị nào thấp hơn tiêu chuẩn của kinh Kim Cang, tức là tứ tướng và tứ kiến thấy đều đã phá. Chúng ta mở kinh Hoa Nghiêm ra xem, quý vị thấy những điều miêu tả trong kinh

có khác gì xã hội và nhân sinh của chúng ta trong hiện thực? Chẳng khác gì nhau! Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có sáu vị xuất gia, những vị khác đều là tại gia, nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề đều có! Họ đều là Phật, Bồ Tát.

Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ Phật, Bồ Tát tại gia đông hơn hàng xuất gia, rất ư là đông! Trong số đó, không chỉ có những vị hành chánh pháp, mà còn có người hành tà pháp, giết, trộm, dâm, dối đều có. Họ đều là Bồ Tát, đều là Phật, cứ sao còn có những chuyện ấy? Thừa cùng quý vị, về Sự thì có, nhưng trong tâm không có! Quý vị thấy Cam Lộ Hỏa Vương, Cam Lộ Hỏa Vương suốt ngày từ sáng đến tối giết người, hết sức nóng nảy, hở ra là giết người, nhưng tâm địa nhà vua thanh lương tự tại, người ta thật sự làm được “*làm mà không làm, không làm mà làm*”. Vì lẽ đó, kinh Hoa Nghiêm nói đến chuyện “*luyện tâm bằng cách trải qua sự việc*”. Tâm quý vị thanh tịnh, vốn chẳng ưu não, chẳng nhiễm mảy trần, luyện từ chỗ nào? Thể nghiệm trong hết thấy hoàn cảnh nhân sự của xã hội, tu hành trong đó, đổ công dốc sức nơi đó, thành tựu sự thanh tịnh chân thật của chính mình, sẽ bèn thành công. Do đó, khác với Tiểu Thừa, Tiểu Thừa chẳng trải qua khảo nghiệm, Đại Thừa Bồ Tát trải qua khảo nghiệm thì mới là thanh tịnh thật sự. Khi ấy, thân và cõi nước là một, không hai, tánh, tướng như một. Dưới đây, đại sư nêu một tỷ dụ để nói:

(Sao) Dụ như ma kính, trần tận, tượng sanh.

(鈔) 喻如磨鏡，塵盡像生。

(Sao: Ví như mài gương, bụi hết, hình bóng bèn sanh).

Đối với người hiện thời, chuyện này rất khó hiểu! Vì sao? Gương trong hiện tại chẳng giống như gương thời cổ. Gương thời cổ, quá nửa bằng đồng, gương đồng! Lâu ngày, gương đồng chẳng sáng, nhất định phải mài, trừ sạch sẽ những thứ dơ bẩn, nó lại sáng, có thể soi chiếu người ta. Đương nhiên là [gương đồng] thua gương hiện thời rất xa; hiện thời tiến bộ, chẳng dùng gương đồng nữa. Trong tỷ dụ này, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là bụi đất nơi cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Quý vị có thể mài sạch phân biệt, chấp trước trong hết thấy cảnh giới khác nhau, tâm thanh tịnh liền hiện tiền.

Chúng ta có tham, sân, si, vì sao biết có tham, sân, si? Thấy thứ gì hợp ý mình liền sanh tâm hoan hỷ, bèn biết là có tâm tham. Thấy thứ gì chẳng hợp ý mình sẽ bực bội, bèn biết có tâm sân khuê. Do vậy, hễ cảnh

giới hiện tiền, chính quý vị sẽ nhận biết ta còn có tham, sân, si phiền não dày đặc đường ấy! Làm thế nào để biết tham, sân, si chẳng có? Vẫn phải nhờ vào cảnh giới hiện tiền. Thuận cảnh hiện tiền, tâm đạm bạc, chẳng có tham ái, tâm tham chẳng có. Nghịch cảnh hiện tiền, tâm chẳng sân khuê, tâm bình thản, tĩnh lặng, [tức là] ta chẳng có tâm sân khuê. Vì thế, lìa khỏi các sự tương, quý vị chẳng thể phát hiện phiền não, mà phiền não cũng chẳng thể trừ khử.

Vì lẽ đó, tu hành là tu ở nơi đâu? Tuyệt đối chẳng phải là vào núi thăm tu hành! Có những kẻ nói: “Rất hâm mộ người nào đó, phước khí thật to, có thể vào núi thăm tu hành”. Tu mấy chục năm trong non sâu, nhưng nếu đến đô thị một chuyến, hết thấy đều trắng tay! Vì chẳng trải qua khảo nghiệm! Thật sự tu hành thì tu hành ở nơi đâu là tốt nhất? Trong nghịch cảnh. Chúng ta là phàm phu, trước hết, hãy tu trong nghịch cảnh, điều gì cũng đều chẳng vừa lòng, điều gì cũng trái ý. Nói cách khác, phiền não nặng nhất là sân khuê, hãy đoạn nó trước hết. Đến khi chính mình thật sự chẳng có tâm sân khuê, cảnh giới thứ hai là trừ khử tâm tham, đó là thuận cảnh. Trong thuận cảnh, đoạn tâm tham. Trong nghịch cảnh, đoạn tâm sân khuê. Trong Đại Thừa Phật pháp, có hai vị tôn giả tiêu biểu, tôn giả Ca Diếp đại biểu khổ hạnh, đại biểu nghịch cảnh. Ngài là một vị đại phú trưởng giả, là con em nhà giàu có xuất gia, suốt đời tu khổ hạnh, tu trong nghịch cảnh. Vị thứ hai là Thiện Tài đồng tử, đại biểu tu trong thuận cảnh.

Có thể thấy cảnh giới thuận hay nghịch đều là chỗ tu hành tốt đẹp cho chúng ta. Vấn đề là quý vị phải biết tu thì mới được. Nếu quý vị chẳng biết tu, sẽ bị cảnh giới đào thải. Đào thải thật mau chóng. Quý vị không biết tu thì chính mình chẳng nắm chắc; trong cảnh giới tăng trưởng tham, sân, si, mạn. Nói cách khác, ngay lập tức đọa lạc. Nếu quý vị chẳng đọa lạc, sẽ ngay lập tức nổi trội. Vì vậy, lên cao cũng mau, mà đọa lạc cũng chóng! Quý vị chẳng thể nói Tiểu Thừa không đúng, họ tiến lên cao rất chậm, nhưng cũng khó thoái chuyển. Họ cách tuyệt ngoại giới, giữ vững cái tâm thanh tịnh của chính mình. Bồ Tát tu hành trong chốn hồng trần, sóng to, gió lớn, hễ chóng nổi khảo nghiệm, chư Phật đều tán thán! Trong sóng gió, chính mình phải thật sự chịu nổi khảo nghiệm, biết dụng công trong cảnh giới, thành tựu đạo nghiệp của chính mình trong cảnh giới, thành tựu sự thanh tịnh, bình đẳng, từ bi của chính mình. Từ bi nhất định sanh từ thanh tịnh và bình đẳng, lòng từ bi ấy là thật, là đại từ, đại bi. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, tâm chẳng bình đẳng, lòng từ bi ấy được gọi là “ái duyên từ bi”, sanh từ cảm tình, nên nó bất

bình đẳng. Đây là nói rõ nghĩa thú của Bát Nhã và Tịnh Độ chẳng giống nhau!

(Sao) Kỳ chuyên ngôn tánh giả, cái tức tướng chi tánh, phi khí tướng nhi thủ tánh dã.

(鈔) 其專言性者，蓋即相之性，非棄相而取性也。

(Sao: Kinh kia chuyên nói tới tánh, tức là nói đến tánh của tướng, chẳng phải là vứt bỏ tướng để lấy tánh).

Tuyệt đối chẳng phải là nói phải từ bỏ tướng, giữ lấy kiến tánh. Chẳng có đạo lý ấy! Tướng là tánh. Hảo tướng là tánh, ác tướng cũng là tánh, thuận cảnh là tánh, nghịch cảnh vẫn là tánh. Thiên đường do Chân Như bản tánh biến hiện, A Tỳ địa ngục vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện. Tướng tuy khác nhau, tánh giống hệt. Quý vị kiến tánh, cũng có nghĩa là nói tâm quý vị thật sự bình đẳng, Bình Đẳng Tánh Trí! Tâm bất bình bèn chẳng kiến tánh; tâm thật sự bình đẳng liền kiến tánh.

Phương pháp trong Thiên Tông được Lục Tổ quy nạp thành câu nói sau đây, nó là cương lĩnh, “*vốn chẳng có một vật*”, nói hết sức thích hợp. Trong tâm quý vị sạch lầu lầu, chẳng sanh một niệm; tâm ấy thanh tịnh, tâm ấy thường sanh trí huệ. Lục Tổ nói: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”; lũ phàm phu chúng ta trong tâm thường sanh phiền não. Không thanh tịnh bèn sanh phiền não, thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Vì lẽ đó, trí huệ và phiền não là một, không hai. Vì Năng Sanh (cái có thể sanh, tức chân tâm bản tánh) như nhau, [phiền não và trí huệ] đều sanh từ chân tâm bản tánh, chỗ khác biệt là do một đẳng tâm thanh tịnh, đẳng kia là tâm chẳng thanh tịnh. Bởi vậy, phiền não tức Bồ Đề, Bồ Đề là trí huệ, trí huệ và phiền não là một chuyện. Tông Bát Nhã đề xướng điều này, đích xác là rất khó! Bản thân chúng ta hãy làm thử sẽ hiểu ngay, xem chính mình có thể lìa bốn tướng hay không? Có thể chẳng có vướng mắc gì đối với hết thầy người, sự, vật hay không? Quý vị có thể làm được hay không?

(Sao) Kim kinh dĩ khuyến sanh Tịnh Độ vi Tông, cố u Cực Lạc y chánh chủng chủng trang nghiêm, phản phúc khai minh, linh khởi hân mộ. Thật tác tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức.

(鈔) 今經以勸生淨土為宗，故於極樂依正種種莊嚴，反覆開明，令起忻慕，實則相本自空，唯心唯識。

(Sao: Nay kinh lấy “khuyên sanh Tịnh Độ” làm Tông, nên giảng đi, giảng lại rõ ràng các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc hòng [khiến cho chúng sanh nghe pháp này] sẽ dấy lòng ưa thích, hâm mộ. Thật ra, tướng vốn là Không, duy tâm, duy thức).

Nói tới tông thú khác nhau! Kinh này dạy chúng ta phương pháp cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn toàn khác kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang dạy quý vị trong tâm một niệm chẳng sanh, dùng phương pháp ấy. Kinh này mong mỗi chúng ta phát tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nên đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc, đã giảng rõ ràng lặp đi lặp lại nhiều lượt. Chẳng hạn như kinh nói đến lan can, lưới màn, hàng cây, ao báu, lầu gác, hoa sen, thiên nhạc, mưa hoa, cho đến A Di Đà Phật hóa thành các loài chim, thọ mạng, quang minh, y báo, chánh báo, giảng cặn kẽ, rõ ràng, nói những chuyện ấy để làm gì? Nói những chuyện ấy nhằm mong mỗi chúng ta sẽ dấy lòng ưa chuộng, hâm mộ, nên kinh này khác kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang buộc quý vị phải rỗng không tất cả ý niệm trong tâm; kinh này chẳng vậy. Kinh này khiến cho quý vị dấy lòng mong mỏi, tâm chẳng rỗng không, dễ tu hơn kinh kia, thuận tiện hơn. Do vậy, có thể biết: Bát Nhã là từ Không mà vào, còn chúng ta từ Hữu mà vào, khác nhau! Bát luận từ Không môn hay Hữu môn, tuyệt đối viên dung, tuyệt đối chẳng có hiện tượng mâu thuẫn.

“Thật tức tướng bản tự không, duy tâm, duy thức” (Thật ra, tướng vốn là không, duy tâm, duy thức). Theo lý luận và sự thật, không chỉ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoặc [cảnh giới] trước mắt chúng ta là như vậy, mà có thể nói là thế gian trước mắt, xuất thế gian, các cõi Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy, toàn là tự tâm biến hiện, *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta chân tướng sự thật này. Vì thế, tướng là rỗng không, tướng là giả hữu, nó được gọi là Diệu Hữu, chẳng thật! Phật pháp nói “chân, vọng” thì chân là vĩnh viễn bất biến. Hiện thời, không chỉ sắc pháp (nay chúng ta gọi sắc pháp là vật chất) biến đổi, biến đổi trong từng sát-na, mà tâm cũng là giả, cũng chẳng thật, vì sao? Một niệm này khởi, một niệm kia diệt, nên gọi là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm bất biến, trong chân tâm chẳng có vọng niệm. Tâm chẳng có vọng niệm thì tâm ấy vĩnh viễn là như thế, tâm ấy bất sanh, bất diệt. Nay chúng ta nói tới vọng tâm thì vọng tâm là ý niệm sanh diệt, nên gọi là *“sanh diệt tâm”*. Sanh diệt tâm chẳng phải là chân tâm, sanh diệt tâm là ý niệm của quý vị có sanh diệt, há tâm có

sanh diệt? Tâm bất sanh bất diệt! [Nói “sanh diệt tâm”] là nói ý niệm của quý vị có sanh diệt, hồi này nghĩ Đông, một hồi nọ nghĩ Tây, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm.

Tu hành Phật pháp phải dùng chân tâm để tu thì quý vị mới có thể đạt được kết quả thật sự. Nếu quý vị dùng vọng tâm để tu, vọng tâm là sanh diệt tâm, dùng vọng tâm để tu, chẳng thể thành chánh quả. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Dùng sanh diệt tâm để tu, tức là dùng vọng tưởng, dùng tâm ý thức để tu thì [kết quả] cao nhất, [giả sử] quý vị tu rất chánh xác, chẳng đi lạc đường, lý luận và phương pháp vô cùng chánh xác, quý vị có thể tu thành A La Hán là tốt đỉnh, quyết định chẳng thể kiến tánh, vì sao? Tánh là chân tâm, quý vị phải dùng chân tâm để tu thì mới có thể kiến tánh; tu bằng vọng tâm, chắc chắn không thể kiến tánh. Vì lẽ đó, dùng vọng tâm để tu bèn có thể đắc Định, nhưng không thể khai huệ, Huệ là tác dụng của chân tâm. Quý vị chẳng đắc chân tâm, làm sao có đức dụng của Bát Nhã cho được? Chớ nên không biết điều này.

Tuy trên mặt tướng có các thứ trang nghiêm, đức Phật thường dùng tỷ dụ để giảng, trên thực tế, giống như hình bóng trong gương, như bóng trăng trong nước. Kinh Kim Cang tỷ dụ rất hay: “*Như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp*”, dạy chúng ta hãy “*nên quán như thế*”. Quý vị có thể quán như vậy, đó là Quán Chiếu. Tông Bát Nhã dạy chúng ta phương pháp tu hành bằng quán chiếu, bất luận cảnh giới nào, sáu căn của chúng ta vừa tiếp xúc, quý vị thường khởi lên ý niệm này, tất cả cảnh giới đều coi như mộng, huyễn, bọt, bóng, chúng có hay không? Có! Tướng thì có, Thể thì không, tướng chẳng thật, biến hóa trong từng sát-na, “thật sự” là chẳng có một thứ gì! Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Giác là đại triệt đại ngộ. Sau khi đại triệt đại ngộ, đại thiên bèn chẳng còn nữa ư? Thừa cùng chư vị, vẫn có. Điều gì chẳng có? Chẳng còn chấp trước nữa! Trước kia, mê hoặc, chẳng biết, thứ gì cũng chấp trước, nay chẳng chấp trước. Chẳng phải là tướng bên ngoài chẳng có, mà là trong tâm quý vị chẳng có, thật sự chẳng có! Nếu tướng không có thì tánh cũng chẳng có, há có đạo lý ấy? Chắc chắn là nói chẳng suông được!

Cổ nhân còn có tỷ dụ: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Khi mê, chẳng biết có vàng, chỉ biết đây là vòng tay, kia là bông tai, nọ là dây chuyền, rất nhiều thứ, nhưng chẳng biết chúng là vàng, hư vọng phân biệt những hình trạng ấy. Sau khi đã giác, các tướng

ấy đều chẳng còn, bất luận lấy thứ nào cũng đều là vàng, cũng chẳng cần phân biệt cái này hay cái kia, đều là như nhau, đều là bình đẳng, tuyệt đối chẳng còn chấp trước những kiểu cọ ấy, hễ cầm lấy [thứ nào cũng] đều biết chúng là vàng.

Vì vậy, sau khi giác ngộ, tất cả hết thảy đại thiên thể giới đều là tánh Không, có ý nghĩa này. Trọn chẳng phải là sau khi đã giác, hết thảy cảnh giới thảy đều chẳng có. Nếu vậy sẽ dọa người ta chết khiếp, chẳng phải là như vậy. Nếu thật sự chẳng có, Phật độ chúng sanh bằng cách nào? Phật cũng chẳng có, chúng sanh cũng chẳng có, chẳng cần độ nữa! Quán Âm Bồ Tát ba mươi hai ứng thân, tùy loại hóa thân, vẫn phải phát đại nguyện phổ độ chúng sanh, có thể thấy tướng vẫn tồn tại. Chẳng thể nói là Quán Âm Bồ Tát chưa giác, Quán Âm Bồ Tát đã sớm thành Phật, đại triệt đại ngộ.

Xét theo tánh thì chẳng có, nhưng nơi tướng vẫn là có y như cũ, lục đạo vẫn tồn tại, nhưng trong tâm Ngài chẳng có! Trong tâm chẳng có, quyết định chẳng lưu chuyển trong lục đạo, nương theo nguyện trở lại, đến đi tự do trong lục đạo, chẳng bị hạn chế. Khi mê bèn chẳng tự do, khi mê, nghiệp lực làm chúa tể của quý vị, không muốn đi cũng phải đi, dầu muốn đi cũng chẳng thành. Sau khi giác ngộ, nguyện lực làm chúa tể, thích đến nơi đâu bèn đến đó. Hơn nữa, sau khi giác, hết thảy khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, chẳng lãnh thọ. Do đó, người ấy ở trong Thiên Đường, chẳng có lạc thọ. Ở trong địa ngục, chẳng có khổ thọ. Tâm người ấy thanh tịnh, bình đẳng, vào đường nào cũng đều như nhau, nhưng phàm phu chúng ta thấy khác nhau; thật ra, người ấy cảm nhận hoàn toàn tương đồng. Do đó, đối với bậc đại Bồ Tát, quý vị cung kính, cúng dường Ngài, tặng thức ăn ngon, thậm chí quý vị muốn giết Ngài, Ngài cảm nhận như nhau, tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, bình đẳng mà! Năm thứ cảm thọ “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” đều chẳng có. Vì thế, năm thứ cảm thọ ấy là giả, khi mê thì có, lúc ngộ năm thứ cảm thọ ấy đều chẳng còn, tâm mới thật sự thanh tịnh!

“Thật tức thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện” (Thật ra, trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện). Trong Phật pháp nói đến Không và Hữu, ý nghĩa rất sâu! Không chẳng phải là Vô! Người bình phàm chúng ta nghe nói Không, bèn tưởng là thứ gì cũng đều chẳng có, chẳng phải là ý nghĩa này! “Không” là thứ gì cũng đều có; nói đến Hữu thì Hữu là bất cứ gì cũng đều chẳng có, nên Hữu được gọi là Diệu Hữu, “Không” được gọi là Chân Không. *“Chân Không bất không, Diệu Hữu*

phi hữu”. Nếu quý vị thật sự liễu giải ý nghĩa này, Không và Hữu là một, không hai, cũng rất khó hiểu. Quý vị suy nghĩ cảnh giới trong mộng, hãy nói xem nó là Không hay là Hữu? Nếu quý vị nói nó là Không, xác thực là cảnh giới trong mộng rành rành, khi quý vị tỉnh giấc có thể kể rành mạch. Nếu quý vị nói nó là Hữu, có ở chỗ nào vậy? Trọn chẳng thể được. Do vậy, Hữu là chẳng phải có, Không chẳng phải là không!

Trong Chân Như bốn tánh trọn đủ vô lượng công đức, Lục Tổ đại sư nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”. Nếu trong tự tánh của quý vị chẳng có, quyết định chẳng hiện ra tướng ấy. Quý vị có thể hiện ra tướng ấy, quyết định là có nguyên nhân, quyết định là có. Đức Phật dạy: Trong tự tánh của mỗi chúng sanh, thứ gì cũng trọn đủ, y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới không thứ gì chẳng đầy đủ. Tuy trọn đủ, nhưng khi hiện tướng, mười pháp giới là một giới hiện, chín giới ẩn. Nay chúng ta đang ở trong nhân pháp giới, ở trong nhân gian, trong tự tánh của chúng ta có Phật pháp giới, có Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Thiên, Tu La, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, nhưng chẳng thấy chín pháp giới ấy. Một thứ hiện, chín thứ kia chẳng hiện. Tuy chẳng hiện, chúng tồn tại, giống như trong kho chưa lấy ra, xác thực là có.

Như thế nào thì mới hiện tiền? Phải nói đến duyên phận. Kinh Hoa Nghiêm nói duyên ấy là “*vô lượng nhân duyên*”, khá phức tạp. Đức Phật quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, gọi là Tứ Duyên: Thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, và tăng thượng duyên. Vì vậy, hiện tướng là duyên sanh, chúng ta nói là “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên). Pháp sanh bởi nhân duyên là nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Nói chân thật là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, [Nói] “pháp sanh bởi nhân duyên” là nói phương tiện, nhằm nói với kẻ sơ cấp, để quý vị dễ hiểu, có thể lãnh hội. Có thể thấy duyên vô cùng quan trọng.

Nay chúng ta muốn tướng có hình dạng như thế nào, [điều ấy] tùy thuộc vào duyên là công phu của quý vị cao hay thấp, chứ nhân thì vốn sẵn có. Do vậy, duyên là quyết định. Nói thật ra, cũng vì đạo lý này, nên Phật pháp mới có thể phổ độ chúng sanh. Nay chúng ta muốn thành Phật, phải tăng cường duyên thành Phật, giảm thiểu duyên của chín pháp giới khác; chắc chắn quý vị thành Phật trong một đời này. Nếu quý vị muốn sanh lên trời, hãy tăng mạnh duyên sanh thiên, giảm bớt những duyên khác, chắc chắn quý vị sẽ sanh lên trời. Bản thân ta muốn vào pháp giới nào trong mười pháp giới do chính mình làm chủ tể, chẳng do kẻ khác,

đó là chỗ khác biệt giữa Phật pháp và các tôn giáo khác. Như vậy thì đức Phật có thể phù hộ quý vị hay không? Không thể! Đức Phật chỉ có thể giảng rõ lý luận và chân tướng sự thật cho quý vị, còn tương lai do chính quý vị quyết định, ai cũng chẳng giúp được! Chính quý vị làm chúa tể của chính mình.

Duyên tối thắng là như trong phần Tam Phước của Quán Kinh đã giảng: *“Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả”*. Tin sâu nhân quả được nói trong phước thứ ba, nhằm nói với hàng Bồ Tát, chẳng phải là nói với kẻ khác. Chúng ta lại coi kinh Vô Lượng Thọ, kinh nói có nhiều vị Bồ Tát do trong đời này chẳng có cơ hội nghe pháp môn này, nên có một ức Bồ Tát thoái thất Bồ Đề tâm, bị thoái chuyển. Chúng ta lại thấy vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ trụ Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật, nay vẫn thoái chuyển, còn bị mê khi cách ăm. Đời này, ông ta đến nhân gian làm vương tử, là [thân phận] cư sĩ, trưởng giả. Nói cách khác, ông ta đã bị thoái chuyển, từ Bồ Tát đạo thoái chuyển đến mức độ ấy. *“Tin sâu nhân quả”* được nói trong phước thứ ba chẳng phải là nhân quả nào khác, [mà là] *“niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết nhân quả này!

Chúng ta quả thật hết sức may mắn! Do biết chuyện này, nên mới biết phải như thế nào thì mới có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề, như thế nào thì mới có thể thành Phật, quý vị mới thật thà niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, vì sao? Ta vun bồi cái duyên này. Ta có cái nhân thành Phật, trong Chân Như vốn sẵn trọn đủ [cái nhân ấy], hiện thời còn thiếu cái duyên thành Phật. Phải tranh thủ cái duyên thành Phật như thế nào? Vun bồi như thế nào? Niệm Phật, [biết được chuyện này] chẳng dễ dàng! Bộ kinh này đã chỉ dạy lặp đi lặp lại, nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mục đích là khiến cho chúng ta dấy lòng ưa thích, ngưỡng mộ, hướng về Tây Phương Cực Lạc thì được rồi!

Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích to lớn bậc nhất là vô lượng thọ! Thọ mạng dài. Tây Phương Cực Lạc thế giới lại còn là một thế giới bình đẳng, sắc tướng hoàn toàn giống như Phật. Chúng ta đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, [thấy nói người trong cõi Cực Lạc] tướng mạo hoàn toàn giống nhau, vóc dáng cao thấp như nhau, chẳng bất bình đẳng như trong thế giới này: Thân mạnh khỏe, tướng mạo đẹp đẽ, bèn dấy lòng ngạo mạn, tưởng chính mình ghê gớm lắm, kiêu ngạo! Kẻ thể lực và trí óc suy yếu, tướng mạo chẳng đẹp đẽ, bèn tự ti mặc cảm, đều sanh phiền não! Ngạo mạn là phiền não, tự ti mặc cảm cũng là phiền não. A Di Đà

Phật rất từ bi, sanh vào cõi Ngài, tướng mạo thấy đều như nhau, nên quý vị chẳng ngạo mạn, mà cũng chẳng tự ti mặc cảm, tâm thanh tịnh bình đẳng. Trong thế giới của mười phương hết thấy chư Phật, chẳng có hiện tượng này!

Hết thấy thế giới của chư Phật đều là tướng sai biệt, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là tướng bình đẳng. Vì sao bình đẳng? Vì mỗi người đều do niệm A Di Đà Phật mà sanh về, nhân bình đẳng, duyên bình đẳng, nên đắc quả báo bình đẳng. Do niệm Phật vãng sanh, tuy chúng ta đời nghiệp mà vẫn vãng sanh, thật sự tuyệt diệu! Các vị đại Bồ Tát từ mười phương thế giới vãng sanh, cũng do niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh; chúng ta một phẩm phiền não chưa đoạn, cũng do niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh. Chúng ta có căn cứ lý luận giống nhau, dùng phương pháp giống nhau, nên tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo đương nhiên giống nhau. Không thể nói Ngài là Bồ Tát, ta là phàm phu, chúng ta đến đó chẳng giống nhau, không thể nào! Chẳng có lẽ ấy! Quý vị phải đọc trọn hết ba kinh Tịnh Độ, mới có thể hiểu biết trạng huống chân thật. Chỉ đọc riêng một bộ kinh, sẽ chẳng có cách nào biết được!

(Sao) Kỳ quang trần tướng giả.

(鈔) 其廣陳相者。

(Sao: Trần thuật tướng trạng rộng rãi).

“*Quang trần*” là trần thuyết, tức là nói rõ cặn kẽ tình trạng của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh này nói đại lược, còn nói cặn kẽ là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Cái tức tánh chi tướng.

(鈔) 蓋即性之相。

(Sao: Vì [tướng ấy] là tướng của tánh).

“*Tướng*” là tướng của tánh.

(Sao) Phi ly tánh nhi ngôn tướng dã.

(鈔) 非離性而言相也。

(Sao: Chẳng phải là lìa tánh mà nói đến tướng).

Chẳng phải là nói rời khỏi tánh có riêng một tướng, chẳng có đạo lý ấy! Tướng là tướng của chính ngay tánh, tánh là tánh của chính cái tướng ấy, là một mà hai, tuy hai mà một.

(Sao) Vi môn các biệt, cứu cánh thị đồng. Cổ tri nhị kinh, nghĩa bất tương bội.

(鈔) 為門各別，究竟是同。故知二經，義不相背。

(Sao: Pháp môn khác biệt, nhưng mục đích cuối cùng giống nhau. Vì thế biết ý nghĩa của hai kinh chẳng trái nghịch).

Kinh Kim Cang từ Tánh môn mà nhập, kinh Di Đà theo Tướng môn mà vào. Tánh là tánh của tướng, tướng là tướng của tánh, vẫn là một chuyện, chẳng mâu thuẫn. Sau khi chư vị đọc đoạn kinh văn này, nếu có thể thấu hiểu sâu xa trạng huống của cuộc sống trước mắt, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần trước mắt cũng giống như thế, quý vị mới có thể đạt được thụ dụng. Quý vị biết hết thấy tướng chúng ta trông thấy trước mắt là tướng của tánh, tánh gì vậy? Tự tánh của chính mình, [hết thấy các tướng ấy] là Tướng Phần trong tự tánh của ta. Tự tánh của ta có thể hiện, có thể biến, cái được hiện, được biến là cảnh giới sáu trần mà sáu căn đang tiếp xúc. Lìa khỏi tự tánh, chẳng có pháp nào khác. Như vậy thì quý vị mới rời khỏi hết thấy những vọng tưởng “lấy, bỏ, được, mất” trong hết thấy cảnh giới. Trong hết thấy cảnh, không lấy, không bỏ, chẳng được, chẳng mất, tâm tự tại lắm, thanh lương tự tại! Bởi lẽ, tâm thanh tịnh liền dần dần tiếp cận và tương ứng với chân tâm. Như thế thì phẩm vị vãng sanh liền cao, vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn hoa nở thấy Phật, chẳng chướng ngại. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 152

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm hai mươi lăm:

(Sớ) Vấn: Chư thiên cung điện, viên uyển, diệc dĩ bảo nghiêm, dữ thử hà biệt?

(疏) 問：諸天宮殿園苑，亦以寶嚴，與此何別。

(Sớ: Hỏi: Cung điện và vườn hoa của chư thiên cũng trang nghiêm bằng các báu, có khác gì [y báu trang nghiêm trong cõi Cực Lạc được nói] ở đây hay chăng?)

Đây cũng là câu hỏi do Liên Trì đại sư giả thiết. Chư thiên từ Dục Giới trở lên, từ Tứ Vương Thiên trở lên, chư thiên đều là hóa sanh, cũng có cung điện bảy báu. Như vậy thì rốt cuộc khác biệt với Tây Phương Cực Lạc thế giới ở chỗ nào? Dưới đây, đại sư sẽ giải đáp cho chúng ta:

(Sớ) Đáp: *Thô diệu dị cố.*

(疏) 答：粗妙異故。

(Sớ: Đáp: Do thô hay diệu khác biệt).

Nói rõ hoàn cảnh sống của chư thiên và Tây Phương Cực Lạc thế giới đích xác có sai biệt.

(Sao) *Thô diệu giả, như thế châu ngọc, tuy quân danh bảo, nhi chất hữu thô diệu, giá hữu trọng khinh.*

(鈔) 粗妙者，如世珠玉，雖均名寶，而質有粗妙，價有重輕。

(Sao: “Thô, diệu” là như châu ngọc trong cõi đời, tuy đều gọi là “của báu”, nhưng thể chất có thô hay diệu, giá trị có quý giá hay rẻ mạt).

Châu bảo, ngọc thạch trong thế gian, chủng loại rất nhiều, có thứ rẻ mạt, có thứ giá trị liên thành², đó là do chất liệu của ngọc khác nhau. So sánh giữa bảy báu của chư thiên và Tây Phương Cực Lạc thế giới, chất liệu thua kém rất xa.

Trong phần trước, chúng tôi cũng đã từng nói: Đây cũng là một chuyện rất khó hiểu. Bảy báu trong thế giới Cực Lạc do Pháp Tánh biến hiện. Cõi ấy là cõi Pháp Tánh, chẳng giống các thế giới của mười phương chư Phật. Ở đây, trong các thế giới thông thường, chúng ta nói chúng là “sáu trần”; trong cõi kia, chẳng phải là sáu trần, mà là Pháp Tánh. Chúng ta thường thấy danh xưng này trong các kinh luận Đại

Thừa, nhưng rất khó lãnh hội cảnh giới ấy trên thực tế. Đại sư dùng tỷ dụ này khiến cho chúng ta có thể hiểu đại lược về sự sai biệt.

(Sao) Cố chư thiên tự hạ nhi thượng.

(鈔) 故諸天自下而上。

(Sao: Vì thế, chư thiên từ các tầng trời dưới thấp cho đến trên cao).

Có hai mươi tám tầng trời, phước báo trong mỗi tầng trời khác nhau. Do đó, tuy danh xưng của các bảo vật trong mỗi tầng trời giống nhau, chất liệu cũng khác nhau, càng lên cao càng thù thắng hơn!

(Sao) Y chánh trang nghiêm, tòng thô tiệm diệu, thắng liệt huỳnh thù, hà huống Cực Lạc siêu việt tam giới, ninh bất bảo nghiêm chi trung, độc vi tối thắng.

(鈔) 依正莊嚴，從粗漸妙，勝劣迥殊，何況極樂超越三界，寧不寶嚴之中，獨為最勝。

(Sao: Y báo và chánh báo trang nghiêm từ thô tới diệu, hơn kém khác xa nhau. Huống chi cõi Cực Lạc vượt trội tam giới, lẽ nào chẳng được trang nghiêm bằng các món báu tối thắng không cõi nào khác có được!)

Ý nghĩa này rất dễ hiểu. So sánh với chư thiên, chúng ta nói tới tầng cao nhất là Đại Tự Tại Thiên, chẳng có cách nào sánh bằng hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Kinh vân: “Luân vương diệc hữu tam thập nhị tướng, nhi bất cập Phật”, tức thử ý dã.

(鈔) 經云：輪王亦有三十二相，而不及佛，即此意也。

(Sao: Kinh dạy: “Luân vương cũng có ba mươi hai tướng, nhưng chẳng bằng Phật”, chính là nói đến ý nghĩa này).

Đức Phật xuất hiện trên thế gian, đức Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi [tùy hình] hảo. Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng, cũng có tám mươi hảo, nhưng chẳng thù thắng bằng Phật,

chẳng rõ rệt như Phật. Tướng mạo là phước báo, người có phước sẽ thấy tướng mạo khác hẳn. Chúng ta thường thấy kinh nói Bồ Tát tu hành thành Phật, thành Phật là thành tựu trí huệ rốt ráo viên mãn, nghiệp chướng, tập khí vô minh thấy đều đoạn trừ, nhưng phước báo không nhất định đã viên mãn, nên Phật còn phải dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên tu phước báo, “*trăm kiếp tu phước*”, có thể thấy tầm trọng yếu của phước báo. Nhưng Phật tu phước cuối cùng, tu huệ trước, vì sao vậy? Nếu có huệ mà chẳng có phước, chẳng bị đọa lạc. Vì thế, sau khi thành tựu huệ lại tu phước, làm cách này rất thông minh!

Vì sao phải tu phước? Chẳng có phước báo, không thể độ chúng sanh. Đã thành Phật, thành Bồ Tát, nếu tướng mạo khó coi, rất xấu xí, người ta thoát nhìn đã chán ghét, dẫu quý vị giảng Phật pháp hay ho đến mấy đi nữa, họ chẳng nghe, họ chạy tuốt, chẳng muốn thân cận quý vị. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật có tướng mạo đẹp nhất, viên mãn nhất trong thế gian này. Chúng ta thấy trong kinh Lăng Nghiêm [có chép duyên do khiến cho] tôn giả A Nan xuất gia. Đức Phật hỏi Ngài: “Vì sao ông xuất gia?” Ngài [trả lời là vì] thấy đức Phật tướng mạo đẹp quá, [nguyên do khiến A Nan] xuất gia là như vậy đó! Cổ nhân có nói: “*Tú sắc khả xan*” (Về đẹp nuốt người), nhìn thấy tướng mạo người ấy quá đẹp, tự nhiên đi theo người ấy. Vì thế, tướng mạo là một công cụ để nhiếp thọ chúng sanh, người ta luôn thích theo người có phước đức rất lớn. Đức Phật cũng phải thuận theo tâm lý của người đời. Nếu vì chính mình, chắc chắn đức Phật chẳng cần, trăm kiếp tu phước là phương tiện để độ chúng sanh. Tu phước và tu huệ có thứ tự trước sau, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này.

(Sớ) *Hựu thử công đức, tuy Phật lực thành tựu, diệc kiêm điều chúng sanh, dĩ tâm tịnh, độ tịnh cố.*

(疏) 又此功德，雖佛力成就，亦兼緣眾生，以心淨土淨故。

(Sớ: *Lại nữa, công đức ấy tuy do Phật lực thành tựu, nhưng cũng do chúng sanh góp phần, vì tâm tịnh, cõi nước bèn tịnh.*)

Câu này vô cùng quan trọng. Pháp môn Tịnh Tông nói đến ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, thứ nhất là phải tin tưởng chính mình, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất rõ ràng. Thứ hai là phải tin Phật, tin Phật là tin thầy; ở đây, cũng nêu ra đạo lý này. Tây Phương Cực Lạc thế giới được trang nghiêm bằng vô lượng công đức, từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy, đó là do A Di Đà Phật tu tập thành tựu trong bao kiếp. Ngài đã tu

tập thành tựu thể giới ấy, phàm người nào vãng sanh Tây Phương Cực Lạc cũng tu công đức tương tự như Ngài. Có như thế thì mới tương ứng, mới có thể cảm ứng đạo giao. Nếu không, tâm hạnh của chúng ta và tâm hạnh của Phật hoàn toàn khác nhau, chẳng có cách nào vãng sanh được! Vì lẽ đó, trong Tịnh Độ Tông, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi, nguyên nhân ở chỗ nào? Tuy mỗi ngày đều niệm, tâm chẳng giống tâm Phật, hành vi cũng chẳng giống hành vi của Phật, chỉ niệm Phật đặng miệng, tâm hạnh chẳng tương ứng, nên chẳng thể vãng sanh. Vì thế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường khuyên lon hết thầy đồng tu, học Phật phải học theo cái tâm của đức Phật, học sự hành trì của Phật, học cách đãi người tiếp vật của Phật. Nói cách khác, phải tương ứng với Phật, như vậy thì mới được!

Khi chúng tôi giảng giải kinh Vô Lượng Thọ, đã từng nói với quý vị: Nếu giáo huấn và đạo lý trong kinh chúng ta thầy đều làm được, chẳng phải là nói chúng ta niệm mỗi ngày, niệm suông chẳng có tác dụng, mà phải làm được! Ngài dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta thầy đều làm được, quyết định là thượng phẩm thượng sanh. Chưa thể làm hoàn toàn, làm được chín mươi phần trăm, thượng phẩm trung sanh. Làm được tám mươi phần trăm, thượng phẩm hạ sanh. Đối với hạ phẩm hạ sanh, chớ vị hãy suy nghĩ, mức độ thấp nhất cũng phải là làm được hai mươi phần. Hai mươi phần mà chẳng làm được, tuy niệm Phật, chỉ có thể kết duyên cùng thế giới Cực Lạc, chẳng thể vãng sanh trong một đời này!

Ở đây, câu nói này cũng nhắc nhở chúng ta, “*diệc kiêm diêu chúng sanh, dĩ tâm tịnh độ tịnh*” (cũng do chúng sanh góp phần, vì tâm tịnh, cõi sẽ tịnh). Vì lẽ đó, tu học pháp môn này chú trọng tâm thanh tịnh. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, học điều gì trong hoàn cảnh? Học tâm thanh tịnh. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta trải qua sự việc để luyện tâm trong các loại cảnh giới khác nhau, “*luyện*” (鍊) ở đây là tu luyện, là tu hành. Luyện gì? Luyện thanh tịnh, luyện bình đẳng là được. Tâm chỉ cần thanh tịnh, bình đẳng, liền giống như tâm Phật. Tâm Phật là thanh tịnh, bình đẳng; tâm chúng ta là tâm thanh tịnh, bình đẳng đến tột bậc bèn gọi là “*thành Phật*”. Lòng từ bi của Phật sanh từ thanh tịnh, bình đẳng, đó là đại từ đại bi, vì bình đẳng chẳng có giới hạn, chẳng có phân biệt. Tâm bất bình đẳng sẽ có phân biệt, có giới hạn, đối với người này từ bi, đối với kẻ khác chẳng từ bi, đó chẳng phải là đại từ đại bi. Đại từ đại bi là bình

đẳng như nhau, chẳng phân biệt oán thân thì mới là đại từ đại bi thật sự. Do vậy có thể biết, tâm Phật là như thế nào? Thanh tịnh, bình đẳng. Chúng ta mới có thể luyện tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng trong hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, đó là thật sự học Phật. Do vậy, tâm tịnh, ắt cõi tịnh.

(Sao) *Kiên diêu chúng sanh giả, Duy Ma Kinh* vân: “*Trực tâm thị Bồ Tát tịnh độ*”.

(鈔) 兼緣眾生者，維摩經云：直心是菩薩淨土。

(Sao: “*Cũng do chúng sanh góp phần*”, kinh *Duy Ma* dạy: “*Trực tâm là tịnh độ của Bồ Tát*”).

“*Trực tâm*” như kinh *Duy Ma* đã nói cũng là “*chí thành tâm*” như trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* Phật đã nói. Chân thành tới tột bậc bèn gọi là trực tâm. Gọi là “*trực*” vì trong ấy chẳng có mảy may tướng cong vẹo nào thì mới gọi là “*trực tâm*”. Chúng ta dùng cách giải thích trong *Quán Kinh* sẽ dễ hiểu hơn. *Quán Kinh* nói “*chí thành*”, “*Thành*” là gì? Trước kia, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đọc sách, có một quyển bút ký nhan đề là *Cầu Khuyết Trai Độc Thư Bút Ký* (bút ký đọc sách tại thư phòng Cầu Khuyết). Kể bình phẩm chúng ta đều mong cầu viên mãn, ông ta chẳng cầu viên mãn, cho rằng làm người phải có chút khiếm khuyết thì mới tốt đẹp, nên đặt tên thư phòng của mình là Cầu Khuyết Trai. Trong bút ký đọc sách, ông ta đã định nghĩa chữ Thành như sau: “*Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Thành*”. Thành tâm thành ý là gì? Trong tâm quý vị có một niệm thì tâm chẳng thành. Do vậy có thể biết, thành tâm là chân tâm, chân tâm ly niệm, quyết định chẳng có vọng niệm, hễ có niệm đều là vọng. Trong tâm chẳng có niệm, tâm ấy là chân tâm. Chẳng có niệm thì lục căn đối trước sáu loại cảnh giới bên ngoài bèn hiểu rõ ràng, rành mạch, nên gọi là “*linh quang độc diệu, huyễn thoát căn trần*” (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần). Nói theo Thiên Tông, đó là “*chân tâm hiển lộ*”, ở đây gọi là trực tâm hoặc chí thành tâm. Nếu trong tâm ta, thứ gì cũng đều chẳng có, ta đối với bên ngoài thứ gì cũng chẳng biết, đó chẳng phải là chân tâm, mà là gì? Là vô minh. Chân tâm là hiểu rõ hết thấy, nhưng một niệm chẳng sanh, phải thỏa điều kiện này. Trực tâm là chân tâm, là chí thành tâm, đó là tịnh độ của Bồ Tát, nên nói “*tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”.

“*Tam trí w nhất tâm trung tu*” (Ba trí tu từ trong nhất tâm). Ba trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí và Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết

Trí là trí huệ của A La Hán, Đạo Chứng Trí là trí huệ của Bồ Tát, Nhất Thiết Chứng Trí là trí huệ của Như Lai. Tu từ nơi đâu? Tu từ nhất tâm. Nhà Phật nói trí huệ chân chánh là do Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Định là tâm thanh tịnh, ở đây gọi là Trục Tâm. Tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chỉ có vọng tưởng, chẳng có trí huệ, bản thân chúng ta phải thừa nhận điều này. Vì sao đức Phật nói khẳng định “trí huệ của chúng ta toàn là vọng tưởng” như vậy? Trí huệ của phàm phu chúng ta gọi là Thế Trí Biện Thông, tức là thông minh trí huệ của thế gian, chẳng phải là trí huệ như trong Phật pháp đã nói. Phật pháp nói đến trí huệ chân thật, trí huệ trong thế gian sanh từ tâm phân biệt, sanh từ tâm ý thức, chẳng sanh từ trục tâm. Cái được sanh từ tâm ý thức là Thế Trí Biện Thông.

Trí huệ được nói trong Phật môn quyết định sanh từ Thiên Định. Lại thưa cùng quý vị, chớ nói nhà Thiên chú trọng Thiên Định, Tịnh Độ chú trọng nhất tâm, các tông thuộc Giáo Hạ, chúng ta thường nói tới Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Bát Nhã, Duy Thức, Tam Luận, những tông phái ấy chú trọng nghiên cứu kinh điển, về nguyên tắc, họ nhấn mạnh “*đại khai viên giải*”, đại khai viên giải là trí huệ chân chánh hiện tiền. Có phải là do họ suốt ngày nghiên cứu giáo lý nên đạt được trí huệ? Chẳng phải vậy! Chẳng phải là cậy vào nghiên cứu. Tuy họ đọc tụng kinh luận, họ tu Giới, Định, Huệ. Nói cách khác, họ chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức, cũng tức là họ đọc kinh, nhưng đọc kinh mà chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng dấy vọng tưởng, chẳng cầu hiểu ý nghĩa của kinh, chỉ là niệm từng biến một. Niệm kinh là tu Giới, tu Định, tu Huệ, hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ một lượt.

Giới luật tuy rất nhiều, trở thành một bộ phận lớn trong kinh điển Phật Giáo, tức Luật Tạng. Tinh thần của toàn bộ Luật Tạng ở trong hai câu nói: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành). Khi người ấy đọc kinh, trong tâm tuyệt đối chẳng nghĩ tới chuyện xấu, chẳng có ý nghĩ xấu, nên đọc kinh là “*đừng làm các việc ác*”, người ấy đã làm được. Kinh điển là ngôn ngữ văn tự lưu lộ từ Chân Như bốn tánh của Như Lai, tuyệt đối chẳng phải là [ngôn ngữ văn tự] thế gian. Đó là điều thiện nhất trong các điều thiện, chẳng có gì tốt lành bằng, nên niệm kinh là “*vâng làm các điều lành*”. Quý vị thấy giới luật đã viên mãn; vì thế, niệm kinh là tu Giới.

Khi niệm kinh bèn chuyên tâm, chuyên tâm là tu Định, nên đồng thời vừa là tu Giới vừa là tu Định. Khi niệm kinh, niệm rành mạch, rõ ràng, chẳng đọc sai chữ, chẳng đọc câu nào điên đảo, hoặc đọc thiếu, đó

là tu Huệ. Huệ ấy là huệ gì? Là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Căn Bản Trí là vô tri, khi nó khởi tác dụng sẽ là không gì chẳng biết. Vì thế, khi đọc kinh là tu trí huệ gì? Tu Căn Bản Trí, tu vô tri. Tâm Kinh là tinh hoa và cương lĩnh của kinh Bát Nhã; Tâm Kinh đến cuối cùng kết luận “*vô tri mà cũng vô đắc*”. Do đó, khi quý vị đọc tụng kinh điển, phải tu “*vô tri mà cũng vô đắc*”, tâm quý vị mới thật sự thanh tịnh, thanh tịnh đến tột bậc. Đó chính là tương ứng với trực tâm, trực tâm là Phật tâm, như vậy thì mới tương ứng.

Vì thế, đọc kinh thì mỗi ngày ta đọc một giờ, tức là ta tu một giờ, ta đồng thời tu Tam Học Giới, Định, Huệ. Trong một tiếng đồng hồ ấy, ta tu Giới, tu Định, tu Huệ. Đọc kinh quyết định chớ nên nghiên cứu! Quý vị nghiên cứu câu này nói như thế nào? Đoạn này có ý nghĩa gì? Thôi rồi! Tam Học Giới, Định, Huệ của quý vị thầy đều bị phá sạch. Quý vị đọc kinh mà coi như đọc sách thế gian, bèn đạt được Thế Trí Biện Thông. Căn bản là quý vị chẳng cầu lý giải, cứ cung kính niệm, sẽ đạt được Giới học, Định học, Huệ học, hoàn toàn khác nhau!

Trong Phật môn hiện thời, các đồng tu chúng ta, tại gia hay xuất gia, không ít người đọc kinh, nhưng họ đạt được gì? Thừa cùng chư vị, tuyệt đại đa số đạt được Thế Trí Biện Thông. Thanh Lương đại sư đã nói là “*tăng trưởng tà kiến*”. Kẻ không đọc sách, hằng ngày lạy Phật, lễ sám, niệm Phật, Thanh Lương đại sư nói là “*tăng trưởng vô minh*”. Không đọc kinh là “*tăng trưởng vô minh*”, đọc kinh mỗi ngày bèn “*tăng trưởng tà kiến*”, rốt cuộc là chuyện như thế nào? Nói cách khác, người ấy chẳng hiểu phương pháp tu hành. Vì vậy, hiểu phương pháp tu hành thì chư vị nhất định phải nhớ kỹ, chúng ta đọc kinh chẳng cầu hiểu nghĩa.

Nhưng có khi đọc đến chỗ nào đó, ý nghĩa của chính mình hiện tiền, đó là ngộ xứ của quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng thông qua tâm ý thức, ý nghĩa ấy bỗng hiện tiền, đó là ngộ xứ. Cảnh giới ấy hiện tiền, quý vị cũng chớ nên sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Hai ngày sau quý vị đọc lại, ý nghĩa tinh tường, sâu sắc hơn đều lộ ra. Vì thế, nếu cảnh giới ấy hiện tiền, căn bản là chẳng để ý tới nó, vẫn cung kính niệm mãi, như vậy thì mới được. Đọc kinh kiêu đó là công đức, tương ứng với tự tánh, tương ứng với Tam Học Giới, Định, Huệ, tương ứng với năm phần Pháp Thân. Đó là nói “*tu ba trí trong nhất tâm*”. Tam Đế cũng do nhất tâm tạo. Tông Thiên Thai nói [Tam Đế] là Tục Đế, Chân Đế, và Trung Đế. Họ nói Tam Chỉ, Tam Quán, tất cả đều từ nhất tâm hiển hiện. Do vậy có thể biết nhất tâm trọng yếu dường ấy!

Tu học trong Tịnh Độ Tông là trực tiếp tu nhất tâm, kinh văn trong bộ kinh này đã nói rất rõ ràng, “*nhất tâm bất loạn*”. Chúng ta niệm câu Phật hiệu nhằm mục đích nào? Câu nhất tâm bất loạn. Khi chúng ta chẳng niệm kinh, chẳng niệm Phật, đầu óc sẽ suy nghĩ loạn xạ. Suy nghĩ loạn xạ là bệnh nặng, chúng ta thường gọi nó là tà kiến, vọng tưởng đấy! Khi chẳng suy nghĩ bèn hôn trầm, vô minh đấy! Nói cách khác, quý vị chẳng đọa bên vọng tưởng, sẽ đọa bên vô minh, chuyện này rắc rối to! Do vậy, những phương pháp và đường lối trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật pháp đều nhằm đối trị các tật xấu!

Niệm A Di Đà Phật cũng không ra ngoài lệ ấy, nó cũng là một phương pháp trong rất nhiều pháp môn. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật chẳng phải là vọng tưởng, nên cũng chẳng đọa trong vô minh. Ta chỉ có một niệm A Di Đà Phật, trừ niệm này ra, ý niệm gì cũng đều không có, chẳng có vọng tưởng. Dùng một niệm này để thay thế hết thảy vọng niệm. Ta có một niệm này, trọn chẳng phải là niệm gì cũng đều không có, nên không rớt vào vô minh. Huông hồ công đức của một niệm này chẳng thể nghĩ bàn! Có thể nói câu danh hiệu này là tổng đề mục của vô lượng vô biên pháp môn do mười phương ba đời hết thảy Như Lai đã giảng nhằm giáo hóa chúng sanh. Nay chúng ta gọi các kinh điển do Thích Ca Như Lai đã giảng là Đại Tạng Kinh, Đại Tạng Kinh là tổng đề mục. Đối với các kinh điển được giảng bởi mười phương hết thảy Như Lai, chúng ta cũng đặt cho chúng một đề mục, đề mục gì vậy? Là A Di Đà Phật. Vì thế, một câu A Di Đà Phật có ý nghĩa sâu rộng, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chư vị có thể nghiên cứu thâm nhập kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Sớ Sao, quý vị mới thật sự hiểu danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ tương ứng với A Di Đà Phật, mà còn tương ứng với mười phương hết thảy Như Lai. Do đó, mười phương hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào không tán thán A Di Đà Phật, chẳng có vị Phật nào không giảng kinh A Di Đà. Có thể thấy Tịnh Độ Tam Kinh là kinh điển ắt phải nói của hết thảy Như Lai nhằm giáo hóa chúng sanh, những kinh ấy được gọi là kinh bậc nhất trong Phật môn.

(Sao) Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh, lai sanh kỳ quốc.

(鈔) 菩薩成佛時，不諂眾生，來生其國。

(Sao: Lúc Bồ Tát thành Phật, chẳng siểm nịnh chúng sanh để mong họ sanh về cõi Ngài).

“Siêm” là siêm mị (諂媚: nịnh nọt, bợ đỡ, mê hoặc). Bồ Tát thành Phật, đã thành Phật đương nhiên Ngài có quốc độ. Đương nhiên Bồ Tát hết sức hoan nghênh chúng sanh đến quốc độ của Ngài, nhưng trọn chẳng siêm mị, bợ đỡ! Quý vị muốn đến thì cứ đến. Quý vị không thích đến, tôi tuyệt đối chẳng cưỡng ép quý vị đến. Bởi lẽ, Phật pháp là tùy duyên, chẳng phan duyên, ai có duyên phận nấy! Chẳng phan duyên, đó là trực tâm. Nếu có phan duyên, có hy vọng, tâm sẽ chẳng “trực”, trong tâm có cong vẹo, chẳng phải là trực tâm.

Vì lẽ đó, chính chúng ta phải phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật chưa hề nói Ngài đến nơi nào đó để chiêu sinh, chẳng hề có! Nếu chúng ta phát tâm cầu tìm Ngài, chắc chắn Ngài chẳng cự tuyệt, Ngài rất hoan nghênh. Chúng ta không cầu tìm Ngài; nói thật thà, Ngài quyết định chẳng đến tìm chúng ta. Nói thật ra, sư đạo (đạo thầy trò) trong thế gian cũng giống như thế, “*chỉ nghe học trò đến học, chưa từng nghe thầy phải đi tìm trò để dạy*”. Vì quý vị đến học, có thành ý, nhất định có thể đạt được điều gì đó. Về căn bản, học trò chẳng có thành ý, thầy đến dạy, uổng phí tinh thần, trò chẳng đạt được gì! Dạy học hiện thời là truyền thọ tri thức, tri thức thì [dạy theo kiểu ấy] cũng được! Học trò chẳng có thành ý đối với thầy, vẫn đạt được tri thức, nhưng không thể đạt được học vấn, nhất định phải có thành ý. Học vấn là nói tới khai ngộ.

Đối với chuyện khai ngộ, chắc chắn là phải có tâm kiên thành, cung kính thì mới có thể đạt được. Tổ Ấn Quang thường giáo huấn: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Quý vị chẳng có thành kính, quý vị học Phật pháp bèn học được Phật học thường thức (kiến thức thông thường về Phật học), tức là tri thức trong Phật Giáo. Nếu quý vị dùng tâm thành kính, sẽ đạt được Tam Học Giới, Định, Huệ trong Phật pháp, tuyệt đối chẳng phải là tri thức thế gian. Chữ Thành ấy là tâm thanh tịnh. Nói thật ra, Thành cũng chẳng phải là biểu hiện bề ngoài. Bên ngoài dầu cung kính cách nào đi nữa, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh, vô dụng! Tâm địa thật sự đạt đến thanh tịnh, biểu hiện bề ngoài chẳng lễ kính, chẳng sao cả! Phật vẫn hết sức hoan hỷ, thừa nhận kẻ ấy là đệ tử thật sự của ta.

Chư vị phải hiểu “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức*”. Hình thức tất yếu phải tồn tại, hình thức dùng để làm gì? Nói thật ra là nhằm tiếp dẫn chúng sanh. Phật không cần hình thức, cá nhân chúng ta tự mình tu hành chẳng cần hình thức. Nếu chúng ta ảnh hưởng

người khác, hình thức sẽ khởi tác dụng rất lớn. Chúng ta bước vào Phật đường, cung kính hướng về tượng Phật đánh lễ ba lạy, khiến cho những kẻ chưa học Phật trông thấy bèn gieo thiện căn, họ suy nghĩ: “Vì sao người này cung kính đức Phật như thế? Có ý nghĩa gì vậy?” Những kẻ ấy bèn hỏi han, đó là cơ hội giáo dục. Hễ họ hỏi, họ đến thỉnh giáo, chúng ta có thể giảng giải cho người ấy nghe, cơ hội giáo dục đây nhé! Đó là dẫn dắt người ấy nêu câu hỏi, dẫn dụ kẻ ấy nhập Phật môn, có ý nghĩa này! Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này! Vì lẽ đó, nghi thức phải long trọng, phải trang nghiêm, nhằm khơi gợi tâm ý của chúng sanh hướng về đức Phật. Tuyệt đối chẳng phải là đức Phật cần [những nghi thức ấy], mà cũng chẳng phải bản thân chúng ta tu hành nhất định phải làm như vậy. Mọi người nếu hiểu ý nghĩa chân thật của nghi thức, sẽ chẳng bị bó buộc trong nghi thức, học Phật mới thật sự sống động, thật sự tự tại! Ta biết khi nào cần phải nhấn mạnh nghi thức, khi nào có thể chẳng cần nhấn mạnh nghi thức, không lúc nào, không chỗ nào chẳng tự tại. Vì thế, Phật pháp, nhất là Phật pháp cao cấp bèn nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, đó mới là thật sự giải thoát tự tại.

(Sao) Thâm tâm thị Bồ Tát tịnh độ, Bồ Tát thành Phật thời, cụ túc công đức chúng sanh, lai sanh kỳ quốc.

(鈔) 深心是菩薩淨土，菩薩成佛時，具足功德眾生，來生其

國。

(Sao: Thâm tâm là tịnh độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trọn đủ công đức bèn sanh về cõi Ngài).

Mở đầu là nói về Bồ Đề tâm, [bao gồm] trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. “*Thâm tâm*” là tâm thanh tịnh, cũng có thể nói là cái tâm chuộng thiện, ưa đức. Thiện đức đạt tới tột bậc là thanh tịnh, tâm thanh tịnh tối thiện, tâm thanh tịnh là đại đức. Do đó, khi Bồ Tát thành Phật, những người sanh đến cõi Ngài cũng là chí đồng đạo hợp. Đức Phật nói lục đạo, lục đạo hình thành như thế nào? Chẳng do đức Phật tạo ra, cũng chẳng do Thượng Đế tạo, cũng chẳng do thần tiên tạo. Ai tạo? Do chính mình tạo, chẳng có cách nào hết! Chính quý vị cùng những người chí đồng đạo hợp tự nhiên cùng nhau đi vào đường ấy!

Ví như chúng ta ở trong nhân gian, trong xã hội hiện tiền, những người thích niệm Phật hễ có dịp bèn đến nơi đây (Hoa Tạng Đồ Thư Quán) [để tụng niệm], nhưng kẻ thích khiêu vũ chẳng đến đây, nhất định

đến vũ trường. Kẻ thích đánh mật chược nhất định tìm một nhóm bạn [để gầy sòng], họ là “*vật dĩ loại tụ*” (muôn vật tụ tập theo từng loài, hoặc những kẻ có sở thích, có cùng tính cách bèn tụ tập với nhau). Con người vì sao sanh lên trời? Người ấy có phẩm đức cõi trời, nói chuyện với những người có chuẩn mực đạo đức cao rất hợp ý, tự nhiên phải đến đó. Vì thế, sanh lên trời chẳng phải là nhất định phải tin vào Thượng Đế thì mới sanh lên trời, chẳng có lẽ ấy. Quý vị có tiêu chuẩn đạo đức ấy, bèn tự nhiên sanh về. Quý vị tin Thượng Đế, nhưng đức hạnh của chính quý vị chẳng giống Ngài, dẫu tin cũng uổng công, chẳng thể sanh lên trời được!

Trong phần Hệ Từ³ của kinh Dịch, Khổng lão phu tử đã nói: “*Nhân dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (Người có những tính cách đặc điểm giống nhau sẽ tụ thành nhóm, loài vật sống theo bầy), đạo lý này đúng là thiên kinh địa nghĩa! Những kẻ chí đồng đạo hợp hợp nhau thành từng loài một, tự nhiên sẽ đi vào một đường nào đó, sanh lên trời là như vậy, mà mỗi đường trong lục đạo cũng đều là như vậy. Tâm tham bèn vào ngã quý đạo, tâm sân khuể vào địa ngục đạo, tâm ngu si vào súc sanh đạo, Ngũ Giới Thập Thiện vào trong nhân gian hay sanh lên trời. Do vậy có thể biết, lục đạo luân hồi là sự hiển hiện của tiêu chuẩn đức hạnh, hiển hiện sáu loại lớn ấy, trong mỗi loại lại chia nhỏ hơn thành vô lượng vô biên, nói chẳng cùng tận!

(Sao) Nãi chí vạn hạnh, tất diệt như thị.

(鈔) 乃至萬行，悉亦如是。

(Sao: Cho đến vạn hạnh ắt cũng giống như vậy).

“*Vạn hạnh*” là nói về hạnh môn của Bồ Tát, thí dụ như Lục Độ, Tứ Nhiếp, Thập Thiện, cho đến lũ chúng sanh niệm Phật như chúng ta đều là như vậy, đều là Bồ Tát Tịnh Độ. Vì thế, Phật pháp dạy chúng ta những phương pháp tu hành, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta khôi phục tâm thanh tịnh, mà cũng nhằm thành tựu tịnh độ của chính chúng ta. Tâm tịnh, ắt cõi tịnh, tự nhiên tương ứng với tịnh độ của Bồ Tát. Nay chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật này, phát Bồ Đề tâm, luôn chuyên niệm. Pháp môn này tương ứng với Tịnh Độ của A Di Đà Phật.

Trần cư sĩ thường đến thư viện của chúng ta, ông ta là người Phước Châu⁴, đầu cao trọc lóc, tướng mạo cũng chẳng sáng sủa. Trong đạo tràng này, chẳng ai coi trọng ông ta, rất nhiều người không ưa ông ta. Ông ta vãng sanh mười mấy hôm trước, thụy tướng hết sức đẹp đẽ, tự mình biết. Lần trước, tôi ra nước ngoài, ông ta đến đánh lễ, nói ông ta

quyết định chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ tu hành, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Ông ta thưa: “Thưa pháp sư! Con chỉ sợ lần sau chẳng gặp thầy nữa”. Lần này tôi trở về, ông ta đã đi rồi, là người thật sự vãng sanh thuộc thư viện của chúng ta. Rất khó có, rất khó được! Nhất tâm nhất ý niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày ông ta niệm khoảng chừng mấy vạn câu Phật hiệu, ông ta nói cho tôi biết như thế.

(Sao) Thị dĩ thử phương niệm Phật, bỉ độ liên thành.

(鈔) 是以此方念佛，彼土蓮成。

(Sao: Là vì trong cõi này niệm Phật, cõi kia trở hoa sen).

Chúng ta phát tâm niệm Phật ở đây, kinh dạy: Trong ao bàu báu bên Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có một đóa hoa sen. Hoa sen ấy từ trong pháp tánh của chính chúng ta biến hiện. Vì đối với pháp môn Niệm Phật này, cái tâm niệm Phật là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bồn Giác của chính mình, nhất tâm niệm Phật là Thi Giác hợp với Bồn Giác, nên hoa sen từ tự tánh biến hiện trong ao bàu báu. Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là cõi Pháp Tánh của A Di Đà Phật, mà còn là cõi Pháp Tánh của chính chúng ta. Nếu chẳng phải là cõi Pháp Tánh của chính mình, chúng ta chẳng thể nào đến được cõi Pháp Tánh của A Di Đà Phật. Vì thế nói: “*Tự tha bất nhị, sanh Phật nhất thể*”, [nghĩa là] chúng sanh và Phật có cùng một Thể.

(Sao) Tắc Cực Lạc chủng chủng thanh tịnh trang nghiêm, tuy bỉ Phật vi Bồ Tát thời chi sở thành tựu, nhi vị cần tu tịnh nghiệp chúng sanh, cộng dữ thành tựu, diệc khả dã.

(鈔) 則極樂種種清淨莊嚴，雖彼佛為菩薩時之所成就，而謂勤修淨業眾生，共與成就，亦可也。

(Sao: Nên các thứ thanh tịnh trang nghiêm trong cõi Cực Lạc tuy được thành tựu bởi đức Phật ấy khi Ngài còn là Bồ Tát, nhưng nói là [các thứ thanh tịnh trang nghiêm ấy] do chúng sanh siêng tu tịnh nghiệp cùng góp sức thành tựu thì cũng được).

Câu này rất dễ hiểu, vì chúng ta đồng thời đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ nói hết sức cặn kẽ. Khi A Di Đà Phật làm Bồ Tát, Ngài thệ nguyện, tu trì, tích công lũy đức thành tựu [các thứ y báo thanh tịnh trang nghiêm]. Cũng có thể nói là do mười phương vô lượng

vô biên người vãng sanh, vì tất cả mọi người đều tu tịnh nghiệp, mọi người đều tu nhất tâm bất loạn, nên có thể nói [cõi Cực Lạc] là cộng đồng thành tựu, đều là đồng tâm, đồng nguyện, đồng hạnh với A Di Đà Phật, thành tựu ấy hết sức vĩ đại.

(Sao) Cố viết “tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”.

(鈔) 故曰:隨其心淨則佛土淨。

(Sao: Nên nói là “thuận theo tâm tịnh mà cõi Phật tịnh”).

Đây là kết luận. Do đó, người niệm Phật chẳng thể không biết: Nếu quý vị muốn cầu sanh Tịnh Độ, điều thứ nhất, tâm phải thanh tịnh, đó mới là Phật pháp chân thật, là Phật pháp tối cao vô thượng.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh năng sanh vạn pháp, thị trang nghiêm nghĩa.

(疏) 稱理，則自性能生萬法，是莊嚴義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh có thể sanh vạn pháp là ý nghĩa trang nghiêm).

“Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp” là một câu trong Lục Tổ Đàn Kinh.

(Sao) Lục Tổ vân: “Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp”.

(鈔) 六祖云：何期自性能生萬法。

(Sao: Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp?”)

Thuở ấy, Lục Tổ ở Hoàng Mai, nêu gương tu hành đáng cho chúng ta bắt chước, đáng để chúng ta học tập. Người tu hành chân chánh chọn lựa đạo tràng, đạo tràng ấy chắc chắn phải có đạo, ta trụ ở đấy sẽ có thể thành tựu, nên phải chọn lựa. Đạo tràng nhất định phải có đạo, hữu đạo, hữu học, chúng ta trụ nơi ấy mới chẳng đến nỗi uổng công. Nếu cơ sở ấy đạo lẫn học đều chẳng có, chúng ta đến nơi đó, nhất định là phí công. Thuở ấy, đạo tràng của Ngũ Tổ lừng danh thiên hạ, là đạo tràng bậc nhất trong Thiên Tông, Lục Tổ tới đó tham học, học gì? Trong cái nhìn của chúng ta, Ngài chẳng học được gì; thật ra, kể từ hôm Ngài nhập chúng tại Hoàng Mai, toàn là chân tham thật học, nhưng lũ phàm phu

mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết. Nói cách khác, về căn bản, chúng ta chẳng hiểu phương pháp tu học chân thật.

Trước đây, bất luận người học Phật xuất gia hay tại gia, vừa nhập môn đạo tràng thì kỳ hạn là năm năm, năm năm học giới, giới gì vậy? Giáo huấn của thầy! Sư phụ bảo quý vị làm như thế nào, quý vị liền ngoan ngoãn làm như thế ấy, phục tùng một trăm phần trăm, thật thà làm suốt năm năm. Trong năm năm tu gì? Tu cơ sở Tam Học Giới, Định, Huệ, dùng thời gian năm năm để xây đắp cơ sở. Quý vị chẳng có cơ sở ấy, chắc chắn chẳng thể thành tựu trong một đời này. Ngoài việc tu cơ sở Tam Học Giới, Định, Huệ ra, bèn tu phước. Chẳng có phước báo, quý vị tự học trong tương lai, sẽ gặp khó khăn về cơm áo. Đức Phật đã dạy: *“Tu huệ chẳng tu phước, La Hán ôm bát rỗng”*. Vị A La Hán ấy đời đời kiếp kiếp tu huệ, chẳng tu phước, đi khát thực bên ngoài, chẳng được ai cúng dường, mỗi ngày đói rã ruột, chẳng có phước báo mà! Có thể thấy Đại Thừa Phật pháp rất chú trọng tu phước. Còn có một loại khác: *“Tu phước, chẳng tu huệ, voi to đeo chuỗi ngọc”*. Kẻ kiếp trước chuyên tu phước, không tu huệ, đời sau như thế nào? Biến thành súc sanh. Tuy là súc sanh, nhưng là voi để quốc vương cưỡi khi ra ngoài, nên quốc vương ra khỏi cửa, con voi to ấy được đeo giắt vàng, bạc, bảo châu, chuỗi ngọc đầy mình, phước báo rất lớn, ăn cũng ngon, mặc cũng đẹp, nhưng là súc sanh! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phước huệ song tu.

Cách tu phước như thế nào? Phục vụ trong đạo tràng. Lục Tổ ở Hoàng Mai tám tháng, được phân công làm việc trong nhà kho. Thuở ấy, đại chúng trụ trong chùa thường là hơn ba ngàn người. Hơn ba ngàn người mỗi ngày ăn cơm rất phiền phức. Công việc của Ngài là giã gạo, thuở ấy chẳng có máy móc, phải dùng sức người để giã. Giã gạo, bửa củi, nói cách khác, Ngài làm việc trong nhà bếp. Đó là tu phước. Tu huệ thì Thiên Tông dùng phương pháp tham cứu, hoặc dùng quán tâm, dùng hai loại phương pháp ấy. Nói cách khác, dụng công trong cuộc sống và trong khởi tâm động niệm, dùng công phu gì? Cầu nhất tâm bất loạn, tu tâm thanh tịnh, họ dùng công phu ấy. Ngài đến Hoàng Mai công phu tám tháng chẳng gián đoạn ngày nào, và cũng miên mật dụng công tại đó, đấy là công phu chân thật. Vì vậy, Thiên Tông dùng công phu tham cứu, dùng công phu ấy để thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ.

Giáo Hạ dùng cách đọc kinh. Chẳng hạn như tông Thiên Thai phải niệm *“tam đại bộ”*. Tam đại bộ giống như sách in theo lối đóng gáy bằng chỉ khâu của tôi, sẽ gồm tất cả sáu mươi quyển. Trong năm năm, phải học thuộc lòng sáu mươi quyển sách đó. Tam đại bộ là khoa mục cơ

bản của tông Thiên Thai. Quý vị chẳng thể thuộc thì trong tương lai, chẳng có tư cách đến giảng đường nghe giảng. Phạm là người có thể đến giảng đường ngồi nghe giảng đều thuộc lòng những thứ ấy. Tam đại bộ, bộ thứ nhất là Pháp Hoa Kinh Văn Cú, bộ thứ hai là Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm. Chúng ta thường nói Trí Giả đại sư “*cửu tuần đàm huyền*” (chín mươi ngày bàn luận lẽ huyền diệu, tức là giảng chữ Diệu trong tựa đề Diệu Pháp Liên Hoa Kinh mất chín mươi ngày), đó là một phần trong bộ Thích Thiêm, giảng về tựa đề kinh Pháp Hoa và ngũ trùng huyền nghĩa. Pháp Hoa Huyền Nghĩa gồm hai mươi quyển, Văn Cú gồm hai mươi quyển. Văn Cú là chú giải kinh Pháp Hoa, còn có bộ Ma Ha Chỉ Quán hai mươi quyển là phương pháp tu hành. Đó là tam đại bộ của tông Thiên Thai, phải thuộc lòng! Không thuộc lòng, chẳng được! Thầy có hỏi tới quý vị hay không? Chẳng hỏi han chi cả! Giao các sách ấy cho quý vị, học thuộc đi! Trong năm năm phải học thuộc nhuần nhuyễn, học thuộc lòng các sách ấy. Học thuộc lòng là Giới học, Định học, Huệ học hoàn thành cùng một lượt, chẳng mong hiểu nghĩa, chẳng cần hỏi ý nghĩa trong ấy, chỉ quan tâm học thuộc là được rồi. Trừ điều này ra, làm lụng trong chốn thường trụ suốt năm năm.

Tịnh Độ Tông là dạy một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu trong Niệm Phật Đường, miên mật hành một câu Phật hiệu này suốt năm năm, mục đích vẫn là hoàn thành Giới học, Định học, Huệ học một lượt. Vì thế, giáo dục cơ sở trong năm năm ấy hết sức trọng yếu! Nay trong các đồng học của chúng ta, cũng có chẳng ít người hiểu đạo lý này. Có mấy vị đồng tu niệm kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày niệm năm, sáu lượt; nếu [làm như vậy] suốt ba năm chẳng gián đoạn, cơ sở bèn thành tựu. Có cơ sở như vậy rồi lại nghe kinh một lần, hoặc hai lần sẽ khai ngộ. Nay chúng ta nghe kinh, nghe suốt đời vẫn chẳng thể khai ngộ, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng có nền tảng Tam Học. Vì thế, phương pháp giáo học Trung Quốc từ xưa đích xác là theo một khuôn khổ, thoát nhìn, cách giáo học ấy chẳng có ý nghĩa gì, ngò nghêch, [kẻ nghĩ như vậy là do] họ chẳng hiểu trong ấy đã thật sự thành tựu cơ sở vững chắc, [người hành như vậy] trở thành pháp khí; sau đấy, sẽ tiếp nhận đại pháp của Như Lai cũng rất dễ dàng, có thể thành tựu.

Câu này do Lục Tổ đã nói khi khai ngộ. Ngũ Tổ truyền pháp, giảng kinh Kim Cang cho Ngài, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), đại khái giảng được một phần ba kinh Kim Cang, Ngài liền khai ngộ. Sau khi đã ngộ, chẳng cần giảng nữa. Không chỉ kinh Kim Cang chẳng cần giảng, mà tất cả hết

thấy các kinh cũng chẳng cần phải giảng, vì sao? Hết thấy đều thông đạt. Không chỉ thông đạt Phật pháp xuất thế gian, mà hết thấy các pháp thế gian cũng thông đạt. Chư vị ngẫm xem, cách giáo học trước kia là tốt đẹp, hay cách giáo học hiện thời tốt đẹp? Không thể đặt ngang nhau để so sánh luận định được! Những thứ tốt đẹp từ xưa, người hiện thời chẳng nhận ra, chẳng biết chúng thật sự tốt đẹp! Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói ra năm câu, câu này là câu cuối cùng, hết thấy vạn pháp đều do tự tánh hiển hiện.

(Sao) Hoa Nghiêm kinh vân: “Nhất thiết bảo linh võng, giải nhất thiết pháp như huyễn tâm sở sanh”.

(鈔) 華嚴經云：一切寶鈴網，解一切法如幻心所生。

(Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy lưới linh báu, giải hết thấy các pháp như huyễn do tâm sanh ra”).

Đây là kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm, có nghĩa là y báo và chánh báo trong thế gian này từ tâm ý thức của hết thấy chúng sanh biến hiện. Nói cách khác, tâm tạp nhiễm biến hiện cảnh giới [tạp nhiễm]. Đối với điều này, nêu chúng ta chú tâm quan sát, quý vị sẽ có thể chứng minh. Nhìn từ lịch sử, xã hội thời cổ đơn thuần hơn xã hội hiện tại, tâm người xưa thuần phác hơn tâm người hiện tại. Nhìn vào thời cận đại, tôi đến Đài Loan năm Dân Quốc 38 (1949), người Đài Loan thuở ấy khác người Đài Loan hiện thời. Người thuở ấy thật thà, thật sự khả ái, đối xử khiêm cung, lễ độ đối với người khác. Chúng ta lạc đường, tùy tiện hỏi bất cứ ai, họ không chỉ rất sốt sắng chỉ vẽ, mà còn dẫn quý vị đi. Trong xã hội hiện thời, bị lạc đường hỏi ai đó, mặt họ lạnh tanh, “không biết!” Ba mươi năm, lòng người và xã hội hoàn toàn biến đổi!

Hiện thời, không chỉ hoàn cảnh bị ô nhiễm nghiêm trọng, mà lòng người còn ô nhiễm nghiêm trọng hơn hoàn cảnh. Nhất là trong một hai năm gần đây nhất, ô nhiễm đã đến mức độ vô cùng nguy hiểm, quý vị nhìn từ chỗ nào? Thị trường cổ phiếu! Thị trường cổ phiếu người [mua bán] đông như thế, cái tâm lên cao xuống thấp theo từng con số, đáng sợ quá! Biểu hiện điều gì? Tham, sân, si, mạn! Quý vị xem những điều được giảng trong kinh Phật sẽ thấy ngay, tất cả những Kiến Tư phiền não quý vị thấy ngay. Chúng lại còn biến hóa quá nhanh, giây này là tham, giây sau là ngạo mạn, điều này quá rõ rệt! Sự ô nhiễm ấy so với hoàn cảnh ô nhiễm còn đáng sợ hơn nhiều lắm, đáng sợ quá!

Hiện tại, chúng ta ở trong hoàn cảnh chẳng tốt đẹp, vì sao chẳng tốt đẹp? Lòng người chẳng tốt đẹp! Vì sao thời cổ tốt đẹp ngàn ấy? Thời cổ coi trọng giáo dục. Hiện thời giáo dục bị vứt bỏ, chẳng có giáo dục! Hiện thời là gì? Hiện thời là kỹ thuật, khoa học kỹ thuật. Giáo dục là gì? Nói về đạo lý làm người. Hiện thời, mọi người chẳng nói đến đạo lý làm người mà nói chuyện gì? Nói chuyện kiếm tiền như thế nào, nhấn mạnh tiêu thụ ra sao? Làm những chuyện ấy. Do vậy, phải phát triển theo chiều hướng đi xuống, thế giới này bèn đáng sợ, lẽ nào chẳng gặp tai nạn to tát? Chúng ta chẳng cần phải nghe những lời tiên đoán, mà cũng chẳng cần nghe những lời đồn đại gì. Nói theo cách hiện thời thì hết sức khoa học, hết sức hiện thực, quý vị nhìn vào thế đạo, nhân tâm, chúng ta có thể liễu giải quả báo trong tương lai sẽ ra sao.

Thế gian này do tâm tạp nhiễm biến hiện, Tây Phương Tịnh Độ do tâm thanh tịnh hiện ra. Hiện thời, chúng ta ở trong thế giới tạp nhiễm này, tu tâm thanh tịnh, kẻ khác nhiễm, ta chẳng nhiễm, kẻ khác chẳng thanh tịnh, ta thanh tịnh. Hiện thời, tuy chúng ta ở cùng một chỗ, con đường tương lai của mỗi cá nhân chúng ta, cũng như quả báo sau này của chúng ta khác nhau. Tâm chúng ta thanh tịnh, nhất định cảm được cõi Tịnh Độ thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh cực độ, chắc chắn sẽ cảm ba ác đạo. Vì thế, buôn bán cổ phiếu, [hãy chú ý] người thuở trước có nói đến chuyện “*mò mẫm trong tiền nhân*”, tiền xưa kia đều có lỗ (cái lỗ đó được gọi là “*tiền nhân*”), đồ công đốc sức trong đó, chẳng thoát ra được, rất đáng thương! Tiền trước kia được làm thành hình dạng ấy nhằm cảnh giác con người. Hình dạng ấy là hình dạng của hình cụ (dụng cụ tra khảo, trừng phạt), gông cùm, khiến cho quý vị nhìn đến thứ ấy bèn sợ hãi! Cố nhiên thứ ấy tốt đẹp, nhưng phải cẩn thận, nó chẳng phải là thứ thật sự tốt đẹp; thiếu trí huệ, mê man trong ấy là không được rồi!

“*Huyễn tâm sở sanh*” (Do huyễn tâm sanh ra), sánh ví “*linh vông*” (lưới treo những cái linh) như huyễn⁵. Người có thể lý giải hết thấy các pháp, kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, nếu chúng ta thật sự lý giải thì hết thấy các pháp đều do huyễn tâm sanh ra.

(Sao) Nhất thiết bảo lâu các, vô trước thiện căn, vô sanh thiện căn sở sanh, nữ chí y, cái, tràng, tòa đặng, mạc bất giai nhiên.

(鈔) 一切寶樓閣，無著善根，無生善根所生，乃至衣蓋幢座等，莫不皆然。

(Sao: Hết thấy lầu gác báu, căn lành không chấp trước, sanh từ thiện căn vô sanh, cho đến y phục, lọng, tràng, tòa ngồi v.v... không gì chẳng phải là như vậy).

“Y” là y phục, “cái” là bảo cái (lọng báu), “tràng” là tràng phan, “tòa” là liên hoa bảo tọa v.v..., không gì chẳng phải vậy! Hiểu rõ đạo lý này, đối với hết thấy các thứ trang nghiêm, quý vị có thể hưởng thụ, hưởng thụ là thụ dụng, trong tâm thanh tịnh, trọn chẳng đắm nhiễm. Chẳng đắm nhiễm là gì? Chẳng có tâm tham luyến. Hưởng thụ, nhưng chẳng có tâm tham; mất đi, chẳng có tâm hối tiếc. Tức là đối với hết thấy các pháp chẳng có tâm được mất, chẳng có tâm lấy bỏ, hưởng thụ hết thấy các pháp không gì chẳng tự nhiên, hết sức sung sướng! Hết thấy tùy duyên, chẳng phan duyên, đó là đúng. Phan duyên là khởi tâm động niệm “ta phải thực hiện như thế nào”, rất khổ! Hết thấy tùy duyên sẽ đắc đại tự tại.

Thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta tu phước quyết định có phước báo. Chớ nên nghĩ: “Ta chẳng có tiền, trong tương lai sẽ sống ra sao?” Nếu quý vị có phước, đến chỗ nào cũng đều có phước báo. Quý vị chẳng có phước báo, đến nơi nào cũng đều thiếu thốn. Do vậy, tu phước rất trọng yếu. [Không có phước, dẫu] có tiền bỏ trong ngân hàng cũng vô dụng, tiền bị giảm giá trị, ngân hàng bị đóng cửa. Phước phải cất trên thân của hết thấy chúng sanh thì phước ấy mới vĩnh viễn hưởng chẳng tận. Ta có phước bèn để cho mọi người hưởng, mọi người có phước, đương nhiên ta cũng có phước, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, phước phải dành cho mọi người hưởng, đó là gieo phước.

(Sao) Hựu vân: “Thử Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải trung, nhược sơn hà, nãi chí thụ lâm, trần, mao đẳng xứ, nhất nhất giai thị xứng Chân Như pháp giới, cụ vô biên đức”. Thị cố đương tri Tịnh Độ duy tâm, cánh vô ngoại cảnh.

(鈔) 又云：此華藏莊嚴世界海中，若山河，乃至樹林塵毛等處，一一皆是稱真如法界，具無邊德，是故當知淨土唯心，更無外境。

(*Sao: Lại nói: “Trong Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, dù núi, sông, cho đến những chỗ như rừng cây, hạt bụi, sợi lông v.v... mỗi mỗi đều tương xứng Chân Như pháp giới, đầy đủ vô biên đức”. Vì thế, hãy nên biết Tịnh Độ duy tâm, chẳng có ngoại cảnh*).

Tổng kết hay lắm. Đây là nói tới Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là cõi Pháp Tánh, Hoa Nghiêm là Nhất Chân pháp giới, ai trụ trong ấy? Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, thầy đều là bậc minh tâm kiến tánh. Vì vậy, thế giới Hoa Tạng là cõi Pháp Tánh, giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới còn thù thắng hơn thế giới Hoa Tạng, thù thắng ở chỗ nào? Thế giới Hoa Tạng phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới có tư cách đến đó. Tây Phương Tịnh Độ chỉ cần quý vị chuyên niệm một câu A Di Đà Phật, ta quyết định muốn sanh về, quý vị bèn được sanh về, thù thắng ở chỗ này! Quý vị quyết tâm muốn đến thế giới Hoa Tạng, chẳng đến được. Ta chưa phá vô minh, chưa kiến tánh, chẳng đến được! Pháp giới của họ hoàn toàn như nhau, chỉ là đến cõi kia (Hoa Tạng) không được, còn thế giới Tây Phương thì đến được. Tây Phương Tịnh Độ và thế giới Hoa Tạng giống nhau, thầy đều là Nhất Chân pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn! Thù thắng ở chỗ này!

Lớn thì nói đến núi, sông; nhỏ thì nói đến “trần, mao”. “Trần” là thứ nhỏ bé nhất trong y báo, tức vi trần. “Mao” là nói đến chánh báo, tức một sợi lông trên thân chúng ta. Y báo và chánh báo “nhất nhất giai xứng Chân Như pháp giới” (mỗi mỗi đều xứng với Chân Như pháp giới). Chân Như pháp giới là tự tánh, là Chân Như bản tánh của chúng ta, nên chẳng có pháp nào không do tự tánh lưu lộ, chẳng có pháp nào không xứng tánh. Nói cách khác, chẳng có pháp nào không phải là tánh. Trong các buổi giảng, thật sự là khi bắt đầu rồi, chúng tôi thường dùng mộng cảnh để tỷ dụ. Trong khi chúng ta nằm mộng, nếu chúng ta bỗng nhận biết chúng ta đang nằm mộng, trong mộng quả thật có cảnh giới, có núi, sông, đại địa, cây cối, cũng có rất nhiều động vật, cũng có hư không, do đâu mà có? Đều do cái tâm của chính mình biến hiện. Chúng ta có cái tâm có thể nằm mộng và cảnh trong giấc mộng. Nếu quý vị bỗng giác ngộ, cảnh trong mộng và cái tâm có thể nằm mộng là một, không hai, Năng và Sở như nhau. Mộng cảnh là tướng, cái có thể nằm mộng là tâm, chúng ta sánh ví nó như bản tánh. Tánh và tướng bất nhị, là một, không hai, toàn là do chính mình biến hiện!

Khi nằm mơ, đương nhiên có một cái ta, quý vị chẳng thể nào nằm mộng mà trong mộng chẳng có chính mình, tuyệt đối chẳng thể có chuyện đó! Nhất định là có chính mình, và cũng có rất nhiều người, những người đó do đâu mà có? Những người đó vẫn do chính mình biến hiện. Người quý vị ưa thích là do thiện tâm biến hiện. Kẻ quý vị ghét, căm hận là do ác tâm của chính quý vị biến hiện. Toàn là do chính mình biến hiện; trừ chính mình ra, xác thực là chẳng có gì. Vì vậy mới bảo quý vị “*ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, toàn là do chính mình biến hiện. Dựa theo đạo lý này để suy đoán, tận hư không trọn pháp giới đều là vật được biến hiện bởi Chân Như bản tánh của chính chúng ta.

Do đó, nói “*trọn đủ vô biên công đức*”. “Đức” là đức tướng và đức dụng, cũng là như Lục Tổ đại sư nói “*nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là tự tánh trọn đủ, chẳng có thứ gì ở ngoài tự tánh. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật vẫn là tự tánh trọn đủ, vẫn do tự tánh biến hiện, Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? A Di Đà Phật do đâu mà có? Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, vẫn sanh bởi tự tánh; nhưng chư vị phải biết: Đây là Tánh Đức. Tánh Đức tuy vốn trọn đủ, nhưng nếu quý vị chẳng có Tu Đức, chẳng thể biến hiện tự tại. Nay quý vị đang mê Tánh Đức, nên bị nghiệp lực xoay chuyển. Bản thân quý vị hoàn toàn chẳng thể làm chủ được, bị chuyển theo nghiệp lực. Nếu quý vị khôi phục tâm thanh tịnh, sẽ làm chủ tể. Trong y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, chính quý vị có thể làm chúa tể, có thể chuyển hết thấy cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển cảnh, bèn giống như Như Lai*”, quý vị có thể chuyển cảnh, quý vị bèn là Như Lai, bèn thành Phật, chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài. Phạm phu điên đảo, bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng, chính mình chẳng có năng lực ảnh hưởng hoàn cảnh, rất đáng thương!

Nếu nói chân thật, cảnh chuyển theo tâm, ở đây, mấu chốt là tâm thanh tịnh. Trong Tam Quy, chúng tôi thường nói Giác tâm, Chánh tâm, Thanh Tịnh tâm, ba tâm ấy là một tâm, một mà ba, tuy ba mà một; nhưng thực hiện từ Giác và Chánh khó khăn. Thiền Tông thực hiện từ Giác, Giáo Hạ thực hiện từ Chánh, pháp môn Niệm Phật khởi sự từ Tịnh. Trong ba môn này, nhập môn từ Tịnh, quả thật khá dễ dàng, nhưng đã tiến nhập thì chắc chắn là thành tựu như nhau. Giống như một giảng đường có ba cái cửa, bất luận theo cửa nào tiến vào, hễ đã tiến vào đều như nhau, tiến vào là đã đạt đến viên mãn. Khi ở ngoài cửa, Giác, Chánh,

Tịnh khác nhau; sau khi tiến vào cửa, quyết định là giống nhau. Bởi lẽ đó, sau khi Lục Tổ khai ngộ, Giáo cũng thông, mà Tịnh cũng hiểu, thứ gì Ngài cũng đều thông đạt. Trước khi khai ngộ, Ngài chỉ có một thứ là công phu Thiên Định; sau khi đã ngộ, hết thấy thành tựu viên mãn.

Chúng ta hiểu rõ nguyên lý này, quý vị liền biết phải tu như thế nào? Biết chúng ta niệm kinh là tu gì? Chúng ta niệm câu Phật hiệu là tu gì? Chính mình thấu hiểu rõ ràng, rành rẽ, khi tu mới thấy thú vị, mới có hứng thú, sẽ chẳng niệm niệm đều tẻ ngắt, vô vị! Niệm đến cuối cùng, cảm thấy rất mờ mịt, rất rộng tuếch, không hiểu chính mình đang làm gì, sai lầm mất rồi! Vì thế, biết chính mình đang làm gì, biết ý nghĩa của việc đang làm, biết chúng ta mong đạt tới mục tiêu gì? Biết chúng ta tu học chắc chắn chẳng luống công, trong hiện tiền, đạt được trí huệ chân thật. Trí huệ hiện tiền, cuộc sống của quý vị nhất định hết sức mỹ mãn, vô cùng sung sướng. Vì sao? Quý vị có trí huệ chân thật, biết chính mình, biết hoàn cảnh, biết người khác, biết thế giới này, biết quá khứ, cũng biết tương lai, điều gì cũng đều hiểu rõ ràng, rành rẽ, lẽ nào cuộc sống chẳng tự tại? Đương nhiên là tự tại, chẳng mê hoặc tí nào. Năng lực ấy do tâm

thanh tịnh phát sanh. Cây vào sách vở, cây vào học vấn, sẽ chẳng đạt được, chỉ có tâm thanh tịnh thì mới đạt được. Đó là sự thật ngàn muôn phần xác đáng. Hôm nay chúng ta đã giảng viên mãn quyển thứ hai.

---o0o---

Tập 153

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm hai mươi tám.

Đây là quyển thứ ba của bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa. Hôm nay chúng ta bắt đầu dùng bản mới. Trong bản này, Sớ Sao và Diễn Nghĩa được ghép chung lại. Kinh bốn này hết sức khó có! Văn bản do chúng ta sử dụng trong quá khứ đã tách rời Sớ Sao và Diễn Nghĩa [thành hai bản], nên phải xem bằng cách đối chiếu hai bản, khá bất tiện, mà cũng dễ bỏ sót. In [gộp chung] thành Hội Bản, có ích rất lớn cho sự tu học. Đây là bản sau khi tu chỉnh lần thứ hai lại ấn hành lần nữa. Chúng tôi tin tưởng phần lớn các chữ bị sai đã được sửa chữa, có thể lưu thông bản này sẽ có ích rất lớn cho sự tu học và hoằng dương Tịnh Tông. Từ hôm nay trở đi, chúng ta bắt đầu dùng bản mới này.

Tam, thiên nhạc vũ hoa.

三、天樂雨華。

(Ba, nhạc trời, mưa hoa).

Chúng ta xem đoạn thứ nhất:

Sơ, thiên nhạc.

初、天樂。

(Thứ nhất, nhạc trời).

“*Kinh*” là kinh văn, “*Sớ*” là chú giải kinh, “*Sao*” là chú giải của chú giải (chú giải lời *Sớ*), “*Diễn Nghĩa*” là tầng chú giải thứ ba (tức chú giải lời *Sao*). [Đối với mỗi phần, trong bản in mới này] chúng tôi đều dùng ô vuông [bao quanh những chữ *Kinh*, *Sớ*, *Sao*, *Diễn*] để chỉ rõ.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thường tác thiên nhạc.

(經) 又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường tấu nhạc trời).

Kinh văn của kinh Di Đà ngắn ngủi, nhưng nội dung trọn chẳng kém kinh Vô Lượng Thọ. Liên Trì đại sư nói kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bản của kinh này, gọi kinh Di Đà là Tiểu Bản. Văn tự nhiều hay ít khác nhau, nhưng nói theo phương diện nghĩa lý, chẳng có sai biệt. Chúng ta xem phần chú giải câu kinh văn này.

(Sớ) Thượng tự bảo trì, thử đàm kim địa chi thượng, hoa nhạc giao huy dã.

(疏) 上敘寶池，此談金地之上，華樂交輝也。

(Sớ: Phần trước là trần thuật ao báu, ở đây nói trên đất vàng, hoa và nhạc giao xen rạng ngời).

“Thượng” là phía trước. Ở phía trước đã nói về sự trang nghiêm nơi ao bảy báu và đức thủy (nước tám công đức) trong ao báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đoạn kinh văn này nói đến những sự trang nghiêm trên mặt đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Kim địa chi thượng, hoa nhạc giao huy” (Trên đất vàng, hoa và nhạc giao xen rạng ngời), “hoa” là thiên hoa, “nhạc” là thiên nhạc.

(Sớ) Thiên nhạc giả, dị thế nhạc cố. “Thường tác” giả, vô gián yết cố.

(疏) 天樂者，異世樂故。常作者，無間歇故。

(Sớ: “Thiên nhạc” khác với nhạc thế gian, “thường tấu” là chẳng gián đoạn, ngưng dứt).

Dưới đây có chú giải mấy câu này.

(Sao) Dị thế nhạc giả.

(鈔) 異世樂者。

(Sao: Khác với nhạc thế gian).

“*Dị*” (異) là bát đồng, âm nhạc của Tây Phương Cực Lạc thế giới khác với thế gian này. Rốt cuộc là khác nhau như thế nào? Đại sư dẫn chúng kinh điển để giảng rõ, có thể thấy Ngài nói một câu “*dị thế nhạc*” chẳng phải là nói tùy tiện.

(Sao) **Đại Bản vân.**

(鈔) 大本云。

(Sao: Kinh Đại Bản nói).

“*Đại Bản*” là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) **Đệ nhất Tứ Thiên Vương Thiên.**

(鈔) 第一四天王天。

(Sao: Tầng thứ nhất là trời Tứ Thiên Vương).

Từ thế giới này đi lên, tầng trời thứ nhất là Tứ [Thiên] Vương Thiên, [tức cõi trời của] Tứ Đại Thiên Vương. Tứ Thiên Vương là Đông, Nam, Tây, Bắc, ở giữa là núi Tu Di (Sumeru). Phương Đông là Trì Quốc Thiên Vương (Dhṛtarāṣṭra), tay cầm đàn tỳ bà. Phương Nam là Tăng Trưởng Thiên Vương (Virūdhaka), tay cầm bảo kiếm. Phương Tây là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa), tay cầm một con rắn. Phương Bắc là Đa Văn Thiên Vương (Vaiśravaṇa), tay cầm một cái tán. Sắp xếp theo thứ tự thuận, người Hoa sẽ nói là “*phong điều vũ thuận*”, bảo kiếm sanh Phong, tỳ bà Điều huyền (điều hòa dây đàn), tán che mưa (Vũ), loài tiểu động vật trên tay là Thuận tùng.

(Sao) **Cập chư thiên nhân, bách thiên hương hoa, bách thiên âm nhạc, dĩ cúng dường Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng.**

(鈔) 及諸天人，百千香華，百千音樂，以供養佛，及諸菩薩聲聞之眾。

(Sao: Và các vị trời, dùng trăm ngàn thứ hương hoa, trăm ngàn loại âm nhạc, cúng dường Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn).

Nói rõ Tứ Vương Thiên cúng dường đạo tràng của Phật, Bồ Tát bằng “*hương hoa*” và “*âm nhạc*”. Đương nhiên là hương hoa và âm nhạc của Tứ Vương Thiên thù thắng hơn nhân gian rất nhiều. Vì sao biết là thù thắng? Chúng ta nhìn từ chỗ nông cạn và gần gũi nhất, nơi thế

gian này, hương hoa trong nhà người phú quý chẳng giống hương hoa trong nhà kẻ nghèo khó, tôi nghĩ chư vị có thể lãnh hội điều này. Phước báo của Tứ Vương Thiên lớn hơn nhân gian chúng ta. Đừng nói chi khác, lấy thọ mạng để nói, một ngày trên Tứ Vương Thiên bằng năm mươi năm trong nhân gian chúng ta. Họ có thọ mạng là năm trăm năm, một ngày bằng năm mươi năm trong nhân gian, cũng coi như một năm là ba trăm sáu mươi ngày, họ lại thọ năm trăm năm, nhân gian chúng ta chẳng có cách nào sánh bằng! Phước báo của họ to hơn chúng ta rất nhiều, đương nhiên thụ dụng thù thắng hơn chúng ta rất nhiều! Họ là thần hộ pháp của Phật. Khi Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, họ đều đến nghe. Đến nghe, đương nhiên là trước đó phải cúng Phật, cúng Bồ Tát. Thanh Văn là A La Hán, họ cũng phải cúng dường, những vị ấy đều là thánh nhân.

(Sao) U thi đệ nhị Dao Lợi Thiên Vương, Dục Giới chư thiên, dĩ chí đệ thất Phạm Thiên, nhất thiết chư thiên, hương hoa âm nhạc, chuyển tương bội thắng.

(鈔) 於是第二忉利天王，欲界諸天，以至第七梵天，一切諸天，香華音樂，轉相倍勝。

(Sao: Kế tiếp là tầng trời thứ hai là Dao Lợi Thiên Vương, chư thiên trong Dục Giới, cho đến tầng trời thứ bảy là Phạm Thiên, hết thảy chư thiên, hương, hoa, âm nhạc càng lên cao càng thù thắng gấp bội).

Càng lên cao, phước báo của chư thiên càng to. Dao Lợi Thiên là tầng trời thứ hai. Người Hoa gọi Dao Lợi Thiên Chúa là Ngọc Hoàng Đại Đế, rất nhiều tôn giáo gọi ông ta là Thượng Đế. Phước báo trong tầng trời này to gấp đôi Tứ Vương Thiên, thọ mạng cũng dài. Một ngày trong Dao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian chúng ta, họ thọ một ngàn năm. Nay chúng ta thấy những con số này cũng là con số thiên văn. Phước báo đương nhiên vượt trội Tứ Vương Thiên rất nhiều. Lên cao hơn còn có Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, và Tha Hóa Tự Tại Thiên. Câu “Dục Giới chư thiên” đã bao gồm trọn vẹn [những tầng trời ấy]. “Dĩ chí đệ thất Phạm Thiên” (Cho đến tầng trời thứ bảy là Phạm Thiên). Tầng trời thứ bảy là Sơ Thiên trong Sắc Giới, tức là Đại Phạm Vương Thiên, vượt khỏi Dục Giới tiến vào Sắc Giới. “Nhất thiết chư thiên” (Hết thảy chư thiên) là nói từ Sắc Giới trở lên. Sắc Giới gồm Tứ Thiên, có mười tám tầng trời. Ở đây, không nói tới Vô

Sắc Giới, chỉ nói Sắc Giới, vì sao? Nó có hình sắc, chúng ta có thể trông thấy. [Đoạn kinh văn này] nói rõ chư thiên trong các cõi trời từ Tứ Thiên trở xuống, thấy đều cúng Phật, cúng dường Bồ Tát, cúng dường các vị A La Hán.

(Sao) Hựu vân: “Diệc hữu tự nhiên vạn chủng kỹ nhạc, vô phi pháp âm, thanh sướng ai lượng (liêu lượng), vi diệu hòa nhã, nhất thiết âm thanh, sở bất năng cập.

(鈔) 又云：亦有自然萬種伎樂，無非法音，清暢哀亮（嘹亮），微妙和雅，一切音聲，所不能及。

(Sao) Lại nói: “Cũng có vạn thứ kỹ nhạc tự nhiên, không gì chẳng phải là pháp âm, trong trẻo, du dương, êm ái, réo rắt (rõ ràng), vi diệu hòa nhã, hết thảy các âm thanh khác đều chẳng thể bằng”.

Đoạn này nói về âm nhạc tự nhiên. Trong phần trước là chư thiên cúng dường; trong đoạn này [âm nhạc] là “tự nhiên có”, chẳng do chư thiên cúng dường. Điều này hết sức kỳ diệu, vì sao tự nhiên có? Thật vậy, chẳng giả. Chư vị niệm Phật đã có công phu kha khá, khi chẳng niệm, vẫn nghe tiếng Phật hiệu. Đó gọi là “*thiên nhạc*”, thiên nhạc chưa chắc đã do chư thiên cúng dường, có khi là tự nhiên. Tự nhiên từ đâu sanh ra? Thừa cùng chư vị, từ trong Pháp Tánh lưu lộ. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”, hương, hoa, âm nhạc đều vốn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta.

Tu hành là tu gì? Tu hành phải chú ý những gì? Điều này vô cùng quan trọng. Chúng ta thấy hiện nay có bao nhiêu người học Phật, học suốt một đời, chẳng phải là họ không tinh tấn, họ thật sự tinh tấn, nhưng học suốt một đời chẳng thành tựu một điều gì! Đúng là hết sức đáng tiếc. Đó là do chẳng hiểu đạo lý, chẳng hiểu phương pháp, dùng sai công phu!

(Sao) Quán Kinh vân: “Vô lượng chư thiên, tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí huyền xử hư không, như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh”.

(鈔) 觀經云：無量諸天，作天伎樂。又有樂器懸處虛空，如天寶幢，不鼓自鳴。

(Sao) Quán Kinh chép: “Vô lượng chư thiên, tác thiên kỹ nhạc cõi trời. Lại có các thứ nhạc khí treo lơ lửng trên không, như tràng báu cõi trời, chẳng ai tấu mà tự phát ra âm thanh”.

Câu “*vô lượng chư thiên*” bao gồm Dục Giới và Sắc Giới. Đoạn này và nửa đoạn sau nói về cùng một chuyện, tức là âm nhạc tự nhiên trong hư không. Có thể thấy khi đức Phật giảng kinh, thường nói đến chuyện này. Có thể thấy đức Phật không chỉ nói đến chuyện này trong một pháp hội, mà thường tuyên thuyết trong nhiều pháp hội, bất quá Liên Trì đại sư nêu đại lược hai bộ kinh mà thôi. Đoạn kế tiếp là kết luận.

(Sao) *Dĩ thị thiên nhân sở tác chi nhạc, phi nhân gian sở hữu, cố vân “dị thế nhạc” dã.*

(鈔) 以是天人所作之樂，非人間所有，故云異世樂也。

(Sao: Do là loại nhạc của chư thiên tấu lên, nên trong nhân gian chẳng có, vì thế nói là “khác với nhạc thế gian”).

Đây là nói [âm nhạc cõi trời] chẳng giống âm nhạc trong thế gian.

(Sao) *Vô gián yết giả.*

(鈔) 無間歇者。

(Sao: Chẳng gián đoạn, ngưng dứt).

Đây là thường tấu. “*Vô gián yết*” là thiên nhạc chẳng hề gián đoạn.

(Sao) *Thế nhạc tu nhân, hữu tác, hữu chuyết.*

(鈔) 世樂須人，有作有輟。

(Sao: Nhạc thế gian cần phải có người [tấu nhạc], có lúc tấu, có lúc ngưng).

Âm nhạc thế gian cần phải có người diễn tấu. Khi quý vị tấu nhạc thì có tiếng nhạc; khi không tấu, tiếng nhạc bèn gián đoạn. Nói rõ [nhạc thế gian] có gián đoạn.

(Sao) *Thiên nhạc tự minh, cố vân “thường tác” dã.*

(鈔) 天樂自鳴，故云常作也。

(Sao: Nhạc trời tự thổi, nên nói là “thường tấu”).

Thiên nhạc chẳng gián đoạn, ngày đêm cũng chẳng gián đoạn. Nếu chúng ta có Thiên Nhĩ Thông, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, quý vị muốn nghe, đều có thể nghe thấy; nhưng mọi người chớ nên khởi lên ý niệm “*ta muốn đắc thần thông*”. Mong đắc thần thông chẳng phải là không đạt được, nhưng sau khi đạt được, sẽ bị rắc rối, có những tác dụng phụ, tuyệt đối chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Vì thế, người học Phật hãy nên thật thà niệm Phật, đừng cầu thần thông, mà cũng chẳng cần phải cầu cảm ứng.

(Sao) Kim nhân niệm Phật, lâm chung chỉ nhật, thiên nhạc nghênh không, chánh duy Tịnh Độ thường tác thiên nhạc cổ.

(鈔) 今人念佛，臨終之日，天樂迎空，正唯淨土常作天樂故。

(Sao: Nay người niệm Phật, nhằm ngày lâm chung, thiên nhạc vang rền hư không, đó chính là vì Tịnh Độ thường tác nhạc trời vậy).

Đây là nói trong thế giới này, có nhiều người niệm Phật khi vãng sanh có thụy tướng ấy, trên không trung trời âm nhạc. Không chỉ người vãng sanh nghe thấy, mà người trợ niệm bên cạnh, thậm chí chẳng phải là người trợ niệm, những người ở gần đó đều có thể nghe thấy. Do vậy có thể biết, chuyện này là thật, chẳng giả. Lần này tôi ở Mỹ, đến Dallas. Ở Washington DC, có một vị đồng tu lâu năm là cư sĩ Cung Chấn Hoa, ông Cung là một người niệm Phật kiên thành nhất, cũng chuyên niệm kinh Vô Lượng Thọ, chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong nhà ông ta có Phật đường, Phật đường ấy rất lớn; hai vợ chồng đều học Phật, chuyên tu, chuyên hoằng, hết sức khó có! Ông ta gọi điện thoại kể cho tôi nghe chuyện vừa mới xảy ra gần đây nhất. Ở DC có tiên sinh Châu Quảng Đại là chủ tiệm bánh mì. Ông Châu bị ung thư gan, bệnh ấy hết sức đau đớn, suốt đời chẳng nghe Phật pháp, chưa hề tiếp xúc Phật Giáo. Đến lúc sắp lâm chung, bác sĩ đã ngừng trị liệu, chẳng có cách nào chữa trị. Khi ấy, vợ ông ta rất lo lắng, đi khắp nơi lạy thần cầu cảm ứng vì thấy chồng đau đớn dường ấy! Vợ ông Cung Chấn Hoa mở quán cơm tại Hoa Thịnh Đốn, nói chung, thường đến chỗ họ mua bánh mì, rất thân thiết với bà Châu. Bà Châu liền đem tình hình bệnh tật của chồng kể cho bà Cung biết, hỏi bà Cung có cách nào cứu chữa hay không. Bà Cung về nhà kể chuyện với Cung cư sĩ, bảo Cung cư sĩ hãy đến thăm.

Ông Cung Chân Hoa cũng rất sốt sắng, đến thăm một phen. Sau khi trông thấy [tình trạng bệnh nhân], ông ta nghĩ thầm: “Căn bệnh này chẳng thể nào lành được”. [Đối với chuyện] cầu Phật, cầu Quán Âm Bồ Tát gia hộ cho ông Châu lành bệnh, Cung cư sĩ nói chẳng thể nào có chuyện ấy được. Ông ta liền rành rẽ khuyên ông Châu Quảng Đại: “Chớ nên cầu lành bệnh, hãy cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ông sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Bồ Tát, làm Phật, sau đó, lại quay trở lại đây độ vợ ông, độ con cái, người nhà quyến thuộc của ông. Đây chẳng phải là chuyện tốt lành ư?” Tiên sinh Châu Quảng Đại vừa nghe liền tiếp nhận, rất khó! Rất chẳng dễ dàng! Cả đời chưa hề nghe Phật pháp, vừa nghe người ta khuyên cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ông ta không chỉ chẳng tức giận, mà rất hoan hỷ tiếp nhận, bảo vợ và con cái niệm A Di Đà Phật giúp ông ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bắt đầu niệm Phật, phát nguyện cầu vãng sanh.

Ông Cung Chân Hoa trợ niệm cho ông ta, mặt khác báo tin cho hội Phật Giáo DC, tức là Hoa Phủ Phật Giáo Hội, có mười mấy vị đồng tu thay phiên nhau tới trợ niệm. Niệm đến ngày hôm sau, niệm cảm được Địa Tạng Bồ Tát hiện tới, Cung cư sĩ liền bảo ông ta: “*Bất luận Phật, Bồ Tát nào đến, đều chớ đi theo, vẫn nhất tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ*”. Câu khai thị ấy vô cùng trọng yếu, mấu chốt ở đó. Tôi chẳng ngờ ông Cung Chân Hoa có bản lãnh ấy; đó cũng là Phật, Bồ Tát cảm ứng. Ông ta nói: “*Điều gì chúng ta cũng không cầu, chỉ cầu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương*”. Niệm đến ngày thứ ba, A Di Đà Phật tới, Tây Phương Tam Thánh, Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật từ trên mây giáng xuống tiếp dẫn, bọn họ mười mấy người đều trông thấy. Lại nữa, kể từ lúc Châu cư sĩ phát tâm niệm Phật, chẳng còn đau khổ, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Đến cuối cùng, khi ra đi, ông ta niệm mấy chục câu Phật hiệu, trung khí⁶ vẹn mười. Cung cư sĩ kể ông Châu nằm trên giường, niệm Phật trong phòng ngủ, ở ngoài đường còn nghe tiếng.

Vì vậy, ông Cung gọi điện thoại cho tôi, kể:

- “*Hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày*”, trước đây, con thấy sách viết như vậy, chẳng ngờ tại Washington trông thấy thụy tướng ấy, [niệm Phật] ba ngày mà thôi!

Ba ngày niệm Phật, nói thật ra, hoàn toàn tương ứng với kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Ý niệm phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ của ông ta là Vô Thượng Bồ Đề tâm, ba ngày ba đêm chẳng gián đoạn. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi vãng sanh, Phật hiệu chẳng gián đoạn, một mực chuyên niệm, ông ta đã làm

được. Tại DC còn có chẳng ít người học Mật, thấy tình hình ấy, nay đã khẳng khăng một mục niệm A Di Đà Phật, thật sự chính mắt trông thấy mà! Vì lẽ đó, chuyện này chẳng giả, chúng ta phải nghiêm túc, phải nỗ lực, vì lúc lâm chung thấy thiên hoa, thiên nhạc, Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn, hoàn toàn tương ứng với những điều kinh đã nói, hoàn toàn giống hệt. Duyên quá tốt đẹp, ông ta trọn đủ ba duyên sau đây:

- Duyên thứ nhất là khi lâm chung, thần trí sáng suốt; tuy rất đau khổ, nhưng chẳng mê hoặc.

- Thứ hai là gặp thiện tri thức, vừa được chỉ dạy, liền lập tức tiếp nhận, liền thật sự niệm.

- [Điều thứ ba là nhất tâm nhất ý chuyên niệm].

Trọn đủ ba điều kiện ấy, kinh dạy “*bảy ngày vãng sanh*”. Chẳng ngờ trong thời đại này, trong một xã hội như vậy, chúng ta vẫn còn thấy sự thật này!

Đoạn tiếp theo là Xứng Lý, cũng là “*tiêu quy tự tánh*” như trong Phật môn thường nói. Cổ nhân thường nói “*xem kinh phải biết tiêu quy tự tánh*”. Cách tiêu quy như thế nào? Đoạn này là tiêu quy tự tánh, Liên Trì đại sư đã nói rõ cho chúng ta biết. Nếu chẳng nói ra, bản thân chúng ta cũng có thể xứng lý như vậy, quý vị cũng sẽ được thụ dụng rất lớn.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vạn đức hòa dung, thị thiên nhạc nghĩa.

(疏) 稱理，則自性萬德和融，是天樂義。

(Sớ: Xứng Lý thì vạn đức hòa hợp, dung nhập trong tự tánh chính là ý nghĩa của thiên nhạc).

Trừ chừ thiên cúng dường thiên nhạc ra, còn có âm nhạc tự nhiên. Âm nhạc tự nhiên là thứ vốn sẵn có trong bản tánh, sẵn có như thế nào? Do “*Tánh Đức hòa dung*” nên tự nhiên có âm nhạc.

(Diễn) Nhạc khả dĩ dưỡng nhân chi tánh tình, nhi dăng dịch kỳ tà uế, tiêu dung kỳ tra chỉ, thị hữu hòa dung chi nghĩa.

(演) 樂可以養人之性情，而蕩滌其邪穢，消融其渣滓，是有和融之義。

(Diễn: Nhạc có thể di dưỡng tánh tình của con người, gột rửa tà uế, tiêu tan những căn bã, nên có ý nghĩa “hòa dung”).

“Nhạc” là một phương pháp giáo dục cao thượng, trong Phật môn gọi là “*thiện xảo phương tiện*”. Nói theo cách hiện thời, nhạc là một kỹ xảo giáo dục. Trong xã hội cổ xưa của Trung Quốc, phương pháp giáo dục của Khổng lão phu tử đã chú trọng lễ nhạc. Lễ nhằm “*điều thân*”, nhất cử nhất động nơi thân chúng ta phải phù hợp lễ tiết. Nhạc nhằm “*điều tâm*”, nhằm dưỡng tánh tình. Trong lúc tâm tình chúng ta phiền bức, xáo động, hát một bài, tâm bèn bình lặng, an tĩnh. Vì thế, nhạc nhằm dưỡng tâm, dưỡng tánh tình. Có thể điều hòa tốt đẹp hai thứ ấy, phẩm cách con người tự nhiên thăng hoa, trong Phật môn nói là “*siêu phàm nhập thánh*”, trong giáo học Nho gia gọi là “*biến hóa khí chất*”. Có thể thấy nhạc giáo (giáo dục bằng âm nhạc) hết sức trọng yếu.

Thế gian hiện thời là đời loạn, lễ và nhạc đều chẳng có. Trước kia, nhạc là dưỡng tâm, quý vị nghe âm nhạc hiện thời chỉ sợ tâm chẳng tĩnh, đáng sợ quá! Nghe âm nhạc trong Phật môn so ra vẫn tốt hơn bất cứ loại nhạc nào, nhưng nhạc chương⁷ hiện thời trong Phật môn, những loại phạm bái, tán tụng có thể nói là chẳng bằng trước kia, càng xướng càng lạc điệu! Nguyên nhân ở chỗ nào? Người tu hành hiện thời chỉ tu bề ngoài, chẳng tu tâm. Nếu tâm thanh tịnh, tự nhiên sẽ phù hợp nhạc chương. Tâm người hiện thời chẳng thanh tịnh, những kẻ bình phàm chẳng học Phật trong xã hội lại càng chẳng cần phải nói nữa. Do vậy có thể biết tầm trọng yếu của nhạc giáo.

(Sao) Tự tánh như thật không, tắc bất lập nhất trần; như thật bất không, tắc giao la vạn đức.

(鈔) 自性如實空，則不立一塵，如實不空，則交羅萬德。

(Sao: Tự tánh là Như Thật Không nên chẳng lập mây trần, tự tánh là Như Thật Bất Không nên muôn đức giao xen).

Bốn câu này có ý nghĩa rất sâu, hết sức trọng yếu. Trong sách Dẫn Nghĩa có chú giải Không và Bất Không là một, tuyệt đối chẳng phải là chia làm hai chuyện. Nếu chúng ta coi nó như hai chuyện, quý vị chẳng có cách nào lãnh hội chân nghĩa ở đây. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Vì sao nói là một chuyện? Do nói tới Thể và Dụng của tâm. Bản thể của chân tâm là Không, Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. Chẳng có một vật là Không! Tuy chẳng có một vật, nó có thể khởi tác dụng, biến hiện sâm la vạn tượng, nên nó lại là Bất Không (chẳng phải là Không). Không là chân thật, Bất Không vẫn là chân thật. Tuy biến hiện sâm la vạn tượng, chư vị phải hiểu, sâm la

vạn tượng quyết định là trọn bất khả đắc, vì sao? Chúng tuy có hình tượng, nhưng chẳng có tự thể, chỉ có hình tượng mà thôi. Vì lẽ đó, trong Phật pháp gọi Tướng là Giả Tướng, hoặc Huyền Tướng. Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”. Tướng có hay không? Có, nhưng chẳng chân thật, quý vị chớ nên coi nó là thật. Nếu quý vị nghĩ nó là thật, sẽ bị rắc rối to, quý vị liền mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp thọ báo, làm những chuyện đó. Nói thật ra, quý vị làm những chuyện ấy thì những chuyện ấy vẫn đều là giả! Tuy là giả, nhưng quý vị phải chịu khổ, có Khổ Thọ. Thí dụ như nằm mộng, quý vị gặp ác mộng, trong mộng rất khổ, rất sợ hãi; sau khi tỉnh mộng bèn biết [những nỗi sợ hãi ấy] là giả. Mộng tuy là giả, nhưng khi quý vị nằm mơ, chẳng biết đó là mộng. Hoàn cảnh hiện thực của chúng ta xác thực là như vậy. Thật vậy, đó là Thật Tướng, là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Chúng ta đã mê mất Thật Tướng một thời gian rất lâu. Do mê mất chân tướng, nên ngỡ các cảnh giới là chân thật. Đó là mê hoặc, đó gọi là vô minh.

Khoa học hiện đại đã tiến bộ hơn trước rất nhiều. Các khoa học gia hiện nay đã phát hiện trong thế giới này chẳng có vật chất, các hiện tượng [vật chất] là gì? Là các hiện tượng được sanh từ sự dao động của ánh sáng, xác thực là chẳng có vật chất tồn tại. Học thuyết ấy tương ứng với những điều kinh Phật đã dạy. Chúng ta thường xem TV, trên màn hình huỳnh quang là không gian hai chiều. Nếu khoa học kỹ thuật trong tương lai tiến bộ hơn, TV có thể biến thành không gian ba chiều, chớ vị hãy nghĩ xem sẽ thành như thế nào? Hiện thời, chúng ta sống trong không gian ba chiều, chúng ta thường nói là TV lập thể, con người thật sự có thể bước ra khỏi màn ảnh. Có loại TV ấy hay không? Có, hiện thời ở bên ngoài quốc có. Quý vị đến chơi Địch Sĩ Ni Lạc Viên (khu giải trí Disney) của nước Mỹ, xem TV lập thể, toàn là hình ảnh tạo bởi ánh sáng, lại còn chiếu chính quý vị vào đó. Quý vị thấy [mỗi hình ảnh] đối diện với chính mình, chẳng cảm thấy chúng là giả, vì sao? Quý vị thấy hoàn toàn là [hình tượng] lập thể, nhưng nó là hình ảnh, chẳng thật. Nếu có thể đạt đến bốn chiều, năm chiều, thì nay chúng ta nói là chuyện “thần tiên”! Không gian chẳng có hạn lượng, đó là Thật Tướng của các pháp, là tướng chân thật của hết thảy các pháp. Vì thế, phải biết Không và Có là một, không hai.

Kinh giảng về Chân Như, Chân là nói đến tánh thể, Như là nói về tác dụng của tánh. Tuy hiện vô lượng vô biên hiện tượng, tướng giống như tánh, tánh giống như tướng, tánh và tướng bất nhị. Giống như chúng

ta nằm mộng, trong cái tâm nằm mộng của chúng ta vốn chẳng có mộng, tâm là Chân, là Không, nhưng nó có tác dụng biến hiện mộng cảnh. Mộng cảnh là có, là Như, Như là như thế nào? Là Tướng Phần của cái tâm quý vị, tướng chẳng thể lìa tánh, tánh chẳng thể lìa tướng. Cổ nhân nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, đồ vật chẳng thể rời khỏi vàng, vàng cũng chẳng thể rời khỏi đồ vật; vàng là đồ vật, đồ vật là vàng. Quý vị hiểu đạo lý này, Không là Có, Có là Không. Vì thế, Không và Bất Không là một, không hai. Quý vị phải thấu hiểu từ chỗ này.

Thật sự có thể ngộ nhập, quý vị sẽ đạt đến giải thoát, vì sao? Thụ dụng hết thấy, chẳng có phiền não. Vì sao chẳng có phiền não? Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng khác gì chúng ta, chỗ khác nhau là trong hết thấy vạn tượng, các Ngài xác thực đã vĩnh viễn đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước. Phàm phu chúng ta khởi lên vọng tưởng, chấp trước đối với vạn tượng. Kinh Hoa Nghiêm đã nói hết thấy chúng sanh mê hoặc, điên đảo “*chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”. Nay chúng ta vẫn dùng vọng tưởng, chấp trước để niệm Phật, vẫn dùng vọng tưởng, chấp trước để học Phật, rất khó thành tựu! Do vậy, cương lĩnh trọng yếu trong tu học là ở chỗ nào? Làm thế nào để xóa sạch vọng tưởng, chấp trước, quý vị sẽ thành công. Đây là một đại sự vô cùng khẩn yếu! Phải làm như thế nào thì mới có thể trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước? Thừa cùng chư vị, hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thấy các pháp, thật sự chẳng khởi niệm, không động tâm, tức là không phân biệt, không chấp trước. Cảnh giới [không phân biệt, chấp trước] ấy tương ứng với cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Quý vị có thể gìn giữ lâu dài cảnh ấy, bền là Phật, Bồ Tát. Quý vị có thể giữ gìn trong một niệm bền tương ứng trong một niệm, niệm niệm gìn giữ bền niệm niệm tương ứng.

“*Giao la vạn đức*” là nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là Tánh Đức, nên chúng là bình đẳng. Phàm phu chẳng thấy chân tướng này vì có phân biệt, có chấp trước ở trong ấy, khởi lên [phân biệt] đây là thiện, kia là ác, đây là tốt, kia là xấu, đây lên phân biệt, chấp trước trong ấy, nên chẳng thấy chân tướng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có phân biệt và chấp trước, nên các Ngài thấy hết thấy các pháp bình đẳng. Thiên đường và địa ngục bình đẳng, phàm thánh bình đẳng, sanh Phật bình đẳng, [tức là] chúng sanh và Phật bình đẳng, tịnh uế bình đẳng, [tức là] Tịnh Độ và uế độ bình đẳng. Vì sao bình đẳng? Vì tâm các Ngài

bình đẳng. Chúng ta thấy những thứ bất bình đẳng, điều gì bất bình đẳng? Chẳng phải là cảnh giới bất bình đẳng, mà là tâm chúng ta bất bình đẳng, hồng bát! Nói thật thà, một câu Phật hiệu này nhằm mong cho quý vị niệm đến mức bình đẳng, niệm đến mức thanh tịnh. Nếu trong cảnh giới vẫn chưa thể quay đầu, dầu niệm Phật hiệu nhiều đến mấy, đến khi lâm chung chỉ sợ nầy sanh vấn đề, vẫn không đắc lực. Vì thế, tu hành là tu ở chỗ nào? Tu trong cảnh giới bất bình đẳng tội bậc, tu cái tâm bình đẳng của chính mình. Đến khi tâm quý vị đã bình đẳng, quý vị mới thật sự cảm thấy cảnh giới bình đẳng, rất kỳ diệu! Mới biết đức Phật chẳng gạt ta, Phật nói lời thật!

Chính mình phải đích thân tự chứng cảnh giới ấy, quý vị mới có thể chân thật thụ dụng. Chính quý vị chưa thể đích thân chứng cảnh giới ấy, dầu nghe đã nhầm tai, ở trong cảnh giới vẫn thấy có cao, thấp, vẫn bất bình, chẳng có cách nào cả, vẫn chẳng khởi tác dụng! Nói cách khác, dầu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, quý vị chẳng thể thụ dụng! Vì thế, tu học Phật pháp nhất định phải hòa nhập thành một khối với cuộc sống của chính mình thì quý vị mới có thụ dụng. Nếu tu hành thuộc về tu hành, niệm Phật thuộc về niệm Phật, lạy Phật thuộc về lạy Phật, cuộc sống thuộc về cuộc sống, [như vậy là] hoàn toàn trật khớp, há có tác dụng gì đâu? Vô dụng! Người khác tu theo cách nào, chúng ta chẳng cần phải quan tâm, phải tu cho chính mình, điều này mới là trọng yếu, đó gọi là *“kẻ khác mê, ta không mê”*.

Nếu nói cụ thể hơn một chút, tu hành là tu gì? Đầu tiên là quý vị trừ bỏ dục vọng, tham, sân, si, mạn, phải bỏ sạch những thứ ấy. Ngàn vạn phần chớ nghĩ dục vọng chẳng thể bỏ, người khác đều đang truy cầu, làm sao chúng ta có thể bỏ cho được? Vì sao đức Phật bảo chúng ta bỏ sạch hết thấy các dục vọng? Vì có đạo lý, từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta đời đời kiếp kiếp sanh tử luân hồi là do dục vọng giữ trở. Chẳng có dục vọng, sẽ chẳng có luân hồi. Do đó, đức Phật bảo chúng ta đoạn hết thấy dục vọng là đúng, tiếng tăm, lợi dưỡng thấy đều chẳng cần, chẳng dính mắc tí nào. Dính vào ngũ dục lục trần bèn sanh tử luân hồi, đương nhiên là như vậy. Người khác cần, chúng ta không cần. Những thứ chúng ta cần, người khác cũng chẳng cần! Vì thế, chúng ta và người khác đối xử với nhau, kinh nói là *“vạn đức hòa dung”*. Vì sao? Chẳng xung đột! Chẳng xung đột với bất cứ ai. Những gì quý vị cần, tôi đều không cần, những gì tôi cần, quý vị cũng chẳng cần, làm sao có xung đột cho được? Trong ấy có pháp hỷ thật sự, có lợi ích chân thật. Đại Kinh có nói: *“Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi”* (Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật).

Lợi ích chân thật chính là điều này: Khiến cho quý vị trong một đời này, tâm và cảnh như một, pháp hỷ sung mãn, đời sau thấy Phật, thành Phật. Chúng ta phải nhớ điều này, phải nghiêm túc tu học.

(Sao) Điều hòa nhi khắc hài bất bột, dung dịch nhi nhất vị vô quai.

(鈔) 調和而克諧不悖，融液而一味無乖。

(Sao: Điều hòa, nhịp nhàng, chẳng chõn nhau, một mực hòa hợp chẳng trái nghịch).

Hai câu này đều nhằm tán thán nhạc chương.

(Diễn) Thuần Điển vân: “Bát âm khắc hài, vô tương đoạt luân”. Kim tư vạn đức diệc nhiên, thường, lạc, ngã, tịnh, bất bột chân thật thức tri. Biến chiếu pháp giới, bất bột thanh lương bất biến, bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, tức khắc hài bất bột.

(演) 舜典云：八音克諧，無相奪倫。今茲萬德亦然，常樂我淨，不悖真實識知；遍照法界，不悖清涼不變，不離、不斷、不異、不思議，即克諧不悖。

(Diễn: Thuần Điển⁸ chép: “Tám âm điều hòa, đừng bị rối loạn trật tự”. Nay vạn đức cũng giống như thế, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng trái nghịch với sự hay biết chân thật, chiếu khắp pháp giới, chẳng trái nghịch thanh lương, bất biến, chẳng lìa, chẳng đoạn, chẳng khác, chẳng nghĩ bàn chính là “hài hòa, chẳng chống trái”).

“Bát âm⁹ khắc hài” là nhạc giao hưởng. Thời cổ, nhạc khí đơn giản, nhạc khí hiện thời phức tạp, không phải chỉ là tám loại. Quý vị thấy dàn nhạc giao hưởng diễn tấu, nhạc khí có tới mấy chục loại, diễn tấu quả thật vô cùng êm tai, mỗi loại nhạc khí đều có điểm đặc sắc. Dùng những điều ấy để sánh ví Tánh Đức. Đối với Tánh Đức, trong kinh thường tán thán “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Người thế gian có bốn danh xưng ấy, nhưng chẳng có thực chất. Vì sao hữu danh vô thực? Vì Tánh Đức của quý vị chưa thể tỏ lộ, bốn chuyện ấy chỉ có Tánh Đức mới trọn đủ.

“*Thường*” là vĩnh viễn bất biến, đó là Tánh Đức. Thừa cùng chư vị, nếu chúng ta muốn thấu lộ Tánh Đức, đạt được thụ dụng chân thật,

dùng phương pháp gì? Niệm Phật là phương pháp tốt nhất. Chúng ta niệm Phật nhằm mong đạt được gì? Chẳng phải là để được cảm ứng, chẳng phải nhằm đắc thần thông, cũng chẳng phải là để thấy thụy tướng, cũng chẳng phải là để thấy Phật hay thấy quang minh, những thứ ấy đều chẳng phải! Niệm Phật nhằm mục đích đắc nhất tâm bất loạn; nói cách khác, niệm nhằm đạt được cái tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh chẳng có một vọng niệm nào! Khi một vọng niệm cũng chẳng có, bèn là Thường, tâm vĩnh viễn là như vậy. Tâm phàm phu vô thường, vì sao? Niệm này khởi, niệm kia diệt, ý niệm sanh diệt không ngừng, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là vô thường. Người niệm Phật trong mười hai thời chỉ có một niệm A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có niệm nào khác. Niệm ấy là Thường.

Trong tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, đó là Lạc, đấy là Chân Lạc. Lạc trong Thường - Lạc - Ngã - Tịnh chẳng phải là Lạc trong Khổ Lạc. Lạc trong Khổ Lạc là tương đối. Trong Chân Như bốn tánh, khổ và lạc đều chẳng có, đó là Chân Lạc. Nói thật thà, đối với người thế gian chúng ta, lạc cũng là khổ, há có lạc? Có một câu thường nói rất hay: “*Lạc cực sanh bi*”, lạc có thể biến thành bi, biến thành khổ, lạc ấy há có phải là chân lạc? Chẳng phải là chân lạc! Chân lạc vĩnh viễn bất biến, đó là chân lạc.

“*Ngã*” có nghĩa là chúa tể, chính mình thật sự làm chủ. Lục đạo phàm phu trong thế gian này đều chẳng làm được chuyện này. Đừng nói là lục đạo phàm phu, ngay cả A La Hán và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng làm được! Chính mình có thể làm chủ tể, đầu tiên là chúng ta chẳng muốn già, có thể làm được hay không? Chúng ta muốn bất tử. Tôi nói lời thật cùng quý vị, người niệm A Di Đà Phật chẳng già, mà cũng chẳng chết. Mọi người phải luôn nhớ, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tôi thường nói là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, mọi người hãy nghe cho rõ lời này. Như tiên sinh Châu Quảng Đại, ông ta thấy Tây Phương Tam Thánh đến đón tiếp, theo Phật ra đi, sau khi đã đi mới chết, chẳng phải là chết trước rồi sau đấy mới thấy Phật. Thấy Phật đến đón, “ta theo Phật ra đi”, đó là ra đi trong khi còn sống. Sau khi đã ra đi mới chết, chẳng phải là chết rồi mới đi, phải hiểu rõ điều này! Quý vị phải hiểu rõ sự thật này, người ấy chẳng chết, mà là theo Phật ra đi. Vì vậy, pháp môn này là bất sanh, bất diệt, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

“*Tịnh*” là thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, thế giới này liền thanh tịnh, hoàn cảnh liền thanh tịnh, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Phạm phu trong thế gian là “*tâm chuyển theo cảnh*”, rất khổ, bị ngoại cảnh xoay chuyển. Chư Phật, Bồ Tát chẳng bị ngoại cảnh chuyển! Quý vị không bị ngoại cảnh xoay chuyển, còn có năng lực chuyển hoàn cảnh bên ngoài, còn có năng lực chuyển cảnh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”, quý vị chẳng khác gì Như Lai! Quý vị chuyển cảnh giới, chẳng còn bị cảnh giới xoay chuyển chính mình. Người chuyển cảnh giới đắc đại tự tại, người bị cảnh giới chuyển khổ lắm! Có các đồng tu thường nói với tôi, [họ dự tính] tìm một hoàn cảnh tu hành tốt đẹp. Đền đâu để tìm? Hoàn cảnh nào tốt đẹp? Đưa quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị vẫn chẳng vừa ý, vẫn thấy không thuận mắt! Vì sao? Bản thân quý vị có phiền não, quý vị đến đâu để tìm được một hoàn cảnh tốt đẹp? Hoàn cảnh tốt đẹp ở chỗ nào? Trong tâm quý vị. Khi trong tâm quý vị chẳng có vọng niệm, hoàn cảnh bên tốt đẹp. Tìm trong hoàn cảnh y báo nơi thế giới này, sẽ chẳng tìm được. Thật vậy! Tâm đã thanh tịnh thì chẳng chỗ nào không thanh tịnh. Do đó, phải cầu từ trong nội tâm.

“*Biến chiếu pháp giới, bất bộn thanh lương, bất biến, bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị*” (Chiếu khắp pháp giới, chẳng trái nghịch thanh lương, bất biến, chẳng lìa, chẳng đoạn, chẳng khác, chẳng nghĩ bàn). “*Pháp giới*” ở đây là nói tới mười pháp giới. Nếu nói cụ thể hơn một chút, sẽ là xã hội hiện thực của chúng ta. Các tầng lớp khác nhau trong xã hội giống như mười pháp giới. Trong xã hội, chúng ta thường nói có người thiện, có kẻ ác. Người thiện như ba thiện đạo, kẻ ác như tam ác đạo, hoàn cảnh có thuận cảnh và nghịch cảnh, chẳng khác gì mười pháp giới! “*Biến chiếu*” là quý vị đối với tất cả những cảnh giới ấy, đối với những tầng lớp trong toàn thể xã hội, thấy đều hiểu rõ ràng, rành rẽ, nhưng tuyệt đối chẳng trái nghịch sự “*thanh lương bất biến*” của chính mình. Tâm địa hết sức thanh lương, chẳng bị biến đổi bởi cảnh giới bên ngoài. Tâm quý vị thanh tịnh, nhưng vẫn chẳng tách rời, chẳng thoát khỏi xã hội. Tâm và cảnh trọn chẳng phải là hai thứ, [đó là] bất dị! Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Đó là hòa hài, là vạn đức hòa dung, chúng ta dụng công là dụng công ở chỗ này. Vì thế, tổ Liên Trì dùng chữ “*bất tư nghị*” để tổng kết, ý nghĩa này rất sâu.

Tâm và cảnh đích xác là chẳng thể suy nghĩ, Tư là tư duy. Hễ quý vị có Tư là còn có giới hạn, còn có phân biệt, chấp trước. Quý vị thấy

chữ Tư (思) là một chữ thuộc loại Hội Ý, phía trên chữ Tâm (心) vẽ một chữ Điền (田), [tức là cái tâm] có giới hạn! Nói cách khác, quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Tư là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do đó, chớ nên Tư! Chẳng thể Tư thì ta chẳng có phân biệt, chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp trước, đó là dung hợp vạn đức. “Nghị” (議) là nghị luận. Chẳng có nghị luận! Tất cả hết thảy ngôn ngữ, thừa cùng chư vị, đều gọi là “phế thoại” (廢話: lời thừa), đều chẳng có ý nghĩa. Quý vị thấu hiểu ý nghĩa chân thật bằng tự tâm, chẳng thể nói ra được! Do đó, nhà Phật thường nói: “Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xir diệt”. Quý vị có thể thực hiện công phu như vậy, Thật Tướng của các pháp liền hiện tiền, Tánh Đức liền biểu lộ. Đối với hết thảy các pháp, không nghĩ ngợi, không bàn luận, hiểu rõ ràng, rành rẽ, chiếu khắp pháp giới, đó là “khắc hài bất bật” (hài hòa, chẳng trái nghịch), chẳng trái phạm tự tánh. Bất luận trong cảnh giới nào cũng đều chẳng trái phạm tự tánh, đều thuận theo tự tánh, nên Tánh Đức biểu lộ.

(Diễn) Kim tư vạn đức diệt nhiên, xác thực hữu thử chư công đức nghĩa, nhi vô sai biệt chi tướng, đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như dã.

(演) 今茲萬德亦然，確實有此諸功德義，而無差別之相，等同一味，唯一真如也。

(Diễn: Nay vạn đức cũng giống như thế, xác thực là có các ý nghĩa công đức ấy, nhưng chẳng có tướng sai biệt, cùng là một vị như nhau, chỉ là một Chân Như mà thôi).

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do Tánh Đức lưu lộ. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ao bảy báu, nước tám công đức, vàng ròng lót đất, đó là Tánh Đức. Núi đao, vạc dầu trong địa ngục cũng là Tánh Đức. Vì thế, nói theo Tánh Đức thì chẳng khác gì nhau, chân tâm năng biến (có thể biến) chẳng khác nhau, nhưng hiện tướng được biến ra khác nhau, nên có sai biệt. Trong sai biệt có vô sai biệt, vô sai biệt là tánh có thể biến, sai biệt là tướng. Tánh - tướng như một, sai biệt là chẳng có sai biệt. Kết luận là “đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như dã” (cùng là một vị như nhau, chỉ là một Chân Như), câu này có ý nói: Trong tận hư không khắp pháp giới, trên là các cõi

Phật thanh tịnh, dưới là A Tỳ địa ngục, “*đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như*”, quý vị chia rời như thế nào đây? Quý vị đặc nhất tâm bất loạn sẽ là cảnh giới này. Ta niệm Phật, có niệm đến mức nhất tâm hay không? Quý vị hãy phản tỉnh: Cảnh giới trước mắt có phải là như vậy hay không? Cảnh giới trước mắt quả nhiên là như vậy thì gần như là công đức của quý vị đã thành tựu. Phải ghi nhớ: Kẻ khác có phân biệt, ta vô phân biệt. Ta phân biệt là vì kẻ khác phân biệt nên bèn phân biệt, chẳng phải vì chính mình có phân biệt. Do đó, Phật, Bồ Tát thuyết pháp là Tha Thụ Dụng, phân biệt giùm người khác, bản thân Phật, Bồ Tát có phân biệt hay không? Chẳng có! Chính mình vĩnh viễn là tâm và cảnh như nhau, “*đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như*” là cảnh giới của chính vị Phật hay Bồ Tát đó.

(Sao) Nhẫn, Tấn tương dữ đề ngang, tức huân minh, trì tấu.

(鈔) 忍進相與低昂，則塤鳴篪奏。

(Sao: Nhẫn và Tấn cao thấp tương ứng, tức là huân thôi, dịch tấu¹⁰).

Trong Bồ Tát hạnh, nêu ra hai thứ là Nhẫn Nhục và Tinh Tấn, đây là hai thứ trong Lục Độ. Lục Độ là khuôn phép và tiêu chuẩn cho cuộc sống và hành vi của Bồ Tát, gồm có sáu điều. Trong sáu điều, đặc biệt chỉ ra hai điều nhằm chuyên nói với người tu Tịnh Độ, cũng nhằm nói rõ: Chúng ta niệm Phật công phu không đắc lực do đã sơ sót hai chữ [Nhẫn và Tấn] ấy. Vì sao? Chẳng thể nhẫn nại chịu đựng, một tí chẳng vừa ý vật vãnh bèn vút bỏ ngay, làm sao có thể thành công cho được?

(Diễn) Nhẫn giả, ác mạ chúy đả, giai tất năng nhẫn, do như đại địa, do như kiều lương, nhậm nhất thiết tiền đập, nhi bất khởi nhất niệm, cố viết Đê.

(演) 忍者，惡罵捶打，皆悉能忍，猶如大地，猶如橋梁，任一切踐踏，而不起一念，故曰低。

(Diễn: “Nhẫn”: Chửi bới nặng nề, đánh đập, đều có thể nhẫn, giống như đại địa, hoặc như cầu bến, mặc cho hết thấy giày xéo nhưng chẳng khởi một niệm, nên nói là Thấp).

Chúng ta có thể làm được hay không? Chư vị phải luôn nhớ một câu, “*trong hết thấy cảnh giới mà chẳng thể nhẫn, kẻ ấy chẳng thể thành*

tự". Người nào thành tự? Điều gì cũng đều có thể chịu đựng, loại người ấy thành tự! Trong Bồ Tát hạnh, trước hết phải chịu đựng nghịch cảnh. Nói cách khác, phải ở trong hoàn cảnh xấu xa, kém cỏi nhất mà đoạn cái tâm sân khuê của chính mình. Tâm sân khuê chẳng có, chẳng đọa địa ngục. Vì thế, khi tu hành, vì sao phải tu trong nghịch cảnh? Tôn giả Đại Ca Diếp xuất thân từ gia đình phú quý. Sau khi xuất gia, Ngài bèn tu khổ hạnh, nhận được những điều kẻ khác chẳng thể nhận. Trong xã hội ngày nay, người thật sự biết tu hành thành tự mau, mà bị đào thải cũng mau! Chẳng thể nhận bèn bị đào thải, có thể chịu đựng bèn thành tự. Thường có người chửi bới, đánh đập, hủy nhục chúng ta, thì đối với một người tu hành chân chánh, kẻ đó là một vị đại thiện tri thức. Chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy kiếp tới nay như thế nào? Kẻ ấy đã tiêu trừ thay cho chúng ta. Quý vị thấy trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, Cam Lộ Hỏa Vương là thiện tri thức giống như vậy. Suốt ngày từ sáng đến tối kiếm chuyện gây khó dễ, hễ đôi chút trái ý bèn đánh, chửi, lại còn giết quý vị. Đã thế, chẳng giết ngay, mà còn lẳng trì xử tử, khiến cho quý vị chết từ từ. Đó là đại thiện tri thức, là vị thầy về Nhẫn Nhục Ba La Mật, cách dạy Nhẫn Nhục Ba La Mật là như vậy. Nếu quý vị có thể tiếp nhận, học chẳng động tâm trong cảnh giới, sẽ đoạn hết sân khuê. Không trải qua cửa ải này, sân khuê chẳng dễ gì đoạn được! Ý niệm sân khuê rất sâu, bình thường bản thân quý vị chẳng thể phát giác, khi cảnh giới hiện tiền, nó bèn tự nhiên bộc lộ.

Vì thế, phải đoạn trừ sân khuê trong nghịch cảnh thì tâm chúng ta mới đạt được thanh tịnh. Thật sự đoạn trừ tâm sân khuê, tức là tu thành công Nhẫn Nhục Ba La Mật. Lại tu trong thuận cảnh, tu gì trong thuận cảnh? Đoạn tâm tham, đoạn tâm ái. Vì vậy, người bình phàm tu hành, trước hết là [tu] từ nghịch cảnh sẽ dễ thành tự; vừa mở đầu bèn tu trong thuận cảnh, chẳng dễ gì thành tự! Nếu chư vị lẳng lòng quan sát một phen, sẽ thấy từ xưa tới nay, trong và ngoài nước, những nhân vật anh hùng hào kiệt thật sự trội vượt người khác, gần như đều là con em nhà nghèo hèn. Quý vị hãy xem trong lịch sử, có mấy ai xuất thân là con em nhà giàu có? Quá ít! Thuận cảnh thường khiến cho chí khí của con người bị hủy diệt, nghịch cảnh dễ rèn luyện con người. Vì thế, dạy chúng ta hãy học theo đại địa. Địa Tạng Vương Bồ Tát đại diện cho Nhẫn Nhục Ba La Mật, đại địa mặc cho kẻ khác giẫm đạp, nó vẫn có thể chịu đựng!

(Diễn) Tấn giả, hiểu dạ vong bì, tinh tấn bất giải, do như nhất nhân dữ vạn nhân địch, dũng mãnh trực tiền, cố viết Ngang.

(演) 進者，曉夜忘疲，精進不懈，猶如一人與萬人敵，勇猛直前，故曰昂。

(Diễn: Tấn là đêm ngày quên mệt, tinh tấn chẳng lười nhác, giống như một người chống lại vạn người, dũng mãnh tiên thẳng lên phía trước, nên gọi là Cao).

Tấn là tinh tấn. Có nhiều người, dường như cũng rất dụng công, mỗi ngày cũng Tấn, nhưng chẳng phải là Tinh Tấn, mà là Tạp Tấn, dũng mãnh tạp tấn, dũng mãnh loạn tấn, làm sao thành công cho được? Chẳng thể thành công! Thuần mà chẳng tạp, thâm nhập một môn, đó mới là Tinh Tấn. Học rất nhiều thứ, rất tạp, không được! Ngày đêm quên mệt, tinh tấn chẳng lười nhác, dũng mãnh tiên thẳng lên trước, sức mạnh nào thúc đẩy kẻ ấy? Thừa cùng chư vị, pháp hỷ! Kẻ ấy càng tu càng hoan hỷ, sức mạnh đó thúc đẩy kẻ ấy. Nếu tu học chẳng đạt được pháp hỷ, quyết định sẽ đi vào lối rẽ. Nếu quý vị chẳng đi sai đường, nhất định có pháp hỷ, pháp hỷ sung mãn, thật sự sung sướng, thật sự tự tại. Nếu học Phật càng học càng khổ, sai mất rồi, chắc chắn là đã đi lạc đường. Người học Phật nhất định là càng học càng vui sướng, càng học tâm địa càng thanh tịnh, càng học tâm lượng càng rộng lớn, đích xác là phiền não, ưu lự thảy đều dần dần phai nhạt, quên đi, đến cuối cùng tìm chẳng thấy nữa! Người ấy lẽ nào chẳng vui sướng? Thông đạt, hiểu rõ hết thảy Lý Sự, nhưng chẳng khởi một niệm, liền tương ứng với Tánh Đức. Hiểu rõ, thông đạt hết thảy, nhưng còn có vọng niệm thì chưa phải là Phật, Bồ Tát, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Nhẫn nhục và tinh tấn cũng là đồng thời.

(Diễn) Chánh nhẫn nhục thời, chánh tinh tấn; dữ tinh tấn thời, dữ nhẫn nhục.

(演) 正忍辱時，正精進；愈精進時，愈忍辱。

(Diễn: Ngay trong lúc nhẫn nhục là lúc tinh tấn; khi càng tinh tấn thì càng nhẫn nhục).

Trong ấy có pháp vị thật sự, có thụ dụng thật sự. Nói cách khác, người không tinh tấn chẳng thể nhẫn. Người chẳng thể nhẫn tức là không có tinh tấn. Đó là đạo lý nhất định.

(Diễn) *Huân minh trì tấu giả, huân, thổ vi chi, trì, trúc vi chi, nhị khí hỗ tương xướng họa.*

(演) 塤鳴箎奏者，塤，土為之，箎，竹為之，二器互相唱和。

(Diễn: “Huân minh, trì tấu”): Huân làm bằng đất, Trì làm bằng tre. Hai thứ nhạc khí cùng nhau xướng họa).

Trong kinh Thi có một đoạn chép về [hai thứ nhạc khí này]. Huân và Trì đều là nhạc khí thời cổ. Huân làm bằng đất sét, có hình dạng giống như cái nậm, dưới đáy có mấy lỗ để thổi. Trì làm bằng tre. Hai thứ nhạc khí này có thể hòa tấu với nhau. “*Thi vân: Bá thị xuy huân, trọng thị xuy trì*” (Kinh Thi chép: “Anh thổi huân, em thổi trì”). “*Bá*” (伯) là anh, “*Trọng*” (仲) là em, [dùng chữ Huân Trì] để sánh ví anh em hòa thuận.

(Diễn) *Kim thử Nhãn Tấn, đê ngang hỗ tạo, như huân trì chi hỗ vi cao hạ dã.*

(演) 今此忍進，低昂互造，如塤箎之互為高下也。

(Diễn: *Nay Nhãn và Tấn cao thấp nâng đỡ nhau, như tiếng Huân và tiếng Trì cao thấp hỗ trợ nhau).*

Giống như hai thứ nhạc khí Huân và Trì, một nhạc khí âm thanh thấp, một nhạc khí âm thanh cao, hai thứ điều hòa cho nhau. Vì thế, người ấy khiêm hạ chẳng phải là thật sự khiêm hạ, mà là dũng mãnh tinh tấn. Tuy dũng mãnh tinh tấn, người ấy có thái độ rất nhún nhường, chẳng kiêu mạn, chẳng ngạo mạn. Ý nghĩa này hết sức vi diệu, hết sức viên mãn, hy vọng các đồng tu hãy chú tâm lãnh hội, nhất định phải đạt được sự thụ dụng chân thật trong Phật pháp. Cũng là nhất định học sao cho có thể ứng dụng trong cuộc sống, ứng dụng vào xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật. Trong cuộc sống, trong hoàn cảnh nhân sự hằng ngày, bản thân chúng ta thật sự đạt được tâm thanh tịnh, thật sự thành tựu từ bi, Nhãn và Tấn đầy đủ, như vậy thì mới có thể thành tựu. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

Tập 154

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm ba mươi:

(Sao) Chỉ Quán song thành Định - Huệ, tức ngọc chân kim thanh.

(鈔) 止觀雙成定慧，則玉振金聲。

(Sao: Chỉ Quán cùng thành tựu Định và Huệ, tức là tiếng ngọc rung, tiếng vàng chạm).

Đây là câu thứ ba để giải thích Tánh Đức. Chú giải nói rất tỉ mỉ, đáng cho chúng ta lưu ý. “*Chỉ Quán*” là nhân, “*Định - Huệ*” là quả. Nói theo nghĩa rộng, Phật pháp bát luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều lấy Tam Học Giới, Định, Huệ làm tông chỉ tu học. Đối với Tam Học, Tiểu Thừa và Đại Thừa chỉ là do công phu sâu hay cạn mà có sai biệt, còn những điều khác trọn chẳng khác gì nhau. Vì lẽ đó, các đồng tu học Phật chúng ta phải nỗ lực tranh thủ tăng thượng Tam Học. Trong thế gian hiện thời, từ trong và ngoài nước, chúng ta thấy rất rõ rệt là Tam Độc tăng thượng, phiền phức to lớn. Tam Độc là tham, sân, si, mỗi năm một nghiêm trọng hơn. Đó là cội nguồn khiến cho thế giới động loạn, bất an, tai nạn xảy ra, tuyệt đối chẳng phải là chuyện tốt. Trong rất nhiều kinh luận, đức Phật đã dạy, tuy mọi người chúng ta trong thế gian này có công nghiệp, nhưng trong công nghiệp còn có biệt nghiệp, có bất công nghiệp. Do vậy, chúng ta đồ công độc sức nơi Tam Học, hòng có thể tiêu tai miễn nạn, có thể đạt được hạnh phúc viên mãn.

Tu Giới, Định, Huệ từ chỗ nào? Từ Chỉ Quán, vì thế, “*Chỉ Quán là nhân*”. Chỉ (止) là ngưng dứt những gì? Trong phần trên đã nói là “*chỉ kỳ tán*” (dứt tán loạn). “*Tán*” rốt cuộc là gì? Là vọng niệm, suy nghĩ loạn xạ. Chữ Tán (散) chỉ sự suy nghĩ loạn xạ. Quý vị muốn ngưng tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì Chỉ là công phu, Chỉ lâu ngày sẽ đắc Định. Do vậy có thể biết, nếu chẳng ngưng nghĩ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị tu bất cứ pháp môn gì cũng chẳng thể thành tựu. Đối với niệm Phật, cổ đức nói mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu vẫn uổng công, “*rách toạc cổ họng uổng công thôi!*” Vì sao? Vọng tưởng tạp niệm của quý vị không ngưng được! Vì sao chẳng

nói ngừng thân và ngữ? Thừa quý vị, hễ ý niệm thanh tịnh, thân và miệng tự nhiên thanh tịnh. Vì thế, công phu này dùng nơi ý địa, dùng trên tâm địa. Tâm đã thanh tịnh, thừa cùng quý vị, tự nhiên sẽ ít nói, tự nhiên chẳng có lầm lỗi, đó là đạo lý nhất định, vì sao? Ý niệm đã chánh.

Chúng ta niệm Phật mong niệm đến mức nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là Định. Chưa thể đạt đến nhất tâm bất loạn, bèn mong đắc công phu thành thiền. Công phu thành thiền cũng là Định. Nói cách khác, đều phải từ Chỉ Quán quý vị mới hòng đạt được. Do vậy, phải tiêu trừ vọng niệm. Chuyện không bắt buộc phải biết, tốt nhất là chẳng cần biết đến. Vì lẽ đó, tôi khuyên các đồng tu ít xem báo chí, ít xem TV, tốt nhất là không xem. Hằng ngày trong tâm chẳng có chuyện gì, thiên hạ thái bình. Ít tiếp xúc hết thầy mọi người, vì quý vị vừa tiếp xúc bèn tạp tâm chuyện gẫu, họ Trương giỏi, họ Lý dở. Tiếp xúc kẻ khác ắt có thị phi, cổ đức bảo: *“Biết chuyện ít, phiền não cũng ít; biết nhiều người, lắm nỗi thị phi”*, biết chuyện ít thì phiền não của quý vị sẽ ít đi. Ít quen biết người khác, chuyện thị phi cũng ít, tâm quý vị mới thanh tịnh thì mới có thể Chỉ được. Nói cách khác, chúng ta phải biết cách Chỉ như thế nào? Tốt nhất là chớ nên đi lung tung khắp nơi bên ngoài, ít tiếp xúc những hoàn cảnh bên ngoài, tâm chúng ta bèn Chỉ. Muốn tu tâm thanh tịnh, muốn tu nhất tâm bất loạn, muốn tu công phu thành thiền, mà vẫn phan duyên khắp nơi, làm sao có thể thành công cho được? Chẳng thể nào thành công, vì cách làm của quý vị hoàn toàn tương phản! Vì thế, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu giáo huấn của cổ đức, những giáo huấn ấy đích xác là rất hữu lý. Bởi lẽ, Chỉ lâu ngày bèn thành Định, công phu thành thiền. Công phu thành thiền lâu ngày sẽ đắc nhất tâm bất loạn.

“Quán” là gì? Quán là trong tâm hiểu rành mạch, rõ ràng thì là Quán. Chẳng phải là hồ đồ, chẳng phải là mê hoặc, điên đảo, mà là rõ ràng. Đã rõ ràng lại còn chẳng có vọng niệm thì mới gọi là Quán. Nếu có vọng niệm, chẳng gọi là Quán. Chúng ta dốc sức tu Quán thì phải biết bắt đầu từ chỗ nào? Thừa cùng quý vị, khởi đầu bằng chấp trì danh hiệu. Trong tâm chẳng có một vọng niệm hay tạp niệm là Chỉ, mỗi câu Phật hiệu rõ ràng từng chữ, câu này nối tiếp câu kia, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng gián đoạn, đó là Quán. Quý vị có Chỉ sẽ không dừng ở bên Có; có Quán sẽ không dừng ở bên Không. Chẳng rơi vào hai bên Có và Không, trong Đại Thừa Phật pháp thường nói là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa.

Vì lẽ đó, niệm Phật là tu Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, đó gọi là *“Chỉ - Quán song vận, Định - Huệ đồng học”* (Vận dụng cả Chỉ lẫn Quán, Định và Huệ đều học cân bằng), chính là một câu A Di Đà Phật.

Các vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, so với các pháp môn khác, phương pháp này thật sự đơn giản hơn, dễ dàng hơn rất nhiều! Phương pháp Chỉ Quán trong các pháp môn khác đích xác là rất khó học, chẳng dễ gì học được! Phương pháp Chỉ Quán trong pháp môn Niệm Phật rất dễ học, ai nấy đều có thể học, ai nấy đều biết học. Vì vậy, Chỉ Quán song thành Định - Huệ. Chẳng thể nói: “Đối với hai thứ ấy, tôi tu một thứ”. Tu một thứ chẳng được. Tu một thứ sẽ lệch vào một bên, một bên cũng chẳng được, ắt phải là “*Chỉ Quán đồng học*” thì Định - Huệ mới đều thành tựu.

Câu cuối cùng là tỷ dụ: “*Ngọc chấn kim thanh*”, chữ “kim” và “ngọc” đều chỉ nhạc khí. “Kim” là chuông. Thời cổ, trước khi tấu nhạc bèn gõ chuông. Hiện thời, trong Quốc Nhạc¹¹ hoặc nhạc giao hưởng, đôi khi gõ thanh la, thanh la cũng là nhạc khí thuộc loại Kim. Chúng ta nói “*khai la*” (đánh thanh la để mở đầu). Trong diễn tuồng, trước khi khai diễn bèn đánh thanh la trước; [còn trong cổ nhạc], trước khi diễn tấu bèn gõ chuông. Chuông để dẫn nhập, “*bát âm vị tác, tắc tiên kích bác chung, dĩ tuyên kỳ thanh*” (trước khi nhạc bát âm tấu lên, trước hết gõ chuông to, dùng âm thanh ấy để tuyên dương tiếng nhạc). “Ngọc” là khánh. Khánh vào thời cổ, dùng ngọc thạch chế thành, là một thứ nhạc khí thuộc bộ gõ, có hình dạng giống như cái thước cong, bẻ thành góc vuông chín mươi độ, chính giữa có lỗ để có thể treo trên giá. Dàn khánh (biên khánh) gồm một loạt những cái khánh lớn hay nhỏ khác nhau, gõ lên sẽ có âm thanh khác nhau. Sau khi âm nhạc tấu xong bèn gõ khánh, tiếng khánh để kết thúc, [báo hiệu] nhạc khúc ấy đã tấu xong. “*Hậu tập đặc khánh, dĩ thâm kỳ vận*” (Để kết thúc, đặc biệt dùng khánh, nhằm thâm kết âm vận của khúc nhạc). Hai chữ ấy (kim và ngọc) được dùng ở đây [nhằm diễn tả ý] từ đầu tới cuối: Đầu tiên là Chỉ Quán, cuối cùng là Định - Huệ, có ý nghĩa này.

Tông Thiên Thai nói Chỉ Quán, còn người niệm Phật chúng ta chẳng chú trọng [Chỉ Quán], [nếu nghĩ như vậy] thì sai mất rồi! Một câu Phật hiệu của người niệm Phật hoàn toàn sử dụng cả Chỉ lẫn Quán. Vì vậy, câu Phật hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, đích xác là toàn thể vô lượng pháp môn trong Phật pháp đều được hàm nhiếp trong ấy. Do đó, chúng ta phải đặc biệt coi trọng Chỉ Quán. Tôi lại nói đơn giản hơn một chút, Chỉ là quý vị khuất phục tập khí vọng tưởng phiền não; Quán là giữ gìn sự tỉnh giác sáng suốt, chẳng quên mất A Di Đà Phật, đó là Quán. Giảng kiểu này mọi người sẽ dễ hiểu!

(Sao) Từ bi, tất ai hỷ bất thương, hỷ xả, tất lạc nhi bất dật.

(鈔) 慈悲，則哀矣不傷；喜捨，則樂而不泯。

(Sao: Từ bi là xót xa, nhưng chẳng bi thương; hỷ xả là vui vẻ, nhưng chẳng buông lung).

“Từ bi hỷ xả” là Tứ Vô Lượng Tâm. Tâm thể là vô lượng, kinh Lăng Nghiêm có nói: “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, tâm là vô lượng. Từ, bi, hỷ, xả là tác dụng của tâm, Thể là vô lượng, nên Dụng cũng rộng lớn vô lượng. Hiện thời, tâm chúng ta có tác dụng rất nhỏ. Tự tư tự lợi, tâm lượng rất bé, trái nghịch thể tướng của tự tâm, mê mất tự tánh, đó là phạm phu.

“Từ” là ban sự vui sướng cho hết thảy chúng sanh. Chúng ta thấy chúng sanh khổ, làm thế nào để có thể khiến cho hết thảy chúng sanh sung sướng. Đó là Từ. Bi là dẹp khổ cho chúng sanh. Chúng sanh có khổ, chúng ta dùng phương pháp gì giúp họ giải quyết. Đó là tâm từ bi. Thừa cùng chư vị, tâm từ bi là ứng dụng chánh đáng của chân tâm. Khi đánh mất tâm từ bi, tâm ấy bị biên chất, chẳng chánh đáng, đúng mực. Tác dụng chánh đáng, đúng mực nhất định là từ bi, lại còn là đại từ đại bi. “Đại” có nghĩa là gì? Đại là thanh tịnh, bình đẳng. Từ bi đối với hết thảy chúng sanh, khởi tác dụng chắc chắn chẳng có phân biệt, lòng Từ ấy là đại từ. Nếu chúng ta đối với hết thảy chúng sanh còn có phân biệt, đối với người thân thiết, gần gũi với ta, ta bèn đối xử với kẻ ấy tốt đẹp hơn, đối với kẻ chẳng thân thiết, gần gũi, bèn đối đãi kém hơn; tâm từ bi kiêu đó chẳng thể gọi là đại từ bi! Đại từ bi chẳng có giới hạn, chẳng có những thứ phân biệt, chấp trước thì mới là đại từ đại bi. Do vậy, phải vun bồi tâm từ bi.

Tâm từ bi là vốn có, nhưng bản thân chúng ta từ vô thủy kiếp tới nay đã mê mất, chẳng biết mối quan hệ giữa chính mình và kẻ khác. Tuy chúng ta tiếp xúc Phật pháp, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nghe đức Phật dạy: “Tự tha nhất thể, sanh Phật bất nhị” (Ta và người là một Thể, chúng sanh và Phật chẳng hai), nghe đã nhàm tai, nhưng chẳng làm được, người thân vẫn là thân, kẻ sơ vẫn là sơ. Vì sao chẳng làm được? Mê quá sâu, chấp trước quá nặng! Tuy đức Phật nói như vậy, chúng ta cũng thường nghe, nhưng vẫn chưa thể hiểu rõ chân tướng thật sự. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, thừa cùng quý vị, buông xuống rất dễ dàng! Thật sự khó là khó thấy thấu suốt, chứ buông xuống rất dễ dàng! Nhìn không thấu suốt, nói thật ra là do chẳng buông xuống được! Không buông xuống là vì chẳng thấy thấu suốt! Thật sự thấy thấu suốt sẽ lập tức buông xuống, vì sao? Kẻ đó thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng thật, quyết định

chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chẳng thể nào có [những phiền não ấy nữa]. Nếu còn có những thứ ấy, nói cách khác, kẻ ấy vẫn chưa thấy thấu suốt. Đức Phật giảng lý ấy, kẻ đó chưa thật sự thấu hiểu. Tuy kẻ ấy cũng có thể nói, nhưng nói được là vì nghe đức Phật nói như thế, chẳng phải là lời lẽ chân thật lưu lộ từ trong tự tánh của kẻ đó. Thật sự thấy thấu suốt, ngôn ngữ sẽ từ trong tự tánh lưu lộ, khác hẳn, mảy may tình chấp đều chẳng có! Tình là vọng tưởng, Chấp là chấp trước. Chẳng có tình chấp, không kèm theo tình chấp.

Thật sự hiểu chúng sanh và chính mình là một Thể, niệm niệm đều nghĩ đến sự khổ vui của chúng sanh, chẳng nghĩ đến chính mình. Vì sao chẳng nghĩ tới chính mình? Chúng sanh là chính mình, tự và tha là một Thể mà! Nếu quý vị chuyên biến quan niệm thành như vậy, quý vị trở thành Bồ Tát. Niệm niệm còn nghĩ có Ngã, chắc chắn là phàm phu. Phàm phu có Ngã, từ A La Hán trở lên chẳng có Ngã, Ngã Chấp đã phá. Do vậy, niệm niệm còn có Ngã thì chính mình phải giác ngộ, chắc chắn là ta chưa chứng A La Hán. A La Hán chẳng có Ngã, nay ta còn có Ngã. Nếu lấy tiêu chuẩn của kinh Kim Cang để nói, ta còn có “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”. Kiên trì giữ chặt những phân biệt, chấp trước ấy, chẳng bỏ, quý vị là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Bồ Tát thật sự phá sạch bốn tướng ấy, quý vị còn chấp trước bốn tướng ấy, nên chẳng phải là Bồ Tát, kinh Kim Cang nói “*tức phi Bồ Tát*” (chẳng phải là Bồ Tát). Đã thọ Bồ Tát Giới vẫn chẳng phải là Bồ Tát. Chẳng phải là nói “ta thọ Bồ Tát Giới thì là Bồ Tát!” Nếu chẳng có bốn tướng ấy, dầu chẳng thọ Bồ Tát Giới, vẫn là Bồ Tát, quý vị là Bồ Tát thật sự. Có thể thấy: Muốn phá tan chấp trước ấy, phá tan bốn tướng, dùng phương pháp gì? Dùng từ, bi, hỷ, xả, chuyển biến cái tâm chỉ quan tâm chính mình thành cái tâm quan tâm hết thấy chúng sanh.

Chữ Hỷ rất trọng yếu, nó phá trừ phiền não ganh tỵ, chướng ngại. Nói thật ra, lục đạo phàm phu tâm ganh tỵ rất nặng. Thấy người ta có điều hay, trong tâm mình rất khó chịu. Hỷ là phá trừ tâm ganh tỵ, thấy điều hay của người khác bèn hoan hỷ. “*Hỷ chúng sanh ly khổ đắc lạc*” (Vui thích chúng sanh lìa khổ, được vui). Chính mình chịu khổ chẳng sợ, chẳng muốn chúng sanh chịu khổ sở, mong mỗi chúng sanh có thể lìa khổ được vui.

Xả là buông xuống. “*Nhất pháp bất trước, vạn duyên giai xả*” (Chẳng chấp một pháp, muôn duyên đều xả). Không chỉ chẳng chấp pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng chấp. Nếu ta chẳng chấp pháp thế gian, nhưng chấp Phật pháp thì sự chấp trước của quý vị có khác gì

đâu? Chỉ bất quá là thay đổi đối tượng mà thôi, vô dụng! Do đó, phải thật sự buông xuống. Buông xuống, quý vị sẽ tự tại, sẽ an lạc. Do đó nói: Ưu lự, vướng mắc, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều buông xuống. Câu này nói dễ dàng, nhưng thực hiện rất khó, ắt phải thật sự giác ngộ thì mới chịu làm như vậy! Thật sự giác ngộ gì vậy? Giác ngộ sanh tử luân hồi đáng sợ. Nếu quý vị chẳng buông xuống; nói cách khác, quý vị phải vĩnh viễn sanh tử luân hồi!

Hễ sanh tử luân hồi, tôi đặc biệt nhắc nhở chư vị đồng tu, đời sau chắc chắn chẳng bằng đời này. Đời này chúng ta ở trong nhân đạo của lục đạo, đời sau đi về đâu? Nhất định đọa trong ba ác đạo. Đừng nói là học Phật [chẳng sợ đọa ác đạo], người học Phật đọa ác đạo càng nhiều, người xuất gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Các vị xem truyện ký của cô nhân, [sẽ thấy] chùa Quốc Thanh là tổ đình của tông Thiên Thai, là đạo tràng của Trí Giả đại sư. Hàn Sơn và Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân, hòa thượng Phong Can là hóa thân của A Di Đà Phật, lúc trụ trong thế gian, ba vị ấy đều ở chùa Quốc Thanh. Thuở ấy, chùa Quốc Thanh có vườn phóng sanh, Hàn Sơn và Thập Đắc thường đến tìm bọn súc sanh trong vườn phóng sanh, cho chúng ăn. Công việc của họ là làm tạp vụ trong nhà bếp, nên đem thức ăn thừa cho các con vật ăn. Khi họ cho chúng ăn, thường gọi các con vật bằng tên, kêu một tên thì một con chạy lại. Mọi người nghe những tên được gọi, thấy toàn là [pháp danh của] những người xuất gia trước kia ở chùa Quốc Thanh đã chết. Trong Quốc Thanh Tự Tự Chí có chép chuyện này. Đời trước là người xuất gia, đời này là súc sanh, còn may là súc sanh được người ta phóng sanh. Người xuất gia còn như thế, người tại gia cũng chẳng có ngoại lệ. Chúng ta phải thật sự giác ngộ điều này.

Chúng ta chỉ có một sanh lộ là cầu sanh Tây Phương. Con đường này nhất định là có thể đi thông suốt, vấn đề là quý vị có chịu đi hay không? Nếu quý vị chịu đi, phải nhớ giáo huấn trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, phải nỗ lực thực hiện, quyết định chẳng thể vi phạm, thật thà niệm Phật như vậy thì mới có thể đảm bảo vãng sanh. Nếu tâm hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch giáo huấn của đức Phật, quý vị niệm Phật kiểu nào cũng uổng công, quý vị chỉ niệm tốt lành đằng miệng, tâm chẳng lành! Phật pháp là tâm pháp, thành Phật là tâm thành Phật, chẳng phải là miệng thành Phật. Miệng chẳng thể thành Phật, tâm thanh tịnh thì mới có thể thành Phật. Vì thế, Xả rất trọng yếu, phải là muôn duyên đều bỏ, phải bỏ từ tâm địa. Chúng ta cũng phải nhận thức rõ ràng điều này, không phải là bảo quý vị “từ nay về sau chuyện gì cũng chẳng muốn

làm”, chẳng phải vậy! Trong thế gian này, quý vị có gia đình, có nghĩa vụ, có trách nhiệm, đó là nghiệp, chẳng có cách nào bỏ được, ắt phải gánh lấy trách nhiệm, phải tận hết chức trách. Nói cách khác, trừ những điều ấy ra, đối với những điều khác, phải tận hết sức buông bỏ, phải giữ bản phận.

Học Phật cũng là như thế. Ta đã chọn lựa Tịnh Độ, đã phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ giữ một bộ kinh này, hoặc tối đa là chọn Tịnh Độ Ngũ Kinh. Ngoài năm kinh ra, [các kinh, luận khác] ta phải bỏ, như vậy thì mới phù hợp với “*một bề chuyên niệm*” như kinh Vô Lượng Thọ đã dạy. Chuyên niệm thì mới có thể thành tựu. Trong phần trước đã nói tới Chỉ Quán, chuyên thì mới có thể Chỉ được! Quý vị học quá nhiều, học rất tạp, chẳng thể Chỉ được! Quý vị xem kinh nhiều, thấy trong kinh này, đức Phật nói như thế này, kinh kia lại nói như thế nọ, quý vị bèn dấy lên phân biệt, dấy lòng nghi hoặc, khởi vọng tưởng, quý vị bị tổn hại rất lớn. Vì thế, học gì nhất định cũng phải là thâm nhập một môn.

“*Từ bi, hỷ xả*” là Tánh Đức tự nhiên biểu lộ, nhưng Tánh Đức biểu lộ vẫn phải nhờ Tu Đức giúp đỡ. Công phu Tu Đức chẳng đạt đến mức, Tánh Đức chẳng thể hiện tiền! Tánh Đức biểu lộ, đương nhiên là như đã nói ở đây: “*Ai hỷ bất thương, lạc nhi bất dật*” (Xót xa, nhưng chẳng bi thương; vui vẻ, nhưng chẳng buông lung). Hai câu này đều là nói: Từ bi hỷ xả chánh đáng, sẽ chẳng sanh ra những khuyết điểm, không nảy sanh tác dụng phụ. Hai câu này có dụng ý rất sâu và cũng hết sức trọng yếu. Trong Phật môn, chúng ta thường nói, Phật pháp là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, nhưng Phật môn cũng rất thường nói: “*Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*”. Có rất nhiều người học Phật pháp một cách ngây ngốc, học chết cứng, Phật pháp dạy họ phải đại từ đại bi, họ [thực hiện lời dạy] rất tốt, suốt ngày từ sáng đến tối đều từ bi, nhưng chuốc lấy một thân rắc rối!

Nhất là trong xã hội hiện thời, [con người] không nề hà thủ đoạn lừa đảo người khác, kẻ từ bi ắt dễ bị lừa. Quý vị đã bị người ta lừa, mà chính mình vẫn ngỡ ta đang tu từ bi, oan uổng quá! Do vậy, từ bi hỷ xả phải kiến lập trên cơ sở Định - Huệ. Hai câu này chẳng thể đảo lộn thứ tự! Vì sao, trước đó phải nói “*Chỉ Quán song thành Định - Huệ*” (Chỉ Quán cùng vận dụng để thành tựu Định - Huệ), rồi mới nói từ bi hỷ xả? Quý vị chẳng có cơ sở Định - Huệ, từ bi hỷ xả sẽ gặp phiền phức lớn. Quý vị hiểu đạo lý này, biết thứ tự tu học, hiện thời, chuyện khẩn yếu là ta tu Chỉ Quán trước tiên. Định - Huệ của ta chưa thành tựu, từ bi hỷ xả

sẽ có ngàn hạn. Sau khi Định - Huệ thành tựu, từ bi liền biến thành đại từ đại bi, vì sao? Tâm địa quý vị thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, quý vị có thần thông, có huệ nhãn, thấy rõ ràng, rành rẽ hết thấy người và sự vật trong thế gian này, ai cũng chẳng thể lừa bịp quý vị, ai cũng chẳng thể dối gạt quý vị, khi ấy mới có thể hành đại từ bi, đại hỷ xả.

Chúng ta thấy đích xác là trong thời đại hiện tại cũng có những kẻ hảo tâm, đáng tiếc là thiếu phước báo, thiếu trí huệ, nghe đôi chút Phật pháp, [nghe kinh dạy] phải hỷ xả, bèn bỏ sạch tiền tài, tặng hết cho kẻ khác, tặng cho người khác làm chuyện gì [chính mình cũng] chẳng biết. Nếu kẻ đó là tà môn, tà đạo, nói cách khác, quý vị đã bỏ tiền tài giúp hắn tạo ác! Hắn chẳng có tiền tài, tạo ác hữu hạn. Hắn có lắm tiền tài, tạo nghiệp càng quá nặng, tương lai hắn là kẻ đầu sỏ gây họa, quý vị là tông phạm! Bỏ tiền kiêu đó là bỏ tiền sai quấy, bỏ tiền tài làm lạc!

Kể từ khi tôi học Phật đến nay, không ít đồng tu khuyên tôi: “Pháp sư ơi! Thầy phải có một đạo tràng”, tôi chưa từng có ý nghĩ ấy, vì sao? Xây đạo tràng dễ dàng, nhưng đạo tràng xây xong có tánh chất gì? Vì tôi thấy đạo tràng trong thiên hạ, mười phần hết tám chín đều là đạo tràng đấu tranh. Dùng tài sản tốt lành của mười phương tín chúng để tạo dựng đạo tràng đấu tranh, tội lỗi ấy chẳng thể tránh được! Quý vị phải thấy rõ ràng chân tướng sự thật, chuyện này chẳng thể làm! Vẫn là Định - Huệ khẩn yếu, do Định - Huệ quyết định có thể vãng sanh. Từ bi hỷ xả chẳng thể vãng sanh, vì quý vị tu phước. Sau khi thật sự thành tựu Định - Huệ, từ bi hỷ xả sẽ khác hẳn, đó là Tánh Đức lưu lộ.

(Sao) Như tư thiên nhạc, phi duy bất cổ, kiêm phục vô thanh, Vũ tịch, Cung trầm, hưởng thiên chấn địa.

(鈔) 如斯天樂，非唯不鼓，兼復無聲，羽寂宮沉，響天震地。

(Sao: Thiên nhạc như vậy, không chỉ là chẳng tấu, mà còn không có tiếng, tiếng Vũ lặng, tiếng Cung trầm¹², vang trời, rền đất).

Đoạn khai thị này của đại sư luận theo xứng tánh, tức là giảng về chân lạc trong tự tánh, giống như Định - Huệ và từ bi hỷ xả được nói trong phần trước là Tánh Đức của bản tánh. Đó là nhạc thiên nhiên, chẳng cần đến nhạc khí. “Phi duy bất cổ” (Chẳng phải chỉ không tấu), “cổ” (鼓) là khay gõ nhạc khí. Nếu chúng ta không khay gõ nhạc khí, nó chẳng thể phát ra âm thanh. [Thiên nhạc trong cõi Cực Lạc] chẳng cần,

quý vị chẳng cần phải đụng tới những nhạc khí ấy. Thừa cùng quý vị, “*thiên nhạc*” vi diệu nhất chẳng có âm thanh, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nay chúng ta nghe âm nhạc, nhất định phải có âm thanh; chẳng có âm thanh thì nhạc ở đâu ra? Chẳng hiểu đại nhạc vô thanh! Quý vị chỉ có thể thưởng thức nhạc chương trong cõi phàm, chẳng thể thưởng thức đại nhạc chương của chư Phật, Bồ Tát. Đại nhạc chương của chư Phật, Bồ Tát chẳng có âm thanh! Tuy chẳng có âm thanh, đích xác là “*hưởng thiên chấn địa*” (vang trời, rền đất), chuyện này là như thế nào? Những lời này câu nào cũng đều chân thật! Hết thấy sắc tướng và âm thanh trong tận hư không khắp pháp giới đều thuộc loại thiên nhạc của tự tánh, những gì quý vị mắt thấy, tai nghe toàn là [thiên nhạc trong tự tánh]. Sắc tướng do đâu mà có? Sắc tướng sanh từ chấn động. Chấn động vừa có âm thanh, vừa có sắc tướng. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là thiên nhạc của tự tánh. Sách Giảng Nghĩa ghi: “*Phi duy bất cổ, kiêm phục vô thanh giả, Quán Kinh vân: ‘Nhu thiên bảo tràng, bất cổ tự minh’, kim nãi phi duy bất cổ tự minh, kiêm phục vô thanh khả thính, tự tánh chi nhạc, phi ngữ nhĩ năng khuy, nhị thính sở văn cố*” (“Không chỉ là chẳng tấu, mà còn là không có tiếng”: Quán Kinh nói: “Nhu tràng báu cõi trời, chẳng gõ mà tự kêu”, nay [thiên nhạc] không chỉ là chẳng tấu mà tự kêu, lại còn không có tiếng để có thể nghe. Nhạc trong tự tánh, ngữ nhĩ chẳng thấy được, nhị thính¹³ chẳng nghe được), giảng rõ ý nghĩa này. Ý nghĩa của đoạn này hết sức sâu, hoàn toàn là tâm tánh lưu lộ, hoàn toàn là tiêu quy tự tánh. Điểm quý báu nhất của Sớ Sao là phần văn tự [Xưng Lý] sau mỗi đoạn [kinh văn]; đây là báo cáo tâm đắc tu học của Liên Trì đại sư. Tự tánh lưu lộ, giải thích khác với phần trước, [vì lời giải thích trong các phần trước] là giải thích văn tự, còn phần này là tự tánh lưu lộ. Chúng ta lại xem khoa thứ hai:

Nhị, kim địa.

二、金地。

(Hai, đất bằng vàng).

Kinh văn chỉ có một câu:

(Kinh) Hoàng kim vi địa.

(經) 黃金為地。

(Kinh: Vàng ròng làm đất).

Đây là nói tới sự trang nghiêm trên mặt đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Thử nhiếp tiền khởi hậu, vị Cực Lạc thế giới, thượng tác nhạc tác ư thiên, hạ tác kim nghiêm kỳ địa. Nhi cư thử hoàng kim địa thượng, bất độc nhĩ văn thiên nhạc, diệc tả nhãn kiến thiên hoa dã. Hoàng kim giả, vị lưu ly địa thượng, gián dĩ hoàng kim, nhiên diệc chúng bảo vô định.

(疏) 此躡前起後，謂極樂世界，上則樂作於天，下則金嚴其地。而居此黃金地上，不獨耳聞天樂，亦且眼見天華也。黃金者，謂琉璃地上，間以黃金，然亦眾寶無定。

(Sớ: Đây là nói theo phần trước, để khởi đầu phần sau. Ý nói: Trong thế giới Cực Lạc, trên thì nhạc trời hư không, dưới thì vàng trang nghiêm cõi đất. Nhưng ở trên đất vàng ròng ấy, không chỉ là tai nghe thiên nhạc, mà mắt cũng thấy hoa trời. “Hoàng kim” là trên đất lưu ly, xen kẽ vàng ròng, nhưng cũng có các thứ báu [chen lẫn] không nhất định).

Trong không trung của Tây Phương Cực Lạc thế giới có thiên nhạc, đó là nói về bầu trời, nhìn lên trên. Nhìn xuống dưới thì là “vàng ròng làm đất”. “Nghiêm” là trang nghiêm, trên mặt đất trang nghiêm bằng vàng ròng. Hiện thời, trong thế giới của chúng ta, dùng đá cẩm thạch lót đất thì khá trang nghiêm. Trên thực tế, lót đất bằng đá cẩm thạch rất ít, chẳng nhiều lắm, trên mặt đất thông thường nhất là đường sá trải nhựa đường. Đường trải nhựa là cảnh trang nghiêm nơi cõi này, đường sá trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lót bằng vàng. Chúng ta coi vàng ròng rất trân quý, mọi người làm thành đồ trang sức giắt trên thân rất đẹp đẽ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trông thấy quê kệch quá! Sao lại dùng thứ lót đường giắt lên người? Mặt đất của chúng ta là bùn, cát, mặt đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là lưu ly, vàng ròng lót trên mặt làm đường. “Cư thử hoàng kim địa thượng, bất độc nhĩ văn thiên nhạc, diệc tả nhãn kiến thiên hoa” (Sống trên đất vàng ròng ấy, không chỉ là tai nghe thiên nhạc, mà mắt cũng thấy hoa trời), quý vị lại còn thấy sự trang nghiêm trên không trung. Trên hư không có hoa cõi trời, hoa từ trên trời rơi xuống, chầm chậm rơi xuống, hoa như thế nào?

Quý vị thích hoa như thế nào, liền rơi xuống hoa như thế ấy, rất đẹp đẽ. Vì vậy, gọi là Thích Ý Hoa. Thích Ý Hoa là hợp với ý mình, là thứ ta ưa thích.

“Hoàng kim giả, vị lưu ly địa thượng, gián dĩ hoàng kim” (“Hoàng kim” là trên đất lưu ly, xen kẽ vàng ròng), lót vàng ròng trên đất lưu ly để làm thành mặt đường, điều này phổ biến nhất trong thế giới Cực Lạc, giống như chúng ta trải nhựa đường làm thành đường sá trong thế giới này. *“Nhiên diệc chúng bảo vô định”* (Nhưng cũng có các thứ báu, chẳng nhất định), cũng có chỗ mặt đường không dùng hoàng kim, mà dùng những thứ trân bảo khác để lót. Giống như trong thế gian này, cả thế giới phổ biến nhất là dùng nhựa đường, nhưng cũng có khi dùng xi-măng, cũng có khi dùng đá để lót đường. Vì vậy, ở bên kia, vàng ròng dùng để lót mặt đường.

(Sao) Gián dĩ hoàng kim giả, như Quán Kinh vân, kiến lưu ly địa, nội ngoại ánh triệt.

(鈔) 間以黃金者，如觀經云，見琉璃地，內外映徹。

(Sao: “Vàng ròng xen lẫn” là như trong Quán Kinh có nói: “Thấy đất lưu ly, trong ngoài chiếu thấu suốt”).

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng rất tỉ mỉ. Đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là “lưu ly địa”, lưu ly trong suốt. Lưu ly là loại ngọc màu xanh, tức ngọc Phi Thúy. Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều Phi Thúy, toàn thể đại địa đều bằng ngọc Phi Thúy, trong suốt, từ trên mặt đất có thể thấy tận dưới nền đất. Thế giới ấy đích xác là quá nhiều bảo vật. Trong thế gian này, Phi Thúy là thứ bảo thạch hết sức hiếm có; trong Tây Phương Cực Lạc thế giới nó rất phổ biến, toàn thể đại địa đều là nó.

(Sao) Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa, kỳ tràng bát lăng, bách bảo sở thành, nhất nhất bảo châu phóng thiên quang minh, nhất nhất quang minh bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa, như ức thiên nhật.

(鈔) 下有金剛七寶金幢，擊琉璃地，其幢八棱，百寶所成，一一寶珠放千光明，一一光明八萬四千色，映琉璃地，如億千日。

(Sao: Phía dưới có kim tràng bằng kim cang thất bảo nâng đỡ đất lưu ly. Tràng ấy có tám cạnh, do trăm thứ báu hợp thành. Mỗi viên bảo

châu tỏa ra một ngàn quang minh. Mỗi quang minh có tám vạn bốn ngàn màu, chói ngời đất lưu ly như ức ngàn mặt trời).

Địa cầu của chúng ta là tinh cầu, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là một tinh cầu. Đất đá trên tinh cầu của chúng ta bị chướng ngại, đục ngòm, chẳng thể nhìn xuyên suốt. Rốt cuộc trung tâm địa cầu là gì, chúng ta chẳng nhìn thấy. Đất của Tây Phương Cực Lạc thế giới là lưu ly trong suốt, nên thấy được địa tâm, địa tâm ấy rất đẹp. Trong ruột địa cầu là lửa, địa tâm của Tây Phương Cực Lạc thế giới là quang minh, chẳng phải là lửa cháy hừng hực.

Quý vị nhìn phía dưới đất lưu ly, phía dưới có “*thất bảo kim tràng*”. Tràng có hình tròn, giống như cây cột. Do vậy, chúng ta cũng có thể nghĩ Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như địa cầu của chúng ta, có Nam Cực và Bắc Cực, chính giữa có vật giống như cây cột, do cột có hình trụ nên gọi là Tràng. “*Kỳ tràng bát lăng*” (Tràng ấy tám cạnh), nó chẳng phải là hình tròn, mà là hình bát giác, do “*bách bảo sở thành*” (trăm thứ báu hợp thành). Mỗi chất báu đều tỏa ánh sáng, nên phía dưới đại địa tỏa ánh sáng. Mỗi loại chất báu đều có quang minh, mỗi quang minh lại có “*bát vạn tứ thiên sắc*” (tám vạn bốn ngàn màu). Quang sắc ấy vi diệu “*như ức thiên nhật*” (như ức ngàn mặt trời). “*Nhật*” là mặt trời. Ánh sáng của một vàng mặt trời đã ghê gớm lắm rồi, [ở đây là quang minh tỏa ra] giống như ức ngàn vạn vàng mặt trời.

Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có thứ gì không phóng quang, đất luôn tỏa ánh sáng, trong đất có quang minh thấu lộ ra ngoài! Những chỗ này chúng ta phải đọc cẩn thận mới hiểu được, chớ nên coi thường đọc lướt qua! Vì sao? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Do y báo trang nghiêm như vậy, chúng ta mới biết người nơi ấy phước báo to lớn, tâm địa thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, y báo chẳng thể có quang minh. Chúng ta phải chọn lựa một nơi tốt đẹp để ở, nơi tốt nhất trong tận hư không khắp pháp giới, không gì hơn thế giới Cực Lạc. Mong sanh về đó, ở bên đó A Di Đà Phật hoan nghênh, chẳng cự tuyệt, nên đi dân rất dễ dàng, trừ phi chính quý vị chẳng muốn đến. Nếu quý vị muốn đến; chẳng có một ai không tu tập thành công.

(Sao) Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thăng, tạp xí gián thác, giới dĩ thất bảo, phân tề phân minh.

(鈔) 琉璃地上，以黃金繩，雜廁間錯，界以七寶，分齊分明。

(Sao: Trên đất lưu ly, dùng dây bằng vàng để giăng ngang dọc xen kẽ, dùng bảy báu để phân chia ranh giới phân minh).

Trên đất lưu ly dùng vàng ròng trải làm mặt đường, rất giống như có từng giới tuyến, tạo thành từng con đường một.

(Sao) *Cứ thử, tắc địa bản lưu ly.*

(鈔) 據此，則地本琉璃。

(Sao: Xét theo đó, đất [trong cõi Cực Lạc] vốn là lưu ly).

Đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là đất lưu ly.

(Sao) *Nhi hoàng kim giả, hựu địa diện chi trang nghiêm dã.*

(鈔) 而黃金者，又地面之莊嚴也。

(Sao: Mà vàng ròng lại là thứ để trang nghiêm trên mặt đất).

Vàng ròng lót thành đường, tất nhiên là để trang nghiêm mặt đất.

(Sao) *Đại Bản vân: “Bỉ sát tự nhiên thất bảo, thể tánh ôn nhu, tương gián vi địa, hoặc thuần nhất bảo, quang sắc hoảng diệu, siêu việt thập phương, khôi khuếch khoáng dãng, bất khả cùng tận, địa giai bình chánh, vô hữu Tu Di cập chư sơn hải khanh khảm tỉnh cốc u ám chi sở.*

(鈔) 大本云：彼剎自然七寶，體性溫柔，相間為地，或純一寶，光色晃耀，超越十方，恢廓曠蕩，不可窮盡，地皆平正，無有須彌及諸山海坑坎井谷幽暗之所。

(Sao: Đại Bản chép: “Bảy báu trong cõi ấy tự nhiên, thể tánh ôn hòa, mềm mại, xen kẽ nhau hợp thành mặt đất, hoặc thuần là một thứ báu, ánh sáng và màu sắc chói ngời, vượt trội mười phương. [Đại địa cõi ấy] to tát, minh mông chẳng thể cùng tận, cuộc đất phẳng phiu, ngay ngắn, chẳng có núi Tu Di và các núi, biển, hầm, hố, hang, hốc, các chỗ tối tăm”).

Đoạn này là kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, trần thuật tình trạng địa lý của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Cừ thử, tắc diệc khả chuyên dĩ hoàng kim vi địa.

(鈔) 據此，則亦可專以黃金為地。

(Sao: Xét theo đó, thì cũng có thể nói là chuyên lấy vàng ròng làm đất).

Nói theo đoạn kinh Vô Lượng Thọ này, đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy bằng lưu ly, nhưng cũng có các loại bảy báu khác, trọn chẳng phải là một tinh cầu thuần túy bằng lưu ly, mà cũng có các thứ báu khác xen lẫn trong ấy. Nói như vậy thì có thể gọi là “hoàng kim vi địa” (vàng ròng làm đất). Trong thế giới ấy, vàng có sản lượng phong phú, chiếm phân lượng khá lớn trong địa chất, nên cũng có thể nói là “vàng ròng làm đất”. Đây là hợp hai bộ kinh lại để xem.

(Sao) Hoàng kim lưu ly, thả dĩ nhất bảo, nhị bảo ngôn chi, chúng bảo vi chi, đương diệc vô tận.

(鈔) 黃金琉璃，且以一寶二寶言之，眾寶為之，當亦無盡。

(Sao: [Nói đất bằng] vàng ròng hay bằng lưu ly là lấy một thứ báu hay hai thứ báu để nói, [như vậy] thì các thứ báu [dùng làm đất] cũng phải là vô tận).

Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ người là vô lượng thọ, Phật, Bồ Tát là vô lượng quang, mà tất cả sản vật đều là vô lượng. Chẳng có ai có thể nêu rõ danh xưng của từng sản vật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không chỉ chẳng thể nói kể danh xưng, mà số lượng cũng chẳng thể nói được! Chúng ta đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh đã nêu tỷ dụ rất hay, chúng sanh trong mười phương thế giới thấy đều thành Bích Chi Phật, trí huệ và thần thông đều như Mục Kiền Liên, hợp sức tính toán, họ đều có thọ mạng ngàn ức năm vẫn chẳng tính ra. Tài nguyên của họ rất phong phú, chẳng có cách nào tưởng tượng, chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, ở đây, Liên Trì đại sư kết luận, “thả dĩ nhất bảo, nhị bảo ngôn chi, chúng bảo vi chi, đương diệc vô tận” (là lấy một thứ báu hay hai thứ báu để nói, [như vậy] thì các thứ báu [dùng làm đất] cũng phải là vô tận). Đó là lời chân thật, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng, xác thực là vô tận.

(Sớ) Xưng Lý, tặc tự tánh Chân Như bình đẳng, thị kim địa nghĩa.

(疏) 稱理，則自性真如平等，是金地義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh Chân Như bình đẳng là ý nghĩa của đất vàng).

Trong bảy báu, đầu tiên chúng ta nói tới vàng, vì sao đặt vàng ở vị trí ở thứ nhất? Hoàng kim được người bình phàm coi trọng. Vàng có một đặc tánh khó có nhất là màu sắc tươi nhuận chẳng thay đổi, nên Phật pháp dùng nó để biểu thị pháp, biểu thị Chân Như. Chân Như vĩnh viễn không thay đổi giống như vàng. Đất bằng vàng có ý nghĩa biểu thị pháp là biểu thị Tánh Đức. “*Tự tánh Chân Như bình đẳng*”, đúng là chẳng giả, vì nó chẳng thay đổi.

(Sao) Chân Như, tặc vô tạp, vô uế, vô biến, vô thiên, lịch vạn kiếp nhi thường tân.

(鈔) 真如，則無雜無穢，無變無遷，歷萬劫而常新。

(Sao: Chân Như chẳng xen tạp, chẳng nhơ bẩn, chẳng biến đổi, chẳng đổi dời, trải qua vạn kiếp mà vẫn luôn mới mẻ).

Đây là ý nghĩa của vàng, hình dung chân tánh, chân tâm của chúng ta. Chân tâm chẳng có niệm. Hiện thời, cái tâm mà phàm phu chúng ta thường dùng là vọng tâm, chẳng dùng chân tâm! Chân tâm còn gọi là chân tánh, còn gọi là bản tánh. Không chỉ lục đạo phàm phu mê mất chân tâm của chính mình, đức Phật dạy, Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh. Nói cách khác, đều chưa biết dùng chân tâm tự tánh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất thấu triệt, nói rất rõ ràng: Từ Quyền Giáo trở xuống dùng tâm gì? Dùng tâm tám thức, chúng ta toàn là dùng tám thức. Chỉ có những vị Đại Bồ Tát thật sự minh tâm kiến tánh chuyển tám thức thành bốn trí! Các Ngài sử dụng bốn trí, chúng ta sử dụng tám thức. Chúng ta mê nhiễm hết sức nặng; A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát mê nhẹ hơn, nhưng đều chưa kiến tánh. Do đó, chân tánh vĩnh viễn bất biến, vĩnh viễn luôn mới mẻ.

Nếu chư vị đồng tu biết dùng tâm này, quý vị năm nào cũng là mười tám, vĩnh viễn chẳng suy, chẳng già! Vì sao bị già? Người thế gian thường nói: “*Ưu tư khiến con người già xạm!*” Quý vị hằng ngày ưu lự, mỗi ngày một già, do dùng vọng tâm nên già, dùng chân tâm sẽ chẳng

già! A La Hán, Bích Chi Phật có thể già, chứ Bồ Tát chẳng già. Bồ Tát biết sử dụng chân tâm; A La Hán, Bích Chi Phật vẫn chẳng biết dùng chân tâm. Quý vị bèn nghĩ đến tầm trọng yếu của việc dùng chân tâm. Chúng ta hy vọng chính mình chẳng già, hy vọng chính mình thường mãi thanh xuân, quý vị phải học cách dùng chân tâm. Trong chân tâm, thứ gì cũng đều chẳng có, chân tâm ly niệm, chẳng có vọng niệm. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một một vật*”, vốn chẳng có một vật là chân tâm, có một niệm sẽ không là chân tâm, mà là vọng tâm.

Nhưng chư vị phải hiểu, “*niệm gì cũng đều chẳng có*” thì quý vị vẫn có một niệm, [tức là vẫn còn] có một niệm “*niệm gì cũng đều chẳng có*”, phiền phức to lớn! Có “*hữu niệm*” là trật, có “*vô niệm*” vẫn trật, vẫn là vọng tâm. Trong chân tâm chẳng có “*hữu niệm*”, mà cũng chẳng có “*vô niệm*”. Hữu niệm và vô niệm đều chẳng có, đó mới là chân tâm. Chuyện này khiến cho chúng ta rất khó hiểu, hữu niệm là trật, vô niệm cũng trật, rốt cuộc phải làm sao? Rất khó, đúng là khó! Vì thế, quay lại, nói về pháp môn Niệm Phật, pháp môn Niệm Phật dễ dàng, vì sao? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu A Di Đà Phật, chính là hữu niệm chẳng có, mà vô niệm cũng chẳng có. Ta hết thấy vọng niệm đều chẳng có, đó là chẳng có “*hữu niệm*”! Ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, trọn chẳng phải là “*một niệm cũng chẳng có*”, ta chẳng phải là vô niệm! Vô niệm và hữu niệm hai bên đều chẳng có. Một câu A Di Đà Phật là Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta, là âm thanh của bản thể tự tánh. Do đó, niệm câu A Di Đà Phật là niệm Chân Như bản tánh, là niệm tự tánh bình đẳng, nên công đức vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn! Hy vọng chư vị dùng chân tâm, chân tâm là tâm bình đẳng.

(Sao) Bình đẳng, tắc bất tăng, bất giảm, bất cao, bất hạ, vi thiên thánh sở cộng lý.

(鈔) 平等，則不增不減，不高不下，為千聖所共履。

(Sao: Bình đẳng bèn chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cao, chẳng thấp, là chỗ thường hành của ngàn vị thánh).

“*Thiên thánh*” ở đây là nói đến một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật ấy tu hành thành tựu như thế nào? Tu “*tự tánh Chân Như bình đẳng*”, nên các Ngài mới có thể viên thành Phật đạo. Do đó, tánh bình đẳng phải hiện tiền. Nếu trong cảnh giới, chúng ta có may may chấp trước bèn chẳng bình đẳng. Có phân biệt thì vẫn chưa sao, nhưng quyết định chớ nên chấp trước; hễ có chấp trước bèn chẳng

bình đẳng. Bình đẳng là chân tánh, là chân tâm; bất bình đẳng là vọng tâm. Nếu nói nông cạn hơn một chút, bình đẳng là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bèn bình đẳng, nhị tâm chẳng bình đẳng. Nhất định phải vận dụng điều này trong cuộc sống hằng ngày, hòa thành một khối với cuộc sống, đó là tu hành, là chân chánh niệm Phật! Làm như thế nào để hòa nhập thành một khối với cuộc sống? Chúng ta từ sáng đến tối, mặc quần áo, ăn cơm, đãi người, tiếp vật, đều hiểu rõ ràng, rành rẽ, đó là Huệ, là Quán; đối với hết thầy người và sự chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là bình đẳng.

Thực hiện như thế nào? Nếu quý vị mong Phật dạy cho chúng ta chân tướng sự thật thì kinh Kim Cang đã nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, do hư vọng nên bình đẳng. Tướng tốt là hư vọng, tướng xấu cũng là hư vọng. Thiện tướng là hư vọng, ác tướng cũng là hư vọng. Xúng lòng thỏa ý là hư vọng, chẳng vừa lòng trái ý vẫn hư vọng, cho nên bình đẳng. Phải biết hết thầy các tướng đều là giả tướng, đều chẳng chân thật, chớ nên khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đối với các tướng hư vọng ấy, tâm chúng ta mới có thể bình đẳng. Bình đẳng bèn Chỉ, Chỉ là như trong phần trước đã nói tới Chỉ Quán, liền ngưng dứt! Chỉ không được là do bất bình đẳng.

Tâm ắt phải khởi bình đẳng trong cảnh giới; khi ấy, quý vị tu hành công phu mới đắc lực, mới thật sự có thụ dụng. Sự thụ dụng ấy, nói nông cạn là quý vị đắc tự tại. Trong Phật pháp có nói Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát, đầu tiên quý vị đạt được tự tại, tự tại là giải thoát, quý vị chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, chẳng có đau khổ, chẳng sợ hãi, đầu tiên là quý vị đạt được những điều này. Dần dần trí huệ mở mang, hết thầy Lý Sự, hết thầy nhân quả, quá khứ, vị lai, quý vị dần dần hiểu rõ, thông đạt. Thân tâm và thể giới dung hợp thành một Thể, đó là Pháp Thân. Tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một, Pháp Thân hiện tiền. Bởi lẽ, hết thầy chư Phật đều theo con đường này mà chúng đắc, thành tựu, chẳng có ngoại lệ. Chúng ta muốn tu học, muốn thành tựu, cũng phải đi theo con đường này.

Phật pháp đặc biệt chú trọng dùng vàng để biểu thị pháp. Tượng Phật được làm thành kim thân; thậm chí thời cổ, cung điện chú trọng toàn là màu vàng, nhằm biểu thị Chân, biểu thị bình đẳng, biểu thị chân thật bình đẳng.

***(Sao) Tỳ Xá Như Lai, vị “đương bình tâm địa, tác thể giới bình”.
Như Xá Lợi Phất, tâm hữu cao hạ, nãi kiến khâu, lãng, khanh, khảm***

thị dã. Thị cố nhân nhân hành xứ thị hoàng kim, hà đãi Như Lai dĩ túc chỉ án địa.

(鈔) 毗舍如來，謂當平心地，則世界平；如舍利弗，心有高下，乃見丘陵坑坎是也。是故人行處是黃金，何待如來以足指按地。

(Sao: Tỳ Xá Như Lai nói: “Hãy nên bình tâm địa, ắt thế giới bình”. Như tâm ngài Xá Lợi Phất có cao, thấp, bèn thấy [thế giới Sa Bà] có gò, núi, hầm, hố, là vì lẽ đó. Vì thế, người nào cũng đi nơi đất vàng ròng, há cần chờ đức Như Lai nhấn ngón chân xuống đất).

Câu nào trong đoạn văn tự này cũng đều có lai lịch. Sách Diển Nghĩa đã nói rõ Tỳ Xá Như Lai nói câu này trong kinh Lăng Nghiêm: “Lăng Nghiêm kinh vân: Trì Địa Bồ Tát, ư Phổ Quang Phật thời, vi tỳ-kheo” (Kinh Lăng Nghiêm chép: Trì Địa Bồ Tát làm tỳ-kheo trong thời Phổ Quang Phật), nói về sự tu hành của Bồ Tát trong lúc tu nhân, lúc mới xuất gia, Ngài làm tỳ-kheo. “Bình điền đạo lộ” (Lấp bằng đường sá), Ngài rất phát tâm, hằng ngày tu bổ cầu, sửa đường, làm chuyện tốt! Một ngày nọ, Ngài biết Tỳ Xá Phật sẽ đi qua, nên đặc biệt đổ hết công sức san đắp cho đường sá rất phẳng phiu, để Phật đi qua. Đức Phật thấy Ngài bèn xoa đầu, bảo: “Hãy nên bình tâm địa, ắt đại địa trong thế giới hết thấy đều bình”, vẫn là nói rõ: Y báo chuyển theo chánh báo.

Chư vị đồng tu! Hiện thời mỗi cá nhân chúng ta đều có trách nhiệm rất lớn, trách nhiệm gì vậy? Cả thế giới đều biết Đài Loan là phước địa, là một đảo báu! Hiện thời người khắp thế giới hâm mộ chúng ta, Đài Loan giàu có nhất thế giới! Nhưng ở ngoại quốc, tôi cũng nghe có người nói: “Người Đài Loan sắp hưởng hết phước báo rồi!” Điều này thật sự đáng cho chúng ta cảnh tỉnh! Nếu chúng ta muốn gìn giữ cuộc sống phồn vinh, an định, yên ổn, hòa bình, lợi lạc, nhất định phải tu tâm bình đẳng. Nói cách khác, phải tu “bình tâm địa”.

Tâm phải như thế nào thì mới bình? Chư vị hãy suy nghĩ, nếu quý vị có tham, sân, si, mạn, tâm sẽ không bình. Người học Phật phải giác ngộ, phải hiểu rõ lý. Tôi còn nghe nói có nhiều đồng tu học Phật trước đây thường đến nghe kinh, nay chẳng thấy đến nữa, đi đâu? Nghe nói đi buôn bán cổ phiếu, súc dự đồ, mê hoặc của chuyện ấy rất lớn! Từ bỏ Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn làm chuyện lục đạo luân hồi! Muốn làm chuyện ấy, chư vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, đó là tạo tham, sân, si, mạn nghi! Cứ làm như vậy, gần như là phước báo của chúng ta bị dùng hết nhanh

lắm. Mọi người đều gạt bỏ phiền não, khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm thì chúng ta mới có thể vĩnh viễn gìn giữ phước báo, mới chẳng bị tiêu mất.

Vì vậy, muốn thiên hạ thái bình, phải làm từ chỗ nào? Làm từ chỗ tâm địa bình đẳng. Do đó, học Phật, tôi khuyên các đồng tu, quý vị hãy thử trước trong thời gian ba tháng, không cần quá lâu, suốt ba tháng không đọc báo, không nghe radio, không la cà nhà người khác, giữ cho tâm định, thật thà niệm câu Phật hiệu này, đọc cuốn kinh Vô Lượng Thọ này, quý vị thử trong ba tháng mà xem! Trong ba tháng ấy, tâm quý vị nhất định thanh tịnh hơn, quý vị mới có thể thấu hiểu sự thụ dụng chân thật trong Phật pháp. Nghe kinh, niệm Phật, nhưng hằng ngày còn đi lung tung khắp nơi, vô dụng! Hành suốt ba mươi năm vẫn uổng công, cảnh giới của quý vị chẳng khác gì hiện thời, vô dụng! Nhất định phải bỏ sạch hết thảy vạ duyên, khiến cho tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ và phước đức của quý vị thật sự hiện tiền. *“Thị cố nhân nhân hành xứ thị hoàng kim”* (Do đó, người nào cũng đi nơi đất vàng ròng): Hành xứ của quý vị vĩnh viễn là bình đẳng, vĩnh viễn bất biến, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, trọng yếu lắm! Quyết định chớ nên để cảnh giới bên ngoài dụ hoặc, nhất là người học Phật.

Do đó, trong quá khứ tôi thường nhắc nhở các đồng tu, quý vị học Phật lúc đầu nhất định phải đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lượt. Sau khi quý vị thật sự đọc ba trăm lượt, quý vị mới thật sự tin tưởng *“một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn”*. Vậy thì quý vị còn tham gì nữa? Trong mạng có của cải thì chẳng cầu mà tự nhiên đưa đến. Trong mạng đã có, quyết định chẳng mất đi; trong mạng chẳng có, chớ nên cưỡng cầu! Tâm tự nhiên an định, tự nhiên chẳng tạo tội nghiệp, hưởng phước mà chẳng tạo tội nghiệp. Người hiện thời trong khi hưởng phước tạo tội nghiệp nghiêm trọng, mà cũng không biết nhân quả báo ứng, không biết hễ tạo nghiệp thì phải chịu quả báo đáng sợ. Vì thế, Liễu Phàm Tứ Huấn đã ban cho chúng ta sự hướng dẫn rất tốt. Niệm một, hai lượt, chẳng có tác dụng! Niệm mười lượt, hai mươi lượt, chẳng có tác dụng, tối thiểu phải niệm ba trăm lượt thì mới thật sự khởi tác dụng, thật sự có chỗ thấu hiểu, đọc kinh cũng là như vậy. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 155

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm ba mươi ba:

Tam, vũ hoa.

Sơ, thiên vũ diệp hoa.

(Kinh) Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa.

三、雨華。

初、天雨妙華。

(經) 晝夜六時。雨天曼陀羅華。

(Ba, mưa hoa.

Thứ nhất, trời đổ mưa hoa màu nhiệm.

Kinh: Ngày đêm sáu thời, mưa hoa Mạn Đà La cõi trời).

Câu kinh văn này cũng nhằm nói rõ sự trang nghiêm trên không trung.

(Sớ) Ngôn thử hoàng kim địa thượng, thường vũ thiên hoa dã. Bĩ vô Tu Di, nhật, nguyệt, nhi ngôn “lục thời” giả, dĩ hoa diệp vi hậu dã. Lô Sơn liên lậu, cái phỏng thử ý.

(Sớ) 言此黃金地上，常雨天華也。彼無須彌日月，而言六時者，以華鳥為候也。廬山蓮漏，蓋做此意。

(Sớ: Ý nói trên đất vàng ròng ấy, thường mưa hoa cõi trời. Cõi ấy chẳng có núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, mà nói “sáu thời” là do lấy hoa và chim để hạn định thời gian. Đồng hồ sen ở Lô Sơn phỏng theo ý này).

Tây Phương Cực Lạc thế giới “hoàng kim địa thượng” (trên mặt đất vàng ròng), [nói] “hoàng kim địa” thì có thể thấy là nơi có đại chúng cư trụ đông đúc, vì vàng ròng dùng để lót đất, khắp nơi trên mặt đất đều [dùng vàng] lót thành đường, nơi ấy nhất định là có rất nhiều người ở, chẳng phải là nơi núi hoang, đồng vắng. Những nơi ấy có “mưa hoa”. Có thể thấy đây là sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ cần là chỗ có người ở, trên hư không bèn tuôn mưa hoa, đó là sự trang nghiêm trên không trung. “Trú dạ lục thời” (Ngày đêm sáu thời), mưa hoa chẳng ngớt. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có núi Tu Di, chẳng có mặt trời, mặt

trăng, phân biệt ngày đêm bằng cách nào? Thế gian này có ngày đêm là vì có mặt trời, mặt trăng, địa cầu tự xoay, bên này được mặt trời chiếu tới là ban ngày, bên kia không có mặt trời chiếu sáng bên là ban đêm; do đó, có ngày đêm. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có mặt trời, mặt trăng, nhưng bên ấy chẳng có thứ gì không tỏa sáng, tâm trái đất tỏa ánh sáng, thân người phóng quang minh, vật chất có quang minh, thế giới ấy là thế giới quang minh, chẳng có núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, hoặc ánh đèn.

(Sao) Thử độ nhật nguyệt toàn hoàn, nhiều Tu Di nhi phân trú dạ, như Thiệm Bộ chánh đương Tu Di chi Nam, trú tắc thử Đông châu bán, kinh hồ Nam châu, chung Tây châu bán. Dạ tắc thử Tây châu bán, kinh hồ Bắc châu, chung Đông châu bán. Phối thập nhị chi, lục thời thành trú, lục thời thành dạ, vì nhất nhật dã.

(鈔) 此土日月旋環，遠須彌而分晝夜，如瞻部正當須彌之南，晝則始東洲半，經乎南洲，終西洲半；夜則始西洲半，經乎北洲，終東洲半。配十二支，六時成晝，六時成夜，為一日也。

(Sao: Trong cõi này, mặt trời, mặt trăng xoay tròn, nhiều quanh núi Tu Di nên chia ra ngày đêm. Như châu Thiệm Bộ nằm ngay phía Nam núi Tu Di, ban ngày vừa mới hừng đông thì mặt trời đã đi qua một nửa Đông châu, rồi đi qua Nam châu, cuối ngày đã đến phân nửa Tây châu. Ban đêm thì lúc đầu đêm, mặt trời, mặt trăng đã đi hết nửa Tây Châu, rồi đi qua Bắc châu, đến cuối đêm nó đi hết nửa Đông châu. [Nhật nguyệt xoay vòng như thế] đem phối hợp với mười hai chi (Địa Chi), sẽ thành sáu thời ban ngày và sáu thời ban đêm, đó là một ngày).

Lời Sao do Liên Trì đại sư viết. Liên Trì đại sư là người sống vào cuối đời Minh, cách chúng ta khoảng năm trăm năm. Từ đoạn văn này, có thể thấy cách quan sát vũ trụ của người sống vào năm trăm năm trước, đương nhiên họ có cách nhìn khác với chúng ta trong hiện thời. Vì năm trăm năm trước, [nhân loại] vẫn chưa biết địa cầu xoay quanh mặt trời, không biết địa cầu tròn xoe. Người thuở trước quan niệm “*thiên viên, địa phương*”, [tức là] họ nghĩ đại địa vuông vức, còn bầu trời là hình tròn. Sách Diễn Nghĩa do pháp sư Cổ Đức soạn, Ngài là đồ đệ của Liên Trì đại sư, sống cùng thời đại với Liên Trì đại sư, nên có cùng vũ trụ quan với Liên Trì đại sư.

(Diễn) “Trú tắc thử Đông châu bán” lục cú, ngôn nhật chi toàn hoàn dã. Cổ vân: “Nam Thiệm Bộ Châu nhật đương ngo, Bắc Câu Lô Châu đả tam cổ, Đông Thắng Thần Châu nhật tương bô, Tây Ngưu Hố Châu khai môn hộ”, thị dã.

(演) 晝則始東洲半六句，言日之旋環也。古云：南瞻部洲日當午，北俱盧洲打三鼓，東勝神洲日將晡，西牛貨洲開門戶，是也。

(Diễn: Sáu câu “ban ngày vừa mới hừng đông thì mặt trời đã đi qua một nửa Đông châu” là nói mặt trời xoay vòng [trong vũ trụ]. Cổ nhân nói: “Nam Thiệm Bộ Châu đang giữa trưa, Bắc Câu Lô Châu đánh trống báo canh ba, Đông Thắng Thần Châu ngày mới chớm, Tây Ngưu Hố Châu mở toang cửa” nhằm diễn tả ý này).

Cách nói vào thời cổ là như vậy. Thật ra, cổ đại đức hết sức hiểu rõ vũ trụ, trọn chẳng mê hoặc. Các Ngài quan sát, lý giải tuyệt đối chẳng thua các nhà khoa học hiện đại, có sao chẳng nói? Các Ngài nói ra sẽ phiền lắm, vì sao? Giảng cho người thời đó, họ nghe cũng không lọt tai, huống chi chuyện này chẳng phải là chuyện khẩn yếu. Mọi người đều nghĩ như vậy, vậy thì được rồi, quý vị gật đầu, chấp nhận như vậy [là đúng], chẳng sao cả, [tôi cũng nói thuận theo quý vị]. Phật pháp chú trọng minh tâm kiến tánh, trọn chẳng coi trọng phương diện thiên văn vật lý. Hiểu biết về thiên văn vật lý của cổ đại đức chẳng thua các nhà khoa học hiện đại, nếu quý vị đọc Hoa Nghiêm hay Lăng Nghiêm sẽ biết rõ. Cách nói ở đây là cách nói lưu truyền trong dân gian, chẳng do đức Phật nói. Trong quan niệm của họ, núi Tu Di ở trên địa cầu. Trên thực tế, núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, mà địa cầu chỉ là một châu Nam Thiệm Bộ mà thôi! Mặt trời xoay quanh núi Tu Di, rốt cuộc núi Tu Di ở đâu? Các nhà khoa học hiện đại đã biết mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà, nên trung tâm của hệ Ngân Hà phải là núi Tu Di.

Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói rất rõ ràng: Trước đây, chúng ta tưởng một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật là một thái dương hệ; thật ra, phải nên hiểu một đơn vị thế giới là hệ Ngân Hà thì mới đúng. Nếu một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, một tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà. Mười ức hệ Ngân Hà mới là một đại thiên thế giới. Cách nói này cũng rất hợp lý, nói theo kiểu này mới có thể tương ứng với những điều kinh đã giảng. Có

thể thấy Phật pháp còn quan sát vũ trụ tỉ mỉ, rõ ràng hơn các nhà thiên văn trong hiện đại.

Xét theo hoàn cảnh của chúng ta trên quả địa cầu này, người Trung Quốc chia ngày đêm thành sáu thời. Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi là mười hai thời. Ngày sáu thời, đêm sáu thời, nên nói là “*trú dạ lục thời*” (ngày đêm sáu thời), đó là một ngày. Nay chúng ta dùng đơn vị thời gian là Giờ, hiện thời chia một ngày đêm thành hai mươi bốn giờ.

(Sao) Bỉ quốc ký vô Tu Di, hựu vô nhật nguyệt, thường minh, bất hôn, trú dạ vô biện.

(鈔) 彼國既無須彌，又無日月，常明不昏，晝夜無辨。

(Sao: Nước ấy đã không có núi Tu Di, lại chẳng có mặt trời, mặt trăng, thường sáng ngời, chẳng tối tăm, ngày đêm chẳng phân biệt).

Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ban đêm, nên không có danh từ “ngày đêm”.

(Sao) Duy dĩ “hoa khai, diểu minh” nhi vi trú, “hoa hợp, diểu thê” nhi vi dạ dã.

(鈔) 唯以華開鳥鳴而為晝，華合鳥棲而為夜也。

(Sao: Chỉ coi “hoa nở, chim hót” là ban ngày, “hoa khép, chim đậu” là ban đêm).

Hoa có lúc nở, lúc rụng, chim có lúc kêu, lúc ngưng, dùng những điều đó làm đơn vị thời gian, mừng tượng ngày đêm. Trên thực tế, Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ban đêm.

(Sao) Nhiên nhật nguyệt hữu vô, chư bản bất đồng. Hán dịch vân “nhật nguyệt xử không”. Ngô dịch nhưng Hán, Vương thị phục vân “xử không nhi bất vận chuyển”, Tào Ngụy bất ngôn “hữu, vô”, Nguyên Ngụy cập Tống, trực vân “vô hữu”.

(鈔) 然日月有無，諸本不同，漢譯云：日月處空，吳譯仍漢；王氏復云處空而不運轉，曹魏不言有無，元魏及宋，直云無有。

(Sao: Nhưng mặt trời, mặt trăng có hay không, các bản chép khác nhau. Bản dịch đời Hán ghi: “Mặt trời, mặt trăng ở giữa hư không”.

Bản dịch đời Ngô nói giống bản dịch đời Hán. Bản của ông Vương Long Thư lại nói là “mặt trời, mặt trăng ở trên hư không, nhưng chẳng xoay chuyển”. Bản Tào Ngụy chẳng nói là có hay không. Bản dịch đời Nguyên Ngụy và bản đời Tống nói thẳng là “chẳng có”).

Đoạn văn này là tham chiếu kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ có mười hai loại bản dịch. Từ đời Đường trở về sau, có bảy bản bị thất truyền. Những bản kinh Vô Lượng Thọ mà Liên Trì đại sư được xem cũng chỉ là năm bản dịch hiện thời vẫn còn. Rốt cuộc Tây Phương Cực Lạc thế giới có mặt trời, mặt trăng hay không? Mỗi bản dịch của kinh Vô Lượng Thọ nói khác nhau. Bản dịch đời Hán là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, nói có mặt trời và mặt trăng; mặt trời và mặt trăng ở trên hư không. Bản dịch đời Ngô và bản dịch đời Hán giống nhau, có cùng một cách nói. “*Vương thị phục vân*” (Họ Vương lại nói), “*Vương thị*” là cư sĩ Vương Long Thư; kinh Đại A Di Đà lưu thông hiện thời là bản hội tập của ông Vương Long Thư. Trong bản hội tập [của ông Vương] nói: “*Xử không nhi bất vận chuyển*” (Ở trên hư không, nhưng chẳng xoay vận). Ông ta nói có mặt trời, mặt trăng, nhưng chúng không giống như mặt trời, mặt trăng trong cõi này, mọc đằng Đông, lặn đằng Tây. Mặt trời và mặt trăng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đứng yên, bất động. Chữ “*Tào Ngụy*” chỉ bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Bản này lưu thông rộng rãi nhất, chẳng nói có, mà cũng chẳng nói không, chẳng hề nói! “*Nguyên Ngụy cập Tống*”: Chữ Tống chỉ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, bản này nói thẳng: Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có mặt trời và mặt trăng. Rốt cuộc là có mặt trời và mặt trăng hay không? Trong các bản dịch có cách nói khác nhau như thế! Dưới đây là ý kiến của Liên Trì đại sư:

(Sao) Nhược hòa hội chi.

(鈔) 若和會之。

(Sao: Nếu nói dung hòa).

Hợp cả năm bản ấy lại để xem.

(Sao) Đương thị nhật nguyệt tuy tồn.

(鈔) 當是日月雖存。

(Sao: Sẽ là mặt trời, mặt trăng tuy là có).

Trong thế giới này, ban đêm chúng ta thấy trong hư không có nhiều tinh cầu. Tây Phương Cực Lạc thế giới đương nhiên cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Tôi nghĩ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao cũng đều có cả. Tuy có, nhưng quang minh của chúng chẳng phát sanh tác dụng. Bản thân thế giới Cực Lạc có quang minh rất thù thắng, tuy mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, ánh sáng ấy âm đạm, chẳng rạng rỡ. Ví như ban ngày chúng ta đốt đèn dưới ánh mặt trời, ngọn đèn ấy có tỏa sáng hay không? Có ánh sáng, nhưng vô dụng, chẳng tỏ lộ quang minh. Liên Trì đại sư nói đến ý nghĩa này.

(Sao) Dĩ Phật cập thánh chúng, quang minh yểm ánh, dữ vô đồng nhĩ.

(鈔) 以佛及聖眾，光明掩映，與無同耳。

(Sao: Do bị quang minh của Phật và thánh chúng che lấp, nên [mặt trời và mặt trăng] tuy có mà cũng như không).

Tuy có cũng như không có, không có tác dụng.

(Sao) Nhi dĩ lý quĩ chi, vô giả vi chánh.

(鈔) 而以理揆之，無者為正。

(Sao: Nên xét theo Lý, không có là đúng).

Nói theo Lý thì không có [mặt trời và mặt trăng] là đúng. Vì sao?

(Sao) Hà giả? Đao Lợi nhi thượng, thượng bất giả nhật nguyệt vi minh, hà hướng Cực Lạc!

(鈔) 何者，切利而上，尚不假日月為明，何況極樂。

(Sao: Vì lẽ nào? Từ Đao Lợi trở lên, còn chẳng cần đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hướng gì cõi Cực Lạc?)

“Không có” là nói theo thực tại, chẳng như chúng ta nay phải cậy vào mặt trời! Hết thấy các sinh vật trên địa cầu nếu chẳng có ánh sáng mặt trời đều chẳng thể sống sót, có tánh chất phụ thuộc to lớn như thế! Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy có mặt trời và mặt trăng, nhưng chúng không có tác dụng, vì sao? [Chúng sanh trong cõi ấy] không cần nhờ và nguồn năng lượng ấy, chính bản thân phóng quang, cho nên tuy có [mặt

trời, mặt trăng] mà cũng như không. Mặt trời, mặt trăng bên ấy giống như các ngôi sao trong thế gian này, chẳng có tác dụng gì đối với chúng ta. Hãy nên biết ý nghĩa như vậy thì mới chánh xác.

(Sao) Hoặc Hán dịch nhật nguyệt thượng, khuyết “vô hữu” nhị tự, vị khả tri dã, cao minh cánh tường chi.

(鈔) 或漢譯日月上，缺無有二字，未可知也，高明更詳之。

(Sao: Hoặc là trong bản Hán dịch, đối với “nhật nguyệt” bị thiếu hai chữ “không có” chưa biết chừng, bậc cao minh sẽ hiểu rõ hơn).

Liên Trì đại sư nêu ra ý nghĩa này, nhưng nay chúng ta hiểu rõ, “y báo chuyển theo chánh báo”. Căn cứ trên lý luận này, sẽ có thể thấu hiểu và lý giải [nhật nguyệt là] có hay không có.

(Sao) Liên lậu giả, Viễn Tổ ư Lô Sơn, tập chúng niệm Phật, khắc mộc vi liên, cụ thập nhị diệp, dẫn lưu tuyến nhập trì, mỗi độ nhất thời, thủy kích nhất diệp, trú dạ lục thời, thiên tụng bất chuyết. Dự hội chư hiền, vãng sanh thậm chúng. Kim nhân lục thời tịnh nghiệp, bản ư Viễn Tổ, Viễn Tổ bốn thứ.

(鈔) 蓮漏者，遠祖於廬山，集眾念佛，刻木為蓮，具十二葉，引流泉入池，每度一時，水激一葉，晝夜六時，禪誦不輟，與會諸賢，往生甚眾。今人六時淨業，本於遠祖，遠祖本此。

(Sao: “Đồng hồ sen”: Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn, nhóm họp đại chúng niệm Phật, khắc gỗ thành hoa sen có mười hai cánh, dẫn nước suối vào ao. Cứ qua mỗi một giờ, nước ngập một cánh sen. Ngày đêm sáu thời, thiên tụng chẳng thiếu sót, các vị hiền nhân dự hội, vãng sanh rất đông. Người thời nay [thực hành] sáu thời tịnh nghiệp vốn là do tổ Huệ Viễn đề xướng, mà tổ Huệ Viễn lại căn cứ trên điều này (tức “trú dạ lục thời”) [đề lập ra cách tu trì ấy]).

“Liên lậu” là do Huệ Viễn đại sư sáng chế, dùng phương pháp nước nhỏ giọt để tính giờ. Ngài dùng gỗ khắc thành hoa sen, hoa sen ấy có mười hai cánh, mỗi cánh có thể chứa nước. Dẫn nước suối vào cho nhỏ giọt lên cánh sen. Hễ chứa đầy một cánh thì là hai tiếng đồng hồ [đã trôi qua]. Hoa sen ấy giống như một cái chậu rửa mặt nhỏ, nước nhỏ giọt

từ từ, chứa đầy một cánh này, nước lại được chứa trong cánh kế tiếp. Khi cả mười hai cánh đều đầy, sẽ là một ngày một đêm, tức mười hai “*thời thân*”. Từ xưa tới nay, phương pháp tính toán thời gian của Trung Quốc đều dùng “*lậu*”, dùng phương pháp này có thể biết thời khắc.

Tịnh Độ Tông ở Trung Quốc do Viễn Công đại sư đề xướng, về sau, hình thành một tông phái. Thuở ấy, Ngài tập hợp các đồng tu cùng chung chí hướng ở chung với nhau để chuyên tu Tịnh nghiệp. Đạo tràng ấy ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, nay gọi là Đông Lâm Tự. Thuở ấy, Viễn Công mở Niệm Phật Đường, kinh điển Tịnh Độ chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Lúc đó, kinh A Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật còn chưa được phiên dịch. Số lượng đồng tu cố định. Thuở ấy, chỉ có một trăm hai mươi ba người, những người ấy ai nấy đều thành tựu. Tham gia liên xã rất khó, Viễn Công lão hòa thượng thăm tra, ai không đủ tư cách, Ngài chẳng thu nhận. Ví dụ như người sống đồng thời với Ngài là Tạ Linh Vận, ông này là một đại văn học gia thời Đông Tấn, muốn tham gia liên xã, nhưng Viễn Công đại sư cự tuyệt. Vì sao chẳng thu nhận? Lý do là ông Tạ tập khí văn nhân quá nặng, thích viết văn, thích làm thơ, soạn từ¹⁴, những thứ ấy đều khiến cho người niệm Phật phân tâm. Quý vị liền biết quy củ trong liên xã thuở ấy rất nghiêm. Do đó, chư vị đồng tu phải nhớ: Kẻ thích đọc sách nhiều sẽ chẳng thể có thành tựu. Tôi nói với quý vị một câu thật thà: Tạ Linh Vận thích đọc sách, soạn văn chương, nên Viễn Công đại sư không cho ông ta tham gia liên xã!

Vì sao thích đọc sách sẽ không thể thành tựu? Chư vị biết chúng ta tu pháp môn này nhằm mục đích nào? Nhằm [đạt đến] nhất tâm bất loạn! Quý vị thích đọc kinh Phật cũng không được! Quý vị thấy kinh Kim Cang nói như thế này, kinh Địa Tạng nói như thế nọ, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa lại nói một cách khác nữa, đến khi nào quý vị mới có thể đắc nhất tâm? Chẳng thể nào! Chư vị muốn thật sự đắc nhất tâm bất loạn, thật sự muốn đạt đến công phu thành phiến, phải ghi nhớ lời cổ nhân! Người trong thế gian thường nói: “*Chẳng nghe lời cổ nhân, chịu thua thiệt trước mắt*”, quý vị nhất định luống uổng đời này. Hiện thời, Phật Học Viện nào mời tôi tới dạy, tôi đều không đi. Bản thân tôi cũng chẳng lập Phật Học Viện, vì sao? Khoa mục quá nhiều, quá tạp, chẳng thể thành tựu, tới đó lãng phí thời gian! Cầu học khác cầu đạo. Cầu học thì kiến thức của quý vị ngày một tăng trưởng, mỗi ngày phải phong phú hơn, vì học mà mỗi ngày một tăng thêm! Mỗi ngày phải tăng trưởng! Cầu đạo khác hẳn, cầu đạo là tâm địa thanh tịnh, ngày càng thanh tịnh hơn. Nói cách khác, trong tâm quý vị càng ít những thứ tạp nhạp càng

hay, vì đạo ngày càng giảm thiểu mà! Giảm bớt những thứ này nọ trong tâm thì quý vị mới thành công!

Tuy trong Tứ Hoằng Thệ Nguyên có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, chẳng sai! Nhưng “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*” ở sau “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Nay hỏi quý vị, quý vị đã đoạn phiền não hay chưa? Quý vị đoạn hết phiền não rồi thì mới có thể “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Nay quý vị chưa đoạn phiền não, càng đọc, phiền não càng nhiều hơn, tri giải của quý vị ngày càng nhiều hơn, tà tri tà kiến càng nhiều hơn, Thanh Lương đại sư bảo là “*tăng trưởng tà kiến*”. Không chỉ đọc sách thế gian nhiều sẽ tăng trưởng tà kiến, mà quý vị xem nhiều sách Phật vẫn là tăng trưởng tà kiến. Khi nào có thể bắt đầu xem? Đã đoạn phiền não; Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh của quý vị đều đã đoạn! Do đó, nói thật thà, học rộng nghe nhiều là khi nào? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo mới có tư cách đi tham học bên ngoài. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã đoạn Kiến Tư phiền não và Trần Sa phiền não, phá một phần vô minh; phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, đi ra ngoài tham học chính là học rộng nghe nhiều, phải có điều kiện gì? Điều kiện là đã chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo! Do đó, “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*” chẳng phải [dành cho những kẻ có căn cơ giống như] chúng ta trong hiện tại, hiện thời chúng ta không đủ tư cách.

Công việc chúng ta phải làm trong hiện tại là phải đoạn phiền não, phải tu cái tâm thanh tịnh! Các cảnh giới do lục căn tiếp xúc thấy đều là những thứ nhiễm bần chân tánh. Vì thế, chớ nên xem nhiều, chớ nên nghe nhiều! Quý vị xem sách bèn xem một quyển kinh A Di Đà, nếu nghe bèn là nghe một câu A Di Đà Phật. Nghe danh hiệu của những vị Phật, Bồ Tát đều là nhiễm ô, muốn đắc nhất tâm chẳng dễ dàng! Do liên xã trong thờ ấy là chuyên rỗng, nên mới có thành tựu to tát như vậy. Mỗi người vãng sanh đều biết trước lúc mất, người đã vãng sanh trước theo A Di Đà Phật đến đón tiếp người vãng sanh sau. Quý vị đọc truyện ký về sự vãng sanh của Huệ Viễn đại sư, lúc Tây Phương Tam Thánh và đại chúng trong Liên Trì hải hội đến đón Viễn Công, những người như Lưu Di Dân đã vãng sanh trước, đều theo A Di Đà Phật đến, vừa trông thấy Viễn Công đại sư bèn nói: “Thầy dạy chúng con niệm Phật, chúng con đi trước, sao bây giờ thầy mới đến?” Trong truyện ký có ghi điều này, tuyệt đối chẳng phải là giả. Nếu chư vị muốn thật sự học, nếu muốn

thành tựu thật sự, mà chẳng dùng biện pháp này của tổ sư, có thể nói là chẳng có hy vọng thành công!

Do đó, chúng ta ngày nay, trong tương lai có dịp mở Niệm Phật Đường, mọi người cùng tu, có mấy người thật sự là chí đồng đạo hợp là được rồi, ba người hay năm người trọn chẳng phải là ít, mà một hai trăm người cũng chẳng tính là nhiều! Nhưng chư vị phải biết: Chẳng tìm đâu ra hai ba chục người thật sự có chí đồng đạo hợp, đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp mà! Thời Viễn Công đại sư cũng chẳng hơn một trăm hai mươi ba người. Do đó, rất khó! Vì sao? Quý vị thấy giữa bao người đồng ngàn ấy, Niệm Phật Đường là [nơi tu] pháp môn thành Phật, người có duyên thành Phật trong một đời này đã chín muồi, phước báo to tát lắm! Có mấy ai có duyên thành Phật chín muồi trong một đời này? Bởi lẽ đó, làm sao có thể miễn cưỡng chuyện này cho được? Duyên thành Phật của một người chưa đến, sẽ chẳng thể ở trong Niệm Phật Đường. Một người thật sự khăng khăng kiên quyết, thứ gì cũng đều buông xuống, suốt ngày từ sáng đến tối một bộ kinh, một Phật hiệu, duyên thành Phật của người ấy đã tới rồi! Người ấy đời này quyết định thành Phật, chư vị đồng tu nhất định phải nhớ điều này. Vì lẽ đó, quý vị đọc nhiều kinh, chắc chắn chẳng có lợi!

Phát nguyện giảng kinh, đích xác là vô cùng thù thắng, vô cùng khó có. Giảng kinh cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng! Hai ngày hôm nay, cư sĩ Giản Phong Văn hết sức cảm khái thưa với tôi, ông ta nói chính mình tạo rất nhiều tội nghiệp. Tội nghiệp gì vậy? Khuyên người khác giảng kinh! Tôi nói: “Đó là chuyện tốt đẹp!” Ông ta nói: “Trước kia người ấy chưa biết giảng, người đó mới ra giảng thì hãy còn rất khiêm hư. Nay đã biết giảng bèn kiêu căng, ngã mạn, không để ai vào mắt. Đó là con đã hại kẻ ấy”. Tôi bảo: “Ông chẳng hại kẻ đó, chớ nên thường tự trách mình!” Tôi nói: “Có cha mẹ nào chẳng mong con cái tốt đẹp? Có người làm thầy nào chẳng mong học trò giỏi giang? Đứa con hay đứa học trò làm càn, làm quấy trong xã hội, vậy thì phải kết tội cha mẹ, thầy giáo hết sao?” Chẳng có lẽ ấy! Tôi nói: “Ông khuyên kẻ ấy là đúng, là chuyện tốt. Còn sau này, kẻ ấy trở thành tệ hại, học theo thói xấu, đó là chuyện của hắn! Làm sao thầy có thể bảo đảm học trò cả đời chẳng làm chuyện xấu?” Chẳng có cách nào làm được! Cha mẹ cũng làm không được! Tôi liền bảo ông ta: Nếu thường tự trách mình như vậy, sẽ bất lợi rất lớn cho sự tu hành của chính mình, trở thành đại chướng ngại, vì mỗi lần ông nghĩ đến là một lần “ta có lỗi với kẻ ấy, ta đã dẫn dụ người ấy thành hư hỏng”, tức là ông lại tạo tội nghiệp lần nữa trong A

Lại Da Thức! Tôi nói: “Sao ông chẳng thay những ý niệm ấy bằng niệm A Di Đà Phật? Vì sao chẳng nghĩ tới kinh Vô Lượng Thọ? Như thế mới là đúng!”

Chúng ta khuyên người khác học giảng kinh, học giảng kinh thì học từ nơi đâu? Học khởi đầu từ tâm thanh tịnh, do kinh nghiệm mà chúng tôi biết điều này. Vì thế, tôi cố vũ, khích lệ người khác giảng kinh. Học giảng kinh thì trước hết hãy học phẩm đức của chính mình, thành tựu đạo nghiệp của chính mình, học bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chuyên môn niệm một bộ kinh trong ba năm hoặc năm năm. Cổ đại đức [hạn định] năm năm, người hiện thời chẳng kiên nhẫn như vậy, [nhưng nói gì thì nói] tối thiểu cũng phải là ba năm. Trong ba năm niệm một bộ kinh, quyết định chẳng xem bộ sách thứ hai, để cho cái tâm được Định. Sau ba năm rồi mới bắt đầu học giảng, sẽ khác hẳn! Nếu trong ba năm ấy, thứ gì quý vị cũng đều ưa thích, thứ gì cũng đều mến chuộng, vậy thì quý vị hãy theo người khác học, tôi ở đây chẳng muốn [thâu nhận] quý vị, điều này hết sức trọng yếu! Vì vậy, phải nghĩ đến đạo tràng của tổ sư, nghĩ tới thành tựu của tiên hiền trong quá khứ, đều là những tấm gương tốt cho chúng ta, hãy nên ghi nhớ, giữ lấy, hãy nên học tập, người ta là những người đã có thành tựu. Người hiện thời cố nhiên có rất nhiều phương pháp hay, nhưng chúng ta chẳng thấy kết quả và thành tựu như họ. Nếu chúng ta học theo [cách do người hiện thời đề xướng], học suốt một đời chẳng đạt được kết quả, rất đáng tiếc! Đường lối xưa rất đáng tin cậy, chúng ta thấy không ít người thành tựu. Vì thế, theo đường lối xưa vẫn là tốt đẹp hơn!

Người thời nay [áp dụng phương pháp] “*sáu thời tịnh nghiệp*”, tức là phương pháp niệm Phật quanh năm trong Niệm Phật Đường. Phương thức ấy “*bốn u Viên Tổ*” (vốn xuất phát từ tổ Huệ Viễn), Viên Công đại sư đã lưu lại nghi thức niệm Phật này.

(Sớ) Mạn Đà La, thiên hoa danh dã, thử vân Thích Ý.

(疏) 曼陀羅，天華名也，此云適意。

(Sớ: Mạn Đà La là tên một loài hoa cõi trời, hoa này dịch là Thích Ý).

Kinh nói: “*Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa*” (Ngày đêm sáu thời, mưa hoa Mạn Đà La cõi trời). “*Thiên*” là thiên nhiên, chẳng phải do người làm, cũng chẳng do thực vật sanh trưởng, mà là thiên nhiên. Mạn Đà La (Mandarava) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thích Ý. Rốt cuộc hoa Mạn Đà La là hoa gì? Không nhất định! Quý vị

thích hoa gì, trên trời liền rơi xuống hoa ấy. Thứ hoa do chính quý vị ưa thích, yêu chuộng, được gọi là Mạn Đà La. Người Hoa dịch nghĩa là “*như ý*”, [tức là] đúng ý của ta, mang ý nghĩa ấy. Do vậy, phẩm loại hoa, màu sắc, quang minh ở đây là vô lượng vô biên, tùy theo sự yêu thích của mỗi người. Quý vị thích loại gì liền hiện ra loại ấy, đó là Thích Ý.

(Sớ) *Hựu vân Bạch Hoa.*

(疏) 又云白華。

(Sớ: *Còn nói là Bạch Hoa.*)

Cũng có ý nghĩa là hoa màu trắng.

(Sớ) *Thiên vũ giả, tán thán đạo đức, như Không Sanh Đế Thích sự.*

(疏) 天雨者，讚歎道德，如空生帝釋事。

(Sớ: “*Trời tuôn mưa*” là ca ngợi đạo đức, như chuyện giữa ngài Không Sanh và vua Đế Thích).

Trong lời Sao có giải thích từ ngữ “*Không Sanh, Đế Thích*”.

(Sao) *Bạch hoa giả, thiên hoa đa chủng, như Mạn Thù Sa, tác vân Xích Hoa.*

(鈔) 白華者，天華多種，如曼殊沙，則云赤華。

(Sao: *Bạch Hoa: Hoa trời có nhiều loại, như Mạn Thù Sa chính là hoa màu đỏ.*)

Hoa màu đỏ.

(Sao) *Kim chỉ bạch hoa, văn tỉnh tiện dã. Diệc khả Tây phương thuộc kim, thủ bạch nghiệp nghĩa.*

(鈔) 今止白華，文省便也。亦可西方屬金，取白業義。

(Sao: *Nay chỉ nói hoa trắng, là kinh văn nói giản tiện, mà cũng có thể là phương Tây thuộc hành Kim, [nói hoa trắng] nhằm tới ý nghĩa nói về nghiệp trắng sạch.*)

“*Bạch hoa*” không nhất định chỉ màu trắng, vì người Ấn Độ gọi thiện là Bạch, gọi ác là Hắc. Bạch Hoa là “*thiện hoa*”, có ý nghĩa ấy, vẫn

thuộc trong ý nghĩa Thích Ý. Thích Ý, nhưng nó là thiện, thiện quyết định tăng trưởng đạo niệm của quý vị. Thấy những hoa ấy, tự nhiên quý vị biết niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, biết niệm Tam Bảo, chẳng thể nào thấy hoa ấy mà nghĩ đến chuyện gì khác. Nếu thấy hoa ấy mà nghĩ đến pháp khác, tức là hoa ấy bất thiện, chẳng thể gọi là Bạch Hoa. Do vậy, nói Bạch Hoa không nhất định là nói đến màu sắc, quý vị phải nhớ điều này. Vì thế, nói giữ lấy “*ý nghĩa bạch nghiệp*” hết sức hay!

(Sao) Thích Ý giả, thiên hoa diệu hảo, thích duyệt nhân ý dã.

(鈔) 適意者，天華妙好，適悅人意也。

(Sao: Thích Ý: Hoa trời đẹp đẽ tuyệt diệu, khiến người ta vui lòng, đẹp ý).

Một nghĩa là bạch nghiệp, một nghĩa là đẹp đẽ khiến người ta vui lòng, đẹp ý; hai ý nghĩa ấy hợp lại hết sức viên mãn.

(Sao) Đại Bản vân: “Nhất thiết chư thiên, giai lai thiên thượng bách thiên hoa hương, lai cúng bĩ Phật”.

(鈔) 大本云：一切諸天，皆齎天上百千華香，來供彼佛。

(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Hết thấy chư thiên, đều mang trăm ngàn hoa hương đến cúng dường đức Phật ấy...”).

“*Chư thiên*” nói ở đây là các vị Bồ Tát thuộc các phương khác. Có nhiều vị Bồ Tát từ các thế giới phương khác mỗi ngày đều đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp. Họ đến nghe Phật thuyết pháp, nhất định có cúng dường, mang các hoa trời đến cúng dường. Trên thực tế, hoa trời cũng chẳng phải là mang lại, lẽ nào họ mang đi xa ngàn ấy? Mà do biến hóa ra. Trên không trung của thế giới Cực Lạc vô cùng trang nghiêm.

(Sao) Cậ chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng thị dã.

(鈔) 及諸菩薩聲聞之眾是也。

(Sao: “Và các vị Bồ Tát, Thanh Văn” là nói về ý này).

Những người khách từ bên ngoài đến cúng dường A Di Đà Phật, cúng dường các vị thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Tán thán giả, thế nhân hành thiện, chư thiên hoan hỷ, hà hưởng bỉ quốc.

(鈔) 讚歎者，世人行善，諸天歡喜，何況彼國。

(Sao: “Tán thán”: Người đời làm lành, chư thiên hoan hỷ, hưởng hồ là cõi kia).

Nói đến pháp thế gian, người thế gian có thiện niệm, thiện hạnh, thừa cùng quý vị, chư thiên, quý thần đều hoan hỷ. Tà quỷ ác thần tuy hại người, nhưng trông thấy người lành bèn cung kính, cũng kính sợ, lánh xa. Nếu thấy kẻ nào làm chuyện bất thiện, những ác quỷ, ác thần thấy đều đến giúp kẻ ấy tạo ác, giúp họ làm chuyện bất thiện. Do vậy, có thể biết, trong tâm chúng ta khởi tâm động niệm, tạo tác hành vi, đều có quỷ thần trông thấy, có quỷ thần thừa cơ khuấy động, giở trò, quấy phá khiến tâm quý vị phát cuồng. Hiện thời, trong thế giới này, trong ngoài nước, chúng ta trông thấy nhiều lắm, có cứu được hay không? Chẳng cứu được! Lúc mới bắt đầu, còn chưa nghiêm trọng, còn cứu được, có thể quay lại! Nếu đã hãm thật sâu, y học hiện thời gọi [tình trạng đó] là “*tinh thần phân liệt*” (Schizophrenia), chẳng thể cứu được! Chính mình nhất định phải cảnh giác!

Đại Kinh dạy, phương pháp chân chánh, phương pháp xảo diệu nhất là phải đọc kinh, phải tuân thủ các giáo huấn trong kinh điển, phải y giáo phụng hành. Trong tâm có vọng niệm bèn đọc kinh, vọng niệm chẳng còn nữa! Kinh niệm thật sự thuộc lâu, trong cuộc sống hằng ngày thường nghĩ đức Phật đã dạy chúng ta như thế nào, chúng ta phải nên hành ra sao, y giáo phụng hành. Trong kinh điển có nói “*quán kinh ước lệnh*” (quán những điều ước thúc, ngăn cấm trong kinh). Chẳng nói là Đọc, mà nói là Quán. Quán khắc sâu ấn tượng hơn Đọc. Trong Quán có công phu, tức là Quán Chiếu, Chiếu Trụ, và Chiếu Kiến như Thiên Tông thường nói. Quán Chiếu có ý nghĩa sâu hơn đọc kinh một tầng. Đọc kinh, khi quý vị chẳng khởi tác dụng, bèn chẳng có công phu quán chiếu. Đọc kinh thì trong cuộc sống, quý vị thường nghĩ tới, ta dấy lên một niệm, [liền đối chiếu] đức Phật đã nói trong kinh như thế nào, bèn ngay lập tức có thể sửa đổi chính mình, đó là Quán Chiếu. Cũng là thời thời khắc khắc ghi nhớ giáo huấn của kinh điển trong lòng, chẳng dám vi phạm, đó là Quán Chiếu. Vì thế, thật sự có thể sanh ra tác dụng ước thúc chính mình, phục tùng mệnh lệnh của Phật. Giáo huấn của Phật là mệnh lệnh của Phật, tuyệt đối phục tùng. Có như vậy, chúng ta mới có thể tránh

khỏi suy nghĩ tà vạy, mới hòng tránh khỏi tà kiến, tà hạnh. Chúng ta tâm lành, hạnh lành, chư thiên hoan hỷ, đó là pháp thế gian. Pháp thế gian mà còn như thế, “*hà hướng bỉ quốc*” (hướng hồ cõi ấy), Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi thiện bậc nhất trong hết thảy các cõi Phật.

(Sao) Như Lai Bồ Tát hiện thánh thượng thiện chi sở tập hội, tán thán vũ hoa, lý cố ưng nhĩ.

(鈔) 如來菩薩賢聖上善之所集會，讚歎雨華，理固應爾。

(Sao: Chỗ Như Lai, Bồ Tát, hiện thánh và các bậc thượng thiện nhóm hội thì tán thán, mưa hoa là chuyện đúng lẽ).

Nói theo Lý thì phải nên như thế. Ngay cả mười phương chư Phật còn tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn gì để bàn cãi nữa! Mười phương chư Phật đều tán thán, nói thật ra, chúng ta cũng được nhờ lây! Quý vị niệm kinh này, niệm A Di Đà Phật, mười phương chư Phật cũng tán thán quý vị. Khen ngợi kinh, khen ngợi người đọc kinh; khen ngợi Phật, khen ngợi người niệm Phật. Vì lẽ đó, chúng ta tu hành, một bản Tịnh Độ Ngũ Kinh là đủ rồi. Người tu Tịnh Độ chân chánh, một quyển kinh là đủ. Nếu vẫn ngại một quyển còn ít, tâm vẫn chưa buông xuống được, bèn đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Năm kinh mà vẫn cảm thấy chưa đủ, vẫn muốn xem thứ gì khác, tôi lại giới thiệu với quý vị bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Nếu vẫn chưa đủ, vậy thì tôi giới thiệu Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Nếu [vẫn cảm thấy] chưa đủ, Tây Phương Cực Lạc thế giới [quý vị] chẳng có phần! Quyết định không thể nhiều, càng tinh chuyên càng hay, tốt nhất là suốt đời tinh chuyên nơi một bộ kinh.

Tại Trung Quốc, từ xưa đã có nhiều vị tổ sư đại đức suốt đời chuyên giảng kinh A Di Đà, giảng mấy trăm lượt, suốt một đời chẳng giảng bộ kinh thứ hai, đó là tuyệt đối chánh xác. Nếu một mình quý vị, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đồng bộ, tức là Đại Bản và Tiểu Bản. Quý vị thật sự dùng mười năm đổ công dốc sức nơi Đại Bản và Tiểu Bản, chuyên tu, chuyên giảng. Trong mười năm, chẳng đọc bộ kinh thứ hai. Trừ hai bộ kinh ấy ra, [những thứ khác] nhất loạt chẳng xem; mười năm sau, quý vị sẽ là hóa thân của A Di Đà Phật. Vì sao? Nhắc tới kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh A Di Đà, quý vị sẽ là người [thông thạo] bậc nhất trên thế giới. Bất cứ pháp sư đại đức nào cũng chẳng thể sánh bằng quý vị. Vì sao? Quý vị chuyên dụng công nơi một bộ kinh tới mười năm! Nếu quý vị dùng mười năm công phu chuyên công dốc sức nơi Quán Âm Tam Kinh, tức là Phổ Môn Phâm, Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ

Căn Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm và chương Quán Tự Tại trong kinh Hoa Nghiêm, sau mười năm quý vị là Quán Âm Bồ Tát sống, là Quán Âm Bồ Tát tái lai, chẳng sai tí nào! Đúng là hóa thân của Quán Âm Bồ Tát, vì sao? Vì quý vị niệm mỗi ngày, được thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì. Mười năm sau, quý vị nhất định hợp nhất với A Di Đà Phật, hợp nhất với Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy đó! Tôi nói lời thật cùng mọi người, về Lý và Sự, xác thực là như vậy; nhưng quý vị nếu muốn học nhiều, tu tập, tu suốt một đời điều gì cũng chẳng thành, chẳng nắm chắc vãng sanh, chịu thua thiệt rất lớn!

Nếu tôi dạy học trò, bèn dạy theo cách này. Trong suốt năm năm, quý vị xem một bộ kinh, tôi thấy quý vị xem kinh khác, nhất định sẽ hung tợn đánh quý vị! Quý vị nhất định phải niệm bộ kinh này. Nếu quý vị niệm bộ kinh thứ hai, tôi buộc quý vị rời đi, tôi không nhận quý vị nữa, vì sao? Quý vị đọc thứ khác, ý nghĩ bị ô nhiễm. Chúng tôi yêu cầu nhất tâm, phải tu tâm thanh tịnh, mỗi ngày quý vị vẫn làm chuyện nhiễm ô, làm sao đạt thanh tịnh cho được? Làm sao có thể đắc nhất tâm cho được? Sách trong Đồ Thư Quán để cho kẻ khác xem, chẳng phải là để cho ta xem! Họ đến mượn, ta cho họ mượn, đó là chuyện của họ, chẳng dính líu gì đến ta! Bản thân ta suốt ngày từ sáng đến tối đọc một quyển, niệm một câu A Di Đà Phật, như vậy thì mới có thể thành công, mới là chuyên tu, chuyên hoàng. Nói thật ra, [học trọn] Tịnh Độ Ngũ Kinh cũng chưa chắc có thể thành công. Nói thật ra, đối với năm kinh, vẫn phải dốc sức nơi một bộ kinh! Ta học bộ kinh này hiểu rồi thì mới học bộ thứ hai, như vậy thì được! Nhưng bộ kinh thứ nhất phải học bao lâu? Tôi cảm thấy ít nhất là học mười năm. Trong quá khứ, tôi theo thầy Lý ở Đài Trung suốt mười năm học được năm bộ kinh, học nhiều quá! Nếu mười năm tôi chỉ học một bộ kinh, nay tôi đã sớm thành Phật, thành Bồ Tát, chẳng phải là như tình trạng này!

Khi tôi vừa mới đến Đài Trung, học được một bộ A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, đây là bộ kinh vỡ lòng của tôi. Bộ thứ hai là kinh A Di Đà, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm. Mười năm học năm bộ, học quá nhiều, học tập! Nay chính tôi mới biết thở ấy đi sai đường. Thầy chẳng nghiêm ngặt ước thúc chúng tôi, nếu thầy nghiêm ngặt ước thúc, tôi có thể nghe lời, có thể tiếp nhận. Nếu khi ấy, thầy Lý bảo tôi: “Nếu anh nghiêm túc đọc một quyển kinh Di Đà trong mười năm, tương lai anh sẽ là hóa thân của A Di Đà Phật”, tôi nhất định sẽ làm! Tôi biết nghe lời, sau mười năm tôi biến thành A Di Đà Phật, lẽ đâu chẳng vãng sanh?

Quyết định vãng sanh! Đây mới là thật sự giúp đỡ người khác. Thật sự tu hành, báo chí, tạp chí, sách vở thế gian thầy đều vứt bỏ, chẳng cần đọc nữa, đó là chân tu!

(Diễn) *Thế nhân hành thiện chư thiên hoan hỷ giả, dĩ nhân tu giới thiện, tắc thiên đa quyến thuộc, thiên hỷ quyến thuộc, cố sanh hỷ dã. Hựu chư thiên giai hiếu thiện, nhân tu thiện, tắc thượng hợp thiên tâm, cố hỷ dã.*

(Đản) 世人行善諸天歡喜者，以人修戒善，則天多眷屬，天喜眷屬，故生喜也。又諸天皆好善，人修善，則上合天心，故喜也。

(Diễn: “Người đời làm việc thiện, chư thiên hoan hỷ”: Do người tu giới thiện, ắt chư thiên có nhiều quyến thuộc. Do chư thiên ưa thích quyến thuộc, nên sanh hoan hỷ. Lại nữa, chư thiên đều chuộng điều lành, người tu thiện ắt là trên hợp với lòng trời, nên [chư thiên] hoan hỷ).

Đây là lời chú giải của pháp sư Cổ Đức, chú giải hết sức hay.

(Sao) Như Không Sanh, Đế Thích giả.

(鈔) 如空生帝釋者。

(Sao: Như Không Sanh và Đế Thích).

Đây là trích dẫn một công án trong Phật môn, là một câu chuyện xưa.

(Sao) Tu Bồ Đề yển tọa.

(鈔) 須菩提宴坐。

(Sao: Ngài Tu Bồ Đề ngồi yên).

“Không Sanh” là tôn giả Tu Bồ Đề. Tu Bồ Đề (Subhūti) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Không Sanh. Ngài là bậc đương cơ trong kinh Kim Cang, vì Ngài Giải Không (thấu hiểu tánh Không) bậc nhất. “Tu Bồ Đề yển tọa” là khi ngài Tu Bồ Đề đã tọa, tĩnh tọa.

(Sao) Đế Thích tán hoa.

(鈔) 帝釋散華。

(Sao: Đế Thích rải hoa).

“*Đế Thích*” (Śakro Devānām Indrah) là Đạo Lợi Thiên Chúa, người Hoa gọi ông ta là Ngọc Hoàng Đại Đế. Đạo Lợi Thiên Chúa đi qua đó, thấy tôn giả Tu Bồ Đề nhập Định ở đó, Thiên Chúa rất hoan hỷ, rải hoa cúng dường.

(Sao) Tu Bồ Đề vấn: Không trung tán hoa, đương thị hà nhân?

(鈔) 須菩提問：空中散華，當是何人？

(Sao: Tu Bồ Đề hỏi: “Đang rải hoa trên hư không là người nào vậy?”)

Khi ngài Tu Bồ Đề đang ngồi, [thấy] hoa rơi xuống liền hỏi: “Ai đang rải hoa?”

(Sao) Đáp viết: Ngã nãi Thiên Đế.

(鈔) 答曰：我乃天帝。

(Sao: Bèn đáp: “Tôi là Thiên Đế”).

Ông ta đáp: “Tôi là Đạo Lợi Thiên Chúa”. Đạo Lợi Thiên Chúa rải hoa cúng dường. Lại còn nói:

(Sao) Dĩ tôn giả thiện thuyết Bát Nhã cố.

(鈔) 以尊者善說般若故。

(Sao: Do tôn giả khéo nói Bát Nhã).

Ngài Tu Bồ Đề khéo nói Bát Nhã, nên Thiên Đế rải hoa cúng dường. Điều này nói rõ tâm người tốt lành có thể cảm động chư thiên, thiện thần. Chư thiên, thiện thần hoan hỷ cúng dường.

(Sao) Thị tri Tịnh Độ vãng sanh chi chúng, nhất tâm bất loạn, tức chư niệm bất sanh, vạn pháp không tịch, tức thị thiện thuyết Bát Nhã, cảm động chư thiên, hựu hà nghi tai!

(鈔) 是知淨土往生之眾，一心不亂，則諸念不生，萬法空寂，即是善說般若，感動諸天，又何疑哉！

(Sao: Do vậy biết đại chúng vãng sanh Tịnh Độ, nhất tâm bất loạn, nên các niệm chẳng sanh, vạn pháp không tịch, chính là khéo nói Bát Nhã, cảm động chư thiên, há còn ngờ u!)

Kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, chúng ta có cần phải học hay không? Chẳng cần học! Vì một câu A Di Đà Phật bao gồm trọn vẹn kinh Đại Bát Nhã do đức Phật đã giảng trong hai mươi hai năm. Chỉ cần quý vị niệm đến mức tâm thanh tịnh, niệm đến mức chẳng có một vọng niệm nào, Bát Nhã liền hiện tiền. Câu Phật hiệu này chẳng thể nghĩ bàn! Một câu Phật hiệu này đã hàm nhiếp các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đã nói và các pháp môn do các Ngài đã tu, chẳng sót một điều gì! Nếu quý vị chú tâm thấu hiểu, đã đạt được pháp môn này, chẳng có pháp môn nào không đạt được! Hết thầy các pháp môn đều đạt được, vậy thì tôi hỏi quý vị: Trong tương lai, quý vị hoằng kinh phải hoằng kinh nào? Đương nhiên ý nguyện của mỗi người mỗi khác. Dùng công phu mười năm, kinh này đã thông, hết thầy các kinh đều thông đạt toàn bộ. Khi thông đạt, quý vị hoằng dương kinh nào? Nếu quý vị hỏi tôi, tôi vẫn hoằng dương bản kinh này, chẳng hoằng dương bản kinh thứ hai, vì sao? Nếu tôi dùng loại kinh thứ hai để dạy mọi người, tôi có lỗi với đại chúng. Vì sao? Vì bộ kinh này chân thật nhất, nhanh chóng nhất, dễ dàng nhất, nhưng quý vị chẳng dạy người khác pháp môn này, mà tìm những thứ gây phiền cho người ta, chẳng phải là cố ý làm khó người ta hay sao? Nói rất huyền, rất diệu, hoa trời rơi lả tả, nhưng chẳng đạt được lợi ích. Không chỉ là chẳng có lợi ích nơi tu hành chứng quả, mà thậm chí thật sự lý giải cũng chẳng đạt được, trọn chẳng thể nào!

Lợi ích chân thật nhất, không gì bằng truyền dạy kinh Di Đà cho người khác, dạy người khác biết đến câu Phật hiệu này, đó là chân thật khôn sánh! Kinh Vô Lượng Thọ nói “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật). Pháp môn này là “*trí tuệ chân thật*”, “*chân thật chi tế*”, kinh nói liên tiếp ba món Chân Thật, những kinh điển khác chẳng có chuyện này!

(Sớ) *Hựu hoa hữu nhị chủng, nhất giả thiên hoa, nhị giả thụ hoa.*

(疏) 又華有二種，一者天華，二者樹華。

(Sớ: *Lại nữa, hoa có hai thứ, một là thiên hoa, hai là hoa do cây cối sanh ra.*)

“Thụ hoa” là những thứ sanh trưởng từ cây cối, hoa, cỏ trong thế gian.

(Sớ) Kim thị thiên hoa, dĩ thiên nhiếp thụ cố.

(疏) 今是天華，以天攝樹故。

(Sớ: Nay ở đây [kinh chỉ nói] là hoa trời, vì [nói] thiên hoa tức là đã bao gồm hoa của cây cối).

Nói “thiên hoa” thì đương nhiên bao gồm hoa từ cây cối, nhưng hoa từ cây cối chẳng thể bao gồm thiên hoa.

(Sao) Thiên hoa giả, tùng thiên nhi hạ, nghĩa như tiền thích.

(鈔) 天華者，從天而下，義如前釋。

(Sao: Hoa trời là hoa từ trên trời rơi xuống, ý nghĩa như trong phần trên đã giải thích).

Giống như đã giải thích trong phần trước, hoa ấy từ không trung rơi xuống.

(Sao) Thụ hoa giả.

(鈔) 樹華者。

(Sao: Hoa từ cây cối).

Đây là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có hàng cây bảy báu.

(Sao) Đại Bản vân: “Tứ phương tự nhiên phong khởi, xuất ngũ bách âm thanh, xuy chư thụ hoa, hoa sanh dị hương, tùy phong tứ tán, tán chư Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng. Hoa đọa địa giả, tích hậu tứ thốn, cực mục minh lệ, phương hương vô tỷ, cập chí tiểu ủy, tự nhiên loạn phong xuy khứ. Thị bỉ độ diệc vũ thụ hoa, cố viết “dĩ thiên nhiếp thụ”.

(鈔) 大本云：四方自然風起，出五百音聲，吹諸樹華，華生異香，隨風四散，散諸菩薩聲聞大眾，華墮地者，積厚四寸，極目明麗，芳香無比，及至小萎，自然亂風吹去，是彼土亦雨樹華，故曰以天攝樹。

(Sao: Kinh Đại Bồn chép: “Bốn phương tự nhiên nổi gió, phát ra năm trăm âm thanh, lùa qua các hoa trên cây [bảy báu], hoa tỏa mùi hương lạ, theo gió bay khắp bốn phương, rải lên các vị Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng. Hoa rơi xuống đất, tích lại dày đến bốn tấc, hết sức chói ngời đẹp đẽ, thơm ngát khôn sánh. Cho đến khi hơi héo, tự nhiên có trận gió mạnh cuốn hết đi”. Vậy là cõi ấy cũng có mưa hoa từ cây cối, nên nói: “Do thiên hoa bao gồm cả hoa từ cây cối”).

Đoạn kinh Vô Lượng Thọ này giảng rõ sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hư không đổ mưa hoa, gió thổi cuốn đi, hoa từ cây cối cũng phiêu lãng khắp nơi, đẹp đẽ khôn kể xiết! Hoa rơi xuống đất, kinh nói dày đến bốn tấc. Lại còn tự nhiên bày ra những kiêu dáng đẹp đẽ nhất, chẳng rời loạn. Nếu lúc hoa khô héo, bèn chẳng còn nữa! Hoa nơi ấy vĩnh viễn tươi mới, hoa này vừa biến mất, hoa mới lại rơi xuống.

(Diễn) *Cập chí tiểu ủy, loạn phong xuy khứ giả, Pháp Hoa vân: “Hương phong xuy ủy hoa, cánh vũ tân hảo giả”, thị dã.*

(演) 及至小萎亂風吹去者，法華云：香風吹萎花，更雨新好者，是也。

(Sao: “Cho đến khi hơi héo, gió mạnh cuốn đi”: Kinh Pháp Hoa nói: “Gió thơm cuốn hoa héo, lại mưa xuống hoa mới”, chính là ý này).

Tây Phương Cực Lạc thế giới có tình hình ấy.

(Diễn) *Hoặc nạn viết: Cực Lạc sở hữu hoa mộc, giai thất bảo thành, bất dĩ xuân sanh, bất dĩ thu tụy, kim nãi ủy giả, hà dã?*

(演) 或難曰：極樂所有花木，皆七寶成，不以春生，不以秋瘁，今乃萎者，何也？

(Diễn: *Chắc sẽ có kẻ bắt bẻ: Tất cả hoa cỏ cây cối trong Cực Lạc đều do bảy báu hợp thành, chẳng sanh trưởng vào mùa Xuân, chẳng xơ xác vào mùa Thu, nay lại có hoa héo là như thế nào?)*

Thế giới Cực Lạc là thế giới bất sanh, bất diệt, tất cả hết thảy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, lẽ nào có thể khô héo? Có khô héo là có sanh diệt. Trong khi giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã thưa bày về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ở bên đó hẳn sanh về Tây Phương Cực

Lạc thể giới, tướng hảo và quang minh đều giống như A Di Đà Phật, chẳng thể nói là sanh ra bèn giống như trẻ nhỏ dần dần trưởng thành. Hễ có sanh trưởng, bèn có sanh, lão, bệnh, tử. Tây Phương Cực Lạc thế giới là hóa sanh, chẳng hề nói là trưởng thành dần dần, nên hễ sanh về đó bèn sống đời đời. “*Hư vô chi thân, vô cực chi thể*” (Cái thân hư vô, cái thể vô cực). Do đó, họ chẳng có sanh, lão, bệnh, tử. Nếu họ có sanh trưởng, từ đứa bé dần dần trưởng thành, sẽ nhất định có già, chết. Vì lẽ đó, câu hỏi này rất có lý!

(Diễn) Đáp: Thử hữu nhị nghĩa, nhất giả tùy thuận thử phương cố.

(演) 答：此有二義，一者隨順此方故。

(Diễn: Đáp: Ở đây có hai nghĩa, một là do tùy thuận phương này).

Chúng ta vãng sanh sang đó, [hoa héo là] do tập khí của chúng ta biến hiện. Vì trong thế giới ấy, hết thấy đều là “*duy thức sở biến, duy tâm sở hiện*”. [Do tập khí, nên chúng ta nghĩ]: “Hoa ấy rơi xuống, lẽ nào chẳng bị héo khô?” Do trong tâm nghĩ nó sẽ bị khô héo, nó liền khô héo. Đây là những người từ các thế giới phương khác mới tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn mang theo tập khí cũ, nên thấy hiện tượng ấy.

(Diễn) Nhị giả biểu pháp cố, dĩ hoa biểu Bồ Tát chi nhân hạnh.

(演) 二者表法故，以花表菩薩之因行。

(Diễn: Hai là nhằm biểu thị pháp, dùng hoa để biểu thị nhân hạnh của Bồ Tát).

“*Hoa*” tượng trưng cho nhân hạnh, tu nhân. Hễ tu hành hơi giải đãi, đúng là giống như cái hoa héo. Thật vậy, chẳng giả tí nào! Nơi ao bảy báu bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta ở nơi đây và chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần phát tâm, thật sự mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao bảy báu bèn trở một đóa hoa sen. Nếu quý vị niệm Phật rất tinh tấn, rất siêng năng, hoa ấy ngày càng to hơn, quang minh và màu sắc ngày càng đẹp đẽ hơn. Ở nơi đây, chúng ta phát tâm chịu niệm, hoa ấy được vun bồi thêm. Nếu chúng ta giải đãi, ngã lòng, chẳng muốn niệm nữa, hoặc chẳng tin pháp môn này, đổi sang học pháp môn khác, hoa ấy liền khô rụng, chẳng còn nữa! Hoa héo rũ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do A Di Đà Phật thị hiện một sự

cảnh giác rất lớn, khuyên Bồ Tát phải tinh tấn, hễ giải đãi đôi chút, màu hoa ấy sẽ kém hẳn. Ý nghĩa này hết sức hay!

(Diễn) *Sảo hữu giải đãi, như hoa chi tiểu ử, tắc cổ dĩ Bát Nhã chi phong, khứ kỳ giải đãi, trùng gia tinh tấn, như xuy khứ ử hoa, cánh vũ tân hảo dã.*

(演) 稍有懈怠，如花之小萎，則鼓以般若之風，去其懈怠，重加精進，如吹去萎花更雨新好也。

(Diễn:) *Hễ hơi có giải đãi, như hoa hơi héo, bèn nổi gió Bát Nhã để trừ khử sự giải đãi ấy, lại tăng thêm tinh tấn, như thổi sạch hoa héo, lại mưa hoa mới vậy).*

Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Trước mắt, chúng ta cúng Phật bằng hoa tươi cũng nhằm biểu thị ý nghĩa này. Cúng một hai ngày, hoa héo, liền biết là giải đãi. Lại cúng hoa mới là lại tinh tấn, lại nỗ lực, biểu thị ý nghĩa này. Nay chúng ta thường cúng [hoa] trong Phật đường, nhưng chẳng biết ý nghĩa. Tuy nói ra, quý vị cũng hiểu, nhưng chẳng thể vận dụng trong cuộc sống, chẳng thể dùng chuyện này để niệm niệm nhắc nhở chính mình. Nói cách khác, tập khí của chúng ta quá nặng, vẫn chẳng thể chuyên được, công phu chẳng đắc lực. Nên quý vị thật sự chuyên được, công phu quyết định đắc lực. Trong nhà quý vị thờ Phật cũng là như thế. Không chỉ là cúng Phật, mà bất luận ở nơi đâu, những hoa cỏ quý vị trông thấy đều là biểu thị pháp. Vì thế, vừa thấy hoa, bèn nghĩ chính mình phải tinh tấn. Thấy hoa sắp héo, sắp rụng, bèn nghĩ đến sự giải đãi. Trông thấy hoa nở rất đẹp đẽ, rất sum suê, [bèn thấy] đó là tinh tấn. Không nhất định là nhìn trong Phật đường, mà tất cả bất cứ chỗ nào trông thấy hoa, đều biểu thị ý nghĩa này. Thường tương ứng với tự tánh như vậy sẽ là tốt đẹp.

(Sớ) *Xưng Lý, tắc tự tánh khai giác, thị hoa nghĩa.*

(Diễn) *Tự tánh khai giác thị hoa nghĩa giả, dĩ Viên Giác chi tâm, như hoa khai, minh chiếu thập phương sát cố.*

(疏) 稱理，則自性開覺，是華義。

(演) 自性開覺是華義者，以圓覺之心，如花開，明照十方剎故。

(Sớ:) *Xưng Lý thì tự tánh khai giác là ý nghĩa của hoa.*

Diễn: “*Tự tánh khai giác là ý nghĩa của hoa*”: Do cái tâm Viên Giác giống như hoa nở, soi rõ các cõi nước trong mười phương).

“Viên” là viên mãn, “Giác” là giác ngộ, giác chứ chẳng mê, ví như hoa nở. “*Minh chiếu thập phương sát cố*”, Minh là hiểu rõ, Chiếu là chiếu kiến, [hiều rõ, thấy thấu suốt] các cõi nước của chư Phật trong mười phương. Nói thu nhỏ hơn đôi chút, sẽ là hoàn cảnh trước mắt chúng ta, tức là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, thứ gì cũng hiểu rõ, tức là thứ gì cũng thông đạt, chẳng bị mê hoặc. Đó là Bát Nhã hiện tiền, tâm quý vị giác, chứ không mê!

(Diễn) Phật Địa Luận vân: “*Như đại mộng giác, như liên hoa khai*”, thị dã.

(演) 佛地論云：如大夢覺，如蓮華開，是也。

(Diễn: Phật Địa Luận nói: “*Như tỉnh giấc mộng lớn, như hoa sen nở*” là nói về điều này).

Hai câu này đều là tỷ dụ tự tánh lưu lộ. Tự tánh của chúng ta bị Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng ngăn trở, chẳng thể hiện tiền! Do vậy, bảo quý vị hãy buông tham, sân, si, mạn xuông. Đó là trừ khử Phiền Não Chướng; bảo quý vị chớ nên đọc nhiều, nghe nhiều, hòng trừ Sở Tri Chướng! Quý vị chớ nên tăng trưởng tà kiến, mà cũng đừng nên tăng trưởng phiền não, có ý nghĩa như vậy.

(Sao) Tự tánh tại mê, như hoa thượng nhụy.

(鈔) 自性在迷，如華尚蕊。

(Sao: Tự tánh đang mê, giống như hoa còn búp).

“*Nhụy*” (蕊) là nụ hoa. Khi tự tánh mê, hoa vẫn chưa nở, nên nói là búp hoa.

(Sao) Tự tánh hốt ngộ, như hoa chánh khai.

(鈔) 自性忽悟，如華正開。

(Sao: Chợt ngộ tự tánh, như hoa nở tung).

Đây là tỷ dụ.

(Sao) Hựu diệu sắc hoán lạn, bất hội nhi thành, diệu hương phức úc, bất hành nhi chí.

(鈔) 又妙色煥爛，不繪而成，妙香馥郁，不行而至。

(Sao: Lại nữa, màu sắc nhiệm màu rạng ngời, chẳng vẽ vờ mà thành, mùi hương ngào ngạt, chẳng đi mà đến).

Nói về Tánh Hoa, hoàn toàn nói đến Tánh Đức. Đối với người tu hành mà nói, điều này rất trọng yếu. Nếu chừa vị lưu ý đôi chút, [sẽ biết] trên thân con người có quang minh. Hiện thời, có rất nhiều người học Khí Công, tu học đến mức độ khá, sẽ có thể thấy quang minh của người khác. Rõ rệt nhất là trên thân mỗi người đều có hơi hướng. Nếu hơi hướng nơi thân chẳng dễ ngửi, người khác tiếp xúc bèn tránh ra xa, chính mình phải cảnh giác: Bản thân ta tội nghiệp rất nặng, phải nghiêm túc tu hành, quyết định có thể tiêu trừ [nghiệp chướng] ấy!

(Sao) Hoa vũ tự không, bất chủng nhi sanh, bất thủ nhi hạ, tự tánh thân linh thông đạt, diệc phục như thị.

(鈔) 華雨自空，不種而生，不採而下，自性神靈通達，亦復如是。

(Sao: Mưa hoa từ không trung, chẳng trồng mà sanh, chẳng ngắt mà rơi xuống, [biểu thị] tự tánh thân kỳ, linh diệu, thông đạt cũng giống như vậy đó).

Hoa từ không trung rơi xuống, cây báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần trồng trọt, tự nhiên sanh trưởng. Hoa chẳng cần ngắt hái, tự nhiên có thể rơi xuống, thay đều là “*tự tánh thân, linh, thông đạt*”, cũng là thần thông trong tự tánh, là Tánh Đức lưu lộ.

(Diễn) Như hoa thượng nhụy giả, mê tắc nhất vô sở giác cố.

(演) 如花尚蕊者，迷則一無所覺故。

(Diễn: “Như hoa còn búp”: Hễ mê thì chẳng giác một điều nào).

Giống như hoa chưa nở.

(Diễn) Như hoa chánh khai giả, ngộ tắc vạn pháp lăng nhiên cố.

(演) 如花正開者，悟則萬法朗然故。

(Diễn: “Nhu hoa nở tung”: Ngộ thì vạn pháp rạng ngời).

Sau khi đã giác ngộ, muôn pháp rạng ngời, giống như hoa nở. Dùng hoa để tượng trưng cho tự tánh.

(Diễn) *Thần linh thông đạt diệc phục như thị giả, dĩ thập pháp giới y, chánh, sắc, tâm, tuần nghiệp phát hiện, vô chủ trì giả, vô tạo tác giả, vô phân tích giả, giai tự tánh nhậm vận, bất tư nghị chi vô tác diệu dụng như thị dã.*

(演) 神靈通達亦復如是者，以十法界依正色心，循業發現，無主持者、無造作者、無分析者，皆自性任運，不思議之無作妙用如是也。

(Diễn: “Thần linh thông đạt cũng giống như thế”: Do y báo, chánh báo, sắc, tâm của mười pháp giới thuận theo nghiệp mà hiện ra, chẳng có kẻ chủ trì, chẳng có kẻ tạo tác, chẳng có kẻ chia chẻ, đều là do diệu dụng tùy ý vô tác chẳng thể nghĩ bàn của tự tánh là như thế đó).

Trong hai bộ kinh Lăng Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã giảng đạo lý này rất cặn kẽ. Do “tuần nghiệp phát hiện” (theo nghiệp mà phát khởi, hiện ra), nên hết thảy muôn pháp không có người chủ trì, không có người tạo nghiệp, không có người chia chẻ, quý vị nghiên cứu tu học, sẽ phí uổng công phu! Hằng ngày quý vị đều đọc tụng, nghiên cứu, có thể đạt được gì? Đạt được tà tri tà kiến. Phật pháp cầu gì? Cầu tự tánh khai phát, hết thảy thông đạt; bất luận tông nào hay phương pháp nào, đều tuân theo nguyên lý này. Người hiện thời học Phật dùng phương pháp học vấn của thế gian để nghiên cứu Phật học, nên đã đọc kinh điển như [đọc các sách vở thuộc] học vấn thế gian. Cổ nhân chẳng làm như vậy, cổ nhân dùng kinh Phật để tu Giới, Định, Huệ, nên chỉ có đọc tụng, chẳng giải thích. Trong các buổi giảng, tôi đã nói với quý vị rất nhiều lần: Đọc kinh là Tam Học Giới, Định, Huệ hoàn thành cùng một lượt, cổ nhân dùng phương pháp này. Hiện thời, chúng ta coi Phật pháp như học vấn thế gian, hoặc triết học để nghiên cứu, suốt một đời học pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp, đi ngược đường lối với Phật pháp, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 156

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm ba mươi sáu:

Nhị, trì dĩ cúng Phật.

(Kinh) Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc.

二、持以供佛。

(經) 其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時。還到本國。

(Hai, cầm hoa cúng Phật.

Kinh: Chúng sanh cõi ấy thường vào sáng sớm, mỗi người dùng lẵng đựng hoa, chứa các hoa màu nhiệm, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, liền ngay trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình).

Đoạn nhỏ này là “trì dĩ cúng Phật”, tức là dùng hoa trời cúng dường chư Phật ở phương khác. Kinh nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật; ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đặc biệt nói rõ với chúng ta “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác). Con số “mười vạn” bằng đúng khoảng cách [giữa Cực Lạc và Sa Bà], hàm nghĩa quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày đều có thể trở về nhìn lại Sa Bà. “*Thường dĩ*” (Thường lấy) là không gián đoạn, quý vị có thể thường xuyên trở về nhìn lại. Đó là phương tiện quyền xảo thuyết pháp. Trên thực tế, năng lực thần thông của chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là mười vạn ức! Nói “*mười vạn ức*” tương ứng với mười vạn ức cõi Phật, dụng ý ở chỗ này. Thần thông và đạo lực của họ thật sự quá lớn, từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đã thấy: Dầu là những kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh, năng lực thần thông của họ đều rất gần với A Di Đà Phật, cũng có thể nói là gần như bằng với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Trong tầm mắt của họ, mười vạn ức quá nhỏ bé!

(Diễn) Tiền kinh văn vân: “Quá thập vạn ức Phật độ”, kim kinh văn diệt vân: “Cúng dường tha phương thập vạn ức Phật”. Tắc tri

thập vạn ức giả, thị biểu số chi cực đa, do Hoa Nghiêm chi dĩ thập biểu vô tận dã.

(**演**) 前經文云：過十萬億佛土，今經文亦云：供養他方十萬億佛。則知十萬億者，是表數之極多，猶華嚴之以十表無盡也。

(*Diễn: Kinh văn trong phần trước đã nói: “Qua mười vạn ức cõi Phật”, kinh văn ở đây cũng nói: “Cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác”. Nên biết “mười vạn ức” biểu thị số lượng nhiều đến tột cùng, giống như kinh Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu thị vô tận).*)

Ý nghĩa này cũng được giảng hết sức hay!

(*Sớ*) *Thử ngôn thiên sở vũ hoa, chúng sanh trì thủ cúng Phật dã. Chúng sanh giả, trì Phật nhi ngôn dã. Thanh đán giả, lục thời chi nhất dã. Y kích giả, thịnh hoa chi khí dã. Cúng tất hoàn quốc, do tại thực thời, dĩ Thân Túc cố.*

(**疏**) 此言天所雨華，眾生持取供佛也。眾生者，除佛而言也。清旦者，六時之一也。衣裓者，盛花之器也。供畢還國，猶在食時，以神足故。

(*Sớ: Ở đây là nói hoa mưa xuống từ cõi trời, chúng sanh lấy hoa ấy cúng Phật. “Chúng sanh” là nói tới những người trì Phật ra. “Sáng sớm” là thời đầu tiên trong sáu thời. “Y kích” là đồ đựng hoa. Cúng xong trở về nước, vẫn thuộc trong thời gian một bữa ăn, là do Thân Túc Thông vậy).*)

Trong phần trước đã nói tới hoa trời, đại chúng trong thế giới Cực Lạc dùng hoa trời ấy để cúng dường chư Phật. Thời gian cúng dường vào lúc sáng sớm. Sáng sớm là lúc tốt nhất để lễ Phật, tỉnh an, nghe pháp. Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, vào mỗi sáng sớm, mọi người ở đó đều đến mười phương thế giới lay Phật. Chúng ta trong thế gian này, phước rất mỏng, chẳng gặp được một vị Phật nào, người trong cõi kia phước báo quá lớn, mỗi ngày đều có thể lay rất nhiều vị Phật. Chúng ta hằng năm, hiện thời rất nhiều đạo tràng lay Vạn Phật Sám [vào dịp đầu năm], chỉ có hơn một vạn hai ngàn danh hiệu Phật, cũng chẳng qua là xướng niệm mà thôi, một vị Phật cũng chẳng thấy! Quý vị đến Tây Phương thế giới, mỗi ngày, kinh nói con số tối thiểu là mười vạn ức Phật!

Mười vạn ức Phật gặp gỡ họ mỗi ngày, quý vị nghĩ xem, phước báo nhiều ngàn ấy!

Lạy Phật xong, trở về nhằm đúng lúc ăn sáng. Quý vị nghĩ xem, thời gian rất ngắn, họ có thần thông to dường ấy! Có lẽ chúng ta hoài nghi, mười vạn ức Phật? Được rồi! [Cứ tính là lạy] một vị Phật mất một phút, thôi rồi, phải mất nhiều năm! Chư vị hãy nên biết: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thuật phân thân, trong khoảng một sát-na, đồng thời phân thành mười vạn ức thân, trước mỗi vị Phật đều có họ, họ có năng lực chẳng thể nghĩ bàn! Ở nơi đây, chúng ta chẳng có thuật phân thân, nên chúng ta muốn đến lạy, bèn lạy từng vị một, mệt chết luôn! Còn họ đến lễ bái đồng thời, phước báo to tát! Nếu chúng ta mong đạt được phước báo ấy, nói thật ra, chẳng khó, trong một đời này quyết định có thể thành tựu, nhưng nhất định phải chuyên tu, phải y giáo phụng hành.

(Sao) Trừ Phật giả, duy Phật nhất nhân độc xưng Đại Giác.

(鈔) 除佛者，唯佛一人獨稱大覺。

(Sao: “Trừ Phật ra”: Chỉ riêng một mình đức Phật được gọi là Đại Giác).

Nói “*chúng sanh*” thì chẳng bao gồm Phật, vì sao? Phật là đại giác rốt ráo. Nói đến “*chúng sanh*” thì Bồ Tát đều có thể gọi là chúng sanh, vì Bồ Tát tuy giác, nhưng giác chưa viên mãn. Chúng ta thường nói “*cửu pháp giới chúng sanh*”. Chín pháp giới bao gồm Bồ Tát pháp giới. Chín pháp giới thì dưới là lục đạo, trên là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn thuộc về chúng sanh, đến lúc thành Phật mới chẳng gọi là “*chúng sanh*”.

(Sao) Dĩ chí vãng sanh bỉ quốc sơ tâm phàm phu, giai danh chúng sanh dã, dĩ sanh Phật tương đối cố.

(鈔) 以至往生彼國初心凡夫，皆名眾生也，以生佛相對故。

(Sao: Cho đến sơ tâm phàm phu vãng sanh cõi ấy đều gọi là “chúng sanh”, do đối ứng giữa chúng sanh và Phật).

Chúng sanh và Phật là danh xưng được kiến lập tương đối.

(Sao) Lục thời chi nhất giả, thanh đán, u trú thời vi tối tiên.

(鈔) 六時之一者，清旦，於晝時為最先。

(*Sao*: “*Thứ nhất trong sáu thời*”: Sáng sớm là lúc đầu tiên vào ban ngày).

Đây là lúc sớm mai, sáng sớm cúng Phật là cung kính nhất. Vì sáng sớm thức dậy, thân tâm thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh lễ Phật, cúng dường Phật. Vì thế, đối với khóa tụng của chúng ta, khóa sáng hết sức trọng yếu. Đối với khóa sáng của các đồng tu tại gia, nếu quý vị chẳng phải là phụ nữ có nghề nghiệp, chức trách, không cần đi làm, khóa sáng của quý vị dài một chút không sao! Nếu công việc rất bận rộn, khóa sáng ngắn một chút, chớ nên quá dài. Điều khẩn yếu là đừng thiếu ngày nào, điều này trọng yếu, mới phù hợp với điều kinh đã dạy: “*Một mực chuyên niệm*”. Nếu ấn định công khóa dài, do thực hiện không được bền thiếu sót, tức là chẳng hợp với ý kinh! Khóa tụng sáng tối đơn giản nhất là pháp Thập Niệm. Quyết định chớ nên coi rẻ Thập Niệm, từ xưa tới nay, người tu pháp Thập Niệm vắng sanh rất đông; do đó, người công việc bận rộn dùng phương pháp này hết sức thuận lợi. Trừ mười niệm, tức là ngoài khóa niệm sáng tối đã ấn định ra, những lúc bình thường được gọi là “*tán khóa*”. Tán khóa không cần đếm số, ít hoặc nhiều chẳng sao cả. Hễ có chuyện gì bèn buông xuống, chuyên tâm làm việc. Làm xong chuyện, lại dấy lên Phật hiệu, như vậy là tốt đẹp! Nói chung là đừng để gián đoạn.

Đọc kinh tốt nhất là thâm nhập một môn, đọc một bộ kinh. Tâm chuyên thì mới dễ dàng niệm đến mức công phu thành phẩm, niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Quý vị hành hai ba thứ, chắc chắn là phân tâm, chắc chắn gây chướng ngại cho nhất tâm. Do đó, người chuyên tu niệm, khóa tụng sáng tối chẳng cần dùng sách khóa tụng thông thường trong nhà chùa, vừa niệm kinh, vừa xướng tán, vừa niệm chú. Lại còn phải niệm rất nhiều loại chú, tối thiểu là chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm, mười chú nhỏ, niệm nhiều như thế chẳng có tác dụng, không bằng chuyên niệm kinh A Di Đà, chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy chúng ta một phương pháp thực dụng nhất, mà cũng khẩn yếu nhất. Phương pháp của Ngài cũng [thích hợp] cho những kẻ bình phàm chúng ta có thời gian để tu học. Một buổi tụng niệm như Ngài dạy là một cây hương, một quyển kinh A Di Đà, ba biên chú Vãng Sanh, niệm Phật một ngàn câu, sau đó là hồi hướng, hết sức đơn giản.

Trong khóa tụng sáng tối thì kinh Di Đà tốt hơn kinh Vô Lượng Thọ, ngắn mà! Mọi người niệm rất thuộc. Bình thường đọc kinh thì

mong là đọc kinh Vô Lượng Thọ mỗi ngày một lần, còn kinh Di Đà dùng như công khóa sáng tối, hai bộ kinh này là đồng bộ, tức là Đại Bản và Tiểu Bản. Vì sao bảo quý vị mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần? Khiến cho quý vị hiểu rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín tâm kiên cố, chí nguyện chẳng dời, có quá nhiều lợi lạc. Vì kinh Di Đà nói ngắn gọn, có nhiều chỗ chẳng giảng cặn kẽ, nên người tu Tịnh Độ thường là tu vài chục năm, đến cuối cùng thay đổi chủ ý, quay sang học thứ khác, rất đáng tiếc. Vì sao họ thay đổi chủ ý? Do nhận thức Tịnh Độ chẳng thấu triệt, đó cũng là như cư sĩ Mai Quang Hy đã nói: “*Do vì không đọc Đại Kinh*”. Kinh Vô Lượng Thọ giảng giải cặn kẽ, nhưng họ chẳng đọc, nên không biết, một nguyên nhân là như vậy đó! Vì thế, đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị càng liễu giải nhiều, càng nhận thức rõ ràng, trong tâm quý vị càng hoan hỷ, nguyện càng khẩn thiết, tín tâm càng thanh tịnh, càng kiên cố, lẽ nào chẳng vãng sanh? Quyết định vãng sanh! Vì thế, khóa tụng sáng tối hết sức quan trọng.

(Sao) Hựu đán thị dạ khí thanh minh chi tế.

(鈔) 又且是夜氣清明之際。

(Sao: “Đán” lại có nghĩa là trời đêm tĩnh lặng, trong trẻo).

Những lời này đều để nói với chúng ta. Trên thực tế, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ngày hay đêm.

(Sao) Thanh đán cúng Phật, thủ tâm tịnh dã. Bỉ quốc chúng sanh, tuy trú dạ nhất tâm, cố vô thanh trực, nhi vị đăng Phật địa, do hữu vô minh, xúc sự thiệp duyên, bất vô thiểu động, diệc dĩ bình đán hiệu thanh minh tâm, diệc khả tùy thuận thử phương ngôn thanh đán dã.

(鈔) 清旦供佛，取心淨也。彼國眾生，雖晝夜一心，固無清濁，而未登佛地，猶有無明，觸事涉緣，不無少動，亦以平旦號清明心，亦可隨順此方言清旦也。

(Sao: “Sáng sớm cúng Phật”, cốt yếu là tâm tịnh. Chúng sanh trong cõi ấy, tuy ngày đêm đều nhất tâm, nên chẳng có thanh hay trực, nhưng do chưa đạt đến địa vị Phật, vẫn còn có vô minh, gặp sự chạm duyên, chưa thể chẳng có chút động tâm nào, nên cũng dùng chữ “rạng

sáng” để mệnh danh cái tâm thanh tịnh, sáng suốt, mà cũng có thể là do tùy thuận phương này mà nói là “sáng sớm”).

Hai ý nghĩa này đều có. Chúng tôi vừa mới nói với quý vị, do tùy thuận chúng ta ở phương này, có ý nghĩa đặc biệt thiên trọng giáo huấn chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ và phước báo gần như bằng Phật, đều là do thần lực của A Di Đà Phật gia trì, trọn chẳng phải do công phu của chính mình đạt được, chư vị phải hiểu điều này! Bản thân quý vị là đời nghiệp vãng sanh, đến bên đó có chín phẩm hay không? Đúng là có chín phẩm. Tuy có chín phẩm, nhưng trong chín phẩm, trọn chẳng có giới hạn, cuộc sống hòa hợp như một. Xét theo phương diện cuộc sống thì chẳng chia ra cửu phẩm, nhưng trong nội tâm của chính mình, vô minh nhẹ hay nặng đích xác là khác hẳn. Tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể cùng đứng, cùng ngồi với Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng rốt cuộc Quán Âm Bồ Tát chỉ có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, còn chúng ta là bốn mươi một phẩm vô minh, Trần Sa, Kiến Tư, một phẩm vẫn chưa đoạn. Nghiệp chướng nặng nề dường ấy, sang bên ấy cũng còn một chút tâm tình, tình cảm có lúc cao, lúc thấp. Khi cao trào giống như buổi sáng, lúc thoái trào bèn giống như đêm tối. Tuy có cao, thấp, nhưng cao, thấp hết sức nhẹ, trọn chẳng rất nặng, đó là do thần lực gia trì. Phật lực gia trì quý vị, còn có chư đại Bồ Tát, chư thượng thiện nhân cùng nhóm lại một chỗ. Tâm tình tuy [có lúc] xuống thấp, nhưng xuống thấp cỡ nào, người bên ấy lại còn giúp đỡ, nhắc nhở quý vị, đó là một nhân tố trọng yếu nhất khiến cho người trong thế giới Tây Phương chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái.

Ở bên đó sáu trần thuyết pháp, các vị thượng thiện nhân đều nhóm họp một chỗ, những điều này đều là những nhân tố trọng yếu khiến cho [hành nhân trong Cực Lạc] chẳng thoái chuyển. Trong thế giới này, chúng ta trong có phiền não, ngoài có ác duyên, lui sụt rất nhanh! Tiến rất khó khăn, lùi rất nhanh chóng. Chúng ta thấy có rất nhiều người tu hành rất khá, nhưng ngã lòng, chúng ta cảm thấy hết sức tiếc hận, vì sao lại ngã lòng? Rất đơn giản, người ấy chẳng thể khuất phục phiền não trong nội tâm, công phu niệm Phật của người ấy chẳng thể khuất phục phiền não! Niệm Phật mà chẳng thể khuất phục phiền não thì thừa cùng quý vị, những phương pháp khác càng chẳng thể trông cậy, chư vị phải biết điều này! Kinh nói “niệm Phật bèn có hai mươi lăm vị Bồ Tát ngày

đem bảo hộ quý vị”, mà quý vị vẫn chẳng thể khuất phục phiền não! Quý vị tu pháp môn khác, chẳng có công đức to lớn ngàn ấy!

Nếu chúng ta suy xét sâu hơn một tầng nữa, vì sao người ấy chẳng thể khuất phục phiền não? Thừa cùng quý vị, người ấy thiếu tâm cung kính, tâm học đạo không chân thành, chẳng cung kính. Nếu thật sự chân thành, cung kính, cảnh duyên bên ngoài chẳng dễ gì lay động kẻ ấy, chính người ấy có năng lực không chế cảnh duyên. Vì thế, do tâm chúng ta không chân thành, thiếu ý cung kính. Kinh thường nhắc đi nhắc lại “*hết thấy cung kính*”, điều này rất có lý! Sách Lễ Ký của Nho gia có câu: “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: Không gì chẳng cung kính), “*kính*” rất trọng yếu. Điều thứ nhất trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”. Người nếu giữ lòng thành kính, sẽ không chỉ chẳng vọng động, mà còn chẳng dấy một ác niệm, [vì nếu] dấy lên một niệm sẽ chẳng kính, đã đánh mất lòng cung kính. Nhìn từ chỗ này, bất luận người nghiên cứu Phật học sâu cỡ nào, uyên bác cỡ nào, giảng hay cỡ nào, tu nhiều cỡ nào, nếu vẫn bị cảnh giới bên ngoài lay động, vừa bị khảo thí liền chẳng đạt tiêu chuẩn, như vậy là vô dụng, không qua nổi khảo thí! Đó là mấu chốt quan trọng quyết định sự thành bại trong một đời của chúng ta.

Vì vậy, nói đúng ra, những người trong Tây Phương thế giới chưa đăng địa (chưa chứng nhập Sơ Địa), cũng tức là những người chưa phá vô minh, “*xúc sự thiệp duyên, bất vô thiếu động*” (gặp chuyện chạm duyên, không thể chẳng có chút lay động nào), còn bị dao động đôi chút. Dao động đôi chút đừng sợ, ngoại duyên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp. Ở cõi này, chúng ta dao động thì không được rồi! Ngoại duyên rất tẻ, quý vị vừa dao động, ngoại duyên sẽ khiến cho quý vị bị chân động trên một mức độ lớn. Trong thế giới Tây Phương, tâm quý vị vừa động, các vị Bồ Tát đều biết, biết tâm quý vị bị động, ngay lập tức thuyết pháp, đến an ủi quý vị, khiến cho quý vị lập tức khôi phục bình lặng, an tĩnh, có ý nghĩa này. Người ấy khôi phục tâm bình lặng, an tĩnh, đó là tâm thanh tịnh; khi ấy, sẽ giống như trời rạng sáng, “*rạng sáng*” có ý nghĩa này!

(Sao) Thường giả, nhật nhật hằng nhiên, vô bì yếm cố.

(鈔) 常者，日日恆然，不疲厭故。

(Sao: “Thường” là mỗi ngày đều như thế, vì chẳng chán mệt).

“*Thường*” là mỗi ngày đều như thế. Bởi lẽ, thế giới Tây Phương là thế giới hết sức cởi mở, chắc chắn A Di Đà Phật chẳng nói: “Quý vị đến thế giới của ta, chỉ có thể nghe mình ta thuyết pháp, chẳng được phép nghe ai khác thuyết pháp! A Di Đà Phật chẳng như vậy! A Di Đà Phật cởi mở, quý vị đến chỗ ta, đến ngày hôm nay thì ngày mai có thể đi thăm viếng thế giới phương khác, chúng ta thấy điều này trong kinh. Trong kinh trọn chẳng nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bị hạn chế phải ở nơi đó bao lâu rồi mới có thể đi ra ngoài tham học. Chẳng nói! Nói cách khác, quý vị đến ngày hôm nay thì ngày mai bèn có thể giống như các đồng tu đi cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, có năng lực ấy. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng có năng lực ấy.

Nhưng chư vị phải biết: Quý vị đến tham phỏng mười phương chư Phật, mười phương chư Phật sẽ thuyết pháp gì cho quý vị? Đều là dạy pháp môn Niệm Phật! Thật vậy, chẳng giả! Vì sao? Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân thật nhất trong các thứ chân thật, là Nhất Chân pháp giới của các Nhất Chân pháp giới, là liễu nghĩa của liễu nghĩa, là pháp giới rốt ráo nhất, triệt để nhất, viên mãn nhất. Học điều gì trong pháp giới ấy? Pháp môn Niệm Phật. Từ thế giới này đến các phương khác tham phỏng chư Phật, đương nhiên chư Phật giảng cho quý vị pháp môn bậc nhất thù thắng nhất trong hết thảy các pháp, pháp môn bậc nhất là gì? Là kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, niệm Phật thành Phật, giảng cho quý vị pháp môn này. Nếu quý vị không tin tưởng, đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy nói “*Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật*”, mới biết pháp môn này được hết thảy chư Phật tán thán, hết thảy chư Phật hoằng dương. Đối với các pháp môn khác, kinh điển chẳng nói như vậy! Nói cách khác, quý vị đến tham phỏng mười phương hết thảy chư Phật, sẽ nghe pháp hoàn toàn giống như A Di Đà Phật đã giảng, còn có hoài nghi chi nữa? Một tí hoài nghi cũng không có! Quý vị đến tham phỏng đức Phật khác, đức Phật khác dạy: “Niệm Phật vẫn chưa được, tham Thiền vẫn là khẩn yếu hơn!” Phật chẳng khuyên quý vị như vậy, Phật vẫn khuyên quý vị niệm Phật! Hết thảy chư Phật khác miệng cùng lời khuyên quý vị niệm Phật thành Phật, đó là “*tin sâu nhân quả*” trong Tam Phước của Quán Kinh. Tin sâu nhân quả: Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, mới biết pháp môn này thù thắng bậc nhất.

Tôi bảo quý vị, đời này chúng ta gặp được pháp này đúng là may mắn to lớn. Có cần các kinh điển khác nữa hay không? Từ bỏ! Một bộ kinh này là đủ rồi. Bộ kinh này là vô thượng đại pháp. Bộ kinh này là tinh hoa của hết thảy các kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một chính là hết*

thấy, hết thấy chính là một”, tức là nói đến bộ kinh này. Thân cận mười phương ba đời hết thấy chư Phật, ngày nào cũng đều như thế! Chẳng phải là rất lâu mới có một lần, mà ngày nào cũng thế. “*Vô bì yếm cổ*” (vì không chán mệt), trên là cúng chư Phật, dưới là hóa độ chúng sanh.

(Sao) Các giả, nhân nhân giai nhiên, vô cần nọa cổ.

(鈔) 各者，人人皆然，無勤惰故。

(Sao: “Các” [có nghĩa là] ai nấy đều như vậy, chẳng có siêng hay lười).

Mỗi cá nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là như vậy, đều có năng lực ấy, đều có trí huệ và thần thông ấy. Dưới đây là giải thích về “*y kích*”.

(Sao) “Thịnh hoa khí” giả, Chân Đế vị y kích vi ngoại quốc thịnh hoa chi khí.

(鈔) 盛花器者，真諦謂衣襟為外國盛華之器。

(Sao: “Lăng đưng hoa”: Ngài Chân Đế nói “y kích” là cái lăng đưng hoa của ngoại quốc).

“*Chân Đế*” là pháp sư Chân Đế¹⁵, Ngài giải thích lăng đưng hoa của Cổ Ấn Độ gọi là “*y kích*”.

(Sao) Hoặc ngôn y khâm, diệp dĩ khâm thịnh hoa dã.

(鈔) 或言衣襟，亦以襟盛花也。

(Sao: Hoặc nói là vạt áo, cũng dùng vạt áo đưng hoa).

Điều này cũng chẳng có cách giảng nhất định. Chúng ta mặc y phục dài, xóc áo lên đưng hoa cũng được, nói như vậy cũng xuôi tai! Nói chung là quý vị ôm hoa đi cúng dường. Nói chung, thứ để đưng hoa được gọi là “*y kích*”.

(Sao) Tha phương, tự bản quốc nhi tha phương dã. Bất ngôn bản quốc giả, văn tỉnh dã.

(鈔) 他方，自本國而他方也。不言本國者，文省也。

(Sao: “Phương khác” là từ nước mình cho đến nước khác. Chẳng nói tới nước mình là vì kinh văn nói gọn vậy).

Đương nhiên, mỗi ngày cúng dường mười vạn ức Phật phương khác, há lẽ nào chẳng cúng dường Bồn Sư A Di Đà Phật? Đương nhiên là nhất định trước hết cúng Bồn Sư, rồi mới cúng dường chư Phật phương khác. Đây là đạo lý nhất định. Kinh không nói tới Bồn Sư vì tinh lược.

(Sao) Thập vạn ức Phật, nhất Phật nhất đại thiên độ, ngôn quảng viễn dã.

(鈔) 十萬億佛，一佛一大千土，言廣遠也。

(Sao: Mười vạn ức Phật, cõi nước của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, ý nói rộng xa).

Khu vực giáo hóa của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. “Mười vạn ức” là nói khoảng cách xa xôi! Mười vạn ức hoàn toàn tương ứng với khoảng cách giữa hai thế giới Sa Bà và Cực Lạc. Có rất nhiều người rất lưu luyến thế giới Sa Bà: “Ta đi xa như vậy, ở đây có thân thích bạn bè nhiều ngàn ấy, khi nào ta mới có thể gặp lại?” Nói thật ra, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới là gặp mặt mỗi ngày. Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa cùng quý vị, vĩnh viễn chẳng thể gặp mặt. Hiện thời, quý vị sống trên đời, bất luận quý vị cảm tình tốt đẹp thế nào đi nữa, sau khi đã chết, ai nấy đều có tương lai riêng. Hễ luân hồi trong lục đạo, ai đi đường nấy, sau này mong gặp gỡ lần nữa, chẳng biết là đời nào, kiếp nào? Có lẽ vô lượng kiếp sau mới gặp mặt, đó là thật. Nếu quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa cùng quý vị, sẽ là mỗi ngày gặp mặt người nhà, quyến thuộc. Vì thế, nếu muốn thường gặp mặt, chẳng thể nào không đến nơi ấy (Cực Lạc)! Lại còn phải khuyên bảo thân nhân: “Không nỡ chia ly, vĩnh viễn muốn ở cùng một chỗ thì làm như thế nào?” Cùng đến Tây Phương, sẽ vĩnh viễn ở cùng một chỗ. Chẳng đến Tây Phương, vĩnh viễn chẳng thể ở cùng một chỗ. Chỉ có đến Tây Phương thì mới có thể vĩnh viễn ở cùng một chỗ.

(Sao) Thực thời, thần trai thời dã.

(鈔) 食時，晨齋時也。

(Sao: “Thực thời” là lúc thọ trai buổi sáng).

Lúc ăn sáng.

(Sao) Thanh dân chí u thân trai, vì thời chí thiếu.

(鈔) 清且至於晨齋，為時至少。

(Sao: Từ sáng sớm cho đến lúc ăn sáng, tức là thời gian ít nhất).

Lúc ăn sáng [là lúc] họ đi cúng dường mười vạn ức Phật trở về. Trở về rồi mới ăn sáng, hình dung thời gian ngắn ngủi. “Chí thiếu” là ít nhất, [“thời chí thiếu”] là thời gian rất ít.

(Sao) Dĩ chí thiếu thời, cúng chí đa Phật, minh kỳ tốc dã.

(鈔) 以至少時，供至多佛，明其速也。

(Sao: Trong thời gian ít nhất, cúng Phật nhiều nhất, tỏ rõ sự nhanh chóng).

Trong thời gian rất ít như vậy, cúng dường Phật nhiều ngàn ấy, nêu rõ tốc độ nhanh chóng.

(Sao) Như Đại Bản ngôn: “Chư đại Bồ Tát, thừa Phật oai thần, nhất thực chi khoảnh, biến chí thập phương vô lượng thế giới, cúng dường chư Phật”.

(鈔) 如大本言：諸大菩薩，承佛威神，一食之頃，遍至十方無量世界，供養諸佛。

(Sao: Như kinh Đại Bản nói: “Các vị đại Bồ Tát nương vào oai thần của Phật, trong khoảng một bữa ăn, đến khắp mười phương vô lượng thế giới, cúng dường chư Phật”).

Kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy, nói rõ ràng. Đối với “mười vạn ức” ở đây, con số mười vạn ức chẳng lớn, thực tại là vô lượng thế giới, vô lượng chư Phật Như Lai. Vì nói “mười vạn ức” chúng ta nghe sẽ cảm thấy thân thiết! Mười vạn ức, trở về ngay lập tức, bao gồm cả thế giới của chúng ta trong đó, bèn biết là mỗi ngày đều có thể quay về.

(Sao) Cúng dường chư Phật, hoa, hương, kỹ nhạc, y, cái, tràng, phan, vô số cúng cụ. Nhược dục hiển hoa, tức u không trung hóa thành hoa cái, châu tứ thập lý, nữ chí lục bách, bát bách lý, các tùy đại tiểu, đình u không trung, thế giai hạ hướng (hoa giai hướng hạ),

dĩ thành cúng dường, phục dĩ diệu âm, ca tán Phật đức, thỉnh thọ kinh pháp, ký cúng dường dĩ, hốt nhiên khinh cử, hoàn đảo bốn quốc, do vị vị thực chi tiền.

(鈔) 供養諸佛，華香伎樂，衣蓋幢幡，無數供具，若欲獻華，則於空中化成華蓋，周四十里，乃至六百八百里，各隨大小，停於空中，勢皆下向（華皆向下）。以成供養，復以妙音，歌歎佛德，聽受經法，既供養已，忽然輕舉，還到本國，猶為未食之前。

(Sao: Cúng dường chư Phật, hoa, hương, kỹ nhạc, y phục, lọng, tràng, phan, vô số vật cúng. Nếu muốn dâng hoa, bèn trong hư không hóa thành lọng hoa, tròn trặn bốn mươi dặm, cho đến sáu trăm hoặc tám trăm dặm, mỗi lọng tùy theo lớn hay nhỏ mà dưng trên không trung, thả đều hướng xuống dưới (hoa đều hướng xuống phía dưới), để trở thành vật cúng dường. Lại dùng âm thanh vi diệu, ca ngợi Phật đức, nghe, nhận kinh pháp. Đã cúng dường xong, bỗng thân hình nhẹ bốc lên cao, trở về nước mình, vẫn chưa đến giờ ăn).

Đoạn văn này là trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ được Liên Trì đại sư trích dẫn trong bản chú giải này đa số đều chọn từ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư. Hiện thời, trong sách Ngũ Kinh Độc Bản của chúng ta, chín phiên bản ấy đều có, chư vị so sánh cẩn thận một phen mới biết bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư hay vô cùng. Đối với thầy Hạ, tôi biết một chút tin tức, có thể lão nhân gia là bậc tái lai. Chẳng phải là bậc tái lai thì hết sức khó có, cụ niệm Phật xác thực đạt tới mức Lý nhất tâm bất loạn, nên tuyệt đối chẳng phải là kẻ bình phàm. Cư sĩ Mai Quang Hy là một vị đại đức lỗi lạc, cụ Mai là thầy của lão cư sĩ Lý Bình Nam, lúc tuổi già bèn quy y thầy Hạ, tôn cư sĩ Hạ Liên Cư làm thầy, theo học với cụ, quý vị liền biết sự thành tựu của cụ Hạ. Chúng tôi rất muốn công khai lưu truyền những sự tích trong đời cụ Hạ, nên liên lạc với cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hoàng lão cư sĩ cho rằng: “Hiện tại, thời cơ vẫn chưa chín muồi. Nếu nói ra, người khác chẳng tin tưởng, sợ người ta hủy báng, tạo khẩu nghiệp”. Tôi vốn muốn xin cụ viết tiểu sử cư sĩ Hạ Liên Cư để in kèm vào kinh này hòng lưu thông. Cụ Hoàng trả lời: “Thời cơ chưa chín muồi”. Cụ nói: “Xác thực là thầy Hạ đã đắc Lý nhất tâm bất loạn”. Lý nhất tâm bất loạn, trong Viên Giáo là từ địa vị Sơ Trụ trở lên. Nếu nói theo Thiên Tông thì địa vị ngang hàng với Lục Tổ, tuyệt đối chẳng kém Lục Tổ. Lục Tổ cũng vậy, nói theo

Tịnh Độ Tông sẽ là người đắc Lý nhất tâm bất loạn, Thiên Tông nói [người như vậy] là bậc “minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ”. Do đó, hội tập đúng là chẳng dễ dàng! Bản hội tập của cụ Hạ vượt trội các bản hội tập của Vương Long Thư, Bành Tế Thanh, và Ngụy Nguyên, những bản ấy đều chẳng bằng. Đoạn kinh văn này chẳng cần phải giảng kỹ, vì kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đều đã đọc qua hết rồi!

(Sao) Cừ thử, tác hữu chủng chủng chư cúng dường cụ, hựu hóa hoa thành cái, hựu cúng tất thỉnh pháp. Kim chỉ ngôn dĩ hoa cúng dường, giai văn tỉnh dã.

(鈔) 據此，則有種種諸供養具，又化華成蓋，又供畢聽法。今止言以華供養，皆文省也。

(Sao: Xét theo đó, ắt có các thứ vật cúng dường, lại hóa hoa thành lọng, lại còn cúng xong, nghe pháp. Nay chỉ nói “dùng hoa để cúng dường” thì đều là nói tỉnh lược).

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đoạn này được giảng khá tỉ mỉ, còn ở đây văn tự rất đơn giản.

(Sao) Thần Túc giả, như Đại Bản, Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, giai đắc Thần Túc, như nhất niệm khoảnh, quá bách thiên vạn ức na-do-tha thế giới”.

(鈔) 神足者，如大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，皆得神足，如一念頃，過百千萬億那由他世界。

(Sao: Thần Túc: Như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong nước ta đều đắc Thần Túc, như trong khoảng một niệm, đi qua trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới”).

Đây là Thần Túc Thông. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đâu là hạ hạ phẩm vãng sanh cũng có năng lực ấy. “Nhất niệm” là thời gian vô cùng ngắn ngủi. Trong thời gian một niệm ngắn ngủi như thế, người ấy có thể đạt đến “trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới”. Một “thế giới” là một đại thiên thế giới, không chỉ là mười vạn ức! Trăm ức, ngàn ức, vạn ức na-do-tha thế giới. “Na-do-tha” là Vô Ương Số, tức là một con số rất lớn¹⁶. Phía sau con số trăm ngàn vạn ức là na-do-tha, [đã nói] na-

do-tha thì không chỉ là mười vạn. Có thể thấy họ có thân thông to lớn, tốc độ cực nhanh, trong khoảng một niệm trọn khắp pháp giới.

(Sao) Hựu nguyện vân: “Tức đắc Túc Mạng”, hựu vân Thiên Nhân, hựu vân Thiên Nhĩ, hựu vân Tha Tâm.

(鈔) 又願云：即得宿命，又云天眼，又云天耳，又云他心。

(Sao: Lại nguyện rằng: “Liên đắc Túc Mạng”, lại nói Thiên Nhân, lại nói Thiên Nhĩ, lại nói Tha Tâm).

Đây là phần kinh văn bốn mươi tám nguyện được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Người trong Tây Phương thế giới thiên nhân thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông suốt tận hư không khắp pháp giới. Chúng ta khởi tâm động niệm, nhất cử, nhất động, chẳng thể lừa dối Phật và Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phạm là người vãng sanh, [dẫu là] kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh, chúng ta đều chẳng có cách nào dối gạt họ, vì sao? Người ta đều nhìn thấy. Chúng ta ở nơi đây nói khe khẽ, họ đều nghe được, chẳng thể lừa người khác! Do đó, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ nhiều lượt, sẽ chẳng dám làm chuyện xấu! Làm chuyện xấu, làm sao có thể vãng sanh cho được? Mong đến nơi ấy, nhưng những vị thượng thiện nhân nói: “Quý vị làm sao có thể vãng sanh? Suốt ngày từ sáng đến tối đều khởi lên ý niệm xấu, chẳng đủ tư cách vãng sanh!” Nhất định phải niệm câu Phật hiệu cho ra cái tâm thanh tịnh; tâm tịnh, ắt cõi tịnh, khi ấy, mới có thể ra đi! Chỉ niệm Phật hiệu suông, tâm không thanh tịnh, vô dụng! Cổ nhân nói là “*niệm toác cổ họng vẫn uổng công*”, chẳng vãng sanh được! Tâm phải thanh tịnh; Phật hiệu là phương tiện, dùng câu Phật hiệu này để đạt tới tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì mới có thể vãng sanh cõi ấy.

Nếu quý vị nhớ kỹ những đoạn kinh văn này, làm sao chúng ta có thể dấy lên một ác niệm cho được? Khởi tâm động niệm, chúng ta liền nghĩ đến A Di Đà Phật, chúng ta có thể nào có lỗi đối với Ngài hay không? Khởi tâm động niệm nghĩ tới số lượng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng vô biên, chẳng có cách nào tính toán. Trong kinh có nêu một tỷ dụ: Tất cả hết thảy các chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều như Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán, tính toán bao lâu? Ngàn ức năm, vẫn tính chẳng ra số lượng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người đông như thế, mắt nhiều như thế, tai nhiều như thế, thấy, nghe quý vị, chúng ta còn muốn làm chuyện xấu mà không ai biết ư? Ai này đều biết!

Hướng hồ họ còn có Tha Tâm Thông. Tâm chúng ta vừa dấy niệm, họ đều biết, Tha Tâm Thông biết trọn vẹn. Điều này thật sự đáng để chúng ta cảnh giác, chẳng phải là nói giỡn chơi! Chúng ta thật sự mong vãng sanh trong một đời này, quý vị phải tin tưởng chuyện này, là thật, chẳng giả! Quý vị phải thời thời khắc khắc cảnh giác, khởi tâm động niệm quyết định chẳng hại người, quyết định chẳng làm chuyện sai quấy! Tâm ta thanh tịnh, thân thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, chẳng có gì không thanh tịnh, niệm niệm cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Tịnh Độ, được như vậy thì sẽ có thể vô ngục: “Đời này, ta quyết định vãng sanh!” Đảm bảo, thật sự đáng tin cậy, chẳng giả chút nào! Cây vào đâu để vãng sanh? Cây vào điều này, tức là hoàn toàn tương ứng với kinh.

(Sao) Tắc sanh bỉ quốc giả, lục thông tự tại, bất chỉ phi hành. Kim bất ngôn giả, diệp văn tinh dã.

(鈔) 則生彼國者，六通自在，不止飛行。今不言者，亦文省也。

(Sao: Sanh về cõi đó, lục thông tự tại, không chỉ là phi hành [tự tại]. Nay chẳng nói [đến lục thông], cũng là do kinh văn tinh lược vậy).

Đây là Thần Túc Thông, tức là phi hành biến hóa. Người sanh về cõi ấy, không chỉ là sáu thứ thần thông trọn đủ, mà còn ứng dụng tự tại. Kinh này chẳng nói tỉ mỉ, cũng là tinh lược.

(Sớ) Án thử Thần Túc, Trụ vị, Hạnh vị Bồ Tát sở hữu, như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(疏) 按此神足，住位、行位菩薩所有，如華嚴中說。

(Sớ: Xét ra, hàng Bồ Tát thuộc các địa vị Thập Trụ và Thập Hạnh có loại Thần Túc này, như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói).

Nói rõ người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thần thông to lớn, đạt tới mức độ như thế nào, nêu ra kinh Hoa Nghiêm để nói. Do cư sĩ Bành Tế Thanh đã gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm; Bành Tế Thanh là một vị đại cư sĩ lỗi lạc, sống vào thời Càn Long nhà Thanh, Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận do ông ta trước tác. Vị này thông Tông, thông Giáo, tuổi già chuyên tu, chuyên hoằng dương Tịnh Độ Tông. Ông ta có soạn tiết bản (bản trích lược những chỗ trọng yếu) cho kinh Vô Lượng Thọ. Bộ Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận được

lưu thông ở Đài Loan do ông Bành soạn. Gần đây, chúng tôi có lưu thông bài giảng cuốn Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Người tu Tịnh Độ nhất định phải nghe lời khai thị ấy của lão cư sĩ, giảng rất hay! Ông Bành đã phơi bày trọn vẹn phương pháp tu hành trong kinh Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm là “*mười đại nguyện vương, dẫn về Cực Lạc*”, những người đó dùng phương pháp gì để niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ? Đó là điều được trình bày trong Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đã dùng phương pháp gì để niệm Phật? Chúng ta chẳng học được, nhưng chúng ta phải biết, đó là Thật Tướng Niệm Phật trong bốn loại Niệm Phật. Từ xưa tới nay, chú giải Thật Tướng Niệm Phật chẳng dễ dàng, giảng lại càng khó khăn hơn! Vì sao? Chẳng nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng thể nói nổi! Nhập cảnh giới ấy, nói ra, người khác nghe cũng không hiểu. Ông Bành Tê Thanh và cụ Hoàng Niệm Tổ khó có lắm! Thâm nhập nhưng nêu bày đại lược, có thể diễn đạt các nghĩa thú ấy, khá chẳng dễ dàng! Ở đây, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích:

(Sao) Hoa Nghiêm kinh vân: “Bát Trụ Bồ Tát, nhất sát-na khoảnh, du hành vô số thế giới”.

(鈔) 華嚴經云：八住菩薩，一剎那頃，遊行無數世界。

(Sao: Kinh Hoa Nghiêm chép: “Bát Trụ Bồ Tát trong khoảng một sát-na du hành vô số thế giới”.

Có thể thấy [người trong cõi Cực Lạc] chẳng phải là phàm nhân! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh tối thiểu bằng Bát Trụ Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, vì sao? Họ có năng lực này: Trong một sát-na dạo khắp vô lượng cõi Phật. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bát Trụ Bồ Tát mới có năng lực ấy. Hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy là hạ hạ phẩm, cũng có năng lực ấy, tuyệt diệu thay! Bát Trụ Bồ Tát: Hoa Nghiêm là Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân là Sơ Trụ; Bát Trụ tức là đối với bốn mươi một phẩm vô minh, họ đã phá tám phẩm. Do vậy, có thể biết thế giới Cực Lạc thù thắng đúng như kinh đã nói: “*Thắng quá chư Phật sát độ*” (Vượt trội các cõi Phật), hết thấy các cõi Phật đều chẳng sánh bằng!

(Sao) Hựu Thập Hạnh tụng vân: “Phật sát vô biên vô hữu số, vô lượng chư Phật tại kỳ trung, Bồ Tát u bỉ tất hiện tiền, thân cận cúng dường sanh tôn trọng”. Tắc kim chi Thần Túc, khởi dị cập tai!

(鈔) 又十行頌云：佛刹無邊無有數，無量諸佛在其中，菩薩於彼悉現前，親近供養生尊重。則今之神足，豈易及哉。

(Sao: Lại nữa, kệ tụng trong phẩm Thập Hạnh có nói: “Cõi Phật vô biên, chẳng số lượng, vô lượng chư Phật ngự ở trong, Bồ Tát đều hiện trước mặt Phật, thân cận, cúng dường, sanh tôn trọng”. Như vậy thì Thần Túc đang nói ở đây há có khác biệt u?)

Địa vị Thập Hạnh càng cao hơn. Từ Bát Trụ, lại đạt đến Cửu Trụ, Thập Trụ, lại đạt đến địa vị Sơ Hạnh Bồ Tát, địa vị ấy càng cao hơn. Nói cách khác, địa vị thấp nhất là Bát Trụ Bồ Tát mới có năng lực như vậy, trong khoảng một sát-na có thể trọn khắp các cõi Phật ở phương khác, cúng Phật, nghe pháp, lúc trở về, vẫn chưa hết thời gian một bữa ăn. Dưới đây, đại sư có lập một cuộc vấn đáp giả thiết.

(Sao) Vân: Thử u tam chủng Ý Sanh Thân, đương thuộc hà đẳng? Đáp: Lăng Già tam chủng, phân thuộc Thanh Văn, Bồ Tát, đại thánh, tắc sanh bỉ quốc giả, tùy kỳ sở tu, các hữu sở chứng, như cửu phẩm lệ.

(鈔) 問：此於三種意生身，當屬何等。答：楞伽三種，分屬聲聞菩薩大聖，則生彼國者，隨其所修，各有所證，如九品例。

(Sao: Hỏi: Vậy thì trong ba loại Ý Sanh Thân, sẽ thuộc về loại nào? Đáp: Ba loại [Ý Sanh Thân] như kinh Lăng Già đã nói, chia ra sẽ [lần lượt] thuộc về Thanh Văn, Bồ Tát, đại thánh, nên người sanh về nước ấy, tùy theo những gì đã tu mà ai nấy có sở chứng, giống như trong chín phẩm vãng sanh).

Giải thích rất viên mãn. Nếu chúng ta chẳng có khái niệm kha kha về Duy Thức, đại sư giảng cách này chúng ta nghe vẫn không hiểu. Cũng may là trong sách Diễn Nghĩa có giải thích.

(Diễn) Tam chủng Ý Sanh Thân giả, nhất, nhập tam-muội nhạo ý sanh thân, thuộc Thanh Văn.

(演) 三種意生身者，一、入三昧樂意生身，屬聲聞。

(*Diễn: Ba thứ Ý Sanh Thân: Một là nhập tam-muội nhạo ý sanh thân, thuộc về Thanh Văn*).

Ý Sanh Thân, nói theo cách hiện thời thì gọi là Linh. Hiện thời, có rất nhiều người biết Khí Công, tuy người ấy đang ngồi, nhưng linh hồn có thể đi du sơn ngoạn thủy, đó là Ý Sanh Thân. Đạo giáo gọi điều này là “*linh hồn xuất khiếu*”, chữ “*khiếu*” (竅)¹⁷ chỉ cái thân của chúng ta, [xuất khiếu là] người ấy có thể rời khỏi thân. Trong Tạng Mật (Mật giáo Tây Tạng), gọi là “*linh thể xuất du*”, [nghĩa là linh hồn] thoát ra khỏi thân để du ngoạn. Tuy thoát ra du ngoạn, linh thể (astral body) và thân thể của họ có mối liên hệ, họ gọi mối liên hệ ấy là “*ngân đới*” (đai bạc). Có một sợi dây đai màu bạc nối liền, bất luận quý vị đi chơi xa cỡ nào, luôn có một sợi dây nối liền không đứt. Thân thể này chưa hoại, người ấy còn có thể trở về. Nếu sợi dây ấy bị đứt, người ấy sẽ chết, vì sao? Chẳng thể trở về nữa! Đó là linh hồn xuất ra du ngoạn, là Ý Sanh Thân trong Định. Giống như chúng ta nằm mộng, trong mộng có thân thể của chính mình, cái thân trong mộng ấy cũng là Ý Sanh Thân, do đâu mà có? Do ý thức của quý vị biến hiện, nên gọi là Ý Thân, xác thực là có hình tướng. Người ấy thật sự có thể đi du lịch, thật sự thấy rất nhiều sự tướng chân thật. Người ấy ngồi yên chẳng động trong nhà, nhưng chuyện trong cả thế giới người ấy đều biết. Quý vị thấy người ấy nhập định đả tọa, [thần thức] ra ngoài chơi, đến khắp nơi quan sát, thứ gì cũng đều rõ ràng, thứ gì cũng hiểu rõ. Loại thứ nhất này, công phu tương đối nhỏ một chút, là nhập Định. Tam-muội là nhập Định, trong Định có năng lực ấy. Loại này thuộc về Tiểu Thừa, Sơ Quả Tu Đà Hoàn đều có năng lực này, A La Hán, Bích Chi Phật đều có năng lực này.

Vì thế, có những người tu hành những điều này, hoặc là trong xã hội có những người có công năng đặc dị, nói họ trông thấy Khí hoặc Quang của người khác, chuyện ấy là thật, chẳng giả. Hiện thời, người như vậy rất nhiều! Quý vị muốn học cũng chẳng khó, nhưng chẳng học vẫn là hay hơn! Vì sao? Không học, quý vị ít biết bí mật của người khác. Sau khi đã học, nhìn thấy người này, người nọ, bèn dấy lên phân biệt, chấp trước. Trong cảnh giới, quý vị khởi tâm hoan hỷ, dấy tâm sân hận, đâm ra dẫn khởi phiền não. Vì lẽ đó, người học Phật chẳng bắt buộc phải học pháp này! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ còn nhấn mạnh: Không cần phải học thứ này! Có điều ấy hay không? Có, thật sự là có, tuyệt đối chẳng giả! Nhưng người học Phật chúng ta tu nhất tâm bất loạn, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong thấy A Di Đà Phật. Chúng ta

cũng chẳng mong thấy người khác là bạch quang, hoàng quang, hay hắc quang, chúng ta chẳng mong thấy những điều ấy, chẳng có ý nghĩa chi hết! Loại thứ hai:

(Diễn) Nhị, giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân, thuộc Bồ Tát.

(演) 二、覺法自性性意生身，屬菩薩。

(Diễn: Hai là giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân, thuộc về hàng Bồ Tát).

Loại này cao hơn loại trước rất nhiều, họ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên, đã minh tâm kiến tánh. A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh, nên Ý Sanh Thân của họ là nhập tam-muội nhạo ý sanh thân như đã nói trong đoạn trước. Ý Sanh Thân là thân biến hóa thuận theo lòng mong muốn. Chúng ta đọc tiểu thuyết, thấy Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, thuộc loại Ý Sanh Thân, đích xác là hẳn có thể biến hóa, có thể phân thân, có thể phân thành vô lượng thân. Chuyện này trong Cao Tăng Truyện có [ghi chép] rất nhiều. Các vị cao tăng thời cổ, lúc sắp phải ra đi, đều thị hiện một phen. Theo Cao Tăng Truyện ghi chép, có một vị cao tăng Tây Vực hoàng pháp tại Trung Quốc, phải trở về nước, rất nhiều vị cư sĩ mong được tiền hành, mời pháp sư dùng cơm. Họ đều ước hẹn trưa ngày hôm sau, pháp sư đều gặt đầu nhận lời. Đến ngày hôm sau, mỗi nhà chuẩn bị tiệc chay, quả nhiên pháp sư đến dự. Vì thế, ai nấy đều rất hoan hỷ: “Nhiều người thỉnh pháp sư như vậy, mà thầy đến nhà của ta”. Ngày hôm sau đến cái đình mười dặm¹⁸ ở Trường An để tiễn chân, có vài trăm người, ai nấy đều nói: “Hôm qua pháp sư ở chỗ tôi”, kẻ khác nói: “Thầy nhận lời cúng dường tại nhà tôi”. Do đó mới biết tối thiểu pháp sư phân thân năm trăm thân, Ngài có năng lực ấy. Khi Ngài đã thị hiện năng lực ấy, Ngài chẳng thể ở nơi này nữa, đã đi rồi. Khi Ngài ở nơi đây, chưa hề thị hiện, nên mọi người không biết. Lúc ra đi, biểu diễn một chiêu này, biểu diễn xong thì Ngài đã đi mất rồi, đó là đúng. Nếu thường xuyên hiện thân thông, nói thông tục là “lời lẽ quái đản, mê hoặc đại chúng”, chẳng thể được! Lúc sắp đi thì có thể, lưu lại một kỷ niệm, vĩnh viễn không gặp lại nữa. Trong lịch sử, chúng ta thường thấy điều này, thật sự có thuật phân thân, đều thuộc loại Ý Sanh Thân. Sau khi minh tâm kiến tánh, loại Ý Sanh Thân này là của Bồ Tát. Loại thứ ba...

(Diễn) Tam, chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân, thuộc Phật.

(演) 三、種類俱生無行作意生身，屬佛。

(Diễn: Thứ ba là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân, thuộc địa vị Phật).

Cảnh giới này cao lắm.

(Diễn) Vị chi Ý Sanh giả, dụ như ý khứ, tốc tạt vô ngại dã.

(演) 謂之意生者，喻如意去，速疾無礙也。

(Diễn: Nói Ý Sanh là ví như đến nơi tùy ý, nhanh chóng, chẳng bị trở ngại).

Đây là giải thích đơn giản, có thể vừa ý quý vị. Chính quý vị muốn hiện thân gì, bèn hiện thân ấy, nghĩ đến nơi đâu, trong một niệm bèn đến đó. Dầu vô lượng vô biên cõi nước, trong một niệm đều có thể đạt đến, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát được nói trong phẩm Phổ Môn, nên dùng thân gì đặc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Do đó, nếu quý vị hỏi rốt cuộc Quán Thế Âm Bồ Tát có hình dạng ra sao ư? Quán Âm Bồ Tát không có dáng vẻ, Ngài thuận theo tâm tưởng của quý vị mà biến hiện, há Ngài có hình dạng nào! Nếu quý vị hỏi Ngài có hình dạng thật sự là gì ư? Hình dạng của Ngài là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, hoàn toàn giống như Phật. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi cá nhân đều có hình dáng giống như A Di Đà Phật, chẳng khác biệt, chúng ta đã thấy điều này được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng nhất tướng, chẳng có sai biệt, không có hai thứ tướng. Nhưng các vị Bồ Tát tùy loại hóa thân trong mười phương thế giới, có rất nhiều hình dạng, chẳng có cách nào nói kể được. Đó là “như ý”, tức là đúng như ý muốn của chúng sanh, cũng theo đúng ý mình mà hiện ra thân tướng ấy.

(Diễn) Nhập tam-muội nhạo giả, vị tùng tam tam-muội trung, phát khởi thân thông chi dụng.

(演) 入三昧樂者，謂從三三昧中，發起神通之用。

(Diễn: Nhập tam-muội nhạo là từ trong ba thứ tam-muội, phát khởi tác dụng thân thông).

Người ấy đắc Định, Định do A La Hán chứng là Cửu Thứ Đệ Định (Đệ Cửu Định). Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, chứng đắc định ấy, vượt trời tam giới. Trong tam giới, Sắc Giới Thiên là Tứ Thiên, Vô Sắc Giới Thiên là Tứ Định. Chúng ta nói là Tứ Thiên Bát Định, Bát Định là bao gồm Tứ Thiên, tức là bốn món Thiên Định trong Sắc Giới. Tám thứ Định trong Sắc và Vô Sắc Giới đều vượt thoát, nên [Định của] A La Hán được gọi là Đệ Cửu Định. Đệ Cửu Định thoát tam giới, chứ Bát Định đều chẳng thoát khỏi tam giới. Vì thế, Định này là sở chứng của A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát. Họ có thần thông và đức dụng ấy.

(Diễn) *Giác pháp tự tánh giả, giác chư pháp tự tánh, tùng thử tự tánh, phát khởi diệu dụng, tức danh Ý Sanh Thân.*

(Đ) 覺法自性者，覺諸法自性，從此自性發起妙用，即名意生身。

(Diễn): “Giác pháp tự tánh”: Giác tự tánh của các pháp, từ tự tánh ấy phát khởi diệu dụng, nên gọi là Ý Sanh Thân).

Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Đối với Sơ Trụ trong Viên Giáo và Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên, Ý Sanh Thân từ Chân Như bản tánh biến hiện. Ý Sanh Thân là diệu dụng của bản tánh.

(Diễn) *Chủng loại giả, thập pháp giới y, chánh, sắc, tâm, câu tại ngã nhất niệm tâm trung hiển hiện, bản vô thiên lưu chi hành, diệt vô hữu vi chi tác.*

(Đ) 種類者，十法界依正色心，俱在我一念心中顯現，本無遷流之行，亦無有為之作。

(Diễn): *Chủng loại là y báo, chánh báo, sắc, tâm trong mười pháp giới đều do một niệm tâm của ta hiển hiện, vốn chẳng có đổi dời, lưu chuyển, mà cũng chẳng có việc làm hữu vi).*

Loại Ý Sanh Thân này cao nhất, là sự biến hiện nơi quả vị Như Lai. Ý Sanh Thân biến hiện bởi Bồ Tát là ba mươi hai ứng thân như trong phẩm Phổ Môn đã nói, mà đã là chẳng thể nghĩ bàn, huống hồ sự biến hiện nơi quả địa Như Lai. Lời chú giải tuy đơn giản, nhưng ý nghĩa rất rõ ràng. Đây là nêu rõ thần thông rộng lớn của tam thừa thánh nhân.

Trong thế gian hiện thời, chúng ta thấy những người có công năng đặc dị, đó là tiểu thông (thần thông nhỏ bé), rất nhỏ, vật vãnh không đáng kể, nhưng chúng ta tôn sùng họ như thần minh, nghĩ họ phi phạm, đó là sai lầm! Nếu quý vị muốn đạt được loại thần thông ấy, hãy mau chóng niệm Phật đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông của quý vị thuộc loại thần thông của Bồ Tát, tức là “*giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân*”, A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát đều thua quý vị, trong một đời chúng ta thật sự có thể đạt được điều này! Có sao chẳng làm? Vì lẽ đó, thấy những gì lạ lùng, chớ nên kinh ngạc, sững sờ, chẳng cần phải hâm mộ. Hiện thời, bao nhiêu kẻ học Phật, hễ nghe nói người nào đó có thần thông, lại tỏa ánh sáng, ngồi trên hư không cách mặt đất ba thước, bèn vội vã sùng bái người ấy như thần minh, vứt bỏ, chẳng cần Phật pháp nữa! Thật sự đáng tiếc! Vì sao? Năng lực vật vãnh ấy ma cũng có. Kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi thứ Âm Ma đều có năng lực ấy. Vì sao gọi là Ma? Dùng năng lực ấy dẫn dụ quý vị, khiến cho quý vị vứt bỏ chánh pháp, học theo chúng nó, học tà pháp. Chúng nó phá hoại sự tu hành của quý vị, phá hoại sự thành tựu trong một đời này, khiến cho quý vị chẳng thể thoát khỏi tam giới, đời sau vẫn phải sanh tử luân hồi, làm đồ tử, đồ tôn của chúng nó, nên gọi là Ma. Ma là vui đập, chướng ngại.

Hễ bị những kẻ ấy dụ dỗ, mê hoặc, nói cách khác, tâm kẻ [bị dụ dỗ mê hoặc ấy] chẳng thanh tịnh, học Phật chẳng có thành ý! Cảnh giới bên ngoài vừa động, tâm ngay lập tức thay đổi, đánh mất chủ ý, bèn rong ruổi, làm sao có thể thành tựu cho được? Chuyện kỳ lạ, quái dị gì đi nữa, chúng ta cứ niệm một câu A Di Đà Phật, như như bất động, như vậy thì mới có thể thành tựu. Gặp cảnh giới này cũng là đang khảo nghiệm xem tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Niệm có phải là chuyên nhất hay không? Tâm thật sự thanh tịnh, niệm thật sự chuyên nhất, gặp bất cứ cảnh giới nào cũng đều là cảnh giới tốt đẹp. Vì sao? Chúng đến khảo thí, ta vượt qua được! Ở trong cảnh giới, ta không khởi tâm, không động niệm, không bị chúng hấp dẫn, điều này chúng tỏ ta niệm Phật còn có một chút công phu, công phu đặc lực. Người công phu không đặc lực sẽ chẳng chịu nổi dụ dỗ, mê hoặc.

Công phu thật sự đặc lực, sẽ thấy mà như chẳng thấy, nghe dường như chẳng nghe, tâm thanh tịnh quyết định chẳng bị ảnh hưởng, sự nhất hướng chuyên niệm của người ấy chẳng bị ảnh hưởng, nguyện vọng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng bị chuyển dời, chẳng bị biến đổi. [Nếu quý vị] thật sự có thể có công phu như vậy, ma cũng tôn kính

quý vị, ma như thế nào? Chẳng thể dụ dỗ, mê hoặc quý vị, nó quay lại rất tôn kính quý vị: Quý vị rất lỗi lạc, chẳng phải là kẻ tầm thường, ma tôn kính quý vị. Nếu quý vị bị ma lay động, đi theo ma, nói thật thà là ma xem thường quý vị, quý vị chẳng có công phu: “Các người thấy đó! Ta vừa mới diễn trò ảo thuật một chút, biến ra một tí ảo thuật, đã ngay lập tức khiến các người động tâm, chuyển biến ý niệm của các người!” Không chịu nổi khảo nghiệm, ma sẽ chẳng để kẻ ấy vào mắt, chẳng coi trọng quý vị! Ngày hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

---o0o---

Tập 157

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm ba mươi chín:

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh tự nghiêm, thị thịnh hoa cúng dường nghĩa. Tự tánh tự biến, thị thập vạn ức Phật nghĩa. Tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa. Tự tánh tự trụ, thị bốn quốc nghĩa.

(疏) 稱理，則自性自嚴，是盛花供養義；自性自遍，是十萬億佛義；自性自空，是食時還義；自性自住，是本國義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh tự trang nghiêm là ý nghĩa “đựng hoa cúng dường”. Tự tánh tự trọn khắp là ý nghĩa “mười vạn ức Phật”. Tự tánh tự không là ý nghĩa “trở về trong khoảng bữa ăn”. Tự tánh tự trụ là ý nghĩa “bốn quốc”).

Từ đoạn này trở đi, Liên Trì đại sư bắt đầu tiêu quy tự tánh, [tiêu quy tự tánh] là sự thụ dụng chân thật do đọc kinh, và cũng là dung hội ý nghĩa của kinh với tự tánh. Lý Sự giao hòa, dung hội. Tánh, Tướng bất nhị. Đây mới là thật sự đạt được thụ dụng!

(Diễn) Phật chân Pháp Thân, do nhược hư không, thực thọ cúng dường? Cố tự tánh tự nghiêm, thị thịnh hoa cúng dường nghĩa.

(演) 佛真法身，猶若虛空，孰受供養，故自性自嚴，是盛花供養義。

(Diễn: Pháp Thân chân thật của Phật ví như hư không, ai nhận cúng dường? Vì thế, tự tánh tự trang nghiêm là ý nghĩa “đựng hoa cúng dường”).

Chư thiên và nhân dân trong thế giới Tây Phương. [Nói] “*chư thiên nhân dân*” là nói phương tiện, vì thế giới Tây Phương thuần nhất là Bồ Tát. Thế giới ấy là pháp giới Bồ Tát, lại còn là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát, trọn chẳng có trời hay người. Chúng ta nói “*trời, người*”, nói thật ra, là nói tới những vị Bồ Tát. Trên sự tướng, các Ngài là có, chẳng phải là không có: Mỗi ngày đều đến cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, trên mặt Sự là có! Kinh Hoa Nghiêm nói Lý Sự vô ngại, Lý và Sự là một, không hai, đây mới là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế như trong Phật pháp thường giảng: Đã chẳng thiên về Lý, mà cũng chẳng thiên về Sự. Trọn chẳng phải là [nghe] nói Xứng Lý, Pháp Thân của Phật giống như hư không, chẳng cần phải cúng dường, [bèn suy nghĩ]: “Cớ gì phải cúng dường? Chúng ta cũng chẳng cần phải thực hiện khóa tụng, lạy Phật ở nơi đó!” [Nếu hiểu như vậy], tức là đã chấp Lý phế Sự, sai mất rồi! Đã thiên lệch một bên, chấp Không! Nếu thiên chấp sự tướng, chẳng hiểu Lý, vẫn tốt hơn chấp trước Không một chút, vì chấp trước Không, nhất định sẽ đọa lạc. Chấp trước Có thì còn được cứu, người ấy còn có thể tu phước, còn có thể đời nghiệp vãng sanh. Nếu hai bên Không và Có đều chẳng chấp, phẩm vị vãng sanh sẽ rất cao. Vì thế, nói theo tâm tánh, sẽ là “*tự tánh tự nghiêm*”. “*Tự nghiêm*”: Tâm địa thanh tịnh là trang nghiêm, vốn chẳng có một vật là trang nghiêm. Đó là trang nghiêm chân thật, là ý nghĩa “*tự tánh tự nghiêm*”. Giống như trong câu “*đựng hoa cúng dường*” ở phần trước, “*cúng dường*” có ý nghĩa trang nghiêm.

(Diễn) Pháp Thân vô vi, bắt đọa chư số, hà vân thập vạn ức? Có tự tánh tự biến, thị thập vạn ức nghĩa.

(演) 法身無為，不墮諸數，何云十萬億，故自性自遍，是十萬億義。

(Diễn: Pháp Thân vô vi, chẳng rớt vào các số, sao lại nói là “mười vạn ức?” Vì thế, tự tánh tự trọn khắp là ý nghĩa “mười vạn ức”).

“*Mười vạn ức*” được nói ở đây chẳng phải là con số, mà có ý nghĩa biểu thị pháp. “*Mười vạn ức*” là tận hư không khắp pháp giới;

Chân Như bốn tách là tận hư không khắp pháp giới. Hữu vi thuộc về Số, “Số” là số lượng. Trừ Phật và các đại Bồ Tát ra, có thể nói là hết thầy đều thuộc vào Số. Đọa trong Số, người khác sẽ có thể dự đoán vận mạng. Cư sĩ Liễu Phàm được Không tiên sinh đoán mạng chuẩn xác ngàn ấy là vì lẽ nào? Ông ta đọa trong Số. Vì sao có số? Do ông ta có vọng niệm, hữu vi; hữu vi chính là có tạo tác. Trong tâm chúng ta một niệm sanh, một niệm diệt, tức là tạo tác, suốt ngày từ sáng đến tối đều tạo tác. Ngủ nghe nằm mộng vẫn là tạo tác, tạo tác chưa hề ngừng, đó là “*đọa trong số*”. Vì thế, chúng ta thường nói “con người có vận mạng”.

Con người đáng quý nhất là biết vận mạng của chính mình. Biết vận mạng của chính mình, liền thật thà, liền an phận giữ nề nếp. Nói cách khác, tâm người ấy đã định, chẳng suy tưởng lung tung. Kẻ chẳng biết vận mạng, toan cạnh tranh cùng số mạng, đó là chuyện rất oan uổng, con người chẳng có cách nào tranh đua cùng số mạng! “*Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là định sẵn*” là chuyện ngàn vạn phần xác thực. Nếu con người tranh đua cùng số mạng, tai nạn sẽ xảy đến. Nếu chur vị lảng lờ quan sát, sẽ có thể nhìn thấy [điều đó] ngay trong thế gian hiện tiền. Rất nhiều kẻ nghĩ trọn mọi phương pháp để kiếm tiền. Ở Đài Loan, hiện thời kiếm tiền dễ dàng, nghe nói những thứ như lục hợp thái¹⁹ và cổ phiếu kiếm tiền khá lắm. Quý vị hãy quan sát cẩn thận, không sai! Có những người kiếm được tiền, mạng cũng chẳng còn. Có những người kiếm được tiền, mạng vẫn còn, nhưng hiện thời thân thể đã bị hủy hoại, một thân đầy bệnh tật! Cho thấy không thể đua tranh cùng mạng! Quý vị chơi những thứ ấy để kiếm tiền, nói thật thà, vẫn do trong mạng quý vị có. Nếu trong mạng quý vị không có, cũng chẳng kiếm được tiền! Trong mạng quý vị có tiền tài suốt sáu mươi năm, nay ta kiếm được [toàn bộ số tiền ấy] trong một lúc! Giống như chúng ta đi làm lãnh lương, quý vị lãnh toàn bộ tiền lương trong sáu mươi năm, nên bèn có một món tiền to, nhưng đến tháng sau, chẳng có thù nhập, dùng hết sạch rồi, dùng hết là xong luôn! Vẫn chẳng bằng lãnh mỗi tháng thì hơn! Cổ nhân có nói: “*Lộc tận nhân vong*” (Lộc hết, người chết). Lộc trong sáu mươi năm, quý vị dùng hết trong một ngày, sau đó chẳng còn gì nữa, chỉ có nước chết đói, đi vào tử lộ! Trạng huống ấy xưa nay đều có, mọi người hãy cẩn thận quan sát một chút sẽ liễu giải ngay! Con người nhất định phải an phận thủ thường!

Tâm thanh tịnh, thanh tịnh đến cùng cực, sẽ chẳng đọa trong số. Vì thế, xưa kia, những kẻ xem tướng đoán mạng chẳng đoán cho người xuất gia, chẳng đoán cho người học Phật, vì sao? Không chuẩn xác!

Người học Phật tâm địa dần dần thanh tịnh, chẳng đọa trong số. Dẫu còn có số, nhưng số ấy đã khác với số vốn có, đoán không ra! Do điều này có thể biết: Vận mạng do chính mình thao túng, chính mình có thể sáng tạo vận mạng, chính mình có thể biến đổi vận mạng của chính mình. Nếu quý vị muốn sửa, muốn sáng tạo, vậy thì tôi khuyên quý vị, hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huấn. Phải đọc Liễu Phàm Tứ Huấn tối thiểu ba trăm lần, quý vị mới thật sự giác ngộ, thật sự hiểu cách sửa đổi vận mạng như thế nào. Quý vị tin tưởng, đã có tín tâm đối với chính mình, sau đó dùng phương pháp để sửa đổi, phương pháp rất nhiều, phương pháp thù thắng nhất là niệm Phật. Có thể dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính, tâm chân thành để niệm Phật, tâm địa quý vị thanh tịnh, chân thành, cung kính, sẽ dần dần rời khỏi các số, thật sự có thể siêu phàm nhập thánh.

Vô vi thì đương nhiên chẳng rớt trong các số, rớt trong các số là pháp hữu vi. Nếu chẳng rớt vào số lượng, “mười vạn ức” trọn chẳng có ý may mắn ý nghĩa gì! “Tự tánh tự biến”, [nghĩa là] vốn trọn khắp pháp giới, trọn khắp pháp giới là ý nghĩa “mười vạn ức” như kinh đã nói. Mười vạn ức biểu thị vô lượng vô biên, chẳng nhằm biểu thị một con số!

(Diễn) Tâm thể bất động, bản tuyệt khứ lai, hà vân thời hoàn, cố tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa.

(演) 心體不動，本絕去來，何云時還，故自性自空，是食時還義。

(Diễn: Tâm thể bất động, vốn trọn chẳng có đến, đi, sao lại nói “trở về trong một thời?” Do đó, tự tánh tự Không chính là ý nghĩa “trở về trong khoảng một bữa ăn”).

Đây chính là như kinh nói: “Tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc” (Ngay trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình), “hoàn” (還) là trở về; có đến, có đi. Bản thể của chân tâm trước nay chẳng động. Hễ chẳng động, bèn chẳng có tướng đến, đi, cảnh giới này chúng ta chẳng dễ gì hiểu được! Nếu quý vị có chút tâm đặc đối với kinh Lăng Nghiêm thì lời này chẳng khó hiểu. Không chỉ chư Phật Như Lai là chẳng đến, chẳng đi, mà bản thân chúng ta cũng là chẳng đến, chẳng đi. Quý vị nói: “Không có đến, đi ư? Rõ ràng là tôi vừa từ nhà đến Đồ Thư Quán, nghe kinh xong tôi lại trở về, làm sao chẳng có đến, đi cho được?” Vậy là chúng ta không hiểu chân tướng sự thật. Chân tướng là gì? Kinh Lăng Nghiêm nói “đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận” (sanh ra từ đâu bèn diệt

mất ngay nơi đó), há có tướng đến, đi? Đức Phật biết chân tướng này. Chúng ta chẳng hiểu chân tướng sự thật vốn là chẳng đến, chẳng đi, cứ ngỡ là có đến, có đi. Nói thực tại là “không đến, không đi”. Vì thế, trong đức hiệu của Phật có một danh hiệu là Như Lai. Kinh Kim Cang nói: “*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ*” (Như Lai là không từ đâu đến mà cũng chẳng đi về đâu). Không đến, không đi, bèn gọi là Như Lai. Kinh lại nói: “*Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Giảng rất hay! Nghĩa Như của các pháp chính là Tánh và Tướng như một, là nghĩa lý “*bách giới thiên như*” do Thiên Thai đại sư đã nói.

Vì thế, đối với Thật Tướng của các pháp, lũ phàm phu chúng ta có rất nhiều quan niệm sai lầm. Vì sao có sự nhận biết sai lầm? Vì chẳng hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Không hiểu rõ là vô minh, vô minh là chẳng liễu giải, chẳng hiểu rõ ràng. Khi nào quý vị hiểu rõ, vô minh sẽ bị phá. Vô minh đã phá, bèn hiểu rõ hết thấy các pháp. Sự hiểu rõ ấy là tri kiến của Phật, kinh Pháp Hoa gọi [sự hiểu biết ấy] là “*ngộ nhập Phật chi tri kiến*”. Điều này nói rõ “*tự tánh tự không*”, trong ấy xác thực chẳng có một vật nào, nhưng nêu tỏ các tướng trọn chẳng có trở ngại gì! Vì sao không trở ngại? Vì các tướng chẳng thật, là huyền hữu, giả hữu, trọn chẳng phải là thật có! Chúng ta cảm thấy hết thấy các tướng đều là chân thật, nhưng Phật, Bồ Tát biết hết thấy các tướng “*đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (ngay nơi bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được), nên Phật, Bồ Tát chẳng chấp trước hết thấy vạn tướng. Chúng ta tưởng lầm các huyền tướng là chân thật, nên chỗ nào cũng chấp trước. Đó là tự chuốc khổ, chẳng chấp trước sẽ đắc đại tự tại. Do đó, phải hiểu: Tự tánh tự không, trong ấy vĩnh viễn chẳng tồn tại một vật nào! Lục Tổ nói hết sức có lý: “*Vốn chẳng có một vật*”. Khi giác, vốn chẳng có một vật; khi mê, vẫn là vốn chẳng có một vật, tuyệt đối chẳng phải là khi ngộ thì vốn chẳng có một vật; lúc mê bèn chẳng vậy. Lúc mê, vẫn là chẳng có một vật!

(Diễn) Tâm thể biến châu, bản vô đối đãi.

(演) 心體遍周，本無對待。

(Diễn: Tâm thể trọn khắp, vốn chẳng có đối đãi).

Tận hư không khắp pháp giới là một Thể. “*Đối đãi*” là tương đối. Kinh Kim Cang nói “*tứ tướng*”, đó là tương đối. “*Ngã tướng, nhân tướng*”: Có cái tương đối với Ngã Tướng thì mới có Nhân Tướng, mới

sanh ra các vọng tưởng Chúng Sanh Tướng và Thọ Giả Tướng. Nếu không có Ngã Tướng, lấy đâu ra Nhân Tướng? Chúng Sanh và Thọ Giả cũng chẳng còn tồn tại! Vì thế, trong chân tánh không có đối đãi. Phải ghi nhớ mấy câu này: “*Chân tâm vô vi, chân tâm bất động, chân tâm không tịch, chân tâm trọn khắp*”. Nếu chúng ta có thể sử dụng cái tâm ấy, thừa cùng quý vị, đó sẽ là Đại Bồ Đề tâm, Vô Thượng Bồ Đề tâm. Quý vị dùng tâm ấy niệm Phật, dùng tâm ấy trong cuộc sống, dùng tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật, nếu gọi quý vị là Bồ Tát tái lai, vẫn hiềm là thiếu cung kính, [phải nên gọi] quý vị là “chư Phật tái lai!” Thật vậy, chẳng giả! Vì Phật, Bồ Tát và phàm phu dụng tâm khác nhau. Chúng ta dùng vọng tâm, họ dùng chân tâm. Vọng tâm là như thế nào? Vọng tâm là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, là như vậy đó! Chân tâm là như thế nào? Chân tâm là không tịch, bất động, trọn khắp. Kinh bảo đó là tướng trạng của chân tâm. Dùng tâm ấy thì phải là chư Phật, Bồ Tát tái lai, hoặc chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, học Phật là phải học điều này.

Trong tâm chúng ta còn có vọng niệm, còn có chấp trước, còn bị động, dùng phương pháp gì? Thấy đều quy vào một câu Phật hiệu. Do đó, pháp môn này vô cùng nhiệm mầu! Dùng một niệm để thay thế hết thấy vọng niệm. Niệm câu Phật hiệu này đến mức thuần thực, tâm bất động, tất cả hết thấy cảnh giới đều bất động. Bắt đầu là học bất động, chúng ta xa lìa ngoại duyên, vì chúng ta chưa thể làm chủ cái tâm, hề tiếp xúc cảnh giới bên bị cảnh giới lôi kéo; khi đó, làm như thế nào? Chúng ta xa lìa ngoại duyên, rời khỏi ngoại duyên, khiến cho cái tâm bất động. Đến lúc chính mình thật sự có công phu, giải và hạnh tương ứng, dần tiếp xúc ngoại duyên cũng bất động. Đó chính là cảnh giới của Hoa Nghiêm và Tịnh Tông, Sự Sự vô ngại, đạt đến vô ngại. Cũng phải hiểu rõ ràng, minh bạch câu này, vô ngại là gì? Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, quả thật tâm quý vị chẳng động, không có phân biệt, không có chấp trước, không có vọng tưởng, không có tham, sân, si, mạn, không có những thứ ấy. Tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, trong tâm vẫn sạch lầu lầu, rành mạch, rõ ràng, đó là Phật tri, Phật kiến, là chân tánh khởi tác dụng. Quý vị dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Quý vị dùng chân tâm, bên là Phật, là Bồ Tát; dùng vọng tâm bên là phàm phu! Đoạn văn kế tiếp nhằm giải thích tỉ mỉ, vẫn [nhằm giải thích] bốn câu trên đây:

(Sao) Tự nghiêm giả.

(鈔) 自嚴者。

(Sao: Tự trang nghiêm).

Chân tánh thứ gì cũng đều không có, có sao nó có thể trang nghiêm chính mình? Đích xác là nó trang nghiêm.

(Sao) Tâm bốn cụ hàm vạn đức, hoàn dĩ vạn đức nghiêm tâm, đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm, thị chân cúng dường. Tư Ích kinh vân: “Thùy năng cúng dường Phật? Thông đạt Vô Sanh giả”.

(鈔) 心本具含萬德，還以萬德嚴心，德無所德，嚴無所嚴，是真供養。思益經云：誰能供養佛，通達無生者。

(Sao: Tâm vốn sẵn bao hàm vạn đức, lại còn dùng vạn đức để trang nghiêm tâm, tuy là đức mà chẳng phải là đức, tuy trang nghiêm, nhưng không có gì để trang nghiêm, đó là cúng dường chân thật. Kinh Tư Ích nói: “Ai có thể cúng dường Phật? Chính là người thông đạt Vô Sanh”).

Người nào có thể cúng dường Phật? Người thông đạt Vô Sanh. Nói cách khác, chúng ta thường gọi người “thông đạt Vô Sanh” là chúng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(Sao) Bảo Vũ kinh vân: “Như lý tư duy, tức thị cúng dường Như Lai”, thị dã.

(鈔) 寶雨經云：如理思惟，即是供養如來，是也。

(Sao: Kinh Bảo Vũ²⁰ nói: “Tư duy đúng lý chính là cúng dường Như Lai” chính là nói đến ý này).

Câu này có ý nghĩa giống như câu nói trong kinh Tư Ích.

(Diễn) Tâm bốn cụ hàm vạn đức, hoàn dĩ vạn đức nghiêm tâm giả, sở vị tự thể hữu đại trí huệ quang minh nghĩa, biến chiếu pháp giới nghĩa, chân thật thức tri nghĩa, thường, lạc, ngã, tịnh nghĩa đẳng, tức dĩ sở hàm chi vạn đức, nghiêm ngã năng hàm chi nhất tâm.

(演) 心本具含萬德還以萬德嚴心者，所謂自體有大智慧光明義、遍照法界義、真實識知義、常樂我淨義等，即以所含之萬德，嚴我能含之一心。

(Diễn: “Tâm vốn sẵn bao hàm vạn đức, lại dùng vạn đức để trang nghiêm tâm”, nghĩa là tự thể đã có các ý nghĩa “đại trí huệ quang minh, chiếu trọi khắp pháp giới, chân thật thức, thường, lạc, ngã, tịnh” v.v... tức là dùng vạn đức là cái được bao hàm để nghiêm tịnh nhất tâm là chủ thể bao hàm [vạn đức] của ta).

Hãy nên lãnh hội những lời này. Lục Tổ đại sư nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”. Ở đây, đoạn này nói tới “*vốn sẵn trọn đủ*”, nêu ra mấy trường hợp để nói. Trong Chân Như bản tánh chẳng thiếu khuyết thứ gì, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì cũng viên mãn. Lục Tổ lại nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, vạn pháp là gì? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thủy đều do tự tánh sanh ra. Ngoại giáo chẳng biết, nên nói con người và chúng sanh do đâu mà có? Thượng Đế tạo ra. Do đâu mà có Thượng Đế? Không biết! Nói kiểu ấy chẳng suông! Tận hư không khắp pháp giới, chẳng có thứ gì không do tự tánh biến hiện. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chính chúng ta có thể làm một thí nghiệm. Trong Duy Thức chuyên môn nói đến thí nghiệm, có thể nói [Duy Thức] là tâm lý học thực nghiệm. Chư vị đều từng nằm mộng, mỗi lần nằm mộng khác nhau, cảnh giới trong mộng rành mạch, thử hỏi những cảnh giới trong giấc mộng ấy do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện, đó chính là như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ, nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Mộng sanh từ tâm của quý vị, tất cả các cảnh giới trong mộng vốn sẵn trọn đủ trong tâm quý vị, chẳng đến từ bên ngoài. Tâm quý vị có thể biến hiện những cảnh giới ấy, chính quý vị lại cảm nhận rành mạch, rõ rệt. Do thời gian nằm mộng ngắn, nên chúng ta rất dễ dàng nhận biết nó là mộng cảnh. Trong mộng tuy có các cảnh giới, nhưng khi tỉnh giấc, [liền biết những cảnh giới ấy] vốn là giả, chẳng thật!

Hai người ngủ cùng một giường, mỗi người đều nằm mộng, những giấc mộng ấy chẳng va chạm nhau, cũng chẳng thể nói “không gian của ta bị hắn chiếm đi”, chẳng có! Vì sao chẳng có hai hiện tượng không gian bất đồng? Vì chúng nó là giả, chẳng thật! Do lẽ đó, chúng ta mấy chục người, mấy trăm người ngủ cùng một phòng, mỗi người đều nằm mộng, không gian vẫn to như vậy. Mỗi người hiện một cảnh giới riêng mình, cảnh giới trùng điệp lẫn nhau, tuy trùng điệp vẫn chẳng trở ngại, đều ở trong cùng một không gian, trong cùng một phòng, chẳng ra ngoài! Mỗi người có trời đất của riêng mình, đây kia chẳng trở ngại lẫn nhau, điều này rất kỳ diệu! Thưa quý vị, tình hình thực tế rất tương tự

chuyện này. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng là như thế, giống như trong cảnh mộng. Do đó, kinh Kim Cang nói: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Thiên đạo, nga quỷ đạo, địa ngục đạo ở chỗ nào? Ở cùng một chỗ với chúng ta! Cổ đức thường nói “*nhân quỷ tạp cư*” (người và quỷ ở lẫn lộn), ở cùng một chỗ, đôi bên chẳng trở ngại nhau, người chẳng gặp quỷ, quỷ cũng chẳng thấy người. Cùng sống một chỗ, giống như hai người nằm mộng, đôi bên chẳng trở ngại lẫn nhau!

Nói thật ra, chư Phật, Bồ Tát, chư thiên và chúng ta cũng là tạp cư cùng một chỗ, cõi này của chúng ta được gọi là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tức là ở lẫn lộn cùng một chỗ. Chuyện này có chứng cứ, chẳng phải là tùy tiện nói bừa! Xưa kia, thiền sư Pháp Chiếu, là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông, tại Ngũ Đài Sơn gặp được đạo tràng của Văn Thù và Phổ Hiền, tức Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư còn ở đó nghe Văn Thù Bồ Tát giảng một thời kinh. Sau khi giảng xong, Sư thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “*Thời kỳ Mạt Pháp, căn tánh của chúng sanh rất kém, tu pháp môn gì sẽ thành tựu dễ dàng?*” Văn Thù Bồ Tát dạy Sư tu pháp môn Niệm Phật. Sư thưa: “Niệm vị Phật nào?” Văn Thù Bồ Tát dạy Sư niệm A Di Đà Phật. Lại còn niệm mấy tiếng để làm mẫu, niệm mấy câu A Di Đà Phật cho Sư nghe, Sư học được. Ngũ Hội Niệm Phật được lưu truyền như vậy đó. Khi Sư rời khỏi Trúc Lâm Tự, đã đánh dấu, để lần sau trở lại chẳng lạc đường, Sư nhìn lại, một giải núi hoang! Nghĩ lại, giống như một giấc mộng, nhưng rành mạch, rõ ràng, không phải là nằm mộng, mà đích xác là trông thấy. Bồ Tát ở cùng một chỗ với chúng ta. Bồ Tát trụ Tịnh Độ, chúng ta trụ trong uế độ. Cung điện, lầu gác của Bồ Tát do bảy báu tạo thành, chúng ta thấy đó là núi hoang, đồng vắng, gai góc, cát, đá, mắt phàm phu thấy như vậy! Trong Tam Muội Thủy Sám có nói quốc sư Ngô Đạt gặp tôn giả Ca Nặc Ca, đạo tràng của A La Hán cũng giống như thế. Có thể thấy là Bồ Tát và La Hán ở cùng một chỗ với chúng ta! Chúng ta chẳng thấy đạo tràng của các Ngài, chẳng thấy các Ngài, các Ngài cũng chẳng thấy chúng ta. Đó là tự tánh công đức trang nghiêm, xác thực là sẵn có đầy đủ trong tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp, có thể hiện vạn pháp. Tâm thanh tịnh, ắt hiện Tịnh Độ; tâm nhiễm ô, ắt hiện uế độ. Đó là chân tướng sự thật.

Hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta sẽ tự tại, vì sao? Trong hết thấy các pháp, chẳng lấy, chẳng bỏ. Chẳng lấy, chẳng bỏ, sẽ chẳng có lo âu, chẳng có vướng mắc. Lìa khỏi hết thấy ưu lự, vướng mắc, tâm liền thanh tịnh; tâm đã định, không có thứ gì phải bận lòng, tự nhiên khỏi

phục thanh tịnh, khôi phục tâm bình thường. Tâm bình thường là chân tâm (Bình là bình đẳng, Thường là vĩnh viễn như vậy, chẳng biến đổi). Tự tánh trang nghiêm là cảnh giới do quý vị biến hiện, giống như nằm mộng.

Tâm chúng ta rất thanh tịnh, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng mỗi tối nằm mộng thì cảnh mộng ấy chính là tự tánh trang nghiêm, chính mình biến hiện để trang nghiêm chính mình! Tận hư không khắp pháp giới, y báo và chánh báo trong mười pháp giới là tự tánh trang nghiêm, chẳng đến từ bên ngoài, là vật được biến hiện bởi tự tánh. Ngài giảng rất hay: “*Tức dĩ sở hàm chi vạn đức, nghiêm ngã năng hàm chi nhất tâm*” (Dùng vạn đức là cái được bao hàm để nghiêm tịnh nhất tâm là chủ thể bao hàm [vạn đức] của ta).

(Diễn) Đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm giả, dĩ đối Hằng sa phiến não, hiển Hằng sa Tánh Đức, tự tánh chi phiến não bản Không, đức từng hà lập, tức đức vô sở đức. Kỳ dĩ tức tâm chi đức, nghiêm thử tức đức chi tâm, toàn tâm tức đức, tức nghiêm vô sở nghiêm. Tâm đức lưỡng vong, Năng Sở bất lập, nhất niệm bất sanh, thị chân cúng dường dã.

(演) 德無所德嚴無所嚴者，以對恆沙煩惱，顯恆沙性德，自性之煩惱本空，德從何立，則德無所德；既以即心之德，嚴此即德之心，全心即德，則嚴無所嚴。心德兩忘，能所不立，一念不生，是真供養也。

(Diễn: “Tuy có đức mà chẳng thấy là đức, tuy trang nghiêm mà chẳng có gì để trang nghiêm”: Do đối ứng với phiến não nhiều như cát sông Hằng mà tỏ lộ Tánh Đức nhiều như cát sông Hằng. Phiến não trong tự tánh vốn là Không, đức do đâu mà lập, nên “tuy có đức mà chẳng thấy là đức”. Đã dùng cái đức ngay trong tâm để trang nghiêm cái tâm của đức ấy, toàn thể tâm chính là đức, nên “trang nghiêm mà chẳng có gì để trang nghiêm”. Tâm và đức cùng mất, Năng và Sở chẳng lập, một niệm chẳng sanh, đó là cúng dường chân thật).

Giải thích câu thứ hai trong lời Sao, tức câu “*đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm, thị chân cúng dường*”. Đức Phật thuyết pháp, dựa trên Nhị Đế để nói. Nhị Đế là tương đối, tức là Chân Đế và Tục Đế. Nếu chẳng thuận theo Nhị Đế, đức Phật chẳng có cách nào nói được, “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, đó là

cảnh giới chân thật. Nhưng cảnh giới ấy chỉ có người triệt ngộ thấu hiểu. Người triệt ngộ cũng nhập cảnh giới ấy, Phật cũng là cảnh giới ấy. Chẳng cần nói câu nào, chẳng cần dấy một niệm, mà biết rành mạch, rõ ràng, nhưng phàm phu không biết! Phàm phu mê hoặc, điên đảo, suốt ngày từ sáng đến tối dấy vọng tưởng, làm sao biết được? Đức Phật phải thuyết pháp cho các phàm phu ấy, bắt buộc dĩ phải dùng pháp phương tiện. Pháp phương tiện được kiến lập trên Chân Tục Nhị Đế trong tự tánh thanh tịnh tâm, nên [đức Phật] có thể thuyết pháp; mà cũng có thể nói là từ tương đối, hiển thị chân tướng của các pháp. Vì thế, đối với phiền não của chúng sanh, đối ứng với phiền não nhằm hiển thị Tánh Đức. Thí dụ như chúng sanh có tham, đối lập với tham là vô tham, vô tham là Tánh Đức. Đối lập với sân khuê là vô sân, vô sân là Tánh Đức, là chân tánh, là đức dụng chân thật. Phiền não vô lượng vô biên ví như cát sông Hằng, chúng sanh có Hằng sa phiền não, đối lập với mỗi một phiền não là một Tánh Đức; vì thế, hiển lộ Hằng sa Tánh Đức. Phật phải nói ra! Vì thế, đức Phật nói suốt bốn mươi chín năm, nói mỗi ngày, suốt bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn.

Các kinh điển được phiên dịch thành tiếng Hán hiện thời hoàn toàn chẳng phải là toàn bộ kinh Phật, những kinh điển do đức Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm quá nhiều. Cao tăng Ấn Độ đem [kinh điển] đến Trung Quốc, hoặc pháp sư Trung Hoa đến Ấn Độ mang [kinh điển] về đều rất hữu hạn, vì trước kia, kinh điển chẳng được ấn loát đẹp đẽ, gọn gàng như trong hiện tại: [Hiện thời], một bộ Đại Tạng Kinh có thể đem về cùng một lúc được! Xưa kia, sách được chép trên lá cây Bối Đa La (Tālapatra), lá Bối dày như lá chuối, cắt thành từng phiến dài, trên mỗi phiến viết chừng bốn hàng. Hai đầu phiến lá xỏ lỗ, dùng dây buộc lại [cho khỏi thất lạc]. Một bộ kinh là một đống lớn, đừng nói kinh nào khác, một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đại khái một cỗ xe chở không hết, đó là sự thật. Quý vị mới hiểu nỗi khó khăn khi chở những thứ ấy từ Ấn Độ tới Trung Quốc! Thời ấy dùng ngựa, mỗi bộ kinh phải dùng vài thớt ngựa để chở. Những kinh điển do các pháp sư mang đến Trung Quốc được chọn đi chọn lại, chọn những bộ trọng yếu nhất đem tới, những bộ ít quan trọng hơn bèn chẳng cần đến, bỏ lại. Chẳng giống như kỹ thuật ấn loát tinh vi, đẹp đẽ trong hiện thời, một trang giấy mỏng tanh như thế, mà mỗi trang có thể in nhiều hàng chữ như vậy. Người thuở trước không có cách nào tưởng tượng chuyện này. Vì thế, hiện thời, chúng ta thấy kinh điển nhiều ngàn ấy, nhưng trọn chẳng phải

là toàn bộ kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể là chưa được một nửa, thế mà đã có lắm kinh ngàn ấy!

Trong kinh Kim Cang, lão nhân gia nói: “*Nếu có ai nói đức Phật thuyết pháp, tức là bán Phật*”. Đức Phật phủ định toàn bộ những gì Ngài đã giảng. Vì sao phủ định? Chính là do như ở đây đã nói: “*Tự tánh chi phiền não bốn không, đức từng hà lập*” (Phiền não trong tự tánh vốn là không, đức do đâu mà lập), do đạo lý này. Vì lẽ đó, đức Phật nói: “*Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói*”. “Nói” là Tục Đế, “chẳng nói” là Chân Đế! Nói thật với quý vị, đức Phật chẳng nói, suốt bốn mươi chín năm Ngài chẳng nói một chữ nào. Nếu nói phương tiện với quý vị, thì trong bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng kinh hơn ba trăm hội, nói rất nhiều. Nói chân thật cùng quý vị thì một chữ đức Phật cũng chẳng nói. Phải rất chú tâm lãnh hội điều này!

Quý vị có thể thấu hiểu, chúng ta phải học tập. Thấu hiểu là ta thật sự hiểu rõ, thông hiểu. Hiểu được thì chúng ta cũng phải học, ta cũng phải học giống như Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, “*nói mà không nói, không nói mà nói*”, “*làm mà không làm, không làm mà làm*”, “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, vậy thì quý vị hoàn toàn nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, chẳng khác Tây Phương Tịnh Độ! Tây Phương Tịnh Độ cũng là Sự Sự vô ngại. Thừa cùng quý vị, cuộc sống ấy mới là chân thiện mỹ huệ, mới là hạnh phúc mỹ mãn chân chánh, chỉ có sung sướng, chẳng có đau khổ! Nhập cảnh giới ấy, hiện tiền là thế giới Cực Lạc, chẳng khổ! Thế giới Tây Phương “*vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui). Quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy, khổ nhiều, vui ít. Vui là giả, khổ là thật. Nhập cảnh giới ấy, vui là thật, khổ chẳng có. Do đó, kết luận “*tâm đức lưỡng vong, Năng Sở bất lập, nhất niệm bất sanh*” (tâm và đức cùng mất, Năng và Sở chẳng lập, một niệm chẳng sanh), đó là cúng dường thật sự, hoàn toàn khế hợp, hoàn toàn tương ứng với sở chứng của hết thầy chư Phật.

Chúng ta đọc đoạn kinh này, ngàn muôn phần đừng nghĩ “tâm ta chẳng tưởng gì hết thì đó là cúng dường thật sự”. Được rồi, mỗi ngày chúng ta chẳng cần đốt trước Phật cúng hương, hoa, trái cây. Nghĩ vậy thì quý vị đã hoàn toàn sai lầm, đã đọa vào “*ác thủ không*” (chấp Không sai lầm). Phải biết: Đó là Lý, chúng ta có làm được hay không? Chẳng làm được! Vì trong tâm chúng ta còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn, làm sao quý vị có thể làm được? Đừng nói là cảnh giới ấy chúng ta chẳng làm được, A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đều làm không được. Do đó, chúng ta lạy Phật, lạy Bồ Tát, phải nên

cúng dường như thế nào thì vẫn phải thật thà cúng dường như thế ấy. Lý ở đây chẳng thể học, học không nổi! Tiếp theo đây sẽ là phần giải thích câu nói trong kinh Tư Ích: “*Thùy năng cúng dường Phật? Thông đạt Vô Sanh giả*” (Ai có thể cúng dường Phật? Người thông đạt Vô Sanh).

(Diễn) Phật giả, giác dã. Giác thể vô sanh, bất đạt Vô Sanh, hà xứ mịch Phật? Cố duy tịch diệt hiện tiền, nãi năng đồng Phật từ lực. Bất nhiên, dĩ sanh diệt tâm, trước tướng mịch Phật, tùy trục vọng duyên, phi chân cúng dường cố.

(演) 佛者，覺也。覺體無生，不達無生，何處覓佛？故唯寂滅現前，乃能同佛慈力；不然，以生滅心，著相覓佛，隨逐妄緣，非真供養故。

(Diễn: Phật là giác. Bản thể của Giác là vô sanh. Chẳng thông đạt Vô Sanh, tìm Phật ở chỗ nào? Vì vậy, chỉ có tịch diệt hiện tiền, bèn có thể giống như từ lực của Phật. Nếu không như vậy, dùng cái tâm sanh diệt, chấp tướng để tìm Phật, theo đuổi vọng duyên, chẳng phải là cúng dường chân thật).

Do đó, phải hiểu Phật là gì? Phật là đại giác, Phật là giác tâm. Trong hết thảy các pháp, tâm ấy hoàn toàn chẳng mê, đó là Phật. Hễ có mảy may mê hoặc, sẽ chẳng phải là Phật. Giác tâm là chân tâm, chân tâm bất động. Bất động bèn chẳng có sanh diệt, sanh diệt là động, nên giác thể là vô sanh. Vì sao tu hành trong Phật pháp đặc biệt coi trọng Thiền Định? Định là bất động. Thiền Định là mâu chốt trong sự tu hành của Phật môn, cũng có thể nói là chúng ta muốn khôi phục bản tánh, khôi phục chân tâm, dùng phương pháp gì? Dùng Định. Do vậy, Phật pháp tuy có rất nhiều pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, cho thấy phương pháp, đường lối rất nhiều, tu gì vậy? Thấy đều là tu Định, không có pháp môn nào chẳng tu Định. Tuyệt đối chẳng phải là chỉ có Thiền Tông mới tu Định. [Nếu chỉ nghĩ Thiền Tông là tu Định], quý vị đã sai mất rồi. Giáo Hạ nói Chỉ Quán, đó là Thiền Định. Người niệm Phật nói “*nhất tâm bất loạn*”, nhất tâm bất loạn là Thiền Định. Chư vị phải hiểu, tên gọi khác nhau, nhưng đều là tu Thiền Định. Định là tâm bất động; trong cảnh giới, tâm chẳng bị cảnh giới xoay chuyển, đó là Thiền Định thật sự, kinh Lăng Nghiêm gọi [Định ấy] là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định.

Kinh Lăng Nghiêm nói về phương pháp tu hành, hai mươi lăm vị Bồ Tát, mỗi vị Bồ Tát đứng ra báo cáo phương pháp tu hành của chính mình, toàn bộ đều là tu Lăng Nghiêm Đại Định, nhưng mỗi cá nhân dùng phương pháp khác nhau. Đại Thế Chí Bồ Tát dùng pháp môn Niệm Phật, tức là dùng pháp môn chấp trì danh hiệu để tu Lăng Nghiêm Đại Định. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng phương pháp Thiền Quán để tu Lăng Nghiêm Đại Định. Hai mươi lăm vị Bồ Tát, nói thật ra là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn được quy nạp thành hai mươi lăm loại lớn, chẳng có pháp môn nào không nhằm tu Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Pháp môn Niệm Phật cũng không ra ngoài lệ ấy, cũng là tu Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, chư vị nhất định phải biết điều này thì mới biết niệm Phật hiệu! Tương ứng với Thủ Lăng Nghiêm Đại Định.

Trong hết thảy cảnh giới, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều chẳng động tâm. Người thế gian đối với thuận cảnh sanh tâm tham ái, trong nghịch cảnh sanh tâm sân khuể. Tâm đã động, đã động tâm. Động tâm thì chính mình phải khởi lên cảnh giác, hễ tâm động bèn tạo nghiệp, nghiệp chướng hiện tiền. Ta dấy lên tham ái, dấy lên sân khuể, dấy lên tham, sân, si, mạn nghi, dấy lên phân biệt, chấp trước, nghiệp chướng hiện tiền, nên ngay lập tức bèn giác ngộ “nghiệp chướng của ta lại hiện tiền”, đó là cảnh giác. Quý vị có thể biết nghiệp chướng của chính mình hiện tiền, đó là giác ngộ. Đã giác ngộ thì phải dùng phương pháp gì để đối trị? Tịnh Tông dùng một câu Phật hiệu để đối trị, ngay lập tức “A Di Đà Phật” nhằm bình ổn, dứt trừ vọng niệm ấy. Vì lẽ đó, một câu A Di Đà Phật tiêu nghiệp chướng hữu hiệu hơn bất cứ thứ gì khác!

Trong Phật môn, quý vị chỉ nói “bái sám để cầu tiêu nghiệp chướng”, nhưng chẳng biết nghiệp chướng ở chỗ nào? Cũng chẳng biết cách tiêu như thế nào? Rốt cuộc, tiêu hay không, chính mình cũng chẳng biết, tu hành hờ hờ! Cổ nhân bảo là “*tu mù, luyện đui*”! Nếu trong cảnh giới sáu trần, cái tâm này thật sự chẳng bị cảnh giới chuyển, tâm đạt được thanh tịnh, tự mình sẽ biết nghiệp chướng của chính mình đã tiêu. Trong cảnh giới, nếu tham, sân, si, mạn thay đổi rất nhanh, đó là nghiệp chướng vô cùng nặng nề! Trong hết thảy cảnh giới, tâm dần dần bình lặng, yên tĩnh, dần có tham, sân, ý niệm ấy rất mỏng nhẹ, chẳng nghiêm trọng, vừa nhẹ nhàng khởi lên một câu Phật hiệu, nó liền chẳng còn nữa, dùng Phật hiệu để thay thế [vọng niệm], đó là tình trạng nghiệp chướng tiêu trừ. Do đó, công phu của chính mình đã đến mức độ ra sao, có thành tựu như thế nào, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ. Người tu hành phải coi trọng chỗ này, mong được thành tựu thật sự.

Định đến mức công phu kha khá, nói theo pháp môn này, sẽ là “chẳng bị ngoại cảnh lay động”. Đối với ngũ dục, lục trần thế gian, ta bắt động. Đối với hết thảy các pháp môn trong Phật môn, ta cũng chẳng hâm mộ, mà cũng chẳng động tâm, cũng chẳng hủy báng, thật thà chiếu theo kinh A Di Đà để tu hành. Trong hết thảy các kinh, ta chỉ giữ lấy kinh này, tâm đã định. Đối với pháp thế gian hay xuất thế gian, tâm đều định, thừa cùng quý vị, cảnh giới ấy gọi là “*công phu thành phiền*”, quý vị nắm chắc vãng sanh, nắm chắc cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Sau khi tu đến một giai đoạn [nào đó], quả nhiên quý vị tín nguyện thanh tịnh, kiên cố chẳng đổi dời, chính mình sẽ nắm chắc quyết định vãng sanh với mức độ rất lớn, chẳng có tí ti hoài nghi nào. Nếu công phu của quý vị càng sâu hơn nữa, có thể thật sự đoạn sạch các vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị bèn đạt được nhất tâm bất loạn. Tịch diệt hiện tiền, đó là công phu định lực sâu đến tột cùng, người niệm Phật gọi [cảnh giới ấy] là Lý nhất tâm bất loạn. Đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, kinh nói là “*tịch diệt hiện tiền*”; khi ấy, tâm quý vị chẳng khác gì tâm chư Phật, nên quý vị “*đồng Phật từ lực*”, nghĩa là lòng từ bi giống hệt như Phật. Từ bi kiến lập trên cái tâm thật sự thanh tịnh, bình đẳng, xuất sanh từ bi; vì vậy, đồng Phật từ lực! Hễ có phân biệt, bèn khác Phật. Có phân biệt bèn sai khác. Phật là hết thảy đều vô phân biệt, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

“*Bất nhiên, dĩ sanh diệt tâm, trước tướng mịch Phật*” (Nếu không như vậy, dùng cái tâm sanh diệt, chấp tướng để tìm Phật). Kinh Kim Cang nói: “*Nếu dùng sắc thân để thấy Như Lai*” có cùng một đạo lý “*trước tướng mịch Phật*” (chấp tướng tìm Phật) được nói ở đây. Kết quả là “*tùy trực vọng duyên*” (đuổi theo vọng duyên), có thể thấy Phật hay không? Không thể! Chư vị phải hiểu: Người niệm Phật chúng ta cảm ứng Phật, Bồ Tát là khi tự tâm của quý vị đạt đến thanh tịnh, Phật, Bồ Tát tự nhiên hiện đến. Quý vị chẳng cần phải cầu, mỗi ngày [van vái]: “A Di Đà Phật! Xin Ngài hiện thân cho con thấy, con mới tin tưởng. Con chẳng thấy Ngài, sẽ không tin Ngài!” Quý vị dấy vọng tưởng, bàn điều kiện với Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng phân biệt, không chấp trước, các Ngài chẳng tiếp nhận! Thừa cùng quý vị, các Ngài không tiếp nhận, nhưng vẫn có kẻ tiếp nhận, ai tiếp nhận? Ma tiếp nhận. Hễ ma nghe quý vị có ý niệm ấy: “Nếu người muốn thấy Phật, ta liền biến ra một vị Phật cho người thấy”. Thôi rồi! Quý vị liền theo hấn, hấn thâm thập quý vị. Quý vị do tâm tốt lành muốn học Phật, cuối cùng học thành ma, quý vị thấy có oan uổng hay không?

Vì vậy, người niệm Phật cầu gì? Kinh đã giảng rất rành mạch, chúng ta chỉ cầu nhất tâm bất loạn, chắc chắn sẽ không chuốc phải ma chướng. Ta cũng chẳng cần thấy Phật, ta cũng chẳng cần thấy quang minh, ta cũng chẳng cần thấy những điều kỳ quái, chẳng cần những điều ấy, tâm ta thanh tịnh. Ta chỉ tu tâm thanh tịnh, chỉ cầu chính mình nhất tâm bất loạn, chỉ cầu lâm chung vắng sanh Tịnh Độ, đó là đúng. Quý vị có thể phát tâm niệm Phật như vậy, trong một đời này, chắc chắn chẳng chuốc lấy ma sự, ma đành bó tay! Vì ma chẳng nắm được nhược điểm của quý vị, nên chẳng có chút xíu biện pháp nào cả! Vì thế, kẻ ham chuộng thần thông, thích thú những chuyện kỳ quái, những kẻ ấy rất dễ bị ma dựa, ma có thể biến hiện những trò huyền hoặc, biến ra những chuyện kỳ quái để hấp dẫn con người. Tiếp theo đây là giải thích câu “*nhu lý tư duy, tức thị cúng dường Như Lai*” (đúng lý tư duy chính là cúng dường Như Lai) trong kinh Bảo Vũ:

(Diễn) Kim Cang kinh vân: “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”.

(演) 金剛經云：如來者，即諸法如義。

(Diễn: Kinh Kim Cang nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp).

Trong hết thảy các kinh, để giải thích hai chữ Như Lai, bốn chữ này (“*chư pháp Như nghĩa*”) của kinh Kim Cang đã thật sự giải quyết. Một câu khác nữa là “*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ*” (Như Lai là không từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu), chỉ là một ý nghĩa của Như Lai: Không đến, không đi. Ý nghĩa này chẳng viên mãn bằng ý nghĩa “*chư pháp Như nghĩa*”. Chúng ta có “hết thảy các pháp”, Như là gì? Vạn pháp đều là Không. “*Như*” là tánh, tánh là không tịch. Trước đó, [lời Sao] đã nêu mấy tỷ dụ rất hay! Chúng ta vừa mới đọc rồi đó, Pháp Thân giống như hư không, vô vi, trọn khắp, bất động, những điều ấy đều là nghĩa Như, chẳng có một pháp nào không phải là như thế. Vạn pháp đều Như, pháp nào cũng trọn khắp, pháp nào cũng đều bất động, pháp nào cũng đều là Không, bản thể chính là Không. Vì thế, bốn chữ này giảng thật tuyệt diệu. Cũng có thể nói là hết thảy tướng đều giống như tánh, tướng do đâu mà có? Do tánh biến hiện. Giống như quốc sư Hiền Thủ đã nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Bất luận quý vị làm mấy ngàn thứ, mấy vạn thứ, thảy đều là vàng, thể chất chẳng thay đổi, là một! Do đó, pháp nào cũng đều là Như, pháp nào cũng

chẳng có chướng ngại. Vì sao chẳng có chướng ngại? Vì bản thể chính là Không, chẳng có chướng ngại.

Nay chúng ta bị thua thiệt ở chỗ nào? Phân biệt, chấp trước. Coi những hiện tượng ấy đều là chân thật; hề thấy chúng là chân thật, liền bị chướng ngại. Ngày nào chúng ta thật sự thấy thấu suốt, rời lìa toàn bộ những vọng tưởng, chấp trước ấy, sẽ chẳng có chướng ngại, ngay cả vách tường cũng tự do xuyên qua, vì sao? Bản thể của thân ta chính là Không, bản thể của vách tường cũng chính là Không, Không và Bất Không chẳng trở ngại! Chúng ta gọi điều này là thần thông! Vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể xuyên qua tường? Vì chấp trước thân ta là có, chẳng trống rỗng, vách tường cũng là có, cũng chẳng phải là trống không. Có và Có còn có chướng ngại, chẳng xuyên qua được. Khi nào quý vị có thể quên mất chuyện này, liền xuyên qua. Chuyện này cũng chẳng phải là chuyện rất khó. Trong lời tựa [cho bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa], pháp sư Viên Anh có kể: Có một ngày, Sư tĩnh tọa trong phòng riêng, tâm rất thanh tịnh. Khi Sư tĩnh tọa, đã gài chốt cửa, đóng chặt lại. Chợt nghĩ đến vài chuyện phải làm, Sư liền lập tức bước ra, quên mất thân này, cửa phòng cũng quên luôn, đi ra ngoài. Sau khi ra ngoài, bỗng nhiên nghĩ: “Vừa rồi, ta không mở cửa”. Sư có ấn tượng, “ta chẳng mở cửa, làm sao đi ra được?” Quay lại đẩy cửa, quả nhiên cửa đã gài chốt. Sư liền ngộ nhập đạo lý ấy trong kinh Lăng Nghiêm.

Vì sao nay chúng ta có chướng ngại? Một niệm phân biệt khởi. Sau khi Sư vừa ra khỏi, tâm phân biệt dấy lên, khi quay trở lại xem, rớt cuộc chẳng vào được! Ngay trong lúc Sư chẳng có một niệm phân biệt, Sư ra được, xuyên qua được; hề chẳng có chướng ngại bèn xuyên qua được. Từ cửa bước ra, có thể thấy Ngài vẫn cảm thấy cửa thông suốt, chẳng theo tường vách để ra. Tại Trung Quốc, có nhiều người tu hành có kinh nghiệm này, có thể thấy chuyện này là thật, chẳng giả. Chúng ta chấp trước thân là thật, chấp trước hết thảy vạn vật cũng là thật, liền nảy sanh chướng ngại rất lớn. Cũng là do chúng ta không biết nghĩa Như của các pháp. Thật sự hiểu nghĩa Như của các pháp, quý vị được gọi là Như Lai, bèn thành Phật.

(Diễn) Bất tư Chân Như chi nghĩa, bất năng cúng dường Như Lai cố.

(演) 不思真如之義，不能供養如來故。

(Diễn: Chẳng nghĩ nghĩa Chân Như, chẳng thể cúng dường Như Lai).

Đây là nói về “*như lý tư duy*”, Lý là Chân Như Lý Thể. Chúng ta có thể tương ứng Chân Như Lý Thể, bèn là cúng dường chân thật.

(Diễn) *Chân Như phi hữu, bất dĩ hữu tư. Chân Như phi vô, bất dĩ vô tư. Chân Như phi diệt hữu diệt vô, bất dĩ song diệt tư. Chân Như phi phi hữu phi vô, bất dĩ song phi tư. Ly tứ cú, tuyệt bách phi tư, tư chí vô tư, tư tận hoàn nguyên, phương danh thân cúng dường Như Lai đã.*

(Đản) 真如非有，不以有思；真如非無，不以無思；真如非亦有亦無，不以雙亦思；真如非非有非無，不以雙非思。離四句，絕百非思，思至無思，思盡還源，方名親供養如來也。

(Diễn: *Chân Như chẳng phải là Có, chẳng nghĩ là Có. Chân Như chẳng phải là Không, chẳng nghĩ là Không. Chân Như chẳng phải là “cũng Có, cũng Không”, chẳng nghĩ “cả hai cùng có”. Chân Như chẳng phải là “chẳng phải Có, chẳng phải Không”, nên chẳng nghĩ “cả hai đều chẳng có”. Mọi suy nghĩ liả tứ cú, tuyệt bách phi, suy nghĩ đến mức chẳng còn gì để suy nghĩ. Suy nghĩ đã hết liền trở về nguồn thì mới gọi là “đích thân cúng dường Như Lai”).*

“*Chân Như phi Hữu*”, [Chân Như] chẳng có hình tướng, nhưng tuyệt đối chẳng phải là Vô (không có gì). Chẳng phải là Không Vô (rỗng tuếch, chẳng có gì), nó thật sự Có. Tuy Có, nhưng chẳng có hình tướng, nên nói nó “*phi Hữu*” (chẳng phải là Có). [Nói Chân Như là] Phi Hữu vì nó chẳng phải là thứ gì. “*Bất dĩ Hữu tư*”, [nghĩa là] quý vị không thể dùng Có để suy tưởng nó, chẳng thể nghĩ được. Chân Như giống như thứ gì? Màu sắc ra sao? To cỡ nào? Dài cỡ nào? Ngắn cỡ nào? Quý vị chẳng thể tưởng tượng được, nó chẳng phải là một vật thể. Tận hư không khắp pháp giới đều do nó biến hiện. Không chỉ hết thảy vạn vật do nó biến hiện, ngay cả hư không cũng do nó biến hiện. “*Chân Như phi vô*”, nó cũng chẳng phải là không có, nên “*bất dĩ Vô tư*”, [tức là] nếu quý vị nghĩ nó “trống rỗng, thứ gì cũng chẳng có” thì cũng nghĩ không xuôi, vì nó chẳng phải là Vô (không có gì). Vì sao chẳng phải là Vô? Nó có thể biến hiện cảnh giới nhiều ngàn ấy! Giống như chúng ta nằm mộng, đối với cái tâm ý thức trong mộng, quý vị chẳng thể nói nó là Có, mà cũng chẳng thể nói nó là Không. Nên quý vị nói nó là Có, trong tâm xác thực là chẳng có gì cả! Quý vị nói nó là Không, nó có thể nằm mộng, nó có

thể biến hiện rất nhiều cảnh giới. Nó có thể nghĩ tưởng; hễ nghĩ tưởng, bèn có tướng. Thí dụ như chúng ta nghĩ tới trạm xe lửa Đài Bắc, ngay lập tức quý vị nghĩ đến hình dạng của trạm xe lửa Đài Bắc, tướng ấy bèn hiện ra. Vì thế, nó “*phi Hữu, phi Vô; diệc Hữu, diệc Vô*” (chẳng Có, chẳng Không; cũng Có, cũng Không), chẳng thể dùng Hữu để suy nghĩ, mà cũng chẳng thể dùng Vô để suy nghĩ nó. “*Chân Như phi diệc Hữu, diệc Vô, bất dĩ song diệc tư*” (Chân Như chẳng phải là cũng Có, cũng Không, chẳng thể nghĩ nó vừa là Có vừa là Không), chẳng thể lại nghĩ nó vừa là Có vừa là Không. “*Chân Như phi phi Hữu phi Vô, bất dĩ song phi tư*” (Chân Như chẳng phải là chẳng phải Có, chẳng phải Không, đừng nghĩ là nó cả hai đều không). Nói cách khác, Chân Như là chẳng thể nghĩ tưởng. Vì thế, bảo là “*ly tứ cú, tuyệt bách phi tư, tư chí vô tư, tư tận hoàn nguyên, phương danh thân cúng dường Như Lai dã*” (mọi suy nghĩ lìa tứ cú, tuyệt bách phi, suy nghĩ đến mức chẳng còn gì để suy nghĩ, suy nghĩ đã hết liền trở về nguồn thì mới gọi là “đích thân cúng dường Như Lai”).

Đức Phật dạy chúng sanh rất nhiều phương pháp xảo diệu, có người thích suy tưởng, chuộng nghiên cứu, đức Phật bèn dạy họ suy tưởng, suy tưởng đến chỗ không còn gì để suy tưởng, liền trở về nguồn cội. Những phương pháp nào là Tưởng? Pháp Tướng Duy Thức Tông là Tưởng. Vì thế, học Pháp Tướng Duy Thức là dạy quý vị tưởng. Phải tưởng đến chỗ không còn tưởng, quý vị mới có thể nhập môn. Nếu quý vị chẳng thể đạt đến “*tướng tận, hoàn nguyên*”, sẽ chẳng thể vào được cửa. Phương pháp của Thiên Tông là dạy quý vị thứ gì cũng đều chớ nên tưởng, bảo quý vị ngay lập tức buông xuống hết thấy, chẳng sanh một niệm, dùng phương pháp này. Vì thế, trong phương pháp “*bổng hát*” (đánh và hét) của thiền sư Thiên Tông, tay cầm sẵn gậy đánh người khác. Quý vị nghĩ tưởng bèn đập, không nghĩ tưởng cũng đập, chẳng nói lý do chi hết! Tưởng là gì? Vọng tưởng, đáng nên đánh. Lúc quý vị chẳng nghĩ gì, vô minh đây nhé! Cũng đáng nên đánh! Lên tiếng, ba mươi gậy; câm miệng, vẫn là ba mươi gậy! Dùng phương pháp này.

Tịnh Tông dùng phương pháp Niệm Phật, so với nhiều phương pháp, Tịnh Tông thuận tiện hơn. Tịnh Tông nói: Hết thấy đều chẳng nghĩ tới quá khó. Nếu quý vị nghĩ quá nhiều, cũng rất nhọc nhằn! Kinh luận của Duy Thức Tông đặc biệt nhiều, kinh luận chủ yếu là sáu kinh, mười một luận. Trong sáu kinh có Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, một bộ to dường ấy. Mười một luận đáng nể lắm! Du Già Sư Địa Luận gồm một trăm cuốn! Tưởng quá nhiều! Vì thế, từ xưa tới nay, những vị

học Duy Thức, thọ mạng đều chẳng dài, thật đấy! Vì sao? Suy nghĩ quá độ, còn chưa “hoàn nguyên” (trở về nguồn) đã chết rồi, không đạt đến cảnh giới ấy, thọ mạng đã không còn, thôi rồi! Quý vị bèn biết Pháp Tướng rất khó học!

Trong các tông phái khác, vừa có nghĩ tưởng, vừa có tu Định, giống như Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, giải hạnh tương ứng. Tu Chỉ Quán cũng phải nghiên cứu kinh luận, nói chung là hao phí tinh thần quá nhiều! Chúng ta là những kẻ chẳng muốn bận tâm quá nhiều, chẳng muốn dùng đầu óc quá nhiều, vẫn là một câu A Di Đà Phật đơn giản, vừa đơn giản, lại vừa dễ dàng, lại ôn hòa, thích đáng, lại rất nhanh chóng, vẫn là pháp môn này tốt đẹp. So đi, tính lại, pháp môn này vẫn thích hợp nhất cho người có căn tánh như chúng ta tu học, tức là những kẻ sợ tổn hại đầu óc, tốt nhất là dùng phương pháp này. Ngày hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 158

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi:

(Sao) Tự biến giả, dĩ tâm biến nhất thiết xứ, tức thị nhất nhất thừa sự, vô không quá giả. Cổ Duy Ma kinh ngôn: “Vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”.

(鈔) 自遍者，以心遍一切處，即是一一承事，無空過者，故維摩經言：無前無後，一時供養。

(Sao: “Tự trọn khắp”: Do tâm trọn khắp hết thấy mọi nơi, nên thừa sự mỗi một [vị Phật], chẳng bỏ sót. Vì thế, kinh Duy Ma nói: “Chẳng trước, chẳng sau, cúng dường cùng lúc”).

Đây là giải thích câu “tự tánh tự biến” trong lời Sớ. Lý luận này là sự thật. Tự tánh là bản tánh của chúng ta, mà cũng là chân tánh, nó “biến nhất thiết xứ” (trọn khắp hết thấy mọi nơi), có thể nói hết thấy vạn pháp đều do tự tánh biến hiện. Vì thế, pháp này và pháp nọ nhất định phải dung thông, nhất định là giao hòa, viên dung. Chúng ta động một niệm, người khác có thể biết, Phật, Bồ Tát thấy đều biết. Không chỉ là

Phật, Bồ Tát biết, mà người nào tâm thanh tịnh cũng đều biết, nguyên lý là vì “tâm là một”. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã sánh ví tâm tánh của chúng ta như biển cả, sánh ví mỗi chúng sanh như một bọt nước trong biển. Biển là toàn thể, bọt nước sanh từ biển. Bọt nước ví như chúng sanh, phá tan bọt nước bèn thành Phật. Đã vỡ tan, bèn cùng biển cả hòa thành một Thể, mỗi bọt nước trong biển cả đều là Thể của quý vị! Nói cách khác, bọt nước ví như vọng tưởng, chấp trước. Quý vị có vọng tưởng, chấp trước, tức là kết thành một bọt nước trong biển cả, ngõ bọt nước ấy là chính mình, chẳng biết biển cả là chính mình. Ngày nào quý vị phá tan phân biệt, chấp trước, giống như phá vỡ bọt nước, mới biết toàn thể biển cả là chính mình, nên chẳng có pháp nào quý vị không hiểu rõ, không có tâm niệm của người nào quý vị không biết. Đó là ý nghĩa “*tự biến*” được nói ở đây.

Do đó, thật sự biết chân tướng sự thật, người ta quyết định chẳng tạo ác! Biết chân tướng sự thật, liền biết trạng huống nhân quả trong mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Đến tốt cùng là chuyện như thế nào? Vì sao có mười pháp giới? Vì sao có lục đạo? Vì sao có thiện đạo? Vì sao có ác đạo? Quý vị thấy đều hiểu rõ ràng. Khi ấy, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác, tự nhiên liền tương ứng với Tánh Đức. Tánh Đức là thuần thiện, chẳng ác, thiện ở đây không phải là thiện trong “thiện, ác”. Thiện trong “thiện, ác” vẫn là ác, vẫn chưa phải là thiện thật sự. Thiện thật sự và pháp tánh hoàn toàn khế hợp, đây mới là thiện thật sự.

Trên thực tế, “*thừa sự*” (承事) chính là ba nguyện đầu trong mười nguyện của kinh Hoa Nghiêm, tức là lễ kính, khen ngợi, cúng dường, ba chuyện ấy. Ba nguyện ấy đều là “*thừa sự*” ở nơi đây. Hiểu đạo lý này, mới hiểu vì sao đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát có thể đầy ấp pháp giới, đối tượng [của các nguyện ấy] là hữu tình và vô tình tận hư không khắp pháp giới, chẳng sót một ai. Do vì tự tánh trọn khắp, đạo lý là như vậy. Những lý được nói ở đây, chúng ta là phàm phu, đừng nói là phàm phu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát đều làm không được. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đại nguyện của Ngài mới viên mãn. Do điều này có thể biết, nếu không vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đâu có mười đại nguyện ấy, nhưng mười đại nguyện không thể viên mãn. Đạo lý gì vậy? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự tánh mới hoàn toàn hiện lộ, mới có thể tận tánh. Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng làm được. Vì thế, trong hội Hoa Tạng, Đẳng Giác Bồ Tát, Văn

Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, còn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bồ Tát đã nói lý do rất rõ ràng: Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười đại nguyện vương mới viên mãn. Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong thế giới Hoa Tạng, mười đại nguyện vương vẫn chưa viên mãn. Thật sự là tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới đến tột cùng, chẳng còn gì hơn được nữa! Phổ Hiền Bồ Tát tán thán, chứ chẳng phải ai khác!

“Duy Ma kinh ngôn: - Vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường” (Kinh Duy Ma nói: “Chẳng có trước, có sau, cúng dường cùng một lúc”). Nói thật ra, mười phương và ba đời đều chẳng có, tận hư không khắp pháp giới là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng về Nhất Chân pháp giới, nên quý vị mới có thể cúng dường cùng một lúc. “*Nhất thời*” thì đương nhiên chẳng có trước hay sau!

(Diễn) Duy Ma kinh, Thiện Đức trưởng giả ngôn: “Úc niệm ngã tích, tự u phụ xá, thiết đại thí hội, cúng dường nhất thiết. Kỳ mãn thất nhật, Duy Ma Cật lai nhập hội trung, vị ngã ngôn: “Trưởng giả tử! Phù đại thí hội, bất đương như nhữ sở thiết, đương vi pháp thí chi hội, hà dụng tài thí hội vi”. Ngã ngôn: “Cư sĩ! Hà vi pháp thí chi hội?” Cật ngôn: “Pháp thí hội giả, vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”.

(演) 維摩經善德長者言，憶念我昔，自於父舍，設大施會，供養一切，期滿七日，維摩詰來入會中，謂我言：長者子，夫大施會，不當如汝所設，當為法施之會，何用財施會為。我言居士，何為法施之會。詰言，法施會者，無前無後，一時供養。

(Diễn: Trong kinh Duy Ma, trưởng giả Thiện Đức nói: - Con nhớ xưa kia, ở nơi nhà cha con, lập hội đại thí, cúng dường hết thầy. Mãn bảy ngày, ngài Duy Ma Cật vào trong hội, bảo con: “Này ông trưởng giả! Phàm là hội đại thí, chớ nên làm như ông, hãy nên làm hội pháp thí, sao lại dùng tiền tài để làm hội đại thí?” Con nói: “Thưa cư sĩ! Pháp thí hội nên làm như thế nào?” Ngài Duy Ma Cật nói: “Pháp thí hội là không có trước, chẳng có sau, cùng lúc cúng dường”).

Đối với câu này, trích dẫn một câu chuyện xưa [để giải thích], Phật môn gọi là “*công án*”. Trong kinh Duy Ma có nói trưởng giả Thiện Đức, trưởng giả là tại gia cư sĩ, tuổi cao, đức trọng, có địa vị, của cải, lại

có trí huệ, nên được tôn xưng là trưởng giả. Đối với người tại gia tu hành, hai chữ này (trưởng giả) là cách xưng hô cung kính nhất. Ông ta nói: Trong quá khứ, con ở cùng một chỗ với cha – “*Phụ xá*” là nhà của cha – lập hội đại thí, để bố thí, cúng dường. Bố thí, cúng dường là tài bố thí, cúng dường hết thảy. Nói cách khác, ăn, mặc, đi, ở, hết thảy vật chất cần dùng cho cuộc sống, ông ta đều bố thí. Nếu quý vị thiếu thốn, đến nơi đó, ông ta đều cúng dường quý vị. Hội ấy kéo dài bảy ngày, ông ta tu [bố thí] bảy ngày, suốt bảy ngày cúng dường trọn khắp. Cư sĩ Duy Ma nghe ông ta lập đại hội bố thí ở nơi đó, cũng đến. Cư sĩ Duy Ma đến đó, chẳng phải vì thiếu thốn gì, mà cũng chẳng đòi hỏi ông ta phải thí xả chút gì. Ngài Duy Ma chỉ dạy, nói: “*Trưởng giả tử!*” Trưởng giả Thiện Đức khi đó ở cùng một chỗ với cha, cha ông ta cũng là trưởng giả, nên gọi ông ta là “*trưởng giả tử*” (con ông trưởng giả). “*Trưởng giả tử*” ở đây là trưởng giả Thiện Đức, đó là một ý nghĩa. Ý nghĩa thứ hai là đối với cỏ nhân Trung Quốc, chữ Tử là cách xưng hô kính trọng một nam nhân, giống như nay chúng ta nói là “*tiên sinh*”. Chúng ta gọi Không Tử, Mạnh Tử, tức là Không tiên sinh, Mạnh tiên sinh, cũng có thể giải thích [chữ “trưởng giả tử”] là “*trưởng giả tiên sinh*”, đó là lời lẽ tôn kính. Vì vậy, từ ngữ này có hai ý nghĩa, đều có thể nói xuôi tai, đều có thể nói rất viên mãn.

Cư sĩ liền bảo ông ta: “*Đại thí hội*”, tức đại hội bố thí, “*bát đương như nhữ sở thiết*” (chớ nên làm như ông đã làm). Ông cúng dường những thứ vật chất như ăn, uống, đi, ở, chẳng có ý nghĩa to lớn cho lắm. Ông đã phát tâm bố thí, hãy nên tu Pháp Bố Thí, “*đương vi pháp thí chi hội, hà dụng tài thí hội vi*” (hãy nên làm pháp thí hội, sao lại làm hội tài thí). Vì sao ông muốn thực hiện tài bố thí? Vì sao không hành Pháp Bố Thí? Dụng ý rất sâu! Tài bố thí chỉ có thể giải quyết nhu cầu cấp thiết trong một lúc. Nay tôi chẳng có cơm ăn, quý vị cúng dường tôi một bữa ăn. Tôi chẳng có quần áo để mặc, quý vị cúng dường tôi một bộ quần áo. Đó là giải quyết nhất thời, không thể giải quyết vĩnh cửu! Pháp Bố Thí là dạy người ta khai trí huệ, dạy người ta có năng lực mưu sinh. Quý vị cúng dường tiền tài, chẳng bằng truyền dạy họ kỹ thuật. Con người có một kỹ năng sở trường, hơn hẳn có của cải rất nhiều! Người ấy đi đến đâu cũng có năng lực kiếm sống. Nói thực tại, của cải có thể mất đi bất cứ lúc nào, hễ mất đi thì làm thế nào đây? Nguồn sống bị đoạn tuyệt, nên chẳng bằng có trí huệ, có năng lực. Trí huệ và năng lực đều thuộc về Pháp Bố Thí. Do đó, Tài Bố Thí chẳng bằng Pháp Bố Thí. Quý vị thấy kinh Kim Cang so sánh, “bố thí bảy báu khắp tam thiên đại thiên

thế giới” chẳng bằng “giải nói bốn câu kệ Đại Thừa Phật pháp cho người khác!” Kinh Kim Cang đã giảng về công đức, lợi ích của Tài Bố Thí và Pháp Bố Thí hết sức thấu triệt. Cư sĩ Duy Ma khuyên ông ta (trưởng giả Thiện Đức) tu Pháp Bố Thí. Đề nghị ấy hay lắm, ông ta cũng biết, nhưng nên thực hiện như thế nào? Ông ta thỉnh giáo cư sĩ Duy Ma: “*Ngã ngôn cư sĩ, hà vi pháp thí chi hội*” (Con nói: “Thưa cư sĩ! Pháp thí hội làm như thế nào?”), pháp thí hội hãy nên thực hiện ra sao? “*Cật ngôn*” nghĩa là cư sĩ Duy Ma Cật liền nói: “*Pháp thí hội giả, vô tiền vô hậu, nhất thời cúng dường*” (Pháp thí hội là không có trước, có sau, cúng dường cùng một lúc). Mấy câu này trong kinh Duy Ma đã được Liên Trì đại sư trích dẫn [trong lời Sao].

(Diễn) Thích viết: *Phù dĩ phương hội nhân, bất khả dĩ nhất tức kỳ, dĩ tài tế vật, bất khả dĩ nhất thời châu, thị dĩ hội thông vô ngưng giả, di luân nhi bất lậu. Pháp trạch minh bị giả, bất dịch thời nhi đồng phú, cố năng tức vô cương vi nhất hội, nhi đạo vô bất nhuần dã.*

(演) 釋曰：夫以方會人，不可以一息期，以財濟物，不可以一時周，是以會通無隅者，彌綸而不漏；法澤冥被者，不易時而同覆，故能即無疆為一會，而道無不潤也。

(Diễn: Giải thích rằng: *Phàm dùng phương tiện để giúp đỡ người khác, không thể là một kỳ hạn rồi thôi. Dùng tiền tài giúp muôn vật, chẳng thể chỉ một lúc là trọn vẹn. Do vậy, bên viên dung vô ngại, bên trọn khắp chẳng sót, pháp trạch ngầm gia bị, luôn luôn cùng che chở, nên “chẳng có ngần hạn” là một hội, đạo không gì chẳng nhuần thấm.*

“*Dĩ phương hội nhân*”: “*Phương*” (方) là phương tiện, Phật môn thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa*”. Nói chung, phải tạo phương tiện cho người khác, tạo phương tiện cho người khác bất cứ khi nào, bất cứ chỗ nào, không thể là một kỳ hạn nhất định. Kỳ hạn cố định thì quý vị bố thí cũng chẳng thể nào rộng giúp chúng sanh. Nhằm ngay lúc này, người ấy chẳng thể đến; hoặc ngay trong lúc này, người ấy chẳng thiếu thốn. Khi người ấy thiếu thốn, hội của quý vị đã kết thúc, hoặc là hội bố thí của quý vị còn chưa thực hiện, đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Do vậy, nhất định phải hiểu phương tiện, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, làm như vậy mới viên mãn, mới thật sự có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nhất là trong tông này, Tiểu Bản và Đại Bản chỉ là nói

rộng hay lược khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Pháp môn này do đức Như Lai “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật); nếu chẳng mở cửa phương tiện, nhất định sẽ có lúc chẳng đạt được lợi ích.

Gần đây nhất, có những đồng tu phát tâm, phát thanh bộ kinh này trên đài truyền thanh, các đồng tu hỏi tôi: “Giảng xong bộ kinh này, thầy lại giảng gì?” Vẫn là giảng bộ kinh này. Hy vọng bộ kinh này được phát thanh lặp đi lặp lại không ngừng, có lợi ích rất lớn! Bộ kinh này hay lắm, chỉ giảng một lần, sau khi nghe xong, những người sau này chẳng có duyên này, đáng tiếc lắm! Phải hiểu kinh này là kinh bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, lưu chuyển vĩnh viễn không gián đoạn. Tôi trọn chẳng bảo quý vị đem băng thâu âm lời tôi giảng bộ kinh này phát thanh trên radio, mà là mong [hãy phát thanh băng] đọc kinh, mỗi ngày đều có thể [phát sóng tiếng] tụng kinh Vô Lượng Thọ một lần trên đài phát thanh, khiến cho mỗi người khi mở radio đều có thể nghe kinh Vô Lượng Thọ, công đức ấy to lớn. Nhưng hiện thời giảng kinh cũng được, trước hết, dạy họ hiểu đạo lý, biết đến chỗ tốt đẹp của kinh này. Tôi hy vọng kinh này sau khi được phát thanh hai, ba lượt, chẳng cần phải nghe giảng nữa, hãy niệm kinh cho nhiều!

Nếu mọi người lại phát tâm, có tài lực, hãy thuê thời gian [phát thanh] trên đài truyền thanh để chuyên niệm Phật hiệu, niệm Nam-mô A Di Đà Phật suốt một giờ, chuyên niệm Phật hiệu, không cần phải giảng, là được rồi! Đúng là công đức vô lượng, lợi ích thật sự vô cùng nhiều! Nếu mọi người nghe, niệm kinh theo, nếu họ muốn biết ý nghĩa của kinh, sẽ bảo họ, ở chỗ nào chúng ta có băng thâu âm giảng kinh có thể tặng cho họ, chính họ tìm băng thâu âm để nghe. Chư vị phải hiểu lợi ích chân thật chính là “*dĩ phương hội nhân*” đang được nói ở đây. “*Bất khả dĩ nhất tức kỳ, dĩ tài tế vật, bất khả dĩ nhất thời châu*” (không thể là một kỳ hạn rồi thôi. Dùng tiền tài giúp muôn vật, chẳng thể chỉ một lúc là trọn vẹn), “*châu*” (周) là “*châu biến*” (周遍: trọn khắp), khiến cho mọi người được lợi ích trọn khắp, chẳng thể nào có chuyện ấy [nếu chỉ làm một lúc].

“*Thị dĩ hội thông vô ngưng*” (Do vậy, bèn viên dung vô ngại), “*ngưng*” là “*phương ngưng*” (方隅: bốn phương và bốn góc, nghĩa rộng là “giới hạn”), “*hội thông vô ngưng*” nghĩa là viên dung vô ngại. “*Di luân nhi bất lậu, pháp trạch minh bị giả*” (Trọn khắp chẳng sót, pháp

trạch ngấm gia bị) “*pháp trạch*” là Phật pháp, “*minh*” (冥: ngấm ngấm, âm thâm) là được Phật pháp un đúc mà không hay không biết, đó là pháp lực gia trì. “*Bất dịch thời nhi đồng phủ*” (Luôn luôn cùng che rợp), “*phủ*” (覆) là giống như ngày Hè nắng gắt, có một cây to rợp bóng mát rượi, có ý nghĩa “che rợp”, mà cũng là gia trì, gia hộ. “*Cố năng tức vô cương vi nhất hội*” (Cho nên có thể lấy “không ngăn hạn” làm một hội), “*vô cương*” (無疆) là tận hư không khắp pháp giới, một hội ấy tương ứng với tâm tánh, như trong phần trước đã nói là “*tâm biến nhất thiết xứ*” (tâm trọn khắp hết thảy các chỗ). Tâm trọn khắp hết thảy các chỗ, hể động một thiện niệm, tận hư không khắp pháp giới, hết thảy hữu tình chúng sanh bèn là thiện tương cảm thiện; ác niệm cũng cảm ứng giống như thế. Nghĩ đến chỗ này, rét run, lông tóc dựng cả lên, thật đáng sợ! Nói thật ra, chúng sanh mê hoặc, điên đảo, chẳng hiểu chân tướng sự thật. Chúng tôi thường viện dẫn Đại Kinh có nói những người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), nay chúng ta nhất cử, nhất động, khởi tâm động niệm, chẳng có gì không biết. Đừng nói là Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm là người tâm thanh tịnh, cũng như người đắc Định đều biết, vì sao? Vì tâm Định chẳng có giới hạn. Quý vị có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể đắc Định. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, cảnh giới ấy liền hiện tiền, nên quý vị khởi tâm động niệm người ta thấy đều biết hết, không có gì chẳng biết!

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta dùng gì để cúng dường? Phải dùng “*tự tánh tự nghiêm*”, dùng điều này để cúng dường. Mười phương chư Phật, Di Đà, Thích Ca, không vị nào chẳng phải là vô lượng thọ, vô lượng quang, quang thọ gia trì hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới. Chúng ta chẳng thể cảm nhận là vì bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng, nghiệp của chính mình ngăn trở Phật quang, nên chúng ta chẳng thấy Phật quang. Nhưng tôi phải thưa cùng quý vị, giáo pháp của Phật là quang minh. Kinh điển ở chỗ nào, Phật quang chiếu gọi ở nơi ấy. Mỗi lần quý vị niệm kinh này, Phật quang chiếu gọi nơi thân tâm của quý vị một lần. Quý vị niệm hai lần, liền chiếu hai lần. Chiếu một hai lần, quý vị vẫn chưa cảm nhận, vì sao? Nghiệp chướng của quý vị quá nặng. Nếu chiếu một ngàn lần, hai ngàn lần, ba ngàn lần, thưa cùng quý vị, quý vị liền cảm nhận được, vì sao? Nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ. Nhờ vào quang minh của Phật, dẫn phát quang minh trong tự tánh, khi ấy, quang

minh trong tự tánh của quý vị và quang minh của chư Phật chẳng một, chẳng khác, kết hợp thành một Thể, quang minh chiếu lẫn nhau, dung nhập vào nhau viên dung. Phật quang ở trong tâm quang của quý vị, tâm quang của quý vị ở trong Phật quang, tâm quang của quý vị và Phật quang giao hòa, dung hội thành một Thể, quang minh ấy là trí huệ, lẽ nào trí huệ của quý vị chẳng mở mang? Lẽ nào nghiệp chướng không tiêu trừ? Vì sao phải khuyên chư vị đồng tu đọc kinh là do đạo lý này!

Sau khi nghe kinh, hiểu rõ đạo lý này, phải tu! Ta đã hiểu đạo lý, ta đã biết Phật pháp; sau khi đã biết, quý vị phải tu. Nếu quý vị không tu, vô dụng! Dùng phương pháp gì để tu? Trong ba năm, niệm bộ kinh này ba ngàn lượt, đó là tu hành. Trong ba năm, đừng xem bất cứ kinh nào khác, thâm hồi cái tâm lại, trong ba năm, quý vị tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Tu Định trong cuộc sống, tuyệt đối chẳng phải là bảo quý vị mỗi ngày ngồi xếp bằng nhìn vào vách, bảo quý vị tĩnh tọa mấy tiếng đồng hồ, làm như vậy vô ích. Phải là trong cuộc sống, trong xử sự, trong đãi người, tiếp vật, tâm thanh tịnh, tâm địa chẳng nhiễm, lục căn tiếp xúc ngũ dục, lục trần mà chẳng nhiễm, đó là nhập Định chân thật. Chẳng phải là không tiếp xúc, [mà là] tiếp xúc nhưng chẳng nhiễm. Kinh Kim Cang nói: *“Bất thủ u tướng, như như bất động”* (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động). *“Chẳng giữ lấy tướng”* là ta tiếp xúc mà chẳng chấp tướng: *“Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm”*. Trong tâm chẳng khởi tham, sân, si, mạn, trong tâm thanh tịnh, không dấy lên phiền não, ngoài chẳng chấp tướng, tu công phu ấy.

Thực hiện chẳng dễ dàng! Vì thế, tôi khuyên các đồng tu đừng đọc báo, đừng xem TV, những thứ ấy đều nhiều loạn tâm chúng ta. Thậm chí bảo quý vị chẳng cần đọc kinh, đọc kinh càng nhiều, phân biệt, chấp trước càng nhiều, tâm quý vị vẫn chẳng thanh tịnh. Tâm thật sự thanh tịnh, niệm một quyển kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, tối thiểu ba năm; sau ba năm ấy, quý vị lại đọc hết thầy các kinh. Trước hết, quý vị định cái tâm trong ba năm, rồi sau đó mới lại nói [chuyện khác]. Nếu tâm chẳng định, vô dụng! Hôm qua, có một sinh viên từ Phật Học Viện đến gặp tôi, anh ta nói đã học trong Phật Học Viện ba năm, sắp tốt nghiệp. Tôi hỏi anh ta: “Học những gì?” Học kinh này, luận nọ, kể cho tôi nghe một đống lớn. Anh ta hỏi tôi: “Thầy thấy sao?” Tôi nói: “Học quá nhiều! Tục ngữ Trung Hoa có câu *‘tham nhiều, nhai không nát’*. Ở Phật Học Viện ba năm, trong ba năm ấy, nếu học một bộ kinh, bèn rất giỏi. Ba năm học mười bộ kinh thì một bộ cũng chẳng học hiểu”. Nếu ba năm học một bộ kinh, sẽ thật sự được thụ dụng. Nói thật ra, Phật pháp

chẳng có bí quyết chi khác, chỉ là chuyên nhất. Chỉ cần quý vị chuyên, tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh bèn phóng quang!

“*Quang minh chiếu khắp*” của chư Phật, Bồ Tát là tâm quang. Tâm của chính chúng ta thanh tịnh thì cũng phóng quang, chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Đó là Pháp Cúng Đường. Quang minh từ tâm địa của chúng ta và quang minh từ tâm địa của Phật dung nhập lẫn nhau, đó là chân thật cúng đường. Trong Pháp Cúng Đường, chuyện này là tột đỉnh, mà cũng là “*y giáo tu hành cúng đường*” như phẩm Hạnh Nguyện đã nói. Ngài chỉ nói “*y giáo phụng hành*”, còn ở đây là nói “*y giáo tu hành đến viên mãn tột bậc*”. Cúng đường viên mãn là như vậy đó.

(Sao) Tự không giả.

(鈔) 自空者。

(Sao: Tự không là...)

Giải thích câu “*tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa*” (tự tánh tự không là ý nghĩa “trở về trong khoảng bữa ăn”).

(Sao) Tâm thể bản không, không vô lai vãng.

(鈔) 心體本空，空無來往。

(Sao: Tâm thể vốn là Không, Không thì chẳng có qua lại.)

Trong Không, há có đến đi? Chẳng có đến hay đi! Có đến đi bèn chẳng Không. Trong Không chẳng có đến đi, chính là như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. “Có đến, có đi” bèn là hai vật, chẳng phải là chân tâm; trong vọng niệm mới có đến, đi. Đến, đi là pháp sanh diệt, tự tánh là bất sanh, bất diệt. Tự tánh chẳng phải là pháp hữu vi; đến, đi là pháp hữu vi. Vì thế, tự tánh vốn là Không. “*Bổn Không*” chẳng phải là Không trong Không Hữu. Không trong Không Hữu vẫn là hai pháp, trong Phật pháp nó được gọi là Ngoan Không, chẳng phải là Bổn Không, vì đối lập của nó là Có. Nó (Ngoan Không) và Có được kiến lập tương đối, nên chẳng phải là Bổn Không.

***(Sao) Thị cố dĩ thực thời hoàn, liêu đối thử phương bạt thiệp
nhĩ, thật tắc bất việt sát-na, hoàn quốc dĩ cánh.***

(鈔) 是故以食時還，聊對此方跋涉耳，實則不越剎那，還國已竟。

(Sao: Do vậy, nói “trở về trong bữa ăn” là nói dựa theo cõi này, chứ thật ra là chẳng đầy một sát-na đã trở về nước xong xuôi).

Điều khó nhất đối với chúng ta là trong hiện thời, [chúng ta] đối với thân thể này, đối với hình tướng này chấp trước quá mức; vì thế, chúng ta không có cách nào tiếp nhận các kinh Đại Thừa, nhất là kinh điển Nhất Thừa liễu nghĩa, nghe rồi không hiểu, làm sao có thể “nhất thời châu biến”? Thế nào là “bất việt sát-na” (chưa đầy một sát-na)? Sát-na là thời gian cực ngắn, làm sao có thể chưa đi đã trở về? Đạo lý này chính là: Chẳng có đi, chẳng có đến, không đến, không đi. Vì sao? Đi thì chẳng rời khỏi tâm của quý vị, mà đến cũng chẳng rời khỏi tâm của quý vị. Giống như quý vị nhìn vào màn hình TV, đến hay đi đều ở trong khuôn khổ của cái màn hình; ngoài khuôn khổ ấy ra, há có đến, đi? Đi đã ở nơi đây, mà đến cũng ở nơi đây, ở cùng một chỗ! Thấy dường như có đến, đi; thật ra, chẳng có đến, đi. Thấy có xa, gần; trên thực tế, chẳng có xa hay gần, đều ở trong màn hình. Ngàn dặm, vạn dặm, không gian, quá khứ, hiện tại, tương lai, thời gian, đều chẳng rời khỏi màn hình ấy. Màn hình ấy siêu việt thời gian và không gian, mười phương ba đời đều ở cùng một chỗ, kinh Hoa Nghiêm gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới. Nếu quý vị chẳng hiểu Nhất Chân pháp giới là gì, hãy xem kỹ TV, tưởng tượng màn hình TV là Nhất Chân pháp giới giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Nếu quý vị xem TV mà nhờ đó khai ngộ, TV cũng thuyết pháp! Quý vị mới hiểu thời gian và không gian như nhau, vạn pháp có cùng một Thể! Y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới trước mắt chúng ta quả thật giống như những hiện tượng này, do phàm phu chúng ta hư vọng, phân biệt, chấp trước mà sanh ra rất nhiều cảm nhận sai lầm!

(Diễn) Tâm thể bản không giả, dĩ tâm vô hình tướng, thập phương cầu chi, chung bất khả đắc cố.

(演) 心體本空者，以心無形相，十方求之，終不可得故。

(Diễn: Tâm thể vốn Không, do tâm không có hình tướng, nên mười phương cầu mà trọn chẳng thể đạt được).

Tâm tuy không có hình tướng, nhưng nó có thể biến hiện hình tướng. Tuy biến hiện hình tướng, nhưng hình tướng ấy chẳng thật, là giả tướng, huyền tướng, Tâm Kinh gọi [các hình tướng ấy] là Sắc. “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Không là tâm thể vô tướng, Sắc là Tướng và Dụng (hiện tướng và tác dụng) của tâm thể. Thể không có hình tướng, vốn là Không; tướng và tác dụng của nó cũng vốn là Không, dầu có, vẫn là vốn Không. Vì thế, “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc là Không, Không là Sắc*”, là một, không hai. Nếu chúng ta thay đổi một chữ, Pháp Tướng Tông nói Tánh và Tướng, thì Tánh được Tâm Kinh gọi là Không, Tâm Kinh gọi Tướng là Sắc. “*Tánh chẳng khác Tướng, Tướng chẳng khác tánh. Tánh là Tướng, Tướng là Tánh*”, có cùng một ý nghĩa!

Nay chúng ta chấp trước giả tướng quá mức, nên tương phản với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh mà không biết, do mê mắt, coi Giả là Chân, hoàn toàn mê mắt Chân. Đã mê mắt chân tướng, bèn chuyên làm chuyện giả. Lục đạo luân hồi là giả, đúng là giả, nhưng nếu quý vị chẳng giác ngộ thì vẫn đau khổ thật sự trong cái giả ấy. Ví như nằm mộng, mộng là giả, mỗi tối gặp ác mộng, mỗi đêm khiếp sợ đến nổi khắp thân mướt mồ hôi lạnh, cuộc sống ấy cũng chẳng dễ sống! Luân hồi trong lục đạo là gặp ác mộng, quý vị tiếp tục gặp ác mộng, vĩnh viễn chẳng thể tỉnh giác, cũng là chuyện rất đáng thương xót! Chư Phật, Bồ Tát trông thấy, nói quý vị là “kẻ đáng thương xót”. Nếu là thật, đức Phật chẳng thể nói là “đáng thương xót”; do là giả, mà lại chịu tội ấy trong cái giả ấy, hứng chịu sợ hãi, nên rất đáng thương, là kẻ rất đáng thương xót!

“*Thập phương cầu chi, chung bất khả đắc cố*” (Mười phương cầu mà trọn chẳng thể được), chúng ta đích thực phải giác ngộ điều này, tâm bất khả đắc. Vừa mở đầu, kinh Lăng Nghiêm liền nói sự thật này. Lại thưa cùng quý vị, tìm tâm chẳng thấy, mà Sắc cũng chẳng tìm thấy, tâm không thể được, Sắc cũng chẳng thể được. Quý vị chớ có nghĩ sắc tướng của hết thấy vật chất là có thể đạt được; giả trát, chẳng thể được! Nay quý vị có của cải, có hết thấy những thứ vàng, bạc, vật báu trong thế gian này, vinh dự, địa vị, quý vị nghĩ chính mình đã đạt được. Giả trát! Chẳng thật! Chẳng phải là sau khi đã chết mới biết là giả, do chẳng thể mang theo thứ gì! Đến khi ấy mới giác ngộ, đã trễ quá rồi! Trên thực tế, mỗi đêm quý vị đều chết một lần. Khi quý vị ngủ, chẳng phải là giống như người đã chết hay sao? Quý vị ngẫm xem, khi quý vị ngủ say, người ta khiêng thân thể quý vị đi, quý vị cũng chẳng biết! Khi ngủ say, thứ gì là quý vị? Quý vị vẫn chẳng giác ngộ ư? Người chết bất quá là ngủ

không thể thức dậy đó thôi! Mỗi ngày đều phải chết một lần, rất đáng sợ! Trong Phật pháp có nói khai ngộ, ngộ gì vậy? Ngộ điều này, thật sự hiểu chân tướng, giác ngộ sự thật này. Hết thấy các pháp trong thế gian này, nếu quý vị nói cái này là của ta, cái kia là của ta, đức Phật trông thấy, sẽ quở “*kẻ si nói chuyện trong mộng*”. Chẳng sai tí nào! Xác thực là nói mới! Đừng nói vật ngoài thân chẳng phải là của quý vị, thân thể cũng chẳng phải! [Biết như vậy thì] mới thật sự hiểu bốn câu trong Tâm Kinh đôi chút, thân thể là sắc tướng, “*Sắc chẳng khác Không*”, chẳng khác gì Không! Sắc là Không, chẳng thể được!

Biết chân tướng sự thật này, chư vị phải biết, phải giác ngộ: Ta chẳng dùng giả tướng này để tạo tội nghiệp nữa, làm như vậy chẳng đáng! Quý vị dùng giả tướng để tạo tội nghiệp thì nói cách khác, mỗi ngày quý vị đang làm gì? Tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Nay quý vị đang làm gì? Nay đang tạo tác ba ác đạo, nay đang tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, phạm phu hằng ngày làm chuyện này. Người thật sự giác ngộ, người triệt để giác ngộ, làm gì? Ta hôm nay làm chuyện để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay ta đánh điện báo tới A Di Đà Phật, cùng Ngài giao tiếp qua lại. Quý vị niệm một câu Phật hiệu, mỗi tiếng đều có cảm ứng, khác hẳn! Một đảng là quyết định vãng sanh thành Phật, một đảng là quyết định phải luân hồi trong tam đồ lục đạo, làm sao giống nhau cho được? Phải thật sự giác ngộ điều này! Vì thế, không chỉ là tâm thể chẳng thể được, mà Tướng Phần của tâm và tác dụng của tâm thay đều chẳng thể được!

(Diễn) *Không vô lai vãng giả, tất cánh không trung, vô hình, vô trụ, vô xứ, vô trước, bất động, bất khởi cố.*

(演) 空無來往者，畢竟空中，無形無住，無處無著，不動不起故。

(Diễn: “*Không chẳng có qua lại*”: Trong rốt ráo không, chẳng có hình tướng, chẳng có trụ, không có nơi chốn, không chấp trước, chẳng động, chẳng khởi).

Phần “*mười phen hiển rõ tánh Thấy*” trong kinh Lăng Nghiêm đã nói rõ chân tướng sự thật này. Kinh văn đã nêu ra sự tướng này rất rõ ràng: “*Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (Sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt mất từ nơi đó). Quý vị có thể thấu hiểu ý nghĩa này thì mới hiểu cái thân hiện tiền này bất sanh, bất diệt, chẳng có sanh diệt, mà cũng là

chẳng có sanh tử! Quý vị bèn chẳng sợ hãi sanh tử, chẳng sợ hãi tí nào, vì sao? Không có, giả mà! Tâm Kinh có nói: Lìa hết thấy sợ hãi, lìa hết thấy điên đảo!

(Sao) Tự trụ giả.

(鈔) 自住者。

(Sao: “Tự trụ” là...)

Giải thích câu “*tự tánh tự trụ, thị bản quốc nghĩa*” (tự tánh tự trụ là ý nghĩa của “nước mình”).

(Sao) Tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên, thị đương nhân cố hương điền địa, an thân lập mạng xứ.

(鈔) 心源湛寂，常住不遷，是當人故鄉田地，安身立命處。

(Sao: Nguồn tâm trong lặng, thường trụ, chẳng đổi dời, đó là ruộng đất nơi quê nhà, là chỗ để an thân lập mạng).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đoạn này được đức Phật nói là “*thường trụ chân tâm*”, mà cũng là “*nên trụ vào đâu*” như trong kinh Kim Cang đã nói. Trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu lên hai câu hỏi: “*Vân hà hàng phục kỳ tâm? Ứng vân hà trụ?*” (Hàng phục cái tâm như thế nào? Nên trụ như thế nào?). Hàng phục cái tâm thì tâm đó là vọng tâm, nay chúng ta nói là “vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều”, dùng phương pháp gì để có thể hàng phục nó, đoạn trừ nó? Đây là một vấn đề lớn. Vấn đề thứ hai là ta phải đặt tâm ở nơi đâu thì mới thật sự yên ổn? Phải tìm một trụ xứ. Trong bộ kinh Kim Cang, đức Phật đã giải đáp hai vấn đề này. Quý vị đều niệm kinh Kim Cang rất thuộc, hàng phục vọng tâm như thế nào? Tâm trụ ở chỗ nào? Đều chẳng biết! Như vậy là đã uổng công niệm kinh ấy mất rồi! Nếu thật sự biết niệm kinh ấy, sẽ kiếm được câu trả lời cho hai vấn đề ấy. Ở đây, ngôn từ đơn giản, nhưng ý nghĩa trọn khắp, văn tự chẳng nhiều, nhưng giảng rất rõ ràng, mà cũng giảng rất viên mãn, có thể dùng làm chú giải cho kinh Kim Cang.

“*Tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên*”, tâm này là chân tâm. Lục Tổ đại triệt đại ngộ, đã hiểu chân tướng sự thật này, lão nhân gia nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh*”, ở đây tự tánh được gọi là “*tâm nguyên*” (nguồn tâm). Chân tâm là cội nguồn của hết thấy vạn vật,

vạn pháp; hết thấy vạn sự vạn vật đều từ tâm này lưu hiện. Vì thế, Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, có thể sanh ra vạn pháp thì chính là nguồn cội của vạn pháp, nên gọi là “*tâm nguyên*”. Nó như thế nào? Trạm tịch, thường trụ. Hai chữ “*trạm tịch*” là hình dung từ. Trạm (湛) là thanh tịnh, thanh tịnh đến tột bậc, giống như chúng ta nhìn vào một ao nước trong, chẳng có tí ô nhiễm nào. Tuy ao rất sâu, nhưng nhìn từ trên mặt, chúng ta liền thấy ngay đáy ao, thấy rõ những bùn cát dưới đáy, đó là Trạm. Trạm là chân tâm chẳng có nhiễm ô, quyết định chẳng bị nhiễm ô. “*Tịch*” (寂) là bất động, không lay động. “*Trạm*” là thanh tịnh. “*Trạm tịch*” là thanh tịnh, bất động, chân tâm chưa hề động. Chư Phật, Bồ Tát là như thế, mà chân tâm chúng ta cũng giống như vậy. Trong tâm chúng ta loạn cào cào, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm của quý vị chưa hề động. Phật, Bồ Tát thấy chân tâm của hết thấy chúng sanh, nên các Ngài mới nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, vì sao? Vì chân tâm của quý vị trạm tịch, thường trụ, chẳng đổi dời, chẳng khác gì các Ngài. Động là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Phật, Bồ Tát cao minh hơn chúng ta vì các Ngài chẳng có vọng tâm, chân tâm hoàn toàn hiển lộ.

Chân tâm của chúng ta có hiển lộ hay không? Hiển lộ giống hệt, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát. Tuy hiển lộ, nhưng trên ấy lại kèm theo một tầng vọng, kinh Lăng Nghiêm gọi [điều ấy] là “*đới vọng chi chân*” (chân kèm theo vọng), vì vọng do chân khởi lên; không có chân, vọng do đâu mà có? Giống như chúng ta dùng mắt để thấy, mắt của chúng ta là Chân, tượng trưng cho Chân Như bốn tánh, [hay còn gọi là] chân tâm, hoặc tâm nguyên. Chân tâm dấy lên tác dụng, thấy những thứ bên ngoài rành mạch. Vọng là gì? Ta đeo mắt kiếng màu, đeo kính râm màu đen, thấy bên ngoài đều đen xì, ai khởi tác dụng? Vẫn là chân tâm khởi tác dụng. Chân tâm xuyên qua vọng, thấy sắc tướng bên ngoài khác nhau. Phật, Bồ Tát không đeo mắt kiếng, mỗi kẻ phàm phu chúng ta đều đeo mắt kiếng, do mắt kiếng có màu sắc khác nhau, độ dày cũng khác nhau, bèn thấy mỗi thứ khác nhau, cho nên mọi người mới tranh cãi! Ta thấy là đen, kẻ khác nhìn: “*Ta thấy rõ ràng là đỏ*”, hai người sẽ cãi lầy! Nếu mọi người đều bỏ mắt kiếng ra, chẳng còn cãi lộn nữa, vì sao? Thấy màu sắc như nhau! Mỗi cá nhân có cách nhìn và cách nghĩ đối với vũ trụ và nhân sinh khác nhau do mang mắt kiếng có màu khác nhau, cường độ ánh sáng khác nhau, nên mới tạo thành lăm nổi phiền phức. Chuyện là như vậy đó.

(Diễn) *Tâm nguyên trạm tịch thường trụ bất thiên giả, tâm nguyên, vị nhiễm tâm chi nguyên, tức tánh tịnh dã.*

(演) 心源湛寂常住不遷者，心源，謂染心之源，即性淨也。

(Diễn): “Nguồn tâm trong, lặng, thường trụ, chẳng dời”: Nguồn tâm là cội nguồn của cái tâm ô nhiễm, chính là tánh thanh tịnh).

“Tâm nguyên” chỉ cội nguồn của vọng tâm, cũng là căn nguyên của hết thảy vạn sự, vạn vật, căn nguyên là gì? “Tánh tịnh dã” (Là tánh thanh tịnh), cũng là chân tâm, là Chân Như bản tánh.

(Diễn) *Hựu, thô tướng chi nguyên, tức sanh tướng dã.*

(演) 又粗相之源，即生相也。

(Diễn): Lại nữa, cội nguồn của thô tướng chính là sanh tướng).

“Sanh tướng” là nói đến sanh tướng vô minh. Giải thích sanh tướng vô minh như thế nào? Tướng là hình tướng của muôn vật, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sanh ra các tướng ấy. Nói thật ra, “sanh tướng” là nói đến chuyện này, cũng chính là Sanh như Lục Tổ đã nói “có thể sanh ra vạn pháp”. Ở đây, gọi là “sanh tướng”. Ngài nói “sanh ra vạn pháp”. Vạn pháp sanh từ đâu? Sanh từ tự tánh. “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Ở chỗ này gọi nó là “tâm nguyên”, vạn pháp do đâu sanh ra? Tướng sanh từ đâu? Sanh từ tâm nguyên; tâm là căn nguyên, bản nguyên của hết thảy sanh tướng.

(Diễn) *Thử tại Phật địa, phương liễu kỳ nguyên.*

(演) 此在佛地，方了其源。

(Diễn): Đạt đến địa vị Phật mới hiểu thấu suốt cái nguồn cội ấy).

Do vậy, thấu triệt nguồn pháp là ai? Phật mới có thể làm được. Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, nên vẫn chưa thể thấu triệt nguồn pháp. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa về nhà, vẫn chưa về đến nhà, còn kém chút ít. Khi một phẩm sanh tướng vô minh đã đoạn, bèn về tới nhà. Ở đây, gọi “nhà” là “bốn quốc”. “Hoàn đảo bốn quốc” là trở về tận cội nguồn, câu này và câu “bốn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra” như Thiền Tông thường nói có cùng một ý nghĩa.

(Diễn) *Nhược Pháp Thân đại sĩ, giác vị chí nguyên, do hữu sanh tướng.*

(演) 若法身大士，覺未至源，猶有生相。

(Diễn: *Nếu là Pháp Thân đại sĩ thì do chưa giác đến tận nguồn, nên hãy còn có sanh tướng).*

“Pháp Thân đại sĩ” ở đây chẳng phải là nói những vị Pháp Thân đại sĩ bình phàm. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Thân đại sĩ có bốn mươi một địa vị. Hoa Nghiêm là Viên Giác, Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bèn gọi là Pháp Thân đại sĩ, mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát đã phá bốn mươi phẩm vô minh, còn sót một phẩm sanh tướng vô minh. Pháp Thân đại sĩ được nói ở đây là Đẳng Giác Bồ Tát, “*giác vị chí nguyên, do hữu sanh tướng*”: Ngài còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, nên có sanh tướng.

(Diễn) *Động bỉ tĩnh tâm, nghiệp thức khởi diệt, cố bất vân thường trụ.*

(演) 動彼靜心，業識起滅，故不云常住。

(Diễn: *Do động cái tâm tĩnh lặng ấy, nghiệp thức dấy lên, diệt mất, nên chẳng nói là “thường trụ”).*

Ngài có một phẩm sanh tướng vô minh, tâm vẫn chưa thật sự thanh tịnh, vẫn chưa hoàn toàn trạm tịch, hãy còn động hết sức nhẹ nhàng. Do điều này có thể biết, chẳng động tâm là chuyện rất khó khăn, đã thành Phật mới là thật sự bất động. Trong tâm Pháp Thân đại sĩ, lưu động vô cùng vi tế, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giác Bồ Tát về căn bản chẳng có cách nào cảm nhận, chẳng cảm nhận tâm Ngài (Pháp Thân đại sĩ) đang động. Tâm ấy vi tế lắm, chỉ có Phật biết. Người có công phu như vậy vẫn chưa gọi là “*thường trụ*”.

(Diễn) *Chí sanh tướng đô tận, vô minh phong chỉ, tánh hải lãng diệt, trạm nhiên, thường trụ dã.*

(演) 至生相都盡，無明風止，性海浪歇，湛然常住也。

(Diễn: *Tới khi sanh tướng đã hết, gió vô minh ngừng thổi, biển tánh sóng lặng, lặng trong, thường trụ).*

Ý nghĩa “*thường trụ*” sâu lắng, phải chứng Phật quả trong Viên Giáo mới là ý nghĩa “*thường trụ, chẳng dời, thường trụ chân tâm*”, mới đạt đến ý nghĩa này. Đó là “*hoàn đảo bốn quốc*”, là Cực Lạc rốt ráo, mà cũng là mục tiêu tối chung cực trong sự học Phật của chúng ta. Nếu chúng ta muốn đạt tới mà lìa khỏi thế giới Cực Lạc, sẽ chẳng có cách nào thực hiện được! Nếu lìa khỏi thế giới Cực Lạc mà có thể làm được, chư vị ngắm xem, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát cần gì phải vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở trong thế giới Hoa Tạng, lẽ ra các Ngài có thể làm được, vì sao lại phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nói theo lý luận, trong thế giới Hoa Tạng có thể làm được, nhưng phải sợ tốn thời gian rất dài, đến thế giới Cực Lạc liền làm rất nhanh, nên các Ngài mới phải đến đó. Không chỉ là hai người các Ngài, mà còn khuyên tất cả Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều đi. Quý vị nghĩ xem, các Ngài đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Là vì chuyện này, vì phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, đến đó để chúng chân tâm thường trụ trạm tịch, vì những điều ấy mà vắng sanh. Trừ những điều này ra, nói thật thà, chẳng có lý do gì để các Ngài đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; lý do duy nhất là như vậy.

(Diễn) Nhiên thử thị ước sanh diệt môn thuyết.

(演) 然此是約生滅門說。

(Diễn: Nhưng đây là nói theo sanh diệt môn).

Trong đoạn trên đây, nói theo kiểu ấy là nói theo ý nghĩa sanh diệt, đó là gì? Nói theo kiến giải của phàm phu và Nhị Thừa. Nói cách khác, nói theo phía người mê mất tự tánh, đó là chân thật, chẳng dối!

(Diễn) Nhược ước Chân Như môn, tắc tùng bốn dĩ lai, ly chư danh tướng, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại, trạm nhiên thường trụ dã.

(演) 若約真如門，則從本以來，離諸名相，無有變異，不可破壞，湛然常住也。

(Diễn: Nếu ước theo Chân Như môn, ắt từ đầu đến nay, lìa các danh tướng, chẳng có đổi khác, không thể phá hoại, lặng trong, thường trụ).

Nói theo Chân Như hoặc chân tánh, trước nay chưa hề động. Nói theo Chân Như Môn là nhìn bằng kiến giải của Phật, bèn thấy tất cả hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*”, đó là nói theo Chân Như Môn. Nói quý vị nay đang là sanh tử phàm phu, là kẻ đáng thương xót, tức là nói theo Sanh Diệt Môn. Chân Như Môn là Chân Đê, Sanh Diệt Môn là Tục Đê.

(Sao) Kim Cang kinh hoàn chí bốn xứ, tức thử kinh hoàn đáo bốn quốc dã, thử chi vị vụ bốn.

(Diễn) Kim Cang bốn xứ, tức thử kinh bốn quốc giả.

(鈔) 金剛經還至本處，即此經還到本國也，此之謂務本。

(演) 金剛本處，即此經本國者。

(Sao: “Về đến chỗ mình” trong kinh Kim Cang chính là “trở về nước mình” trong kinh này, đó là nói “chú trọng cái gốc”.

Diễn: “Chỗ mình” trong kinh Kim Cang chính là “nước mình” trong kinh này).

“*Kim Cang bốn xứ*”: Mở đầu Tự Phần của kinh Kim Cang, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đi khát thực trong nước Xá Vệ. Sau khi khát thực xong, trở về chỗ mình²¹. “*Kim Cang bốn xứ, tức thử kinh bốn quốc giả*”: Thích Ca Mâu Ni Phật đi [khát thực] xong, trở về chỗ Ngài trụ, thể hiện ý nghĩa gì? Trở về chỗ tự tánh trạm nhiên tịch diệt, có ý nghĩa này. Nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, [đọc kinh văn sẽ hiểu] Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực xong, quay về, quay trở lại nơi đâu? Trở về Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên. Như vậy là quý vị hoàn toàn chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai, hoàn toàn chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai. Do đó, thưở Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế, không chỉ là miệng giảng kinh, thuyết pháp, mà mỗi cử chỉ, mỗi động tác của Ngài đều nhằm giảng kinh, thuyết pháp.

Phật là thân, ngữ, ý ba nghiệp thuyết pháp, toàn thân thuyết pháp, làm sao chúng ta có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nay chúng ta xem kinh điển, do xem chẳng hiểu, bèn tùy tiện phê bình, chỗ này trật, chỗ kia chẳng hợp lý, phải nên sửa như thế nào, hết cách nói!

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường cảnh tỉnh các đồng tu, kinh Phật có ý nghĩa hay không? Chẳng có ý nghĩa! Vì sao? Vì Phật chẳng thuyết pháp! Nếu Phật có thuyết pháp, quý vị có thể phê bình, sửa

sai Ngài. Đức Phật chẳng thuyết pháp, một chữ cũng chẳng nói, quý vị phê bình vào đâu? Quý vị sửa đổi từ chỗ nào? Phải hiểu ý nghĩa sâu xa này, phải hiểu mật nghĩa này, Phật là “*nói mà không nói, không nói mà nói*”, ý nghĩa ấy mới sâu! Phải như thế nào thì chúng ta mới có thể lãnh hội ý nghĩa chân chánh trong kinh điển? Nhất định phải là “*nghe mà không nghe, không nghe mà nghe*” thì quý vị mới hiểu ý nghĩa của Ngài. Ý nghĩa của Ngài hoàn toàn ở ngoài ngôn ngữ, ngoài sự suy tưởng của quý vị, quý vị không thể nghĩ tưởng. Do đó, chẳng thể nghĩ, chẳng thể nói, chỉ lãnh hội ý nghĩa. Khi quý vị lãnh hội, cũng chẳng thể thốt lên lời, cũng chẳng có cách nào suy tưởng, quý vị thật sự nhờ vào những lời lẽ của Như Lai để dẫn khởi trí huệ và công đức trong tâm tánh của chính mình hiển lộ. Kinh Phật là như vậy mà thôi!

Do đó, Phật có độ chúng sanh hay không? Chẳng độ! Chính quý vị tự độ mình! Kinh Kim Cang nói: “*Độ vô lượng vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc độ giả*” (Độ vô lượng vô biên chúng sanh, nhưng thật sự chẳng có chúng sanh đắc độ), là đạo lý này! Vì sao thật sự chẳng có chúng sanh? Mỗi người đều là tự độ, tự chứng, Phật bất quá làm Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh mà thôi! Phật tánh tỏa quang minh, tâm chúng ta không có quang minh, nhờ vào quang minh của kinh điển để thấp sáng quang minh nơi tâm tánh của chính mình, chẳng khác gì Phật! Do đó, “*bốn xứ*” được nói trong kinh Kim Cang có ý nghĩa sâu lắm!

(Diễn) Như Khởi Tín ngôn Bản Giác, Lăng Nghiêm ngôn Bản Tâm, Phạm Võng ngôn Bản Nguyên, Viên Giác ngôn Bản Tế, giai chỉ tự tánh nhi ngôn dã. Bốn xứ, bốn quốc, hà độc bất nhiên?

(演) 如起信言本覺，楞嚴言本心，梵網言本源，圓覺言本際，皆指自性而言也。本處本國，何獨不然。

(Diễn: Như luận Khởi Tín nói Bản Giác, Lăng Nghiêm nói Bản Tâm, Phạm Võng nói Bản Nguyên, Viên Giác nói Bản Tế, đều là nói về tự tánh. Sao riêng bốn xứ và bốn quốc lại chẳng phải là như vậy?)

Khởi Tín Luận nói Bản Giác, kinh Lăng Nghiêm nói Bản Tâm, kinh Phạm Võng nói Bản Nguyên, kinh Viên Giác nói Bản Tế, danh từ khác nhau, nhưng đều cùng nói về một chuyện, “*giai chỉ tự tánh nhi ngôn*” (đều là nói về tự tánh), tự tánh của đương nhân, tức là tự tánh của chính chúng ta. Sau khi quý vị hiểu rõ, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở chỗ nào? Thế giới Cực Lạc ở trong tâm tánh của chúng ta, “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, tự và tha như nhau, thân và cõi nước như nhau.

Thế giới Cực Lạc là cõi nước Cực Lạc, thân chúng ta và thế giới là một, không hai, thân và cõi nước như một. Kinh Hoa Nghiêm nói “*tình và vô tình, đồng viên Chung Trí*”, mang ý nghĩa này. “*Bồn xứ, bồn quốc, hà độc bất nhiên?*” (Sao riêng chỗ mình và cõi mình lại chẳng phải là như vậy?). Kinh Kim Cang nói bồn xứ, kinh Di Đà nói bồn quốc, đều nhằm ý nghĩa này.

(Diễn) Thử chi vị vụ bồn giả, Luận Ngữ vị: “Quân tử vụ bồn”, nhiên bỉ dĩ hiếu để vi bồn, vị chân vụ bồn dã.

(演) 此之謂務本者，論語謂：君子務本。然彼以孝悌為本，未真務本也。

(Diễn: “Đó gọi là chú trọng cái gốc”, Luận Ngữ nói: “Quân tử chú trọng cái gốc”, nhưng họ (Nho gia) coi hiếu để là gốc, chưa phải là chú trọng cái gốc chân chánh).

“*Thử chi vị vụ bồn giả*”, Khổng lão phu tử có nói với mức độ sâu như thế hay không, chẳng biết! Nhưng qua sự giải thích của Phật pháp, Luận Ngữ của Khổng lão phu tử cũng trở thành giống như kinh Phật. Không chỉ là kinh Phật, mà còn là kinh điển Đại Thừa, kinh điển Nhất Thừa, đúng như trong Phật môn đã nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Khổng lão phu tử nói: “*Quân tử vụ bồn, bồn lập nhi đạo sanh*” (Quân tử chú trọng cái gốc, gốc đã lập thì đạo sanh), nhưng các học giả Nho gia trải các đời giải thích câu này rất nông cạn, còn trong Phật môn chúng ta, rất tuyệt diệu, giải thích vô cùng sâu xa. Luận Ngữ nói: “*Quân tử vụ bồn, bồn lập nhi đạo sanh*”, Bồn là gì? Chính là Bồn Xứ trong kinh Kim Cang, là Bồn Quốc trong kinh Di Đà, nói thực tại là Trạm Tịch Tâm Nguyên. Nếu chúng ta hỏi, có phải là Khổng lão phu tử nói ý nghĩa này hay không? Nói thật ra, đúng là ý nghĩa này, bất quá phu tử chẳng nói cặn kẽ, chỉ nhắc đến mà thôi! Vì nếu chúng ta đối chiếu những giáo huấn của Khổng lão phu tử với Đại Thừa Phật pháp thì nói thật sự đúng là như nhau!

Chẳng hạn như Đại Thừa Phật pháp được kiến lập trên cơ sở Bồ Đề tâm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm*”, Khổng lão phu tử giáo học cũng dùng những điều này làm cơ sở. Trong phần Tam Cương Bát Mục của sách Đại Học, Ngài đã nói: “*Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm*”,

thành ý là chí thành tâm, chánh tâm là thâm tâm, là đại bi tâm. Đức Phật nói ba tâm, Khổng Tử nói hai tâm. Thành ý là chân tâm, là bản thể của chân tâm. Chánh tâm là thành ý khởi tác dụng, thành ý khởi tác dụng bèn là chánh tâm. Đức Phật nói cận kề hơn, chí thành tâm khởi tác dụng, một là đối với chính mình thì là Tự Thụ Dụng, tức thâm tâm. Một là đối đãi với kẻ khác, tức Tha Thụ Dụng, là đại bi tâm, đối đãi kẻ khác bằng đại từ đại bi. Khổng lão phu tử hợp thâm tâm và đại bi tâm thành một, gọi là Chánh Tâm. “*Cách vật*” là đoạn Phiền Não Chương, “*tri tri*” là đoạn Sở Tri Chương, trừ hai chương thì ý mới thành! Có Nhị Chương, ý làm sao có thể thành cho được? Nhà Phật nói quý vị phải đoạn Phiền Não Chương, phải phá Sở Tri Chương, Bỏ Đề tâm mới hiện hành. Quý vị thấy có khác gì Khổng lão phu tử đã nói? Đúng là như nhau. Nhìn từ chỗ này, “*quân tử vụ bốn*” được nói trong chương Học Nhi của sách Luận Ngữ xác thực là có cùng một ý nghĩa, Bốn là thành ý, chánh tâm.

“*Bốn lập nhi đạo sanh*” (Gốc đã lập, đạo bèn sanh), “*đạo*” là gì? Đạo là quy luật của vạn pháp trong vũ trụ, là quá trình và trình tự diễn biến, nó (vũ trụ) rất có trật tự. Do đó, nếu con người thuận theo trình tự ấy của tự nhiên, sẽ tương ứng với tự tánh, chẳng vi phạm. Nho gia nói Ngũ Luân, Thập Nghĩa, đó là nhân đạo. Từ bi, phương tiện, lục độ, vạn hạnh là Bồ Tát đạo! Khuyến người ta niệm một câu A Di Đà Phật là đạo thành Phật! Câu A Di Đà Phật chẳng phải là Bồ Tát đạo, Bồ Tát đạo là lục độ, vạn hạnh. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật là Phật đạo, vô thượng chánh đạo! Chư vị phải hiểu ý nghĩa này. Tam phước trong Quán Kinh, cuối cùng nói về Bồ Tát “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”. Tin sâu nhân quả là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Vì lẽ đó, niệm một câu A Di Đà Phật này, quý vị tu đạo gì? Tu Phật đạo, tức là đạo thành Phật. Quý vị hãy suy ngẫm, điều này có trọng yếu hay không? Quý vị tu Lục Độ, tức là tu Bồ Tát đạo. Quý vị mỗi ngày tĩnh tọa nhập định là tu Tiểu Thừa đạo. Mỗi ngày làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác rất nhiệt tâm, đi khắp nơi bố thí, cúng dường, quý vị tu nhân thiên đạo, thấy đều phải hiểu rõ ràng! Mỗi ngày quý vị đang làm gì, tu đạo gì? Điều phải hiểu rành mạch, rõ ràng.

Quân tử chú trọng cái gốc, “*nhiên bỉ dĩ hiếu để vi bốn, vị chân vụ bốn dã*” (nhưng họ lấy hiếu để làm gốc, chưa phải là chú trọng cái gốc chân chánh), đây là Khổng lão phu tử nói nông cạn, lấy hiếu để làm gốc. Tuy là nông cạn, vẫn giống như Phật pháp đã giảng. Trong Tam Phước, Tam Phước là căn bản tu hành, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã giảng rất rõ ràng, minh bạch. Câu đầu tiên trong Tam Phước là “*hiếu dưỡng*

phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Hiểu đễ: Tu học Phật pháp cũng kiến lập trên căn bản này. Chư vị hãy suy ngẫm, nếu chúng ta khởi ác niệm, làm chuyện xấu, đó là bất hiếu, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với sư trưởng. Vì thế, người thật sự hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, sẽ chẳng khởi một ác niệm, sẽ không làm một chuyện xấu nào, vì sao? Người ấy thường nghĩ: Ta chớ nên làm cho cha mẹ, sư trưởng thất vọng, ta chẳng thể làm những chuyện khiến cho cha mẹ sư trưởng chẳng còn mặt mũi, mất mặt, làm những chuyện ấy thì còn gì là hiếu thuận nữa! Đạo Nho kiến lập trên cơ sở hiếu đạo, Phật đạo cũng kiến lập trên cơ sở này. Do vậy, đề bắt đầu tu căn bản, quý vị thật sự chú trọng cái gốc, thì phải bắt đầu thực hiện từ chỗ này. Đó là khởi đầu, khởi sự, chẳng phải là mục tiêu, mục đích. Bồn Quốc hoặc Bồn Xứ được nói ở nơi đây là nói đến chuyện “*về đến nhà*”, đạt đến mục đích. Nho gia nói “*hiếu đễ làm gốc*” là bắt đầu tiến hành, tinh tấn hướng đến cội nguồn; một đằng là nói về khởi sự, một đằng là nói đã “*về đến nhà*”. Sai biệt ở chỗ này, có thể nói cả hai đều là căn bản.

(Diễn) Tất dã liễu vạn pháp chi phi chân, đạt bốn nguyên chi nhất trí, đặng sanh diệt chi vọng kế, hội thường trụ chi chân tâm, phản bản hoàn nguyên, vi chân vụ bản dã.

(演) 必也了萬法之非真，達本源之一致，蕩生滅之妄計，會常住之真心，返本還源，為真務本也。

(Diễn: Ất phải là liễu giải vạn pháp chẳng thật, thấu đạt nguồn cội vốn nhất trí, trừ sạch so đo sanh diệt làm lạc, thấu hiểu chân tâm thường trụ, quay trở lại cội nguồn, đó là chú trọng cái gốc chân chánh).

Đây là nói đến căn bản “*về đến nhà*”, bắt đầu từ nơi đâu? Phải từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp, phải tiến hành từ Tam Quy, trì giới, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích hành giả, bắt đầu từ chỗ này. Gốc đã lập, đạo mới sanh! Đó là căn bản, cái gốc đã lập; sau khi đã lập, Bồ Tát đạo và Phật đạo tự nhiên thông đạt, lúc nào, chỗ nào, tâm niệm cũng đều là Nhất Thừa Phật đạo, sẽ chẳng lạc lối! Hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này!

Tập 159

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi một:

(Kinh) Phạn thực kinh hành.

(經) 飯食經行。

(Kinh: Dùng cơm, kinh hành).

Kinh văn chỉ có một câu, chúng ta xem chú giải.

(Sớ) Thừa thượng thực thời, cố thứ ngôn thực. Kinh hành giả, tuần hoàn bất đoạn nghĩa. Phản dĩ nhi thực, thực dĩ nhi hành, phảng dương tự thích dã.

(疏) 承上食時，故次言食。經行者，循環不斷義，返已而食，食已而行，徜徉自適也。

(Sớ: Tiếp nối ý “[trở về trong khoảng] bữa ăn” trong phần trước, nên tiếp theo đó, nói đến “ăn”. “Kinh hành” nghĩa là tuần hoàn chẳng ngừng. Trở về bèn ăn, ăn xong đi kinh hành, thành thoi, thoải mái).

Trong lời Sao, [tổ Liên Trì] dẫn kinh Vô Lượng Thọ để chứng minh.

(Sao) Phạn thực giả, Đại Bản vân: “Chư vãng sanh giả, kỳ phạn thực thời, ngân bát, kim bát, chủng chủng bảo bát, tùy ý hiện tiền”.

(鈔) 飯食者，大本云：諸往生者，其飯食時，銀鉢金鉢，種種寶鉢，隨意現前。

(Sao: “Dùng cơm”, kinh Đại Bản chép: “Những người đã vãng sanh, khi ăn cơm, bát bạc, bát vàng, các thứ bát báu, tùy ý hiện ra trước mặt”).

Trong thế gian này, cuộc sống của chúng ta vô cùng gian nan, rất vất vả mới có thể no ấm. Nói thật ra, cuộc sống tại Đài Loan khá dễ dàng, kiếm tiền dễ dàng, người ngoại quốc trông thấy rất hâm mộ. Trên thế giới này, có nhiều nơi cuộc sống khá gian nan, đích xác là cuộc sống chẳng dễ dàng. Quay lại nhìn sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, mới

biết thế giới ấy tốt đẹp ở chỗ nào! Vì sao mười phương chúng sanh đều mong sanh về nơi đó? Hết thấy chư Phật đều khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đích xác là do Cực Lạc có những điều tốt đẹp mà các thế giới phương khác chẳng có!

Từ ngữ “*chư vãng sanh giả*” chỉ hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới có thể tin nhận lời Phật, nghe lời đức Phật khuyên cáo, bèn niệm Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Kỳ phạn thực thời*” (Vào giờ ăn), từ Đại Kinh, chúng ta thấy người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*” (thân thanh hư, thể vô cực), lẽ nào vẫn phải ăn cơm? Quả thật chẳng cần, chẳng cần nhờ vào các thứ lương thực ngũ cốc để duy trì thân thể. Nếu dựa vào các thứ lương thực ngũ cốc để duy trì thân thể, thân thể ấy ô uế, có thể sanh bệnh. Tứ Thiên Thiên trong Sắc Giới dùng Thiên Duyệt làm thức ăn, chẳng cần ăn uống, thế mà cõi ấy vẫn thuộc trong lục đạo, chẳng lẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới ngay cả Tứ Thiên Thiên vẫn chẳng bằng hay sao? Chư vị phải hiểu, ở đây đức Phật nói đến ý niệm ăn, đó là tập quán của những kẻ như chúng ta từ thế giới Sa Bà sanh về thế giới Cực Lạc chưa được vài ngày, còn chưa quên mất tập khí ấy, suy tưởng: “*Vì sao lâu như vậy mà chẳng ăn?*” Có ý niệm ấy. Ý niệm ấy vừa động, cảnh giới liền hiện tiền. Hết thấy sự thụ dụng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuận theo lòng mong muốn mà biến hóa ra. Đây là nói đến chúng sanh trong Dục Giới như chúng ta, đặc biệt là nói đến phàm phu, trời người trong Dục Giới, sanh về bên đó, khi chúng ta nghĩ đến ăn uống [bèn có những điều như vừa nói trên đây], ở đây, quý vị thấy sự ăn uống bên đó tốt lành như vậy đó!

“*Ngân bát, kim bát, chủng chủng bảo bát*” (Bát bạc, bát vàng, các thứ bát báu), nói theo cách hiện thời, đó là những vật dụng dùng trong ăn uống, những vật dụng ẩm thực ấy đẹp đẽ, chất liệu tốt đẹp, bằng bảy báu, tùy ý hiện tiền. Trong tâm nghĩ đến gì, bèn hiện ra thứ ấy. Hình dạng, kích thước, màu sắc, kiểu dáng, chất liệu, chẳng có gì không thuận theo lòng mong muốn, chẳng cần phải lo liệu, chẳng cần phải tạo tác, hễ nghĩ đến bèn hiện tiền.

(*Sao*) ***Bách vị ẩm thực, sung mãn kỳ trung.***

(*鈔*) 百味飲食，充滿其中。

(*Sao*: *Thức ăn trăm vị, đầy ắp trong ấy*).

Trong các đồ đựng đều chứa đầy ắp, những thứ bình thường thích ăn đều bày ra trước mặt.

(Sao) Toan, hàm, cam, đậm, các như sở nguyện.

(鈔) 酸鹹甘淡，各如所願。

(Sao: Chua, mặn, ngọt, nhạt, mỗi thứ đúng như ý nguyện).

Hương vị ngon nhất, thích hợp với chính mình nhất, do chính mình biến hóa ra!

(Sao) Bất dư, bất khuyết.

(鈔) 不餘不缺。

(Sao: Chẳng thừa, chẳng thiếu).

Những thức ăn được biến hiện không nhiều, mà cũng không ít, số lượng phù hợp.

(Sao) Bất dĩ mỹ cố, quá lượng nhi thực.

(鈔) 不以美故，過量而食。

(Sao: Chẳng vì ngon lành mà ăn quá mức).

Trong thế gian này, chúng ta gặp được thức ăn ngon bèn tham ăn, ăn nhiều hơn một chút. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hiện tượng này.

(Sao) Thực dĩ tự tiêu, nhi vô di chỉ.

(鈔) 食已自消，而無遺滓。

(Sao: Ăn xong tự tiêu, chẳng còn sót lại cặn bã).

Thức ăn ấy cũng chẳng phải là thật sự ăn. Sau khi những thứ ấy hiện tiền, mắt trông thấy, mũi ngửi mùi vị, ý bèn nghĩ là đã ăn, đương nhiên chẳng có cặn bã.

(Sao) Hoặc kiến sắc, văn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bão thích, vô sở vị trước.

(鈔) 或見色聞香，意以為食，自然飽適，無所味著。

(Sao: Hoặc thấy sắc, ngửi hương, bèn nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ, thỏa thích, chẳng tham đắm mùi vị).

Tuyệt đối chẳng chấp tướng. Sống lâu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí ấy chẳng còn, chẳng còn có chuyện ấy nữa. Đây đều là những người vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chưa lâu, nên có những tập khí ấy, thức ăn có thể ứng theo ý niệm mà hiện tiền.

(Sao) Thân tâm khinh lợi, thực tất hóa khứ.

(鈔) 身心輕利，食畢化去。

(Sao: Thân tâm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, ăn xong, [những thức ăn và đồ đựng] bèn biến mất).

Sau khi ăn xong, tự nhiên no đủ. Chẳng muốn nữa thì những thức ăn và vật dụng để ăn uống đều chẳng còn nữa. Do lẽ đó, chẳng cần dọn dẹp, chẳng cần rửa ráy, hết thấy đều là hóa hiện.

(Sao) Thời chí phục hiện.

(鈔) 時至復現。

(Sao: Đến lúc lại hiện ra).

Đến bữa ăn, quý vị lại nghĩ tới, nó lại hiện tiền. Các thế giới khác chẳng có chuyện này. Kinh Hoa Nghiêm nói Sự Sự vô ngại pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ phẩm hạ sanh cũng đều là Sự Sự vô ngại pháp giới chẳng thể nghĩ bàn! Đây là nói đến mặt tốt đẹp trong chuyện ăn uống nơi cõi ấy, chẳng cần phải quan tâm, chẳng cần phải vất vả trừ tính, lo toan.

Dưới đây là nói về “*kinh hành*”. Kinh hành là một phương pháp tu học hết sức hay, kinh hành là tản bộ. Ăn cơm xong bách bộ, hữu ích cho tiêu hóa, có ích rất lớn cho sức khỏe. Trong Phật môn, như khi đã Phật Thất, thọ trai xong bèn nhiễu Phật kinh hành, nhiễu mấy vòng rồi mới kết trai, mọi người mới giải tán, đó là kinh hành. Kinh hành có rất nhiều lợi ích. Vì sao đi mà lại gọi là “kinh hành”? Thời cổ, trong tông Thiên Thai, họ vừa tản bộ vừa học thuộc lòng kinh điển, nên gọi là “kinh hành”. Nay chúng ta quá nửa là vừa đi vừa niệm Phật. Phương thức này, không chỉ có thể giúp ích tiêu hóa, mà còn là một loại vận động hết sức tốt. Loại vận động này không vội vàng, không rề rà, hết sức điều hòa. Kinh hành cũng có thể đối trị hôn trầm, chẳng hạn như ngồi lâu liền hôn trầm, tinh thần chẳng thể phấn chấn, thậm chí ngủ gà ngủ gật. Trong Phật môn, tu học bất luận tông nào, phái nào, kinh hành, lễ bái, ngồi xếp

bằng, những phương thức ấy điều hòa thích hợp lẫn nhau, thân thể sẽ chẳng bị mệt mỏi.

Người hôn trầm nặng nề, tốt nhất là nên đi nhiều, nhiều Phật nhiều. Người tuổi cao dùng phương pháp này càng hay. Năm xưa, tôi đến giảng kinh tại Bình Đông, gặp lão cư sĩ Chung Cảnh Đức, cụ cho biết cụ đã ngoài tám mươi tuổi. Trước kia, cụ học Mật, học Thiền, rất dụng công, học mấy chục năm. Gặp gỡ năm ấy, cụ bảo tôi: “Không được rồi, những thứ công phu ấy chẳng đủ sức, nay tôi thật thà niệm Phật, mỗi ngày niệm ba vạn câu”. Tuổi cao, cụ cũng không xem kinh, mà niệm Phật. Niệm ba vạn tiếng như thế nào? Cụ đi khắp nơi trong làng Bình Đông, cứ một bước niệm một câu, mỗi ngày niệm ba vạn tiếng, đi ba vạn bước. Niệm đến tám mươi mấy tuổi, vẻ mặt hồng hào, tươi tắn, âm thanh sang sảng, đích xác là có lợi cho thân thể. Niệm Phật tâm thanh tịnh; kinh hành, thân thể vận động linh hoạt, hãy nên nỗ lực học tập chuyện này!

(Sao) Tuân hoàn giả, như kinh quán vĩ, lạc dịch liên miên, vãng lai vô dĩ dã.

(鈔) 循環者，如經貫緯，絡繹連綿，往來無已也。

(Sao: “Tuân hoàn” là như từ đường dọc xuyên suốt đường ngang, liên tiếp nối kết, qua lại không ngừng vậy)²².

Hình dung cách kinh hành.

(Sao) Thực dĩ nhi hành, nhất dĩ điều thân, sử vô ngưng trệ.

(鈔) 食已而行，一以調身，使無凝滯。

(Sao: Ăn xong đi kinh hành thì một là điều hòa thân thể, khiến cho chẳng ngưng trệ).

Có ý nghĩa trợ giúp tiêu hóa, sau khi ăn xong bèn đi kinh hành.

(Sao) Nhất dĩ điều tâm, sử bất phóng dật dã.

(鈔) 一以調心，使不放逸也。

(Sao: Một là để điều tâm, khiến cho chẳng buông lung).

Một tác dụng khác là điều tâm, tâm được thanh tịnh. Vì khi quý vị kinh hành, chẳng niệm kinh thì cũng niệm Phật, trong tâm chẳng có vọng niệm.

(Sao) Phảng dương giả, ưu du tự đắc ý.

(鈔) 彷徨者，優遊自得意。

(Sao: “Phảng dương” là thong dong, thích ý).

Tự đạt được sự ung dung, hình dung niềm vui chân thật, lạc thú thanh tịnh ở trong ấy.

(Sao) Thế nhân thực dĩ.

(鈔) 世人食已。

(Sao: Người đời ăn xong).

Nói tới những kẻ bình phàm trong thế gian.

(Sao) Phi bôn tẩu trần vụ, tắc tăng trưởng thụy miên.

(鈔) 非奔走塵務，則增長睡眠。

(Sao: Nếu chẳng bôn ba việc đời thì cũng ngủ nghỉ nhiều hơn).

Người thế gian sau khi dùng cơm bèn vội vã làm việc. Người không đi làm, ăn xong bèn đi ngủ. Người học Phật ăn xong đi kinh hành.

(Sao) Bĩ quốc phạn thực kinh hành, giải thoát chi phong, tiêu dao chi trạng, khả tưởng kiến dã.

(鈔) 彼國飯食經行，解脫之風，逍遙之狀，可想見也。

(Sao: Người trong cõi kia ăn xong đi kinh hành, có thể hình dung họ có phong thái giải thoát, tiêu dao).

Miêu tả cuộc sống thông thường của đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự tại ung dung đường ấy.

(Sớ) Duy ngôn phạn thực, bất cập y đẳng, duy ngôn kinh hành, bất cập tọa đẳng, diệc văn tĩnh cố.

(疏) 唯言飯食，不及衣等，唯言經行，不及坐等，亦文省故。

(Sớ: Chỉ nói ăn cơm, chẳng nói đến quần áo v.v... Chỉ nói kinh hành, chẳng nói đến ngồi v.v... là vì kinh văn nói tĩnh lược).

Kinh Di Đà văn tự rất ít, nên đối với tình hình cuộc sống, chỉ nhắc tới đại lược, chẳng nói căn kẽ, tinh lược rất nhiều. Đối với ăn, mặc, ở, đi lại, chỉ nói chuyện ăn, tinh lược chuyện phục sức. Nói đến kinh hành, chẳng nói đến tọa Thiền, tọa Thiền cũng bị tinh lược. Những chuyện này được nói tỉ mỉ trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Y giả, Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân: “Ngũ tác Phật thời, ngũ sát trung nhân, sở dục y phục, tùy niệm tức chí, bất giả tài phùng đảo nhiễm hoán trạc. Hựu phục hữu vô lượng thượng diệu y phục, bảo quan, hoàn, xuyên, nhĩ đàng, anh lạc, hoa man, đới tảo, chư bảo trang nghiêm, bách thiên diệu sắc, tự nhiên tại thân”.

(鈔) 衣者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，所欲衣服，隨念即至，不假裁縫擣染浣濯；又復有無量上妙衣服，寶冠環釧，耳璫瓔珞，華鬘帶鎖，諸寶莊嚴，百千妙色，自然在身。

(Sao: “Y phục”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong cõi ta, mong muốn y phục, vừa nghĩ bèn hiện tới. Chẳng cần phải cắt, may, đập²³, nhuộm, giặt, giũ. Lại có vô lượng y phục đẹp đẽ, quý giá nhất. Mũ báu, vòng, xuyên, bông tai, chuỗi ngọc, tràng hoa, đai áo đeo giặt các thứ vật báu để trang nghiêm, trăm ngàn màu sắc đẹp đẽ tuyệt vời, tự nhiên ở trên thân).

Đây là nguyện văn trong phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ. Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Phật Thích Ca thuật lại thì cũng giống như A Di Đà Phật đích thân tự tuyên nói, chẳng sai khác, quyết định chân thật. Đây là nói các đại chúng sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, “sở dục y phục, tùy niệm tức chí” (mong mỏi những thứ quần áo, vừa nghĩ liền hiện tới). Đúng là “nghĩ áo được áo, nghĩ ăn được ăn”. Trong phần trước nói về ăn uống, phần này nói về quần áo. Quần áo chẳng cần cắt, may, chẳng bị dơ bẩn, không cần giặt giũ. “Thiên y vô phùng” [nghĩa là áo trời] chẳng cần may cắt, tất cả đều do biến hóa ra. Quý vị thích quần áo bằng chất liệu nào, nó bèn là chất liệu đó. Y phục bên Tây Phương đều là thất bảo. Chất báu trong cõi này thể tánh cứng chắc, không thể làm quần áo. Vàng, bạc, lưu ly, bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều mềm mại, rất mỏng, giống như vải, có thể làm quần áo. Vì vậy, họ “hữu vô lượng thượng diệu y phục” (có vô lượng y phục tốt đẹp bậc nhất). “Bảo quan hoàn xuyên”:

[“*Bảo quan*” là mao bằng chất báu], “*hoàn xuyên*” (環釧) là một loại vòng đeo tay. “*Nhĩ đàng*” (耳璫) là bông tai; “*anh lạc*” (瓔珞) là vật trang sức đeo trước ngực. Chúng ta thường thấy tượng đắp hoặc tượng vẽ của Phật, Bồ Tát trước ngực có đeo anh lạc. “*Hoa man đới tảo*”: Tràng hoa, hoa báu xâu thành chuỗi đeo trên người. “*Đới*” (帶) là đai áo, trong đai áo đeo bảy báu, nên gọi là “*đới tảo*” (帶鎖).

“*Chư bảo trang nghiêm, bách thiên diệu sắc, tự nhiên tại thân*” (Các thứ vật báu để trang nghiêm, trăm ngàn màu sắc đẹp đẽ tuyệt vời, tự nhiên ở trên thân), đây là nói tới y phục và trang sức thuận theo lòng muốn, tự nhiên khoác trên thân. Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, nên tướng mạo của mọi người như nhau. Trong cuộc sống, ăn, ở, phục sức tướng mạo như nhau. Đương nhiên, do mức độ đoạn Hoặc chứng Chân khác nhau, nên cũng có chỗ khác biệt, [tức là] quang minh của mỗi người lớn nhỏ khác nhau. Nếu đoạn [phiền não] nhiều, quang minh to lớn. Quang minh chiếu từ một do-tuần, mười do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần.

(*Sao*) *Hựu vân: Phục hữu vô lượng như ý diệu hương, đồ hương, mạt hương.*

(鈔) 又云：復有無量如意妙香，塗香末香。

(*Sao*: *Lại nói: “Lại có vô lượng hương màu nhiệm như ý, hương bôi, hương bột).*

“*Đồ hương*” có phạm vi rất rộng, giống như nước hoa, bôi trên người bèn gọi là “*đồ hương*”. “*Mạt hương*” thuộc loại bột, bột thơm có thể xoa lên người. Bột đàn hương có thể đốt.

(*Sao*) *Kỳ hương phổ huân bỉ Phật quốc giới.*

(鈔) 其香普熏彼佛國界。

(*Sao*: *Hương ấy xông khắp cõi Phật ấy).*

Phải chú ý câu này, cõi nước của A Di Đà Phật ở chỗ nào? Thừa cùng chư vị, cõi nước của A Di Đà Phật chẳng có ngần mé, tận hư không khắp pháp giới là cõi nước của A Di Đà Phật. Điều này rất kỳ diệu, vì sao? Nếu quốc độ này của chúng ta ở ngoài A Di Đà Phật, chúng ta làm

sao có thể vãng sanh? Làm sao sự giáo hóa của A Di Đà Phật có thể thấu đến chỗ chúng ta? Ở nơi đây, chúng ta có kinh Vô Lượng Thọ, có kinh A Di Đà, nói cách khác, kinh điển tồn tại ở nơi đâu, nơi đó là chỗ Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt đến.

Do vậy, chúng ta chẳng bị coi như ở ngoài quốc giới của A Di Đà Phật, mà là ở trong quốc giới của A Di Đà Phật. Tận hư không khắp pháp giới mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều khen ngợi A Di Đà Phật, đều giảng kinh Vô Lượng Thọ, đều khuyên hết thầy chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, có thể biết: Nói những cõi Phật khác còn có biên giới thì có lẽ còn có thể nói xuôi tai, chứ quốc giới của A Di Đà Phật chẳng có ngăn mé, đích xác là rộng lớn vô biên. Mùi hương ấy xông khắp pháp giới! Quang minh chiếu khắp, hương báu xông khắp. Tiếp theo đây, [tổ Liên Trì] giải thích vì sao kinh Di Đà nói tinh lược.

(Sao) Cố bất ngôn y, dĩ thực nhiếp y, cập nhất thiết tư sanh chi cụ cố.

(鈔) 故不言衣，以食攝衣，及一切資生之具故。

(Sao: Bởi lẽ, chẳng nói đến y phục là vì dùng chuyện ăn để bao gồm y phục và hết thầy các vật dụng cần thiết trong cuộc sống).

Cơm áo, hễ nói một thứ, những thứ khác đều ở trong đó. “*Tư*” là tư dưỡng (資養: nuôi nấng), “*sanh*” (生) là sanh mạng. Nói cách khác, hết thầy cuộc sống vật chất thầy đều bao gồm trong ăn uống, nên nói một điều là đủ rồi. Âm thực chính là vật cần thiết để nuôi dưỡng sanh mạng, bao gồm tất cả cuộc sống vật chất.

(Sao) Bất cập tọa giả.

(鈔) 不及坐者。

(Sao: Không nói đến “ngồi”).

Chỉ nói kinh hành, chẳng nói đến ngồi. Nói thật ra, tu hành vẫn lấy kinh hành làm chủ, đặc biệt là những người tu đã lâu. Người mới học phải ngồi, vì tương đối dễ nhiếp tâm hơn. Người tu lâu chẳng coi trọng ngồi trên hình thức. Lục Tổ đại sư nói “*tọa Thiên*” thì đó chẳng phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách. Ngài nói Ngồi với ý nghĩa “bất động”. Điều gì bất động? Tâm bất động, chẳng phải là thân bất động. Tâm bất động giữa ngũ dục lục trần, nên gọi là Tọa. Do đó, Ngài nói “*ngoài*

chẳng chấp tướng” là Thiền, *“trong chẳng động tâm”* là Tọa. Ngài tọa Thiền là “tọa” theo cách như vậy.

Vì lẽ đó, Ngài đi, ở, ngồi, nằm, đều là tọa Thiền, chẳng phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách. Nói thật ra, thuở ấy, Lục Tổ đại sư ở Hoàng Mai tám tháng, trước nay chưa hề bước vào Thiền đường, Ngài ở hậu viện làm lụng cực nhọc, giã gạo, bửa củi. Tọa Thiền như Ngài đã nói chính là *“ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm”*, thật sự tọa Thiền, chẳng phải là tọa Thiền theo hình thức. Tọa Thiền trong Thiền đường là tọa Thiền theo hình thức, chưa chắc đã có Thiền Định! Nếu tâm vẫn phan duyên, vẫn chấp tướng, sẽ chẳng có Thiền Định! Do đó, điều này hoàn toàn giống như lời trưởng giả Dục Hương đã nói trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Giáo khai tứ chủng tam-muội.

(鈔) 教開四種三昧。

(Sao: Trong Giáo, lập ra bốn loại tam-muội).

Tam-muội là Thiền Định. Nói tổng quát, Thiền Định có bốn cách tu, loại thứ nhất...

(Sao) Nhất viết thường hành.

(鈔) 一日常行。

(Sao: Một là thường hành).

“Thường hành” là kinh hành, đặc biệt thích hợp cho người cao tuổi. Loại thứ hai...

(Sao) Nhị viết thường tọa.

(鈔) 二日常坐。

(Sao: Hai là thường ngồi).

“Thường ngồi” phải tu học khi còn trẻ, người tuổi cao chẳng được. Người lớn tuổi thể lực chẳng đủ, ngồi lâu chịu không được! Thường ngồi thì người trẻ cỡ hai mươi, ba mươi tuổi tu được, vì lúc ấy, chân người đó khá mềm dẻo, có thể ngồi đến mức công phu thật sự đắc lực, huyết mạch thông suốt, chẳng đến nổi tê đau. Từ ba mươi tuổi trở lên, khó khăn hơn. Nhưng người tuổi cao như chúng tôi, khoan chân ngồi, ngồi chưa lâu đùi đã nhức, chứng minh [tu cách này] không được! Các

vị lão hòa thượng có thể ngồi mấy tiếng đồng hồ chẳng dời chỗ, là do các Ngài đã luyện khi còn trẻ. Chúng ta tuổi trung niên trở lên học Phật, [tu cách này] không được, chẳng cần phải miệt cưỡng học. Chúng ta học Thường Hành tam-muội, chẳng học Thường Tọa. Loại thứ ba...

(Sao) Tam viết bán hành, bán tọa.

(鈔) 三日半行半坐。

(Sao: Ba là nửa đi, nửa ngồi).

Nửa đi, nửa ngồi: Bản thân tôi niệm Phật là thời gian đi kinh hành dài hơn thời gian ngồi niệm. Đi kinh hành tới khi mệt bèn ngồi xuống niệm. Ngồi một lát, khôi phục, lại đứng lên đi. Loại thứ tư...

(Sao) Tứ viết phi hành, phi tọa.

(鈔) 四日非行非坐。

(Sao: Bốn là chẳng đi, chẳng ngồi).

Nhà Phật thường nói bốn câu này, nêu rõ: Tu học tam-muội chẳng đặt nặng hình thức, mà coi trọng công phu chân thật. Công phu chân thật, nói theo cách đơn giản nhất, sẽ là tâm địa thanh tịnh. Cương lĩnh tu học trong Đại Thừa Phật pháp là Giác, Chánh, Tịnh. Giác, Chánh, Tịnh là một mà ba, tuy ba mà một. Đối với ba chữ ấy, quý vị đạt được một, tất nhiên sẽ đồng thời đạt được hai cái kia. Chẳng thể nói tâm ta thanh tịnh, nhưng ta còn mê hoặc, điên đảo, ta còn tà tri tà kiến, chẳng có lẽ ấy! Người thật sự giác ngộ tâm nhất định thanh tịnh, người đại khai viên giải chánh tri chánh kiến, nhất định là giác ngộ, nhất định là thanh tịnh. Vì thế, đích xác là một mà ba, tuy ba mà một. Công phu thực hiện thuận tiện nhất, dễ dàng nhất, không gì hơn cầu Tịnh [trong Giác, Chánh, Tịnh].

Do đó, Tịnh Tông đặc biệt coi trọng tâm thanh tịnh, nhất tâm bất loạn, công phu thành phiền, chú trọng điều này. Tâm thật sự thanh tịnh, phiền não ít, trí huệ liền tăng trưởng. Trí huệ tăng trưởng là Giác, chẳng mê; mê là phiền não, giác là trí huệ, tự nhiên giác chứ không mê, chánh chứ không tà. Vì thế, so với hết thảy các pháp môn để nói, đích thực là pháp này có chỗ đặc biệt thù thắng, học dễ dàng!

(Sao) Tựu thử văn trung, tắc duy đệ nhất.

(鈔) 就此文中，則唯第一。

(Sao: Vậy thì trong đoạn văn này, chỉ nêu ra cách thứ nhất).

Trong kinh văn này, chỉ lấy loại thứ nhất trong bốn loại tam-muội là Thường Hành. Có thể thấy người trong Tây Phương Cực Lạc bình thường tu hành, những người dùng phương thức thứ nhất chiếm đa số.

(Sao) Nhiên nhị bộ trung, giai ngôn vãng sanh giả, tọa liên hoa trung.

(鈔) 然二部中，皆言往生者，坐蓮華中。

(Sao: Nhưng trong hai bộ kinh, đều nói người vãng sanh ngồi trong hoa sen).

“*Nhị bộ*” là hai bộ Đại Bản và Tiểu Bản. Kinh có kích thước lớn là kinh Vô Lượng Thọ, kinh có phân lượng nhỏ là kinh A Di Đà. Trong hai kinh đều nói, khi vãng sanh ngồi trong hoa sen vãng sanh. Điều này quả thật đã nói rõ: Bên kia quả thật có ngồi, chẳng phải là không ngồi, có ngồi!

(Sao) Bát Châu tam-muội tắc phục ngôn lập, đương tri dĩ hành nhiệp tọa, cập tứ oai nghi cố.

(鈔) 般舟三昧則復言立，當知以行攝坐，及四威儀故。

(Sao: Bát Châu tam-muội lại nói là “đứng”, nên biết [kinh văn chỉ] nói “đi” là đã bao gồm cả ngồi và bốn oai nghi).

Kinh nói đơn giản, chỉ nói một [oai nghi] là Đi, nhưng đi, ở, nằm, ngồi đều thuộc trong ấy. Người bên cõi kia quả thật sống đời thanh nhàn, tự tại!

(Diễn) Giáo khai tứ chủng tam-muội, nhất viết Thường Hành giả, xuất Bát Châu Tam Muội Kinh, diệc danh Phật Lập tam-muội. Thành thời, kiến thập phương Phật tại không trung lập, dĩ cửu thập nhật vi nhất kỳ.

(演) 教開四種三昧，一日常行者，出般舟三昧經，亦名佛立三昧。成時，見十方佛在空中立，以九十日為一期。

(Diễn: “Trong Giáo, lập ra bốn thứ tam-muội”: Loại thứ nhất là Thường Hành, xuất xứ từ kinh Bát Châu Tam Muội, còn gọi là Phật Lập

tam-muội. Khi tu thành, sẽ thấy mười phương Phật đứng trong hư không, [pháp tu này] lấy chín mươi ngày làm một kỳ [tu tập]).

Kinh Bát Châu Tam Muội dạy điều này. Chư vị đồng tu đọc kinh này đừng chấp trước. Chớ nên vừa trông thấy điều này [bèn nghĩ] “ta phải phát tâm tu”. Quý vị tu chẳng thành công! Chớ nên miễn cưỡng, chớ nên học cho dễ coi, chớ nên lừa mình, dối người, căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Tu học Bát Châu Tam Muội, nói thật thà, thường là mười mấy, hai mươi tuổi [mới dễ tu], ba mươi tuổi trở đi, tu học khá khó khăn. Suốt chín mươi ngày không ngủ nghỉ. Không chỉ chẳng ngủ nghỉ, mà còn không được ngồi xuống, có thể đứng, có thể đi, nhưng không được ngồi xuống, đương nhiên càng không thể nằm xuống. Đó là Phật Lập Tam Muội, cũng là chuyên niệm A Di Đà Phật. Không được phép ngồi xuống, không được phép ngủ, ngày đêm [niệm Phật, kinh hành] chẳng gián đoạn suốt chín mươi ngày, gọi là Bát Châu tam-muội. Quý vị ngẫm xem, người nào tu được? Sau khi tu thành, người ấy thấy mười phương chư Phật đứng trên không trung, đó là cảm ứng.

Hiện thời có rất nhiều người nói: “Người nào đó thật sự phát tâm bệ quan tu Bát Châu tam-muội”, tôi nghe nói, chấp tay chúc mừng, khó có, vì sao? Tôi làm không được, tôi một ngày một đêm phải ngủ. Suốt chín mươi ngày, tức là ba tháng không ngủ, khó quá! Người bình phàm chẳng thể làm chuyện này! Nếu nói suốt ba mươi ngày ngủ đầy giấc niệm Phật, tôi tin tưởng, người bình phàm đều có thể làm được. Ba mươi ngày không ngủ nghỉ, không ngồi xuống, nói cho quý vị biết, thật sự là bán tín bán nghi, đó là nói cho dễ nghe. Chứ nói khó nghe là về căn bản tôi chẳng tin tưởng! Chư vị đồng tu phải biết: Chuyện này xác thực là có, nhưng người nào mới có thể tu? Người tâm địa khá thanh tịnh! Người tâm địa thanh tịnh bèn ngủ ít. Chư thiên Sắc Giới đắc Thiên Định, chẳng ngủ. Do ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ họ đều không có, cho nên chẳng cần ăn gì, cũng chẳng cần phải ngủ, đương nhiên chẳng có vấn đề. Đừng nói là chín mươi ngày, chín trăm ngày, chín ngàn ngày cũng chẳng có vấn đề. Nhưng quý vị chẳng có công phu ấy, sẽ làm không được! Quý vị làm như vậy sẽ phá hỏng thân thể, quyết định chớ nên miễn cưỡng. Do đó, trong Phật môn, chớ nên khuyên kẻ khác làm chuyện giống như chuyện này.

Thầy Lý giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi năm tại Đài Trung, lão nhân gia chẳng khuyên người khác ăn chay, mà khuyên quý vị học Phật, khuyên quý vị quy y, chẳng khuyên quý vị thọ giới, có mấy

điều Ngài chẳng nói đến, vì sao? Quý vị công phu chẳng đủ. Cũng chẳng khuyên ăn chay, lại càng chẳng khuyên người khác chỉ ăn ngũ. Những việc như vậy chẳng thể miễn cưỡng, phải do người ấy tự động phát tâm. Hơn nữa, đối với chuyện chỉ ăn ngũ, [tức là] buổi trưa ăn một bữa, nếu tâm địa khá thanh tịnh, phiền não ít, sẽ tự nhiên có thể làm được; vì tâm địa thanh tịnh sẽ tiêu hao ít năng lượng. Ăn uống là [bổ sung] nguồn năng lượng, [tức là] nguồn năng lượng tạo ra nhiệt độ thân thể, thức ăn chuyển đến dạ dày [được hấp thụ] liền sanh ra năng lượng bồi đắp sự tiêu hao nơi thân thể. Thân thể là một bộ máy. Nếu quý vị không thêm nhiên liệu, sẽ bị hỏng hóc; nhưng thể chất nơi thân thể mỗi người khác biệt, có người tiêu hao nhiều, có kẻ tiêu hao ít. Tiêu hao nhiều bèn bổ sung nhiều; tiêu hao ít, tự nhiên bổ sung ít đi.

Tiêu hao năng lượng nhiều nhất là gì? Thừa cùng chư vị, là vọng tưởng. Chín mươi lăm phần trăm thức ăn của chúng ta bị tiêu hao nơi vọng tưởng. Nếu quý vị chẳng có vọng tưởng, tự nhiên tiêu hao ít đi. Thật ra, lao tâm, lao lực tiêu hao rất ít, vọng niệm tiêu hao rất nhiều. A La Hán đặc Cử Thứ Đệ Định, chẳng có vọng niệm, tiêu hao ít, mỗi tuần ăn một lần là đủ rồi. Bích Chi Phật công phu định lực càng sâu hơn A La Hán, tiêu hao càng ít, nửa tháng ăn một bữa là đủ rồi. Một người bình phàm chúng ta ngày ăn ba bữa, còn phải ăn vặt, buổi tối phải ăn thêm bữa khuya, chúng tỏ điều gì? Vọng niệm quá nhiều, chẳng bổ sung không được, không thể nào chẳng bổ sung! Do đó, thầy Lý chẳng khuyên kẻ khác trì ngũ. Vì sao chẳng khuyên người khác ăn chay? Vì có rất nhiều người muốn học Phật, nhưng sợ ăn chay, hễ nghe nói ăn chay, họ sẽ không đến. Thầy Lý nói không cần ăn chay, họ đều tới, lôi kéo nhiều người tới. Thầy có phương pháp riêng, nên chẳng khuyên kẻ khác ăn chay. Học Phật kiểu ấy bèn thuận tiện. Mọi người biết học Phật không nhất định phải ăn chay, nên chẳng sợ hãi.

Chúng ta phải hiểu là có những phương pháp tu hành trong nhà Phật, người bình phàm tuyệt đối chẳng thể tu học. Tu thành môn tam-muội ấy, tâm thật sự thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, đó là điều tất nhiên. Do đó, người học Phật chúng ta đầu óc phải sáng suốt, chớ nên tùy tiện để kẻ khác gạt gẫm. Kẻ nào đó nói: “Tôi đã từng tu Bát Châu tam-muội vào lúc nào đó”, đương nhiên quý vị bội phục kẻ ấy năm vóc sát đất, nhưng kẻ ấy tu Bát Châu tam-muội trong chín mươi ngày có đúng là chẳng ngồi xuống hay không? Hay là chín mươi ngày ngồi hoặc nằm trên giường tu? Chúng ta chẳng biết! Không biết thì nhìn từ chỗ nào? Nhìn vào tư tưởng, ngôn ngữ, hành trì của người ấy sẽ biết,

những thứ ấy chẳng thể lừa người khác. Thật sự trải qua công phu như vậy, người ấy là thánh nhân, chẳng phải là người thường. Vì Bát Châu tam-muội chẳng giống các tam-muội khác, dầu thoái thất, vẫn chẳng thoái thất rất nhiều. Người ấy tu công phu này quá sâu, nếu tâm chẳng thanh tịnh, nếu tín tâm chẳng kiên cố, chắc chắn chẳng thể chịu đựng chín mươi ngày! Có thể nói là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh của người ấy đã đạt tới cảnh giới kha khá. Sau chín mươi ngày ấy, có thể nói một câu thật thà là người ấy đã quyết định nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu hãy còn tham luyến, còn mê chấp tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, mà kẻ ấy nói đã tu Bát Châu tam-muội, tôi chẳng dám tin tưởng! Vì sao? Chẳng tương xứng với lời nói và việc làm của kẻ ấy, chúng ta phải nên hiểu điều này!

(Diễn) Nhị viết thường tọa giả, xuất Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, diệc danh Nhất Hạnh tam-muội, duy chuyên niệm pháp giới cố dã, diệc dĩ cửu thập nhật vi nhất kỳ.

(演) 二曰常坐者，出文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經，亦名一行三昧，唯專念法界故也，亦以九十日為一期。

(Diễn: Hai là Thường Tọa, phát xuất từ kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội, vì chỉ chuyên niệm pháp giới, cũng lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn).

Bát Châu tam-muội là chỉ có thể đi, chỉ có thể đứng, chẳng thể ngồi xuống. Trong kinh Văn Thù Bát Nhã có nói phương pháp tu hành chẳng cần phải đi, chẳng cần phải đứng, mà là ngồi. Nói thật thà, ngồi chín mươi ngày dễ hơn Bát Châu tam-muội, trong chín mươi ngày ấy thật sự nhập Thiền Định. Các vị đọc Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, sẽ thấy có lúc lão hòa thượng hễ nhập Định bèn nhập Định nửa tháng, hoặc một tháng, hai tháng là chuyện rất thường. Có lần hòa thượng nhập Định nhằm tiết Đông, nhằm lúc giao thừa. Trước giao thừa, hòa thượng luộc một nồi khoai. Sau khi bỏ khoai vào nồi, nhóm lửa xong, lão nhân gia tĩnh tọa bên cạnh bèn nhập Định. Hễ nhập Định, Ngài cũng chẳng hay biết gì, năm cũ đã trôi qua, sau Tết, có mấy người bạn đến chúc Tết Ngài. Khi đến chúc Tết, thấy lão hòa thượng còn đang tĩnh tọa, lại thấy khoai trong nồi đã mọc rêu, bèn dùng đũa khánh gõ bên tai Ngài, ngay lập tức Ngài xuất Định: “Các ông đến đúng lúc quá, hãy cùng ăn nồi khoai tôi luộc”. “Lão hòa thượng, Ngài luộc khoai lúc nào?” “Ta luộc khoai hôm nọ, vừa mới luộc mà!” Ngày Tết đã qua lâu rồi, Ngài nhập

Định hơn nửa tháng, mà cảm thấy chỉ có vài phút. Lão hòa thượng Hư Vân suốt đời chẳng tu Bát Châu tam-muội, nhưng đích xác là Ngài thường tu Thường Tọa tam-muội. Thật sự có công phu định lực thì chuyện này là chuyện có thể, cũng lấy chín mươi ngày làm một kỳ!

(Diễn) *Tam viết bán hành bán tọa giả, xuất Pháp Hoa, Phương Đăng nhị kinh, Pháp Hoa lấy hai mươi một ngày làm hạn, Phương Đăng bất hạn thời tiết.*

(Đ) 三日半行半坐者，出法華方等二經，法華三七日為一期，方等不限時節。

(Diễn: *Ba là “nửa đi, nửa ngồi”, xuất phát từ hai kinh Pháp Hoa và Phương Đăng. Pháp Hoa lấy hai mươi một ngày làm hạn, Phương Đăng chẳng hạn định thời gian).*

Ở đây vừa có ngồi, vừa có đi, giống như nay chúng ta đã Phật Thất, nhiều Phật và chỉ tịnh là dùng phương pháp này trong kinh Phương Đăng, chẳng hạn định kỳ hạn; nhưng trong kinh Pháp Hoa là hai mươi một ngày, [tức là] lấy hai mươi một ngày làm một kỳ.

(Diễn) *Tứ phi hành phi tọa giả, diệc danh tùy tự ý, ý khởi tức quán cố dã. Phương pháp xuất Thỉnh Quán Âm đẳng chư Đại Thừa kinh, thông u tứ nghi, cập chư tác vụ.*

(Đ) 四非行非坐者，亦名隨自意，意起即觀故也。方法出請觀音等諸大乘經，通於四儀，及諸作務。

(Diễn: *Bốn là chẳng đi, chẳng ngồi, còn gọi là Tùy Tự Ý, vì ý khởi lên liền quán. Phương pháp này phát xuất từ các kinh Đại Thừa như Thỉnh Quán Âm v.v... áp dụng cho khắp bốn oai nghi và các việc làm lung).*

Ở Hoàng Mai, Lục Tổ đại sư tu pháp này, giã gạo, bửa củi, chẳng đi, chẳng ngồi, Ngài làm lung, làm lung cũng là tam-muội. Đó là đi, đứng, ngồi, nằm đều có, chẳng hạn cuộc! Nói thật ra, chúng ta tu học phương pháp này hết sức thích hợp. Hơn nữa, trong xã hội hiện đại, mọi người công việc vô cùng bận rộn, sức ép rất nặng, chọn phương pháp này để tu hành là thuận tiện nhất.

Trong Phật Thất phổ thông, Hành Sách đại sư là tổ sư đời thứ mười của Tịnh Tông, đã dùng phương pháp “nửa đi, nửa ngồi”. Ngài chia người niệm Phật thành ba ban, mỗi ban có bốn người xuất gia lãnh chúng, dẫn một ban kinh hành, hai ban kia chỉ tĩnh. Người đi kinh hành phải niệm ra tiếng, người chỉ tĩnh không niệm, người chỉ tĩnh nghỉ ngơi, chuyên môn nghe, [tức là] nghe tiếng niệm Phật của người đi kinh hành, trong tâm chuyên nghe, chẳng khởi vọng niệm, nghe Phật hiệu, nhưng không niệm. Làm như vậy thì mỗi ban niệm một ngàn câu, ban thứ nhất niệm một ngàn câu xong bèn chỉ tĩnh, ban thứ hai kinh hành, thay phiên nhau niệm. Ban thứ hai niệm một ngàn câu xong, ban thứ hai chỉ tĩnh, ban thứ ba kinh hành. Ban thứ ba niệm một ngàn câu xong, lại luân lưu tới ban thứ nhất. Ngài dùng phương thức này để niệm Phật quanh năm, ngày lẫn đêm đều dùng phương pháp này, giống như Phật Thất, lấy bảy ngày làm hạn, hoặc là hai thất, hoặc là ba thất, sử dụng phương pháp này. Phương pháp này hay lắm, người ta chẳng mệt mỏi, họ niệm một ngàn câu, có thời gian thích đáng để nghỉ ngơi, khôi phục thể lực, đến phiên lại niệm tiếp. Do vậy, họ có thể phấn chấn tinh thần, có thể kéo dài thời gian; [vì lẽ đó, tổ Hành Sách] chọn lựa phương pháp này. Trong Niệm Phật Đường, thừa cùng chư vị, chỉ có một câu Phật hiệu, chẳng có gì khác. Phật Thất thông thường của chúng ta trong hiện tại, nói thật thà là pháp hội Phật Thất, vì sao? Trong ấy có xướng tán, tụng kinh, hồi hướng, thậm chí còn niệm số văn, có quá nhiều thứ! Đối với người niệm Phật mà nói, những thứ ấy là xen tạp, xen tạp rất nhiều thứ trong ấy, chẳng chuyên, chẳng tinh.

Một Niệm Phật Đường thật sự, trong mười hai thời chỉ có một câu Phật hiệu. Tại núi Linh Nham ở Tô Châu, vào thời lão pháp sư Ấn Quang tại thế, Niệm Phật Đường của Ngài là một câu Phật hiệu A Di Đà Phật từ sáng đến tối, từ mùng Một tháng Giêng đến Ba Mươi tháng Chạp, ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Cách niệm ngày đêm không gián đoạn là như thế nào? Ban ngày mọi người luân lưu chia ban niệm như vậy, ban đêm luân lưu trực ban. Bốn người một ban, đại khái mỗi ban niệm hai tiếng đồng hồ. Người trực ban chẳng thể nào không đến niệm, người không trực ban có thể tùy hỷ. Quý vị có tinh thần, thích niệm thì cứ đến niệm theo. Nếu không niệm, quý vị trở về liêu phòng nghỉ ngơi. Quy củ trong Niệm Phật Đường là theo kiểu ấy.

Vì thế, bước vào Niệm Phật Đường, kinh cũng không xem. Đại chúng bên ngoài Niệm Phật Đường, chiếu theo khóa tụng sáng tối để tụng niệm. Khóa tụng trong Đại Hùng Bảo Điện hoàn toàn giống như

bình thường: Chú Lăng Nghiêm, mười tiêu chú, chú Đại Bi, niệm những thứ ấy. Trong Niệm Phật Đường chẳng có; bước vào Niệm Phật Đường bèn chuyên tu Tịnh Độ, chẳng có những thứ xen tạp ấy. Lấy một thất hay bảy thất làm kỳ hạn, hoàn tất bảy thất bèn có đại hồi hướng, kể ra rất đặc thù, đó là Phật Thất thông thường. Trong Niệm Phật Đường quanh năm chẳng có đại hồi hướng, vì sao? Mục đích của họ là cầu sanh Tịnh Độ, nên pháp môn này được gọi là “*pháp môn không hồi hướng*”. Thật ra, chẳng hồi hướng chính là vô thượng hồi hướng, niệm niệm hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm mong thấy A Di Đà Phật, nên niệm niệm đều là hồi hướng, chẳng cần phải hồi hướng nữa!

Hiện thời, chúng tôi lập ra ban niệm Phật tại ngoại quốc, phương pháp được chọn để sử dụng là loại thứ tư “không đi, không ngồi”, chọn lựa cách tùy ý, tùy thuộc ý nghĩ của chính quý vị. Ở ngoại quốc, tôi khuyên lon, khích lệ các đồng tu mỗi tháng tối thiểu niệm Phật suốt một ngày, một ngày là hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mỗi tháng niệm một ngày, trong hai mươi bốn giờ Phật hiệu chẳng gián đoạn, nhưng chọn lựa tùy ý. Khi niệm Phật có thể đi kinh hành, nhiều Phật niệm, có thể ngồi niệm, hoặc vừa lay vừa niệm. Lúc nào kinh hành, lúc nào ngồi, lúc nào lay, tùy thuận ý nghĩ của quý vị, chẳng cần cùng làm với đại chúng. Đại chúng cùng nhau làm sẽ bị bó buộc, chẳng tự tại!

Chúng tôi chia Phật đường thành ba khu vực, ở giữa là chỗ đặt tượng Phật, đó là khu vực lay Phật, quý vị thích lay Phật, đến lay nơi đó. Khu vực phía sau chỗ bái Phật là chỗ chỉ tĩnh, ngồi niệm Phật ở đó, bên cạnh là khu nhiều Phật. Quý vị thích nhiều Phật, quý vị đi nhiều Phật bên cạnh. Nhiều đã mệt, bèn đến ngồi ở phía sau. Ngồi chán rồi, quý vị muốn lay, bèn đến phía trước lay. Vì vậy, chia Phật đường thành ba khu vực, hoàn toàn tùy ý; chẳng cần mọi người cùng nhau lay, cùng nhau ngồi, cùng nhau kinh hành. Cứ làm như vậy, họ liền cảm thấy rất tự tại, rất hoan hỷ, chẳng bị bó buộc! Quý vị đến trễ cũng chẳng sao, quý vị lui ra sớm cũng chẳng sao, chẳng chào hỏi bất cứ ai, tiến vào Niệm Phật Đường là một câu A Di Đà Phật, thấy bất cứ ai đều chẳng chào hỏi, niệm một câu Phật hiệu đến cùng! Quý vị có chuyện quan trọng phải đi sớm thì thích lúc nào bèn đi lúc đó, lúc đi cũng chẳng cần phải chào hỏi ai. Quý vị có chuyện, phải đến trễ một chút cũng chẳng sao. Cửa Niệm Phật Đường mở toang, tự do ra vào, mọi người đều thuận tiện, đều hoan hỷ.

Phương pháp [được Sớ Sao nói] ở đây là loại thứ tư, không đi, không ngồi, “*diệc danh tùy tự ý*” (còn gọi là Tùy Tự Ý). Phương pháp này “*thông ư tứ nghi*” (gồm chung bốn oai nghi), “*tứ nghi*” là đi, ở,

ngồi, nằm. Có những kẻ sơ học, thể lực không khá, hai mươi bốn giờ chẳng ngủ sẽ chẳng thể nào làm được. Khi rất mệt mỏi, có thể ngủ gật, nhưng đừng nằm trên giường, chớ nên cởi áo hải thanh. Quý vị ngồi trên sofa ngủ một chút, ngủ nửa tiếng hay một tiếng, hễ giật mình tỉnh giấc lại niệm tiếp, chọn lựa phương pháp này. Niệm lâu ngày, tâm thanh tịnh, đích xác là càng niệm tinh thân càng tốt đẹp, chẳng cần ngủ. Hễ còn phải ngủ, nói cách khác, công phu vẫn chưa thật sự đi vào nề nếp. Người thật sự đi vào nề nếp chẳng cần ngủ, nhưng suốt hai mươi bốn giờ tinh thần sung mãn. Quý vị tối đa nghỉ ngơi một, hai giờ, thể lực liền khôi phục, chẳng cảm thấy rất mệt mỏi, đó là quý vị công phu thật sự đắc lực. Cảm thấy rất mệt mỏi, còn phải đi ngủ, còn phải ngủ suốt tám giờ đồng hồ, đều là chưa đi vào nề nếp, công phu chưa đắc lực!

“*Cập chư tác vụ, công tư thông cử*” (Và các công việc, công tư bề bộn) chuyện công, chuyện tư, “*thông cử*” (忽遽) là rất bận rộn, “*diệc bất ngại tu*” (cũng chẳng trở ngại tu tập), dùng phương thức này chẳng trở ngại. “*Phương thức này*” là trì danh niệm Phật. Trì danh niệm Phật, đi, ở, ngồi, nằm, chỉ cần là chuyện hoặc việc chẳng cần dùng đến suy nghĩ, đều có thể niệm. Vì thế, đây là loại thuận tiện bậc nhất trong bốn loại tam-muội.

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh thường định, thị phạn thực nghĩa. Tự tánh thường huệ, thị kinh hành nghĩa.

(疏) 稱理，則自性常定，是飯食義。自性常慧，是經行義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh thường định là ý nghĩa “ăn cơm”. Tự tánh thường trí huệ là ý nghĩa “kinh hành”).

Điểm đặc sắc lớn nhất của Sớ Sao là toàn bộ câu chữ trong kinh văn đều tiêu quy tự tánh. Xưng Lý là tiêu quy tự tánh, có thể đọc kinh văn tương ứng với Chân Như bản tánh; chúng ta đọc Sớ Sao nhất định phải hiểu, phải học tập thật sự này. Trong tương lai, chúng ta đọc hết thấy kinh cũng giống như Liên Trì đại sư luôn có thể tiêu quy tự tánh, như vậy thì quý vị sẽ đắc đại thụ dụng. Nhà Phật nói “*tiêu quy tự tánh*”, Nho gia nói “*tâm đắc*”. Sau khi quý vị đọc xong, trong tâm thật sự đạt được, tiêu quy tự tánh bèn thật sự đạt được. Chẳng tiêu quy tự tánh, sẽ chẳng đạt được. Vì thế, tâm đắc chẳng dễ dàng! Chúng ta đọc những báo cáo đọc sách tâm đắc của rất nhiều người, [thấy trong ấy toàn là] sao chép điều này, trích lục điều kia. Đó là bút ký, hoặc tạp ký, chẳng thể coi

là tâm đắc. Dẫu viết thật hay, bất quá là [tác giả] đọc xong [một tác phẩm] có chút cảm tưởng. Tâm đắc là có điều thấu hiểu, có điều lãnh ngộ; ở đây nói là Xưng Lý, tức là Ngài có chỗ thấu hiểu, có lãnh ngộ. Từ kinh văn này, Tổ ngộ ra “ăn cơm” là “*tự tánh thường định*”, “*thường định*” là lấy Thiền duyệt làm thức ăn, kinh hành là “*tự tánh thường huệ*”.

(Diễn) *Tự tánh thường định giả, Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời. Hựu vân: “Tâm địa vô tán, tự tánh định”.*

(演) 自性常定者，那伽常在定，無有不定時。又云：心地無散自性定。

(Diễn): “*Tự tánh thường định*”, *Na Già thường tại Định, chẳng có lúc nào chẳng định. Lại nói: “Tâm địa chẳng tán loạn là tự tánh định”.*

Na Già là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*long tượng*”. Chúng ta chưa hề thấy rồng, nhưng đã từng thấy voi. Voi giống như thường ở trong Định. Nó bước đi, rất bình ôn chậm rãi, tiêu sái, giống như ở trong Định, đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong Định, không lúc nào chẳng Định. Đây là nêu tỷ dụ. Vì thế, chẳng cần khoanh chân ngồi xếp bằng mới là Định. Người ấy đi đường cũng Định, đứng ở chỗ nào cũng là Định, nằm ngủ vẫn là Định. Vì thế, đi, đứng, ngồi, nằm đều ở trong Định, chẳng có lúc nào không Định.

Lại nói “*tâm địa vô tán*”, “*tán*” (散) là tán loạn, nói tự tánh vốn định. Chân tâm của chúng ta chưa hề tán loạn, quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm liền hiểu rõ. Nói thật ra, cái tâm tán loạn của chúng ta trong hiện thời là tâm ý thức, là tâm tám thức, chẳng phải là chân tâm! Chân tâm chưa hề tán loạn! Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy về chân tâm bốn tánh của hết thảy chúng sanh như sau: “*Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Quan sát từ bản thể chân tâm của quý vị thì quý vị và Phật chẳng hai. Hiện thời quý vị chẳng giống như Phật, là vì quý vị chẳng dùng bốn tánh, mà dùng tám thức, rất tệ hại! Vì lẽ đó, những rắc rối của phàm phu do đây mà có.

Nếu điều này chẳng dễ hiểu cho lắm, chúng tôi lại nói đơn giản hơn; nhưng hề đơn giản thì chỉ có thể nói mượn tượng, rất khó nói phù hợp khít khao. Nay chúng ta thường nói là cảm tình và lý trí. Cảm tình giống như tám thức, lý trí giống như là Chân Như bốn tánh. Quý vị chẳng dùng lý trí, mà thiên lệch dùng cảm tình, phiền phức to tát! Phật, Bồ Tát dùng lý trí, chẳng dùng cảm tình; phàm phu dùng cảm tình,

chẳng dùng lý trí. Vì thế, chân tâm là trí huệ, chân tâm bất động! Chỉ có bất động thì mới có trí huệ; hễ tâm động bèn là vô minh, chẳng có trí huệ nữa! Vì thế, phải hiểu: Chân tâm của chúng ta chẳng tán loạn, chân tâm chẳng cầu, chẳng tịnh, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi. Vì thế, cái được kinh Lăng Nghiêm gọi là “*thường trụ chân tâm*”, mỗi người chúng ta đều có đủ. Nơi Phật chẳng tăng thêm chút nào, nơi phàm phu chẳng khiếm khuyết chút nào. Đó là chân tâm, là bản tánh của chúng ta.

Nay chúng ta học Phật là học gì? Không gì chẳng nhằm khôi phục bản tánh của chúng ta mà thôi! Khiên cho chúng ta từ nay trở đi, trong cuộc sống, trong sinh hoạt thường ngày, dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm, đó gọi là Phật, là Bồ Tát. Phàm phu tuy có chân tâm, nhưng chẳng dùng, mà dùng vọng tâm, dùng vọng tưởng, chấp trước, nên khởi Hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, đây là chuyện rất oan uổng. Hiểu sự thật này, liền biết chư Phật, Bồ Tát và chúng ta sai biệt ở chỗ nào? Dùng tâm sai biệt, các Ngài dùng chân tâm, chúng ta chẳng dùng chân tâm. Vì thế, đức Phật giáo hóa, dạy chúng ta khôi phục bản năng (năng lực sẵn có), dùng chân tâm giống như Phật, Bồ Tát, chẳng dùng vọng tâm. Đó là sự giáo học của đức Phật.

(Diễn) *Tự tánh thường huệ giả, nhất thiết chúng sanh giai cụ Như Lai trí huệ đức tướng, hựu vân: “Tâm địa vô si tự tánh huệ”.*

(演) 自性常慧者，一切眾生皆具如來智慧德相，又云：心地無痴自性慧。

(Diễn: “*Tự tánh thường huệ*”): *Hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Lại nói: “Tâm địa chẳng si là tự tánh huệ”.*

Câu trước [trong đoạn Diễn Nghĩa trên đây] trích từ kinh Hoa Nghiêm. Trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: “*Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Tuy có, thật sự có, nhưng hiện thời chẳng khởi tác dụng, vì sao chẳng khởi tác dụng? Trong câu kinh văn kế tiếp, đức Phật nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”, đúng là một lời nói toạc gốc bệnh của chúng sanh từ vô thị kiếp tới nay. Gốc bệnh của chúng ta là vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể khôi phục tự tánh, chẳng thể hiển lộ trí huệ và đức tướng

của chính mình. Do vậy, tu học Phật pháp từ đầu đến cuối là phá chấp trước mà thôi. Nhân Ngã Chấp đã phá, chứng quả A La Hán. Pháp Ngã Chấp đã phá, bèn thành Phật. Nhị Chấp là hai thứ chướng, Nhân Ngã Chấp là Phiền Nã Chướng, Pháp Ngã Chấp là Sở Tri Chướng, hai thứ chấp trước này sanh ra hai loại chướng ngại to lớn, chướng ngại trí huệ và đức tướng của Như Lai chẳng thể hiện tiền. Quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, nay chúng ta niệm một câu Phật hiệu này, có tác dụng gì? Phải niệm cho hết hai loại chướng ngại ấy, phải niệm cho hết hai loại chấp trước ấy, như vậy thì mới có thể vãng sanh.

Vãng sanh phải cậy vào tâm tịnh, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh, chẳng phải do quý vị mỗi ngày niệm Phật hiệu bao nhiêu câu, chẳng phải vậy! Mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, vẫn không thể vãng sanh, cổ đức đã nói: *“Rách toạc cổ họng cũng uống công”*. Vì thế, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: *“Phẩm vị cao hay thấp, do công phu niệm Phật sâu hay cạn”*, Ngài chẳng nói nhiều hay ít. Công phu sâu là niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, hai thứ chấp trước đều phá tan. Công phu cạn hơn là niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, phá một thứ chấp trước. Do vậy, có thể biết: Nếu chúng ta mong thật sự thành tựu trong một đời này, thật sự vãng sanh, thật sự đạt được lợi ích thù thắng như kinh điển đã nói thì phải nghiêm túc, nhất định phải niệm sao cho hết sạch tập khí phiền não, vọng tưởng, chấp trước! Hễ những thứ ấy hiện hành bèn là nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng là gì? Vọng tưởng là nghiệp chướng, phân biệt là nghiệp chướng, chấp trước là nghiệp chướng. Hễ những thứ ấy trỗi lên, ngay lập tức [tự nhủ] *“nghiệp chướng của ta hiện tiền”*. Sám hối nghiệp chướng bằng cách nào? *“A Di Đà Phật”*, nghiệp chướng liền chẳng còn nữa. Dấy lên một câu A Di Đà Phật là sám trừ nghiệp chướng, thay thế vọng niệm, vọng tưởng, chấp trước bằng một câu A Di Đà Phật. Quý vị thật sự có thể thay thế, nghiệp chướng bèn tiêu trừ. Do đó, sám trừ thực hiện ở nơi đâu? Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào! Tu sám trừ nghiệp chướng trong khi khởi tâm động niệm, cách tu là như vậy. Tuyệt đối chẳng phải là nói *“ta tội nghiệp rất nặng”*, tìm mấy vị pháp sư, tìm mấy đồng tu đến lạy Lương Hoàng Sám, vô dụng! Đang bái sám mà vẫn dấy vọng tưởng, nghiệp chướng hiện tiền y như cũ, vô dụng!

Vì thế, quý vị phải hiểu, thật sự tu hành, đừng làm theo hình thức, đừng bày ra dáng vẻ này nọ! Dáng vẻ ấy là giả, chẳng thật, vô dụng. Tu hành thật sự là công phu nơi tâm địa, sao cho quý vị có thể đạt được cái tâm thanh tịnh, gìn giữ nó, đó là công phu chân thật. *“Tâm địa vô si”*,

chẳng có tham, sân, si. Trong chân tâm chẳng có tham, sân, si, trong chân tâm chỉ có trí huệ Bát Nhã. Trong tám thức mới có tham, sân, si, tâm sở tương ứng với tám thức mới có. Sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não là tâm sở hữu pháp, tám thức mới có [những tâm sở ấy], trong Chân Như bản tánh chẳng có. Do đó, nói theo tự tánh, chẳng có tham, sân, si, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não, chỉ có trí huệ. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 160

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi ba:

(Sao) Thiên duyệt vi thực, cố Định hữu thực nghĩa. Trí năng vận chuyển, cố Huệ hữu hành nghĩa. Như Luận Tụng vân: “Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực”. Hựu Phật Địa Luận: “Tịnh độ trung chư Phật, Bồ Tát, năng thuyết, năng thọ Đại Thừa pháp vị. Hựu chánh thể trí thọ Chân Như vị, năng trụ trì thân mạng, sử bất đoạn hoại, trưởng dưỡng vạn pháp, cố danh vi Thực”.

(鈔) 禪悅為食，故定有食義；智能運轉，故慧有行義。如論頌云：愛樂佛法味，禪三昧為食。又佛地論：淨土中諸佛菩薩，能說能受大乘法味，又正體智受真如味，能住持身命，使不斷壞，長養萬法，故名為食。

(Sao: Lấy Thiên Duyệt làm thức ăn, nên Định có ý nghĩa “ăn”. Trí có thể vận chuyển, nên Huệ có ý nghĩa “đi”. Như [Vãng Sanh] Luận có bài kệ như sau: “Yêu thích pháp vị của Phật, dùng Thiên tam-muội làm thức ăn”. Phật Địa Luận lại nói: “Chư Phật, Bồ Tát trong Tịnh Độ có thể nói, có thể nhận pháp vị Đại Thừa”. Lại nữa, chánh thể trí thọ Chân Như vị, có thể duy trì thân mạng, khiến nó chẳng bị đoạn mất, hư hoại, [lại còn] trưởng dưỡng muôn pháp, nên gọi là Thực”).

“Thiên duyệt vi thực”: Phật pháp nói từ Sơ Thiên trở lên chẳng cần ăn uống, nên [người có thể lấy Thiên Duyệt làm thức ăn] chẳng thuộc trong Dục Giới, mà là đã đạt đến Sắc Giới Thiên. Sắc Giới có Tứ

Thiền, bao gồm mười tám tầng trời. Sơ Thiền, Nhị Thiền, và Tam Thiền mỗi cõi đều có ba tầng trời, như Sơ Thiền là Phạm Thiên, gồm Phạm Chúng Thiên (Brahmapāriṣadya), Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohita) và Đại Phạm Thiên (Mahābrahmā). Đệ Tứ Thiền rất đặc biệt. Tứ Thiền là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, trừ ba tầng trời bình thường [giống như Sơ Thiền, Nhị Thiền và Tam Thiền], còn có một tầng ngoại đạo thiên (tức là Vô Tướng Thiên, Asaṃjñāsattvāh). Người tu Vô Tướng Định thành tựu là ngoại đạo thiên. Ngoài ra, còn có nơi để thánh nhân cư trụ gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên (Śuddhāvāsa), gồm có năm tầng²⁴. Vì thế, cộng thêm một tầng ngoại đạo thiên và kể cả ba tầng thông thường ra, Tứ Thiền gồm có chín tầng trời. Thêm nữa, do Sơ Thiền, Nhị Thiền và Tam Thiền trước đó, mỗi nơi đều có ba tầng, nên Sắc Giới có tất cả mười tám tầng trời. Chư thiên trong các tầng trời ấy đều không cần ăn uống, càng lên cao, công phu Thiền Định càng sâu. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, là Ngũ Dục. Từ Sơ Thiền trở lên, thấy đều chẳng có [Ngũ Dục], họ chẳng cần ngủ, cũng không cần ăn uống. Trong Ngũ Dục, chúng ta thấy hai điều ấy vô cùng nghiêm trọng. Tài còn có thể không cần, danh cũng có thể chẳng cần, sắc cũng có thể chẳng cần, chứ ăn và ngủ chẳng thể nào không cần! Chúng ta quyết định không thể nào làm được! Do đó, phải hiểu, từ Sắc Giới trở lên, trọn chẳng cần ăn uống, “*Thiền duyệt vi thực*”.

Chúng ta hãy nghĩ, người hạ hạ phẩm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vượt trời Tứ Thiền Thiên, bất luận là công phu định lực, trí huệ hay phước báo đều vượt xa lục đạo. Đại Phạm Thiên Vương cũng chẳng thể sánh bằng họ, lẽ nào còn có ăn uống? Trong phần trước, tổ sư đã giải thích cũng rất có lý, nói [cõi Cực Lạc] “có ẩm thực” chỉ là đối với chúng sanh trong Dục Giới như chúng ta. Chúng ta niệm Phật đối nghiệp vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí ăn uống và ngủ nghỉ vẫn chưa đoạn, thỉnh thoảng nghĩ tới: “Cớ sao đã lâu rồi mà chưa ăn”, có ý niệm ấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất kỳ diệu, hết thấy các pháp đều là biến hóa mà thành. Quý vị vừa động một niệm, thức ăn trăm vị liền hiện tiền. Sau khi hiện tiền mới biết: Nay chúng ta đang ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải ở trong thế giới Sa Bà, chẳng dùng những thứ ấy. Chẳng cần nữa, chúng liền chẳng có, liền biến mất!

Trong Thiền Định sanh ra niềm vui thích có thể bồi đắp tinh thần, khiến cho chúng ta tinh thần phấn chấn, chẳng mệt mỏi, nên [Thiền Định] còn có ý nghĩa “ăn uống”. Trong Dục Giới, tác dụng lớn nhất của ăn

uống cũng là vun bồi, nuôi nấng thân mạng, nên [Thiền duyệt] có công năng và ý nghĩa giống hệt như vậy.

(Diễn) Thiền duyệt vi thực, Định hữu thực nghĩa giả, Thiền Định tư thân, khinh an, thích duyệt cố.

(演) 禪悅為食定有食義者，禪定資神，輕安適悅故。

(Diễn: Thiền duyệt làm thức ăn, Định có ý nghĩa là “ăn”: Thiền Định có thể bồi bổ tinh thần, nhẹ nhàng, yên vui, thoải mái).

“*Tư*” (資) là bồi bổ, “*thân*” là tinh thần, [“*tư thân*”] là bồi bổ tinh thần. “*Khinh an, thích duyệt*”: Không chỉ là tinh thần, ngay cả thân thể cũng được bao gồm trong ấy, thân lẫn tâm đều sung sướng! Vì thế, Thiền Định có ý nghĩa “*âm thực*”. Trong thế gian này, khi chúng ta ăn no, tinh thần thoải mái, thể lực cũng khôi phục.

(Diễn) Trí năng vận chuyển, Huệ hữu hành nghĩa giả, trí thể vô trụ, vận hành hoạt bát cố.

(演) 智能運轉慧有行義者，智體無住，運行活潑故。

(Diễn: Trí có thể vận chuyển, nên huệ có nghĩa là “đi”: Do trí thể chẳng trụ, vận hành hoạt bát).

“*Trí năng vận chuyển*”, Trí là có thể hiểu rõ, thông đạt hết thảy các pháp, nên nó có ý nghĩa là “*đi*”. Đều là quy kết tự tánh để nói, tức là tự tánh định, tự tánh huệ. “*Trí thể vô trụ, vận hành hoạt bát cố*”: Nay chúng ta tuy có thể vận hành, nhưng chẳng hoạt bát. Người tuổi càng cao, hành động càng chẳng thuận tiện, chẳng nhanh nhẹn như kẻ trẻ tuổi! Nói theo y học, nguyên nhân là do cao tuổi, bị lão hóa, hành động chẳng thuận tiện. Định Huệ được nói trong Phật pháp chính là tâm địa thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, không chỉ tinh thần no đủ, mà thân thể cũng chẳng dễ gì bị lão hóa. Lão hóa là điều không thể tránh được, nhưng người ấy già suy rất chậm, chẳng giống những người thường già suy rất nhanh. Nếu công phu định lực rất sâu, người ấy chẳng già, xác thực là có thể không chế thân thể.

Trong kinh Phật có nói, vào thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Phật có hai vị đệ tử cho đến hiện tại vẫn còn ở trong nhân gian. Chiếu theo cách tính toán của người Hoa, đức Phật diệt độ đã hơn ba ngàn năm, nhưng hai vị ấy vẫn còn tại thế. Một vị là tôn giả Ca Diếp, đức Phật phó chúc Ngài phải đợi Phật Di Lặc xuất hiện trong thế gian này, đem y bát

của Thích Ca Mâu Ni Phật trao truyền cho Phật Di Lặc rồi mới có thể diệt độ. Do đó, tôn giả Ca Diếp ở trong nhân gian chúng ta, chẳng nhập diệt. Vị thứ hai là tôn giả Tân Đầu Lô, đức Phật không cho phép tôn giả nhập diệt, buộc Ngài làm phước điền cho hết thấy chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Quý vị thành tâm thành ý cúng trai, Ngài sẽ đến ứng cúng. Ngài thị hiện hình dạng gì? Không biết! Không ai nhận biết, Ngài biến hóa. Đây là do Thiên Định rất sâu, có thể khiến cho sắc thân này thường trụ. A La Hán có năng lực ấy, hướng hồ Bồ Tát? Hướng hồ Phật? Đương nhiên là có năng lực này! Chư Phật, Bồ Tát tuy có năng lực này, nhưng chẳng trụ thế. Chẳng trụ thế là do nguyên nhân nào? Chúng sanh phước mỏng! Nếu các Ngài dùng thân phận Phật, Bồ Tát để trụ thế, chẳng có lợi gì cho chúng sanh, vì chúng sanh chẳng có tâm cung kính đối với các Ngài. Không chỉ chẳng cung kính, mà còn hủy báng Phật, Bồ Tát, tạo tội nghiệp càng nặng. Do đó, các vị Phật, Bồ Tát chẳng dùng thân phận của chính mình xuất hiện trên thế gian. Phật, Bồ Tát rất từ bi, có thể dùng thân biến hóa, biến hóa thành tại gia cư sĩ, biến hóa thành một người xuất gia tầm thường, vì quý vị thấy những người ấy sẽ chẳng hủy báng, chẳng tạo khẩu nghiệp. Vì lẽ đó, các Ngài chẳng dùng thân phận vốn có để xuất hiện trên thế gian.

[Sách Dẫn Nghĩa giảng câu]: “*Như luận tụng vân: Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực*” [như sau]:

(Diễn) “*Như luận*” chỉ luận, thị Vãng Sanh Luận. Như luận tụng vân hạ, thị dẫn chứng, thực hữu lực đoạn, hành hữu nhất đoạn.

(演) 如論之論，是往生論。如論頌云下，是引證，食有六段，行有一段。

(Diễn: *Chữ Luận trong “như Luận” chỉ Vãng Sanh Luận. Từ câu “luận tụng rằng” trở đi là dẫn chứng, có sáu đoạn nói về ăn, một đoạn nói về đi).*

“*Như Luận tụng vân*”: Nêu một bài kệ tụng trong Luận để chứng minh, “*Luận*” [ở đây] là Vãng Sanh Luận. Thông thường, trước chữ Luận có kê thêm tên gọi như Đại Trí Độ Luận, Du Già Sư Địa Luận, Khởi Tín Luận. Đối với kinh điển Tịnh Tông, chỉ nói một chữ Luận, chẳng kê tên, chắc chắn là Vãng Sanh Luận. Trong Vãng Sanh Luận có nói: “*Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực*”. “*Dẫn chứng*”: Dẫn Vãng Sanh Luận để chứng minh. Vãng Sanh Luận do Thiên Thân

Bồ Tát soạn, Đàm Loan đại sư viết chú giải, đặt tên là Vãng Sanh Luận Chú, chú giải hết sức hay! Ngài Đàm Loan là người thuộc thời đại Nam Bắc Triều, có công hiến hết sức lớn đối với Tịnh Tông. Nhân duyên học pháp của Ngài rất đặc thù. Thuở trẻ, Ngài sợ chết, luôn cảm thấy mạng người vô thường, đi khắp nơi cầu phương pháp bất tử, cho nên học đạo thần tiên. Về sau, Ngài gặp một vị pháp sư từ Tây Vực đến Trung Quốc, bèn thỉnh giáo pháp sư: “Phật môn có phương pháp trường sanh bất tử hay không?” Vị pháp sư ấy liền giới thiệu: “*Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ trường sanh bất tử*”. Sư nghe xong, rất hoan hỷ. Do vậy, Sư học Phật, chuyên tu Tịnh Độ, cũng được coi là một vị tổ sư trong thời ấy.

Phật Địa Luận nói: “*Tịnh Độ Tông chư Phật, Bồ Tát, năng thuyết, năng thọ Đại Thừa pháp vị*” (Chư Phật, Bồ Tát trong Tịnh Độ Tông có thể nói, có thể tiếp nhận pháp vị Đại Thừa). Có thể nói là Phật, có thể tiếp nhận là Bồ Tát.

(Diễn) Chư Phật, Bồ Tát năng thuyết, năng thọ giả, phi chư Phật bất năng thuyết, dĩ cụ tứ vô ngại biện, đắc đại vô úy cố. Phi Bồ Tát bất năng thọ, dĩ tối cực lợi căn, kham năng đảm hà cố.

(演) 諸佛菩薩能說能受者，非諸佛不能說，以具四無礙辯，得大無畏故。非菩薩不能受，以最極利根，堪能擔荷故。

(Diễn: “Chư Phật, Bồ Tát có thể nói, có thể tiếp nhận”: Chẳng phải là chư Phật sẽ không thể nói, do [chư Phật] trọn đủ Tứ Vô Ngại Biện, đắc đại vô úy. Chẳng phải là Bồ Tát sẽ không thể tiếp nhận, vì Bồ Tát lợi căn tốt bậc, có thể gánh vác).

Câu này có ý nghĩa cũng rất sâu. “Có thể nói” (năng thuyết) là A Di Đà Phật, đó là theo nghĩa hẹp. Nói theo nghĩa rộng, sẽ là mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai. Nói lên điều gì? “*Đại Thừa pháp vị*” được nói ở đây chỉ kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, chỉ những kinh này. Kinh điển này là pháp khó tin trong hết thảy các pháp môn; chẳng phải là chư Phật Như Lai, sẽ không thể nói! Nếu không phải là Bồ Tát, cũng chẳng thể tiếp nhận! Quý vị giảng cho họ, họ chẳng tin tưởng. Chỉ có Bồ Tát trí huệ gần bằng Phật nên tin tưởng; từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy điều này. Do đó, trước mắt chúng ta, không thể tiếp nhận pháp môn này, thậm chí bài xích, hủy báng, [chúng ta hãy] dùng cái tâm hết sức bình thường để nhìn họ, chẳng có gì đáng coi là kỳ

lạ! Họ tu học pháp môn khác, chúng ta cũng khích lệ họ, khuyên họ hãy nghiêm túc học tập, vì sao? Họ tu học pháp môn khác thành công, bèn tin tưởng. Họ phải đi đường vòng rồi mới tin tưởng, hiện tại họ không tin tưởng. Cuối cùng, bất luận tông nào, bất luận tu hành pháp môn nào, đều quy túc Nhất Chân pháp giới, tức là thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng thật sự giống như biển cả, tất cả trăm sông thủy đều chảy vào biển cả, vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều trở vào thế giới Hoa Tạng. Đã đến thế giới Hoa Tạng thì dễ rồi, gặp Văn Thù, Phổ Hiền. Mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn người ấy về thế giới Cực Lạc, đi đường vòng thì vẫn phải đi.

Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật*”, nên Bồ Tát mới có thể tiếp nhận! Đẳng Địa Bồ Tát hoàn toàn liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nghiêm túc niệm Phật. Thập Địa Bồ Tát như Hoa Nghiêm đã nói chính là [các vị Bồ Tát] từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, gồm mười một địa vị, chẳng cần ai khuyên bảo mà biết niệm Phật. Bất luận tu pháp môn nào, chẳng có gì là không tốt đẹp, chúng ta đều khuyên họ hãy nghiêm túc tu. Nếu người ấy có thể tu học pháp môn Tịnh Độ, người ấy tin tưởng, đó là thiện căn, phước đức, và nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay của người ấy đã chín muồi trong một đời này, hết sức hiếm có! Tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân, người ấy có đại thiện căn, có trí huệ chân thật, nên mới có thể tin tưởng, ưa thích, tiếp nhận pháp môn này! Có thể thấy người có thể tiếp nhận [pháp môn Tịnh Độ] là Bồ Tát. Đây là một cách nói hoàn toàn xét theo Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Một cách nói khác là Bồ Tát có thể tiếp nhận, mà cũng có thể nói. Các vị Bồ Tát ấy đến các thế giới của chư Phật trong mười phương, cũng thường giúp Phật nhiếp thọ, tiếp dẫn hết thảy chúng sanh. Bồ Tát có thể tiếp nhận, đó là sự thật, còn Ngài có thể nói, đó là do nương vào Phật lực gia trì. Nếu Phật lực chẳng gia trì, Ngài chẳng thể nói pháp môn vi diệu bậc nhất, [giảng nói pháp môn vi diệu bậc nhất này] mới thật sự là độ thoát chúng sanh triệt để viên mãn rốt ráo. Vì thế, thần lực của Tam Bảo gia trì vị ấy. Không chỉ là A Di Đà Phật gia trì, mà mười phương hết thảy chư Phật đều gia trì. Chư vị hãy nghĩ xem, lẽ nào người ấy chẳng thể vãng sanh? Kinh Vô Lượng Thọ đến cuối cùng nói A Di Đà Phật và hết thảy chư Phật thọ ký cho người ấy. Do vậy, đặc biệt khuyên tứ chúng đệ tử trong đời sau hãy phát tâm giảng bộ kinh này. Tôi vừa mới nói, chẳng phải là quý vị có thể giảng, mà là: Quý vị vừa phát tâm giảng, A Di Đà Phật và hết thảy chư Phật Như Lai đều gia trì quý vị. Chẳng được

gia trì, quý vị sẽ chẳng thể giảng! Không chỉ chúng ta giảng là do được Phật lực gia trì, mà lúc chư vị đồng tu nghe kinh này cũng là được Phật lực gia trì. A Di Đà Phật gia trì quý vị, mười phương hết thấy chư Phật gia trì quý vị, vì sao? Chẳng được Phật gia trì, quý vị sẽ nghe không hiểu! [Được chư Phật gia trì], pháp khó tin, nhưng quý vị sẽ tin. Chẳng được hết thấy chư Phật gia trì, do pháp khó tin, chúng ta bèn chẳng tin! Quý vị mới biết thiện căn ấy to cỡ nào! Trong đời quá khứ cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, thiện căn ấy hiện tiền trong đời này. Tôi chẳng tùy tiện nói lời này, mà có kinh điển làm căn cứ, trong kinh đã dạy như thế.

Nay chúng ta nhìn toàn thể thế giới này, chúng sanh trong thời đại này đích xác được thần lực của chư Phật Như Lai gia trì, mỗi nơi đều có người tin tưởng pháp môn này, đều có người nghiêm túc tu học pháp môn này, đó là một hiện tượng tốt đẹp. Ở Đài Loan, những chỗ như vậy rất nhiều! Trong đạo tràng này của chúng ta, thường có những đồng tu cùng nhau nghiên cứu, học tập, niệm Phật, chúng ta rất thân thuộc. Không chỉ trong đạo tràng này, tôi thường nghe nói mỗi nơi có chẳng ít người niệm kinh Vô Lượng Thọ, nghe băng thâu âm và cũng niệm Phật, đó là tượng trạng tốt đẹp. Hiện thời, xã hội Đài Loan loạn như vậy, may mắn là còn có nhiều người đang nghiêm túc tu phước ngàn ấy. Phước báo ấy là phước báo lớn bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, hy hữu, khó gặp! Vì vậy, chúng ta phải quý trọng!

Một câu này bao hàm rất nhiều nghĩa, không chỉ nói đến chư Phật, Bồ Tát nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói thật ra, những người từ thế giới Tây Phương đến ứng hóa trong các thế giới phương khác chẳng biết là bao nhiêu! Đặc biệt là những xứ sở khổ sở, hoạn nạn, càng bị khổ nạn, bi tâm của Bồ Tát càng sâu nặng, Ngài thị hiện ở nơi ấy, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều có. Chúng ta thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, có thể hiểu ý nghĩa này, có thể nói là “có thể tiếp nhận pháp vị Đại Thừa”.

Câu “*hựu chánh thể trí thọ Chân Như vị, năng trụ trì thân mạng, sử bất đoạn hoại, trưởng dưỡng vạn pháp, cố danh vi thực*” (lại nữa, chánh thể trí tiếp nhập Chân Như vị, có thể duy trì thân mạng khiến cho nó chẳng bị đoạn dứt, hư hoại, trưởng dưỡng vạn pháp, nên gọi là **Ấn**) [được sách **Diễn Nghĩa** giảng như sau]:

(Diễn) Chánh thể trí, tức Căn Bản Trí, diệt danh Như Lý Trí, thử trí năng chứng Chân Như.

(演) 正體智，即根本智，亦名如理智，此智能證真如。

(*Diễn: Chánh thể trí là Căn Bản Trí, còn gọi là Như Lý Trí, trí này có thể chứng Chân Như*).

Do vậy có thể biết, trí huệ này trọng yếu, người niệm Phật cầu loại trí huệ này. Người niệm Phật, người tu Tịnh Độ nhất định phải biết chúng ta cầu gì? Chúng ta cầu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm thế nào mới có thể cầu được thế giới Cực Lạc? Trong hết thấy các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều: “*Tâm tịnh, ắt cõi tịnh*”. Trong kinh này có dạy: “*Nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”, kinh Đại Bồn dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Nói tóm lại, quy nạp vào Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Tâm Kinh dạy: “*Vô trí, mà cũng vô đắc*”. Vô trí là Căn Bản Trí, nhưng chớ vị nghe lời này, chớ nên nầy sanh hiểu lầm “vô trí là Căn Bản Trí, vậy là rất nhiều kẻ ngu ngốc trong thế gian này đều có Căn Bản Trí”, hiểu lầm mất rồi! “*Vô trí*” là chẳng có tà trí, người ấy có chánh trí, kinh gọi trí ấy là “*chánh thể trí*”. Người ấy có chánh trí, chẳng có tà trí, có ý nghĩa giống như nhà Thiền đã nói “*vô niệm*”, chẳng có tà niệm, nhưng có chánh niệm, điều này được gọi là Căn Bản Trí.

Nói thật ra, cái được gọi là Căn Bản Trí chính là tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh chẳng dấy lên các tác dụng khác, khi nó chẳng khởi Tha Thụ Dụng thì gọi là Căn Bản Trí. Vì sao? Chính nó có trí huệ, tuy trí huệ chẳng khởi tác dụng, bản thân trí huệ ấy khi biểu hiện sẽ ở chỗ nào? Biểu hiện ở chỗ “*có thể chứng Chân Như*”. Tuy có thể chứng Chân Như, nhưng nó chẳng chấp trước Năng và Sở, đó mới là thật. Vì sao? Vì sở chứng Chân Như (Chân Như được chứng bởi Căn Bản Trí) và năng chứng Căn Bản Trí (cái trí để chứng Chân Như) là một, không hai, trong ấy chẳng có giới hạn, chẳng có Năng và Sở (chủ thể và khách thể). Trí là Như, Như là Trí, nên gọi là Như Lý Trí. Vì hễ có năng chứng và sở chứng, trong tâm liền động, dấy động ý niệm, ý niệm bị dấy động ấy gọi là vô minh. Khởi Tín Luận đã nói: Vô minh do đâu mà có? “*Một niệm bất giác, bèn có vô minh*”. Một niệm bất giác là gì? Là có Năng và Sở, hễ có Năng và Sở, bèn ngay lập tức sanh ra tương đối. Năng và Sở là tương đối, đó là vô minh. Vô minh ấy được gọi là Căn Bản Vô Minh. Do vậy, cái tâm thanh tịnh đến cùng cực, đích xác là trong tâm thanh tịnh chẳng sanh một niệm, chẳng lập một pháp, vạn pháp như như, đó là cảnh giới ấy. Đó là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” như kinh Hoa Nghiêm đã nói.

(Diễn) Như không hợp không, tự thủy đầu thủy.

(演) 如空合空，似水投水。

(Diễn: Dường như hư không hòa lẫn vào hư không, như nước gieo vào trong nước).

Tiếp đó là tỷ dụ. “*Như không hợp không*”: Chân Như là Không, trí huệ có thể chứng Chân Như cũng là không, Không và Không có cùng một Thể, chẳng có giới tuyến. “*Như nước gieo vào nước*”, chúng ta đổ một chén nước vào trong biển cả, có thể tìm được giới tuyến hay không? Tìm không thấy! Đó là Năng và Sở là một, không hai. Nay phàm phu chúng ta chẳng thể nhập cảnh giới này là do vạch giới tuyến rất rành mạch, chuyện này liền phiền phức to lớn, có Năng và Sở mà!

Chúng ta niệm A Di Đà Phật, ta là năng niệm, A Di Đà Phật là sở niệm (đối tượng được niệm) của ta, Năng và Sở rành mạch, rõ ràng; nhưng niệm Phật thì được, sẽ có thể đời nghiệp vãng sanh, học các pháp môn khác chẳng được! Học các pháp môn khác, chỉ cần quý vị có Năng và Sở tồn tại, chắc chắn chẳng thể kiến tánh, cũng có nghĩa là quý vị tu hành nhiều nhất bèn chứng quả A La Hán hoặc Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, chứ các địa vị như Sơ Trụ hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo nhất định chẳng thể chứng đắc, vì từ các đẳng cấp này trở lên không có Năng và Sở, các đẳng cấp thấp hơn có Năng và Sở. Quý vị có khái niệm Năng và Sở rất sâu, liền chứng địa vị nông cạn. Quý vị có khái niệm Năng Sở rất mỏng, địa vị liền tăng lên. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, [Năng và Sở] là vọng tưởng, chấp trước. Trong kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, đức Phật đã dạy: “*Khả đắc vi thế gian sự, bất khả đắc vi thế gian ý*” (Có thể làm chuyện thế gian, chớ nên khởi ý niệm thế gian). “*Thế gian sự*” là hết thảy mọi chuyện trong thế gian này, chúng ta không thể bỏ qua, vẫn phải làm đúng như thế. Chớ nên có “*thế gian ý*”, ý là chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là “*thế gian ý*”. Ý niệm chấp trước ấy càng mỏng càng tốt, chuyện chẳng thể không làm nhất định phải nghiêm túc, đầy trách nhiệm thực hiện cho tốt đẹp, đó là “*thế gian sự*”. Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Đừng nói: “Ta làm chuyện này sẽ chướng ngại sự tu hành của ta”. Thật ra, chẳng có chướng ngại. Chỉ cần quý vị tâm địa thanh tịnh, sẽ chẳng có chướng ngại. Tâm địa quý vị chẳng thanh tịnh, bèn có chướng ngại. Vì lẽ đó, có chướng ngại hay không chẳng dính líu gì đến [hoàn cảnh] nhân sự, mà toàn là do quý vị dụng tâm như thế nào. Chướng ngại hay không là do dụng tâm, Phật pháp là tâm pháp. Hai tỷ dụ này đều so sánh rất hay!

(Diễn) Lý Trí nhất như.

(演) 理智一如。

(Diễn: Lý và Trí như một).

Lý là Chân Như, Trí là trí huệ có thể chứng Chân Như, tức là Căn Bản Trí. Tác dụng đối với bản thân là Căn Bản Trí, khởi tác dụng đối với người khác là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, đó là Căn Bản Trí. Tâm Kinh đến cuối cùng nói “*vô trí cũng vô đắc*”, đó là Căn Bản Trí, ở đây nói là Chánh Thể Trí, hoặc Như Lý Trí. Nó khởi tác dụng giáo hóa chúng sanh, giúp cho người khác không gì chẳng biết. Từ trí này khởi lên tác dụng “không gì chẳng biết”. Khi chẳng [khởi tác dụng] đối với ai khác, chính nó là vô tri, chẳng biết gì cả, tâm ấy mới thật sự thanh tịnh.

Chúng ta đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, thấy Ấn Quang đại sư dạy các đồng tu sơ học phải “*thâm nhập một môn*”, chớ nên học tạp, chớ nên đến các đạo tràng. Lời ấy từ bi đến tột bậc, lợi ích chân thật giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật). Nói thật cùng quý vị, chẳng thể đến nhiều đạo tràng, chớ nên thân cận nhiều thiện tri thức, chớ nên xem nhiều kinh sách. Cụ Ấn Quang thâm nhận đệ tử quy y, từ Vĩnh Tư Lục hoặc Văn Sao, chúng ta thấy các đệ tử quy y thường đến chùa gặp thầy, Ngài trông thấy đều quở, hỏi ngay: “Ngươi đến làm gì?” “Con đến gặp sư phụ”. “Đã thấy sư phụ rồi! Còn có gì hay ho để thấy nữa ư?” Ngài quở mắng, đuổi quý vị về: “Ngươi chẳng trở về nhà, thật thà niệm Phật, mà đi tới chùa, lãng phí tinh thần, lãng phí tiền tài”, đó là giáo huấn chân thật!

Ngài dạy quý vị chỗ nào cũng đừng nên đến, cũng đừng nên tiếp xúc, nhằm làm gì? Tu Căn Bản Trí. Kinh gọi điều này là tu nhất tâm bất loạn. Kinh Đại Bồn dạy quý vị “*một mực chuyên niệm*”, kinh dạy quý vị “*chuyên tinh hành đạo*”, quý vị đi khắp nơi, tâm liền tán loạn, khi nào mới có thể đắc nhất tâm? Không sai! Chúng ta muốn đi tham phỏng thì tham phỏng chưa phải là lúc này! Theo giáo huấn của Ấn Quang đại sư, nên tham phỏng vào lúc nào? Sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho đến lúc ấy, quý vị hằng ngày đều đến các cõi Phật trong mười phương để lạy Phật, nghe kinh, nghe pháp, đến giúp đỡ hết thảy chúng sanh, khi ấy [sẽ làm những chuyện đó], chẳng phải là lúc này. Hiện thời chẳng có năng lực ấy, mà quý vị còn tham phỏng thêm mấy vị,

thôi rồi, đã phá hỏng chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm tới, làm lui, vẫn là tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Chuyện này phiền phức lắm! Vì thế, hiện tại phải buông chuyện tham phỏng xuống, nhất tâm nhất ý chuyên cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, có như vậy thì đời này chúng ta mới chẳng đến nỗi luống uổng!

Người ta nói quý vị tu Tịnh Độ là Tiểu Thừa, là kẻ lo tự giải thoát cho riêng mình, thiếu tâm từ bi, cứ mặc kệ cho họ nói! Chớ vì người khác nói vài câu, tâm chúng ta liền động: “Ta chẳng nên làm kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình, ta có tâm từ bi”. Có tâm từ bi bèn đi lung tung khắp nơi, đi đến cuối cùng vẫn luân hồi trong lục đạo, từ bi nỗi gì! Thật sự đại từ đại bi là sau khi đã gặp A Di Đà Phật, khi ấy mới phổ độ chúng sanh. Ngay cả chính Phổ Hiền Bồ Tát cũng nói: Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười đại nguyện vương của Ngài mới viên mãn. Do đó, chúng ta mới hiểu: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì Tứ Hoàng Thệ Nguyện mới có thể viên mãn! Chưa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bốn điều ấy đều là giả, hữu danh vô thực. Chẳng có năng lực độ chúng sanh, đoạn phiền não thì chính mình cũng chẳng có năng lực đoạn; học pháp môn, thành Phật đạo thì chẳng có ai trong chúng ta có thể hoàn tất trong một đời này! Cả thầy bốn điều đều chẳng làm được! Nếu quý vị muốn làm được cả bốn điều ấy, làm viên mãn, chỉ có cách vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, tổ sư khuyên chúng ta tu học, thật sự buốt lòng rất miệng khuyên bảo, bản thân chúng ta phải phản tỉnh thật sâu [nhận biết] chính mình là căn tánh như thế nào, có năng lực gì, trước hết là chính mình phải nhận biết chính mình. Kinh niệm một quyển là đủ rồi. Bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa này phân lượng quá nhiều, chẳng bằng kinh Vô Lượng Thọ. Đối với người hiện thời mà nói, kinh Vô Lượng Thọ phân lượng vừa đúng, không quá nhiều, cũng không ít. Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa có thể dùng để tham khảo, Di Đà Kinh Yếu Giải và Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ đều là sách tham khảo hết sức hay, thỉnh thoảng nên mở ra đọc. Chánh kinh là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là định khóa của chúng ta, nhất định phải niệm mỗi ngày. Những sách khác quý vị đọc hay không đọc cũng chẳng sao, vừa lễ bái, vừa lật xem một đoạn, không xem cũng chẳng sao! Nhất định phải phân định rành mạch Chánh Tu và Trợ Tu. Chúng ta lấy kinh Vô Lượng Thọ, hoặc lấy kinh Di Đà, lấy tín nguyện trì danh làm Chánh Tu của chúng ta, quyết định không thể lơ lửng khóa trình ấy. Nếu quý vị nghiêm túc học theo cách như vậy, càng học, tâm càng thanh tịnh, phiền não thật sự giảm bớt, chính mình

có thể cảm nhận được: Vọng tưởng ít đi, chấp trước cũng nhẹ nhàng, đối với chuyện gì cũng coi nhạt nhẽo, tâm được tự tại, có năng lực biện định pháp thể gian và xuất thể gian, đó là trí huệ tăng trưởng. Quý vị đạt được lợi ích này, mới hiểu những lợi ích thù thắng, lợi ích lớn nhất như kinh đã dạy, quý vị hiểu những lời ấy. Quý vị đã hiểu, vì sao? Thật sự đạt được! Trước kia là nghe nói, hiện thời là chính mình thật sự đạt được.

(Diễn) Trưởng vô đoạn tuyệt, tòng Thể khởi Dụng, trưởng dưỡng vạn pháp, như thực chi năng trì sắc thân, trưởng dưỡng vạn sự dã.

(演) 長無斷絕，從體起用，長養萬法，如食之能持色身，長養萬事也。

(Diễn: “Tăng trưởng chẳng đoạn tuyệt”: Từ Thể khởi Dụng, trưởng dưỡng vạn pháp, như thức ăn có thể duy trì sắc thân, trưởng dưỡng vạn sự).

Chư vị phải khéo niệm Phật! Lợi ích hiện tiền là thân tâm khỏe mạnh, vạn sự như ý, quý vị có muốn đạt được hay không? “*Trưởng dưỡng vạn sự*” được nói ở đây chính là vạn sự như ý, chuyện nào cũng hợp ý, thân tâm khỏe mạnh. Đó là sự phú quý chân thật trong đời người, chẳng phải là có tiền tài mới là phú quý. Có tiền, có địa vị, mà thân tâm chẳng khỏe mạnh, vô dụng! Hạnh phúc bậc nhất trong đời người là thân tâm khỏe mạnh, cuộc sống vui sướng, chẳng có phiền não, chẳng lo nghĩ, rất vui sướng, đó là hạnh phúc nhất, tuyệt đối chẳng phải là tiếng tăm, lợi dưỡng. Người thế gian coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, nhìn sai mắt rồi, đó là mê hoặc, điên đảo.

(Sao) Hựu A Hàm Duy Thức đẳng, thuyết xuất thể ngũ thực.

(鈔) 又阿含唯識等，說出世五食。

(Sao: Lại nữa, A Hàm, Duy Thức v.v... nói đến năm món ăn xuất thể).

Kinh A Hàm là kinh Tiểu Thừa, Duy Thức là Đại Thừa Thủ Giáo, là kinh Đại Thừa. Trong những giáo nghĩa ấy, đức Phật đã nói người tu hành có năm thứ thức ăn.

(Sao) Nhất, Thiên duyệt; nhị, nguyện; tam, niệm; tứ, giải thoát; ngũ, pháp hỷ. Vị Thiên Định tư thần, khinh an, thích duyệt, tức vi thực nghĩa. Nguyện lực trì pháp, Pháp Thân tăng trưởng, tức vi thực nghĩa.

(鈔) 一、禪悅，二、願，三、念，四、解脫，五、法喜。謂禪定資神，輕安適悅，即為食義。願力持法，法身增長，即為食義。

(Sao: Một là Thiên duyệt; hai là nguyện; ba là niệm; bốn là giải thoát; năm là pháp hỷ. Ý nói: Thiên Định bồi bổ tinh thần, nhẹ nhàng, thoải mái, nên có ý nghĩa Ăn. Nguyện lực gìn giữ pháp, tăng trưởng Pháp Thân, chính là ý nghĩa của Ăn).

Nay chúng ta thấy rất nhiều người học Phật chẳng có Thiên Định, nói gì nữa! Tuy họ có phát nguyện, tuy có nguyện, nhưng ta cũng chẳng thấy họ có biểu hiện công đức lợi ích thật sự gì, do duyên có nào? Vì nguyện của họ là giả, chẳng thật. Vì sao biết là giả? Được vài năm, nguyện của họ sẽ biến đổi, hoặc gặp cảnh giới hiện tiền, nguyện của người ấy cũng bị chuyển biến, có thể thấy nguyện ấy chẳng thật! Nếu nguyện chân thật, thiết tha, sẽ đích xác là ý nghĩa này. Như nguyện lực của A Di Đà Phật [được chép] trong kinh Vô Lượng Thọ, “*tùng sử thân nhập đại hỏa trung, như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái*” (dẫn cho thân vào trong lửa lớn, nguyện tâm như vậy vĩnh viễn chẳng lui sụt). Đó là chân thật, nguyện của Ngài liền sanh ra hiệu lực. Bất luận cảnh giới nào, nguyện của người ấy kiên cố, chẳng thoái chuyển. Nguyện lực ấy có thể “*trì pháp*”, “*trì*” là gìn giữ, “*pháp*” là phương pháp tu hành của người ấy. Căn cứ lý luận, phương pháp tu hành, do được nguyện lực gìn giữ, nên chẳng bị biến đổi. “*Pháp Thân tăng trưởng*”, Pháp Thân huệ mạng của người ấy tăng trưởng. Chỉ có tín nguyện kiên cố, Pháp Thân huệ mạng quyết định tăng trưởng.

Vì thế, tôi bảo các đồng học: Quý vị hãy làm, sẽ thấu hiểu, chứng nghiệm. Nếu quý vị thật sự tin tưởng pháp môn này, y theo phương pháp như tôi đã nói để tu hành, tối đa là ba năm, quý vị gặp lại tôi, sẽ nói: “Pháp sư ơi! Tôi thật sự nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ nay trở đi chẳng còn bị đọa trong lục đạo luân hồi nữa”. Đó là một đại sự phi phàm! Nếu quý vị thật sự nghiêm túc thực hiện ba năm, sẽ đạt được. Bất quá trong ba năm ấy, quý vị còn xem kinh luận khác, còn muốn nghe giảng cái này, nghe cái kia, còn muốn đến chùa miếu

khắp nơi, đi dự pháp hội khắp nơi, vậy thì ba mươi năm, ba trăm năm cũng không được! Chúng ta làm phàm phu đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp tới nay sanh tử luân hồi, đời này gặp gỡ duyên phận tốt đẹp như vậy, đã tìm được đường nẻo để vượt thoát tam giới, chẳng dễ dàng! Cũng có thể nói là vô lượng kiếp đến nay đều chẳng phát hiện đường lối này! Đã tìm được, sao chẳng đi cho sớm? Tìm được, quý vị sẽ sớm thành Bồ Tát, thành Phật, chẳng còn làm phàm phu.

Ngay cả giáo học thế gian cũng luôn luôn là “*giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đạo giáo hóa chú trọng chuyên ròng), huông hồ đại pháp liễu sanh tử! Nhất định phải chuyên tu. Vì thế, người tu hành thật sự, trong Phật đường tại nhà, thờ một bức tượng A Di Đà Phật, một quyển kinh Di Đà, một lư hương, tối đa là thêm một cái dẫn khánh, một cái mõ, [ngoài ra], thứ gì cũng đều chẳng có, tâm chuyên nhất! Đầu bàn còn bày một đồng sách lớn, không được rồi, chẳng chuyên! Thật sự chuyên thì tối đa là năm kinh Tịnh Độ. Càng tinh ròng, tâm người ấy càng chuyên, thật sự đạt đến chuyên nhất, sự thụ dụng đích xác là chẳng thể nghĩ bàn! Tôi có nói, quý vị cũng chẳng có cách nào hiểu được, vì sao chẳng có cách nào hiểu được? Vì quý vị chẳng chuyên! Chuyện này giống như người uống nước, âm lạnh tự biết. Tôi uống hết chén nước, tôi bảo quý vị nước này rất nóng, quý vị chưa uống qua, nóng cỡ nào quý vị cũng chẳng thể tưởng tượng được! Quý vị phải nếm thì mới được. Nếu quý vị có thể chuyên ròng trong ba tháng, quý vị sẽ hiểu hương vị ở đây, quý vị liền đạt được lợi ích. Quý vị thật sự làm trong ba tháng, nhật báo, tạp chí, radio, TV đều chẳng xem, những thứ thù tạc chẳng cần thiết đều bỏ sạch. Không chỉ sách vở thế gian đừng xem, mà những kinh Phật khác cũng chớ nên xem. Chuyên niệm một quyển kinh Vô Lượng Thọ, niệm suốt ba tháng. Trừ niệm kinh ra, liền niệm Phật, tận hết khả năng sao cho Phật hiệu chẳng gián đoạn. Điều này đòi hỏi phải có nguyện lực chân thật để duy trì. Nếu quý vị chẳng có nguyện lực chân thật, sẽ thấy lạ, nghĩ khác! Cảnh giới bên ngoài vừa đưa đến, ngay lập tức dao động, ngay lập tức lui sụt. Bạn bè tìm quý vị đánh mặt chược, được lắm, quý vị phải đến thù tạc một chút. Người bạn nợ mời quý vị đi xem phim, quý vị đi một chút, thôi rồi, hết thầy xếp xó cả rồi!

(Sao) Niệm lực minh ký, thánh đạo hiện tiền, tức vi thực nghĩa.

(鈔) 念力明記 , 聖道現前 , 即為食義。

(Sao: Niệm lực hiểu rõ ràng, ghi nhớ, thánh đạo hiện tiền, chính là ý nghĩa Ăn).

Trong Lục Thu²⁵, chữ Niệm thuộc loại Hội Ý. “Niệm” (念) là kim tâm (今心), tức là cái tâm hiện tại, tức một niệm chân tâm hiện tiền. Chẳng phải là tâm quá khứ, chẳng phải là tâm vị lai, tâm hiện tại! “Niệm lục minh ký”: Minh (明) là hiểu rõ, Ký (記) là không quên, “thánh đạo hiện tiền”. Nhất là vận dụng vào niệm Phật, một câu danh hiệu A Di Đà Phật nhiếp toàn bộ vô lượng công đức của Phật Di Đà. Dùng một niệm tâm tịnh tín để niệm câu Phật hiệu này, biến công đức của A Di Đà Phật đều thành công đức của chính mình. Tâm chính mình và tâm A Di Đà Phật giao hòa, trong ấy chẳng có giới tuyến, nhập vào nhau như ánh sáng dung hòa. Một niệm tâm của chúng ta gieo vào trong Nhất Thừa nguyện hải của A Di Đà Phật. Nhất thừa nguyện hải của A Di Đà Phật nhập vào tâm ta, tự tâm và Phật tâm chẳng hai, chẳng khác, trong ấy chẳng có giới tuyến. Vì thế, “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Quý vị biết công đức niệm Phật to chừng nào? Trong thế gian, rất nhiều người chẳng biết điều này!

Quý vị niệm một câu danh hiệu Phật này, quý vị là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là quý vị, vì trong ấy chẳng có giới tuyến, “như không hợp không, tự thủy đầu thủy” (như hư không hợp cùng hư không, như nước gieo vào trong nước). Trong ấy chẳng có giới tuyến, mấy ai biết là có loại công đức, lợi ích thù thắng này? Nếu quý vị muốn tiêu tai miễn nạn, tiêu nghiệp chướng, phương pháp nào cao minh bằng phương pháp Niệm Phật? Có phương pháp nào hữu hiệu bằng phương pháp Niệm Phật? Phương pháp Niệm Phật này có công đức bậc nhất, hiệu quả thù thắng bậc nhất. Vì vậy, quý vị niệm Phật, có còn phải bái sám hay không? Chẳng cần thiết! Chúng ta chẳng hiểu đạo lý này, miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm có Năng và Sở, hoài nghi Phật, chẳng tin vào chính mình, niệm kiêu đó sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao. Hoài nghi Phật, “ta niệm thì Phật có nghe hay không? Rốt cuộc Ngài có biết hay là không?” Hoài nghi, chẳng biết A Di Đà Phật có biết ta đang niệm hay không! Hoài nghi chính mình, ta một đời này tội nghiệp sâu nặng, Phật có thể tha thứ cho ta hay không? Có thể rộng dung cho ta hay không? Chẳng tin Phật, lại chẳng tin chính mình, niệm kiêu ấy làm sao có thể cảm ứng đạo giao cho được? Tâm ấy chẳng thanh tịnh! Tâm chẳng thanh tịnh, niệm lục của quý vị chẳng tương ứng.

Vì sao bảo quý vị đến nghe kinh? Vì sao phải giảng giải, phân tích cho quý vị cận kề như vậy? Nhằm phá nghi sanh tín. Nếu quý vị đoạn

hết nghi hoặc, tín tâm sanh khởi; khi ấy, một niệm tương ứng một niệm Phật, quý vị niệm Phật lúc đó chẳng giống như niệm Phật trước kia. Trước kia, niệm Phật xác thực là suốt ngày từ sáng đến tối đều chẳng tương ứng, chẳng có một câu nào tương ứng. Sau khi quý vị thật sự hiểu đạo lý này, sẽ có thể phát hiện niệm Phật câu nào cũng tương ứng, câu nào cũng đều là tín tâm thanh tịnh niệm, câu Phật hiệu nào cũng dung hội với A Di Đà Phật thành một Thể. Công đức đã tu từ vô lượng kiếp đến nay của A Di Đà Phật, do tâm chúng ta và tâm Ngài tương ứng, công đức của Ngài liền biến thành công đức của ta. Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Vì lẽ đó, hết thấy chư Phật tán thán, hết thấy Bồ Tát đều phải cầu sanh Cực Lạc. Vì thế là “*niệm lục minh ký, thánh đạo hiện tiền*”.

Quán Kinh giảng lý luận thấu triệt, giảng rất hay: “*Tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”. “*Tâm này là Phật*” là Lý, đối với câu này, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói là Bản Giác, Bản Giác vốn có. Tâm này là Phật, cũng là “*hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*” như trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác đã giảng. Tâm này là Phật, vốn đã thành Phật, đó là Lý. Trên sự thật, chẳng tương ứng, trên sự thật, chúng ta niệm niệm đều nghĩ tới lục đạo, nghĩ tới mười pháp giới, chẳng phải là Phật! Nay chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này thì phải là “*tâm này làm Phật*”. Quý vị niệm một câu A Di Đà Phật là một niệm làm Phật, niệm hai câu A Di Đà Phật là hai niệm làm Phật. Niệm ấy chẳng gián đoạn, quý vị bèn là niệm niệm làm Phật, như vậy thì sẽ thật sự thành Phật. Chư vị hãy khéo suy nghĩ đạo lý này. Quý vị niệm Bồ Tát bèn thành Bồ Tát, niệm A La Hán bèn thành A La Hán. Quý vị niệm tham, niệm sân, niệm si, đều có quả báo. Niệm là tạo nhân, sau đây, nhất định có quả báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may! Hiện thời, có rất nhiều người suốt ngày nghĩ đến tiền, quý vị nghĩ xem, quả báo tương lai là gì? Trên tiền giấy, có rất nhiều vi khuẩn, [kẻ chỉ nghĩ đến tiền] tương lai đều biến thành những thứ ấy! Hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới biết hết thấy các pháp môn chẳng hay bằng niệm Phật! Niệm Phật thật sự tốt đẹp, thật sự rất ráo!

(Sao) Giải thoát trừ chướng, cư nhiên tư ích, tức vi thực nghĩa.

(鈔) 解脫除障，居然資益，即為食義。

(Sao: Giải thoát trừ chướng, nghiễm nhiên tăng trưởng, đó chính là ý nghĩa Ăn).

Chúng ta đọc chữ Giải với giọng khứ thanh (tức là Xié trong âm Quan Thoại), dùng như động từ, có nghĩa là “*giải trừ*”. Giải trừ gì? Phiền não. “*Thoát*” là thoát lìa, thoát lìa gì? Thoát lìa lục đạo luân hồi, thoát lìa sanh tử. Phiền não là căn bản, là nhân của sanh tử! Sanh tử luân hồi là quả báo. Nếu muốn thoát lìa sanh tử luân hồi, phải tiêu diệt nhân tố của sanh tử luân hồi, nhân tố là vô minh phiền não. Nặng nhất trong các phiền não là kiến giải sai lầm và tư tưởng sai lầm, chúng được gọi gộp chung là Kiến Tư phiền não. Kiến giải sai lầm có năm loại lớn: Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến. Tư tưởng sai lầm cũng có năm loại lớn: Tham, sân, si, mạn (ngạo mạn), và nghi (hoài nghi thánh giáo). “*Giải*” là đoạn phiền não, mười điều Kiến Tư phiền não quý vị thầy đều có thể đoạn hết, liền được thoát, thoát khỏi lục đạo luân hồi, liền chứng quả A La Hán, đó là giải thoát. “*Giải thoát trừ chướng*”, chướng ấy là Phiền Não Chướng, có thể trừ Phiền Não Chướng.

“*Cư nhiên tư ích*” (Nghiêm nhiên tăng trưởng), nó có thể tăng trưởng Pháp Thân huệ mạng của quý vị. Trong Tiểu Thừa, đức Phật chỉ nói đến Kiến Tư phiền não; trong Đại Thừa, Ngài nói đến trừ chướng thì có ba thứ chướng là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Giảng rất vi tế, rất rộng, [trừ phiền não trong Đại Thừa] không chỉ là trừ Kiến Tư phiền não mà thôi! Nếu chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phương pháp được chúng ta sử dụng, tức là phương pháp làm thế nào để giải thoát, chính là tín nguyện trì danh. Ta tin tưởng Tịnh Độ rất sâu, tin tưởng trí huệ, nguyện lực, và công đức của A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi tí nào. Thứ hai là tin tưởng chính mình, ta dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, niệm niệm đều tương ứng với A Di Đà Phật; trong tương lai khi lâm chung, A Di Đà Phật quyết định đến tiếp dẫn ta. Dùng tín tâm thanh tịnh như vậy để niệm Phật, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, đoạn Vô Minh phiền não, phương pháp này hay lắm, chẳng cần dùng phương pháp nào khác nữa! Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy chúng ta: “*Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tự mở mang). “*Tâm khai*” là giải thoát. Giải thoát và “*tâm khai*” có cùng một ý nghĩa. “*Bất giả*” (不假) là không cần nhờ vào phương tiện pháp môn nào khác, một câu Phật hiệu bèn thành công. Quý vị nghĩ xem pháp môn này thù thắng lắm, thuận tiện lắm, đơn giản, dễ dàng, ai nấy đều có thể niệm, mỗi người đều có thể sử dụng cách này, nhưng quý vị chẳng chịu dùng thì chẳng có cách nào cả! Nếu quý vị thật sự biết dùng, quyết định hữu hiệu. Vì thế, tôi nói với quý vị, quý vị hiểu

đạo lý này, hiểu phương pháp này, quý vị nghiêm túc thực hiện, ba tháng sẽ thấy hiệu quả, quý vị thấy đó, nhanh chóng lắm! Đó là chánh pháp, thật sự thuần chánh.

(Sao) Pháp hỷ nội sung, cực hỷ lạc cố, tức vi thực nghĩa.

(鈔) 法喜內充，極喜樂故，即為食義。

(Sao: Pháp hỷ sung mãn trong ấy, vui sướng tột bậc, tức là nghĩa Ăn).

Tục ngữ có câu: “*Nhân phòng hỷ sự tinh thân sáng*” (Người gặp chuyện vui, tinh thân sáng khoái). Quý vị gặp chuyện vui vẻ, tinh thân sung mãn gặp trăm lần, mệt mỏi gì cũng quên khuấy, hoan hỷ. Sự vui thể gian còn khiến ta quên mất mệt nhọc, tinh thần phấn chấn, hướng gì trong Phật pháp, quý vị thật sự có thể cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, thật sự có thể ngộ nhập nghĩa lý sâu xa tinh hoa, ẩn kín, vi tế trong Phật pháp, quý vị sẽ có thể lãnh hội niềm vui sướng, khoái lạc ấy! Bất luận là đọc kinh hay niệm Phật, tinh thần tăng tấn gấp trăm lần, chẳng mệt mỏi. Nếu niệm mà thấy mệt mỏi, tức là quý vị công phu chẳng đúng pháp, nghiệp chướng của quý vị còn rất nặng, phải dùng phương pháp niệm Phật để tiêu trừ. Công phu đắc lực, nghiệp chướng dần dần tiêu trừ, thừa cùng chư vị, sẽ ngủ ít đi, vì sao? Người ấy có pháp hỷ. Thuở đức Phật tại thế, đệ tử Phật, thông thường là những vị xuất gia với Phật, mỗi ngày ngủ bốn tiếng đồng hồ, [ngủ vào lúc] trung dạ, tức là mười giờ đêm đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Họ ngủ bốn giờ là đủ, vì sao? Pháp hỷ sung mãn. Mỗi ngày họ ở chung với Phật, với Bồ Tát, nên hoan hỷ! Tâm địa thanh tịnh, ăn uống ít, ngày ăn một bữa là đủ, buổi trưa ăn một bữa, mỗi ngày ngủ bốn tiếng đồng hồ.

Nay chúng ta một ngày ngủ tám, chín tiếng đồng hồ, nghiệp chướng đầy! Ngủ đến nỗi đầu óc mê hoặc, điên đảo. Quý vị nói dùng phương pháp gì ư? Niệm Phật. Niệm Phật ư? Chẳng hữu hiệu! Đúng vậy, há lẽ nào vừa niệm liền thấy hiệu quả ngay! Chẳng thể nào mau chóng như thế được! Nói chung, quý vị phải niệm một thời gian, quý vị bị bệnh này đã quá lâu, vừa uống thuốc vào, chẳng thể nào hữu hiệu mau chóng như vậy được! Thật sự cảm thấy hữu hiệu, ba tháng, đó cũng là rất nhanh! Hiệu quả rõ rệt phải từ ba năm đến năm năm, sẽ có hiệu quả vô cùng rõ rệt. Vì thế, thân tâm thật sự khỏe mạnh, pháp hỷ sung mãn, suốt ngày từ sáng đến tối vui sướng, chẳng còn có phiền não, chẳng còn ưu lự.

Bất luận cảnh giới nào, thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều là pháp hỷ sung mãn, có trí huệ.

Năm loại ấy đều có nghĩa Ăn. Ăn [ở đây] có nghĩa là có thể dấy khởi tinh thần, khiến cho chúng ta quên mất mệt nhọc, trừ bỏ mệt nhọc [giống như ăn đồ ăn vào sẽ khiến ta chẳng còn đói nữa].

(Sao) Kim chỉ ngôn Định giả, cử nhất kiêm tứ, Thiên Định chi trung, vô bất nhiếp cố.

(鈔) 今止言定者，舉一兼四，禪定之中，無不攝故。

(Sao: Nay chỉ nói đến Định, nêu lên một điều bao gồm cả bốn điều, trong Thiên Định, không gì chẳng được bao hàm).

Trong lời giải thích trên đây, đại sư chỉ nói đến Thiên Định. Lời Sao do Ngài viết, nhằm bổ sung ý nghĩa này. Trong Thiên Định, cả bốn ý nghĩa ấy đều được bao gồm. Thật sự có Thiên Định thì “nguyện, niệm, giải thoát, pháp hỷ” tất nhiên xuất hiện trong Định. Vì thế, nói “cử nhất kiêm tứ” (nêu lên một điều bao gồm cả bốn điều).

Đoạn tiếp theo là Diễn Nghĩa, chư vị tự xem là được rồi, chẳng cần phải giảng²⁶. Những ý nghĩa tôi đã giảng trong phần trên đều rất rõ rệt. Điều khẩn yếu là dùng phương pháp như thế nào để tu, nhất định phải ghi nhớ điều này. Sử dụng phương pháp Niệm Phật, chư vị đều có thể niệm, nhưng mấu chốt là dụng tâm như thế nào. Nhất định phải dùng tâm thanh tịnh, phải dùng tâm bình đẳng, phải dùng cái tâm tin tưởng chân thật, nguyện thiết tha, quý vị sẽ có cảm ứng rất nhanh. Sự cảm ứng ấy chẳng phải là nói quý vị thấy Phật, thấy Bồ Tát tỏa ánh sáng, rung động cõi đất, chẳng phải vậy! Chẳng phải là những thứ cảm ứng ấy! Quý vị có thể cảm giác cái tâm của chính mình thanh tịnh, phiền não ít đi, sẽ cảm giác rất vui sướng, thậm chí thân thể quý vị có bệnh, bệnh chẳng còn nữa. Thật đấy! Chẳng cần chữa trị, tự nhiên [bệnh tật] chẳng còn nữa. Thân thể này xác thực là cảnh giới, cảnh chuyển theo tâm, tâm lý khôi phục sự lành mạnh, tâm thanh tịnh, thân thể này bèn trăm bệnh chẳng sanh. Khi thanh tịnh đến cùng cực, thân thể sẽ tỏa mùi thơm. Thân có mùi hôi, có tật bệnh, đều là nghiệp chướng. Hãy nghiêm túc niệm Phật, dùng cái tâm này, dùng phương pháp này, dùng lý luận này để tiêu nghiệp chướng! Thân tâm khỏe mạnh, thân tâm vui sướng, là những điều đạt được trước mắt, Phật pháp gọi những điều đó là hoa báo, quả báo ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chính phạm vãng sanh, sang bên đó làm Bồ Tát, làm Phật, đó là quả báo, công đức quả báo giống hết từng điều

được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, trang nghiêm thù thắng khôn sánh. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 161

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi bốn.

(Sao) Duy Ma kinh vân: “Vị phát Đại Thừa ý, thực thử thực giả, chí phát ý nãi tiêu. Dĩ phát ý giả, đắc Vô Sanh Nhân dĩ nãi tiêu. Đắc Nhân giả, chí Nhất Sanh Bồ Xứ nãi tiêu”. Hoa Nghiêm Cụ Túc u-bà-di vân: “Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát, thực ngã thực giả, giai u Bồ Đề thụ hạ thành Đẳng Chánh Giác”, giai tự tánh Chân Như vô tận chi lý nhi vị thực dã.

(鈔) 維摩經云：未發大乘意，食此食者，至發意乃消；已發意者，得無生忍已乃消；得忍者，至一生補處乃消。華嚴具足優婆夷云：一生所繫菩薩，食我食者，皆於菩提樹下成等正覺，皆自性真如無盡之理而為食也。

(Sao: Kinh Duy Ma chép: “Kẻ chưa phát ý Đại Thừa, ăn món ăn này, tới khi phát ý sẽ tiêu. Kẻ đã phát ý, khi đắc Vô Sanh Nhân liền tiêu. Kẻ đắc Nhân, khi đạt tới Nhất Sanh Bồ Xứ liền tiêu”. Trong kinh Hoa Nghiêm, u-bà-di Cụ Túc bảo: “Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát ăn thức ăn của ta, đều thành Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề”, đều là dùng lý vô tận nơi Tự Tánh Chân Như để làm thức ăn vậy).

Đoạn văn này được nói theo cách hội quy “phạn thực kinh hành” về tự tánh. Ở đây, đại sư trích dẫn một đoạn trong kinh Duy Ma nhằm giảng rõ “vị phát Đại Thừa ý” là gì?

(Diễn) Vị phát Đại Thừa ý, thị vị nhập Chánh Định Tự chúng sanh, tu hành tín tâm giả.

(演) 未發大乘意，是未入正定聚眾生，修行信心者。

(Diễn: “Chưa phát Đại Thừa ý” là chúng sanh chưa nhập Chánh Định Tự, tu hành, có tín tâm).

Trong đoạn này, mỗi tầng một nhập sâu hơn. Nói đến “đồ ăn” đều là nói đến Chân Như tự tánh, Tiêu (消) ở đây có nghĩa là “*tiêu quy tự tánh*”. “*Chưa phát Đại Thừa ý*” được nói ở chỗ này là “*chưa nhập Chánh Định Tụ*”, [tức là] nói tới các vị Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, tâm hạnh chẳng định. Nói cách khác, có tiến, có lùi. Trong Tam Tụ, Chánh Định Tụ là nói người ấy quyết định chứng quả, quyết định thành tựu. Tà Định Tụ là kẻ bất luận tinh tấn tu hành như thế nào, vẫn chẳng có kết quả, tu mù, luyện đui mà! Người thuộc loại Bất Định Tụ thì chẳng nhất định, tùy thuộc người ấy gặp duyên nào. Người ấy gặp nhân Chánh Định Tụ liền biến thành Chánh Định Tụ; gặp nhân Tà Định Tụ liền biến thành Tà Định Tụ. Tam Tụ bao gồm toàn bộ hết thấy chúng sanh.

Nói nghiêm ngặt, trong thời đại Mạt Pháp hiện tiền, chỉ có tu học pháp môn Tịnh Độ đời nghiệp vãng sanh thì có thể gọi là Chánh Định Tụ, [lý do là] chúng ta biết người ấy quyết định thành tựu trong một đời này. Tu học những pháp môn khác, chẳng nhất định có thể thành tựu trong một đời này. Không thể thành tựu bèn có phiền toái rất lớn. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Hà miển luân hồi*” [nghĩa là] người ấy chẳng tránh khỏi luân hồi trong lục đạo. Hễ luân hồi trong lục đạo, chẳng biết sẽ luân hồi đến tận đâu? Muốn lại được làm thân người, nghe Phật pháp, chẳng biết phải đến kiếp nào? Tục ngữ có câu: “*Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục*” (Hễ mất thân người, vạn kiếp khó có lại được). Cũng là nói rõ ý nghĩa “*được làm thân người [rất] khó khăn*”. Sau khi đã mất thân người, muốn được làm thân người lần thứ hai, dẫu vạn kiếp vẫn chưa thấy được làm người lần nữa. Chúng ta nghe những lời này có lẽ sẽ hoài nghi, có phải là nói quá lớ hay chẳng? Nếu chúng ta rất lắng lòng suy tưởng cẩn kẽ, phản tỉnh một phen, mới biết câu này chẳng nói quá lớ! Vì sao chẳng nói quá lớ? Chúng ta chẳng cần nhìn vào ai khác, hãy nghĩ về chính mình: Suốt một đời này, từ lúc lọt lòng cho đến hiện tại, thân, ngữ, ý tạo những nghiệp gì? Bèn hiểu rõ ngay! Nếu chúng ta tạo ác nghiệp nhiều, nhất định đọa trong tam ác đạo. Thời gian trong tam ác đạo quá u là dài, chẳng dễ gì thoát lìa! Dẫu tạo thiện nghiệp thì do thiện nghiệp bèn ở trong ba thiện đạo.

Đối với khởi tâm động niệm, nếu chúng ta nghiêm túc kiểm điểm một phen, luôn luôn là ác niệm nhiều hơn thiện niệm. Tham, sân, si, mạn là ác niệm! Đã có mấy niệm là nhân nghĩa, đạo đức? Thật sự ít ỏi! Ý niệm dấy lên, luôn luôn là tham cầu ngũ dục, lục trần trong thế gian này, luôn bán tín bán nghi những giáo huấn của thánh hiền thế gian và xuất thế gian. Bán tín bán nghi là tội nghiệp, nghiệp chướng sâu nặng. Vì thế,

đánh mất thân người, [mong] được làm thân người lần nữa, tính toán kỹ càng, vẫn đúng là chẳng dễ dàng! Đọa ác đạo đáng sợ, vì sao? Thời gian trụ trong ác đạo lâu dài, nên sẽ kèm theo các tập khí ác, dầu trong tương lai được làm thân người, tập khí ấy thường dấy lên hiện hành, vẫn là lại không ngừng tạo nghiệp. Tội nghiệp càng tạo càng nặng, quý vị càng nghĩ, càng thấy đáng sợ! Trong đời này, nếu chẳng thể vãng sanh, đúng là một vấn đề to lớn!

“*Thực thử thực giả, chí phát ý nãi tiêu*” (Ăn thức ăn ấy, cho tới khi phát ý mới tiêu). Nếu nói theo mặt Sự, người xuất gia thường nói: “*Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, kiếp này chẳng liêu đạo, mang lông, đội sừng đên*”. Thí chủ cúng dường, chúng ta có năng lực gì để tiêu thụ? Có năng lực gì thì quý vị mới có thể tiêu hóa [vật phẩm cúng dường ấy]? Do vậy, có thể biết, người xuất gia nếu chẳng thể vãng sanh trong một đời này, tương lai đều phải trả nợ những thứ do thí chủ cúng dường cho quý vị trong hiện tại. Vì lẽ đó, người xuất gia quyết định chớ nên tham cầu những thứ cúng dường. Vì sao? Hiện thời, tham cầu càng nhiều, tương lai phải đền trả càng lắm! Nay ta mong muốn ít ỏi, dầu chẳng thể vãng sanh, sau này gánh nặng trả nợ sẽ nhẹ hơn một chút, điều này cũng được! Đây là nói nhất định phải “*phát Đại Thừa ý*”.

“*Dĩ phát ý giả, đắc Vô Sanh Nhân dĩ nãi tiêu*” (Đã phát ý thì đã đắc Vô Sanh Nhân [những thức ăn ấy] mới tiêu). “*Đã phát ý*” là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền. Bồ Tát đến ứng cúng, Ngài có thể tiêu được không? Nếu Ngài chẳng tinh tấn, chẳng nỗ lực, chẳng cầu tiến lên, Ngài cũng chẳng thể tiêu. Cao hơn Tam Hiền là Thập Thánh, địa vị Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng Bồ Tát. Nếu Ngài đắc Vô Sanh Pháp Nhân thì Vô Sanh Pháp Nhân là Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên). Ở đây là nói theo Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. Vô Sanh Nhân trong Viên Giáo là nói theo nghĩa rộng, [vì] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã đắc [Vô Sanh Nhân] chút phần!

“*Đắc Nhân giả, chí Nhất Sanh Bồ Xứ nãi tiêu*” (Người đã đắc Nhân thì đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ mới tiêu). Bạc Bồ Tát đã đạt đến Vô Sanh Pháp Nhân Bồ Tát, trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, ắt phải là sau khi đã chứng đắc địa vị thứ mười một, tức Hậu Bồ Phật (Đẳng Giác), Ngài mới có thể tiêu thụ được. Cao hơn Hậu Bồ Phật là Phật quả viên mãn, tức là địa vị Diệu Giác. Có thể thấy: Mong tiêu thụ thức ăn [do tín chúng cúng dường], quả thật chẳng dễ dàng. Như Lai mới là phước điền thật sự của chín pháp giới. Từ chín giới trở xuống, tức là từ Đẳng Giác

trở xuống, đều phải thật sự dụng công tu học, nâng cao phẩm vị của chính mình thì mới có thể tiêu thụ được.

(Diễn) Thực thử thực giả, giai đoàn Chân Như chi lý dĩ vi thực dã.

(演) 食此食者，皆搏真如之理以為食也。

(Diễn: “Ăn thức ăn này” đều là dùng lý Chân Như để làm thức ăn vậy).

Ở đây là nói đến các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”, chẳng cần các thứ ngũ cốc, lương thực, mà dùng pháp hỷ làm thức ăn, lấy Thiền Duyệt làm thức ăn, vẫn phải dùng mãi, tinh tấn thì mới có thể tiêu thụ.

“*Hoa Nghiêm Cụ Túc ưu-bà-di vân*” (Trong kinh Hoa Nghiêm, ưu-bà-di Cụ Túc nói). Trong năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử tham phỏng ưu-bà-di Cụ Túc²⁷. Đây là một vị nữ cư sĩ tại gia. Vì thế, các đồng tu tại gia cũng đừng xem thường chính mình, vị này là Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử đến tham học với bà ta, bà ta là thầy của Thiện Tài; năm mươi ba vị thiện tri thức đều là thầy của Thiện Tài. Năm mươi ba vị thiện tri thức ấy, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều có, xuất gia chỉ có sáu vị, tại gia bốn mươi bảy vị. Tại gia nhiều, xuất gia ít! Đây là một vị tại gia nữ cư sĩ ưu-bà-di, bà ta nói: “*Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát, thực ngã thực giả, giai u Bồ Đề thụ hạ thành Đẳng Chánh Giác*” (Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát ăn thức ăn của ta đều thành Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề), Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát là ai? Đẳng Giác Bồ Tát. Sau khi Đẳng Giác Bồ Tát nhận thực phẩm do bà ta cúng dường, phải thành Phật thì mới có thể tiêu thụ vật cúng dường của bà ta. Chẳng thành Phật, sẽ không được! Ta cúng dường quý vị, nhằm giúp quý vị thành Phật. “*Giai tự tánh Chân Như vô tận chi lý nhi vi thực dã*” (Đều dùng lý Chân Như vô tận trong tự tánh làm thức ăn), trọn chẳng phải là những thức ăn giống như các thứ thực phẩm bằng ngũ cốc, lương thực trong nhân gian chúng ta. Đây chính là một trong hai ý nghĩa khát thực của tỳ-kheo: Tỳ-kheo khát thực nhằm bồi đắp thân thể, đó là đi khát thực từng nhà. Ngoài ra là hướng về Phật, khát pháp nhằm vun bồi Pháp Thân huệ mạng. Đó chính là Pháp Thực, dùng Phật pháp làm thức ăn, nhằm nuôi dưỡng Pháp Thân huệ mạng của chúng ta.

(Diễn) Vân: Ký viết Chân Như chi lý vị thực, nhi Chân Như nhất vị bình đẳng, vô tăng, vô giảm, vạn cổ bất ma, nhi văn trung thâm thiển giai vị, lũ thực lũ tiêu giả, hà dã?

(演) 問：既曰真如之理為食，而真如一味平等，無增無減，萬古不磨，而文中深淺階位，屢食屢消者，何也？

(Diễn: Hỏi: Đã nói là “lý Chân Như làm thức ăn”, nhưng Chân Như một vị bình đẳng, chẳng tăng, chẳng giảm, muôn đời chẳng mòn, thế mà trong lời Sao lại nói đến các địa vị cạn hay sâu, nhiều lượt ăn, nhiều lượt tiêu, là vì lẽ nào?)

Câu hỏi này rất có đạo lý. Chân Như là một, há có tầng cấp? Trong Chân Như, xác thực là chẳng có tầng cấp, nhưng chúng ta thấy kinh Duy Ma nói có tầng cấp.

(Diễn) Đáp, Chân Như tuy viết nhất vị, vạn cổ bất ma, nhi nãi tùy trí thiển thâm, dĩ hạ vị vị chứng thượng vị lý thời, tắc nhất tâm duyên thử lý cảnh, danh thực thử thực. Dĩ chứng thử lý thời, tắc thử lý hóa vi ô hữu, danh viết nãi tiêu.

(演) 答：真如雖曰一味，萬古不磨，而乃隨智淺深，以下位未證上位理時，則一心緣此理境，名食此食；已證此理時，則此理化為烏有，名曰乃消。

(Diễn: Đáp: Chân Như tuy nói là một vị, muôn đời chẳng mòn, nhưng tùy thuộc vào trí cạn hay sâu, do khi địa vị dưới chưa chứng được lý của địa vị trên, bèn nhất tâm duyên theo lý cảnh ấy, nên gọi là “ăn thức ăn ấy”. Khi đã chứng lý ấy, lý ấy hóa thành chẳng còn gì nữa, nên mới nói là “bèn tiêu”).

Trả lời hết sức khéo! Khi quý vị chưa chứng đắc, dường như có Lý để có thể chứng. Sau khi chứng đắc, Lý ấy chẳng còn nữa. Vì sao chẳng còn? Tâm và cảnh như một, Lý và Trí không hai. Năng chứng (chủ thể để chứng) là Trí, sở chứng (điều được chứng) là Lý. Khi chứng đắc, Lý và Trí vốn là một, chẳng hai. Đã chẳng có Năng Chứng Trí thì cũng chẳng có Sở Chứng Lý, điều này gọi là Tiêu. Khi chưa chứng đắc, bèn có Năng Chứng Trí, mà cũng có Sở Chứng Lý, có Năng và Sở. Địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo đều có Năng và Sở, đã đẳng địa (chứng nhập Sơ Địa) thì Năng và Sở đều chẳng có. Do đó, Ngài nói “đắc Vô

Sanh Nhân; khi ấy, Năng và Sở chẳng còn nữa”. Câu cuối cùng trong Tâm Kinh nói về cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát, “*vô trí, diệc vô đắc*”, đó là thật sự tiêu mất, Năng Chứng và Sở Chứng đều chẳng thể được.

Nhưng chư vị phải hiểu: Đây là Lý, chân lý; nay chúng ta là phàm phu, phàm phu lè tè sát đất, nhất định phải tin tưởng, tin tưởng chính mình là một gã phàm phu sanh tử, tin tưởng chính mình nghiệp chướng sâu nặng. Những lý luận ấy có thể nghe, nhưng tuyệt đối chẳng thể học tập. Nếu quý vị học tập, nhất định đọa địa ngục, đó gọi là Ác Thủ Không (chấp Không sai lầm). [Nghe nói] “*vô tu, vô chứng*” [bèn tưởng làm] ta cũng chẳng cần phải tu, cũng chẳng cần phải chứng, vậy thì chắc chắn quý vị đọa địa ngục. [Quý vị phản bác]: “Tôi chẳng làm chuyện xấu, có sao bị đọa địa ngục?” Quý vị đã báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Quý vị hiểu sai ý nghĩa câu nói này của đức Phật, đó chính là báng Pháp. Tội nghiệp nặng nhất trong hủy báng Tam Bảo là nghiệp báng Pháp. Không chỉ làm chính mình, mà còn khiến cho người khác bị làm. Cổ nhân nói: “*Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn*” (Thà chấp Có như núi Tu Di). Đó là chấp trước, chấp trước Hữu to như núi Tu Di, còn cứu được! “*Bất khả chấp Không như giới tử*” (Chớ nên chấp Không chừng bằng hạt cải), chớ nên mảy may chấp trước Lý Không. Hễ chấp trước bèn là Ác Thủ Không, hồng bét!

Vì thế, Tịnh Độ Tông chẳng nói Không, mà “*chỉ phương, lập tướng*”, chỉ ra Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ ra phương hướng [của cõi Cực Lạc] là phương Tây, kiến lập một phương hướng xác định, xác thực là có Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là có A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ chẳng đến nỗi rớt vào Không, chẳng chấp Không! Chúng ta chẳng hiểu nghĩa Không, chẳng sao cả! Chúng ta chấp trước Chân Hữu. Chân Hữu thì quý vị thật sự có thể vãng sanh, thật sự có thể đến đó, thật sự có thể thoát luân hồi, thoát tam giới. Trong giai đoạn hiện tiền, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này, ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm!

(Diễn) Như nhân vị chí Lư Sơn, tắc hữu Lư Sơn khả duyên. Dĩ chí Lư Sơn, tắc Lư Sơn hóa vi ô hữu. Cổ viết: “Bất kiến Lư Sơn chân diện mục, chỉ nhân thân tại thử sơn trung” dã.

(演) 如人未至廬山，則有廬山可緣，已至廬山，則廬山化為烏有，故曰不見廬山真面目，只因身在此山中也。

(Diễn: Như người chưa đến Lư Sơn, ắt có Lư Sơn để có thể duyên vào. Đã đến Lư Sơn thì Lư Sơn hóa thành chẳng còn nữa. Nên nói: “Chẳng thấy Lư Sơn chân diện mục, chỉ thân mình ở tại Lư Sơn”).

Đây là hai câu trong bài thơ do Tô Đông Pha đã làm khi đến chơi Lư Sơn. Chưa đến nơi ấy, bèn muốn đi. Do có mục đích, mục tiêu, nên nỗ lực tinh tấn nơi ấy. Đã đạt tới, tâm liền thôi mong tưởng, [mục đích, mục tiêu] ấy chẳng còn nữa, chẳng có tâm phan duyên. Đây là một tỷ dụ. Tới đây đã giảng xong ý nghĩa “*phạn thực*”. Tiếp theo đây là giải thích ý nghĩa “*kinh hành*”:

(Sao) Kinh hành giả, Trì Thế kinh vân: “Như Lai hành xứ, thị vô hành xứ”. Vô hành xứ giả, chân huệ dã. Cố tri niệm chủ, phóng trợ, khẩu khẩu bất ly, cử túc, động thân, bộ bộ đạp trước. Hà đắc mai đầu khiết phạn, không quá nhất sanh, ngoạn thủy quán sơn, đồ lao vạn lý.

(鈔) 經行者，持世經云：如來行處，是無行處。無行處者，真慧也。故知拈匙放箸，口口不離，舉足動身，步步踏著。何得埋頭喫飯，空過一生，翫水觀山，徒勞萬里。

(Sao: “Kinh hành”: Kinh Trì Thế nói: “Hành xứ của Như Lai là vô hành xứ”. “Vô hành xứ” là chân huệ. Vì thế biết: Chăm thì, buông đũa, miệng miệng chẳng lia. Giở chân, động thân, bước bước giẫm đạp. Há nên vùi đầu ăn uống, luống uổng một đời. Dạo chơi sơn thủy, uổng công vạn dặm nhọc nhằn!)

Trong sách Diễn Nghĩa có chú giải hai câu kinh Trì Thế: “*Như Lai hành xứ, thị vô hành xứ*”.

(Diễn) Hành giả, tâm hành hờ cảnh dã. Phàm phu hành Hữu, Nhị Thừa hành Không, Đại Thừa Bồ Tát hành Trung Đạo. Như Lai tác Hữu xứ toàn Không, phi hành Hữu dã. Không xứ toàn Hữu, bất hành Không dã. Trung Đạo tức nhị biên, bất hành Trung dã.

(演) 行者，心行乎境也。凡夫行有，二乘行空，大乘菩薩行中道。如來則有處全空，非行有也；空處全有，不行空也；中道即二邊，不行中也。

(Diễn: “Hành” là tâm duyên nơi cảnh. Phàm phu hành Hữu, Nhị Thừa hành Không, Đại Thừa Bồ Tát hành Trung Đạo. Như Lai ắt Hữu xứ toàn là Không, nên chẳng hành Hữu. Không xứ toàn là Hữu, nên cũng chẳng hành Không. Trung Đạo chính là Nhị Biên, nên chẳng hành Trung).

“Hành” (行) là nói tới khởi tâm động niệm. “Phàm phu hành Hữu”: Phàm phu khởi tâm động niệm đều có cảnh giới, đương nhiên những cảnh giới ấy rất nhiều. Phật pháp quy nạp chúng lại [gọi chung là Hữu], phàm phu chấp Hữu. Quý vị khởi tâm động niệm nói chung là có Hữu, hoặc là nghĩ tới người, hoặc nghĩ tới sự, hoặc nghĩ tới quá khứ, hoặc nghĩ đến vị lai, trong tâm hễ động niệm bèn có tướng. Trong văn tự Trung Quốc, Tưởng (想) là trong tâm (心) có tướng (相); hễ tâm quý vị động niệm bèn có tướng. Trong tâm động niệm gọi là Tưởng, hễ Tưởng bèn có tướng xuất hiện. Người thật sự có công phu, hoặc người có Thiên Nhân Thông, quý vị nghĩ gì, họ biết ngay. Vì sao biết? Quý vị vừa nghĩ bèn có tướng, họ liền biết quý vị đang làm gì, họ thấy rõ ràng, rành rẽ, họ có thể trông thấy. Ban đêm quý vị ngủ, nằm mộng, họ ở bên cạnh nhìn sẽ thấy quý vị đang làm gì trong mộng, họ đều biết, vì khi quý vị nghĩ tưởng, bèn có tướng.

Trong Thiên Tông có một công án: Thiên sư Kim Bích Phong công phu Thiên Định rất sâu. Khi hết tuổi thọ, Diêm Vương sai tiểu quỷ đến bắt Sư, Sư nhập Định. Sư vừa nhập định, tâm chẳng sanh một niệm. Chẳng có niệm, bèn chẳng có tướng, [tiểu quỷ] chẳng tìm thấy. Tiểu quỷ bó tay, đến đâu bây giờ? Chẳng tìm thấy người ấy! Có thể thấy là khi quỷ đến, hấn chẳng bắt thân thể, mà là bắt thần thức. Thần thức đang nhập Định, chẳng có tướng, nên quỷ chẳng thấy! Quỷ chẳng thấy thân thể này, cái nó trông thấy là tướng khởi tâm động niệm. Vì thế, tìm chẳng thấy! Sau đó, quỷ nghe nói thiên sư Kim Bích Phong có một cái bát là đồ cổ Sư rất ưa thích, trong tâm chẳng thể buông xả cái bát ấy. Con quỷ ấy nói: “Vậy là có cách rồi”, bèn nhẹ gõ bát một chút. Tâm thiên sư nghe tiếng động của cái bát, trong tâm bèn dậy động một niệm. Một niệm vừa động, tiểu quỷ bắt được Sư. Sư hỏi: “Người bắt ta làm gì?” Quỷ đáp: “Thọ mạng của Sư đã hết rồi, Diêm Vương bắt Sư đi”. Sư hỏi: “Sao vừa rồi người chẳng tìm thấy ta?” Quỷ đáp: “Sư nhập Định, ta chẳng thấy Sư. Vì Sư yêu thích cái bát này, ta vừa gõ, Sư động tâm, ta bèn tìm được Sư”. Thiên sư nghe vậy, lại nhập Định. Quỷ lại gõ bát,

nhưng Sư đã chẳng cần nữa, buông xả cái bát ấy, nên tiểu quỷ ấy chẳng tìm thấy Sư.

Vì vậy, hễ trong tâm khởi tâm động niệm, quỷ thần hay biết! Chúng ta dấy thiện niệm, hay dấy ác niệm, quỷ thần biết trọn vẹn, chẳng có cách nào dối gạt người khác! Những hành vi rõ rệt của chúng ta, con người có thể biết, có thể nhận ra, nhưng những hành vi ẩn giấu trong tâm, quỷ thần hay biết. Ngay cả quỷ thần còn biết, kinh nói người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thấu suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), [đương nhiên biết rõ ràng]. Nay chúng ta dấy vọng tưởng, thậm chí chính mình còn chưa để ý, còn chưa biết, nhưng người ta đã thấy rõ ràng, rành rẽ.

Nói đến hành xứ của phàm phu thì phàm phu chấp Có. “*Nhị Thừa hành Không*”: Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước Không; luôn thiên lệch vào hai bên. “*Đại Thừa Bồ Tát hành Trung Đạo*”: Nói thật ra, Trung Đạo và Nhị Biên lại là một sự kiến lập, vẫn là một bên. Vì lẽ đó mà phân chia tầng cấp, địa vị. “*Như Lai tất Hữu xứ toàn Không, phi hành Hữu dã; Không xứ toàn Hữu, bất hành Không dã*” (Như Lai thì Hữu xứ toàn là Không, nên chẳng hành Hữu; Không xứ toàn là Hữu, nên chẳng hành Không). Trung Đạo chính là hai bên, nên chẳng hành Trung. Vì lẽ đó, Phật là vô hành xứ. Vô hành xứ mới là trí huệ chân chánh.

(Diễn) Ly tứ cú hành, tuyệt bách phi hành.

(演) 離四句行，絕百非行。

(Diễn: Hành lià bốn câu, hành dứt bách phi).

“*Tứ cú*” là “*không, có, cũng không cũng có, chẳng phải không chẳng phải có*”, đó đều là những phân biệt, chấp trước hư vọng của hết thấy chúng sanh.

(Diễn) Oai Âm na bạng hành, Pháp Thân hướng thượng hành, bất khả hành xứ hành.

(演) 威音那畔行，法身向上行，不可行處行。

(Diễn: Hành nơi phía Oai Âm Phật, hành nơi Pháp Thân hướng thượng, hành nơi chẳng thể hành).

“*Oai Âm*” là tên một vị cổ Phật, tức là Oai Âm Vương Phật (Bhīṣmagarjitasvararājā). Trong Phật pháp, câu nói này được dùng với

nghĩa phiếm chỉ rất rộng, nhằm hình dung bao kiếp lâu xa trước, cũng có thể nói là “*bất khả thuyết bất khả thuyết vô lượng kiếp trước*”, mang ý nghĩa này. Những điều này nhằm hình dung Phật chẳng trụ vào hai bên Có và Không, cũng chẳng trụ vào Bất Trụ. Đó là cảnh giới “*vô trí, diệc vô đắc*” cuối Tâm Kinh. Thiền Tông nói “*hướng thượng nhất trước*” (向上一著) là nói đến điều này.

Từ câu “*cố tri*” (vì thế biết) trở đi là kết lại lời khuyên, khuyến khích chúng ta. “*Niêm chủy, phóng trợ*” (Cầm thìa, buông đũa) là nói chúng ta trong khi ăn cơm hằng ngày. Chủy (匙) là cái muỗng chan canh, cái thìa; Trợ (箸) là đũa. “*Khẩu khẩu bất ly*”, chẳng lìa gì vậy? Đức dụng của Chân Như bồng tánh, cũng là hành xử của Như Lai, chẳng rời khỏi! Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, quý vị có thể tự tại giống như Phật. Hai bên Hữu và Không đều chẳng chấp trước, mà cũng đừng chấp trước “không chấp trước”. Nói cách khác, Phật và phàm phu có gì khác nhau? Thuở tại thế, đức Phật cũng mặc quần áo, ăn cơm, tình hình sinh hoạt chẳng khác gì chúng ta. Điều khác biệt duy nhất là trong tất cả các cảnh giới, đức Phật chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Chúng ta khởi tâm động niệm, chúng ta chấp Hữu, trong hết thấy cảnh giới chúng ta đều ngỡ là thật. Người Tiểu Thừa chấp Không, nên đều chẳng đạt được thụ dụng chân thật. Người chấp Hữu tạo nghiệp, phải chịu quả báo. Tuy quả báo chẳng phải là chân thật, nhưng giống như nằm mơ, mỗi ngày đều gặp ác mộng có dễ chịu hay không? Ngày nào chúng ta chẳng còn nằm ác mộng nữa, ác mộng đã nhiều quá rồi, chẳng còn muốn mộng nữa, luân hồi trong lục đạo là ác mộng! Nếu quý vị chẳng thể thật sự tỉnh giấc, cơn ác mộng ấy vĩnh viễn chẳng dứt, phiền phức to lớn, [phiền phức] nhiều lắm! Người Tiểu Thừa chấp Không, cũng là thiên lệch một bên, chẳng đạt được tự tại thật sự. Tiểu Thừa là “*có Thể, chẳng có Dụng*”, Thể là Không. Có Thể nhưng không có Dụng, nên chẳng khởi tác dụng. Phàm phu là “*có Dụng, chẳng có Thể*”; tuy có tác dụng, nhưng quên bằng Thể!

Chư Phật, Bồ Tát “*Thể Dụng như như*”, đây mới là đặc đại tự tại! Không chỉ là Thiền Tông hiển lộ chẳng sót ý nghĩa này, mặc quần áo, ăn cơm đều là công phu, mặc quần áo, ăn cơm đều là Phật pháp; chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp. Vì thế, “*khẩu khẩu bất ly*”, “*khẩu khẩu*” là ăn cơm. Nếu chư vị đã đọc Lăng Nghiêm, sẽ hiểu ý nghĩa này sâu hơn một chút. Giao Quang đại sư chủ trương: Đối với Lăng Nghiêm, cách tu Thủ Lăng Nghiêm Định là “*bỏ Thức, dùng Căn*”.

Tật xấu của chúng ta trong hiện thời là dùng tám thức, năm mươi một Tâm Sở, đó là phàm phu. Mắt duyên theo Sắc Trần, tai duyên theo Thanh Trần. Khi ăn cơm, Thiệt Thức duyên theo Vị Trần, luôn khởi phân biệt, chấp trước nơi đó! Sự phân biệt, chấp trước ấy là cội nguồn của phiền não nghiệp chướng. Giao Quang đại sư dạy chúng ta “*bỏ Thức, dùng Căn*”, chúng ta chẳng dùng tám thức, chẳng dùng năm mươi một Tâm Sở, chẳng dùng những thứ ấy. Sau khi đã bỏ sạch những thứ ấy, mắt có thể thấy hay không? Có thể thấy, thấy gì vậy? Thấy bằng tánh Thấy, tuyệt diệu thay! Tánh Thấy thấy điều gì? Thấy Sắc Tánh, chẳng phải là Sắc Trần. Sắc Trần bất bình đẳng, Sắc Tánh bình đẳng. Trong hết thấy Sắc, thấy được tánh, minh tâm kiến tánh, quý vị kiến tánh bèn thành Phật. Tai nghe chẳng phải là Thanh Trần, Nhĩ Thức mới đối ứng với Thanh Trần, nay ta dùng tánh Nghe, nghe gì? Thanh Tánh. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng phương pháp này. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Nhĩ Căn, nên “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo), Ngài thành Phật.

Người ta ăn này nọ, “*khẩu khẩu bất ly*” là dùng Thiệt Tánh, ném gì? Ném Vị Tánh, chẳng phải là Vị Trần. Ở đây nói “*khẩu khẩu bất ly, bộ bộ đạ trước*” theo ý nghĩa này. “*Thân*” cũng là Căn, là một thứ trong lục căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thân đối ứng Xúc Trần. Nay Thân Căn đối ứng với Xúc Tánh, chẳng phải là Xúc Trần, nên mỗi bước đều giẫm đạ [nơi Thật Tế lý địa]. Đó chính là “*Như Lai hành xứ*”. Ở đây, dạy chúng ta “*kinh hành*” thì phải đi nơi hành xứ của Như Lai. Bước từng bước, mỗi bước chúng ta đi, chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng phải là Trần Cảnh, mà là Sắc Tánh, Xúc Tánh.

“*Hà đắc mai đầu khiết phạn, không quá nhất sanh*” (Sao đành vùi đầu ăn uống, luống uống một đời): Trong cuộc sống, quý vị chẳng thể thứ gì cũng đều hội quy tự tánh, quý vị đã uống công ăn cơm mất rồi! Ăn cơm vẫn tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Ném hương vị này, món này ăn ngon, món kia khó nuốt! Phân biệt, chấp trước. Ngon miệng bèn ăn nhiều một chút. Đối với món nuốt chẳng nổi, bèn sanh tâm sân hận, đó là tạo nghiệp. Do đó, Trần có phân biệt, Tánh vô phân biệt! Trong Trần có chấp trước, có phiền não, trong Tánh chẳng có chấp trước, chẳng có phiền não. Đây là nói đến cuộc sống hằng ngày!

“*Ngoạn thủy quan sơn, đồ lao vạn lý*” (Đạo chơi sơn thủy, uống công nhọc nhằn vạn dặm): Hai câu này nói đến chuyện lên núi lễ Phật, tham học. Lên núi lễ Phật, tham học, mà nếu chẳng thể minh tâm kiến tánh, vậy là quý vị uống công nhọc nhằn bốn ba vạn dặm, chẳng có ý

nghĩa gì! Vì thế, trước kia, người ta lên núi, lễ Phật, tham học, nhằm mục đích tham phỏng thiện tri thức chân chánh, hướng về Ngài cầu chỉ dạy, hoặc là chính mình đã khế nhập cảnh giới nào đó, thỉnh Ngài ấn chứng. Nay chúng ta đi vãn cảnh, du lịch, sai mất rồi! Người biết dụng công, đích xác là thời gian một phút, một giây cũng chẳng lãng phí, niệm niệm đều tương ứng với đạo, chẳng có một pháp nào không tương ứng!

Tứ tổng kết

四總結。

(Bốn, tổng kết).

Liên Trì đại sư có viết khoa phán cho kinh này, đề biểu A Di Đà Kinh Sớ Sao Biệt Giải Văn Nghĩa được in phía sau sách này. Đoạn kinh văn chúng ta đang đọc ở đây thuộc về phần Y Báo, chính là đoạn thứ hai, tức Biệt Thị Trang Nghiêm (nêu bày y báo từng điều riêng biệt) trong phần Y Báo. Tiếp đó là bốn đoạn: Đoạn thứ nhất là Lan Vãng Hàng Thụ, đoạn thứ hai là Trì Quốc Liên Hoa, đoạn thứ ba là Thiên Nhạc Vũ Hoa. Đoạn văn hiện tại là phần tổng kết của đoạn Thiên Nhạc Vũ Hoa.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經) 舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Đây là phần cuối cùng tổng kết đoạn thứ ba của Y Báo.

(Sớ) Kết thượng thiên nhạc, thiên hoa đẳng.

(疏) 結上天樂天華等。

(Sớ: Tổng kết những điều như thiên nhạc, thiên hoa v.v... trên đây).

Tổng kết thiên nhạc, thiên hoa... đã được nói trong phần trước.

(Sớ) Chứng chứng trang nghiêm, giai bốn Phật nguyện hạnh công đức sở thành tựu đã.

(疏) 種種莊嚴，皆本佛願行功德所成就也。

(Sớ: Các thứ trang nghiêm vốn đều do nguyện hạnh và công đức của Phật Di Đà thành tựu).

Sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới rất chẳng thể nghĩ bàn. Thành tựu như thế nào? Được thành tựu bởi đại nguyện và đại hạnh của A Di Đà Phật, mà cũng được thành tựu bởi tịnh nghiệp của các chúng sanh vãng sanh từ mười phương. Có lẽ chư vị sẽ hỏi: Nói do nguyện hạnh của A Di Đà Phật thành tựu thì còn có căn cứ, kinh Vô Lượng Thọ có nói [chuyện này]! Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng giảng rõ ràng! Nói do tịnh nghiệp của hết thảy những người vãng sanh thành tựu, dường như chưa nghe nói! Trong phần trước, tôi đã từng nói với quý vị, một câu A Di Đà Phật của người niệm Phật, chúng ta dùng tâm thanh tịnh, tâm chí thành, tâm cung kính, tâm cầu nguyện vãng sanh để niệm một câu A Di Đà Phật, hoặc là niệm Nam-mô A Di Đà Phật, sáu chữ hoặc bốn chữ đều như nhau, sáu chữ hồng danh ấy không chỉ có âm thanh, mà còn có quang minh. Không chỉ có quang minh, mà còn có mùi thơm, hương quang trang nghiêm mà! Vì sao có quang minh và có mùi thơm? Vì sáu chữ ấy từ trong tự tánh của quý vị niệm ra, vì sao biết là tự tánh? Vì từ trong tâm chân thành của quý vị niệm ra. Tâm chân thành cầu nguyện vãng sanh chính là tự tánh. Cổ đức nói cái tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bản Giác của chính mình. Thi Giác và Bản Giác bất nhị, là Cứu Cánh Giác. Giác là tự tánh.

Do đó, thánh hiệu Di Đà là đức hiệu trong tự tánh của chúng ta, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm một câu Phật hiệu vang rền pháp giới, công đức ấy to lắm! Ánh sáng chiếu xen lẫn nhau với đại hạnh đại nguyện của A Di Đà Phật. Chúng ta đọc Đại Kinh thấy nói: “*Tự nhiên quang sắc tham hồi*” (Tự nhiên quang minh và màu sắc xen chiếu, hòa nhập lẫn nhau). “*Tham*” (參) là hòa nhập lẫn nhau, “*hồi*” (迴) là hồi chuyển (xoay chuyển cuộn tròn vào nhau), trong ấy chẳng có giới hạn. Đó là biến đại nguyện và đại hạnh của A Di Đà Phật thành nguyện hạnh của chính chúng ta. Pháp môn này thực tại chẳng thể nghĩ bàn! Nếu cậy vào sự tu hành của bản thân chúng ta, tu đến mức giống như A Di Đà Phật, rất khó khăn! Nay nhờ vào một câu danh hiệu A Di Đà Phật này, khiến cho tâm hạnh của chúng ta nghiêm nhiên giống như A Di Đà Phật, chẳng khác gì! Điều

này chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị một niệm là một niệm tương ứng, niệm niệm là niệm niệm tương ứng.

Bởi vậy, chẳng thể không hiểu ý nghĩa trong kinh. Nếu quý vị chẳng hiểu, khi quý vị niệm Phật, sẽ chẳng có cảnh giới ấy. Nếu quý vị chẳng hiểu, cũng muốn đạt đến cảnh giới ấy, nhất định phải niệm đến mức tâm thanh tịnh, phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn, cảnh giới ấy mới hiện tiền, mới hồng đạt được! Nếu quý vị thông đạt, hiểu rõ giáo nghĩa; nói cách khác, cảnh giới ấy có thể hiện tiền khá mau, vì sao? Niệm niệm đều như Vãng Sanh Luận đã nói, có quán tưởng. Thiên Thân Bồ Tát nói đến Ngũ Niệm Pháp. Ngũ niệm đều ở trong một câu Phật hiệu A Di Đà Phật; vì thế, một câu Phật hiệu có năm ý nghĩa. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã biên soạn bộ Tịnh Tu Tiếp Yếu, cách tu trong Tịnh Tu Tiếp Yếu đã dựa trên Ngũ Niệm Pháp của Vãng Sanh Luận để biên soạn. Trong Ngũ Niệm có Lễ Bái, Tịnh Tu Tiếp Yếu có tất cả ba mươi hai lạy. Mỗi đoạn là một lạy, nên nghi thức ấy có lễ bái. Có Quán Sát, Quán Sát là quán tưởng. Quý vị niệm đoạn văn ấy, trong tâm nghĩ đến cảnh giới ấy, đó là Quán Sát. Có Phát Nguyện, nguyện nào cũng đều tưởng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Có Xưng Danh, mỗi một lạy bèn niệm Nam-mô A Di Đà Phật ba lần. Có Hồi Hương; vì thế, năm ý nghĩa đều trọn đủ. Quý vị có thể hiểu rõ, thông đạt nghĩa lý của kinh, đừng thấy nghi thức ấy rất ngắn, chỉ có ba mươi hai lạy. Hãy quan sát cận kề ba mươi hai lạy ấy, gần như phải lạy mất bốn mươi hoặc năm mươi phút. Nếu có thời gian, chớ nên lạy quá nhanh, phải thật sự suy tưởng cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy hoàn toàn dung hội với A Di Đà Phật thành một Thể, đích xác là một phương pháp tu hành hết sức tốt đẹp.

Trước kia, chúng ta đọc Vãng Sanh Luận, chẳng biết cách tu của Vãng Sanh Luận là như thế nào! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn tác phẩm này chính là cách tu Vãng Sanh Luận. Đã thế, nội dung quán tưởng trong tác phẩm ấy hoàn toàn là kinh Vô Lượng Thọ, mà cũng y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quá hay! Nay chúng tôi in chung kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ và Tịnh Tu Tiếp Yếu, cũng như Bảo Vương Tam Muội Sám [thành một cuốn] để mọi người tu học thuận tiện. Những vị có công phu, đã về hưu, chẳng phải đi làm, ở nhà có thời gian, nếu có thể lạy Bảo Vương Tam Muội Sám thì càng tỉ mỉ. Nếu phải đi làm, bận bịu nhiều việc, dùng Tịnh Tu Tiếp Yếu là được rồi. Ở đây, chúng ta có băng thâu âm Tịnh Tu Tiếp Yếu, hoặc là chính quý vị niệm trước, thâu băng lại, vì sao? Khi quý vị quán tưởng, lễ bái, chẳng cần nhìn vào kinh văn, tâm quý vị càng định.

Xem kinh văn thì phải giở sách, là chuyện rất phiền. quý vị chẳng ngại gì mà không mở băng lên, khi nghe bèn dựa vào đó để quán tưởng. Vì thế, nói nguyện hạnh của đức Di Đà cũng như tịnh nghiệp của hết thầy người vãng sanh đã thành tựu sự thù thắng trang nghiêm khôn sánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong lời Sao, Tổ đã trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Nguyện giả, như Đại Bản, Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, tự địa dĩ thượng, giai vô lượng tạp bảo, bách thiên hợp thành”.

(鈔) 願者，如大本法藏願云：我作佛時，自地以上，皆無量雜寶，百千種香，而共合成。

(Sao: Nguyện là như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng đã nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, từ mặt đất trở lên, đều dùng vô lượng chất báu khác nhau, trăm ngàn loại hương cùng hợp thành”).

Tây Phương Cực Lạc thế giới hương quang trang nghiêm.

(Sao) Hựu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, thập phương vô vương số thế giới, chư thiên nhân dân, văn ngã danh hiệu, nhiên đặng tán hoa”.

(鈔) 又願云：我作佛時，十方無央數世界，諸天人民，聞我名號，然燈散華。

(Sao: Lại nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, chư thiên và nhân dân trong vô vương số thế giới, nghe danh hiệu tôi bèn thấp đèn, rải hoa”).

Chúng ta không chỉ đọc bốn nguyện của Ngài, mà từ kinh Vô Lượng Thọ, cũng đã xác thực thấy, tuy chúng ta không chính mắt thấy, nhưng tôn giả A Nan, Di Lạc Bồ Tát, cùng với hai vạn thánh chúng nghe đức Phật giảng kinh khi ấy đều cùng trông thấy. Đức Phật bảo tôn giả A Nan: “Ông có muốn thấy A Di Đà Phật hay không? Nếu ông muốn thấy A Di Đà Phật, hãy chỉ thành, cung kính hướng về phương Tây đánh lễ”. Ngài A Nan nghe xong, vô cùng hoan hỷ, cung kính hướng về phương Tây đánh lễ, miệng niệm Nam-mô A Di Đà Phật. Vừa ngẩng đầu lên, A Di Đà Phật đã hiện ở trước mặt. Không chỉ thấy A Di Đà Phật, thấy chư

đại Bồ Tát, mà còn thấy mười phương chư Phật thấy đều tán thán A Di Đà Phật, cũng thấy nhiều vị trời rải hoa cúng dường. Khi ấy, hai vạn người dự hội, chúng tỳ-kheo là một vạn hai ngàn vị, tỳ-kheo-ni năm trăm vị, tại gia cư sĩ bảy ngàn người, nữ cư sĩ năm trăm người, thấy đều trông thấy.

(Sao) Hựu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, dĩ hương hoa đặng chủng chủng cúng cụ, dục vãng tha phương thế giới cúng dường chư Phật, nhất thời chi khoảnh, tức khả biến chí”.

(鈔) 又願云：我作佛時，剎中菩薩，以香華等種種供具，欲往他方世界供養諸佛，一時之頃，即可遍至。

(Sao: Lại nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong cõi nước dùng các thứ vật cúng như hương, hoa... muốn sang các thế giới phương khác để cúng dường chư Phật, trong khoảng phút chốc liền có thể đến trọn khắp”).

Trong khi giảng Đại Kinh, chúng tôi cũng đã trình bày căn kẽ, pháp này mới là pháp chân thật nhất! Ngoại trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể nói nơi nào cũng đều là vô thường, đôi bên tụ hợp rất ngắn ngủi, tạm bợ. Chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật vô lượng thọ, tất cả hết thấy nhân dân ai nấy đều là vô lượng thọ. Thế giới ấy là thế giới bình đẳng kỳ diệu nhất! Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã nói, hiện thời có rất nhiều người vẽ hình Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng đúng! Họ vẽ hình tượng A Di Đà Phật đặc biệt to, Quán Âm, Thế Chí hơi nhỏ hơn một chút, người vãng sanh càng nhỏ hơn nữa, còn có nam, có nữ, có xuất gia, và cũng có tại gia, đều là sai lầm. Tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới là “bình đẳng nhất tướng”, [nghĩa là] tướng mạo, thân thể, cao thấp hoàn toàn giống hệt A Di Đà Phật, quyết định chẳng có phân biệt. Có người nói: Đó là hình tượng trước khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ có thể vẽ một ngôi chùa, vẽ mấy tượng Phật ngồi trong đó, chẳng phải là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là bình đẳng nhất tướng, bức vẽ ấy chẳng phải là Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đô, mà là Niệm Phật Đường Đô của chúng ta ở nơi đây, [nói như vậy thì] được! Niệm Phật Đường tạo tượng Phật rất lớn thì được!

Đến bên kia, năng lực Thần Túc Thông cũng giống như Phật. Vì thế, cổ đức mới nói: “Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh đến

thế giới của hết thầy chư Phật”. Thế giới của hết thầy chư Phật trong mười phương, quý vị muốn đến đâu bèn đến đó, muốn tới lúc nào bèn tới lúc đó, chẳng có tí xíu chướng ngại nào! Thấy A Di Đà Phật giống như thấy hết thầy chư Phật, đó là nguyện này được thành tựu! Chúng ta cũng hết sức khẩn thiết mong đạt được lợi ích này. Hiện thời chúng ta đi xa, vẫn rất phiền phức, tuy giao thông nhanh chóng, thuận tiện, há được tự tại dường ấy như trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Chẳng thể sánh bằng!

(Sao) Hựu nguyện vân: “*Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, dục thực chi thời, bảo bát chi trung, bách vị ẩm thực, hóa hiện tại tiền, thực dĩ tự khứ*”. *Kim lai thành Phật, nhất nhất sở nguyện, giai tất thành tựu*.

(鈔) 又願云：我作佛時，我剎中人，欲食之時，寶鉢之中，百味飲食，化現在前，食已自去。今來成佛，一一所願，皆悉成就。

(Sao: Lại nguyện rằng: “*Khi ta thành Phật, người trong cõi ta, lúc muốn ăn, thức ăn trăm vị ở trong bát báu, hóa hiện trước mặt. Ăn xong biến mất*”. *Nay đã thành Phật, mỗi một điều nguyện thầy đều thành tựu*).

Câu cuối cùng là tổng kết, phần trước đó là lời nguyện. Cuối cùng, nêu lên lời nguyện “*áo cơm tự tại*”, chẳng cần lo toan, chẳng cần làm lụng. Nhất là việc nhà rất vụn vặt, làm lâu ngày rất chán ngán. Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng cần phải làm những chuyện ấy nữa! Nấu cơm, rửa chén, quét sà, lau bàn... Tây Phương thầy đều chẳng có.

Thế giới ấy chẳng nhiễm mảy trần, “*tư y đắc y, tư thực đắc thực*” (nghĩ đến áo bèn được áo, nghĩ đến ăn bèn được ăn). Nơi tốt đẹp như thế nêu chẳng đến đó, đáng gọi là “*đồ ngọc*”, đáng gọi là ngu si! A Di Đà Phật nay đã thành Phật, bốn mươi tám nguyện của Ngài nguyện nào cũng đều viên mãn, nguyện nào cũng đều được thực hiện. Đây là nêu lên mấy nguyện để nói rõ, đối với chuyện phạn thực kinh hành, đều là [trích dẫn] những điều nguyện có liên quan đến ăn cơm và kinh hành. Dưới đây là giảng về chữ Hành.

(Sao) Như Đại Bản vân: “*Pháp Tạng tỳ-kheo ký phát nguyện dĩ, thiên vũ diệu hoa, nhi tán kỳ thượng*”. **Hựu vân:** “*Hoặc vi tỳ-kheo,*

hoặc vi thiên vương, hoặc vi luân vương, hoặc vi đại thân, hằng vãng Phật sở, thừa sự cúng dường”. Hựu vân: “Thủ trung thường xuất y phục ẩm thực, tràng phan, bảo cái, nhất thiết âm nhạc”. Kim lai thành Phật, như thượng thiên nhạc, thiên hoa đẳng báo, tự hợp thành tựu.

(鈔) 如大本云：法藏比丘既發願已，天雨妙華，而散其上。

又云：或為比丘，或為天王，或為輪王，或為大臣，恆往佛所，承事供養。又云：手中常出衣服飲食，幢旛寶蓋，一切音樂。今來成佛，如上天樂天華等報，自合成就。

(Sao: Như kinh Đại Bản chép: “Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát nguyện rồi, trời tuôn hoa màu nhiệm, rải lên thân Ngài”. Lại nói: “Hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm thiên vương, hoặc làm luân vương, hoặc làm quan lớn, thường đến chỗ Phật, hầu hạ, cúng dường”. Lại nói: “Trong tay thường hiện ra y phục, thức ăn, tràng phan, lọng báu, hết thấy âm nhạc”. Nay đã thành Phật, những quả báo như thiên nhạc, thiên hoa v.v... đều tự thành tựu phù hợp).

Đây là Phật nhân viên quả mãn, [nghĩa là] nhân địa tu hành viên mãn, nên đạt được quả báo thù thắng ấy!

Tứ, hóa cầm phong thụ.

四化禽風樹。

(Bốn, chim biến hóa, gió thổi qua cây).

Đây là đoạn thứ tư trong phân Y Báo.

(Kinh) *Phục thứ Xá Lợi Phát! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điều: Bạch Hạc, Khổng Trúc, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng chi điều. Thị chư chúng điều, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp.*

(經) 復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根。五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。

(Kinh: Lại nữa, Xá Lợi Phát! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu, đủ màu: Chim Bạch Hạc, chim Công, Vẹt, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, tiếng hót hòa nhã. Âm thanh ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế).

Chúng ta đọc lời chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Thượng ngôn chư thiên hiến thụ.

(疏) 上言諸天獻瑞。

(Sớ: Trong phần trước là chư thiên dâng hiến những thứ tốt lành).

Xác thật có những vị trời [cúng dường như thế], chúng ta đã thấy cảnh giới ấy từ trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Sớ) Thử ngôn cầm thụ thành âm. Hựu thượng ngôn cúng dường chi thắng. Kim ngôn văn pháp chi thắng dã. Chủng chủng ngôn phi nhất, kỳ diệu ngôn dị thường. Tạp sắc ngôn mỹ quan. Bạch Hạc đẳng giả, đa chủng trung cử nhất nhị dã. Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, thường kiến khả tri. Xá Lợi giải kiến tiền văn. Ca Lăng Tần Già, thử vân Diệu Âm. Cộng Mạng, nhất vân Mạng Mạng. Như thị chủng chủng, tất giai kỳ diệu, phi phạm điều tỷ.

(疏) 此言禽樹成音，又上言供養之勝，今言聞法之勝也。種種言非一，奇妙言異常，雜色言美觀。白鶴等者，多種中舉一二也。白鶴、孔雀、鸚鵡，常見可知。舍利解見前文。迦陵頻伽，此云妙音。共命，一云命命。如是種種，悉皆奇妙，非凡鳥比。

(Sớ: Ở đây nói chim và cây phát ra âm thanh. Lại nữa, phần trước nói về sự cúng dường thù thắng. Ở đây, nói đến sự nghe pháp thù thắng. “Chủng chủng” ý nói chẳng phải một loại. “Kỳ diệu” ý nói chẳng phải tầm thường. “Tạp sắc” ý nói đẹp mắt. Các thứ chim như Bạch Hạc v.v... là trong nhiều loại, nêu lên một hai loại. Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, do thường thấy nên có thể tự biết [chẳng cần phải giải thích]. Xem phần giải thích chữ Xá Lợi trong phần trước. Ca Lăng Tần Già cõi này dịch là Diệu Âm. Cộng Mạng còn gọi là Mạng Mạng. Các loài chim như vậy thấy đều kỳ diệu, các loài chim bình phạm chẳng thể sánh bằng).

Đoạn văn này đã nêu bày đại lược các ý nghĩa. Đoạn văn phía trên nói về sự cúng dường thù thắng, còn trong tiêu mục này, nói về sự nghe pháp thù thắng. Do những loài chim này, trong phần kinh văn ở phía sau đã nói rất rõ ràng: Đều do A Di Đà Phật biến hóa thành, phô bày Tây Phương Cực Lạc thế giới “*tình và vô tình, cùng tuyên dương diệu pháp*”. Ở trong thế gian này, chúng ta đứng như đức Thế Tôn đã nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự là sống đời đời, bất sanh, bất diệt. Cơ duyên nghe pháp quá phổ biến, chẳng có thời khắc nào không nghe Phật pháp. Lại còn đều là do A Di Đà Phật tuyên thuyết; nghe những loài chim ấy hoặc tiếng gió lùa qua cây thuyết pháp đều do A Di Đà Phật biến hóa thành. Vì thế, cơ duyên nghe pháp thù thắng, hết thảy các thế giới của chư Phật đều chẳng thể sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nếu chúng ta chẳng nghe pháp, chắc chắn bị thoái chuyển, chúng ta nhất định phải biết điều này. Nhất là trong thế giới Sa Bà, nay chúng ta thuộc địa vị phàm phu, ba ngày không đọc kinh sẽ giống như cỏ nhân đã nói: “*Mặt mũi trông đáng ghét*”. Ba ngày chẳng niệm kinh, chẳng biết trong tâm đã suy nghĩ loạn xạ những gì? Đọc kinh là tu tâm thanh tịnh. Khi đọc kinh, hy vọng tâm chính mình giống như kinh đã giảng, phải là Phật tri Phật kiến. Kinh do đức Phật nói, nên là Phật tri Phật kiến. Vì thế, muốn biến đổi tri kiến phàm phu của chúng ta thành Phật tri Phật kiến, phương pháp tốt nhất là đọc kinh.

Đối với chuyện đọc kinh, tôi khuyên các đồng tu hãy đọc một thứ. Phải đọc một thứ ấy không ngừng. Tốt nhất là đừng thay đổi. Tuy thay đổi cũng được, chẳng phải là không được; nói chung, vẫn chẳng tốt bằng đọc một thứ! Trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nêu lên rất nhiều tấm gương. Từ xưa tới nay, rất nhiều vị đại đức xuất gia hay tại gia đọc những kinh luận Đại Thừa thông thường, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có không ít người vãng sanh. Cụ đã trích dẫn điều ấy trong đoạn cuối cùng của phần chú giải đoạn văn Tam Bối Vãng Sanh. Cuối cùng, lão nhân gia nói một câu: Cách này thuộc loại tạp tu, nói chung, tạp tu chẳng hay bằng chuyên tu! Lão nhân gia vẫn tán thành chuyên tu, thâm nhập một môn.

Chuyên tu thì nay chúng ta nói là [chuyên đọc] Ngũ Kinh, ngoài Ngũ Kinh bèn là Tạp. Ngũ Kinh đều tán dương Tịnh Độ, đều khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương thế giới. Vì thế, năm kinh là chuyên, là chuyên tu. [Xem đọc] những kinh luận trong các tông khác bèn thuộc loại tạp tu. Trong năm kinh, tốt nhất là thọ trì một loại. Một loại ấy phải

niệm mỗi ngày, coi như công khóa bắt buộc. Trong năm kinh, bốn loại kia hễ có thời gian rảnh rỗi thì có thể đọc, xem như phụ trợ, như thế là tốt đẹp. Ngoài năm kinh ra, [những kinh luận khác] chúng ta hãy nên buông xuống, tu học như vậy sẽ quyết định thành tựu trong một đời này. Vì thế, quý vị đọc kinh là nghe pháp. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật giảng, chẳng giống như kinh này. Kinh này từ đầu tới cuối do một mình Thích Ca Mâu Ni Phật giảng. Trong kinh Vô Lượng Thọ có phần kinh văn do chính A Di Đà Phật tự nói, đức Thế Tôn thuật lại. Thuật lại thì chẳng khác gì A Di Đà Phật đích thân nói, chẳng khác gì, vô cùng thù thắng!

Đoạn văn chú giải này rất dài, vì phải giảng về Ba Mười Bảy Đạo Phẩm, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo; trước đó, còn có Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Tứ Chánh Cần. Bảy khoa Đạo Phẩm ấy đều phải nói cặn kẽ, vì rất hữu ích đối với sự tu trì trong cuộc sống thường ngày của chúng ta. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

---o0o---

Tập 162

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bốn mươi bảy:

(Kinh) Phục thứ Xá Lợi Phất, bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lãng Tàn Già, Cộng Mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp.

(Sớ) Thượng ngôn chư thiên hiển thụ. Thử ngôn cảm thụ thành âm. Hựu thượng ngôn cúng dường chi thắng. Kim ngôn văn pháp chi thắng dã.

(經) 復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根。五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。

(疏) 上言諸天獻瑞。此言禽樹成音，又上言供養之勝，今言聞法之勝也。

(Kinh: Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu, đủ màu: Chim Bạch Hạc, chim Công, Vẹt, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, tiếng hát hòa nhã. Âm thanh ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế.

Sớ: Trong phần trước là chư thiên dâng hiến những thứ tốt lành. Ở đây, nói chim và cây phát ra âm thanh. Lại nữa, phần trước nói về sự cúng dường thù thắng. Ở đây, nói về sự nghe pháp thù thắng).

“Thượng” là nói về khoa trước. Trong đoạn lớn thuộc phần trước, đã nói về chuyện chư thiên cúng dường A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân. Đoạn này là khoa thứ tư, đề mục của khoa này là Hóa Cầm Phong Thụ, Hóa (化) là biến hóa. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ nhất đã nói rất rõ ràng: A Di Đà Phật thành Phật, thế giới của Ngài quyết định chẳng có ba ác đạo. Những thứ chúng ta thấy là súc sanh đạo, kinh này đã nói rất rõ ràng, kinh Vô Lượng Thọ cũng giới thiệu rất minh bạch, [những loài “súc sanh” ấy] do A Di Đà Phật biến hóa ra, tuyệt đối chẳng phải là súc sanh đạo thật sự! Thuyết pháp mà vận dụng phương pháp ấy chính là nghệ thuật hóa sự dạy học! Không chỉ pháp âm của Phật có thể phổ cập trọn khắp, mà đồng thời còn có thể khiến cho người nghe tâm tình thoải mái, vui sướng. Vì nếu chúng ta đối diện A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là thầy, nói chung, chúng ta sẽ cảm thấy gò bó. Gò bó sẽ chẳng tự tại. Nếu là Bạch Hạc, Không Tước thuyết pháp cho chúng ta, chúng ta vừa có thể chơi đùa với chúng, vừa có thể nghe pháp, tâm tình hoàn toàn khác hẳn. Quý vị liền biết A Di Đà Phật từ bi dường ấy, nghĩ tưởng quá chu đáo.

Bất luận người phương Đông hay phương Tây đều thích đến thăm, đến ngắm nhìn Sở Thú. Trong Sở Thú nơi thế gian này có rất nhiều động vật quý hiếm. Nhìn thấy chúng sẽ vui mắt sướng lòng, nhưng chúng chẳng thể thuyết pháp. Những con vật nơi Sở Thú tại Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là động vật, mà do A Di Đà Phật biến hóa. Ngài tạo ra một vườn thú, những động vật ấy thấy đều có thể thuyết pháp. A Di Đà Phật trăm ngàn ức hóa thân, đúng là Phổ Môn Thị Hiện như trong phẩm Phổ Môn. Thị hiện viên mãn nhất, thù thắng nhất là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Xác thực là nên dùng thân gì đặc độ, Ngài bèn dùng thân ấy để thuyết pháp. Nên dùng thân Bạch Hạc để đặc độ, bèn hiện thân Bạch Hạc để thuyết pháp cho quý vị. Nên dùng thân Không Tước đặc độ, liền hiện thân Không Tước để thuyết pháp cho quý vị. Vô

cùng thù thắng trang nghiêm! Vì thế, chương này nhằm giảng cho chúng ta biết sự thù thắng trong việc nghe pháp.

“*Bi quốc thường hữu*” (Cõi ấy thường có), “*thường*” (常) là chẳng gián đoạn. Tuy thế giới này của chúng ta có, nhưng chẳng thường, vì sao? Động vật đều có thọ mạng, có sanh, lão, bệnh, tử, chẳng thể thường sống trên thế gian. Nhất là trong hiện thời, tức là trong xã hội chúng ta đang sống, nói thật sự là một xã hội hồng bét. Kể từ sau khi khoa học kỹ thuật phát triển, hoàn cảnh sinh thái trên địa cầu bị phá hoại nghiêm trọng, có rất nhiều động vật chẳng thể thích ứng sinh tồn, dần dần bị tuyệt chủng. Trên thế giới này tuy có những loài cầm thú quý hiếm, nhưng thọ mạng chẳng dài, cũng chẳng tồn tại vĩnh cửu trên thế gian này! Chúng ta biết nhiều loại sinh vật cổ đại nay đã tuyệt tích, chỉ có thể thấy trong các hóa thạch, vô thường mà! Những loài chim quý hiếm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là vô lượng thọ. A Di Đà Phật vô lượng thọ, tất cả Bồ Tát đại chúng là vô lượng thọ, những loài chim do A Di Đà Phật biến hóa cũng là vô lượng thọ. “*Thường*” là vô lượng thọ.

“*Chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điều*” (Các thứ chim kỳ diệu, nhiều màu): Chủng loại các loài chim khá nhiều, chúng ta cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được. Kinh chỉ nêu ra mấy loại tượng trưng, tuyệt đối chẳng phải là chỉ có mấy loại ấy. Có nhiều chủng loại trong thế giới này chẳng có, hoặc tồn tại trên địa cầu vào thời cổ, nay đã tuyệt chủng, Tây Phương Cực Lạc thế giới có [những loài ấy]. Nơi ấy quả thật là một viện bảo tàng lớn nhất trong vũ trụ, là một thế giới chân thiện mỹ huệ.

“*Kỳ diệu ngôn dị thường*” (“Kỳ diệu” ý nói dị thường), chẳng phải là những thứ chúng ta thường thấy, mà vô cùng hiếm có, trân quý. “*Bạch Hạc*” là trong nhiều loại, chỉ nêu một hai loại, [như] Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, do thường trông thấy nên có thể biết. Có người nói Xá Lợi là chim Thu Lộ (秋鷺), người Hoa gọi nó là Lộ Tư (鷺鷥).

Có người nói Xá Lợi và Xuân Oanh (春鶯) là cùng một loại, là một loại chim nhỏ hót rất hay, rốt cuộc là loài nào, chúng tôi chẳng khảo cứu! Ca Lãng Tàn Già và chim Cộng Mạng: Ca Lãng Tàn Già (Kalaviṅka) hót hay, tiếng hót vô cùng du dương, nên gọi là Diệu Âm. Cộng Mạng (Jīvajīvaka) là loài chim hai đầu, tức là một con chim mà có hai cái đầu. Hai loại chim này chỉ có ở núi Hỷ Mã Lạp Nhã, rất trân quý, rất hiếm hoi. Trong đoạn kinh này, điều quan trọng nhất là thuyết pháp. “*Trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm*” (Ngày đêm sáu thời, thốt ra tiếng hòa nhã),

“hòa” (和) là nhu hòa, “nhã” (雅) là chánh chứ chẳng tà. Nhã có nghĩa là Chánh.

Kế đó cũng là trong vô lượng pháp môn, đức Phật chỉ nêu ra cương lĩnh. Cương lĩnh ấy thường được gọi là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm (Saptatrimśad bodhipāk-ṣikā dharmāḥ). “Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần” đều thuộc về Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm chia thành bảy khoa, tức là bảy loại, trước đó còn có ba khoa, “Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc”. Trong kinh [A Di Đà], chẳng có ba khoa này, kinh chỉ nói bắt đầu từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Vì sao đức Phật chẳng nói ba khoa ấy? Nói thật ra, phàm là người đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba khoa ấy đều đầy đủ, đều viên mãn, cũng có nghĩa là “đều đã tốt nghiệp ba khoa ấy”. Dẫu là hạ phẩm hạ sanh, quý vị thấy giống như là “quán thân bất tịnh” trong Tứ Niệm Xứ, Đại Kinh cho biết người hạ phẩm hạ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “thanh hư chi thân, vô cực chi thể”, há còn có bất tịnh?

Vì thế, cả ba khoa trước đều đã tốt nghiệp. Tứ Như Ý Túc (Catvāra-ṛddhipādāḥ) là nói tới thần thông, kinh dạy: Đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “Thiên Nhãn đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri” (Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), quý vị có thần thông gần giống như A Di Đà Phật! Vì lẽ đó, ba khoa kia chẳng cần thiết, học bắt đầu từ Ngũ Căn và Ngũ Lực; nhưng ba khoa này đến phần sau vẫn phải nêu ra bổ sung. Vì người Tây Phương Cực Lạc thế giới đã tốt nghiệp, nhưng đối với chúng ta trong hiện tiền, ba khoa ấy vẫn khá trọng yếu. Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, đại sư chú giải rất nhiều, rất phong phú.

(Sớ) *Nhiên thử tam thập thất phẩm, thuộc Tiểu Thừa pháp, thật thông Đại Thừa, tùy kỳ tâm hạnh, như chư kinh luận trung thuyết.*

(疏) 然此三十七品，屬小乘法，實通大乘，隨其心行，如諸經論中說。

(Sớ: Nhưng ba mươi bảy phẩm ấy thuộc về pháp Tiểu Thừa, thật ra là thông với Đại Thừa, tùy thuộc tâm hạnh [mà sẽ là pháp Tiểu Thừa hay Đại Thừa] như trong các kinh luận đã nói).

Thông thường chúng ta hẳn nói đến Ba Mươi Bảy Phẩm đều nghĩ đó là pháp Tiểu Thừa, thật ra nó thông với Đại Thừa. Thiên Thai Trí Giả đại sư giảng Tứ Niệm Xứ, liền giảng Tạng, Thông, Biệt, Viên. Ngài

trước tác bốn quyển, Tạng Giáo Tứ Niệm Xứ là Tiểu Thừa, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo Tứ Niệm Xứ là Đại Thừa. Tứ Niệm Xứ có bốn giáo! “*Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo*”, lẽ nào lại chẳng thông Tứ Giáo? Chính là như đã nói ở đây, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm như thế nào, tùy thuộc tâm hạnh ấy. Do vậy, có thể biết, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là Đại - Tiểu Thừa cùng tu học, Tam Thừa cùng học, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều phải tu học.

(Sao) Thông Đại Thừa giả, Du Già tứ thập tứ vân.

(鈔) 通大乘者，瑜伽四十四云。

(Sao: “Thông với Đại Thừa” là như luận Du Già quyển bốn mươi bốn nói).

Du Già Sư Địa Luận quyển bốn mươi bốn.

(Sao) Đại Thừa Bồ Đề phần, nãi hữu đa chủng, tam thập thất phẩm, thị kỳ trung biệt nghĩa, thông ư Đại Tiểu.

(鈔) 大乘菩提分，乃有多種，三十七品，是其中別義，通於大小。

(Sao: Đại Thừa Bồ Đề phần có nhiều loại. Ba mươi bảy phẩm là ý nghĩa riêng biệt trong số ấy, chung cho cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa).

Du Già Sư Địa Luận là luận Đại Thừa, chẳng phải là luận Tiểu Thừa. Nó là kinh điển căn bản của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Kinh điển y cứ của Pháp Tướng Tông là sáu kinh mười một luận. Trong sáu kinh, bộ kinh trọng yếu nhất là kinh Giải Thâm Mật, bộ luận chủ yếu nhất trong mười một luận là Du Già Sư Địa Luận. Đây là nói rõ Ba Mươi Bảy Phẩm chung cho Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa.

(Sao) Trí Luận vân.

(鈔) 智論云。

(Sao: Đại Trí Độ Luận nói).

“*Trí Luận*” là Đại Trí Độ Luận, cũng thuộc loại luận Đại Thừa. Đại Trí Độ Luận là chú giải kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, do Long Thọ Bồ Tát soạn, dịch sang tiếng Hán gồm một trăm cuốn.

(Sao) Tam thập thất phẩm, vô sở bất nhiếp, tức vô lượng đạo phẩm, diệc tại kỳ trung.

(鈔) 三十七品，無所不攝，即無量道品，亦在其中。

(Sao: Ba mươi bảy phẩm không gì chẳng bao gồm, tức là vô lượng đạo phẩm cũng thuộc trong ấy).

Do vậy, có thể biết, Ba Mươi Bảy Phẩm là tổng cương lĩnh của Phật pháp. Nói đúng ra là đã đem vô lượng đạo phẩm quy nạp thành ba mươi bảy loại; vì thế, ba mươi bảy loại ấy không gì chẳng bao gồm!

(Sao) Tịnh Danh vân.

(鈔) 淨名云。

(Sao: Kinh Tịnh Danh nói).

“Tịnh Danh” là kinh Duy Ma Cật.

(Sao) Đạo phẩm thị đạo tràng, hựu vân “đạo phẩm thị Pháp Thân nhân”.

(鈔) 道品是道場，又云道品是法身因。

(Sao: “Đạo phẩm là đạo tràng”. Lại nói: “Đạo phẩm là cái nhân của Pháp Thân”).

Nêu lên khá nhiều kinh luận để chứng minh. Đạo tràng là nơi đắc đạo.

(Sao) Nhiếp Đại Thừa vân.

(鈔) 攝大乘云。

(Sao: Luận Nhiếp Đại Thừa nói).

“Nhiếp Đại Thừa” là Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahāyāna-samgraha-sāstra), cũng là một luận trong mười một luận của Duy Thức.

(Sao) “Đạo phẩm thị Bồ Tát Bảo Cụ Đà La Ni”. Niết Bàn vân: “Nhược nhân năng quán Bát Chánh Đạo, tức kiến Phật tánh, danh đắc đề hồ, giai ước đại thuyết.

(鈔) 道品是菩薩寶炬陀羅尼。涅槃云：若人能觀八正

道，即見佛性，名得醍醐。皆約大說。

(Sao: “Đạo phẩm là Bảo Cụ Đà La Ni của Bồ Tát”. Kinh Niết Bàn nói: “Nếu người nào có thể quán Bát Chánh Đạo, liền thấy Phật tánh, gọi là được đề-hồ”, [những câu như vậy] đều là nói theo giáo nghĩa Đại Thừa).

Câu này là tổng kết, những kinh luận được trích dẫn trên đây đều nói rõ Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm thông với Đại Thừa. Vì lẽ đó, chẳng thể coi Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là Tiểu Thừa, [nếu coi là Tiểu Thừa] thì sai mất rồi!

(Sao) Tùy tâm hạnh giả, như Niết Bàn vân: “Trí hữu nhị chủng, nhất giả Trung Trí, nhị giả Thượng Trí. Quán chư Ám khổ, thị danh Trung Trí. Phân biệt chư Ám hữu vô lượng tướng, phi Thanh Văn, Duyên Giác sở tri, thị danh Thượng Trí”, tặc tri đạo phẩm thị nhất, quán trí đại tiểu, cố vô định dã.

(鈔) 隨心行者，如涅槃云：智有二種，一者中智，二者上智。觀諸陰苦，是名中智；分別諸陰有無量相，非聲聞緣覺所知，是名上智。則知道品是一，觀智大小，固無定也。

(Sao: “Tùy thuộc tâm hạnh”: Như kinh Niết Bàn nói: “Trí có hai loại, một là Trung Trí, hai là Thượng Trí. Quán các Ám là Khổ, bèn gọi là Trung Trí. Phân biệt các Ám có vô lượng tướng, Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể biết được, bèn gọi là Thượng Trí”, nên biết đạo phẩm là một, nhưng do quán trí mà thành Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Vì thế, chẳng nhất định).

Liên Trì đại sư viết đoạn này vô cùng hay. Đúng như tông Hoa Nghiêm đã nói: “Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên”. Nói thực tại, pháp chẳng có nhất định, tùy mỗi người mỗi khác. Nếu là người Tiểu Thừa, tâm lượng rất nhỏ, quý vị giảng kinh Hoa Nghiêm cho người ấy, kinh Hoa Nghiêm cũng biến thành Tiểu Thừa. Tâm lượng to, dầu chúng ta giảng kinh A Hàm, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung là kinh thuộc thời A Hàm, là kinh Tiểu Thừa, chúng ta giảng kinh ấy hoàn toàn biến nó thành Đại Thừa. Không chỉ biến nó thành Đại Thừa, mà còn biến nó thành Nhất Thừa.

Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh ấy, đã dùng giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm để nhìn kinh ấy, [bèn thấy] kinh ấy là Viên Giáo Nhất Thừa. Thầy Lý nói: “Giảng kiểu đó, người ta chẳng phục!” Vậy thì làm thế nào? Thầy thêm vào hai chữ, [trở thành] “*Nhất Thừa giai thể*” (Thêm bậc Nhất Thừa), [nghĩa là] cơ sở của Nhất Thừa. Thầy bảo: “Anh thêm vào như vậy, người khác chẳng nói gì được. Nếu không, nhìn vào Đại Tạng Kinh, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh thuộc thời A Hàm, anh nói như vậy, chẳng phải là kẻ khác sẽ kiếm chuyện làm phiền ư?” Khiến cho họ biện luận, tranh cãi, phiền lắm! Vì thế, vẫn phải khiêm hư một chút, khách sáo đôi chút! Đích xác là pháp tùy thuộc mỗi người mỗi khác, cho nên phán giáo chẳng thể phán định chết cứng. Phán định chết cứng, sẽ phạm sai lầm! Tất cả hết thấy kinh điển đều là sống động, hoạt bát, quả thật là tùy theo tâm hạnh mà phân biệt, đó là hoàn toàn chính xác.

Ở đây, Ngài nói có Trung Trí và Thượng Trí. Trung Trí chỉ căn tánh trung hạ, tức là nói từ Thanh Văn, Duyên Giác trở xuống; Thượng Trí là nói đến Bồ Tát. Chỉ có Bồ Tát mới có năng lực phân biệt vô lượng pháp tướng, nhưng chư vị phải hiểu sự phân biệt ấy là Hậu Đắc Trí của Bồ Tát. Nói thật thà, từ Thanh Văn trở xuống, chẳng có trí huệ! Trong kinh luận thường nói ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. A La Hán và Bích Chi Phật chỉ có nửa phần giải thoát, chẳng có Bát Nhã, Pháp Thân cũng chẳng có. Chư vị nhất định phải biết, chúng đắc Pháp Thân thì Bát Nhã mới hiện tiền, vì sao? Bát Nhã là năng chứng (chủ thể chứng đắc), Pháp Thân là sở chứng (lý được chứng đắc). Hai điều này chẳng tách rời; hễ có năng chứng, ắt có sở chứng. A La Hán và Bích Chi Phật chưa chứng đắc Pháp Thân, lấy đâu ra Bát Nhã? Nếu họ có Bát Nhã, chẳng phải là đã chứng đắc Pháp Thân ư? Do đó, hai loại người ấy chỉ có Định, chẳng có Huệ. Công phu Thiên Định của họ rất sâu, kinh Lăng Nghiêm nói họ đắc Cửu Thứ Đệ Định. Do chỉ có Định, chẳng có Huệ, nên họ đắc giải thoát đôi chút, có thể vượt thoát lục đạo, sanh tử, luân hồi, nhưng chẳng thể chứng Pháp Thân.

Chỉ có mình Bồ Tát là khác biệt. Bồ Tát được nói ở đây vẫn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, chẳng phải là Quyền Giáo Bồ Tát, mà là Thật Giáo Bồ Tát, thật sự khai trí huệ. Sự giáo học, quan niệm, phương tiện, và phương pháp trong Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng khác nhau. Quan niệm và phương tiện của Đại Thừa chú trọng nơi Căn Bản Trí, còn quan niệm và phương tiện của hàng Tiểu Thừa chú trọng Thiên Định, nên cách nghĩ và cách làm khác nhau. Hết sức rõ rệt là các phương pháp được sử dụng bởi những vị lịch đại tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa tới

nay chẳng giống phương pháp sử dụng bởi Tiểu Thừa tại Ấn Độ. Hiện thời, phương pháp được truyền qua nhiều đời tại Trung Quốc khác hẳn Nam Truyền Phật Giáo tại Nam Dương, Thái Lan, Tích Lan (Sri Lanka) cũng khác hẳn, quan niệm và phương pháp khác biệt. Sự việc rõ rệt này trước kia thấy rất rõ ràng, nay đã chẳng thấy rõ rệt nữa. Tại Đài Loan, hiện thời giáo học Phật Giáo rất hỗn loạn, loạn đến nỗi đâm ra chẳng bằng Tiểu Thừa. Tiểu Thừa chú trọng Định, còn nay chúng ta nói thật thà là Tiểu Thừa thì cũng chẳng ra Tiểu Thừa, Đại Thừa cũng chẳng ra Đại Thừa, hiện thời là Phật pháp gì vậy? Nói thực tại, hiện thời là Phật pháp điên đảo, cổ đại đức nói là “*tu mù, luyện đui*”. Hiện thời là phương pháp tu mù luyện đui, chẳng có nguyên tắc để có thể tuân theo, hy vọng các đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này.

Giáo học trong Phật pháp nhất định phải thực hiện từ Căn Bản Trí. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, các vị nhất định phải chú trọng tâm thanh tịnh. Để vun bồi cái tâm thanh tịnh, phải tuân thủ đường lối do cổ đức đã dạy, bắt đầu từ chỗ nào? Thực hiện bằng học thuộc lòng, chẳng mong rất hiểu. Vì sao? Vì chúng ta chẳng có trí huệ, những ý nghĩa của kinh mà chúng ta thấy đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính chúng ta. Làm sao chúng ta hiểu được ý nghĩa của kinh điển? Bài Kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Nói thật thà, ý nghĩa của tôi quý vị còn chẳng hiểu, làm sao quý vị hiểu ý nghĩa của Như Lai? Vì thế, trước hết, chúng ta đọc kinh. Đọc kinh là phương pháp, cũng là một thứ phương pháp trong vô lượng pháp môn. Phương pháp ấy tốt đẹp, vô cùng thù thắng. Dùng phương pháp ấy, chỉ đọc, chẳng cầu hiểu! Đọc kinh nhằm mục đích tu Giới, tu Định, tu Huệ, hoàn thành Giới, Định, Huệ Tam Học một lượt. Đồng thời đọc kinh là Giác chứ không mê, Chánh chứ không tà, Tịnh chứ chẳng nhiễm. Giác, Chánh, Tịnh là cương lĩnh tu học của chúng ta, [đọc kinh là] hoàn thành ba cương lĩnh ấy cùng một lúc. Nếu quý vị cầu thông hiểu, thưa cùng quý vị, Tam Học bị phá hoại, Tam Bảo cũng bị phá hoại. Giác, Chánh, Tịnh là Tam Bảo! Vì thế, đọc kinh một mục chẳng cầu hiểu rất rõ, chúng ta tu Tam Học, bồi dưỡng Tam Bảo, công đức này to lắm! Giới ở trong ấy, Định ở trong ấy, Huệ ở trong ấy, niệm nhiều sẽ tự nhiên khai ngộ.

Cổ nhân thường nói: “*Đọc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa*”, “*tự thấy*” là khai ngộ! Quý vị niệm càng nhiều, tâm càng thanh tịnh, không nhất định gặp cơ duyên nào, hễ gặp liền hoát nhiên đại ngộ, khai ngộ. Tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nào khai ngộ. Vì thế, chuyện chẳng cần phải biết bèn chẳng cần biết đến, người chẳng cần quen biết,

chẳng cần xã giao. Tôi bảo mọi người đừng đọc báo, đừng xem TV, hãy buông hết xuống, thân tâm thanh tịnh, đắc tự tại. Nói thực tại, đối với sức khỏe thân thể hay tinh thần đều có ích rất lớn, tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh, trăm bệnh chẳng sanh! Quý vị bị bệnh là do tâm chẳng trong sạch, thân chẳng trong sạch. Vì lẽ đó, ăn uống phải đơn giản, bao tử sạch sẽ, tâm sạch lầu, người ấy chẳng sanh bệnh. Đến khi lâm chung, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, tốt đẹp lắm! Đây mới chính là điều người học Phật mong cầu! Những chuyện khác đều chẳng liên quan đến chúng ta, hãy nên bỏ sạch sành sanh, đừng bận tâm tới chúng!

“*Thượng trí*” là trí huệ của Bồ Tát, chúng ta có thể vun bồi. Từ căn tánh trung hạ, nếu đúng pháp, lý luận và phương pháp có thể tương ứng, người căn tánh trung hạ cũng có thể bồi dưỡng thành thượng thượng trí. Ở Trung Quốc, trải qua các đời, chúng ta có thể thấy rất nhiều gương như vậy trong Tông Môn và Giáo Hạ. Dưới đây là giới thiệu về Ngũ Căn:

(Sớ) Ngũ Căn giả, nhất Tín, nhị Tấn, tam Niệm, tứ Định, ngũ Huệ, năng sanh thánh đạo, cổ danh vi Căn. Hựu như Câu Xá, cù tam nghĩa cổ.

(Sao) Căn hữu nhị nghĩa: Nhất giả, năng trì nghĩa, trì kỳ sở dĩ đắc, nhị tự phần bất thất dã. Nhị giả, sanh hậu nghĩa, sanh kỳ sở dĩ đắc, nhi thăng tấn thượng cầu dã.

(疏) 五根者，一信、二進、三念、四定、五慧，能生聖道，故名為根。又如俱舍，具三義故。

(鈔) 根有二義：一者能持義，持其所已得，而自分不失也；二者生後義，生其所未得，而勝進上求也。

(Sớ: Ngũ Căn: Một là Tín, hai là Tấn, ba là Niệm, bốn là Định, năm là Huệ, có thể sanh thánh đạo, nên gọi là Căn. Lại như luận Câu Xá nói Căn có ba ý nghĩa.

Sao: Căn có hai ý nghĩa: Một là có thể Trì, Trì cái đã có, nhưng chính mình chẳng để mất. Hai là nghĩa có thể sanh những điều sau đó, sanh những cái chưa đạt được, lại còn tiến lên cầu cao hơn).

Được gọi là Căn (Indriya) vì nó “*năng sanh thánh đạo*” (có thể sanh ra thánh đạo), thánh đạo là gì? “*Thánh*” là thánh nhân. Chúng ta gọi những điều được chứng đắc bởi chư Phật và chư đại Bồ Tát là “*thánh đạo*”. Chư Phật và chư đại Bồ Tát chứng đắc điều gì? Nói đơn giản là

Thật Tướng của các pháp, là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đây chẳng phải là mê tín, nay chúng ta nói là mê, Phật nói là ngộ, chúng ta mê gì? Chúng ta chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nên gọi là “mê”. Phật và Bồ Tát đối với chân tướng của vũ trụ, quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, chẳng có điều gì không hiểu rõ, chẳng có gì không thông đạt, nên gọi là Ngộ.

Trí huệ to dường ấy, năng lực to dường ấy, từ đâu mà có? Có phải là do học được hay chẳng? Chẳng phải! Không học được! Không học, làm sao có thể thông đạt? Ở đây có một bí mật, người bình phàm chúng ta không biết, nhưng đức Phật biết. Bí mật ấy là gì? Nguyên lai tận hư không khắp pháp giới là do một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta biến hiện, đó là bí mật. Nếu chúng ta triệt để hiểu rõ một niệm tâm tánh, hết thấy vạn pháp sẽ tự nhiên thông đạt. Cổ nhân nói: “*Thức đắc bốn, bất sâu mật*” (Đã biết gốc, chẳng lo ngọn). Tâm tánh là cội gốc, sâu la vạn tượng trong vũ trụ và nhân sinh là cành nhánh; chỉ cần quý vị tìm được cội gốc thì cành nhánh thấy đều đạt được. Do đó nói là Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí, Nhất Thiết Trí, Phổ Biến Trí đều cùng hiện tiền. Danh từ nhiều ngàn ấy, gọi chung là Hậu Đắc Trí. Nay tâm tánh chúng ta mong cầu là Căn Bản Trí. Đã đắc Căn Bản Trí, chẳng lo Hậu Đắc Trí nữa! Do đó có thể biết: Cầu căn bản trọng yếu lắm! Trong Thiền Tông, Căn Bản Trí được gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, trong Giáo Hạ là “*đại khai viên giải*”, trong Tịnh Độ Tông là “*nhất tâm bất loạn*”, danh từ trong các tông khác nhau, nhưng ý nghĩa và cảnh giới như nhau, chẳng khác biệt. Do vậy, có thể biết, chúng ta từ pháp môn này, dựa trên năm kinh một luận của Tịnh Tông, dùng phương pháp trì danh niệm Phật này, chúng ta cầu nhất tâm bất loạn. Vì thế, chúng ta tu hành phải đặc biệt chú trọng tâm địa thanh tịnh, tịnh đến chỗ tốt cùng, đạt được nhất tâm!

Chúng đắc Sự nhất tâm, quý vị bèn đắc Niệm Phật tam-muội. Chúng Lý nhất tâm, bèn gọi là Niệm Phật Bảo Vương tam-muội, tăng thêm hai chữ Bảo Vương. Hơn nữa, Bảo Vương tam-muội cũng là Hoa Nghiêm tam-muội. Cảnh giới Hoa Nghiêm rộng lớn vô biên, quý vị bèn thông đạt hết thấy. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều nhằm đạt tới mục tiêu này, nhưng trong hết thấy các pháp môn, tùy thuộc tâm hạnh khác nhau, mà có dễ và khó. Pháp môn này có thể tùy thuận phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đều có hữu hiệu, trên có thể phù hợp bậc Đăng Giác Bồ Tát, dưới có thể tùy thuận ác đạo chúng sanh, pháp môn này thù thắng khôn sánh; nên cổ đức gọi là “*đạo dễ hành*”,

đạo lý ở chỗ này! Ngũ Căn (Pañcendriya) có thể sanh ra thánh đạo, nên gọi là Căn.

Tiếp đó là nói cặn kẽ. Căn có hai ý nghĩa:

- Một ý nghĩa là “*năng trì nghĩa*” (ý nghĩa có thể trì), đây là bản thân có năng lực. “*Tri*” là bảo trì, [*năng trì*] là gìn giữ những gì đạt được, chẳng để mất đi.

- Ý nghĩa thứ hai là “*sanh hậu nghĩa*”, [tức là] không chỉ có thể bảo trì, mà còn có thể sanh trưởng. Ví như một cái cây có rễ, không chỉ có thể giữ vững, mà còn có thể từ từ tăng trưởng.

Căn có năm loại lớn. Loại lớn thứ nhất là Tín (Śraddā).

(Sao) Ngôn Tín Căn giả, vị u Đế Lý thâm nhẫn nhạo dục, thị danh Tín Căn.

(鈔) 言信根者，謂於諦理深忍樂欲，是名信根。

(Sao: Nói đến Tín Căn, nghĩa là đối với Đế Lý bền thâm nhẫn, ưa muốn, nên gọi là Tín Căn).

Đây là cách giảng theo Pháp Tướng Duy Thức Tông. Nói đơn giản, Đế Lý là Tứ Đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bốn thứ chân thật. Khổ Tập là nhân quả thế gian, Diệt Đạo là nhân quả xuất thế gian, chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên tin sâu chẳng nghi. Đức Phật nói hai tầng nhân quả thế gian và xuất thế gian, nói pháp thế gian thì nói quả trước, nói nhân sau. Vì sao? Quý vị nói “nhân” với hết thầy chúng sanh, do nhân vẫn chưa có kết quả, họ sẽ xem thường, chẳng để ý. Quý vị nói quả báo với họ, quả báo ở ngay trước mắt, họ sợ hãi, sẽ đặc biệt chú ý, nên nói quả trước. Quả là gì? Khổ! Trong Tứ Niệm Xứ đã nói “*Quán Thọ là Khổ*”. Thọ là gì? Cảm nhận, hoặc có thể nói là hưởng thụ. Sự hưởng thụ của quý vị trong hiện tại là khổ, đó là sự thật. Trong tam giới chẳng có lạc, đức Phật đã nói rõ những nỗi khổ nơi thân tâm chúng ta, quy nạp thành ba khổ, hoặc tám khổ, tổng cương lãnh là ba loại lớn. Ba loại lớn ấy là Tam Giới Khổ (các nỗi khổ trong ba cõi): Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ, chúng sanh trong Dục Giới thầy đều có; đến Sắc Giới Thiên, chẳng còn Dục, nên chẳng có Khổ Khổ, nhưng họ có Hoại Khổ và Hành Khổ. Dầu đạt đến Vô Sắc Giới Thiên, chư thiên Vô Sắc Giới chẳng cần đến thân thể, rất tự tại, nay chúng ta gọi [Vô Sắc Giới Thiên] là Linh Giới, họ còn có Hành Khổ. Tuy chẳng có Hoại Khổ, nhưng còn có Hành Khổ, vẫn chẳng lìa khỏi khổ. Dục Giới của chúng ta khổ nhất!

Lần này, California của Mỹ bị động đất lớn; ngày hôm qua, tại Trung Hoa Đại Lục lại xảy ra động đất, có những chuyên gia nghiên cứu động đất dự đoán Đài Loan sớm muộn gì cũng bị động đất lớn một lần. Tôi ở ngoại quốc, nghe nói trong vòng mười năm từ 1990 đến 2000, trên địa cầu có rất nhiều tai nạn to lớn, lớp vỏ địa cầu có biến hóa. Họ nói trong tương lai khí hậu vùng Tây Bá Lợi Á (Siberia) của Liên Xô tốt nhất, nước Mỹ biến thành Nam Cực, Trung Quốc biến thành Bắc Cực, chẳng thích hợp cho con người sống sót. Đó là địa cầu di chuyển khác thường trong vũ trụ, rất đáng sợ! Nếu là con người làm nhân tố thì phải là chiến tranh nguyên tử. Nếu trên địa cầu trong một tuần đồng thời ba chục hoặc năm chục quả bom nguyên tử bùng nổ, sự chấn động có thể khiến cho địa cầu biến động. Trong vòng mười năm sẽ có tai nạn to lớn như thế, nếu hiện thời chúng ta chẳng nghiêm túc niệm Phật, ai nấy chẳng trốn thoát được! Vì thế, nói chung, hiện thời mọi người phải nhìn thoáng một chút, xem đăm bặc một chút, đừng so đo, tính toán chi ly những chuyện trước mắt, giả trá mà!

Nay chúng ta nhìn vào lòng người trên toàn thế giới, nhìn vào sự tạo tác của toàn thể nhân loại trên thế giới, đúng là như cô nhân đã nói “*tạo nghiệp*”! “*Nghiệp*” (孽) là trái trời nghịch đất! Lòng trời từ bi hỷ xả, vì sao biết? Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, nếu quý vị muốn sanh vào Sắc Giới Thiên, phải tu Tứ Thiên Bát Định, phải tu Tứ Vô Lượng Tâm Từ Bi Hỷ Xả, nên chúng ta biết tâm của chư thiên trong mười tám tầng trời Sắc Giới là từ bi hỷ xả. Chúng ta có từ bi hay không? Chẳng có từ bi hỷ xả, tức là trái nghịch lòng trời!

Địa tâm là gì? Đối với “*địa tâm*”, quý vị đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, vua Diêm La và các quý vương trong địa ngục đã nói họ chẳng mong trừng trị các tội nhân, chẳng mong trừng phạt, mà là mong những kẻ ấy chẳng tạo tội nghiệp nữa, chẳng đọa ác đạo. Những kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, chẳng biết tâm lòng của các vị quý vương và thần thổ địa. Hằng ngày tạo giết, trộm, dâm, dối, tạo nghiệp! Trái nghịch trời đất, thiên thần, quỷ thần đều chẳng hoan hỷ, nhân gian tự nhiên có tai nạn to lớn xảy đến.

Vì lẽ đó, khổ là quả, quả báo từ đâu mà có? Đương nhiên có nguyên nhân, nhân là gì? Nhân là Tập, Tập là mê hoặc tạo nghiệp. Không cần nói sâu, tâm thiên địa chẳng biết, mà đạo thánh nhân cũng chẳng biết, chúng ta coi thường, quên bẵng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, thậm chí còn ác ý hủy báng, còn gì để nói nữa! Hai trăm năm trước, Trung Hoa được coi là đại quốc văn minh nhất, cường thịnh nhất trên thế

giới, từ xưa tới nay đều xưng là Thiên Triều, được các quốc gia dân tộc tôn kính, họ kính trọng điều gì? Người Hoa làm theo giáo huấn của thánh nhân. Từ sau khi Lưu Bang thành lập chánh quyền nhà Hán, đối với chuyện giáo dục của quốc gia bèn chọn tư tưởng Khổng Mạnh, lấy đó làm tông chỉ giáo học của đất nước, mãi cho đến đời Mãn Thanh, chúng ta gọi là Nho gia. Tông chỉ giáo học của Nho gia là Ngũ Luân, Bát Đức, [tông chỉ ấy] được gọi là Thường Đạo (đạo thường hằng).

Ngũ Luân nói về mối quan hệ giữa con người với nhau, vô cùng hòa thuận, hiện thời điều này được gọi là “*thân ái tinh thành*” (lòng thành chuyên rông thân ái). Hiện thời, bốn chữ ấy là khẩu hiệu, nhưng Nho gia thật sự làm được bốn chữ ấy. Xã hội Ngũ Luân là một xã hội đoàn kết, toàn thể dân tộc trong quốc gia muôn người như một, quan hệ giữa con người với nhau là như vậy. Từ phạm vi hẹp nhất là vợ chồng, vợ chồng là một nhà, [thường gọi là] “*gia thất*”, “*thất*” (室) nghĩa là một căn phòng, cùng chung sống! Căn phòng ấy mở rộng ra thành gia đình, gia đình có cha con, anh em. Lại mở rộng ra thành xã hội, quốc gia, có vua tôi, có bạn bè, thường nói là “*tứ hải chi nội giai bằng hữu dã*” (trong bốn biển đều là bạn bè). Bạn bè của bạn bè, cả nước đều là bạn bè, hàng xóm của xóm giềng, cả nước là xóm giềng. Giáo học Nho gia đã gần hai ngàn năm, chúng ta lãnh nhận sự giáo dục ấy, nay bài xích, chẳng cần đến nữa. Do Ngũ Luân là nói về quan hệ giữa con người với nhau, thật sự nói về “*thân ái tinh thành*”. Vì vậy, chúng ta nêu ra câu khẩu hiệu bốn chữ này, nếu chẳng có quan niệm luân lý và giáo học luân lý của Nho gia, bốn chữ ấy rỗng tuếch, chẳng có ý nghĩa gì! Vì thế, giữa người và người với nhau tự nhiên hòa thuận, con người sẽ tự nhiên chiếu cố lẫn nhau, xã hội là một bầu hòa thuận. Quan niệm đạo đức cơ bản cũng là nói tới cuộc sống của chúng ta, là quy tắc chung sống dành cho mọi người, giống như giới điều cơ bản trong Phật pháp, là một công ước để chúng ta chung sống trên địa cầu, ai nấy đều phải tuân thủ. Nho gia đề ra Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Nhân là nhân từ, phải có lễ phép, phải nói tới nghĩa vụ. Nghĩa vụ ấy là chẳng nói tới chuyện báo đáp. Thấy người khác cần chúng ta giúp đỡ chỗ nào, phải nên giúp họ, phải trọn hết nghĩa vụ, chớ nên nói tới chuyện báo đáp. Từ xưa, tại Trung Quốc, giáo học là nghĩa vụ, chưa hề nghe nói thầy nhất định phải thu học phí của trò, chẳng có. Tiên học trả cho thầy giáo là học trò cúng dường thầy, chắc chắn thầy chẳng ấn định tiêu chuẩn cho sự cúng dường ấy. Mỗi tháng phải nộp học phí bao nhiêu, dạy quý vị một giờ phải trả bao nhiêu tiền, đó là kinh doanh buôn bán!

Giáo học là nghĩa vụ, là sư đạo. Nếu ấn định giá cả, người nghèo hèn sẽ chẳng có cơ hội nhận lãnh giáo dục. Vì lẽ đó, sư đạo đáng tôn kính dường ấy! Không lâu phu tử giáo học là “*hữu giáo vô loại*” (dạy dỗ chẳng phân biệt), tức là đối với học trò quyết định chẳng phân biệt, học trò tùy ý cúng dường thầy. Nhà quý vị giàu có, cúng dường nhiều một chút, thầy cũng nhận. Nhà quý vị nghèo hèn, một chút cúng dường cũng chẳng có, thầy cũng chẳng trách quý vị. Thầy chẳng thể nói: “Ta dạy người suốt một năm, mà người chẳng cúng dường chút gì, năm sau, người khỏi cần đến nữa!” Chẳng có đạo lý ấy, chẳng có loại thầy ấy. Vì thế, thầy luôn rất thanh bần, cuộc sống rất kham khổ, nhưng địa vị trong xã hội rất cao cả, thanh cao! Thầy được đại chúng trong xã hội tôn kính. Thầy thấy học trò trong tương lai sẽ có thành tựu trong xã hội, rất an ủi, thầy đã chẳng lãng phí tâm huyết!

Vì lẽ đó, phải nhấn mạnh nghĩa vụ, mỗi người đều bằng lòng trọn hết nghĩa vụ đối với xã hội và đại chúng, chẳng nói tới chuyện báo đáp, xã hội mới thật sự có tiến bộ. Trong sự báo đáp, sẽ có chuyện bớt công, giảm vật liệu, có lười nhác, có dối gạt; trong nghĩa vụ chẳng có. Đó là tận hết nghĩa vụ. Do vậy, Nho gia nói Nghĩa, nói Lễ, nói Trí. Trí là lý trí, chẳng dùng cảm tình; xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dùng lý trí. Nói năng giữ chữ tín, bèn gọi là “*tín nhiệm*”. Con người trên thế gian khác cầm thú, là do con người có năm thứ quan niệm đạo đức ấy. Tông chỉ giáo dục của Nho gia là Ngũ Luân, Ngũ Thường. Ngũ Thường là nhân đạo, tức là đạo lý làm người. Đó là cơ bản nhất. Lại phát triển thành Bát Đức, tức trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình. Hiện thời, những điều này đều chẳng được nhắc đến, thấy đều bị vứt bỏ, hiện thời nói đến điều gì! Hoàn toàn nói đến lợi hại, đáng sợ quá! Con người qua lại với nhau là: Có lợi cho ta, ta hợp tác với quý vị. Có chỗ bất lợi cho ta, hay chẳng có ích gì, quý vị làm sao ta mặc kệ, chẳng màng đến nữa! Xã hội cứ phát triển như vậy, đó là chủ nghĩa Công Lợi (Utilitarianism). Có thể nói là hiện thời chủ nghĩa Công Lợi đã phát triển đến cực đoan, hoàn toàn chẳng có đạo nghĩa, thuần túy là kết hợp vì lợi hại, đáng sợ quá! Vì lợi hại mà biến hóa. Hôm nay chúng ta là hai người bạn tốt; ngày mai, quý vị chẳng đạt được lợi ích từ nơi đây, bèn nhẹ thì đoạn giao, còn nặng là oan gia đối đầu! Kinh hãi quá!

Xã hội đã phát triển đến nông nổi ấy, chẳng có cách nào cứu vãn. Vì thế, thầy Lý nói: “*Chỉ có một con đường dễ đi là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, nhanh chóng di dân, di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ biện pháp này ra, chẳng có cách nào, thiên hạ đã

loạn, Phật, Bồ Tát, thần tiên đều trị chẳng được. Chúng ta phải nhận thức rõ rệt tình cảnh trước mắt, thế giới này đúng là khổ, chẳng vui gì! Bản thân quý vị hãy suy nghĩ xem, từ sáng đến tối trong tâm quý vị có sung sướng hay không? Quý vị rất sung sướng, thì sự sung sướng ấy có thể giữ được mấy ngày? Có thể giữ được mấy năm? Chẳng thể không nghiêm túc tự vấn, phản tỉnh. Nếu quý vị quả nhiên giác ngộ thấy sự thụ dụng và hưởng thụ của chúng ta chỉ có khổ, chẳng có lạc, quý vị mới nhận biết thế giới này chẳng thể ở được! Tông này (Tịnh Độ Tông) gọi điều này là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, “*nguyện lìa Sa Bà, nguyện cầu sanh Cực Lạc*”, từ chỗ này, tâm nguyện ấy mới có thể dậy khởi. Quý vị chẳng biết thế giới này là khổ, vẫn chẳng nghĩ rời khỏi! Nói cách khác, cái tâm, cái nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của quý vị sẽ chẳng khẩn thiết. Quý vị thật sự biết thế giới này là khổ, tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khẩn thiết. Vì vậy, trước hết phải là biết Khổ, phải đoạn Tập, phải đoạn mê hoặc, điên đảo, tạo tác, phải đoạn trừ những điều ấy.

Thứ hai là phải tin tưởng sâu xa nhân quả xuất thế gian. Đức Phật cũng là nói quả trước, quả là gì? Quả là Diệt. Chữ Diệt này còn được gọi là Niết Bàn, hoặc còn gọi là Viên Tịch. Diệt là gì? Diệt là diệt phiền não, diệt khổ nhân, diệt khổ quả, tiêu diệt khổ nhân lẫn khổ quả. Hiện thời, rất nhiều người dùng sai ý nghĩa này, ngỡ là gì? Người xuất gia chết bèn gọi là Viên Tịch, nực cười thay! Viên là công đức viên mãn, Tịch là tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh tịch diệt, mang ý nghĩa này. Viên Tịch rõ ràng là sự chứng đắc trong khi còn sống. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện dưới cội Bồ Đề, đêm trông thấy sao Mai bèn thành Tội Chánh Giác, Tội Chánh Giác là gì? Là chứng đắc Viên Tịch. Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi chứng đắc Viên Tịch. Nếu người đã chết bèn gọi là Viên Tịch thì có ai chẳng viên tịch? Ai nấy đều viên tịch, cần gì phải tu nữa? Viên là nói tới chuyện “*nhân viên, quả mãn*”, tu hành viên mãn!

Thanh tịnh tịch diệt, quả vị này là quả vị chí cao vô thượng. Kinh Nhân Vương giảng về quả vị Bồ Tát, đã chia thành năm tầng cấp. Năm tầng cấp đều được gọi là Nhân. Tầng cấp cao nhất là Tịch Diệt Nhân, có ý nghĩa Viên Tịch. Tịch Diệt Nhân cũng có ba phẩm: Hạ phẩm Tịch Diệt Nhân là Thập Địa Bồ Tát, đây là Pháp Vân Địa Bồ Tát, trung phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát, thượng phẩm là Phật quả. Viên Tịch, nói thật thà, nếu danh phù hợp thực thì mức độ thấp nhất là Thập Địa, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát. Từ Cửu Địa trở về trước đều chẳng đủ tư cách gọi là Hạ Phẩm Viên Tịch, vì Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Nhân, chẳng phải

là Tịch Diệt Nhân. Do đó, trước hết Ngài nói về Diệt, cũng là quả, tức là Đại Niết Bàn nơi quả địa Như Lai, dùng phương pháp nào thì mới có thể chứng đắc? Nhất định phải tu Đạo. Do đó, bốn điều Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều là thật, là chân lý, nhất định phải tu Đạo. Đạo ấy, nói thông thường là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tiểu Thừa nói Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, trong pháp Đại Thừa có vô lượng đạo phẩm; nhưng ba mươi bảy phẩm có thể gồm trọn vô lượng đạo phẩm.

Ở đây nói “*vi u Đé Lý*” (nghĩa là đối với Đé Lý), [Đé Lý là] Tứ Đé Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chư vị phải biết Tứ Đé có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay Tứ Đé được nói trong Tịnh Độ Tông là Viên Giáo Tứ Đé. Tịnh Độ Tông là đại pháp viên đôn. Cổ đức đã nói, như trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: Kinh Di Đà là “*Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy*”. Ông Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Vì thế, kinh này là thuần viên, cực viên, là viên nhất trong các pháp viên. Do đó, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được nói trong kinh này là Viên Giáo Đạo Phẩm.

Đối với điều này, chúng ta phải “*thâm nhân*”, “*nhân*” (忍) là tin tưởng, chẳng hoài nghi. Nhân có nghĩa là “*an trụ*”, tâm an trụ nơi đạo lý ấy, trọn chẳng hoài nghi, trọn chẳng lay động, đó là “*thâm nhân*”. “*Nhạo*” (樂) là ưa thích, yêu chuộng. “*Dục*” (欲) là dục vọng (ham muốn, mong mỏi). Ta muốn nương theo lý luận và phương pháp này để tu học, rất hoan hỷ chiếu theo lý luận và phương pháp ấy để tu học thì gọi là “*nhạo dục*”. Như thế gọi là Tín Căn, lòng tin của quý vị mới có cội rễ.

Chữ Tín chẳng dễ dàng! Nay chúng ta muốn tu pháp môn Tịnh Độ, nghe người ta giảng Thiên Tông ở bên kia, trong tâm hâm mộ, vẫn mong được học. Nghe nói ở chỗ nọ có quán đánh Mật Tông, cũng muốn tới tham gia, đó là gì? Tuy có Tín, chẳng có Căn! Tín mà chẳng có cội rễ, bèn giống như bè trôi trên nước, bị gió thổi giạt, chẳng thể có thành tựu. Vì lẽ đó, Tín có Căn đáng quý, quý vị rất có thể thành tựu. Tín mà chẳng có Căn, chỉ gieo phước đức trong tám thức điền mà thôi, chẳng thể nào thành tựu trong một đời này. Do đó, các đồng tu hãy nên tự mình kiểm điểm đôi chút, cũng có thể quan sát các đồng tu học Phật, người nào có thành tựu, kẻ nào chẳng có thành tựu, trong tâm chúng ta đều nhận biết, cũng có thể nói rất rõ ràng: Phạm là kẻ tâm địa dao động, thấy lạ, nghĩ khác, kẻ ấy chẳng thể có thành tựu trong một đời này. Phạm là người

kiên trì tin tưởng, chẳng nghi ngờ, trọn chẳng dao động, người ấy sẽ thành tựu trong một đời này.

Tôi lại nói rõ hơn một chút. Hiện thời, đạo tràng giảng kinh tại thành phố Đài Bắc rất nhiều, đạo tràng làm miếu hội cũng rất nhiều, kể thường đến khắp các đạo tràng đều chẳng có Tín Căn, đều là dao động. Thật sự có Tín Căn, thừa cùng chư vị, sẽ theo một thầy, đến một đạo tràng, trọn chẳng đến đạo tràng thứ hai, trọn chẳng nghe người thứ hai giảng, người ấy có Tín Căn, bất luận học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu, thật sự đáng cho chúng ta tôn kính. Đi khắp nơi, nói thật ra là chẳng đáng ca tụng. Chớ nên nói: “Chúng ta giảng kinh ở đây, người từ đạo tràng khác đến chỗ chúng ta, người ở đây đông đảo, chúng ta hoan hỷ”. Tôi chẳng tỏ vẻ hoan hỷ, vì sao? Đạo tràng này của tôi có thêm quý vị thì cũng chẳng nhiều, mà thiếu mất quý vị thì cũng chẳng ít. Vì sao nói vậy? Vì quý vị chẳng thể thành tựu! Quý vị đến chỗ tôi thì cũng đến chỗ khác, đi lung tung các nơi, có gì là hiếm hoi, lạ lùng? Chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng cả!

Người ta tu học ở một chỗ, theo chắc một vị thầy, tu học tại một đạo tràng, dầu chẳng tu Tịnh Độ Tông, tu theo các tông phái khác, chúng ta phải tôn kính. Vì sao? Người ấy [tu tập] đúng lý đúng pháp. Nếu chư vị muốn giới thiệu người đến đây nghe kinh, mà thấy hạng người ấy, chớ nên giới thiệu, hãy tôn kính họ, cố vũ, khích lệ họ, cách làm của họ là đúng. Có thể kéo người nào đến nghe kinh? Những kẻ đi lung tung khắp nơi! Đối với hạng người ấy [lôi kéo đến nghe kinh] thì được, tâm người ấy như bèo nổi, nay bị gió giạt đến nơi này, ngày mai giạt sang chỗ khác. Hạng người ấy thì [lôi kéo] được, quý vị khuyên họ tới đây nghe kinh thì được, chẳng sao cả, tạo thiện căn cho họ mà! Tín phải có Căn!

(Sao) Thứ nhất vi Tổng, dư tứ thừa thượng.

(鈔) 此一為總，餘四承上。

(Sao: Điều này là Tổng, bốn điều kia nhằm tiếp nối điều trên).

Trong Ngũ Căn, Tín Căn quan trọng nhất. Vì chẳng có Tín Căn, những điều tiếp theo là Tinh Tấn, Niệm, Định, Huệ đều chẳng thể có, chẳng thể nào phát sanh. Do vậy, những điều sau như Tấn, Niệm, Định, Huệ đều do Tín mà thành tựu. Do vậy, có thể biết, Tín trọng yếu ngàn ấy! Đại Luận có nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Tín là cội nguồn nhập đạo, là mẹ của hết thầy công đức. “*Mẫu*” mang ý nghĩa tỷ dụ “có thể sanh”, Tín có thể sanh hết thầy công đức, điều này đã nêu rõ tầm quan trọng của Tín.

Mở kinh Phật ra, câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. “*Như thị*” là Tín Thành Tụ. Trong Bách Pháp của Duy Thúc, pháp đầu tiên trong mười một thiện pháp là Tín; ngay cả Nho gia cũng coi trọng chữ Tín. Con người nếu chẳng có Tín, chẳng có cách nào tồn tại trong xã hội. Trong xã hội phương Tây hiện thời, quan niệm ấy còn được thừa nhận phổ biến, nhưng xã hội Trung Quốc lại ngược ngạo chẳng nhận biết! Trong xã hội phương Tây, vì họ chẳng cầm tiền mặt theo mình, thường dùng thẻ tín dụng. Sau khi đã mất tín nhiệm, quả thật chẳng có cách nào xoay sở trong xã hội. Do đó, họ nhất định phải tuân thủ sự tín nhiệm. Vì quý vị giữ chữ Tín, trong xã hội thứ gì cũng đều suông sẻ. Quý vị chẳng có tín nhiệm, đích xác là chẳng có cách nào sống sót. Pháp thế gian và xuất thế gian đều được kiến lập trên cơ sở Tín Căn. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

---o0o---

Tập 163

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi một:

(Sao) Tấn Căn giả, ký tín thứ lý, cần cầu bất tức, thị danh vi Tấn.

(鈔) 進根者，既信此理，勤求不息，是名為進。

(Sao: Tấn Căn là đã tin lý này, siêng cầu chẳng dứt, bèn gọi là Tấn).

“*Tấn*” (進) nghĩa là cầu tiến bộ, chẳng thoái chuyên. Lời chú giải căn cứ trên những điều được nói trong Duy Thúc Luận.

(Diễn) Tấn giả, w thiện ác phẩm tu đoạn sự trung, dũng hãn vi tánh, đối trị giải đãi, mãn thiện vi nghiệp.

(演) 進者，於善惡品修斷事中勇悍為性，對治懈怠，滿善為業。

(Diễn: Tấn là trong các sự tu tập nhằm đoạn các thứ thiện ác, dùng sự mạnh mẽ, can đảm làm tánh để đối trị giải đãi, chú trọng viên mãn các điều thiện).

Chúng ta có thể thấy Tấn được định nghĩa rất rõ rệt: Tấn là đối nghịch với giải đãi. Chẳng cầu tiến bộ, sẽ bị thoái chuyển, sẽ giải đãi, biếng nhác. Đối với Tín đã giảng trong phần trước, nếu có thể thật sự tin tưởng chuyện này, người ấy sẽ tự nhiên dũng mãnh, tinh tấn.

Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, nói chung là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm chính là cương lĩnh tu học của toàn thể Đại Thừa Phật pháp, đều có thể áp dụng cho bất cứ pháp môn nào. Thí dụ như Ba Mươi Bảy Phẩm được dùng trong nhà Thiên có cách giảng hoàn toàn khác với Tịnh Độ. Giáo Hạ như Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Pháp Tướng, mỗi tông đều có cách giải thích riêng, danh xưng hoàn toàn giống nhau, nhưng giải thích khác nhau. Ba Mươi Bảy Phẩm giống như một công thức được ứng dụng vô cùng sống động. Vận dụng vào Tịnh Độ, Ba Mươi Bảy Phẩm chẳng dùng cách nói ấy, [cách giảng giải được sử dụng] trong lời chú giải là cách nói của tông Pháp Tướng. Áp dụng vào Tịnh Độ Tông, Tín là điều thứ nhất trong ba tư lương, nhất định phải tin sâu chẳng nghi y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Tịnh Độ. Quý vị có thể thật sự tin sâu, tự nhiên sẽ nỗ lực niệm Phật, sẽ có thể tinh tấn.

Tinh tấn sanh từ nơi đâu? Sanh từ Tín Căn. Cư sĩ Châu Quảng Đại ở Washington DC vãng sanh, người ta niệm Phật ba ngày liền thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn. Vài hôm trước, còn có một đồng tu kể cho tôi nghe một chuyện, ông ta nói: Có một phạm nhân lãnh án tử hình, tự biết mình đã bị phán tội tử hình, bèn ở trong tù chuyên niệm A Di Đà Phật, cũng chẳng biết đã niệm bao lâu. Trước khi bị đưa đi xử bắn, lão nhân gia bèn tọa hóa, ngòai xếp bằng vãng sanh trong ngục. Đây là tâm sanh tử thiết tha, chẳng còn có hy vọng nào khác, chẳng hy vọng điều gì khác, chỉ có niềm hy vọng này, khẩn thiết niệm Phật, chẳng có ai không thành công. Chuyện này đích xác là có thể xảy ra. Chúng ta thấy Vãng Sanh Truyện có chép pháp sư Oánh Kha đời Tống niệm Phật ba ngày ba đêm bèn cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật ước hẹn ba ngày sau sẽ đến tiếp dẫn Sư vãng sanh, quả nhiên chẳng sai. Sư ra đi, cũng chẳng ngã bệnh. Vấn đề tùy thuộc bản thân chúng ta có tin tưởng hay không!

Lũ phạm nhân chúng ta niệm Phật hiệu chẳng chuyên cần, nói thật ra là do tham luyến thế gian này, nên chẳng niệm tốt đẹp. Chúng ta thấy

những người ấy tự tại vãng sanh đường ấy, thậm chí kẻ lãnh án tử hình cũng tự tại vãng sanh, chẳng có nguyên nhân nào khác: Tâm sanh tử thiết tha, chẳng lưu luyến thế gian này! Cư sĩ Châu Quảng Đại [niệm Phật] ba ngày vãng sanh cũng là như thế, tuy ông ta biết chính mình bệnh rất nặng, cũng chẳng thể cứu chữa, trọn chẳng mong cầu phép lạ xuất hiện, cũng chẳng mong lành bệnh, mà cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Một niệm ấy thúc đẩy ông ta chuyên rờn niệm Phật, đó là Tín Căn. Không chỉ là Tín Căn, mà lòng tin ấy còn sanh ra sức mạnh rất lớn. Từ Ngũ Căn cho đến Ngũ Lực, ông ta có sức mạnh ấy, nên có thụy tướng tốt đẹp ngàn ấy. Niệm Căn là trong tâm niệm niệm chẳng quên chuyện ấy.

(Sao) Ký câu thứ lý, niệm tư tại tư, minh ký bất vong, thị danh vi Niệm.

(鈔) 既求此理，念茲在茲，明記不忘，是名為念。

(Sao: Đã câu lý ấy, niệm tại đâu, nghĩ tại đó, nhớ rõ chẳng quên, bèn gọi là Niệm).

Chúng ta sống trong thế gian này, rốt cuộc vì lẽ gì? Rốt cuộc, cả đời này có ý nghĩa gì? Có giá trị gì? Điều này rất đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh. Qua kinh điển, đức Phật dạy chúng ta, nhân sinh là chuyện như thế nào? Kinh Phật nói một câu chẳng dễ nghe là “*nhân sanh thù nghiệp*” (đời người nhằm đền trả nghiệp), “*thù*” là “*báo thù*” (報酬: đền đáp, báo đáp). Trong quá khứ, quý vị đã tạo nghiệp, hiện tại đáng nên thọ báo. Nói cách khác, một đời người để làm gì? Đến chịu đựng báo ứng! Trong quá khứ, quý vị tạo thiện nhân, đời này báo ứng tốt đẹp, nên mới hưởng sự báo ứng tốt đẹp. Trong đời quá khứ làm điều bất thiện, bèn hứng chịu quả báo chẳng tốt lành! Con người sanh trong thế gian chẳng có gì khác! Nhằm chịu báo! Mấy ai có thể giác ngộ?

Chẳng gặp Phật pháp, nhất là chẳng gặp pháp môn này, xác thực là đời người nhằm đền trả nghiệp, chẳng có một tí biện pháp nào! Mạng của mỗi người đều đã được định sẵn, ai cũng đều chẳng thể trốn tránh vận mạng. Chư vị xem Liễu Phàm Tứ Huán, số mạng suốt đời của Viên Liễu Phàm đã được định sẵn, số mạng một đời của mỗi người chúng ta cũng đều đã định sẵn, đó gọi là “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định trước*”, đều đã được định sẵn, chẳng có ai là ngoại lệ. Nếu quý vị gặp một thầy bói thật sự cao minh, ông ta cũng biết rõ ràng.

Nếu không hiểu đạo lý Phật pháp, sẽ chẳng có cách nào sửa đổi vận mạng. Được rồi! Ta hiểu đạo lý Phật pháp đôi chút, đoạn ác, tu thiện, sửa đổi vận mạng của chính mình, bất quá là lại tạo một chút nhân lành, khiến cho vận mạng lại chuyển thành tốt hơn một chút, quả báo lại tốt đẹp hơn một chút. Nói cách khác, vẫn chẳng thoát khỏi nhân duyên quả báo! Câu nói “*nhân sanh thù nghiệp*” của Phật đã định sẵn cho quý vị. Nếu chúng ta thật sự liễu giải ý nghĩa bao hàm trong ấy, đích xác là một sự cảnh tỉnh to lớn: Đòi người chẳng có ý nghĩa, chẳng có giá trị! Vì vậy, tổ sư bảo chúng ta phải nhàm lìa Sa Bà, [vì] sanh trong Sa Bà là để đền trả nghiệp! Sau khi quý vị đã giác ngộ, hãy nên nhàm lìa thế giới Sa Bà. Nếu có thể buông bỏ, hãy nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là người thật sự thông minh, triệt để giác ngộ.

Tạm thời vẫn chưa muốn ra đi, nói thật ra là do hai nguyên nhân. Thứ nhất là do công phu chưa thành tựu, nên chẳng đi được. Đó là chuyện không thể làm gì khác được, phải nỗ lực, phải nghiêm túc tu học. Một loại khác là đã tu thành, có thể đi, nhưng chẳng đi, đây là đại từ đại bi thả chiếc bè Từ. Người ấy có năng lực ra đi, nhưng chẳng đi, vẫn trụ thêm mấy năm, do nguyên nhân nào? Chẳng phải là do tham luyến thế gian này, mà là hy vọng giới thiệu pháp môn này với mấy người nữa, giúp thêm mấy người cùng vãng sanh. Đó là Bồ Tát phát tâm, chẳng cần chờ đến sau khi ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ trở lại độ chúng sanh, không cần! Ta có thể ra đi, nhưng không đi, đó là “*thả chiếc bè Từ*”, [cuộc sống của người ấy] có giá trị, có ý nghĩa. Trừ những trường hợp ấy ra, tôi thật sự nghĩ đòi người chẳng có giá trị hay ý nghĩa gì! Do đó, đôi với những đạo lý, những sự thật được nói trong kinh điển, y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị đại đức thuộc nhiều thế hệ đã nương theo pháp môn này tu học, quý vị thấy đó: Ai nấy đều thành tựu. Chúng ta phải lưu tâm chuyện này; trừ điều này ra, chẳng có gì liên quan đến chúng ta.

Sáng nay có mấy vị pháp sư từ núi Sư Đầu²⁸ đến thăm, hỏi tôi mấy chuyện ngoài chuyện niệm Phật, họ hỏi: “Thưa pháp sư! Đối với cách nói của những vị pháp sư nào đó, thầy có cách nhìn như thế nào?” Tôi chấp tay: “A Di Đà Phật, tôi chẳng có cách nhìn chi hết!” Vì sao? Chẳng liên quan gì đến tôi! Chúng ta vẫn phải chia trí quan tâm pháp sư này, pháp sư nọ, phương pháp tu hành này, phương pháp tu hành nọ, thì nói thật thà, chúng ta chẳng khéo niệm Phật, trong tâm vẫn còn xen tạp những thứ lộn xộn, tâm chúng ta làm sao có thể thanh tịnh cho được? Điều quan trọng nhất trong pháp môn này là không hoài nghi, không xen

tạp, không gián đoạn, há có tâm tư quan tâm tới chuyện của kẻ khác? Những chuyện ấy về căn bản là chẳng dính líu gì đến chúng ta, nên tôi khuyên họ hãy thật thà niệm Phật. Niệm y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; đó là chánh niệm. Niệm những chuyện khác đều là vọng niệm, đều là tạp niệm, gây chướng ngại rất lớn cho người tu Tịnh nghiệp chúng ta.

(Sao) Định Căn giả, ký niệm thứ lý, hệ duyên nhất cảnh, tương ứng bất tán, thị danh vi Định.

(鈔) 定根者，既念此理，繫緣一境，相應不散，是名為定。

(Sao: Định Căn là đã niệm lý ấy, duyên chắc chắn nơi một cảnh, tương ứng chẳng tán loạn thì gọi là Định).

Chúng ta quy nạp toàn bộ vào Tịnh Độ để nói thì tâm định nơi A Di Đà Phật, định nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, suốt đời quyết định tu học pháp môn này. Ngoài pháp môn do chính mình chuyên tu ra, đối với hết thảy các pháp môn do đức Phật đã nói, chúng ta cung kính, tán thán; đó là đúng. Đối với hết thảy các pháp môn “*bất văn, bất thính*”, “*bất văn*” là ta không nghe. Những kinh điển thuộc các pháp môn khác ta chẳng xem, mà cũng chẳng nghe, cũng chẳng hỏi tới. Ta chẳng có câu hỏi gì. Ta niệm A Di Đà Phật, há còn có thắc mắc gì? Chẳng có thắc mắc gì, thái độ ấy là đúng. Tâm chúng ta thanh tịnh. Đức Phật nói vô lượng vô biên pháp môn, chúng ta thấy đều nên cung kính, ai thích tu pháp môn nào cũng đều được cả! Chẳng có thứ gì không tốt đẹp! Tuyệt đối chớ nên nói: “Quý vị chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, chẳng tốt”! Chớ nên dấy lên ý niệm ấy, ai nấy có nhân duyên riêng.

Chúng ta biết pháp môn này tốt đẹp, nhưng còn có rất nhiều kẻ coi thường pháp môn này, đó là chuyện của họ, chẳng liên quan gì đến chúng ta! Chúng ta tu học pháp môn này, đừng nói là trước kia, ngay trong thời cận đại, chúng ta đã thấy bao nhiêu người thật sự nương theo pháp môn này vãng sanh, có thụy tướng rất tốt lành, biết trước lúc mất, có người đứng vãng sanh, có người nằm vãng sanh, chẳng bị bệnh khổ, biết chính mình sẽ vãng sanh lúc nào, những trường hợp như vậy đều là chứng có rành rành. Những pháp môn khác tuy hay, hay đến mức độ nào, chúng ta cũng không biết, cũng chẳng hỏi tới, mà cũng chẳng nghiên cứu; nhưng tối thiểu là những gương thành tựu của họ chẳng nhiều, chẳng phổ biến bằng pháp môn này! Chúng ta biết học pháp môn này là thích hợp, tu những pháp môn khác có thể sẽ chẳng thể thành tựu trong một

đời này. Cổ đức thường nói các pháp môn khác là “*đạo khó hành*”, pháp môn này là “*đạo dễ hành*”.

Ngày hôm qua, tôi có nói với các vị đồng tu, tôi nói về Quán Âm Tam Kinh của Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng đơn giản đâu nhé! Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện các vị Bồ Tát thuộc địa vị Đệ Thất Hồi Hướng trong Viên Giác. Căn cơ đối ứng với kinh Hoa Nghiêm, tức đối tượng giáo học [của bộ kinh ấy] là bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, chúng ta chẳng có phần! Trong chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, quý vị thấy “*phản văn, văn tự tánh*” (xoay cái nghe để nghe tự tánh), cách xoay lại là như thế nào? Xoay lại từ chỗ nào? Thật vậy! Dầu kinh ấy giảng rõ ràng cách mấy, tôi thấy vẫn chẳng tìm được cửa để vào, chẳng có cách nào, chẳng dễ dàng! Phẩm Phổ Môn lại càng chẳng cần phải nói nữa! Phẩm Phổ Môn là Quán Âm Bồ Tát đã thành tựu, đại từ đại bi giáo hóa chúng sanh. Quý vị bèn hiểu đối tượng giáo học của những bộ Đại Kinh rất nhỏ hẹp, đích xác là bậc thượng căn lợi trí mới có phần, kẻ bình phàm chẳng có phần!

Chỉ riêng pháp môn này nhiếp thọ căn cơ rộng lớn, đáng gọi là “*thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều hoàn toàn thấu nhiếp*”. Dầu tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chỉ cần quý vị giác ngộ, chịu quay đầu, vẫn được vãng sanh y hệt! Quý vị chớ nên nghĩ “ta tạo nghiệp rất nặng, chắc là phẩm vị vãng sanh rất thấp, chỉ sợ là hạ hạ phẩm hạ sanh”, chưa chắc! Quý vị thấy phạm nhân can án tử hình luôn tạo tội nghiệp, bị phán án tử hình, do niệm Phật bèn có thể ngồi vãng sanh tự tại trong ngục, chẳng ngã bệnh, cũng là biết trước lúc mất. Vãng sanh như vậy thì tuyệt đối chẳng phải là hạ phẩm hạ sanh, từ kinh luận Tịnh Tông, chúng ta có thể thấy điều này!

Vãng sanh là hai thứ công đức:

1) Một là tích công lũy đức vãng sanh, giống như chúng ta nay đang niệm Phật; tu tập, tích lũy công đức mỗi ngày, vãng sanh như thế đó.

2) Loại kia là kẻ có tội, tội nghiệp rất nặng, lâm chung sám hối vãng sanh. Như pháp sư Oánh Kha là sám hối vãng sanh, bản thân Sư biết chính mình tội nghiệp rất nặng. Trong các kinh điển, chúng ta thấy A Xà Thế Vương Kinh, nhà vua cũng là sám hối vãng sanh. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có đề cập, vua A Xà Thế khi lâm chung mới sám hối, biết chính mình sai trái, tâm sám hối vô cùng dũng mãnh. Nhà vua vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là

thượng phẩm trung sanh. Vì vậy, phẩm vị cao hay thấp thường chẳng phải là bọn phàm phu chúng ta có thể tưởng tượng được. Một niệm hồi tâm dũng mãnh đúng là người bậc thượng trong loài người.

Vì thế, tâm nhất định phải định nơi pháp môn này, quyết định chẳng còn thay đổi nữa. Cho dù Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân đến bảo chúng ta: “Ta còn có một pháp môn dễ dàng và thỏa đáng hơn pháp này”, quý vị bèn thưa: “Tạ ơn Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, con tu pháp môn này là đủ rồi. Dầu pháp môn ấy tốt đẹp đến mấy, con cũng không cần, con vẫn khẳng khẳng quyết chí tu pháp môn này”. Như vậy thì mới được, tâm của quý vị mới thật sự định. Đó là yếu tố thành công, quyết định chớ nên sửa đổi, quyết định chớ nên biến cải!

(Sao) Huệ Căn già, ký định tâm tại đạo, phục chánh quán phân minh, quyết trạch thị phi, thị danh vi Huệ.

(鈔) 慧根者，既定心在道，復正觀分明，決擇是非，是名為慧。

(Sao: Huệ Căn là tâm đã định nơi đạo, lại còn chánh quán phân minh, quyết trạch đúng sai, bèn gọi là Huệ).

Huệ do đâu mà có? Huệ do Định mà có. Tâm đã thật sự định, thật sự thanh tịnh, liền sanh trí huệ. Khi ấy, quý vị không chỉ có thể thông đạt, hiểu rõ hết thấy Phật pháp, ngay cả hết thấy các pháp thế gian cũng đều hiểu rõ, cũng đều thông đạt. Đương nhiên lý này rất sâu, nhưng cũng chẳng khó lãnh hội. Người thế gian thường nói: “*Đương cục giả mê, bàng quan giả thanh*” (Người trong cuộc thì quáng, người ngoài cuộc thì sáng). Tâm thật sự định, sẽ có chủ tể. Nói cách khác, tuy chúng ta vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng chúng ta đã buông xuống hết thấy sự việc thế tục trong thế gian này. Chẳng buông xuống nơi Sự, mà là tâm buông xuống, tâm không dính nhiễm. Nói cách khác, chẳng còn quan tâm những chuyện thế tục của thế gian này, đối với hết thấy Phật pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều không quan tâm. Không quan tâm là vượt thoát, là người ngoài cuộc. Người ngoài cuộc có cái nhìn khác với kẻ trong cuộc! Vì thế, quý vị quay đầu nhìn người thế gian, sẽ thấy họ mỗi ngày từ sáng đến tối bận bịu, mê hoặc, điên đảo, chúng ta không mê hoặc. Quý vị lại nhìn người học Phật dốc hết tánh mạng dùi mài, nghiên cứu nơi Đại Thừa hay Tiểu Thừa, chúng ta ở ngoài cuộc thấy rất rõ ràng. Tôi nghĩ chư vị có thể lãnh hội ý

nghĩa này. Chúng ta chẳng phải là kẻ trong cuộc, đã từ trong cuộc thoát ra, nên Huệ ở đây là thật, chẳng giả tí nào! Quý vị càng có thể buông pháp thế gian và xuất thế gian xuống, trí huệ của quý vị càng tăng trưởng, tâm quý vị càng thanh tịnh, trí huệ rộng lớn, nhất định thông đạt, hiểu rõ pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng chính mình xử sự đãi người, tiếp vật nhất định là khiêm cung, lễ độ, chẳng sanh tâm ngạo mạn, vì đã thấy rõ ràng chân tướng của hết thấy sự thật.

(Sao) Năng sanh thánh đạo giả.

(鈔) 能生聖道者。

(Sao: Có thể sanh thánh đạo).

Đây là nói Ngũ Căn có thể sanh ra thánh đạo.

(Sao) Dĩ thử ngũ pháp, điều trị kỳ tâm, thí như âm dương hòa thích, nhất thiết chủng tử giai đắc phát sanh cố.

(鈔) 以此五法，調治其心，譬如陰陽和適，一切種子皆得發生故。

(Sao: Do năm pháp ấy điều hòa, đối trị cái tâm, ví như Âm và Dương hòa hợp, khiến cho hết thấy hạt giống đều được sanh thành).

Đây là dùng tỷ dụ. Ngũ Pháp là Tín, Tấn, Niệm, Định, và Huệ. Tôi vừa mới nói [năm pháp] ấy là một công thức, áp dụng thích hợp cho hết thấy các pháp. Không chỉ là phù hợp Niệm Phật, mà còn phù hợp các pháp thế gian trong cuộc sống hằng ngày của quý vị. Đối với bất cứ chuyện gì thuộc về pháp thế gian, chẳng hạn như chúng ta nấu nướng trong bếp, nếu quý vị có đầy đủ năm điều kiện ấy, thức ăn do quý vị nấu nhất định là sắc, hương, vị đều vô cùng ngon lành, đẹp đẽ, vì sao? Do có Huệ, có Định. Định là toàn bộ tinh thần dốc hết vào đó để làm, nhất định sẽ làm hết sức tốt đẹp. Quý vị liền biết năm pháp ấy chung cho hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Thứ nhất là chính mình có tín tâm, nấu thức ăn ta bèn có tín tâm, ta sẽ nấu rất ngon lành. Có thể thấy phạm vi của năm pháp ấy hết sức rộng lớn.

Nếu áp dụng năm pháp ấy vào tu đạo, đạo nghiệp nhất định thành tựu. Vận dụng năm pháp ấy vào bất cứ chuyện gì, [chuyện ấy] chắc chắn thành tựu. Quý vị dùng năm pháp ấy trong buôn bán, nhất định kiếm lời, nhất định phát tài. Nói thật ra, Phật pháp hết sức thực dụng, đáng tiếc là

nhieu kẻ trong thế gian này chẳng biết; đích xác là mầu chột và bí quyết để thành công trong hết thầy sự nghiệp thế gian và xuất thế gian. Phật pháp là tâm pháp, sở cầu của Phật pháp là minh tâm kiến tánh; đó là tông chỉ của pháp Đại Thừa. bất luận tông nào hay pháp môn nào, đều lấy “*minh tâm kiến tánh*” làm mục tiêu. Ở đây cũng là nói lên ý nghĩa tổng quát, dùng năm pháp ấy để điều trị cái tâm. Cách nói của tôi như trong phần trước hoàn toàn là nói theo [quan điểm của] Tịnh Tông, nói theo pháp môn Niệm Phật. Tôi vừa mới nói, mỗi tông có cách giảng riêng, có cách tu tập riêng, nhưng danh xưng đều giống như nhau.

Kể đó, dùng một tỷ dụ để nói: “*Thí như âm dương hòa thích, nhất thiết chủng tử giai đắc phát sanh cố*” (Ví như âm dương hòa hợp, hết thầy các hạt giống đều được sanh thành), tỷ dụ về thực vật. Thực vật sanh trưởng, đối với kiến thức thông thường này, chúng ta đều hiểu khá khá, thực vật cần thổ dưỡng²⁹, nước, không khí, ánh sáng mặt trời, phân bón; ở đây, những điều ấy được gọi là “*âm dương hòa thích*”. Trong các duyên ấy, có âm tánh và dương tánh; chẳng hạn như mặt trời thuộc loại dương tánh, nước thuộc loại âm tánh, sức người vun quén thuộc loại dương tánh. Nói “*âm dương*” là nói theo ý nghĩa này.

(Sao) Câu Xá tam nghĩa giả, Câu Xá Luận minh tối thắng tự tại quang hiển vi Căn. Tối thắng giả, căn thể thắng cố. Tự tại giả, căn dụng thắng cố. Quang hiển giả, Thể Dụng song chương cố. Ư trung khai nhị thập nhị căn, hữu Tín đẳng ngũ căn.

(鈔) 俱舍三義者，俱舍論明最勝自在光顯為根。最勝者，根體勝故；自在者，根用勝故；光顯者，體用雙彰故。於中開二十二根，有信等五根。

(Sao: “Câu Xá nêu ra ba nghĩa”: Câu Xá Luận nói Căn có nghĩa là tối thắng, tự tại và quang hiển. Tối thắng là vì Thể của Căn thù thắng. Tự tại là Dụng của Căn thù thắng. Quang hiển là Thể và Dụng cùng phô bày. Luận ấy lập ra hai mươi hai Căn, trong số đó có Ngũ Căn như Tín v.v...)

“*Câu Xá tam nghĩa*” là ba ý nghĩa tối thắng, tự tại, và quang hiển. Câu Xá Luận giải thích Căn có ba ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là Tối Thắng, tức là thù thắng nhất, vì nó là Thân Nhân Duyên³⁰ của hết thầy các pháp.

(Diễn) Tới thắng giả, tức thượng trì kỳ sở dĩ đắc, nhi tự phân bất thất dã.

(演) 最勝者，即上持其所已得，而自分不失也。

(Diễn: “Tới thắng” là như trong phần trên (trong lời Sao giải thích về chữ Căn) [đã nói] “giữ gìn những gì đã đắc, chẳng đánh mất chính mình”).

Giống như hạt giống, nó có thể gìn giữ, chẳng để mất công năng. Đó là Tới Thắng.

(Diễn) Tự tại giả, tức thượng sanh kỳ sở vị đắc, nhi thắng tân thượng cầu dã.

(演) 自在者，即上生其所未得，而勝進上求也。

(Diễn: “Tự tại” là trong phần trên (trong lời Sao giải thích về chữ Căn) [đã nói] “có thể sanh những điều chưa đạt được, lại còn tiến lên cầu cao hơn”).

Nó có Sở Duyên Duyên³¹. Chỉ cần gặp được duyên, duyên phận đầy đủ, sẽ quyết định sanh trưởng. Ví như một hạt giống, hạt giống là Thân Nhân Duyên, là tới thắng. Tới thắng mà nếu chẳng có duyên, [chẳng hạn như] đặt hạt giống ấy trong chén trà, để đó cả trăm năm, nó vẫn chẳng thể mọc thành cây cối. [Tức là] hạt giống tuy tới thắng, nhưng thiếu Tăng Thượng Duyên. Vì thế, hễ có Tăng Thượng Duyên³², nó nhất định có thể sanh trưởng, có thể đơm hoa, kết quả. Đó là ý nghĩa Tự Tại. Ý nghĩa thứ ba là “quang hiển”:

(Diễn) Quang hiển Thể Dụng song chương giả, tức thượng “tức Thể khởi Dụng, tức Dụng hiển Thể”.

(演) 光顯體用雙彰者，即上即體起用，即用顯體。

(Diễn: “Quang hiển là Thể và Dụng cùng phô bày” chính là như trong phần trên đã nói: “Từ ngay nơi Thể mà khởi Dụng, từ ngay nơi Dụng mà hiển lộ Thể”).

Trong Câu Xá Luận, đức Phật nói chúng tử có ba ý nghĩa ấy. Phần đầu của hai mươi hai Căn [được nhắc đến trong Câu Xá Luận] chính là Ngũ Căn. Hai mươi hai Căn³³ là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Ưu, Hỷ, Khổ, Lạc, Xả v.v... Dưới đây, chúng ta lại xét đến Ngũ Lực:

(Sớ) Ngũ Lực giả, tức tiên Ngũ Căn tăng trưởng, cụ hữu đại lực, cố danh vi Lực.

(疏) 五力者，即前五根增長，具有大力，故名為力。

(Sớ: Ngũ Lực là năm căn trên đây tăng trưởng, có sức mạnh to lớn, nên gọi là Lực).

Điều thù thắng của Căn là nó có thể tăng trưởng, nhưng sức mạnh của nó khá yếu. Giống như một hạt giống, có thể sanh trưởng, nhưng lúc mới mọc chỉ là một cây non mà thôi, chẳng phải là một cội đại thụ. Cây non gặp phải gió to, liền bị thổi trốc rễ, vì nó chẳng có sức. Nó ắt phải tăng trưởng không ngừng, sau khi trưởng thành, nó sẽ có sức, vững bền, chẳng bị bật trốc. Ngũ Lực là Ngũ Căn tăng trưởng; khi ấy, nó thật sự có tác dụng.

(Sao) Lực hữu nhị nghĩa: Nhất giả bất vị tha phục, nhị giả hựu năng phục tha.

(鈔) 力有二義：一者不為他伏，二者又能伏他。

(Sao: Lực có hai nghĩa: Một là chẳng bị kẻ khác khuất phục, hai là lại có thể khuất phục kẻ khác).

“Phục” (伏) có nghĩa là hàng phục (降伏). Người thật sự có lực, sẽ chẳng bị kẻ khác hàng phục. Nếu sức quý vị càng thù thắng, sẽ còn có thể hàng phục đối phương. Sức mạnh ấy càng lớn hơn nữa.

(Sao) Như Du Già Luận, thử Ngũ Lực giả, năng ư hậu hậu sở chứng xuất thế gian pháp, sanh tâm thắng giải, nan chế phục cố. Hựu cụ đại oai thế, tồi phục nhất thiết chư ma quân cố.

(鈔) 如瑜伽論，此五力者，能於後後所證出世間法，生深勝解，難制伏故。又具大威勢，摧伏一切諸魔軍故。

(Sao: Như luận Du Già đã nói: Năm lực ấy có thể khiến cho [hành nhân] sanh khởi sự lý giải thù thắng sâu xa, khó thể chế phục đối với các pháp xuất thế gian được chứng sau này (như Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần v.v...). Lại còn [do năm lực ấy mà] trọn đủ oai thế, dẹp tan hết thầy ma quân).

Theo Du Già Sư Địa Luận, đây là một bộ luận Đại Thừa, Câu Xá Luận là luận Tiểu Thừa. Du Già Luận là một bộ đại luận căn bản trọng yếu nhất trong tông Duy Thức. Tông Duy Thức căn cứ trên sáu kinh và mười một luận. Trong sáu kinh, bộ kinh điển quan trọng nhất, thuần túy giảng về lý luận Duy Thức là kinh Giải Thâm Mật. Trong mười một luận, hai bộ Du Già Luận và Thành Duy Thức Luận là luận căn bản của tông Duy Thức. Du Già Sư Địa Luận được gọi là đại luận, có tất cả một trăm cuốn, là căn bản đại luận. Bộ sách này giải thích pháp tướng hết sức cặn kẽ, chi tiết, tỉ mỉ. Bộ luận này do Di Lặc Bồ Tát soạn.

“*Năng ư hậu hậu sở chứng xuất thế gian pháp*”, “*hậu*” là phía sau. Sau Ngũ Căn và Ngũ Lực là Thất Bồ Đề Phần và Bát Chánh Đạo Phần. Sách Diễn Nghĩa chú giải: “*Hậu chi sở chứng xuất thế pháp, tức Giác Chi chánh đạo (Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo), Trụ, Hạnh, Hương, Địa đẳng pháp*” (Các pháp xuất thế sẽ chứng sau này chính là các pháp Giác Chi chánh đạo (Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo), Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương, Thập Địa v.v...). Đó là các pháp do hàng Đại Thừa Bồ Tát tu tập như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương, Thập Địa, những pháp ấy đều được giảng rất tỉ mỉ trong kinh Hoa Nghiêm. Do đó, kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu kinh của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Có thể nói các pháp môn đều hoàn toàn kiến lập trên cơ sở Ngũ Lực. Nói thật ra, Ngũ Căn và Ngũ Lực giống như nền tảng của cao ốc, chúng là cơ sở. Rời khỏi Căn và Lực, pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu, vì sao? Quý vị chẳng có Căn. Chẳng có Căn sẽ giống như bè trôi giạt trên mặt nước, chẳng thể thành công. Pháp thế gian và xuất thế gian đều phải có Căn. Nói thật ra, Căn là ý niệm, là tín niệm của quý vị. Do đó, Tín Căn đứng đầu [trong Ngũ Căn], Tín Lực đứng đầu trong các Lực. Quý vị có tín tâm chân thành, sau đây Căn và Lực mới có thể sanh khởi. Vì thế, người ấy có năng lực “*sanh thâm thắng giải*”, “*thắng*” là thù thắng, “*giải*” là lý giải. Sự lý giải ấy chẳng nông cạn, mà là “*thâm giải*” (lý giải sâu xa), chẳng phải là lý giải thông thường, mà là lý giải hết sức thù thắng, cũng là thật sự thấu triệt, là lý giải thâm nhập, lý giải chân thật. Người ấy lý giải chẳng sai lầm, vì có lý giải rất sâu như vậy. Đó chính là cơ sở Tín Căn. Vì sao người ấy có thể tin tưởng? Trong ấy có đạo lý, do thật sự hiểu rõ đạo lý ấy, nên người ấy thật sự tin tưởng.

Vì sao nói Tịnh Độ Tông là pháp khó tin? Đúng là khó tin! Vì sao? Vì chẳng hiểu rõ Sự và Lý trong đó. Chẳng hiểu rõ mà bảo quý vị tin tưởng, chuyện ấy rất khó! Do đó, hết thầy chư Phật đều nói pháp môn

này là pháp khó tin. Muốn sanh khởi lý giải thù thắng đối với Tịnh Tông, hãy giống như trước kia tôi theo thầy Lý ở Đài Trung học Di Đà Kinh Yếu Giải, thầy Lý hạn định ba tháng phải đệ trình báo cáo. Đương nhiên, tôi vẫn phải đọc chú giải, tức các bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh và Thân Văn Lục của pháp sư Bảo Tĩnh, thật sự dốc sức đọc tụng, nghiên cứu. Ba tháng sau, tôi nộp báo cáo cho thầy, tôi thưa với thầy: “Con hoàn toàn chẳng hiểu rõ trọn vẹn”. Thầy nghe tôi nói câu ấy, rất vừa lòng, bảo: “*Đích xác là chẳng dễ dàng. Nếu anh muốn liễu giải bộ Di Đà Kinh Yếu Giải, tối thiểu phải đọc hơn nửa Đại Tạng Kinh thì anh mới có thể hiểu thấu ý nghĩa*”. Vì vậy, sanh lý giải thù thắng sâu xa khó lắm!

Để có thể sanh khởi tín tâm đối với Tịnh Tông, Tín Căn và Tín Lực có thể sanh khởi, tôi phải mất ba mươi năm! Trong ba mươi năm ấy, giảng bao nhiêu kinh luận Đại Thừa, đặc biệt đặc lực nơi Hoa Nghiêm. Đồ công sức giảng kinh Hoa Nghiêm mười mấy năm rồi mới tin tưởng, sanh thâm thắng giải. Do đó, quyết định chẳng bị dao động, chẳng dễ dàng! Còn có nhiều người tốn thời gian nhiều hơn tôi, mà vẫn chưa thể thấu hiểu Giáo Hạ, người như vậy nhiều lắm! Nguyên nhân là đâu? Chẳng phải là họ không dụng công, chẳng phải là họ không tinh tấn, nói thật ra là do thiếu một vị cao nhân ở bên cạnh chỉ bảo. Quý vị thấy điều này có quan hệ trọng yếu lắm! Chính mình mò mẫm sai lầm trên con đường ấy, nhưng chính mình chẳng biết. Nói cách khác, đi theo con đường ấy rất oan uổng, uổng phí thời gian.

Vì lẽ đó, tu học pháp thế gian hay xuất thế gian đều giống nhau, then chốt thành hay bại là phải có bậc thầy thật sự cao minh ở bên cạnh giám sát, hễ quý vị hơi đi chệch đường, thầy có thể giúp đỡ uốn nắn quý vị, như vậy thì quý vị mới chẳng bị lạc lối oan uổng. Trong kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, vừa mở đầu, đức Phật liền dạy, một điều kiện quan trọng nhất trong tu học là phải cầu “*minh sư*”. [Tôi nói] minh sư, chẳng phải là chữ “*danh*” trong danh nhân, mà là chữ “*minh*” trong quang minh³⁴. Tiếng tăm lẫy lừng vô dụng! Nay chúng ta nói là “*người rất nổi tiếng*”, chưa chắc đã là bậc thầy thật sự tốt đẹp, bậc thầy thật sự tốt đẹp chưa chắc đã có người biết đến! [Minh sư là] người thật sự hữu tu hữu học, đương nhiên tốt nhất là người có chứng đắc, quý vị gặp được người như vậy, nghe lời vị ấy, nương theo lời vị ấy dạy bảo, sẽ hết sức ổn thỏa, thích đáng. Chẳng gặp bậc cao minh, chính mình mò mẫm tìm lối sai lầm, rất uổng phí đời này! Vì thế, “*sanh thâm thắng giải*” rất khó đạt được!

Hiện thời, có các đồng tu muốn tôi dạy họ phương pháp, tôi bèn dạy họ xếp hết thầy kinh luận lại, chuyên niệm một bộ kinh. Niệm bao lâu? Trước đây, cổ nhân lập kỳ hạn năm năm, hiện thời, sợ năm năm quá dài quý vị chịu không nổi, nên tôi rút ngắn kỳ hạn thành ba năm. Nếu cảm thấy ba năm còn quá dài, chẳng có cách nào cả! Không thể ít hơn ba năm. Ít hơn ba năm sẽ vô dụng, cũng có nghĩa là Căn của quý vị quá mỏng yếu! Trước kia, dùng thời gian năm năm để vun bồi Căn. Hơn nữa, thuở ấy, lòng người thuần hậu, phong tục trong xã hội thiện lương, mà vẫn cần tốn thời gian năm năm để vun bồi. Thế giới hiện tại phồn hoa, quá nhiều vọng niệm, nói thật thà, năm năm chẳng đủ! Vẫn phải kéo dài hơn! Hiện nay, [con người cứ than van] thời gian năm năm quá dài, phải rút ngắn, làm thế nào được nữa! Chẳng có cách nào cả! Phải dốc sức ba năm để tu Căn Bản Trí, tu thanh tịnh tâm, chỉ có thân tâm thanh tịnh thì mới có thể tiếp nhận thánh giáo của Như Lai. Vì Phật pháp lưu lộ từ tâm thanh tịnh của Phật, Bồ Tát, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, có học một trăm năm cũng chẳng thể tiến nhập. Vì sao? Pháp và quý vị chẳng tương ứng, những gì quý vị đã học là văn tự, là bề ngoài, quyết định chẳng thể tiến nhập. Vì vậy, nhất định phải dốc sức từ tâm thanh tịnh.

Đến khi nào lại học rộng nghe nhiều? Sau khi học rộng nghe nhiều thì mới có thể “*sanh thâm thắng giải*”. Đó là tu học có từng giai đoạn, chẳng phải là đạt được ngay lập tức. Học rộng nghe nhiều sau khi đã xuất sư, nói theo lối thông tục của người Hoa là “*xuất sư*”, còn người hiện thời nói là “*tốt nghiệp*”, rời khỏi trường, rời khỏi thầy. Rời khỏi trường, rời khỏi thầy để làm gì? Khi đó gọi là “*tham học*”. Tham học là học rộng nghe nhiều, vì sao? Hoàn toàn rời khỏi thầy, chẳng còn bị thầy ràng buộc, cơ sở Định Huệ của chính mình đã được kiến lập. Cơ sở Định Huệ lấy gì làm tiêu chuẩn? Lấy [những điều đang được bàn luận] ở đây để nói, sẽ là Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ của quý vị hữu lực, thầy cho quý vị ra ngoài, có thể đi tham học, có thể học rộng nghe nhiều. Quý vị chẳng có Ngũ Căn, Ngũ Lực, sẽ là phường bèo giạt, có tư cách gì để tham học? Hễ tham học, sẽ nguy to, vì sao? Nghe nói pháp sư này đường lối khá lắm, nghe nói vị kia đường lối cũng hay lắm! Nghe hai vị thầy giảng là hai con đường, ba vị thầy là ngã ba, bốn vị thầy bèn thành ngã tư, chẳng biết chọn đường nào mới nên! Bản thân chẳng có chủ ý, chẳng có Căn, chẳng có Lực, chạy theo kẻ khác, chẳng thể hàng phục người ta, luôn bị người ta hàng phục. Vì thế, người như vậy chẳng thể đi tham học. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử là học trò của Văn Thù Bồ Tát. Trong hội Văn Thù Bồ Tát,

Ngài đạt được Căn, Lục, Ngũ Căn, Ngũ Lục thành tựu, Văn Thù Bồ Tát mới cho phép Ngài đi ra ngoài, mới tham học năm mươi ba lượt. Tham học năm mươi ba lượt rồi mới sanh sự lý giải thù thắng sâu xa! Chư vị đồng tu nhất định phải biết điều này!

Thứ tự và quá trình tu học trong Phật pháp là như vậy, chớ nên điên đảo, chẳng thể vượt ngoài thứ tự! Con người hiện thời tu học, nói thật ra, chẳng tuân theo phương pháp này! Vừa mở đầu liền học rộng nghe nhiều, vừa xuất gia, thậm chí [có kẻ] chưa xuất gia đã đến học trước tại Phật Học Viện. Khóa trình trong Phật Học Viện là học rộng nghe nhiều; nhiều thầy, sắp xếp nhiều khóa trình, kết quả là tốt nghiệp xong học được những thứ gì? Nói khó nghe một chút là tà tri tà kiến! Tâm quý vị chẳng tương ứng với đạo, tâm chẳng tương ứng với “giác, chánh, tịnh”, hết thầy Đại Thừa Phật pháp do quý vị đã học [sẽ là] “*tăng trưởng tà kiến*”, Thanh Lương đại sư đã nói như vậy đó! Chư vị hãy suy nghĩ cẩn kẽ, rất có lý, đúng là tăng trưởng tà kiến! Vì những ý nghĩa trong kinh điển do quý vị lý giải chẳng phải là ý nghĩa của Phật, mà toàn là do chính quý vị dấy vọng tưởng, đó là ý nghĩa của quý vị. Trong bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, quý vị suy tưởng nghĩa chân thật của Như Lai ở chỗ nào? Chính mình phải thật sự đạt tới giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm thì tâm mới có thể thấu hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Chúng ta mê hoặc, điên đảo, tà tri tà kiến, phiền não trùng trùng, làm sao có thể lý giải nghĩa chân thật của Phật cho được? Làm sao có thể tham học cho được?

Nói thật thà, Phật Học Viện trong hiện thời là tham học. Có thể đến học tại Phật Học Viện, nhưng loại người nào đến học thì mới có lợi ích? Phải đã trải qua huấn luyện cơ bản, thành tựu Ngũ Căn, Ngũ Lục rồi mới đến học tại Phật Học Viện thì được. Vì sao? Có thể viên mãn Hậu Đắc Trí. Nhưng quý vị phải có Căn Bản Trí! Chẳng có Căn Bản Trí, lấy đâu ra Hậu Đắc Trí? Vì lẽ đó, Phật Học Viện là năm mươi ba lần tham học, kẻ bình phàm chẳng thể đến học! Thiệt Tài đồng tử mới có tư cách đến học. Nếu chẳng có Căn Bản Trí, mà quý vị đi tham học, nói thật ra, không chỉ chẳng đạt được lợi ích, xác thực là hủy diệt tiền đồ của chính mình. Chúng ta phải hiểu đích xác, phải cảnh giác thật sâu chuyện này!

Chúng ta chẳng đến học tại Phật Học Viện, Đại Tạng Kinh nhiều ngàn ấy, trong ngoài nước rất nhiều cao tăng đại đức và các vị đại cư sĩ tại gia, chúng ta có nên tham học hay không? Không nên! Nếu là đại thiện tri thức chân chánh, quý vị muốn đến hỏi han, thỉnh giáo Ngài, Ngài sẽ đuổi quý vị đi. Trong Cao Tăng Truyện có chép chuyện ấy, quý

vị đến tham học, Ngài bèn đuổi quý vị đi. Đó là thật sự yêu thương quý vị, vì sao? Tu học pháp môn khác nhau, quý vị hãy nên thâm nhập một môn. Ất phải là sau khi Căn Bản Trí của chính mình đã thành tựu, khi ấy mới có tư cách tham học, nói thông tục là “đã xuất sư”, có thể rời khỏi thầy, vì Căn đã hữu lực. “*Hữu lực*” là có thể độc lập; khi chưa có Lực, chẳng thể độc lập, cần có thầy nâng đỡ. Hiện thời, trong Phật môn, người hiểu đạo lý này chẳng nhiều, người nương theo phương pháp này để tu học lại càng ít ỏi.

Do đó, [tuy] niệm Phật là đạo dễ hành, nhưng niệm câu Phật hiệu chẳng tốt đẹp, trọn chẳng thể tương ứng, sẽ chẳng thể vãng sanh, học những thứ khác khỏi cần phải nói nữa! Vì vậy, tôi nói rõ cùng quý vị một câu “*sanh thâm thắng giải*” này chẳng phải là trong một thời gian rất ngắn một sớm một chiều mà hồng đạt được. Mọi người nhất định phải có lòng kiên nhẫn, tâm thường hằng, tâm tu học dài lâu. Hơn nữa, phải đặt trọng điểm tu học nơi tâm thanh tịnh, không cần phải mong ta biết rất nhiều thứ, chẳng cần thiết, mà phải mong cầu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ; sau khi trí huệ khai, pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chỉ tiếp xúc bèn thông đạt.

Quán thông hoàn toàn một bộ Đại Tạng Kinh phải mất bao lâu? Thừa cùng quý vị, nửa năm là đủ rồi. Quý vị đã khai trí huệ, thường là chẳng cần xem một bộ kinh đến hết. Như Lục Tổ đại sư đã khai trí huệ, Ngài chưa từng xem kinh Pháp Hoa, mà cũng chưa hề niệm, cũng như chưa hề nghe, bảo sư Pháp Đạt niệm kinh. Sư niệm đến phẩm Phương Tiện, Lục Tổ nói: “*Chẳng cần niệm nữa! Kinh này ta đã biết toàn bộ*”. Hai mươi tám phẩm Sư chỉ niệm hai phẩm, Tổ liền biết toàn bộ, chẳng cần niệm tiếp, liền khai thị [cho sư Pháp Đạt]. Giảng xong, sư Pháp Đạt liền khai ngộ. Quý vị mới biết cách học các thứ như thế nào! Cứ học từng bộ kinh một, mệt chết luôn! Đó chính là như Thiền Tông nói “*tâm chi trích diệp*” (tìm cành vật lá), tu nơi từng cành, từng lá một, rất khổ! Thời gian quá dài, lại còn chắc chắn chẳng thể học thành công.

Biết học, sẽ tu từ căn bản, căn bản là gì? Nói theo Tịnh Tông sẽ là tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh là được rồi. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh, đảm bảo vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm thanh tịnh lại sanh trí huệ, có thể cầu thắng giải. Khi ấy, quý vị có tư cách đọc Đại Tạng Kinh. Lật Đại Tạng Kinh ra, xem mấy trang đầu đã thông đạt toàn bộ; đã tốt nghiệp khoa mục ấy, lại lật sơ qua kinh khác bèn tốt nghiệp. Vì thế, tôi đa là hơn nửa năm, một bộ Đại Tạng Kinh liền tốt nghiệp. Đây là tôi dạy quý vị phương pháp. Nếu không, đừng nói là thông đạt,

trong một đời đọc hết Đại Tạng Kinh một lần, quý vị cũng chẳng có cách nào, làm không được! Vì thế, trong Phật pháp có bí quyết. Khi quý vị biết bí quyết ấy, đích xác chẳng phải là chuyện khó. Do đó, phải biết tu học như thế nào, con đường ấy hết sức trọng yếu.

Quý vị triệt để thấu hiểu vấn đề này, triệt để hiểu rõ, đương nhiên sẽ chẳng bị kẻ khác lay động. Vì sao? Vừa nghe, quý vị liền biết người ấy còn chưa hiểu rõ chuyện này, chỉ hiểu biết nửa vời, làm sao người ấy có thể lay động quý vị cho được? Quý vị lại nói cho người ấy nghe, người ấy sẽ nói: “Có lý! Tôi chẳng hiểu biết bằng quý vị”. Người ấy đã bị quý vị hàng phục. “*Nan chế phục*” là quý vị chẳng bị kẻ khác hàng phục, mà có năng lực hàng phục kẻ khác. “*Tồi phục nhất thiết chư ma quân*” (Đẹp tan, hàng phục hết thầy các ma quân), “*quân*” (軍) là quân đội, [từ ngữ này] nhằm tỷ dụ ý nghĩa đông đảo, ma quá đông! Hằng ngày từ sáng đến tối, chúng ta đều gặp các ma quân ấy. Quý vị có gặp kẻ này nói “Niệm Phật làm quái gì! Thiên hay hơn”, kẻ khác “Mật hay hơn!”, kẻ nọ lại nói “Kinh này hay lắm!”, hay không? Toàn là ma quân, vì sao? Họ mong sao quý vị bỏ qua pháp môn Niệm Phật, học theo họ. Thời thời khắc khắc chúng ta gặp phải những kẻ ấy.

(Sao) Tín Lực giả.

(鈔) 信力者。

(Sao: Tín Lực).

Đây là Tín Căn có sức mạnh.

(Sao) Thâm tín Đê Lý, chuyển cánh tăng trưởng.

(鈔) 深信諦理，轉更增長。

(Sao: Tin sâu Đê Lý, càng thêm tăng trưởng).

Tín có Căn chính là câu đã nói trong phần trước: “*Thâm tín Đê Lý*”, nhưng nó vẫn chưa tăng trưởng. Chỉ là tin sâu, vẫn chưa thể phát sanh sức mạnh. Lúc này bèn có sức mạnh, đó [chính là] “*chuyển cánh tăng trưởng*”.

(Sao) Năng giả nghi hoặc, bất vị động dao.

(鈔) 能遮疑惑，不為動搖。

(Sao: Có thể ngăn che nghi hoặc, chẳng bị dao động).

Đây là ý nghĩa “*nan ché phục*”. Tín Lực, có hai loại nguồn gốc:

1) Một là sanh từ thâm giải, [tức là] thật sự lý giải chân tướng sự thật. Lòng tin ấy sanh ra sức mạnh.

2) Sức mạnh thứ hai là thiện căn trong đời quá khứ. Tuy chẳng liễu giải sự thật ấy, nhưng kẻ ấy tin tưởng, tin được! Cũng có không ít người như vậy. Quý vị hỏi họ đạo lý gì, họ cũng không hiểu, nhưng họ tin tưởng, chẳng bị lay động. Đó chính là thiện căn trong đời quá khứ, hết sức khó có! Người thiện căn sâu dày, sẽ tin tưởng thầy, tin tưởng Phật, Bồ Tát. Đối với chân tướng sự thật và cơ sở lý luận tuy trọn chẳng biết gì, nhưng [những điều đó] do Phật nói, họ chẳng hoài nghi. Trường hợp này thuộc về thiện căn.

Loại thứ hai cần phải được thầy răn dạy, phân tích, giảng rõ ràng những chân tướng sự thật, cảnh giới luân lý, kẻ ấy nghe xong tâm phục, khẩu phục. Tín tâm sanh trưởng từ đó, sẽ sanh ra Tín Lực. Xét theo căn tánh, hết thảy chúng sanh có hai loại lớn như vậy. Vì thế, trong giáo học, đối với căn tánh thuộc loại nào thì phải dùng phương pháp nào để giúp đỡ, khiến cho kẻ ấy “*giá nghi hoặc*” (ngăn che nghi hoặc). “*Giá*” (遮) là ngăn chặn, đoạn dứt; chúng ta thường nói “*đoạn nghi sanh tín*”, người ấy chẳng nghi hoặc, chẳng bị dao động!

Thí dụ như đối với sự tu học trong Tịnh Tông, những năm trước kia, lão cư sĩ Trần Kiện Dân³⁵ đề xuất “*tiêu nghiệp vãng sanh*”, bảo đời nghiệp không thể vãng sanh. Chuyện này khiến những người tu học Tịnh Tông trên cả thế giới bị rúng động mạnh mẽ, rất nhiều lão cư sĩ và lão pháp sư đều hoài nghi. Đó là gì? Tín của họ tuy có Căn, nhưng thiếu Lực, nên nghe xong đều hoài nghi, kể cả lão cư sĩ Châu Tuyên Đức. Tôi đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles), cụ Châu đến đón tôi ở phi trường, câu đầu tiên là nói: “Thưa pháp sư! Làm thế nào đây? Tôi niệm Phật nhiều năm như thế, đời nghiệp không thể vãng sanh, chẳng phải là công phu hoàn toàn uổng phí ư?” Cụ hỏi câu ấy, chứng tỏ Tín của cụ chưa có Lực. Chẳng có Lực thì điều thứ nhất là thiện căn chưa đủ sâu dày, chưa thể tin sâu lời Phật, Bồ Tát, chẳng nghi ngờ. Thứ hai, nghiên cứu lý luận Tịnh Tông quá ít, chưa hiểu rõ ràng! [Do đó], mới nêu ra câu hỏi ấy.

Cụ nói: “Cách nói đời nghiệp vãng sanh đích xác là chẳng tìm thấy trong kinh Phật, chẳng có những chữ ấy!” Những thứ chẳng viết ra nhiều lắm. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, rất nhiều thứ chẳng nói. Tuy ngôn ngữ chẳng nói như thế, nhưng [xét theo] ý nghĩa thì

đã nói rồi. Tôi liền hỏi ngược lại cụ: “Trong kinh điển có nói bốn cõi, ba bậc, chín phẩm hay không?” Cụ đáp: “Có!” Tôi nói: “Nếu chẳng đời nghiệp, há có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm? Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm vẫn chẳng phải là do quý vị đời nghiệp nhiều hay ít mà phân ra sai khác đó ư? Quý vị mang theo nhiều, phẩm vị thấp hơn một chút. Mang theo ít, phẩm vị cao hơn một chút. Đó chẳng phải là rất hiển nhiên ý nghĩa đời nghiệp đã được bao gồm trong ấy ư?” Cụ suy nghĩ, [cảm thấy] có lý!

Tôi lại thưa với cụ: “Nếu chẳng đời nghiệp, Tây Phương Cực Lạc thế giới trơ trọi, lạnh tanh, vắng vẻ, chỉ có mình A Di Đà Phật”. Cụ hỏi: “Vì sao?” Tôi nói: “Vì Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn kèm theo một phẩm sanh tướng vô minh, đó chẳng phải là nghiệp ư?” Cụ suy nghĩ: “Đúng vậy!” Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền đều mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, đều là đời nghiệp. Không đời nghiệp thì chỉ còn sót lại một mình A Di Đà Phật trơ trọi, Tịnh Độ thù thắng ở chỗ nào? Tôi nói như vậy, cụ bèn hiểu rõ. Đó là “*tôi phục nhất thiết*” (đẹp tan, hàng phục hết thảy), tâm cụ đã định. Chẳng hiểu rõ Lý Sự, người ta nói sơ sơ mấy câu, tâm liền dao động, hoảng hốt, hồng hét! Đó là Tín của người ấy có Căn, nhưng chẳng có Lực. Tín có Lực thì Tín Căn càng tăng trưởng, có sức mạnh, có thể đoạn nghi. “*Bất vị động dao*” (Chẳng bị lay động), tín tâm tuyệt đời chẳng bị dao động bởi những tri kiến, chẳng thể nào xảy ra!

(Sao) Năng cự tà ngoại.

(鈔) 能拒邪外。

(Sao: Có thể chống lại tà thuyết, ngoại đạo).

Người ấy có năng lực chống lại, đả phá những tà thuyết, tri kiến của ngoại đạo.

(Sao) Bất vị mê loạn.

(鈔) 不為迷亂。

(Sao: Chẳng bị mê loạn).

Chẳng bị người khác mê hoặc, cũng chẳng bị người ta nói dăm ba câu, tâm chính mình liền bị loạn, chẳng thể nào! Tâm người ấy vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn định, vĩnh viễn quang minh. Căn ấy bèn sanh ra sức mạnh.

(Sao) Năng phá phiền não, bất vị xâm hại cố.

(鈔) 能破煩惱，不為侵害故。

(Sao: Có thể phá phiền não, chẳng bị xâm hại).

Người có tín tâm, nói thật thà, chẳng sanh phiền não. Hễ còn sanh phiền não, tức là Tín vẫn chưa có Lực. Người có Tín Lực, chẳng sanh phiền não, vì sao? Tâm người ấy có chủ tể, có sự chuyên chú. Chẳng hạn như người niệm Phật, nếu Tín sanh ra sức mạnh, người ấy niệm niệm chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn có phiền não chi nữa? Bất quá ở tam trong thế giới này vài ngày mà thôi, [thế giới này là] quán trọ, nghỉ ngơi ở đây một chút, quý vị tốt đẹp cũng thế, mà chẳng tốt đẹp cũng thế, vì sao? Chẳng liên quan gì đến ta. Hai hôm sau ta sẽ đi, ta chẳng so đo với quý vị, phiền não gì cũng đều chẳng có. Vì sao người ta sanh phiền não? Do coi thế gian này như quê nhà, đối với người, đối với sự, thứ gì cũng đều so đo, phiền não chẳng xong! Thật sự sanh tín tâm đối với Tịnh Tông, nhất định là thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, đó là “có thể phá phiền não”. Phương pháp đúng là tuyệt diệu, Phiền Não Chương chẳng đoạn mà tự nhiên chẳng còn, cao minh lắm! Vì vậy, pháp môn được gọi là “diệu pháp”, rất có lý. Chẳng cần đoạn, mà chính mình chẳng có [phiền não]. “*Bất vị xâm hại*” (Chẳng bị xâm hại), phiền não quyết định chẳng thể tổn hại quý vị, không thể phá hoại tín tâm của quý vị.

(Sao) Nhất tổng dư thừa, như thượng Căn lệ.

(鈔) 一總餘承，如上根例。

(Sao: Điều thứ nhất là chung, những điều còn lại do nó sanh ra, giống như trong phần luận định về Căn ở phía trên).

Ngũ Căn lấy Tín Căn làm tổng quát, bốn Căn còn lại đều do Tín Căn sanh ra. Ngũ Lực cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Ngũ Lực vẫn lấy Tín Lực làm tổng quát. Hễ Tín đã có sức mạnh thì những điều sau đó như Tấn, Niệm, Định, và Huệ thảy đều có Lực. Tín chẳng có Lực, bốn điều sau đó cũng chẳng có Lực. Có thể thấy mối quan hệ này hết sức chặt chẽ.

Do vậy có thể biết, vun bồi Tín tâm vô cùng quan trọng, đặc biệt là trong pháp môn Tịnh Tông. Tín là điều kiện thứ nhất trong ba tư lương (ba điều kiện vãng sanh), là điều kiện cơ bản nhất. Chư vị hãy suy

ngẫm, chẳng có Tín thì làm sao quý vị có thể phát nguyện cho được? Làm sao quý vị niệm Phật cho được? Vì có chân tín thì mới có thể sanh khỏi nguyện, nguyện sanh từ Tín. Đã có nguyện thì mới bằng lòng niệm. Chẳng nghĩ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy niệm Phật để làm chi? Sẽ chẳng niệm! Do đó có thể biết: Tín là căn bản của căn bản, đích xác là điều kiện cơ bản.

Chúng ta tu học, theo nhất định một vị thầy cũng là [vì cùng một lý do] như thế. Nếu chẳng có tín tâm đối với thầy, dầu quý vị theo thầy lâu đến mấy, phương pháp của thầy xảo diệu đến mấy, chỉ dạy quý vị, quý vị cũng chẳng đạt được gì cả! Vì sao? Chẳng tin tưởng thầy. Chẳng có tín tâm, tất nhiên khinh mạn thầy! Vì thế, một người tôn kính thầy, vì sao người ấy tôn kính? Người ấy tin tưởng. Càng có tín tâm đối với thầy, càng cung kính thầy, biểu hiện ra ngoài là tôn sư. Thầy thấy quý vị tôn kính dường ấy, biết quý vị rất tin tưởng thầy, lời thầy nói ra quý vị có thể y giáo phụng hành, nên thầy sẽ nghiêm túc dạy. Thầy dạy dở, mà quý vị bề ngoài vâng nhận, trong lòng chống trái, chỉ cung kính bề ngoài, chẳng có tác dụng gì hết, giả trá! Thầy chẳng thể dạy quý vị. Vì sao? Dạy quý vị, quý vị cũng học chẳng hiểu, uổng phí tinh thần, uổng phí thời gian, thầy chẳng làm chuyện ngọc ngà ghê tởm ấy. Thật sự cung kính là y giáo phụng hành, tuyệt đối không phải là hình thức, chúng ta phải hiểu điều này. Hình thức, quá nửa là làm cho người khác xem, nhằm tạo ảnh hưởng đến đại chúng. Mọi người chẳng biết đến học vấn và đạo đức của vị thầy ấy, cho nên ta dùng phương pháp ấy nhằm khơi gợi người khác, đó là thật sự từ bi. Cung kính thầy khiến cho người khác nhìn vào, [sẽ tự hỏi] vì sao người ấy cung kính vị thầy ấy như vậy, nghe ngóng “vị ấy thật sự có học vấn, đạo đức”, bèn khởi tâm kính ngưỡng, thậm chí theo vị thầy ấy tu học, dụng ý ở chỗ này. Đó là gì? Biểu diễn. Biểu diễn trên sân khấu, một phen khô tâm như vậy. Tuyệt đối chẳng phải là thầy đòi hỏi học sinh lễ phép bề ngoài hoặc chỉ có hình thức, không phải vậy!

Cung kính nhất là y giáo phụng hành. Thật sự cúng dường cũng là y giáo tu hành để cúng dường, thầy đối với trò có một niềm kỳ vọng như thế mà thôi! “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Kinh Hoa Nghiêm nói đến cội nguồn nhập đạo, hết thảy công đức đều sanh trưởng từ tín tâm. Trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, trong Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tín xếp hàng đầu. Trong ba tư lương của Tịnh Tông, Tín cũng được xếp đứng đầu. Trong mười một món thiện pháp, thiện pháp đầu tiên là Tín. Trong kinh điển Đại Thừa và Tiểu Thừa của nhà Phật, sắp theo thứ tự thuận thì đầu tiên là Tín. Chẳng tin, hết thảy sẽ

chẳng thể thành tựu. Do đó, mở kinh điển ra, “*như thị ngã văn*” là Tín Thành Tựu, tức món đầu tiên trong sáu món thành tựu. Do đó, chúng ta phải hết sức coi trọng điều này.

Kiến lập tín tâm có hai nguồn cội: Một là thiện căn trong đời quá khứ, tự nhiên sanh lòng kính tín đối với Tam Bảo và đối với thầy. Loại thứ hai là đối với lý luận Phật pháp sẽ dần dần hiểu rõ, tín tâm tăng trưởng. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

---o0o---

Tập 164

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi ba.

(Sao) Tấn Lực giả, Tấn Căn tăng trưởng, năng phá thân tâm chủng chủng giải đãi, thành biện xuất thế chủng chủng sự nghiệp cố.

(Diễn) Tấn Căn tăng trưởng giả, tiền tuy hữu Tấn Căn, nhưng vị hữu lực, tắc vô thi lai bất tu Tam Học, Lục Độ, chủng chủng giải đãi chủng tử, do năng phát sanh, đọa xuất thế chủng chủng sự nghiệp. Kim đắc Tấn Lực, tắc tinh tấn mãnh tướng, năng phục giải đãi ma quân, thành biện Tam Học, Lục Độ chư sự nghiệp cố.

(鈔) 進力者，進根增長，能破身心種種懈怠，成辦出世種種事業故。

(演) 進根增長者，前雖有進根，若未有力，則無始來不修三學六度，種種懈怠種子，猶能發生，墮出世種種事業。今得進力，則精進猛將，能伏懈怠魔軍，成辦三學六度諸事業故。

(Sao: Tấn Lực: Tấn Căn tăng trưởng, có thể phá các thứ giải đãi nơi thân tâm, thành tựu các thứ sự nghiệp xuất thế.

Diễn: Tấn Căn tăng trưởng: Trước kia, tuy có Tấn Căn, nhưng nếu chẳng có Lực, ắt các thứ chủng tử giải đãi chẳng tu Tam Học, Lục Độ từ vô thi đến nay vẫn có thể phát sanh, [khiến cho] các thứ sự nghiệp xuất thế bị thoái đọa. Nay đắc Tấn Lực, ắt mãnh tướng tinh tấn có thể hàng phục ma quân giải đãi, thành tựu các sự nghiệp Tam Học, Lục Độ).

Tuyệt đại đa số các đồng tu đều đầy đủ Ngũ Căn; tuy có Căn, nhưng chẳng đắc Lực, vì sao? Đôi khi còn có khá nhiều phiền não hiện tiền, chẳng thể nghiêm túc tu học; đó là tuy có Căn, nhưng chẳng có Lực. Thông thường, Phật môn nói là “thiện căn”. “Người nào đó có thiện căn”, “*thiện căn*” là nói tới Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Tuy có thiện căn, nhưng chúng ta thường thấy họ thoái chuyển. Thậm chí, lúc mới học, Phật môn thường nói: “*Bất thất sơ phát tâm, thành Phật hữu dư*” (Chẳng đánh mất cái tâm đã phát thở đầu, thành Phật có thừa). Dũng mãnh, tinh tấn, nhưng Tấn chẳng được bao lâu liền giải đãi, thoái chuyển, thậm chí đọa lạc, nguyên nhân là gì? Có Căn, nhưng chẳng có Lực. Do vậy, có thể biết, nếu Căn chẳng đắc Lực, chẳng thể thành tựu. Vì sao Căn chẳng đắc Lực? Có Căn, vì sao không thể tăng trưởng trở thành Ngũ Lực? Có quan hệ rất lớn với duyên: Chẳng gặp thiện tri thức, chẳng gặp thiện duyên. Tuy có Căn, gặp các ác duyên, người ấy liền bị thoái chuyển. Phàm các duyên khiến cho đạo nghiệp bị thoái chuyển, đều gọi là “*ác duyên*”. Ví như phát đại tâm, dũng mãnh, tinh tấn, thậm chí xuất gia, cũng giảng kinh, thuyết pháp, cuối cùng lui sụt, hoàn tục kết hôn, đó là “*ác duyên*”. Gặp ác tri thức, nói chẳng dễ nghe là gặp “*oan gia đối đầu*”, tục ngữ thường nói: “*Chẳng phải oan gia, chẳng gặp gỡ*”; gặp phải oan gia đối đầu! Chuyện này đã có kể từ thời Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi thời đại, mỗi xứ sở đều rất thường thấy. Chúng ta thấy rõ ràng, tuy người ấy có thiện căn, nhưng Căn ấy rất mỏng manh, chẳng có sức mạnh.

Trong chú giải đã định nghĩa rất rõ ràng, “*Tam Học, Lục Độ*”, Tam Học là Giới Học, Định Học, Huệ Học, chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Lục Độ là tiêu chuẩn tu hành của Bồ Tát. Nếu Tam Học, Lục Độ tăng trưởng, chúng tỏ Căn của người ấy có Lực. Tam Học, Lục Độ không thể tăng trưởng, [tức là] Căn ấy chẳng có Lực. Tấn chỉ giảng đến chỗ này, vì trong Ngũ Căn có Tấn, trong Ngũ Lực cũng có Tấn, Thất Bồ Đề Phần và Bát Thánh Đạo đều có Tấn, nhưng ý nghĩa khác nhau. Ở đây, Tấn hiểu theo nghĩa rộng là Tam Học, Lục Độ. Tấn trong Thất Bồ Đề Phần thì phải là Tinh Tấn, vì Thất Bồ Đề Phần có Trạch Pháp, chẳng phải là nói chung chung, mà là có [ý nghĩa] chuyên trì.

(Sao) Niệm Lực giả, Niệm Căn tăng trưởng, năng phá tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế chánh niệm cố.

(鈔) 念力者，念根增長，能破邪念，成就一切出世正念故。

(Sao: Niệm Lực là Niệm Căn tăng trưởng, có thể phá tà niệm, thành tựu hết thảy chánh niệm xuất thế).

Niệm đặc lực, nói thật ra, chúng ta thường nói là công phu thật sự đặc lực, vì sao? Vọng niệm ít. Hiện thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối vọng niệm toi bời, tức là Niệm Căn chẳng đặc lực. Có rất nhiều đồng tu hết sức thẳng thắn, nói: “Tôi thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhưng vọng tưởng quá nhiều, càng niệm Phật, vọng tưởng càng nhiều. Niệm nhiều năm ngàn ấy, dường như cũng chẳng giảm bớt”. Đó là Niệm Căn chẳng đặc lực. Nếu Niệm Căn hữu lực, vọng niệm tự nhiên ít đi; chữ “*tà niệm*” được nói ở đây chỉ vọng niệm. Chuyện này hãy nên tu theo cách nào? Nói thật ra, chúng ta quá vô ý, quá sơ sót đối với xứ cảnh trước mắt; vì thế, công phu chẳng sử dụng được. Ngũ Căn chẳng thể nhanh chóng nâng cao thành Ngũ Lực, chẳng biết sanh tử là chuyện lớn, chẳng biết vô thường nhanh chóng, chẳng biết lục đạo đáng sợ. Nếu con người có thể thường nghĩ đến những chuyện ấy, thừa cùng chư vị, mạng người quả thật hết sức mong manh. Nhất là trong xã hội hiện thời, chẳng biết tai nạn sẽ phát sanh lúc nào? Ai có thể bảo đảm “*năm nào cũng như ý, năm nào cũng bình an*”? Đó là một câu nói [có ý nghĩa chúc tụng] tốt lành, ai dám bảo đảm sẽ đạt được? Xét thế gian này, quý vị xem báo chí, nhật báo mỗi ngày, trên toàn thế giới, thời thời khắc khắc đều có tai nạn. Thấy những người ngộ nạn, lại nghĩ đến chính mình, một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ như thế nào? Nhất là tai biến xảy ra liên tiếp như thế, chúng ta có phước báo to cỡ nào mà hồng may mắn thoát khỏi? Nếu có tâm cảnh giác như vậy, Ngũ Căn cũng rất dễ dàng tăng cao, có sức mạnh, Niệm bèn có Lực. Tấn chẳng có Lực, Niệm chẳng có Lực, là do đối với cảnh giới trước mắt coi nhẹ, xem thường. Lời chú giải có nói: “*Thế gian ngũ dục lục trần tà niệm do vị tận trừ*” (Hãy còn chưa trừ sạch ngũ dục, lục trần thế gian), nên chánh niệm không thể hiện tiền. Niệm Căn ắt phải có sức mạnh, vọng tưởng tạp niệm ít ỏi, công phu tu học của quý vị bền đặc lực. Vì Ngũ Căn và Ngũ Lực chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật pháp, chung cho hết thảy các pháp môn; ở đây chỉ nói một nguyên tắc, nguyên tắc ấy dùng chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật pháp.

(Sao) Định Lực giả, Định Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết chư tạp loạn tưởng, phát khởi sự lý chư Thiên Định cố.

(鈔) 定力者，定根增長，能破一切諸雜亂想，發起事理諸禪定故。

(Sao: Định Lực: Định Căn tăng trưởng, có thể phá hết thấy các tạp loạn tưởng, phát khởi các thứ Thiền Định Sự và Lý).

Nói thật ra, Niệm Lực là tiên phương tiện của Định Lực, trước hết, nhất định là Niệm đặc lực, sau đó bèn có Định. Định Lực có thể phá hết thấy vọng tưởng tạp loạn, khiến cho tâm quý vị có thể đắc Định. Nói theo Ngũ Thừa Phật pháp là Tứ Thiền, Bát Định, nói theo Nhị Thừa là Cửu Thứ Đệ Định, người ấy có thể đạt được. Câu “*Tứ Thiền, Bát Định, Cửu Thứ Đệ Định, mười sáu pháp thù thắng đặc biệt v.v...*” là nói về công phu Thiền Định. Thấu hiểu điều này chẳng khó. Trong thế gian hiện thời, phong khí học Thiền rất thịnh; nếu có người đến mời mọc, bản thân chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh một phen, [chính mình] có phải là căn khí học Thiền hay không? Phải là căn khí như thế nào thì mới có thể học Thiền? Tâm địa rất thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm rất ít, người ấy có thể học Thiền. Nếu vọng tưởng tạp niệm rất nhiều, tâm chẳng dễ định được, thường bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài; nói cách khác, quý vị học Thiền chắc chắn chẳng thể thành công. Có phải là căn khí Thiền hay không? Chẳng cần hỏi người khác, chính mình rất rõ ràng. Do vậy, có thể biết, căn khí được nhiếp thọ bởi Thiền Tông chẳng rộng lớn như Tịnh Tông. [Căn khí] nào chẳng thể nhiếp thọ bởi Thiền Tông, Tịnh Độ Tông sẽ có thể nhiếp thọ. Đây là chỗ đặc biệt thù thắng của Tịnh Độ, mà cũng là lý do khiến cho hết thấy chư Phật tán thán pháp môn này; đạo lý ở ngay chỗ này.

(Diễn) Hựu bất minh Đế Lý, dẫn đắc thế gian Thiền, danh viết Sự Thiền.

(演) 又不明諦理，但得世間禪，名曰事禪。

(Diễn: Lại chẳng hiểu rõ Đế Lý, chỉ đắc thế gian Thiền, bèn gọi là Sự Thiền).

Người ấy chẳng hiểu nghĩa thú Phật pháp rất sâu, vọng tưởng ít, tạp niệm ít, Định do người ấy học là Thiền Định thế gian, là Sự Thiền. Sự Thiền cao nhất chỉ có thể đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, chẳng thoát khỏi tam giới. Nói cách khác, Định của người ấy chỉ thuộc trong Tứ Thiền Bát Định, chẳng thể tiến cao hơn.

(Diễn) Thâm minh Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiên, cập xuất thế thượng thượng Thiên, danh viết Lý Thiên.

(演) 深明諦理，得出世間禪，及出世上上禪，名曰理禪。

(Diễn: Hiểu sâu Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiên, và xuất thế thượng thượng Thiên, thì gọi là Lý Thiên).

“Thâm minh Đế Lý”: “Đế” là Tứ Đế, tức là đạo lý trong pháp Tiểu Thừa. “Lý” là lý luận Đại Thừa. Phật pháp Đại Thừa và Tiểu Thừa đều được bao gồm trong hai chữ Đế Lý. “Đắc xuất thế gian Thiên, cập xuất thế thượng thượng Thiên”. Xuất thế gian Thiên là Cửu Thứ Đệ Định của Thanh Văn, Duyên Giác, xuất thế gian thượng thượng Thiên là vô lượng tam-muội, Hoa Nghiêm tam-muội, Lăng Nghiêm đại định... những thứ ấy. Đó là sở chứng của chư Phật Như Lai, “danh viết Lý Thiên” (gọi là Lý Thiên). Vì thế, chẳng thể không biết Phật pháp. Nếu chẳng thông đạt lý luận, đích xác là có chướng ngại. Nhất định phải hiểu Lý, để hiểu Lý thì phải đọc kinh. Vì thế, đọc kinh vô cùng trọng yếu. Nghiên cứu, thảo luận có thể giúp chúng ta khơi mở Hậu Đắc Trí, đọc kinh nhằm bồi dưỡng Căn Bản Trí. Phải đọc tụng một thời gian dài, đọc đến mức tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê.

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hay lắm. “Đại Thừa” là giáo, chẳng phải là Tiểu Thừa, “Vô Lượng Thọ” là Lý, là bản thể, tức bản thể của Chân Như bốn tánh. “Trang Nghiêm” là tướng, “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” là tác dụng. Học Phật là học những điều ấy, học tâm thanh tịnh, tâm địa bình đẳng, giác chứ không mê. Vì thế, bộ kinh ấy là tinh túy của toàn thể Phật pháp, đạt được bộ kinh này là đạt được toàn thể Phật pháp, nay chúng ta vì sao không thể khẳng khẳng nhất quyết niệm bộ kinh này, vẫn cứ muốn xem thứ này, xem thứ nọ? Đó là có Căn nhưng chẳng có Lực, vẫn bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài. Truy cứu nguyên nhân thì là vì chẳng nhận biết Phật pháp rõ ràng. Nếu thật sự nhận biết rõ ràng, tâm sẽ định. Người ấy có Niệm Lực, có Định Lực, định nơi pháp môn này, chẳng bị ngoại cảnh lay chuyển, như vậy thì chính mình mới có thể thành tựu. Chính mình không thành tựu, mà muốn hóa độ chúng sanh, giúp đỡ người khác, chắc chắn chẳng thể làm được!

“Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thể dã hồ thân” (Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chôn hoang năm trăm đời). Có một đồng tu hỏi: Hai câu “bất lạc nhân quả, bất muội nhân quả” có

nghĩa là gì? Đây là công án Bách Trượng đại sư trong Thiên Tông, nói sai một chữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời. Nếu chính mình chẳng khai ngộ, khó tránh nói sai; do vậy, muốn độ người khác, phải độ chính mình trước. Độ người khác cần phải có Hậu Đắc Trí, độ chính mình cần đến Căn Bản Trí, [do đó] mới hiểu tầm trọng yếu của Căn Bản Trí. Tuy có thể đồng thời dốc sức nơi Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí, nhưng có phân biệt chủ và khách, chánh và trợ. Căn Bản Trí là chủ tu, là chánh tu, chúng ta chọn lựa phương pháp đọc tụng. Trong các buổi giảng, tôi thường nhắc nhở các đồng tu, dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm chân thành, dùng tâm cung kính để đọc tụng, chẳng cần cầu hiểu nghĩa, đó là cầu Căn Bản Trí. Đọc tụng như vậy, Tam Học, Lục Độ đều ở trong đó, toàn bộ đều bao gồm, rất trọng yếu! Nghiên cứu chú giải, đồng tham đạo hữu cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, đó là Hậu Đắc Trí. Mỗi tuần dành ra một hai lần là đủ rồi, mỗi lần là một hai tiếng đồng hồ.

Huân luyện Căn Bản Trí mỗi ngày, chớ nên gián đoạn. Các đồng tu tại gia công việc rất bận bịu, mỗi ngày tối thiểu có thời gian một tiếng đồng hồ để nghiêm túc thực hiện. Trong một giờ ấy, dùng tâm chân thành, buông hết thấy sự vụ xuống, khiến cho tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chân thành, cung kính, dùng một giờ để đọc kinh. Nếu kinh niệm thuần thực, một giờ một bộ đã đủ rồi. Người xuất gia mỗi ngày tối thiểu phải niệm hai, ba tiếng trở lên, vì quý vị xuất gia, phát tâm chuyên tu, chẳng giống như người tại gia công việc bận bịu ngàn ấy. Vì thế, mỗi ngày tối thiểu phải niệm từ hai bộ đến ba bộ. Chuyện này chẳng giống cách đọc sách trong thế gian; sử dụng phương pháp này để tu thanh tịnh, bình đẳng, chân thành, cung kính, đó gọi là tu Căn Bản Trí. Khi niệm kinh, chớ nên dấy vọng tưởng. Hễ khởi vọng tưởng, dấy động ý niệm: “Câu kinh này có ý nghĩa gì?” Tức là bốn điều ấy đều chẳng có. Tam Học, Lục Độ, chân thành, cung kính, thanh tịnh, bình đẳng hoàn toàn chẳng có, sai mất rồi, đã biến sự tu hành trong Phật pháp thành cách đọc tụng trong pháp thế gian, biến thành đọc sách thế gian. Do đó, nhà Phật nói đến đọc tụng thì đó là một thứ phương pháp tu hành, hoàn toàn khác với niệm kinh thông thường, công phu mỗi ngày đều chẳng thể gián đoạn. Hành mãi như thế, huân luyện trong nửa năm hay một năm, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có thể sanh trí huệ, sau đấy, quý vị mới niệm câu Phật hiệu, đó là Lý niệm, chẳng phải là Sự niệm. Lý niệm đặc Niệm Phật tam-muội, đặc nhất tâm bất loạn, so với việc chỉ hành Sự Trì sẽ nhanh chóng hơn rất nhiều!

(Diễn) Hựu Tiểu Thừa duyên Không trực nhập, nữ chí viên nhân trực tâm chánh niệm Chân Như, danh viết Lý Thiên. Tiểu Thừa đời sự kiêm tu, nữ chí viên nhân từng hạnh thác sự phụ pháp, tam chủng quán pháp, giai Sự Lý kiêm tu, danh viết Sự Lý Thiên, chủng chủng bất nhất, cố vân “chư” dã.

(演) 又小乘緣空直入，乃至圓人直心正念真如，名曰理禪。

小乘帶事兼修，乃至圓人從行託事附法，三種觀法，皆事理兼修，名曰事理禪。種種不一，故云諸也。

(Diễn: Lại nữa, Tiểu Thừa duyên theo Không để tiến nhập trực tiếp, cho đến người căn cơ viên mãn dùng trực tâm chánh niệm Chân Như thì gọi là Lý Thiên. Tiểu Thừa tu kèm thêm Sự, cho đến người căn cơ viên đốn, từ hạnh nhờ vào Sự để hỗ trợ Phật pháp. Ba thứ quán pháp đều là Lý và Sự cùng tu, nên gọi là Sự Lý Thiên. Các thứ khác nhau, nên nói là “các”).

Thiền vô lượng vô biên. Ở đây, cũng chỉ có thể dùng phương pháp quy nạp, quy nạp [vô lượng vô biên môn Thiền] thành ba loại: Sự Thiền, Lý Thiên, và Sự Lý Thiên. Trong Thiền có Lý và Sự, ở đây nói cũng khá dễ hiểu. “*Tiểu Thừa*” chỉ Thanh Văn, bao gồm Duyên Giác. “*Nữ chí viên nhân*” là nói về Bồ Tát. Bồ Tát có Thông Giáo Bồ Tát, Biệt Giáo Bồ Tát, và Viên Giáo Bồ Tát; Tạng Giáo là thuộc loại Tiểu Thừa. Dùng chữ “*nữ chí*” nhằm tinh lược Thông Giáo và Biệt Giáo. Có thể nói: Căn tánh khác nhau, phương pháp tu hành khác nhau, lý luận để căn cứ cũng khác nhau, nhưng đều gọi là Lý Thiên. Chúng ta có thể hiểu rõ, thông đạt lý luận của Tịnh Tông, có thể đoạn nghi sanh tín thì một câu A Di Đà Phật là Lý Thiên. Tịnh Độ Tông không gọi là Thiền, mà gọi là Lý Trì và Sự Trì, [Trì là] trì danh niệm Phật. Thật sự đặc Thiền Định, chúng ta gọi nó là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là Thiền Định, nhất tâm bất loạn là Thiền Định sâu hơn một tầng. Danh từ Niệm Phật tam-muội có hàm nghĩa hết sức rộng rãi. Sự nhất tâm, Lý nhất tâm đều bao gồm trong ấy; từ công phu thành phiến cho đến Lý nhất tâm bất loạn, đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Nói công phu thành phiến, Sự nhất tâm, Lý nhất tâm tức là những danh xưng chỉ công phu Niệm Phật tam-muội cạn hay sâu khác nhau. Tiểu Thừa có “*đời Sự kiêm tu*” (tu kèm thêm Sự), A La Hán và Bích Chi Phật thường hiển thị phương pháp tu hành ấy. Đại Thừa Bồ Tát càng tự tại hơn, tình hình ấy càng nhiều.

“Tùng hạnh thác sự phụ pháp”: Câu này thường được pháp Đại Thừa nói là *“lịch sự luyện tâm”* (trải qua sự việc để luyện tâm). Họ học Định Huệ ở chỗ nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, tu Thiền, tu Định, tu Huệ trong ấy. Cụ thể nhất là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Năm mươi ba vị thiện tri thức, đủ các ngành nghề, nam, nữ, già, trẻ, đều tu Thiền Định rất sâu, nhưng họ chẳng vứt bỏ cuộc sống, cũng chẳng trở ngại sự nghiệp. Không chỉ chẳng trở ngại sự nghiệp và cuộc sống, mà còn sống mỹ mãn, sự nghiệp tăng tấn. Vì thế, Đại Thừa Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Viên Giáo, Hoa Nghiêm là Đại Thừa Viên Giáo, là phương pháp tu hành cao nhất trong Phật pháp, hoàn toàn dung hợp thành một với cuộc sống. *“Sự”* là hết thấy các sự nghiệp trong thế gian, *“pháp”* là Phật pháp. Phật pháp và hết thấy sự trong thế gian dung hợp thành một Thể, đó gọi là *“có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?”*. *“Viên nhân sở thuyết, pháp pháp giai như, pháp pháp giai thị”* (Người viên mãn nói pháp, pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều đúng). Chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp. Nói kiểu này, sợ mọi người hiểu lầm, biến thành Ác Thủ Không, khuyết điểm sẽ trở thành quá lớn. Do đó, quyết định chớ nên hiểu lầm chỗ này!

“Pháp nào cũng đều là Phật pháp”, Phật pháp là gì? Kinh Bát Nhã đã nói một câu trọn hết, Phật pháp là *“vô sở đắc”*, *“vô trí, mà cũng vô đắc”*. Trong hết thấy các pháp, Viên Giáo Bồ Tát biết các pháp đều là Không, các pháp đều vô sở đắc, nên trong hết thấy các pháp, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước nào. Trong hết thấy các pháp, các Ngài hiển thị tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, chân thành đến cùng cực. Chẳng như Tiểu Thừa và Biệt Giáo Bồ Tát phải rời khỏi pháp thì tâm mới thanh tịnh, Viên Giáo không cần rời khỏi. Vì sao không cần rời khỏi? *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, cần gì phải lìa? *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, *“ngay nơi bản thể chính là Không, ngay nơi tướng chính là Đạo”*, đó là *“viên nhân”*. Viên nhân tu hành đúng là tự tại, vui sướng, vô chướng, vô ngại. Nếu chúng ta chẳng phải là hạng người căn tánh viên đốn, sẽ chẳng học được, vì sao? Người ấy vô ngại trong cảnh giới, chúng ta chẳng phải là căn tánh ấy, quyết định bị chướng ngại trong cảnh giới. Ở đây, chúng ta phải tự mình nghiêm túc phản tỉnh, chúng ta là căn tánh gì? Phải nên học theo tiêu chuẩn nào? Căn tánh viên đốn đương nhiên học theo tiêu chuẩn của năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm, thành tựu mau chóng! Nếu là căn tánh Biệt Giáo, không thể học theo tiêu chuẩn ấy, mà dùng tiêu chuẩn gì?

Tiêu chuẩn của Phạm Võng Bồ Tát Giới. Phạm Võng Bồ Tát Giới là Biệt Giáo, hoặc là kinh luận Duy Thức, đặc biệt là Duy Thức Luận, Thành Duy Thức Luận cũng thuộc loại Biệt Giáo. Vì vậy, nhất định phải nhận rõ căn tánh của chính mình, chọn lựa một phương pháp nào có lợi ích chân thật cho chính mình. Chọn sai, sẽ chẳng được lợi ích. Nếu căn tánh Biệt Giáo mà chọn Viên Giáo, sẽ hết sức tệ, sẽ bị đọa lạc, sẽ tạo rất nhiều tội nghiệp. Nếu căn tánh Viên Giáo mà chọn pháp Biệt Giáo, tuy chẳng bị đọa lạc, nhưng tiến bộ rất chậm. Vì lẽ đó, chọn lựa pháp phải khế cơ; Cơ là căn cơ của chính chúng ta. [Pháp môn] phù hợp căn cơ của chính mình sẽ học nhanh chóng, học rất thuận lợi.

(Sao) Huệ Lực giả, Huệ Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết tà ngoại đẳng kiến, năng đoạn nhất thiết thiên tiểu đẳng chấp cố.

(鈔) 慧力者，慧根增長，能破一切邪外等見，能斷一切偏小等執故。

(Sao: Huệ Lực là Huệ Căn tăng trưởng, có thể phá hết thấy các kiến giải tà vạy, ngoại đạo, có thể đoạn hết thấy những chấp trước Thiên, Tiểu v.v...).

Huệ Căn có sức mạnh, hình dạng của nó cũng là tác dụng của nó. Nó có năng lực phân biệt tà, chánh, có năng lực phá trừ chấp trước của chính mình. Nói thật ra, tu học trong Phật pháp từ đầu tới cuối, “đầu” là mới phát tâm, “cuối” là thành Phật đạo, tu gì? Phá chấp trước mà thôi. Do phá Nhân Ngã Chấp, bèn chứng A La Hán; phá Pháp Ngã Chấp, bèn là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã thành Phật, có thể giống như ba mươi hai ứng thân được nói trong phẩm Phổ Môn hay chương Quán Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, nên dùng thân Phật để độ kẻ khác bèn có thể hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo đã kiến tánh, phá một phẩm vô minh, thấy một phần bản tánh. Chỉ cần thấy một phần bản tánh, bèn có năng lực dùng ba mươi hai tướng, có năng lực Phổ Môn Thị Hiện giống như Quán Âm Bồ Tát. Trong hội Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát thị hiện thân phận Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát thị hiện Đệ Thất Hồi Hương trong Viên Giáo. Trong kinh Pháp Hoa, Ngài thị hiện Đẳng Giác Bồ Tát của Viên Giáo.

Có thể thấy trong mỗi pháp hội, Bồ Tát có thân phận khác nhau. Đó là sức mạnh của Huệ Căn, nó khởi ra tác dụng ấy.

Do vậy, có thể biết: Chúng ta chẳng có năng lực phân biệt hết thấy các pháp tà - chánh, chẳng có năng lực đoạn phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, đều do Huệ Căn chẳng có sức mạnh. Đọc kinh nhiều, nghe giảng cũng lắm, biết có những điều này, nhưng chính mình chẳng đạt được, là vì chẳng có sức mạnh. Ất phải có sức, tức là nói bình thường chúng ta công phu đắc lực, khi nào công phu sẽ đắc lực? Ngũ Căn đều có lực, công phu bèn đắc lực. Khi Ngũ Căn chẳng đắc lực, đích xác là công phu của chúng ta hời hợt. Hãy suy nghĩ, chúng ta học Phật đã lâu dường ấy, có thành tựu gì? Có thể đưa một thành tích biểu khả quan hay không? Nếu chẳng đưa thành tích biểu ra được, tức là chẳng đắc lực! Công phu đắc lực, sẽ có thể đưa ra thành tích biểu. Tiếp theo đây là Thất Bồ Đề Phần (Sapta Bodhyanga), đây là khoa thứ sáu trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm:

(Sớ) Thất Bồ Đề Phần giả, tức Thất Giác Chi.

(疏) 七菩提分者，即七覺支。

(Sớ: Thất Bồ Đề Phần chính là Thất Giác Chi).

“Bồ Đề” (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Giác. “Phần” là chia thành nhánh. Bảy điều được nói ở đây đều là trí huệ khởi tác dụng.

(Sớ) Diệc diên tiền Căn, Lực, đắc thử Huệ dụng.

(疏) 亦緣前根力，得此慧用。

(Sớ: Cũng là do Căn và Lực trên đây mà đạt được tác dụng này của Huệ).

Do vậy, có thể biết: Chẳng có Căn và Lực, Thất Bồ Đề Phần tuyệt đối chẳng thể dùng được. Điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần là Trạch Pháp. Chẳng có trí huệ, quý vị làm sao có thể chọn lựa pháp môn cho được? Chọn lựa pháp môn phải cậy vào trí huệ. Trí huệ có lớn, nhỏ, cạn, sâu, thiên, viên khác nhau, quý vị quyết trạch (chọn lựa, quyết định) pháp môn sẽ khác nhau, tùy thuộc quý vị chọn lựa pháp gì trong biển cả Phật pháp?

(Sớ) Vị nhất Niệm, nhị Trạch Pháp, tam Tinh Tấn, tứ Hỷ, ngũ Y, lục Định, thất Xả. Nhất vân: Nhất, Trạch Pháp, nhị Tinh Tấn, tam Hỷ, tứ Trừ, ngũ Xả, lục Định, thất Niệm. Kim y hậu thích.

(疏) 謂一念，二擇法，三精進，四喜，五捨，六定，七捨。

一云：一擇法，二精進，三喜，四除，五捨，六定，七念。今依後釋。

(Sớ: Nghĩa là: Một là Niệm, hai là Trạch Pháp, ba là Tinh Tấn, bốn là Hỷ, năm là Y, sáu là Định, bảy là Xả. Một thuyết khác nói là: Một là Trạch Pháp, hai là Tinh Tấn, ba là Hỷ, bốn là Trừ, năm là Xả, sáu là Định, bảy là Niệm. Nay dựa theo thuyết sau để giải thích).

Ở đây, Liên Trì đại sư giải thích theo thuyết sau. Hai cách nói ấy đều xuất phát từ kinh điển, thuyết sau dễ hiểu, có thể hiểu rõ dễ dàng!

(Diễn) Thất Giác tự thể, tức Trạch Pháp đẳng, thứ chi vi Dụng, vị đoạn kiến đạo chư tà kiến cố.

(演) 七覺自體，即擇法等，此之為用，為斷見道諸邪

見故。

(Diễn: Tự thể của Thất Giác chính là Trạch Pháp v.v... những thứ ấy là Dụng, nhằm đoạn các tà kiến [ngăn chướng] kiến đạo).

Địa vị Kiến Đạo của Tiểu Thừa là quả Tu Đà Hoàn, địa vị Kiến Đạo của Đại Thừa là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Cảnh giới trong kinh Kim Cang là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. [Cảnh giới trong] Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng là Sơ Trụ trong Viên Giác. Trong chương Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Bồ Tát biến diễn đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Quý vị biết sử dụng những pháp ấy, sẽ dễ dàng chứng đắc địa vị Kiến Đạo. Dưới đây là giới thiệu từng điều; trước hết là giới thiệu danh tướng Thất Giác Chi:

(Sao) Giác Chi giả, Giác tức Bồ Đề, Chi tức thị Phần, vị phần phân tùy nghi nhi dụng dã.

(鈔) 覺支者，覺即菩提，支即是分，謂分分隨宜而用也。

(Sao: Giác Chi: Giác tức là Bồ Đề, Chi là Phân, ý nói mỗi phần tùy nghi sử dụng).

Thất Giác Chi còn gọi là Thất Bồ Đề Phân. “Phân phần tùy nghi nhi dụng”, bảy điều ấy có thể dùng riêng lẻ, hoặc có thể hợp hai điều để dùng, cũng có thể gộp ba điều lại để dùng, tùy thuộc chính mình ở trong tình huống nào, cần dùng điều nào bên dùng điều ấy, nhằm mục đích giúp quý vị kiến đạo. Nói cách khác, giúp quý vị đoạn Hoặc, chứng Chân.

(Sao) *Diêu tiền giả, Du Già vân: “Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, như thật giác huệ”.*

(Diễn) *Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, chánh vị tức chánh tánh, dĩ do tiền Căn Lực, năng phá nhất thiết kiến chấp, bất đoạn đoạn thường, giác pháp chánh tánh. Chánh tánh giả, tức Tứ Đế như thật tánh.*

(鈔) 繇前者，瑜伽云：諸已證入正位者，如實覺慧。

(演) 諸已證入正位者，正位即正性，以由前根力，能破一切見執，不墮斷常，覺法正性。正性者，即四諦如實性。

(Sao: “Do các pháp [Căn và Lực] trên đây”: Luận Du Già chép: “Những người đã chứng nhập chánh vị, giác huệ như thật”.

Diễn: “Những người đã chứng nhập chánh vị”: Chánh vị là chánh tánh. Do các Căn và Lực trên đây có thể phá hết thảy kiến chấp, chẳng đoạn trong Đoạn hay Thường, giác pháp chánh tánh. Chánh tánh chính là tánh như thật của Tứ Đế).

“Năng phá nhất thiết kiến chấp” (Có thể phá hết thảy kiến chấp), nó có năng lực phá trừ những chấp trước nơi kiên giải của quý vị. “Bất đoạn đoạn thường” (Chẳng đoạn đoạn, thường), chẳng chấp trước Thường Kiến và Đoạn Kiến. “Giác pháp chánh tánh” (Giác ngộ chánh tánh của các pháp), chánh tánh là gì? Chánh tánh chính là tánh như thật của Tứ Đế. Đây cũng là lý luận do đức Phật đã giảng, quý vị có thể thật sự thông đạt, hiểu rõ. Pháp Tứ Đế là Khô, Tập, Diệt, Đạo, là hai tầng nhân quả thế gian và xuất thế gian. Khô và Tập là nhân quả thế gian. Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian. Quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, sẽ chẳng chấp trước Đoạn Kiến, cũng chẳng chấp trước Thường Kiến. Đoạn Kiến là gì? Nêu tỷ dụ, người có kiên giải như thế này rất nhiều:

Người chết thì hết thấy đều hết chuyện, chẳng tin có đời sau, chẳng tin có luân hồi, ngỡ con người chỉ có một đời này. Vì thế, vì cầu sự hưởng thụ cho chính mình trong một đời này, mà chẳng ngại chọn lựa bất cứ thủ đoạn nào, chẳng tin có đời sau. Đó gọi là Đoạn Kiến. Thường Kiến là gì? Cho rằng người đã chết, hai mươi năm sau lại là một trang hảo hán, cũng có nghĩa là [tin rằng] con người sau khi đã chết [đầu thai vào] đời sau vẫn là người. Chó đã chết, đời sau vẫn làm chó, vĩnh viễn chẳng biến đổi. Đó là Thường Kiến. Hai thứ kiến giải ấy đều là sai lầm.

Đức Phật giảng pháp Tứ Đế, Khô và Tập là nguyên lý luân hồi trong lục đạo khắp ba đời. Người đã chết có đời sau, đời sau chẳng nhất định làm người; chó đã chết cũng có đời sau, đời sau không nhất định là chó. Nó cũng có thể thành người, cũng có thể sanh lên trời. Người đã chết cũng có thể sanh lên trời, cũng có thể đọa trong ba ác đạo. Luân hồi trong lục đạo, ai làm chúa tể? Luân hồi trong lục đạo, quý vị là chúa tể của chính mình. Không chỉ là lục đạo, mà cát hung họa phước chúng ta gặp gỡ trong đời này đều do chính mình làm chúa tể. Do đó, vận mạng có thể sửa đổi hay không? Có thể sửa, vì là chính mình là chúa tể. Ai sửa? Phải do chính mình sửa. Bất luận kẻ nào cũng không có sức mạnh sửa đổi vận mạng của quý vị, quý vị phải biết điều này! Vì sao? Vận mạng do chính quý vị tạo, vẫn phải do chính quý vị sửa. Vận mạng của quý vị chẳng do kẻ khác tạo. Nếu do kẻ khác tạo, đương nhiên người khác có thể sửa đổi. Nhưng chẳng do ai khác tạo, mà do chính mình tạo; dẫu Phật, Bồ Tát thần thông rộng lớn cỡ nào, trí huệ viên mãn đến mấy đi nữa, vẫn chẳng thể thay đổi cho chúng ta.

Cụ Kim Sơn (San Francisco) động đất, Phật, Bồ Tát cũng chẳng làm sao được! Ngày hôm qua, xảy ra tai nạn phi cơ, Phật, Bồ Tát có thấy hay không? Thấy! Chẳng có lẽ nào không thấy! Có cách nào sửa đổi hay không? Chẳng có cách nào! Chúng sanh có nghiệp lực của chính mình. Sức mạnh gì có thể sửa đổi? Sức mạnh của chính mình có thể sửa. Phật dạy chúng ta lý luận, chân tướng sự thật ấy. Có rất nhiều người nương theo lý luận và phương pháp do đức Phật đã giảng để sửa đổi vận mạng của chính mình. Viên Liễu Phàm đã đem chuyện của chính mình viết thành một cuốn sách nhỏ lưu thông, mọi người đều biết. Còn có rất nhiều người chẳng viết, chẳng tuyên bố với mọi người, rất nhiều! Tôi đích thân trông thấy mười mấy người, những người ấy hãy còn sống, xác thực đã sửa đổi vận mạng của chính mình. Vì lẽ đó, quý vị phải tin tưởng! “*Chánh tánh*” được nói ở đây chính là “*Tứ Đế như thật tánh*”. Nói theo cách bây giờ, sẽ là chân lý, sự lý thực tại, quý vị phải tin tưởng.

(Diễn) Tức dụng thử như thật giác huệ, dĩ vi Chi Phần, hợp nghi tắc dụng dã.

(演) 即用此如實覺慧，以為支分，合宜則用也。

(Diễn: Tức là dùng giác huệ như thật ấy làm Chi Phần, hễ thích hợp bèn sử dụng).

Thích hợp bèn có thể dùng, tùy thời có thể dùng nó.

(Diễn) Tức Tứ Đế như thật tánh giả, tánh tức Khổ vi bức bách tánh, Tập vi chiêu cảm tánh đẳng.

(演) 即四諦如實性者，性即苦為逼迫性，集為招感性等。

(Diễn: “Tức là tánh như thật của Tứ Đế”: Tánh chính là Khổ có tánh chất bức bách, Tập có tánh chất chiêu cảm v.v...).

“Tánh” là tánh chất. “Khổ” là bức bách, thân tâm đều chẳng tự tại, thân tâm bất an, đó là Khổ. “Tập” là mê hoặc tạo nghiệp, chính mình chiêu cảm khổ báo.

(Diễn) Như thật, tức thị Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác. Thử tứ các xung đương giáo chi lý, danh viết “như thật”.

(演) 如實，即是生滅、無生、無量、無作。此四各稱當教之理，名曰如實。

(Diễn: “Như thật” tức là Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác. Bốn điều này, mỗi điều đều có thể là lý của một giáo tương ứng, nên gọi là “như thật”).

“Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác”, là nói tới bốn loại Tứ Đế, bao gồm toàn thể Phật pháp. Thiên Thai Trí Giả đại sư giảng khoa Tứ Niệm Xứ trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, “quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”, bốn câu gồm mười sáu chữ, tác phẩm của Ngài dày như thế, gồm có bốn quyển để giải thích bốn câu ấy. Quyển thứ nhất trong bốn quyển nhằm giảng về Sanh Diệt Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ hai giảng về Vô Sanh Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ ba giảng về Vô Lượng Tứ Niệm Xứ. Quyển thứ tư giảng về Vô Tác Tứ Niệm Xứ. Bốn câu ấy là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng Giáo giảng Sanh

Diệt, Thông Giáo giảng Vô Sanh, Biệt Giáo giảng Vô Lượng, Viên Giáo giảng Vô Tác.

Do đó, Tứ Niệm Xứ thông bốn giáo; Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo thấy đều thông Tứ Giáo, Lục Độ, Vạn Hạnh cũng đều thông Tứ Giáo, pháp nào cũng viên thông. Không chỉ thông tứ giáo, mà còn thông pháp thế gian. Nếu chẳng thông pháp thế gian, người căn cơ viên đốn làm sao có thể “*thác sự phụ pháp*”? Người căn cơ viên đốn có thể thác sự phụ pháp là do Tứ Giáo Tứ Đế đều thông với pháp thế gian, chẳng có pháp nào không thông, pháp nào cũng viên dung. Điều này mâu nhiệm không thể nghĩ bàn, nên gọi là “*đạo diệu*”. “*Thử tứ các xưng đương giáo chi lý*” (Bốn điều này, mỗi điều đều có thể gọi Lý của một giáo tương ứng): Sanh Diệt gọi là Lý của Tạng Giáo. Vô Sanh gọi là Lý của Thông Giáo. Vô Tác gọi là Lý của Viên Giáo, được gọi là “*như thật*”. Nhìn từ chỗ này, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm xuyên suốt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, há có thể coi nó là pháp Tiểu Thừa? Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được nói trong pháp Tiểu Thừa là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm Sanh Diệt.

“*Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả*” (Những người đã chứng nhập chánh vị), các vị Bồ Tát trong bốn giáo, bất luận chứng địa vị nào, các nguyên lý ấy đều sử dụng được. Điều các Ngài ứng dụng và giáo pháp các Ngài đã học, quyết định tương ứng với lý luận. Tiểu Thừa tương ứng với Tạng Giáo. Đại Thừa Thông Giáo Bồ Tát tương ứng với lý luận của Thông Giáo. Biệt Giáo Bồ Tát tương ứng với lý luận của Biệt Giáo. “*Như thật giác huệ, dụng thử vi Chi, cố tri Căn Lực ký cố*” (Giác huệ như thật, dùng điều này làm Chi, nên biết là Căn và Lực đã kiên cố).

“*Cố*” (固) là kiên cố, Ngũ Căn và Ngũ Lực khá kiên cố, “*hậu tu giác Huệ, hợp nghi tắc dụng*” (sau đó cần phải có giác huệ, hễ thích hợp bèn sử dụng). Khi ấy, trong vô lượng pháp môn, người ấy có thể chọn lựa chắc chắn một pháp môn, nhất định thành tựu pháp môn đó. Người mới học mờ mịt, pháp môn nhiều ngàn ấy, chẳng biết học pháp nào mới nên? Chẳng biết tu pháp nào mới tốt? Vẫn là tu đến già, mà vẫn chưa thể quyết trạch pháp môn, vô cùng khổ! Giống như quý vị ngồi thuyền trong biển cả, chẳng biết phương hướng, chẳng có mục tiêu, lênh đênh trong biển cả, đó là chuyện khổ sở. Căn Lực kiên cố, có thể chọn lựa phương hướng, chọn lựa mục tiêu, có thể tính ra khi nào sẽ đạt tới mục tiêu.

“*Y hậu thích giả*” (Giải thích theo thuyết sau). Trong lời Sớ về Thất Bồ Đề Phần đã nêu ra hai cách giải thích, Liên Trì đại sư chọn thuyết sau. “*Dĩ Thiên Thai sở thích, ý minh hiển cố*” (Do cách giải thích

của ngài Thiên Thai ý nghĩa rõ ràng). Theo cách nói trước, pháp thứ nhất là Niệm; trong cách giảng sau, pháp thứ nhất là Trạch Pháp, tông Thiên Thai sử dụng cách nói sau, tông Hoa Nghiêm cũng dùng cách nói này. Cách nói này có ý nghĩa hết sức rõ rệt, xác đáng, lý giải dễ dàng. “*Hựu Hoa Nghiêm Sớ, diệc dĩ Trạch Pháp vi tự thể, dư phần vi phân cố*” (Lại nữa, Hoa Nghiêm Sớ cũng lấy Trạch Pháp làm tự thể, các phần khác phát sinh từ đó): Nói rõ, tổ sư tông Hoa Nghiêm và tổ sư tông Thiên Thai có cách nhìn nhất trí, chọn lựa cách nói theo thuyết sau. Do đó, Liên Trì đại sư cũng tuân theo sự quyết trạch của cổ đức, chọn lấy cách nói sau.

(Sao) Nhất Trạch Pháp giả, quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy cố.

(鈔) 一擇法者，觀諸法時，善能覺了，揀別真偽故。

(Sao: Một là Trạch Pháp, khi quán các pháp, có thể khéo giác liễu, phân biệt chân và ngụy).

Điều này bao hàm ý nghĩa hết sức rộng rãi. Trong nguyên tắc Trạch Pháp (Dharma-vicaya), điều rất trọng yếu là “*hợp nghi tắc dụng*” (hề thích hợp bèn sử dụng), tiêu chuẩn của sự thích hợp là phù hợp với pháp môn chính mình đang tu. Do vậy, có thể biết, phạm vi của Trạch Pháp rất rộng. Trong cuộc sống, ăn, mặc, ở, đi, trong xã hội, chúng ta chọn lựa nghề nghiệp. Đã chọn vững nghề nghiệp rồi, chúng ta dùng phương pháp gì để lo liệu? Đều là Trạch Pháp, không phải chỉ là chọn lựa pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn để tu hành, đương nhiên đó cũng là Trạch Pháp. Quý vị mới biết sau khi học Phật pháp, đúng là học đến mức hữu dụng thì học xong bèn dùng được ngay. Học mà chẳng thể áp dụng trong cuộc sống, sở học ấy vô dụng, chúng ta học những thứ ấy để làm gì? Chẳng có tác dụng! Học rồi lập tức sử dụng được, điều này có giá trị, có ý nghĩa.

Nêu tỷ dụ để nói, nay chúng ta tu Tịnh Độ Tông. Mục tiêu gần của Tịnh Độ Tông là tâm địa thanh tịnh, mục tiêu xa là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mục tiêu gần và mục tiêu xa tương ứng. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Trong cuộc sống, chúng ta từ sáng đến tối, ăn, mặc, ở, đi lại, nếu tương ứng với tâm thanh tịnh của chúng ta, chúng ta liền chọn pháp ấy. Tương ứng với tâm thanh tịnh, tương ứng với tín, nguyện, hạnh, như vậy là chẳng sai. Bất luận trong cuộc sống, trong sự nghiệp, trong xử thế, quý vị liền biết chúng ta phải chọn lựa như thế nào. Đương nhiên quan trọng nhất, căn bản nhất là quyết trạch pháp môn Tịnh Độ trong

tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn Tịnh Độ rất khó được, chúng ta chọn lựa pháp môn Trì Danh Niệm Phật, đó là pháp được chúng ta quyết trạch. Sau đây, hết thấy trong cuộc sống đều tương ứng với pháp môn ấy, biến tất cả hết thấy các pháp đều thành Tăng Thượng Duyên để tu tịnh nghiệp, đó là “*biết trạch pháp*”. Tôi lại nói cụ thể một chút, trong hết thấy các pháp, đương nhiên chúng ta đặc biệt nói tới pháp thế gian, kể cả Phật pháp, nhất định phải khuất phục tham, sân, si, mạn, phiền não, vọng tưởng, tri kiến. Trong phương diện cuộc sống, vừa đúng mức bèn thôi, biết đủ thường vui, vì sao? Tâm chúng ta mới có thể giữ gìn thanh tịnh. Nếu không, tham dục tăng trưởng, làm sao tâm quý vị có thể thanh tịnh cho được? Quyết định chớ nên để cho tham, sân, si, mạn tăng trưởng.

Những vị đại đức thời cổ, xuất gia, tại gia đã nêu gương rất nhiều. Cuộc sống của họ rất giàu có, vì sao bỏ sạch? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy, Ngài là vương tử, từ bỏ phú quý, phú là của cải, quý là địa vị, chẳng cần ngôi vua, chẳng cần của cải, đến chỗ không người lui tới trong Tuyết Sơn để tu khổ hạnh, biết đủ thường vui. Đó là gương mẫu, khuôn phép cho chúng ta. Ở Trung Quốc, hàng xuất gia chẳng cần nói tới, trong hàng cư sĩ tại gia có nhiều vị đem của cải của chính mình quyên tặng hết để làm chuyện từ thiện, chính mình suốt đời sống cuộc đời kham khổ, chẳng có tâm tham. Tham là phiền não căn bản bậc nhất; chẳng tham sẽ không ngu si. Chẳng tham, sẽ chẳng có tâm sân khuê. Do tham không được nên mới sanh tâm sân khuê. Nếu tham được, sẽ không sanh sân khuê. Vì thế, người ta nghiêm túc giữ cho tâm địa thanh tịnh, vứt bỏ những ngoại duyên ấy. Vô tham, vô sân, vô si là ba thiện căn; người ấy tu ba thiện căn, hết thấy thiện pháp thế gian và xuất thế gian đều sanh từ các căn ấy. Phước báo nhường cho chúng sanh hưởng, sung sướng lắm! Phước chẳng phải để riêng mình hưởng, mà dành cho hết thấy chúng sanh cùng chung hưởng. Giác Phần, tức Bồ Đề Phần là trí huệ chân thật. Kẻ chẳng có trí huệ, phước báo để riêng mình hưởng, chẳng chia sẻ với người khác. Chỉ có người thật sự giác ngộ, người thật sự có trí huệ, để cho chúng sanh chung hưởng phước báo, chính mình chẳng hưởng, vì sao? Tự và tha như một, để cho chúng sanh hưởng mới là chính mình thật sự hưởng thụ.

Phàm phu mê, chấp trước, vạch giới hạn giữa chính mình và người khác, chẳng biết tự và tha chẳng hai, chẳng biết vạn pháp như một. Đương nhiên đây là trí huệ cao cấp, trí huệ quá sâu. Trong Tứ Giáo, chỉ có người căn tánh Viên Giáo biết, Biệt Giáo vẫn chưa được! Nói theo công phu đoạn chúng, phá một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp

Thân. Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ Tát, Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ Tát. Tuy công phu đoạn chứng như nhau, nhưng trí huệ khác nhau. Trí huệ của Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát kém Viên Giáo Sơ Trụ rất xa, do nguyên nhân nào? Người căn tánh Viên Giáo “đại nhi hóa chi”³⁶, vạn vật trong trời đất và chính mình là một, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tâm khai ý giải. Biệt Giáo ít nhiều còn có chút dấu vết, chẳng thể trừ sạch. Chúng ta thường nói là “*tập khí chưa đoạn*”. Tuy chẳng có giới hạn, nhưng tập khí chưa đoạn. Kinh Kim Cang gọi giới hạn ấy là “*tứ tướng*”, tức ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng. Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, tập khí tứ tướng và tứ kiến đều chẳng có; Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát đã phá tứ tướng, và tứ kiến, nhưng còn có tập khí.

Do vậy, có thể biết, căn tánh viên đốn đáng quý. Đương nhiên điều này có liên quan đến sự tu trì trong nhiều đời nhiều kiếp của chính mình, đó là Nhân. Trong một đời này, có thể thường xuyên tiếp nhận kinh điển Đại Thừa, huân tập kinh điển Viên Giáo, mối quan hệ này cũng rất lớn. Đó là Duyên. Kinh điển Viên Giáo, kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Quý vị thấy trong sách Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ đã trích dẫn sự phán giáo của cổ đại đức đối với kinh này. Cổ đức nói: “*Nếu so sánh giữa hết thấy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chỉ có Hoa Nghiêm là chân thật nhất, những kinh khác chẳng chân thật bằng Hoa Nghiêm. So sánh kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ chân thật nhất, kinh Hoa Nghiêm kém hơn. Lại so sánh trong kinh Vô Lượng Thọ, bốn mươi tám nguyện là chân thật nhất. Nếu so sánh mỗi điều trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám chân thật nhất*”. Cổ nhân đã so đi sánh lại, so sánh đến cuối cùng, nguyện thứ mười tám là chân thật nhất trong các thứ chân thật. Do đó, đây là Viên Giáo trong Viên Giáo, Đại Thừa trong Đại Thừa, Nhất Thừa giữa Nhất Thừa, thật sự chẳng dễ gì gặp gỡ!

Chư vị phải biết: Quý vị niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, tức là niệm toàn bộ những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một bộ nào. Không chỉ là các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà các kinh do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói, quý vị cũng đều đọc hết. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một tức là hết thấy*”. Kinh Vô Lượng Thọ là hết thấy các kinh. “*Hết thấy chính là một*”, hết thấy các kinh quy nạp đến cuối cùng là bộ kinh này. Lũ chúng sanh chúng ta trong đời này, tuy rất khổ, khổ hơn bất cứ thời đại nào, nhưng chúng

sanh càng khổ nạn, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi đặc biệt chiếu cố chúng ta, khiến cho chúng ta có thể nghe được vô thượng bảo điển viên mãn rốt ráo này, đó là sự hiển thị thật sự đại từ đại bi của chư Phật, Bồ Tát. Nếu không, làm sao chúng ta có thể gặp gỡ [pháp môn này và kinh điển Tịnh Độ] cho được? Làm sao có thể gặp gỡ viên mãn như vậy được? Cư sĩ Hạ Liên Cư là Phật, Bồ Tát tái lai. Nếu cụ chẳng hội tập lần nữa, tu chỉnh kinh này, biên tập thành bản này, nói thật thà, chúng ta cũng chẳng muốn đọc năm bản dịch gốc, [vì các bản dịch ấy] không trôi chảy, đọc rất trúc trắc, đúng như Mai lão cư sĩ đã nói: “*Bản dịch không hay lắm*”. Hơn một ngàn năm qua, người ta thường chẳng chuộng đọc kinh này.

Mọi người niệm kinh A Di Đà, đối với kinh A Di Đà còn niệm bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, chẳng niệm bản dịch của ngài Huyền Trang. Đọc bản dịch của ngài Huyền Trang sẽ cảm thấy có chỗ trúc trắc, chẳng lưu loát như bản dịch của ngài La Thập. Điều này được gọi là “khế cơ”, bản dịch của ngài La Thập khế cơ. Bản hội tập do lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn cũng khế cơ, khiến cho kinh Vô Lượng Thọ từ nay trở đi có thể lưu thông không trở ngại, chúng sanh khổ nạn trong thời kỳ Mạt Pháp đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp. Kinh Di Đà được Liên Trì đại sư soạn Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư soạn Yếu Giải, những nghĩa lý rất sâu, cảnh giới viên mãn đã bao hàm trong bộ kinh này đều được nêu rõ trước mắt chúng ta. Nay chúng ta có thể đọc, có thể cùng nhau nghiên cứu tu học, phước báo ấy không chỉ cỗ nhân, mà thậm chí mười phương chúng sanh đều hâm mộ, họ cầu còn không được. Pháp hội này thù thắng khôn sánh, hiếm có khôn sánh, chúng ta hãy nên quý trọng. Nghiêm túc tu học pháp môn này, quý vị sẽ có con mắt Trạch Pháp. Quý vị có con mắt Trạch Pháp, thì nói cách khác, Căn và Lực của quý vị tự nhiên thành tựu. Quý vị chẳng có Căn và Lực, làm sao có thể có con mắt Trạch Pháp cho được? Chỉ có Căn và Lực kiên cố thì quý vị mới có con mắt Trạch Pháp.

Chư vị đồng tu, giảng đường thành lập đến năm nay là mười năm. Trong mười năm có rất nhiều vị đồng tu đã lâu vẫn nghe kinh ở đây, vẫn nghe tôi giảng cho tới hiện thời. Quý vị hãy nghĩ xem, khi nào tôi nhận mệnh Tịnh Tông như vậy? Quý vị liền hiểu rõ, trong quá khứ, khi tôi bắt đầu đến Đài Bắc giảng kinh, có Ngũ Căn, nhưng chẳng có Ngũ Lực, dần dần có Lực, nhưng Lực vẫn chẳng kiên cố! Đến hai năm nay, buông xuống hết thầy các kinh luận Đại Thừa, chuyên giảng Tịnh Độ Ngũ Kinh và Vãng Sanh Luận, đó là Trạch Pháp. Chẳng còn bị dao động bởi những bộ Đại Kinh khác nữa. Quý vị mời tôi, tôi đề cử người khác:

“Hãy thỉnh pháp sư khác hoặc đại đức khác giảng cho quý vị, tôi chẳng giảng”. Nhiều năm ngàn ấy, tình hình dần dần tiến bộ, các đồng tu hãy nên thể nghiệm. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

---o0o---

Tập 165

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi lăm:

(Sao) Nhị, Tinh Tấn giả, tu đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, bất lậu hành ư vô ích khổ hạnh cố.

(鈔) 二精進者，修道法時，善能覺了，不謬行於無益苦行故。

(Sao: Hai là Tinh Tấn, khi tu đạo pháp, khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, chẳng làm lạc hành khổ hạnh vô ích).

Đối với Tinh Tấn trong Thất Bồ Đề, sau khi chọn lựa pháp môn, chuyện khẩn yếu nhất là Tinh Tấn. Tinh Tấn thì nhất định phải chuyên ròng. Thiện căn của Bồ Tát gồm một điều là Tinh Tấn. Đức Phật dạy thiện căn thế gian gồm có ba thiện căn, hết thấy các thiện pháp thế gian đều sanh từ ba điều ấy, tức là vô tham, vô sân, vô si. Thiện căn của Bồ Tát là Tinh Tấn. Nếu thật sự tinh tấn, bất cứ pháp môn nào cũng chắc chắn có thành tựu. Thành tựu lớn hay nhỏ nhất định tỷ lệ thuận với công phu tinh tấn của người ấy. Nếu có tấn, nhưng không biết chuyên ròng, khó tránh khỏi tu tập những khổ hạnh vô ích! Rất tinh tấn, nhưng chẳng thu được hiệu quả.

(Diễn) Dĩ trạch pháp hậu, thứ tức tu đạo, cố vân “tu đạo pháp thời”.

(演) 以擇法後，次即修道，故云修道法時。

(Diễn: Do sau khi chọn pháp, kế đó, liền tu đạo, nên nói “khi tu đạo pháp”).

Sau khi quý vị đã chọn nhất định một pháp môn, sẽ chuyên tâm tu tập.

(Diễn) Nhiên ngoại đạo cứu thọ cần khổ, tinh tấn tu hành, bất thành thánh quả giả, dĩ bất đạt chân tánh, duy dụng vọng thức tu hành, danh viết Tinh Tấn, thật đồng giải đãi.

(演) 然外道久受勤苦，精進修行，不成聖果者，以不達真性，惟用妄識修行，名曰精進，實同懈怠。

(Diễn: Nhưng ngoại đạo đã siêng khổ tinh tấn tu hành từ lâu, mà chẳng thành thánh quả, là do chẳng thông đạt chân tánh, chỉ dùng vọng thức để tu hành. Tuy nói là tinh tấn, nhưng thật ra giống như giải đãi).

Câu này có ý nghĩa hết sức sâu rộng. Các đồng tu học Phật chúng ta đại đa số phạm phải căn bệnh này, nên tu lâu mà chẳng thể thành tựu. Tổ sư đại đức nói “*thật đồng giải đãi*”, [có nghĩa là] giống như giải đãi, “*bất thành thánh quả*”, chẳng đạt được kết quả. Ví như chúng ta niệm Phật, kết quả nông cạn nhất trong niệm Phật là công phu thành phiền. Chúng ta niệm lâu ngàn ấy, chẳng đạt đến công phu thành phiền, chẳng có kết quả! Chẳng có kết quả thì trong ấy nhất định xuất hiện vấn đề. Đó cũng là đã biến thành ngoại đạo, trong Phật môn thường gọi loại ngoại đạo này là “*môn nội ngoại*” (ngoại đạo ở trong nhà Phật). Chính mình tu hành, bất tri bất giác tu thành ngoại đạo, do câu pháp ngoài tâm, chẳng tương ứng với pháp, liền biến thành ngoại đạo! Ví như chúng ta tu Tịnh Độ, nhưng tư tưởng, kiến giải, hành vi của chúng ta chẳng tương ứng với những điều được dạy trong Tịnh Độ Ngũ Kinh thì là ngoại đạo. Vì thế, niệm câu Phật hiệu này, nhất định phải niệm cho tương ứng. “*Tương ứng*” là chẳng trái nghịch với giáo huấn trong kinh điển. Đó là tương ứng. Niệm câu Phật hiệu, những điều tâm ta nghĩ, ý ta tưởng chẳng tương ứng với những điều đã nói trong kinh, bèn là ngoại đạo. [Dẫu] niệm Phật, cũng niệm thành ngoại đạo. Tôi nói lời ấy có quá lộ hay không? Nói thật ra, lời này chẳng phải do tôi nói, mà là trong tác phẩm Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương Số Sao, Từ Vân Quán Đảnh đại sư đã nói: Niệm Phật, niệm thành ngoại đạo.

Nếu mắc chứng bệnh này, đã biết, hãy sửa đổi, nhất định phải tương ứng. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói về sự tương ứng ấy rất nhiều, nhưng tôi thấy vẫn còn những đồng tu chẳng tin tưởng. Nhìn từ chỗ nào để thấy họ không tin tưởng? Họ còn đọc các kinh luận khác, vẫn chưa thật sự chuyên tâm nơi năm kinh hoặc chuyên tinh nơi Số Sao hoặc Yếu Giải, đó chính là không tin tưởng. Đã thật sự tin tưởng, chắc chắn là trong năm năm, tối thiểu là ba năm, sẽ chuyên tâm đọc bộ sách

này, tuyệt đối không đọc bộ thứ hai. Vẫn còn đọc bộ thứ hai, tức là chẳng chuyên! Học nhiều năm ngàn ấy, chẳng có kết quả, xuất hiện khuyết điểm ở chỗ này! Tu học kiểu ấy tuy chịu khổ, chịu khó, vẫn giống như giải đãi, vì quý vị chẳng tiến bộ!

Học Phật thì trong vòng ba năm hay năm năm đầu tiên, chúng ta là người tu pháp môn Niệm Phật, mục tiêu đặt nơi Niệm Phật tam-muội, chẳng đặt nơi khác. Công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, và Lý nhất tâm bất loạn đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Công phu thành phiền là Niệm Phật tam-muội [ở mức độ] nông cạn nhất, Lý nhất tâm bất loạn là Niệm Phật tam-muội [có mức độ] sâu nhất, cầu điều ấy! Phải buông xuống hết thầy! Tâm chúng ta không chỉ chẳng vướng mắc pháp thế gian, mà tất cả hết thầy Phật pháp cũng đều buông xuống. Đến khi tam-muội thành tựu, mức độ thấp nhất phải đạt đến là công phu thành phiền, tâm đạt đến mức khá thanh tịnh. Khi ấy, còn phải được thầy đồng ý, thầy cho phép quý vị mở rộng, tiếp xúc hết thầy các kinh luận, lúc đó mới được. Nếu thầy chẳng đồng ý, vẫn phải là thâm nhập một môn.

Nếu chư vị đọc ngữ lục hoặc truyện ký của các vị cổ đại đức trong Đại Tạng Kinh, quý vị sẽ biết người thọ trước tu học, tối thiểu là năm năm. Người có căn tánh độn một chút, trong năm năm chưa thể thành tựu tam-muội, thời gian kéo dài hơn, có trường hợp mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, thầy vẫn chẳng cho phép người ấy đọc kinh luận khác, vì sao? Chưa thành tựu tam-muội. Người hiện thời muốn tu học thật sự có thành tựu, [hãy nhớ kỹ] Phật pháp chẳng phải là pháp thế gian. Pháp thế gian tiến bộ theo thời đại, phương pháp cũng không ngừng cải tiến; Phật pháp chẳng giống như vậy! Phật pháp chẳng biến đổi. Hễ sửa đổi Phật pháp thì sai mất rồi, vì nó là đường lối để cổ thánh tiên hiền và chư Phật Như Lai cùng noi theo, làm sao quý vị có thể sửa đổi cho được? Hễ sửa đổi, Phật pháp sẽ biến thành thế gian pháp. Nói cách khác, hễ sửa đổi, giác đạo trở thành tà đạo, tinh tấn biến thành giải đãi. Hằng ngày luôn nỗ lực, nhưng vẫn là giải đãi!

Chúng ta hãy suy ngẫm câu “*khổ hạnh vô ích*”, có phải là chúng ta mỗi ngày đều hành khổ hạnh vô ích hay không? Nói thật ra, kiểm điểm trọn chẳng khó khăn. Mỗi ngày, quý vị phản tỉnh một phen, “giác, chánh, tịnh” hằng ngày có tiến bộ. Đó là đúng! Nếu ba chữ “giác, chánh, tịnh” chẳng có tiến bộ, ngày đó lại bị luống uổng, đấy là giải đãi. Hãy phản tỉnh: Phiền não, vọng niệm, phân biệt, chấp trước có giảm thiểu hay không? Nếu [phiền não] chẳng giảm thiểu, hãy còn có, lại còn dường như thường dấy lên hiện hành y như cũ, thậm chí còn nhiều hơn

trước khi học Phật, hồng bát rồi! Vậy là quý vị học Phật pháp chắc chắn đi vào lối rẽ! “*Thiện năng giác liễu*”, “*giác*” là giác ngộ, “*liễu*” là hiểu rõ. “*Giác liễu*” là tự giác, chính mình quan sát xem bản thân mình có đang noi theo đạo Bồ Đề hay không? Niệm Phật cũng là Bồ Đề đạo; rời khỏi Bồ Đề đạo thì chính là ngoại đạo.

Ngài nói tới chuyện tu hành, nói quý vị “*bất đạt chân tánh, duy dụng vọng thức tu hành*” (chẳng thông đạt chân tánh, chỉ dùng vọng thức để tu hành). Cảnh giới này cao lắm, chúng ta chưa làm được! Khi nào mới nhập cảnh giới ấy? Thưa cùng quý vị, Lý nhất tâm bất loạn mới nhập cảnh giới ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, người ấy có thể dùng căn tánh của sáu căn, chẳng dùng tám thức, đúng như kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Xả thức dùng căn*”, có thể nói là “*thuần chánh, vô tà*”. Biết “*bỏ thức, dùng căn*”, quý vị là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo; trong Biệt Giáo, quý vị là Sơ Địa Bồ Tát, điều này chúng ta chẳng làm được. Chẳng làm được, bất đắc dĩ cầu điều thấp hơn, tức là: Tâm chúng ta phải tương ứng với giáo huấn trong kinh điển; như vậy là tốt đẹp. Vì sao khuyên mọi người phải đọc tụng kinh này? Quý vị niệm rất thuộc, hễ khởi tâm động niệm bèn nghĩ: Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta như thế nào? Chúng ta nghĩ tưởng sẽ chẳng trái phạm giáo huấn trong kinh điển nhà Phật. Vì lẽ đó, phải nhớ kinh nằm lòng. Không quen thuộc, lấy đâu ra ghi nhớ? Làm sao có thể nghĩ đến cho được?

Do vậy, có thể biết: Học Phật phải học khởi đầu từ đâu? Trước hết, học bắt đầu từ niệm thuộc kinh. Nếu không thuộc, chẳng có cách nào phản tỉnh, chẳng có cách nào phản chiếu. Thuộc nhuyễn như rồi thì mới có công năng ấy, cũng chính là dùng những tiêu chuẩn ấy để uốn nắn các hành vi sai lầm của chúng ta. Nhất định phải nhớ rất rõ ràng tiêu chuẩn ấy, thời thời khắc khắc tiêu chuẩn ấy có thể hiện tiền, chúng ta bèn so sánh [lời lẽ, hành vi, tâm tưởng của chính mình] có hợp với các tiêu chuẩn ấy hay không? Kinh điển là tiêu chuẩn. Vì thế, trước hết, phải niệm kinh thuộc lòng, phải thuộc nhuyễn như. Dầu có thể thuộc lòng, tối thiểu còn phải niệm thuộc lòng ba ngàn lượt, thông thấu nhuyễn như! Tư tưởng, kiến giải, và hành trì của quý vị tự nhiên giống như A Di Đà Phật. Quý vị ngẫm xem, lẽ nào người như vậy chẳng vãng sanh? Quyết định vãng sanh. Có cần phải xả “*bỏ thức, dùng căn*” hay không? Chẳng cần xả! Lâu ngày chày tháng, tự nhiên nhập cảnh giới ấy. Nếu có tâm mong cầu, hồng rồi! Có tâm cầu, quý vị còn có vọng niệm trong ấy; có vọng niệm là chẳng thật thà! Vì lẽ đó, chẳng bận tâm tới nó. Ta chỉ thật thà làm như vậy, gặp phải cảnh giới nào, về căn bản là chẳng bận tâm đến

nó, tự nhiên sẽ nhập cảnh giới. Vì thế, Niệm Phật tam-muội không câu mà tự đắc, điều này rất trọng yếu!

(Sao) Tam hỷ giả, tâm đắc pháp hỷ thời, thiện năng giác liễu, bất tùy điên đảo chi pháp nhi sanh hỷ cố.

(鈔) 三喜者，心得法喜時，善能覺了，不隨顛倒之法而生喜故。

(Sao: Ba là Hỷ. Khi tâm đạt được pháp hỷ, bèn khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, chẳng vui theo pháp điên đảo).

“*Pháp hỷ*”: Tu pháp tương ứng, tự nhiên có một niềm hỷ duyệt (vui sướng, thỏa thích). Niềm hỷ duyệt ấy chẳng do cảnh giới bên ngoài kích thích. Chúng ta thường nói khổ lạc; lạc và khổ là tương đối, đều do bị kích thích từ bên ngoài mà hiện tiền. Thuận với ý mình, lạc dục hiện tiền; trái nghịch ý mình, bèn có đau khổ, khổ não hiện tiền. Pháp hỷ chẳng phải là từ cảnh giới bên ngoài kích thích, nó từ trong nội tâm tự nhiên phát ra; đó là pháp hỷ. Pháp hỷ đương nhiên cũng có cạn hay sâu khác nhau, tùy thuộc công phu và cảnh giới của quý vị mà pháp hỷ có mức độ khác nhau. Không chỉ là học Phật, trong pháp thế gian cũng có, vì sao? Khi tâm thanh tịnh bèn có pháp hỷ. Câu đầu tiên của Không lão phu tử trong Luận Ngũ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?). “*Duyệt*” (悅) là pháp hỷ, hoàn toàn khác với Lạc trong câu sau đó: “*Hữu bằng hữu tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn bè từ phương xa đến, cũng chẳng sướng sao?). Lạc ở đây là ngoại cảnh, tức là Lạc trong khổ lạc. Bạn tốt từ nơi rất xa đến thăm viếng, cùng nhau thảo luận học vấn, là chuyện rất vui, nhưng nó chẳng phải là pháp hỷ. Vì vậy, Duyệt trong câu thứ nhất là hỷ duyệt sâu xa! Từ nội tâm xuất hiện, Hỷ trong Phật pháp được gọi là Pháp Hỷ, chúng ta thường nói “*pháp hỷ sung mãn*”.

“*Thiện năng giác liễu*”: Hỷ cũng là từ trong giác liễu mà có, nên cũng biết Hỷ là do chân tánh lưu lộ. “*Bất tùy điên đảo chi pháp nhi sanh hỷ cố*” (Chẳng vui theo pháp điên đảo). Pháp điên đảo là pháp thế gian hoặc pháp ngoại đạo. Quý vị đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, bèn rất hoan hỷ, đó là do pháp điên đảo mà sanh hỷ. Vì sao? Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần đều là nhân duyên của luân hồi trong lục đạo. Sự lạc ấy chẳng phải là rốt ráo. Sau khi lạc, bèn có đau khổ; đã thế, lạc ấy chắc chắn là ngắn ngủi, tạm bợ; đau khổ dài lâu, chắc chắn là

như thế. Nói là vui sướng trong một đời người thì cũng bất quá vài chục năm mà thôi, chỗ đau khổ trong tương lai là ba ác đạo. Thời gian trong ba ác đạo quá dài, là chuyện rất đáng sợ. Vì thế, Bồ Tát khéo có thể giác liễu, Hỷ của Ngài là hoan hỷ chân thật, tuyệt đối chẳng phải là điên đảo, tuyệt đối chẳng tương ứng với tam giới lục đạo, mà tương ứng với chư Phật, Bồ Tát, nên mới có pháp hỷ.

Điều này là thật, chúng ta phải giác liễu! Lại còn phải ghi nhớ, chữ Thiện trong “*thiện năng giác liễu*” rất đáng quý! Vì sao phải đặc biệt nhấn mạnh nhắc nhở như vậy? Chúng ta thường quên bằng chuyện này, mê man nơi pháp hỷ điên đảo, lỗi lầm to lớn! Nói thật thà, vì sao chúng ta chẳng thể tinh tấn? Do mê nơi pháp hỷ điên đảo, chẳng tương ứng với thánh giáo. Ví như chúng ta mới học, vì sao chẳng thể dùng thời gian năm năm để chuyên chú nơi một bộ kinh, mà vẫn muốn đọc tụng các kinh luận khác? Tu học pháp môn khác? Đó là bị cảnh giới mê hoặc. Giống như thấy người khác đều niệm, người ta chuyện gì cũng biết, ta thứ gì cũng chẳng hiểu, bèn nghĩ chính mình chẳng bằng kẻ khác, hãy nên học theo người ta, trọn chẳng biết đó là sai lầm to lớn! Vừa bắt đầu liền học rộng, nghe nhiều, Căn Bản Trí bị phá hoại. Chẳng có Căn Bản Trí, lấy đâu ra Hậu Đắc Trí? Quý vị học suốt đời, học được điều gì? Thế Trí Biện Thông, quý vị học được thứ này! Trong một đời này, chắc chắn quý vị chẳng đạt được hai thứ trí huệ thật sự là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí.

Nếu quý vị muốn thật sự đạt được hai thứ trí huệ ấy, chỉ có một phương pháp là thật thà niệm một quyển sách suốt năm năm. Trong năm năm ấy, chẳng buộc quý vị hiểu nghĩa, tốt nhất là quý vị thứ gì cũng không biết. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, nay ta học gì? Ta dùng thời gian năm năm để học vô tri, chẳng phải là học hữu tri. Thời gian năm năm học vô tri Bát Nhã là Căn Bản Trí. Sau năm năm ấy, tâm ta thật sự thanh tịnh, hết thủy tri kiến đều dứt sạch, sau đó lại học rộng nghe nhiều, đây chính là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử; đó là Hậu Đắc Trí. Khi ấy, học gì cũng mau chóng! Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, vừa tiếp xúc liền thông đạt, hiểu rõ, vì sao? Người ấy tương ứng với Như Lai, tâm người ấy thanh tịnh, pháp thế gian và xuất thế gian vừa tiếp xúc, chẳng có gì không thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường đôi ba lượt buốt lòng rất miệng khuyên dạy chư vị, nhưng người tin tưởng ít ỏi, người chẳng tin đông đảo! Nghiệp chướng rất nặng, họ không tin tưởng.

(Sao) Tứ Trừ giả, trừ chư kiến phiền não thời, thiện năng giác liễu đoạn tuyệt hư ngụy, bất tổn chân chánh thiện căn cố.

(鈔) 四除者，除諸見煩惱時，善能覺了斷絕虛偽，不損真正善根故。

(Sao: Bốn là Trừ, khi trừ các kiến giải và các phiền não, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ, đoạn dứt hư ngụy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh).

Thoạt nhìn, dường như Trừ và Xả có ý nghĩa tương thông, thật ra là hai chuyện. “Trừ” đoạn trừ, trừ hết thấy kiến giải, trừ hết thấy phiền não. Chúng ta xem câu này liền hiểu rõ, nó chính là Kiến Tư phiền não, “kiến” là Kiến Hoặc, “phiền não” là Tư Hoặc, phải bỏ sạch Kiến Tư phiền não.

(Diễn) Kỳ đắc pháp hỷ, tức đoạn chư kiến phiền não.

(演) 既得法喜，即斷諸見煩惱。

(Diễn: Đã đắc pháp hỷ, liền đoạn các kiến phiền não).

Kiến Hoặc tuy mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng dễ đoạn. Nếu đoạn Kiến Hoặc bèn chứng quả. Nói theo Tiểu Thừa, sẽ là Tu Đà Hoàn quả. Nếu quý vị là người căn tánh Viên Giác, sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giác. Chúng đắc địa vị ấy liền dự vào dòng thánh, chẳng còn lui sụt làm phàm phu. Phiền não là Tư Hoặc, tức tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

(Diễn) Nhiên tham đẳng hôn phiền chi pháp, thể thị hư ngụy, cố tu đoạn trừ.

(演) 然貪等昏煩之法，體是虛偽，故須斷除。

(Diễn: Nhưng Thể của các pháp tối tăm, phiền não như tham v.v... là hư ngụy, nên cần phải đoạn trừ).

Những Kiến Tư phiền não ấy, “Thể thị hư ngụy” (Thể của chúng là hư ngụy), chẳng thật. Cớ sao nói “Thể của chúng là hư ngụy”? Chúng ta đọc Bách Pháp [Minh Môn Luận] liền hiểu: Tất cả Kiến Tư phiền não đều là pháp hữu vi, các pháp ấy đều là Tâm Sở pháp, thuộc vào năm mươi một Tâm Sở. Tâm, Tâm Sở, sắc pháp toàn là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang dạy: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, “hết thấy

pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Quý vị thấy đó, Thể [của các pháp ấy] là hư vọng, nên cần phải đoạn trừ. Nếu Thể của nó là chân thường, chẳng nên đoạn trừ nó. Thể là hư vọng, đoạn bằng cách nào? Có phải là chúng ta chẳng cần đến chúng hay không? Chẳng phải vậy, mà là trong tâm vĩnh viễn chẳng phân biệt chúng, không chấp trước chúng; đó là đoạn. Vì lẽ đó, nhà Phật nói đến công phu Đoạn Chứng thì tuyệt đối chẳng phải là nói theo sự tướng. Đoạn nơi sự tướng chẳng được, phải là đoạn vọng tưởng và chấp trước trong tâm. Ta thật sự giác ngộ, thật sự biết nó là chuyện như thế nào, biết chân tướng của nó, từ nay trở đi, chẳng còn chấp trước nữa; nhưng trong cuộc sống hằng ngày, có còn phải dùng tới nó hay không? Có lúc vẫn phải dùng nó, dùng nó thì sẽ dễ làm việc.

Bồ Tát giác ngộ hết thấy các pháp, chính mình làm chủ nhân, hết thấy các pháp đều là thủ hạ, là người hầu của ta, ta sai chúng nó đi làm việc thay cho mình. Phàm phu rất đáng thương, chẳng biết chúng là kẻ hầu trong nhà, ngỡ chúng nó là thượng cấp ăn trên ngồi chốc của chính mình! Hết thấy phải nghe theo lệnh của chúng, đó là điên đảo! Chủ nhân là chính mình! Tâm và Tâm Sở phải nên để cho ta sử dụng, chẳng phải là chúa tể của ta. Do đó, Bồ Tát cũng dùng những thứ ấy. Chẳng dùng đến những thứ ấy, làm sao có thể giáo hóa chúng sanh? Ngài phải dùng những thứ ấy để giáo hóa chúng sanh, tức là biến nhiều thứ như vậy thành Hậu Đắc Trí. Chính mình có Căn Bản Trí, Căn Bản Trí làm chủ tể, khiến cho hết thấy đều trở thành cái để ta sử dụng. Phàm phu chẳng có Căn Bản Trí, rất đáng thương, Chân Như bản tánh của chính mình bị vọng cảnh xoay chuyển, chính mình chẳng thể làm chủ trong cảnh giới, rất đáng thương! Ở đây nói đến Trừ, phần sau nói đến Xả, đều là đã giác.

(Diễn) Nhược Tín đẳng Ngũ Căn.

(演) 若信等五根。

(Diễn: Như Ngũ Căn: Tín v.v...).

Ngũ Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, cho đến lục độ, vạn hạnh do Bồ Tát tu, mười đại nguyện vương, những thứ ấy là thiện căn chân chánh, cũng có thể nói là Tánh Đức, tức là Tánh Đức trong Chân Như bản tánh. Nếu chúng ta không bàn về Phật pháp, mà nói theo pháp thế gian thì nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, luân thường, bát đức chính là Tánh Đức. Chúng là thật, chẳng phải là hư vọng. Thể của chúng là chân tánh,

chẳng như những thứ kê trong phần trước (Kiến Tư phiền não), Thể của chúng là hư ngụy. Những thứ được nói ở đây do Tánh Đức biểu lộ. Nay chúng ta mê mất tự tánh, Thể là chân thật, nhưng chúng ta coi thường nó, thường làm chuyện trái nghịch nó, [chẳng hạn như] bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, bất nhân, bất nghĩa, đó là vi phạm Tánh Đức. Làm chuyện tham, sân, si, mạn, tương ứng với hết thấy các pháp hư ngụy và phiền não, nên mới tạo tác lục đạo luân hồi. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này. Trừ điều này ra, có gì khác biệt? Phàm phu mặc quần áo, ăn cơm, Phật, Bồ Tát cũng phải mặc quần áo, ăn cơm, chẳng khác gì nhau! Phàm phu có xã giao, phải đãi người, tiếp vật, Phật, Bồ Tát cũng phải xã giao! Thị hiện trong thế gian này, há có gì khác biệt? Khác biệt ở chỗ dụng tâm khác nhau! Một đảng là tư tưởng, kiến giải, hành trì tương ứng với chân tánh; một đảng là tư tưởng, kiến giải, hành trì tương ứng với Kiến Tư phiền não. Một đảng giác, một đảng mê! Đó là điểm khác nhau.

(Diễn) Nhược Tín đẳng Ngũ Căn, cập phát túc thể thiện căn, nãi xuất thể chân chánh thiện căn, nhược diệt đoạn trừ, thác mậu phi tiểu. Cố tu giác liễu chân ngụy, vật thác mậu cố.

(演) 若信等五根，及發宿世善根，乃出世真正善根，若亦斷除，錯謬非小，故須覺了真偽，勿錯謬故。

(Diễn: Như Ngũ Căn: Tín v.v... và các thiện căn đã phát trong đời trước chính là thiện căn xuất thể chân chánh, nếu cũng đoạn trừ chúng thì sai lầm chẳng nhỏ vậy. Vì thế, cần phải giác ngộ, hiểu rõ chân, ngụy, đừng làm lẫn).

Biện định chân giả từ chỗ nào? Biện định từ Thể của nó. Thể của nó là chân tánh thì là thật. Hết thấy phải thuận tánh. Thể của nó là hư ngụy, chắc chắn là giả, chắc chắn chẳng cần ghim nó trong lòng. Tiêu chuẩn để lấy, bỏ, đoạn trừ là ở nơi đây.

(Sao) Ngũ Xả giả, xả sở kiến niệm trước chi cảnh thời, thiện năng giác liễu thủ xả hư ngụy, vĩnh bất truy ức cố.

(鈔) 五捨者，捨所見念著之境時，善能覺了取捨虛偽，永不追憶故。

(Sao: Năm là khi xả cảnh đã thấy hoặc nghĩ tới, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ lấy và bỏ là hư ngụy, vĩnh viễn chẳng nhớ lại).

Trong câu này, đã định nghĩa rất rõ ràng Trừ và Xả. Trừ là trừ nơi Năng (chủ thể), còn Xả là xả Sở (nơi đối tượng). Trừ là đoạn trừ phiền não của chính mình, Xả là chẳng chấp trước cảnh bên ngoài. Trừ là đối với Tâm (tám thức) và Tâm Sở trong nội tâm, tức là chẳng chấp trước tám thức và năm mươi một Tâm Sở, nên gọi là Trừ, [tức là] đoạn trừ. Xả là ứng với cảnh giới bên ngoài, đối với ngũ dục, lục trần, chẳng chấp trước ngoại cảnh. Một đảng nói theo phía Năng, một đảng nói theo phía Sở.

“Xả sở kiến niệm trước chi cảnh” (Xả cảnh đã thấy hoặc nghĩ tới), đừng nghĩ, đừng chấp trước những cảnh giới ấy, cũng đừng để nó trong lòng. Cảnh giới hiện tiền, hiểu rõ ràng, có thụ dụng hay không? Có thụ dụng. Sau khi cảnh giới đã qua, [tâm ta] sạch lâu lâu, giống như một tấm gương, quyết chẳng nhiễm mây trần. Đó là đúng, tâm chớ nên nhiễm trước. Nói thông tục hơn một chút, nhiễm trước là vướng mắc. Trong tâm vẫn còn vướng mắc, không được rồi! Có người nói: Nếu chẳng vướng mắc, người ấy giống như kẻ tuyệt tình thiếu nghĩa! Nói thật ra, họ đã sai lầm! Hãy nên biết: Tâm chẳng có vướng mắc thì tâm quý vị là quang minh, thấy thấu suốt cảnh giới, đâm ra lại là quan tâm thật sự, vì bất luận người ấy ở chỗ nào, quý vị luôn nhận biết rõ ràng, rành rẽ, [nên sẽ dễ dàng quan tâm, chiếu cố]. Còn hễ quý vị vướng mắc, tâm bèn mê, khi muốn chiếu cố [kẻ khác] thì năng lực đã mất rồi! Đối với hết thầy chúng sanh, Phật, Bồ Tát chẳng vướng mắc, nên hết thầy chúng sanh khởi tâm động niệm các Ngài đều biết. Nếu Phật, Bồ Tát cũng vướng mắc giống như chúng ta, sẽ là chuyện gì cũng chẳng biết! Bày ra ngay trước mặt vẫn mê hoặc, điên đảo, tâm không thanh tịnh!

Chuyện này nói dễ dàng, làm khó khăn! Quý vị có thể chẳng vướng mắc hay không? Vì sao chẳng thể buông xuống được? Nói thật ra là do chúng ta sử dụng phương thức mê hoặc, điên đảo; từ vô lượng kiếp cho tới hiện thời, dùng mãi thành thói quen, xả cũng chẳng xả được! Hiểu rõ như thế là không đúng, là sai lầm, muốn sửa đổi, nhưng chẳng đổi được! Tập khí dấy lên hiện hành, làm như thế nào? Pháp môn này hay lắm, pháp môn này được gọi là *“phương tiện bậc nhất”*, vẫn sử dụng vướng mắc, nhưng chẳng cần vướng mắc điều gì khác! Vương vấn A Di Đà Phật, bần lòng nơi kinh Vô Lượng Thọ. Chuyển đổi tập khí của quý vị, thay đổi phương hướng, mục tiêu. Quý vị vướng mắc như thế đó,

vẫn y như cũ sử dụng vương mắc, thừa cùng quý vị, đó gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đã giác ngộ, ta cũng chẳng vương mắc điều ấy, tốt lắm, quý vị sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Như vậy là vương mắc mà vẫn có thể vãng sanh, hay lắm, khó có! Các pháp môn khác trong tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có [chuyện này], chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ là có, nên đối với pháp môn Tịnh Độ, ai nấy đều có thể tu thành công là do đạo lý này. Thế nhưng quý vị phải thay đổi phương hướng và mục tiêu vương mắc thì mới được. Nếu chẳng thay đổi, bụng dạ vừa vương mắc pháp thế gian, lại còn vương mắc những pháp môn khác, lại vừa niệm Phật cầu vãng sanh, sẽ chẳng thực hiện được, đời này chẳng thể thành công, sẽ giống như trong phần trước đã nói là “*vẫn giống như giải đãi*”, quý vị chẳng đạt được kết quả. Vì thế, phải thật sự chuyên, không chuyên thì chẳng được! Phải thời thời khắc khắc cảnh giác. Nghe kinh là cảnh giác, nhắc nhở quý vị; ba ngày không được nhắc nhở bèn quên tuốt, bệnh cũ lại tái phát, phải thời thời khắc khắc cảnh tỉnh!

(Diễn) Ký dĩ trừ chư kiến phiền não, tặc danh “xả sở kiến cảnh, xả sở niệm trước cảnh thời”. Nhiên xả, nãi đối thủ nhi ngôn, thủ ký hư ngụy, xả khởi đắc chân? Tịnh xả diệt xả, phát linh truy ức cố.

(演) 既以除諸見煩惱，則名捨所見境捨所念著境時。然捨，乃對取而言，取既虛偽，捨豈得真。並捨亦捨，弗令追憶故。

(Diễn: Đã trừ các kiến phiền não thì gọi là “khi trừ các cảnh đã thấy, đã niệm”. Nhưng Xả (bỏ) là nói tương phản với Thủ (lấy). Thủ đã là hư ngụy, há Xả là thật được sao? Ngay cả Xả cũng xả luôn, chẳng khiến cho nhớ lại).

“Phát” (弗) là chẳng. Chẳng cần nhớ lại nữa; đây mới là thật sự Xả. Nếu còn nhớ lại, rất phiền phức! Hễ “truy ức” (nhớ tưởng, hồi tưởng) bèn hồi hận, Hồi (悔) cũng là phiền não. Mỗi lần quý vị nhớ lại chuyện quá khứ, ấn tượng lại được thêm vào A Lại Da Thức một lần. Ấn tượng tăng thêm một lần, nghiệp lực lại sâu hơn một tầng. Khi lâm chung, nghiệp lực mạnh mẽ, to lớn, sẽ bị nghiệp lực dẫn dắt đi đâu thai, luân hồi. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, chuyện quá khứ đều là hư vọng, đừng nên nhớ lại để rồi áo não, chớ nên hồi tưởng. Chuyện vị lai còn chưa xảy đến, chẳng cần phải nghĩ đến. Chuyện quá khứ đã qua, cũng

chẳng cần nghĩ đến, tâm quý vị liền thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Chân Như bản tánh của chính mình, tâm thanh tịnh là chân tâm. Niệm Phật như vậy mới là một niệm tương ứng, niệm niệm tương ứng. Tương lai tự có phước đức, nhân duyên, chẳng cần phải lo nghĩ cho nhiều! Nếu nghĩ tương lai phải làm như thế nào ư? Quý vị lo nghĩ, vô dụng! Đó là dấy vọng tưởng, há vọng tưởng có thể giải quyết vấn đề ư? Dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề? Hiện tiền tu đức, tức là tu thiện, tích đức [trong hiện tại], tương lai tự nhiên có quả báo tốt đẹp. Hiện thời chẳng tu thiện, không tích đức, mong tương lai như thế này, như thế nọ, toàn là vọng tưởng, chuyện tương lai có đúng như quý vị dự liệu hay không? Có đúng như quý vị tưởng tượng hay không? Đó là chuyện chẳng thể có, chẳng có cách nào dự liệu! Người thông minh đến mấy đi nữa trong thế gian cũng chẳng có cách nào dự liệu!

Xưa kia, người có học vấn còn có thể dự đoán tương lai; trong hiện thời, người có học vấn cũng chẳng có cách nào dự liệu tương lai. Người thuở trước dựa vào đâu để dự đoán? Dựa vào trật tự xã hội tuân theo quy củ thường hằng, mọi người đều có thể tuân thủ, nên “*tuy trăm năm vẫn có thể biết*”. Tại Trung Quốc, từ nhà Hán trở đi, quốc gia thi hành giáo dục Khổng Mạnh, lấy giáo huấn của Khổng Mạnh làm chuẩn mực cho tư tưởng, kiến giải và hành vi của dân chúng trong cả nước, trên từ đế vương, dưới đến thường dân. Tuy có khác biệt đôi chút, nhưng nói chung chẳng rời khỏi khuôn khổ cho mấy! Vì thế, tuy trăm đời vẫn có thể biết. Mọi người tuân thủ quy tắc thường hằng ấy. Hiện thời đã đảo tiếm buôn họ Khổng³⁷, Phật pháp cũng chẳng cần đến, vứt bỏ toàn bộ giáo huấn của thánh nhân, người có học vấn cũng chẳng biết chuyện ngày mai, cũng chẳng thể dự liệu được. Vì sao? Chẳng có tiêu chuẩn để có thể dùng làm căn cứ dự đoán, chẳng có cách nào suy lường trước được! Thiên hạ đại loạn. Xã hội hiện thời là xã hội mất trật tự, trật tự chệch choạc; mất trật tự chỉ là thấy đôi chút bên ngoài; nhìn sâu hơn, đã chẳng có trật tự thì còn mất trật tự ở chỗ nào? Mất trật tự thì phải có trật tự mới chệch choạc được. Chẳng có, còn mất ở chỗ nào nữa đây?

Giống như trong quá khứ, có rất nhiều người đến hỏi tôi: “Người già qua đời, nên dùng lễ tiết như thế nào?” Đối với tang lễ và tế lễ, hiện thời chẳng có lễ, quý vị thích làm như thế nào bèn làm như thế ấy! Chẳng có lễ, làm sao quý vị có thể nói là hợp lễ hay không? Hợp lễ hay không thì phải có lễ mới có thể nói “điều này hợp lễ, điều kia chẳng hợp lễ”. Hiện thời chẳng có lễ, hợp lễ hay không đều chẳng nói được! Do đó, tại Đài Loan có các đồng bào, khi người già qua đời, vẫn mặc xô gai, đó

là lễ tiết từ đời Thanh. Có những người mặc áo dài đen, đó là lễ tiết của Cơ Đốc Giáo ngoại quốc. Trung Quốc có lễ tiết hay không? Chẳng có! Nói thật thà, sau khi nhà Thanh vong quốc, lễ nghi Trung Quốc đã bị quên mất. Nói thật ra, chuyện đáng tiếc nhất trong thời Dân Quốc là chẳng thể chế định lễ nhạc. Trong lịch sử Trung Quốc, quý vị đọc hai mươi lăm bộ sử, [sẽ thấy] bất cứ triều đại nào, sau khi chánh quyền thành lập, sau khi thống nhất quốc gia, trong vòng năm năm, chắc chắn hoạch định lễ nhạc, khiến cho toàn thể xã hội khôi phục trật tự bình thường, người trong cả nước, bất cứ ai, chẳng phân biệt là sang hay hèn, ắt đều phải tuân thủ.

Cổ đức chế định lễ nhạc, dựa trên điều gì? Hết sức gần gũi với những điều được nói trong Phật pháp: Dựa vào Tánh Đức! Nói cách khác, lễ nhạc đều nhằm phát huy, hoằng dương Tánh Đức. Công tác này được khởi sự bởi Khổng lão phu tử. Công hiến vĩ đại nhất của Khổng lão phu tử đối Trung Quốc là san định thi thư. Khổng lão phu tử không cầm quyền, đương nhiên chẳng thể chế định lễ nhạc. Chế định lễ nhạc phải là người đang cầm quyền. Người chế định lễ nhạc là Châu Công, vị này rất giỏi. Châu Công là đại thánh nhân, một vị là thánh nhân cầm quyền, vị kia là thánh nhân chẳng cầm quyền; nhưng Khổng lão phu tử dùng thân phận vô địa vị, đã có công hiến lớn nhất trong việc truyền bá lễ nhạc và giáo học lễ nhạc. Châu Công chế định, Khổng Tử hoằng dương, lưu thông. Nhất là Khổng Tử chu du liệt quốc, dạy học khắp nơi, ảnh hưởng không chỉ trong một nước. Do thuở ấy, quốc gia chưa thống nhất, nhưng Ngài dạy học hết sức rộng khắp. Nói thật ra, chế độ [lễ nhạc] của Châu Công được phổ biến toàn quốc nhờ vào công sức tuyên dương mạnh mẽ của Khổng Tử. Đức lớn thật sự của Khổng lão phu tử là tuyên dương thánh giáo. Nếu thánh giáo chẳng thể phổ biến tuyên dương, sẽ chẳng thể phổ biến lợi ích chúng sanh. Dầu tốt đẹp đến mấy, chỉ lợi ích mấy người, chỉ có phạm vi trong một khu vực rất nhỏ, chẳng thể phổ cập hết thảy chúng sanh.

Sở dĩ Thích Ca Mâu Ni Phật vĩ đại, là vì thuở sanh tiền, lão nhân gia chưa từng có lúc nghỉ ngơi. Trong toàn cõi Ấn Độ, địa bàn Ấn Độ khá lớn, từ kinh điển, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật phía Bắc từ núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalayas), phía Nam cho đến đảo Tích Lan (Sri Lanka), tại các thành thị nổi tiếng của Ấn Độ, đức Phật đều giảng kinh nơi ấy, đúng là phổ biến giáo hóa. Sau khi đức Phật diệt độ, các đệ tử của Ngài lại truyền bá Phật pháp khắp thế giới, đó là công đức chân thật. Chúng ta phải nên biết điều này, phải nên phỏng theo. Nay chúng ta

được lợi ích nơi Phật pháp, phải dùng phương pháp nào khiến cho hết thảy chúng sanh cùng được hưởng lợi ích!

(Sao) Lục Định giả, phát chư Thiên Định thời, thiện năng giác liễu chư Thiên hư giả, bất sanh kiến ái cố.

(鈔) 六定者，發諸禪定時，善能覺了諸禪虛假，不生見愛故。

(Sao: Sáu là Định, khi phát khởi các Thiên Định, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ các môn Thiên là hư giả, chẳng sanh lòng yêu thích).

Tu hành, bất luận là chánh pháp hay tà pháp, là Phật đạo hay ngoại đạo, đều có thể đắc định. “Định” là chuyên tâm, pháp thế gian và xuất thế gian pháp đều có Thiên Định. Đã đắc định, quả thật đều có thể khai trí huệ. Thiên Định thế gian sẽ sanh trí huệ thế gian; Thiên Định xuất thế gian sẽ sanh trí huệ xuất thế gian. Pháp thế gian và xuất thế gian đều coi trọng Định. Quý vị có thể bỏ sạch năng kiến và sở kiến, tâm đã thanh tịnh, rất dễ đắc định, định cảnh sẽ hiện tiền.

(Diễn) Ký xả sở kiến chi cảnh, tác năng phát chư Thiên Định.

(演) 既捨所見之境，則能發諸禪定。

(Diễn: Đã có thể bỏ cảnh trông thấy, sẽ có thể phát sanh các Thiên Định).

“Chư” (諸) là nhiều thứ. Chủng loại Thiên Định rất nhiều.

(Diễn) Nhiên Thiên duyệt tư thân, năng sanh ái trước.

(演) 然禪悅資神，能生愛著。

(Diễn: Nhưng do niềm vui Thiên Định có thể bồi bổ tinh thần, nên [hành giả] có thể sanh lòng mê đắm).

“Tu” là tư dưỡng (資養: vun bồi, bồi đắp), “thần” (神) là tinh thần. Người có công phu Thiên Định chẳng cần ăn uống, chẳng cần ngủ nghỉ, tinh thần no đủ, Thiên Duyệt làm thức ăn mà! Vì thế, đề vun đắp, bồi bổ thân thể, thứ gì bổ nhất? Thiên Định bổ nhất. Bất cứ thuốc bổ nào trong thế gian đều chẳng sánh bằng Thiên Định và tâm thanh tịnh. Tâm

thanh tịnh không chỉ bảo đảm quý vị trăm bệnh chẳng sanh, mà còn là tinh thần no đủ, giữ mãi tuổi xuân, trường sanh bất lão, quý vị thấy tốt đẹp lắm! Nhưng người ta hề đạt cảnh giới ấy bèn tham ái; hề tham đắm Thiên Định thì sai mất rồi, vì sao? Tham đắm Thiên Định thì Định chẳng thể phát huy, công phu định lực chẳng thể tiến triển cao hơn nữa. Vì thế, đức Phật đặc biệt nhắc nhở chúng ta: Quyết định chớ nên tham đắm!

(Diễn) Cố tu giác liễu Thiên Định hư ngụy. Dĩ định, đối động nhi hữu, động ký thị vọng, định khởi thị chân? Vật sanh đam nhạo cố.

(演) 故須覺了禪定虛偽。以定，對動而有，動既是妄，定豈是真，勿生耽樂故。

(Diễn: Vì thế, cần phải giác ngộ, hiểu rõ Thiên Định là hư ngụy. Vì Định tương ứng với động mà có. Động đã là vọng, há Định là thật? Do đó, chớ sanh ưa đắm).

Thiên Định là chân lạc! Sự thụ dụng, niềm vui ấy, bất cứ sự vui sướng nào do hưởng thụ trong thế gian đều chẳng thể sánh bằng! Nhưng sự vui sướng ấy vẫn chẳng phải là thật, vì sao? Chưa kiến tánh! Bao nhiêu người tu hành đạt đến cảnh giới ấy liền chấp trước vào chỗ này, nên công phu chẳng thể tiến triển, vẫn biến thành giải đãi, đọa lạc, cho nên phải xả! Trong chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đã nói về “lục kết, tam không”³⁸, [lục kết] là Động, Tĩnh, Căn, Giác, Không, Diệt; Định là điều thứ hai (tức Tĩnh). Trong sáu tầng lầu, mới lên được tầng thứ hai, người ấy đã rất thỏa ý, liền tham đắm. Giải khai Lục Kết mới là địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, thật sự chẳng dễ dàng! Trong pháp môn Niệm Phật, Lục Kết đều giải khai thì mới là Lý nhất tâm bất loạn. Bắt đầu từ Định, [tức là] Định, Căn, Giác, Không, Diệt, khi Diệt chưa phá thì đều gọi là Sự nhất tâm bất loạn. Nếu nói miến cường, Định là Tĩnh, Tĩnh thuộc về công phu thành phiền. Tu các pháp môn khác, cảnh giới ấy chẳng có tác dụng, không thoát khỏi tam giới.

Dẫu cho Tứ Thiên, Bát Định đã đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, vẫn đều là Thiên Định thế gian, chẳng thể đột phá, rất khó thành tựu. Người có công phu định lực sâu, có thể hề ngồi xếp bằng bèn ngồi hai tuần hoặc ba tuần chẳng xuất định, thậm chí ngồi đến hai, ba tháng; công phu càng sâu hơn có thể ngồi hai ba năm chẳng xuất định. Hữu dụng hay không? Chẳng thoát khỏi tam giới. Nếu là người tu pháp môn

Tịnh Độ, có công phu như vậy, quyết định vãng sanh! Pháp môn này thù thắng. Trong pháp môn này, nếu đắc định, sẽ là công phu thành phiến. Quý vị có thể bỏ hết thấy động thái, tâm bèn đạt được thanh tịnh. Vì thế, bảo quý vị chớ nên chấp trước. Chẳng chấp trước, cảnh giới của quý vị có thể tăng lên không ngừng, nhất định sẽ tăng cao đến mức toàn bộ sáu kết giải khai. “*Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền*” (Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền), kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Tịch diệt hiện tiền là Định gì? Đó là Tánh Định xuất hiện, là chân thật. Trước khi diệt hết sanh diệt, định của quý vị không thoát khỏi phạm vi của A Lại Da và thức thứ sáu là ý thức, Định ấy chẳng phải là thật.

Ở đây nói: “*Động ký thị vọng, định khởi thị chân*” (Động đã là vọng, há định là thật?). Định chẳng phải là thật, đương nhiên định ấy thuộc về Lục Kết đã nói trong kinh Lăng Nghiêm, tức là Tĩnh, Căn, Giác, Không, Diệt, nói một chữ Định đã bao gồm trọn hết. Kinh Lăng Nghiêm nói cặn kẽ, nói ra năm chữ. Đây là công phu Định cạn hay sâu, nhưng thấy đều ở trong tâm ý thức, chẳng phải là bản tánh, nên nó chẳng phải là thật. Đến khi “*sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền*”, sẽ là tánh định, đó là thật, Thể của nó là Chân Như, Thể là tự tánh. Còn Thể [của Định trước khi “*sanh diệt đã diệt*”] là tám thức, là thức thứ sáu tức ý thức, nên chẳng phải là thật. Nói thật ra, những điều này khá vi tế, cũng chính là tiêu chuẩn như đã nói trong phần trước: Hễ tương ứng với chân tánh, [những gì mà] Thể [của chúng] là chân tánh, [thì sẽ là] Tánh Đức, đó là chân. [Những gì mà] Thể [của chúng] chẳng phải là Tánh Đức thì đều là hư vọng. Hư vọng thì đương nhiên phải xả, đương nhiên chớ nên chấp trước.

(Sao) Thất niệm giả, tu xuất thế đạo thời, thiện năng giác liễu, thường sử Định Huệ quân bình.

(鈔) 七念者，修出世道時，善能覺了，常使定慧均平。

(Sao: Bảy là Niệm, khi tu đạo xuất thế, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ quân bình).

“Niệm” có nghĩa là Định và Huệ giữ cân bằng, Định và Huệ phải bình đẳng. Bất bình đẳng sẽ mắc khuyết điểm gì?

(Sao) Nhược tâm trầm một, đương niệm dụng Trạch, Tấn, Hỷ tam chi, sát nhi khởi chi.

(鈔) 若心沈沒，當念用擇進喜三支，察而起之。

(Sao: Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba giác chi là Trạch Pháp, Tinh Tấn, và Hỷ để soi xét, khiến cho cái tâm phân chấn).

Nay chúng ta gọi “trầm một” (沈沒) là hôn trầm, tinh thần chẳng thể phân chấn nổi, muốn dụng công nhưng ngủ gật. Trong Phật Thất, điều này dễ thấy nhất. Vừa chỉ tĩnh, rất nhiều người liền ngủ gục, thậm chí ngáy o o, đó là hôn trầm. Thông thường, chúng ta công phu chẳng thể đắc lực là do hai căn bệnh lớn: Một là vọng niệm rất nhiều; hai là chẳng có vọng niệm, nhưng ngủ gục. Kinh hành thì vừa đi vừa ngủ gật, thậm chí khi lạy Phật, họ cũng ngủ gật. Khi lạy xuống, gần cả buổi chẳng đứng lên, người ấy đang ngủ ở đó, ngủ một chốc, bừng tỉnh mới lồm cồm bò dậy. Hôn trầm là bệnh. Quý vị dùng Trạch Pháp để tuyển chọn một phương pháp khác. Ví dụ như ngồi một chỗ bị hôn trầm, ta đứng dậy lễ Phật, hoặc là đứng dậy kinh hành. Kinh hành chậm chậm vẫn không được, phải đi nhanh. Tấn là tiến lên, chẳng lùi. Hỷ là pháp hỷ sung mãn, vì hễ có pháp hỷ, bèn lên tinh thần. Chẳng có pháp hỷ, tinh thần chẳng thể nào phấn khởi được! Dùng ba phương pháp ấy có thể xóa sạch hôn trầm, [lời Sao ở đây] dạy cho chúng ta phương pháp sử dụng [nhằm khắc phục hôn trầm]. Vì thế, Trạch Pháp, pháp rất nhiều, pháp nào có thể đối trị căn bệnh hiện tiền của chúng liền ngay lập tức chọn lấy.

Do vậy, tu hành, đại chúng cùng nhau cộng tu, nếu dùng nghi thức cộng tu sẽ rất khó khăn, vì sao? Mỗi cá nhân, nhất là cộng tu trong Phật môn, tuổi tác khác nhau, tình trạng thân thể khác nhau. Lạy Phật thì người trẻ tuổi thể lực tốt, thích lạy mau, lạy nhiều; người lớn tuổi lạy một lạy phải mất một lúc lâu, làm sao có thể theo kịp được? Vì thế, chúng tôi mới suy nghĩ một phương pháp, tuy cùng nhau cộng tu, nhưng là mỗi cá nhân tu, cách này cũng rất tự tại. Lạy Phật không cần gõ dẫn khánh, mỗi người tự lạy. Quý vị thích lạy mau thì lạy mau, quý vị thích lạy chậm liền lạy chậm, mọi người chẳng cần lạy chung với nhau. Khi cùng nhau lạy theo tiếng dẫn khánh, người lạy mau sẽ hiềm quá chậm, người lạy chậm sẽ ngại quá nhanh, trong tâm dấy lên phiền não. Do đó, ở nước ngoài, chúng tôi đề xướng niệm Phật, chỉ đề xướng cùng dùng một thứ thanh điệu để niệm Phật, còn kinh hành nhanh hay chậm, thời gian chỉ tĩnh dài hay ngắn, lạy Phật nhanh hay chậm, tùy ý mỗi cá nhân, chúng tôi nhất loạt chẳng dùng pháp khí. Do đó, mỗi cá nhân đều hoan hỷ, vui vẻ, chẳng bị bó buộc.

Tôi vốn nghĩ phương pháp này do chính mình nghĩ ra; về sau, đọc sách của cổ nhân, thấy vị tổ thứ mười của Tịnh Tông là Hành Sách đại

sư đã áp dụng cách này. Ngài Hành Sách là người sống trong niên hiệu Càn Long nhà Thanh. Phương pháp ấy hết sức thích hợp cho người hiện thời tu học. Người hiện thời công việc bận bịu, thời gian để cho người ta thật sự tu hành chẳng dài. Nếu có rất nhiều nghi thức, rất nhiều bó buộc, chúng ta cảm thấy rất bất tiện. Vì thế, pháp môn phải xem xét nhân tố trong hoàn cảnh hiện thực, phải nên dùng phương pháp gì khiến cho tâm của chúng ta tự tại, thật sự đạt được pháp hỷ; đó là căn cứ để chúng ta chọn lựa.

(Sao) Nhược tâm phù động.

(鈔) 若心浮動。

(Sao: Nếu tâm chao động).

“*Phù động*” là vọng niệm quá nhiều. Không niệm Phật, chẳng có vọng niệm; càng niệm, vọng niệm càng nhiều. Đó cũng là chuyện phiền toái.

(Sao) Đương niệm dụng Trì, Xả, Định tam chi, nhiếp nhi phục chi, niệm niệm điều hòa, sử trung thích cố.

(鈔) 當念用除捨定三支，攝而伏之，念念調和，使中適故。

(Sao: Hãy nên nghĩ dùng ba giác chi là Trì, Xả, và Định để nhiếp phục, niệm niệm điều hòa, sao cho vừa phải, thích đáng).

Huệ nhiều, Định ít! Huệ nhiều là vọng niệm, phân biệt là huệ, chẳng phân biệt là Định. Định và Huệ phải cân bằng thì công phu cũng rất đúng nề nếp, lệch về bên nào sẽ đều không được. Huệ nhiều hơn Định là đầy vọng tưởng, vọng tưởng rất nhiều. Định nhiều hơn Huệ bèn buồn ngủ, tinh thần không thể phấn chấn nổi. Đây là hai căn bệnh thường thấy nhất, rất nhiều đồng học mắc phải. Mắc phải cũng đừng sợ. Từ xưa tới nay, vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, các đệ tử cũng như vậy. Vấn đề là bản thân chúng ta phải biết điều hòa cái tâm. Ví như trong lúc hôn trầm, kinh hành hoặc lạy Phật là phương pháp, còn có một phương pháp nữa là lớn tiếng niệm Phật. Khi vọng niệm nhiều, ắt phải dùng công phu Định, hoặc là niệm Phật. Chúng ta thường nói là “*truy đánh niệm Phật*”, có thể niệm Phật hiệu với tốc độ nhanh hơn. Câu này nối tiếp câu kia, khiến cho vọng niệm chẳng dễ dàng dấy lên; những cách ấy đều là phương pháp. Đối với các loại phương pháp, chính mình có thể

thí nghiệm một phen, phương pháp nào hữu hiệu, liền vận dụng phương pháp đó. Vì thế, Niệm là điều chỉnh công phu tu học chúng ta, chọn lựa phương pháp là đối với bảy loại trước đó, dùng một loại cũng được, dùng hai loại cũng được, dùng ba loại cũng được. Dùng hai loại đồng thời cũng được, dùng ba loại đồng thời đều có thể. Đức Phật nêu ra nguyên tắc cho quý vị tham khảo, khiến cho chúng ta trong khi dụng công chẳng đến nỗi hôn trầm, chẳng đến nỗi trạo cử. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

---o0o---

Tập 166

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi bảy:

(Sớ) Bát Thánh Đạo giả, diệc danh Bát Chánh Đạo, diêu tiền trạch pháp, cố nhập chánh đạo. Vị nhất Chánh Kiến, nhị Chánh Tư Duy, tam Chánh Ngữ, tứ Chánh Nghiệp, ngũ Chánh Mạng, lục Chánh Tinh Tấn, thất Chánh Niệm, bát Chánh Định.

(Diễn) Do tiền thất chi trạch pháp, nãi đoạn Kiến Hoặc, tức nhập thánh đạo. Thánh giả, chứng dã, cố diệc danh Chánh. Bát Thánh tự thể, tức Chánh Kiến đẳng, thử chi vi dụng, vi đoạn tu đạo chư phiền não cố.

(Sớ) 八聖道者，亦名八正道。繇前擇法，故入正道。謂一正見，二正思惟，三正語，四正業，五正命，六正精進，七正念，八正定。

(Diễn) 由前七支擇法，乃斷見惑，即入聖道。聖者，證也，故亦名正。八聖自體，即正見等，此之為用，為斷修道諸煩惱故。

(Sớ) Bát Thánh Đạo còn gọi là Bát Chánh Đạo. Do trước đó đã chọn lựa pháp, nên nhập Chánh Đạo, tức là: Một là Chánh Kiến, hai là Chánh Tư Duy, ba là Chánh Ngữ, bốn là Chánh Nghiệp, năm là Chánh Mạng, sáu là Chánh Tinh Tấn, bảy là Chánh Niệm, tám là Chánh Định.

Diễn: Do Trạch Pháp trong Thất Giác Chi trước đó mà đoạn Kiến Hoặc, bèn nhập thánh đạo. Thánh là chứng, nên cũng gọi là Chánh.

Tự thể của tám thánh đạo chính là Chánh Kiến v.v., những điều còn lại là Dụng, vì nhằm tu đạo, đoạn các phiền não).

Lời giải thích ở đây nhằm thuyết minh ý nghĩa thông thường được bao hàm trong danh từ Bát Chánh Đạo (Āryaṣṭāṅgamārgaḥ). Từ lời chú giải, chúng ta biết tiêu chuẩn của Chúng là “đoạn Hoặc”. Trong pháp Tiểu Thừa, đoạn Kiến Hoặc bèn chứng Thánh Đạo, chứng đắc Sơ Quả. Sơ Quả là thánh nhân, nên bốn quả từ Tu Đà Hoàn đến A La Hán đều gọi là thánh nhân. Kinh thường nói tới ba thứ Bất Thoái, khi ấy, đã đạt Vị Bất Thoái, tuyệt đối chẳng lui sụt xuống địa vị phàm phu. Từ đó trở đi, bảy lần qua lại trong cõi trời và nhân gian, nhất định chứng quả A La Hán. Nếu lần thứ bảy sanh trong nhân gian, mà nhân gian chẳng có Phật pháp thì sẽ như thế nào? Chẳng có Phật pháp, vị ấy bèn thành Độc Giác, tức là Bích Chi Phật, vẫn chứng quả, tuyệt đối chẳng cần chờ đến lần thứ tám. Do đó, bảy lần quyết định chứng quả. Đó là Bát Chánh Đạo của Tiểu Thừa.

Đối với Đại Thừa, bộ kinh này là đại pháp viên đốn. Đại Thừa Viên Giáo cũng nói đoạn Kiến Hoặc. Đã đoạn Kiến Hoặc, bèn chứng đắc địa vị Sơ Tín Bồ Tát, cũng là Vị Bất Thoái. Tịnh Tông thường nói tới tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh có tiêu chuẩn hay không? Có! Tiêu chuẩn thấp nhất là đoạn Kiến Hoặc, tiêu chuẩn cao hơn một tầng là đoạn Tư Hoặc. Đã đoạn Kiến Hoặc là Sự nhất tâm bất loạn. Chư vị phải biết: Sự nhất tâm bất loạn có cạn và sâu, đây là Sự nhất tâm ở mức độ cạn nhất. Địa vị Sự nhất tâm sâu nhất sẽ bằng A La Hán trong Tiểu Thừa, Tư Hoặc cũng đoạn sạch. Tuy chẳng đoạn Kiến Tư Hoặc, nhưng có năng lực khuất phục chúng, tức là Kiến Tư phiền não chẳng khởi tác dụng, chúng còn có hay không? Có! Chưa đoạn! Nhưng một câu Phật hiệu đặc lực, Phật hiệu có thể khuất phục phiền não, khiến cho phiền não chẳng khởi tác dụng, đó gọi là “công phu thành phiền”. Có năng lực ấy, quyết định đối nghiệp vãng sanh, sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Vì thế, [người vãng sanh về] cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là người chứng quả, mức độ thấp nhất cũng là chứng đắc Sơ Quả.

Do trạch pháp trong phần trước, Thất Bồ Đề Phần là chọn lựa pháp môn; trong vô lượng vô biên pháp môn, quý vị tự mình chọn lựa. Sau khi đã chọn lựa chắc chắn, bèn dùng sáu chỉ còn lại để giúp quý vị tu học thành tựu; nhưng trong tu học, nhất định phải chú trọng đoạn

phiền não. Phiền não chẳng đoạn, chẳng thể coi là thành tựu, chư vị ngàn vạn phần phải ghi nhớ điều này. Chúng ta tu hành, tu học một thời gian dài, nhưng chẳng đạt được hiệu quả tu học mong đợi, nguyên nhân là do chúng ta đã sơ sót chuyện đoạn Hoặc, nhất là người hiện thời, người hiện thời tu học gì? Do giáo dục phổ cập, mọi người học hành mấy ngày đều nhận biết mấy chữ, nên tu hành biến thành tu văn tự Phật pháp! Tu văn tự Phật pháp nhiều, không chỉ chẳng có lợi, mà còn biến thành văn tự chương. Dầu quý vị có thành tựu, nhưng thành tựu lớn nhất là trở thành một nhà Phật học, hoặc tiên sĩ Phật học, như vậy mà thôi! Một phẩm Kiến Tư phiền não cũng không đoạn. Không chỉ chẳng thể đoạn, mà còn tăng trưởng, vì sao? Học văn to lớn, mắt trợn ngược lên đỉnh đầu, xem thường kẻ khác, kiêu căng, ngã mạn, học Phật bèn học thành như vậy, rất đáng tiếc! Chúng ta thấy cổ đại đức tu học chú trọng đoạn phiền não, đoạn tập khí, phải diệt trừ tập khí phiền não. Kinh luận hiểu nhiều hay ít chẳng sao cả, thậm chí kinh luận chẳng thông chút nào, nhưng người ta đoạn sạch Kiến Tư phiền não, chứng quả thành thánh nhân.

Các đồng tu nghe giảng với tôi đều đã nghe kể chuyện một bạn học của lão pháp sư Đàm Hư. Học trò, tức đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân, xuất thân là một người làm việc nặng, chẳng biết chữ nào, cũng chưa nghe giảng kinh lần nào, cuộc sống rất khổ, cuộc sống khổ sở đến mức sống không nổi, bèn tìm pháp sư Đế Nhân, muốn theo Ngài xuất gia. Pháp sư Đế Nhân chỉ dạy ông ta sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật; ông ta rất thật thà, rất nghe lời. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, niệm đã một bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm, người ta niệm ba năm bèn đứng vãng sanh. Biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng mất, sư phụ là lão pháp sư Đế Nhân còn chẳng bằng ông ta! Lão pháp sư Đế Nhân thông Tông, thông Giáo, là một vị tổ sư thuở ấy mà cũng chẳng bằng ông ta, thật đấy! Chẳng giả tí nào! Sau khi đã chết còn đứng sững ở đó ba ngày, chờ lão hòa thượng đến lo liệu hậu sự cho mình, chẳng đơn giản!

Do vậy, có thể biết, kinh giáo học cho nhiều, chẳng hay ho gì! Tu học Phật pháp là khiến cho tâm thật sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, tu giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Những kinh điển có tác dụng gì? Kinh điển nhằm khuyên quý vị tin tưởng! Do quý vị không tin, nên đức Phật mới buốt lòng rất miệng khuyên bảo, giảng những đạo lý to lớn ấy. Đã tin tưởng, chẳng cần kinh nữa, tức là chẳng có tác dụng lớn lao gì! Kinh giúp quý vị khởi tín, giúp

quý vị hiểu lý, đoạn Hoặ, sanh tín, có tác dụng như vậy. Huống hồ từ xưa tới nay, khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giáo học, người nào hướng về đức Phật nêu câu hỏi, xin Thích Ca Mâu Ni Phật khai thị, những lời Ngài nói với kẻ ấy về sau được ghi chép trở thành kinh. Kinh điển do đâu mà có? Do như thế mà có. Kinh điển chẳng phải là nói với hết thầy mọi người, mà là chuyên nói với đối tượng đặc biệt, nhất định nào đó. Giống như bác sĩ kê đơn thuốc, sau khi đã chẩn đoán, bèn kê toa thuốc cho quý vị. Toa thuốc ấy kê cho quý vị, chẳng phải là kê toa cho ai khác. Chúng ta có sự hiểu biết thông thường như thế này: Quý vị bị bệnh, bác sĩ bèn kê toa thuốc; tôi có bệnh, chắc chắn chẳng dựa theo toa thuốc của quý vị để uống. Tam Tạng kinh điển của đức Phật là các toa thuốc thuở ấy. Chỉ có một toa thuốc có thể thông dụng cho hết thầy chúng sanh, là toa thuốc A Di Đà Phật, chẳng có đối tượng riêng biệt, nhất định. Từ Đẳng Giác Bồ Tát cho tới chúng sanh trong địa ngục, hết thầy chúng sanh thấy đều hữu hiệu. Cổ nhân gọi toa thuốc đặc biệt ấy là “*môn dư đại đạo*”, “*môn*” là tám vạn bốn ngàn pháp môn. “*Môn dư*” (門餘) là một pháp môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng phải dành riêng một loại đối tượng đặc biệt, nhất định nào, nó hữu dụng trọn khắp!

Đối với Bát Chánh Đạo thì trong mỗi tông đều có Bát Chánh Đạo, mỗi pháp môn cũng có Bát Chánh Đạo. Ví dụ như pháp môn Niệm Phật giải thích Bát Chánh Đạo sẽ chẳng giống như cách giải thích của Giáo Hạ, cũng chẳng giống với cách giải thích của Thiên Tông, chúng ta nhất định phải biết điều này. Ở đây, cách giải thích của Liên Trì đại sư tuân theo cách giải thích thông thường, không giới hạn trong một tông nào, hoặc một pháp môn nào, chỉ giải thích ý nghĩa được bao hàm trong tám danh từ ấy; nhưng chư vị phải hiểu: Chúng ta chọn lựa một pháp môn nào, tu học một pháp môn nào, cách giải thích sẽ khác nhau. Ngài giải thích quá nửa là dùng theo cách của Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông là nói theo đường lối thông thường.

(Sao) Nhất, Chánh Kiến giả, Tạp Tập vân: Nhược giác chi thời, sở đắc chân giác, dĩ huệ an lập, để lý phân minh, vô hữu thác mậu cố.

(鈔) 一、正見者，雜集云：若覺支時，所得真覺，以慧安立，諦理分明，無有錯謬故。

(Sao: Một là Chánh Kiến, luận Tạp Tập nói: “Nếu khi tu giác chi, đã đạt được chân giác, dùng huệ để kiến lập vững vàng, hiểu rành rẽ để lý, chẳng bị sai lầm”).

Tạp Tập Luận³⁹ là luận điển của Pháp Tướng Tông.

(Diễn) *Nhược tu Giác Chi, sở đắc Chân Giác.*

(演) 若修覺支，所得真覺。

(Diễn: Nếu tu Giác Chi, đạt được chân giác).

Giác Chi là Thất Giác Chi, quan trọng nhất trong Thất Giác Chi là Trạch Pháp Giác Chi. Quý vị chọn lựa pháp môn này là chánh xác, đó là chân giác.

(Diễn) *Dĩ trí an lập.*

(演) 以智安立。

(Diễn: Dùng trí để an lập).

Tâm trí của quý vị an trụ trong pháp môn này, ý nghĩa này nhằm nói tới sự chuyên tu. Sau khi đã chọn quyết định pháp môn này bèn chuyên tu. Chuyên tu là trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ không thể chuyên. Có trí huệ thì người ấy mới có thể chuyên tu, biết pháp đã được chọn chẳng sai lầm, chọn lựa rất chánh xác. Vì sao biết là chánh xác?

(Diễn) *Ngã sở đắc giả, dữ Tu Đa La hợp da? Bất dữ Tu Đa La hợp da? Tất linh để lý phân minh, vô hữu thác mậu.*

(演) 我所得者，與修多羅合耶？不與修多羅合耶？必令諦理分明，無有錯謬。

(Diễn: Điều ta đạt được phù hợp Kinh Tạng ư? Chẳng phù hợp Kinh Tạng ư? Ất hiểu rõ Để Lý, chẳng lầm lạc).

Tiêu chuẩn để chọn lựa chánh xác phải dựa theo kinh. Tu Đa La (Sūtra) là kinh điển. Nếu giống với các lý luận, phương pháp, và cảnh giới được nói trong kinh điển thì là tương ứng, chẳng có sai lầm. Ất phải hiểu rành rẽ để lý, quyết định chẳng sai lầm. Kiến giải ấy là chánh tri chánh kiến. Cách nói này đích xác là áp dụng chung cho hết thầy các

pháp môn, chung cho hết thấy các tông phái. Nếu nhìn lại, chúng ta tu Tịnh Độ Tông, Chánh Kiến (Samyag-dṛṣṭi) được giảng như thế nào? Nói từ chỗ thiện cận nhất, cũng là nói khần yếu nhất, [Chánh Kiến trong Tịnh Độ Tông là] quyết định tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật sự có, tin tưởng A Di Đà Phật cũng là thật sự có, tin tưởng A Di Đà Phật đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng chân thật, nguyện nào cũng viên mãn. Chúng ta nương theo bốn mươi tám nguyện, vãng theo lời Thích Ca Mâu Ni Phật khuyến cáo mà tin nguyện niệm Phật, trong tương lai quyết định vãng sanh, cách nhìn ấy là đúng. Vì sao biết là đúng? [Dựa trên] ba kinh hoặc năm kinh Tịnh Độ, điều được nói trên đây phù hợp Tu Đa La! Hiểu rành mạch, rõ ràng đạo lý, phương pháp, và cảnh giới (sự tướng) trong ấy, quyết định chẳng sai lầm. Huống hồ trước mắt chúng ta đã thấy rất nhiều trường hợp.

Trong phần sau của Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư đã nhắc tới ba trường hợp vãng sanh. Trước hết, sư Tu Vô là người xuất gia. Trước khi xuất gia, sư Tu Vô xuất thân là cu-li, mù chữ. Về sau xuất gia, Sư chuyện gì cũng chẳng biết làm, liền niệm A Di Đà Phật. Đàm lão pháp sư là một người rất lỗi lạc, Phật pháp ở miền Đông Bắc Trung Quốc do lão nhân gia hưng khởi, miền Đông Bắc có chín ngôi chùa do Ngài dựng. Sau khi Ngài đã dựng xong chùa Cực Lạc ở Trường Xuân (Harbin), muốn mở giới đàn tại đó, thỉnh thầy Ngài là lão hòa thượng Đế Nhân làm Đắc Giới Hòa Thượng. Sư Tu Vô phát tâm đến giới đàn giúp việc, chưa được một vài ngày đã muốn xin nghỉ. Sư nói: “Tôi phải đi”. Khi ấy, Giám Viện⁴⁰ là pháp sư Định Tây rất bức bối, quở trách: “Thầy là người chẳng có tâm thường hằng, chẳng có tâm dài lâu. Mở giới đàn bắt quá cũng hơn hai tháng mà thôi. Đã phát tâm giúp đỡ thì giúp cho đến cùng, vì sao mới vài hôm đã muốn đi rồi?” Sư đáp: “Tôi chẳng phải đến nơi khác, tôi sắp đến Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đây là chuyện lớn vì cụ Đàm và sư Định Tây cũng đều tu pháp môn Niệm Phật, vừa nghe nói, chuyện này rất khó có, chẳng dễ dàng, bèn hỏi Sư: “Hôm nào thầy sẽ đi?” “Không quá mười ngày”. Nói xong, Sư bước ra, xin lão hòa thượng chuẩn bị cho Sư một căn phòng, chuẩn bị mấy trăm cân củi để sau khi Sư vãng sanh sẽ hỏa táng thân thể này. Tới hôm sau, Sư lại đến tìm lão hòa thượng, thưa: “Con chờ không kịp! Con phải đi trong ngày hôm nay”. Pháp sư Định Tây luống cuống, vội vã tìm một gian phòng trống ở phía sau, kê giường tạm thời, tìm mấy người đến trợ niệm. Sư chẳng sanh bệnh, vẫn khỏe mạnh.

Người trợ niệm yêu cầu sư Tu Vô: “Thầy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải nói kệ, lưu lại một bài thơ để làm kỷ niệm cho chúng tôi”. Sư nói: “*Tôi xuất thân quê mùa, chưa từng học hành, cũng chẳng biết đặt kệ, bất quá tôi để lại lời thật thà cho mọi người*”. Sư nói rất rõ ràng: “*Năng thuyết, bất năng hành, bất thị chân trí huệ*” (Nói được, chẳng làm được. Chẳng phải trí huệ thật). Cuối cùng nói một câu như thế. Mọi người niệm Phật cho Sư, chưa đầy một khắc, Sư đã qua đời. Một khắc là mười lăm phút! Chúng ta thấy Sư không sanh bệnh, biết khi nào ra đi, đứng đi, ngồi đi, những trường hợp sống động ấy bày ngay trước mặt, mà chúng ta vẫn chẳng tin tưởng, tức là ngu si đến cực điểm. Những người ấy cách chúng ta rất gần, lão pháp sư Đàm Hư viên tịch ở Hương Cảng. Hương Cảng Đông Lâm Niệm Phật Đường do pháp sư Định Tây kiến tạo; về sau, hai vị [Định Tây và Đàm Hư] đều đến Hương Cảng, gần như là sống đến chín mươi mấy tuổi mới vãng sanh. Ảnh Trần Hồi Úc Lục là truyện ký của lão pháp sư Đàm Hư, suốt đời Ngài chính mắt thấy người niệm Phật vãng sanh, chẳng bị bệnh, biết trước lúc mất, ra đi tự tại, hơn hai mươi người! Ở Đài Loan cũng có không ít người niệm Phật ra đi, chẳng bệnh mà mất, đứng mất, ngồi mất, không chỉ là hai mươi trường hợp! Chúng ta thật sự tin tưởng chuyện này, chẳng hoài nghi tí nào, đó là Chánh Kiến của người niệm Phật.

(Sao) Nhị, Chánh Tư Duy giả, kiến thứ lý thời.

(鈔) 二、正思惟者，見此理時。

(Sao: Hai là Chánh Tư Duy, khi thấy lý ấy).

Chánh Tư Duy (Samyak-samkalpa) là do Chánh Kiến mà có, quý vị thấy đạo lý ấy.

(Sao) Vô lậu tâm tương ứng, tư duy trừ lượng, vị linh tăng trưởng nhập Niết Bàn cố.

(鈔) 無漏心相應，思惟籌量，為令增長入涅槃故。

(Sao: Tương ứng với tâm vô lậu, suy nghĩ, trừ tính, nhằm tăng trưởng nhập Niết Bàn).

Tư duy điều gì? Tư duy chân lý, đây là cách nói theo đường lối thông thường. “*Vô lậu tâm*” là giác tâm, là chánh tâm, là thanh tịnh tâm, niệm niệm tương ứng với giác, chánh, tịnh; như vậy thì mới có thể

hướng đến Đại Niết Bàn. Trong pháp môn Tịnh Độ, Chánh Tư Duy là tư duy vô lượng hạnh nguyện của A Di Đà Phật, tư duy công đức tiếp dẫn hết thảy chúng sanh của A Di Đà Phật, tư duy khi A Di Đà Phật tu nhân đã phát đại tâm. Những điều ấy hoàn toàn có trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà; chúng ta đọc tụng kinh điển là Chánh Tư Duy. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã biên soạn bộ Tịnh Tu Tiếp Yếu, hiện thời, có chẳng ít người nương theo phương pháp ấy để tu hành. Trong đó, có tất cả ba mươi hai lay, trong mỗi lay đều có Chánh Tư Duy, mà nội dung tư duy là “yếu nghĩa” (nghĩa quan trọng, chủ chốt) trong ba kinh Tịnh Độ, vô cùng hay. Đó là Chánh Tư Duy trong Tịnh Độ Tông.

(Sao) Tam, Chánh Ngữ giả, bất duy tâm vô tà tư, dĩ vô lậu trí, nhiếp khẩu tứ nghiệp, trụ tứ thiện ngữ cố.

(鈔) 三、正語者，不惟心無邪思，以無漏智，攝口四業，住四善語故。

(Sao: Ba là Chánh Ngữ, không chỉ là tâm không suy nghĩ tà vạy, mà còn dùng vô lậu trí để khéo nhiếp bốn nghiệp nơi miệng, khiến chúng trụ trong bốn thiện ngữ).

Điều này hết sức trọng yếu. Tạo nghiệp thì so giữa ba nghiệp, tạo khẩu nghiệp nhiều nhất và nặng nhất. Vì sao có thể tạo khẩu nghiệp nhiều nhất, nặng nhất? Tập khí từ vô thủy kiếp tới nay! Nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt mà chẳng hay chẳng biết, suốt ngày từ sáng đến tối đều phạm, tập khí quá sâu! Người thật sự tu đạo, không chỉ tâm chẳng có ý nghĩ tà vạy, mà còn quyết định chẳng phạm khẩu nghiệp, phải nhiếp bốn khẩu nghiệp, trụ nơi bốn thiện ngữ. Bốn thiện ngữ là không nói dối, không nói đôi chiều, không ác khẩu, không nói thêu dệt; đó là bốn thiện nghiệp thuộc về khẩu trong Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tuy bốn thiện nghiệp nơi miệng rất trọng yếu, nhưng trọng yếu nhất vẫn là mọi khối thiện tâm. Tâm thiện thì lời lẽ đương nhiên là thiện. Nhưng khi mới học, thường là có thiện tâm, nhưng lời lẽ vẫn chưa tốt đẹp, do nguyên nhân nào? Tập khí. Người ấy trọn chẳng muốn nói dối, nhưng do tập khí [mà nói dối]. Xác thực là người ấy chẳng có ác ý, nhưng do lâu ngày quen thói, tự nhiên chúng lộ ra. Vì vậy, ác nghiệp dễ đoạn, tập khí khó trừ. Đoạn ác là nơi tâm địa, nhưng trong thân khẩu vẫn còn thường có những tập khí ấy, tập khí cũng phải đoạn trừ dần dần!

Chánh Ngữ (Samyag-vāk) của người niệm Phật là một câu “nam-mô A Di Đà Phật”, câu này là Chánh Ngữ. Trừ A Di Đà Phật ra, những lời lẽ chẳng cần thiết đều là tà ngữ, đều chẳng được gọi là Chánh Ngữ. Niệm niệm đều niệm A Di Đà Phật, quyết định chẳng tạo bốn loại khẩu nghiệp trước. Quý vị cùng người khác nói chuyện, “A Di Đà Phật”, người ta hỏi quý vị điều gì? Trước hết là A Di Đà Phật, nói xong cũng A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là câu nói mở đầu, mà cũng là câu cuối cùng để kết thúc. Câu mở đầu bằng A Di Đà Phật, câu kết thúc cũng bằng A Di Đà Phật; đó là Chánh Ngữ của người niệm Phật. Phải biết câu A Di Đà có công đức chẳng thể nghĩ bàn; chẳng thâm nhập Đại Kinh sẽ không biết! Cổ nhân đã nói về câu Phật hiệu rất hay như sau: “*Tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bốn Giác*”. Niệm Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác, đó là vô lậu trí.

(Sao) Tứ, Chánh Nghiệp giả, dĩ vô lậu trí, trừ thân tam chủng nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh thân nghiệp cố.

(鈔) 四、正業者，以無漏智，除身三種一切邪業，住清淨身業故。

(Sao: Bốn là Chánh Nghiệp, dùng vô lậu trí trừ hết thân [những nghiệp thuộc về] ba loại tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh).

Chánh Nghiệp (Samyak-karmānta): Nghiệp là tạo tác. Trong lúc đang tạo tác thì gọi là Sự, sau khi đã tạo tác xong, kết quả [của sự tạo tác ấy] được gọi là Nghiệp. Quý vị tạo chuyện tốt, kết quả là thiện nghiệp; quý vị tạo chuyện bất hảo, kết quả là ác nghiệp. Có nghiệp bèn phải chịu báo, thiện nghiệp đạt thiện báo, ác nghiệp ắt là ác báo, quả báo thiện ác chẳng sai mảy may. Do đó, đức Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật được coi là nghiệp gì? Trong ba thiện đạo của lục đạo chẳng có A Di Đà Phật, trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật, chúng ta tạo nghiệp ấy không ở trong lục đạo luân hồi, vì lục đạo luân hồi chẳng có nghiệp ấy. Nghiệp ấy tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên Phật môn gọi nghiệp đã tạo của người niệm Phật là “*tịnh nghiệp*”. Quý vị tạo nghiệp Tây Phương Tịnh Độ, đã tạo thành, đương nhiên quả báo ở tại Tây Phương Tịnh Độ, tốt lắm! Thế gian có rất nhiều chuyện tốt, việc thiện, kinh Vô Lượng Thọ nói rất hay: “*Tùng nhiên cúng dường Hàng hà sa số Phật, Bồ Tát, thánh nhân, bất như nhất niệm*

cầu Chánh Giác” (Dầu là cúng dường Hằng hà sa số Phật, Bồ Tát, thánh nhân, chẳng bằng một niệm cầu Chánh Giác). Cúng dường Phật, Bồ Tát nhiều ngàn ấy là tu thiện nghiệp. Thiện nghiệp thì quả báo trong tương lai là ở trong ba thiện đạo, không thoát khỏi tam giới. Kinh Vô Lượng Thọ nói *“kiên dũng cầu Chánh Giác”* (kiên quyết, dũng mãnh cầu Chánh Giác) nghĩa là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Đó mới là đại thiện chân chánh, đại thiện bậc nhất. Hy vọng các đồng tu phải giác ngộ; trong hết thảy các thiện pháp, niệm Phật là điều thiện bậc nhất, chẳng còn tạo những nghiệp khác nữa!

Vì báo Phật ân, chúng ta giới thiệu, đề cao, phổ biến công đức, lợi ích, pháp môn thù thắng bậc nhất này cho người khác, khuyên người khác hãy phổ biến tu học. Tuy làm, nhưng chẳng chấp tướng, không trở ngại sự thanh tịnh của ta. Nếu làm những chuyện này mà còn chấp tướng, sẽ gây trở ngại đối với chuyện vãng sanh của chính quý vị. Có cần làm mọi việc hay không? Phải làm, phải nghiêm túc làm, nhưng làm mà chẳng chấp tướng. Bản thân ta trong mười hai thời là một câu A Di Đà Phật, làm như vậy sẽ tương ứng với vô lậu trí. *“Làm nhưng không làm, không làm mà làm”*. Sự nghiệp thành hay bại, lợi ích lớn hay nhỏ là do phước báo của chúng sanh, là duyên phận của mỗi cá nhân. Nếu nói theo kinh này, do thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác nhau, nên chúng ta chẳng cần phải bận lòng! Quý vị ghim chuyện ấy trong tâm, do vướng mắc, công phu liền bị xen tạp, Phật hiệu bị gián đoạn. Phải nghiêm túc làm, nhưng đừng nên vướng mắc, chớ nên chấp trước, hết thảy tùy duyên, mặc cho tự nhiên, công đức ấy phần nào cũng viên mãn!

“Trừ thân tam chủng nhất thiết tà nghiệp” (Trừ hết thảy các nghiệp thuộc ba loại tà nghiệp nơi thân), ba tà nghiệp nơi thân là giết, trộm, dâm. Không chỉ là ba thứ này chẳng thể làm, mà ba thứ ý niệm ác nghiệp cũng chớ nên sanh. Quý vị chẳng làm ba nghiệp ấy, thân sẽ thanh tịnh; ý niệm chẳng sanh, tâm liền thanh tịnh. Đương nhiên quan trọng nhất là tâm thanh tịnh, vì vãng sanh chẳng phải là thân vãng sanh, mà là tâm vãng sanh. Thân thanh tịnh, tâm không thanh tịnh, vô dụng! Tâm thanh tịnh, thân không thanh tịnh, hữu dụng, quyết định có thể vãng sanh. Vì sao? Tâm thanh tịnh, thân nhất định thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh, thế giới liền thanh tịnh. Xác thực là y báo chuyển theo chánh báo! Chánh báo là thân và tâm. Do đó, nhất định phải đoạn trừ ác nghiệp. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng về Tam Phước, trong điều thứ nhất có *“từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp”*, trừ giết, trộm, dâm nơi thân, những điều

này đều thuộc trong Thập Thiện Nghiệp. Tam Phước là điều kiện cơ bản để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Ngũ, Chánh Mạng giả, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng cố.

(鈔) 五、正命者，以無漏智，通除三業中五種邪命故。

(Sao: Năm là Chánh Mạng, dùng trí vô lậu để trừ năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp).

Trong quá khứ, Chánh Mạng (Samyag-ājīva) nhằm chuyên nói với người xuất gia; hiện thời, kẻ tại gia cũng có phần. Người tại gia mở Phật đường, nói khó nghe là “mở tiệm buôn Phật” rất nhiều. Mở tiệm buôn Phật là tà mạng, chẳng phải là Chánh Mạng. Trong phần tiểu chú, năm điều ấy được ghi rất rõ ràng, chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác, vì sao? Nếu quý vị phạm vào một điều, tuy là trường trai niệm Phật, thậm chí giới luật tinh nghiêm, tương lai quả báo đều ở trong tam đồ. Vì sao? Hình dáng rất chân chánh, nhưng tâm tà, tâm bất chánh.

(Diễn) Chánh Mạng giả, bất duy thân nghiệp thanh tịnh, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng thực, linh trụ chánh mạng cố.

(演) 正命者，不惟身業清淨，以無漏智，通除三業中五種邪命食，令住正命故。

(Diễn: Chánh Mạng là không chỉ thân nghiệp thanh tịnh, mà do trí vô lậu, trừ hết năm loại kiếm sống tà mạng nơi ba nghiệp để trụ nơi chánh mạng).

“Thực” (食) là cách quý vị kiếm sống.

(Diễn) Ngũ chủng tà giả, nhất, vị lợi dưỡng trá hiện kỳ đặc tướng, thuộc thân nghiệp.

(演) 五種邪者，一、為利養詐現奇特相，屬身業。

(Diễn: Năm thứ tà: Một là vì lợi dưỡng bèn dối trá hiện tướng đặc biệt, lạ lùng. Điều này thuộc về thân nghiệp).

Hiện thời, chẳng ít kẻ làm bộ làm tịch, hoặc là trên thân tỏa ánh sáng, hoặc là rời khỏi mặt đất ba thước, hiện dáng vẻ rất lạ lùng! [Tỏ lộ] có thần thông phi phàm, nhằm mục đích nào? Khiến cho mọi người đến cúng dường kẻ ấy, cho nên làm những trò ảo thuật đó! Nếu quý vị hỏi: “Thân kẻ ấy có phóng quang hay không? Có phải là thân có thể rời khỏi mặt đất ba thước hay không?” Tôi nói cho quý vị biết, có thật đấy! Những chuyện ấy tuyệt đối chẳng phải là giả! Có một chút tà thuật thì xác thực là có thể làm được. Tà thuật có thể có loại thần thông ấy, [người luyện] Khí Công cao minh cũng có thể làm được, chẳng phải là chuyện khó! Hiện thời, trong ngoài nước rất phổ biến, hề gặp người xuất gia liền hỏi: “Quý vị có thần thông hay không?” Tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn, gặp một người đến từ Đại Lục, ông ta dạy Khí Công tại Mỹ, cũng dùng Khí Công để chữa bệnh cho người khác. Tôi giảng kinh bên đó, ông ta đến nghe vài lần, ngồi ở dưới nói với các đồng tu: “Vị pháp sư này công phu bậc nhất, thuộc loại cao”. Tôi giảng xong, [các đồng tu bên ấy hỏi]: “Pháp sư! Ông đó nói thầy có công phu, có võ công”. Tôi đáp: “Tôi luyện công phu là niệm A Di Đà Phật”. Ông ta nhìn vào khí sắc và tinh thần, nhìn từ chỗ ấy. Người luyện các công phu ấy, đại khái đối với khí trên thân người (khí cũng là quang), đích xác là có thể nhìn ra, chẳng phải là gạt người! Kẻ ấy dùng chuyện này nhằm mục đích cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, dùng thủ đoạn ấy chính là tà mạng!

Từ xưa tới nay, rất nhiều vị cao tăng đại đức có thần thông hay không? Có. Quý vị đọc Thần Tăng Truyện trong Đại Tạng Kinh, Huyền Trang đại sư đã thị hiện thần thông gì? Khi Ngài sang Ấn Độ, trên đường gặp một cụ già, khoảng một, hai trăm tuổi đang nhập định ở đấy. Vị lão nhân ấy râu tóc rất dài, công phu Thiền Định rất sâu, chim làm tổ trên thân. Quý vị ngẫm xem, cụ đã ngồi ở đó rất lâu, chạm đến vẫn bất động. Ngài dùng đũa khảm gỗ bên tai cụ, cụ xuất Định. Sau khi xuất định, Ngài bảo cụ: “Tôi với ông có duyên, nay tôi sang Ấn Độ thỉnh kinh, cầu học. Ông hãy nhanh chóng đến đầu thai tại Trung Quốc, chờ khi tôi trở về, sẽ nhận ông làm đồ đệ, chúng ta cùng nhau hoằng dương Đại Thừa Phật pháp”. Huyền Trang đại sư có thần thông nhưng chẳng để lộ, đích xác là chẳng tỏ lộ tại Trung Quốc, nhưng ở Tây Vực có chuyện như thế. Trọn chẳng dùng phương pháp ấy để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng thể. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, trong thời kỳ Mạt Pháp mà chẳng có thần thông thì phải làm gì? Phải bày vẽ! Lần trước, họ mời tôi đến giảng kinh tại sân vận động, muốn phô trương rầm rộ, tôi đều chẳng cần! Đó là những trò phụ họa trong diễn tuồng⁴¹, đích xác là chẳng có ý

nghĩa gì! Chẳng cần làm chuyện phô trương, vì đó cũng là chuyện thị hiện tướng đặc biệt, lạ lùng.

Trong Cốc Hương Tập, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói rất hay: Thời kỳ Mật Pháp, chúng ta trọng thực chất, chẳng nhấn mạnh hình thức, thật thà, quy củ học Phật, chẳng cần phải bày vẽ phô trương, chẳng cần phải làm chuyện náo nhiệt, vì sao? Thời kỳ Mật Pháp, người thật sự có thiện căn chẳng nhiều. Nếu làm chuyện bày vẽ rầm rộ như vậy sẽ vô dụng, mệt người, tốn của, chẳng có một chút ý nghĩa gì! Có một địa điểm, có thiết bị phóng thanh là đủ rồi, có băng ghế để ngồi là được rồi, cảnh tượng gì cũng chẳng cần, có tượng Phật hay không cũng chẳng sao, đều chẳng quan trọng, nhất định phải nhấn mạnh thực tế.

(Diễn) Nhị, vì lợi dưỡng tự thuyết công đức.

(演) 二、為利養自說功德。

(Diễn: Hai, vì lợi dưỡng mà tự nói công đức).

Đây là tự tán, tuy chẳng hủy báng kẻ khác, nhưng ca ngợi chính mình: “Ta có bao nhiêu công đức? Ta có thần thông”, thậm chí còn nói họ là Phật, Bồ Tát nào đó tái lai. Nói xong, vẫn chẳng tịch. Kỳ quái! Từ xưa tới nay, hề có ai nói ra [thân phận thật sự], sau khi nói xong liền tịch, đó là thật. Nói rồi vẫn sống nhăn, rất kỳ quái, tôi chưa hề thấy một gương như vậy! Như Di Lặc Bồ Tát thị hiện thân phận Bồ Đại hòa thượng, Ngài tự nói ra. Sau khi nói xong, bèn tọa hóa, như vậy thì được. Hễ bộc lộ thân phận, tuyệt đối chẳng còn có thể trụ trong nhân gian nữa, đó là thật. Tự mình nói ta là Bồ Tát nào đó tái lai, mà vẫn không đi; đó là một trong các loại tà mạng, chẳng phải là Chánh Mạng, do vì lợi dưỡng, nên tự khoe công đức.

(Diễn) Tam, chiêm tướng cát hung.

(演) 三、占相吉凶。

(Diễn: Ba là xem tướng, cát hung).

Làm thầy bói, xem tướng cho tín đồ, xem Phong Thủy, tiên đoán cát, hung, họa, phúc cho họ, nhằm mục đích cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Đó là loại tà mạng thứ ba.

(Diễn) Tứ, cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính.

(演) 四、高聲現威，令人畏敬。

(Diễn: Bốn là lớn tiếng ra oai khiến cho kẻ khác kính sợ).

Nói chuyện với âm thanh rất lớn, [để làm ra vẻ] như có oai đức vậy.

(Diễn) Thử tam thuộc khẩu nghiệp.

(演) 此三屬口業。

(Diễn: Ba điều ấy thuộc về khẩu nghiệp).

Điều thứ hai, thứ ba và thứ tư là khẩu nghiệp.

(Diễn) Ngũ, thuyết đức cúng dường, dĩ động nhân tâm, thử thuộc ý nghiệp.

(演) 五、說得供養，以動人心，此屬意業。

(Diễn: Năm, khoe [chính mình] đã được cúng dường khiến cho người khác động tâm, điều này thuộc về ý nghiệp).

Nói với tín đồ: “Kẻ nào đó cúng dường ta bao nhiêu, người khác lại cúng dường ta bao nhiêu”, có ý muốn quý vị cũng nên làm như thế. Tôi đã từng thấy. Hiện tại là thời kỳ Mạt Pháp, thủ đoạn của họ chúng ta chẳng thể ngờ được. Thuyết phục không được, bèn dùng phương pháp biểu diễn. Tín đồ của chính mình cầm phong bì: “Thưa sư phụ! Con cúng dường thầy hai mươi vạn”, “thưa sư phụ! Con cúng dường thầy hai trăm vạn”. Sư phụ nhận lấy rồi lên trả lại cho kẻ đó. Làm cho người khác thấy, khiến những người đó vội vã cúng dường; còn có cách như vậy! Tôi còn nghe nói có kẻ giúp chùa miếu hóa duyên để ăn chia tứ lục: [Tức là] nay chùa của tôi cần xây đại điện, [quý vị đến xin]: “Tôi làm đại điện cho chùa miếu”, [nhà chùa] bèn giao sổ hóa duyên cho quý vị. Quý vị hóa duyên được một trăm vạn, quý vị lấy bốn chục vạn, thường trụ lấy sáu mươi vạn. Bốn mươi vạn nhằm trả công quý vị bươn bả [kêu gọi kẻ khác quyên góp]! Thời kỳ Mạt Pháp, chuyện kỳ quái, không chuyện lạ lùng nào chẳng có. Do đó, chúng ta phải tin tưởng lời Phật: Tạo tội nghiệp như vậy, ắt đọa tam đồ. Trong thế gian này, con người sống được mấy năm? Dầu khổ đến mấy cũng phải căn chặt răng vượt qua, đời sau chẳng đọa trong ác đạo. Tham cầu hưởng thụ trong mấy chục năm ngắn ngủi, về sau phải thọ quả báo vô lượng kiếp; được chẳng bù nổi mất, hạng người đó mới là kẻ ngu si nhất. Trong Ngũ Giới, năm điều này đều

thuộc loại giới trộm cắp, chẳng phải là phương thức chánh đáng, lừa gạt đoạt lấy tài vật của người khác, lợi dưỡng quá nửa là tài vật, tạo nghiệp hết sức nặng. Do đó, chúng ta phải chú tâm cẩn thận.

Dựng đạo tràng, tuyệt đối chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hiện thời, Đài Loan có rất nhiều đồng tu tại gia lập đạo tràng. Chúng tôi chẳng tiện nói, nhưng bản thân các đồng tu chúng ta phải chú ý, hy vọng quý vị đừng dấy lên ý niệm lập đạo tràng. Đạo tràng của quý vị thành lập, tiếng tăm, lợi dưỡng đều đưa đến. Tiếng tăm, lợi dưỡng đưa đến, quý vị tiêu hóa như thế nào? Quý vị có thể tiêu thụ nổi không? Phật môn thường nói: *“Một hạt gạo thí chủ, to bằng núi Tu Di, đời này chẳng liểu đạo, mang lông, đội sừng đên”*. Thành lập đạo tràng phải chịu trách nhiệm, công năng của đạo tràng là giáo hóa một phương, mức độ thấp nhất là khuyên người nơi ấy đoạn ác tu thiện, khuyên người nơi đó phá mê khai ngộ thì lập đạo tràng ấy bèn có công đức. Nếu đạo tràng chẳng làm được chuyện ấy, tức là đạo tràng đó phạm lỗi. Đạo tràng giống như trường học, ta mở trường, chẳng làm chuyện xấu, nhưng không có thầy dạy, quý vị nghĩ xem trường ấy sẽ ra sao? Trường đã thành lập, đã chiêu sinh, nhưng chẳng có thầy dạy, [làm sao có thể nói là] chẳng làm chuyện xấu gì! Nhưng dưới tình hình đó, hiệu trưởng có bị cách chức, điều tra hay không? Quý vị nói xem: Có tội lỗi hay không? Tục ngữ có câu: *“Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh”* (Chẳng nắm giữ địa vị, chẳng mưu toan chuyện chánh trị), quý vị chẳng có trách nhiệm. Quý vị đã lập đạo tràng, phải có trách nhiệm. Đạo tràng giống như một trường học, quý vị chủ trì đạo tràng, giống hệt như hiệu trưởng của một ngôi trường, quý vị phải chịu trách nhiệm giáo hóa một phương. Nếu chỉ sai đường lối tu hành cho chúng sanh, phải chịu trách nhiệm nhân quả, phiền toái càng lớn hơn nữa, khá khó khăn!

Hiện thời tại Đài Loan, mọi người thấy bề ngoài Phật Giáo hưng thịnh, đạo tràng san sát, nói chung có đến mấy chục vạn ngôi chùa lớn, bé, còn có nhiều ngôi ở trong chung cư nữa. Các đồng tu học Phật, đặc biệt là người xuất gia, người xuất gia nhất tâm hướng về đạo, như thế thì mới có thể tiêu thụ tứ sự cúng dường của tín đồ. Mọi người phải nghe hiểu câu nói này, đừng nghe sai ý, phía sau tôi còn nói bổ sung, quyết định vãng sanh thì quý vị mới có thể tiêu thụ được. Nếu đời này quý vị chẳng thể vãng sanh, đời sau vẫn phải luân hồi; nói cách khác, quý vị vẫn phải trả nợ. Quý vị vãng sanh, họ cúng dường quý vị, họ bèn có phước báo. Quý vị chẳng thể vãng sanh, họ cúng dường quý vị, đời sau quý vị trả nợ. Cúng dường đáng sợ lắm! Món tiền ấy chẳng dễ sử dụng,

so với xin ăn còn khó tiêu hóa hơn. “Xin ăn” là ăn mày ở bên ngoài. “Quý vị cho tôi tiền, mà chẳng yêu cầu tôi tương lai đền đáp” người ấy có thể tiêu thụ được, chẳng có vấn đề! Người xuất gia chúng ta thì sao? Người ta cúng dường, cúng dường là mong cầu phước, quý vị có phước gì để ban cho người ta? Do đó, phát tâm xuất gia, quyết định phải vãng sanh, quyết định phải hồng pháp. Bốn phận và sự nghiệp của người xuất gia là chuyện này. Bỏ bốn phận để làm chuyện khác; người thế gian nói là “chẳng chú trọng sự nghiệp chánh đáng”.

(Sao) Lục, Chánh Tinh Tấn giả, dĩ vô lậu trí, ưng cần hành tinh tấn, xu Niết Bàn đạo cố.

(鈔) 六、正精進者，以無漏智，應勤行精進，趨涅槃道故。

(Sao: Sáu là Chánh Tinh Tấn (Samyag-vyāyāma), do trí vô lậu, hãy nên siêng hành tinh tấn, nhằm tiến đến đạo Niết Bàn).

Bát Chánh Đạo mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều trước là cơ sở của điều sau.

(Diễn) Tiền ký tam nghiệp thanh tịnh, hựu trừ tam nghiệp trung chủng chủng tà mạng, tắc tam nghiệp tinh thuần.

(演) 前既三業清淨，又除三業中種種邪命，則三業精純。

(Diễn: Do ba điều trước, ba nghiệp đã thanh tịnh, lại trừ các thứ tà mạng nơi ba nghiệp, nên ba nghiệp tinh thuần).

Khi ấy, quan trọng nhất là tinh tấn. “Tinh” là thuần, chẳng tạp; “tấn” là tiến lên, chẳng lùi, bất thoái chuyển. Không dừng nghỉ, chẳng thoái chuyển, tinh thuần không tạp, đạo nghiệp của quý vị quyết định thành tựu. Trong Tịnh Độ Tông, điều này được nói rất nhiều, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất nhiều. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị Phật thuyết pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật. Bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật nói, hai vị Thế Tôn hai cõi đều khuyên chúng ta tinh tấn niệm Phật. Do đó, học đạo, chúng ta hãy quan sát cẩn kỹ, phản tỉnh, vẫn là đi theo con đường của cổ nhân là chánh xác. Người hiện thời tự cậy rất thông minh, nói thật ra, cũng kể như là thông minh, khiến cho khí quyển của địa cầu thủng một lỗ to, khiến cho khí hậu trên cả thế giới bất thường! Nếu cứ tiếp tục thông minh như vậy, chỉ sợ địa cầu bị hủy diệt. Chư vị hãy suy nghĩ, đó có phải là chuyện người thông minh sẽ làm hay

không? Nếu đầu óc chúng ta sáng suốt một chút, [sẽ biết] người thông minh chẳng làm vậy, mà là trò nghịch ngợm của trẻ con! Từ xưa tới nay, phương pháp được nhân mạnh ở Trung Quốc là trước hết cầu Căn Bản Trí, sau đấy mới cầu Hậu Đắc Trí, đó mới là đúng.

Trong tác phẩm Duy Thức Di Giản (giới thiệu sơ khởi về Duy Thức), cư sĩ Đường Đại Viên đối vấn đề này đã cảm khái sâu đậm! Từ thời Dân Quốc đến nay, phương pháp giáo dục tư tưởng đã gạt bỏ cách giáo học được truyền thừa mấy ngàn năm (nói theo cách bây giờ là triết lý về giáo dục), học theo người Tây Dương, kết quả là người Trung Quốc hiện thời gặp tai nạn to lớn dường ấy! Nói đến nguyên nhân căn bản, đích thực là như thế. Thuở sinh thời, tiên sinh Phương Đông Mỹ mỗi lần bàn đến giáo dục, liền vỗ bàn, mắng người khác, rất tức tối. Tức giận cũng vô dụng, chẳng thể giải quyết vấn đề! Phương pháp mấy ngàn năm đều là từ Căn Bản Trí đạt đến Hậu Đắc Trí. Phật pháp cũng dùng nguyên lý và phương pháp này. Phương pháp này trước hết làm cho tâm quý vị thanh tịnh. Tâm đã định, tận hết sức giảm thiểu vọng niệm. Nói theo thuật ngữ Phật học là trước hết phải huân luyện Giới, Định, Huệ. Giới học là vâng giữ pháp tắc, giữ quy củ, từ nhỏ liền dưỡng thành quan niệm vâng giữ pháp tắc. Trẻ nhỏ khá ngây thơ, gần như là điều gì cũng đều ước thúc, đều quản giáo, trẻ chẳng còn ngây thơ nữa. Thật vậy, [trẻ nhỏ phương Đông] chẳng ngây thơ tự nhiên bằng trẻ nhỏ phương Tây, nhưng sau khi khôn lớn, người phương Tây trí huệ đích xác là thua kém người phương Đông, thật đấy! Người phương Tây thông minh tuy có, nhưng rất ít. Lúc nhỏ rất linh động, thứ gì cũng đều chẳng phải học, chẳng giống trẻ nhỏ ở Trung Quốc, từ nhỏ đã huân luyện Tam Học Giới, Định, Huệ; ngay cả Nho gia cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều là huân luyện Tam Học Giới, Định, Huệ. Đến khi Tam Học đã có cơ sở kha khá, mới cho quý vị ra ngoài tham học. Đó gọi là “*tâm sư phỏng đạo, đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường*”, thành tựu học vấn chân thật, nên học vấn của họ đã tinh thông lại rộng rãi.

Hãy xem hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, mỗi triều đại có bao nhiêu người thành tựu? Nhưng trong thời đại này, người Hoa cũng rất bất hạnh, học theo phương pháp của Tây Dương, thành tựu chẳng bằng người Âu Tây; chuyện này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu! Đặc biệt là học Phật, học Phật nhằm mục đích nào? Mục đích là giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình, đó là thật, những vấn đề khác đều nhỏ nhặt. Sanh tử sự đại, vô thường nhanh chóng, phải thật sự giác ngộ điều này. Chuyện này chẳng phải là giỡn chơi, quan niệm và phương

pháp sai lầm, chắc chắn sẽ chẳng đạt được, có thể nói là chẳng thể lệch lạc, sai sót mảy may! Hiện thời, đối với chuyện trạch pháp, quyết định chẳng có vấn đề gì, chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, sự chọn lựa ấy là chánh xác. Có thể thành tựu hay không? Phải cậy vào tinh tấn. Trọn đủ tin sâu, nguyện thiết, thật thà niệm Phật, chẳng có ai không thành tựu. Phải ghi nhớ giáo huấn trong kinh điển, nhất định phải cầu tiến bộ nơi thân tâm thanh tịnh; nói chung, mỗi năm một tinh tấn hơn, như thế thì quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh. Nếu thân và tâm đều chẳng thanh tịnh, tham, sân, si, mạn vẫn tiếp tục tăng trưởng, dầu quý vị niệm Phật hiệu tốt đẹp đến mấy, cũng chẳng thể vãng sanh. Dầu mỗi ngày niệm Phật hiệu một vạn tiếng vẫn uổng công, cổ nhân nói “*rách toạc cuống họng vẫn uổng công*”.

(Sao) Thất, Chánh Niệm giả, dĩ vô lậu trí.

(鈔) 七、正念者，以無漏智。

(Sao: Bảy là Chánh Niệm (Samyak-smṛti), do vô lậu trí).

Thê của Bát Chánh Đạo là vô lậu trí, đây là cơ sở của trí huệ chân thật.

(Sao) Ư ứng niệm chánh đạo pháp, cập trợ đạo pháp, tâm bất động thất cố.

(鈔) 於應念正道法，及助道法，心不動失故。

(Sao: Đối với pháp chánh đạo và pháp trợ đạo đáng nên niệm, tâm chẳng lay động, mất chánh niệm).

“*Ứng niệm*” là chúng ta quyết trạch pháp môn, chọn vững vàng pháp môn Tịnh Độ này, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, đó là pháp chánh đạo. Pháp trợ đạo là gì? Vẫn là một câu A Di Đà Phật. Ngẫu Ích đại sư dạy: “*Chánh đạo và trợ đạo đều là một câu A Di Đà Phật*”. Các vị tổ sư đại đức khác nói: Một câu A Di Đà Phật là chánh đạo, lục độ vạn hạnh là trợ đạo. Lấy niệm Phật làm chủ, coi những pháp môn khác là phụ trợ. Thậm chí tu học kinh luận khác, chẳng hạn như Trí Giả đại sư là tổ sư tông Thiên Thai, suốt đời hoằng dương Pháp Hoa, giảng Pháp Hoa, còn chiêu theo phương pháp tu học của Pháp Hoa là Chỉ Quán, nhưng chính Ngài niệm Phật cầu sanh Tây Phương thế giới. Từ đây trở đi, không ít người nghiên cứu những kinh điển khác, nhưng cầu sanh Tịnh Độ, giống

như cư sĩ Giang Vị Nông vào thời cận đại. Ông ta suốt đời nghiên cứu kinh Kim Cang, bỏ thời gian suốt bốn mươi năm nơi kinh Kim Cang, đưa ra khẩu hiệu là “*giáo tông Bát Nhã, hành tại Di Đà*” (về giáo thì đề cao Bát Nhã, nhưng hành trì nơi Di Đà), ông ta niệm Phật sanh Tịnh Độ. Thời đầu Dân Quốc, pháp sư Ứng Từ suốt đời giảng Hoa Nghiêm, về giáo đề cao kinh Hoa Nghiêm, nhưng cũng niệm A Di Đà Phật cầu vãng sanh. Pháp sư Viên Anh suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, từ năm hai mươi lăm tuổi, Sư đã lưu ý Lăng Nghiêm, bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa do Sư giảng. Sư suốt đời chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Sư sáng lập Viên Minh Giảng Đường tại Thượng Hải. Chữ Viên Minh lấy ý nghĩa từ Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Ngài sáng lập Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện. Trong phòng khách, Ngài treo một bức hoành phi đề “*Tam Cầu Đường*”, [ý nói] suốt đời Ngài cầu ba chuyện: Cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ. Sư suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, nhưng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những vị này đều lấy niệm Phật làm pháp chánh đạo, dùng pháp môn khác làm pháp trợ đạo, nhằm giúp đỡ gì? Giúp cho thân tâm thanh tịnh. Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: Tuy xưa nay, nhiều vị đại đức dùng pháp môn khác, hoặc dùng kinh luận khác làm pháp trợ đạo, nói chung, đều chẳng bằng dùng một câu A Di Đà Phật làm pháp trợ đạo, chẳng phải là càng tốt đẹp hơn ư? Chánh cũng là A Di Đà Phật, mà Trợ cũng là A Di Đà Phật, quý vị quyết định vãng sanh. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã khuyên dạy chúng ta như vậy, phù hợp giáo huấn “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” trong kinh Vô Lượng Thọ.

“*Tâm bất động thất cố*” (Do tâm chẳng lay động, mất chánh niệm), câu này hết sức trọng yếu. Nói thật ra, có không ít đồng học nói chung là trong đời quá khứ (đương nhiên đều là học Phật), học rất tạp, học rất loạn. Nếu chẳng tạp, chẳng loạn, quý vị đã sớm vãng sanh, làm sao có mặt ở đây cho được? Chẳng thể nào! Do trong đời quá khứ, quý vị đã học quá tạp, quá loạn, nên chẳng thể thành công đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đời này gặp gỡ, tiếp tục tu tập, tuy lại tu, đối với nhiều pháp môn và nhiều kinh luận như thế bèn động tâm. Thấy cái này cũng thích, cái kia chẳng nở buông xuống, [đó là] tập khí trong đời quá khứ, những tập khí ấy tổn hại quý vị. Nếu chẳng thể đoạn trừ tập khí ấy, đời này quý vị chẳng có hy vọng vãng sanh. Vì thế, phải giác ngộ, phải thống thiết hạ quyết tâm, phải bỏ sạch những thứ ấy! Kinh luận tốt đẹp, ưa thích quá! Khi nào lại đọc chúng? Khi nào ta nắm chắc vãng sanh rồi

lại xem chúng, chẳng sợ! Vẫn chưa nắm chắc vãng sanh mà làm những chuyện ấy, đó là làm chuyện xen tạp, càng chẳng thể nắm chắc, càng hỏng bét! Thật sự phải giác ngộ điều này! Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, chưa nắm chắc vãng sanh, tốt nhất đừng nên xem thứ khác, kinh luận đều chẳng xem, huống hồ những thứ khác. Có thể sanh về Tây Phương, người ấy bèn thành Phật. Một người vãng sanh là có thêm một vị Phật, hai người vãng sanh là có thêm hai vị Phật. Họ thành Phật, trong tương lai sẽ phổ độ chúng sanh, đó mới là công đức chân thật, mới có thể tiêu hóa hết thảy các thứ cứng đờng, mới là phước điền chân chánh của trời và người. Câu này rất trọng yếu, “*tâm bất động thât*”. Nếu tâm động, chánh niệm bèn mất đi.

(Sao) Bát, Chánh Định giả, dĩ vô lậu trí tương ứng, chánh trụ u lý, quyết định bất di cố. Giai ngôn chánh giả, dĩ bất y thiên tà danh Chánh, năng chí Niết Bàn danh Đạo.

(鈔) 八、正定者，以無漏智相應，正住於理，決定不移故。

皆言正者，以不依偏邪名正，能至涅槃名道。

(Sao: Tám là Chánh Định, do tương ứng với vô lậu trí, nên chánh trụ nơi lý, quyết định chẳng đổi dời. Điều nói là Chánh, vì chẳng lệch lạc, tà vạy, nên gọi là Chánh, có thể đạt tới Niết Bàn nên gọi là Đạo).

Câu sau nhằm giải thích câu trước. Vì sao cả tám điều đều gọi là Chánh, đều gọi là Đạo, đều gọi là Chánh Đạo. Chánh Định (Samyak-samādhī) là dùng trí huệ chân thật (vô lậu trí là trí huệ chân thật, mà cũng là cái tâm trí huệ, là chân tâm trí huệ, trí huệ là tên gọi khác của chân tâm) tương ứng với Lý. Vô Lượng Thọ là Lý, tên gọi tiếng Phạn của Vô Lượng Thọ là A Di Đà. Nếu chúng ta tâm luôn niệm A Di Đà, trong mỗi niệm, tâm thật sự là A Di Đà, quý vị đã “*chánh trụ u lý*”. Vì cái tâm năng niệm của quý vị là tâm Thủ Giác, đó là giác tâm. Người mê chẳng thể niệm A Di Đà, người giác ngộ trong mỗi niệm đều niệm A Di Đà. Vì vậy, niệm A Di Đà là phá mê khai ngộ, niệm A Di Đà là trái trăn hợp giác. Câu A Di Đà là Lý Thể của Bôn Giác, đó là Chánh Định. “*Quyết định chẳng dời*”: Hết thảy các pháp môn thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt, trong tâm quyết định chẳng lay động; đó là Chánh Định trong tông này. Định bao lâu? Thừa cùng quý vị, có công phu hai, ba năm, quý vị thật sự định nơi địa vị này; do công phu hai, ba năm, bèn chứng quả. Tối thiểu là quý vị chứng đắc công phu thành phiến, cũng có

nghĩa là tuy phiền não chẳng đoạn, chẳng khởi hiện hành, nhưng quý vị vãng sanh, chính mình có thể cảm nhận xác thực là thật sự có nắm chắc, vì tâm hạnh của quý vị tương ứng với những gì kinh điển đã dạy.

Hai câu sau nói theo Tịnh Tông càng hết sức rõ rệt. “*Bất y thiên tà*” (Chẳng nương theo lệch lạc, tà vạy), bèn gọi là Chánh. Giác nhưng không thiên lệch, hai bên thiện và ác đều chẳng lệch lạc, đó là Tịnh nghiệp. “*Năng chí Niết Bàn*” (Có thể đạt tới Niết Bàn). Vãng sanh bất thoái, không chỉ bất thoái, mà còn là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, là hạ hạ phẩm vãng sanh. Trừ phi chẳng thể vãng sanh, chỉ cần quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sự thụ dụng, thân thông, và đạo lực của quý vị giống như Đẳng Giác Bồ Tát. Do đó, Ngẫu Ích đại sư tán thán: “*Ngàn kinh muôn luận chẳng có chuyện này, trong mười phương cõi Phật cũng chẳng có, đây là pháp môn lạ lùng, đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn*”. Đây là cách giải thích thông thường, đã trình bày cùng quý vị danh tướng của Bát Chánh Đạo. Đoạn kể đó là cách nói theo kinh Hoa Nghiêm, còn những điều vừa nói trên đây áp dụng chung cho Đại Thừa và Tiểu Thừa nhằm giải thích danh từ Pháp Tướng, nhưng trong khi giải thích, chúng tôi luôn quy về cách tu học trong tông này. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 167

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diển Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi chín:

(Sao) Nhược Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, tặc Bát Chánh câu Bồ Tát đạo. Chánh Kiến giả, viễn ly nhất thiết chư tà kiến cố. Chánh Tư Duy giả, xả vọng phân biệt tâm, tùy thuận Nhất Thiết Trí cố, nãi chí Chánh Định giả, thiện nhập Bồ Tát bất tư nghị giải thoát môn, u nhất tam-muội trung, xuất nhập chư tam-muội cố. Thích vân: “Cứ thử văn chứng, khởi bất thâm huyền?” Dĩ lệ suy chi, Thất Giác, Căn, Lực, tam thập thất phẩm, giai tùy chúng sanh nhân địa sở tu, cơ kiến bất đồng, chứng đại, chứng tiểu, các hữu sở đắc.

(鈔) 若華嚴離世間品，則八正俱菩薩道。正見者，遠離一切諸邪見故。正思惟者，捨妄分別心，隨順一切智故。乃至正定者，

善入菩薩不思議解脫門，於一三昧中，出入諸三昧故。釋云，據此文證，豈不深玄。以例推之，七覺根力三十七品，皆隨眾生因地所修，機見不同，證大證小，各有所得。

(Sao: Nếu xét theo phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm thì Bát Chánh Đạo đều là Bồ Tát đạo. Chánh Kiến là xa lìa hết thấy các tà kiến. Chánh Tư Duy là bỏ cái tâm phân biệt hư vọng, tùy thuận Nhất Thiết Trí. Cho đến Chánh Định là khéo nhập môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, từ trong một tam-muội mà xuất nhập các tam-muội. Giải rằng: “Lấy đoạn văn ấy làm chứng, há [Bát Chánh Đạo] chẳng sâu mâu ư?” Dựa theo đó để suy ra, Thất Giác, Ngũ Căn, Ngũ Lực, ba mươi bảy phẩm đều là thuận theo căn cơ, kiến giải của chúng sanh khi tu nhân mỗi người mỗi khác mà chứng đại quả hay tiểu quả, nhưng ai nấy đều có sở đắc).

Trong đoạn văn này, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm nhằm chứng tỏ Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm thật sự thông với Đại Thừa. Trong Đại Thừa, kinh Hoa Nghiêm được tổ sư các tông phái suy tôn là Viên Giác Nhất Thừa, có thể nói là Đại Thừa của Đại Thừa. Bộ kinh ấy đã thông với Ba Mươi Bảy Phẩm, những kinh khác chẳng cần phải nói nữa! Có thể thấy trong phần trước [đại sư nhận định] Ba Mươi Bảy Phẩm thông với Đại Thừa và Tiểu Thừa xác thực là có căn cứ. Kinh Hoa Nghiêm viên đôn đã giải thích Bát Chánh Đạo như thế nào? “Chánh Kiến giả, viễn ly nhất thiết chư tà kiến cố” (Chánh Kiến là xa lìa hết thấy các tà kiến). Nhìn theo giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, đó là pháp luân viên mãn. Nội dung của kinh [Hoa Nghiêm] giảng về Thập Huyền, Tứ Vô Ngại, [tức là] mười huyền môn và bốn thứ vô ngại. Trong hết thấy các kinh Đại Thừa, chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm giảng giải [mười huyền môn và bốn thứ vô ngại] viên mãn. Nếu đối với “Viên nghĩa” mà còn có tư hào chấp trước, kiến giải ấy sẽ thuộc loại tà kiến! Ngay cả Viên mà còn chẳng thể chấp trước, huống hồ những thứ khác! Do đó, trong pháp Nhất Thừa viên đôn, tri kiến của Phật thanh tịnh đến tột bậc; kinh văn chỉ có thể dùng một câu “chẳng thể nghĩ bàn” để hình dung, lẽ phàm phu chúng ta tư duy chẳng thấu suốt, mà cũng là chẳng rơi vào tư duy, chẳng rớt vào số lượng, đây mới là chánh tri chánh kiến. Chúng ta tu Tịnh Độ vẫn phải thật thà niệm Phật thì mới đáng trông cậy. Hoa Nghiêm toàn là cảnh giới của Bồ Tát, lại còn chẳng phải là [cảnh giới của] hạng Bồ Tát bình phàm, mà là cảnh giới của hàng Pháp Thân đại sĩ.

Kinh văn đã có [đề cập cảnh giới ấy], chẳng thể không nói đến, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Chúng ta thực hiện toàn bộ Ba Mươi Bảy Phẩm trong sự tu tập pháp môn Tịnh Độ, nhất là trì danh niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh thì sẽ hữu ích nhất đối với chúng ta. Sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới sẽ dần dần không ngừng nâng cao, chứng đắc cảnh giới Hoa Nghiêm chẳng khó. Điều này hết sức trọng yếu.

“*Chánh Tư Duy giả, xả vọng phân biệt tâm, tùy thuận Nhất Thiết Trí cố*” (Chánh Tư Duy là bỏ tâm hư vọng phân biệt, tùy thuận Nhất Thiết Trí). Nhất Thiết Trí được nói ở đây chính là Nhất Thiết Chúng Trí nơi quả địa Như Lai, mà cũng là Ngũ Chúng Trí⁴² của A Di Đà Phật như đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Phạm phu chẳng có trí huệ, vì sao? Vì họ có tâm phân biệt. Có sao nói “hễ có tâm phân biệt bèn chẳng có trí huệ?” Tâm phân biệt là thức thứ sáu, tức ý thức. Quý vị dùng thức thứ sáu (ý thức), lấy đâu ra trí huệ? Trí huệ lưu lộ từ Chân Như bản tánh. Dùng thức thứ sáu (ý thức) thì chỉ có thể nói là Thế Trí Biện Thông. Trong Phật pháp, Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn. Đã mắc nạn! Vì vậy, chúng ta phải rất lắng lòng phản tỉnh, quan sát, ngàn muôn phần đừng coi Thế Trí Biện Thông là trí huệ Bát Nhã, phiền phức sẽ to lớn! Nhưng các đồng tu học Phật hiện thời, bất luận tại gia hay xuất gia thường hiểu lầm, xác thực là đã coi Thế Trí Biện Thông như trí huệ. Bỏ vọng tưởng, bỏ tâm phân biệt, kinh Lăng Nghiêm bảo là “*bỏ Thức, dùng Căn*”, ai mới có thể sử dụng cảnh giới ấy? Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo; các Ngài đều thuộc cảnh giới ấy. Nói theo phía người niệm Phật chúng ta, phải niệm đến Lý nhất tâm bất loạn thì Bát Chánh Đạo sẽ hoàn toàn giống như những điều đang được nói ở đây, chứ Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa được! Phải đạt tới Lý nhất tâm bất loạn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là cảnh giới của các Ngài.

Thứ ba là Chánh Ngữ, ở đây (trong lời Sao) đã tinh lược. Tuy bị tinh lược, trong sách Diển Nghĩa, pháp sư Cổ Đức đã bổ sung:

(Diển) Chánh Ngữ, tắc thường hành Chánh Ngữ, ly ngữ tứ quá, thuận thánh ngôn cố.

(演) 正語，則常行正語，離語四過順聖言故。

(Diển: Chánh Ngữ là thường nói lời chánh đáng, lìa bốn lỗi nơi lời nói, thuận theo thánh ngôn).

“Ly ngữ tứ quá” dễ hiểu. Bốn thứ lỗi lầm là “nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt”, không dễ gì làm được! Tiêu Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát tuy làm được, nhưng chưa thể đạt đến mức “*thuận thánh ngôn cổ*”. “*Thánh ngôn*” là [những lời nói của] ai? Là [lời dạy của] chư Phật Như Lai. Ngôn ngữ của Bồ Tát chẳng khác chư Phật Như Lai.

(Diễn) Chánh Nghiệp, tức hằng tu Chánh Nghiệp, giáo hóa chúng sanh, linh điều phục cố.

(演) 正業，則恆修正業，教化眾生，令調伏故。

(Diễn: Chánh Nghiệp là luôn tu Chánh Nghiệp, giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ được điều phục).

Chánh Nghiệp ở đây khác với Chánh Nghiệp của Tiêu Thừa, nó tương ứng với chư Phật Như Lai. Chánh Nghiệp của chư Phật Như Lai là gì? Là phổ độ chúng sanh. Do đó, Bồ Tát học Phật, thượng cầu, hạ hóa, thay Phật giáo hóa chúng sanh, xác thực có thể khiến cho hết thảy chúng sanh điều phục. “*Điều*” (調) là điều tâm. Nói nông cạn, rõ ràng hơn một chút sẽ là điều hòa tánh tình. “*Phục*” (伏) là chế phục phiền não. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh nhằm mục tiêu này. Chúng ta học Phật phải biết: Những điều chúng ta đã học phải tương ứng với những điều Phật, Bồ Tát đã dạy, nhất định phải chú trọng “*điều tâm*”, phải biết hàng phục phiền não. Nói thật ra, câu này là tông chỉ của kinh Kim Cang. Vừa mở đầu kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo hai vấn đề, [nội dung của hai câu hỏi ấy] chính là câu này (“*giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ điều phục*”). Ngài nói: “*Ứng vân hà trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (Nên trụ như thế nào? Hàng phục cái tâm như thế nào?). “*Ứng vân hà trụ?*” là điều tâm, “*vân hà hàng phục kỳ tâm?*” là hàng phục phiền não như được nói ở đây: Chế phục vọng tưởng, tạp niệm. Vọng niệm, tạp niệm là phiền não, phải nên hàng phục, chế ngự nó như thế nào? Những gì Bồ Tát dạy và những gì chúng ta học đều thuộc về vấn đề này. Chúng ta học Phật, học Phật pháp đầy một bụng, nhưng tập khí phiền não vẫn y hệt như cũ, vô dụng! Học Phật kiêu đó, may mắn thành tựu cũng chẳng có. Học Phật pháp bao nhiêu năm, một câu cũng chẳng thể nói được, nhưng tâm thật sự nhu hòa, phiền não giảm thiểu, người ấy học Phật thật sự có thành tựu, vì sao? Người ấy thật sự có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, đó là thành tựu. Do

điều này ta có thể biết, học Phật chẳng phải là học sao cho ăn nói lưu loát, [ăn nói lưu loát] vô dụng! Phải thật sự diệt trừ tập khí phiền não.

(Diễn) Chánh Mạng, tác an trụ Chánh Mạng, Đầu Đà, tri túc, oai nghi thâm chánh, tùy thuận Bồ Đề, hành tứ thánh chủng, nhất thiết quá thất giai viễn ly cố.

(演) 正命，則安住正命，頭陀知足，威儀審正，隨順菩提，行四聖種，一切過失皆遠離故。

(Diễn: Chánh Mạng là an trụ trong Chánh Mạng, [hành hạnh] Đầu Đà, biết đủ, oai nghi chánh đáng, tùy thuận Bồ Đề, hành bốn thánh chủng, xa lìa hết thảy lỗi lầm).

Trong đây có hai câu hết sức quan trọng. Một là “Đầu Đà, tri túc”. Đầu Đà (Dhūta) là dịch âm tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa là Đầu Tẩu (抖擻), có nghĩa là giữ bỏ, ném đi. Nói dễ hiểu hơn một chút là “buông xuống”. Trên người có bụi bặm, bèn giữ bỏ; tiếng Ấn Độ gọi [hành động ấy] là Đầu Đà, có ý nghĩa này. Bồ Tát giữ sạch những gì? Giữ sạch tập khí phiền não, vọng tưởng. Tri túc: Tri túc thường lạc! “Đầu Đà, tri túc” mang ý nghĩa bảo chúng ta hãy buông hết thảy trần duyên thế gian và xuất thế gian xuống, tri túc thường lạc! Chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian, Phật là Phước Huệ Lương Túc Tôn, cõi trời và nhân gian chẳng có ai có thể sánh bằng Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật sống cuộc đời gì? Hằng ngày đi khát thực, thị hiện chẳng khác gì người xuất gia bình thường, ba y một bát! Nhất là đối với những đồng tu xuất gia đời sau, chúng ta hãy nghĩ xem, thuở tại thế, đức Thế Tôn đã sống cuộc đời ra sao? Nay chúng ta sống cuộc đời như thế nào? Xét theo phương diện cuộc sống, chúng ta sống thoải mái hơn đức Thế Tôn quá nhiều. Xét theo đạo nghiệp, chỉ sợ chúng ta cũng chẳng sánh bằng đồ đệ kém cỏi nhất trong thuở ấy của Ngài. Đích xác là phải sanh tâm hổ thẹn, phải nỗ lực tinh tấn. Do đó, phải tri túc. Đức Phật nói “tứ sự cúng dường” là ăn uống, quần áo, ngọc cụ, thuốc men, người xuất gia chẳng thể không cần đến bốn thứ ấy, vì chúng ta có nhục thân trong thế gian, [bốn thứ ấy] chẳng thể thiếu để duy trì thân mạng. Ngoài bốn thứ ấy ra, [những thứ khác] đều nên bỏ sạch, chẳng cần tới.

Chúng ta phải thấu hiểu thật sâu tâm Phật, Phật vì hết thảy chúng sanh. Phật pháp quyết định là tùy thuận thời đại, kinh nói là “tùy thuận Bồ Đề”. Bồ Đề là Giác. Nói cách khác, quyết định chẳng mê, Phật pháp

chẳng tùy thuận mê, mà tùy thuận giác. Tùy thuận giác, nói theo thuật ngữ hiện thời là “hiện đại hóa”. Hiện đại hóa là giác! Chẳng thể hiện đại hóa, làm sao có thể hòa thành một khối với người hiện thời? Làm sao có thể độ người hiện thời? Vì thế, kiến lập đạo tràng tại Đài Loan vẫn tùy thuận phương thức cũ: Chùa miếu vẫn được xây dựng theo kiểu cung điện; đó là [cách thức kiến trúc trong] thời đại quá khứ. Hiện tại, phủ Tổng Thống cũng chẳng xây theo kiểu cung điện. Công sở, nha môn của các cơ quan chánh phủ cũng chẳng [xây dựng] theo kiểu dáng cung điện; xưa kia đều là theo kiểu cung điện. Vì lẽ đó, xây dựng đạo tràng hiện thời, chẳng cần xây theo kiểu cung điện. Nếu xây dựng như vậy, tôi nghĩ chỉ nhằm một mục đích: Du lịch văn cảnh! Đạo tràng thật sự chẳng cần phải làm vậy! Không cần tốn cả một đồng tiền oan uổng ngàn ấy! Đạo tràng thật sự trong hiện thời hãy nên giống như trường học, kiến trúc hiện đại hóa. Đỡ tốn tiền, lại kiên cố, thực dụng. Do vậy, phải hiểu ý nghĩa thật sự của “tùy thuận Bồ Đề”, đừng nên hiểu sai! Nói đơn giản, Chánh Mạng là cuộc sống phải đơn giản, chất phác, tiết kiệm, thuần phác, tri túc.

(Diễn) Chánh Tinh Tấn, tức cần tu nhất thiết Bồ Tát khổ hạnh, nhập Phật thập lực vô quái ngại cố.

(演) 正精進，則勤修一切菩薩苦行，入佛十力無罣礙故。

(Diễn: Chánh Tinh Tấn là siêng tu hết thấy khổ hạnh của Bồ Tát, nhập Thập Lực của Phật không trở ngại).

Tuy Phật pháp không chủ trương khổ hạnh, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp. Đức Phật nhiều lần dạy chúng ta đừng tu khổ hạnh vô ích. Khổ hạnh chẳng có lợi ích gì cho chúng ta thì chúng ta không tu. Nói cách khác, hễ khổ hạnh có lợi ích cho chúng ta thì phải nên tu. Tôn giả Ca Diếp hành Đầu Đà bậc nhất, Ngài cũng là Sơ Tổ của Thiền Tông, xuất thân từ gia đình đại phú trưởng giả. Sau khi xuất gia, suốt đời tu khổ hạnh. Đức Phật hết sức tán thán Ngài. Đức Phật nói: “Nếu đệ tử đời sau chịu tu khổ hạnh, Phật pháp sẽ thường trụ trong thế gian”. Do điều này có thể biết: Khổ hạnh chân chánh là tự lợi, lợi tha. Tự lợi nhìn từ phương diện nào? Cuộc sống đơn giản, chất phác, thành thật, cuộc sống dễ dàng, chẳng phải lo nghĩ, nhu cầu rất ít, dễ dàng đạt được, tâm mới có thể an trụ nơi đạo, chẳng có tham cầu, những thứ ta cần thiết chỉ có đôi chút. Do đôi chút ấy bèn có thể thành tựu đạo nghiệp, quyết định chẳng tham cầu. “Lợi tha” là nêu gương cho người thế gian. Người thế gian

tham cầu danh lợi, thấy người xuất gia bỏ sạch hết thấy, có khi sẽ có thể khiến cho họ tỉnh ngộ.

Giống như lần trước ở Đài Trung, có một vị cư sĩ tuổi còn rất trẻ là Hứa Tú Hoa, [cô ta] đã đến đây một lần. Tôi quen biết cô ta ở Gia Nã Đại. Cô ta học Phật chẳng lâu, đến thăm chỗ ở xưa kia của thầy Lý. Sau khi viếng thăm, cô vô cùng cảm động, đem bán ngay căn biệt thự lộng lẫy của mình, suy nghĩ: “Thầy Lý đức hạnh to tát dường ấy, mà sống trong một căn nhà rách nát ngàn ấy!” Cô ta nói: “Căn nhà tôi đang ở quá xa hoa, trong lòng bất an!” Đó là lợi tha. Khổ hạnh có thể lợi tha, có thể khiến cho chúng sanh giác ngộ! Vì thế, tinh tấn chân chánh thì phải tinh tấn nơi đạo nghiệp; trong cuộc sống, có thể sống qua ngày là được rồi. Quần áo mặc đủ ấm, có thể ăn no là đủ rồi, chẳng cần nghĩ tới ngày mai! Ngày mai còn chưa đến! Bận lòng vì ngày mai, vì năm sau, bận tâm mãi không xong, đạo chẳng còn nữa! Đạo là gì? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng là đạo. Hễ dấy vọng tưởng, tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng đều chẳng có; đó gọi là “*thoái chuyển*”, lại lui sụt xuống địa vị phàm phu, hằng ngày dấy vọng tưởng. Do lẽ đó, Bồ Tát chẳng có vọng niệm, hết thấy đều thuận theo tự nhiên, các Ngài có thể tương ứng với đạo. “*Nhập Phật Thập Lực vô quái ngại cố*” (Nhập Thập Lực của Phật chẳng vương mắc, trở ngại): Quả địa Như Lai có mười thứ năng lực đặc thù, Bồ Tát cũng có, vì Bồ Tát học theo Phật, nhưng mười thứ năng lực ấy của Bồ Tát chẳng được viên mãn như Phật.

(Diễn) Chánh Niệm, tức tâm thường Chánh Niệm, tất năng ức trì nhất thiết ngôn âm, trừ diệt thế gian tán động tâm cố.

(演) 正念，則心常正念，悉能憶持一切言音，除滅世間散動心故。

(Diễn: Chánh Niệm là tâm thường Chánh Niệm, ắt có thể nghĩ nhớ hết thấy ngôn ngữ, âm thanh, trừ diệt cái tâm thế gian tán loạn, dao động).

Bồ Tát vì độ hết thấy chúng sanh, bèn giống như chư Phật Như Lai, cũng là “*nhất âm thuyết pháp, tùy loại đắc giải*” (dùng một âm thanh thuyết pháp mà mỗi loài đều hiểu). Vì thế, Ngài có thể nghĩ nhớ hết thấy âm thanh, ngôn ngữ, trừ diệt cái tâm thế gian tán loạn, dao động. Do đó, ta thấy: Chánh Niệm là tiền phương tiện của Chánh Định; trước hết phải có Chánh Niệm rồi sau đó mới có Chánh Định. Chánh Niệm vô

niệm; tuy vô niệm, nhưng nó lại chẳng phải là không có niệm. Vô niệm, vô bất niệm thì mới là Chánh Niệm của Bồ Tát. Nói rõ rệt hơn một chút, “vô niệm” quyết định là chẳng có vọng niệm, chẳng có tạp niệm, chẳng có ý niệm tự tư tự lợi, tuyệt đối chẳng có ý niệm tính toán vì chính mình. Đó là vô niệm. “Vô bất niệm” là có niệm, nhưng niệm niệm vì độ chúng sanh, niệm niệm hy vọng giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui, viên thành Phật đạo. Ngài niệm những điều ấy, chẳng nghĩ đến chính mình. Đó gọi là Chánh Niệm của Bồ Tát. Chẳng giống như Chánh Niệm của Tiểu Thừa: Tất cả vọng niệm thảy đều chẳng có, nhưng họ chẳng nghĩ đến chuyện độ chúng sanh; còn Chánh Niệm của Bồ Tát là nghĩ độ hết thảy chúng sanh.

Điều thứ tám là nói về Chánh Định. Trong lời Sao, [đã giảng]: “*Thiện nhập Bồ Tát bất tư nghị giải thoát môn*” (Khéo nhập môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát). Câu này nói về sự chứng quả, chứng quả gì vậy? Thường nói là “*nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”; đây là khai trí huệ. “*Thiện nhập*” (善入): Nhập có nghĩa là Chứng, khế nhập, “*thiện*” là thiện xảo. Thiên Tông gọi Bồ Tát bất tư nghị giải thoát môn là “*đại triệt đại ngộ*”, Giáo Hạ gọi là “*đại khai viên giải*”. Vì vậy, có Định thì mới có thể khai ngộ. Đối với câu “*ư nhất tam-muội trung, xuất nhập chư tam-muội cố*” (từ trong một tam-muội, xuất nhập các tam-muội), sách Diễn Nghĩa có giải thích:

(Diễn) *Ư nhất tam-muội nhập chư tam-muội giả, như nhị thập ngũ vương tam-muội, Thủ Lăng Nghiêm bách bát tam-muội đẳng, hồ vi xuất nhập, vô định pháp cố.*

(演) 於一三昧入諸三昧者，如二十五王三昧，首楞嚴百八三昧等，互為出入，無定法故。

(Diễn: “Trong một tam-muội, nhập các tam-muội”: Như trong hai mươi lăm môn vương tam-muội⁴³, một trăm lẻ tám môn Thủ Lăng Nghiêm tam-muội v.v... xuất nhập lẫn nhau, không có cách nhất định).

Cách giải thích này rất đơn giản, mà cũng rất rõ ràng. Nếu chư vị hiểu rõ câu này trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị có thể an tâm về sự tu hành của chính mình, vì sao? Học một thứ tam-muội là đủ rồi. Thật sự đắc một thứ ấy, hết thảy đều đạt được. Đúng là “*một chính là hết thảy, hết thảy chính là một*”. Hiện thời chúng ta đang tu tam-muội gì? Niệm Phật tam-muội, còn gọi là Bảo Vương tam-muội, là vua trong các tam-muội! Nay chư vị đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, chấp trì thánh hiệu A Di

Đà Phạt, quý vị đang tu gì? Tu Bảo Vương tam-muội, tu Niệm Phật tam-muội. Nay quý vị tu thành tựu tam-muội này, hễ tu thành tựu bèn xuất nhập các tam-muội, vô lượng vô biên tam-muội quý vị thấy đều đạt được.

Nay đối với chúng ta, vì sao tam-muội này chẳng thể hiện tiền? Vì sao chẳng đạt được? Đối với bảy điều trước, chúng ta phản tỉnh một chút, sẽ tìm được nguyên nhân. Tri kiến của chúng ta bất chánh, tư tưởng sai lầm, niệm niệm nghĩ tới chính mình. Toàn bộ Ngũ, Nghiệp, Mạng, Tinh Tấn của chúng ta đều có vấn đề, làm sao quý vị có thể đạt Chánh Định cho được? Nếu muốn đạt đến Chánh Định, nhập cảnh giới của Bồ Tát, nói thật ra, chẳng khó! Vị thầy chủ thất khi đả Phật Thất thường có một câu ra rả ngoài miệng: *“Buông thân, tâm, thế giới xuống”*. Nếu quý vị có thể thật sự buông hết thân, tâm, thế giới xuống, bảy điều trước sẽ tự nhiên trọn đủ, quý vị đạt được Chánh Niệm và Chánh Định. Cái gốc bệnh của chúng ta ở chỗ nào? Chúng ta chẳng có Chánh Kiến, mà là tà kiến. Thế nào là tà kiến? Chúng ta niệm niệm đều vì chính mình, đó là tà kiến cơ bản. Niệm niệm vì chính mình, niệm niệm tăng trưởng Ngã Kiến. Trong Kiến Tư phiền não, món Kiến Hoặc đầu tiên là Thân Kiến. Niệm niệm tăng trưởng Thân Kiến, chẳng thể phá Thân Kiến. Niệm niệm tăng trưởng Ngã Chấp, chẳng có cách nào đoạn Ngã Chấp và Ngã Kiến. Hàng ngày đều tăng trưởng, phiền phức to lớn! Nếu Ngã Kiến và Ngã Chấp vẫn y như cũ mạnh mẽ ngàn ấy, nặng nề ngàn ấy, dầu chúng ta niệm Phật hiệu giới giang cách mấy, vẫn chẳng có cách nào vãng sanh, phải đặc biệt chú ý điều này. Phàm là người vãng sanh, nhất định phải thấy thấu suốt các thứ chấp trước đối với thân thể, vì sao? Thần thức mới lìa được, mới có thể ra đi được! Coi trọng thân thể này quá mức, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, [quý vị bèn kỳ kèo]: “Con vẫn chưa muốn bỏ thân thể này!” Thân thể chẳng mang theo được! Do điều này có thể biết, hiện thời phải dần dần xem nhạt chướng ngại ấy, công phu niệm Phật của chúng ta sẽ dễ dàng tương ứng, mới thật sự có thể đạt tới những cái gọi là “công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn”.

Đối với người, đối với sự, nói chung là hễ có thể cho qua được thì thôi, chớ nên khắt khe quá mức, đừng nên so đo. So đo quá mức cũng thuộc về Ngã Kiến, đều là chuyện phiền phức. Nửa phần trước của kinh Kim Cang giảng về chuyện phá Tứ Tướng: *“Bồ Tát có Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng và Thọ Giả Tướng thì chẳng phải là Bồ Tát”*. Nửa bộ sau sâu hơn nửa bộ trước, nửa bộ sau giảng về Kiến: *“Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến”*, bốn thứ Kiến ấy đều được gọi là “thành kiến”. Chúng ta thường nói: “Người nào đó

thành kiến rất sâu”, những thứ ấy đều là tà kiến. Trọn đủ tà kiến nhiều ngàn ấy, làm sao có thể gọi là Bồ Tát cho được? Đương nhiên chẳng thể gọi là Bồ Tát. Bồ Tát là chánh tri chánh kiến, ắt phải bỏ sạch những tà kiến ấy thì mới có thể gọi là Bồ Tát. Bát Chánh Đạo được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là Bát Chánh Đạo của Viên Giáo Bồ Tát.

Dưới đây là giải thích, căn cứ trên đoạn kinh văn này để chứng minh Bát Chánh Đạo có rất mức độ rất sâu. “*Dĩ lệ suy chi*” (Theo lệ đó mà suy), dùng những điều ấy để suy luận tương ứng, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực, toàn thể Ba Mươi Bảy Đạo Phàm trong phẩm trước “*giai tùy chúng sanh nhân địa sở tu*” (đều tùy thuộc sự tu tập của chúng sanh trong khi tu nhân). Quý vị là Tiểu Thừa sẽ là cảnh giới Tiểu Thừa. Quý vị là Đại Thừa bèn là cảnh giới Đại Thừa. Trong Đại Thừa còn có Tạng, Thông, Biệt, Viên khác nhau, căn tánh nào bèn đạt [cảnh giới tương ứng] với độ sâu ấy, “*chứng đại, chứng tiểu, các hữu sở đắc*” (chứng đại quả hay tiểu quả, ai nấy đều có sở đắc).

(Sớ) Ngôn như thị đẳng pháp giả, đẳng Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, thành tam thập thất phẩm, cập đẳng dư nhất thiết pháp cố.

(疏) 言如是等法者，等四念處、四正勤、四如意足，成三十七品，及等餘一切法故。

(Sớ: Nói “các pháp giống như vậy” thì “đẳng” là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, thành ba mươi bảy phẩm, và hết thảy các pháp khác).

Kinh nói một chữ “đẳng” (等) thì “đẳng” mang ý nghĩa tinh lược. Liên Trì đại sư đã bỏ túc ý nghĩa, vì Ba Mươi Bảy Đạo Phàm có tổng cộng bảy khoa, kinh chỉ nhắc tới bốn khoa; ba khoa trước là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc bị tinh lược. Ở đây, đại sư giảng bỏ sung.

(Sao) Tam thập thất phẩm, thượng duy nhị thập hữu ngũ, cố đẳng dĩ nhiếp chi.

(鈔) 三十七品，上惟二十有五，故等以攝之。

(Sao: Ba mươi bảy phẩm, mà trong phân kinh văn trên đây chỉ có hai mươi lăm phẩm, nên dùng chữ Đẳng để bao gồm [những phẩm còn lại]).

Trong phân trên, [chánh kinh chỉ nhắc tới] Ngũ Căn, Ngũ Lục, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, tổng cộng chỉ có hai mươi lăm phẩm, nên dùng chữ Đẳng để bao quát.

(Sao) Tứ Niệm Xứ giả.

(鈔) 四念處者。

(Sao: Tứ Niệm Xứ...).

Nói thật ra, nhập môn học Phật thì phải nhập từ chỗ này. Vì sao kinh Di Đà không nhắc tới ba khoa trước? Nói thật ra, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều trọn đủ ba khoa ấy, chẳng cần tu, đã viên mãn, nên [trong cõi ấy, các pháp] được giảng từ Ngũ Căn, Ngũ Lục. Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền viên mãn ba khoa trước, nhưng nay chúng ta vẫn còn chưa vãng sanh, thân thể vẫn ở trong thế giới này, nên ba khoa trước của Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm đối với chúng ta hết sức trọng yếu, thật sự có thể giúp cho thân tâm của chúng ta thanh tịnh, giúp chúng ta đạt tới công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn. Tứ Niệm Xứ là quan sát bằng trí huệ, đó là Quán Huệ, mà cũng là điều thứ nhất tức Quy Y Giác trong Tam Quy Y, giác chứ không mê. Quý vị có bốn cách Quán này, sẽ giác chứ không mê.

(Sao) Sở vị quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

(鈔) 所謂觀身不淨，觀受是苦，觀心無常，觀法無我。

(Sao: Nghĩa là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã).

Bốn điều này được gọi là Tứ Niệm Xứ, đều là dùng trí huệ để quan sát.

(Sao) Nhi vân Niệm Xứ giả, dĩ bất tịnh, thị quán thân giả sở đương niệm xứ chi sở dã. Khổ, vô thường đẳng, diệc phục như thị.

(鈔) 而云念處者，以不淨，是觀身者所當念處之所也。苦無常等，亦復如是。

(Sao: Nhưng nói Niệm Xứ vì “bất tịnh” chính là chỗ nên nghĩ tới để quán cái thân. Khổ, vô thường v.v... cũng giống như vậy).

Thứ nhất, phải hiểu: Thân là thứ chẳng sạch sẽ. Thứ mà người trong thế gian tham ái nhất chính là thân thể; vì thân thể này mà đã tạo chẳng biết bao nhiêu tội nghiệp, chẳng đáng! Thân thể là gì? Thân thể là một thứ công cụ mà thôi! Thân có phải là chính mình hay không? Không phải. Nếu chur vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, sẽ hiểu rõ đạo lý này. Kinh Lăng Nghiêm vừa mở đầu bèn là “*thất xứ trung tâm*” (bảy chỗ gan hỏi cái tâm), vẫn chẳng phải là hỏi về thân, mà là hỏi về tâm. Đức Phật hỏi ngài A Nan: “Tâm ở đâu?” Đức Phật trọn chẳng hỏi là chân tâm hay vọng tâm: “Ông nói ông có tâm, vậy tâm ở đâu? Ở chỗ nào? Ông hãy nói cho ta nghe”. Ngài A Nan chẳng thiếu bản lĩnh, nói ra bảy chỗ. Chúng ta có thể nói ra bảy chỗ hay không? Ngài có thể nói bảy chỗ, Thích Ca Mâu Ni Phật đều phản bác. Tâm còn như thế, huống hồ cái thân này? Thân là vật chất, thân chẳng phải là ta, thân là cái ta có. Giống như quần áo, quần áo chẳng phải là ta, quần áo là cái ta có, là quần áo của ta. Thân là thân thể của ta, thân thể chẳng phải là ta, phải vạch một giới tuyến giữa ta và thân thể. Đối với cái thân thể này, quý vị đối xử với nó rất bình thường, chớ nên yêu quý nó quá lố, sẽ chẳng bị nó mê hoặc! Quần áo đã dơ bẩn liền cởi ra giặt giũ. Quý vị cũng đừng vương vấn nó; hễ rách nát liền vứt bỏ, lại thay một bộ mới, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Chớ nên yêu quý thân thể của chính mình quá lố, đương nhiên cũng chớ nên phá hư thân thể. Đức Phật thường dạy chúng ta tiếc phước. “*Tiết phước*” là đối với hết thảy vật chất đều phải quý trọng, thân thể là một loại trong hết thảy vật chất mà chúng ta có, cũng phải đáng nên quý trọng. Đức Phật không chủ trương tu khổ hạnh vô ích là do đạo lý này. Hết thảy đều phải suy tưởng vì đạo nghiệp, chúng ta tu học pháp môn nào, phương thức sinh hoạt thường là do pháp môn mà khác nhau. Thí dụ như học giới luật, tu học pháp môn ấy thì giới luật rất nghiêm, giữa trưa ăn một bữa, người Hoa gọi chuyện này là “*trì ngọ*” (持午). Giữa trưa ăn một bữa gọi là Trai (齋), [ăn] quá Ngọ gọi là “*phá trai*” (破齋). Ăn giữa trưa thì thời gian [chính ngọ] mỗi ngày đều khác nhau. Thời gian chính ngọ mỗi ngày sai biệt chừng bốn phút đồng hồ, mỗi ngày đều

khác biệt, nên người thật sự trì ngộ hãy nên dùng nhật lịch thiên văn. Như trong nhật lịch do đài thiên văn Đài Loan phát hành, thời gian chính ngộ mỗi ngày đều được ghi rất rõ ràng, mấy giờ, mấy phút, mấy giây. Mỗi năm, thời gian chính ngộ chênh lệch gần như hơn nửa tiếng. Thật sự trì ngộ mà nếu chẳng dùng nhật lịch thiên văn thì tốt nhất là ăn cơm trước mười một giờ rưỡi, đại khái sẽ chẳng quá ngộ. Nếu quý vị học Thiên Tông, Thiên Tông mỗi ngày ba bữa cơm còn chưa đủ! Chỉ sợ còn có bốn năm lượt lột da, hoàn toàn khác hẳn! Thiên Tông là tĩnh tọa hay chạy hương trong Thiên đường, nguyên tắc dụng công của họ là “ăn ít, chia thành nhiều bữa”. Họ chẳng thể ăn no, ăn no sẽ hôn trầm, mà cũng chẳng thể để bụng rỗng được! Bụng rỗng sẽ chẳng thể phấn chấn tinh thần! Nhảm tu hành thuận tiện, họ phải ăn ít, ăn nhiều bữa, ăn theo cách như vậy.

Chúng ta phải liễu giải chính mình đang tu học pháp môn nào, ta mong cầu mục tiêu nào? Tuyệt đối chớ nên chuộng thể diện, muốn cho dễ coi, nghĩ người khác trì ngộ là đạo hạnh rất cao, sai mất rồi! Trong quá khứ, khi tôi hai mươi sáu tuổi bèn học Phật. Học Phật được nửa năm, tôi liền học trì ngộ, chẳng ăn bữa tối, giữ liên tục mười mấy năm. Có phải là tôi tu khổ hạnh hay không? [Nguyên nhân thật sự là vì] chẳng có tiền! Nếu quý vị cho tôi tiền, mỗi ngày tôi ăn bảy bữa, rất tự tại! Thật ra là khi ấy hết sức khổ, tôi tiết kiệm tiền ăn bữa tối để làm gì? Để thỉnh Đại Tạng Kinh. Bộ Đại Tạng Kinh đầu tiên ở Đài Loan do pháp sư Đông Sơ⁴⁴ ấn hành. Vào các năm Dân Quốc 44, 45 (1955, 1956), một bộ Đại Tạng Kinh phải đến ba ngàn sáu trăm đồng. Tiền lương của tôi mỗi tháng chỉ có năm mươi lăm đồng, tính cả tiền làm tăng ca (overtime) thì một tháng chỉ kiếm được một trăm bảy mươi đồng, quý vị nghĩ coi phải làm cách nào? Chỉ đành không ăn bữa tối, tuyệt đối chẳng phải là mong đẹp mặt hay sĩ diện, “ta có tu hành”, chẳng phải vậy! Nhưng sau đó liền dưỡng thành thói quen. Tôi xuất gia thọ giới, trong tháng thọ giới ấy, buổi tối tôi nhất định ăn này nọ. Người ta hỏi: “Bình thường thầy có ăn hay không?” Tôi đáp: “Thọ giới cần có thể lực, cuộc sống căng thẳng, giống như huấn luyện tân binh, tôi phải ăn no thì mới có cách ứng phó”. Bình thường, cuộc sống của tôi chẳng căng thẳng như vậy. Có rất nhiều người bình thường chẳng trì ngộ, tới lúc thọ giới: “Ta phải trì ngộ, ta phải giống như một người tu hành đã lâu!” Tôi thấy kẻ ấy đến hôm thứ ba thật sự chẳng nhịn được nữa, buổi tối lén lút ăn thứ này thứ nọ, sao lại khổ như vậy? Nhất định phải biết chúng ta học gì? Tu là gì? Chẳng do những hình thức ấy! Những hình thức ấy có ích cho đạo nghiệp thì

chúng ta phải làm. Khi trì giới, buổi tối tôi nhất định phải ăn no thì buổi tối mới có sức lực lay Phật. Chuyện ấy chúng ta phải nên làm, tuyệt đối chẳng vì chuộng thể diện. Vì thế, phải biết điều hòa thân thể thích đáng như thế nào? Ăn thứ gì, tuyệt đối đừng ăn no. Thông thường, người ta nhấn mạnh phép vệ sinh, ăn no tám phần thôi. Nói thật ra, ăn no tám phần là đã quá mức, ăn no chừng sáu bảy phần là tốt nhất. Giữ sao chẳng đói, chẳng no là tốt nhất, không chỉ hữu ích cho tu đạo, mà trong công việc bình thường, tinh thần có thể phấn chấn. Ăn quá no đích xác là sẽ khiến cho người ta hôn trầm. Do đó, phải biết điều tiết thân thể.

Ăn uống lại còn phải đơn giản, càng đơn giản càng tốt. Nói thông thường, thức ăn của người ngoại quốc chẳng cầu kỳ như người Hoa. Người Hoa cường điệu màu sắc, hương vị, người ngoại quốc chỉ nói đến dinh dưỡng, còn màu sắc và hương vị đều chẳng bận tâm. Thức ăn của họ rất khó ăn, họ ăn những thứ hết sức đơn điệu, gần như mỗi ngày đều ăn giống nhau. Người Hoa chẳng có thói quen ấy, hằng ngày phải thay đổi khẩu vị. Chẳng đổi món, sẽ nuốt không trôi! Đó là tập khí. Tôi thấy người ngoại quốc từ đầu năm đến cuối năm chẳng thay đổi khẩu vị, họ ăn theo cách đó. Thân thể họ khỏe mạnh hơn người Hoa, chúng ta thật sự thấu hiểu: Ăn uống đơn giản có lợi cho thân thể, thân thể dần dần [khôi phục] bình thường, giảm bớt khá nhiều bệnh tật. Tục ngữ Trung Hoa có câu: “*Bệnh từng khẩu nhập, họa từng khẩu xuất*” (Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra). Ham nói nhiều, dễ chuốc họa, chuốc lấy nổi thị phi! Người Hoa thể chất thua kém người ngoại quốc, vì sao? Ăn uống là một nhân tố quan trọng nhất. Âm thực của người Trung Hoa quá phức tạp, nên thể cách (vóc dáng, kết cấu cơ thể, sức lực) chẳng bằng người ngoại quốc. Tôi học Phật, từ giáo lý mà thấu hiểu tâm thanh tịnh, tâm sẽ khỏe mạnh, thân thanh tịnh thì thân sẽ khỏe mạnh. Muốn cho thân thanh tịnh thì quý vị ăn uống tốt nhất là đơn thuần, càng đơn giản càng hay, càng hữu ích cho sức khỏe sinh lý, người ngoại quốc có biết đạo lý này hay không? Chẳng biết, nhưng cách làm của họ là chánh xác!

Nhưng người ngoại quốc tâm chẳng khỏe mạnh, đương nhiên là có mối quan hệ rất lớn đối với chế độ xã hội của họ. Chế độ xã hội theo chủ nghĩa tư bản có ưu điểm, nhưng khuyết điểm cũng rất sâu! Khuyết điểm là khiến cho cuộc sống của mỗi cá nhân căng thẳng, chẳng có cách nào đạt được sự yên bình. Quý vị thấy người ngoại quốc dễ già suy, vì sao già suy? Quá nhiều chuyện phải lo nghĩ, vì trong cuộc sống của họ, ưu điểm của xã hội tư bản chủ nghĩa là: Trên thực tế, mức sống bình quân chẳng sai lệch cho mấy! Chẳng hạn như trong mỗi gia đình, nhà

nào cũng có máy móc điện khí hóa, nhà ở hết sức yên tĩnh, nhà nào cũng có xe hơi. Mức sống bình quân chênh lệch rất nhỏ; nhưng gánh nặng tâm lý quá nặng! Tất cả hết thảy những thứ họ hưởng thụ toàn là nợ tiền tín dụng, đó là khuyết điểm to lớn của xã hội tư bản. Giống như bên ngoại quốc mua nhà, căn nhà ấy giá mười vạn đồng, quý vị chỉ cần trả trước một phần mười, trả một vạn đồng liền mua được nhà, sống trong đó. Sau đây, trả nợ từng kỳ, ba mươi năm mới trả sạch nợ! Tháng nào cũng phải trả, lãi suất cũng chẳng thấp. Nếu vay của ngân hàng chín vạn đồng, phải trả hơn một ngàn đồng [mỗi tháng]. Nếu thu nhập mỗi tháng của quý vị là ba ngàn đồng, căn nhà ấy đã chiếm hết một ngàn đồng, lại còn phải đóng thuế. Thuế rất nặng, gần như là một phần ba số tiền thu nhập. Bất quá người Mỹ rất vui vẻ đóng thuế, vì phúc lợi xã hội rất tốt, chánh phủ đích xác dùng món tiền ấy để phục vụ dân chúng. Thu nhập là ba ngàn đồng thì cuộc sống cũng khá căng thẳng. Còn phải đóng bảo hiểm, trả nợ xe, đều là trả nợ theo kỳ hạn, đâm ra toàn bộ đều mắc nợ, đều là vay nợ tín dụng. Bọn họ sống trong xã hội ấy đã quá quen thuộc, nhưng áp lực cuộc sống vẫn rất nặng. Người Hoa không quen sống như vậy, tôi chẳng thể nào sống cuộc đời như vậy, một thân nợ đũa ra, không được rồi! Sống cuộc đời ấy không nổi! Người Hoa thường nói: “*Chẳng nợ nần, thân nhẹ tênh*”. Chúng ta thường thấy người ngoại quốc hai mươi, ba mươi tuổi, nếp nhăn giữa hai mày rất sâu, từ đó thấy họ dễ già suy hơn người Hoa, có lắm nỗi lo nghĩ hơn chúng ta. Vì thế, phải nhận biết rõ ràng Ngã Kiến và Thân Kiến, phải coi chúng đạm bạc một chút, đừng chấp trước quá mức!

Liễu Phàm Tứ Huấn thật sự là một bộ sách hết sức có giá trị, vì sao? Đọc nhiều sẽ thật sự biết nhân quả báo ứng, hiểu “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng đã định sẵn*”, lòng người thật sự an ổn, tâm an lý đắc. Người ấy đã hiểu rõ, minh bạch đạo lý ấy, bèn an tâm, chẳng tham cầu, cũng chịu bố thí những gì chính mình đang có, vì người ấy thật sự hiểu rõ bố thí mới là gieo phước thật sự, bố thí mới là tích lũy chân thật. Quý vị bỏ ra, nhưng phước báo vẫn còn, còn an toàn hơn cất trong ngân hàng, quyết định chẳng bị mất đi. Xác thực là một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng đã định sẵn. Do đó, hiểu thân thể bất tịnh, chớ nên tham ái quá mức!

Thứ hai là “*quán thọ là khổ*”, Thọ (受) là hưởng thụ. Trong thế gian này, đừng nói là nhân gian, trên cõi trời cũng chẳng phải là ngoại lệ, dầu sanh vào cõi trời Phi Tướng Phi Tướng, những gì phải hứng chịu vẫn là khổ. Tam giới đều khổ, phải giác ngộ điều này! Dục Giới có ba

nỗi khổ là Khô Khô, Hoại Khô và Hành Khô, hứng chịu toàn bộ! Khô Khô gồm có tám loại lớn: Sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, Ngũ Âm lừng lẫy. Tám nỗi khổ ấy chen nhau nung nấu! Nếu muốn thật sự lìa khổ được vui, nói thật thà, chỉ có mình Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị vĩnh viễn chẳng có cách nào lìa khỏi những nỗi khổ ấy, quyết định phải hứng chịu!

Thứ ba là “*quán tâm vô thường*”. Tâm ở đây là cái tâm như phàm phu thường nói, tức là vọng tưởng, ý niệm. Ý niệm này sanh, ý niệm kia bèn diệt. Từ sáng đến tối, nếu quý vị chú ý đôi chút, trong một ngày quý vị dấy lên bao nhiêu niệm, không chỉ nghĩ tới một chuyện. Nếu quý vị nghĩ tới một chuyện, đó là Định, quý vị liền nhập Định. Suy nghĩ loạn xạ là vô thường, tâm quả thật vô thường. Suy nghĩ loạn xạ những gì? Hoàn toàn nghĩ đến lục đạo luân hồi. Quý vị đừng nghĩ những gì thân thể tạo tác [mới là nghiệp], miệng nói năng là tạo nghiệp, chứ trong tâm dấy vọng tưởng không sao cả! [Nghĩ như vậy tức là] không biết: Dấy một vọng tưởng là tạo một nghiệp. Ý niệm sanh diệt là ý nghiệp; thân, khẩu, ý thấy đều tạo nghiệp. Thân khẩu tạo nghiệp thì đến lúc quý vị ngủ, chúng sẽ ngừng. Quý vị đang ngủ, thân chẳng tạo nghiệp, khẩu cũng chẳng tạo nghiệp, nhưng vẫn nằm mộng. Nằm mộng là gì? Ý đang tạo nghiệp, vẫn là không ngừng, đáng sợ quá! Ý tạo nghiệp hết sức nghiêm trọng, chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này!

Đức Phật thường dạy chúng ta nghĩ một điều, đừng nghĩ quá nhiều. Nghĩ một điều gọi là tam-muội, đã định rồi! Nói cách khác, trước khi đạt đến Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, đều dùng thức thứ sáu (ý thức) để tu hành. Từ Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên, mới thật sự bỏ thức dùng căn, chẳng dùng tâm ý thức. Khi ấy, dùng Chân Như bản tánh, không phải là thánh nhân bình phàm, mà là đại thánh. Vì thế, phải hiểu: Tu học tam-muội đối với trình độ hiện tiền của chúng ta là dùng thức thứ sáu (ý thức), biến niệm Phật thành thói quen, giống như Thiệu Đạo đại sư đã dạy chúng ta một phương pháp: “*Thân chuyên lễ A Di Đà Phật*”. Chúng ta thờ hình tượng Phật, Bồ Tát, chỉ thờ một bức tượng, suốt đời chẳng thay đổi. Thờ tượng Phật chẳng cần quá cầu kỳ, chẳng cần phải thờ tượng là đồ cổ đã mấy trăm năm, hoặc mấy ngàn năm. [Thờ đồ cổ] như vậy chẳng nên, vì sao? Trong tâm vương mạng! Đây là báu vật, sợ kẻ khác trộm mất, sợ bị tổn hoại, tâm dấy lên nỗi vương vấn, tăng trưởng vọng niệm! Thờ một pho tượng Phật thông thường, tượng Phật trang nghiêm, chúng ta nhìn vào sanh tâm hoan hỷ là được rồi, suốt đời chẳng

thay đổi. Ta mỗi ngày nhìn tượng, lễ bái, trong tương lai chính mình vãng sanh, A Di Đà Phật sẽ hiện thân giống như pho tượng quý vị đang thờ, sẽ chẳng sai lầm! Con mỗi ngày ngắm Ngài, mỗi ngày lạy Ngài, nay thật sự gặp mặt. Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân, Phật, Bồ Tát chẳng có tướng nhất định. Tướng của Phật, Bồ Tát được sanh ra và biến hiện từ tâm tưởng của chúng sanh. Quý vị thường thay đổi tượng thờ, đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật hiện đến, [bèn phân vân]: “Hình tượng này rốt cuộc có đúng hay không?” Quý vị vẫn đánh dấu hỏi, chuyện này sẽ phiền phức to lắm! Dầu được vãng sanh, nhưng kinh đã nói “sanh về biên địa, nghi thành”. Vì thế, thờ nhiều tượng chẳng bằng thờ một bức, mỗi ngày ngắm nhìn, hằng ngày lễ bái, ghi nhớ trong tâm, ba nghiệp chuyên cần, đó là tu Định, là tu Niệm Phật tam-muội. Tu thành công bèn gọi là nhất tâm bất loạn. Niệm Phật tam-muội là danh xưng chung. Công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, đều là Niệm Phật tam-muội nói theo công phu cạn hay sâu. Chỉ cần niệm đến công phu thành phiền, bèn đắc Niệm Phật tam-muội, quả thật sẽ nắm chắc chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó gọi là Chánh Thọ. Vì vậy, phải biến tâm vô thường thành thường, thường nghĩ tới một chuyện.

Thứ tư là “*quán pháp vô ngã*”. Ngã (我) có nghĩa là chúa tể, tự tại; đó là định nghĩa của Ngã. Thân thể này của chúng ta, thân cũng là một pháp, trong ấy có Ngã hay không? Hãy nghĩ xem quý vị có tự tại hay không? Chính quý vị có thể làm chủ hay không? Không thể làm chủ! Nếu chính mình thật sự có thể làm chủ, [có thể khiến cho mình] tuổi trẻ, xinh đẹp thì hay quá! Năm nào cũng đều là mười tám tuổi, hay quá! Mỗi năm một mực một già hơn, tức là chẳng thể làm chủ! Chẳng có gì mà chính mình có thể tự tại, làm chủ được! Vì thế, Ngã chỉ có cái tên suông mà thôi, chẳng có Ngã thật sự! Nếu quý vị thường khởi lên sự quan sát thân tâm thế giới như vậy, sẽ có trí huệ, chẳng bị thân, tâm, thế giới mê hoặc.

Tứ Niệm Xứ là bốn cách quan sát trí huệ, [vận dụng bốn pháp ấy], thân tâm thế giới mới có thể buông xuống được!

(Sao) Tứ Chánh Cần giả, giải kiến tiền văn. Dĩ sanh thiện diệt ác, bất giải thi cố, danh chi vi Cần. Cần sở đương cần, hợp u lý cố, danh Chánh Cần dã.

(鈔) 四正勤者，解見前文。以生善滅惡，不懈弛故，名之為勤。勤所當勤，合於理故，名正勤也。

(Sao: *Tứ Chánh Cần: Xem giải thích trong đoạn văn thuộc phần trước. Do sanh thiện, diệt ác, chẳng lười nhác, buông lung. Siêng năng những chuyện đáng nên siêng năng, do hợp lý nên gọi là Chánh Cần.*)

Tứ Chánh Cần chia thành hai cảnh giới thiện và ác. “*Dĩ sanh ác linh đoạn, vị sanh ác linh bất sanh*” (Điều ác đã sanh bèn làm cho đoạn dứt, điều ác chưa sanh khiến cho nó chẳng sanh), đó là hai điều ác. Ta đã làm chuyện ác, từ hôm nay trở đi, hãy đoạn dứt nó, sau này chẳng còn làm nữa. Phải siêng năng đoạn ác. Điều ác chưa sanh, phải thường dấy lên sự cảnh giác, quyết định chẳng để nó sanh khởi. Đó là Chánh Cần đối với điều ác. Đối với thiện, “*dĩ sanh thiện linh tăng trưởng*” (điều thiện đã sanh bèn khiến cho nó tăng trưởng), biết điều ấy là chuyện tốt, ta hy vọng chuyện tốt có thể có tiến bộ, có thể tăng trưởng. “*Vị sanh thiện linh sanh*” (Điều thiện chưa sanh khiến cho sanh), biết có rất nhiều việc thiện, nhưng ta còn chưa phát tâm thực hiện, phải khích lệ chính mình, phát tâm nỗ lực thực hiện. Bốn điều này được gọi là Chánh Cần, vì sao? Do chúng hợp lý, hãy nên siêng năng [thực hiện].

(Sao) *Tứ Như Ý giả, diệc danh Tứ Thần Túc.*

(鈔) 四如意者，亦名四神足。

(Sao: *Tứ Như Ý còn gọi là Tứ Thần Túc.*)

“*Thần*” là thần thông, *Túc* là Mãn Túc (滿足: trọn đủ, thỏa mãn). Bốn thứ thần thông ấy đều trọn đủ, hề trọn đủ bèn như ý. Như Ý là thỏa mãn, nên Như Ý chính là dịch theo ý nghĩa.

(Sao) *Sở vị Dục Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Huệ Như Ý Túc.*

(鈔) 所謂欲如意足、心如意足、勤如意足、慧如意足。

(Sao: *Chính là Dục Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Huệ Như Ý Túc.*)

Là bốn loại ấy.

(Sao) Lương do Niệm Xứ Chánh Cần dĩ lai, tinh tấn tăng đa, Định tâm sảo nhược, tu thử tứ chủng Định lực nhiếp tâm, tắc Trí, Định quân đẳng, năng đoạn kết sử, sở nguyện giai toại, danh Như Ý Túc dã. Hợp thử thất loại, tắc vi tam thập thất phẩm.

(鈔) 良由念處正勤以來，精進增多，定心稍弱，修此四種定力攝心，則智定均等，能斷結使，所願皆遂，名如意足也。合此七類，則為三十七品。

(Sao: Do Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Cần mà tinh tấn tăng thêm nhiều, Định tâm khá yếu, tu bốn thứ Định lực này để nhiếp tâm, ắt Trí và Định sẽ cân bằng, có thể đoạn kết sử, sở nguyện đều toại, nên gọi là Như Ý Túc. Hợp bảy loại này sẽ thành ba mươi bảy phẩm).

Ở đây, bốn điều này được giải thích rất rõ ràng. Cả bốn điều đều thuộc về Định, tri túc là Định. Tri túc, tâm sẽ chẳng cầu. Điều thứ nhất là Dục. Người đời nói “*biển dục khó lấp đầy*”, dục vọng của con người chẳng có đáy! Vì thế, bảo quý vị phải tri túc, bảo quý vị quay đầu. Những người giàu có, sang trọng ở Trung Hoa xưa kia tay thường cầm Như Ý. Như Ý có ý nghĩa gì? Đầu của cây Như Ý cong ngược lại, nhìn thấy thứ ấy, bèn nghĩ: “Ta phải tri túc, phải quay đầu. Đủ rồi! Chớ nên mong nhiều hơn nữa”. Quay đầu như ý, hễ quay đầu bèn như ý. Nhà Phật nói: “*Quay đầu là bờ*”. Phú quý đến một mức độ nào đó, chớ nên tăng hơn nữa. Tăng hơn nữa, họa hại sẽ đưa tới! Do đó, đã đạt đến một mức độ kha khá, người có trí huệ bèn quay đầu, chẳng cầu nữa. Người đọc sách tại Trung Quốc xưa kia quả thật có trí huệ. Vào cuối đời Thanh, Tăng Quốc Phiên rất lỗi lạc. Tăng Quốc Phiên làm quan, đại khái dưới hoàng đế là ông ta. Ông ta từng làm Tổng Đốc bốn tỉnh. Đời Thanh, chức quan địa phương lớn nhất là Tổng Đốc. Tổng Đốc cai quản hai tỉnh, Tuần Phủ giống như Tỉnh Trưởng, cai quản một tỉnh. Trên Tuần Phủ là Tổng Đốc, Tổng Đốc cai quản hai tỉnh. Chức Tổng Đốc của Tăng Quốc Phiên là Đại Tổng Đốc, trông coi bốn tỉnh. Từ khi có nhà Thanh đến nay, chẳng có ai làm quan to như ông ta. Thư phòng của ông có treo một bức hoành phi đề Cầu Khuyết Trai (求闕齋). Người ta cầu viên mãn, ông cầu thiếu sót một chút, đó là ý nghĩa “quay đầu”. Ông ta biết quay đầu, nên còn có thể bảo toàn địa vị, chẳng gặp đổ ky, còn có thể duy trì cả nhà, con cháu đều vẫn khá lắm, mãi cho đến hiện tại. Hiện thời, tại Đài Loan, bà Tăng Bảo Tôn⁴⁵ là hậu duệ của Tăng Quốc Phiên. Đó là hữu đức, biết

quay đầu. Bốn điều ấy đều là tri túc, tri túc đối với bốn thứ pháp môn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, giữ lại đoạn này để lần sau tôi sẽ cùng quý vị nghiên cứu cặn kẽ hơn.

---o0o---

Tập 168

Xin Xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi một:

(Sao) Tứ Như Ý giả, diệt danh Tứ Thần Túc. Sở vị Dục Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Huệ Như Ý Túc. Lương điều Niệm Xứ Chánh Cần dĩ lai, tinh tấn tăng đa, Định tâm sảo nhược, tu thử tứ chủng Định lực nhiếp tâm, tặc Trí, Định quân đẳng, năng đoạn kết sử, sở nguyện giai toại, danh Như Ý Túc dã. Hợp thử thất loại, tặc vi tam thập thất phẩm.

(鈔) 四如意者，亦名四神足。所謂欲如意足、心如意足、勤如意足、慧如意足。良繇念處正勤以來，精進增多，定心稍弱，修此四種定力攝心，則智定均等，能斷結使，所願皆遂，名如意足也。合此七類，則為三十七品。

(Sao: Tứ Như Ý còn gọi là Tứ Thần Túc. Chính là Dục Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Huệ Như Ý Túc. Do từ Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Cần mà tinh tấn tăng thêm nhiều, Định tâm khá yếu, tu bốn thứ Định lực này để nhiếp tâm, ắt Trí và Định sẽ cân bằng, có thể đoạn kết sử, sở nguyện đều toại, nên gọi là Như Ý Túc. Hợp bảy loại này sẽ thành ba mươi bảy phẩm).

Khoa này được gọi là Như Ý Túc. Túc có nghĩa là Mãn Túc (thỏa mãn), Mãn Túc là Định. Chẳng thỏa mãn, tâm kẻ ấy sẽ động. Đã thỏa mãn, tâm sẽ bất động. Pháp thế gian thường nói “tri túc thường lạc”, Túc trong tri túc và Tứ Thần Túc ở đây có ý nghĩa tương đồng. Hễ tri túc liền như ý, người chẳng tri túc sẽ vĩnh viễn chẳng như ý. Ở Trung Quốc vào thời cổ, nêu có địa vị cao trong xã hội, hoặc đã phát đạt, ta thường nói là “phát tài”, kẻ ấy có của cải khá khá. Khi ấy, người đó phải biết đề cao cảnh giác, cũng có thể nói là bất luận trí huệ hay của cải đã đạt đến

một mức độ kha khá, phải biết quay đầu, phải biết thỏa mãn thì người ấy mới được gọi là có phước báo thật sự. Nếu vĩnh viễn chẳng biết đủ, trong tương lai sẽ mắc họa hại. Dùng vật gì để nâng cao sự cảnh giác của chính mình? Trên tay thường cầm một cây Như Ý, hoặc trong nhà có bày một cây Như Ý, để chính mình thường xuyên trông thấy. Để nhấn mạnh [ý nghĩa tri túc], Như Ý được làm bằng ngọc, tức Ngọc Như Ý, dẫu chẳng phải là thuần túy bằng ngọc, mà là trong cây Như Ý có khảm ngọc. Như Ý được chế sao cho đầu của nó uốn cong ngược lại [hướng về phía giữa thân], nên gọi là Hồi Thủ Như Ý (như ý quay đầu). Vật này nhằm nhắc nhở quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tưởng “ta phải quay đầu, hễ quay đầu liền như ý”. Quay đầu có nghĩa là Đủ Rồi, giống như chữ Túc ở đây. Thỏa mãn bèn quay đầu, chẳng cầu mong nữa. Hễ còn cầu, sẽ mắc họa hại. Đó gọi là “*mãn chiêu tôn, khiêm thọ ích*”, [nghĩa là] khiêm hư sẽ có thể thật sự hưởng thụ lợi ích; kẻ chẳng biết đủ, đến cuối cùng nhất định gặp tai nạn.

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta đối với pháp thế gian và xuất thế gian đều phải tri túc. Hễ tri túc, tâm bèn định, đã định mới có thể khai huệ. Ở đây, đại sư nói rất hay: Từ “*Niệm Xứ Chánh Cần*” trong phần trước, vì Tứ Niệm Xứ là Huệ, là quán chiếu bằng trí huệ, lại còn thêm Tinh Tấn trong Tứ Chánh Cần, nên “*Tinh Tấn tăng đa*” (Tinh Tấn tăng thêm nhiều). Huệ nhiều, Tinh Tấn nhiều, Định ít. Nếu chẳng có Định, Huệ ấy sẽ biến thành cuồng huệ, chẳng phải là trí huệ thật sự. Trí huệ thật sự nhất định phải tương ứng với Định, cảnh giới “Định Huệ cân bằng” là cảnh giới tốt đẹp nhất. Yêu cầu của Thiền Tông từ đầu đến cuối đều nhấn mạnh Định Huệ cân bằng. Thiền môn là như thế, mà Giáo Hạ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Giáo Hạ không gọi là Thiền Định, mà gọi là Chỉ Quán. Chỉ là Định, Quán là Huệ. Vì thế, gọi là Chỉ Quán Song Vận, [nghĩa là] Chỉ và Quán cân bằng, vẫn mang ý nghĩa “Định và Huệ bình đẳng”. Dẫu cho chúng ta tu Tịnh Độ, niệm câu A Di Đà Phật, cũng nhấn mạnh Định Huệ cân bằng. Thế mà niệm Phật lại còn xảo diệu hơn, đơn giản, dễ dàng hơn các pháp môn khác, vì một câu A Di Đà Phật, Định Huệ liền bình đẳng. Quý vị niệm câu A Di Đà Phật, trong tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm, đó là Định. Niệm một câu A Di Đà Phật rành mạch, rõ ràng, Phật hiệu sanh từ trong tâm, từ miệng niệm ra, lại nghe lọt vào tai của chính mình, đó là Huệ. Một câu Phật hiệu, Định và Huệ thấy đều trọn đủ, đích xác là dễ dàng hơn Tông Môn và Giáo Hạ nhiều lắm.

Ắt cần phải dùng bốn thứ Định lực để nhiếp tâm, hòng đạt tới Định Huệ cân bằng. Chỉ có Định Huệ cân bằng thì mới có thể đoạn phiền não. Đoạn phiền não thì tầng cấp đầu tiên là đoạn từ Kiến Tu phiền não. “*Kết sử*” (結使) là Kiến Tu phiền não; lại phá Trần Sa và Vô Minh, đó là công phu chân thật.

Trong bốn thứ ấy, thứ nhất là Dục, nói đơn giản là dục vọng. Con người trong thế gian này đều có dục vọng. Nếu quý vị chẳng có dục vọng, sẽ chẳng sanh trong nhân gian, mà cũng chẳng bị luân chuyển trong lục đạo. Chúng sanh trong lục đạo đều có dục vọng. Bất luận dục vọng của quý vị là gì, đều phải biết ngưng dứt. Tứ Như Ý Túc là như Khổng lão phu tử đã dạy con người phải “*tri chí*” (知止), [tức là] biết đến giai đoạn nào thì phải đình chỉ, ngừng ở chỗ ấy, đó cũng là tri túc, chớ nên vượt qua. Dầu chính mình có phước, tuy có phước mà nếu biết ngừng nghỉ, phước ấy sẽ biến thành đức, chúng ta thường nói là “*phước đức*”, quả báo ấy càng chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta hãy nhìn vào các bậc đại thánh đại hiền tại Trung Quốc và ngoại quốc xưa nay. Tại Trung Quốc, đối với các nhân vật lịch sử, có ba người được Ấn Quang đại sư lão nhân gia tán thán nhất. Thứ nhất là Khổng lão phu tử, thứ hai là Phạm Trọng Yêm, thứ ba là Diệp Trang Nguyên đầu đời Thanh. Lão nhân gia nói gia tộc của ba vị ấy mãi cho đến đầu thời Dân Quốc, đời đời chẳng suy vi. Hậu duệ của Khổng lão phu tử là ông Khổng Đức Thành, nay đang làm Viện Trưởng Khảo Thí Viện⁴⁶, [gia tộc Khổng Tử] đã trải qua bảy mươi mấy đời, đời đời chẳng suy vi. Đó là do Khổng lão phu tử tích đức to lớn. Con cháu đời sau, hề nghe nói là hậu duệ của Khổng lão phu tử đều được người ta kính cẩn, cung kính. Nói thật ra, chẳng phải là kính trọng những người ấy, mà là tôn kính tổ tiên của họ. Chúng ta thường nói là “*du âm, phước trạch của tổ tiên truyền lại cho người đời sau*”. Không chỉ ở Trung Quốc, mà ông Khổng Đức Thành ra ngoại quốc, người ngoại quốc nghe giới thiệu ông ta là hậu duệ của Khổng phu tử cũng đều hết sức kính trọng, đối xử đặc biệt lễ độ.

Trong Luận Ngữ, các học trò đã phê bình Khổng lão phu tử là “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*”. Suốt một đời, Khổng lão phu tử đã thật sự thực hiện năm chữ ấy. Ôn hòa, thiện lương, cung kính lễ độ đối với người khác, sống tiết kiệm, chẳng có mảy may xa xỉ, mọi chuyện Ngài đều có thể nhường nhịn người khác, chính mình thoái lui. Các học trò công nhận đức hạnh của Phu Tử là như thế. Chúng ta nghe năm chữ ấy

cũng chẳng khó hiểu. Nếu thật sự thực hiện năm chữ ấy, quý vị là thánh nhân. Chúng ta thấy đức Phật cũng giống như vậy, Ngài là bậc đại thánh thể gian và xuất thế gian. Vì thế, đức trạch của Ngài gia bị con cháu hơn hai ngàn năm trăm năm.

Vị thứ hai là Phạm Trọng Yên, từ sử sách, chúng ta đã đọc truyện ký của vị này. Thuở trẻ, gia cảnh hết sức nghèo khó, đọc sách trong chùa miếu. Trước kia, trong quá khứ, tôi đã thừa cùng quý vị, đạo tràng thuở xưa tại Trung Quốc là để dạy học. Tự viện có công hiến vô cùng to lớn, tuy trường học chẳng phổ cập, nhưng tự viện am đường quả thật đã phổ biến khắp nước, đó là cơ cấu giáo dục của quốc gia. Xưa kia, đọc sách thì đến đâu để đọc? Đến chùa miếu để đọc, thậm chí ở luôn trong tự miếu. Vì trong tự miếu, lầu tàng kinh giống như thư viện hiện thời. Thuở ấy, sách vở rất ít, tìm được một quyển sách khá khó khăn. Trong chùa miếu có lầu tàng kinh, không chỉ là kinh Phật, mà kinh, sử, tử, tập⁴⁷, thứ gì cũng đều có. Vì lẽ đó, người xuất gia tức pháp sư đối với pháp thể gian và xuất thế gian đều thông đạt.

Pháp sư Ấn Quang đọc rất nhiều; trong Văn Sao, đối với pháp thể gian và xuất thế gian, Ngài đã trích dẫn kinh điển biết là bao nhiêu! Ngài trụ trong lầu tàng kinh của Phổ Đà Sơn ba mươi năm, giống như ở tại thư viện suốt ba mươi năm, những tài liệu rất phong phú. Trước đây, người đọc sách đến tự miếu để đọc sách. Không chỉ sách vở đầy đủ, nên quý vị chẳng cần phải mua, mà đồng thời, nếu có những chỗ nghi nan, có thể thỉnh giáo pháp sư. Pháp sư thông đạt pháp thể gian lẫn pháp xuất thế gian. Do đó, trong tự miếu có thầy và cũng có bạn học. Nó chẳng phải là một trường học chánh thức, nhưng chắc chắn chẳng kém một trường học chánh thức nào. Trước kia, trong xã hội Trung Quốc cổ xưa, nền giáo dục bình dân quả thật đã đặc lực nhờ Phật Giáo, hoàn toàn khác hẳn chùa miếu ở Đài Loan trong hiện tại. Trách nhiệm của tự miếu xưa kia là giáo hóa cả một vùng!

Thuở trẻ, Phạm Trọng Yên đọc sách trong chùa miếu, cuộc sống rất khổ. Theo truyện ký chép, mỗi ngày ông nấu một nồi cháo, chia cháo thành bốn phần, mỗi bữa ăn một phần, chẳng có thức ăn gì hết. Sống cuộc đời siêng khổ dường ấy! Có một hôm, ông phát hiện vàng chôn trong chùa miếu, chẳng biết do ai chôn giấu dưới đất, số lượng khá đáng kể, ông ta trông thấy, nhưng chẳng động tâm! Nghèo nàn, khổ sở dường ấy, thấy vàng nhiều ngàn ấy, mà chẳng động tâm, vẫn đem chôn xuống, cũng chẳng nói cho ai biết. Về sau, ông ta đã làm Tể Tướng. Ngôi chùa ấy lâu năm không được tu bổ, [tặng chúng trong chùa] nghĩ ông ta trước

kia đã học hành trong chùa, nói chung là có một đoạn nhân duyên, nay ông ta làm quan to đường ấy, bèn đến hóa duyên đôi chút để sửa chùa. Vị Tế Tướng ấy quả thật rất phóng khoáng, liền tặng cho chùa mấy trăm lạng vàng. Người trong chùa hỏi: “Vàng ở đâu ạ?” Ông cho biết món vàng ấy ở chỗ nào trong chùa, chôn giấu dưới đất, quý vị đào lên cũng đủ cho quý vị sửa chùa. Người ta mới biết ông ta thật sự phi phàm, chẳng động tâm trước tài sắc.

Không chỉ là như thế, điều khó có nhất, là suốt đời ông sống cuộc đời của một chàng tú tài nghèo khổ. Làm quan to như vậy, bổng lộc nhiều, bèn đem món bổng lộc ấy để nuôi con em của hơn ba trăm gia đình nghèo hèn trong địa phương, những đứa có thể đào tạo thành tài ông đều tìm về, lập trường học miễn phí để thay quốc gia bồi dưỡng nhân tài. Chính mình vẫn sống cuộc đời giống như chàng tú tài nghèo túng xưa kia, lỗi lạc thay! Ông có năm người con, hai người làm Tế Tướng, giống như Hành Chánh Viện Trưởng (Thủ Tướng) hiện thời. Một người làm Ngự Sử Đại Phu, tương đương với Giám Sát Viện Trưởng⁴⁸. Khi chết, chẳng có tiền mua quan tài, tiền đi đâu hết? Toàn bộ đều dùng vào sự nghiệp từ thiện, bố thí hết sạch. Lúc tuổi già, ông đem ngay căn nhà của chính mình bố thí cho Phật Giáo sửa thành tự miếu. Vì thế, nhà họ Phạm mãi cho đến đầu thời Dân Quốc, đời nào cũng xuất hiện nhân tài, luôn luôn chẳng suy vi. Tổ Ấn Quang nói gia tộc ông ta tám trăm năm chẳng suy vi, vì sao? Do con cháu có thể kế thừa đức hạnh của tổ tiên, con cháu các đời đều tốt đẹp như thế, đặc lực nhờ điều gì? Tri túc. Trong sự hưởng thụ cuộc sống vật chất, họ tri túc. Dầu cho chính mình phát đạt, có tiền của, bèn đem tiền của ấy làm chuyện lợi ích xã hội cho mọi người chung hưởng. Phước ấy ngày càng lớn, con cháu hưởng thụ chẳng hết!

Pháp thế gian và xuất thế gian đều nhân mạnh tri túc, tri túc thường lạc. Từ những nhân vật lịch sử như vậy, [chúng ta thấy] cuộc sống vật chất của họ thoát nhìn kham khổ, nhưng cuộc sống tinh thần đã đạt tới tột đỉnh, lũ bình phàm chúng ta tuyệt đối chẳng thể tưởng tượng được! Tâm họ thanh tịnh lắm, sung sướng lắm, giúp đỡ bao nhiêu người, khiến cho bao nhiêu người có thể an cư lạc nghiệp, khiến cho bao nhiêu người trẻ tuổi có thể thành tựu học nghiệp, trong tương lai sẽ cống hiến cho quốc gia và xã hội. Người thế gian còn như thế, huống gì người học Phật? Phật pháp, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, phải vận dụng Phật pháp nơi bản thân, vận dụng vào gia đình, vận dụng trong sự nghiệp, vận

dụng trong quốc gia và xã hội thì mới đáng gọi là “thật sự hành Bồ Tát đạo”.

Kẻ chẳng hiểu Phật pháp, quý vị thấy người thế gian, nếu quan sát kỹ càng, thấy đều bày ra trước mặt. Chúng ta thấy những kẻ phát đạt hiện thời, có thể truyền được mấy đời? Có thể truyền được ba đời thì tuyệt diệu quá! Nói thật ra, truyền được ba đời hết sức hiếm có! Thuở trẻ trung, khỏe mạnh, lừng lẫy vẻ vang, lúc tuổi già khổ chẳng kể xiết! Nghèo túng mặt rệp, chúng tôi trông thấy rất nhiều! Ngay trong một đời mà chính mình còn chẳng giữ được, vì sao? Hưởng sạch phước báo trong khi phát đạt, chẳng tiếp tục tu phước. Lúc phát đạt bèn tác oai, tác quái! Thuở tôi còn trẻ, thấy nhiều người làm quan to, lúc họ ở Đại Lục đúng là không ai sánh bằng! Một người bạn của cha tôi lúc ở Đại Lục làm sĩ quan quân đội, từng làm Tổng Tư Lệnh, trong nhà có đến mười mấy kẻ hầu, đầy tớ; đúng là “gọi một tiếng, trăm người dạ”. Sau khi đến Đài Loan, từng làm quan Phó Tư Lệnh Phòng Thủ khu vực miền Trung. Sau khi về hưu, hai vợ chồng cô quạnh, chẳng có lấy một kẻ hầu, đã bảy mươi mấy tuổi vẫn phải tự mình xách giỏ ra đường mua thức ăn, tôi thấy đúng là đáng thương! Nghĩ lại thuở đắc chí, đúng là khác biệt vơi vơi một trời một vực! Lúc ấy, tôi đã học Phật, tôi khuyên cụ học Phật, cụ bảo: “Phật pháp hay lắm! Hiện thời, bác chẳng có thời gian, vài năm sau sẽ học”. Mấy năm sau chết ngắc, thiếu phước mà! Chúng ta thấy rõ những chuyện trước mắt, nhớ kỹ giáo huấn này: Khi chính mình đắc chí, khi phước báo của chính mình hiện tiền, ngàn muôn phần đừng hưởng hết sạch, hãy lưu lại một chút cho mai sau!

Do vậy, tuổi trẻ có phước báo, chẳng phải là phước báo. Lúc tuổi già, có phước báo thì mới là thật sự có phước báo. Lúc tuổi già, thể lực suy yếu, hết thấy đều thoái hóa, khi ấy, có người chăm sóc thì đúng là có phước. Thuở tuổi trẻ, chính mình có thể lực, chịu khổ một chút cũng không sao! Hưởng thụ thuở trẻ thì chẳng phải là phước, lúc tuổi già có phước mới là thật sự có phước báo. Nếu hy vọng chúng ta có phước lúc tuổi già, lúc xế bóng chẳng chịu khổ, quý vị phải ghi nhớ: Phải tu phước trong hiện tại. Hiện tại chẳng tu phước, đến tuổi già lụn, hối hận chẳng kịp! Tu phước nhất định phải nắm chắc cơ duyên, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Tài vi ngũ gia cộng hữu*” (Tài sản là của chung của năm nhà)⁴⁹. Nay quý vị có tiền của, nói không chừng, ngày mai mất sạch.

Tâm Như Ý Túc: Dục trong phân trước là vật chất. Đối với dục vọng phải tri túc, tâm cũng phải tri túc. Tâm là nói tới tinh thần, cái được gọi là “tâm an lý đắc” hết sức quan trọng. Nếu tâm tri túc, tâm bèn định.

Nếu dục tri túc bèn vô cầu, đó gọi là “*chẳng tranh với người, chẳng mong cầu nơi đời*”. Đó là Dục Như Ý Túc. Tâm Như Ý Túc: Nay chúng ta tuyên chọn pháp môn này hay lắm, hết sức thù thắng. Chúng ta chọn lựa pháp môn Niệm Phật Vãng Sanh Tịnh Độ, tâm chúng ta liền an trụ nơi pháp môn này. Tuy có rất nhiều pháp môn, nhưng chúng ta chẳng cần học. Liên Trì đại sư nói: “*Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ*”, quý vị muốn ngộ pháp nào, để cho quý vị ngộ pháp ấy. “*Tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành*”. Trong Tam Tạng mười hai bộ kinh, chúng ta chọn lấy một bộ, trong tám vạn bốn ngàn hạnh, chúng ta chọn một hạnh môn.

Toàn bộ kinh điển của Tịnh Tông không nhiều lắm, năm kinh, một luận! Xét theo hạnh môn là “*tín nguyện trì danh*”, do một câu A Di Đà Phật quyết định vãng sanh. Tam Tạng mười hai bộ, tám vạn bốn ngàn hạnh, chờ chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp A Di Đà Phật rồi sẽ học! Khi ấy là vô lượng thọ, có thời gian, có thọ mạng! Hơn nữa, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thầy và bạn học đều là hạng nhất. Do đó, học rộng nghe nhiều để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới làm. Hiện tại, tạm thời buông hết xuống, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm đã thỏa mãn, tâm liền tự tại, như ý là tự tại. Trong Tứ Như Ý Túc, hai điều này quan trọng nhất; hai điều sau là tăng thượng duyên.

“*Cần*” (勤) là tinh tấn, quý vị thật sự chuyên tâm! Chuyên cần nơi một pháp môn, tự lợi, lợi tha, đó là Cần Như Ý Túc. Huệ Như Ý Túc là do đã định trước đó, từ Tâm Như Ý Túc mà có. Tâm quý vị thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, điều gì cũng đều hiểu rõ, điều gì cũng thông hiểu, đó là Huệ Như Ý Túc. Vì thế, trong bốn điều này, hai điều trước là then chốt. Đã đạt được hai điều trước, chắc chắn đạt được hai điều sau, sẽ khiến cho quý vị thành tựu nhanh chóng.

Trong Ba Mười Bảy Đạo Phàm, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần và Tứ Như Ý hữu ích rất lớn cho chúng ta tu học trong giai đoạn hiện tại. Nói thật ra, Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, thật sự thấy thấu suốt. Tứ Chánh Cần là dạy quý vị tinh tấn, đoạn ác tu thiện. Tứ Như Ý Túc là buông xuống. Thật sự có thể buông xuống. Hễ buông xuống liền như ý, liền tự tại. Hễ quý vị có chuyện gì chẳng thể buông xuống, sẽ chẳng tự tại. Quý vị còn có phiền não, còn có vướng mắc, sẽ chẳng như ý. Do lẽ đó, phải thật sự buông xuống, tâm an lý đắc, tự tại như ý.

(Sao) Bà Sa, Trí Luận, giai dĩ dụ hiển, Niệm Xứ như chủng tử, Chánh Cần như tài thực, Thân Túc như trữu nha, Ngũ Căn như sanh

căn, Ngũ Lực như hành diệp, Giác Chi như khai hoa, Thánh Đạo như kết quả, cổ danh Đạo Thụ. Đur nhất thiết pháp giả, như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn đẳng.

(鈔) 婆沙智論，皆以喻顯，念處如種子，正勤如栽植，神足如抽芽，五根如生根，五力如莖葉，覺支如開華，聖道如結果，故名道樹。餘一切法者，如四心六度，無量法門等。

(Sao: Luận Tỳ Bà Sa và Trí Độ Luận đều dùng tỷ dụ để giảng rõ: Niệm Xứ như hạt giống, Chánh Căn như gieo trồng, Thần Túc như nảy mầm, Ngũ Căn như mọc rễ, Ngũ Lực như thân, lá, Giác Chi như trở hoa, Thánh Đạo như kết quả, nên gọi là Đạo Thụ (cây đạo). “Hết thầy các pháp khác” là như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn v.v...).

Đại sư lại dẫn Tỳ Bà Sa Luận và Đại Trí Độ Luận, trong hai bộ luận ấy đều nói theo cách ấy, đều dùng tỷ dụ để giảng giải về mối quan hệ giữa Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Do điều này ta biết: Người học Phật, bất luận quý vị học theo tông phái hay pháp môn nào, chắc chắn chẳng thể đảo lộn thứ tự của Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, nhất định phải chiếu theo đúng thứ tự ấy để tu học. Ngài so sánh giai đoạn, tầng cấp trong tu học giống như quá trình sanh trưởng của một cái cây.

“Niệm Xứ như chủng tử”, có thể thấy Tứ Niệm Xứ rất quan trọng! Chẳng có chủng tử (hạt giống), chẳng còn gì để nói nữa! Chủng tử là trí huệ, Tứ Niệm Xứ là Huệ Quán. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp diệt độ, các đệ tử thấy vậy, lo lắng! Lúc Phật tại thế, mọi người cùng trụ nơi Phật. Sau khi đức Phật diệt độ, chúng con trụ nơi ai? Đó là một trong bốn câu hỏi do ngài A Nan nêu ra trước khi đức Phật diệt độ: “*Chúng con nên nương vào ai để trụ?*” Khi đức Phật còn tại thế, đức Phật là thầy. Phật nhập diệt, chúng con lấy ai làm thầy? Đức Phật dạy: “*Lấy Giới làm thầy, nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ*”. Quý vị liền biết Tứ Niệm Xứ quan trọng lắm! Trong tâm chẳng có Niệm Xứ và giác quán, thì chẳng có cách nào thành tựu đạo nghiệp. Hiện tiền, bất luận xuất gia hay tại gia, tu học mấy chục năm, vì sao tập khí phiền não chẳng thể đoạn, đạo nghiệp chẳng thành tựu? Quý vị hãy quan sát cẩn kẽ, họ chẳng có chủng tử Niệm Xứ. Đừng nói là họ tu mấy chục năm, dầu tu mấy trăm năm, mấy ngàn năm, vẫn chẳng thể thành tựu. Nếu họ thật sự thành tựu, thì chẳng phải là thành Phật hay thành Bồ Tát, mà là thành ma! Họ tu thành yêu ma, quỷ quái, vì chẳng có chủng tử Tứ Niệm Xứ! Thiên Thai đại sư giảng Niệm Xứ hết sức rõ ràng, mà cũng giảng rất nhiều. Lão nhân gia giảng Tứ

Giáo Tứ Niệm Xứ là Tạng Giáo Tứ Niệm Xứ, Thông Giáo Tứ Niệm Xứ, Biệt Giáo Tứ Niệm Xứ, và Viên Giáo Tứ Niệm Xứ.

“*Chánh Cần như tài thực*” (Chánh Cần như gieo trồng): Có hạt giống, mà chẳng có Chánh Cần, [giống như] bỏ hạt giống ấy trong chén lưu ly, để suốt một trăm năm nó cũng chẳng thể mọc thành cây! Chánh Cần là đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện, quá trọng yếu! Đoạn ác tu thiện là bắt đầu tu hành thật sự. Suốt một đời, Ấn Quang đại sư lưu thông Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư, và Cảm Ứng Thiên Vựng Biên với một số lượng đặc biệt lớn, vì sao? Ba thứ ấy nhằm vun bồi. Ba thứ ấy dạy chúng ta hiểu rõ thiện ác, nhận biết thiện ác, hạ quyết tâm đoạn ác tu thiện, học từ chỗ này! Liễu Phàm Tứ Huấn chẳng phải là kinh Phật. Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn trong An Sĩ Toàn Thư và Cảm Ứng Thiên đều là của Đạo Giáo, đều chẳng phải là Phật Giáo, nhưng lời chú giải của hai thứ ấy là chú giải theo ý nghĩa trong kinh Phật. Sách Đạo Giáo được Phật Giáo chú giải liền biến thành Phật Giáo. Cùng một đạo lý, kinh điển Phật Giáo bị Đạo Giáo chú giải liền biến thành Đạo Giáo, chắc chắn chẳng phải là kinh điển Phật Giáo. Vì thế, lão pháp sư suốt đời đặc biệt đề xướng. Chúng ta là người học Phật, bất luận là xuất gia hay tại gia, học từ nơi đâu? Học từ đoạn ác tu thiện. Vì lẽ đó, [Tứ Chánh Cần] giống như vun trồng, gieo trồng.

“*Thần Túc như trửu nha*” (Thần Túc như nẩy mầm). Tứ Thần Túc, quý vị tri túc. Nói đơn giản, quý vị tu học, tâm đã định; đã định bèn nẩy mầm. Hiện thời, thường là chúng ta tu học, nhưng hỏi quý vị đang học gì? Chẳng biết! Vừa niệm Phật, vừa niệm chú, vừa tụng kinh, vừa làm pháp hội, lại đi khắp nơi lễ bái lung tung, chẳng biết đang học gì! Làm sao có thể thành tựu cho được? Biết chúng ta đang học gì, tu gì, điều ấy giống như nẩy mầm, đâm mộng. Do điều này ta biết, ý nghĩa của nẩy mầm là bất luận quý vị học pháp môn nào, nhất định là chuyên rỗng, chuyên chú một môn, rỗng rặt một môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị chỉ có thể chọn một môn, liền nẩy mầm! Ngàn kinh vạn luận, quý vị cũng chỉ có thể chọn một quyển thì mới có thể thành công, học nhiều sẽ không được! Cố nhiên, Tứ Hoàng Thệ Nguyên có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học nhằm độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh thì trước hết chính mình phải thành tựu. Thành tựu chính mình là chuyên rỗng một môn thì mới có thể thành tựu. Sau khi chính mình đã thành tựu thì mới có năng lực học hết thầy pháp môn hồng giúp đỡ người khác, chúng ta học Phật chớ nên không biết điều này! Quý vị xem cái cây, cây mọc trước hết là một thân cây chánh, đó là

chuyên rỗng. Sau khi thân chánh đã mọc xong, nó mới có cành nhánh, mới có hoa quả, đó là pháp môn vô lượng thế nguyện học. Do vậy, quá trình tu học Phật pháp đích xác là giống như một cái cây tăng trưởng, trước hết phải có rễ và gốc. Nảy mầm là gốc, Ngũ Căn, Ngũ Lực là cội gốc đã mọc to khỏe. Sau khi to khỏe, nó mới có cành nhánh, mới có cành lá. Càng tăng trưởng càng nhiều, đó là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”.

Không riêng gì chúng ta phải đợi tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để học hết thầy pháp môn! Trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền đã nói rõ: Các Ngài cũng là tới Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đại nguyện và đại hạnh mới có thể viên mãn! Nói cách khác, nếu không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát chẳng thể viên mãn, mười loại hạnh môn của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cũng chẳng thể viên mãn. Mười món hạnh môn của Ngài là Thập Ba La Mật, là Thập Độ. Đó là bậc Đẳng Giác Bồ Tát đấy nhé! Nếu muốn nguyện hạnh viên mãn đều phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, huống gì chúng ta? Chúng ta muốn cầu viên mãn trong thế gian này, sẽ chẳng làm được!

Cổ nhiên, trong lịch đại tổ sư đại đức, quả thật có không ít vị thông Tông, thông Giáo đặc đại viên mãn trong một đời; sau này, chúng ta biết các vị ấy là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là tu trong một đời này. Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là A Di Đà Phật hóa thân, Phó Đại Sĩ là Di Lặc Bồ Tát hóa thân, chẳng phải là phạm nhân! Còn có nhiều vị tổ sư đại đức, tuy chẳng bậc lộ thân phận, chúng ta chẳng biết họ là ai, nhưng có thể đoán định: Nhất định là cổ Phật, hoặc Bồ Tát tái lai, như Liên Trì, Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư viết Di Đà Kinh Yếu Giải, Ấn Quang đại sư tán thán: “*Dẫu cổ Phật tái lai soạn chú giải cho kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn được*”. Nay chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán bộ sách ấy như vậy, nếu Ngẫu Ích đại sư chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, nhất định cũng là bậc ngang hàng với Quán Thế Âm Bồ Tát. Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như vậy, đại sư chẳng thể nào kém hơn [Đại Thế Chí, Quán Âm] được!

Người Hoa có phước, các đời đều cảm chư Phật, Bồ Tát ứng hóa giảng sanh. Vì thế, chắc chắn lũ phạm phu chúng ta chẳng thể nào học đòi những vị ấy được! Có thể nghe lời, y giáo phụng hành, chúng ta nhất định được lợi ích. Các ngài Liên Trì và Ngẫu Ích đều là chẳng có một

pháp thể gian hay xuất thể gian nào mà không thông đạt. Ngài dạy chúng ta “*Tam Tạng mười hai bộ nương cho kẻ khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho kẻ khác hành*”, dạy chúng ta trong hết thấy các kinh, chọn lấy một bộ kinh A Di Đà, chọn lấy pháp môn Trì Danh Niệm Phật. Ngài dạy chúng ta điều này. Nếu chúng ta thật sự nghe lời, thật sự chịu y giáo phụng hành, đời này quyết định vãng sanh; đã thế, chắc chắn phẩm vị vãng sanh chẳng thấp, vì sao? Chuyên ròng, quyết định là vãng sanh trong phẩm vị cao. Đó là Phật, Bồ Tát đại từ đại bi thị hiện cho chúng ta biết đến một pháp môn chân thật. Lợi ích thù thắng khôn sánh của pháp môn ấy đều ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Nhất là bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, bản chú giải ấy đã tổng hợp toàn bộ những lời chú giải của cô đức, trong đó có rất ít tri kiến của chính cụ, toàn là trích dẫn những giảng giải, khai thị của chư tổ sư đại đức từ xưa đến nay đối với kinh ấy. Chúng ta đọc quyển chú giải ấy, giống như đọc hết tất cả các bản chú giải cô, khó có lắm!

“*Ngũ Căn như sanh căn, Ngũ Lực như hành diệp*” (Ngũ Căn như mọc rễ, Ngũ Lực như thân, lá), Căn ấy có sức mạnh, có sức mạnh liền có thể sanh ra cành nhánh. “*Giác Chi như khai hoa*” (Giác Chi như trổ hoa): Giác Chi là Thất Bồ Đề Phần. Bát Thánh Đạo giống như kết quả, nhất định theo thứ tự như vậy. “*Cố danh đạo thụ*” (Nên gọi là Đạo Thụ), Đạo Thụ là gì? Thần Tú đại sư nói rất hay: “*Thân như Bồ Đề thụ*”, thân này của chúng ta là đạo thụ, tâm chúng ta là đạo thụ, có ý nghĩa này.

Văn tự trong đoạn này chỉ nói đến Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, phía sau dùng một chữ “*đẳng*”, Đẳng (等) là hết thấy các pháp khác. “*Dư nhất thiết pháp giả, như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn đẳng*” (Hết thấy các pháp khác như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn v.v...), “*tứ tâm*” chỉ Tứ Hoàng Thệ Nguyên; vô lượng pháp môn của Bồ Tát đều là Lục Độ. Lục Độ hể triển khai sẽ là vô lượng pháp môn.

(Sớ) Vấn: Hà bất tiên tự niệm đẳng, nhi thủ cử căn?

(疏) 問：何不先敘念等，而首舉根。

(Sớ: Hỏi: Sao trước hết không thuật bày từ Tứ Niệm Xứ v.v... mà đầu tiên lại nêu ra Ngũ Căn?).

Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được chia thành bảy khoa, gồm bảy đoạn. Kinh văn kinh này tinh lược ba đoạn đầu, chỉ nói Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, [tức là] chỉ nói bốn khoa sau,

tỉnh lược ba khoa trước. Do vậy, nêu ra câu hỏi, vì sao chẳng dựa theo thứ tự để giảng giải Niệm Xứ, Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, mà lại tỉnh lược ba khoa trước?

(Sớ) Đáp: Dĩ trọng Tín cố, hựu thượng tam khoa chí thử, thử hữu căn lực cố.

(疏) 答：以重信故，又上三科至此，始有根力故。

(Sớ) Đáp: Do coi trọng Tín. Lại nữa, do [đã có] ba khoa trước thì đến đây mới có Căn và Lực).

Câu trả lời hết sức khéo! Đồng thời, chúng ta đọc Sớ Sao phải biết bối cảnh thời đại của thời Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư sống trong thời đại như thế nào? Vào những năm cuối triều Minh. Trong thời đại ấy, Tịnh Độ Tông hết sức suy vi, không có ai đề xướng. Cũng là do mọi người thường khinh dễ Tịnh Độ, chẳng để Tịnh Độ vào mắt! Vì thế, Liên Trì và Ngẫu Ích là tổ sư trung hưng Tịnh Độ. Trong lịch đại tổ sư, các Ngài có địa vị hết sức đặc thù, là trung hưng Tịnh Độ đại sư. Khi ấy, Thiền Tông hết sức phổ biến, người học Thiền Tông lại còn hết sức cuồng ngạo. Trong hoàn cảnh như vậy, nói chuyện hơi thiếu cẩn thận sẽ mắc tội với những kẻ đó. Trong những người đó, có lắm kẻ thế lực to lớn, nên Liên Trì đại sư chịu áp lực rất nặng. Vì muốn nâng cao địa vị của Tịnh Tông, bắt buộc dĩ chỗ nào cũng dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Vì mọi người công nhận kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, là Nhất Thừa Viên Giáo.

Liên Trì đại sư phán định kinh này, chẳng dám phán định là chí viên chí đốn, vì nói lời ấy sợ kẻ khác phản đối, người khác sẽ công kích Ngài, thậm chí sẽ hủy báng. Ngài đành phải nói như thế này: Hoa Nghiêm là Toàn Viên. Do một phần kinh này tương ứng với kinh Hoa Nghiêm, nên kinh này là Phần Viên; đều là nói bất đắc dĩ! Nói thật ra, kinh này là viên nhất trong các pháp viên, là đốn nhất trong các pháp đốn. Thuở ấy, đại sư chẳng dám nói [như vậy], đó là nỗi khổ tâm bất đắc dĩ. Chúng ta người đời sau, nhất định phải liễu giải trạng huống hoàn cảnh khi ấy, vì sao Ngài phải giảng theo cách như vậy? Vì sao phải viết theo kiểu như vậy? Dụng ý của Ngài ở đâu, ở chỗ nào? Quý vị đều có thể liễu giải trọn vẹn, thì mới thấy được dụng tâm của Ngài trong bản văn tự này, Ngài chỉ dạy kẻ đương thời ra sao? Ngài chỉ dạy kẻ hậu học như thế nào?

Căn bản tu học của Tịnh Tông là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, nên nói từ Ngũ Căn. Điều thứ nhất trong Ngũ Căn là Tín Căn, mở đầu bằng Tín. Tinh lược ba khoa trước, tuy tinh lược, mỗi quan hệ trong Ba Mười Bảy Đạo Phẩm là những điều sau thù thắng hơn điều trước. Ví như một tòa cao ốc có bảy tầng, chúng ta nói từ tầng thứ tư, có được không? Được! Chẳng nói tới ba tầng dưới thì ba tầng dưới có hay không? Chẳng có ba tầng dưới, lấy đâu ra tầng thứ tư? Tuy chẳng giảng, nhưng đều có. Ví như chúng ta lên tầng bảy, có sáu tầng dưới hay không? Nếu sáu tầng dưới chẳng có, tầng bảy ở đâu ra? Không nói mà là nói, vì ý nghĩa đều được hàm nhiếp trong ấy. Vì thế, trong lời chú giải, cuối cùng đã bỏ sung ba khoa phía trước.

Nói thêm, ba khoa trước hết sức quan trọng đối với sự tu học của chúng ta. Thế giới được nói trong kinh là Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là thế giới của chúng ta. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật chẳng cần nói tới ba khoa trước, vì sao chẳng cần nói? Quý vị ngẫm xem, có kẻ nào vãng sanh mà chẳng trọn đủ? Chẳng trọn đủ điều kiện nơi ba khoa trước thì về căn bản là chẳng thể vãng sanh, chư vị ngẫm xem có đúng hay không? Chắc là có kẻ nói: “Có rất nhiều người vãng sanh chưa hề học Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc trong phần trước, họ cứ niệm một câu A Di Đà Phật mấy năm bèn vãng sanh!” Chẳng sai! Họ chưa hề học; nhưng quý vị hãy quan sát cận kề một phen, một câu A Di Đà Phật có trọn đủ ba khoa phía trước hay chẳng?

Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt! Nếu họ chẳng thấy thấu suốt thế giới này, có thể vãng sanh hay không? Chẳng thấy thấu suốt thế giới này, còn lưu luyện thế giới này, sẽ chẳng thể vãng sanh! Tuy chẳng hề học Tứ Chánh Cần, quý vị thấy người vãng sanh ấy khi còn sống có phải là đoạn ác tu thiện hay không? Họ không chỉ chẳng làm chuyện xấu, mà ý niệm xấu cũng chẳng dấy lên, một bầu thiện tâm chịu giúp đỡ người khác, vậy thì Tứ Chánh Cần đâu cần học, bản thân người ấy đã trọn đủ. Tứ Như Ý Túc, nói đơn giản là chuyên ròng, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói “*một mực chuyên niệm*”. Tâm người ấy cũng đã định rồi, nhất tâm nhất ý chỉ niệm A Di Đà Phật, Tứ Như Ý Túc liền trọn đủ. Tuy chẳng học, nhưng người ấy đích xác thấy đều trọn đủ, nên mới có thể vãng sanh! Nếu không trọn đủ, dầu niệm Phật suốt đời vẫn chẳng thể vãng sanh.

Nói thật ra, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh hiếm hoi! Những kẻ niệm Phật mà chẳng vãng sanh, tức là tâm chẳng tương ứng

với Niệm Xứ, Chánh Căn, Tứ Như Ý Túc, nên chẳng thể vãng sanh. Phàm là người niệm Phật vãng sanh, nhất định trọn đủ, bất luận người ấy có học hay không. Tuy người ấy làm được, quý vị hỏi người ấy Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Căn là gì, người ấy không biết. Tuy không biết, nhưng đều làm được, trong tâm hạnh chẳng có mảy may khiếm khuyết, thật sự làm được. Tuy làm được, người ấy chẳng hiểu, vì chưa hề học Giáo, nhưng người ấy quyết định vãng sanh. Do điều này ta có thể biết: Học Giáo hay không chẳng sao cả! Hiểu thì tốt, chẳng hiểu vẫn vãng sanh y hệt! Đạo lý ở chỗ này!

Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật giáo hóa các vị Bồ Tát vẫn từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo để dạy. Đương nhiên, Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm được giảng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm của Viên Giáo, chẳng phải là Đạo Phẩm bình phàm!

(Sao) Cứ thất loại thứ đệ, văn pháp tiên đương niệm trì, thứ tức cần tu. Cần cố nhiếp tâm điều nhu, nhu cố thành Căn. Căn tăng thành Lực, nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Kim trọng Tín giả, thử kinh dĩ Tín vi chủ, nhi Căn Lực nhị câu thủ Tín. Tín trì dư tứ, thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã. Như ngũ vị chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ cố.

(鈔) 據七類次第，聞法先當念持，次即勤修，勤故攝心調柔，柔故成根，根增成力，乃七覺分別，八道正行。今重信者，此經以信為主，而根力二俱首信，信持餘四，是道之元、德之母也。如五位之中，信亦居初；十信之中，信亦居初；十一善法，信亦居初故。

(Sao: Xét theo thứ tự của bảy loại, nghe pháp thì trước hết nên niệm trì, kế đến là siêng tu. Do siêng năng nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng. Do mềm mỏng nên thành Căn, Căn tăng trưởng thành Lực, cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Nay vì chú trọng Tín, kinh này lấy Tín làm chủ yếu, mà hai thứ Căn và Lực đều xếp Tín hàng đầu. Tín bao gồm bốn điều còn lại, Tín là nguồn đạo, là mẹ của đức. Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu. Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu. Trong mười một thiện pháp, Tín cũng đứng đầu).

Tuy đoạn này giảng về thứ tự của bảy khoa trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, dụng ý thật sự của đại sư là đặc biệt nhấn mạnh tầm trọng yếu của Tín niệm. Đoạn này có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta, mong các đồng tu hãy đặc biệt lưu ý. Đầu tiên, bảo chúng ta: “*Văn pháp tiên đương niệm trì*” (Nghe pháp thì trước hết hãy nên niệm trì), “*pháp*” là Phật pháp. “*Văn pháp*” (Nghe pháp) ở đây chẳng phải là cố ý nói đến một pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có pháp nào là ngoại lệ. Chúng ta gặp các đồng tu học Phật đến hỏi chúng ta, trước hết, chúng ta phải hỏi họ: “Quý vị đã từng học Phật pháp hay chưa?” Chưa hề học, là kẻ mới học thì chúng ta có cách giảng và phương pháp dạy dành cho kẻ sơ học. Nếu họ đã học, đã học bèn có cách giảng dành cho kẻ đã học, khác hẳn! Nếu họ là sơ học, đích xác là chúng ta phải giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cho họ. Nếu quý vị chẳng giới thiệu pháp môn này, quý vị có lỗi với họ. Họ chẳng thể tiếp nhận pháp môn này, chúng ta lại thay đổi pháp môn khác. Tôi nhất định giới thiệu với quý vị pháp môn bậc nhất, pháp môn thù thắng khôn sánh, tôi mới chẳng có lỗi với quý vị. Tôi tu pháp bậc nhất, nhưng đem pháp môn bậc hai, bậc ba giới thiệu cho quý vị, tức là giữ tấm lòng chẳng lành! Tôi giới thiệu pháp môn này với quý vị, nhưng quý vị chẳng thể tiếp nhận, tôi lại giới thiệu pháp quý vị có thể nhận, vậy là tôi chẳng có lỗi với quý vị. Không phải là tôi chẳng truyền cho quý vị pháp môn hay nhất, mà là do quý vị chẳng nhận biết! Chuyện này chẳng thể trách tôi được!

Nếu họ đã tu học, nhất định phải tùy thuận họ. Chẳng hạn như họ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng cần bắt họ phải đổi sang niệm A Di Đà Phật. Họ niệm Địa Tạng Bồ Tát, cũng chẳng bắt buộc phải sửa thành niệm Quán Âm Bồ Tát, hoặc là họ trì kinh, hoặc trì chú, cũng không bắt buộc phải sửa đổi, chỉ khuyên họ thâm nhập một môn. Chỉ có thâm nhập một môn, bất luận quý vị niệm một vị Phật hay vị Bồ Tát nào, có một nguyên lý bất biến: Nhất định phải chuyên ròng, phải tinh tấn không biếng nhác, phải niệm đến mức công phu thành phẩm, phải niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, phải niệm đến Lý nhất tâm bất loạn. Vì vậy, không chỉ riêng kinh Di Đà nói đến nhất tâm bất loạn, mà bất cứ kinh luận nào cũng chẳng phải là ngoại lệ. Niệm đến nhất tâm bất loạn bèn có thụ dụng. Nói thật ra, niệm đến mức công phu thành phẩm bèn được thụ dụng. Bất luận niệm một vị Phật nào hay niệm một vị Bồ Tát nào, niệm đến mức công phu thành phẩm, nếu có thể hồi hướng Tây Phương Tịnh Độ bèn đều được vãng sanh. Vì sao? Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Quý vị có món tiền vốn ấy, có năng lực ấy, ta hy vọng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc

thế giới, chỉ cần dấy lên ý niệm đó, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn. Vì sao? Trong bốn mươi tám nguyện có [nguyện ấy]! Vì thế, chẳng cần bảo họ thay đổi pháp môn, phải biết điều này!

Hễ họ thay đổi, đâm ra công phu chẳng đắc lực. Người ta niệm pháp môn ấy đã tốt đẹp trọn vẹn, lại còn bảo họ thay đổi pháp khác thì toàn bộ công phu trước kia vứt hết. Đối với kẻ ấy, pháp môn này lại rất mới lạ, họ lại niệm chẳng hoan hỷ, tức là phá hoại cách tu của người ta. Đó là sai lầm! Vì thế, bất luận học Giáo, học Thiền, hay học Mật, chúng ta phải dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để đối đãi, giúp họ thành tựu, chớ nên phá hoại. Chớ nên nghĩ pháp môn này của ta tốt đẹp, pháp môn của kẻ khác chẳng bằng ta, giống như chính mình còn đặc biệt thương xót những kẻ ấy, những người đó đã lạc đường mất rồi! Những người đó chẳng lạc đường, pháp môn bình đẳng chẳng hai, chẳng khác. Lạc đường là gì? Kẻ ấy chẳng chuyên, chẳng ròng, đó là sai! Chỉ cần chuyên ròng, thấy đều có thành tựu. Đương nhiên quan trọng nhất là khuyên họ: Quý vị phải hồi hướng Tịnh Độ. Câu ấy chẳng thể thiếu! Bất luận pháp môn nào, chỉ cần có thể hồi hướng Tịnh Độ thì đều có thể vãng sanh!

Nếu kẻ ấy chưa tu học, hãy khuyên kẻ ấy trực tiếp niệm A Di Đà Phật, đó là thuận tiện nhất, thù thắng nhất. Vì sao nhất định phải niệm A Di Đà Phật? Đức Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật. Chúng ta làm một đứa học trò nghe lời nhất, tốt lắm! Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, có gì chẳng vãng lời thầy? Hãy hiểu rõ đạo lý này!

Vì lẽ đó, nghe pháp thì trước hết phải nên niệm trì. Niệm là học pháp, nghe Phật pháp; nếu muốn tu học Phật pháp thành tựu, nhất định phải có công phu quán chiếu. Đối với thân thể của chính mình, “*quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”, phải thường dấy lên sự giác quán, đó là giác chứ không mê, vì sao? Chẳng mê trong pháp thế gian, chẳng bị mê mất, thường xuyên nhắc nhở chính mình. Tứ Niệm Xứ là trí huệ, nhắc nhở chính mình đừng mê mất. Học pháp, bất luận học pháp môn nào, quý vị thấy kẻ ấy chẳng thể thành tựu vì chẳng có trí huệ, mê muội, vì sao? Tuy học Phật pháp, niệm niệm vẫn suy nghĩ vì bản thân, niệm niệm vẫn muốn chú trọng các thứ hưởng thụ, chẳng ngừng theo đuổi sự hưởng thụ nơi vật chất lẫn tinh thần, đó là tăng trưởng tham, sân, si, mạn.

Học Phật thì công phu là gì? Mỗi năm, tham, sân, si, mạn mỗi giảm ít, mỗi tháng đều giảm thiểu, mỗi ngày đều giảm thiểu; đó là công phu, là chân trí huệ, chân công phu. Nếu tham, sân, si, mạn không chỉ chẳng giảm thiểu, mà mỗi năm còn tăng trưởng thêm, hỏng rồi! Dầu học Phật pháp tốt đẹp cách mấy, tương lai cũng sẽ vãng sanh, kẻ ấy chẳng thể nào không vãng sanh, vì thân này chẳng thể tồn tại mãi, nhưng người ấy vãng sanh nơi đâu? Vãng sanh trong ba ác đạo, hỏng bét rồi! Có thể thấy Niệm Xứ trọng yếu lắm!

Niệm Xứ là “*quy y Phật, giác mà không mê*” trong Tam Quy Y. Niệm Xứ là giác chứ không mê. Giác chứ không mê, nhất định phải đoạn ác, tu thiện. Đoạn ác tu thiện, làm thế nào thì quý vị mới có thể nghiêm túc thực hiện? Nhất định phải hiểu rõ sự thật nhân quả báo ứng. Nói đơn giản nhất, ngắn gọn nhất, cụ thể nhất về sự thật ấy, không gì bằng Liễu Phàm Tứ Huán. Nếu quý vị đọc nhuyễn như Liễu Phàm Tứ Huán, sẽ nhất định tin tưởng nhân quả báo ứng. Quý vị thật sự tin tưởng, sẽ chẳng làm chuyện xấu, vì sao? Biết làm chuyện xấu thì cái được không bù đắp nổi cái mất, hiện thời chiếm tiện nghi rất ít, tương lai đau khổ quá nhiều. Nói cách khác, quý vị phải trả giá quá lớn! Một người thông minh, một người có lý tánh, quyết định chẳng làm chuyện hồ đồ ấy, cái được chẳng thể bù đắp cái mất! Nhất định là tri túc, trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chính mình có thể tri túc, tri túc là Tứ Như Ý Túc.

“*Thứ tức cần tu*” (Kế đó là siêng tu), tức là Tứ Chánh Cần thì mới có thể “*nhiếp tâm điều nhu*”, nhiếp tâm điều nhu là Tứ Như Ý Túc. Khi ấy mới tâm an lý đắc, tự tại sung sướng, thật sự vui sướng. Vì thế, nếu học Phật mà chẳng biết thứ tự này, chẳng hiểu quá trình này, sẽ gọi là “*tu mù, luyện đui*”, làm sao có thể thành tựu cho được? Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!

---o0o---

Tập 169

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi hai:

(Sao) Cứ thất loại thứ đệ, văn pháp tiên đương niệm trì, thứ tức cần tu, cần cố nhiếp tâm điều nhu, nhu cố thành Căn, Căn tăng thành

Lực, nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Kim trọng Tín giả, thử kinh dĩ Tín vi chủ, nhi Căn Lực nhị câu thủ Tín, Tín trì dư tứ, thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã. Như Ngũ Vị chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ cố.

(鈔) 據七類次第，聞法先當念持，次即勤修，勤故攝心調柔，柔故成根，根增成力，乃七覺分別，八道正行。今重信者，此經以信為主，而根力二俱首信，信持餘四，是道之元，德之母也。如五位之中，信亦居初；十信之中，信亦居初；十一善法，信亦居初故。

(Sao: Xét theo thứ tự của bảy loại, nghe pháp thì trước hết nên niệm trì, kế đến là siêng tu. Do siêng năng nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng. Do mềm mỏng nên thành Căn, Căn tăng trưởng thành Lực, cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Nay vì chú trọng Tín, kinh này lấy Tín làm chủ yếu, mà hai khoa Căn và Lực đều xếp Tín hàng đầu. Tín bao gồm bốn điều còn lại, Tín là nguồn đạo, là mẹ của đức. Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu. Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu. Trong mười một thiện pháp, Tín cũng đứng đầu).

Phần giải thích kinh văn này nói rõ nguồn cội [vì sao có] thứ tự Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm trong bản kinh này. Đức Phật nói bộ kinh này, đã tinh lược ba khoa trước trong Ba Mươi Bảy Phẩm, bắt đầu giảng từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Ở đây, đại sư chỉ rõ nguyên nhân, hết sức đáng cho chúng ta chú ý. Tuy [đức Phật] chẳng nói những khoa trước, nhưng mỗi khoa sau lại sâu hơn khoa trước, khoa sau lấy khoa trước làm cơ sở. Nói khoa sau, nhất định là khoa trước được bao gồm trong ấy. Đó là đạo lý nhất định.

“*Văn pháp tiên đương niệm trì*” (Nghe pháp thì trước hết hãy nên niệm trì), “*niệm*” là Tứ Niệm Xứ. Bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đối với Phật pháp, chúng ta biết điều được mong cầu là trí huệ, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mong cầu trí huệ viên mãn, nhất định phải dùng huệ tâm để cầu. Chắc chắn là mê hoặc, điên đảo chẳng thể thành tựu trí huệ, huống hồ là trí huệ viên mãn rốt ráo! Do đó, học Phật pháp từ chỗ nào? Ở đây, [lời Sao] đã cho chúng ta biết nguyên tắc và nguyên lý: Bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, tại Trung Quốc, Đại Tiểu Thừa có mười tông phái, có khá nhiều pháp môn, như

kinh thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, hoặc “*vô lượng pháp môn*”, nhưng phương tiện để thực hiện sự tu tập trong các tông phái và pháp môn đều là Tứ Niệm Xứ. Trước khi đức Phật diệt độ, tôn giả A Nan đã hỏi đức Phật bốn vấn đề, trong đó có một câu hỏi là: “*Phật tại thế, chúng con nương vào Phật để trụ. Phật chẳng còn tại thế thì chúng con nương vào ai để trụ?*” Đức Phật liền nói: “*Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ*”. Có thể thấy Tứ Niệm Xứ vô cùng trọng yếu.

Thuở ấy, trong hội giảng kinh đó, ngài A Nan thị hiện thân phận Tiểu Thừa. Trong kinh Đại Thừa, nhất là kinh Bát Nhã, chẳng hạn như trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề nêu ra hai câu hỏi, một trong hai câu hỏi là: “*Nên trụ như thế nào?*” Nếu dựa theo nguyên tắc này để trả lời sẽ là: “*Nương theo Tứ Niệm Xứ để trụ*”. Câu trả lời rất đơn giản! đương nhiên, cảnh giới Kim Cang Bát Nhã là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trở lên, là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, Ngài (Tu Bồ Đề) chẳng phải là Tiểu Thừa. Nếu là Tiểu Thừa, thì phải nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ. Do Ngài là [căn tánh] Đại Thừa, nên trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “*Hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm*”. Nói thật ra, “*chẳng trụ vào đâu*” chính là trụ viên mãn trong Tứ Niệm Xứ! Vì Tứ Niệm Xứ là trí huệ, Tứ Niệm Xứ là Huệ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Chư vị ngẫm xem: Đạt đến “*chẳng trụ vào đâu*” chính là viên mãn bốn phép Quán ấy. Do đó, Tứ Niệm Xứ là phương tiện trước hết để chúng ta tu tập trong học Phật, mà cũng là phương tiện thoát đầu để nhập môn.

Trong Tịnh Độ Tông, nói thật ra, một câu Phật hiệu đã bao gồm viên mãn Tứ Niệm Xứ trong ấy. Không chỉ riêng Tứ Niệm Xứ, mà còn là toàn thể Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, cho đến Lục Độ vạn hạnh của Bồ Tát đều không ra khỏi một câu danh hiệu này, nên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ là từ xưa tới nay các vị tổ sư đại đức đều cùng thừa nhận, dầu cho mười phương chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, đều công nhận pháp môn này là một pháp môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, pháp nào cũng trọn đủ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, “*một*” là Nam-mô A Di Đà Phật, “*nhiều*” là vô lượng vô biên pháp môn. Pháp môn này là hết thấy các pháp môn, hết thấy các pháp môn đều quy kết một pháp môn này, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, phàm là người thật thà niệm Phật, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời này.

Nhất là trong thời đại này, nói theo toàn thể thế giới trong thời đại này, nói theo toàn bộ quá trình lịch sử, thì là đời loạn! Vì sao gọi là đời loạn? Vì hết thấy chúng sanh đều chẳng tuân thủ điển chương, chế độ! Nói theo cách hiện thời, họ không tuân thủ pháp luật, không nói tới đạo đức, nhân, nghĩa, lễ, nên là đời loạn. Đời loạn, con người khổ lắm! Đời loạn thì càng phải hết sức thấu hiểu “*nhân mạng vô thường, quốc độ nguy thùy*” (mạng người vô thường, cõi nước mong manh) như kinh Bát Đại Nhân Giác đã dạy. Hôm trước, tôi nhận được thư của một vị đồng tu ở Cựu Kim Sơn. Trong thư của ông ta, câu đầu tiên là trích dẫn hai câu [kinh Bát Đại Nhân Giác] ấy. Ông ta viết: “*Chúng con đã thật sự thấu hiểu. Lạc Sơn Cơ (Los Angeles) bị động đất bất quá là trong khoảng thời gian mấy giây mà đã biến đổi vận mạng của cả đồng người!*” Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta: “*Sanh tử sự đại*” (Sanh tử là việc lớn). Đừng nghĩ chúng ta hãy còn trẻ tuổi, thời gian còn dài lắm! Nghĩ như vậy là sai mất rồi! Nhất định phải nhận rõ: Trong thời đại này, bản thân chúng ta có phước báo to cỡ nào? Có bao nhiêu thiện căn, phước đức, nhân duyên? Chính mình hãy nghiêm túc phản tỉnh đôi chút, thật sự là chẳng có, vậy thì hãy niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, chẳng làm chuyện gì khác nữa! Cư sĩ Châu Quảng Đại ở Hoa Thịnh Đốn (Washington), Hoa Kỳ, niệm Phật ba ngày, A Di Đà Phật liền tiếp dẫn vãng sanh, đó mới là tấm gương chân thật cho chúng ta. Thông Tông, thông Giáo chẳng thể liễu sanh tử, chúng ta phải thật sự giác ngộ chuyện này! Chỉ có mỗi niệm Phật, thật thà niệm Phật, thì mới có thể thật sự giải quyết vấn đề. Do lẽ đó, Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông thân, tâm, thế giới xuống*”; buông thân, tâm, thế giới xuống chính là quán Tứ Niệm Xứ.

“*Thứ tức cần tu*” (Kế đến là siêng tu), tức là Tứ Chánh Cần. Trong Tứ Chánh Cần, chia thành hai loại thiện và ác. “*Dĩ sanh thiện linh tăng trưởng, vị sanh thiện linh sanh*” (Điều thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng, điều thiện chưa sanh khiến cho sanh), thiện là gì? Niệm A Di Đà Phật là thiện, chẳng có gì thiện hơn chuyện này. Ý niệm niệm A Di Đà Phật chưa dấy động, ngay lập tức phải sanh khởi. Đã sanh khởi, bèn mong mỗi câu Phật hiệu chẳng bị gián đoạn. Ác là gì? Nói thật thà, ngoại trừ A Di Đà Phật, tất cả hết thấy các niệm đều là ác. Vì sao? Các niệm ấy đều là nghiệp nhân của sự luân hồi trong lục đạo. Khởi lên những niệm ấy, sẽ chẳng thể lìa khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị khởi một thiện niệm, bèn là [nghiệp nhân của] ba thiện đạo. Khởi một ác niệm, bèn là [nghiệp nhân của] ba ác đạo. Do vậy, thiện niệm hay ác niệm đều

chẳng phải là chân thiện, đều là tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Vì thế, phải hiểu: Niệm A Di Đà Phật mới là điều thiện chân chánh. Chẳng còn muốn làm chuyện luân hồi trong lục đạo nữa, nên chúng ta đoạn ác thì phải đoạn hết thấy vọng tưởng, chấp trước, đoạn sạch những niệm ấy. Chỉ khởi lên một niệm, kinh Vô Lượng Thọ nói là “*nhất hướng chuyên niệm*”, trọng yếu lắm!

Nếu một người khăng khăng một mực tu học như vậy, thừa cùng chư vị, mười phương chư Phật tán thán, hết thấy Bồ Tát tận đáy lòng bội phục [người ấy], vì sao? Bao nhiêu vị Bồ Tát chẳng làm được, mà quý vị có thể làm được! Nói theo thiện căn, [*“nhất hướng chuyên niệm”*] sẽ là thiện căn bậc nhất, cao minh hơn những kẻ nghiên cứu Giáo, thông Tông rất nhiều! Vì kẻ học Giáo, thông Tông, rốt cuộc trong một đời này có thể thoát luân hồi hay chẳng, đích xác là chẳng nắm chắc! Tôi nghĩ nhiều đồng tu đã biết câu chuyện Tam Sanh Thạch (hòn đá ba đời). Thuở trước, thiền sư Viên Trạch có thể biết quá khứ, vị lai, biết vị phu nhân nọ đã mang thai ba năm, đợi Sư đến đầu thai. Sư có năng lực ấy, nhưng kết quả là chẳng có cách nào khác, vẫn phải đi đầu thai! Sau khi đầu thai, biết chuyện đời trước, biết chuyện đời sau, vẫn chẳng thoát khỏi luân hồi. Có năng lực như vậy, chẳng đơn giản! Nói thật thà, người như vậy chẳng bằng ông Châu Quảng Đại!

Lão pháp sư Đế Nhân là một vị tổ sư của Thiên Thai Tông trong thời cận đại, các vị Đàm Hư và Bảo Tĩnh đều là đệ tử của Ngài, nhưng thành tựu của Ngài chẳng bằng một đồ đệ niệm Phật ba năm đứng sững vãng sanh, chính lão hòa thượng thừa nhận như vậy. Người đồ đệ ấy đứng vãng sanh, đã chết rồi mà vẫn đứng sững ba ngày, chờ lão hòa thượng đến lo liệu hậu sự cho ông ta. Người đồ đệ ấy suốt đời chưa hề nghe kinh lần nào, một bộ kinh cũng chưa từng niệm, không biết chữ, chẳng hiểu Phật pháp. Lão hòa thượng dạy ông ta một câu Nam-mô A Di Đà Phật, dặn: “*Ông cứ thật thà niệm một câu này. Hễ niệm một bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm tiếp*”. Ông ta niệm như vậy suốt ba năm, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Người này đáng gọi là “người thật thà”. Chúng ta là những kẻ chẳng thật thà! Do không thật thà, nên chẳng có thành tựu như người thật thà kia! Vì thế, Tứ Niệm Xứ là trí huệ, dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống. Sau khi đã buông xuống, nghiêm túc tu hành thì phải tinh tấn. Tứ Chánh Cần là tinh tấn.

Tinh Tấn thì mới có thể đắc Định. Tứ Như Ý Túc là Định. “*Cần cố nhiếp tâm điều nhu*” (Do siêng năng nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng), “*nhiep tâm điều nhu*” là Tứ Như Ý Túc. Đây là nói về thứ tự tu

hành. Những người tu hành chân chánh vãng sanh trong thời cận đại chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, ra đi tự tại như vậy, xác thực là đã tuân theo thứ tự ấy. Nếu quý vị hỏi han cận kề, người ấy có hiểu thứ tự ấy hay không? Về căn bản, họ chẳng hiểu. Tuy không hiểu, họ làm hoàn toàn giống hệt, đích xác là đối với hết thầy đều tri túc, đối với pháp thế gian lẫn Phật pháp đều tri túc. Sau khi đã tri túc, lúc đó mới thật sự có thiện căn. Chúng ta chẳng có những điều vừa nói trên đây, lấy đâu ra thiện căn? Nay chúng ta học Phật, chẳng có Căn! Nói cách khác, đều đang đánh dấu hỏi, chẳng biết đang học gì, cũng chẳng biết học theo cách nào, lung lay, chao đảo, niệm Phật cũng là nửa tin nửa ngờ, làm sao có thể đạt thành tựu cho được? Nhất định phải là khẳng khẳng một mực thì mới có thể thành tựu.

Nhìn từ thứ tự ấy, chúng ta biết: Thật sự đã có Căn, có thiện căn niệm Phật, thì có thể nói là quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh. Vì sao? Đạt đến cảnh giới ấy, [tức là] đạt đến cảnh giới Ngũ Căn và Ngũ Lực, công phu niệm Phật của quý vị quyết định thành phỉn, đã đạt được công phu thành phỉn. Đạt được công phu thành phỉn thì chắc chắn vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư, ba bậc, chín phẩm! Căn và Lực đạt đến một mức độ kha khá, thì cũng có thể nói là người vãng sanh trong ba phẩm thượng nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quyết định là sanh tử tự tại. Không cần phải đạt đến nhất tâm, [đã đắc] nhất tâm [thì vãng sanh với phẩm vị cao] lại càng chẳng cần phải nhắc tới. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là đời nghiệp vãng sanh, công phu thành phỉn là được rồi, sanh tử tự tại. Đạt đến sanh tử tự tại, sẽ giống như Tâm Kinh đã nói: “*Độ hết thầy khổ ách*”, [nghĩa là] hết thầy khổ ách đều chẳng có. Vì sao? Vì quý vị có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Tai nạn nào trong thế gian này, quý vị cũng chẳng phải gánh chịu. Tai nạn xảy đến, quý vị vãng sanh, trở về thế giới Cực Lạc.

Thật sự niệm đến mức công phu thành phỉn là như thế nào? Không có cách nào tránh khỏi ba giai đoạn trước đó. Nói quy nạp lại, nói đơn giản, phải thấy thấu suốt, phải buông xuống, đó là Tứ Niệm Xứ; Tứ Chánh Cần là phải sót sáng tinh tấn. Phải một mực chuyên niệm, một mực chuyên niệm là Tứ Như Ý Túc, Túc là tri túc. Tri túc trong cuộc sống trên thế gian, đối với tất cả hết thầy Phật pháp, ta lấy bỏ cũng là tri túc. Ta chỉ giữ lấy trì danh niệm Phật, hết sức tri túc, những pháp môn khác thầy đều bỏ sạch, thầy đều buông xuống.

“*Nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh*” (Cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Chánh Đạo chánh hạnh), từ đây phải nâng cao công

phu thành Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Nói theo pháp môn Niệm Phật, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Đây là nói rõ thứ tự của bảy loại [trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm].

“*Kim trọng Tín giả*” (Nay do coi trọng Tín), trong kinh này, đối với Ba Mươi Bảy Phẩm, đức Thế Tôn nói từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Vì sao? Vì điều thứ nhất trong Ngũ Căn và Ngũ Lực là Tín, chỉ rõ pháp môn này lấy Tín làm Chủ. Do đó, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói tu Tịnh Độ có ba điều kiện (ba tư lương) là Tín, Nguyện, Hạnh. Quý vị trọn đủ cả ba điều kiện ấy, đời này quyết định vãng sanh thấy Phật. Trong ba điều kiện, Tín được xếp đứng đầu. Ở đây, đức Phật nói từ Ngũ Căn và Ngũ Lực, hàm ý hết sức sâu xa. “*Căn Lực*” là Ngũ Căn và Ngũ Lực, “*nhị câu thủ Tín*” [nghĩa là trong Ngũ Căn và Ngũ Lực], Tín xếp vào vị trí thứ nhất. “*Tín trì dư tứ*”, [nghĩa là] bốn điều khác là Tấn, Niệm, Định, Huệ, cả bốn điều ấy đều lấy Tín làm cội gốc, làm chủ. Đây là lý do vì sao đức Phật nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, thâm ý ở chỗ này. “*Thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã*” (Là nguồn đạo, là mẹ công đức), trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói như vậy. “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), kinh Hoa Nghiêm nói như vậy; mà Đại Trí Độ Luận cũng nói như vậy. “*Đạo*” là Phật đạo.

Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Đạo chi nguyên, đức chi mẫu giả, đạo thị Phật đạo. Phật đạo vô thượng, nhi Tín vi đạo chi nguyên, đức vị công đức, Phật đức vô lượng, nhi Tín vi đức chi mẫu*” (“Nguồn đạo, mẹ của đức”: Đạo là Phật đạo. Phật đạo vô thượng, mà Tín là nguồn cội của đạo. “Đức” là nói tới công đức. Phật đức vô lượng, nhưng Tín là mẹ của các đức). Nói cách khác, Tín có thể sanh ra vô thượng Phật đạo, Tín có thể sanh ra vô lượng công đức. Do lẽ đó, tín tâm rất quan trọng.

“*Như Ngũ Vị trung, Tín diệc cư sơ*” (Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu). Ngũ Vị là nói đến các địa vị của Bồ Tát. Bồ Tát có năm thứ bậc địa vị: Địa vị Thập Tín, địa vị Thập Trụ, địa vị Thập Hạnh, địa vị Thập Hồi Hương và địa vị Thập Địa, năm loại địa vị ấy cũng xếp Tín đứng đầu. “*Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ*” (Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu), trong Thập Tín, điều thứ nhất là Tín Tâm. Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Tín diệc cư sơ giả, vị Thập Tín vị, thi tự sơ Tín Tâm, nhi Niệm Tâm, tam Tinh Tấn Tâm, nãi chí thập Nguyện Tâm*” (“Tín cũng đứng đầu” ý nói: Địa vị Thập Tín bắt đầu bằng địa vị thứ nhất là Tín Tâm, thứ hai là Niệm Tâm, thứ ba là Tinh Tấn Tâm, cho đến thứ mười là Nguyện Tâm). Trong các địa vị thuộc Thập Tín, Sơ Tín Vị Bồ Tát được

gọi là Tín Tâm Vị. “*Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ*” (Trong mười một thiện pháp⁵⁰, Tín cũng đứng đầu). Trong mười một thiện pháp của Bách Pháp Minh Môn Luận, thiện pháp thứ nhất là Tín. Đại sư nêu ra nhiều ví dụ như vậy để chỉ rõ tầm quan trọng của tín tâm, cũng nhằm chỉ rõ đức Phật giảng kinh này, nói ra Ngũ Căn và Ngũ Lực với hàm nghĩa sâu xa.

(Sao) Thượng tam khoa giả, tòng Niệm Xứ, Chánh Căn, Như Ý, tu vi chí thử, phương đắc Căn Lực kiên cố, năng sử tiền sở đắc pháp vô hữu thoái thất cố. Hựu hậu đương đắc pháp, tất cánh năng đắc, diệc diêu hồ Tín, cố thử cử dã.

(鈔) 上三科者，從念處、正勤、如意，修為至此，方得根力堅固，能使前所得法無有退失故，又後當得法，畢竟能得，亦繇乎信，故首舉也。

(Sao: Ba khoa trước từ Niệm Xứ, Chánh Căn, Như Ý, tu tập cho đến chỗ này thì mới đạt được Căn và Lực kiên cố, có thể khiến cho những pháp đã đạt được trước đó chẳng bị lui sụt, mất đi. Lại nữa, đối với những pháp sẽ đạt được sau đó, có thể rốt ráo đạt được thì cũng do cậy vào Tín, nên nêu Tín đầu tiên).

Đoạn này đã chỉ ra rành rẽ thứ tự tu học và tánh chất trọng yếu của thứ tự ấy. Nhất định phải tu học từ Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Căn, và Tứ Như Ý “*Tu vi chí thử*” (Tu tập đến chỗ này), chữ Thử (此) chỉ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Điều này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu, nay chúng ta thường nói “*công phu chẳng đắc lực*”; công phu chẳng đắc lực là vì thiếu Ngũ Lực, nên chẳng đắc lực. Không chỉ chẳng đắc lực, ngay cả Căn mà còn chẳng có, lấy đâu ra Lực? Vì sao chẳng có Căn? Do chẳng có ba điều trước đó! Trong kinh luận thường nói, nhất là kinh Vô Lượng Thọ thường dạy: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật*”. Tương ứng là gì? Phải tương ứng với ba khoa trước; nhưng chúng ta rất ít khi nhắc tới ba khoa ấy, Đại Kinh thường nói là “*tương ứng với hạnh nguyện của A Di Đà Phật*”. Giống trong tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ đã nói], tương ứng với tâm bình đẳng, tương ứng với tâm thanh tịnh, tương ứng với giác tâm. Chư vị hãy nghĩ xem: “*Bình đẳng, thanh tịnh, giác*” có phải là ba khoa trước hay chẳng? Nếu chẳng tu Tứ Niệm Xứ, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Quý vị làm sao có thể bình đẳng

cho được? Chẳng thể nào làm được! Vì thế, nói “thanh tịnh, bình đẳng” thì không chỉ là phá Thân Kiến, mà Ngã Chấp cũng phá. Không chỉ phá Ngã Chấp, mà Pháp Chấp cũng phá. Vì quý vị có Pháp Chấp thì tâm quý vị vẫn là bất bình đẳng, vì sao? Trong hết thấy các pháp, pháp của ta là bậc nhất, pháp của quý vị chẳng bằng [pháp của] ta. Đó là Pháp Chấp! Trong hết thấy các pháp, quý vị vẫn bất bình đẳng như cũ. Phá Pháp Chấp, vạn pháp bình đẳng, không chỉ hết thấy các pháp do đức Phật đã nói là bình đẳng, mà Phật pháp và hết thấy các pháp thế gian cũng là bình đẳng, vì sao? Từ trong một tự tánh lưu xuất, Thể là bình đẳng. Bởi lẽ, đức Phật nói hết thấy các pháp, là từ trong pháp bình đẳng mà nói bất bình đẳng. Từ trong bình đẳng nói bất bình đẳng, nhưng vẫn là chân thật bình đẳng y như cũ!

Vì sao hết thấy chư Phật tán thán pháp môn này là bậc nhất? Học pháp môn này dễ dàng. Pháp là bình đẳng, nhưng căn tánh của chúng sanh bất bình đẳng. Căn tánh là gì? Là mức độ mê hoặc, chấp trước của quý vị bất bình đẳng. Chẳng phải là pháp bất bình đẳng, mà do mức độ chấp trước, phân biệt, vọng tưởng của hết thấy chúng sanh bất bình đẳng. Tất cả hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng hết sức bất bình đẳng, nhưng pháp môn này thấy đều phù hợp, thấy đều có thể thành tựu. Vì lẽ đó, hết thấy chư Phật, Bồ Tát đều tán thán pháp môn này. Ví như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tư cách nào mới có thể học? Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát mới có thể học. Đối tượng tiếp dẫn của các kinh ấy là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Nếu quý vị là Pháp Thân đại sĩ, là đương cơ của pháp môn ấy, bèn có trình độ phù hợp khít khao để học pháp môn ấy. Ta chẳng thuộc trình độ ấy, mà học pháp môn ấy, há chẳng phải là tự chuốc khổ hay sao? Cũng có thể nói là đức Phật nói tất cả các pháp môn, những pháp môn ấy đều có điều kiện đặc thù; chúng ta có phù hợp điều kiện hay không? Đối với căn tánh, trình độ, và hoàn cảnh sống của chúng ta đều phải suy xét xem có thích hợp để tu pháp môn ấy hay không? Nếu chẳng thích hợp, chúng ta hãy chọn lựa một pháp môn thích hợp để tu, [vì] biết các pháp môn đều như nhau. Vì pháp môn nào cũng có thành tựu hoàn toàn giống như nhau, chỉ là phương thức tu tập khác nhau. Đó là phương tiện! Phải liễu giải đến mức độ sâu xa này!

Vì vậy, tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng thì Niệm Xứ, Chánh Cần, và Như Ý Túc thấy đều trọn đủ. Không chỉ trọn đủ, mà còn trọn đủ viên mãn. Nếu chẳng thể đạt tới tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, bèn chẳng ngại lưu ý ba khoa Niệm Xứ, Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, dùng ba khoa ấy để giúp chính mình, khiến cho câu Phật hiệu có thể tương ứng

với “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Ba khoa ấy thật sự có thể giúp đỡ. Có cơ sở như vậy thì mới có thể đạt được Ngũ Căn, Ngũ Lực, nên công phu bèn đắc lực. Công phu đã đắc lực, tất nhiên có pháp hỷ. Trong Thất Bồ Đề Phần có Hỷ, quyết định là có pháp hỷ. “*Năng sử tiền sở đắc pháp vô hữu thoái thất cố*” (Có thể khiến cho những pháp được trước đó chẳng bị lui sụt, mất đi), những pháp trước đó như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc sẽ không bị lui sụt, chẳng bị thoái chuyển, mất đi. Cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi chỉ có thể tăng trưởng, chẳng bị thoái chuyển, vì sao? Vì quý vị đã có Căn và Lực.

“*Hậu đương đắc pháp*” (Những pháp sẽ đạt được sau đó), ở đây là nói đến Thất Bồ Đề Phần và Bát Thánh Đạo, quý vị quyết định sẽ chứng đắc. Nếu nói theo tông này, sau [công phu thành phiền] có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, quý vị nhất định có thể đạt được. “*Tất cánh năng đắc, diệc diêu hồ Tín*” (Có thể rốt ráo đạt được cũng do cậy vào Tín): Những điều ấy quý vị đều phải tin. Nếu quý vị chẳng tin, sẽ chẳng có cách nào. Vì vậy, Tín hết sức trọng yếu. Quý vị thật sự có thể tin thì mới chịu buông xuống, mới chịu xả. Vì sao không thể buông xuống được? Do không tin! Chẳng tin tưởng! Vì thế, thật sự tin tưởng thì hết thảy đều buông xuống.

Do vậy, nhìn vào [các tấm gương] như ông Châu Quảng Đại và người đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân, lại còn có pháp sư Tu Vô được nhắc tới trong Niệm Phật Luận. Lão pháp sư Đàm Hư, lão pháp sư Định Tây, và lão pháp sư Đế Nhân tận mắt thấy sư Tu Vô vãng sanh. Vị này khi chưa xuất gia làm thợ nề, chẳng biết chữ, mà cũng chẳng biết niệm kinh. Sau khi xuất gia, biết một câu A Di Đà Phật dễ dàng, nên suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu Phật hiệu này. Quý vị thấy Sư vãng sanh tự tại lắm. Cụ Đế Nhân trông thấy, bội phục! Sư biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Sư giúp việc trong giới đàn; khi ấy, Trụ Trì chùa Cục Lạc là pháp sư Đàm Hư, pháp sư Giám Viện Đương Gia là pháp sư Định Tây. Sư Tu Vô xin hai vị lão hòa thượng cho nghỉ vì sắp vãng sanh Tây Phương. Đến ngày hôm sau, tới từ biệt lão hòa thượng: “Con phải đi trong ngày hôm nay!” Những tấm gương ấy bày ra ngay trước mặt chúng ta, nếu chúng ta chẳng buông xuống được, đáng thương quá! Nói theo kiểu Cơ Đốc Giáo, rõ ràng là những vị ấy đã “làm chứng” ở ngay trước mặt quý vị. Nói theo Phật pháp, đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân. Đây là chứng cứ chân thật, Tác Chứng Chuyển. Nếu quý vị chẳng tin, [tức là] quý vị chẳng có tín tâm, nói gì được nữa!

Vì vậy, chúng ta thấy gương của những vị ấy, là những sự thật ngàn vạn phần xác đáng, chúng ta còn phải học kinh luận này nọ để làm gì nữa? Hãy thật thà tuân thủ câu nói của Liên Trì đại sư: “*Tam Tạng mười hai bộ nương cho kẻ khác ngộ*”. Chính chúng ta phải thừa nhận, ta không bằng những vị đó, họ có năng lực chuyên nghiên cứu Tam Tạng mười hai bộ, nhưng ta chẳng có khả năng ấy, liền học theo gương của mấy vị trước mắt. Họ niệm Phật có thể vãng sanh, ta niệm Phật cũng có thể vãng sanh, ta đã thỏa ý rồi! Tín tâm của chúng ta thật sự kiến lập, lòng tin ấy vừa có Căn vừa có Lực, chẳng còn bị lay động nữa, mà cũng chẳng bị biến đổi nữa, lòng tin ấy liền sanh ra sức mạnh. Điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần là Trạch Pháp, chúng ta chọn lựa pháp Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta chọn lựa pháp môn này, tâm định nơi pháp môn này, tư tưởng và kiến giải đều đặt nơi pháp môn này, Bát Chánh Đạo bèn thành tựu. Vì vậy, nói đến chuyện thật thà trong học Phật, người nào đáng gọi là thật thà? Ta chẳng bằng người ta!

Ngày hôm qua, có một người gọi điện thoại cho tôi, là một kẻ trẻ tuổi, chắc là tiếp xúc Phật pháp chưa lâu. Anh ta vừa mở miệng bèn nói là muốn học theo pháp sư Thái Hư thông Tông, thông Giáo để trong tương lai hoằng pháp lợi sanh. Lại hỏi tôi về Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Duy Thức, hỏi cả một đống lớn. Tôi bảo anh ta: “Tôi rất đáng thương. Bất quá tôi tốt nghiệp Sơ Trung (Trung Học Đệ Nhất Cấp) mà thôi, thứ gì cũng chẳng thông. Nay tôi niệm một câu A Di Đà Phật, chỉ học theo mấy bà lão”. Anh ta hỏi: “Thầy học theo mấy bà già ư? Vậy mà được sao?” Tôi đáp: “Tôi thấy rất nhiều bà cụ niệm Phật vãng sanh, tôi chỉ đành học theo cách này”. Tôi nói: “Nếu anh muốn học nhiều kinh giáo ngàn ấy, Đài Loan có rất nhiều pháp sư, hoặc đại pháp sư, họ đều cao minh hơn tôi. So ra, tôi chẳng bằng bất cứ một vị nào, anh hãy hướng về họ thỉnh giáo. Nếu anh muốn hỏi về Thiên, hãy thỉnh giáo pháp sư Thánh Nghiêm. Hỏi về Pháp Hoa Thiên Thai Tông, hãy thỉnh giáo pháp sư Hội Tánh. Nếu anh muốn học theo pháp sư Thái Hư, học trò của pháp sư Thái Hư là pháp sư Ấn Thuận, anh hãy học theo các Ngài”. Tôi nói: “Tôi chẳng thông thứ gì!” Vì thế, học Phật thì khi nào mới là thật thà? Thật sự chẳng bằng hết thầy mọi người, thầy ai cũng mạnh mẽ, cao hơn ta. Tôi không chỉ chẳng bằng ai, mà nói thật ra, chẳng dám học đòi theo họ, vì sao? Chính mình chẳng có năng lực, chẳng có trí huệ, chẳng có căn khí ấy, học không nổi! Nay tôi chỉ học theo sư Tu Vô, học đòi ông Châu Quảng Đại, học theo người đồ đệ của lão pháp sư Đế

Nhàn niệm Phật, đã chết mà vẫn có thể đứng sững ba ngày. Lòng tin ấy thật khó, thật sự chẳng dễ dàng! Tín tâm đã kiên lập thì hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thật sự buông xuống. Bày ra trước mặt mà thật sự chẳng động tâm, thật sự buông xuống, đó là tín tâm. Cái này chúng ta cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, [tức là] chẳng có tín tâm, vẫn đang bị lay động!

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh biến hóa, thị chúng điều nghĩa. Tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp môn, thị Căn Lực Giác Đạo nghĩa.

(疏) 稱理，則自性變化，是眾鳥義；自性出生一切法門，是根力覺道義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh biến hóa là ý nghĩa của các loài chim. Tự tánh xuất sanh hết thấy các pháp môn là ý nghĩa của Căn, Lực, Giác, Đạo).

Đoạn chú sớ này nhằm kết quy những điều đã nói trong phần trước, kết quy vào tự tánh. Vì hết thấy các pháp đều do tự tánh lưu hiện, kinh văn đã nói rõ ràng: Các loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật biến hóa tạo thành. Ở đây, đại sư nói những con chim ấy do tự tánh biến hóa, tự tánh của ai vậy? Chúng ta nhất định phải biết: Tự và Tha chẳng hai. Tự tánh của Phật Di Đà và tự tánh của bản thân chúng ta là một, không hai. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Do tự tánh của chúng ta biến hóa, nên gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Có thể thấy rằng Tây Phương Cực Lạc thế giới và chúng ta có mối quan hệ mật thiết ngàn ấy! Đã biết mối quan hệ thật sự ấy, há có lẽ nào chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Quyết định vãng sanh! Cậy vào đâu? Cậy vào tự tánh biến hóa. Chẳng phải là chuyện ở ngoài tự tánh của chúng ta, mà là chuyện thuộc trong tự tánh. Sự trông cậy này tuyệt đối đáng tin cậy, chẳng sai lầm tí nào! Không chỉ là y báo và chánh báo trang nghiêm do tự tánh biến hóa, mà vô lượng pháp môn [cũng thế]. Tự tánh sanh ra hết thấy các pháp môn. Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần như kinh đã nói thấy đều sanh từ tự tánh. Tôi nhắc lại một lần nữa, tín tâm được kiên lập chính là tự tánh giác, tín tâm dao động là tự tánh mê. Do đã mê nên mới chẳng tin tưởng; đã giác, lẽ đâu chẳng tin? Vì vậy, đã tin thì nhất định giác; không tin, nhất định là mê! Lắm thứ

hoa dạng, suy tưởng rất nhiều, tức là chưa giác. Giác tâm bất động!
Cũng là tín tâm chẳng lay động, giác tâm bất động.

(Sao) Hạ văn ngôn bĩ Phật biến hóa sở tác.

(鈔) 下文言彼佛變化所作。

(Sao: Trong phần kinh văn sau đó có nói [các loài chim] do đức Phật ấy biến hóa tạo ra).

“*Bĩ Phật*” là A Di Đà Phật.

(Sao) Kim vị diệu sắc, nhĩ âm, toàn thể thị tự tâm hiển hiện, hà đắc cao thôi thánh cảnh? Hựu tâm địa hàm chư chủng, tức Ngũ Căn đẳng, toàn thể thị tự tâm bồi thực, hà đắc hướng ngoại trì cầu?

(鈔) 今謂妙色雅音，全體是自心顯現，何得高推聖境。又心地含諸種，則五根等，全體是自心培植，何得向外馳求。

(Sao: Nay nói màu sắc đẹp đẽ tuyệt diệu, âm thanh tao nhã, toàn thể do tự tâm hiển hiện, sao lại đề cao thánh cảnh? Lại nữa, tâm địa chứa đựng các hạt giống, thì những pháp như Ngũ Căn toàn là do tự tâm vun bồi, sao lại rong ruổi tìm cầu bên ngoài?)

Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu. “*Diệu sắc*” là nói những loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có hình sắc xinh đẹp chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhĩ âm*” là những loài chim ấy không chỉ tiếng hót vi diệu, mà còn có thể tuyên nói Phật pháp. “*Nhĩ âm*” là chánh âm, [tức là] âm thanh chánh đáng, chẳng tà. Toàn thể những thứ ấy đều là tự tâm hiển hiện, trong phần trên nói là “*tự tánh biến hóa*”.

(Diễn) Dĩ tự tâm tức Di Đà, Di Đà tức tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

(演) 以自心即彌陀，彌陀即自心。心佛眾生，三無差別。

(Diễn: Do tự tâm chính là Di Đà, Di Đà chính là tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt).

Xúng Lý là hội quy tự tánh. A Di Đà Phật là ai? A Di Đà Phật là Chân Như bản tánh của chúng ta. Do vậy nói: Tự tâm là Di Đà, Di Đà là tự tâm. Di Đà biến hóa tạo ra, tức là tự tánh biến hóa tạo ra. Kinh Hoa

Nghiêm dạy: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo). “*Pháp giới*” là nói toàn thể vũ trụ và nhân sinh, sâm la vạn tượng, trong Phật pháp nói là “*tình và vô tình*”, những thứ ấy do đâu mà có? Hết thấy chỉ do tâm tạo. Tận hư không khắp pháp giới là một tự tánh, tận hư không khắp pháp giới là chính mình. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, bèn gọi là “Phật”. Nếu quý vị mê thì gọi là “chúng sanh”. Chúng sanh và Phật là do mê hay ngộ khác nhau mà kiến lập giả danh.

Trên thực tế, mê và ngộ bất nhị! Giác ngộ cũng là dáng vẻ này, mà mê cũng là dáng vẻ này; thật ra, sự thật là trọn chẳng vì có giác và mê mà biến đổi, chỉ là trong cảnh giới giác hay mê, sự cảm nhận quả thật chẳng giống nhau. Mê có khổ thọ, quý vị cảm nhận nổi khổ. Sau khi đã giác, sẽ là lạc thọ. Lạc ở đây chẳng phải là Lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc, [nói rộng hơn là] khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều là sự cảm nhận trong khi mê. Do đã mê, nên có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Đã giác ngộ thì khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thấy đều chẳng có, nên mới gọi là Cực Lạc, tức lạc chân thật. Lạc ấy chẳng phải là lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc là tương đối, chẳng phải là chân thật.

“*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” là điều đức Phật thường nói trong kinh Đại Thừa, tuy ba mà một, tuy một mà ba. Nói thật ra, vô lượng chúng sanh mê hoặc, điên đảo đối với Sự Lý này, đó gọi là “khởi Hoặc, tạo nghiệp”, oan uổng hứng chịu luân hồi trong lục đạo. Hoàn toàn hiểu rõ chân tướng sự thật, tâm người ấy quyết định là thanh tịnh, quyết định là bình đẳng, quyết định là đại từ đại bi, giống như Phật và các vị Đại Bồ Tát, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tự nhiên lưu lộ. Tuyệt đối chẳng do người khác khuyên lon, ép buộc, chẳng phải là như vậy, vì sao? Đó là Tánh Đức lưu lộ, tự nhiên lưu lộ. Vì thế, chúng ta quan sát thế gian này, quan sát hết thấy hữu tình và vô tình, kẻ nào mê, kẻ nào giác, kẻ nào mê đến mức độ nào, kẻ nào giác đến mức độ nào, nói thật ra, đều bày ra trước mắt! Rành mạch, rõ ràng. Vì sự biểu hiện của họ đích xác là khác nhau, do giác hay mê biểu hiện khác nhau. Nói theo cách hiện thời, [sẽ là] nhân sinh quan khác nhau, giá trị quan khác nhau, nên hành động chắc chắn là khác nhau.

(Diễn) Phật biến hóa, tức tâm biến hóa đã. Hựu tự tâm sắc tâm bất nhị, Cực Lạc y chánh trang nghiêm bất ly đương nhân nhất niệm cố.

(演) 佛變化，即心變化也。又自心色心不二，極樂依正莊嚴不離當人一念故。

(Diễn: Phật biến hóa chính là tâm biến hóa. Lại nữa, tự tâm, sắc tâm chẳng hai, y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc chẳng lìa một niệm của đấng nhân).

Thế giới Cực Lạc là thế giới được hiện bởi một niệm thanh tịnh tâm của chúng ta, thế giới trước mắt chúng ta là cảnh giới do một niệm uế tâm biến hiện. Sa Bà và Cực Lạc đều chẳng lìa một niệm của đấng nhân. Nay chúng ta một niệm mê, một niệm bất giác, một niệm uế, nên hiện ra cảnh giới này. Nếu nay ý niệm của chúng ta vừa chuyển, một niệm giác, một niệm tịnh, cảnh giới được hiện sẽ là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không riêng gì hai cõi Sa Bà và Cực Lạc, mà thậm chí mười phương hết thấy các cõi Phật, kinh nói có hằng hà sa số, vô lượng vô biên [các cõi Phật], thấy đều chẳng rời một niệm của đấng nhân. Chỉ là chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng tâm lượng của tự tánh, trước nay cũng chưa hề nghĩ đến. Vì sao? Hằng ngày khởi tâm động niệm, suy nghĩ, đều vạch ra một phạm vi rất bé: “Ta, cái của ta, lợi ích của ta, ưu điểm của ta”. Vạch ra phạm vi ấy rất bé, chẳng biết tâm lượng của chính mình rốt cuộc to cỡ nào!

Đức Phật rất xảo diệu, bảo chúng ta trước hết hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã đến Tây Phương Cực Lạc, mới thật sự nhận biết chính mình, tâm lượng của chính mình vốn tận hư không khắp pháp giới. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn chẳng thể nào nhận biết chính mình! Đó là sự thiện xảo trong việc dạy học của đức Phật. Vì lẽ đó, Thập Hạnh (tức mười Ba La Mật) của Văn Thù Bồ Tát, tức Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí, nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào viên mãn mười thứ ấy! Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, từ Lễ Kính Chư Phật cho đến Phổ Giai Hồi Hướng, mà nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng thể viên mãn. Nguyên nhân là đâu? Chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể hoàn toàn nhận biết chính mình! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới hoàn toàn nhận biết diện mục của chính mình, cho nên mới đạt đến viên mãn rốt ráo.

“Hà đắc cao thôi thánh cảnh” (Hà nên đề cao thánh cảnh), “cao thôi” (高推) chính là [cho rằng] đây là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, thánh

nhân, chúng ta làm sao có thể thực hiện được? Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật bèn làm được! Vì phương pháp Niệm Phật, pháp môn này, thừa cùng chư vị, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, pháp môn này được gọi là pháp môn bình đẳng. Các pháp môn khác chẳng phải là bình đẳng, vì chúng nhằm độ những đối tượng được tuyển chọn. Đã là chọn lựa đối tượng, đương nhiên là chẳng bình đẳng. Ví như Thiên của Lục Tổ đại sư, Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng: Đối tượng tiếp dẫn của Tổ là bậc thượng thượng thừa. Thần Tú đại sư tiếp dẫn hạng Đại Thừa, còn Lục Tổ tiếp dẫn người thượng thượng thừa. Quý vị hãy suy nghĩ xem: Bình đẳng hay bất bình đẳng? Bất bình đẳng! Do đó, trong vô lượng vô biên pháp môn, chỉ có mình pháp môn này là bình đẳng. Quý vị là bậc thượng thì ta cũng là bậc thượng theo quý vị, quý vị là bậc hạ, ta cũng là bậc hạ theo quý vị, vĩnh viễn là bình đẳng. Trên là bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát, dưới thì cũng bình đẳng với [chúng sanh trong] địa ngục A Tỳ, pháp môn này diệu là diệu ở chỗ này!

Vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng bình đẳng, vì sao? Nhân bình đẳng, đương nhiên quả bình đẳng. Vì vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân hình, màu da, tướng mạo của chúng ta hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có diện mạo hoàn toàn giống nhau, chẳng giống như chúng ta, mỗi người diện mạo mỗi khác! Nay chúng ta tạo tượng Phật, do cùng một khuôn mẫu chế ra, tất cả đều giống nhau. Vì sao có thể giống nhau? Vì tu nhân như nhau, họ tu cái nhân bình đẳng, nên chứng cái quả bình đẳng. Thế giới ấy được gọi là “thế giới bình đẳng”, chư vị niệm kinh Vô Lượng Thọ đều hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Vì nó là cái nhân bình đẳng, nên ai nấy đều có thể học. Vì nó là cái quả bình đẳng, nên ai nấy đều có thể đạt được. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn! Chính vì nhân và quả đều bình đẳng, nên mười phương chư Phật tán thán, mười phương chư Phật hoằng dương, mười phương chư Phật phổ biến giới thiệu pháp môn này cùng hết thảy chúng sanh.

Trong quá khứ, tuy tôi được tiếp xúc pháp môn này rất sớm, nhưng tôi chẳng hiểu rõ Sự Lý chân chánh trong pháp môn này, nên mới nghiên cứu, tìm tòi rộng rãi các kinh luận Đại Thừa. Về sau, khi đã hiểu rõ Sự Lý, thật sự hiểu rõ, tất cả hết thảy kinh giáo tôi đều bỏ sạch, mới biết đối với tôi, nhưng thứ ấy vô dụng. Những thứ ấy có tác dụng lớn nhất là tạo thành một cái cầu ván bắc tạm [giữa thuyền và bờ] để tôi nhận thức pháp môn này. Đến khi tôi đã nhận biết pháp môn này, [tức là] tôi đã vượt qua rồi, đã vượt sông rồi, chẳng cần thuyền nữa, bỏ đi!

Những kinh điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa khiến cho tôi vượt đến bờ kia, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Tôi thật sự nhận thức, liễu giải pháp môn này, đã vượt sang bờ kia, trọn chẳng cần đến những công cụ ấy nữa. Vì thế, biết chân tướng sự thật, từ nay trở đi, chẳng còn đề cao thánh cảnh.

“*Hựu tâm địa hàm chư chủng, tặc Ngũ Căn đẳng, toàn thể thị tự tâm bồi thực*” (Lại nữa, tâm địa chứa đựng các hạt giống, thì những pháp như Ngũ Căn toàn là do tự tâm vun bồi). “*Tâm địa hàm chư chủng*”: Bài kệ truyền pháp của Thiền Tông Lục Tổ có câu: “*Tâm địa hàm chư chủng, phổ vũ tất giai manh, đốn ngộ hoa tình dĩ, Bồ Đề quả tự thành*” (Tâm địa chứa các hạt, mưa xuống đều nảy mầm, hoa tình thức đốn ngộ, quả Bồ Đề tự thành). Bài kệ này trích từ Lục Tổ Đàn Kinh. “*Tâm địa*” chính là tự tánh được nói trong phần trên, là chân tâm của chính mình. Thật ra, câu ấy chính là [cách diễn tả khác] của một câu do Lục Tổ đã thốt ra khi khai ngộ: “*Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ*”. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian trong tận hư không khắp pháp giới vốn trọn đủ trong tự tánh. Đương nhiên, Ngũ Căn và Ngũ Lực cũng vốn sẵn có trong tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, Đại Tạng Kinh, cũng sẵn có trong tự tánh. Sách vở xưa của Trung Quốc như Tứ Khố Toàn Thư và tất cả hết thấy văn tự được xuất bản trên cả thế giới hiện thời, không có thứ gì chẳng có sẵn đầy đủ trong tự tánh. Vì vậy, nếu quý vị kiến tánh, sẽ thông đạt hết thấy, pháp thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn thông đạt.

Lúc tôi mới học Phật, thích xem truyện ký. Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện có chép truyện của một vị, nói vị ấy có thần thông. Vị ấy cùng một chàng Tú Tài đang thảo luận Phật pháp. Chàng Tú Tài chẳng để Cử Nhân bèn tức tối, tự cảm thấy văn chương của chính mình rất hay, quan giám khảo chẳng thể nào không chấm đậu! Vị pháp sư ấy bèn nói: “Ta biết bài văn ấy của anh”. Anh ta nói: “Thầy làm sao mà biết được?” Sư bèn lục lợi trong đây, lôi ra, hỏi: “Có phải là bài này hay không?” Anh ta thấy đúng là như vậy, bèn hỏi: “Từ đâu mà thầy có?” “Trong tự tánh của ta vốn sẵn có trọn đủ”. Không chỉ là bản gốc, mà Sư còn lấy từ trong đây ra, do tự tánh có thể biến hóa đó mà! Cho đến sau này, [khi] chúng tôi thông đạt lý luận này, mới biết đích xác đó là chuyện có thể xảy ra!

Do điều này có thể biết, đích xác là chúng ta khởi tâm động niệm đối gạt một kẻ ngu mê hoặc, điên đảo thì có thể lường gạt được, nhưng chẳng có cách nào gạt gắm một người trí huệ, nhất tâm thanh tịnh. Vì

sao? Người ta biết rõ. Nhưng chur vị phải biết: Hiện thời chúng ta dôi gạt một kẻ ngu si, một ngày nào đó, kẻ ngu si ấy học Phật kiến tánh, biết rõ chuyện trong vô lượng kiếp trước thì vẫn chẳng thể gạt kẻ ấy được, chẳng gạt được chuyện gì! Vì vậy, chúng ta muốn đẩy lên ý niệm lừa gạt kẻ khác, chiếm tiện nghi của người ta; nói thật ra, đó là chính mình tạo nên nỗi oan nghiệt. Người khác có thật sự bị thiệt thòi hay không? Ta có thật sự chiếm được tiện nghi hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng có chuyện ấy! Chính mình tạo nghiệt, tự mình chịu báo, đúng là “*một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là định sẵn*”. “*Định sẵn*” là gì? Do chính mình tạo ra. Chính mình khởi tâm động niệm tạo tác, chính mình phải gánh chịu quả báo ấy!

Ở đây, khẩn yếu là câu tiếp theo: “*Toàn thể thị tự tâm bồi thực*” (Toàn thể do tự tâm vun bồi). Trong phần chú giải đã giảng: “*Tâm địa vô nghi, tức thị Tín. Tâm địa vô giải (bất giải đãi), tức thị Tinh Tấn. Tâm địa vô si, tức thị Huệ*” (Tâm địa chẳng nghi, chính là Tín. Tâm địa chẳng biếng nhác, chính là Tinh Tấn. Tâm địa chẳng si, chính là Huệ), giải thích Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần toàn là do tự tâm vun bồi. Sự vun bồi ấy do Tín khởi đầu, nên Tín là một chữ then chốt, hết sức trọng yếu!

(Sao) Cổ tiên đức vị Tín tâm kiên cố, tràm nhược hư không, tức Ngũ Căn Lực. Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi. Trục liễu tâm tánh, tà chánh bất can, tức Bát Chánh Đạo. Cổ vân hải sanh vạn vật, vô vật bất hải, tâm sanh vạn pháp, vô pháp bất tâm.

(鈔) 故先德謂信心堅固，湛若虛空，即五根力；覺心不起，即七覺支；直了心性，邪正不干，即八正道。故云海生萬物，無物不海，心生萬法，無法不心。

(Sao: Vì thế, tiên đức nói: “Tín tâm kiên cố, tĩnh lặng như hư không, chính là Ngũ Căn, Ngũ Lực. Giác tâm chẳng khởi, tức Thất Giác Chi. Trục tiếp liễu giải tâm tánh, chẳng liên can đến tà hay chánh, chính là Bát Chánh Đạo”. Vì thế nói: Biển sanh ra muôn vật, không vật nào chẳng thuộc về biển. Tâm sanh vạn pháp, chẳng pháp nào không phải là tâm).

“*Tiên đức*” (先德) là cổ đại đức, chẳng nêu rõ tên họ. Cổ nhân có cách nói ấy, giải thích rất hay. “*Tín tâm kiên cố, tràm nhược hư không*”:

Hư không chẳng thể phá hoại. Câu này sánh ví Tín Lực chẳng có cách nào phá hoại. Đó là sức mạnh của Ngũ Căn, cũng tức là Tín niệm của chúng ta chẳng thể lay động. “*Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi*”: Đối với Thê, Tướng và tác dụng (Dụng) của hết thầy các pháp, quả thật đã liễu giải, hiểu rõ, khẳng định. Nói cách khác, trong hết thầy vạn pháp, tuyệt đối chẳng còn khởi tâm động niệm, đó là Thất Giác Chi viên mãn. Phần chú giải có giải thích: “*Giác tâm bất khởi, nhất niệm bất sanh, nữi chân Giác Chi*” (Giác tâm chẳng khởi, chẳng sanh một niệm, chính là Giác Chi chân thật). Bởi lẽ, giác tâm bất động, tâm động là mê. Tâm động là bất giác. Khi tâm đạt đến bất động, chính là thật sự triệt để giác ngộ.

“*Trực liễu tâm tánh, tà chánh bất can, tức Bát Chánh Đạo*” (Trực tiếp liễu giải tâm tánh, chẳng dính dáng đến tà hay chánh, chính là Bát Chánh Đạo). “*Can*” (干) là quấy nhiễu, dính dáng. Chánh pháp hay tà pháp thầy đều chẳng thể quấy nhiễu, dính líu. Vì sao? Biết chánh pháp và tà pháp thầy đều do tự tánh biến hiện, tà và chánh là một, không hai. Do đó, trong hết thầy các pháp chẳng động tâm, nên gọi là Chánh Đạo, tà lẫn chánh cùng mất! Còn có tà và chánh đối lập thì đối lập chẳng phải là Chánh thật sự. Chẳng có đối lập thì mới là Chánh thật sự. Cách xưng hô “*nhân giả*” (仁者) trong Phật môn là tiếng để tôn xưng bậc giác ngộ. Trong kinh, đối với Phật bèn gọi là Nhân Giả, mà đối với Bồ Tát cũng gọi là Nhân Giả. Nho gia nói: “*Nhân giả vô địch*” (Người có lòng nhân, chẳng có kẻ đối địch). “*Địch*” (敵) là đối địch, là tương đối. Một người tâm thanh tịnh, bèn chẳng có tương đối. Thí dụ như tà và chánh, tà và chánh là đối lập, có cái đối nghịch, đối địch đấy! Thiện và ác đối địch, chân và vọng là đối địch. Trong tâm còn có đối địch thì chẳng phải là Bồ Tát. Theo như kinh Kim Cang đã nói, dùng tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang [để luận định], tâm Bồ Tát thanh tịnh, chẳng có đối địch, vì Ngài là tứ tướng, là tứ kiến. Nếu còn có tứ tướng, tứ kiến, trong tâm Ngài vẫn có đối lập. Hễ có đối lập, sẽ chẳng phải là Bồ Tát thật sự. Đến khi hết thầy các thứ đối lập đều chẳng có thì mới gọi là Bát Chánh Đạo.

Kết luận cuối cùng rất hay. Đây là một tỷ dụ: “*Hải sanh vạn vật*” (Biển sanh ra vạn vật). Trong biển sanh ra rất nhiều thứ, chúng đều được sanh từ biển cả. “*Vạn vật bất hải*” (Muôn vật không gì chẳng thuộc vào biển), toàn bộ đều ở trong biển, chẳng rời khỏi phạm vi của biển. “*Tâm sanh vạn pháp*”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là do chính cái tâm của chúng ta sanh ra, ngay cả hư không cũng

vậy. Cho nên, “*vô pháp bất tâm*”, [nghĩa là] chẳng có pháp nào không phải là tự tâm. Do đó, hỏi quý vị, cái tâm của quý vị là gì? Chẳng có một pháp nào không phải là nó. Vì sao? Hết thấy các pháp đều do tự tâm biến hiện, có pháp nào chẳng phải là tự tâm! Nói rất rõ ràng, nhưng cảnh giới vẫn chẳng dễ hiểu cho lắm! Chúng tôi thường dùng chuyện nằm mộng để tỷ dụ. Toàn thể giấc mộng do tự tâm của quý vị biến hiện. Nếu trong khi đang nằm mộng, bỗng dưng biết chính mình đang nằm mộng, hãy hỏi: Có thứ gì trong mộng chẳng phải là chính mình? Núi, sông, đại địa, một ngọn cỏ, một cái cây, toàn là do tâm của chính mình biến hiện. Chẳng có một pháp nào chẳng phải là tự tâm, đó mới gọi là Bát Chánh Đạo.

Đây là hoàn toàn hội quy đoạn kinh văn này về tự tánh, trở về với chính mình, đây mới là thật sự giác ngộ, giác ngộ chân thật. Chẳng ngừng làm như vậy, mỗi ngày bèn có một chút tiểu ngộ. Tích tụ tiểu ngộ sẽ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ sẽ thành đại triệt đại ngộ. Đạt đến đại triệt đại ngộ thì sự niệm Phật của chúng ta sẽ là Lý nhất tâm bất loạn; khi ấy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là thượng phẩm thượng sanh trong cõi Thật Báo. Do đó, tham cứu, nghiên cứu kinh giáo có điều lợi ích này, nhưng đối với điều lợi ích ấy, chính mình phải chú tâm thấu hiểu, chớ nên phân biệt, chấp trước. Hễ phân biệt, chấp trước thì lại rớt vào thức thứ sáu, tức Ý Thức. Do đó, chớ nên phân biệt, chớ nên chấp trước, vẫn thật thà niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, niệm một liên nghỉ, nghỉ khỏe xong lại niệm tiếp. Đó là đúng. Những đại đạo lý này hoàn toàn thuộc trong một câu Phật hiệu, có rất nhiều người hiểu, nhưng đã hiểu mà không chịu niệm thì cũng như không, vô dụng! Kẻ chẳng hiểu, nhưng có thể niệm như vậy, sẽ hoàn toàn đạt được những đạo lý ấy. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

---oOo---

Tập 170

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi bốn:

(Kinh) Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(經) 其土眾生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

(Kinh: Chúng sanh cõi ấy, nghe âm thanh ấy rồi thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn kinh văn này chỉ ra: Sau khi đại chúng nghe thuyết pháp, bèn đạt được lợi ích.

(Diễn) Sớ Sao dẫn phát minh Phật, Pháp, Tăng, bất phát minh như hà niệm. Kim tự Sớ trung, ước ngũ giáo thuyết Tam Bảo, tắc kim niệm pháp, diệc đương hữu ngũ giáo bất đồng.

(演) 疏鈔但發明佛法僧，不發明如何念。今就鈔中約五教說三寶，則今念法，亦當有五教不同。

(Diễn: Sớ Sao chỉ giảng rõ Phật, Pháp, Tăng, nhưng chẳng dạy rõ nên niệm như thế nào? Nay trong phần Sao, đã dựa trên ngũ giáo để nói về Tam Bảo, vậy thì đối với cách niệm [Tam Bảo], cũng nên có [sự phân định cách niệm] khác nhau theo ngũ giáo).

Đối với đoạn này, bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư giảng khá giản lược, nên sách Diễn Nghĩa bổ sung ý nghĩa. Ngài Liên Trì soạn Sớ Sao, chọn lựa phương thức [chú sớ] theo quy củ của tông Hiền Thủ, tức là [theo quy củ] của tông Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm nói ngũ giáo, thập huyền. Sở dĩ Liên Trì đại sư chọn lựa [cách giảng giải theo tông] Hoa Nghiêm là vì có dụng ý rất sâu, cũng chính là đối đãi bộ kinh A Di Đà và pháp môn Niệm Phật ngang hàng với kinh Hoa Nghiêm. Vì lẽ đó, chỗ nào Ngài cũng dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh văn của kinh này.

(Diễn) Như Tiểu Giáo, tức thị Hữu môn, kỳ niệm Tam Bảo, thật hữu năng niệm, sở niệm dã.

(演) 如小教，即是有門，其念三寶，實有能念所念也。

(Diễn: Như Tiểu Giáo chính là Hữu môn, họ niệm Tam Bảo thật sự có chủ thể niệm và đối tượng được niệm).

Nay chúng ta dùng biện pháp này để niệm Phật là được rồi! Cô đức dạy chúng ta thật thà niệm Phật, chớ nên ham cao, chuộng xa! Ta là người niệm Phật (năng niệm), A Di Đà Phật là đức Phật được ta niệm (sở niệm). Có Năng, có Sở, một mực niệm như thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có vấn đề gì. Chớ nên ham

cao, chuộng xa, đâm ra bị hỏng chuyện! Cách niệm này hết sức đáng tin cậy. Chúng ta niệm theo cách này, có phải là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị rất thấp hay không? Không nhất thiết! Nếu quý vị niệm như vậy, thật ra, ta cũng đừng nên chấp trước. Lẽ đâu trong mỗi niệm niệm Phật [bèn suy tưởng]: “Ta là năng niệm, A Di Đà Phật là sở niệm của ta”. Quý vị đừng nên nghĩ kiêu ấy! Nếu niệm niệm đều mang ý niệm ấy, bèn thuộc về Tiểu Giáo. Nếu chẳng có niệm ấy, công phu và cảnh giới niệm Phật của quý vị không ngừng tăng cao, niệm đến mức Năng lẫn Sở cùng mất, cũng chẳng cần tác ý để quên. Nếu cố ý quên đi thì cũng chẳng quên được! Vì thế, khi công phu đạt tới mức, tự nhiên thành tựu, hết thầy đều là tự nhiên, hết thầy đều là tùy ý, chẳng có may mắn nào phải dụng công, cách niệm này tốt lắm, hết sức đúng pháp! Đây là Tiểu Giáo niệm Phật, thật sự là có năng niệm và sở niệm.

(Diễn) Thỉ Giáo, tức Không môn, năng niệm, sở niệm nhất thiết giai Không dã.

(演) 始教，即空門，能念所念一切皆空也。

(Diễn: Thỉ Giáo chính là Không môn, năng niệm và sở niệm hết thầy đều là Không).

Nói thật ra, điều này chẳng thể học. Nếu học, sẽ học chẳng giống, phiền phức to lớn, đâm ra còn bị thất bại, ngay cả đời nghiệp vãng sanh cũng chẳng vãng sanh được, rất đáng tiếc! Vì thế, vẫn chẳng bằng thật thà thực hiện từ Tiểu Giáo. Thỉ Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, Chung Giáo là Đại Thừa viên mãn.

(Diễn) Chung Giáo, tức diệc Hữu diệc Vô môn, niệm nhi bất niệm, bất niệm nhi niệm dã. Đốn Giáo, tức phi Không phi Hữu môn, năng sở song tịch, vô niệm bất niệm, ly niệm đốn hiển dã. Viên Giáo, tức viên dung vô ngại môn, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất thiết niệm, nhất niệm, nhất thời đốn niệm, phi ẩn hiển, nhất thiết viên thành, vô thắng liệt dã.

(演) 終教，即亦有亦無門，念而不念、不念而念也。頓教，即非空非有門，能所雙寂，無念不念，離念頓顯也。圓教，即圓融無礙門，一念一切念，一切念一念，一時頓念非隱顯，一切圓成無勝劣也。

(Diễn: Chung Giáo chính là môn Cũng Có Cũng Không, niệm mà chẳng niệm, chẳng niệm mà niệm. Đốn Giáo chính là môn Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không, Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có niệm và vô niệm, là niệm mà nhanh chóng hiển lộ. Viên Giáo chính là môn Viên Dung Vô Ngại, một niệm là hết thấy niệm, hết thấy niệm là một niệm, niệm cùng một lúc, chẳng ẩn, chẳng hiển, hết thấy thành tựu viên mãn, chẳng có hơn kém).

Do điều này có thể biết, thật thà niệm mãi một câu Phật hiệu, trong ấy chớ nên phân biệt, mà cũng đừng chấp trước. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: “*Hạnh khởi, giải tuyệt*”, câu này rất quan trọng. Hạnh là gì? Chúng ta là người niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật là Hạnh. Khi niệm Phật [tức là “*hạnh khởi*”], bèn buông xuống hết thấy, thứ gì cũng chẳng nghĩ tới, đạo lý gì cũng chẳng nghĩ tới, lý luận gì cũng chẳng nghĩ tới, phương pháp gì cũng chẳng nghĩ tới, cảnh giới gì cũng chẳng nghĩ tới, thứ gì cũng chẳng nghĩ tới, [đó là “*giải tuyệt*”], chỉ có một câu A Di Đà Phật, đó là đúng, hoàn toàn chánh xác. Như vậy thì tuy từ Tiểu Giáo nhập môn, quý vị thấy trong ngũ giáo, đã tương ứng với Viên Giáo, niệm niệm là viên tu, viên chứng, chẳng thể nghĩ bàn! Nói thật ra, người thiện căn sâu dày chẳng cần phải hiểu lý luận, đối với một câu Phật hiệu này liền nghiêm túc niệm mãi, tín tâm của người ấy từ đâu sanh khởi? Thấy người khác niệm Phật vãng sanh, tín tâm được kiến lập từ chỗ ấy. Thấy người đó niệm Phật, biết trước lúc mất, chẳng bệnh tật mà mất, ra đi rất tự tại, rất sung sướng, người ấy liền tin tưởng, khăng khăng một mực niệm câu Phật hiệu này, tu tập như vậy bèn tương ứng viên đốn.

Gần đây nhất, cư sĩ Châu Quảng Đại vãng sanh ở Hoa Thịnh Đốn, tuy chúng tôi chỉ nghe kể, nhưng ở bên ấy có mười mấy người đích thân chứng kiến, chẳng phải là một, hai kẻ, tin tức truyền đến tôi, chắc chắn chẳng giả. Một nhóm người ấy chính mắt trông thấy, giống như chúng ta chính mắt trông thấy. [Châu cư sĩ] niệm Phật ba ngày liền cảm Tây Phương Tam Thánh hiện đến, chúng tôi giảng kinh vài chục năm, Lý, Sự, chân tướng đều chẳng nói rõ ràng được, nhưng người ta nhìn thấy tình huống ấy liền tin tưởng, đó là thiện căn sâu dày. Phật pháp thường nói “*tam chuyển pháp luân*”, đây là Tác Chứng Chuyển. Ông ta nêu gương, nêu chứng có cho chúng ta thấy; nếu quý vị tin tưởng, làm giống như ông ta, thì sẽ thành công. Ông ta vừa nghe pháp môn này liền tin tưởng, chẳng hoài nghi tí nào, tin tưởng Tây Phương xác thực có thể giới Cực Lạc. Tình huống sinh hoạt trong thế giới Cực Lạc giống hệt như trong

kinh đã nói, quyết định chẳng ngờ vực. Phát nguyện cầu sanh, bèn niệm Phật thành công, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, dầu thọ mạng chưa đến mà muốn ra đi vẫn được, Phật vẫn đến tiếp dẫn, chuyện này chẳng thể nghĩ bàn!

Thật sự có ý niệm cầu nguyện vãng sanh, niệm áy chân thật, sẽ có thể vãng sanh bất cứ lúc nào, chư Phật tán thán pháp môn này là pháp môn bậc nhất. Thật sự là pháp môn phương tiện bậc nhất. Bất luận là ai cũng đều có tư cách, trên là từ Đẳng Giác Bồ Tát, [dưới] cho đến chúng sanh trong địa ngục, ai nấy đều có phần. Sợ là quý vị nghe xong bèn hoài nghi, chẳng thể tin sâu, chướng ngại thuộc nơi chính mình, chứ pháp môn chẳng có chướng ngại. A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân đến tiếp dẫn quý vị cũng chẳng có chướng ngại. Do điều này có thể biết, chỉ cần trừ khử nghi căn của chúng ta thì lý (đạo lý) biết nhiều cũng được, mà chẳng biết cũng không sao, chỉ cần tin tưởng có sự thật này là được rồi, chúng ta quyết định thành tựu trong một đời này!

Vì lẽ đó, “*trì danh niệm Phật, vô dị u Thật Tướng*” (trì danh niệm Phật chẳng khác Thật Tướng [niệm Phật]). Cách tu tập thoát nhìn dường như rất thấp, nhưng thành tựu thù thắng khôn sánh. Trong phần chú giải của đoạn kinh văn này, đã nói rõ cảnh giới niệm Phật trong ngũ giáo khác nhau, chúng ta hiểu là được rồi, chớ nên phân biệt: Rốt cuộc ta niệm Phật thuộc giáo nào? Chẳng cần thiết, chẳng cần chuốc lấy phiền phức!

(Diễn) *Tắc trì niệm pháp, thâm thiên bất đồng, tùy cơ vô định. Nhiên ước nhi ngôn chi, bất xuất Sự Lý nhị chủng.*

(演) 則知念法，深淺不同，隨機無定。然約而言之，不出事理二種。

(Diễn: *Nên biết cách niệm [trong ngũ giáo] có cạn hay sâu khác biệt, tùy theo căn cơ, không nhất định; nhưng nói đại lược thì chẳng ngoài hai loại là Sự và Lý.*

“Ước” (約) là quy nạp. Đối với năm loại vừa nói trên đây, năm loại được quy nạp thành hai thứ, hai thứ sẽ đơn giản.

(Diễn) *Sự, tức niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật, tức thường niệm thân cận, cầu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp, tức thường*

niệm tu hành chư Ba La Mật. Niệm Tăng, tức thường niệm thân cận học như thật hạnh dã.

(演) 事，即念別相三寶。念佛，則常念親近，求一切智。念法，則常念修行諸波羅蜜。念僧，則常念親近學如實行也。

(Diễn: “Sư” chính là niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật bèn thường nghĩ thân cận, câu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp bèn thường nghĩ tu hành các Ba La Mật. Niệm Tăng bèn thường nghĩ thân cận học hạnh như thật).

Đây là nói về Sự Niệm. Sự Niệm và Lý Niệm đều như nhau. Trong Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã phân tích rất rõ ràng: Bất luận Sự Niệm hay Lý Niệm, niệm đến mức chính mình có thể hàng phục phiền não, tuy có vọng niệm, vọng niệm chẳng thể dấy lên hiện hành, cũng tức là vọng niệm chẳng khởi tác dụng, câu Phật hiệu có thể không chế vọng niệm; đó là “công phu thành phiền”, quyết định vãng sanh. Nếu có thể niệm đến mức đoạn trừ phiền não, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Có thể niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Đây là nói tổng quát, công phu sâu hay cạn có ba mức độ sai khác. Đối với hai cách niệm Lý và Sự, chúng ta học Sự Niệm thuận tiện hơn, vì sao? Vì từ vô thi đến nay, chúng ta chấp tướng, chấp tướng thì tu Sự Niệm sẽ thuận tiện. Niệm Phật Bảo trong Biệt Tướng Tam Bảo là thường mong thân cận đức Phật. Thân cận vị Phật nào? Thân cận A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là hiện tại Phật, Ngài chẳng phải là quá khứ Phật, mà cũng chẳng phải là vị lai Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã là quá khứ, Di Lặc Phật là vị lai Phật, vẫn chưa xuất thế. A Di Đà Phật là hiện tại Phật, chúng ta phải thường mong thân cận Ngài, thường muốn thấy A Di Đà Phật. Chúng ta niệm câu danh hiệu A Di Đà Phật nhằm mục đích mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Đó là hoàn toàn chánh xác.

Nhưng ở đây, phải đặc biệt nhắc nhở chư vị đồng tu, quý vị vẫn là thật thà niệm mãi câu Phật hiệu này. Thiệu Đạo đại sư dạy chúng ta: “*Thân chuyên lễ A Di Đà Phật*”. “*Lễ*” là lễ bái, chúng ta mỗi ngày sáng tối lạy Phật. Lạy Phật là một loại vận động hết sức tốt, nên mọi người chẳng cần tập thể thao, tập Thái Cực Quyền, chẳng có ý nghĩa gì hết, lãng phí thời gian! Quý vị muốn hoạt động thân thể thì lạy Phật là được rồi. Rèn luyện thân thể như vậy, công phu niệm Phật chẳng gián đoạn; dùng các phương pháp khác, công phu niệm Phật của quý vị bị gián đoạn.

Lạy Phật thì mỗi ngày lạy bao nhiêu? Không nhất định, tự mình có thể ấn định, có thời gian thì lạy nhiều, chẳng có thời gian bèn lạy ít, hãy dựa theo hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình để ấn định. Người thật sự niệm Phật phải ghi nhớ một nguyên tắc: Giảm bớt chuyện. Nhiều chuyện không bằng ít chuyện, ít chuyện chẳng bằng không có chuyện gì! Những chuyện thuộc bốn phận của chính mình thì phải làm, những chuyện ở ngoài bốn phận của chính mình thì tốt nhất là đừng nắm níu, chẳng cần phải bới ra việc, tâm quý vị mới có thể thanh tịnh. Không có chuyện mà bới việc ra, đó là chuyện rất khổ! Hiện thời bên ngoài đang ráo riết tranh cử, đó là không có chuyện mà cứ bới ra việc! Những chức quan hoặc ủy viên ấy, mời tôi làm, tôi cũng không làm, vì sao? Tôi không thích hợp hành, phiền phức! Ăn nói cũng giống như vậy, ngôn ngữ càng đơn giản càng hay, bớt lo, bớt nói. Niệm Phật cho nhiều, tưởng Phật cho nhiều, thì trong một đời này mới có thể tu Tây Phương Cực Lạc thế giới thành công. Do đó: “*Miêng chuyên niệm A Di Đà Phật, ý chuyên tưởng A Di Đà Phật*”. Ba loại phương thức này, lấy niệm Phật làm chủ, lấy chấp trì danh hiệu làm chủ, lấy lễ bái và quán tưởng để phụ trợ.

Vì sao lấy niệm Phật làm chủ? Nếu lấy quán tưởng làm chủ, sẽ dễ bị ma dựa. Khi quý vị tu hành công phu còn chưa đủ, lỡ vạn nhất yêu ma quỷ quái biến thành hình tướng Phật cho quý vị thấy, quý vị trông thấy bèn sanh tâm hoan hỷ, sẽ bị ma dựa, phải chú ý điều này. Vì vậy, chúng ta lấy trì danh làm chủ. Quán tưởng thì sao? Nếu khi trì danh niệm Phật mà còn có vọng niệm, bèn tưởng Phật, tưởng Phật liền gạt bỏ vọng niệm, liền lia khỏi vọng niệm, dùng phương pháp này để thay thế vọng niệm, trọn chẳng phải là thời thời khắc khắc cầu Phật hiện tướng cho chúng ta thấy. [Nếu luôn mong mỏi như vậy] sẽ là phiền phức to lớn. Ba năm hay năm năm quý vị thấy [Phật hiện tướng] một lần thì là thụy tướng, là hảo tướng. Nếu thường thấy Phật tướng, mỗi ngày đều thấy, mỗi tuần đều thấy, sẽ có chuyện rắc rối to, chắc chắn là ma, chẳng phải là Phật. Một tuần thấy hai ba lượt là khi vãng sanh, khi vãng sanh mà một tuần quý vị thấy hai ba lượt thì là bình thường, chính quý vị biết mình sắp ra đi. Đó là niệm Phật, là nhất tâm mong thân cận Phật.

“*Niệm Pháp, tác thường niệm tu hành chư Ba La Mật*” (Niệm Pháp ắt thường nghĩ tu hành các Ba La Mật). Chư vị phải đặc biệt ghi nhớ: Đối với các Ba La Mật, câu A Di Đà Phật trọn đủ viên mãn Lục Độ vạn hạnh, có cần phải tu pháp nào khác hay không? Chẳng cần! Như các hạnh Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, ngẫu nhiên gặp dịp bèn tùy phần, tùy sức mà hành. Chẳng gặp dịp, bèn chẳng đi tìm, chẳng phải là tìm kiếm

đề làm! Ví như người niệm Phật trong mười hai thời, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là phước báo lớn, niệm niệm tiêu trừ nghiệp chướng. Nay chúng ta nói đến chuyện phóng sanh, mỗi ngày khởi tâm động niệm: “Ta ra chợ mua thứ này thứ nọ để phóng sanh”, có phước báo hay không? Có một chút phước báo nhỏ nhặt, bỏ mất đại phước báo, chẳng có [đại phước báo], vì sao? Niệm Phật bị gián đoạn. Phóng sanh thì phải nên dùng thái độ gì để phóng sanh? Tình cờ gặp, chẳng phải là đặc biệt tìm kiếm. Đặc biệt tìm kiếm thì sai mất rồi, rốt cuộc là quý vị tu pháp môn phóng sanh hay tu pháp môn Niệm Phật? Còn có kẻ tu từ thiện, bố thí, đi khắp nơi kiếm xem có kẻ đáng thương nào để chúng ta đến giúp đỡ họ, đến khắp nơi nghe ngóng, đi khắp nơi tìm kiếm, đều sai mất rồi, đó là quý vị nhất tâm phan duyên! Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên; hễ gặp thì chúng ta phải tận tâm tận lực làm, giúp đỡ người khác, đó là đúng. Đã gặp, chẳng thể không làm. Ví như quý vị mỗi ngày đi chợ mua thức ăn, gặp cá tôm sống nhả, đã trông thấy, nhất định là chúng có thể sống được, chúng ta lập tức mua đem đi phóng sanh. Nếu quý vị thấy chúng rất không xong, đem thả chúng, chúng cũng sẽ chết, bèn chẳng cần phải làm chuyện đó. Vì thế, tu hết thấy thiện phước, phải vận dụng trí huệ, chớ nên xử sự theo cảm tình, phải dùng cái tâm thanh tịnh, phải tùy duyên, chớ nên phan duyên, điều này hết sức trọng yếu! Tâm tâm niệm niệm, niệm A Di Đà Phật là đúng. Đó là niệm Pháp, chúng ta nhất định vâng theo lời dạy để phụng hành.

“*Niệm Tăng*”, nói đơn giản là thân cận thiện tri thức. Thiện tri thức đồng đạo, người mới học nhất định phải thân cận thiện tri thức tương ứng với pháp môn chính mình đang tu học. Ta tu pháp môn Niệm Phật, vị thiện tri thức này cũng tu pháp môn Niệm Phật, vậy thì được! Ta tu pháp môn Niệm Phật, vị thiện tri thức kia tham Thiền, hoặc trì chú; quý vị thân cận vị thiện tri thức đó, chẳng có ích gì cho pháp môn quý vị đang tu, chẳng có lợi ích gì. Vì thế, nhất định phải thân cận thiện tri thức tu cùng một pháp môn với chính mình, đó là niệm Tăng. Chờ cho quý vị niệm đến mức công phu thành phiến, đạt được Niệm Phật tam-muội, đối với pháp thế gian và xuất thế gian quý vị đều như như bất động; khi ấy, thiện tri thức các tông, các phái đều có thể thân cận, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, như vậy thì được. Chưa đạt đến trình độ ấy thì không được, chớ nên tùy tiện đến tham phỏng thiện tri thức! Mức độ thấp nhất là chính mình đã đạt được Niệm Phật tam-muội thì khi ấy mới có thể [tùy tiện tham học].

Thời cổ, điều kiện tham học trong Phật môn là như vậy đó; chẳng phải là tùy tiện bèn có năng lực đi tham học. Hiện thời nói dân chủ, tự do, Phật môn cũng nói chuyện dân chủ, tự do, hồng bát! Vì vậy, nhân tài Phật pháp bị đoạn mất, nguyên nhân vì đâu? Trò chẳng nghe lời thầy. Họ muốn nói đến dân chủ, tự do, chẳng tiếp nhận sự chỉ dạy, làm sao có thể thành tựu cho được? Pháp môn này được gọi là pháp khó tin, nay chúng ta nghĩ lại Trung Quốc từ xưa tới nay, phương pháp thầy dùng để dạy trò, nói tóm lại đều là pháp khó tin, người hiện thời chẳng thể tin được! Nhưng phương pháp ấy tạo thành nhân tài, đời nào cũng đều có nhân tài. Nay thì chẳng có cách nào, người trẻ tuổi không thầy mà tự thông hiểu, đến khắp nơi học lung tung, làm sao có thể đạt thành tựu cho được? Chẳng thể nào có thành tựu! Họ đạt được một ít kiến thức hời hợt bề ngoài, chẳng đạt được trí huệ. Trí huệ học từ chỗ nào? Trí huệ học từ Thiên Định. Họ chẳng có Định, đi khắp nơi, đọc lung tung, thấy nhiều, nghe lắm, ghi nhớ thật nhiều, tưởng đó là Phật học, Phật pháp, lầm lẫn quá đời!

Phật pháp là pháp giác ngộ, tâm quý vị bất giác, lấy đâu ra giác ngộ? Tuyệt đối chẳng phải là có thể nắm lấy sự giác ngộ của người khác coi như của chính mình, chẳng có lẽ ấy! Nếu có thể làm như vậy, chúng ta còn phải tu hành nữa hay sao? Chẳng cần! Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, sẽ đem sự tu hành của chính mình ban cho chúng ta là được rồi! Các vị đọc kinh Lăng Nghiêm, [sẽ thấy] tôn giả A Nan thuở ấy có quan niệm sai lầm như thế, tưởng là người khác phải siêng khổ tu tập, ta chẳng cần! Ta là em út của đức Phật, đức Phật là anh lớn, thương yêu ta nhất, trong tương lai nhất định truyền Phật pháp cho ta, ta chẳng cần tu tập! Đến khi gặp nạn Ma Đăng Già nữ, mới biết: Nguyên lai, người khác chẳng có cách nào ban sự tu tập của họ cho ta, đâu có mối quan hệ thân thiết đến mấy cũng chẳng có cách nào! Tiền tài có thể tặng cho kẻ khác hưởng thụ, chứ trí huệ và tài nghệ làm sao ban cho người khác được? Chẳng có cách nào! Vì thế, những thứ ấy quả thật là “*ông tu, ông đắc; bà tu, bà đắc*”, nhất định phải cậy vào chính mình tu tập. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, lấy đâu ra trí huệ? Đối với kinh, luận, chú sớ của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, quý vị học thuộc lòng, cũng có thể giảng đến nổi hoa trời rơi lá tả, có phải là trí huệ hay không? Chẳng phải là trí huệ! Vì sao? Tâm quý vị chẳng hiểu rõ, quý vị giảng thứ gì cũng chẳng rõ rệt, mỗi câu nói ra đều hay lắm, nhưng thính chúng nghe chẳng thấy có ý vị gì hết! Do điều này có thể biết, tâm thanh tịnh trọng yếu dường ấy!

Cái tâm thanh tịnh như người niệm Phật chúng ta đã nói được nhà Thiền gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, kiến tánh là tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng kiến tánh. Câu Phật hiệu là phương pháp để chúng ta tu tâm thanh tịnh, dùng Phật hiệu để tu tâm thanh tịnh. Tâm địa có một phần thanh tịnh, sẽ tương ứng với Phật pháp một phần. Hai phần thanh tịnh bèn hai phần tương ứng. Đó mới là thật sự lý giải. Xem kinh, đọc chú giải mới hiểu ý nghĩa. Kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, lời nguyện ấy là tâm thanh tịnh thì mới có thể lý giải. Do điều này có thể biết, vun bồi tâm thanh tịnh thì chẳng có phương pháp nào khác, [chỉ là] phải tu tập chuyên nhất. Ngay cả Nho gia cũng nói “*duy tinh, duy nhất*”, [tức là] họ nói đến sự tinh ròng, chuyên nhất. Phật pháp cũng giống như thế, kinh Di Đà đặc biệt chủ trương “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn là quả, nhất tâm bất loạn cũng là nhân, nhân quả đồng thời, nhiệm màu thay! Hy vọng các đồng học phải đặc biệt chú ý điều này. Do vậy có thể biết, mỗi ngày trong mười hai giờ, chúng ta dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm một câu A Di Đà Phật, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Tam Bảo đều trọn đủ.

(Diễn) Lý, tức niệm Đồng Tướng Tam Bảo.

(演) 理，即念同相三寶。

(Diễn: Lý chính là niệm Đồng Tướng Tam Bảo).

Nói đến tự tánh. Đồng Tướng Tam Bảo là Tự Tánh Tam Bảo, cũng là giác, chánh, tịnh. Giác, chánh, tịnh là Lý. Sự là Phật, Pháp, Tăng. Phật, Pháp, Tăng là sự tướng, là hình tướng bên ngoài, Lý là giác, chánh, tịnh.

(Diễn) Giác tâm bất khởi, thường trụ Đệ Nhất Nghĩa Đế, bất vi nhị biên sở động, thị vi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(演) 覺心不起，常住第一義諦，不為二邊所動，是為念佛念法念僧。

(Diễn: Giác tâm không khởi, thường trụ Đệ Nhất Nghĩa Đế, không bị dao động bởi nhị biên, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh tịnh, đó là Đồng Tướng Tam Bảo.

(Diễn) *Tức Thiên Thai đại sư sở vị an tâm bất động, xưng chi vi niệm dã.*

(演) 即天台大師所謂，安心不動，稱之為念也。

(Diễn: *Chính là như Thiên Thai đại sư đã nói: “An tâm bất động bèn gọi là niệm”).*

Trong hết thảy cảnh giới, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó gọi là “*niệm Đồng Tướng Tam Bảo*”, tức là Lý Niệm. Cái gọi là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*” chính là Lý Niệm. Vì vậy, chúng ta vẫn phải thực hiện từ Sự thì hay hơn, thực hiện từ Biệt Tướng sẽ dễ hơn, thực hiện từ phương pháp của Tiểu Giáo sẽ dễ đạt được lợi ích, đừng ham cao chuộng xa. Biết có thuyết này, nhưng chẳng cần phải mong cầu, cứ thật thà niệm Phật, quyết định có thành tựu!

(Sớ) *Văn âm vô ích, tắc đồng thể âm, chỉ thủ ngu lạc. Kim niệm Tam Bảo, chánh minh ích dã. Tam Bảo giả, lược hữu tam tướng: Nhất Trụ Trì Tướng, nhị Biệt Tướng, tam Đồng Tướng, khả tôn quý cố, danh chi viết Bảo.*

(疏) 聞音無益，則同世音，祇取娛樂。今念三寶，正明益也。三寶者，略有三相：一住持相，二別相，三同相。可尊貴故，名之曰寶。

(Sớ: *Nghe tiếng mà chẳng có lợi ích gì thì giống như âm thanh trong thế gian, chỉ nhằm thỏa thích. Nay [nói nghe chim hót bèn] niệm Tam Bảo là nói rõ lợi ích [do nghe tiếng chim hót]. Tam Bảo nói đại lược thì có ba tướng: Một là Trụ Trì Tướng, hai là Biệt Tướng, ba là Đồng Tướng. Do đáng tôn quý, nên gọi là Bảo).*

“*Âm*” (音) là âm thanh. Âm thanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là âm thanh do hữu tình hay vô tình phát ra đều hết sức vi diệu, hết sức êm tai! Nếu nghe những âm thanh ấy mà chẳng có công đức lợi ích thù thắng, thì có khác gì chúng ta nghe âm nhạc hoặc ca hát trong thế gian? Chẳng khác gì! Chỉ nhằm giải trí mà thôi! Chẳng dính líu đến chuyện phá mê, khai ngộ. Chúng ta nói đến lợi ích thì phá mê, khai ngộ, đoạn phiền não, tăng trưởng Bồ Đề, đó là lợi ích. Chẳng đạt được các lợi ích ấy, bèn chẳng khác gì âm nhạc của thế gian. “*Kim niệm Tam*

Bảo” (Nay niệm Tam Bảo), đó là lợi ích. Nghe âm thanh do hữu tình và vô tình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phát ra, tự nhiên dấy lên ý niệm niệm Tam Bảo, đó là lợi ích và công đức của âm thanh ấy. Tiếp đó, giảng rõ Tam Bảo là gì? Đại sư nói đến ba loại, trước tiên là giảng giải chữ Trụ Trì:

(Sao) Trụ Trì Tướng giả, điêu, chú, tổ, họa, danh vi Phật Bảo. Hoàng quyển xích trục, danh vi Pháp Bảo. Tỳ-kheo ngũ chúng, hòa hợp vô tranh, danh vi Tăng Bảo, tức thế gian Tam Bảo dã.

(鈔) 住持相者，雕鑄塑畫，名為佛寶；黃卷赤軸，名為法寶；比丘五眾，和合無爭，名為僧寶，即世間三寶也。

(Sao: Trụ Trì Tướng: [Hình tượng Phật] điêu khắc, đúc, đắp, vẽ, gọi là Phật Bảo. Quyển vàng trục đỏ là Pháp Bảo. Năm chúng tỳ-kheo hòa hợp, chẳng tranh chấp là Tăng Bảo, tức là thế gian Tam Bảo).

Đầu tiên, nói về Trụ Trì Tam Bảo. Trụ Trì chỉ điều gì? Duy trì Phật pháp. Phật pháp có thể lưu truyền trong thế gian thì cần phải nhờ vào [thế gian Tam Bảo] để truyền thừa, truyền bá rộng rãi, hoàng dương rực rỡ. Tam Bảo: Khi đức Phật tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật là Phật Bảo, hết thảy các kinh do đức Phật đã nói là Pháp Bảo, các đệ tử theo Phật học tập là Tăng Bảo. Thuở Phật tại thế, trong Tam Bảo, Phật Bảo là bậc nhất. Phật đã tịch diệt, trong Tam Bảo, Pháp Bảo là bậc nhất, chẳng phải là Phật Bảo bậc nhất, vì sao? Chúng ta chỉ thấy tượng Phật. Tượng Phật chẳng thể nói chuyện. Chúng ta có nghi vấn, tượng cũng chẳng thể giải đáp, nên đối với chúng ta, hữu ích nhất là kinh điển, kinh điển biến thành đệ nhất bảo. Xem kinh điển không hiểu, phải thỉnh người xuất gia chuyên môn tu học giải thích cho chúng ta, nên người xuất gia tức Tăng Bảo cũng biến thành hết sức trọng yếu. Đó là hiện tượng sau khi đức Phật diệt độ, chúng ta cần phải biết. Ở đây nói “*điêu, chú, tổ, họa*” (khắc, đúc, đắp, vẽ) là nói đến phương thức tạo tượng. “*Điêu*” (雕) là điêu khắc, tượng Phật bằng gỗ do khắc chạm mà thành. Tượng bằng kim loại được đúc, dùng khuôn để chế ra. Tượng đắp thì nặn bằng đất, thuộc loại sành sứ. Còn có loại tượng Phật được vẽ. Bất luận là điêu khắc, đúc, đắp, vẽ, đều xem những tượng ấy là Phật Bảo, mang ý nghĩa kỷ niệm. Đức Phật chẳng trụ thế, nhìn hình tượng Phật giống như thấy Phật.

Thờ phụng tượng Phật có hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất là kỷ niệm. Đức Phật là vị thầy căn bản, vị thầy sáng lập giáo pháp của chúng ta. Nay chúng ta đạt được lợi ích do huân tu Phật pháp, ân đức ấy do đức Phật ban cho. Vì thế, đối với vị thầy căn bản, đối với vị thi tổ lập giáo, chúng ta niệm niệm chẳng quên, đó là ý nghĩa “*thận chung truy viễn*⁵¹, *uống nước nhớ nguồn*”, giống như chúng ta thờ bài vị tổ tiên, có ý nghĩa ấy.

2) Ý nghĩa thứ hai cũng hết sức trọng yếu, đó là “*kiến hiền tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng). Kinh Đại Thừa nói: “*Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lần này do thả chiếc bè Từ mà trở lại*”. Nhưng chúng ta thấy hình tượng của Ngài trong một đời, cũng là từ phàm phu tu thành Phật, cũng do cha mẹ sanh ra, cũng có sáu năm khổ hạnh. Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, thị hiện thành đạo, thuyết pháp độ sanh, hành động cả đời Ngài đều làm khuôn mẫu, điển hình cho chúng ta. Chúng ta học tập noi gương Ngài, Ngài có thể thành Phật trong một đời thì chúng ta cũng có thể thành Phật trong một đời. Vấn đề là có chịu nghiêm túc học tập, có thể nghiêm túc buông xuống hay không? Ngài triệt để buông phú quý, công danh xuống. Kẻ khác muốn tranh giành, Ngài đã đạt được, chẳng cần đến. Ngài là bậc quốc vương tôn quý, người Hoa thường nói: “*Quý vị thiên tử, phú hữu tứ hải*” (Thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển). Ngài từ bỏ phú quý, sống bằng cách đi khát thực từng nhà. Chẳng ở trong hoàng cung, mà nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, sống cuộc đời như vậy. Quý vị nghĩ xem: Chúng ta có thể học theo hay không? Học chẳng nổi! Nay chúng ta muốn học, đức Phật dạy chúng ta buông xuống, bất quá là buông xuống một phần trăm, hoặc một hai phần ngàn mà thôi! Chẳng triệt để buông xuống giống như Ngài, chẳng có mảy may tham luyến pháp thế gian và xuất thế gian, tâm Ngài thanh tịnh lắm. Nay chúng ta nói buông xuống, nhưng bố thí thì luôn giữ lại cho mình một chút, chẳng bỏ sạch sành sanh giống như Ngài! Vì thế, Ngài có thể thành Phật trong một đời, chúng ta chẳng thể thành Phật trong một đời, nguyên nhân là ở chỗ này!

Đức Phật thật sự biểu diễn cho chúng ta thấy; đó là đại từ đại bi chân chánh. Bất luận kẻ nào nếu hoàn toàn học tập Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể nào không thành Phật trong một đời này. Thành Phật há phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Chẳng cần thiết! Chúng ta phát tâm, nhưng chẳng làm trọn vẹn, tiến tiến lùi lùi, nên mới phải cần ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế, tượng Phật vốn có công đức ấy. Thấy tượng Phật sẽ nghĩ: Phải học theo Ngài thấy thấu suốt, buông xuống, phải học theo Ngài có tâm tự tin đường ấy, chẳng hề sợ hãi như vậy. Ngài buông

xuống, chẳng sợ hãi, có sao nay chúng ta chẳng buông xuống được? Do sợ hãi, sợ ngày mai chẳng có cơm ăn, ngày mai chẳng có quần áo mặc, sợ những chuyện ấy. Ngài không sợ, thầy đều bỏ sạch, đó là đại vô úy.

Vì vậy, thờ tượng Phật có hai ý nghĩa ấy. Các đồng tu học Phật, thật sự học Phật, quyết định chớ nên coi tượng Phật như tượng thần, [nếu coi như tượng thần] thì sai mất rồi. Tượng thần là gì? Coi Phật như thần minh, nghĩ Ngài sẽ có thể phù hộ quý vị, chẳng có chuyện đó! Chư vị nhất định phải biết ý nghĩa chân chánh của việc thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, chớ nên coi các Ngài giống như thần minh! Coi các Ngài như thần minh tức là mê tín. Phật pháp bài trừ mê tín, phá mê, khai ngộ.

Pháp Bảo là nói tới quyển vàng, trục đỏ. Liên Trì đại sư sanh vào cuối đời Minh, trong thời đại ấy, kinh sách đóng thành từng tập rất hiếm, đại đa số vẫn là in thành một cuộn giấy dài, giống như các bức tranh được bồi hiện thời. Do cuộn lại, nên gọi là Quyển (卷). Kinh Phật từ lối in theo kiểu trục cuốn trở thành in theo kiểu đóng thành tập là do Hám Sơn đại sư đề xướng. Hám Sơn đại sư cũng là người sống vào đời Minh. Bốn vị đại sư cuối đời Minh là Hám Sơn, Tử Bách, Liên Trì, và Ngẫu Ích. Trong bốn vị đại sư, ngài Ngẫu Ích trẻ tuổi nhất. Sách chia thành trang, đóng thành tập cho đến hiện thời chỉ có lịch sử hơn năm trăm năm. Trước đây đều dùng lối trục cuốn, ở đây gọi là “*hoàng quyển*” (黃卷), [lối in thành từng tập] gọi là “*phương sách*” (方冊), do nó vuông vắn, gồm từng tập một. Xích trục (赤軸), “*trục*” là trục bằng gỗ [gắn ở hai đầu] một cuộn thư họa. “*Hoàng quyển xích trục*”⁵² chỉ kinh điển, kinh quyển là Pháp Bảo.

“*Tỳ-kheo ngũ chúng*” chỉ người xuất gia. Người xuất gia nam chúng có hai loại, một là đã thọ Tỳ-kheo Giới, được gọi là Tỳ-kheo Giới Chúng, loại kia còn chưa thọ giới Tỳ-kheo, là Sa Di Chúng. Nữ chúng có Tỳ-kheo-ni, Sa Di Ni, và Học Pháp Nữ (Thức Xoa Ma Na), gọi gộp chung là Ngũ Chúng. Quan trọng nhất là câu kệ đó, “*hòa hợp vô tranh*” thì mới gọi là Chúng. “*Chúng*” (眾) là đoàn thể, chẳng phải là cá nhân. Từ bốn người trở lên ở cùng một chỗ cùng tu, tuân thủ Lục Hòa Kính thì mới có thể gọi là Chúng. Chúng, dịch sang tiếng Hán là Tăng Đoàn, tức là một đoàn thể của những người xuất gia. Nếu người ở chung dẫu nhiều đến mấy, mà chẳng tuân thủ Lục Hòa Kính, sẽ chẳng thể gọi là Tăng Đoàn. Do đó, điều kiện cơ bản của Tăng Đoàn là phải tuân thủ Lục Hòa Kính. Dùng tiêu chuẩn này để xét, tôi học Phật suốt ba mươi tám năm,

đến rất nhiều nơi, chưa thấy một Tăng đoàn nào; vì vậy, trong lòng rất khó chịu. Bản thân chúng tôi có ý muốn thành lập một Tăng đoàn, có thể hay không? Chẳng thể, quá khó! Cổ nhân nói: “*Ba người đồng tâm, sức bèn cắt đứt vàng*”, thật sự thấu hiểu chẳng dễ dàng! Có thể tìm được bốn người có kiến giải, chí thú hoàn toàn giống nhau, tức là sáu điều kiện ấy thấy đều làm được, hết sức khó khăn!

Sáu điều kiện ấy khó khăn nhất, thứ nhất là “*kiến hòa đồng giải*”, [tức là] kiến giải hoàn toàn giống nhau. Đó là căn bản to lớn của sự hòa hợp. Người ấy có thể thật sự chung sống hòa thuận. Vào thời cổ tại Trung Quốc, mỗi tự miếu đạo tràng đều có giải hạnh đặc sắc, chẳng rời loạn. Xét theo lý luận, trong các kinh, họ chỉ chọn ra vài bộ, trong hạnh môn chuyên tu một pháp môn. Người trong ngôi chùa miếu ấy, bất luận là bao nhiêu, kiến giải đều hoàn toàn giống nhau. Ví như trong pháp môn Tịnh Độ, kinh điển đề y cứ là “*tam kinh nhất luận*”. Trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, cư sĩ Ngụy Nguyên lại thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm; đầu thời Dân Quốc, Ân Quang đại sư lại thêm vào Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, [các kinh điển] đó là căn cứ lý luận của chúng ta. Xét theo phương pháp tu học, thống nhất dùng một phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Mọi người đều có kiến giải, cách nhìn, và cách nghĩ giống nhau, chí đồng đạo hợp, cùng nhau tu hành. Đó là căn bản của sự hòa hợp.

Một điều khác khó khăn nhất, chẳng dễ dàng là “*lợi hòa đồng quân*”. Quý vị thật sự triệt để buông tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần xuống, hết thấy cúng dường đều sung vào công quỹ, tư nhân quyết định chẳng có một đồng tài sản nào. Mười phương cúng dường, bất luận là cúng dường cho đại chúng hoặc cúng dường cá nhân, đều quy về Thường Trụ. Thường Trụ chọn ra một người quản lý, phân phối những tài vật ấy. Người quản lý mỗi năm thay đổi một lần, mỗi người đều có cơ hội vì đại chúng phục vụ. Vô cùng công bằng, nhiệm kỳ một năm. Đoàn thể bất luận bao nhiêu người, hễ mỗi người tự mình có tài sản riêng, sự hòa hợp trong Tăng đoàn liền bị phá hoại. Chư vị phải biết: Chỗ nào có thể có Tăng đoàn xuất hiện, nơi ấy còn được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, sẽ không gặp tai nạn, mọi người có phước. Rất đáng tiếc! Hiện nay, một Tăng đoàn cũng chẳng có. Hiện thời, thành phố Đài Bắc có rất nhiều đạo tràng, lớn nhỏ hết sức nhiều! Đạo tràng có hai người trụ mà mỗi người đều có tài sản riêng, mỗi người đều có tiền bạc riêng, không được rồi, có của cải riêng! Vì thế, trong xã hội hiện tại, chẳng tìm thấy Tăng đoàn, đây là một chuyện hết sức đau lòng!

Kê đó là “*giới hòa đồng tu*”, tức là vâng giữ phép tắc. Sinh hoạt trong đoàn thể nhất định phải có quy luật. Sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi phải định ra một quy củ. Quy củ ấy do mọi người cùng ước định, thiếu số phục tùng đa số. Quy củ ấy cũng có thể tu chỉnh, trong khi nhóm họp sẽ đề ra tu chỉnh. Các quy định tu chỉnh đã được thông qua, ai nấy đều phải tuân thủ. “*Giới hòa đồng tu*” là giữ quy củ, giữ phép tắc, đương nhiên phải tuân thủ giới điều của Phật. Giới điều cơ bản là Ngũ Giới, Thập Giới. Nếu đúng là Tăng đoàn thì mức độ thấp nhất là vâng giữ Sa Di Thập Giới. Trong Sa Di Thập Giới có một điều: “*Trên tay chẳng thể có tài vật*”. Nếu trên thân có tiền bạc, giới ấy đã bị phá rồi! Trong xã hội hiện thời, có thể giữ cho “trên thân chẳng có tiền” hay không? Có thể làm được, chẳng phải là không thể làm được. Khi tôi ra khỏi cửa phải đi xe, bèn hướng về Thường Trụ tạm thời xin chút tiền xe, khi trở về, còn lại bao nhiêu đều trả lại Thường Trụ, đó là đúng. Vì thế, Tăng đoàn thật sự bồi dưỡng điều gì? Thân tâm thanh tịnh, dạy quý vị thật sự buông xuống. Tâm thanh tịnh chẳng có vọng niệm, tâm đặt nơi đạo, đạo nghiệp dễ dàng thành tựu. Mọi người ở chung cùng tu, rèn giữa lẫn nhau, thân cùng ở chung một nơi, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến, pháp hỷ sung mãn!

(Diễn) Luật trung ngũ nhân dĩ thượng, đồng nhất yết ma, hòa hợp vô tranh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng.

(演) 律中五人以上，同一羯磨，和合無爭，如水乳合，名和合眾。

(Diễn: Trong Luật, từ năm người trở lên, cùng nhau Yết Ma, hòa hợp, chẳng tranh cãi, như nước hòa hợp cùng sữa, nên gọi là Hòa Hợp Chúng).

“*Luật trung ngũ nhân dĩ thượng*”: Giới luật nói là từ bốn người trở lên, tối thiểu là bốn người. “*Đồng nhất Yết Ma*”, Yết Ma (Karma) là tiếng Phạn, dịch sang ngôn ngữ hiện thời sẽ là “nhóm họp, ra nghị quyết”. Khai hội, ra nghị quyết, ai nấy đều phục tùng những điều đã được quyết định thì gọi là “*đồng nhất Yết Ma*”. Mọi người đều cùng tham gia hội nghị, nay ta nói là “dân chủ”. Chẳng có bất luận kẻ nào có quyền lực độc tài, chuyện lớn hay nhỏ đều do hội nghị quyết định. “*Hòa hợp vô tranh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng*” (Hòa hợp chẳng tranh cãi, như nước hòa lẫn với sữa, gọi là Hòa Hợp Chúng). Hòa Hợp

Chúng gọi là Tăng đoàn, trong kinh điển dịch thành Chúng. Chúng là Hòa Hợp Chúng, là đoàn thể. Đoạn này giảng về Trụ Trì Tam Bảo. Lại xem đoạn thứ hai:

(Sao) Biệt Tướng giả, lược hữu tam nghĩa.

(鈔) 別相者，略有三義。

(Sao: Biệt Tướng: Nói đại lược thì có ba nghĩa).

Biệt Tướng Tam Bảo: Biệt là sai biệt, sai biệt ở chỗ nào?

(Sao) Nhất giả, Tam Bảo tự biệt. Nhị giả, Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt. Tam giả Tam Bảo danh tướng các biệt. Quát kỳ đại ý, tắc thường thân tôn đặc, thị hiện bất đồng, danh vi Phật Bảo. Giáo hành lý quả, vi môn bất đồng, danh vi Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, giai vị bất đồng, danh vi Tăng Bảo, tức xuất thế gian Tam Bảo dã.

(鈔) 一者三寶自別，二者三寶大小乘別，三者三寶名相各別。括其大意，則常身尊特，示現不同，名為佛寶；教行理果，為門不同，名為法寶；三賢十聖四果四向緣覺獨覺，階位不同，名為僧寶。即出世間三寶也。

(Sao: Một là Tam Bảo tự biệt. Hai là Tam Bảo Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt. Ba là Tam Bảo danh và tướng mỗi ngôi mỗi khác biệt. Nói tổng quát, thân thường hằng, tôn quý đặc biệt, thị hiện khác nhau, bèn gọi là Phật Bảo. Giáo, hành, lý, quả là các môn khác nhau, bèn gọi là Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, địa vị khác nhau, bèn gọi là Tăng Bảo. Đó chính là xuất thế gian Tam Bảo).

Do điều này có thể biết chỗ khác biệt lớn nhất giữa Biệt Tướng và Trụ Trì. Trụ Trì Tam Bảo ở trong thế gian, Biệt Tướng Tam Bảo là xuất thế gian. Các thánh nhân Đại Tiểu Thừa hiện thời, tối thiểu cũng là từ Sơ Quả trong Tiểu Thừa trở lên. “*Tam Bảo tự biệt*”: Phật chẳng phải là Pháp, Pháp cũng chẳng phải là Tăng. Phật, Pháp, Tăng đều có giới hạn, đều khác biệt, đó là “*Tam Bảo tự biệt*”. “*Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt*”: Tam Bảo có Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau.

(Diễn) Tiểu Thừa, tác trọng lục ứng thân. Tứ A Hàm Kinh, Tứ Quả, Tứ Hướng, vi Tam Bảo.

(演) 小乘，則丈六應身、四阿含經、四果四向，為三寶。

(Diễn: Tiểu Thừa thì Ứng Thân một trọng sáu, bốn bộ kinh A Hàm, Tứ Quả, Tứ Hướng, là Tam Bảo).

“Trọng lục ứng thân” là Phật Bảo. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, thị hiện kim thân cao một trọng sáu thước. “Tứ A Hàm kinh” là Pháp Bảo. Đức Phật giảng Tứ A Hàm cho hàng Tiểu Thừa, tức là Kinh, Luật, Luận Tiểu Thừa, cũng gồm có Tam Tạng. Tứ Quả, Tứ Hướng là Tăng Bảo. Tu học Tiểu Thừa có tám tầng cấp: Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, Tứ Quả. “Vi Tam Bảo”: Những thứ ấy được gọi là Tiểu Thừa Tam Bảo.

(Diễn) Đại Thừa, tác viên mãn Báo Thân, Đại Thừa Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh, vi Tam Bảo.

(演) 大乘，則圓滿報身、大乘方等、三賢十聖，為三寶。

(Diễn: Đại Thừa thì viên mãn Báo Thân, Đại Thừa, Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh là Tam Bảo).

“Viên mãn Báo Thân” là Phật Bảo. Tỳ Lô Giá Na Như Lai được nói trong kinh Hoa Nghiêm và Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Như Lai đều là viên mãn Báo Thân. Kinh dạy: Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, không chỉ là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. “Đại Thừa, Phương Đẳng” là Pháp Bảo, tức hết thảy các kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng. Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, cùng với Hoa Nghiêm được giảng thuở đầu đều là Pháp Bảo. “Tam Hiền, Thập Thánh” là Tăng Bảo. Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị ấy. Thập Thánh là Địa Thượng Bồ Tát, từ Sơ Địa đến Thập Địa. Đó là Đại Thừa Tam Bảo. Tam Bảo danh và tướng mỗi ngôi đều khác biệt.

(Diễn) Phật hữu tam thân, tứ giáo, Lục Túc, thập nghĩa đẳng.

(演) 佛有三身四教六即十義等。

(Diễn: Phật có ba thân, bốn giáo, sáu tức, mười nghĩa v.v...).

“*Tam thân*” là Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Thân Phật. “*Tứ giáo*” là như tông Thiên Thai đã nói: Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Viên Giáo Phật. “*Lục Túc*” cũng do tông Thiên Thai giảng, chính là Lý Túc Phật, Danh Tự Túc Phật, Quán Hạnh Túc Phật, Tương Tự Túc Phật, Phần Chứng Túc Phật, Cứu Cánh Túc Phật. Chỉ riêng Phật mà cũng đã có nhiều chủng loại như thế, mỗi thứ mỗi khác. Tứ Giáo và Lục Túc bèn có mười ý nghĩa. Pháp có giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp. Giáo pháp nay được gọi là kinh điển, là sách giáo khoa. Trong sách giáo khoa có giảng đạo lý, có phương pháp tu hành, có lý luận. Quý vị chia nhỏ ra thì trong Pháp Bảo có bốn loại ấy, nhưng cả bốn loại đều chẳng rời khỏi Giáo, phải dùng Giáo để hiển thị bốn loại ấy. Trong Tăng Bảo có phạm phu tăng. Những vị chưa chứng quả đều là phạm phu, chứng đắc Sơ Quả trở lên là thánh nhân. Nói theo Đại Thừa, phải là từ Tam Hiền trở lên mới được gọi là Thánh Hiền Tăng, mà cũng là từ Sơ Trụ trong Biệt Giáo trở lên. Từ Sơ Trụ của Biệt Giáo trở xuống vẫn là phạm phu tăng. Đây là nói Biệt Tướng có nhiều điểm sai biệt như thế, đều là nói theo sự tướng. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 171

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi sáu:

(Sao) Đồng Tướng giả, nhược ước ngũ giáo, tắc nhất giả lập sự tợu nghĩa môn.

(鈔) 同相者，若約五教，則一者立事就義門。

(Sao: Đồng Tướng là nếu ước theo ngũ giáo, thì môn thứ nhất là thiết lập sự tướng để dẫn khởi ý nghĩa).

“*Ngũ giáo*” là năm môn. Đoạn này vẫn tiếp tục giảng về Tam Bảo, cũng nhằm giải thích phần kinh văn “*niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”. Trong phần trước đã giới thiệu Biệt Tướng Tam Bảo, đối lập với Biệt Tướng là Đồng Tướng. Trong phần [giảng giải] Đồng Tướng [Tam Bảo], bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã dựa trên giáo nghĩa của tông Hiền Thủ để giải thích. Ngài Hiền Thủ phán giáo đã phán định ngũ giáo

là Tiêu, Thi, Chung, Đôn, Viên. [Mỗi giáo trong] ngũ giáo đều có Đồng Tướng Tam Bảo. Chúng ta xem loại thứ nhất, loại thứ nhất là Tiêu Giáo, “*lập sự tự giác nghĩa môn*”. Tiêu Giáo thiên trọng sự tướng.

(Diễn) Tam thập nhị tướng, tượng lục kim thân, sự tướng Phật dã. Lập thử sự tướng, dĩ tự giác nghĩa. Dĩ Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ nhân, tự giác giác tha, cố danh Phật Bảo.

(演) 三十二相，丈六金身，事相佛也。立此事相，以就覺義。以釋迦苦行成道，說法度人，自覺覺他，故名佛寶。

(Diễn: Ba mươi hai tướng, thân vàng tượng sáu, là Phật theo phương diện sự tướng. Lập ra những tướng ấy, để dẫn khởi ý nghĩa Giác. Vì Phật Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ người, tự giác, giác tha, nên gọi là Phật Bảo).

Đức Phật chẳng tại thế, chúng ta thờ tượng Phật, đó là Phật Bảo trong Tam Bảo. Thờ tượng Phật với dụng ý khơi gợi, phát khởi trí huệ của chính mình. Phật có nghĩa là giác, giác chứ không mê. Thấy tượng Phật sẽ nhắc nhở giác tâm và giác hạnh của chính mình, phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng bị những thứ huyền giả trong thế gian mê hoặc. Pháp thế gian đều chẳng thật, kinh Kim Cang đã nói rất minh bạch: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Sở dĩ chúng sanh khổ, Phật, Bồ Tát nói là “*kẻ đáng thương xót*”, rất đáng thương; vì sao nói họ đáng thương? Bị pháp thế gian làm mê, mê trong các giả pháp, quên bằng chân thật. Chân thật thì nói thật ra, hưởng thụ bất tận; trong Chân Như bản tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Kinh văn trong mười một cuốn rười thuộc phần đầu kinh Hoa Nghiêm nói về quả báo của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là ai? Là chính bản thân chúng ta. Phước báo của chúng ta vốn to ngàn ấy, nay lại thế thảm dường này, là vì lẽ nào? Mê mọi bản tánh. Toàn bộ trí huệ và phước đức vốn sẵn có trong bản tánh đều bị mất đi; chẳng phải là thật sự bị mất đi, mà là mê mất. Ở ngoại quốc, tôi gặp nhiều đồng tu niệm Phật rất tinh tấn, hễ gặp tôi đều thưa hỏi Phật pháp, nhưng khi quay về Đài Loan, chẳng thấy có ai! Phật cũng không học, mà kinh cũng chẳng nghe. Nghe nói họ đều đến thị trường chứng khoán cả rồi, bị những thứ ấy mê hoặc. Mê mất tự tánh, đáng sợ quá! Đó là “*kẻ đáng thương xót*” như trong kinh điển thường nói, những kẻ ấy đáng thương lắm thay!

Trong nhà quý vị thờ tượng Phật, thường thấy tượng Phật, nhằm nhắc nhở chính mình đừng mê, giác chứ không mê, có ý nghĩa ấy. Ngẫm

lại, Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc đối với danh vọng, lợi dưỡng thứ gì cũng đều chẳng thiếu; còn kẻ mê hăng ngày suy tính, mong giành lấy, bậc giác ngộ bỏ sạch những thứ đó, bỏ sạch vinh hoa phú quý trong thế gian, khổ hạnh thành đạo, làm cho chúng ta thấy. Cuộc sống vật chất tuy gian khổ, nhưng cuộc sống tinh thần của họ viên mãn. Nói thật ra, khổ và lạc do lỗi phạm phu mắt thịt chúng ta thấy như vậy. Chúng ta cảm thấy ăn uống trà thô, cơm nhạt là cuộc sống rất khổ; trong tâm mắt của Phật, Bồ Tát, các Ngài thấy quý vị mỗi ngày ăn cá to, thịt bự rất khổ, rất đáng thương, vì sao? Mỗi ngày đều kết thù oán cùng chúng sanh, nợ nần ngày càng nặng nề, làm sao quý vị có thể trả sạch nợ trong một đời cho được? Quý vị hãy chú tâm lắng lòng quan sát đôi chút, rốt cuộc ai sống đời tự tại? Ai sống khổ sở? Vì thế, khổ và lạc chẳng phải là tiêu chuẩn tuyệt đối. Chúng ta thấy người tu hành sống rất khổ, người tu hành thấy người thế tục rất khổ, rất đáng thương! Do vậy, phải hiểu cuộc sống của Phật, Bồ Tát là chân thật, rất đáng cho chúng ta học tập, làm theo. Lại xem đoạn tiếp theo giảng về Pháp Bảo:

(Diễn) Tứ A Hàm đẳng, bất đàm Thật Tướng, duy thuyết Khổ, Không, thử sự tướng pháp dã. Lập thử sự tướng, dĩ tựu quĩ trì nghĩa. Dĩ Tứ Đế chi pháp, diệc năng quĩ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, cố danh Pháp Bảo.

(演) 四阿含等，不談實相，唯說苦空，此事相法也。立此事相，以就軌持義。以四諦之法，亦能軌生物解，任持自性，故名法寶。

(Diễn: Tứ A Hàm v.v... chẳng giảng về Thật Tướng, chỉ nói Khổ, Không, đó là Pháp thuộc về sự tướng. Lập ra sự tướng này, nhằm dẫn khởi ý nghĩa “quĩ trì” (pháp tắc, đường lối để noi theo, vâng giữ). Bởi lẽ, pháp Tứ Đế thì cũng có thể dùng làm nguyên tắc hướng dẫn khiến cho chúng sanh lý giải, tự nhiên gìn giữ tự tánh, nên gọi là Pháp Bảo).

Đoạn này là Tiểu Thừa Tam Bảo. Pháp Bảo là gì? Kinh A Hàm. Kinh A Hàm (Āgama Sūtra) chia thành bốn loại lớn, nên gọi là Tứ A Hàm. Bốn loại lớn ấy chẳng dựa theo nội dung để chia ra, mà là dựa theo độ dài ngắn để phân định. Kinh rất dài, phân lượng rất nhiều, chúng ta bèn gọi là Trường A Hàm (Dīrgha Āgama), tức là Trường Bộ, văn tự khá nhiều. Loại thứ hai là kinh ngắn, văn tự không nhiều lắm, không quá hai ba ngàn chữ, được gọi Trung A Hàm (Madhyama Āgama), tức Trung

Bộ. Còn có kinh rất ngắn, chẳng vượt quá một ngàn chữ, [chỉ có] mấy trăm chữ, có lúc chỉ mấy chục chữ đã là một bộ kinh, được gọi là Tập A Hàm (Samyukta Āgama). [Loại cuối cùng] là Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama), đức Phật nói xong một chuyện, sau đó lại nói thêm một chuyện nữa, lại nói chuyện khác nữa, tuần tự nói từng bước, quá nửa là từ một chuyện nói đến mười chuyện, nói từng điều một. Kinh A Hàm có bốn loại ấy⁵³. Đức Phật dạy học cho hàng sơ cơ, dạy thật nông cạn, chẳng giảng đạo lý Thật Tướng Đại Thừa. Kinh Tiểu Thừa dùng Tam Pháp Ấn (Tri-drsti-namitta-mudrā) để ấn định. Tam Pháp Ấn là Vô Thường, Khổ Không, Vô Ngã. Đức Phật giảng những chuyện ấy rất dễ hiểu, mà cũng dễ tiếp nhận. Vì sao? Đó là những chuyện đích thân cảm nhận của mỗi người chúng ta trong một đời này. Chỉ nói Khổ, Không, Vô Thường, đó là các pháp thuộc về sự tướng, là Phật pháp [ở một mức độ] rất cạn.

“*Dĩ tưu quĩ trì nghĩa*”, “*quĩ trì*” (軌持) là ý nghĩa được bao hàm trong Pháp Bảo của Tam Bảo. Pháp, tiếng Phạn là Đạt Ma (Dharma), Đạt Ma dịch sang tiếng Hán là Quĩ Trì. Quĩ (軌) có nghĩa là “*quĩ đạo*”; đi theo quĩ đạo, chắc chắn chẳng sai lầm, giống như xe lửa chạy trên đường sắt. “*Quĩ*” cũng là pháp tắc, nay chúng ta nói là nguyên tắc. “*Trĩ*” (持) là gìn giữ, quý vị có thể gìn giữ nguyên tắc ấy sẽ chẳng phạm sai lầm, nguyên tắc ấy là gì? Là các đạo lý và phương pháp do đức Phật đã dạy trong kinh Tứ A Hàm. Quý vị dùng những điều ấy để làm nguyên tắc tu học sẽ không bị sai lầm. Đó là ý nghĩa của Quĩ Trì.

“*Dĩ Tứ Đế chi pháp*” (Dùng pháp Tứ Đế), Tứ Đế chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Tiểu Giáo Tứ Đế là Sanh Diệt Tứ Đế, nói rất cạn, và cũng hết sức dễ hiểu. “*Diệt năng quĩ sanh vật giải*” (Cũng có thể dùng làm nguyên tắc khiến cho chúng sanh lý giải), “*quĩ*” [trong câu này] có cùng một ý nghĩa với “*quĩ trì*”, tức là nguyên tắc, có thể sử dụng nguyên tắc ấy khiến cho hết thảy chúng sanh lý giải. “*Vật*” (物): Chẳng nói người [mà nói Vật], vì Vật có phạm vi lớn hơn người. Nếu nói đến chuyện “có thể sanh, có thể hiểu” thì trong lục đạo, trừ loài người ra, còn có thiên đạo, súc sanh, ngựa quỳ, A Tu La cũng có thể nghe hiểu Phật pháp. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều hiểu). Đối với cách nói này trong Phật pháp, nói thật ra, bọn phàm phu mắt thịt chúng ta chỉ có thể nghe, chỉ có thể thấy

những gì? Có không ít người đang nghe ở đây. Nếu quý vị có Thiên Nhân, không chỉ thấy trong giảng đường này có rất nhiều người, mà ở đây còn có rất nhiều quý thần, nhưng chúng ta mắt thịt không thấy. Thông thường, các vị đại đức tại gia hay xuất gia giảng kinh đều có quý thần đến nghe, hưởng hò Phật, Bồ Tát! Vì vậy, Ngài dùng chữ “vật” rất hay, hết thấy hữu tình chúng sanh trong lục đạo đều được bao gồm. Nếu Phật giảng kinh, Bồ Tát cũng đến nghe, toàn bộ chúng sanh trong chín pháp giới đều dùng chữ này (Vật) để biểu thị. Vì thế, “*quỹ sanh vật giải*” là chiếu theo những nguyên tắc do đức Phật đã nói mà đều có thể lý giải.

“*Nhậm trì tự tánh*”: “*Nhậm*” (任) là tự nhiên. Phật pháp bất luận là nói sâu hay cạn, mục tiêu chung cực đều là minh tâm kiến tánh. Chớ nên hiểu “*nhậm trì tự tánh*” ở đây là “*minh tâm kiến tánh*”, hãy nên hiểu theo cách này: Bất cứ một pháp nào đều có thể tánh của nó, nó có thể giữ gìn thể tánh ấy chẳng để mất đi, nên gọi là “*nhậm trì tự tánh*”. Như quyển sách này có thể gìn giữ hình dáng của một quyển sách trong một khoảng thời gian khá dài, chẳng bị biến đổi, đó là “*nhậm trì tự tánh*”. Quyển sách này cũng là một pháp. Căn nhà đã xây dựng xong xuôi, cũng có thể tồn tại trong một khoảng thời gian, nó cũng chẳng bị biến đổi. Bàn, ghế, băng ghế, bất cứ pháp nào đều có thể tự nhiên gìn giữ tự tánh của nó, có ý nghĩa này! Đây là nói đến Pháp Bảo đều là nói theo phương diện sự tướng.

(Diễn) Thế phát, nhiễm y, Lục Hòa vô tranh, thử sự tướng Tăng dã.

(演) 剃髮染衣，六和無諍，此事相僧也。

(Diễn: Xuống tóc, áo nhuộm, Lục Hòa chẳng tranh cãi, đó là Tăng về mặt sự tướng).

Thứ ba là nói đến Tăng Bảo. Tăng Bảo là người xuất gia. Theo chế độ xuất gia của Phật, nhất định phải xuống tóc, mặc y nhuộm [hoại sắc]. Nói thật ra, cái y mà người xuất gia chúng ta đang đắp hiện thời đã hoàn toàn trái nghịch chế độ của nhà Phật, đâu có làm ra dáng vẻ thì cũng là một thứ mang ý nghĩa kỷ niệm, chứ phương pháp chế tạo nguyên thủy đã chẳng còn nữa. Thời cổ, đi khát thực, người ta cúng dường quý vị một bữa cơm dễ dàng, chứ cúng dường một tấm áo khó lắm! Hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, từ lời canh cử theo thủ công đã tiến nhập

cơ giới hóa, dễ dàng có được một bộ áo. Trước đây, dệt vải phải mất khá nhiều ngày mới dệt thành một tấm vải. Y phục của người xuất gia toàn là nhật nhạnh những thứ người ta vứt đi. Những thứ quần áo do người khác mặc đã hư nát, vứt đi, chẳng cần nữa, người xuất gia lượm lấy, những chỗ rách nát tả tơi bèn cắt bỏ chẳng dùng, giữ lại những miếng có thể dùng được, dần dần tích lũy được nhiều, bèn chằm khít lại, may dính lại thành một miếng lớn. Nay chúng ta nói tâm y của người xuất gia đắp là y bảy điều hay y năm điều. Y năm điều là các miếng vải kết lại to hơn một chút. Y hai mươi lăm điều là do các miếng vải cắt nhỏ, may chằm lại thành. Do chất liệu các mụn vải khác nhau, màu sắc cũng khác biệt, cũ mới cũng khác nhau, mặc vào cũng rất khó coi, đức Phật dùng phương pháp gì? Nhuộm màu, đem nhuộm đi, mặc y hoại sắc⁵⁴.

Hiện nay đều là mua cả cuộn vải, quý vị thấy quần áo của người xuất gia có nhuộm [hoại sắc] hay không? Chẳng có! Chẳng có áo nhuộm [hoại sắc]! Hiện nay tuy đắp y, y hai mươi lăm điều, y bảy điều, hoặc y năm điều, toàn là mua cả một cuộn vải mới, cắt nát ra, may lại. Nói thật ra, thườ Phật tại thế, chắc chắn sẽ không cắt nát ra! Bị cắt nát ra là do nhật từng miếng vải người ta không cần dùng nữa, may chằm lại như thế, chẳng phải là đem cả một tấm vải cắt vụn ra. Nay chúng ta mua cả tấm vải, đem cắt vụn ra, rồi may chằm từng miếng lại, đó là “đa sự”, ý nghĩa thật sự đã bị mất sạch! Vì vậy, hiện thời có những người may y bằng cách may dần thành những ô vuông trên mặt tấm vải để kỷ niệm [ý nghĩa ban đầu], tôi cảm thấy cách làm ấy rất có lý, chứ đem toàn bộ cắt vụn ra rồi may chằm lại, tuy rất giống với cái y của đức Phật xưa kia, nhưng chẳng hợp lý, vì vải may y thời đức Phật được nhật nhạnh từ bên ngoài, từng miếng khác nhau, chắc chắn chẳng phải là trọn cả xấp vải! Nếu là trọn cả xấp vải, tôi tin là Phật sẽ tuyệt đối chẳng cắt vụn ra. Đức Phật sống rất đơn giản, sẽ chẳng tự mình chuốc phiền, chúng ta phải nên biết chuyện này!

Trong cuộc sống vật chất, chúng ta hưởng thụ vượt xa Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với cơm ăn mỗi ngày, Thích Ca Mâu Ni Phật phải đi ra ngoài khát thực, phải đi vài dặm đường. Nay những món chúng ta ăn đã có sẵn; ăn, mặc, ở, đi lại sung túc hơn các vị cao tăng đại đức thời cổ quá nhiều; nhưng đạo hạnh của chúng ta kém xa người ta quá nhiều. Người ta thân tâm thanh tịnh, còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, nên tổ sư đại đức thường răn nhắc chúng ta: “Hãy nên sanh tâm hổ thẹn, hãy nên nghiêm túc nỗ lực”. Tuyệt đối chẳng phải là chúng tôi bảo mọi người hãy khôi phục cuộc sống kham khổ như xưa kia,

chẳng phải vậy! Vì nếu chúng ta sống cuộc đời y như thuở đức Phật tại thế, tôi nói cho quý vị biết, bản thân quý vị có thể tu hành thành tựu, tuy quý vị thành tựu, nhưng Phật pháp cũng bị tiêu diệt luôn! Có sao Phật pháp bị tiêu diệt? Người thế gian vừa thấy học Phật khổ như vậy, [bèn nghĩ]: “Chớ nên học Phật! Chỉ có kẻ ngốc mới học Phật!” Mọi người chẳng học Phật, Phật pháp sẽ bị tiêu diệt. Phải thành tựu chính mình, mà cũng phải làm cho Phật pháp có thể hoằng dương trọn khắp. Mức sống của chúng ta cũng phải đuổi kịp thời đại, khiến cho mọi người nhìn vào, [sẽ nghĩ]: “Chúng ta vẫn còn có thể học Phật pháp”. Chẳng đến nỗi bài xích, chẳng đến nỗi e sợ. Tuy có thể đuổi kịp thời đại, chớ nên quá xa xỉ, như vậy là được. Đại Thừa Phật pháp nói đến Trung Đạo, chẳng giống như Tiểu Thừa, Tiểu Thừa đích xác là lệch sang một bên. Tiểu Thừa rất khổ hạnh.

“*Lục Hòa vô tránh*”: Nhất định phải tu Lục Hòa Kính. Chư vị phải biết: Nếu bất hòa, tâm quý vị sẽ chẳng bình. Trong Bát Đức của Trung Quốc có nói “*hòa bình*”, hòa là nhân, bình là quả. Sau khi tâm đã bình thì mới đặng, đặng (ngang bằng) gì vậy? Bằng với Phật. Tâm Phật bình đặng. Tâm chúng ta mà bình, sẽ chẳng kém Phật cho mấy. Đại Kinh có tựa đề là Bình Đẳng Giác Kinh, quý vị thấy rất trọng yếu! Bình đặng sẽ giác, giác bèn bình đặng. Hòa là tiền phương tiện của Bình. Do đó có thể biết: Giác thì mới hòa, hòa là giác, bất hòa là bất giác. Chư vị phải hiểu: Chúng ta phải nên học tập hòa, bình đặng, giác. Phải hòa với bất luận kẻ nào, phải hòa với bất luận sự nào. Trong hòa chẳng có tranh, trong hòa chẳng có giới hạn. Có giới hạn thì nhất định là có tranh chấp. Vì thế, đó là phương tiện đầu tiên trong sự học Phật. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Thế Tôn trước khi nói phương pháp tu hành [để vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước hết, Ngài nói về Tam Phước. Do điều này có thể biết: Tam Phước là chỗ để tu tập đầu tiên trong sự học Phật. Phước thứ hai trong Tam Phước là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, điều này trọn đủ Lục Hòa, bởi lẽ, Lục Hòa hết sức trọng yếu. Bản thân chúng ta tu học có thành tựu hay không, Chánh Pháp có thể tồn tại lâu dài trên thế gian hay không? Then chốt đều do Lục Hòa.

Vì sao Tăng đoàn chẳng dễ dàng thành lập? Tìm không ra bốn người cùng một lòng, cùng một nguyện. Mỗi người giữ cứng ngắc cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của chính mình, đó là phân biệt, chấp trước. Mỗi người giữ chặt sự chấp trước của chính mình, không chịu bỏ, nên mọi người xử sự với nhau là một khối bất hòa. Vì căn bản của Lục Hòa

là Kiến Hòa Đồng Giải, chỉ cần làm được điều này, năm điều kia sẽ dễ dàng. Hiện thời, chúng ta suy nghĩ kỹ càng, [sẽ thấy] là thật khó. Đừng nói chỉ bốn người, hai người cùng một lòng đã chẳng dễ rồi! Hai người mà mỗi người giữ chặt chủ trương của chính mình, quý vị nghĩ xem: Hai kẻ đó còn chẳng thể hòa, tìm đâu ra bốn người nữa đây? Tìm chẳng được! Đây đúng là chuyện bi ai!

Chỉ cần có một Tăng đoàn xuất hiện, nơi này quyết định chẳng gặp nạn! Đáng tiếc là ở nơi đây không có ai chịu hy sinh, không ai chịu bỏ chấp trước của chính mình. Chữ “*Tăng đoàn*” không nhất định là nói về người xuất gia, mà tại gia cũng thế. Chỉ cần bốn người ở cùng một chỗ cùng tu, thật sự có thể tuân thủ Lục Hòa Kính thì người tại gia cũng là Tăng đoàn, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Rất ư khó khăn! Thật sự chẳng dễ dàng! Chúng ta chỉ hy vọng sâu xa rằng sẽ có một đoàn thể như vậy xuất hiện trên thế gian, người trong thế gian này sẽ có phước. Cận đại, khi sinh tiền, Ấn Quang đại sư tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng (常慚愧僧: ông Tăng thường hổ thẹn). Ngài hổ thẹn điều gì? Có thể nói bản thân lão nhân gia cả một đời tu trì viên mãn, chúng ta chẳng tìm thấy một chút khuyết hãm nào, Ngài hổ thẹn vì chẳng thể kiến lập một Tăng đoàn, tìm chẳng được bốn người đồng tâm, đồng đức!

Tuy chúng ta học Phật, nhưng khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất là vì chính mình, chẳng thể hợp tác với người khác. Ý niệm thứ nhất luôn vì chính mình, tự tư tự lợi, chúng ta khác với Phật, Bồ Tát ở chỗ này! Nay chúng ta dấy lên ý niệm thứ nhất là vì chính mình, vậy thì chẳng có cách nào hòa được cả! Phật, Bồ Tát hòa dễ dàng, do ý niệm thứ nhất của các Ngài đều vì cứu độ hết thảy chúng sanh. Do điều này có thể biết, đến khi nào Tiểu Thừa Giáo mới thật sự kiến lập hòa hợp? Sơ Quả Tu Đà Hoàn phá Thân Kiến, chẳng còn suy nghĩ vì chính mình, sẽ hòa hợp dễ dàng. Nay chúng ta niệm niệm đều nghĩ vì mình, niệm niệm mong bảo vệ chính mình, niệm niệm mong vì chính mình, Kiến Hòa Đồng Giải chắc chắn chẳng thể kiến lập. Hiện thời, đối với Lục Hòa Kính, chúng ta cũng chỉ là đọc đến, ngưỡng mộ mà thôi, há có thể làm được ư?

(Diễn) Lập thử sự tương, dĩ tự hòa hợp nghĩa, dĩ tuy bất đạt Thật Tướng, dĩ Lý hòa hợp, nhi tại chúng vô tranh, hỗ tương ái kính, Lục Hòa vi liễu, như thủy nhũ hợp, cố danh Tăng Bảo. Nãi Tiểu Giáo chi Tam Bảo dã.

(演) 立此事相，以就和合義，以雖不達實相，與理和合，而在眾無爭，互相愛敬，六和為侶，如水乳合，故名僧寶。乃小教之三寶也。

(Diễn: Lập ra sự tướng này để dẫn khởi ý nghĩa Hòa Hợp, vì tuy chẳng thấu đạt Thật Tướng, hòa hợp cùng Lý, nhưng chẳng tranh chấp với đại chúng, kính yêu lẫn nhau, làm bè bạn Lục Hòa, như nước hòa lẫn cùng sữa, nên gọi là Tăng Bảo. Đó chính là Tam Bảo của Tiểu Giáo vậy).

Trong Trụ Trì Tam Bảo của Tiểu Giáo, Tăng Bảo khá đáng quý, hết sức khó có. Không có Lục Hòa, dẫu đạo tràng to đến mấy, nhân số đông đến mấy, chẳng phải là Tăng đoàn! Nếu đều có thể tu Lục Hòa Kính, dẫu nơi đó nhỏ đến mấy, ít người đến mấy, bốn người bèn gọi là Chúng. Từ bốn người trở lên tu Lục Hòa Kính, lỗi lạc thay, rất đáng để tôn kính!

(Sao) Nhị giả, hội Sự quy Lý môn.

(鈔) 二者會事歸理門。

(Sao: Hai là môn hội quy Sự về Lý).

Trên đây chỉ là nói theo Sự, tức Tiểu Giáo Tam Bảo; còn điều này là Đại Thừa Thi Giáo.

(Diễn) Hội Sự quy Lý giả, phi tam thập nhị tướng chi Phật vi Phật. Bát Nhã kinh vân: “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”. Hựu viết: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. Hựu viết: “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”. Cố dĩ như Lý vi Phật Bảo.

(演) 會事歸理者，非三十二相之佛為佛。般若經云：若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來；又曰：若見諸相非相，即見如來；又曰：如來者，即諸法如義。故以如理為佛寶。

(Diễn: “Hội Sự quy Lý”: Chẳng phải vị Phật có ba mươi hai tướng là Phật. Kinh Bát Nhã nói: “Nếu dùng Sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai”. Lại nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai”. Lại nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp”. Vì thế, lấy như Lý làm Phật Bảo).

Đại Thừa và Tiểu Thừa hoàn toàn khác nhau, Tiểu Thừa luôn chấp tướng, Đại Thừa vừa khởi đầu bèn lia hết thấy tướng, chẳng chấp trước. Chẳng còn chấp tướng nữa! Chấp tướng sẽ chẳng thể nhập Thật Tướng. Trong pháp Tiểu Thừa, đức Thế Tôn chẳng giảng Thật Tướng, trong Đại Thừa, đức Phật giảng Thật Tướng. Ở đây, đại sư trích dẫn kinh văn của kinh Kim Cang [để giảng giải]. Thi Giáo, lấy như Lý làm Phật Bảo, Lý là gì? Tự tánh giác. Nếu quý vị chấp tướng, chấp tướng là mê, chấp tướng là bất giác; không chấp tướng, quý vị mới có thể hiểu Chân Lý, tức là Lý chân thật. Lý Thế ấy là Phật Bảo; nhưng khởi đầu của Đại Thừa chẳng dễ dàng, nhất là đại sư trích dẫn một câu trong kinh Kim Cang: “*Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Câu này có ý nghĩa rất sâu, “*chư pháp*” là hết thấy các pháp, “*Như*” là gì? [Như là] giống hết như thế, có nghĩa là bất nhị, cũng có thể nói là vạn pháp đều như nhau, pháp nào cũng bất nhị. Chúng ta thấy hết thấy đều có sai biệt, đều chẳng Như; vì sao đức Phật nói hết thấy các pháp đều là như nhau, là bất nhị? Đức Phật nhìn từ Lý, chúng ta nhìn từ Sự. Nhìn theo mặt Sự, mỗi pháp đều khác nhau. Nếu nhìn theo Lý, về Lý thì đều như nhau. Trong quá khứ, Hiền Thủ quốc sư thuyết pháp cho hoàng đế Thuận Tông (đời Đường)⁵⁵, có một bài viết đặt tên là Kim Sư Tử Chương. Nội dung trọng yếu nhất trong bài viết ấy chính là “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng*”, dùng tỷ dụ ấy để nói. Phàm phu chúng ta chấp tướng, quý vị đến tiệm kim hoàn xem các món đồ bằng vàng, mỗi món có kiểu dáng khác nhau, mấy vạn thứ. Nếu quý vị chẳng chấp tướng, sẽ thấy vàng đều giống như nhau, mấy vạn loại toàn là vàng. Đừng chấp trước hình dáng, quý vị sẽ thấy vàng, toàn bộ đều giống hết như nhau. Chấp tướng thì không có gì giống nhau, chẳng chấp tướng thì món nào cũng đều giống hết như nhau.

Kinh Lăng Nghiêm đã giảng chân tướng sự thật này hết sức thấu triệt, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? “*Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ*”. Do đâu mà có pháp giới? Do tâm của chính chúng ta biến hiện, nên tâm thanh tịnh, quốc độ liền thanh tịnh. “*Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”, chúng ta dùng câu nói ấy để quan sát cận kề thế giới hiện tiền này, xét đoán cái tâm của mọi người. Bốn mươi năm trước, Đài Loan vừa mới quang phục⁵⁶ không lâu, xã hội Đài Loan hết sức yên ổn, hết sức đáng yêu, vì sao? Tâm mọi người bình lặng, yên tĩnh, không tranh giành, đầu óc chẳng nghĩ tới danh vọng, lợi dưỡng, tài, sắc, tiếng tăm, ăn uống, ngủ

nghe, xã hội an định. Nay chúng ta nhìn vào xã hội này, ai nấy đều dốc hết táng mạng tranh đoạt danh vọng, lợi dưỡng. Xã hội hiện thời động loạn dường ấy, do đâu mà ra? Do lòng người tạo thành. Kẻ nào ra tranh cử cũng đều nói: “Tôi muốn mưu cầu phước lợi cho dân chúng”. Họ chẳng mưu cầu phước lợi thì chúng ta hãy còn bình an. Ai nấy đều muốn tạo phước cho chúng ta thì họ đâu đá đến nỗi càn khôn đảo lộn! Vì thế, đọc kinh Phật, xác thực là đức Phật nói chẳng sai tí nào! Chúng ta chẳng tranh giành, tâm rất an. Nếu quý vị muốn tranh giành, nay quý vị ra tranh cử, tâm quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chao đảo. Vì thế, tâm thanh tịnh rất quan trọng.

Đại Thừa Thi Giáo là quan sát từ Thể. Vạn pháp giống hệt như nhau, đó là nghĩa Như của các pháp, tức là Như Lai. Quý vị có thể thấy hết thấy các pháp đều không hai, bèn thấy Phật; hễ thấy Phật, quý vị bèn thành Phật. Nếu quý vị chẳng thành Phật, làm sao có thể thấy Phật cho được? Do đó, Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát. Phạm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phạm phu. Do điều này có thể biết, cảnh giới chẳng phải là thật, là giả, biến đổi theo tâm. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến”*. Thức là phân biệt, chấp trước. Mười pháp giới là tướng được hiện bởi sự phân biệt, chấp trước của chúng ta. Những tướng hiện ra ấy chẳng chân thật, mà là huyễn tướng. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Nếu quý vị chấp trước *“ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo”* là Phật, chấp tướng mất rồi! Kinh đã nói rất rõ ràng: Nếu quý vị muốn kiến tánh, mà phân biệt, chấp trước trong hết thấy các tướng, sẽ chẳng kiến tánh; nhưng đối với hết thấy hiện tướng, chẳng phân biệt, không chấp trước, thì hết thấy các hiện tướng là Chân Như bốn tánh. Do đó, đối với nghĩa Như của các pháp, có pháp nào chẳng phải là tự tánh? Pháp nào cũng đều là [tự tánh]! Vì thế, người giác ngộ thường nói: *“Đâu đâu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”* (Chuyện gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn). Không có gì được tiếp xúc bởi lục căn mà chẳng phải là [tự tánh]! Đây chính là coi kiến tánh là Phật Bảo, coi Chân Như bốn tánh là Phật Bảo.

(Diễn) Pháp giả, phi dĩ văn tự vi Pháp. Kinh vân: “Hữu pháp khả thuyết, danh vi báng pháp. Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp”. Sở vị vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã. Thứ dĩ như lý danh Pháp Bảo.

(演) 法者，非以文字為法。經云：有法可說，名為謗法；無法可說，是為說法；所謂無說無聞，是名真說般若。此以如理名法寶。

(Diễn: Pháp: Chẳng coi văn tự là Pháp. Kinh dạy: “Có pháp để có thể nói, thì gọi là báng pháp. Không có pháp nào để có thể nói, bèn là thuyết pháp”. Đó gọi là “không nói, không nghe, bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã”. Đây là gọi như Lý là Pháp Bảo).

Đại Thừa Thi Giáo, Thi Giáo cũng là Không Tông, lấy tự tánh làm Phật Bảo, lấy khế nhập tự tánh làm Pháp Bảo. Dùng phương pháp gì để khế nhập tự tánh? Nương theo văn tự sẽ chẳng thể khế nhập tự tánh. Văn tự là kinh điển, nhưng chư vị phải biết, cũng chẳng thể lìa khỏi văn tự. Thiên Tông Trung Quốc đề xướng “chẳng lập văn tự, chỉ thẳng vào tâm người”. Đó là tông chỉ giáo học của Thiên Tông, mà cũng là nguyên tác chỉ đạo trong giáo học. Quý vị thấy trong Vạn Tục Tạng, văn tự của Thiên Tông nhiều nhất! Ngũ Lục của lịch đại tổ sư Thiên Tông chiếm hết một nửa, bất cứ tông nào cũng chẳng có văn tự nhiều bằng Thiên Tông. Thiên Tông chẳng lập văn tự, mà có văn tự nhiều hơn ai hết! Chư vị phải biết: “Chẳng lập văn tự” là nói không chấp trước văn tự; cũng đừng chấp trước ngôn thuyết, ngôn thuyết có hay không? Có! Đừng chấp trước! Đây chính là như thường nói: “Nghe kinh phải hội quy tự tánh”. Hội quy tự tánh là đừng chấp trước. Nếu quý vị chấp trước, sẽ trái nghịch tự tánh. Vì sao? Vì trong tự tánh, chẳng lập một pháp, tự tánh là tâm thanh tịnh. Hễ quý vị có phân biệt, hễ có chấp trước, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, trong tâm sẽ nhuốm bụi bặm. Vì thế, nói: “Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp!”

Do vậy có thể biết, giáo học Đại Thừa và giáo học Tiểu Thừa đích xác là khác nhau. Tiểu Thừa dạy quý vị phân biệt, chấp trước, Đại Thừa là lìa hết thấy phân biệt, chấp trước; nhưng đúng là Đại Thừa tu học nhanh chóng, Tiểu Thừa chẳng thể sánh bằng, [Đại Thừa] vượt trội cảnh giới, thân tâm thanh tịnh. Tuy Đại Thừa ở Trung Quốc chia thành tám tông phái, các tông các phái có phương pháp tu học đều khác nhau, nhưng nguyên lý như nhau, vì có mục tiêu giống nhau, mục tiêu đều là kiến tánh. Nguyên lý giống nhau, nhưng phương pháp và cách thức thực hiện khác nhau, chúng ta đều phải biết những điều này. Nếu không biết, chúng ta chẳng thể nào có thành tựu trong một đời này. Vì thế, hiện thời, người học Phật đông đảo, nhưng người có thành tựu ít ỏi, nguyên nhân ở chỗ nào? Không liễu giải chân tướng sự thật này. Đại Thừa nhắm đến

mục tiêu kiến tánh, trong Chân Như bốn tánh chẳng lập một pháp. Lục Tổ kiến tánh, câu đầu tiên bèn nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn thanh tịnh*”. Câu này là câu đầu tiên trong năm câu, câu đầu tiên là quan trọng nhất. Bốn tánh của quý vị vốn sẵn thanh tịnh. Nói cách khác, nay chúng ta mê mất bốn tánh; mê mất như thế nào? Do tâm chẳng thanh tịnh. Nếu quý vị hiểu nguyên lý này, chúng ta làm như thế nào thì mới có thể kiến tánh? Tâm thanh tịnh liền kiến tánh; tâm chẳng thanh tịnh, quý vị chẳng thể nào kiến tánh.

Đọc kinh có thể kiến tánh hay không? Đọc kinh mà không chấp trước bèn kiến tánh. Nếu đọc kinh mà phân biệt ý nghĩa trong kinh, sẽ chẳng thể kiến tánh. Quý vị phân biệt ý nghĩa trong kinh, nói theo ở đây thì là quý vị cho rằng đức Phật có pháp để có thể nói, đó gọi là “*báng pháp*”, [vì đã] hoàn toàn dùng ý nghĩ của chính mình để suy đoán ý nghĩa của Phật. Đức Phật có ý nghĩ hay không? Nói thật ra, Phật không có ý nghĩ, chỉ do quý vị suy đoán. Đức Phật thuyết pháp giống như chúng ta gõ khánh. Hễ gõ khánh, ngay lập tức nó phát ra tiếng. Quý vị nghe âm thanh ấy, bèn nghiên cứu rốt cuộc là bước sóng âm thanh có độ dài bao nhiêu, âm thanh dễ nghe cỡ nào, thời gian rung động bao lâu? Đó là phân biệt hư vọng! Khi cái khánh ấy phát ra tiếng, nó có phân biệt lắm thứ như vậy hay không? Chẳng có! Vì thế, đức Phật nói kinh có nghĩ ngợi gì hay không? Chẳng nghĩ ngợi gì! Đức Phật nói kinh nhằm một mục đích quan trọng nhất là đoạn tuyệt nghi hoặc và vọng tưởng của quý vị. Nếu quý vị chẳng còn nghi hoặc, vọng tưởng chẳng còn, Phật pháp cũng chẳng có. Phật pháp được kiến lập tương đối với quý vị. Ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì còn có Phật pháp. Ta không có vọng tưởng, chấp trước, bèn chẳng có Phật pháp. Phải hiểu điều này, đó là chân tướng sự thật. Ta vĩnh viễn chấp trước có Phật, có Pháp, được thôi! Quý vị vĩnh viễn là đối lập, vĩnh viễn chẳng thể kiến tánh. Quý vị có thành tựu, dầu thành tựu cao đến mấy đi nữa, cũng chẳng qua là Phật, Bồ Tát trong Tiểu Giáo mà thôi.

Trong Tiểu Giáo cũng có Phật, cũng có Bồ Tát, tông Thiên Thai gọi [quả vị ấy] là Tạng Đầu Phật, vị Phật ấy chưa kiến tánh. Vị Phật ấy được gọi là Phật trong mười pháp giới, [thuộc trong] mười pháp giới. Pháp Đại Thừa vượt trội mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới là gì? Chẳng có cách nào diễn tả, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất là thật, mười pháp giới là giả. Phật trong mười pháp giới là giả, Bồ Tát [trong mười pháp giới] cũng là giả, chẳng thật. Trong Nhất Chân có Phật, Bồ Tát hay không? Chẳng có! Chẳng có

Phật, mà cũng chẳng có Bồ Tát. Không có Phật, chẳng có chúng sanh, Nhất Chân mà! Trong Nhất Chân, thứ gì cũng đều chẳng có, nó làm sao có thể kiến lập được? Quý vị lập một pháp trong ấy là sai mất rồi, chẳng thể lập một pháp! Do vậy có thể biết, đích xác là Đại Thừa cao hơn Tiểu Thừa rất nhiều! Tu học Đại Thừa phải tu tập từ cái tâm thanh tịnh.

Trong thế hệ này, Phật môn chẳng có bậc cao tăng đại đức xuất hiện, chẳng bằng trước kia. Trước kia, đích xác là mỗi đời thường có mấy vị. Thế hệ của chúng ta chẳng có, nhìn về sau này càng thêm đau buồn, nguyên nhân ở chỗ nào? Quan niệm phạm sai lầm! Vì hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, có được các công cụ [để tra duyệt] kinh điển rất dễ dàng. Nói thật ra, chuyện này đã hại chết cả một thế hệ học Phật trẻ tuổi. Trước đây, do thiếu thốn những thứ ấy, thiếu thốn lại có lợi, họ có được một bộ kinh rất khó khăn, nên suốt đời có thể kháng kháng một mực học một bộ kinh ấy. Hiện thời, rất dễ có được Đại Tạng Kinh, họ mở miệng liền nói “ta phát đại tâm, ta phải đọc Đại Tạng!” Khi đọc Đại Tạng bèn coi phần trước chẳng hiểu phần sau, coi phần sau quên sạch phần trước, vừa coi vừa suy nghĩ loạn xạ, vô dụng!

Trong quá khứ, nhập Phật môn, phải học giới năm năm. Học giới gì vậy? Trong năm năm tuân thủ sự răn dạy của thầy. Bất luận tông nào hay phái nào trong Đại Thừa, đều phải tuân thủ điều này. Thầy dạy quý vị phương pháp, dạy quý vị phải dụng công nơi phương pháp ấy bao nhiêu năm, học trò thật sự nghe lời, sau khi đổ công sức mấy năm bèn thật sự thành tựu. Nếu chúng ta đọc kỹ các bộ ngữ lục trong Thiền Tông, [sẽ thấy] tổ sư Thiền Tông truyền pháp như thế nào? Dạy quý vị một phương pháp tu hành, dạy quý vị tu bao nhiêu năm. Người ấy tu thành công, hoát nhiên khai ngộ, xin thầy ấn chứng. Thầy ấn chứng tức là truyền pháp cho người ấy, truyền mà chẳng truyền, chẳng truyền mà truyền! Nếu thầy hằng ngày dạy quý vị thì thôi rồi, dạy gì vậy? Những gì quý vị hấp thụ, tiếp nhận là tri thức; tri thức là những thứ ở trong cái tâm ý thức của quý vị, chẳng liên quan đến Chân Như bản tánh. Nói thật ra, dạy học kiểu đó sẽ đoạn tuyệt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh.

Mấy năm gần đây mới có Phật Học Viện; vào thời cổ, Trung Quốc không có Phật Học Viện. Không có Phật Học Viện, bèn có thể xuất hiện nhân tài thật sự. Có Phật Học Viện, bèn ngăn lấp Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Vì sao? Họ dạy quý vị mỗi ngày sử dụng cái tâm ý thức, dạy quý vị nghiên cứu hằng ngày, [tức là] dùng tâm ý thức. Chẳng biết Đại Thừa Phật pháp là lìa tâm ý thức, sao lại có thể sử dụng tâm ý thức? Quý vị xem Đại Thừa Khởi Tín Luận, do chữ Đại Thừa Khởi Tín, bèn

biết nó là Thi Giáo, bắt đầu của Đại Thừa, dấy lên lòng tin. Khởi Tín Luận dạy chúng ta nghe pháp, đề ra ba nguyên tắc: Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] đã nói hoàn toàn tương ứng [với ba nguyên tắc ấy], chẳng dạy quý vị chấp tướng! Nay chúng ta đọc kinh, nghiên cứu câu này trong kinh giảng theo cách nào, đoạn này có ý nghĩa gì, tức là trái nghịch cả ba điều kiện ấy, vì sao? Chấp tướng văn tự, chấp tướng ngôn thuyết, lại còn chấp tướng tâm duyên. Tướng tâm duyên là chính mình nghiên cứu, suy nghĩ lung tung!

Giáo học của Giáo Hạ trong thời cổ chẳng phải thực hiện bằng cách nghe kinh! Giáo Hạ là trong năm năm chẳng cho phép quý vị vào giảng đường. Chưa đủ tư cách vào giảng đường, sẽ chẳng cho phép quý vị nghe kinh. Trước hết là đọc kinh, niệm suốt năm năm. Niệm kinh suốt năm năm để làm gì? Huấn luyện quý vị lìa ngôn thuyết, lìa văn tự, lìa tâm duyên. Nói cách khác, dùng phương pháp niệm kinh để tu Định. Không niệm kinh, bèn dấy vọng tưởng! Mỗi ngày, niệm kinh này từ đầu một lượt. Trước đây, người ta chọn kinh rất dài, vì sao? Do thời gian [niệm kinh] dài, nên mỗi ngày ít nhất có năm, sáu giờ không dấy vọng tưởng, tâm định. Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh để tu Định, Thiên Tông dùng phương pháp tham cứu, hoặc quán tâm để tu Định, Mật Tông dùng phương pháp trì chú để tu Định, Tịnh Độ Tông dùng phương pháp niệm Phật để tu Định. Phương pháp khác nhau, mục đích hoàn toàn giống nhau, đều là tu nhằm đạt đến tâm thanh tịnh, đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Dùng phương pháp này nhằm mục đích đoạn trừ hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, khôi phục tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh bèn kiến tánh; hễ kiến tánh, bèn đột nhiên xuyên suốt, Thiên Tông nói là “hoát nhiên đại ngộ”, Giáo Hạ nói là “đại khai viên giải”, thông đạt hết thấy các pháp. Có phải dạy hay không? Chẳng cần dạy. Tam Tạng mười hai bộ kinh điển thông đạt toàn bộ, vì sao? Vì hết thấy các kinh do đức Phật đã giảng đều do tự tánh thanh tịnh tâm lưu lộ. Tâm chúng ta thanh tịnh giống như tâm Phật, vô lượng vô biên pháp môn do Ngài đã lưu lộ chính là tự tánh của chúng ta lưu lộ, há có kinh nào chẳng hiểu mà còn phải nghiên cứu hay sao? Chẳng cần nghiên cứu!

Tâm Lục Tổ đại sư thanh tịnh, Ngài chưa từng niệm kinh Pháp Hoa, nhưng thiền sư Pháp Đạt niệm cho Ngài nghe. Kinh Pháp Hoa có tất cả hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ bảo: “Chẳng cần niệm nữa, ta đã biết trọn vẹn rồi”. Bản lãnh của Ngài quá lớn, chẳng cần niệm, đã biết toàn bộ kinh ấy rồi. Lại còn giảng giải cho

Sư, Pháp Đạt vừa nghe liền khai ngộ, nhờ vào đâu? Tâm thanh tịnh. Những người học Phật hiện thời chẳng biết tu tâm thanh tịnh là trọng yếu, coi nghiên cứu kinh điển là chuyện trọng yếu; đó gọi là “gốc ngọn điên đảo”, là kẻ đáng thương xót! Nhưng chúng tôi khuyên họ, họ chẳng tin tưởng, nóng vội, ham lợi, phạm phải căn bệnh ấy rất nặng! Tịnh Độ Tông nói “nhất tâm bất loạn”, nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất tâm là bình đẳng giác, thật sự trọng yếu! Vì thế, phải thấu hiểu kinh điển Phật pháp, chớ nên nghiên cứu. Thấu hiểu là dùng cái tâm thanh tịnh, thấu hiểu, vừa thấy liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, chẳng cần phải qua tư duy, chẳng cần phải nghiên cứu. Đó là tự tánh của quý vị giác ngộ, tự tánh khởi tác dụng. Hễ thông qua tư duy, liền rớt vào thức thứ sáu, tức ý thức. Rớt vào thức thứ sáu, tức ý thức, bèn là tà tri tà kiến.

Thanh Lương đại sư nói: Niệm kinh Phật càng nhiều, “*tăng trưởng tà kiến*”; chẳng niệm, “*tăng trưởng vô minh*”. Điều này có nghĩa là: Niệm thì vẫn phải niệm, nhưng phải biết phương pháp, biết khiêu quyết⁵⁷. Ngài Thanh Lương là tổ sư của tông Hoa Nghiêm, thuộc về Giáo Hạ. Giáo Hạ dạy người ta niệm kinh hằng ngày, nhưng niệm kinh chẳng mong hiểu nghĩa, dùng phương pháp niệm kinh để tu cái tâm thanh tịnh; đó là đúng. Vì thế, khi niệm kinh, đã lìa tà kiến, lại lìa vô minh. Niệm kinh vẫn từ đầu đến đuôi rành mạch, rõ ràng, từng chữ phân minh, đó là phá vô minh. Tuy một mực niệm, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng có một vọng niệm, đó là chẳng rớt vào tà kiến. Chẳng rớt vào tà kiến, lại chẳng rơi vào vô minh; đó là tu Trung Đạo, bí quyết đọc kinh là ở chỗ này. Vì lẽ đó, đọc kinh là tu Định. Đọc kinh là tu tâm thanh tịnh. Đọc kinh là tương ứng với mười phương ba đời hết thầy Như Lai, tâm tâm tương ứng với các Ngài. Trong ấy có vô lượng vô biên công đức! Quý vị phải biết đọc. Không biết đọc là hỏng, sẽ biến việc đọc kinh thành nghiên cứu pháp thế gian.

“*Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp. Sở vị vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã*” (Không có pháp nào để có thể nói thì là thuyết pháp. Đó gọi là không nói, không nghe bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã). “*Vô thuyết vô văn*”: “*Vô*” chẳng phải là không có. Ngài (đức Phật) thật sự có nói, cũng có [các vị đệ tử] nghe, nhưng đức Phật nói mà không nói, [các đệ tử] nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, hoàn toàn hội quy tự tánh, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. Nói thật ra, trong giảng đường, giảng kinh và đọc kinh có nghĩa thú tương đương. Chư vị nghe kinh ở đây, nếu vận dụng ba nguyên tắc do Mã Minh Bồ Tát đã nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, tức là quý vị tu hành trong một tiếng rưỡi này,

tu gì? Tu Bát Nhã, Bát Nhã chân chánh. Quý vị nghe kinh ở đây, chẳng chấp trước tướng ngôn thuyết, chẳng chấp trước tướng danh tự (danh từ, thuật ngữ), chẳng chấp tướng tâm duyên, trong một tiếng rười đồng hồ ở đây, quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó gọi là “*nghe mà không nghe*”. Khi nghe như vậy, đôi khi ý nghĩa bỗng dung dâng trào, đó là ngộ xứ của quý vị, quý vị trọn chẳng có phân biệt. Nghe kinh và đọc kinh đều có ngộ xứ, chẳng phải là ý nghĩ của chính chúng ta, mà ý nghĩa cứ tự nhiên bật ra. Dầu bật ra, cũng đừng quan tâm tới, cũng chớ nên xét coi nó là chuyện như thế nào, vẫn là quên nó đi, khôi phục tâm địa thanh tịnh. Đôi khi nó dấy lên một bọt nước nhỏ, hoặc cuộn sóng, mặc kệ nó, cứ khôi phục cái tâm thanh tịnh như vậy. Đó là đúng! Đó gọi là đạo tràng, là thật sự dụng công! Đó là thật sự nói Bát Nhã, thật sự nghe Bát Nhã. Thi Giáo coi chuyện này là Pháp Bảo.

(Diễn) Tăng giả, phi dĩ thể phát vi Tăng. Kinh vân: “Tu Đà Hoàn, danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, nãi chí A La Hán, thật vô hữu pháp, danh A La Hán”. Diệc dĩ như lý vi Tăng Bảo. Thi Giáo chi Tam Bảo dã.

(演) 僧者，非以剃髮為僧。經云：須陀洹，名為入流，而無所入。乃至阿羅漢，實無有法，名阿羅漢。亦以如理為僧寶。始教之三寶也。

(Diễn: Tăng: Chẳng phải coi người cạo tóc bèn là Tăng. Kinh nói: “Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng không có gì để nhập. Cho đến A La Hán, thật sự chẳng có pháp, nên gọi là A La Hán”. Cũng lấy như Lý làm Tăng Bảo. Đó là Tam Bảo của Thi Giáo).

Đại Thừa Phật pháp nói đến Tăng Bảo thì không nhất định là người mang dáng vẻ xuống tóc bèn gọi là Tăng Bảo. Nói cách khác, quý vị chẳng tương ứng với lý Chân Như, sẽ chẳng thể gọi là Tăng Bảo. Tương ứng với lý Chân Như, Lục Hòa sẽ viên mãn, vì sao? Lục Hòa là Tánh Đức, người đã kiến tánh thì Lục Hòa tự nhiên lưu lộ. Chúng sanh chẳng hòa với người ấy, nhưng người ấy hòa với chúng sanh. Chúng sanh vạch giới hạn với người ấy, người ấy chẳng vạch giới hạn cùng chúng sanh, người ấy hòa. Giống như bọt nước tan vỡ, mới biết toàn thể biển cả là chính mình. Người khác vạch giới hạn, giống như trong nước biển trôi lên một cái bọt nước, bọt nước ấy là giới hạn. Người chẳng có bọt nước có thể dung nạp kẻ ấy, nhưng kẻ ấy chẳng thể dung nạp biển cả.

Mười pháp giới chưa chắc đã có thể hòa với người ấy, nhưng đối với mười pháp giới, người ấy thấy đều có thể hòa. Đó là Tăng Bảo chân chánh.

Đức Phật nói ra danh xưng của người khế nhập cảnh giới này, thì những danh xưng ấy đều vì chúng sanh có phân biệt, chấp trước mà nói, mà kiến lập. Thánh nhân có chấp tướng hay không? Vị ấy chứng quả Tu Đà Hoàn, có nghĩ chính mình đã chứng Sơ Quả hay không? Nếu Ngài nghĩ chính mình đã chứng Sơ Quả, chắc chắn là Ngài chẳng chứng. Vì sao? Chấp tướng! Tu Đà Hoàn đã phá Thân Kiến: Nói cách khác, [hề nghĩ] “ta chứng đắc Tu Đà Hoàn”, tức là ta vẫn còn Thân Kiến, chưa phá! Tiểu Thừa còn như thế, huống hồ Đại Thừa? Trong pháp Đại Thừa, từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, hai thứ chấp trước Ngã và Pháp đều đoạn, lấy đâu ra Bồ Tát, Phật, chúng sanh? Những thứ ấy đều là tri kiến phàm phu, Ngài hoàn toàn không có.

Các Ngài đến nơi đây nhằm giáo hóa chúng sanh, tùy thuận kiến giải của bọn phàm phu chúng ta mà kiến lập những danh tướng sai biệt. Tuy kiến lập những hiện tướng (tướng biến hiện) sai biệt ấy, các Ngài có [những hiện tướng ấy] hay không? Chẳng có! Vì thế, các Ngài chẳng nói mà nói. Quý vị ngỡ là có nhiều tầng cấp như thế, nhưng đối với các Ngài chẳng có tầng cấp. Vì không có tầng cấp, nên gọi là Nhất Chân. Từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên đều là Nhất Chân pháp giới, chẳng có tầng cấp, chẳng có phân biệt, chấp trước; nhưng xác thực là các Ngài còn có mức độ cạn hay sâu. Tuy có cạn hay sâu, nhưng quyết định là chẳng có chấp trước, nên pháp giới của các Ngài được gọi là Nhất Chân, vượt lên trên mười pháp giới. Nếu trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể dần dần xem nhẹ những phân biệt, chấp trước, sẽ khế nhập Nhất Chân dễ dàng. Vì thế, chuyện gì cũng nên xem nhẹ một chút thì hơn, chớ nên quá riết róng! Phân biệt, chấp trước càng nhạt càng hay, tâm địa càng thanh tịnh càng tốt, tâm lượng càng lớn càng hay, vì sao? Tương ứng với tự tánh, càng gần gũi hơn. Nếu nói nông cạn rõ ràng hơn, sẽ là: Càng gần với tâm thanh tịnh thì tâm càng thanh tịnh. Đó là Tam Bảo của Thi Giáo.

Đối với ngũ giáo, hôm nay chúng tôi giảng hai đoạn này, [quý vị đã] thấy Đại Thừa và Tiểu Thừa hiển nhiên khác nhau, một đẳng là Không, một đẳng là Có. Ba loại tiếp theo sẽ dần dần tiến đến viên dung. Viên dung thì mới đắc đại tự tại, Hoa Nghiêm là dung thông vô ngại, Tịnh Độ cũng là dung thông vô ngại. Trong năm môn, đó là một môn thù thắng nhất. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 172

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi sáu:

(Sao) Nhị giả hội Sự quy Lý môn.

(鈔) 二者會事歸理門。

(Sao: Hai là môn quy Sự vào Lý).

Chúng ta vẫn tiếp tục giới thiệu Biệt Tướng trong Tam Bảo. Ước theo Ngũ Giáo để nói thì môn thứ nhất là “*lập sự tu nghĩa môn*”. Hôm nay, chúng ta xem đoạn thứ hai là Tam Bảo được nói theo “*hội Sự quy Lý môn*”.

(Diễn) Phi tam thập nhị tướng chi Phật vi Phật. Bát Nhã kinh vân: “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”. Hựu viết: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. Hựu viết: “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”. Cố dĩ như Lý vi Phật Bảo.

(演) 非三十二相之佛為佛。般若經云：若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來；又曰：若見諸相非相，即見如來；又曰：如來者，即諸法如義。故以如理為佛寶。

(Diễn: Chẳng phải vị Phật có ba mươi hai tướng là Phật. Kinh Bát Nhã nói: “Nếu dùng Sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai”. Lại nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai”. Lại nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp”. Vì thế, lấy như Lý làm Phật Bảo).

Đoạn trước là nói Tam Bảo theo phương diện sự tướng, còn đoạn này hoàn toàn dựa theo Lý để giảng về Tam Bảo. Xét theo Lý, Phật Bảo là tự tánh giác, nên chẳng thể nhìn theo Tướng. Nhất định phải lìa tướng thì mới có thể kiến tánh, Tánh mới là Phật Bảo chân chánh.

Kinh nói rất rõ ràng, câu nào cũng đều nhằm dạy chúng ta lìa tướng: “*Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp*” (Lìa hết thấy các tướng

chính là hết thấy các pháp). Từ Sự có thể hiểu rõ Lý được hiển thị bởi Sự, đó là Phật Bảo, ở đây nói là Như Lý. “*Như*” là Lý Thể của Chân Như bốn tánh.

(Diễn) Pháp giả, phi dĩ văn tự vi Pháp. Kinh vân: “Hữu pháp khả thuyết, danh vi bát pháp. Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp”. Sở vi vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã. Thử dĩ như Lý danh Pháp Bảo.

(演) 法者，非以文字為法。經云：有法可說，名為謗法；無法可說，是為說法；所謂無說無聞，是名真說般若。此以如理名法寶。

(Diễn: Pháp: Chẳng coi văn tự là Pháp. Kinh dạy: “Có pháp để có thể nói thì gọi là bát pháp. Không có pháp nào để có thể nói bèn là thuyết pháp”. Đó gọi là không nói, không nghe bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã. Đây là gọi như Lý là Pháp Bảo).

Lý là một. Nói theo Bốn Giác của Chân Như bốn tánh, nó (Bốn Giác) là Phật, Phật có nghĩa là Giác. Bốn Giác là vốn sẵn giác ngộ. Pháp có nghĩa là “*quỹ trì*” (軌持), “*quỹ*” (軌) là quỹ đạo, “*trì*” (持) là gìn giữ. Nói theo cách hiện thời, [Pháp] là quy luật. Tự tánh chẳng loạn, vốn sẵn trọn đủ hết thấy các quy luật. Vì thế, vũ trụ, cho đến lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, kết cấu của chúng đều có quy luật. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, quan sát từ một vi trần, nó có bao nhiêu điện tử, bao nhiêu hạt nhân đang vận hành trong đó, đều có trật tự, chẳng lộn xộn. Pháp là có trật tự, lớp lang, chẳng lộn xộn, rối ren, lớn như các tinh cầu vận hành trong vũ trụ cũng đều có quy tắc. Tự tánh vốn sẵn có quy tắc, vốn chẳng rối loạn, những quy tắc ấy được gọi là Pháp, đó là Pháp Bảo trong tự tánh. Đức Phật nói hết thấy các pháp, cũng đều phù hợp nguyên lý ấy. Đức Phật nói bất luận nghĩa lý, hoặc sử dụng ngôn ngữ và phương pháp cũng đều có thứ tự, chẳng rối loạn. Trong tựa đề kinh, chúng ta thường dùng chữ Kinh, nó có bốn ý nghĩa là Quán, Nhiếp, Thường, Pháp. Nói theo cách hiện thời, Quán, Nhiếp, Thường, Pháp hết sức phù hợp điều kiện khoa học, nó có tầng lớp, có trình tự, quyết định chẳng rối loạn.

(Diễn) Tăng giả, phi dĩ thể phát vi Tăng. Kinh vân: “Tu Đà Hoàn, danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, nãi chí A La Hán, thật vô hữu pháp, danh A La Hán”. Diệc dĩ như Lý vi Tăng Bảo.

(演) 僧者，非以剃髮為僧。經云：須陀洹，名為入流，而無所入。乃至阿羅漢，實無有法，名阿羅漢。亦以如理為僧寶。

(Diễn: Tăng: Chẳng phải cạo tóc bèn là Tăng. Kinh nói: “Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng không có gì để nhập. Cho đến A La Hán, thật sự chẳng có pháp nên gọi là A La Hán”. Cũng lấy như Lý làm Tăng Bảo).

Tăng Bảo, nói theo Lý là tự tánh hòa hợp. Tự tánh vốn hòa hợp, vốn là thanh tịnh. Tăng có hai ý nghĩa, một là thanh tịnh, hai là ý nghĩa hòa hợp. Những điều này đều vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Chúng ta thấy vạn pháp trong vũ trụ, nói như hiện thời là “sinh thái tự nhiên”, sinh thái tự nhiên là hòa hợp. Hiện thời, sinh thái tự nhiên bị phá hoại, do con người làm, chúng sanh phá hoại nó, nó vốn là hòa hợp. Từ Lý phát triển thành sự tương, Sự chẳng trái nghịch Lý, Lý chẳng trở ngại Sự, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Chúng ta thường thấy cục bộ, thấy một phần, chẳng thấy toàn thể, nên cảm thấy chỗ nào cũng có trở ngại, có chướng ngại, chẳng viên dung. Nếu có thể thấy mười phương, thấy ba đời, quý vị mới biết không có pháp nào chẳng viên dung, pháp nào cũng đều viên dung. Tam Bảo xét theo Lý thì đây là Tam Bảo trong Thi Giáo. Thi Giáo là Đại Thừa Không Tông. Đại Thừa khởi đầu bằng nhập Không Môn.

(Sao) Tam giả Lý Sự dung hiển môn.

(鈔) 三者理事融顯門。

(Sao: Ba là môn Lý và Sự hiển lộ viên dung).

Cách quan sát này thâm nhập hơn cách trước, càng sâu, càng gần với chân tướng sự thật.

(Diễn) Tuy vân sắc tướng bất thị Phật, âm thanh diệt phục nhiên.

(演) 雖云色相不是佛，音聲亦復然。

(Diễn: Tuy nói “sắc tướng chẳng phải là Phật”, âm thanh cũng giống như thế).

Sắc tướng và âm thanh là lục căn, lục trần.

(Diễn) Hựu vân: Diệc bất ly sắc thanh, kiến Phật thân thông lục. Sở vị u pháp bất thuyết đoạn diệt tướng, danh viết Phật Bảo.

(演) 又云：亦不離色聲，見佛神通力。所謂於法不說

斷滅相，名曰佛寶。

(Diễn: Lại nói: “Cũng chẳng lìa sắc, thanh, mà thấy sức thân thông của Phật”. Đó gọi là đối với pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt, nên gọi là Phật Bảo).

Trong cách quan sát này, Lý và Sự đều có, vì Lý chẳng thể rời khỏi Sự để tồn tại độc lập, Sự cũng chẳng thể rời khỏi Lý để tồn tại đơn độc. Lý và Sự là một chuyện, trọn chẳng phải là hai chuyện. Hiện thời, chúng ta thường tăng thêm sự khó khăn trong học tập, vì đã tách rời Lý và Sự, [cứ ngỡ] Lý chẳng phải là Sự, Sự chẳng phải là Lý, phiền phức to lớn! Chẳng biết Lý và Sự là một, không hai. Sự là Sự của Lý, là tướng của Lý. Lý có hình trạng, hình trạng ấy chính là tướng của Lý. Sự tướng đã là tướng của Lý, Lý là Lý của Sự. Không có sự tướng, chúng ta chẳng thấy Lý. Không có Lý, tuyệt đối sẽ chẳng thể có sự tướng tồn tại. Vì thế, chúng là cùng một chuyện, là hai mặt trong và ngoài mà thôi. Do vậy, cũng chẳng thể tách rời sắc tướng để thấy chân tánh. Chân Như bản tánh ở chỗ nào? Chân Như bản tánh là sắc tướng. Điều đáng tiếc là chúng ta đã tách rời Lý và Sự, nên chẳng thấy Lý nơi tướng. Nếu ngày nào đó, từ tướng mà thấy Lý, sẽ là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” như trong Phật môn đã nói. “Kiến tánh” là thấy được Tánh từ nơi Tướng. Cổ nhân có tỷ dụ: Thấy vàng từ đồ vật, vàng ở chỗ nào? Vàng là đồ vật, đồ vật là vàng. Nếu nhất định nói: “Ta chẳng cần đồ vật, ta muốn vàng”, đến đâu cũng chẳng tìm thấy vàng! Cần vàng, chẳng cần đồ vật cũng không được, mà cần đồ vật chẳng cần vàng cũng không được luôn! Hai hạng người trên đây, hạng thứ nhất thiên trọng Sự, hạng thứ hai thiên trọng Lý, đều chưa thể viên dung. Đến đây mới bắt đầu viên dung, hiểu Lý và Sự là một, không hai. “U pháp bất thuyết đoạn diệt tướng” (Đối với pháp, chẳng nói tướng đoạn diệt), xác thật là nó chỉ có biến hóa, chẳng bị đoạn diệt.

(Diễn) Tuy viết, văn tự tánh Không, danh tự diệc ly, hựu bất ly văn tự, thuyết giải thoát tướng. Dĩ văn tự tánh Không, tức Thật Tướng cố, danh vi Pháp Bảo.

(演) 雖曰，文字性空，名字亦離，又不離文字，說解脫相。

以文字性空，即實相故，名為法寶。

(Diễn: Tuy nói “tánh của văn tự là Không, cũng là danh tự”, lại chẳng là văn tự, nói tướng giải thoát. Do tánh của văn tự là Không, tức là Thật Tướng, nên gọi là Pháp Bảo).

“Danh tự” bao gồm ngôn ngữ, văn tự. Nói thật ra, ngôn ngữ, văn tự là phù hiệu. Nhất là văn tự tuy là phù hiệu, nhưng tánh của nó vẫn là Chân Như bản tánh. Bất cứ pháp nào cũng đều có thể tánh, tức là Chân Như bản tánh, nên hết thấy vạn pháp có cùng một tánh thể. Lục Tổ đại sư nói tánh thể ấy “vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi bặm”. Tuy chẳng có một vật, nó có thể biến hiện hết thấy vật tướng (hình tướng của muôn vật). Tuy là “chẳng có một vật”, chẳng thể nói nó là không có. Nói là nó không có, nó sẽ chẳng thể biến hiện. Nó có thể biến, tuy là có thể biến, cũng chẳng thể nói là Có. Nếu nói là Có, những thứ nó biến ra đều chẳng tồn tại vĩnh hằng! Vì lẽ đó, chúng ta nói là Diệu Hữu, [nghĩa là] giả có, nhưng chẳng phải là thật sự có. Chân là Không, Giả là Có. Chúng ta nói Diệu Hữu thì Diệu Hữu là giả hữu. Chân Không và Diệu Hữu là một, không hai. Tuy nó biến hiện hết thấy sâm la vạn tượng, nhưng bản thể của các tướng được hiện ấy là Không. Nếu chư vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, có thể lãnh hội đôi chút nghĩa thú, tất cả hết thấy vạn vật tuyệt đối chẳng phải là chân thật. Vì sao? Vì chúng vô ngại. Kinh Lăng Nghiêm hiển thị ý vị “Sự Sự vô ngại” được nói trong kinh Hoa Nghiêm, Không và Có là một, chẳng hai. Nếu là hai, chắc chắn có chướng ngại. Vì chúng là một, nên chẳng có chướng ngại.

Nay chúng ta thấy tất cả hết thấy vật tướng đều chướng ngại, đích xác là do cảm nhận sai lầm, trong Phật môn gọi điều này là “mê chứ chẳng giác”, các khoa học gia hiện thời gọi [chuyện này] là “cảm nhận sai lầm”. Nhiều đại khoa học gia Tây phương cũng chứng minh chúng ta đã có cách nhìn sai lầm đối với nhiều sự vật. Kinh Lăng Nghiêm nói, cái mà chúng ta gọi là “vật thể”, giả sử là có thật, thì hiện thời, ở nơi đây, nó nhất định phải chiếm hữu một khoảng không gian. Chúng ta bỏ nó đi thì không gian ở nơi này đáng lẽ phải bị thiếu một khoảng, vì nó vừa mới chiếm hữu [khoảng không gian đó], nay ta bỏ vật thể ấy đi, quý vị có thấy không gian bị thiếu một khoảng hay không? Hay là thấy một khoảng không gian khác đôn tới nơi đây? Chẳng có! Nếu hiện tượng ấy chẳng tồn tại, chúng tỏ Không và Có là một, không hai. Nếu nó xác thực

là Có, sau khi bỏ ra, hư không phải nên thiếu mất một khoảng. Chúng ta bỏ một thứ gì có thể tích vào nước, khi lấy ra, nó bị thiếu một khoảng, nước chung quanh sẽ ủa vào lấp đầy chỗ đó. Chúng ta dời vật thể trên không trung thì có thấy không gian bị lấp đầy hay không? Có thấy bên này không gian bị ép dồn qua, bên kia bị lấp đầy hay không? Chẳng có hiện tượng ấy. Từ chỗ này chúng tỏ “*Không chẳng khác Sắc, Sắc chẳng khác Không. Không chính là Sắc, Sắc chính là Không*” như Tâm Kinh đã nói chính là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Kinh Hoa Nghiêm nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, xác thực là như thế. Nếu có thể thấu hiểu đạo lý này đôi chút, sau này, nói đến thần thông diệu dụng sẽ chẳng cảm thấy kỳ quái, [bởi lẽ], nói theo Lý sẽ thông suốt.

(Diễn) Tuy vân Dự Lưu phi Dự Lưu, La Hán phi La Hán, hựu bất hoại tăng tướng. Thiện lai tỳ-kheo, tu phát tự lạc, tức thành sa-môn, danh vi Tăng Bảo. Sự bất ngại Lý, Lý bất ngại Sự, Sự Lý vô ngại, nãi Chung Giáo chi Tam Bảo dã.

(演) 雖云預流非預流，羅漢非羅漢，又不壞僧相。善來比丘，鬚髮自落，即成沙門，名為僧寶。事不礙理，理不礙事，事理無礙，乃終教之三寶也。

(Diễn: Tuy nói Dự Lưu chẳng phải là Dự Lưu, La Hán chẳng phải là La Hán, lại chẳng hoại Tăng tướng. “Khéo đến tỳ-kheo”, râu tóc tự rụng, liền thành sa-môn thì gọi là Tăng Bảo. Sự chẳng ngại Lý, Lý chẳng ngại Sự, Sự Sự vô ngại, đó chính là Tam Bảo trong Chung Giáo).

Đây là giai đoạn cuối cùng trong Đại Thừa, minh tâm kiến tánh. Không giống như Đại Thừa Thi Giáo trong phần trên, [Chung Giáo] đã đạt đến viên dung Trung Đạo tối hậu. Vì thế, Tam Bảo sẽ được giải thích khác hẳn, Lý Sự vô ngại. Bất luận là xét theo Sự hay Lý, Lý đã trọn đủ giác, chánh, tịnh, Sự do Lý biến hiện, sự tướng là Lý thể. Trên mặt sự tướng, trong mỗi pháp, chẳng có một pháp nào chẳng trọn đủ giác, chánh, tịnh, pháp nào cũng trọn đủ. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ*”, chẳng có khiếm khuyết mảy may! Tự tánh đã là trọn đủ, nơi hữu tình chúng sanh [tự tánh] được gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh được gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh. Phật Tánh trọn đủ giác, chánh, tịnh Tam Bảo, lẽ đâu Pháp Tánh chẳng trọn đủ? Như vậy thì Lý và Sự mới có thể viên dung, Lý và Sự mới có thể vô ngại. Nếu trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể thời

thời khắc khắc thấu hiểu chỗ này, phiền não, vọng tưởng nhất định sẽ bị giảm thiểu. Tâm thanh tịnh, giác tâm tất nhiên sẽ tăng trưởng. Giác tâm tăng trưởng, chúng ta thường nói là “khai ngộ”, thường có ngộ xứ, trong cuộc sống mới có thể thật sự đạt đến sự vui sướng chân thật, lìa khổ được vui. Tất cả hết thảy nỗi khổ đều sanh từ mê hoặc, khổ chẳng phải là thật, lạc là thật. Lạc ở đây chẳng phải là lạc trong khổ lạc, lạc trong khổ lạc là từ khổ mà hiển thị lạc, chẳng phải là lạc chân chánh, vẫn là mê! Sau khi đã ngộ, bèn có chân lạc! Đoạn thứ tư là Đốn Giáo Tam Bảo:

(Sao) Tứ giả tuyệt tướng Lý thật môn.

(Diễn) Nhất niệm bất sanh, tức danh Phật Bảo.

(鈔) 四者絕相理實門。

(演) 一念不生，即名佛寶。

(Sao: Bốn là môn tuyệt tướng Lý thật.

Diễn: Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật Bảo).

Hoàn toàn nói theo chân tánh Lý Thể. Vì sao “*một niệm chẳng sanh*” được gọi là Phật Bảo? Vì một niệm chẳng sanh, Chánh Giác hiện tiền. Chư vị phải hiểu: Niệm là mê. Một niệm chẳng sanh là thuần giác, không mê. Hiện thời, điều khó nhất đối với chúng ta là chẳng thể ngừng vọng niệm được. Dầu chẳng có vọng niệm thì thật ra vẫn là có một vọng niệm, vọng niệm gì vậy? Chính là vọng niệm “*hết thảy vọng niệm đều không có*”, vọng niệm ấy là vô minh, nên vẫn là bất giác. Giác tâm bất động! Phải huân luyện điều này; trong Phật môn, công phu huân luyện thường được nhắc đến nhất chính là Thiền Định. Thiền Định chẳng phải là trong tâm thứ gì cũng đều không có, chẳng phải vậy! Thiền Định là hiểu rõ ràng, nhưng như như bất động. Thiền Định chẳng phải là nhắm mắt tham thiền, mà là mở mắt tham thiền, nhìn thẳng xuống, [tâm nhìn ngang] trái tai để tham, lục căn thấy cảnh giới lục trần bên ngoài rành mạch. Thiền (Dhyana, Jhana) dịch sang tiếng Hán là Tĩnh Lự, Lự (慮) có nghĩa là hiểu rõ, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, lục căn tiếp xúc lục trần, thứ gì cũng đều rõ ràng, nhưng như như bất động. Ở trong cảnh giới, người ấy chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là Định; gộp lại gọi là Thiền Định. Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng giữ lấy tướng, như như chẳng động). “*Chẳng giữ lấy tướng*” là Thiền, “*như như bất động*” là Định, nhất niệm bất sanh là cảnh giới này. Thật sự đạt đến một niệm chẳng sanh,

không chỉ là hết thấy các pháp trước mắt quý vị thấy đều hiểu rõ, mà tận hư không khắp pháp giới, mười phương, ba đời, không có gì chẳng hiểu rõ ràng. Vì sao? Lục căn chẳng có chướng ngại, mắt có thể thấy tận hư không khắp pháp giới, không gì chẳng thấy, còn có thể thấy quá khứ, thấy vị lai, thấy đều trông thấy, thời gian và không gian bị phá tan. Hiện thời, thời gian và không gian là chướng ngại rất lớn, chúng ta chẳng thấy quá khứ, chẳng thấy vị lai. Thời gian và không gian đều bị phá tan, hoàn toàn chẳng có chướng ngại. Đối với năng lực nghe của Nhĩ Căn, Chân Như bốn tánh lớn cỡ nào, năng lực của Nhĩ Căn to chừng ấy. Năng lực ấy chẳng phải do tu được, mà vốn sẵn là như vậy. Tự tánh của chúng ta trọn hết hư không khắp pháp giới.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Hư không ở trong chân tâm của chúng ta giống như một áng mây trong vũ trụ. Sánh ví vũ trụ với Chân Như bốn tánh, áng mây ví như hư không. Chúng ta nói vạn hữu trong vũ trụ giống như một áng mây, vũ trụ vốn được bao gồm trong tâm chúng ta, có thể thấy tâm lượng to cỡ nào! Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là tác dụng của tâm tánh, tác dụng ấy vốn to như thế đó. Do điều này có thể biết, nay năng lực ấy bị mất đi, tức là mê hoặc, điên đảo. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc”*. Do điều này có thể biết, đức Phật dạy chúng ta tu học những gì? Đoạn vọng tưởng, trừ chấp trước mà thôi. Lìa khỏi hết thấy vọng tưởng, chấp trước, quý vị được gọi là Như Như Phật. Như Như Phật tức là “quý vị vốn là Phật”. Hiện thời, sở dĩ quý vị chẳng phải là Phật, là vì có vọng tưởng, chấp trước. Cùng một đạo lý, nay chúng ta thứ gì cũng đều bị chướng ngại, chướng ngại do đâu mà có? Vọng tưởng, chấp trước. Lìa khỏi hết thấy vọng tưởng, chấp trước, há có chướng ngại? Há chẳng phải là *“Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”* như Hoa Nghiêm đã nói? Theo kinh Hoa Nghiêm, phương pháp tu hành của Pháp Thân đại sĩ thường được gọi là *“lịch sự luyện tâm”* (trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm), Sự là gì? Cuộc sống! Năm mươi ba lần tham học chính là nói đến cuộc sống, tức là luyện ngay trong cuộc sống hằng ngày, luyện không chấp tướng, luyện chẳng động tâm. Ngoài không chấp tướng, trong chẳng động tâm. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm nhằm luyện những điều ấy. Trong hết thấy cảnh giới, qua các buổi giảng, chúng tôi thường nói “tu điều gì?” Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm từ bi. Trong cuộc sống hằng ngày, qua xử sự, đãi người, tiếp vật, học bình đẳng từ nơi tốt bậc bất bình đẳng, tu thanh tịnh nơi tốt bậc bất thanh tịnh, sau đây, bèn tu tâm từ bi. Tâm từ bi sanh từ nơi đâu? Từ bi

sanh từ tâm thanh tịnh, bình đẳng, bèn gọi là đại từ đại bi, chẳng khác gì tâm của Phật, Bồ Tát. Từ Đại Kinh, chúng ta thấy được chỗ trọng yếu trong việc tu hành của người ta, [điều ấy] đáng để chúng ta ghi nhớ, đáng cho chúng ta làm theo. Vì thế, một niệm bất sanh là Chánh Giác hiện tiền.

(Diễn) Ngũ pháp tam tự tánh giai không, bát thức nhị vô ngã câu khiển. Sở vị vô hữu Niết Bàn Phật, vô hữu Phật Niết Bàn, nhược hữu, nhược vô, nhị tất giai ly, nãi Đốn Giáo chi Tam Bảo dã.

(演) 五法三自性皆空，八識二無我俱遣。所謂無有涅槃佛，無有佛涅槃，若有若無，二悉皆離，乃頓教之三寶也。

(Diễn: Năm pháp và ba tự tánh đều là Không, tám thức và hai vô ngã⁵⁸ đều mất, đó gọi là “chẳng có Phật nơi Niết Bàn, mà cũng chẳng có Niết Bàn [được chứng đắc] bởi Phật”. Dù có hay không, thấy đều là cả hai điều ấy, đó chính là Tam Bảo trong Đốn Giáo vậy).

Mấy câu này nhằm chú giải “nhất niệm bất sanh”. Nhất niệm bất sanh là gì? Không chỉ hết thấy vọng tưởng trong thế gian này chẳng có, mà Phật pháp cũng không có. Có Phật pháp thì vẫn là có một niệm! Mới hiểu hết thấy các pháp do đức Phật đã nói, “năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã” là nói đến toàn thể Phật pháp. Phật pháp có thật hay không? Chẳng có thật! Phật pháp vốn là giả hữu, vì chúng sanh mê nên mới kiến lập. Ngày nào chúng sanh đã giác ngộ, đã giác ngộ thì chẳng còn Phật pháp nữa! Đã giác ngộ mà vẫn còn chấp trước có Phật pháp thì lại mê mất rồi! Do đó, pháp cũng chớ nên chấp trước. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp” (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). “Pháp” là Phật pháp, Phật pháp cũng chớ nên chấp trước.

Hiện thời, có những kẻ học Phật rất khó khăn, vì sao? Họ có tập khí chấp trước quá nặng. Pháp thế gian chẳng tốt, bảo người ấy đừng chấp trước pháp thế gian. Bỏ pháp thế gian, người ấy lại chấp trước Phật pháp. Chẳng tham pháp thế gian, lại tham ái Phật pháp. Quý vị nghĩ xem, tâm tham vẫn tăng trưởng như cũ! Bất quá là thay đổi đề mục mà thôi! Thay đổi đề mục có thể giải quyết vấn đề hay không? Chẳng thể giải quyết vấn đề! Tâm tham đọa trong ngã quý đạo, tham ái Phật pháp vẫn đọa trong ngã quý đạo. Vì tâm tham mà đọa ngã quý, trọn chẳng phải là nói quý vị tham gì! Trong ngã quý đạo, có đại phước đức quý, là do

tham Phật pháp mà bị như vậy. Trong loài quý, có quý có phước báo to, cũng có quý có phước báo nhỏ, tùy thuộc kẻ ấy tham điều gì? Kẻ ấy tham hết thấy các ác pháp, bèn bị ác báo trong quý đạo. Tham Phật pháp, bèn đắc thiện báo trong quý đạo. Tuy đắc thiện báo, vẫn chẳng lìa khỏi thân quý, vẫn là quý, chư vị nhất định phải hiểu rõ điều này! Chớ nên tham ái Phật pháp. Chúng ta phải sử dụng Phật pháp vì chúng ta đang thuộc vào địa vị mê hoặc, vẫn chưa khai ngộ, nhưng biết đây là công cụ giúp cho chúng ta vượt qua biển khổ đạt tới bờ kia mà thôi. Công cụ thì cần phải dùng, chớ nên chấp trước, chớ nên tham luyến, điều này rất khẩn yếu. Đoạn cuối cùng nói về Viên Giáo.

(Sao) Ngũ giả, dung thông bất ngại môn.

(鈔) 五者融通不礙門。

(Sao: Thứ năm là môn dung thông vô ngại).

Đây là thật sự đặc đại tự tại, đặc đại tự tại chân thật.

(Diễn) Dĩ tiền tứ chủng, tiền tiển hậu thâm, tiền bất nhiếp hậu, hậu bất nhiếp tiền.

(演) 以前四種，前淺後深，前不攝後，後不攝前。

(Diễn: Do trong bốn loại trước, loại trước cạn, loại sau sâu, nhưng loại trước chẳng nhiếp loại sau, loại sau chẳng nhiếp loại trước).

Trong bốn loại trước, loại thứ nhất nông cạn, loại thứ hai khá sâu, loại thứ ba càng sâu hơn, nên “*tiền bất nhiếp hậu, hậu bất nhiếp tiền*”, có ý nghĩa sâu hay cạn khác biệt, nhưng môn nào cũng đều chẳng viên dung, chẳng nhiếp lẫn nhau. Viên Giáo chẳng phải vậy. Viên Giáo thì thứ lớp cạn sâu có thể dung hợp cùng một chỗ, vì sao? Vì những người [có căn cơ tương ứng] với các loại trước hãy còn có chấp trước. Loại người thuộc môn thứ nhất chấp trước sự tướng. Loại người thuộc môn thứ hai chấp trước có Lý. Loại người thuộc môn thứ ba chấp trước có Lý, có Sự. Lý và Sự chẳng thể viên dung, chẳng thể vận dụng hết sức tự tại. Đốn Giáo là đốn ngộ, vẫn là thiên chấp nơi Không, thiên chấp Lý tánh, vẫn chưa thể viên dung nơi Sự, nên chẳng thể vô ngại. Đến Viên Giáo thì mới là tự tại vô ngại.

(Diễn) Kim tắc cử tiền kiêm hậu, cử hậu kiêm tiền.

(演) 今則舉前兼後，舉後兼前。

(Diễn: Nay nêu lên địa vị trước bèn kiêm địa vị sau, nêu lên địa vị sau bèn kiêm địa vị trước).

Đây là nghĩa thú dung thông, giáo nghĩa Hoa Nghiêm là như vậy. Chúng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, trong pháp Đại Thừa gọi là Kiến Đạo Vị, mới thấy Chân Như bốn tánh. Vị ấy có năng lực hiện thân tướng Phật để độ hàng đại Bồ Tát. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện làm Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Kinh văn chép: “*Ứng dĩ Phật thân nhi thuyết pháp giả, tự hiện Phật thân nhi độ thoát chi*” (Nên dùng thân Phật để thuyết pháp bèn hiện thân Phật để độ thoát). Nếu chẳng viên, làm sao có thể độ được? Hiện thân Phật có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát, vì sao Sơ Trụ Bồ Tát có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát? Địa vị thua kém rất xa, nhưng Ngài chứng đắc địa vị trước bèn lập tức kiêm những địa vị sau đó. Chúng đắc Đẳng Giác thì Đẳng Giác vẫn tu pháp môn do Sơ Trụ Bồ Tát tu, trước sau viên dung tự tại vô ngại! “*Cử tiền kiêm hậu*” (Nêu địa vị trước bèn kiêm địa vị sau), nêu lên Sơ Trụ bèn kiêm [địa vị] Đẳng Giác ở đằng sau. “*Cử hậu kiêm tiền*”, [ý nói] nêu lên Đẳng Giác bèn kiêm Viên Giáo Sơ Trụ. Không giống như trong những môn trước, địa vị nào là địa vị này, chẳng thể kiêm trước hay sau được. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều vô ngại*”. Vì thế, “*một chứng, hết thấy chứng; hết thấy chứng là một chứng*”, địa vị nào cũng đều là như thế.

Do vậy, xét theo toàn thể những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm, tuy trong Đại Kinh đã phân chia rất rành mạch, có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, nhưng địa vị nào cũng đều là trước sau dung nạp lẫn nhau. Mỗi địa vị tuy nhấn mạnh tu một pháp môn chủ yếu, nhưng trong pháp môn ấy đã nhiếp trọn vẹn hết thấy các pháp môn. Ví như Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, phạm là địa vị Sơ Trụ, địa vị Sơ Hạnh, địa vị Sơ Hồi Hướng, hay địa vị Sơ Địa, thấy đều tu Bồ Thái, bốn địa vị ấy tương ứng với Thí Ba La Mật. Địa vị thứ hai tu Trì Giới, địa vị thứ ba tu Nhẫn Nhục, thấy đều là như vậy. Nhưng địa vị nào cũng là trước sau dung nhiếp lẫn nhau, trong Bồ Thái có Trì Giới, có Nhẫn Nhục, cho đến Nguyện, Lực, Trí [Ba La Mật] thấy đều có. Đích xác là “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”. Địa vị nào cũng đều là như thế, từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được cảnh giới này.

(Diễn) Niêm nhất hành thảo tức trượng lục kim thân.

(演) 拈一莖草即丈六金身。

(Diễn: Nhón lấy một nhánh cỏ chính là thân vàng trượng sáu).

Một nhánh cỏ chẳng khác thân vàng trọng sáu, đó là cách nhìn của Phật trong Viên Giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình và vô tình, cùng viên mãn Chung Trí*”. Một nhánh cỏ là vô tình, thân vàng trọng sáu là hữu tình, đều cùng viên mãn Chung Trí, có gì phân biệt? “*Lễ kính chư Phật*” trong mười đại nguyện vương được thể hiện ở chỗ này. Dùng tâm chân thành cung kính đối với Phật thì đối với một nhánh cỏ cũng là như thế. Sự lễ kính ấy, kẻ bình phàm chẳng thể học được! Sự lễ kính của Ngài là hết thầy cung kính, quyết định chẳng có phân biệt, vì tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí. Kinh Hoa Nghiêm đã hiển thị: Người tu hành chỉ có một mình ta là học trò. Trừ ta ra, thầy đều là chư Phật. Hữu tình là chư Phật, mà vô tình vẫn là chư Phật. Phải dùng tâm thái ấy để tu lễ kính, để tu xưng tán, để tu cúng dường, cho đến hồi hướng trọn khắp. Tâm hạnh của mười đại nguyện Phổ Hiền là vô lượng vô biên, tuyệt đối chẳng phải là phàm phu có thể làm được! Ở đây, chúng ta lại thấy thuần túy là cảnh giới Hoa Nghiêm.

(Diễn) *Phẫu nhất vi trần xuất đại thiên kinh quyển.*

(演) 剖一微塵出大千經卷。

(Diễn: *Chẻ một vi trần để lấy ra kinh quyển to bằng đại thiên thế giới.*)

Đây là Pháp Bảo, phần trước là Phật Bảo. Pháp Bảo cũng là chẳng có ngần mé. Vi trần vô cùng bé, “*đại thiên kinh quyển*” là kinh Hoa Nghiêm. Vì trong long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy kinh Hoa Nghiêm có phân lượng to cỡ nào? Mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Nói thật ra, bộ kinh ấy chính là kinh điển hoàn chỉnh do đức Phật đã nói, nay ta gọi là Đại Tạng Kinh, trong Phật pháp có danh xưng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đó chính là tổng đề mục, hoặc tổng danh xưng của toàn thể các kinh. Vì thế, nói hết thầy các kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm, đều là một phần nào đó của Hoa Nghiêm, còn toàn thể là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Toàn thể Đại Tạng Kinh như chúng ta thấy trong hiện thời còn thua kém quá xa, chẳng thể sánh bằng! Kinh Tạng ở trong một vi trần, tức là vô lượng vô biên kinh tạng do mười phương Như Lai đã nói ở trong một vi trần.

(Diễn) *Phổ Hiền thân tướng nhược hư không.*

(演) 普賢身相若虛空。

(Diễn: Thân tướng của Phổ Hiền dường như hư không).

Đây là Tăng Bảo, Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo đều là tận hư không khắp pháp giới, Tam Bảo đều xứng tánh, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, Lý Sự bất nhị, Tánh Tướng bất nhị. Đó là Tam Bảo nói theo Viên Giáo.

(Diễn) Y chân nhi trụ phi quốc độ, nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, đầu đầu thiệp nhập, sát sát viên thông, nãi Viên Giáo chi Tam Bảo dã.

(演) 依真而住非國土，一即是多，多即是一，頭頭涉入，剎剎圓通，乃圓教之三寶也。

(Diễn: Nương vào Chân mà trụ nơi chẳng phải là cõi nước, một chính là nhiều, nhiều chính là một, pháp nào cũng tiến nhập, cõi nước nào cũng viên thông, đây chính là Tam Bảo trong Viên Giáo vậy).

Nhà Phật thường nói: “Người căn cơ Viên Giáo thuyết pháp, chẳng pháp nào không viên”. Phật pháp quyết định là bình đẳng, vì sao bình đẳng? Lý bình đẳng, tánh bình đẳng, bình đẳng được kiến lập ngay trên cơ sở này. Thật sự bình đẳng, vì sao? Vốn chẳng có một vật, hễ có một vật sẽ không bình đẳng. Vì nó chẳng có một vật, nên bình đẳng. Thật sự chứng đắc bình đẳng, nên mới gọi là “thành Phật”. Nói cách khác, chia thành các cấp bậc Phật, Bồ Tát, La Hán v.v... là xét theo mức độ tinh thuần về thanh tịnh và sai biệt trong sự bình đẳng nơi cái tâm những vị ấy. Tiếp cận cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của Phật thì là La Hán. Đã tiếp cận, nhưng chưa thật sự bình đẳng, đã mập mé bình đẳng, bèn là La Hán, Bích Chi Phật. Thật sự chứng đắc thanh tịnh, bình đẳng, nhưng chưa đạt tới viên mãn thì là Bồ Tát. Thanh tịnh bình đẳng đã đạt đến viên mãn rốt ráo thì gọi là “thành Phật”. Thành Phật thì có Phật để có thể thành hay không? Không có! Vì sao? Thiên Tông nói: Khôi phục bản lai diện mục của quý vị mà thôi! Quý vị vốn sẵn là Phật, còn thành vị Phật nào nữa? Vốn chẳng phải là Phật thì mới có thể thành Phật. Do vậy, phải hiểu chân tướng sự thật này, vì sao? Sau khi đã hiểu, mới biết trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta tu bất luận pháp môn nào, bất luận sử dụng công phu như thế nào, công phu sẽ đắc lực, có thể tu

pháp môn ấy chánh xác, chẳng bị lệch lạc, quyết định là tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi.

Vấn đề quan trọng nhất trong tu học là quan niệm. Có thể thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa viên đốn, rất hữu ích đối với chúng ta. Nhà Phật thường nói năm loại căn tánh: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Đương nhiên, người căn tánh Viên Giáo là đáng quý nhất, do đâu mà có người có căn tánh viên đốn? Đương nhiên cũng do kinh điển Viên Giáo huân tập mà có. Không hiểu những nguyên lý ấy, quý vị sẽ tính toán, so đo chi ly nơi hết thấy mọi sự, rất khổ! Quý vị hiểu nguyên lý ấy, sẽ dần dần chẳng còn so đo. Tâm khai ý giải, thật sự hữu ích to lớn cho sự tu học của quý vị, dễ dàng trừ bỏ phân biệt, chấp trước. Hiểu đạo lý này, biết chẳng phân biệt, chẳng so đo là hợp lý.

Có người nghĩ “ta bị thua thiệt, bị kẻ khác chiếm tiện nghi, ta chẳng cam lòng”, vì sao phải như vậy? Do kẻ ấy chẳng hiểu những thứ chấp trước là không hợp lý. Quý vị có thể bỏ sạch hết thấy các vọng tưởng, chấp trước, đó là thật sự hợp lý, tâm thanh tịnh là hợp lý. Lý là tâm thanh tịnh, Lý là tâm bình đẳng. Hễ chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, sẽ chẳng hợp lý. Đó là lý viên thật nhất, lý chân thật nhất, cũng là hoàn toàn dùng tiêu chuẩn tự tánh để nói.

(Sao) Tuy tiền thiên hậu thâm.

(鈔) 雖前淺後深。

(Sao: Tuy là trước cạn, sau sâu).

Giáo nghĩa của ngũ giáo, tức Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên, những giáo trước là cạn, giáo sau là sâu.

(Sao) Nhi đồng quy nhất nguyên.

(鈔) 而同歸一原。

(Sao: Nhưng cùng quy về một nguồn).

Một nguồn là tự tánh. Thứ tự cạn hay sâu cũng tương ứng với tự tánh mê, tương ứng với sự chấp trước cạn hay sâu trong tự tánh mà phân định, mà có sai biệt.

(Sao) Quát kỳ đại ý, tặc tánh thể linh giác, chiếu liễu chư pháp, danh vi Phật Bảo. Hằng sa Tánh Đức, giai khả quĩ trì, danh vi Pháp

Bảo. Tánh Tướng bất nhị, minh hợp vô vi, danh vi Tăng Bảo, tức xuất thế gian tối thượng Tam Bảo dã.

(鈔) 括其大意，則性體靈覺，照了諸法，名為佛寶。恆沙性德，皆可軌持，名為法寶。性相不二，冥合無違，名為僧寶。即出世間最上三寶也。

(Sao: Nói đại lược bao quát thì tánh thể linh giác, chiếu các pháp, được gọi là Phật Bảo. Hằng sa Tánh Đức, đều có thể giữ đúng nguyên lý, gọi là Pháp Bảo. Tánh Tướng bất nhị, ngầm hợp vô vi, gọi là Tăng Bảo. Đó chính là xuất thế gian tối thượng Tam Bảo).

Đoạn này gộp chung ngũ giáo trong các đoạn trước để nói, thầy đều quy kết tự tánh, ở đây giảng là Tự Tánh Tam Bảo. Chúng ta thường nói “*quy y Tam Bảo*”, nhất định phải lấy Tự Tánh Tam Bảo làm chỗ quy y chân chánh. Ở đây, Tự Tánh Tam Bảo được giảng rất đầy đủ, rất thấu triệt. “*Tánh thể linh giác, chiếu liễu chư pháp*”, hai câu này nói về Phật Bảo. Tiếp đó, có chú giải.

(Diễn) **Phật giả giác dã. Chân tánh chi Thể linh linh bất muội, liễu liễu thường tri, phổ chiếu chư pháp, nhi vô Năng, Sở, tự tánh Phật dã.**

(演) 佛者覺也。真性之體靈靈不昧，了了常知，普照諸法，而無能所，自性佛也。

(Diễn: Phật là giác. Thể của chân tánh linh thông, chẳng mê muội, thường biết rõ ràng rành, chiếu khắp các pháp, nhưng chẳng có Năng và Sở. Đó là tự tánh Phật).

Cái có thể biết (năng tri) và cái được biết (sở tri) là một. Cái có thể chiếu (năng chiếu) và cái được chiếu (sở chiếu) cũng là một. Chuyện này rất khó hiểu, vì trong quan niệm thông thường: Cái có thể biết là tâm, cái được biết là vật, tâm có biết, còn vật vô tri. Chúng ta đối lập hữu tri và vô tri, năng tri và sở tri là đối lập, vĩnh viễn chẳng thể hợp thành một. Đó là chướng ngại, là mê. Từ đầu đến cuối có Năng, Sở. Có Năng và Sở là có đối lập, chẳng thể viên! Cảnh giới không có Năng và Sở chẳng thể nghĩ bàn! Chư vị nghĩ xem: Không có Năng và Sở, tận hư không khắp giới và chính mình biến thành một, chính mình và chính mình sẽ chẳng có Năng, Sở, chính mình và người khác thì còn có Năng, Sở. Chẳng biết

tận hư không khắp pháp giới là chính mình! Chúng ta là kẻ mê rất khó lãnh hội điều này, từ vô lượng kiếp tới nay mê trong cảnh giới này, làm sao biết chân tướng sự thật này?

Chúng tôi thường dùng mộng làm tỷ dụ, toàn thể cảnh mộng có phải do một mình ta biến ra hay không? Trong mộng có chính mình, mà cũng có người khác, cũng có hư không, cũng có núi, sông, đại địa, toàn là do một mình ta biến ra. Nếu hoằng nhiên đại ngộ, toàn thể cảnh mộng là chính mình, tri kiến ấy liền viên mãn. Đức Phật dạy chân tướng sự thật xác thực là như vậy, đó mới gọi là tự giác chân chánh. Vì vậy, tận hư không khắp pháp giới chẳng có gì không biết, không có gì chẳng giác ngộ, mới thật sự hiểu rõ câu *“tình và vô tình, cùng viên mãn Chủng Tri”* trong kinh Hoa Nghiêm. Đó là tánh thể linh giác. Thể là linh minh giác tri, cái được hiện bởi Thể là hết thảy các hình tướng muôn vật cũng là linh minh giác tri. Khi tâm địa của chính mình đạt đến “nhất niệm bất sanh”, thì trong tâm người khác khởi tâm động niệm quý vị liền biết, vì sao? Quý vị chẳng có chướng ngại. Trong tâm người khác khởi tâm động niệm, vì sao ta biết? Vì người khác và chính mình là một, không hai, nguyên nhân là như thế đó! Chính ta đã đạt nhất niệm bất sanh thì người khác khởi tâm động niệm, làm sao ta có thể biết chuyện của người ấy? Tự và tha là một, chẳng hai. Chúng ta khởi tâm động niệm ở đây, phạm phu không biết, tôi khởi ý niệm, quý vị chẳng biết, quý vị khởi ý niệm, tôi không biết, nhưng Phật, Bồ Tát đều biết. Vì sao Phật, Bồ Tát đều biết? Giữa Phật, Bồ Tát đã trừ chướng ngại, chẳng còn nữa. Giữa chúng ta có chướng ngại, tôi chẳng phải là quý vị, quý vị chẳng phải là tôi, đó là có chướng ngại. Đã có chướng ngại, nên tôi chẳng biết ý niệm của quý vị, quý vị chẳng biết ý niệm của tôi. Khi chướng ngại bị trừ khử, tận hư không khắp pháp giới không có gì chẳng biết; không chỉ là ý niệm của con người, ngay cả con kiến dấy lên một niệm cũng biết, chẳng có chướng ngại; đạo lý ở ngay chỗ này! Hiểu nguyên lý này, mới biết Phật pháp chẳng phải là đàm huyền thuyết diệu, chẳng có chuyện kỳ quái nào, mà xác thực là có lý luận.

“Hằng sa Tánh Đức”: *“Hằng sa”* là tỷ dụ rất nhiều, vô lượng vô biên. Đức là gì? Đức là tác dụng, tức đức dụng, Chân Như bản tánh khởi tác dụng, *“giai khả quĩ trì”* (đều có thể vâng giữ đúng theo nguyên lý). Chúng ta xem chú giải:

(Diễn) Nhân phiến bỉ hằng sa phiến nã, hiển thử hằng sa Tánh Đức, nhất nhất giai quĩ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, tự tánh Pháp dã.

(演) 因翻彼恆沙煩惱，顯此恆沙性德，一一皆軌生物解，任持自性，自性法也。

(Diễn: Do lật đổ hằng sa phiền não ấy, bèn hiển lộ hằng sa Tánh Đức này, mỗi mỗi đều khiến cho các chúng sanh có thể thấu hiểu các nguyên lý, tự nhiên giữ gìn tự tánh, đó là Tự Tánh Pháp).

Kinh Đại Thừa thường nói “*phiền não tức Bồ Đề*”. Bồ Đề là Tánh Đức, phiền não vẫn là Tánh Đức. Phiền não nhiều, chớ sợ, vấn đề ở chỗ nào? Hễ chuyển được, [phiền não] liền biến thành Bồ Đề, Bồ Đề là trí huệ. Có cần phải đoạn phiền não hay không? Chẳng cần đoạn! Nếu đoạn phiền não, chẳng phải là không còn Bồ Đề ư? Làm sao có thể đoạn phiền não cho được? Nói thật ra, “đoạn phiền não” là chuyển biến phiền não, biến phiền não thành Bồ Đề, sau đó, chẳng còn gọi là phiền não nữa. Biến như thế nào? Từ mê biến thành giác ngộ, đã giác bèn gọi là Bồ Đề, còn mê thì gọi là phiền não. Khi mê, phiền não trùng trùng; lúc giác, trí huệ vô lượng, biến phiền não thành trí huệ. Có thể thấy là giữa mê và ngộ, Phật pháp dạy chúng ta phá mê khai ngộ. Bất luận quý vị đang ngộ hay mê, cho đến nói chi lý thì mỗi vọng niệm phát triển, đều có thứ lớp và trật tự nhất định, chẳng bị rối loạn.

Đức Phật nói một niệm có sanh, trụ, dị, diệt; một niệm hết sức ngắn ngủi, dẫu ngắn, nó vẫn có bốn giai đoạn: Một niệm sanh ra, ngưng trụ (tồn tại), biến hóa (dị), tiêu diệt, có bốn hiện tượng ấy. Đó là “*quỹ sanh vật giải*” (軌生物解), “*quỹ*” là quỹ đạo, nay chúng ta nói là nguyên tắc, nó có phép tắc nhất định, chúng ta có thể lý giải phép tắc ấy, có thể hiểu rất rõ ràng, minh bạch. Ngài không dùng chữ “*nhân giải*” (人解), mà dùng chữ “*vật giải*” (物解). Nếu nói là “*nhân*”, sẽ là nhân đạo trong mười pháp giới. Nói “*vật*” thì mười pháp giới đều bao gồm, kể cả Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Thiên, Tu La, Nhân, Ngạ Quỷ, Địa Ngục, Súc Sanh, dùng một chữ Vật bèn bao gồm trọn vẹn. “*Vật*” có phạm vi to hơn Nhân, nay chúng ta nói là “sinh vật”. Hết thủy sinh vật đều có thể lý giải, phạm vi to lắm. “*Nhậm trì tự tánh*” (任持自性), Nhậm (任) là tự nhiên, [thường nói là] “*nhậm vận tự nhiên*” (任運自然), [“*nhậm trì tự tánh*” là] tự nhiên giữ được phép tắc ấy. Đó là Pháp, Pháp là có thứ tự, chẳng lộn xộn.

(Diễn) Tánh tướng bất nhị, minh hợp vô vi giả, linh giác chi Thể tức hằng sa Tánh Đức, hằng sa Tánh Đức tức linh giác chi Thể, nhị nhi bất nhị, tự tánh Tăng dã.

(演) 性相不二、冥合無違者，靈覺之體即恆沙性德，恆沙性德即靈覺之體，二而不二，自性僧也。

(Diễn: “Tánh Tướng bất nhị, ngầm hợp vô vi”: Thể của linh giác chính là hằng sa Tánh Đức, hằng sa Tánh Đức tức là Thể của linh giác, hai mà chẳng hai, chính là tự tánh Tăng vậy).

Câu này là nói quy nạp, tức là Tánh và Tướng bất nhị, hoặc là Lý Sự bất nhị. Linh giác là Lý, Tánh Đức là Sự, là Tướng. Tánh, Tướng, Lý, Sự là một, chẳng hai, làm sao nó có thể xung đột cho được? Quyết định là chẳng có xung đột, nhất định là hòa hợp. Biết nguyên lý này, chúng ta liền biết vạn sự vạn pháp trong vũ trụ chẳng bất hòa. Nếu vạn pháp chẳng điều hòa, quyết định là mê mất tự tánh, nên mới chẳng điều hòa. Nếu chẳng mê tự tánh, mà giác tự tánh, nhất định là điều hòa. Căn cứ trên quan niệm này, xác thực là có thể thống hợp vạn pháp, có thể điều chỉnh những gì lệch khỏi trật tự, Phật pháp được nói dựa trên nguyên lý căn bản ấy. Giống như thế giới hiện thời bị lạc mất thứ tự, nguyên nhân ở chỗ nào? Trong thế gian tồn tại khá nhiều thứ học thuyết và chủ nghĩa, những học thuyết và chủ nghĩa ấy mâu thuẫn lẫn nhau, chẳng thể điều hòa, nên mới khiến cho thế giới tranh chấp, đối lập, chiến tranh, thậm chí hủy diệt, đều là do một niệm cảm nhận sai lầm tạo thành. Chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa Tư Bản có thể điều hòa hay không? Quyết định là có thể, nói theo nguyên lý thì được, xét theo Phật pháp, chúng có cùng một nguyên lý, lẽ đâu chẳng thể điều hòa! Chủ nghĩa độc tài và chủ nghĩa dân chủ có thể điều hòa hay không? Quyết định là có thể điều hòa, không có lẽ nào chẳng thể điều hòa, hiểu rõ Lý sẽ dễ thực hiện. Phải làm thế nào thì sẽ có thể thể đạt đến điều hòa? Người Trung Quốc nói Trung, nói Hòa, Phật pháp nói Lục Hòa Kính, vấn đề cốt lõi to lớn là giáo dục, cũng là dạy dỗ. Nếu mọi người hiểu đạo lý này, tự nhiên sẽ chẳng giữ chặt quan niệm như vậy, sẽ chẳng chấp trước như vậy. Đã hiểu rõ Lý, hiểu làm như vậy sẽ có lợi ích to lớn cho chính mình, mà cũng có lợi ích to lớn cho hết thảy chúng sanh, tự lợi, lợi tha. Chấp trước kiên cố là tự mình diệt vong, mà cũng khiến cho kẻ khác đau khổ.

Trong quá khứ, đã có những ví dụ rất hiển nhiên. Quân phiệt Nhật Bản, những người như Hy Đắc Lặc (Hitler) của Đức, Mặc Tác Lý Ni (Mussolini) [của phát-xít Ý] chấp trước kiên cố, chẳng đầy mấy năm liền bại vong, đem lại lăm nôi tai nạn cho quốc gia lẫn thế giới. Do nguyên nhân nào? Không hiểu rõ chân lý. Phật pháp nói [họ phạm lỗi] “*thiên lậu chấp*”, [nghĩa là] thiên kiến, thiên kiến (tầm nhìn nông cạn, hẹp hòi), cố chấp, căn bệnh ở chỗ này. Do đó, Phật pháp là giáo dục, những gì Khổng lão phu tử đề xướng cũng là giáo dục. Từ xưa tới nay, Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh “*kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục làm đầu). Giáo học khiến cho mọi người hiểu rõ Lý, hết thảy mọi chuyện, hết thảy xung đột có thể thương lượng, đều có thể hướng đến Trung, Hòa, đối xử hòa thuận. Những hiện tượng [nhiều như ong] tại Đài Loan trong hiện thời có gốc bệnh ở chỗ nào? Vẫn do giáo dục gây ra. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói về các hiện tượng xã hội, từ ba mươi năm trước, cụ đã thấy rõ ràng, cụ nói: “Chánh sách giáo dục của chúng ta sai lầm!” Thuở ấy, chúng tôi nghe lão nhân gia phân tích: Đài Loan là một đảo quốc, tiểu đảo. Đất đai chúng ta chỉ to ngàn ấy, dân cư chỉ có chừng ấy, chớ nên lập nhiều đại học như thế. Theo quan niệm của lão nhân gia, Đài Loan có hai trường đại học là đủ rồi, vì đại học nhằm bồi dưỡng người tài năng, mà cũng là bồi dưỡng nhân tài quản lý xã hội. Vị trí trong xã hội chỉ có chừng ấy, mà ta bồi dưỡng người đông như thế, mọi người lẽ nào chẳng tranh chấp! Mở nhiều trường đại học, nhưng các vị trí [quản trị trong xã hội] chỉ có chừng ấy, bồi dưỡng cho cố vào, trong tương lai, mọi người nhất định phải đánh nhau sút đầu vỡ trán, phải tranh chấp. Lão nhân gia chủ trương nên phát triển công nghiệp, hàng không, hàng hải, khiến cho ai nấy đi theo con đường khoa học kỹ thuật. Nếu thật sự giống như lý tưởng của cụ, ba mươi năm sau, tức hiện thời, chúng ta sẽ nổi trội trên thế giới, là vương quốc về phi cơ trong ngành hàng không trên toàn thế giới, chế tạo máy bay, tàu thủy, khiến cho mọi người phát huy trí thông minh theo hướng này, chẳng cần tranh chấp địa vị xã hội. Tầm nhìn ấy rất tuyệt diệu, cho nên phải lập ra nhiều trường dạy về hàng không, hàng hải, chế tạo tàu thuyền, chế tạo máy bay, hướng nghiệp kỹ thuật, phát triển công nghiệp. Do đó, [mọi vấn đề hiện thời] vẫn là do sự chỉ đạo sai lầm về mặt giáo dục. Tinh túy của Phật pháp là chỉ dạy chánh xác, trong giáo dục, đặc biệt nhấn mạnh giáo dục luân lý. Mọi người đều có quan niệm luân lý, nhất định là xã hội chẳng động loạn, ai nấy yêu thương cha mẹ, yêu mến gia đình, yêu mến xóm giềng làng nước, sẽ vì xã hội tạo

phước, tuyệt đối chẳng phá hoại xã hội. Vì thế, giáo dục luân lý hết sức trọng yếu. Đoạn dưới đây là nói đến sự tôn quý [của Tam Bảo].

(Sao) Tôn quý giả, Phật Lương Túc Tôn, Pháp Ly Dục Tôn, Tăng Chúng Trung Tôn, y chi tu hành tặc xuất tam giới, thế gian trân trọng vô dũ vi ngũ, cố danh vi Bảo. Thông Thư diệc vân, chí tôn giả đạo, chí quý giả đức. Huống Tam Bảo đạo đức chi cực, khởi bất xưng Bảo.

(鈔) 尊貴者，佛兩足尊，法離欲尊，僧眾中尊，依之修行則出三界，世間珍重無與為伍，故名為寶。通書亦云，至尊者道，至貴者德。況三寶道德之極，豈不稱寶。

(Sao: “Tôn quý”: Phật là bậc Lương Túc Tôn, Pháp là Ly Dục Tôn, Tăng là Chúng Trung Tôn, nương theo đó tu hành ắt ra khỏi tam giới. Thế gian trân trọng, không có gì sánh bằng, nên gọi là Bảo. Sách Thông Thư cũng nói: “Chí tôn là đạo, quý báu tốt bậc là đức”. Huống hồ Tam Bảo đạo đức tốt bậc, há chẳng đáng gọi là Bảo ư?)

“Bảo” (寶) có nghĩa là tôn quý. “Phật Lương Túc Tôn”, Túc (足) là trọn đủ, Lương (兩) chỉ trí huệ và phước đức. Như Lai trí huệ viên mãn, phước đức cũng viên mãn, nên gọi là Lương Túc Tôn. “Pháp Ly Dục Tôn”, Pháp là thanh lương, tự tại, Dục (欲) là dục vọng. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chuyên nhất, quyết định chẳng có dục vọng. Đạo gia Trung Hoa nói: “Vô dục tặc cương” (Không có dục vọng, nên cao trời vượt bậc)⁵⁹. “Tăng Chúng Trung Tôn”, trong hết thầy các đoàn thể đại chúng, hòa thuận là tôn quý nhất. Cư xử trong đoàn thể phải hòa, Nho gia nói “lễ chi dụng, hòa vi quý” (vận dụng lễ tiết thì điều quan trọng nhất là phải ôn hòa)⁶⁰. Người và người ở chung một chỗ, đối xử với nhau, hòa thuận là tôn quý nhất.

Tự Tánh Tam Bảo, thật sự là nhằm dạy chúng ta, đối với chính mình bèn cầu trí huệ, cầu phước đức, tu huệ, tu phước, thanh tịnh, bình đẳng, đó mới là phước huệ chân chánh. Người và người đối xử với nhau hòa thuận, chẳng tranh chấp, đó là Tự Tánh Tam Bảo, đó là chỗ quy y thật sự của chúng ta. “Y chi tu hành” [nghĩa là] nương theo những điều này để tu sửa hết thầy các hành trì sai lầm của chính mình, lấy những điều này làm tiêu chuẩn, uốn nắn những hành vi sai lầm của chúng ta,

như vậy thì mới có thể vượt thoát tam giới. “*Thế gian trân trọng, vô dử vi ngữ*”, [nghĩa là] trong pháp thế gian, không có gì thù thắng, viên mãn như vậy, nên mới gọi là Bảo.

Tiếp đó, trích dẫn pháp thế gian để nói. Sách Thông Thư⁶¹ trong pháp thế gian cũng nói: “*Chỉ tôn giả đạo, chí quý giả đức*” (Chỉ tôn là đạo, quý báu tốt bậc là đức), Tam Bảo là đạo đức đạt tới tốt đỉnh, “*khởi bất xưng Bảo*” (há chẳng gọi là Bảo)! “*Bảo*” là tỷ dụ, là hình dung từ. Liên Trì đại sư giảng đoạn này hết sức hay, chúng ta bình thường nói đến Tam Bảo, rất ít ai giảng viên mãn, thấu triệt như vậy. Chúng ta thường nói “*quy y*”, rốt cuộc là dựa vào gì? Nay mới hiểu được, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải nương vào Tự Tánh Tam Bảo của chính mình để nghiêm túc tu học, hiển lộ đức dụng của Tự Tánh Tam Bảo trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, thật sự đạt được sự thụ dụng do Tam Quy. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 173

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi tám.

(Sớ) Văn niệm Tam Bảo, tự hữu tứ nghĩa: Nhất giả, điều âm chi trung, tán Tam Bảo cố; nhị giả, thuyết pháp hữu phương, thiện nhập nhân cố; tam giả, trú dạ vô gián, thực Nhĩ Căn cố; tứ giả, điều thương giải thuyết, kích thắng tâm cố.

(疏) 聞念三寶，自有四義：一者鳥音之中，讚三寶故；二者說法有方，善入人故；三者晝夜無間，熟耳根故；四者鳥尚解說，激勝心故。

(Sớ: Nghe tiếng niệm Tam Bảo, có bốn nghĩa: Một là trong tiếng chim hót, có tiếng tán thán Tam Bảo. Hai là thuyết pháp có phương tiện thiện xảo, khéo động lòng người. Ba là ngày đêm không gián đoạn, khiến cho Nhĩ Căn thuần thực. Bốn là chim còn có thể giải nói, kích động cái tâm thù thắng [của người nghe]).

Trong chú giải, Liên Trì đại sư đã nói rõ: Nếu dùng hình thái trong thế giới này để nhìn vào sự thuyết pháp của Phật Di Đà, có thể nói là

Ngài đã nghệ thuật hóa sự dạy học đến mức tột đỉnh. Những gì chúng ta có thể tưởng tượng được thì Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có toàn bộ, những phương pháp xảo diệu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được, bên ấy cũng có! Điều này vô cùng chẳng thể nghĩ bàn! Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy thế giới Cực Lạc là một pháp giới thuần nhất Bồ Tát; lại còn là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát, quả thật cổ nhân tán thán Cực Lạc là có lý. Như Ngẫu Ích đại sư tán thán, các cao tăng Nhật Bản vào thời Tùy - Đường cũng tán thán, công nhận Tây Phương Cực Lạc thế giới là Viên Giáo của Viên Giáo, là Nhất Thừa của Nhất Thừa, là liễu nghĩa của liễu nghĩa. Từ Đại Kinh, chúng ta đã tương đối thấy được, chứng thực những lời các vị ấy nói trọn chẳng phải là quá lớn! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: Nếu Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền Hạnh, sẽ chẳng thể viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Cũng có nghĩa là “nhất định phải dùng Phổ Hiền Hạnh thì mới có thể chứng đắc Phật quả trong Viên Giáo”. Chẳng do Phổ Hiền Hạnh, sẽ chẳng thể chứng Phật quả trong Viên Giáo. Nếu nói theo tông Thiên Thai, [không tu Phổ Hiền Hạnh], vẫn có thể chứng đắc Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, và Biệt Giáo Phật, nhưng chẳng có cách nào [chứng đắc] Viên Giáo Phật! Tông Hiền Thủ cũng nói giống như vậy. Vì sao nhất định phải tu Phổ Hiền Hạnh? Vì tâm lượng Phổ Hiền là toàn thể Chân Như bốn tánh được hiển lộ toàn thể. Muốn chứng viên mãn Phật, nhất định phải có cái nhân này; [nếu] nhân và quả chẳng tương ứng, đương nhiên sẽ chẳng thể chứng đắc! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch điều này.

Chúng ta thấy lục trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp, đoạn này nói về các loài chim thuyết pháp. Thông thường, chúng ta thấy chim thuộc súc sanh đạo, [nhưng] kinh đã nói rất rõ ràng, chúng do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Hiện thời, người trong thế gian này cũng có thể tạo ra chim, nhưng tạo tác chẳng lý tưởng cho lắm, chẳng thể tạo giống hệt như chim thật. Khoa học kỹ thuật [trong thế gian này] chẳng bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới! Chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật tạo ra giống hệt như chim thật sự. Những con chim ấy có thể thuyết pháp, thuyết pháp gì vậy? Quý vị muốn nghe pháp gì, chúng liền thuyết pháp ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng phải là chỉ nói một, hai loại pháp, mà muốn nghe pháp nào, chúng bèn thuyết pháp đó. Do vậy có thể biết, chúng đã là do A Di Đà Phật biến hóa tạo thành, những con chim ấy [thuyết pháp] sẽ chẳng khác gì A Di Đà Phật vì đại chúng tuyên thuyết. Những người mới vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, số lượng đương nhiên là đông đảo, họ đến từ mười phương

hết thấy các cõi Phật, không chỉ giới hạn trong thế giới Sa Bà, mà là người từ trong mười phương thế giới vãng sanh. Do mười phương hết thấy chư Phật đều vì chúng sanh mà tuyên giảng kinh A Di Đà, tuyên giảng pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này là pháp môn thành Phật ôn hòa nhất, nhanh chóng nhất, khuyến khích mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người mới vãng sanh đến đó chưa lâu, những tập khí trong quá khứ vẫn còn, vẫn còn có quan niệm lục đạo như trước kia, coi những con chim ấy như súc sanh đạo, tuy biết chúng do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra.

Tạo ra những con chim thuyết pháp ấy, lại có ý nghĩa đặc biệt:

1) Thứ nhất là “*điều âm chi trung, tán Tam Bảo cố*” (trong tiếng chim hót, có tiếng tán thán Tam Bảo). Ca ngợi Tam Bảo là nói tổng quát, Tam Bảo tượng trưng cho hết thấy các pháp môn do đức Như Lai đã tuyên thuyết. Hết thấy các pháp môn chẳng lìa tự tánh giác, chánh, tịnh. Các loài chim đều tán thán Tam Bảo, thì chúng ta tận đáy lòng càng phải nên tán thán. Điều này đã ban cho chúng ta một sự khai thị rất lớn.

2) Thứ hai là “*thuyết pháp hữu phương, thiện nhập nhân cố*” (thuyết pháp có phương tiện thiện xảo, khéo động lòng người), “*phương*” (方) là thiện xảo phương tiện. Những con chim ấy khéo nói, chúng nói có phương pháp, chẳng phải là nói tùy tiện, chúng nói có mạch lạc, thứ tự, khiến cho người nghe sanh tâm hoan hỷ, dễ dàng lý giải, vui thích tiếp nhận, thì mới gọi là “*thiện thuyết*” (khéo nói). Nếu nói cả buổi mà chẳng có đầu mối, lóng lang gì, dẫu có nghe cũng chẳng hiểu ý nghĩa gì, dẫu nghe rõ ràng cũng chẳng hoan hỷ, chẳng thể gọi là “*thiện thuyết*”. Thiện thuyết nhất định phải hội đủ ba điều kiện sau đây “có lóng lang, mạch lạc; người ta rất dễ hiểu; rất hoan hỷ tiếp nhận”, thì mục đích thuyết pháp mới có thể đạt được, những con chim ấy có năng lực đó. Những con chim ấy đều có năng lực ấy, hướng hồ Phật? Huống hồ các vị Bồ Tát?

3) Thứ ba là “*trú dạ vô gián, thực Nhĩ Căn cố*” (ngày đêm không gián đoạn, khiến cho Nhĩ Căn thuần thực). Nói pháp chẳng gián đoạn thì chúng ta mới có thể thuần thực. Cổ đức dạy chúng ta tu hành phải biết “*biến chỗ sống thành chín, biến chỗ chín thành sống*”, thì mới có hy vọng thành công. Nay chỗ thuần thực của chúng ta là gì? Khởi tâm động niệm bèn tham, sân, si, [tức là] tham, sân, si rất thuần thực; hề khởi tâm động niệm, chúng tự nhiên sanh khởi. Niệm Phật chẳng thuần thực, thường quên bẵng Phật hiệu! Tổ sư dạy chúng ta phải “*chuyển chỗ sống thành chỗ chín*”, tức là phải biến niệm Phật thành thuần thực, dần dần

quên lãng ý niệm tham, sân, si, tức là chuyển chúng (tham, sân, si) thành sống xít! Phương pháp để chuyển là cấy vào sự huân tập, huân tập chẳng thể gián đoạn. Trước kia, Niệm Phật Đường trong tổ đình Tịnh Tông là Phật hiệu trong suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ chẳng gián đoạn, từ đầu năm đến cuối năm chẳng gián đoạn, nhằm khiến cho người ta được huân tập. Làm như thế nào thì mới có thể chẳng gián đoạn? Trước kia là chia ban niệm Phật, đạo tràng có đông người, chia ban thay phiên niệm. Mỗi đêm cứ bốn người một ban, mỗi ban niệm một thời thần (hai tiếng đồng hồ), hoặc là một cây hương (một tiếng rưỡi). Ban này niệm xong một cây hương, ban kế tiếp bèn niệm tiếp, chẳng gián đoạn, niệm theo cách ấy. Ban của quý vị trực thì quý vị nhất định phải đến niệm, chẳng phải là trực ban thì tùy hỷ. Vì thế, trong mười hai thời, Phật hiệu không gián đoạn.

Người hiện thời phước mỏng, chúng ta chẳng gặp đạo tràng như vậy. Nói thật ra, phước của người hiện tại cũng chẳng mỏng hơn người thuở trước, vấn đề là quý vị có biết vận dụng hay không. Hiện thời, trong nhà, chúng ta có thể mở máy niệm Phật điện tử suốt hai mươi bốn giờ để Phật hiệu không bị gián đoạn, cũng chẳng kém đạo tràng trước kia của tổ sư! Niệm Phật nhằm huân tập, nếu chúng ta có công việc, cần phải dùng đến đầu óc, bèn vận nhỏ tiếng niệm Phật xuống, để khỏi trở ngại công việc. Làm xong công việc, bèn vận tiếng niệm Phật to hơn một chút. Huân tập như vậy thì có thể là trong thời gian hai, ba năm, xác thực là có thể biến chỗ sống thành chỗ chín, biến chỗ chín thành chỗ sống! “*Thực Nhi Căn cố*” (Khiến cho Nhi Căn thuần thực), Tịnh Tông gọi sự thuần thực ấy là công phu thành phiền. Chỉ cần công phu thành phiền, cũng là chỉ cần niệm câu Phật hiệu thuần thực. Nói “*thuần thực*” tức là trong hết thấy lúc, hết thấy chỗ, Phật hiệu thường khởi lên, chẳng để quên mất. [Đạt đến] cảnh giới như vậy, quyết định vãng sanh, hội đủ điều kiện sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Trong sự thuần thực, cũng có chín phẩm. Người có công phu thuần thực thuộc ba phẩm thượng có thể tự tại vãng sanh, muốn ra đi lúc nào bèn ra đi khi ấy, muốn ở lại thế gian này thêm mấy năm, cũng chẳng có trở ngại. Nói cách khác, ba phẩm thượng trong công phu thành phiền đã liễu sanh tử, vì sao? Quý vị sanh tử tự tại, tự tại thì chẳng có sanh tử nữa. Nói thật thà, muốn trụ trong thế gian này một trăm năm cũng được, muốn trụ hai trăm năm cũng được, hoàn toàn tự tại. Muốn đi lúc nào, bèn ngay lập tức ra đi, chẳng cần đạt đến nhất tâm bất loạn! Nếu nói đến nhất tâm bất loạn thì lũ bình phàm chúng ta chưa chắc đã có thể đạt được

mục tiêu ấy trong một đời này! Trong công phu thành phiền, công phu cao, tức là ba phẩm thượng trong chín phẩm, bèn có thể làm được [chuyện sanh tử tự tại]. Vì vậy, chúng ta ai nấy đều có phần nơi cảnh giới như vậy, tùy thuộc mức độ thuần thực của quý vị, cũng tức là [tùy thuộc] mức độ huân tập một câu Phật hiệu.

Cổ đức thường nói, nhất là trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã khai thị rất rõ ràng: Người niệm Phật kỵ nhất là xen tạp. Hiện thời các đồng tu chúng ta có người niệm Phật rất khá, nhưng xen tạp quá nhiều thứ! Thậm chí, ngay cả tụng kinh, đương nhiên “*kinh*” là nói đến hết thấy các kinh điển Đại Thừa, vẫn luôn là xen tạp. Người niệm Phật chúng ta hiện thời tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh là bản phận. Các kinh điển ngoài Ngũ Kinh ra đều gọi là “xen tạp”. Kiêng kỵ gián đoạn, kiêng kỵ hoài nghi! Nếu đối với câu nói giống như câu “*do câu Phật hiệu này có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, quyết định chẳng hoài nghi, Phật hiệu quyết định chẳng gián đoạn, quyết định chẳng xen tạp, Thiên Đạo đại sư nói: “*Trăm người tu, trăm người vãng sanh. Ngàn người tu, ngàn người vãng sanh. Ai nấy đều nhập phẩm,*⁶² *quyết định chẳng đọa lạc trong biên địa nghi thành*”. Biên địa nghi thành là do hoài nghi. Tuy hoài nghi, người ấy vẫn niệm, chẳng phải là không niệm. Nói cách khác, người ấy cũng làm được “không xen tạp, không gián đoạn”, nhưng hoài nghi, vẫn có thể vãng sanh!

Sanh về biên địa nghi thành của Tây Phương Cực Lạc thế giới có tốt hay không? Cũng tốt! Vì sao? Tới biên địa nghi thành, cũng bất quá là đợi thêm năm trăm năm nữa! Cổ đại đức chú giải, đó là năm trăm năm trong thế gian này, chẳng thể thấy Phật nghe pháp, nhưng sau năm trăm năm thì vẫn thấy Phật nghe pháp, tốt hơn sanh về những nơi khác rất nhiều. Phải hiểu rõ sự thật này, quyết định chẳng hoài nghi. Dầu hoài nghi “ta nghiệp chướng sâu nặng, chỉ sợ sẽ sanh về biên địa nghi thành”, [sanh về] biên địa nghi thành thì vẫn vui thích, vẫn hoan hỷ, [vì] sanh về biên địa nghi thành, bảo đảm năm trăm năm sau, nhất định sẽ gặp A Di Đà Phật. Nếu quý vị luân hồi trong lục đạo, sẽ chẳng bảo đảm, chẳng biết tới đời nào, kiếp nào thì mới có thể gặp nhân duyên này lần nữa! Quý vị ngẫm xem: Hết thấy các kinh điển Đại Thừa đều là xen tạp, huống hồ những thứ khác? Điều này hết sức quan trọng!

Nhìn theo góc độ Phật pháp, tai nạn trong thế giới này chẳng thể tránh được, Phật pháp nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ lòng người. Hiện thời, giao thông nhanh chóng, thuận tiện, công cụ truyền thông đại chúng phát triển, dầu chẳng ra khỏi cửa, vẫn có thể thấy chuyện trong thiên hạ. Quý

vị thấy lòng người tại mỗi nơi trên cả thế giới là hướng thiện hay hướng ác? Dùng tiêu chuẩn trong kinh Vô Lượng Thọ để quan sát, Ngũ Giới, Thập Thiện là thiện, phá Ngũ Giới, tạo Thập Ác là ác, dùng tiêu chuẩn này để xem xét lòng người trên thế giới này. Sau đó, quý vị sẽ có thể rút ra kết luận, trong tương lai sẽ có kết quả như thế nào! Lòng người nghĩ đến điều ác, nhớ đến điều ác, tạo ác, há lẽ nào chẳng hứng chịu ác báo? Người nghĩ đến điều lành, làm lành ít ỏi, kẻ nghĩ ác, tạo ác đông đảo, nên tai nạn trên thế giới này chẳng có cách nào tránh khỏi. Có thể trốn khỏi tai nạn này, chỉ có mình Phật pháp. Nói thật ra, trong Phật pháp, chỉ có pháp môn Niệm Phật này! Thật sự có thể y giáo phụng hành, có thể nghiêm túc huân tập thì trong thời gian dăm ba năm, sẽ có thể đạt đến cảnh giới ấy.

Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy rất nhiều trường hợp chứng tỏ trong thời gian từ ba năm đến năm năm, bèn có thể thành công. Người thuở trước có thể làm được, người hiện tại cũng có thể làm được, vấn đề là bản thân chúng ta có thể thật sự thực hiện hay không? Có thể thật sự buông hết thân, tâm, thế giới xuống hay không? Buông xuống hết thân, chẳng phải là nói ngay cuộc sống của chúng ta cũng buông bỏ. [Nếu hiểu như vậy] thì sai mất rồi! Trong cuộc sống, đối với những công việc thuộc về bản phận, phải tận tâm tận lực thực hiện, những gì chẳng thuộc về bản phận thì nhất loạt chẳng hỏi tới! Chuyện chớ nên xem mà cứ xem, chuyện đừng nên nghe mà cứ nghe; xem xong, nghe xong, quay về bèn suy nghĩ loạn xạ; thậm chí do xem nhiều, nghe nhiều, bèn dấy lên hoài nghi đối với pháp môn Niệm Phật, đó là sai lầm hết sức lớn lao! Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta: Chớ nên xem kinh, mà cũng chẳng cần niệm chú hay tham Thiền, cũng chẳng mong thần thông cảm ứng. Thậm chí chẳng cần làm pháp hội. Làm pháp hội cũng là xen tạp! Đó mới là “chẳng xen tạp”. Niệm hai, ba bộ kinh là căn tánh bậc trung, niệm cả một đồng là căn tánh bậc hạ. Bậc thượng thượng căn là người suốt đời một bộ kinh Di Đà, hoặc một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Một bộ kinh là đủ rồi, đó mới là bậc thượng thượng căn thật sự, vì sao? Thuần mà chẳng tạp, chẳng xen tạp!

Chúng ta niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh, còn xen tạp quán tượng, hoặc quán tượng, [tu tập những phép Quán] được nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, hễ còn khởi lên những niệm ấy đều gọi là “xen tạp”. Ngay cả những pháp ấy mà còn là xen tạp, huống hồ những thứ khác? Gặp người khác nói: “Quý vị đọc kinh quá ít, cái này cũng không hiểu, cái kia cũng chẳng hiểu!” Không biết thì tâm thanh tịnh, có gì không tốt?

Gặp những người ấy, chính mình hãy khiêm hư một chút: “Tôi căn tánh kém cỏi, thọ trì một quyển này là đủ rồi. Nếu thêm một thứ nữa, tôi thọ trì chẳng nổi. Các vị căn tánh nhạy bén, có thể học nhiều!” Ca tụng kẻ ấy mấy câu là xong! Ngay như giảng kinh, cũng chẳng cần phải biết quá nhiều, thời đại đã khác rồi! Thời đại Tùy - Đường phải học rộng, nghe nhiều, vì sao? Phong khí Phật pháp [thuở ấy] hết sức phổ biến, người học tập rất nhiều, nên có chuyện [học rộng nghe nhiều] như vậy là tất yếu! Trong thời đại hiện tại, chuyện ấy chẳng phải là tất yếu; vì hiện thời, nếu chư vị quan sát kỹ càng, thoát nhìn bề ngoài, thời đại này dường như Phật pháp rất hưng thịnh, nhưng thật ra là Phật học, chẳng phải là học Phật, hoàn toàn là hình thức, bề ngoài, chẳng có công phu tu học thật sự bên trong. Phải nhận thức rõ ràng hoàn cảnh này!

Trong thời đại này, bản thân chúng ta tu học như vậy, chính mình được đại lợi ích. Gặp người hữu duyên, được gọi là “*hữu duyên*” là người có thể tiếp nhận, chúng ta giới thiệu pháp môn này với họ, họ có thể đạt được lợi ích. Người vô duyên bèn chấp tay hoan hỷ, khiến cho người ấy vui vẻ. Người cơ duyên chưa chín muồi, quý vị cứ ương ngạnh muốn độ họ, chẳng phải là tự mình chuốc lấy phiền toái ư? Phật còn chẳng độ được, quý vị có năng lực gì độ kẻ ấy? Duyên chẳng chín muồi, Phật cũng chẳng thể độ. Phật môn thường nói “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, vô duyên là gì? Hiện thời, người ấy vẫn chưa thể tiếp nhận, vẫn chẳng nghe lọt tai. Chưa thể tiếp nhận, chẳng độ được, chúng ta phải hiểu rõ pháp môn này là pháp khó tin, chấp tay hoan hỷ là được rồi. Vì thế, chữ “*thục*” (chín muồi) hết sức quan trọng, phải thấu triệt nhuần nhuyễn thì mới hữu dụng!

4) Thứ tư là “*điều thượng giải thuyết, kích thắng tâm cố*” (chim còn có thể giải nói, kích thích cái tâm thù thắng [của người nghe]).

“*Kích*” (激) là kích động, phát khởi chúng ta, khích lệ chúng ta. Thấy những con chim ấy đều có thể thuyết pháp, chim đều biết niệm Phật, nếu ta chẳng niệm, người chẳng bằng chim mất rồi! Có ý nghĩa này. Phật Di Đà biến hóa chim thuyết pháp, có dụng ý rất sâu.

Dưới đây là giải thích tỉ mỉ bốn ý nghĩa ấy.

(Sao) Tán Tam Bảo giả, tuy thượng Căn, Lực, Giác, Đạo, chủng chủng chư pháp, vi phẩm bất đồng, ước nhi ngôn chi, giai Tam Bảo nhiếp.

(鈔) 讚三寶者，雖上根力覺道，種種諸法，為品不同，約而言之，皆三寶攝。

(Sao: “Tán Tam Bảo”: Tuy có các pháp phẩm vị bất đồng như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo trên đây, nhưng nói chung, các pháp ấy đều được gộp trong Tam Bảo).

Trong kinh, các loài chim tuyên nói các thứ Phật pháp khác nhau như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... nhưng nếu quy nạp lại, các pháp ấy đều là Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

(Sao) *Diễn* **Diễn** *sương* **thử pháp** *thời, hoặc* **minh** *hàm* **linh** *bổn* **cụ** *giác* **tánh, chúng** *sinh* **văn** *giả, đắc* **tự** *bổn* **tâm, nãi** *tri* **hữu** *Phật.*

(鈔) 演暢此法時，或明含靈本具覺性，眾生聞者，得自本心，乃知有佛。

(Sao: Khi diễn *sương* các pháp ấy, hoặc nói rõ các hàm linh đều vốn sẵn trọn đủ giác tánh. Chúng sinh nghe xong, thấu đạt bản tâm của chính mình, bèn biết là có Phật).

“Hàm linh” (含靈) là hữu tình chúng sinh, cũng chính là những người từ mười phương vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giác tánh vốn sẵn đủ chính là Phật Tánh.

(Diễn) *Hoặc* **minh** *hàm* **linh** *bổn* **cụ** *giác* **tánh** *giả, Thế* **Tôn** *thành* **đạo** *thời, viết:* “**Kỳ** *tai!* **Kỳ** *tai!* **Nhất** *thiết* **chúng** *sinh* **giai** *cụ* **Như** *Lai* **trí** *huệ, đức* **tướng, dẫn** *dĩ* **vọng** *tướng, chấp* **trước, nhi** *bất* **chứng** *đắc* **dã**”.

(演) 或明含靈本具覺性者，世尊成道時，曰奇哉奇哉，一切眾生皆具如來智慧德相，但以妄想執著而不證得也。

(Diễn: “Hoặc nói rõ hàm linh vốn sẵn trọn đủ giác tánh”: Khi đức Thế Tôn thành đạo, đã nói: “Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sinh đều có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng chứng đắc”).

Mấy câu này trích dẫn từ phẩm [Như Lai] Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật nói:

“*Tâm này là Phật*” là do ý nghĩa này. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bốn Giác vốn có*”, cũng là ý nghĩa này. Một câu này của kinh Hoa Nghiêm đã nói rất cặn kẽ, rất dễ lý giải. Hết thầy chúng sanh, nói thật ra, chẳng khác gì Phật, bất luận là trí huệ, đức tướng, tài nghệ, hay năng lực đều hoàn toàn giống như [Phật]. Nay biến thành khác biệt, nguyên nhân là do vọng tưởng, chấp trước. Trong ngũ giáo, Tiểu Giáo, Thi Giáo, và Chung Giáo đều có chấp trước. Thật sự chẳng có chấp trước, đã phá chấp trước, là Viên Giáo. Vì vậy, trong hết thầy các căn tánh, căn tánh Viên Giáo là thù thắng bậc nhất!

Người nào học pháp môn Niệm Phật sẽ quyết định vãng sanh trong một đời này? Tôi thưa cùng chư vị, những người ấy đều là căn tánh Viên Giáo. Quý vị đừng thấy có những bà cụ mù chữ [mà khinh thường], bảo họ niệm một câu A Di Đà Phật này, họ chẳng hề hoài nghi, cũng chẳng chấp trước, một mực niệm đến cùng, thật sự có thể vãng sanh, căn tánh gì vậy? Căn tánh Viên Giáo đây nhé! Họ chẳng có nghi vấn, bảo họ niệm một câu A Di Đà Phật: “Được! Tôi niệm ngay!” Niệm rồi nhất định sẽ có lợi ích, lợi ích gì họ chẳng biết, họ chẳng bận tâm, chẳng hỏi tới. Giống như người đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân, vị ấy cũng không biết chữ, xuất thân là thợ làm việc cực nhọc. Lão hòa thượng dạy vị ấy niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, nói: “Ông chẳng có việc gì bèn niệm, niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm”. Người ta chẳng có thắc mắc gì, niệm ba năm bèn biết trước lúc mất, đứng sững vãng sanh. Đã vãng sanh còn đứng chờ tại đó suốt ba ngày, chờ lão hòa thượng lo liệu hậu sự cho vị ấy.

Trong Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư có nói cả một đời Ngài, đích thân trông thấy người niệm Phật biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, thấy hơn hai mươi trường hợp. Những người ấy tuy chẳng biết một chữ nào, nhưng đích xác là bậc căn tánh Viên Giáo. Ngược lại, những kẻ niệm cả đồng kinh luận, đầu óc chứa đầy ấp đạo lý, do rất nhiều đạo lý nên cũng chấp trước rất nhiều, căn tánh chẳng viên! Người ấy tuy niệm Phật, nhưng chỉ là kết pháp duyên với A Di Đà Phật mà thôi, chưa chắc đã có thể vãng sanh. Tịnh Độ không chỉ là Viên Giáo, cổ đức bảo là “*viên nhất trong các pháp viên*”, chẳng phải là căn tánh Viên Giáo thì làm sao có thể vãng sanh cho được? Tôi khuyên các đồng tu niệm kinh Vô Lượng Thọ với dụng ý dùng kinh này để huân tập. Kinh này là viên nhất trong các pháp viên, huân tập mấy năm, tự nhiên quý vị liền biến thành căn tánh Viên Giáo.

(Sao) Hoặc minh tín cụ chủng chủng chư tướng, chúng sanh văn giả, giải nhập thâm nghĩa, nãi tri hữu pháp.

(Diễn) Hoặc minh tín cụ chủng chủng chư tướng giả, Thai Giáo tánh cụ pháp môn, thập pháp giới y chánh sắc tâm, tánh trung bốn tự cụ túc, đản tuần nghiệp phát hiện, cố nhất nhất chư tướng, giai thiên chân chi cố vật, phi duyên khởi chi tân thành dã.

(鈔) 或明信具種種諸相，眾生聞者，解入深義，乃知有法。

(演) 或明信具種種諸相者，台教性具法門，十法界依正色心，性中本自具足，但循業發現，故一一諸相，皆天真之故物，非緣起之新成也。

(Sao: Hoặc nói rõ Tín có đầy đủ các tướng. Chúng sanh nghe nói liền thông hiểu, tiến nhập nghĩa sâu, bèn biết có Pháp.

Diễn: “Hoặc nói rõ Tín có đầy đủ các tướng”: Theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai, tánh có trọn đủ các pháp môn. Y báo và chánh báo trong mười pháp giới, sắc, tâm, vốn tự có trọn đủ trong tánh, chỉ là theo nghiệp mà hiện khởi. Vì thế, mỗi một tướng đều là vật cũ vốn sẵn có, chẳng phải do duyên khởi mà tạo thành một tướng mới mẻ).

“*Thai Giáo tánh cụ pháp môn*”, “*Thai*” (台) là tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói tánh có đầy đủ các pháp môn. Kinh Pháp Hoa nói Thập Như Thị, Thiên Thai đại sư triển khai tỉ mỉ [Thập Như Thị] thành Bách Giới Thiên Như, Bách Giới Thiên Như do đâu mà có? Trong bốn tánh vốn sẵn trọn đủ. Cả một tác phẩm lớn của Thiên Thai đại sư là Pháp Hoa Kinh Văn Cú nhằm giảng giải Thập Như Thị, khai diễn thành Bách Giới Thiên Như, nhất niệm tam thiên⁶³. Cả một tác phẩm văn chương lớn như vậy nhằm giải thích câu “*nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*” như Lục Tổ đại sư đã nói. Những thứ của Thiên Tông nói ra đều là tinh yếu, đơn giản, còn tông Thiên Thai giảng chi tiết. Bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú do Trí Giả đại sư trước tác, bộ Văn Cú Ký do Trạm Nhiên đại sư bút ký, giảng đặc biệt tường tận.

“*Thập pháp giới y chánh sắc tâm*”, “*y*” (依) là y báo, “*chánh*” (正) là chánh báo, “*sắc*” (色) là vật chất, “*tâm*” (心) là tinh thần, bốn chữ ấy bao gồm trọn vẹn hết thảy các pháp. “*Tánh trung bốn tự cụ túc*” (Vốn sẵn trọn đủ trong tánh), trong Chân Như bốn tánh vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười

pháp giới do tự tánh biến hiện. Vì sao tự tánh có thể biến hiện? Nó vốn tròn đủ. “*Đản tuàn nghiệp phát hiện, cố nhất nhất chư tướng, giai thiên chân chi cố vật, phi duyên khởi chi tân thành dã*” (Chỉ là theo nghiệp mà hiện khởi. Vì thế, mỗi một tướng đều là vật cũ vốn có, chẳng phải do duyên khởi mà tạo thành một tướng mới mẻ), Lý này rất sâu, đây là kiến giải thuần viên. Vạn pháp trong vũ trụ là duyên khởi, duyên sanh, tức là pháp được sanh bởi nhân duyên, nhà Phật thường nói đến “duyên sanh luận”. Duyên sanh luận chẳng phải là pháp chân thật, mà là pháp phương tiện, do đức Phật tùy thuận kiến thức và kiến giải thông thường của người thế gian để nói, chẳng phải là chân thật rốt ráo. Ở đây, sách Diễn Nghĩa đã nói hết thầy các pháp “*theo nghiệp phát hiện*”, kinh Lăng Nghiêm nói: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra ở chỗ nào, bèn diệt ngay ở chỗ đó). Đó là pháp chân thật. Lại nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ, theo nghiệp mà phát hiện*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do như vậy mà có. Cách nói này vượt ngoài duyên khởi, đó mới là chân thật.

Nhưng trong quan niệm của kẻ bình phàm, luôn truy cứu nó do đâu mà có, họ muôn tìm nguyên nhân, nên đức Phật bèn nói pháp duyên khởi. Đức Phật đã nói duyên khởi, sau đó lại thêm vào “tánh Không”, tức là “*duyên khởi tánh Không*”. Kinh Giải Thâm Mật nói đến ba tự tánh⁶⁴, ba tự tánh là nói theo duyên khởi. Sau đây lại nói ba vô tánh. Nếu không nói ba vô tánh thì ba tự tánh chẳng phải là pháp rốt ráo; nhưng nói đến chân thật rốt ráo, lũ bình phàm chúng ta đâm ra chẳng hiểu. Vì sao? Không chỉ trong một đời này, mà đời đời kiếp kiếp, chúng ta không có kinh nghiệm này, không có cách nghĩ này! [Pháp chân thật rốt ráo] vượt ngoài kiến thức và kinh nghiệm thông thường của chúng ta, nên chột nghe bèn chẳng dễ gì hiểu được!

Thật ra, trong hết thầy các kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã thường nói, như trong kinh Kim Cang có nói: “*Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Chúng ta mỗi ngày đều nằm mộng, có bao giờ nghĩ mộng do nhân duyên nào mà có hay chẳng? Có nhân duyên hay không? Chẳng có nhân duyên! Không có nhân duyên mà quý vị đi tìm nhân duyên, cứ ương bướng muốn gán cho nó một nhân duyên, đó chính là vọng tưởng, chấp trước. Nói thật ra, mộng cũng là cái sẵn có trong tự tánh, do nghiệp mà phát khởi, hiện ra. “*Phi duyên khởi chi tân thành*” (Chẳng phải do duyên khởi mà tạo thành vật mới mẻ), nó là “*thiên chân chi cố vật*” (vật cũ vốn sẵn có), trong tự tánh vốn sẵn có, gặp nghiệp duyên, nó tự nhiên phát hiện. Tuy hiện tướng ấy, nhưng tướng ấy vốn

sẵn có trong tự tánh, chẳng phải là mới được tạo thành! Bất quá, đức Phật đã nói rõ ràng chân tướng và sự thật của hết thảy các pháp mà thôi. Hết thảy các pháp chẳng rời khỏi bản tâm, chẳng tách rời tự tánh. “*Chúng sanh văn giả, giải nhập thâm nghĩa, nãi tri hữu Pháp*” (Chúng sanh nghe xong, thông hiểu, tiến nhập nghĩa sâu, bèn biết là có Pháp). Trong Chân Như bản tánh của chúng ta có Pháp, tức là có Phật và có Pháp [trong ba ngôi Tam Bảo].

(Sao) Hoặc minh Tánh Tướng hòa hợp bất nhị, chúng sanh văn giả, Sự Lý vô ngại, nãi tri hữu Tăng.

(鈔) 或明性相和合不二，眾生聞者，事理無礙，乃知有僧。

(Sao: Hoặc nói rõ Tánh và Tướng hòa hợp chẳng hai, chúng sanh nghe xong Sự Lý vô ngại, bèn biết là có Tăng).

Đây là ý nghĩa Tăng Bảo.

(Diễn) Hoặc minh Tánh Tướng hòa hợp bất nhị giả, cổ vân Tánh khởi vi Tướng, nhất đa duyên khởi chi vô biên, Tướng đắc Tánh dung, thiên sai thiệp nhập nhi vô ngại.

(演) 或明性相和合不二者，古云性起為相，一多緣起之無邊，相得性融，千差涉入而無礙。

(Diễn: “Hoặc nêu rõ Tánh và Tướng hòa hợp chẳng hai”. Cổ nhân nói: “Tánh khởi tác dụng thành Tướng, một nhiều duyên khởi vô biên”. Tướng do Tánh mà dung thông, tiếp xúc những tướng muôn vàn sai khác mà vô ngại).

“*Cổ vân Tánh khởi vi Tướng*” (Cổ nhân nói “Tánh khởi tác dụng là Tướng”), “*khởi*” (起) là dấy lên tác dụng. Tánh là bản thể, đã có Thể bèn có tác dụng. Tác dụng của nó là hiện tướng. Giống như chúng ta ban đêm nằm mộng, cái có thể nằm mộng là tâm, tâm có tướng hay không? Chẳng có tướng. Tâm không có tướng, nhưng khi khởi tác dụng, nó bèn hiện tướng, hiện ra mộng cảnh. Sau khi quý vị tỉnh giấc, nghĩ lại chuyện trong mộng vẫn biết rành rẽ, giống như là thật, nó (tâm) có thể hiện tướng. Những tướng được hiện vốn sẵn trọn đủ, vốn sẵn có trong tâm tánh của quý vị. Có người mộng thấy quá khứ, cũng có người mộng thấy vị lai, có thể thấy vị lai vẫn là cái vốn sẵn có đầy đủ trong tự tánh, tuyệt

đôi chẳng phải là từ trong Không sanh ra Có. Đó là Tánh khởi tác dụng thành Tướng.

“*Nhất đa duyên khởi chi vô biên, Tướng đắc Tánh dụng, thiên sai thiệp nhập nhi vô ngại*” (Tướng do Tánh mà dụng thông, tiếp xúc những tướng muôn vàn sai khác mà vô ngại), đó là ý nghĩa của hòa hợp Tăng. “*Một*” là bản thể, là tâm tánh, “*nhiều*” là vạn tượng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vô lượng vô biên. Đó là nói đến tác dụng của bốn tánh, do Tánh rộng lớn, nên khởi tác dụng cũng rộng lớn. Năng lực sẵn có to lớn dường ấy. Kinh Hoa Nghiêm nói “*chẳng tu Phổ Hiền Hạnh, chẳng thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề*”, vì Phổ Hiền Hạnh là xứng tánh khởi tu, toàn thể tu nơi Tánh. Tâm lượng Phổ Hiền chẳng có chướng ngại. Tâm lượng Phổ Hiền viên mãn, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tận hư không khắp pháp giới đều dung nạp trong nhất tâm, đó là tâm lượng Phổ Hiền. Mục đích chủ yếu nhất của mười đại nguyện vương là khôi phục tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tâm lượng như vậy chính là Phổ Hiền Hạnh, mặc áo, ăn cơm, mừng, giận, cười, chửi, đều là Phổ Hiền Hạnh, không có gì chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Chư vị phải ghi nhớ: Phổ Hiền Hạnh tuyệt đối chẳng phải chỉ là mười điều ấy! Nếu quý vị coi mười điều ấy là Phổ Hiền Hạnh, tức là đã làm lẫn quá đổi, [mười điều ấy] là mười cương lãnh. Khẩn yếu là tâm Phổ Hiền. Quý vị có tâm Phổ Hiền, tất cả hết thấy các hành vi đều là Phổ Hiền Hạnh; nhưng tất cả hết thấy hành vi quy nạp lại, chẳng ra ngoài mười đại cương lãnh ấy, có ý nghĩa như vậy. Nay chúng ta có tâm lượng rất bé, trong khởi tâm động niệm, tâm lượng đều bị chia cắt thành khá nhiều ô nhỏ, vạch ra khá nhiều giới tuyến, phân chia anh, tôi, người khác! Tu như vậy thì tu cách nào cũng chẳng thành Phổ Hiền Hạnh, nhất định phải là mở rộng tâm lượng, phải trừ bỏ giới tuyến.

Câu kế tiếp là Phổ Hiền Hạnh, câu tiếp theo đó chính là chân tánh hiển lộ; hai câu trước là chân tánh biến hóa. Biến hóa, bất luận quý vị ngộ hay mê, cảnh giới sẽ là “*một, nhiều duyên khởi vô biên*”. Chư Phật Như Lai cũng là “*một, nhiều duyên khởi vô biên*”, quyết định là như nhau. Chúng ta đã mê, nên trong cảnh giới khởi vọng tưởng, chấp trước; Bồ Tát, Phật đã giác ngộ, do các Ngài chẳng có vọng tưởng, chấp trước trong cảnh giới, nên tiếp xúc các tướng muôn vàn sai khác vẫn vô ngại. Trong muôn vàn tướng sai khác, các Ngài chẳng có chướng ngại, vì sao? Không có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có chướng ngại. Tất cả các

chương ngại đều do phân biệt, chấp trước mà có. Đã phá phân biệt, chấp trước, há có chương ngại?

Có một vị đồng tu, cha mẹ ông ta đến hỏi bọn Đạo Giáo, lũ đạo sĩ nói tên ông ta chẳng tốt, nhất định phải đổi tên. Cha mẹ ông ta rất sợ hãi, buộc ông ta phải đổi tên. Ông ta đến hỏi tôi: “Con có cần phải đổi hay không?” Tôi đáp: “Thật sự là chẳng cần phải đổi, nhưng để cho cha mẹ ông hoan hỷ, hãy đổi tên đi!” Mọi người đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, có vận mạng hay không? Có. Vận mạng do chính mình tạo, mạng vận phải do chính mình sửa. Sửa bằng cách nào? Đoạn ác, tu thiện, tích đức, thì mới có thể sửa, há lẽ nào sửa tên bèn sửa đổi vận mạng được ư? Chẳng có lẽ ấy!

Còn có người đi xem Phong Thủy, [nghe thầy Phong Thủy dạy] “sửa đổi bố cục bài trí trong nhà sẽ tốt đẹp”, chẳng có chuyện đó! Nói thật ra, chẳng cần cậy ai xem Phong Thủy tốt hay xấu! Phàm là ta ở chỗ nào, thấy nơi ấy rất thuận mắt, cảm thấy rất thoải mái, Phong Thủy nơi ấy phù hợp với ta! Chư vị phải hiểu: Do mỗi người mà Phong Thủy mỗi khác. Kẻ xem Phong Thủy thường nói: “*Phước địa, phước nhân cư*” (Đất phước báo bèn có người có phước báo ở). Nơi nào là phước địa? Nơi nào cũng đều là phước địa, hoàn cảnh nơi ấy thích hợp cho người ấy sống, người ấy là người có phước. “*Phước địa, phước nhân cư*” được giải thích theo kiểu này, chẳng phải là thật sự tìm một cuộc đất có phước. Quý vị ở chỗ này rất thoải mái, ở nơi này tâm lãn thân đều an thì quý vị là người có phước.

“*Tướng đắc Tánh dung*”, “*dung*” (融) là viên dung, dung thông, vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, Sự Sự vô ngại mới được gọi là “đạt đến rốt ráo viên mãn”. Hết thấy sự có bị trở ngại hay không? Xác thực là chẳng có trở ngại! Tất cả hết thấy chương ngại sanh từ vọng tưởng, chấp trước; lìa khỏi hết thấy vọng tưởng, chấp trước, chắc chắn chẳng có chương ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nhất vi trần xuất đại thiên kinh quyển, nhất mao đoạn lý chuyển đại pháp luân*” (Từ một vi trần xuất hiện đại thiên kinh quyển, trong một đầu lông chuyển đại pháp luân), đúng là vô ngại! Trên thân chúng ta, có rất nhiều lỗ chân lông, chẳng biết có bao nhiêu chư Phật giảng kinh, thuyết pháp trong ấy, chúng ta chẳng biết! Khi nào thân tâm chúng ta thanh tịnh, lìa khỏi hết thấy vọng tưởng, chấp trước, chúng ta mới nhận biết, mới nhập cảnh giới của chư Phật. Vì vậy, hết thấy các pháp thế gian, hết thấy các sự, không có gì chẳng thể viên dung, chẳng có bất cứ xung đột nào không thể hóa giải, vì chúng ta cùng một chân tánh biến hiện, ắt có Lý

viên dung. Nếu nói theo Lý đã có thể thông suốt, thì đương nhiên cũng có thể thực hiện trên mặt Sự. Do đó, nếu Phật pháp có thể thật sự phổ cập, đích thực là có thể đem lại hòa bình vĩnh cửu trên thế giới; vì trên quốc tế, giữa con người với nhau, giữa người và sự việc có nhiều mâu thuẫn xung đột, nhưng Phật pháp đều có thể hóa giải; lại còn khiến cho ai nấy đều có thể đạt được lợi ích chân thật trọn vẹn, nên tâm họ mới hoan hỷ! Nói thật ra, chỉ có Phật pháp mới có thể làm được chuyện này. Tuy học thuyết Khổng Mạnh có thể làm được, nhưng chẳng thể viên dung như Phật pháp; về mặt lý luận, Khổng Mạnh chẳng nói thấu triệt như kinh Phật.

“*Chúng sanh văn giả, Sự Lý vô ngại, nữ tri hữu Tăng*” (Chúng sanh nghe xong, Sự Lý vô ngại, bèn biết có Tăng). Tăng là hòa hợp bất nhị, nên Tăng đoàn được kiên lập trên cơ sở Lục Hòa Kính. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý, phải nghiêm túc học tập và mạnh mẽ đề xướng Lục Hòa Kính, thực hiện từ chính mình, thực hiện từ gia đình, dần dần ảnh hưởng đến xóm làng, mở rộng đến xã hội, phải giữ tâm lòng ấy, phải nghiêm túc thực hiện. Nói thật ra, đệ tử Phật thật sự thì mới có thể làm được, vì sao? Đệ tử Phật giác chứ không mê, đệ tử Phật hiểu Lý. Kẻ chẳng hiểu Lý, sẽ chẳng làm được. Vì sao? Kẻ không hiểu rõ Lý, chấp trước rất kiên cố, chẳng thể phá vỡ [sự chấp trước ấy], đó cũng là như chúng ta thường nói “có quan niệm tự tư tự lợi”. Có quan niệm ấy chính là mê, bất giác. Kẻ ấy chẳng biết toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới khắp vũ trụ vốn là một với chính mình, là một, chẳng hai. Nếu kẻ ấy thật sự thấy rõ tận hư không khắp pháp giới là một với chính mình, đó là thanh tịnh Pháp Thân. “*Pháp*” là hết thấy vạn pháp. Hết thấy vạn pháp đều là chính mình, đó là chứng đắc Pháp Thân. Pháp Thân chẳng phải là cái thân này của chúng ta. Thừa nhận tất cả hết thấy vạn pháp đều là chính mình, đối với bất cứ một pháp nào, lẽ nào quý vị chẳng yêu thương? Chúng ta chẳng có tư tâm; chứng đắc Pháp Thân bèn không có tư tâm! Ngã Chấp đã phá, mà Pháp Chấp cũng bị phá.

Do vậy, học Phật, niệm câu A Di Đà Phật này thì câu A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh. “*Nam-mô A Di Đà Phật*” hoàn toàn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*quy y Vô Lượng Giác*”. Nam-mô nghĩa là “*quy y*”. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, [nói gộp lại] là “*quy y Vô Lượng Giác*”. Vô Lượng Giác là Bản Giác, Vô Lượng Giác là tự tánh giác, nên trong Vô Lượng Giác đã trọn đủ Tam Bảo, niệm niệm chẳng mê, niệm niệm chẳng chấp trước. Đó là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa

thứ hai là “*thuyết pháp hữu phương, thiện nhập nhân cố*” (thuyết pháp có phương tiện thiện xảo, khéo khiến cho người nghe thấu hiểu).

(Sao) Thiện nhập nhân giả, tuy đàm diệu pháp, bất thiện vi từ, văn tắc hãn cách. Kim duy hòa nhã chi âm, vu nhu điều thích, lý nghĩa duyệt tâm, thỉnh giả sanh hỷ, cố niệm Tam Bảo.

(鈔) 善入人者，雖談妙法，不善為辭，聞則扞格，今惟和雅之音，優柔調適，理義悅心，聽者生喜，故念三寶。

(Sao: “Khéo động lòng người”: Tuy nói diệu pháp mà chẳng khéo dùng từ ngữ, thì người nghe chẳng lọt tai, nay chỉ có âm thanh hòa nhã, êm ái, mềm mỏng, dịu dàng, nghĩa lý vui đẹp lòng người, khiến cho người nghe vui vẻ, nên sẽ niệm Tam Bảo).

“*Tuy đàm diệu pháp, bất thiện vi từ*”, ý nói thiếu khả năng biểu đạt bằng ngôn ngữ, chữ dùng chẳng diễn đạt được ý nghĩa. Nói rất nhiều, nhưng người ta nghe xong vẫn chẳng hiểu rõ ý nghĩa [mình muốn diễn đạt]. “*Văn tắc hãn cách*” (Nghe sẽ chống trái), “*hãn cách*” (扞格) là bài xích, cự tuyệt, người nghe chống trái, chẳng chấp nhận.

(Diễn) Bất thiện vi từ giả, hoặc thác tạp bất luân, hoặc hãn mạn vô sức, hoặc bất năng phản phúc ức dương, diệt đặng đốn tảo.

(演) 不善為辭者，或錯雜不倫，或汗漫無飾，或不能反覆抑揚、跌蕩頓挫。

(Diễn: “Chẳng khéo dùng từ”: Hoặc là làm lẫn, xen tạp, rời ren, hoặc ăn nói luông tuông, không trau chuốt, hoặc chẳng thể lập luận gãy gọn, [chẳng thể sử dụng] lời lẽ lưu loát, hùng hồn⁶⁵).

“*Hoặc thác tạp bất luân*”, “*thác*” (錯) sai lầm, “*tạp*” (雜) là xen tạp, “*bất luân*” (不倫) là thứ tự rời ren. “*Hoặc hãn mạn vô sức*” [có nghĩa là] ăn nói rất thô lỗ, thiếu văn nhã, người nghe cảm thấy không thoải mái. “*Hoặc bất năng phản phúc ức dương, diệt đặng, đốn tảo*”, hai câu này đều có ý nói: Lập luận chẳng gãy gọn, hùng hồn. Ngôn ngữ, nhất là thuyết pháp, cho đến đọc kinh đều phải chú ý. Người biết đọc, đọc xong một bài văn sẽ chẳng cần phải giảng giải. Vì sao? Người ta vừa nghe, đã hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa, [khi đọc, người ấy] biết sử dụng nhịp điệu, ngừng đúng chỗ, chuyên giọng phù hợp, nên có sự biểu lộ tình cảm,

có thể biểu đạt toàn bộ ý nghĩa qua âm thanh và tình cảm [trong giọng đọc], có cần phải giải thích nữa hay không? Chẳng cần phải giải thích, đó gọi là “biết đọc”.

Đọc kinh thì có thể đọc ra tiếng là tốt nhất. Đọc ra tiếng, nhất định phải đọc ra ý nghĩa, công đức ấy rất lớn. Quý vị muốn độ người nhà, hàng xóm, giảng Phật pháp cho họ, họ chẳng thể tiếp nhận, lại bài xích. Quý vị niệm kinh, nếu tiếng niệm rất dễ nghe, nhịp nhàng, thánh thót, biểu lộ được ý nghĩa của kinh qua ngôn ngữ, họ vừa nghe liền hiểu, nghe rồi sẽ sanh tâm hoan hỷ, hỏi quý vị đang niệm gì đó, như vậy thì họ sẽ học Phật. Nếu quý vị mỗi ngày niệm kinh trong nhà, gõ mõ, nhưng chẳng nhịp nhàng, thánh thót, niệm cả buổi, người ta cũng không nghe ra một chữ gì, đương nhiên họ chẳng thể tiếp nhận! Đọc kinh phải nên dùng phương pháp gì? Trong các vở tuồng trình diễn trên TV, cách đọc các lời Đài Từ⁶⁶ đích xác là “*thiện nhập nhân cố*” (khéo khiến cho con người động lòng). Câu nào cũng được nói rõ ràng, có thể khiến cho kẻ khác cảm động. Tụng kinh Phật cũng nên theo cách niệm ấy. Cách niệm kinh trong chùa miếu xưa kia khiến cho người ta nghe đã sớm chạy mất, phát âm từng chữ không rõ ràng, thậm chí chính mình cũng chẳng hiểu ý nghĩa, làm sao có thể niệm cho ra ý nghĩa được? Chính mình nhất định phải hiểu rõ thì mới có thể niệm ra ý nghĩa, hễ niệm ra bèn độ được người khác!

Khi quý vị niệm kinh, còn có những quý thần mà mắt ta không trông thấy, họ đang nghe. Quý vị niệm rành mạch, rõ ràng, biểu đạt được ý nghĩa của kinh, sẽ có thể cảm động những vị quý thần ấy hồi tâm chuyển ý, hướng thiện, có lợi to lớn cho xã hội. Xã hội động loạn, quý thần loạn trước! Độ quý thần có dụng ý rất sâu, nhất là trong hiện thời, yêu ma quỷ quái tràn ngập xã hội. Độ quý thần phải dùng phương pháp gì? Có phải dùng kinh Địa Tạng hay không? Chẳng bắt buộc! Trong hết thảy các kinh, hai bản Đại Bản và Tiểu Bản của kinh Di Đà được cử nhân bảo là “*Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tử*” (tạng sâu thẳm của Hoa Nghiêm, tinh túy bí mật của Pháp Hoa). Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là vua trong các kinh. Kinh này (Đại Bản và Tiểu Bản) là tinh hoa của kinh vương, nên là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh! Chúng ta còn phải dùng kinh điển hạng ba, hạng tư, hạng năm ư? Chẳng cần thiết! Dùng ngay kinh bậc nhất để độ họ. Dùng phương pháp gì? Hằng ngày niệm kinh. Niệm kinh, họ nghe, ta niệm kinh sẽ giống như giảng cho họ nghe, thay Phật tuyên giảng đấy nhé! Đem ý nghĩa niệm cho rành mạch rõ ràng, đó gọi là “*hồi hướng*”. Mỗi người chúng ta đều có thể niệm như

vậy, sức mạnh ấy rất lớn! Trong các đồng tu Đài Loan, có nhiều người đang thật sự tu tập ở đây như vậy, xét theo Phật lý để nói, nơi này đáng lẽ chẳng bị gặp nạn. Vì thế, nhất định phải đề xướng “khi niệm, phải niệm ra tiếng”, công đức ấy rất lớn!

“*Kim duy hòa nhã chi âm*”, “hòa” (和) là ôn hòa, “nhã” (雅) là tao nhã, chánh đáng, chánh chứ không tà. “*Ưu nhu điều thích, lý nghĩa duyệt tâm*” (Êm ái, mềm mỏng, dịu dàng, nghĩa lý vui đẹp lòng người), âm điệu êm ả, đẹp đẽ, nghĩa lý tuyệt hảo. Âm điệu ưu mỹ nhất định phải biểu lộ ý nghĩa và đạo lý, khiến cho người nghe sanh tâm hoan hỷ, tức là “*thính giả sanh hỷ*” (người nghe sanh lòng hoan hỷ), tự nhiên họ sẽ học Phật. “*Cổ niệm Tam Bảo*” (Vì thế, niệm Tam Bảo), tự nhiên người ấy học Phật, tiếp nhận Phật pháp, có thể tín thọ, phụng hành. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 174

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi chín:

(Sao) Thục Nhĩ Căn giả, tuy thiện thuyết pháp, nhất bộc thập hàn, tâm tắc giải phế, kim duy lục thời tương tục, tập thính ứ văn, thiếp tử luân cơ, huân đào thành tánh, cố niệm Tam Bảo.

(鈔) 熟耳根者，雖善說法，一暴十寒，心則懈廢，今唯六時相續，習聽飡聞，浹髓淪肌，熏陶成性，故念三寶。

(Sao: “Nhĩ Căn thuần thục”: Tuy khéo thuyết pháp, nhưng bữa đực bữa cái, tâm ắt biếng nhác, bỏ quên. Nay sáu thời liên tục, quen nghe đầy tai, thấm đẫm xương thịt, un đúc thành tánh, nên niệm Tam Bảo).

Ý nghĩa chủ yếu trong đoạn này là tầm trọng yếu của sự huân tập. Tiếp đó, Ngài nêu ra một sự thật: “*Tuy thiện thuyết pháp, nhất bộc thập hàn*” (Tuy khéo thuyết pháp, nhưng buổi đực, buổi cái). Dẫu là khéo nói, nhưng thiếu khuyết, chẳng được huân tập trong một thời gian, sẽ là y như cũ: Chẳng thu được hiệu quả! Học Phật bị ngã lòng, hoặc học Phật chẳng có thành tựu, nguyên nhân đều do chỗ này. Trong thế giới trước

mắt, do khoa học kỹ thuật phát triển, đời sống vật chất sung túc, nhưng tinh thần nghèo nàn thua xa bất cứ thời đại nào! Đó là vì chẳng được huân tập trong một thời gian dài. Một ngày nóng, mười ngày lạnh, tôi nghĩ mỗi vị đồng tu đều có cảm xúc này. Cầu học và tu đạo đều phải là liên tục chẳng ngừng thì mới có thể thành tựu, chứ làm một ngày, ngưng vài ngày, rất khó đạt được hiệu quả.

Trước đây, thầy Lý giảng kinh ở Đài Trung, tôi ở Đài Trung mười năm, thật sự là khá kiên nhẫn. Khi đó, tôi từng giới thiệu hai người bạn đến học. Một vị là pháp sư Kiến Như, thầy ấy ở Đài Trung ba tháng liền bỏ đi, bảo: “Không được rồi! Tôi không có kiên nhẫn”. Mỗi tuần, thầy Lý giảng hai lần, giảng kinh Phật một lần, giảng Quốc Văn một lần. Trên thực tế, mỗi tuần chỉ nghe kinh một tiếng đồng hồ, một ngày nóng, bảy ngày lạnh. Nếu muốn thu được hiệu quả giống như thời cổ quả thật rất khó! Ngoài ra, tôi còn giới thiệu một vị khác là pháp sư Huệ Nhẫn, vị này ở được nửa năm rồi cũng bỏ đi, cũng chịu không nổi. Mỗi vị đều chuộng khóa trình dày đặc. Khi đó, tôi luôn khuyên họ hãy thật sự đổ công kiên nhẫn học tập. Tôi nói: Mỗi tuần hai lần, Quốc Văn là một tiếng ruổi, học kinh Phật một tiếng. Thật sự tu học thì thời gian này vừa khớp, quý vị có thể tiêu hóa toàn bộ. Nếu thầy Lý tăng gấp đôi thời gian, tôi vẫn còn có thể ứng phó được. Nếu thầy giảng mỗi ngày, tôi chẳng có cách nào tiêu hóa. Mỗi tuần tôi học một giờ, sẽ học rất vững vàng. Học xong một tiếng đồng hồ ấy, tôi có thể lên bục giảng lại được, tuy chẳng thể giống như thầy Lý một trăm phần trăm, nhưng có thể đạt tới chín mươi lăm phần trăm. Nghiêm túc học tập, tôi cảm thấy một tuần học bốn giờ hết sức phù hợp. Nhưng như các đồng tu tại Đồ Thư Quán hiện thời, nếu mỗi tuần giảng cho quý vị một giờ, quý vị liền kêu khổ thấu trời, giảng hai giờ chắc chắn sẽ chịu không nổi! Nếu thật sự học tập thì quý vị học xong một giờ này, chính quý vị lên bục giảng sẽ có thể nhắc lại được, như vậy thì mới coi như là học hiểu.

Giáo học trong Phật môn từ xưa tới nay đều là giảng tiểu tòa, [tức là] sau khi đã tiêu hóa toàn bộ những điều thầy đã giảng, bèn giảng lại, đó gọi là “*phức giảng*” (複講)⁶⁷. Trước kia, học thứ này thứ nọ trong Phật môn chẳng hề lên lớp dạy học mà là phức giảng. Thầy giảng kinh, học trò nghe kinh, sau khi nghe xong, liền giảng tiểu tòa. “*Tiểu tòa*” là người ấy và những người chí đồng đạo hợp với chính mình cùng nhau nghiên cứu, phức giảng những gì thầy đã giảng một lần, các bạn học nghe, nghe xong lại cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, dùng phương pháp ấy. Đương nhiên là sau khi nghe xong, không có cách nào phức giảng

ngay lập tức, thường là phải mất thời gian hai, ba ngày để chuẩn bị. Lúc mới học, nhất định phải viết bài giảng nháp, tức là dùng những điều ta đã ghi chép được từ lời giảng của thầy để soạn thành bài giảng nháp. Bài giảng nháp còn phải chú trọng sử dụng văn nói thông dụng, chẳng phải là viết văn chương. Bài giảng nháp viết theo lối nói thông thường thì giảng một giờ phải viết một vạn chữ. Mỗi tuần viết bài giảng nháp dài một vạn chữ, tối thiểu phải sửa chữa ba lần rồi mới đem ra giảng. Luyện giảng đòi hỏi phải thuần thục, nghe quen tai, nhất định phải là huân tập lâu dài, nhất định phải nghiêm túc nỗ lực học tập.

Đối với việc học tập, nếu thầy đôn đốc, kèm cặp kẻ trẻ tuổi, [học trò] hai mươi tuổi trở xuống thì được, hai mươi tuổi trở lên đã là người trưởng thành, đốc thúc, kèm cặp sẽ chẳng tiện! Thuở ấy, thầy Lý đã bảy mươi mấy tuổi, thầy nói: “Ba mươi mấy tuổi thì tôi còn có thể coi người đó như trẻ nhỏ để dạy dỗ, chứ người đã ngoài bốn mươi tuổi, quyết định chẳng thể nói được”. Kẻ ấy phạm lỗi cũng chẳng thể nói được. Nói cách khác, chẳng thể dạy, người ta có thể diện mà! Tuổi tác tốt nhất là kẻ hai mươi tuổi đổ lại, người ta đối đãi với quý vị như trẻ nhỏ, có thể chỉ trích, giáo huấn quý vị chẳng khách sáo gì! Từ hai mươi tuổi trở lên, bèn đối xử với quý vị như người đã trưởng thành, dẫu có quở trách, cũng chẳng thể rất quá mức, chẳng thể quở trách như trẻ nhỏ được, nên [người học] đạt lợi ích ít ỏi. Vì thế, nay chúng ta muốn học này nọ, hoàn toàn phải cậy vào sự nỗ lực của chính mình. Tôi kính khuyên chư vị đồng tu như vậy. Chúng tôi ở Đài Trung, theo học với thầy Lý, thầy Lý cũng chẳng thường quở trách kẻ khác. Chúng tôi theo học với cụ, trong cuộc sống hằng ngày cụ chẳng quản thúc nghiêm ngặt cho lắm, tùy chúng tôi tự học. Chính quý vị chịu học, sẽ thật sự có thể học được điều này điều nọ. Quý vị chẳng chịu học, thầy cũng chẳng có cách nào ép buộc! Vì thế, nhất định phải dựa vào chính mình.

Hoàn cảnh của chúng ta hiện nay so với hoàn cảnh tu học với thầy Lý tại Đài Trung thuở đó, tuyệt đối chẳng thua kém, vấn đề là tự mình phải chịu học. Chính mình phải có tâm cảnh giác đối với sự un đúc ấy. Lúc tôi ở Đài Trung, chúng tôi nghe thầy giảng kinh. Ngoại trừ mỗi tuần nghe thầy giảng hai buổi ra, rất ít tiếp xúc với thầy, thầy quá bận việc! Chúng tôi muốn sốt sắng học tập thì phải tự kiếm những bạn cùng học. Tôi ở Đài Trung kiếm được bảy người bạn học như các ông Từ Tỉnh Dân, Châu Gia Lân v.v... mỗi tuần tụ hội một lần để phúc giảng, mười năm như một ngày, bảy người hợp thành một lớp nhỏ để phúc giảng kinh do thầy Lý đã giảng một lượt. Chúng tôi phúc giảng thì mỗi người

giảng một bộ kinh, luân phiên giảng. Sau khi giảng xong, bèn nghiên cứu, thảo luận. Đó là chúng tôi tự mình tổ chức việc học, chẳng phải do thầy Lý dạy chúng tôi làm theo cách ấy, mà phải là tự mình kiếm bạn học. Tự mình mời mấy người bạn học lập thành một lớp nhỏ để chính mình thực hiện. Học tập như vậy thì mới học thành công. Hết thầy đều phải tự động tự phát thì mới thật sự hưởng lợi ích do được hun đúc. Nếu do người khác đốc thúc, đốc thúc là bị động, bị động thì sức mạnh đốc thúc sẽ chẳng có, sẽ giải tán, tan rã. Vì thế, nhất định phải là tự động tự phát. Bình thường, nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu, đến lúc tụ hội, sẽ cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, phức giảng. Có như vậy thì mới có thể thật sự thành tựu. Nhất là học giảng kinh, chẳng dùng phương pháp này thì chẳng có con đường thứ hai nào để có thể thành tựu. Mãi cho đến hiện thời, gần như các vị pháp sư đại đức giảng kinh thuyết pháp thuộc thế hệ xưa đều học theo phương pháp này, đều là xuất thân từ tiểu tòa. Nếu không, sẽ giống như trong kinh đã nói: *“Tuy khéo thuyết pháp, nhưng là buổi đực, buổi cái”*.

Nếu thính chúng chẳng nghe liên tục, rất khó đạt được lợi ích. Mỗi tuần, thỉnh thoảng nghe một lần, sáu ngày kia phiền não huân tập, một ngày huân tập Phật pháp, chẳng đủ! Làm thế nào cũng chẳng chông lại phiền não được! Tây Phương Cực Lạc thế giới, *“lục thời tương tục”* (sáu thời liên tục), sự thuyết pháp bên ấy là suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm cho đến cuối năm chẳng gián đoạn, có thể huân tập lặp đi lặp lại không ngừng. *“Tập thính ú văn”* (Nghe đã quen đến nhàm tai), không ngừng huân tập lặp đi lặp lại, như vậy thì mới có thể *“huân đào thành tánh”* (hun đúc thành tánh). Trong Phật môn thường nói *“thành tánh”* là *“chuyển phàm thành thánh”*, nói theo giáo học thế gian sẽ là *“biến hóa khí chất”*, người ấy thật sự biến hóa.

“Cổ niệm Tam Bảo” (Vì thế, niệm Tam Bảo). Tam Bảo là Tự Tánh Tam Bảo. Niệm Tam Bảo là tự tánh tự nhiên lưu lộ, đó gọi là *“niệm Tam Bảo”*. Nói đơn giản, tự nhiên sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, chẳng có mảy may miễn cưỡng, hoàn toàn là tự nhiên. Điều này nói lên sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc! Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyệt đối sẽ không chỉ là buổi đực buổi cái! Dầu cho trong một đời này, quý vị theo một vị thiện tri thức tốt đẹp, hằng ngày nghe vị ấy giảng kinh, thuyết pháp, nhưng nếu chẳng thể vãng sanh, đời sau lại luân hồi, chẳng biết sẽ luân hồi đến tận đâu! Đời này được nghe Phật pháp, đời đời kiếp kiếp mai sau chẳng được nghe Phật pháp, tuyệt đối không

phải chỉ là mười đời chẳng được nghe Phật pháp. Đức Phật thường dạy chúng ta: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Trong một đời này, người học Phật, tâm thiện, hạnh thiện, nếu chẳng vãng sanh, sẽ đều sanh lên trời. Tuổi thọ trên cõi trời lâu dài, nếu không, bèn sanh trong nhân gian, nhất định sẽ làm người đại phú đại quý. Do đời trước đã tu phước nhiều, đời này trong khi hưởng phú quý, người ta chẳng học Phật, hưởng phước xong, lại đọa trong tam ác đạo. Trong ba ác đạo, lại chẳng nghe nói tới Phật pháp. Quý vị nghĩ xem, đến đời nào mới lại có thể tiếp tục nghe Phật pháp. Ý nghĩa thật sự của chuyện “buổi đực, buổi cái” là ở chỗ này.

Đây cũng là khuyên lơn, khích lệ chúng ta, nếu muốn thật sự được hun đúc bởi Phật pháp, đoạn sạch nghiệp chướng của chính mình, khôi phục viên mãn Bồ Đề trong tự tánh, trừ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, chẳng có cách nào cả! Bởi lẽ, các thế giới của chư Phật nơi các phương khác chẳng khác thế giới Sa Bà cho mấy: Cơ duyên nghe pháp luôn là đứt đứt nối nối, chẳng liên tục, chỉ riêng thế giới Tây Phương là xuyên suốt, “*lục thời tương tục*”. Nay chúng ta nói “*sáu thời*” là ngày đêm. Người Ấn Độ chia một ngày đêm thành sáu thời thần, ngày ba thời, đêm ba thời, một thời của họ bằng bốn tiếng đồng hồ hiện tại.

(Sao) Kích thắng tâm giả.

(鈔) 激勝心者。

(Sao: Kích động, khơi gợi cái tâm thù thắng).

“*Kích*” là kích phát.

(Sao) Điểu năng thuyết pháp, nhân hồ bất như, tâm hổ nhất sanh, tinh tấn tự phát, cố niệm Tam Bảo.

(鈔) 鳥能說法，人胡不如，慚恥一生，精進自發，故念三寶。

(Sao: Chim có thể thuyết pháp, há người chẳng bằng? Tâm hổ thẹn vừa nảy sanh, tinh tấn tự phát khởi, nên niệm Tam Bảo).

A Di Đà Phật biến hóa những loài chim thuyết pháp, khiến cho chúng ta sau khi nghe xong, đều có thể sanh tâm hổ thẹn: Chim đều biết thuyết pháp, thuyết hay như thế. Nếu chúng ta chẳng học, ngay cả chim

cũng không bằng! Vì thế, điều ấy có thể kích phát đạo tâm của chính mình. Dầu chỉ dùng máy móc để tạo tác hay biến hóa ra thì cũng chỉ có ý nghĩa này. Sau khi chúng ta đã thấy, cũng nên phản tỉnh. Nếu không, chúng ta là người sống sờ sờ mà chẳng bằng một người máy! Người máy do chúng ta phát minh, tạo ra trong thời hiện tại. Chế tạo một người máy, bên trong để con chip cho nó niệm Phật, nó niệm suốt ngày từ sáng đến tối hai mươi bốn giờ cũng chẳng gián đoạn, chúng ta ngay cả một người máy mà còn chưa bằng! Những chuyện này xác thực là có thể khiến cho chúng ta sanh tâm hồ thẹn. “*Cổ niệm Tam Bảo*” (Vì thế, niệm Tam Bảo). Đoạn cuối cùng là nói xứng tánh.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh chân tâm nhất thể, thị Phật Pháp Tăng nghĩa.

(疏) 稱理，則自性真心一體，是佛法僧義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh chân tâm một Thể là ý nghĩa của Phật, Pháp, Tăng).

Đây là hoàn toàn nói theo tự tánh. Thế nào là “*chân tâm nhất thể*”? Tiếp theo đây, đại sư giải thích rất hay.

(Sao) Như thượng đồng tướng sở trần.

(鈔) 如上同相所陳。

(Sao: Như đã trình bày trong phần Đồng Tướng [Tam Bảo] trên đây).

Như trong phần Đồng Tướng Tam Bảo trên đây đã nói.

(Sao) Tắc tri duy nhất chân tâm, cánh vô biệt thể.

(鈔) 則知唯一真心，更無別體。

(Sao: Bèn biết chân tâm duy nhất, chẳng có Thể nào khác).

Tam Bảo là một mà ba, ba mà một. Giác, chánh, tịnh là một Thể.

(Sao) Tâm thể bản tự giác chiếu, tức Phật Bảo.

(鈔) 心體本自覺照，即佛寶。

(Sao: Tâm thể vốn tự giác chiếu, đó chính là Phật Bảo).

Chân tâm bốn tánh tự nhiên trọn đủ tác dụng giác chiếu. Chữ Phật có nghĩa là giác, nên tự tánh giác là tự tánh Phật Bảo. Giác là gì? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng hết sức cặn kẽ, đó là tác dụng của lục căn. Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể đụng chạm, ý có thể biết, các tác dụng ấy của lục căn chính là giác, có thể thấy, có thể nghe là giác. Lục căn của hết thầy hữu tình chúng sanh đều khởi tác dụng, nên trong cái nhìn của Phật, Bồ Tát, chúng sanh vốn đã thành Phật, họ vốn đã là Phật! Họ khởi tác dụng thứ nhất là Chánh Giác, nhưng đến tác dụng thứ hai bèn mê, chẳng thể gìn giữ tác dụng thứ nhất. Niệm thứ nhất chỉ thấy, thấy rành mạch, rõ ràng, vẫn chưa khởi phân biệt, vẫn chưa động niệm. Niệm thứ hai, bèn động niệm, khởi phân biệt, chấp trước, liền mê! Phật, Bồ Tát khác chúng ta ở chỗ lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bèn vĩnh viễn gìn giữ niệm thứ nhất, lục căn của các Ngài tiếp xúc cảnh giới lục trần quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có vọng tưởng, nên gọi là Phật, Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, sở dĩ chúng sanh chẳng thể đạt được đại dụng nơi Phật quả là vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Vọng tưởng, chấp trước sanh khởi trong niệm thứ hai, chứ niệm thứ nhất chẳng có. Nói cách khác, trong cảnh giới Hoa Nghiêm, trong niệm thứ nhất, không có chướng ngại; trong niệm thứ hai có chướng ngại, chướng ngại do đâu mà có? Chướng ngại do phân biệt, chấp trước mà có. Niệm thứ nhất đích xác là tứ vô ngại pháp giới, [tức là] Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhưng đến niệm thứ hai, chướng ngại bèn nhiều, tầng tầng chướng ngại!

Mọi người hãy chú tâm lãnh hội, làm thế nào để trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể huấn luyện chính mình dùng niệm thứ nhất. Nếu quý vị biết dùng, sẽ đúng như Giao Quang đại sư đã đề xướng “bỏ Thức, dùng Căn” trong bộ Lăng Nghiêm Chánh Mạch. Cận đại, trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã chọn dùng tới bảy mươi phần trăm lời chú giải của Giao Quang đại sư, phần còn lại là dùng những lời giảng giải của các vị cổ đại đức khác, [những ý kiến] của chính pháp sư Viên Anh rất ít. Khi giảng Lăng Nghiêm ở Đài Trung, thầy Lý đã nói riêng với tôi: Bậc đại đức cận đại như pháp sư Viên Anh, từ lúc hai mươi lăm tuổi đã phát tâm nghiên cứu Lăng Nghiêm, nghiên cứu suốt một đời, đến năm bảy mươi lăm tuổi mới hoàn thành bộ Giảng Nghĩa, tu trì cả đời mà vẫn chẳng vượt khỏi phạm vi của cổ nhân. Từ

chỗ này, ta thấy công phu tu học giải hạnh của cổ đại đức đích xác là sâu xa.

Phần Mười Phen Hiền Lộ Cái Thấy trong Lăng Nghiêm hoàn toàn giảng về chuyện này. Trong lục căn, đức Phật đã nêu ra [tánh nơi] một căn là tánh Thấy. Tánh Thấy là chân tâm, là bản tánh, nên gọi là tánh Thấy, tức Phật Tánh. Danh xưng chung là Phật Tánh, tách ra để gọi thì là tánh Thấy, tánh Nghe, tánh Ngửi, tánh Nếm... đó là tác dụng của lục căn. Các tác dụng ấy đều là tác dụng của niệm thứ nhất. Tác dụng của niệm thứ hai sẽ dấy lên phân biệt, chấp trước, nên gọi là Lục Thức. Từ tánh Thấy biến thành Nhãn Thức, từ tánh Nghe biến thành Nhĩ Thức, biến như thế nào? Do một vọng niệm biến, đó gọi là “*một niệm sai biệt, phạm thánh cách biệt*”. Phật và chúng sanh cách biệt bao nhiêu? Chừng một niệm! Một niệm là Phật, thêm một niệm nữa bèn biến thành phàm phu. Đúng là một niệm sai khác! Đây là nói rõ về tự tánh giác.

(Sao) Tâm thể bản tự tánh ly, tức Pháp Bảo.

(鈔) 心體本自性離，即法寶。

(Sao: Tâm Thể vốn có đặc tánh xa lìa, đó chính là Pháp Bảo).

Lìa gì? Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Tự tánh bản ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng dã*” (Tự tánh vốn lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng sai biệt của hết thảy các pháp). “*Ly*” là lìa những thứ ấy. Nếu đã lìa, bèn gọi là chánh tri chánh kiến, đó là Pháp Bảo. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát cũng nói như vậy. Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: Nghe kinh, thính pháp, phải dùng thái độ gì để nghe? Tiêu chuẩn của lão nhân gia được nói ở nơi đây: “*Ly ngôn thuyết tướng*”. Có thể nghe hay không? Đương nhiên là phải nghe. Nếu chẳng nghe, Nhĩ Căn của quý vị chẳng khởi tác dụng, vậy là đã biến thành khối gỗ, cục đá mất rồi! Quý vị có lục căn, đương nhiên sẽ khởi tác dụng; hề có Thể, nhất định phải có Dụng. Nếu có Thể mà chẳng có Dụng, sai lầm mất rồi! Người Tiểu Thừa chẳng cần Dụng, nên nhập Thiên Chân Niết Bàn, đức Phật gọi họ là “*tiêu nha, bại chủng*” (mầm cháy, hạt giống lép). Phạm phu lại dùng chẳng thích đáng, đó là sai lầm. Hàng Tiểu Thừa sợ sanh phiền não, chẳng dám dùng, cũng sai bét luôn! Nhất định phải học theo Bồ Tát, lục căn của Bồ Tát tận hết sức phát huy tác dụng trong cảnh giới lục trần, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước.

“*Ly ngôn thuyết tướng*”: Chớ nên phân biệt ngôn ngữ, âm thanh, nghe kinh bèn nghe nghĩa lý. Chỉ dùng ngôn ngữ, âm thanh để truyền đạt nghĩa lý. Ngôn ngữ và âm thanh là công cụ, chúng ta chẳng quan tâm tới công cụ, cái chúng ta cần là nghĩa lý. Ví như xe chở hàng hóa đến, chúng ta cần hàng hóa, chẳng phải là cần cái xe. Truyền đạt tâm tánh mà! Dùng tâm để ấn tâm, như vậy thì sẽ biến thành “*truyền mà chẳng truyền, chẳng truyền mà truyền*”. Phật giác, chúng ta mê, Ngài dùng một thứ phương tiện thiện xảo để dạy chúng ta phá mê khai ngộ, đó gọi là “*thuyết pháp*”. Chúng ta quả nhiên phá mê, giác ngộ, đó là nghe pháp chân chánh, giác ngộ chân chánh. Nếu quý vị chấp trước ngôn ngữ, văn tự, sẽ vĩnh viễn chẳng khai ngộ, vì sao? Quý vị chấp trước công cụ, trật mất rồi!

Thứ hai là “*ly danh tự tướng*”, “*danh tự*” chỉ thuật ngữ. Trong Phật Giáo có rất nhiều danh từ thuật ngữ. Chúng ta nói Phật, đó là danh tự, Pháp cũng là danh tự, Tăng cũng là danh tự, “Phật Giáo” cũng là danh tự, “kinh Di Đà” cũng là danh tự, thầy đều là tướng danh tự. Danh tự cũng nhằm biểu thị pháp, truyền đạt nghĩa lý. Người biết nghe, nghe giáo lý, đó là người bậc nhất, vừa nghe liền khai ngộ. Nếu đã nghe hiểu giáo lý, Thiên Tông bảo là “*triệt ngộ, đại triệt đại ngộ*”, một thông, hết thầy thông, pháp thế gian và xuất thế gian không có gì chẳng thông, vì nó là một Lý. Nếu quý vị nghe thông suốt giáo lý, sẽ là một thông, hết thầy đều thông. Đoạn này nhằm giảng về Lý, [thường gọi là] Xứng Lý, hội quy tự tánh, tự tánh là Lý.

Vì thế, bậc tối thượng là nghe giáo lý. Kém hơn một bậc là hạng người chưa đạt tới trình độ ấy, nghe giáo nghĩa. Giáo nghĩa cũng là Lý, nhưng Lý ấy chưa viên, chỉ là một phần. Ví như trong Tịnh Độ Tông, kẻ ấy biết các đạo lý của Tịnh Độ Tông, nhưng đạo lý của các tông khác, người ấy chẳng biết. Các đạo lý trong pháp thế gian, người ấy cũng chẳng thể hoàn toàn tương thông, nhưng vẫn là khá lắm, có thể thông đạt một bộ phận, vẫn là có thể dạy được! Nếu ngay cả giáo nghĩa cũng chẳng thể thông đạt, hễ nghe, bèn chấp tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, nghe rồi ghi bút ký cả một đống lớn. Sau đấy mới có thể giảng, khi giảng cũng dùng bút ký để giảng, lia khỏi bút ký sẽ chẳng thể giảng được! Học theo kiểu như vậy, tốn khá nhiều công phu, tận hết sức là học một bộ kinh, người ấy có thể giảng một bộ kinh này, đổi sang bộ khác sẽ chẳng thể giảng được! Nếu thật sự có thể thông đạt giáo nghĩa, sẽ có thể giảng một bộ phận trong Đại Tạng Kinh, những phần tương thông với giáo

nghĩa, người ấy đều có thể giảng, đều có thể hiểu. Nếu hiểu rõ giáo lý, sẽ đối với hết thầy các kinh hoàn toàn chẳng có chướng ngại.

Chuyện này do thầy Lý dạy cho tôi khi ở Đài Trung trước kia. Vì tôi lúc đầu nghe kinh, có ghi bút ký, thầy gọi tôi vào phòng, giảng về ba bậc. Thầy nói: “Anh muốn học theo bậc nào?” Tôi tự mình suy nghĩ, về Lý bèn là thượng căn, tôi chẳng có cách nào [học được], nhưng giáo nghĩa là bậc trung thì vẫn còn được. Sau đây, tôi không ghi bút ký nữa, tôi học với thầy mười năm chẳng ghi bút ký. Cùng phức giảng với các bạn học, tôi cũng chẳng dùng bút ký, hoàn toàn nhờ vào chính mình thông hiểu ý nghĩa. Do đó, khi thầy giảng kinh, tôi dốc toàn bộ tinh thần lắng nghe, tôi mong nghe hiểu. Sau khi đã hiểu, tôi thích thế nào, bèn giảng thế ấy, tôi hiểu rõ, tôi đã hiểu ý nghĩa. Thậm chí thời gian tôi giảng còn dài hơn thầy Lý, vì sao? Tôi đã hiểu lý, thầy dùng ba câu để giảng xong, tôi có thể dùng mười câu để giảng xong, giảng còn cặn kẽ hơn. Vì thế, quý vị phải hiểu nghĩa lý, chớ nên chấp tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên.

“*Tâm duyên tướng*” là tự mình cân nhắc, nghiên cứu, đó là tâm quý vị đang phan duyên. Đối với Phật pháp, chẳng thể nghiên cứu! Nghiên cứu là dùng thức thứ sáu, tức ý thức. Phật pháp, không riêng gì Thiên Tông bảo quý vị tham cứu, mà Giáo Hạ cũng chưa bao giờ là ngoại lệ! “*Tham*” (參) là gì? Tâm chẳng lưu lại ấn tượng, ý chẳng chấp trước, thức chẳng phân biệt. Vì thức thứ sáu, tức ý thức là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ tám là ghi ấn tượng. Chẳng dùng tâm ý thức, nói cách khác, sẽ là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng lưu lại ấn tượng, đó mới là Tham! Tham cứu và nghiên cứu hết sức khác biệt!

Tham cứu chính là phương pháp tu hành “*nhập lưu vong sở*” như Quán Thế Âm Bồ Tát đã giảng trong kinh Lăng Nghiêm. Từ Sơ Phát Tâm cho đến Vô Thượng Bồ Đề đều dùng phương pháp ấy của Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Nhập lưu vong sở*” là lìa tâm ý thức, Năng lẩn Sở cùng mất, thuần túy dùng công phu nội chiếu. Tâm Kinh nói là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Ngài dùng Quán Chiếu. Sâu hơn công phu Quán Chiếu là Chiếu Trụ. Quán Chiếu là sơ học, Chiếu Trụ thì phải định, tâm địa thanh tịnh. Công phu lại nâng cao hơn thành Chiếu Kiến. Ba tầng công phu ấy, nói theo phía người niệm Phật sẽ là công phu thành phiến, Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn hoàn toàn giống với ba cảnh giới ấy. Công phu thành phiến là Quán Chiếu, Sự nhất tâm bất loạn là Chiếu Trụ, đặc niệm Phật tam-muội, Lý nhất tâm bất loạn là

Chiêu Kiến, cảnh giới hoàn toàn giống như trong Tâm Kinh đã giảng, là cảnh giới của kinh Kim Cang, là cảnh giới của Đại Thừa Khởi Tín Luận, là cảnh giới của kinh Lăng Nghiêm. Cảnh giới của mấy bộ kinh luận ấy đều như nhau, là cảnh giới của Viên Giáo Sơ Trụ và Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát.

Tôi thiểu chúng ta phải biết, tận hết sức đề dần dần xa lìa [các tướng ấy]. Chư vị phải biết: Lìa tướng ngôn thuyết chẳng phải là bảo quý vị từ hôm nay chẳng nói năng, cũng chẳng nghe kẻ khác nói chuyện. [Nếu hiểu như vậy], quý vị đã hiểu sai ý nghĩa mất rồi! Đó là bảo quý vị trong tâm đừng chấp trước, [người khác] truyền đạt ý nghĩa này, ta hiểu ý nghĩa, nhưng chẳng chấp trước ngôn ngữ. Thật sự có thể làm được điều này, khá nhiều cuộc tranh chấp trong Phật môn sẽ chẳng còn nữa! Ví như cô nhân dịch kinh, kinh Di Đà có hai loại bản dịch, đương nhiên hai người dịch sẽ chẳng giống nhau. Nếu quý vị chấp trước tướng văn tự, sẽ phiền toái to, hai người ấy nhất định tranh chấp. Chẳng chấp tướng danh tự, hễ đúng ý nghĩa là được rồi. Ví như có hai người cùng từ một chỗ ở bên Mỹ đến, nay bảo quý vị giới thiệu tình huống nước Mỹ cùng mọi người, chắc chắn hai người ấy chẳng thể nói mỗi chữ đều giống hết nhau, nhưng ý nghĩa trong lời họ nói nhất định chẳng sai, vì sao? Đều là cảnh giới do họ đích thân trông thấy. Do vậy có thể biết, đối với tất cả hết thấy các bản dịch, chẳng thể nói bản này dịch đúng, bản kia dịch chẳng đúng. [Nói như vậy], sẽ là chấp tướng. Đương nhiên khi dịch, có người dịch chi tiết hơn, có người dịch đơn giản hơn. Đó là chuyện có thể xảy ra, nhưng ý nghĩa chắc chắn chẳng sai biệt. Đây là dạy chúng ta trong tâm đừng nên chấp tướng. Chắc chắn là phải sử dụng danh từ, thuật ngữ, vì không dùng sẽ phiền phức. Vì sao có lắm danh từ thuật ngữ chuyên dụng dường ấy? Nhằm thuận tiện trong việc liễu giải! Mỗi ngành nghề đều có thuật ngữ chuyên môn, nhằm thuận tiện trong việc diễn đạt, nên cần phải có công cụ ấy, nhưng quý vị chớ nên chấp trước. Tâm duyên, nói thật ra là vọng tưởng. Quý vị nghe ngôn ngữ, thấy danh tự, trong tâm dấy lên vọng tưởng thì sai mất rồi!

“*Ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng*” (Lìa tướng sai biệt của hết thấy các pháp), đó là nói tổng quát. Xác thực lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vạn pháp bình đẳng, pháp nào cũng đều Như. Kinh Pháp Hoa nói Thập Như Thị, Thiên Thai đại sư triển khai, diễn dịch chúng thành Bách Giới Thiên Như. Bách Giới Thiên Như là tướng sai biệt của hết thấy các pháp. “*Lìa tướng sai biệt của hết thấy các pháp*” là trong hết thấy các pháp, đều không có sai biệt. “Không có sai biệt” là tướng

bình đẳng, tướng thanh tịnh, một tướng. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”, đó là cảnh giới Sự Sự vô ngại. Đây là tự tánh Pháp Bảo.

Do vậy, phải biết: Các thứ sai biệt như đức Phật đã nói là vô sai biệt, vì sao? Xét theo Thể, chẳng có sai biệt. Từ vô sai biệt, nói ra khá nhiều sai biệt, vì sao đức Phật nói như vậy? Nhằm dạy chúng ta liễu giải Thể, Tướng, Dụng của tự tánh đều chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là vô lượng trí huệ, vạn đức, vạn năng, toàn là đức dụng của tự tánh, khiến cho chúng ta hiểu rõ, thấu hiểu chuyện này. Điều đó cũng được gọi là phương tiện thiện xảo trong sự giáo học của Phật pháp. Đối với phương tiện thiện xảo ấy, nhất định cần phải là người thật sự nhập Lý, “*nhập*” là khế nhập, Lý là tánh lý, thì mới biết dùng, dùng thích đáng giống như Phật, Bồ Tát. Nếu chẳng nhập Lý, hoàn toàn dùng vọng tưởng, chấp trước của chính mình để vận dụng Phật pháp, sẽ biến khéo thành vụng. Hiểu lệch lạc nghĩa lý của kinh, không chỉ chẳng thể tự lợi, lợi tha, mà còn là tự hại, hại người. Trong Phật pháp thường gọi điều đó là “*ma thuyết*”.

(Sao) Tâm thể bản tự bất nhị, tức Tăng Bảo.

(鈔) 心體本自不二，即僧寶。

(Sao: Tâm Thể vốn là bất nhị, đó chính là Tăng Bảo).

Tăng có nghĩa là hòa hợp. Bất Nhị là hợp, Nhị sẽ chẳng hợp. Vì sao chúng ta chẳng hòa hợp với hết thầy mọi người, hết thầy vật? Do có hai, [tức là] có tôi, có bạn, có kẻ khác, vạch giới hạn rất rành mạch. Trên thực tế, lấy đâu ra giới hạn? Căn bản là chẳng có giới hạn, giới hạn là một thứ chấp trước sanh từ vọng tưởng của chúng ta. Vọng tưởng, chấp trước ấy cũng chẳng chân thật. Quý vị nghiên cứu Duy Thức thì nhập môn của Duy Thức là Bách Pháp Minh Môn Luận. Pháp sư Chánh Quả có soạn bộ Phật Giáo Cơ Bản Tri Thức, đã giải thích danh tướng và ý nghĩa bao hàm trong mỗi điều của một trăm pháp, giảng rất rõ ràng. So với thời cổ, những vị đại đức thời cận đại [như pháp sư Chánh Quả] giảng Duy Thức dễ hiểu hơn rất nhiều. Từ Hàng Pháp Sư Toàn Tập đa số là giảng Duy Thức, nhưng giảng quá đơn giản, chẳng rõ ràng. Chú giải của cô nhân, tuy giảng ý nghĩa rất viên mãn, nhưng vẫn tự quá sâu, chúng ta chẳng dễ gì đọc hiểu! Hòa hợp là ý nghĩa của Tăng. Tăng còn có nghĩa là thanh tịnh. Nhất là thanh tịnh, Nhị là chẳng thanh tịnh. Hễ “*nhị*” liền tạp loạn.

(Sao) *Cổ viết tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng, dẫn linh quy tự, bất thuyết quy tha.*

(鈔) 故曰自歸依佛，自歸依法，自歸依僧，但令歸自，不說歸他。

(Sao: *Vì thế, nói là tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng, chỉ dạy quy y tự, chẳng nói quy y tha.*)

Tam Quy Y còn gọi là Tam Tự Quy, chư vị phải nhớ kỹ điều này: Nguyên văn Tam Quy Y phát xuất từ phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phạm Hạnh đều giảng về giới luật. Phẩm Phạm Hạnh là pháp tu của Bồ Tát, phẩm Tịnh Hạnh là sơ cấp. Tổ sư đại đức xưa kia thấy ba đoạn kinh văn Tam Tự Quy trọng yếu, nên xếp vào công khóa sáng tối. Tam Tự Quy, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận là tông phái, pháp môn nào, đều là nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất. Phật pháp tu gì vậy? Chúng ta tu giác, chánh, tịnh, chúng ta học cũng là giác, chánh, tịnh, chúng ta cầu vẫn là giác, chánh, tịnh. Do đó, Phật Giáo không mê tín. Thừa cùng chư vị, đạt được giác, chánh, tịnh thì hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian thứ gì quý vị cũng đều đạt được. “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Chẳng có thứ gì không đạt được, vì sao? Vì hết thấy các pháp đều do tự tánh biến hiện, hết thấy các pháp đều do tự tánh cảm ứng. Nhân quả là đạo lý cảm ứng rất rõ rệt, chúng ta thường nói “thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác quả”. Tự tánh giác, chánh, tịnh thuần thiện, vô ác, có thiện quả nào mà chẳng thể đạt được? Thấy đều có thể hiện tiền! Do đó, mới biết tầm trọng yếu của Tam Quy Y. Nói tới tám vạn bốn ngàn pháp môn hay vô lượng pháp môn thì “*pháp*” là phương pháp, “*môn*” là môn kính (門徑: đường ngõ), bất luận phương pháp gì, hay môn kính gì, nay chúng ta nói là phương pháp và cách thức, vô lượng vô biên phương pháp và cách thức, thấy đều nhằm tu giác, chánh, tịnh, đến cuối cùng tất cả gộp về Tam Quy Y, mới biết sự trọng yếu của Tam Quy.

Tam Quy Y là quy y Tự Tánh Tam Bảo, “*quy*” (歸) là quay về, “*y*” (依) là nương cậy. Từ trái nghịch tự tánh mà quay lại để hết thấy đều thuận theo tự tánh. Đấy chính là Tam Quy Y chân chánh. Chúng tôi nói rõ rệt, nông cạn hơn một chút, sẽ là từ mê hoặc, điên đảo quay trở lại, nương vào tự tánh giác, đó là quy y Phật. Giác là gì, mê là gì, phải hiểu

rành rẽ các định nghĩa ấy. Kinh luận dạy chúng ta: Giác tâm bất động; hễ động bèn gọi là vô minh, “*do một niệm bất giác, bèn có vô minh*”. Thường gìn giữ cái tâm bất động, trong hết thấy các cảnh giới thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là tự tánh giác. Trong cảnh giới, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, tức là chẳng giác, đã mê! Nói cách khác, ta phải từ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước quay lại, đó mới là quy y Phật. Phải dụng công, phải luyện tập trong cảnh giới, luyện tập không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, luyện những thứ ấy. Hễ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, bèn ngay lập tức niệm A Di Đà Phật, xóa hết sạch vọng niệm, đó mới là Quy Y, mới là “quay đầu”. Thật sự chẳng dễ dàng!

Quy y Pháp, Pháp là tự tánh chánh, Chánh là chánh tri chánh kiến. Quy y Tăng, Tăng là tự tánh tịnh, thanh tịnh vô nhiễm. Tam Quy Y, giác, chánh, tịnh, là một mà ba, tuy ba mà một, do nhất tâm lưu xuất. Chỉ cần lục căn của quý vị ở trong cảnh giới lục trần, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh tịnh. Giác, chánh, tịnh là một mà ba, tuy ba mà một, một Thể mà có ba loại tác dụng. Tác dụng là quan sát từ ba góc độ, chúng là một Thể. Hiểu đạo lý này, không chỉ là trong Phật môn chẳng có tranh luận gì, mà trong hết thấy các pháp thế gian cũng chẳng có tranh luận. Thậm chí đối với yêu ma quỷ quái có tranh luận hay không? Không có. Vì sao? Hễ có phân biệt, chấp trước thì lại mê mất rồi! Vì yêu ma quỷ quái mê, nên mới làm yêu ma quỷ quái; nếu họ giác ngộ, họ vốn là Phật! Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật, do mức độ mê có cạn hay sâu. Mê cạn thì là thiện nhân, mê sâu hơn sẽ là yêu ma quỷ quái. Chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ, chẳng phân biệt, không chấp trước, tâm vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn là giác chứ không mê.

Có người đến hỏi, chúng ta giải thích cho họ, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh cho chúng ta. Khi Ngài giảng, có phân biệt hay không? Có phân biệt: Đây là Phật, đó là Bồ Tát, đó là La Hán, đó là yêu ma quỷ quái. Có sự phân biệt ấy là vì quý vị đã phân biệt, nên Phật thuận theo sự phân biệt của quý vị mà phân biệt. Bản thân Phật, Bồ Tát có phân biệt hay không? Bản thân các Ngài chẳng có phân biệt. Nếu bản thân các Ngài có phân biệt, sẽ là phàm phu, giống như chúng ta. Vì thế, nói là “*nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói*”. “Nói” là thuận theo quý vị mà nói. “Chẳng nói” là trong tâm các Ngài chẳng có phân biệt, không có chấp trước, về căn bản là không có khởi tâm động niệm, Ngài nói ở chỗ

nào? Thật sự, các Ngài chẳng có nói. Nói theo chính các Ngài, các Ngài chẳng nói. Nói theo phía chúng ta, các Ngài nói rất nhiều. Phật Thích Ca đã nói trong bốn mươi chín năm. “*Thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội*”, nói nhiều ngàn ấy. Nếu nói theo chính bản thân Phật Thích Ca, trong bốn mươi chín năm, Ngài một câu cũng chẳng nói. Do đó, kinh Kim Cang đã nói: “*Kẻ nào nói Phật thuyết pháp, chính là bán Phật*”. Câu này nói với người đã nhập Lý thì đúng, chứ người chưa nhập Lý sẽ chẳng hiểu. Rõ ràng là nói trong bốn mươi chín năm, nói nhiều như thế, sao lại bảo “chẳng nói”? Bởi lẽ, phàm phu chấp tướng. Do chấp tướng, nên sẽ chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng danh tự, chấp tướng tâm duyên. Phật Thích Ca nói một đồng lớn như vậy, nói suốt bốn mươi chín năm; nếu quý vị lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên thì Phật Thích Ca một câu cũng chẳng nói! Hy vọng mọi người hiểu rõ ý nghĩa này.

Vì lẽ đó, Phật pháp, bất luận là pháp môn nào, thầy đều hội quy Tự Tánh Tam Bảo. Tự Tánh Tam Bảo là tổng phương hướng, tổng quy túc của hết thầy các pháp môn. Đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà vẫn phải niệm Tam Bảo, đạo lý ở ngay nơi đây. Vì thế, chớ nên nghĩ Tam Bảo có ý nghĩa nông cạn, chớ nên xem thường Tam Bảo. Nói thật thà, hiện thời, do khinh dễ Tam Bảo, nên tuy chúng ta dụng công tu học, mà chẳng tương ứng với Tự Tánh Tam Bảo, công phu kiêu đó chẳng thể đắc lực. Nếu có khí phận tương ứng với Tự Tánh Tam Bảo, công phu sẽ đắc lực, sẽ đi vào nề nếp. Đắc lực nói theo Phật môn là chứng quả, quý vị từ địa vị Sơ Tín, địa vị Nhị Tín, địa vị Tam Tín, dần dần tiến lên khế nhập, tu chứng như vậy. Chẳng tương ứng với Tự Tánh Tam Bảo, dẫu học nhiều, dẫu giảng nhiều, giảng đến nổi hoa trời rơi lả tả, vô dụng, chẳng nhập môn, đều ở ngoài cửa! Địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo cũng chưa đủ tư cách! Có vậy thì mới hiểu tầm quan trọng của việc tương ứng với Tự Tánh Tam Bảo. Do đó, mọi người ngàn vạn phần phải ghi nhớ, Tam Quy Y quyết định chẳng phải là quy y gì khác.

Trụ Trì Tam Bảo có công đức rất lớn, vì không có Trụ Trì Tam Bảo, Phật pháp liền tiêu diệt, chúng ta vĩnh viễn không có cơ hội được giác ngộ. Công đức lớn nhất của Trụ Trì Tam Bảo là khai phát chúng ta: Chúng ta trông thấy tượng Phật, bèn nghĩ đến tự tánh giác. Thấy kinh sách, bèn nghĩ đến tự tánh chánh. Thấy người xuất gia, bèn nghĩ đến tự tánh tịnh. Trụ Trì Tam Bảo có tác dụng ở chỗ này. Công đức ấy rất lớn, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta. Nếu không có Trụ Trì Tam Bảo,

dầu đã hiểu rồi cũng bị quên bẵng, do không có ai nhắc nhở! Trụ Trì Tam Bảo có công đức rất lớn, chúng ta hãy nên tôn trọng.

(Sao) Niệm niệm hoàn quy tự tâm, thị danh chân niệm Tam Bảo.

(鈔) 念念還歸自心，是名真念三寶。

(Sao: Niệm niệm quy hoàn tự tâm, bèn gọi là thật sự niệm Tam Bảo).

Câu này là lời tổng kết của Liên Trì đại sư, phải “*niệm niệm hoàn quy tự tâm*” tức là niệm niệm hoàn quy Tự Tánh Tam Bảo. Tôi nói rõ hơn một chút, tức là niệm niệm lia hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, sẽ hội quy tự tánh. Nếu niệm niệm vẫn còn chấp trước tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên, sẽ xa lia Tam Bảo, chẳng quy y Tam Bảo. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 175

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi:

(Kinh) Xá Lợi Phất, nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật? Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

(Sớ) Khủng nghi Tịnh Độ hà nhân nhi hữu súc sanh, bất phù Pháp Tạng bốn nguyện, cố minh bỉ quốc thật vô ác đạo, dĩ bỉ Phật dục linh pháp biến nhập nhĩ, thần lực biến hóa, phi chân súc sanh cố, hựu bất đồng thiên điều năng thuyết pháp cố.

(經) 舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。

(疏) 恐疑淨土何因而有畜生，不符法藏本願，故明彼國實無惡道，以彼佛欲令法遍入耳，神力變化，非真畜生故，又不同天鳥能說法故。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ông chớ nói những con chim ấy thật sự sanh từ tội báo. Vì có sao vậy? Cõi đức Phật ấy chẳng có ba ác đạo. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn chẳng có cái tên ác đạo, huống là thật sự có! Các con chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu mà biến hóa tạo ra.

Sớ: Sợ [người nghe] sẽ nghi cõi Tịnh Độ do nhân gì mà có súc sanh, chẳng phù hợp với bốn nguyện của ngài Pháp Tạng, nên nói rõ cõi ấy thật sự chẳng có ác đạo, mà vì đức Phật muốn cho pháp được nghe trọn khắp, nên dùng sức thần thông mà biến hóa, chứ chẳng phải là súc sanh thật sự. [Những con chim ấy] lại chẳng giống chim cõi trời vì chúng có thể thuyết pháp).

Lời văn giải thích rất đơn giản. Trong phần trước đã nói hữu tình thuyết pháp trong thế giới Tây Phương, đặc biệt nói tới các loài chim nhiều màu sắc. Trong Đại Bản, nguyện thứ nhất trong bốn mươi tám nguyện đã nói rất rõ ràng: Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo. Chẳng có ba ác đạo, nhưng những con chim này thuộc về súc sanh đạo, có sao lại có chim? Kinh văn đặc biệt dạy rõ: Xác thực là Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có súc sanh đạo. Vì sao chẳng có súc sanh đạo? Trong kinh Vô Lượng Thọ đã giảng nguyên nhân rất rõ rệt. Lục đạo là quả báo, quả báo thì đương nhiên phải có nghiệp nhân. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có cái nhân là Tam Độc tham, sân, si, bất cứ một người nào trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều chẳng có ý niệm tham, sân, si, hoàn toàn chẳng có những vọng tưởng ấy, nên Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có quả báo tam đồ. Chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng điều này: Hễ có nhân, ắt có quả; có quả thì nhất định phải có nhân. Thế giới này của chúng ta không chỉ là ác đạo nhiều, mà còn vô cùng khổ sở! Từ cái nhân, chúng ta có thể thấy được, Tam Độc phiền não không ngừng tăng trưởng, mỗi năm một nghiêm trọng hơn, liền biết quả báo tam đồ ngày càng rộng lớn hơn. Người đọa vào trong ấy rất đông, đó là đạo lý nhất định. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo, những con chim ấy ở đâu ra? Đức Thế Tôn bảo: Những con chim ấy do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra nhằm mục đích thuyết pháp. Lời Sao đã giải thích tỉ mỉ ý nghĩa này.

(Sao) Hà nhân giả?

(鈔) 何因者。

(Sao: Do nhân nào?)

Nhân duyên gì vậy?

(Sao) Ngu si ám tế dĩ vi chi nhân, sanh súc sanh thú.

(鈔) 愚痴暗蔽以為之因，生畜生趣。

(Sao: Do bị ngu si tối tăm che lấp làm nhân, nên sanh trong đường súc sanh).

Nêu ra nghiệp nhân của ác đạo; nghiệp nhân của súc sanh đạo là ngu si, [nghiệp nhân của] ngã quý đạo là tham ái, [nghiệp nhân của] địa ngục đạo là sân khuê. Thật ra, nhân duyên khá phức tạp. Cách nói trên đây là nói theo cái nhân bậc nhất, tức là cái nhân quan trọng nhất. Nếu chúng ta thấu hiểu ý nghĩa sâu xa trong lời Phật nói, chắc chắn là đức Phật nói lời chân thật, trong cuộc sống hằng ngày, bản thân chúng ta phải nên biết tự kiểm điểm: Từ sáng đến tối, chúng ta khởi tâm động niệm có những ý niệm ấy hay chẳng? Đối với tham, sân, si, dễ dàng nhận biết tham, sân khuê cũng dễ dàng cảm nhận, nhưng ngu si chẳng dễ gì cảm nhận! Ngu si là hồ đồ, mê hoặc, đối với hết thảy các Sự Lý trước mắt, chẳng thể phân biệt tà, chánh, đúng, sai, điên đảo, lầm loạn. Đó là ngu si! Đang ngu si thì làm sao quý vị có thể cảm nhận được? Rất khó! Nếu chẳng đọc sách thánh hiền, quý vị sẽ chẳng biết chính mình là ngu si. Kẻ ngu si sẽ chẳng nói chính hăc là ngu si, giống như kẻ uống rượu say sưa chẳng thừa nhận chính mình đã say! Vì thế, nhất định phải đọc sách thánh hiền.

Sách thánh hiền là tiêu chuẩn để phân định trí và ngu. [Nói đến] tiêu chuẩn trong sách thánh hiền thì tuyệt đối chẳng phải là những tiêu chuẩn dựa trên kiến giải của thánh hiền, bởi loại thánh hiền ấy (thánh hiền viết sách dựa trên kiến giải của chính mình) cũng chẳng đáng cho chúng ta tôn kính. Tiêu chuẩn trong sách thánh hiền phải là lấy tự tánh của đương nhân làm tiêu chuẩn, tức là [lấy] Tánh Đức của chúng ta [làm tiêu chuẩn]. Bản thân chúng ta chẳng thể nhận biết Tánh Đức của chính mình, chẳng thể tỉnh ngộ, các vị thánh hiền đã chỉ điểm, cảnh tỉnh, khiến cho chúng ta giác ngộ. Ngay như Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà

Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy! Nói đến tiêu chuẩn thì toàn là tự tánh do chính mình sẵn có, điều ấy mới đáng cho chúng ta kính nể. Vì vậy, đọc sách thánh hiền, học thánh, học hiền, chẳng phải là bị người ta xỏ mũi dắt đi, mà là tự giác. Có như vậy thì mới hiền thị sự chí thành vô tư của bậc đại thánh đại hiền, vượt thoát [khuôn khổ của] tôn giáo. Tôn giáo xỏ mũi con người lôi đi, buộc chúng ta đi theo họ, Phật pháp dạy mỗi người độc lập, chẳng đi theo bất cứ kẻ nào, đây chính là chỗ đáng cho chúng ta tôn kính, bội phục đức Phật. Đây là nêu ra nhân tố thứ nhất: Do ngu si, tối tăm che lấp làm nhân mà sanh trong súc sanh đạo.

(Sao) Xan tham tật đố dĩ vi chi nhân, sanh ngã quỷ thú.

(鈔) 慳貪嫉妒以為之因，生餓鬼趣。

(Sao: Do keo kiệt, tham lam, ganh ghét làm nhân, mà sanh trong đường ngã quỷ).

Người Hoa thường nói: “Người chết thành quỷ”, cách nói ấy rất võ đoán! Trong lục đạo luân hồi, làm sao quý vị có thể đoán quyết người ấy sẽ làm quỷ? Cơ hội để một người đầu thai làm quỷ là một phần sáu. Mọi người đều nói như vậy, nhưng nghĩ ra cũng có một chút đạo lý. Đạo lý ở chỗ nào? Quý vị nói xem có kẻ nào chẳng tham? Kẻ nào chẳng có tâm ganh ghét? Keo kiệt, tham lam, ganh tỵ đích xác là chiếm đại đa số. Nói cách khác, đại đa số con người sau khi đã chết bèn vào quỷ đạo!

“Xan” (慳) là keo kiệt, chính mình có, nhưng chẳng thể bỏ được, chẳng thể bỏ thí. “Tham” (貪) là tham lam, mong có được. Chính mình chẳng có, bèn hy vọng có thể đạt được. Xan tham là căn bản của các căn bản phiền não; trong ấy có ngu si. Nếu kẻ nào chẳng ngu si, sẽ tuyệt đối chẳng xan tham. Chính vì ngu si, nên mới biểu hiện thành xan tham và sân khuê. Một người thật sự giác ngộ, hiểu biết, sẽ chẳng làm những chuyện hồ đồ, lại còn biết bố thí là tu phước thật sự. Trong hết thầy các kinh, đức Phật luôn dạy: Quý vị tu tài bố thí, tiền của sẽ đời đời kiếp kiếp chẳng thiếu khuyết, vì sao? Quý vị đã gieo cái nhân tốt đẹp. Tiền của chẳng thiếu khuyết, tốt lắm! Chẳng thiếu thốn, sẽ tự tại lắm! Chẳng cần phải chiếm hữu, chẳng cần phải tích góp. Kinh Tiều Thừa có dạy: “Tích tài táng đạo”, chôn vùi đạo gì vậy? Chôn vùi đạo bố thí. Lục Độ là Bồ Tát đạo, hễ tích tụ tài sản bèn chôn vùi đạo Bồ Tát. Đức Phật chẳng dạy chúng ta tích góp tiền tài. Hễ có tiền tài, bèn bố thí hết. Quý vị bố thí hết, khi cần tới, chắc chắn sẽ có, chẳng bị khuyết thiếu. Người thế

gian học Phật, nhưng chẳng tin Phật! Chẳng dám tin lời dạy này của đức Phật, sợ ta bỏ thí hết sạch, ngày mai cần dùng sẽ chẳng có, làm như thế nào đây? Đó là chẳng tin tưởng Phật!

Người học Phật nhiều, kẻ tin Phật rất ít. Đừng nói là các vị đồng tu tại gia rất ít người tin Phật, người xuất gia cũng chẳng ra ngoài lệ ấy! Tôi xuất gia được hai năm mới thọ giới. Sau khi thọ giới, đến Đài Trung lễ tạ thầy. Vừa gặp mặt thầy Lý, câu đầu tiên thầy Lý bảo: “*Ông phải tin Phật!*” Tôi nghe như vậy rất đổi kinh ngạc! Thầy liền giải thích: “Ông đã học Phật nhiều năm ngàn ấy, cũng đã xuất gia, nay đã thọ giới. Vì sao tôi vẫn nói với ông hai chữ ấy? Hai chữ ấy thật sự chẳng dễ dàng! Tin Phật thì mới có thể đạt thành tựu”. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông, Tín, Nguyện, Hạnh, quý vị chẳng tin tưởng, Nguyện sẽ chẳng thật, Hạnh cũng chẳng thể đắc lực. Do đó, nhất định phải tin tưởng. Tin tưởng những câu nói trong kinh, câu nào cũng đều là chân thật, quý vị chỉ cần làm theo, y giáo phụng hành, quyết định đạt được lợi ích. Nếu quý vị trái nghịch, kẻ thua thiệt là chính mình. Vì thế, Tín rất quan trọng. Thầy dạy: “*Từ xưa tới nay, rất nhiều người xuất gia suốt đời chẳng làm được một chữ Tín*”. Do điều này có thể biết, một chữ Tín đúng là khó! Quý vị còn có ngu si, còn có xan tham, sẽ chẳng tin. Người thật sự tin Phật, chắc chắn chẳng có tâm tham; người thật sự tin Phật, tâm địa chắc chắn thanh tịnh. Vì sao tâm thanh tịnh? Tín tâm thanh tịnh! Mê tâm chẳng thanh tịnh. Mê là hôn trược, là ngu si, tôi tâm che lấp, đã mê mất rồi! Giác tâm là thanh tịnh.

Thật sự tin tưởng Phật, chúng ta sẽ tận tâm tận lực giúp Phật hoằng pháp từng chút một, giúp đỡ hết thảy chúng sanh nhập Phật môn, quý vị làm chuyện này, đó là bỏ thí chân thật. Quý vị phải có trí huệ, vì sao? Trong thế gian này, Phật Giáo giả danh quá nhiều. Quý vị giúp đỡ Phật Giáo giả mạo, sẽ quên khuấy Phật Giáo chân thật, tu phước kiêu đó là tu vào đâu? Giống như gieo hạt giống trên đá hoặc vùi trong cát, nó vĩnh viễn cũng chẳng thể nảy mầm, chẳng mọc lên được, vì lẽ nào? Đó là ngu si, chẳng biện định chân, vọng, tà, chánh chẳng phân, sai lầm mất rồi! Vì lẽ đó, nhất định phải hiểu biết Phật pháp chân chánh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, trong Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát có nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, nhìn từ biểu hiện bề ngoài và hình thức, Phật pháp chẳng bằng ngoại đạo, phước đức và tướng hảo của người xuất gia cũng thua kém ngoại đạo. Trong thời kỳ Mạt Pháp, ngoại đạo mạnh mẽ dường ấy. Họ có thể lực, có đại phước báo, tướng hảo trang nghiêm vượt trội

không chỉ gấp mười, gấp trăm lần đệ tử Phật. Đại chúng chỉ nhìn vào bề ngoài, như ong vỡ tổ đi theo, đó gọi là “kẻ đui dẫn lũ mù, dắt nhau vào hồ lửa”. Quý vị gặp đệ tử Phật thật sự sẽ coi thường, vì sao? Thấy người ấy ăn mặc rách nát, tả tơi, cơm bữa có bữa không, đáng vẻ đáng thương như thế đó, làm sao quý vị coi trọng người ấy cho được? Quý vị xem thường người ấy. Càng bị mọi người coi thường, Phật pháp sẽ dần dần suy diệt. Chánh pháp chẳng còn, tà pháp ngoại đạo dần dần hưng vượng, tín đồ đông đảo, tài lực hùng hậu. Họ sẵn tiền nên có thể bao cả đài truyền hình để tuyên truyền pháp môn của họ. Vì thế, người tu phước mà chẳng có trí huệ chân chánh, sẽ chẳng tu được phước. Người có phước nhất định có trí huệ; có trí huệ thì mới biết hãy nên tu học như thế nào!

Tu tài bố thí, tiền của sẽ chẳng khuyết thiếu. Tu pháp bố thí, được thông minh trí huệ, chẳng ngu si. Tu vô úy bố thí, được khỏe mạnh, sống lâu. Tu nhân, có nhân thì mới có quả; chẳng có nhân, lấy đâu ra quả báo? Nhân duyên quả báo chân thật, chẳng hư huyền, chúng ta phải nhớ điều này. Chúng ta hãy nên nghiêm túc nỗ lực thực hiện, làm theo lời Phật đã dạy. Chúng ta có cầu hay không? Quý vị điều gì cũng chẳng cầu thì mới là thứ gì cũng chẳng thiếu khuyết. Ta tu bố thí trong Phật môn, hề ta có cầu, tức là ta đặt điều kiện với Phật, Bồ Tát, cái tâm ấy chẳng thanh tịnh: “Nay con đến sửa chùa, đến cúng dường quý Ngài, hy vọng quý Ngài phù hộ cho con thăng quan phát tài. Hề con phát tài một ngàn vạn, sẽ bố thí mười vạn”. Chắc chắn chẳng thể nào có chuyện ấy được! Trong Phật môn, phải dùng cái tâm thanh tịnh để tu phước, tu huệ. Dục vọng, mong cầu gì cũng đều chẳng có, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, tâm thanh tịnh có thể sanh ra vạn pháp. Phật môn gọi “*có thể sanh ra vạn pháp*” là “*có cầu ắt ứng*”, chắc chắn là chẳng khuyết thiếu. “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), trọn chẳng phải là Phật, Bồ Tát ban cho quý vị, mà là trong tự tánh của quý vị vốn sẵn đầy đủ. Vì tâm quý vị đã thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh vốn sẵn trọn đủ hết thảy các pháp, tùy tâm tùy niệm liền khởi hiện hành. Vì tâm quý vị được tự tại, nên trí huệ và phước đức ẩn giấu trong bản tánh của quý vị cũng tự tại hiển lộ, đạo lý là như vậy đó, hữu cầu tất ứng! Chẳng phải là Phật, Bồ Tát đặc biệt ban cho quý vị, Phật chẳng làm chuyện ấy!

Đây cũng là nói rõ vì sao đức Phật dạy chúng ta tự tu. Tu là gì? Trừ khử những chướng ngại đối với trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh. Tham, sân, si là chướng ngại. Trí huệ và đức năng của hết thảy chúng sanh và hết thảy chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác. Điều

sai khác là trí huệ và đức năng của các Ngài hiện tiền khởi tác dụng, các Ngài được thụ dụng. Chúng ta tuy có, nhưng bị tham, sân, si che lấp, chẳng khởi tác dụng, khổ ở chỗ này. Đức Phật dạy chúng ta các phương pháp diệt trừ chướng ngại, [khiến cho] trí huệ và đức năng của chúng ta lại được hiện tiền, chuyện là như thế đó. Tuyệt đối chẳng phải là Phật, Bồ Tát ban cho chúng ta, phù hộ khiến cho chúng ta đạt được, chẳng có chuyện ấy!

(Sao) Thập Ác, Ngũ Nghịch dĩ vi chi nhân, sanh địa ngục thú.

(鈔) 十惡五逆以為之因，生地獄趣。

(Sao: Thập Ác, Ngũ Nghịch làm nhân, sanh trong đường địa ngục).

Nghiệp nhân của địa ngục đạo là Thập Ác, Ngũ Nghịch. Kinh Vô Lượng Thọ nói tới Ngũ Thống, Ngũ Thiêu, tức là nói tới ác nhân và ác báo. Trong ác báo, Thống (痛) là hoa báo, hoa báo tức là quả báo trong đời hiện tại. “Thiêu” (燒) là quả báo, quả báo là địa ngục báo. Địa ngục hàn băng cũng là một vầng [đau khổ nung nấu] hừng hực, nên dùng chữ Thiêu để biểu thị. Thập Ác là thân tạo giết, trộm, dâm; miệng nói dối, nói đôi chiều (dâm thọc thị phi), ác khẩu, nói thêu dệt (ỷ ngữ). Chúng ta thường nói “ỷ ngữ” (綺語) là hoa ngôn xảo ngữ, nói hết sức êm tai, nhưng chẳng có ý tốt lành gì cả, mong ngấm ngấm hãm hại kẻ khác. Kể cả hết thấy các tuồng tích, ca múa trong xã hội hiện thời, nội dung toàn là dạy con người giết, trộm, dâm, dối. Những thứ ấy đều thuộc về “ỷ ngữ”. Ba nghiệp của ý là tham, sân, si. Gộp [những điều ấy lại] thì là Thập Ác, chúng ta phải thường xuyên kiểm điểm những điều này! Tương phản với Thập Ác là Thập Thiện, đó là giới luật cơ bản nhất phải tuân thủ của người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu ngay cả Ngũ Giới và Thập Thiện mà đều chẳng làm được, dấu niệm Phật hiệu giới giang cách mấy, chắc chắn quý vị chẳng thể vãng sanh, vì sao? Vì thế giới Tây Phương là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (chỗ của những vị thiện nhân bậc thượng nhóm họp). Ba nghiệp thân, ngữ, ý của quý vị đều chẳng lành, làm sao có thể ở chung với họ cho được? Dẫu A Di Đà Phật hoan nghênh quý vị đến đó, quý vị chẳng thể chung sống với đại chúng, nên vẫn chẳng thể vãng sanh! Vì thế, phải nghiêm túc tu Ngũ Giới, Thập Thiện, quyết định chẳng thể vi phạm! Thật sự mong vượt thoát tam giới,

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này thì ngàn muôn phần phải ghi nhớ điều này!

“*Ngũ Nghịch*”: Nghịch (逆) là phản nghịch. Đây là tội cực nặng, có năm loại:

- Thứ nhất là giết cha, thứ hai là giết mẹ. Ân đức của cha mẹ vô cùng to lớn. Nhờ cha mẹ, chúng ta mới có thân thể này. Cha mẹ có ân dưỡng dục, đã chẳng thể báo đáp, lại còn muốn sát hại, quyết định đọa trong A Tỳ địa ngục.

- Điều thứ ba là giết A La Hán. Nói theo cách thông thường, A La Hán chính là thầy. Thầy là cha mẹ của Pháp Thân, trong Phật pháp gọi trí huệ của chúng ta là Pháp Thân huệ mạng. Con người có hai cái mạng, một là thân mạng, hai là huệ mạng. Thân mạng do cha mẹ mà có, huệ mạng nhờ nơi thầy. Vì thế, “*hiếu thân tôn sư*” thường được nói song hành. Ân đức của thầy chẳng khác ân đức của cha mẹ. Giết hại thầy giống như giết A La Hán, tất nhiên đó là cái nhân gây tội đọa địa ngục.

- Điều thứ tư là “*làm thân Phật chảy máu*”. Phật là vị thầy sáng lập giáo, có ân đức bậc nhất đối với chúng sanh trong chín pháp giới, Phật được gọi là “*nhân thiên nhĩn mục*” (tròng mắt của trời lẫn người). Pháp Thân huệ mạng của hết thầy chúng sanh đều trông cậy vào Ngài. Phật có phước báo quá lớn, không ai có thể làm hại Phật, nhưng khiến cho Phật chảy máu một chút thì có thể, tội ấy cũng rất nặng. Đương nhiên, hiện thời đức Phật chẳng trụ thế, đức Phật đã viên tịch hơn ba ngàn năm, nhưng có Đấng Lưu Tội⁶⁸, tương đương với thân Phật là tượng Phật. Do cái tâm sân khuyển, hoặc ác tâm hủy hoại tượng Phật, sẽ giống như làm cho thân Phật chảy máu. Đó là tội Ngũ Nghịch. Nếu vô ý thì chẳng phạm tội nặng nề ngàn ấy.

- Tội thứ năm là “*phá hòa hợp Tăng*”. Phá hoại Tăng đoàn cũng là tội đọa địa ngục. Nay chúng ta ở trong thế gian này, vẫn chưa thấy có Tăng đoàn hòa hợp. Hiện thời có nhiều đạo tràng hủy báng lẫn nhau, họ có tạo tội Ngũ Nghịch hay không? Vẫn chưa phải! Vì sao? Vì bản thân [các đoàn thể ấy] chưa phải là một Tăng đoàn thật sự. Nếu chính họ là một Tăng đoàn chân chánh, đoàn thể ấy có từ bốn người trở lên ở chung với nhau, đều cùng tu Lục Hòa Kính, nếu quý vị phá hoại, hủy báng, tội lỗi sẽ là tội đọa địa ngục. Có lẽ là có một Tăng đoàn như vậy ở trong hay ngoài nước, nhưng tôi chưa thấy, kể cả chính đạo tràng của chúng ta ở đây cũng chẳng phải là một Tăng đoàn Lục Hòa Kính. Nếu Đài Loan thật sự có thể xuất hiện một đạo tràng như vậy, hai ngàn vạn đồng bào đều hưởng phước lây, vì sao? Nơi này chẳng bị tai nạn. Điều ấy tùy

thuộc có người thật sự triệt để hy sinh lợi ích của chính mình hay không? Hai điều cơ bản nhất trong Lục Hòa Kính là kiến hòa đồng giải và lợi hòa đồng quân. Có thể thật sự buông bỏ lợi dưỡng, vứt bỏ thành kiến, kiến giải giống nhau, chẳng có thành kiến, tâm địa thanh tịnh. Đó là cơ sở, mà cũng vô cùng khó bỏ được! Tục ngữ Trung Hoa có câu: “*Nhân bất vị kỷ, thiên tru địa diệt*” (Kẻ chẳng vì mình, trời tru, đất diệt). Đoàn thể Lục Hòa Kính chẳng vị kỷ, người bình phàm nói là “trời tru, đất diệt”, trên thực tế, đoàn thể ấy đã vượt ngoài trời đất, người ta đã làm Phật rồi! Nói là “*trời tru, đất diệt*” cũng rất có lý, vì sao? Trong trời đất chẳng có hạng người ấy, những người ấy là Phật, Bồ Tát tái lai. Trong lục đạo chẳng có, các Ngài đã vượt thoát lục đạo. Do tâm thái hành trì ấy, trong hiện tiền, người ấy đã vượt thoát lục đạo. Bốn người có thể cộng tu tại một chỗ, Đài Loan sẽ thật sự có phước.

(Sao) Danh tam ác đạo.

(鈔) 名三惡道。

(Sao: Gọi là ba ác đạo).

Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là ba ác đạo.

(Sao) Dĩ lục đạo trung, thiên vi tối thiện, nhân đạo thứ chi, Tu La giới hồ thiện ác chi trung, cố độc thử tam, tối danh vi ác.

(鈔) 以六道中，天為最善，人道次之，修羅介乎善惡之中，故獨此三，最名為惡。

(Sao: Do trong lục đạo, thiên là thiện nhất, nhân đạo kém hơn, Tu La lẫn lộn giữa thiện và ác, nên chỉ riêng ba đường này được gọi là ác nhất).

Trong lục đạo, “*thiên đạo tối thiện*”. Dục Giới Thiên do cái nhân thượng phẩm Thập Thiện cảm thành. Tương phản với Thập Ác là Thập Thiện, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không ác khẩu, không nói dối chiều, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si, người như vậy sẽ sanh lên cõi trời. Thượng phẩm Thập Thiện sanh lên cõi trời. Chỉ cậy vào Thập Thiện thì chỉ có thể sanh đến cõi trời Đạo Lợi. Đối với bốn tầng trời ở phía trên Dục Giới là Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, nếu chỉ tu Thập Thiện sẽ không thể đến đó được. Siêu độ hữu dụng hay chẳng? Hữu dụng! Siêu

độ là tu phước, ban tặng phước đức của chúng ta cho người ấy. Sự gia trì trong Phật pháp là tặng cho người ấy, chúng ta tu phước nhưng chẳng cần đến, tặng cho người ấy, người ấy có thể tiếp nhận, nhưng người ấy nương vào phước báo đó thì cao nhất là chỉ có thể sanh lên trời Đao Lợi. Lương Vũ Đế là một vị hộ pháp lòng lẫy trong Phật môn, là một đệ tử Phật kiên thành. Sau khi phi tử [là Hy Thị] đã chết, nhà vua bèn thỉnh ngài Bảo Chí Công chủ trì pháp hội siêu độ. [Các khoa nghi trong] Phật sự ấy được ghi lại thành Lương Hoàng Bảo Sám, tu pháp môn sám hối. Ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát chủ trì pháp hội để siêu độ bà ta (Hy Thị), cũng bất quá siêu độ tới cõi trời Đao Lợi mà thôi, không thể lên cao hơn tầng trời Đao Lợi được!

Chư vị lại xem A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh do ngài An Thế Cao phiên dịch. An Thế Cao là cao tăng đắc đạo. Sau khi dịch kinh xong, Sư sang Giang Nam siêu độ sư huynh đệ trong đời trước, nay đang đọa lạc trong súc sanh đạo, làm long vương hồ Cộng Đình. Ông ta mang thân rắn, là một con rắn to, thuộc về súc sanh đạo. Vị long vương ấy phước báo rất lớn, vì kiếp trước ông ta đã “*minh kinh, bố thí*”, nghĩa là giảng kinh, thuyết pháp rất giỏi, lại chịu bố thí. Vì sao đọa lạc trong thân rắn? Do chẳng đoạn tâm sân khuê. Vì thuở ấy, ông ta đi thác bát (khất thực). Khi khất thực chẳng được, trong tâm rất bực bội: “Người tốt lành như ta, sao nay chẳng có cơm mà ăn?” Trong tâm có chút bất bình, có chút oán hận. Quý vị hãy nghĩ xem, do một chút sân khuê nhỏ nhất như thế, dẫn tu hành tốt đẹp như vậy mà hãy còn phải đọa trong ác đạo. Nếu chính mình chẳng tu hành, hễ còn có ác niệm ấy, quý vị biết tương lai sẽ sanh về nơi đâu? Vị ấy làm long vương trong hồ, vì đời quá khứ đã giảng kinh, nên có thần thông, biết quá khứ, vị lai, đó là trí huệ. Lại còn bố thí, nên phước báo rất lớn. Người trong phạm vi một ngàn dặm chung quanh hồ đều đến lễ bái ông ta. Người đến cầu xin thường là rất linh nghiệm; đời trước, ông ta thông đạt Phật lý, giảng kinh, thuyết pháp, nên [đời này, làm long vương] rất linh nghiệm, có phước báo.

Nhưng thân cũng có thọ mạng, ngài An Thế Cao đến độ ông ta, vì thọ mạng của ông ta sắp chấm dứt. Vị thần ấy thấy An Thế Cao, thấy bạn học cũ, người bạn học cũ niệm chú rồi mới gọi ông ta ra cho mọi người thấy. Ông ta ngượng ngùng chẳng muốn ra. Sư bảo nhất định phải ra, có như vậy thì mới có thể diệt tội. Ông ta mới từ khám thờ Phật chậm rãi bò ra, là một con rắn to, trông thấy An Thế Cao liền ứa nước mắt. Ông ta cậy ngài An Thế Cao tu phước giùm, dùng cách thức gì để tu phước? Là đem tài vật trong miếu thờ biếu tặng hết cho An Thế Cao.

Ngài An Thế Cao bèn dựng một ngôi chùa tại Nam Xương, đặt tên là chùa Đại An⁶⁹, là ngôi chùa bậc nhất ở Giang Nam. Do phước báo ấy, vị thần rắn đó sanh lên Đạo Lợi Thiên. Siêu độ [bằng cách] tu phước thì cao nhất là chỉ có thể sanh lên Đạo Lợi Thiên. Để sanh lên [các cõi trời] cao hơn, cần phải cậy vào sự tu Định của chính mình.

Tu Định là một danh từ phổ biến trong Phật Giáo, vì bất luận tông nào hay pháp môn nào trong Phật pháp, thường nói là “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, quý vị chỉ cần y giáo tu hành thì đều gọi là “tu Định”, [bởi lẽ] phương pháp khác nhau, nhưng mục đích như nhau. Ví như trong Thiên Tông gọi là Thiên Định, Giáo Hạ gọi là Chỉ Quán, tông Thiên Thai có Thiên Thai Chỉ Quán, Hoa Nghiêm có Pháp Giới Quán, Tịnh Độ Tông có nhất tâm bất loạn, công phu thành phiền, tuy cách nói khác nhau, nhưng thấy đều là tu Định. Nhưng Định ấy chưa tu thành công, dầu chưa tu thành, người ấy đã có công phu định lực. Tùy thuộc công phu định lực sâu hay cạn mà sanh trong bốn tầng trời phía trên của Dục Giới. Nếu công phu định lực thành tựu, thật sự đắc Định, liền sanh trong Sắc Giới Thiên, chẳng phải là Dục Giới Thiên. Chẳng có Ngũ Dục tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ thì mới có thể đạt đến Sắc Giới. Do điều này có thể biết: Trong tâm còn chưa đoạn trừ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, dầu tu tốt đẹp đến mấy, dầu công phu Thiên Định sâu đến mấy, vẫn là Dục Giới Thiên, chẳng đến được Sơ Thiên. Thật sự đạt đến Sơ Thiên, quyết định chẳng động tâm đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Từ Sơ Thiên trở lên, không chỉ phải tu Định, mà còn phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Có Thiên Định thật sự, lại còn phải có từ bi hỷ xả, thì mới có thể sanh trong Sắc Giới hoặc Vô Sắc Giới. Do vậy, thiên đạo thù thắng. “*Nhân đạo thứ chi*”: Nhân gian kém cõi trời, nhưng tốt đẹp hơn bốn đường kia, chỉ thua thiên đạo.

“*Tu La giới hồ thiện ác chi trung*” (Tu La lẫn lộn giữa thiện và ác), từ cõi trời Đạo Lợi trở xuống đều có A Tu La, ngoại trừ địa ngục. A Tu La thì Dục Giới Thiên có, loài người cũng có, quỷ đạo có, súc sanh đạo có. Tánh chất đặc biệt của A Tu La là có phước, nhưng chẳng có đức hạnh, cũng là do đời trước tu phước, chẳng tu huệ. Trong khi tu phước, đã xen lẫn kiêu căng, ngã mạn. Làm công đức trong Phật môn, người ấy cũng chịu bỏ tiền, bỏ sức, nhưng tâm hiếu thắng mạnh mẽ: Người khác bỏ ra một vạn đồng, ta bỏ ra một vạn một, ta phải vượt kẻ ấy, chẳng thể ở sau hắn. Dùng tâm thái ấy tu phước, quả báo sẽ là A Tu La. Người ấy cũng tu đạo, nhưng tu A Tu La đạo! Người ấy có tâm sân hận, tâm ganh

ty, chẳng dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính đê tu, mà dùng cái tâm kiêu căng, ngã mạn đê tu phước trong Phật môn. Tùy thuộc người ấy tu phước lớn hay nhỏ, mà A Tu La cũng có thể lực lớn hay nhỏ khác biệt. Thiên, nhân, A Tu La được gọi là ba thiện đạo. Súc sanh, ngựa quỳ, địa ngục được gọi là ba ác đạo. Ba ác đạo ấy “*tối danh vi ác*” (được gọi là ác nhất), vì khổ nhất. Do nhân ác, nên quả báo cũng khổ.

(Sao) Phù nhân u tịnh tâm, sanh u Tịnh Độ, hà diêu Tịnh Độ nhi hữu ác đạo.

(鈔) 夫因於淨心，生於淨土，何繇淨土而有惡道。

(Sao: Phàm do cái tâm thanh tịnh mà sanh về Tịnh Độ, vì lẽ nào Tịnh Độ có ác đạo?)

Hoài nghi ở ngay chỗ này. Chúng ta biết người được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm đều thanh tịnh; do tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Bất luận thời gian tu học dài hay ngắn, ví như sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận quý vị tu hành đã lâu hay mới đây, chỉ luận theo tâm địa thanh tịnh. Người ta niệm một tiếng hoặc hai tiếng A Di Đà Phật, tâm liền thanh tịnh, người ấy có thể vãng sanh. Chúng ta niệm suốt đời, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh! Chẳng thể nói “kẻ đó mới niệm mấy tiếng, lâm chung mười niệm liền vãng sanh, ta niệm suốt đời vẫn chẳng vãng sanh, quá mức thiếu công bằng!” Nói thật ra, chẳng phải là không công bằng! Người ta một niệm hay mười niệm là dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính đê niệm; chúng ta niệm một vạn tiếng, vừa niệm Phật vừa nghĩ lung tung, niệm suốt đời vẫn chẳng bằng người ta mười niệm! Cổ đức dạy chúng ta “*tử tận thâm tâm*” (死盡偷心: chết sạch tấm lòng mong ngóng, chộp giựt), phải chết sạch tâm niệm lươn lẹo, mưu lợi, dùng tâm chân thành đê niệm, đó gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật*” thì mới có thể tương ứng! Tuy chúng ta niệm Phật, nhưng chẳng tương ứng, chỉ huân tập thành chủng tử trong A Lại Da Thức; đó là chủng tử đê vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng biết ngày nào chủng tử ấy sẽ khởi lên hiện hành, khởi tác dụng!

Do điều này có thể biết, thật sự niệm Phật sẽ buông hết thầy thân, tâm, thế giới xuống, tuyệt đối chẳng lưu luyến. Trong thế gian này, quý vị còn so đo, tức là tâm chẳng thanh tịnh, chuyện này sẽ làm hỏng đại sự thành Phật trong một đời này! Đầu tiên là phải buông ý niệm “được, mất” xuống. Ở trong thế gian này, chúng ta dùng tâm thái như thế nào?

Tạm trụ, tức là giống như ở trong khách sạn, chờ về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hết thấy mọi thứ ở nơi này chẳng liên quan đến ta, chẳng dính dáng gì tới ta. Mọi người đối xử tốt với ta, ta tôn trọng họ. Mọi người xử tệ với ta, ta vẫn tôn trọng họ. Vì ta ở vài ngày rồi sẽ ra đi, lẽ nào quý vị chẳng chịu đựng được! Quý vị cho tôi thứ gì, tôi đều chẳng cần, vì tôi đã hiểu thứ gì cũng chẳng mang theo được. Hễ có được thì quyết định là tâm chẳng vướng mắc mảy may; mất đi, tâm cũng chẳng mảy may tiếc nuối. Vì sao? Không mang theo được, chẳng phải là của chính mình. Như vậy thì trong tâm quý vị bỏ sạch vọng tưởng, tạp niệm. Cổ nhân nói đó là “*buông thân, tâm, thế giới xuống*”. Như vậy thì một câu A Di Đà Phật mới tương ứng, Phật hiệu mới có sức mạnh. Chẳng niệm Phật như vậy thì nói thật ra, chỉ là gieo trồng các thứ thiện căn mà thôi! Vì lẽ đó, người niệm Phật đông đảo, nhưng người vãng sanh ít ỏi!

Người niệm Phật vì sao chẳng thể vãng sanh? Do có vướng mắc, không buông xuống được. Vương vân tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, hại kẻ ấy đời đời kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo. Người có trí huệ, thật sự giác ngộ; kẻ bị ngu si tối tăm che lấp, chẳng giác ngộ! Tu hành là tu gì? Tổng hợp hết thấy các pháp môn đã được dạy trong kinh điển Đại Thừa, quy nạp thành hai chữ: Một là xả, hai là nhẫn, tức nhẫn nại. Xả là bố thí, là buông xuống. Thật sự có thể xả, thấy đều bỏ sạch, thấy đều chẳng cần đến nữa, sẽ chẳng có vướng mắc, tâm liền thanh tịnh. Người chẳng cần tiền, tiền bạc lên giá hoặc mất giá về căn bản là chẳng ăn nhập gì đến người ấy, người ấy cũng chẳng bận tâm, được bao nhiêu lợi tức cũng chẳng liên quan! Thấy đều chẳng có ý niệm ấy, tâm đã thanh tịnh. Ngũ dục, lục trần thấy đều phải xả. Không chỉ ngũ dục, lục trần phải xả, mà Phật pháp cũng phải xả! Phật pháp chẳng xả, tâm tâm niệm niệm “còn có khá nhiều kinh điển Đại Thừa chưa xem”, tâm chẳng thể thanh tịnh. Thật sự nhập môn, Liên Trì đại sư tuổi già mới nhập môn, bỏ sạch Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ, một đời đến cuối cùng bèn quy vào một bộ kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật. Đó là lý do vì sao người ta có thể thành tựu, chúng ta phải biết [điều này]! Ngài đến tuổi xế chiều mới nhập cảnh giới này. Nếu chúng ta lúc tuổi còn rất trẻ mà đã nhập cảnh giới này, trình độ của chúng ta sẽ vượt trội tổ sư rất nhiều! Quý vị đừng nghĩ đến tuổi già mới bỏ, ta nay vẫn còn trẻ, có lẽ lúc này vẫn chưa phải là lúc buông bỏ, nhưng quý vị có ký hợp đồng với Diêm Vương hay chẳng? Quý vị có thể sống bao nhiêu năm? Trên đường hoàng tuyền, chẳng có phân biệt già hay trẻ! Phải mau chóng cảnh giác, quý vị giác ngộ càng sớm càng hay!

Lục Tổ Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi đã buông xuống triết đề, trở thành một vị tổ sư. Ngài tu hạnh gì? Ngài đến chỗ bọn thợ săn, giúp người ta, canh chừng [bầy] dã thú, nấu cơm cho các thợ săn, làm lưng cựa nhọc, ăn rau bên cạnh thịt. Đó là một vị minh tâm kiến tánh, là Sơ Trụ Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo. Sống tạm trong nhóm thợ săn suốt mười lăm năm, chẳng phải là một thời gian ngắn ngủi! Một là thân tâm thế giới đã triệt để buông xuống, [đấy là] Bồ Thí Ba La Mật viên mãn; hai là Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn. Dùng thân phận Thiên Nhân Sư để hầu hạ những kẻ hằng ngày tạo sát nghiệp, không điều ác nào chẳng làm, phục vụ nhóm người đó. Ngài sống cuộc đời ấy, nên Ngài có thể thành tựu. Về sau, Ngài rời khỏi nhóm thợ săn, xuống phương Nam giảng kinh, thuyết pháp, thị hiện tướng xuất gia và làm tổ sư. Theo như chúng tôi nghĩ, những gã thợ săn ấy nhất định đều học Phật. Khi ấy, những người thợ săn sẽ suy nghĩ, trước kia, mỗi ngày chúng ta chửi ông, đánh ông, chê trách ông, đâu biết ông là Bồ Tát, [nên họ] nhất định sẽ quay đầu đoạn ác tu thiện. Vì thế, Ngài ở nơi đó suốt mười lăm năm, chẳng nói một câu nào mà độ họ quay về, khiến cho những người ấy sửa lỗi, đổi mới. Từ thời Ngũ Tổ trở đi, kinh Kim Cang là một bộ kinh điển dùng để ấn chứng trong Thiên Tông. Kinh Kim Cang dạy chúng ta hai đại cương lãnh để tu hành là Bồ Thí và Nhẫn Nhục; vì thế, nhất định phải có thể nhẫn. Đối với hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, chỉ có thể chịu đựng thì tâm mới thanh tịnh, đó mới là công phu chân thật. Tu học cái tâm thanh tịnh là mục tiêu của chúng ta, tâm tịnh thì cõi này sẽ tịnh. Do tâm tịnh sanh về Tịnh Độ, có gì Tịnh Độ lại có ác đạo?

(Sao) Như kỳ hữu giả, thị tạp uế xứ, bất dị Sa Bà, hà danh Cực Lạc? Cố hữu nghi dã.

(鈔) 如其有者，是雜穢處，不異娑婆，何名極樂？故有疑也。

(Sao: Nếu cõi ấy có [ác đạo], sẽ là chỗ tạp uế, khác gì Sa Bà, làm sao gọi là Cực Lạc cho được? Vì thế hoài nghi).

Nghi vấn ở chỗ này; do đó, Tịnh Độ đáng lẽ phải là chẳng có ác đạo. Nếu bên đó thật sự có những loài súc sanh ấy, sẽ chẳng phải là Tịnh Độ, mà là uế độ, chẳng khác thế giới Sa Bà! Các cõi nước của mười phương chư Phật chẳng khác thế giới Sa Bà cho mấy, đều có lục đạo,

nên [nếu cõi Cực Lạc có súc sanh đạo], sẽ chẳng thể gọi là Cực Lạc! Nghi vấn này sanh từ chỗ này! Đoạn này là lời khai thị của Liên Trì đại sư nhằm giải thích kinh văn. Do vậy có thể biết, ngay trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, đã có nghi vấn ấy. Nếu thuở ấy chẳng có ai hoài nghi, trong kinh, đức Phật sẽ chẳng nói như thế. Đoạn này nhằm đoạn nghi sanh tín, phá trừ nổi nghi hoặc của chúng ta.

Đương nhiên đối với người đọc tụng kinh luận Đại Thừa đã nhiều, liễu giải sâu xa, sẽ chẳng có nghi hoặc. Ví như kinh Vô Lượng Thọ quý vị đều đã đọc, chẳng có hoài nghi. Nhưng chư vị phải biết: Tình hình thuở đức Phật tại thế giảng kinh chẳng khác với tình hình giảng kinh hiện thời cho mấy. Đức Phật là một nhà giáo dục, giáo hóa chúng sanh trọn khắp, chẳng mở trường dạy học. Học trò chẳng phải ghi danh giống như trong nhà trường hiện thời, [chẳng] nhất định phải đến học từng buổi trong trường, mà hoàn toàn theo phương thức tự do, cởi mở, giống như pháp hội giảng kinh của chúng ta trong hiện tại. Quý vị thích đến thì hoan nghênh quý vị đến dự. Nếu quý vị chẳng muốn đến, cũng chẳng bị phạt, mà cũng chẳng bị xử trí. Không như học sinh trong nhà trường: Nếu anh không đi học, sẽ bị trừ điểm, bị ghi lỗi. Trong Phật pháp chẳng có chuyện đó. Vì vậy, mỗi hội [giảng kinh] đều có người mới đến dự lần đầu. Những người mới đến lần đầu nghe nói điều này sẽ hoài nghi: Thế giới Cực Lạc chẳng có ba ác đạo, có sao có lắm chim như thế? Những người ấy sẽ hoài nghi. Đối với những người sơ học ấy, tất yếu là phải giải thích, giải thích là nhắm vào những người ấy để nói. Nói cách khác, trong số các vị đồng tu đã lâu, có người trọn chẳng thể sanh khởi tín tâm thật sự đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, có người như vậy hay chẳng? Có chứ! Chúng tôi tin rằng khi đức Phật tại thế, đã có [những kẻ như vậy]. Hiện thời, người niệm Phật, niệm đã bao nhiêu năm, lúc lâm chung chẳng niệm Phật, hoài nghi, luôn luôn có tình hình ấy! Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Bồ Đì Sư và A Di Đà Phật phát tâm đại từ bi, dùng thần lực gia trì, khiến cho đại chúng dự hội đều thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là chứng minh trong Tam Chuyển Pháp Luân, tức là Tác Chứng Chuyển.

Trong thời Mạt Pháp, chúng ta thấy người niệm Phật vãng sanh có công phu sâu hay cạn khác nhau, nên thụy tướng vãng sanh khác nhau. Phạm là chân tín, chân nguyện, thụy tướng đều vô cùng thù thắng kỳ lạ, đặc biệt. Gần đây, tại Tân Gia Ba có ba người vãng sanh, trông thấy Phật quang, nghe thiên nhạc, ngửi thấy mùi hương lạ, đó là vãng sanh thật sự. Giống như ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, nước Mỹ, khi lâm

chung mới nghe Phật pháp, chỉ niệm ba ngày ba đêm, thấy Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống, tiếp dẫn ông ta vãng sanh. Những thụy tướng ấy đủ để chứng tỏ Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật, chẳng giả. Quý vị tin tưởng, tức là có phước! Không tin, tức là chẳng có phước! Mấy năm gần đây, tại Trung Quốc Đại Lục và Đài Loan, người niệm Phật vãng sanh rất nhiều. Pháp sư Khoan Luật ở Đại Lục đã viết cuốn Vãng Sanh Lục, lão cư sĩ Lâm Khán Trị ở Đài Loan viết cuốn Cận Đại Vãng Sanh Kiến Văn Lục. Do vậy có thể thấy pháp môn này chân thật chẳng dối, người nào có thể tin, có thể nguyện, thì là người thật sự có phước. Vì thế, bí quyết niệm Phật trong pháp môn này là không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, tâm lẫn hạnh đều có thể y giáo phụng hành, người như vậy quyết định vãng sanh. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 176

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diển Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi một:

(Sao) Bốn nguyện giả, Đại Bốn Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sát trung vô nạ quỷ, súc sanh, dĩ chí quyền nhuyển”. Hựu nguyện vân: “Ngã sát trung nhân, giai bất văn bất thiện chi danh, hà huông hữu thật, bất đắc thị nguyện, chung bất tác Phật”.

(鈔) 本願者，大本法藏願云：我作佛時，剎中無餓鬼畜生，以至蝸蟻。又願云：我剎中人，皆不聞不善之名，何況有實，不得是願，終不作佛。

(Sao: “Bốn nguyện”: Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước chẳng có nạ quỷ, súc sanh, cho đến các loài nọ nguậy, bò toài”. Lại nguyện rằng: “Trong cõi của tôi, đều chẳng nghe những danh xưng bất thiện, huông là thật có. Chẳng thỏa nguyện ấy, trọn chẳng làm Phật”).

Đoạn này nhằm giải thích câu “bất phù Pháp Tạng bốn nguyện” (chẳng hợp với bốn nguyện của ngài Pháp Tạng) trong lời Sớ. Trong phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật đã

nói: Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có ba ác đạo. Trong lời nguyện thứ nhất, Ngài đã phát ra nguyện “*quyết định chẳng có ba ác đạo*”. Không chỉ chẳng có ba ác đạo, ngay cả cái tên ba ác đạo còn chẳng nghe thấy, huống là thật sự có! Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật, nay là Tây Phương thế giới A Di Đà Phật. Nếu chẳng có ba ác đạo, ngay cả cái tên ba ác đạo còn chẳng nghe thấy, vì sao còn thấy những loài chim? Nghi vấn sanh khởi từ chỗ này!

(Sao) Vân hà Phật đạo dĩ thành, đốn vi túc nguyện.

(鈔) 云何佛道已成，頓違宿願。

(Sao: Vì sao nói là đã thành Phật đạo, mà lại mâu thuẫn với nguyện xưa!)

Dường như là mâu thuẫn với lời nguyện đã phát trong quá khứ.

(Sao) Cố minh bỉ quốc nguyên vô ác đạo, phi duy mục sở vị đồ, diệc phục nhĩ sở bất văn. Lương diêu nhĩ chi sở văn, duy thị chư Phật Như Lai vạn đức hồng danh, Bồ Tát, Thanh Văn, cập chư thiên, thiện nhân chủng chủng gia hiệu, tăng vô tam ác danh tự lịch nhĩ căn cố.

(鈔) 故明彼國原無惡道，非唯目所未睹，亦復耳所不聞。良繇耳之所聞，唯是諸佛如來萬德洪名，菩薩聲聞及諸天善人種種嘉號，曾無三惡名字歷耳根故。

(Sao: Vì thế, nói rõ cõi ấy vốn chẳng có ác đạo. Chẳng phải chỉ là mắt không trông thấy, mà còn là tai chưa nghe thấy. Ấy là vì những điều được nghe toàn là vạn đức hồng danh của chư Phật Như Lai và các thứ danh hiệu tốt lành của Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên và các vị thiện nhân, chưa hề nghe tên gọi của ba ác đạo thoảng qua tai).

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những điều quý vị thấy và nghe đều là “*chỉ u chi thiện*” (đạt tới chỗ tốt lành tột cùng), những điều được tiếp xúc đều là cảnh giới tối thiện. Những loài chim ấy ở đâu ra? Tiếp theo đây, Ngài nói cho chúng ta biết:

(Sao) Biến hóa sở tác giả.

(鈔) 變化所作者。

(Sao: Biến hóa tạo ra).

Giải thích tỉ mỉ câu “*dĩ bỉ Phật dục linh pháp biến nhân nhĩ, thần lực biến hóa, phi chân súc sanh cố*” (do đức Phật ấy muốn cho pháp được nghe trọn khắp, nên dùng thần lực biến hóa, chứ chẳng phải là súc sanh thật sự).

(Sao) Phục tự nạn ngôn.

(鈔) 復自難言。

(Sao: Lại tự cật vấn rằng).

“Nạn” (難) là nêu ra nghi vấn.

(Sao) Ký vô súc sanh, kim Bạch Hạc, Khổng Tước đẳng, hà sở tùng lai, nhi tại bỉ quốc?

(鈔) 既無畜生，今白鶴孔雀等，何所從來，而在彼國。

(Sao: Đã chẳng có súc sanh, nay Bạch Hạc, chim Công v.v... do đâu mà tồn tại trong cõi nước ấy?)

Hiện thời, đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, đức Thế Tôn đã giới thiệu cảnh giới ấy, trong hội Vô Lượng Thọ, lại có hơn hai vạn người dự hội đều trông thấy cảnh giới ấy; do đó, có thể chứng minh những lời Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói chẳng giả, xác thực là chân thật. Những loài chim ấy do đâu mà có, nhất định phải nêu ra nguyên nhân.

(Sao) Nãi xuất kỳ diêu, thị Phật hóa tác, phi chân thật hữu.

(鈔) 乃出其繇，是佛化作，非真實有。

(Sao: Bèn nêu ra nguồn cội: Chúng là do đức Phật hóa ra, chẳng phải là thật sự có).

A Di Đà Phật dùng các công cụ ấy, biến hóa tạo ra, dùng chúng thuyết pháp thay cho Ngài, giống như nay chúng ta dùng băng thâu âm hoặc băng thâu hình cũng có thể thay thế [người thật] thuyết pháp, bất quá chẳng biến hóa xảo diệu và tự tại như A Di Đà Phật! Tuy hiện thời chúng ta cũng có thể biến hóa những công cụ khoa học ấy, nhưng vẫn chưa thể hoàn toàn tự tại, còn phải chịu rất nhiều hạn chế.

(Sao) Như Quán Kinh vân, Như Ý Châu Vương, dưng xuất kim sắc vi diệu quang minh, hóa vi bách bảo sắc diệu, thị dã.

(鈔) 如觀經云，如意珠王，涌出金色微妙光明，化為百寶色鳥，是也。

(Sao: Như Quán Kinh có nói: Như Ý Châu Vương tuôn ra các quang minh sắc vàng vi diệu, hóa thành các thứ chim có màu sắc như trăm món báu⁷⁰, chính là ý này).

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật đã nói khá tỉ mỉ A Di Đà Phật biến hóa như thế nào. Ngài có một “cỗ máy biến hóa tổng quát” là Như Ý Châu Vương. Như Ý Châu Vương có thể thỏa mãn ý nguyện của con người, quý vị muốn gì, nó liền biến hiện như thế ấy. Giống như chiếc đèn thần trong chuyện ngụ ngôn thần thoại của phương Tây, quý vị yêu cầu nó biến ra thứ gì, nó liền biến ra thứ ấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới có thứ ấy, có Như Ý Châu Vương.

(Sao) Pháp âm tuyên lưu giả.

(鈔) 法音宣流者。

(Sao: Pháp âm tuyên lưu).

A Di Đà Phật biến hóa những loài chim ấy nhằm mục đích này. Vì sao biến hiện những loài chim ấy? Dụng ý của Ngài là sử dụng chúng để tuyên dương Phật pháp, cũng nhằm để giảng kinh, thuyết pháp. Đại chúng thích nghe kinh gì, chim liền nói kinh ấy. Đã do A Di Đà Phật biến hóa ra, những pháp do chim giảng sẽ chẳng hai, chẳng khác những pháp do A Di Đà Phật đích thân tự nói.

(Sao) Tuyên tắc tuyên bố, tự thượng biến hạ, do như vương ngôn.

(鈔) 宣則宣布，自上遍下，猶如王言。

(Sao: Tuyên là tuyên bố, trọn khắp từ cao đến thấp, giống như lời nói của vua).

“Tuyên” (宣) có nghĩa là tuyên bố, hướng về đại chúng tuyên bố.

(Sao) Lưu tắc lưu thông.

(鈔) 流則流通。

(Sao: Lưu là lưu thông).

“*Tuyên lưu*”: “*Lưu*” (流) là lưu thông.

(Sao) Tự cận cập viễn, do như thế thủy.

(鈔) 自近及遠，猶如逝水。

(Sao: Từ gần đến xa, giống như nước chảy).

Giống như nước chảy ra ngoài, pháp âm lan trọn khắp cả nước, “cả nước” chính là thế giới Cực Lạc. Không chỉ trọn khắp cả nước, mà như kinh Vô Lượng Thọ đã nói, những vị như A Nan thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới và cũng nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, đồng thời cũng nghe hữu tình lẫn vô tình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều thuyết pháp. Do điều này có thể biết, pháp âm lan tràn khắp hư không pháp giới. Nói thật ra, do bản thân chúng ta có chướng ngại, nên chẳng thấy được! Nếu trừ khử chướng ngại của chính mình, Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự chẳng xa, ở ngay trước mắt! Đối với những lời này, nếu chúng ta đọc nhuần nhuyễn kinh Vô Lượng Thọ, đích xác là sẽ thấu hiểu khác hẳn trước kia, giống như A Nan và Di Lặc Bồ Tát đã nói: “*Như đối mặt tiền, tương khứ nhất tâm*” (Như đối trước mặt, cách chừng một tâm). Một Tâm (尋) là tám thước⁷¹, tức là đối diện!

(Sao) Phật dục pháp âm phổ châu vô gián.

(鈔) 佛欲法音普周無間。

(Sao: Phật muốn cho pháp âm được phổ biến trọn khắp, chẳng gián đoạn).

“*Gián*” (間) là gián đoạn, nói rõ đức Phật thuyết pháp chưa hề gián đoạn.

(Sao) Cố bất độc dĩ nhân thuyết pháp.

(鈔) 故不獨以人說法。

(Sao: Nên chẳng phải là chỉ dùng thân người để thuyết pháp).

“*Dĩ nhân thuyết pháp*”: Ngài thị hiện hóa thân. Trong Quán Kinh, chúng ta cũng đã thấy, nơi bảy hàng cây báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỗ nào cũng đều là như vậy. Dưới mỗi cội cây đều có Tây Phương Tam Thánh. Tây Phương Tam Thánh rất nhiều. Tây Phương Cực Lạc thế giới to ngàn ấy, dân cư đông ngàn ấy, bao giờ chúng ta mới có thể gặp mặt A Di Đà Phật? Nào ngờ A Di Đà Phật hóa thân khắp mọi nơi, dưới mỗi cội cây báu, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều thuyết pháp tại đó. Những hóa thân ấy trọn khắp cả nước, Tam Thánh cũng do A Di Đà Phật biến hóa tạo tác. Ở đây, nói rõ “*có bất độc dĩ nhân thuyết pháp*” (không chỉ dùng thân người để thuyết pháp), hóa thân do Ngài biến hóa là thân người.

(Sao) Sử dĩ điều âm giai thuyết diệu pháp.

(鈔) 使彼鳥音皆說妙法。

(Sao: Khiến cho những tiếng chim hót đều là nói diệu pháp).

Đây là hữu tình thuyết pháp. Phía sau còn có một đoạn kinh văn nói về vô tình thuyết pháp. Tình và vô tình, không gì chẳng thuyết pháp. Ngẫu Ích đại sư nói: Đó là một trong những nguyên nhân thật sự khiến cho [hành nhân trong] Tây Phương thế giới chẳng bị thoái chuyển. Những cảnh giới được tiếp xúc bởi lục căn toàn là Phật pháp, làm sao quý vị lui sụt cho được? Chẳng có cách nào lui sụt! Trong thế gian này, thời gian chúng ta nghe Phật pháp quá ngắn ngủi, thời gian chẳng nghe Phật pháp quá dài, nên dễ dàng thoái chuyển. Nếu chúng ta nghe kinh hằng ngày, nghe pháp mỗi ngày, chắc chắn sẽ chẳng thoái chuyển. Phật Di Đà biết chân tướng sự thật này, biết vì sao mười phương thế giới chúng sanh tu hành bị thoái chuyển, đó là một nhân tố quan trọng nhất, nên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài liền đoạn dứt cái duyên khiến cho mười phương thế giới chúng sanh thoái chuyển. Pháp âm không lúc nào, không chỗ nào chẳng nghe, chư Phật, Bồ Tát không lúc nào, không chỗ nào chẳng thấy, hằng ngày quý vị ở cùng một chỗ với Phật, thời thời khắc khắc ở cùng một chỗ với Phật, quý vị chẳng lìa Phật, chẳng lìa Bồ Tát, quyết định chẳng thoái chuyển.

(Sao) Vô xứ vô thời nhi bất văn thánh, thử tắc đại thân thông lục chi sở biến hóa, khởi đồng ngu ám vi nhân, nhi cảm báo súc sanh chi chân điều da?

(鈔) 無處無時而不聞聽，此則大神通力之所變化，豈同愚暗為因，而感報畜生之真鳥耶。

(Sao: Không chỗ nào, không lúc nào chẳng nghe thấy, đó là sự biến hóa bởi sức đại thần thông, há giống như những con chim thật sự cảm báo súc sanh do cái nhân ngu ám ư?)

Quyết định chẳng giống với những con chim thuộc súc sanh đạo trong lục đạo. Chim chóc trong súc sanh đạo thuộc loại quả báo ngu si. Do ngu si nên đọa làm súc sanh.

(Sao) Nhiên thử biến hóa, tự hữu nhị nghĩa.

(鈔) 然此變化，自有二義。

(Sao: Nhưng sự biến hóa này tự nhiên có hai ý nghĩa).

“Tự” (自) là tự nhiên, tự nhiên trọn đủ hai ý nghĩa. Chữ Tự ở đây giống như tám thứ tự nhiên được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Nói là “tự nhiên” vì nó tự nhiên lưu lộ từ Chân Như bản tánh, có thể thấy tuy do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra, nhưng trọn chẳng có tâm mong biến hóa. Nếu là ta nghĩ sẽ biến ra thứ gì đó, tức là đã rớt vào ý thức, chẳng phải là tự nhiên! Quyết định chẳng rớt trong tâm ý thức, mà do Tánh Đức lưu lộ. Xác thực là chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng. Nếu nói “Phật có ứng” thì chẳng bằng nói đến sự cảm ứng nơi tự tánh. Vì thế, tự nhiên mà có như vậy. [Ý nghĩa] thứ nhất là:

(Sao) Nhất giả như Phật khiến hóa nhân, thuyết chủng chủng pháp.

(鈔) 一者如佛遣化人，說種種法。

(Sao: Một là như Phật sai hóa nhân nói các thứ pháp).

“Khiển” (遣) là sai phái, sai khiến một đại biểu. Vị đại biểu ấy cũng chẳng thật sự do Phật phái người khác đi, mà do Ngài tự mình biến hóa ra một vị hóa Phật. Vị Phật được biến hóa ấy chẳng hai, chẳng khác với vị Phật thật, hoàn toàn giống hệt như nhau. Đừng nên thấy vị Phật hóa thân ấy mà có phân biệt, chấp trước, chẳng hài lòng! Chẳng phải vậy,

Hóa Thân, Báo Thân và Pháp Thân hoàn toàn là một Thể. Ý nghĩa thứ hai là...

(Sao) Nhị giả tánh cụ chư pháp, y tánh khởi tu, quả thượng tự năng sắc tâm hỗ dung, y chánh bất nhị, giai tất thuyết pháp.

(鈔) 二者性具諸法，依性起修，果上自能色心互融，依正不二，皆悉說法。

(Sao: Hai là tánh trọn đủ các pháp, nương theo tánh khởi tu, nơi quả sẽ tự là sắc và tâm dung nhập lẫn nhau, y báo và chánh báo chẳng hai, thấy đều thuyết pháp).

Đoạn này hoàn toàn nói xứng tánh.

(Diễn) “Tánh cụ chư pháp” ngũ cú, Thiên Thai Viên Giáo nghĩa dã. Dĩ Biệt Giáo sở thuyết thanh tịnh Chân Như, không vô nhất pháp, thập giới sắc tâm, từng nhiễm tịnh chi duyên sở biến khởi, nhân trung tất tu đặng tận chư tướng, nãi quy chân tánh, quả thượng hà năng tức sắc, tức tâm, tức y, tức chánh.

(演) 性具諸法五句，天台圓教義也。以別教所詮清淨真如，空無一法，十界色心，從染淨之緣所變起，因中必須蕩盡諸相，乃歸真性，果上何能即色即心、即依即正。

(Diễn: Năm câu “tánh trọn đủ các pháp...” chính là giáo nghĩa Viên Giáo của tông Thiên Thai. Dùng Biệt Giáo để nói thì Chân Như thanh tịnh trống rỗng, chẳng có một pháp nào, sắc và tâm trong mười pháp giới do từ các duyên nhiễm hay tịnh mà biến hóa khởi lên. Ất phải gột sạch các tướng nơi nhân thì mới trở về chân tánh, nơi quả làm sao có thể là sắc, là tâm, là y báo, hay là chánh báo?)

Trước hết, nói về Biệt Giáo. Biệt Giáo là Đại Thừa, Viên Giáo là Nhất Thừa, cao hơn Đại Thừa. Xét theo sự tu chứng của hàng Bồ Tát trong Biệt Giáo, các Ngài vẫn là có tu, có chứng. Ngài nói tới Chân Như thì trong Chân Như chẳng lập một pháp, đúng như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi bặm*”, nó là “*không vô nhất pháp*” (rỗng không, chẳng có một pháp nào). Rỗng không, chẳng có một pháp nào cũng là như Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*”

(Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Cách nói này hoàn toàn tuân theo giáo nghĩa của Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. Lục Tổ và Vĩnh Gia đều là bậc đại đức viên đốn. Lục Tổ lại nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ, nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Đây là giáo nghĩa Viên Giáo. Nếu chấp trước “rỗng không, chẳng có một pháp nào”, chắc chắn sẽ chẳng thể viên! “*Thập pháp giới sắc tâm*”: Sắc nói theo người hiện thời là vật chất, Tâm là tinh thần. Nói tới tinh thần và vật chất trong mười pháp giới bèn bao gồm trọn khắp, không có gì ở ngoài hai loại lớn này. Những thứ ấy do đâu mà có? “*Tùng nhiễm tịnh chi duyên sở biến khởi*” (Từ các duyên nhiễm hay tịnh mà biến hóa, khởi lên). Tứ thánh pháp giới là tịnh duyên khởi, [tức là] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật do tịnh duyên mà khởi, lục đạo do nhiễm duyên mà khởi, lý này hết sức chánh xác. Đây gọi là “*tâm tịnh, ắt cõi tịnh*”, tâm ta tịnh, tâm tịnh là tịnh duyên khởi. Tâm chẳng thanh tịnh bèn là nhiễm duyên khởi, đó là đạo lý nhất định.

Vì thế, người ấy tu hành, “*nhân trung tất tu đăng tận chư tướng*” (ắt cần phải gột sạch các tướng nơi nhân). “*Đăng tận chư tướng*” chẳng phải là bỏ sạch những tướng bên ngoài! Bỏ sạch các tướng bên ngoài, nhưng các tướng trong tâm vẫn chẳng bỏ, sẽ vô dụng! Vì thế, phải lìa! Lìa tướng gì? Lìa các ấn tượng trong tâm, bỏ sạch sanh sanh các ấn tượng trong tâm. Về căn bản, tướng bên ngoài chẳng ăn nhằm gì, chẳng liên quan! Tâm thanh tịnh vô ngại, chẳng trở ngại! Trong tâm chẳng thanh tịnh, đó là trở ngại trọng đại! Trở ngại điều gì? Ngăn ngại cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là tự tánh. Lục Tổ đại sư là một nhân vật khá kiệt xuất trong Phật môn Trung Hoa, Lục Tổ quả thật đã “*đăng tận chư tướng, nãi quy chân tánh*” (gột sạch các tướng, trở về chân tánh), Ngài thật sự quay về tự tánh. Thuở ấy, có bao nhiêu kẻ tìm Ngài gây khó dễ, Ngài phải lánh nạn, còn phải đến mai danh ẩn tánh trong phường thợ săn, hầu hạ bọn thợ săn ấy suốt mười lăm năm. Chúng ta hãy khéo suy nghĩ, Ngài lìa hết thấy các tướng, chẳng phải là lìa tướng cảnh giới bên ngoài. Đối với tướng cảnh giới bên ngoài, chẳng lìa một thứ gì. Ngài lìa tướng tâm duyên, lìa điều này! Thật sự làm được ba câu do Mã Minh Bồ Tát đã dạy trong Đại Thừa Khởi Tín Luận: “*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Lục Tổ gột sạch các tướng ấy, trừ khử những tướng ấy. Nếu đã xóa trừ tướng ấy, tướng bên ngoài chắc chẳng thể ảnh hưởng cái tâm thanh tịnh của Ngài. Có bỏ tướng bên ngoài hay không? Xác thực là đã bỏ, tuy tướng vẫn còn, nhưng Ngài đã bỏ gì? Tướng bên ngoài chẳng liên can gì đến ta, quyết định chẳng bị ảnh

hưởng. Nếu chúng tôi nói thô thiển hơn một chút, sẽ là quyết định chẳng có được - mất! Chẳng có được - mất! Cố nhiên, hết thấy các tướng tồn tại, sâm la vạn tượng toàn bộ ở trước mặt, nhưng chẳng có ý niệm được, mất, chẳng lấy, chẳng bỏ. Không chỉ pháp thế gian là như thế, mà pháp xuất thế gian cũng là như thế. Trong Phật pháp cũng chẳng có được, mất, mà cũng chẳng có lấy, bỏ. Tâm này thanh tịnh, tự tánh hiển lộ.

Nay chúng ta nói đến công phu tu hành, nhìn từ chỗ nào? Nhìn vào ý niệm của quý vị. Trong hết thấy các pháp, quý vị còn thấy có được mất hay không? Có còn lấy bỏ hay không? Chỉ cần có được, mất, lấy, bỏ, chắc chắn quý vị là phàm phu, công phu chẳng đắc lực, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu vẫn chẳng đắc lực! So với không niệm thì có niệm Phật sẽ tốt hơn một chút! Nói thật ra là công phu chẳng đắc lực. Nếu đối với pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chẳng có lấy, bỏ, được, mất, thưa cùng quý vị, quý vị niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, quán tưởng, chuyện gì cũng đều đắc lực. Sự đắc lực ấy cũng chính là như Lục Tổ đã nói: *“Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ”*. Thường sanh trí huệ là tướng công phu đắc lực. Kẻ chẳng đắc lực, trong tâm thường sanh phiền não. Đôi khi chẳng có phiền não, tâm rất tĩnh lặng. Tuy tâm rất tĩnh lặng, chẳng có một vọng niệm nào, nhưng điều gì cũng không biết. Điều gì cũng không biết là đọa trong vô minh, thứ gì cũng đều biết bèn là tà kiến. Phàm phu nếu chẳng phải là tà kiến, bèn rớt trong vô minh. Bồ Tát chẳng phải như vậy. Đã chẳng có tà kiến, mà cũng chẳng đọa vô minh, nên hiểu rõ ràng rành rẽ cảnh giới bên ngoài. Sự hiểu rõ ràng ấy chính là Thập Nhị Như trong kinh Pháp Hoa đã nói: Tánh như thế, Tướng như thế, Thể như thế, nhân duyên quả báo như thế, cho đến gốc ngọn rớt ráo là như thế. Nói cách khác, người hiểu rõ, thông đạt triệt để hết thấy muôn tướng thì gọi là *“thường sanh trí huệ”*.

Người Biệt Giáo chưa viên, [vì còn] có cách ngăn, chướng ngại. Nói thật ra, trong hết thấy những người học Phật, ít ai là căn tánh viên đốn! Người căn tánh viên đốn thành tựu dễ dàng hơn những người thuộc căn tánh khác, học rất tự tại, rất sung sướng; nhưng căn tánh viên đốn cũng do bồi dưỡng mà thành, chẳng phải là thiên bẩm! Ai nấy đều trọn đủ năm loại căn tánh Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Làm như thế nào để khai phát đức năng sẵn có trong tự tánh của chúng ta? Phải cậy vào huân tập. Thường xuyên đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nhất là tiếp nhận sự huân tập của kinh điển Viên Giáo trong Đại Thừa, lâu ngày chầy tháng, chính mình sẽ bất tri bất giác biến thành căn tánh viên đốn. Người căn tánh viên đốn chuyện gì cũng đều phóng khoáng, chẳng tính toán, so đo

vụn vặt, chẳng đặt nặng tiêu tiết, chẳng nhân mạnh những quy củ và lễ tiết vặt vãnh. Người chưa đạt đến Biệt Giáo hết sức coi trọng chi tiết. Chẳng hạn như trong khóa tụng, [nếu] người Duy Na hay Duyệt Chúng gõ mõ hay đánh chuông khánh chẳng đúng, người chưa đạt đến Biệt Giáo sẽ thấy [những sai sót ấy] rất nghiêm trọng, ghê gớm lắm! Người Viên Giáo phóng khoáng, đánh trật cũng được, chẳng so đo, chẳng có những nổi phân biệt, chấp trước ấy!

Kẻ coi trọng chi tiết nhất, so đo nhất, chấp trước là hàng Tiểu Thừa. Luật Tông trong Đại Thừa hết sức coi trọng giới luật, hết sức chấp trước, được không? Được chứ! Có thể khiến cho hết thảy mọi người tuân theo quy củ, xác thực là có thể kiến lập quy chế. Người Viên Giáo sẽ tự nhiên chẳng phạm lỗi, nên quy củ đối với người ấy vô dụng. Không lão phu từ lúc bảy mươi tuổi đã đạt đến cảnh giới ấy, lão nhân gia nói: “*Thất thập nhi bất du củ*” (Bảy mươi tuổi chẳng vượt ra ngoài quy củ), lúc bảy mươi tuổi, Ngài liền tùy tâm sở dục (thuận theo lòng mong muốn mà hành sự không trở ngại), đạt được tự tại. Có lẽ Không lão phu từ cũng là khiêm hư, khách sáo, Ngài nói công phu [của chính mình] được kiến lập vào năm ba mươi tuổi, dần dần học đến bảy mươi tuổi, công phu mới viên mãn, trong nhà Phật nói là “*căn tánh viên đốn*”, Ngài đạt đến trình độ ấy.

Tứ Thư của Nho gia đích xác là pháp Đại Thừa. Sau này, Phật môn [Trung Hoa] chẳng dùng Tiểu Thừa, dùng Nho gia thay thế Tiểu Thừa, thật sự là hết sức hợp lý. Vì Tiểu Thừa quá chấp trước, quá cố chấp, chẳng dễ dàng tiến lên Đại Thừa. Nho gia “*trạch thiện cố chấp*” (chọn lấy điều thiện để cố chấp), họ cũng cố chấp, nhưng chẳng chấp trước chết cứng như Tiểu Thừa. Vì thế, tuy chấp trước, tư tưởng của họ cũng khá cởi mở, nên tiến nhập Đại Thừa Phật pháp khá dễ dàng. Pháp Tiểu Thừa truyền đến Trung Quốc khá đầy đủ, nhưng sau đời Đường, Tiểu Thừa ở Trung Quốc liền suy diệt, chúng ta phải biết nguyên nhân ấy. Hiện thời, so sánh giữa kinh tạng Tiểu Thừa trong Đại Tạng Kinh [tiếng Hán] và Đại Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi (Pāli)⁷² được lưu truyền tại Thái Lan, [sẽ thấy] kinh điển Tiểu Thừa Nam Truyền chỉ nhiều hơn [kinh điển Tiểu Thừa trong] tạng tiếng Hán năm mươi mấy bộ. Trong hai, ba ngàn bộ kinh điển, mà chỉ nhiều hơn bản tiếng Hán năm mươi mấy bộ. Do vậy có thể biết: Kinh Tiểu Thừa truyền đến Trung Quốc khá hoàn chỉnh. Kinh nào trong tiếng Pāli có thì trong Tứ A Hàm bằng tiếng Hán cũng có. Tiếp theo đây là nói đến Viên Giáo:

(Diễn) Kim Viên Giáo Lý cụ chư pháp, tòng Lý cụ trung nhi hữu Sự tạo. Tuy vân “Lý cụ, Sự tạo”, thật vô năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo, dĩ tức tâm tức pháp, tức pháp tức tâm, năng tạo nhân duyên, cập sở tạo pháp, giai tất đương xứ, duy thị nhất tâm, giai tất đương xứ, duy thị nhất sắc. Duy tâm, duy sắc, đối đãi tư vong, diệu quán quán chi, vô phi Tam Đế.

(演) 今圖教理具諸法，從理具中而有事造。雖云理具事造，實無能具所具，能造所造，以即心即法，即法即心，能造因緣及所造法，皆悉當處唯是一心，皆悉當處唯是一色。唯心唯色，對待斯忘，妙觀觀之，無非三諦。

(Diễn: Nay theo Viên Giáo, Lý trọn đủ các pháp. Do Lý trọn đủ mà có tạo tác về mặt Sự. Tuy nói “Lý trọn đủ, tạo tác về mặt Sự”, thật ra chẳng có chủ thể trọn đủ, và cái được trọn đủ, cái có thể tạo, cái được tạo, bởi lẽ, tâm chính là pháp, pháp chính là tâm, nhân duyên có thể tạo và pháp được tạo đều chỉ là nhất tâm ở ngay nơi đây, đều chỉ là một sắc ở ngay nơi đây. Duy tâm, duy sắc, dứt bật đối đãi, dùng diệu quán để quán thì không gì chẳng phải là Tam Đế).

Đây là tư tưởng và cách nhìn thuần túy theo Viên Giáo, mà cũng là lia hết thấy phân biệt, chấp trước, xứng tánh mà! Hết thấy các pháp, bất luận là tâm pháp hay sắc pháp, không gì chẳng trọn đủ trong tánh. Dầu là tạo tác nơi Sự, nhưng tạo tác nơi Sự là do tánh vốn trọn đủ! Tạo tác nơi mặt Sự chính là pháp sanh bởi nhân duyên. Trong Đại Thừa, đức Phật thường nói “pháp sanh bởi nhân duyên”, nhưng chư vị phải hiểu, đó chẳng phải là liễu nghĩa, mà là đức Phật nói phương tiện, tùy thuận chúng sanh mà nói. Vì nói theo kiểu ấy, mọi người có thể tiếp nhận, suy nghĩ thấy rất có lý: Hết thấy các pháp đều có nhân và đều có duyên thì mới có quả. Giống như quả đào, hạt đào là nhân, trồng xuống đất, do đất màu, nước, phân, ánh sáng, có những duyên ấy bèn sanh trưởng, trong tương lai sẽ sanh ra trái đào, tức là có quả. Chúng ta có thể tiếp nhận điều này, nhưng đó là bất liễu nghĩa.

Nếu đức Phật nói pháp chân thật, chúng ta sẽ hoàn toàn chẳng hiểu. Pháp chân thật sẽ nói như thế nào? Đức Phật nói cây đào bất sanh, bất diệt, chúng ta liền ngơ ngác, thấy rõ ràng là nó có sanh, có diệt, sao đức Phật lại bảo là bất sanh, bất diệt? Bất sanh bất diệt là chân tướng, có sanh có diệt là giả tướng. Kinh Lăng Nghiêm phát huy đạo lý ấy, bảo:

Hết thấy muôn tướng thật sự chẳng có sanh diệt, mà là “*sanh ra từ nơi đâu, diệt ngay ở nơi đó*”. Nói thật ra, sanh và diệt đều trọn chẳng thể được, há có sanh diệt? Chẳng có sanh diệt! Vì sao? Nếu thật sự có sanh diệt, pháp ấy sẽ là thật, chẳng giả, chẳng thể nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Chính vì nó chẳng có sanh diệt, nên nó chẳng phải là thật. Hết thấy các pháp đều là như vậy, bất luận là tâm pháp hay sắc pháp, đều chẳng có sanh diệt. Cách nói này đối với chúng ta rất khó hiểu, quá huyền diệu, nói thật ra, đó là chân thật. Nói thật thì chúng ta chẳng hiểu; nói giả, chúng ta sẽ gặt đầu. Phàm phu nhận giả, chẳng nhận thật mà!

Do đó, không chỉ lục đạo luân hồi là giả tướng, mà mười pháp giới cũng là giả tướng. Trong chân tướng, không chỉ chẳng có lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng có, nên bất đắc dĩ nói là Nhất Chân pháp giới. Nếu trong tâm còn có Nhất Chân pháp giới, quý vị lại sai mất rồi! Nhất Chân pháp giới cũng chẳng có. Nhất Chân là do đối ứng với mười pháp giới mà kiến lập, hết thấy các pháp đều do tương đối mà kiến lập. Hễ chẳng có bên này, bên kia cũng chẳng có. Đã chẳng có mười pháp giới, lấy đâu ra Nhất Chân pháp giới? Chư vị phải nhớ điều này, dần dần sẽ thấu hiểu. Chưa thấu hiểu thì chớ nên suy nghĩ, càng nghĩ càng hỏng bét, vì quý vị suy tưởng bèn rơi vào ý thức. Thuộc vào ý thức là hư vọng phân biệt. Quý vị dùng cái tâm hư vọng phân biệt thì làm sao có thể tách riêng Nhất Chân pháp giới? Chẳng tách ra được! Vì thế, chớ nên nghĩ tưởng chuyện này! Dùng phương pháp gì để thấu hiểu? Tâm thanh tịnh. Tâm quý vị càng thanh tịnh, cảnh giới ấy càng rõ ràng, thuận theo mức độ thanh tịnh trong tâm quý vị mà hiểu Nhất Chân cạn hay sâu khác nhau. Những điều này dẫn Phật, Bồ Tát từ bi cũng chẳng thể ban cho chúng ta, nhất định phải do chính mình tu, đó gọi là “*ông tu, ông đắc, bà tu, bà đắc*”. Chẳng hề nói người nào có thể tặng cho quý vị. Nếu có thể tặng cho chúng ta, Phật, Bồ Tát đều đại từ đại bi, chúng ta cần gì phải khổ sở tu hành? [Các Ngài] ngay lập tức tặng cho chúng ta là được rồi! Những thứ này không [thể làm như vậy được]. Nói miễn cưỡng, có thể tặng phước báo cho quý vị, nhưng trí huệ thì chẳng có cách nào ban cho quý vị! Lại nói thật với quý vị, nếu quý vị chẳng có phước báo, đem tặng cho quý vị, quý vị chẳng thể tiêu hóa nổi, chẳng đảm đương nổi! Kể chẳng có phước báo, quý vị tặng họ một chút tiền tài, ngay lập tức họ gặp tai nạn. Người ấy chẳng có [tiền tài] thì chẳng mắc họa! Hễ thứ ấy đưa tới, họa hại ngay lập tức xảy tới! Do vậy có thể biết, chính mình

chẳng tu phước mà nếu quý vị thấy phước đưa đến, [điều xảy đến] sẽ chẳng phải là phước!

Lý trọn đủ và tạo tác nơi Sự là một, chẳng hai. “Lý trọn đủ” là nói theo Thể, “tạo tác nơi Sự” là nói theo Tướng, nói theo tác dụng. Thể và Tướng là một, chẳng hai. Trong nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã phát huy đạo lý này. Ba chữ Đại Phương Quảng trong kinh Hoa Nghiêm tượng trưng Thể, Tướng, Dụng. Đại là nói tới bản thể của nhân sinh và vũ trụ. Phương là nói tới hiện tượng (các tướng được biến hiện ra). Quảng là nói tới tác dụng. Trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, [ba chữ] Đại Phật Đảnh cũng nhằm biểu thị Thể, Tướng, Dụng. Phải biết: Nói Thể, Tướng, Dụng là quan sát từ ba góc độ, thật ra là một chuyện. Hễ có Thể, nhất định là có Tướng; hễ có Tướng, nhất định là có tác dụng. Có tác dụng nhất định là có Tướng. Chẳng có Tướng, lấy đâu ra Dụng? Nhất định là có Tướng. Hư không cũng phải có một tướng hư không. Chẳng có tướng ấy, nó cũng chẳng thể khởi tác dụng. Vì thế, một chính là ba, ba chính là một, chẳng thể tách lìa, đó là Viên. Từ Biệt Giáo trở về trước đã tách rời ba điều này thành ba chuyện, nên vĩnh viễn chẳng thể viên, gặp trở ngại nơi Sự và Lý, Sự Sự hữu ngại, chẳng như Viên Giáo Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, họ xác thực là chẳng có chướng ngại, dung thông tự tại.

Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa nêu bày trạng huống chân thật. “*Tuy vân Lý cụ, Sự tạo*”, [nghĩa là] tuy là “nói như thế đó”, vì chẳng nói như vậy, quý vị sẽ chẳng thể hiểu, sẽ chẳng thể lãnh hội! Ngôn thuyết là một thứ kỹ xảo, kỹ xảo ấy giống như tạo nên sự xúc động, khơi gợi quý vị ngay lập tức tâm khai ý giải, nhằm mục đích ấy! Gợi lên nỗi xúc động với hy vọng chính quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, có ý nghĩa này, tuyệt đối chẳng phải là nhằm làm cho quý vị tiếp nhận [thụ động]. Nếu quý vị chấp nhận [thụ động] như vậy, sai mất rồi, Phật bèn than oan uổng! Vì thế, đức Phật nói hết thầy các pháp chẳng nhằm khiến cho quý vị thừa nhận, mà hoàn toàn là khơi gợi, giống như đung vào, chạm vào máy computer, [máy sẽ hoạt động, xử lý thông tin], khiến cho công năng bên trong bản thân quý vị do phản ứng với sự đung chạm ấy mà được tỏ lộ ra, nhằm vào mục đích này. [Có như vậy] thì quý vị mới có thể thành Phật, mới có thể khai ngộ! Khi đức Phật giảng cho chúng ta, chúng ta tiếp nhận, y giáo phụng hành. Đó là học sinh ngoan ngoãn, nhưng là học trò Tiểu Học trong Phật Giáo, chẳng phải là sinh viên đại học, chẳng phải là điều đức Phật mong mỏi. Nhưng như vậy thì có được hay không? Cũng được! Vì sao? Quý vị làm một người tốt trên thế gian, đừng nên làm kẻ

xấu! Nhưng lợi ích quá bé, giống như cho quý vị một khối vàng, quý vị đem mua mấy hạt đậu phộng để ăn, rất phí! Chẳng thể sử dụng trọn hết! Vì thế, phải biết tác dụng thật sự của việc đức Phật giảng kinh, thuyết pháp: Ngài dùng điều đó để làm duyên khơi gợi quý vị, hy vọng tự tánh của quý vị sẽ khai phát, chẳng tiếp nhận rập khuôn, mà dùng điều đó như một tăng thượng duyên, khiến cho tâm tánh của chúng ta hoàn toàn hiển lộ, dụng ý ở chỗ này! Nếu chẳng phải là người căn tánh Viên Giác, đâu khơi gợi đến thế nào đi nữa, cũng chẳng có phản ứng. Dầu có phản ứng thì cũng hết sức ngu ngơ, cũng rất hạn chế. Còn căn tánh viên đốn thì hề được khơi gợi bèn như tục ngữ đã nói: *“Nghe một ngộ cả ngàn, vừa tiếp xúc bèn thông suốt”*. Khổng Tử nói là *“nghe một biết mười”*. Đức Phật thuyết pháp nhằm dụng ý ở chỗ này, tuyệt đối chẳng phải là bảo chúng ta tiếp nhận Phật pháp [một cách rập khuôn, chấp trước cứng nhắc]!

Nhằm thuận tiện thuyết pháp, đức Phật nói “lý trọn đủ”, nói “tạo tác nơi mặt Sự”, nói đến Thể, Tướng, Dụng, thật ra chúng là một! *“Thật vô năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo”* (Thật ra, chẳng có chủ thể trọn đủ, và cái được trọn đủ, cái có thể tạo, cái được tạo), phân trên vừa nói, phân dưới liền phủ định, quét sạch! Giống như cách nói trong kinh Kim Cang, vừa nói vừa quét sạch ngay lập tức, chẳng để lại vết tích gì! Vì sao? *“Dĩ tức tâm tức pháp, tức pháp tức tâm”* (Bởi lẽ, tâm chính là pháp, pháp chính là tâm), *“tâm”* là tâm tánh, là bản tánh. Trong *“pháp”* bao gồm tâm pháp và sắc pháp. Cái Tâm trong phần trước [của hai câu trên đây] chính là chân tâm, bản tánh, còn chữ Pháp trong đoạn sau là sắc pháp và tâm pháp. Do vậy có thể biết, bất luận là tinh thần hay vật chất, không có gì chẳng phải là Chân Như bản tánh! Chân Như bản tánh của ai? Chân Như bản tánh của chính mình. Chân Như bản tánh là một, chẳng phải là hai. *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*, chúng ta và chư Phật có phải là cũng cùng chung một Pháp Thân hay không? Mười phương ba đời Phật bao gồm chúng ta. Ba đời: Trong ba đời thì có vị lai Phật, chúng ta đều là vị lai Phật, bao gồm chúng ta, tận hư không khắp pháp giới, không gì chẳng bao gồm! Vì thế, Pháp Thân là một, Chân Như bản tánh là một. Kinh Lăng Nghiêm sánh ví Chân Như bản tánh như biển cả, ví tất cả hết thảy chúng sanh như những bọt nước trời lên trong biển cả. Bản thân chúng ta là một bọt nước. Bọt nước sanh từ biển cả; khi bọt nước trời lên, nó chẳng lìa khỏi biển cả. Bọt nước vỡ tan, vẫn chẳng lìa biển cả. Nói cách khác, tướng hiện thời của chúng ta, tướng sanh hay tướng diệt thảy đều là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh bất sanh, bất diệt. Chân Như bản tánh là Chân Ngã. Chân Ngã

bất sanh bất diệt. Tướng ấy là Giả Ngã. Tuy Giả Ngã có sanh diệt, nhưng nói thật ra, trọn chẳng thể tìm thấy sanh diệt! Nói cách khác, sanh diệt chính là vô sanh diệt. Sanh diệt và bất sanh bất diệt là một, chẳng hai. Vì vậy, quý vị muốn tìm cái “*năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo*”, sẽ chẳng thể tìm thấy!

Tông Môn và Giáo Hạ nhập cảnh giới này, sẽ là “*đâu đâu thị đạo, tả hữu phùng nguyên*” (chuyện gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn)!

Đạo là gì? Chân Như bốn tánh. “*Nguyên*” (源) là căn nguyên, khởi nguyên. Căn nguyên của vũ trụ vạn hữu vẫn là Chân Như bốn tánh. Vì thế, lục căn tiếp xúc sáu cảnh giới, có gì chẳng phải là Chân Như bốn tánh? Chẳng có một pháp nào không phải là đạo! Chẳng có một pháp nào không phải là tự tánh! Cổ đức đã sánh ví: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Quý vị muốn vàng thì có món nào chẳng phải là vàng? Vì tất cả các món đồ toàn do vàng chế thành, nên những gì quý vị tiếp xúc đều là vàng cả! Quý vị sánh ví vàng như bốn tánh, sánh ví “các món vật” như sâm la vạn tượng, hoặc hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp là tướng, Thể của chúng là tự tánh. Do vậy, [tìm kiếm] năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo trong ấy đều chẳng thể được; bởi lẽ, tâm chính là pháp, pháp chính là tâm.

“*Năng tạo nhân duyên cập sở tạo pháp*” (Nhân duyên có thể tạo tác và pháp được tạo tác), nhân duyên là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Trong Trung Quán Luận, Long Thọ Bồ Tát đã nói: “*Nhân duyên sở thuyết pháp, ngã thuyết tức thị Không*” (Pháp nhân duyên đã nói, ta nói chính là Không), đó là cách nói liễu nghĩa! Nói theo Lý, nhân duyên chẳng thể thành lập; nhưng nói theo Đệ Nhị Nghĩa, tất cả đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Nói theo Lý thì phải là “*duy thị nhất tâm*” (chỉ là nhất tâm). Nhất Tâm chính là Nhất Chân. Tâm là Chân, kinh Hoa Nghiêm nói là Nhất Chân pháp giới. Nay chúng ta đã hiểu rõ Tịnh Độ chính là Nhất Chân trong Nhất Chân, chân thật bậc nhất, thuần chân vô vọng. Vì vậy, thế giới ấy là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ là A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, mà một hạt bụi, một hoa, một cây trong thế giới Tây Phương, thứ nào cũng đều là chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, nói: “*Giai tất đương xú duy thị nhất tâm, giai tất đương xú duy thị nhất sắc, duy tâm, duy sắc, đối đãi tư vong*” (Thấy đều chỉ là nhất tâm ở ngay nơi đây, thấy đều chỉ là một sắc ở ngay nơi đây, duy tâm, duy sắc, dứt bật đối đãi), “*vong*” (忘) là gì? Ý niệm phân biệt, chấp trước chẳng có, quý vị nói là Sắc cũng được, mà nói là tâm cũng được

luôn! Tâm ấy là Chân Như bản tánh, kinh Hoa Nghiêm nói “*ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (hãy nên quán tánh pháp giới, hết thấy đều chỉ do tâm tạo). Đó gọi là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, duy thức sở biến là sắc. Các nhà Duy Thức học chẳng thừa nhận có vật chất, họ nói là duy thức, vì sao? Tất cả hết thấy mọi vật đều là thức, do thức biến ra. Thức là năng biến (cái có thể biến), vật là sở biến (cái được biến ra). Nói cách khác, Thức giống như nguyên liệu, Vật giống như sản phẩm đã được gia công (trải qua chế biến). Sản phẩm là giả, nguyên liệu là thật; vì thế, họ nói Duy Thức. Chẳng biết Duy Thức vẫn chưa phải là Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa là Chân Như bản tánh. Vì thế, trong cách phán giáo của tông Hoa Nghiêm trong Đại Thừa, Duy Thức được phán định là Đại Thừa Thi Giáo.

“*Đối đãi tư vong*” (Dứt bật đối đãi), “*đối đãi*” (對待) là năng sở (chủ thể và khách thể), chẳng có ý niệm ấy. Chẳng có ý niệm ấy thì mới là nhất tâm thật sự, đã dứt nhất tâm. Nhất tâm chính là Lý nhất tâm bất loạn, minh tâm kiến tánh. Chúng ta chỉ cần dấy lên một niệm bèn thành đối lập; khởi lên một niệm, thì đối lập của niệm là vô niệm, ngay lập tức có đối lập! Do vậy, một niệm chẳng sanh, ngay cả cái niệm “một niệm chẳng sanh” cũng đừng nên có thì mới là nhất tâm thật sự. Nếu quý vị cảm thấy “nay ta chẳng có niệm gì”, quý vị chưa thật sự đạt đến vô niệm, mà vẫn là có niệm, tức là có một niệm “ta vô niệm”, còn có một niệm ấy. Vô niệm và hữu niệm là tương đối, quý vị vẫn ở trong tương đối luận, chưa thoát ra được, chưa vượt thoát tương đối! Vượt thoát tương đối mới là Nhất Chân, điều này khó lắm! Dùng phương pháp gì mới hòng có thể đạt tới cảnh giới này? Tôi bảo quý vị: Đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể đạt tới cảnh giới này, nên nói “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Nhưng trong nhiều pháp môn ngàn ấy, thù thắng nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, chính là thật thà niệm Phật. Thật thà niệm Phật, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng chẳng phân biệt, đó mới là thật thà. Chứ vừa niệm Phật lại còn vừa quán tưởng, sẽ chẳng phải là thật thà! Vì sao? Quý vị còn có năng niệm và sở niệm. Niệm một câu Phật hiệu rành mạch rõ ràng, dứt trừ cả Năng lẫn Sở, bèn dứt Lý nhất tâm bất loạn. Quý vị có thể niệm sao cho trừ sạch Kiến Tư phiền não, đó là Sự nhất tâm bất loạn. Niệm sao cho trừ sạch Năng lẫn Sở thì là Lý nhất tâm bất loạn. Đây chính là “*đối đãi tư vong*”, “*đối đãi*” là tương đối, bỏ sạch sự đối đãi ấy, quên hết, khi ấy chân tâm mới hiển lộ. Chỉ cần có đối đãi, chân tâm của quý vị sẽ chẳng thể hiển lộ.

Nói theo Lục Tức Phật của tông Thiên Thai, chân tâm hiển lộ là Phần Chứng Phật. Chân tâm chẳng thể hiển lộ, vẫn còn ở trong đối đãi, vẫn ở trong tương đối, bất quá, sự tương đối ấy đã khá nhạt mỏng, vẫn còn thuộc địa vị Tương Tự, chưa phải là địa vị Phần Chứng. Do vậy, Sự nhất tâm bất loạn là Tương Tự Phật, có đôi chút giống Phật, nhưng chẳng là thật sự. Địa vị Phần Chứng là chân Phật, Viên Giáo Sơ Trụ là chân Phật, vì sao? Tâm của vị ấy và tâm của Viên Mãn Phật chẳng hai, chẳng khác, Ngài sử dụng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm, đó là chỗ sai biệt rất lớn. Trong quá khứ luôn dùng vọng tâm, tức là dùng cái tâm tương đối, dùng tâm ấy trong cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật. Từ nay trở đi, xóa trừ tâm ấy, dùng chân tâm tuyệt đối duy nhất, nên chẳng hai, chẳng khác với chư Phật Như Lai. Vì vậy nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, phá một phẩm vô minh cũng là thấy một phần chân tánh, nhà Thiền nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Vì lẽ đó, Viên Giáo Sơ Trụ là Phật.

Chúng ta thấy rất nhiều kinh luận Đại Thừa nói Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực tùy loại hóa thân, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật hòng độ thoát. Ngài có năng lực ấy, rất chẳng thể nghĩ bàn. Hai mươi lăm vị Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm đều là Sơ Trụ Bồ Tát. Quý vị xem Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, đó là Viên Giáo Sơ Trụ Quán Âm Bồ Tát. Đức Phật nói đến Quán Âm Bồ Tát trong rất nhiều kinh, Ngài có địa vị bất đồng. Kinh Lăng Nghiêm nói Ngài là Sơ Trụ, cũng có nghĩa là Quán Âm Bồ Tát vừa mới chứng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Ngài nói Ngài tu hành như thế nào, chứng quả ra sao? Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng Quán Âm Bồ Tát, Ngài là Đệ Thất Hồi Hương Bồ Tát, địa vị cao hơn trong kinh Lăng Nghiêm rất nhiều! Trong kinh Vô Lượng Thọ, ta thấy Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, là trợ thủ của A Di Đà Phật. Ba địa vị đều là Quán Âm Bồ Tát, nhưng công phu sai biệt rất lớn, chẳng thể coi giống nhau được! Viên Giáo Sơ Trụ có thể tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để độ được liền hiện thân ấy, đó là địa vị Phần Chứng.

Bản thân chúng ta là công phu gì? Nếu chúng ta có thể khuất phục phiền não, chưa đoạn, nhưng thật sự có năng lực khuất phục [phiền não]. Tuy có phiền não, nhưng nó chẳng khởi tác dụng, công phu bước đầu đã đắc lực, tông Thiên Thai gọi đó là Quán Hạnh Túc Phật. Nếu công phu của chúng ta ngay cả phiền não vẫn chẳng thể chế ngự, chẳng đè nén được, tham, sân, si, mạn vẫn thường dấy lên hiện hành, bèn gọi là Danh Tự Túc Phật, thuộc địa vị Danh Tự, hữu danh vô thực. Địa vị Danh Tự

sẽ chẳng thể vãng sanh. Tuy mỗi ngày niệm Phật hiệu mười vạn tiếng, niệm rất siêng năng, rất dụng công, nhưng chẳng thể khuất phục phiền não, tâm tham, sân, si vẫn còn, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì lẽ này, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. Vãng sanh thì tối thiểu là công phu thuộc địa vị Quán Hạnh. Địa vị Quán Hạnh là gì? Công phu Phật hiệu có thể khuất phục phiền não, có thể khiến cho phiền não chẳng dậy lên hiện hành, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu quý vị là Tương Tự Tức Phật, bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quý vị là Phần Chứng Vị Phật, bèn sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Chúng ta biết chân tướng sự thật này, bèn biết phải nên nghiêm túc nỗ lực. Nói thật ra, nỗ lực thì chẳng có cách nào khác, cổ nhân đã nói, đúng là lời nói xuất phát từ kinh nghiệm. Không chỉ là kinh nghiệm một đời của họ, mà cũng không chỉ là kinh nghiệm trong hơn hai ngàn năm truyền thừa Phật giáo, mà là kinh nghiệm tích lũy từ vô lượng kiếp giáo hóa chúng sanh của mười phương ba đời hết thầy Như Lai. Kinh nghiệm gì vậy? Thâm nhập một môn! Sở dĩ hết thầy chúng sanh chẳng thể thành tựu là do đã phạm một căn bệnh rất lớn: Ham cao, chuộng xa. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư thường nói [căn bệnh ham cao chuộng xa] là *“thích làm bậc đại thông gia”*, dường như thứ gì ta cũng đều thông, thứ gì ta cũng biết; hành theo kiểu đó, suốt một đời tối đa là thuộc địa vị Danh Tự. Đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trên thế gian, đạt được danh vị tiến sĩ Phật học, nhưng chẳng thể khuất phục phiền não, chắc chắn là chẳng thể vãng sanh! Nói cách khác, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Nếu thật sự muốn thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì hãy thâm nhập một môn! Chư vị đồng học ngàn muôn phần phải ghi nhớ điều này! Trong một đời này, chúng ta niệm một bộ kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, phải niệm cho đến khi công phu đặc lực, đích thực là chẳng có tâm tham.

Nay ta vẫn chưa buông Lương Hoàng Sám xuống được, bên kia làm pháp hội Thủy Lục lại mong đến tham dự một chút, bên nọ truyền giới, ta mong đến thọ Bồ Tát Giới, [cứ nghĩ] chẳng thọ Bồ Tát Giới sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Bên kia giảng kinh Đại Phương Đẳng, ta cũng muốn nghe. Không nghe thì dường như ta *“cô lậu quả văn”* (học thức kém cỏi, sự thấy nghe hẹp hòi) đó là gì? Toàn là tâm tham, thế là quý vị chẳng có năng lực khuất phục tâm tham! Khuất phục tâm tham, không chỉ là pháp thế gian chẳng cần, mà Phật pháp cũng chẳng cần. Biền cả Phật pháp, ta chỉ lấy một giọt là đủ rồi, đã thỏa mãn, biết đủ thường vui,

tâm đã định, như vậy thì gọi là công phu ban đầu đặc lực. Tham, sân, si, mạn đều chẳng có thì mới có thể đảm bảo vĩnh sanh. Chẳng có chút công phu này, đừng nói là ta mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ mấy lượt, vẫn vô dụng. Cổ đại đức thường nói là “*gào toạc cổ họng vẫn uổng công*”. Vì sao uổng công? Quý vị chẳng thể khuất phục phiền não, chế phục phiền não thì mới đáng kể!

Đức Phật thường dạy chúng ta tu phước, tu huệ, cầu phước, cầu huệ. Phước có phải là tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian hay không? Chẳng phải vậy! Nếu quý vị coi tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian là phước, cầu những thứ ấy, quý vị đã hiểu sai ý nghĩa của Phật mất rồi! Phước là gì? Phước là Định, là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh mới là phước thật sự, tâm thanh tịnh vui sướng lắm! Kẻ có tiền, có địa vị trong thế gian, tuy giàu có nhưng chẳng vui sướng, họ khổ sở, không thể coi là có phước. Sung sướng là phước, lìa khổ được vui là phước. Vì thế, tôi thấy người làm quan trong hiện thời rất đáng thương, trong hội nghị bị người ta chỉ vào mặt chửi bới, quá khổ sở! Tôi có một bạn học là tiên sinh Phó Lạc Thành, là một vị giáo sư rất nổi tiếng trong giới đại học Đài Loan. Đại học Thành Công mời ông ta làm viện trưởng viện Văn Học, ông làm một học kỳ bèn chẳng làm nữa, quay về bảo tôi: “Tôi dạy học rất thanh nhàn, làm viện trưởng phải đón ý người khác, giao tế, ứng đối, thù tạc phiền phức quá! Tôi chẳng phải là người làm những chuyện đó”. Người như vậy nếu quý vị mời ra làm quan, nhất định ông ta sẽ chẳng làm!

Vì vậy, thanh tịnh là phước, vui sướng là phước, không nhất thiết phải là giàu có! Giàu mà khổ thì chẳng bằng nghèo mà vui, phải hiểu đạo lý này! Nếu muốn đạt được vui sướng thật sự, nếu muốn đời người có giá trị, có ý nghĩa, mà chẳng có tâm thanh tịnh, thì sẽ chẳng thể đạt được những điều ấy. Chỉ có cái tâm thanh tịnh thì mới có thể cảm nhận được giá trị cuộc sống. Đức Phật nói: “*Thân người đáng quý, thân người khó được*”. Tâm địa thanh tịnh thì mới có thể thấu hiểu ý nghĩa câu nói ấy của Phật. Tâm chẳng thanh tịnh, quý vị đọc câu ấy sẽ chẳng hiểu. Nhất định phải là tâm địa thanh tịnh, Năng lặn Sở cùng mất, công phu ấy sẽ đạt tới thượng thừa.

“*Diệu quán quán chi, vô phi Tam Đế*” (Dùng diệu quán để quán thì không gì chẳng phải là Tam Đế). Nói theo tông Thiên Thai, Tam Đế là Chân Đế, Tục Đế, và Không Đế, tức Chân, Giả, Không. Một tức là ba,

ba tức là một. Tam Đê Tam Quán là một, chẳng có thứ tự trước sau, nên gọi là Nhất Tâm Tam Quán, Nhất Tâm Tam Đê.

(Diễn) Cố y tánh khởi tu thời, nhất tu nhất thiết tu, nhất chứng nhất thiết chứng.

(演) 故依性起修時，一修一切修，一證一切證。

(Diễn: Vì thế, khi nương vào tánh để khởi tu, tu một là tu hết thấy, chứng một là chứng hết thấy).

Tánh là gì? Chúng tôi nói thô thiển, rõ rệt nhất, sẽ là tâm thanh tịnh. Quý vị dùng cái tâm thanh tịnh để tu, vì tâm thanh tịnh chẳng có giới hạn, tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, nên một là hết thấy. Hễ có phân biệt, hễ có chấp trước thì một chỉ là một, một quyết định chẳng phải là hai! Tâm thanh tịnh chẳng có giới hạn, chẳng có phân biệt, nên tôi nói một chính là hai, một là ba, một là mười, mười là một ngàn, một là một vạn, đúng hay không? Đúng! Chẳng có phân biệt mà! Do chẳng có phân biệt, nên bất luận quý vị nói như thế nào, kết quả đạt được sau đó cũng như một con số không! Chẳng có phân biệt, chấp trước, thì mới gọi là thanh tịnh. Một chẳng phải là hai, hai chẳng phải là một, tâm ấy chẳng thanh tịnh. Phật, Bồ Tát đôi ba lượt dạy chúng ta: “*Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”, quý vị vẫn rớt trong phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể sanh trong Tịnh Độ! Tuy chưa đoạn phiền não, nhưng công phu của quý vị chẳng thể chế phục phiền não, phiền não vẫn khởi tác dụng, sẽ chẳng đến được cõi Phạm Thánh Đồng Cư! Tuy có phiền não, nhưng phiền não chẳng khởi tác dụng, bèn sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Như vậy thì mới hiểu rõ vì sao người niệm Phật đông ngàn ấy, nhưng người vãng sanh ít dường ấy! Chúng ta đã tìm được nguyên nhân. Đã hiểu nguyên nhân, hãy tiêu trừ cái nhân ấy, ta cũng có thể vãng sanh! Nếu quý vị chẳng tiêu trừ nguyên nhân ấy, quý vị niệm suốt cả đời vẫn chẳng thể vãng sanh. Hôm nay tôi thưa cùng quý vị câu nói khẩn yếu nhất ấy! Tu một là tu hết thấy, quý vị biết một là gì, hết thấy là gì. Hết thấy chính là một, một chính là hết thấy. Chứng một là chứng hết thấy.

(Diễn) Cố nhân cùng quả chứng thời, y chánh sắc tâm, pháp pháp tương tức, nhất thuyết nhất thiết thuyết dã.

(演) 故因窮果證時，依正色心，法法相即，一說一切說也。

(Diễn: Vì thế, khi thấu hiểu cùng tột cái nhân, đã chứng cái quả, y báo, chánh báo, sắc, tâm, pháp nào cũng đều chính là lẫn nhau, nói một điều tức là nói hết thấy vậy).

Hôm nay tôi giảng tới đoạn này, nếu quý vị có thể hiểu, lãnh hội được thì sẽ hiểu chỗ mầu nhiệm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

---o0o---

Tập 177

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi hai:

(Sao) Bất đồng thiên điều giả, Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh vân: “Chư thiên du lạc, trì trung phù nhận đảnh, giai xuất âm thanh, tuyên dương kệ tụng, khai thị ngũ dục, tất cánh vô thường, bất khả đam ngoạn. Chư thiên văn dĩ, hữu thể lệ giả”. Thử tắc thật diệu, điều tại thể thời, khẩu thuyết diệu pháp, bất vụ chân tu, báo tác chư điều, xử ư thiên cung. Dĩ kỳ túc tập, do năng thuyết pháp, phi như Tịnh Độ Phật sở biến hóa, cố bất đồng dã.

(鈔) 不同天鳥者，正法念處經云：諸天遊樂，池中鳧雁等，皆出音聲，宣揚偈頌，開示五欲，畢竟無常，不可耽玩，諸天聞已，有涕淚者，此則實鳥，繇在世時，口說妙法，不務真修，報作諸鳥，處於天宮，以其宿習，猶能說法，非如淨土佛所變化，故不同也。

(Sao: “Chẳng giống như chim cõi trời”: Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh⁷³ có nói: “Chư thiên vui chơi, các loài le, nhận v.v... trong ao đều phát ra tiếng tuyên dương kệ tụng, khai thị ‘ngũ dục rốt ráo vô thường, chớ nên tham đắm’. Chư thiên nghe tiếng, có kẻ ứa lệ”. Đó chính là chim thật sự, do lúc tại thế, miệng nói diệu pháp, nhưng chẳng chú trọng tu hành thật sự, nên thọ báo làm chim trên cõi trời. Do tập khí từ đời trước, vẫn có thể thuyết pháp, chẳng giống [các loài chim trong] Tịnh Độ do Phật biến hóa tạo ra, nên khác nhau).

Đoạn này trích dẫn kinh văn của Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, không chỉ nói rõ các loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật biến hóa tạo thành, mà còn đưa ra một lời cảnh tỉnh rất cao cho những người tu học chúng ta trong thế gian hiện tiền. Chúng ta thấy nhân gian có súc sanh, cõi trời cũng có. “*Thiên*” [ở đây] đương nhiên thuộc về Dục Giới Thiên, chứ trong Sắc Giới Thiên chẳng thể có, vì [Sắc Giới Thiên] đã đoạn dục. Do vậy có thể biết là Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên đều có súc sanh đạo. Vì sao súc sanh có thể sanh trong cõi trời? Các vị đại pháp sư giảng kinh, thuyết pháp trong đời trước, do chẳng cầu sanh Tịnh Độ, mong cầu phước báo nhân thiên, nghiệp chướng nặng nề, chỉ đành đọa trong súc sanh đạo. Súc sanh đạo mà có thể sanh lên cõi trời, cũng coi như là khá lắm! Súc sanh còn có thể thuyết pháp, vì sao? Tập khí giảng kinh thuyết pháp trong nhiều đời vẫn còn trong A Lại Da Thức, vẫn nhớ rất thuộc, nên vẫn còn có thể nói ra, nhưng họ sanh làm súc sanh trong Dục Giới Thiên.

Điều này đúng là đã giáng một gậy vào đầu chúng ta! Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đúng là chẳng có cách nào vượt thoát luân hồi. Phước báo nhân thiên khá khó đạt được, chúng ta phải nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh chuyện này! Trong kinh, đức Phật đã nói rất minh bạch: Muốn đời sau được làm thân người, cần phải trọn đủ Ngũ Giới, Thập Thiện. Nay chúng ta phản tỉnh đôi chút, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác có mấy phần tương ứng với Ngũ Giới, Thập Thiện? Chính mình tự chấm điểm, xem có thể đủ điểm hay chẳng? Nếu chỉ vừa đủ điểm, vẫn chưa chắc đã đạt được phước báo trong cõi nhân thiên! Điểm tiêu chuẩn tối thiểu là tám mươi hay chín mươi điểm thì khá chắc chắn là đời sau có thể làm thân người. Nếu từ bảy mươi điểm trở xuống, đời sau sẽ chẳng chắc chắn, chẳng dễ gì được làm thân người! Điều này đáng để cảnh giác! Nếu muốn sanh lên cõi trời, phải là thượng phẩm Ngũ Giới Thập Thiện. Đối với thượng phẩm Ngũ Giới Thập Thiện, cũng tức là Ngũ Giới Thập Thiện đạt được chín mươi chín điểm hoặc một trăm điểm thì mới được, đảm bảo quý vị sanh lên trời, sanh lên tầng trời nào? Cao nhất thì chỉ có thể sanh lên Đao Lợi Thiên. Từ Đao Lợi Thiên trở lên là Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, nếu chỉ dựa vào thượng phẩm Thập Thiện sẽ không thể sanh về đó, bắt buộc phải tu Định. Tuy tu Định, chưa đoạn sạch ngũ dục, lục trần, nhưng dục vọng khá nhạt mỏng, sẽ có thể sanh vào bốn tầng trên của Dục Giới. Từ Sơ Thiên của Sắc Giới trở lên, dục tâm đã đoạn, tuy chẳng đoạn tận gốc, nhưng công phu định lực đích thực là có thể chế ngự, [nên] dầu có dục, quyết định là [dục vọng] chẳng

đây lên hiện hành, như vậy thì mới có thể sanh trong mười tám tầng trời Tứ Thiên thuộc Sắc Giới. Biết chân tướng sự thật này, quý vị sẽ hiểu [sanh lên trời] chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nói thật ra, dễ dàng nhất, thù thắng nhất, không gì hơn Tây Phương Tịnh Độ, có thể đạt tiêu chuẩn sanh về Tứ Vương Thiên hay Đao Lợi Thiên thì nhất định sẽ nắm chắc chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Không sanh về Tây Phương, chẳng tránh khỏi luân hồi trong lục đạo. Đối với bất cứ pháp môn nào, mong thoát khỏi [tam giới] trong một đời đều chẳng dễ dàng! Đã đoạn hết ngũ dục, xác thực là chẳng nầy sanh ý niệm tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, quý vị mới có thể vượt thoát Dục Giới, sanh lên Sắc Giới Thiên. Đó là tu hành theo đường lối thông thường, bất luận là tông nào hay pháp môn nào, được gọi là “*thụ xuất tam giới*” (thoát khỏi tam giới theo chiều dọc). Nếu đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, quý vị vẫn còn động tâm, chắc chắn là [ở trong] Dục Giới, chẳng thể đến Sắc Giới. Quý vị học Thiên, dẫu công phu Thiên tốt đẹp cách mấy, hễ tĩnh tọa bèn có thể ngồi tới ba tháng chẳng xuất Định, nhưng hễ còn có mảy may tham luyến ngũ dục lục trần thì chỉ có thể sanh trong Dục Giới Thiên. Thật sự đắc Thiên Định, hết thấy dục niệm chẳng sanh, như vậy thì mới có thể sanh trong Sắc Giới Thiên. Nếu lên cao hơn, ngay cả thân thể cũng buông bỏ. Lão Tử nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có mối lo nghĩ lớn, vì ta có thân). Đây là người thông minh nhất trong thế gian, ta có mối lo sâu lớn nhất do ta có thân thể, chẳng có thân thể sẽ tự tại lắm! Người giống như vậy, công phu tu thành, bèn chẳng cần sắc tướng nữa, sanh về Vô Sắc Giới Thiên.

Tổng cộng là hai mươi tám tầng trời, nếu chúng ta muốn đột phá từng tầng một, chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Cái hay trong pháp môn Tịnh Tông là chẳng cần đột phá từng tầng một, mà vượt thoát ngay từ trong nhân gian, nên gọi là “*hoành xuất tam giới*” (thoát khỏi tam giới theo chiều ngang). Đây là một phương pháp tu học rất xảo diệu. Điều chẳng thể nghĩ bàn nhất là đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là “*hoành sanh tứ độ*” (sanh trong cả bốn cõi Tịnh Độ theo chiều ngang). Trong tam giới có hai mươi tám tầng trời, chẳng dễ gì đột phá! Dẫu tu hành, trong tương lai chứng quả, vượt thoát tam giới, nhưng vượt thoát tam giới còn có bốn cõi, cứ trèo lên cao từng tầng một trong bốn cõi, từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư đến cõi Phương Tiện Hữu Dư, đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đến cõi Thường Tịch Quang, cũng hết sức khó khăn, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì quý vị mới có thể từ cõi Phạm

Thánh Đồng Cư trèo đến cõi Thường Tịch Quang. Nhưng người tu Tịnh Độ vừa tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn đồng thời đạt được bốn cõi ấy; vì thế, gọi là “*viên sanh tứ độ*” (sanh trọn vẹn trong bốn cõi), đó là điều chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thấy các kinh luận, chẳng có chuyện này! Vì vậy, pháp môn này được mười phương chư Phật tán thán, mười phương chư Phật tuyên dương, chẳng có vị Phật nào không giảng Tịnh Độ Tam Kinh, chẳng có vị Phật nào không khuyên hết thấy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trừ phi chúng sanh tập khí nghiệp chướng rất nặng, chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận pháp môn này, đức Phật mới bắt đặc dĩ mở ra pháp môn phương tiện, giảng cho quý vị pháp môn khác. Vì lẽ đó, trong hết thấy các pháp môn, pháp môn này chân thật bậc nhất, chúng ta phải nên liễu giải điều này!

Đoạn này trần thuật những vị pháp sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp, nhưng chẳng đoạn tập khí nghiệp chướng phiền não, lại chẳng muốn sanh về Tịnh Độ, quả báo thù thắng nhất của họ là làm súc sanh trên cõi trời, trở thành vật nuôi làm cảnh của chư thiên! Những con chim trên cõi trời có thể giảng kinh, thù thắng hơn những con chim kiếng trong nhân gian nhiều lắm. Chúng là súc sanh đạo thật sự, cõi trời có súc sanh đạo. “*Phi như Tịnh Độ Phật sở biến hóa, cố bất đồng dã*” (Chẳng giống như trong Tịnh Độ, [các loài chim] do Phật biến hóa, nên khác nhau). Những con chim trong Tịnh Độ chẳng phải là súc sanh thật sự, mà do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra, nên Tây Phương Cực Lạc thế giới về căn bản là chẳng có ba ác đạo. Chúng ta lại xem lời Sớ, đây là Liên Trì đại sư tự đặt lời vấn đáp giả định nhằm giảng rõ cho chúng ta.

(Sớ) Vấn: Pháp Tạng kệ vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, giai sanh ngã sát trung”, hà ngôn bỉ vô ác đạo?

(疏) 問：法藏偈云，地獄鬼畜生，皆生我剎中，何言彼無惡道？

(Sớ) Hỏi: Trong bài kệ của ngài Pháp Tạng có nói: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, đều sanh trong cõi ta”, có sao nói cõi ấy chẳng có ác đạo?”

Kinh Vô Lượng Thọ có nói: Ba ác đạo gặp duyên, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thấy đều có thể vãng sanh, lẽ nào Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có súc sanh?

(Sớ) Đáp: Kệ ý tự minh, bất sĩ nghi biện, nữ nhân sanh giả, nghĩa diệc như thị.

(疏) 答：偈意自明，不俟疑辯，女人生者，義亦如是。

(Sớ) Đáp: Ý nghĩa của bài kệ ấy rất rõ rệt, chẳng cần phải biện nghi. [Đối với chuyện] nữ nhân sanh về đó, ý nghĩa cũng giống như thế.

Ý nghĩa được nói trong bài kệ rất minh bạch. Địa ngục, quỷ, súc sanh chẳng thuộc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là ba ác đạo trong các thế giới phương khác, “giai sanh ngã sát trung” (đều sanh cõi ta), rất rõ ràng! Trọn chẳng phải là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có ba ác đạo.

(Sao) Kệ ý tự minh giả, Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện hậu thuyết kệ.

(鈔) 偈意自明者，法藏比丘願後說偈。

(Sao: “Ý nghĩa của bài kệ ấy rất rõ rệt”: Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ sau khi phát nguyện).

Bài kệ này được nói sau khi Ngài đã phát ra bốn mươi tám nguyện.

(Sao) Tiên vân địa ngục, quỷ, súc sanh, giai sanh ngã sát trung, thứ tức vân: “Nhất thiết lai sanh giả, tu tập thanh tịnh hạnh, như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn”.

(鈔) 先云地獄鬼畜生，皆生我剎中，次即云：一切來生者，修習清淨行，如佛金色身，妙相悉圓滿。

(Sao: Trước là nói “địa ngục, quỷ, súc sanh, đều sanh trong cõi ta”, tiếp đó liền nói: “Hết thấy kẻ sanh đến, tu tập hạnh thanh tịnh, thân sắc vàng như Phật, diệu tướng thấy viên mãn”).

Quý vị xem đến chỗ này, chẳng phải là vấn đề đã được giải quyết rồi hay sao? Các cõi nước của chư Phật trong mười phương thế giới chẳng khác thế giới Sa Bà cho mấy, đều có lục đạo và mười pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ chẳng có ác đạo, mà cũng chẳng có mười pháp giới; đó là một thế giới rất đặc biệt. Thế giới ấy là một thế giới tuyệt đối bình đẳng. Chúng sanh trong mười phương thế giới, trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến địa ngục chúng sanh, còn gọi là “chúng sanh trong chín pháp giới” thuộc các thế giới phương khác sau

khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ cùng A Di Đà Phật chẳng hai, chẳng khác. “*Nhất thiết lai sanh giả, giai tập thanh tịnh hạnh*” (Hết thấy kẻ sanh đến, đều tu hạnh thanh tịnh), câu này bao gồm nhân lẫn quả. Nhân là gì? Như thế nào thì mới có thể vãng sanh? Phải tu hạnh thanh tịnh thì mới có thể vãng sanh, đó là nói theo nhân; đúng như kinh đã dạy: “*Tâm tịnh, ắt cõi tịnh*”. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cõi nước thanh tịnh, nhất định phải dùng cái tâm thanh tịnh để sanh về. Tâm chẳng thanh tịnh, quyết định chẳng thể vãng sanh, niệm Phật cũng vô dụng! Cổ đức nói: “*Mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, gào toạc cổ họng cũng uổng công*”. Vì sao uổng công? Vì tâm quý vị không thanh tịnh!

Do đó, phải biết: Niệm một bộ kinh này, niệm một câu Phật hiệu này nhằm mục đích tu tâm thanh tịnh. Chúng ta niệm kinh, niệm Phật, bèn chẳng suy tưởng lung tung, chẳng có phân biệt, chấp trước. Cung kính thật thà niệm, đừng suy nghĩ ý nghĩa trong kinh. Nếu quý vị suy nghĩ ý nghĩa trong kinh, tâm chẳng thanh tịnh, vừa niệm kinh, vừa suy tưởng lung tung. Phải hiểu: Niệm kinh chẳng phải nhằm cầu hiểu nghĩa, niệm kinh không gì chẳng nhằm niệm để đoạn sạch vọng tưởng và chấp trước. Không niệm kinh thì sẽ đầy vọng tưởng! Chẳng có cách nào trừ khử vọng tưởng! Niệm kinh là phương pháp, cách thức [để trừ vọng tưởng], chẳng phải là bảo quý vị phải hiểu ý nghĩa! Vì thế, quý vị phải liễu giải [mục đích của việc niệm kinh], hãy thật thà cung kính niệm. Niệm kinh là tu hành, tu gì vậy? Tu tâm thanh tịnh. Niệm một tiếng đồng hồ là tu tâm thanh tịnh một tiếng đồng hồ. Niệm hai tiếng đồng hồ là tu tâm thanh tịnh hai tiếng đồng hồ. Ngàn vạn phần đừng nghiên cứu. Hễ nghiên cứu, tâm thanh tịnh sẽ chẳng có, làm lẫn quá đổi to tát! Nếu tâm đã thật sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ tự nhiên sanh ra trí huệ. Trí huệ chân chánh sanh từ tâm thanh tịnh. Nói theo nhân, người ấy tu tập tâm thanh tịnh, nên vãng sanh như thế đó. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa cùng chư vị, [người ấy] vẫn tiếp tục tu tập tâm thanh tịnh. Từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến khi thành Phật đều là tu tập tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, ngôn ngữ thanh tịnh, chẳng có gì không thanh tịnh. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông, điều được tu tập là nhất tâm thanh tịnh. Đại Thế Chí Bồ Tát “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, “*tịnh niệm*” chính là tâm thanh tịnh đang được nói đến ở đây. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh.

Có đồng tu hỏi tôi: “Học Phật thì có còn phải nói tới Phong Thủy hay không? Tại Đại Lục, những chỗ dựng chùa miếu đều là chỗ Phong

Thủy tốt bậc nhất, vì sao?” Tôi nói: Thuở dựng chùa, tuyệt đối chẳng phải là chọn một nơi Phong Thủy tốt đẹp để cất chùa, mà là sau khi ngôi chùa ấy được dựng, người tu hành đông ngàn ấy, tâm thanh tịnh dường ấy, cảnh giới bèn thanh tịnh, Phong Thủy tự nhiên biến thành tốt nhất, đạo lý ở chỗ này! Nay tâm ta thanh tịnh, ta ngồi ở nơi đây, nơi đây sẽ có Phong Thủy tốt nhất. Giảng đường của chúng ta giảng kinh suốt năm chẳng gián đoạn, người ở nơi đây được huân tập đông ngàn ấy, nếu [có người] thật sự hiểu Phong Thủy, sau khi đến Đài Loan xem [Phong Thủy, sẽ thấy] chỗ chúng ta là Phong Thủy bậc nhất! Tôi dạy người ấy một nguyên tắc, tôi nói: “Nếu người trong nhà ông thân tâm thanh tịnh, nhất định là gia đình ông có Phong Thủy rất tốt, tôi không xem cũng biết! Nếu tâm ông chẳng thanh tịnh, vận dụng hết tâm trí để đấu đá lẫn nhau, hằng ngày kiểm chác tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, dẫu thầy Phong Thủy chọn cho ông một nơi có Phong Thủy tốt nhất, tôi cũng không tin nơi ông ở là chỗ có Phong Thủy tốt đẹp được!”

Xác thực là có Phong Thủy! Trong quá khứ, chuyện tự viện, từng lâm đều là Phong Thủy bậc nhất là điều hợp lý vì tâm [của đại chúng tu tập nơi đó] thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy rất rõ ràng: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”. Chúng ta đừng bị Phong Thủy chuyển, mà phải chuyển Phong Thủy, đó là đúng. Phong Thủy chẳng thể chuyển con người, mà là con người chuyển Phong Thủy. Phong Thủy luân lưu xoay chuyển, chuyển theo lòng người! Lòng người tốt đẹp, Phong Thủy bèn tốt đẹp. Lòng người xấu xa, Phong Thủy liền xấu ác! Trong hết thảy các cõi nước Phật tận hư không khắp pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới có Phong Thủy tốt bậc nhất, vì sao? Vì tất cả mọi người đều do tu thanh tịnh hạnh mà sanh về đó, đã đến nơi đó, vẫn tiếp tục tu thanh tịnh hạnh không ngừng, quý vị nghĩ xem có cõi nước nào của chư Phật có thể sánh bằng? Đây chẳng phải là do chúng ta tu Tịnh Độ bèn tự mình bốc thơm Tịnh Độ. Chẳng phải vậy! Đích thực là có căn cứ lý luận là tâm người ta thanh tịnh.

Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*như Phật kim sắc thân*” (thân sắc vàng như Phật), điều này tương ứng với bốn mươi tám nguyện! Mười phương chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, thân thể và sắc tướng của quý vị hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Cõi ấy là một thế giới bình đẳng, trong ấy chẳng có tranh chấp, mọi người đều như nhau! Người thế gian do tướng mạo khác nhau mà tâm chẳng bình đẳng, sanh phiền não. Người có tướng mạo tốt bèn ngạo mạn, cảm thấy mình ghê gớm lắm, ta đẹp đẽ hơn kẻ khác.

Người tướng mạo chẳng đẹp bèn tự ty mặc cảm, ta thua kém kẻ khác, nảy sanh lòng đố kỵ, sân hận, bèn có đấu tranh, làm sao cõi đời có thể thái bình cho được? A Di Đà Phật rất có trí huệ, Ngài biết nhiều căn bệnh trên thế gian phát sanh từ chỗ này, nên Ngài liền phát đại nguyện: Phạm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo, vóc dáng đều như nhau, mọi người chẳng còn gì để nói nữa, mà cũng chẳng thể ngạo mạn, cũng không bị tự ty mặc cảm, tướng mạo hoàn toàn giống hệt nhau mà! Nếu A Di Đà Phật đặc biệt xinh đẹp hơn một chút, người khác thấy vậy cũng chẳng vui sướng, sẽ nói: “Phật luôn tốt đẹp hơn ta, ta vẫn thua kém Ngài”. [Mọi người đều] giống như A Di Đà Phật, sẽ bình đẳng, không còn dị nghị chi nữa!

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân hình, chiều cao, khổ người đều như nhau, chắc là quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng cảm thấy rắc rối lắm! Trương Tam hay Lý Tứ ta đều chẳng nhận ra, rốt cuộc ai mới là A Di Đà Phật? Tướng mạo của mỗi người đều như nhau mà! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ chẳng nghi hoặc, vì người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có Tha Tâm Thông, đều có thần thông, đều có Túc Mạng Thông, nên đối với mỗi người, quý vị có thể nhận biết rành rẽ, tuyệt đối chẳng thể nhận lầm. Phạm phu chúng ta chắc chắn chẳng có cách nào, đối với hai hạng người: Một là phạm phu đối nghiệp vãng sanh, hai là A Di Đà Phật, chúng ta quyết định chẳng nhận ra, vì tướng mạo hoàn toàn giống như nhau. Hiện thời, chúng ta vẽ Tây Phương Biên Tướng Đồ hoặc Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ đều vẽ chẳng đúng. Vẽ A Di Đà Phật đặc biệt to, Quán Âm Bồ Tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại nhỏ hơn chút nữa, hoàn toàn khác với với những điều chúng tôi đang nói trong hiện thời. Như thế là vẽ chẳng đúng pháp. Đương nhiên là vẽ như vậy nhằm biểu thị sự đặc biệt tôn kính, nhưng sự tôn kính ấy chẳng phải là ý nghĩa của A Di Đà Phật, hãy nên vẽ tất cả đều thành thân Phật, đều vẽ giống như nhau thì mới hoàn toàn tương ứng với những điều kinh đã nói.

“*Diệu tướng tất viên mãn*” (Diệu tướng đều viên mãn): Chúng ta thường nói Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, đó là nói theo thế giới này. Mỗi cá nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là như vậy, thật ra, Đại Kinh có nói: “*Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Tướng hảo và quang minh của A Di Đà Phật như kinh đã nói chính là tướng hảo và quang minh của mỗi người vãng sanh, vì thân tướng của họ giống hệt như Phật. Tán thán sự trang nghiêm nơi hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật, đó chính là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta

khi đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì cuộc sống bên đó, ăn, mặc, ở, đi lại hoàn toàn giống như Phật, tuyệt đối chẳng có sai khác. Vì vậy, thế giới ấy là một thế giới thật sự bình đẳng, chúng ta phải biết điều này. Hết thấy các thế giới của mười phương chư Phật đều bất bình đẳng, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng. Quý vị thấy sự viên mãn trong các cõi đó, [chẳng hạn như] “*diệu tướng tất viên mãn*” thì chỉ có Phật mới viên mãn! Vì lẽ đó, hết thấy chúng sanh sanh về cõi Cực Lạc ai nấy đều viên mãn. Nếu chẳng do bốn mươi tám nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chắc chắn sẽ chẳng đạt được!

(Sao) Tắc tri tất u Sa Bà dĩ thực tịnh duyên, cố đắc vãng sanh, ký sanh bỉ quốc, thất bản ác đạo, giai thành thượng thiện, tướng hảo như Phật, thượng hà địa ngục, quỷ, súc cưu nhật chi hình thể da?

(鈔) 則知必於娑婆已植淨緣，故得往生，既生彼國，失本惡道，皆成上善，相好如佛，尚何地獄鬼畜舊日之形體耶？

(Sao: Ất biết là đã gieo tịnh duyên nơi Sa Bà, nên được vãng sanh. Đã sanh về cõi ấy thì đã mất cái gốc ác đạo, đều trở thành thượng thiện, tướng hảo như Phật, há còn có hình thể địa ngục, quỷ, súc sanh như thuở trước nữa u?)

Nói rất rõ ràng, chúng sanh từ ba ác đạo vãng sanh là có! Cuốn sách Vật Do Như Thử⁷⁴ đã chép chuyện súc sanh vãng sanh trong các đời. Lão pháp sư Đàm Hư cho biết vào đầu thời Dân Quốc, lão hòa thượng Đề Nhân thuở trẻ làm Trụ Trì chùa Đầu Đà là một ngôi chùa nhỏ thuộc vùng quê xứ Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang. Chùa Đầu Đà có một con gà trống, theo chân [đại chúng] lên chánh điện tụng niệm sáng tối giống hệt như mọi người. Đến lúc thọ trai, nó cũng đến tham dự, người ta đánh rơi cơm và thức ăn xuống đất, nó liền ăn sạch. Có một ngày, sau khi tụng niệm xong, con gà trống chẳng bỏ đi, vẫn đi tới đi lui trên chánh điện, thầy Hương Đăng dọn dẹp, chuẩn bị đóng cửa, đuổi nó ra, nó vẫn không đi. Đến cuối cùng, nó đứng giữa đại điện, ngẩng đầu hướng về tượng Phật kêu ba tiếng, đứng ngay nơi đó vãng sanh! Con gà trống ấy có linh tánh, nó kêu ba tiếng ở nơi ấy tức là niệm A Di Đà Phật ba tiếng rồi đứng mất. Súc sanh như vậy đã tu tịnh nhân khi còn sống, mỗi ngày cùng mọi người niệm Phật, tụng niệm công khóa sớm tối, nên nó có thể vãng sanh.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân màu vàng ròng như Phật, diệu tướng thủy đều viên mãn, nên “*thất bốn ác đạo*” (đã mất cái gốc ác đạo). Họ sanh về thế giới Cực Lạc chẳng còn là ác đạo, chẳng còn là súc sanh, “*giai thành thượng thiện*” (đều thành bậc thượng thiện). Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các vị thượng thiện nhân đều nhóm họp một chỗ, tướng hảo giống như Phật, há còn có hình thể địa ngục, quỷ, súc sanh như trước đây? Hoàn toàn chẳng có các hình tướng ấy! Người vãng sanh, Phật đến tiếp dẫn. Súc sanh, quỷ, cho đến địa ngục vãng sanh, Phật vẫn đến tiếp dẫn. Khi Phật đến tiếp dẫn, người ấy hoàn toàn thoát khỏi thân hình trong ác đạo, thân thể và sắc tướng chẳng khác A Di Đà Phật. Sanh về Tây Phương Cực Lạc là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*” (thân thanh hư, thể vô cực). Chúng ta tham khảo kinh Vô Lượng Thọ sẽ hoàn toàn hiểu rõ, chẳng còn nghi hoặc nữa!

(Sao) *Nữ sanh diệt nhiên giả, luận vị “nữ cập căn khuyết, câu bất sanh bỉ”, cổ viện thượng lệ.*

(鈔) 女生亦然者，論謂女及根缺，俱不生彼，故援上例。

(Sao: “*Nữ nhân sanh về Cực Lạc cũng thế*”: [Vãng Sanh] Luận nói nữ nhân và kẻ căn khuyết đều chẳng sanh về đó, đều dẫn lệ trên đây [để biện định]).

“*Luận vị*” (Luận nói), Luận ở đây là Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát soạn. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có thân người nữ, vì đều là Phật thân. Đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân ấy liền biến thành thân Phật, tướng nữ thân cũng chẳng còn! “*Căn khuyết*” là tàn tật. Tướng mạo tàn tật cũng chẳng có. Đến nơi ấy, đều là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo.

(Sao) *Diệt diêu nữ nhân túc tu tịnh hạnh, nhất sanh bỉ quốc, cụ trượng phu tướng, vô phục nữ hình hỹ. Kim hội cửu phẩm, do tôn nữ nhân, mậu dã, đương thị Sa Bà niệm Phật thời tướng, bất khả vị thị Cực Lạc đắc sanh thời tướng dã.*

(鈔) 亦繇女人宿修淨行，一生彼國，具丈夫相，無復女形矣。今繪九品，猶存女人，謬也，當是娑婆念佛時相，不可謂是極樂得生時相也。

(Sao: *Cũng vì nữ nhân đã tu tịnh hạnh, hề sanh về cõi ấy bèn đây đủ tướng trượng phu, chẳng còn hình dáng nữ. Nay vẽ chín phẩm [vãng*

sanh] vẫn còn có hình tướng nữ là làm, nên coi đó là hình tướng khi đang niệm Phật trong cõi Sa Bà, chẳng thể bảo là tướng khi đã được sanh về Cực Lạc được).

Liên Trì đại sư giảng rất đúng, hết sức hợp lý. Những bức vẽ Cực Lạc Thế Giới Đồ đều là tướng trạng khi chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu đã đến, chẳng thể có tướng nữ nhân, vẽ tướng ấy là sai mất rồi!

(Sao) Ưc hoặc biểu kỳ nhân địa, dĩ minh nhất thiết giai đắc vãng sanh nhĩ, đạt giả thâm chi.

(鈔) 抑或表其因地，以明一切皆得往生耳，達者審之。

(Sao: Hoặc có lẽ [vẽ như vậy] nhằm biểu thị lúc tu nhân, hòng nêu rõ “hết thấy đều được vãng sanh”, người thông đạt phải suy xét kỹ [để nhận biết chánh xác]).

Cũng có một ý nghĩa khác: Nói rõ hết thấy các chủng loại chúng sanh đều có thể vãng sanh; nhưng chúng ta nhất định phải thông đạt, hiểu rõ: Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có một loại thân tướng, quyết định chẳng có loại thân tướng thứ hai.

(Sớ) Xưng Lý, tặc tự tánh bản vô tham, sân, si đẵng, thị vô tam ác đạo nghĩa. Tự tánh bản cụ như huyền pháp môn, thị biến hóa sở tác nghĩa.

(疏) 稱理，則自性本無貪瞋痴等，是無三惡道義；自性本具如幻法門，是變化所作義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh vốn chẳng có tham, sân, si v.v... chính là nghĩa “không có ba ác đạo”. Tự tánh vốn trọn đủ pháp môn như huyền là nghĩa “biến hóa tạo ra”).

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo? Nếu chẳng hiểu rõ lý luận này, nổi hoài nghi sẽ chẳng thể đoạn sạch. Chỗ khác nhau giữa thế giới Tây Phương và hết thấy các cõi Phật khác là: Cực Lạc là cõi Pháp Tánh thuần chân, do Chân Như bản tánh biến hiện, mười phương thế giới do tám thức biến hiện. “*Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng*”, biến hiện như vậy, có bản chất khác hẳn Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đó, mỗi

một pháp, một hạt bụi, một hạt cát trong thế giới Tây Phương đều là pháp giới chẳng thể nghĩ bàn, cõi của chúng ta làm sao có thể sánh bằng được? Đó là cõi nước do tự tánh thanh tịnh tâm của A Di Đà Phật biến hiện, đúng như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh*”. Người từ mười phương thế giới vãng sanh [Cực Lạc] thấy đều trọn đủ tịnh duyên thì mới có thể vãng sanh, tâm thanh tịnh, duyên thanh tịnh, như vậy thì sẽ vãng sanh. Dầu là chúng sanh trong ác đạo hoặc chúng sanh tạo tội nghiệp sâu nặng vãng sanh thì cũng ắt phải thật sự sám hối, đoạn ác tu thiện mới hòng có thể vãng sanh. Tôi bảo các đồng học niệm kinh, niệm Phật, chẳng vì mục đích khiến cho quý vị cầu hiểu nghĩa, mà nhằm vào mục đích dùng phương thức ấy để huấn luyện cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm đã thanh tịnh, nhất định sanh về Tịnh Độ. Ta nguyện sanh về Tịnh Độ, hễ có nguyện thì phải có tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, dầu có nguyện, vẫn chẳng thể vãng sanh, quý vị phải hiểu đạo lý này. Nghe giảng hoặc nghiên cứu chú sớ nhằm mục đích đoạn nghi sanh tín. Chúng ta chẳng nhận biết pháp môn này, còn hoài nghi, dầu quý vị giảng giải hay cách mấy, tôi vẫn không tin tưởng. Vì thế, giảng kinh hoặc giảng chú giải nhằm giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, kiến lập tín tâm, chẳng còn dấy vọng tưởng nữa, nhất tâm nhất ý niệm kinh. Khi niệm kinh, chẳng nghĩ đến bất cứ ý nghĩa nào, biết ta niệm kinh hòng tu tâm thanh tịnh. Niệm kinh, niệm Phật nhằm vun bồi tịnh duyên của ta, gieo tịnh duyên, tu tịnh hạnh. Trong tâm thanh tịnh chẳng có tham, sân, si, nên Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo.

Nay thế gian này ác đạo tràn ngập, vì sao? Ác niệm chẳng đoạn. Không chỉ là ác niệm chẳng đoạn, mà ác niệm còn đang tăng trưởng, đáng sợ quá! Trong quá khứ có những đồng học thường đến nghe kinh, nay thì ngay cả bóng dáng cũng chẳng trông thấy, đi chơi cờ phiêu hết rồi! Trước đây, họ mỗi ngày niệm kinh tại đây, phát tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nay tới thị trường chứng khoán, người ấy sẽ sanh về đâu? Sanh về ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Nơi chốn ấy [là chỗ] để tu tham, sân, si. Tham, sân, si là nghiệp nhân của ba ác đạo. Chúng tôi giảng pháp môn thù thắng khôn sánh bậc nhất ở đây, đạo tràng của chúng ta có mấy người nghe? Quý vị đến chợ bán cổ phiêu mà xem, người chen nhau đông nghẹt, chen chẳng lọt. Do vậy, thế gian này ác đạo tràn ngập, đạo lý ở chỗ này. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo? Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tham, sân, si. Nếu chúng ta muốn nắm chắc vãng sanh, phải bỏ sạch tham, sân, si. [Câu] “*tự tánh bản cụ như huyền pháp môn, thị biến hóa sở tác nghĩa*”

(tự tánh vốn trọn đủ pháp môn như huyền là ý nghĩa “biên hóa tạo ra”)
[được sách Diễn Nghĩa giảng như sau]:

(Diễn) Như huyền pháp môn giả, Phật thuyết nhất thiết pháp, bốn vị nhất thiết tâm, ngã vô nhất thiết tâm, yên dụng nhất thiết pháp, cố nhất thiết pháp môn giai tất như huyền.

(演) 如幻法門者，佛說一切法，本為一切心，我無一切心，焉用一切法，故一切法門皆悉如幻。

(Diễn: “Pháp môn như huyền”: Đức Phật nói hết thấy các pháp vốn vì hết thấy tâm. Nếu ta chẳng phải là hết thấy tâm, làm sao dùng hết thấy các pháp cho được? Vì thế, hết thấy các pháp môn đều như huyền).

Phật pháp do đâu mà có? Thừa cùng chư vị, chẳng có Phật pháp! Quý vị nói “có Phật pháp”, sai mất rồi! Đức Phật chưa hề thuyết pháp. Có thể dùng kinh Kim Cang để chứng minh: Không chỉ là đức Phật chẳng có pháp nào nhất định để nói, mà thật sự là đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói. Nói thật với quý vị là “không có pháp nào để có thể nói!” Không có pháp nào? Cớ sao nói với quý vị lắm pháp dường ấy, chuyện này là như thế nào? Do quý vị có hết thấy các tâm, hết thấy các tâm chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”. Do quý vị có hết thấy vọng tâm, nên đức Phật uốn nắn những vọng tưởng, chấp trước ấy, đó là Pháp. Phật pháp được kiến lập từ hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, phiền não của chúng sanh. Tâm quý vị đã thanh tịnh, há còn có pháp gì nữa? Chẳng có pháp!

Có đồng tu hỏi tôi: Có cần phải nghiên cứu những bộ kinh lớn như kinh Lăng Nghiêm hay kinh Hoa Nghiêm không? Tôi lắc đầu, không cần! Nếu quý vị nghiên cứu các kinh ấy, nghiên cứu suốt một đời chẳng xong! Dùng thời gian trọn một đời để nghiên cứu, cũng chẳng có tí xíu hữu dụng gì, chẳng có mấy may liên quan! Tôi khuyên người ấy hãy dốc sức nơi một bộ kinh, hãy khéo niệm năm năm hay mười năm, điều gì khác cũng chẳng làm, niệm cho cái tâm thanh tịnh. Nếu tâm thật sự thanh tịnh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có pháp nào không thông đạt. Tâm thanh tịnh là Phật tâm, tâm thanh tịnh được vận dụng thành vô lượng trí huệ, vô lượng Phật pháp. Đó là bí quyết học Phật, nhưng nhiều người chẳng biết!

Vấn đề vướng mắc trong hiện thời là làm thế nào để thực hiện “ta không có hết thấy các tâm”? Hết thấy các tâm là hết thấy vọng tâm, hết thấy tâm phân biệt, hết thấy tâm chấp trước, hết thấy tâm tham, hết thấy tâm ngu si, hết thấy tâm ngạo mạn, hết thấy tâm đố kỵ, thấy đều chẳng có. Quý vị chẳng có hết thấy các tâm ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đối với quý vị cũng ghen hờn, chẳng thốt lên lời, [bởi lẽ] pháp gì cũng chẳng có! Giống như bác sĩ, do quý vị mắc bệnh, Ngài là bác sĩ, bèn chữa bệnh cho quý vị. Nếu quý vị chẳng có bệnh, đối với quý vị, Ngài chẳng thể xưng là bác sĩ! Tôi không có bệnh, làm sao có thể gọi Ngài là bác sĩ cho được? Tôi đã bị bệnh, nên mới có người được gọi là bác sĩ, mới có thuốc men. Nếu người ta chẳng bị bệnh, sẽ chẳng có bác sĩ, mà cũng chẳng có thuốc thang, thấy đều chẳng có. Tâm quý vị đã thanh tịnh, hết thấy chư Phật sẽ chẳng có pháp, chẳng có Phật pháp. Quý vị mới hiểu tu học Phật pháp là tu tâm thanh tịnh mà thôi!

Tu tâm thanh tịnh có cần nhiều kinh điển như vậy hay không? Chẳng cần thiết! Kinh điển lắm như thế, thấy đều là những phương pháp để tu tâm thanh tịnh. Vì sao đức Phật nói lắm phương pháp ngàn ấy? Vì căn tánh của mỗi chúng sanh khác biệt. “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, trong hết thấy các pháp môn, bất luận là bộ kinh hay bộ luận nào, quý vị chỉ chọn lựa một môn, dùng phương pháp như tôi đã nói để tu học, sẽ đều đạt được tâm thanh tịnh. [Quý vị cất vấn]: Đã là “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, tôi tùy tiện niệm kinh nào cũng được, có sao thầy khăng khăng bảo tôi niệm kinh Vô Lượng Thọ? “Bình đẳng, chẳng có cao thấp” là nói theo Lý; thật sự niệm đến mức tâm thanh tịnh, quả thật chẳng có cao thấp. Vấn đề là quý vị đã niệm, niệm năm năm hay mười năm, đã thật sự niệm đến mức tâm thanh tịnh hay chưa? Nếu năm năm hoặc mười năm mà vẫn chưa đạt được tâm thanh tịnh, hãy nên làm sao? Chẳng bằng niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, vì sao? Tuy tâm chưa đạt đến thanh tịnh thật sự, nhưng có được một hai phần tương tự thanh tịnh, quý vị đã có thể vãng sanh. Đối với những pháp môn khác, kinh điển khác, nhất định là phải đạt đến tâm thanh tịnh thật sự thì mới có thể thành tựu.

Trong Phật pháp, xét theo mức độ, tâm thanh tịnh được chia đại lược thành ba bậc:

1) Thấp nhất là niệm đến mức hết sạch Kiến Tư phiền não. Kiến phiền não là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, chẳng có những kiến giải ấy. Tư phiền não là tâm tham, tâm sân khú, tâm ngu si, tâm ngạo mạn, tâm hoài nghi thánh giáo. Năm điều

ấy cũng đều chẳng có. Đó là đã đạt được hạ phẩm thanh tịnh, vượt thoát tam giới. Nói theo Tiểu Thừa là chứng quả A La Hán. Quý vị có năng lực đạt được tiêu chuẩn thanh tịnh như vậy hay chưa?

2) Bạc trung là đoạn hết Trần Sa phiền não, chứng đắc quả vị Bồ Tát.

3) Thượng phẩm thanh tịnh tâm là đoạn sạch vô minh phiền não.

Đoạn hết vô minh phiền não bèn thành Phật. Đoạn hết Trần Sa phiền não sẽ thành Bồ Tát. Đoạn hết Kiến Tư phiền não bèn thành A La Hán. Chính quý vị hãy làm thử xem, coi thử quý vị có thể đạt tới tiêu chuẩn nào? Chẳng đạt được tiêu chuẩn thấp nhất, thì nói cách khác: Quý vị vẫn luân hồi trong lục đạo, chẳng thể vượt thoát! Chẳng bằng học pháp môn này! Pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh, A Di Đà Phật giúp đỡ quý vị. Chẳng thanh tịnh mà vẫn có thể vãng sanh ư? Được chứ! Chẳng dễ dàng thanh tịnh lâu dài, nhưng thanh tịnh trong một, hai phút thì có thể. Trong một, hai phút, chẳng có tham, sân, si, mạn thì có thể; lâu dài thì chẳng được, phiền não sẽ phát tác. Ta đề nén nó trong một thời gian ngắn, có thể làm được chuyện này. Nếu lúc lâm chung, trong hai ba phút, quý vị đề nén được, chẳng phải là vãng sanh ư? Khi ấy, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, trước hết là được Phật quang chiếu gội, được Phật lực gia trì, khiến cho cái tâm thanh tịnh của quý vị đạt được thanh tịnh thật sự. La Thập đại sư dịch kinh A Di Đà, đã dịch thành “*nhất tâm bất loạn*” là có đạo lý. Nguyên văn tiếng Phạn là “*nhất tâm hệ niệm*”, ngài La Thập dịch theo nghĩa. Khi nào đắc nhất tâm bất loạn? Khi Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị vốn là nhất tâm hệ niệm, được Phật quang chiếu bèn biến thành nhất tâm bất loạn, công phu được tăng thêm gấp đôi, vãng sanh như vậy đó. Vì thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là “*tịnh duyên*”.

Do vậy có thể biết, hết thầy các pháp môn đều là pháp môn Như Huyền. Nếu quý vị đọc kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm mới lý giải nghĩa thú của pháp môn Như Huyền thật sâu. Kinh Kim Cang dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Người học Tịnh Tông chúng ta phải ghi nhớ, lý giải hai câu này. Chúng ta phải buông tất cả Phật pháp xuống, chỉ giữ lấy một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, hết thầy các pháp khác đều buông xuống, vì sao? Tâm đã định, chẳng còn có tâm tham. Ta chẳng còn mong giở xem kinh điển này, hay xem kinh điển nọ, bất động, tâm đã định, rất dễ đạt được tâm thanh tịnh, thật sự có thể thành tựu nhất tâm bất loạn trong một đời. Nếu quý vị vẫn chẳng buông xuống được, kinh này cũng muốn xem,

luận kia cũng muốn đọc, rất khó đạt được nhất tâm trong một đời này. Chẳng đắc nhất tâm, sẽ không thể vãng sanh. Công phu không thể thành phiền, chẳng thể vãng sanh. Đắc nhất tâm thì khó, nhưng công phu thành phiền chẳng khó. Công phu thành phiền thì quý vị phải chịu bỏ, pháp thế gian và xuất thế gian đều phải bỏ, những gì chẳng cần phải biết thì cần gì phải biết? Thiên hạ đã loạn, loạn đến nỗi chẳng thành thế thống gì nữa. Mỗi ngày quý vị đọc báo, xem nhật báo [thì cuộc đời] vẫn là loạn như vậy. Chẳng đọc báo chí, chẳng coi nhật báo thì [thế sự] cũng loạn như vậy. Xem và không xem đều chẳng sao cả, rõ ràng là chẳng cần phải xem. Dùng thời gian xem báo chí, đọc nhật báo để xem kinh Phật hoặc niệm kinh Phật có tốt hơn lắm không? Niệm một bộ kinh Phật bèn thành công, tuyệt đối chẳng cần niệm nhiều [bộ kinh]. Vì vậy, tâm nhất định phải định, nhất định phải thanh tịnh.

Chư vị đồng học phải nghiêm túc thực hiện, quý vị làm thử trong ba tháng thì ba tháng nhất định có hiệu quả, vì từ lúc sanh ra cho tới nay, tâm quý vị chưa hề thanh tịnh tới ba tháng. Chỉ sợ ba ngày còn chưa thể thanh tịnh nổi! Quý vị thanh tịnh được ba tháng một phen, chắc chắn sẽ cảm nhận khác hẳn, sẽ đạt được pháp hỷ sung mãn, tâm thật sự thanh tịnh, có cách nhìn khác hẳn đối với vũ trụ và nhân sinh, đó gọi là công phu, là thụ dụng chân thật. Sau khi quý vị đã đạt được thụ dụng ấy, nếm trải pháp vị, mới hoan hỷ, mới có thể nghiêm túc nỗ lực thực hiện, vì sao? Thật sự sung sướng!

Bao nhiêu người trong thế gian chau mày nhăn mặt, đời người khổ quá! Đời người thật sự vui sướng, khổ ở chỗ nào? Khổ là do chính quý vị tự chuốc lấy! Suốt ngày suy tưởng lung tung, lẽ đâu không khổ? Quý vị có thể bỏ những vọng tưởng, chấp trước ấy, đời người sẽ vui sướng! Kinh nói, sự vui sướng ấy giống như Lưu Tận tỳ-kheo. Quý vị có thể thật sự đoạn các phiền não mấy tháng thì mới có thể thấu hiểu niềm lạc thú do chẳng có phiền não. Vì thế, phải bỏ, phải buông xuống. Không chỉ phải buông pháp thế gian xuống, mà pháp xuất thế gian cũng phải buông xuống. Đức Phật nói "*pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp*", "*pháp*" là Phật pháp. Hết thầy các kinh điển và hết thầy các pháp môn đều bỏ, đương nhiên pháp thế gian lại càng chẳng cần phải nói nữa. Đây chính là "*buông xuống thân, tâm, thế giới*" như các vị cổ đại đức trong Tịnh Tông thường nói, thầy đều buông xuống, khiến cho cái tâm này khôi phục sự thanh tịnh.

(Diễn) Hựu Lăng Nghiêm vân: “Nhu Huyền Tam Ma Đề, đàn chỉ siêu Vô Học”.

(演) 又楞嚴云：如幻三摩提，彈指超無學。

(Diễn: Kinh Lăng Nghiêm lại nói: “Nhu Huyền Tam Ma Đề, trong khoảng khảy ngón tay vượt trời bậc Vô Học”).

Tam Ma Đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Định, là một loại Thiền Định. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói ba danh từ là Xa Ma Tha, Tam Ma Đề, và Thiền Na. Xa Ma Tha (Śamatha) dịch là Chỉ, Tam Ma Đề (Samādhi) dịch là Quán, Thiền Na (Dhyāna) dịch là Chỉ Quán Đẳng Tri. Ba thứ ấy đều thuộc loại Thiền Định. Một loại thiền về Chỉ, Chỉ (止) là buông xuống, buông xuống hết thấy. Tam Ma Đề tương đối thiên trọng Quán. Nói thật ra, Thiền Định là Chỉ lẫn Quán cùng vận dụng, đều nhằm mục đích giúp chúng ta khôi phục cái tâm thanh tịnh. Chúng ta có vọng niệm, hễ không dứt niệm được bèn tu Định để trừ bỏ hết thấy. Tuy muốn bỏ, nhưng vọng niệm vẫn trôi lên, không ngưng dứt được, bèn dùng phương pháp thứ hai, tức là dùng Quán. Quán là gì? Chúng ta chỉ nghĩ đến một chuyện, những niệm khác sẽ chẳng sanh, đây cũng là một phương pháp. Hoặc là sử dụng cả hai thứ, áp dụng Chỉ và Quán đồng thời. Chúng ta niệm câu A Di Đà Phật là dùng cách này. Một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, niệm rành mạch, rõ ràng, đó là Quán. Tất cả hết thấy vọng tưởng, chấp trước đều buông xuống, buông xuống là Chỉ. Nay tôi bảo quý vị tụng niệm kinh Vô Lượng Thọ cũng là Chỉ Quán vận dụng đồng thời. Khi niệm kinh, niệm gì cũng chẳng sanh là Chỉ. Niệm kinh vẫn rành mạch, rõ ràng là Quán. Niệm kinh là tu Chỉ Quán, Chỉ Quán là Thiền Định, nhằm mục đích khôi phục cái tâm thanh tịnh. Phương pháp này cũng là một thứ phương pháp đối trị, được gọi là Như Huyền Tam Ma Đề. Phương pháp được sử dụng đặc lực, “*đàn chỉ*” (彈指: khảy ngón tay) là thời gian ngắn ngủi, sẽ vượt trời bậc Vô Học!

Vô Học (Aśaikṣa) có hai loại:

1) Đối với Tiểu Thừa sẽ là A La Hán. [*“Siêu Vô Học”*] là trong một thời gian rất ngắn, quý vị bèn vượt trời quả A La Hán.

2) Đối với Đại Thừa, Vô Học là Pháp Vân Địa Bồ Tát (Dharmameghā bhūmiḥ Bodhisattva), tức là Thập Địa Bồ Tát. Vượt trời bậc Vô Học là hạng người nào? Đẳng Giác Bồ Tát.

Chư vị hãy suy nghĩ: Nếu nói theo tiêu chuẩn Đại Thừa, Như Huyền Tam Ma Đề trong khoảng khảy ngón tay vượt trời Vô Học, dùng

pháp môn gì vậy? Trong hai mươi lăm pháp Viên Thông, chỉ có dùng pháp môn của Đại Thế Chí Bồ Tát thì mới được. [Pháp môn của] Đại Thế Chí Bồ Tát là pháp môn Niệm Phật, do một câu A Di Đà Phật này, trong chốc lát chứng đắc quả vị Đăng Giác. Hết vãng sanh, bèn viên chứng ba món Bất Thoái, trong khoảng khảy ngón tay vượt trời bậc Vô Học. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói lời này chẳng lừa người, phải hiểu điều này!

(Diễn) Hoa Nghiêm vân: “Hữu vô nhất thiết pháp, liễu đạt tất như huyễn, nhập u như huyễn tế, u bỉ vô y trước”, thị tức Như Huyền pháp môn dã.

(演) 華嚴云：有無一切法，了達悉如幻，入於如幻際，於彼無依著，是即如幻法門也。

(Diễn: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy pháp hữu, vô, đều liễu đạt như huyễn, nhập vào trong như huyễn, chẳng nương chấp nơi đó”. Đó chính là pháp môn Như Huyền).

Kinh Hoa Nghiêm nói hết sức thấu triệt, rõ ràng về Lý và Sự. Sau khi đã đọc Hoa Nghiêm, quả thật chúng ta có cách nhìn khác hẳn đối với vũ trụ và nhân sinh, vì sao? Vũ trụ và nhân sinh là giả, các cõi Phật trong mười phương cũng là giả, chẳng có thứ gì đáng đề nương cậy, chẳng có gì đáng cho chúng ta chấp thủ. Quý vị thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật thì tâm “được, mất, lấy, bỏ” đối với các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn. Chẳng có được, mất, lấy, bỏ, tâm mới thật sự thanh tịnh, mới thật sự bình đẳng. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng hiện tiền, nhà Thiền nói là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra) quý vị đã tìm được, đã tìm được chính mình thật sự.

Căn bệnh nặng hiện thời của chúng ta là có lấy, có bỏ, có được, có mất đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng biết “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Chú tâm lãnh hội, quý vị có thể lãnh hội một phần, sẽ được thụ dụng một phần; lãnh hội hai phần, sẽ được thụ dụng hai phần. Kinh Vô Lượng Thọ gọi sự thụ dụng ấy là “*chân thật chi lợi*” (lợi ích chân thật), quyết định chẳng giả, mà là chân thật. Pháp môn Như Huyền, nói đơn giản là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”, vốn trọn đủ điều này. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng

có pháp nào không phải là pháp môn Như Huyền. Chúng ta có thể lý giải, thụ dụng pháp môn Như Huyền, nhưng đừng chấp trước nó. Hễ quý vị chấp trước thì đã sai bét rồi! Quý vị thụ dụng trong ấy, rất vui sướng, rất tự tại. Hễ quý vị chấp lấy nó, sẽ gặp rắc rối, sẽ phải tạo nghiệp, sẽ có phiền não. Hết thầy đừng chấp trước, sẽ đắc đại tự tại.

(Diễn) Tự tánh bản cụ giả, dĩ nhất thiết pháp môn giai tất như huyền, nhi như huyền chi pháp, giai căn bản ư tự tánh, tự tánh chi trung vô sở bất cụ.

(演) 自性本具者，以一切法門皆悉如幻，而如幻之法，皆根本於自性，自性之中無所不具。

(Diễn: “Tự tánh vốn trọn đủ” vì hết thầy các pháp môn thầy đều như huyền, nhưng pháp như huyền đặt căn bản trên tự tánh, mà trong tự tánh không gì chẳng đầy đủ).

Lục Tổ nói “nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ”, tự tánh vốn trọn đủ! Hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều trọn đủ trong tự tánh. Hễ lia khỏi tự tánh, sẽ chẳng có một pháp nào khác để có thể đạt được!

(Diễn) Sở dĩ cổ nhân vân: “Thế gian chủng chủng pháp, vô bất tùng tâm sanh, nhất thiết pháp như huyền. Cổ thuyết tâm như huyền. Thí như công huyền sư, phổ hiện chư sắc tượng, viên lâm hoa quả đặng, huyền sư chi sở thành”, thị dã.

(演) 所以古人云，世間種種法，無不從心生，一切法如幻，故說心如幻，譬如工幻師，普現諸色像，園林花果等，幻師之所成，是也。

(Diễn: Vì thế, cổ nhân nói: “Hết thầy pháp thế gian, đều từ tâm sanh ra. Hết thầy pháp như huyền, nên nói tâm như huyền. Như huyền sư khéo léo, hiện khắp các hình tượng, vườn, rừng, hoa quả, thầy do huyền sư tạo thành”, chính là nói về điều này).

Trong kinh, đức Phật thường khai thị những câu này, thường nhắc nhở chúng ta. Vì sao đức Phật phải thường xuyên nói? Vì chúng ta mê mất tự tánh quá sâu, thời gian đã quá lâu; nói một hai câu, chúng ta sẽ chẳng để ý, chẳng lưu tâm! Thường nhắc nhở, chúng ta sẽ cảm nhận. sẽ nghiêm túc suy nghĩ, học tập. Đây là tấm lòng tha thiết của đức Phật, nên

trong các pháp hội diễn giảng, đức Phật thường vì chúng ta nói ra nguyên nhân. “*Thế gian*” có ba loại lớn là hữu tình thế gian, khí thế gian, và trí chánh giác thế gian. Ba thứ thế gian bao gồm thế gian và xuất thế gian như trong Phật môn đã nói. Hữu tình và khí thế gian là pháp thế gian, trí chánh giác thế gian là nói tới A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật. Thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng đều được bao gồm trong đó. Hết thấy các pháp, không pháp gì chẳng sanh từ tâm! Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian do đâu mà có? Do tâm sanh. “*Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt*” (Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt). Quý vị có thể nắm được hai câu nguyên lý ấy thì sẽ đạt được tiện nghi to lớn trong sự tu hành Phật pháp, bất luận tu pháp môn nào, quý vị đều thành tựu rất dễ dàng, công phu dễ dàng đắc lực. Vì sao? Quý vị đã nắm được trọng điểm, trọng điểm là Tâm. Ta mong thấy thế gian này tốt lành, nên tu thiện tâm; ta mong thấy thế gian này thanh tịnh, nên ta tu tâm thanh tịnh. Đó chính là “*tâm thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, cảnh chuyển theo tâm*”. Tất cả hết thấy cảnh giới do tâm biến hiện, không gì chẳng do tâm sanh.

Quý vị muốn biến đổi hoàn cảnh thì biến đổi từ chỗ nào? Biến đổi từ trong tâm. Quý vị có hiểu ý nghĩa sâu xa này hay không? Chỉ có bậc đại thánh đại hiền biết điều này. Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, bậc thánh hiền giáo hóa quốc gia dùng phương pháp gì? Dạy học. Sách Lễ Ký chép: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Muốn cho một quốc gia tốt đẹp, trước hết phải làm cho tâm mọi người tốt đẹp. Không thực hiện từ tâm con người, dùng phương pháp gì cũng đều vô dụng! Đất nước Trung Hoa là một đất nước cổ xưa mà mãi cho tới nay chẳng bị diệt vong là nhờ đạo thống giáo học của cổ thánh tiên hiền, đạo thống ấy cũng được xây dựng theo cái Lý trong tâm. Nay chúng ta sơ sót chuyện này, chú trọng giáo dục khoa học, kỹ thuật, chẳng chú trọng tâm lý, nên xã hội hiện thời loạn lạc, chẳng an định, mọi người lo lắng. Dùng phương pháp gì để khôi phục trật tự xã hội? Thừa cùng quý vị, mong dùng phương pháp nào khác cũng đều uổng công. Nếu muốn thật sự khôi phục trật tự xã hội đến mức an định, vẫn là một biện pháp cổ lỗ! Quý vị chẳng dùng biện pháp cũ kỹ, cứ mong thực hiện bằng một biện pháp mới, quý vị hãy thử nghĩ xem! Biện pháp cũ hành theo Lý, tức là cái Lý trong tâm! Ai nấy đều có thể hiếu thuận với cha mẹ, mỗi người đều có thể tôn kính sư trưởng, yêu thương, hòa thuận với anh em, giữ chữ tín với bạn bè, thế giới này liền an định, thái bình. Ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, sẽ

chẳng oán trời hờn người, đó gọi là “*phú quý yên vui trong phú quý, nghèo hèn vui phận nghèo hèn*”. Mọi người đều biết tu phước, đều biết tích đức, xã hội mới có thể thật sự đạt tới mục tiêu an hòa, lợi lạc. Nếu không, mong tưởng phương pháp gì cũng đều uổng công!

Trong kinh Phật đã nói, đúng là đã nắm được trọng điểm: “*Thế gian chùng chùng pháp, vô bất tùng tâm sanh, nhất thiết pháp như huyễn, cố thuyết tâm như huyễn*” (Hết thấy các pháp thế gian, không gì chẳng sanh từ tâm. Do hết thấy các pháp đều như huyễn, nên nói tâm như huyễn). Đây là nói tới đạo lý ở một mức độ sâu hơn. Trong phần trước, đã nói các pháp do đâu mà có, nay chúng ta phải dùng tâm thái gì để nhìn hết thấy các pháp? Dùng tâm thái gì để sống, để đối diện hết thấy các pháp? Biết chân tướng của hết thấy các pháp là huyễn, các thứ tâm thái của chúng ta cũng là huyễn. Do đó, ngoài thì đối với hết thấy các pháp chẳng chấp trước, trong thì đối với các thứ phân biệt, chấp trước của chúng ta cũng chẳng chấp trước. Như vậy thì mới có thể khôi phục tâm thanh tịnh trong tự tánh, mới có thể là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng giống như chư Phật, Bồ Tát.

Kể đó là tỷ dụ. Tỷ dụ ấy chân thật, tất cả hết thấy y báo và chánh báo đều do huyễn sư biến hóa ra. “*Công huyễn sư*” (工幻師) giống như một người thợ khéo có thể chế tạo các món đồ chơi, người thợ khéo ấy là ai? Là tâm chúng ta. Sánh ví tâm chúng ta như một huyễn sư. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do vị huyễn sư ấy tạo thành. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

---o0o---

Tập 178

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi bốn:

(Sao) Nhược cứ Bất Nhị môn trung, tham, sân, si tức Giới, Định, Huệ, tắc thiện đạo, ác đạo, tất giai như huyễn. Huyễn vô tự tánh, duy thị nhất tâm, nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức.

(鈔) 若據不二門中，貪瞋痴即戒定慧，則善道惡道，悉皆如幻，幻無自性，唯是一心，一心不生，萬法俱息。

(Sao: Nếu xét theo môn Bất Nhị, tham, sân, si chính là Giới, Định, Huệ, vậy thì thiện đạo và ác đạo thấy đều như huyễn. Huyễn chẳng có tự tánh, chỉ là nhất tâm. Do nhất tâm không sanh, nên muôn pháp đều dứt bật).

Đây là đoạn Xưng Lý thứ hai. Đoạn này còn sâu hơn đoạn “*tự tánh bốn cụ Như Huyễn pháp môn*” (tự tánh vốn trọn đủ pháp môn Như Huyễn) trong phần trước. Đoạn Xưng Lý trong phần trên là Lý Sự vô ngại, đoạn này đạt đến tột đỉnh, cũng chính là cảnh giới Sự Sự vô ngại được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Xin xem lời chú giải của sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Tham, sân, si tức Giới, Định, Huệ giả.

(演) 貪瞋痴即戒定慧者。

(Diễn: Tham, sân, si chính là Giới, Định, Huệ).

Tham, sân, si gọi là Tam Độc; Giới, Định, Huệ được gọi là Tam Học. Có sao Tam Độc là Tam Học? Vấn đề này cũng rất lớn, quyết định chớ nên hiểu lầm ý nghĩa!

(Diễn) Dĩ vô trí Pháp Tánh vi vô minh, cố kim vô minh tức Pháp Tánh. Pháp Tánh vi vô minh, cố thành tham, sân, si. Vô minh tức Pháp Tánh, cố tức Giới, Định, Huệ. Như thanh thủy, trước thủy thấp tánh vô thù, Tam Học, Tam Độc thể tánh bất nhị dã.

(演) 以無始法性為無明，故今無明即法性。法性為無明，故成貪瞋痴；無明即法性，故即戒定慧。如清水濁水濕性無殊，三學三毒體性不二也。

(Diễn: Do vô trí Pháp Tánh là vô minh, nên nay vô minh chính là Pháp Tánh. Do Pháp Tánh là vô minh, nên trở thành tham, sân, si. Do vô minh chính là Pháp Tánh, nên chính là Giới, Định, Huệ. Như tánh ướt của nước trong và nước đục chẳng khác nhau, thể tánh của Tam Học và Tam Độc chẳng hai).

Câu chú giải này giảng khá rõ ràng, nhưng người sơ học xem vẫn không hiểu. Chúng ta hãy nên hiểu: Tam Độc và Tam Học đều là nghiệp dụng. Nay chúng ta gọi Nghiệp là hoạt động. Hoạt động là tạo nghiệp,

thuộc về Dụng. Dụng đương nhiên có Thể. Có Thể và có Tướng, đương nhiên có tác dụng. Tam Học và Tam Độc đều là tác dụng. Nếu truy cứu bản thể của chúng, bản thể là tự tánh, hiện tướng (tướng được biến hiện bởi bản thể) của nó là mười pháp giới. Lục đạo phạm phu khởi tác dụng là Tam Độc, tứ thánh pháp giới khởi tác dụng là Tam Học. Do vậy có thể biết, Tam Học có sự sai biệt sâu hay cạn khác nhau. Cạn một chút là Thanh Văn, Duyên Giác, sâu là Bồ Tát, Phật. Tam Độc cũng có cạn sâu khác nhau. Cạn một chút là thiên, nhân, nặng hơn là tam ác đạo. Do vậy có thể biết, tác dụng của tự tánh được quy nạp thành Tam Học và Tam Độc, nhưng thể tánh của chúng đều là tự tánh. Xét theo tự tánh, sẽ chẳng có sai biệt, toàn là do tự tánh biến hiện. Biết Tam Độc và Tam Học đều là tự tánh khởi dụng, nên chúng là một, không hai. Tam Độc là tác dụng của tự tánh, Tam Học cũng là tác dụng của tự tánh, đương nhiên nói theo tác dụng thì là một. Vì sao có tác dụng khác nhau? Điều này phải nói đến sự phân biệt giữa mê và ngộ. Tác dụng của giác ngộ là Tam Học, tác dụng của mê hoặc là Tam Độc. Chư vị phải hiểu mê và ngộ chẳng hai. Vì sao mê và ngộ chẳng hai? Mê là mê tự tánh, ngộ là ngộ tự tánh. Mê và ngộ đều chẳng lìa tự tánh. Xét theo tự tánh, chẳng có mê hay ngộ, mà do chính chúng ta mê tự tánh hoặc ngộ tự tánh.

Nói theo tự tánh, tự tánh chẳng có mê hay ngộ, vì thế, nói là “mê và ngộ bất nhị”. Phải tư duy cặn kẽ Lý này. Trong Phật pháp, nói thật ra, không quá coi trọng tư duy. Phật pháp yêu cầu tham cứu, cũng có thể nói như chúng ta trong hiện thời là phải nghiêm túc lãnh hội cặn kẽ. Vì quý vị thật sự lãnh hội chân tướng sự thật này, nếu quý vị thật sự thấu hiểu, sẽ có biến chuyển rất lớn trong cuộc sống hiện tiền. Nhà Phật nói là “*lìa khổ, được vui*”, quý vị mới có thể thật sự được an lạc. Để thật sự đạt được vui sướng thì phải thấu hiểu chỗ này. Nếu không, chúng ta nói đến lạc thì quá nửa là sự vui tương đối trong khổ lạc, chẳng phải là lạc chân thật. Hiểu rõ đạo lý ở chỗ này, lạc sẽ là thật, vì sao? Nó chẳng phải là lạc trong khổ lạc tương đối, mà là pháp hỷ lưu xuất từ tự tánh. Nếu quý vị hỏi: “Do nguyên nhân gì?” Chúng tôi nói đơn giản: Dầu quý vị chẳng thể phá sạch phân biệt, chấp trước, thì chúng cũng phai nhạt. Phân biệt, chấp trước đã nhạt bớt, nỗi khổ liền giảm thiểu. Nói thật thà, vô lượng vô biên các nỗi khổ trong thế gian này do đâu mà có? Do phân biệt, chấp trước mà có. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng dấy vọng tưởng đối với hết thảy các pháp, lấy đâu ra khổ? Nhưng chúng ta chẳng thể dẹp tan vọng tưởng, chấp trước, do nguyên nhân nào? Chưa hiểu rõ chân tướng sự thật. Đoạn kinh văn này dạy chúng ta chân tướng

sự thật, chuyện này được đức Phật nói rất nhiều trong các kinh điển Đại Thừa liễu nghĩa, nhất là kinh Hoa Nghiêm. Do kinh văn của kinh Hoa Nghiêm dài, nên có thể tận hết sức phát huy, nói cặn kẽ thâm nhập.

Do vậy có thể biết, nói theo Lý, nói theo Tánh, “*Tam Học, Tam Độc, thể tánh bất nhị*”, xác thực là một thể tánh. Thuở ấy, nhằm khiến cho mọi người hiểu chân tướng sự thật này, Hiền Thủ quốc sư đã nêu tỷ dụ: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Ví như chúng ta nay có một khối vàng, đem khối vàng ấy đúc thành một bức tượng Phật, giống như Tam Học Giới, Định, Huệ. Sau vài hôm, ta không thích tượng Phật ấy nữa, đem nung chảy tượng Phật, vàng có thể bị nung chảy! Sau khi nung chảy, bèn đúc thành con cún, hay con mèo nhỏ, bèn biến thành hình tượng súc sanh. Quý vị nói xem bức tượng Phật ấy và con cún hay con mèo nhỏ kia có sai biệt hay chăng? Đều là cùng một khối vàng này! Muốn biến nó thành gì, nó liền biến thành thứ đó. Thuận theo lòng mong muốn, ta nung chảy bèn có thể tái tạo, thích tạo tượng Phật bèn tạo tượng Phật. Thích tạo tượng Bồ Tát, liền tạo tượng Bồ Tát. Tướng của mười pháp giới thuận theo tâm mong muốn mà đúc. Do vậy, có thể biết mười pháp giới là bình đẳng hay bất bình đẳng? Bình đẳng! Mười pháp giới có phải là một hay không? Là một! Biến tới, biến lui, đều chẳng rời khỏi khối vàng ấy!

Nói theo Thể là bình đẳng, nên Tam Học và Tam Độc thể tánh bất nhị, thể tánh là một. Tam Độc là do đã mê thể tánh mà khởi tác dụng, Tam Học Giới, Định, Huệ là do đã giác ngộ tự tánh bèn khởi tác dụng, thấy đều là Tánh Đức khởi dụng. Phạm phu chúng ta chẳng liễu giải đạo lý này, thấy Tam Học bèn sanh tâm hoan hỷ, cung kính, hoan hỷ. Thấy Tam Độc bèn sân hận, chán ghét, chúng ta làm như vậy có đúng hay không? Hoàn toàn sai bét! Sai ở chỗ nào? Lục căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần thường sanh phiền não! “Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn” được gọi là thất tình ngũ dục. Hoan hỷ là phiền não, sân khuê cũng là phiền não. Mừng, giận cũng là bất nhị, cũng là cùng một chuyện. Phạm phu mê hoặc, nên tiếp xúc cảnh giới bèn khởi tham, sân, si. Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn đều là tham, sân, si. Người giác ngộ tiếp xúc cảnh giới, tâm địa thanh tịnh, như như bất động. Quý vị tu Giới, Định, Huệ, tâm người ấy chẳng bị dao động. Quý vị khởi tham, sân, si, tâm người ấy vẫn là như như bất động.

Một người tu hành phải tu Bình Đẳng Tánh Trí và Diệu Quán Sát Trí, tu minh tâm kiến tánh trong Giới, Định, Huệ và tham, sân, si. Phải như thế nào thì mới có thể kiến tánh? Như như bất động liền kiến tánh,

chẳng bị xoay chuyển bởi cảnh giới bên ngoài liền kiến tánh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, có thể chuyển vật, thấu hiểu rành rẽ, phân minh cảnh giới bên ngoài thì là “chuyển vật”. Tuyệt đối chẳng bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài, tức là trong hết thảy các pháp, trong hết thảy hiện tượng, trong hết thảy tác dụng, thảy đều kiến tánh. Từ tướng cũng vậy, mà từ tác dụng cũng vậy, quý vị quan sát thể tánh của nó vốn là thanh tịnh, vốn là bất động. Quý vị quan sát thấy được điều đó thì gọi là minh tâm kiến tánh. Tâm địa của chính mình quang minh, minh tâm là trong tâm một tí nhiễm ô cũng chẳng có. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”; hễ có một vật, tâm sẽ chẳng minh. Trong tâm quý vị có thứ gì đó, bèn là vô minh; trong tâm thứ gì cũng chẳng có thì gọi là minh tâm. Minh tâm thì thấy bất luận thứ gì cũng đều là Chân Như tự tánh, vì tận hư không khắp pháp giới đều là các hiện tượng được biến hiện bởi Chân Như tự tánh. Trừ tự tánh ra, quả thật chẳng có một pháp nào, đó là bình đẳng. Vì thế, tham, sân, si là Giới, Định, Huệ, chuyện là như thế đó.

(Diễn) Hựu cổ vân: “Vô minh nghiệp tánh tức Pháp Tánh”.

(演) 又古云：無明業性即法性。

(Diễn: Cổ nhân lại nói: “Vô minh nghiệp tánh chính là Pháp Tánh”).

Cổ nhân nói: “*Vô minh là phiền não*”. Nghiệp bao gồm thiện nghiệp và ác nghiệp. Tham, sân, si chính là ác nghiệp. Nghiệp tánh: Tánh là thể tánh, thể tánh là Pháp Tánh. Pháp Tánh là Phật Tánh, là tự tánh, Chân Như bản tánh. Vô minh nghiệp tánh là Chân Như tự tánh. Do vậy, có cần phải đoạn phiền não hay không? Nếu đoạn phiền não, chẳng phải là đoạn mất tự tánh ư? Phiền phức to lớn, vấn đề này nghiêm trọng lắm! Kinh thường dạy chúng ta phải đoạn phiền não, đặc biệt là kinh Tiểu Thừa, nhưng chớ vị phải biết: Chẳng đoạn phiền não! Giống như chúng ta ở dưới ánh đèn, bèn có cái bóng rọi xuống, chẳng thể gạt bỏ cái bóng ấy. Vì sao chẳng thể gạt bỏ được? Có bóng là vì có thân thể. Nếu trừ bỏ cái bóng thì thân thể cũng chẳng có, làm sao được? Vì vậy, “đoạn” ở đây là tỷ dụ, chẳng phải là thật sự đoạn; [“đoạn” có nghĩa] là chuyển biến, chuyển mê thành ngộ, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Do đó, phiền não là Bồ Đề. Chuyển Tam Độc thành Tam Đức, chuyển như vậy đó! Bóng dáng vẫn là bóng dáng; khi mê hoặc, bóng dáng rất đáng ghét, nghĩ đủ mọi cách xóa bỏ nó! Đã giác ngộ, nó chẳng trở ngại sự,

không quan tâm tới nó, đó là Tam Đức. Thường bận tâm muốn trừ bỏ nó thì gọi là Tam Độc. Do vậy, xác thật là [Tam Đức, Tam Học, Tam Độc] là cùng một chuyện!

Nhưng trong lúc mê, nghiệp dụng rất đáng sợ, nó sẽ biến thành cảnh giới tam ác đạo. Quả báo của tâm tham là ngã quý đạo, [quả báo của] tâm sân khuê là địa ngục đạo, [quả báo của] tâm ngu si là súc sanh đạo, luân hồi trong lục đạo. Sau khi giác ngộ, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Vĩnh Gia đại sư nói: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Mộng tượng trưng cho mê, giác tượng trưng cho ngộ. Sau khi đã giác ngộ, mới biết chẳng có lục đạo luân hồi. Khi mê thì có, lúc ngộ chẳng có. Then chốt trong Phật pháp là mê hay ngộ, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng, công phu tu học bèn đắc lực. Nếu chẳng hiểu rõ chuyện này, tinh tấn dụng công cách nào đi nữa, vẫn chẳng đắc lực. Phải hiểu đây là nêu lên hai cực đoan, biết chân tướng của các cực đoan ấy thì mới thật sự hiểu “*vạn pháp như một, Tánh Tướng bất nhị*” như kinh Đại Thừa đã nói.

(Diễn) Thiên Thai vân: “Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, đương thể tức thị Tam Đức bí tạng”.

(演) 天台云：惑業苦三道，當體即是三德祕藏。

(Diễn: Tông Thiên Thai nói: “Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, Thể của chúng chính là Tam Đức bí tạng”).

Tông Thiên Thai nói như vậy. “*Hoặc, Nghiệp, Khổ*” là nói đến lục đạo luân hồi. “*Hoặc*” là vô minh, mê hoặc tạo nghiệp. Tạo nghiệp bèn có tạo thiện nghiệp hoặc tạo ác nghiệp. Tạo thiện nghiệp thì quả báo là ba thiện đạo. Tạo ác nghiệp thì quả báo là ba ác đạo. Ba thiện đạo và ba ác đạo đều dùng một chữ Khổ để làm đại biểu, nên Khổ là quả báo. “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, “*nghiệp*” là vọng động, tạo tác, Khổ là quả báo. Vì sao nói lục đạo đều khổ? Ba thiện đạo và ba ác đạo đều khổ ư? Khổ là thật, lạc là giả. Lạc là gì? Khổ tạm thời ngưng dứt, quý vị cảm thấy khi ấy rất vui, nhưng sự vui sướng ấy chẳng lâu dài, khổ lại đưa đến ngay. Vì thế, khổ là thật, lạc là giả.

Lục đạo chia thành tam giới: Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Chúng sanh trong Dục Giới, loài người chúng ta thuộc Dục Giới. Trên người còn có trời. Trời có Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên có sáu tầng. Từ sáu tầng trời ấy cho đến địa ngục đều phải hứng chịu ba loại khổ lớn:

1) Thứ nhất là Khổ Khổ. Khổ Khổ thường được nói là “*tám nỗi khổ chen nhau nung đốt*”, tức là sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, Ngũ Âm lừng lẫy. Tám loại ấy mỗi chúng sanh trong Dục Giới đều phải hứng chịu, đều chẳng trốn thoát.

2) Nếu thật sự có công phu Thiên Định kha khá, người ấy có thể sanh lên Sắc Giới Thiên. Sắc Giới Thiên chẳng có dục vọng. Người chẳng có ngũ dục tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng tham nhiễm những thứ ấy, bèn sanh trong Sắc Giới. Chư thiên trong Sắc Giới chẳng có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Đối với những thứ ấy, họ chẳng có [ý niệm] được, mất, nhưng còn có thân thể. Họ chẳng có tám nỗi khổ, đích xác là rất an lạc; nhưng họ có Hoại Khổ vì có thân thể. Họ chẳng thể giữ mãi thân thể ấy, chẳng thể sống đời đời, vẫn là có thọ mạng. Khi đã hết thọ mạng thì vẫn phải chết, vẫn phải luân hồi. Thân thể của họ bị hư hoại, cung điện, lầu gác nơi họ cư trụ cũng bị hư hoại. Vì họ có sắc, hễ có sắc liền có hoại. Do vậy, họ chẳng có Khổ Khổ, nhưng có Hoại Khổ.

3) Phạm phu bậc cao nhất trong tam giới là hạng người đã giác ngộ, họ biết thân thể chẳng tốt lành gì, thân này là cái gốc khổ! Lão Tử biết đạo lý này. Thuở đó, Phật pháp còn chưa truyền đến Trung Hoa, Lão Tử đã nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có mối lo nghĩ lớn vì ta có thân). Ta có nỗi lo sầu rất lớn vì ta có thân thể. Thân thể là nỗi ưu hoạn rất lớn, kiến giải này rất cao! Đó là kiến giải của chư thiên Vô Sắc Giới. Họ có sự giác ngộ ấy, do có thân nên mới có khổ. Chẳng có thân, sẽ tự tại lắm. Chẳng có thân, khổ gì cũng đều chẳng có. Vì thế, họ chẳng cần đến thân, sanh trong Vô Sắc Giới Thiên. Vô Sắc Giới có bốn tầng trời⁷⁵, thấy đều chẳng có thân, nên họ cũng chẳng có Hoại Khổ. Tuy chẳng có Hoại Khổ, họ có Hành Khổ. Hành Khổ là gì? Hành Khổ có nghĩa là chẳng thể giữ mãi cảnh giới ấy, vẫn là có kỳ hạn, cũng có nghĩa là họ vẫn có thọ mạng. Đến tầng trời cao nhất của Vô Sắc Giới là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, thọ mạng là tám vạn đại kiếp, vẫn là hữu hạn! Tám vạn đại kiếp là cực hạn, công phu định lực của họ chỉ có thể duy trì lâu chừng ấy. Khi tám vạn đại kiếp đã qua, họ bị mất Định lực, lại đọa xuống, tiếp tục luân hồi. Trên là đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên, dưới là đến A Tỳ địa ngục, mỗi người chúng ta chẳng biết đã trải qua bao nhiêu lượt? Hiện thời, hễ đầu thai vào đời này, chẳng nhớ chuyện trong đời trước. A La Hán có Túc Mạng Thông, biết chuyện trong đời quá khứ, nghĩ đến chuyện trước kia trong địa ngục, thân toát

“*huyết hãn*” (mồ hôi pha lẫn máu)! Mồ hôi đỏ rực, tức là vẫn còn sót lại sự kinh hãi, hoảng sợ!

Hoặc, Nghiệp, Khổ là nguyên lý luân hồi trong lục đạo. Do mê nên bất giác, cho nên mới tạo tác. Tạo tác thiện pháp, thiện pháp của thiên đạo là Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Thiên, Bát Định, Tứ Vô Lượng Tâm tức Từ, Bi, Hỷ, Xả, tu những điều ấy sẽ sanh thiên. Kinh Phật gọi người thật sự giác ngộ là bậc Chánh Giác. Do vậy có thể biết, sanh trong Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên là giác, tuy giác vẫn chẳng thể coi là chánh, vì sao? Chẳng thoát tam giới, không thể coi như Chánh Giác được. Nhất định phải chứng đắc A La Hán thì mới coi như là Chánh Giác, vì sao? Sự giác ngộ của Ngài cao minh hơn bọn họ, đã thoát khỏi tam giới. Tam giới đến tột đỉnh vẫn phải luân hồi. Đã vượt thoát tam giới, vượt thoát lục đạo luân hồi, người như vậy mới gọi là Chánh Giác. Cao hơn nữa, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“*Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, đương thể tức thị Tam Đức bí tạng*” (Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, bản thể của chúng là Tam Đức bí tạng). Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Hoặc, Nghiệp, Khổ là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Hoặc là Bát Nhã, Nghiệp là Giải Thoát, Khổ là Pháp Thân. Khổ là quả báo, quả báo là Pháp Thân! Cách nói này hoàn toàn tuân theo cách nhìn từ Thể, quan sát từ Thể, đã hiểu rõ thì quý vị mới thật sự thấy Tướng và tác dụng. Nói theo kinh Đại Thừa, cái được thấy ấy là Thật Tướng của các pháp. Có mười pháp giới hay không? Người mê thấy có; Phật, Bồ Tát chẳng thấy có! Phật, Bồ Tát thấy mười pháp giới đều là Phật, là một pháp giới. Trong hội Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Phật thấy chúng ta thấy đều là Phật, chúng ta thấy Phật cũng là chúng sanh, cách nhìn khác nhau.

Vì sao có mười pháp giới? Vì quý vị có phân biệt, có chấp trước, nên mới có mười pháp giới. Đây là Phật, kia là Bồ Tát, nọ là La Hán, đó là ngạ quỷ, đó là địa ngục, quý vị phân biệt [như vậy]. Bồ Tát chẳng dùng cái tâm phân biệt, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thấy thứ gì cũng như nhau, chẳng khác nhau! Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vạn pháp như nhau. Quý vị nói thiện hay ác thì thiện hay ác là do phân biệt nên mới có. Quý vị nói Giới, Định, Huệ, hay nói tham, sân, si, cũng do phân biệt, chấp trước nên mới có. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, lại hỏi quý vị: Có còn tham, sân, si hay không? Nếu quý vị nói là có, tức là vẫn còn phân biệt, chấp trước. Quý vị nói “chẳng có”

thì “chẳng có” cũng vẫn là phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chấp trước, có sao biết là chẳng có? Làm như thế nào đây? Thiên Tông giải quyết bằng cách tốt nhất! Hỏi quý vị, [trả lời là] Có thì đập cho ba mươi hương bần, [đáp] “chẳng có”, vẫn đánh ba mươi hương bần.

Chư vị có hiểu hay không? Thiên Tông thường hỏi “*hội ma*” (會麼)? [Nghĩa là] có hiểu hay chưa? Chẳng phải có, chẳng phải không, cũng có cũng không, quyết định chẳng thể khởi tâm động niệm. Do vậy, ở đây, tâm địa thật sự thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, vạn tướng như như! Mới có phân biệt, liền rớt vào Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa; mới động một niệm, liền rớt trong tâm ý thức. Trong hết thầy cảnh giới, Phật và các đại Bồ Tát quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước.

Quý vị đừng nhìn Phật, Bồ Tát theo kiểu thân tình: “Con mỗi ngày lạy các Ngài, cúng dường các Ngài, Phật, Bồ Tát phải nên đối xử rất tốt đẹp với con, thường hộ niệm con!” Phật, Bồ Tát hộ niệm hết thầy chúng sanh là lẽ đương nhiên, chẳng sai! Chắc chắn là có thể nói như vậy! Nhưng quý vị lạy lục, nịnh nọt các Ngài, mong các Ngài đặc biệt chiêu cố quý vị, tuyệt đối chẳng có đạo lý ấy! Quý vị thường ngày chẳng lạy lục, chẳng cúng dường các Ngài, các Ngài vẫn quan tâm, chiêu cố quý vị. Vì sao? Vì các Ngài chẳng có tâm, tức là chẳng có vọng tâm. Hễ chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Phật, Bồ Tát ở chỗ nào? Không đâu chẳng tồn tại! Chỉ cần chúng ta thật sự dùng cái tâm thanh tịnh để niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát, thì Phật, Bồ Tát lập tức có cảm ứng. Phải dùng tâm thanh tịnh để niệm, phải dùng tâm cung kính để niệm, phải dùng tâm chí thành để niệm. Nay chúng ta niệm Phật, niệm Bồ Tát, cầu gì cũng đều chẳng cầu được. Vì sao? Chẳng phải là Bồ Tát không linh, mà vì tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Hằng ngày lạy lục: “Bồ Tát ơi! Xin Ngài phù hộ cho con, phù hộ cho con mở mang trí huệ”, cầu như vậy sẽ chẳng linh, vì sao? Trong tâm quý vị có phân biệt, chấp trước, tâm ấy chẳng thanh tịnh, làm sao có cảm ứng cho được? Sách Liễu Phàm Tứ Huấn có nói về lòng chí thành như sau: “*Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành*”. Thành tâm thành ý niệm Quán Âm Bồ Tát bèn niệm Quán Âm Bồ Tát, niệm A Di Đà Phật là niệm A Di Đà Phật, trong ấy, quyết định chẳng xen tạp chút gì, sẽ có cầu ắt ứng! Chúng ta chẳng cần thưa với các Ngài: “Bồ Tát ơi! Con nay đang gặp khó khăn như thế nào đó”. Các Ngài đã biết từ lâu, quý vị cần gì phải thưa thốt?

Hễ quý vị khởi tâm động niệm thừa trình, tâm ấy chẳng thanh sạch, tức là chẳng có lòng thành!

Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thông thuộc, [đã thấy] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đừng nói là A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, ngay cả người vãng sanh trong hạ phẩm hạ sanh đều là Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp, chúng ta còn cần phải thừa thốt chi nữa? Điều gì cũng chẳng cần phải thừa trình! Chỉ cần tâm thanh tịnh, tâm cung kính, tâm kiên thành, chúng ta niệm Phật, lễ Phật, bái Phật, bất cứ thứ gì chúng ta đang thiếu khuyết thì sẽ chẳng bị thiếu khuyết, thứ gì cũng đều có. Các Ngài đều biết, chẳng cần thừa trình từng chuyện một. Thừa trình với các Ngài từng chuyện một, tức là chúng ta đang hằng ngày dấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm của chính mình chẳng chân thành. Do đó, quý vị mong cầu, sẽ cầu chẳng được. Không cầu mà điều gì cũng đều đạt được! Đạo lý ở ngay chỗ này. Hễ quý vị có cầu, hãy xóa bỏ ý niệm ấy, chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên niệm Quán Âm Bồ Tát, hoặc là chuyên niệm kinh Vô Lượng Thọ đều được, niệm kinh A Di Đà cũng được, chỉ cần chuyên! Tiếp theo đây, đại sư lại trích dẫn một đoạn trong Đại Thừa Khởi Tín Luận:

(Diễn) Khởi Tín vân: “Nhược ly giác tánh, tắc vô bất giác, nhược ly bất giác chi tâm, tắc vô chân giác tự tướng khả thuyết”.

(演) 起信云：若離覺性，則無不覺，若離不覺之心，則無真覺自相可說。

(Diễn: Khởi Tín Luận nói: “Nếu lìa giác tánh sẽ không có bất giác, nếu lìa cái tâm bất giác, sẽ chẳng có tự tướng chân giác để có thể nói”).

Đây là nói tương phản. Giác tánh là Chân Như bản tánh. Nếu lìa khỏi giác tánh thì bất giác cũng chẳng có. Bất giác chẳng có, thì thừa cùng quý vị, giác cũng chẳng có! Vì giác và bất giác đều là tự tánh khởi tác dụng. Rời khỏi Thể, làm sao còn có Dụng được nữa? Chẳng thể nào! Đây là bảo với chúng ta: Tuy Tam Độc phiền não rất nặng, quý vị đừng nên sợ hãi, vì sao? Phiền não tức là Bồ Đề. Chỉ cần chuyển được ý niệm là được rồi, hãy chuyển nó. Chuyển biến tham, sân, si thành Giới, Định, Huệ. Chuyển ý niệm là được rồi, nghiệp chướng thấy đều tiêu trừ. Cách chuyển như thế nào? Nói thật ra, phương pháp thù thắng nhất, xảo diệu

nhất, ôn thỏa, thích đáng nhất là niệm A Di Đà Phật, hoàn toàn chuyển cái tâm ấy thành A Di Đà Phật, A Di Đà Phật trọn đủ Giới, Định, Huệ. Phải thường niệm, phải nghiêm túc niệm, dùng mãnh niệm thì mới chuyển biến ý niệm được! Hễ chẳng niệm, tham, sân, si lại dấy lên, đó là tập khí phiền não quá nặng, cho nên phải nghiêm túc nỗ lực niệm.

“Nhược ly bất giác chi tâm, tắc vô chân giác tự tướng khả thuyết”
(Nếu lìa cái tâm bất giác, sẽ chẳng có tự tướng chân giác để có thể nói). Giác và bất giác đều là tự tánh khởi tác dụng, quyết định chẳng thể lìa Thể. Thể là chân thật, Thể là một, nhưng hiện tượng (tướng được biến hiện bởi Thể) và tác dụng thì luôn luôn biến hóa, tùy thuộc mức độ mê hay giác của chúng ta mà biến hóa. Tu học thông thường, tuy có lúc giác, đã giác rồi nhưng vẫn thường bị đọa, vẫn bị mê, ta thường nói là “thoái chuyển”. Mê khi cách âm là một hiện tượng hết sức đáng sợ, mà cũng chẳng có cách nào tránh khỏi. Nếu muốn tránh khỏi, đức Phật bảo chỉ có một phương pháp là cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói *“hà miễn luân hồi?”*, [nghĩa là] quý vị chẳng có cách nào tránh khỏi luân hồi! Hễ luân hồi, thoái chuyển, quyết định là chẳng có cách nào tránh khỏi bị mê khi cách âm! Người thật sự giác ngộ triệt để, bậc đại triệt đại ngộ là người như thế nào? Là người nhất tâm nhất ý phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thưa cùng quý vị, còn ngộ rốt ráo, ngộ triệt để hơn người triệt ngộ Thiên Tông! Người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Thiên Tông chưa chắc cầu sanh Tịnh Độ. Nếu người ấy chẳng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ vẫn bị luân chuyển, vẫn bị lui sụt. Chúng ta nhất định phải biết điều này!

(Diễn) Thiện đạo, ác đạo tất giai như huyễn giả, tham đẳng nãi ác đạo chi bản, giới đẳng vi thiện đạo chi nhân.

(演) 善道惡道悉皆如幻者，貪等乃惡道之本，戒等為善道之因。

(Diễn: Thiện đạo và ác đạo đều như huyễn, tham v.v... là cái gốc của ác đạo, giới v.v... là cái nhân của thiện đạo).

“Bản” là nói tới căn bản. Nhân duyên của ác đạo vô lượng, chẳng phải vì một hai nguyên nhân mà đọa ác đạo, mà do vô lượng nhân duyên! Trong vô lượng nhân duyên, chúng ta tìm một nhân duyên trọng yếu nhất, tìm cái nhân bậc nhất. Cái nhân bậc nhất chính là tham, sân, si. Người tâm tham nặng nề đọa ngã quý đọa, tâm sân khuể nặng nề là

nghiệp nhân địa ngục, ngu si nặng nề là nghiệp nhân của súc sanh đạo. Ngu si là gì? Tôi nói một lời chân thật cùng chư vị, trong hết thầy Đại Thừa Phật pháp, quý vị chẳng muốn chọn lựa niệm Phật đời nghiệp vãng sanh thì là ngu si, vì sao? Quý vị chẳng thể thành tựu trong một đời này! Ngu si, nói đơn giản là chẳng thể phân biệt chân, vọng. Cổ đức đã so sánh hết thầy các kinh, trong Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn lời [luận định] của các vị đại đức trong thời đại Tùy - Đường: Đối với “*nhất đại thời giáo*” của đức Thế Tôn, [tức là đối với] hết thầy các giáo pháp do Ngài đã giảng trong bốn mươi chín năm, nếu đều so sánh trọn hết thì Hoa Nghiêm là bậc nhất. Những gì ở ngoài Hoa Nghiêm đều là bậc hai, bậc ba. So sánh giữa Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất, Hoa Nghiêm chẳng sánh bằng. Đó là sự nhận thức về chân và giả.

Kinh Vô Lượng Thọ là pháp chân thật, nên kinh đã nói về ba thứ chân thật. Quý vị thấy trong tất cả kinh Đại Thừa, kinh nào có cách nói như vậy? “*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”, Chân Thật Chi Tế là Chân Như bốn tánh. “*Trụ chân thật huệ*”, quý vị tin tưởng, đọc tụng kinh điển này, thật thà niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật, tâm quý vị an trụ nơi đâu? Trụ chân thật huệ. Tâm trụ chân thật huệ, tâm ta sẽ đặt nơi kinh, suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ đến kinh! Nói thô thiển một chút thì “*trụ*” (住) là vấn vương, trong tâm luôn nghĩ tưởng đến chuyện ấy, tâm ta nghĩ tưởng điều gì? Nghĩ tưởng kinh Vô Lượng Thọ, mơ tưởng A Di Đà Phật, thứ gì khác cũng đều chẳng màng! Chỉ vương vấn một điều này, tâm ta đặt nơi A Di Đà Phật, nơi kinh Vô Lượng Thọ. “*Huệ dĩ chân thật chi lợi*” (Ban cho lợi ích chân thật): Lợi ích chân thật, lợi ích hiện tiền, thừa cùng quý vị, đó là vô lượng thọ, khỏe mạnh, sống lâu, trăm bệnh chẳng sanh! Tâm quý vị thanh tịnh, thân thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh lẽ nào ngã bệnh? Đúng là đạt được vô lượng thọ. Trong một đời, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật!

Vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Vì thế, chúng đắc vô lượng thọ khi nào? Chúng đắc ngay trong hiện tại! Vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị bảo mọi người: “Giã biệt, tôi đi đây!”, theo A Di Đà Phật ra đi. Đi rồi mới chết, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh! Theo A Di Đà Phật ra đi, chẳng cần đến thân thể này nữa, vứt bỏ, có ý nghĩa như vậy đó! Pháp môn này xác thực là pháp môn bất tử, các pháp môn khác vẫn phải chết! Pháp môn này bất tử. Do đó, quý vị nói đến khổ, ba khổ, hay tám khổ, chỉ cần quý vị nghiêm túc tu tập pháp môn này, [các nỗi

khô ấy] thấy đều đoạn sạch, ba khô, tám khô đều chẳng có, vì sao? Quý vị bất tử. Đối với sự thật thù thắng này mà quý vị chẳng hiểu rõ ràng, nếu quý vị không ngu si thì ai ngu si? Trong hết thấy các pháp, cái nào là thật, cái nào là giả, cái nào là chánh, cái nào là tà, cái nào là thiện, cái nào là ác, gì là lợi, gì là hại, quý vị thấy đều chẳng hiểu rõ ràng, đó gọi là ngu si. Ngu si đọa súc sanh. “*Tham đăng*” là tham, sân, si, đó là căn bản của ba ác đạo. “*Giới, Định, Huệ thị thiện đạo chi nhân*”, đó là nghiệp nhân của ba thiện đạo. Quý vị có thể trì Ngũ Giới, Thập Thiện, có thể tu Tứ Thiên, Bát Định, có thể chọn lựa Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, đó đều là trí huệ. Vì thế, Giới, Định, Huệ là cái nhân của thiện đạo.

(Diễn) Tham, sân, si ký tức Giới, Định, Huệ, tức ác đạo như huyễn. Giới, Định, Huệ bất ly tham, sân, si, tức thiện đạo diệt như huyễn hỷ.

(演) 貪瞋痴既即戒定慧，則惡道如幻。戒定慧不離貪瞋痴，則善道亦如幻矣。

(Diễn: Tham, sân, si đã chính là Giới, Định, Huệ, nên ác đạo như huyễn. Giới, Định, Huệ chẳng lìa tham, sân, si, nên thiện đạo cũng như huyễn).

Không chỉ lục đạo là như huyễn. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Ngài còn nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Vì sao nói là như huyễn? Vì sao nói là hư vọng? Vì lục đạo luân hồi, ba thiện đạo, ba ác đạo đều chẳng thật. Phật pháp nói đến chân và vọng thì có một định nghĩa [như sau]: Hễ nói là chân thì có nghĩa là vĩnh viễn chẳng thay đổi. Phàm những gì có thể biến đổi, sẽ chẳng phải là chân. Quý vị nghĩ xem: Có đường nào trong lục đạo vĩnh viễn chẳng biến đổi? Chúng đều luôn biến đổi, lại còn biến đổi trong từng sát-na. Có phải là con người chúng ta từ nhỏ đến già liền già ngay hay không? Chẳng hề! Mỗi năm một già hơn, mỗi tháng một già hơn, mỗi ngày một già hơn! Lại thưa cùng quý vị, mỗi phút một già hơn, mỗi giây một già hơn, già đi trong từng sát-na, chẳng thể ngưng nghỉ! Vì thế, sự biến hóa ấy là biến hóa trong từng sát-na, phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ nguyên nhân này, lại có năng lực tiêu trừ nguyên nhân ấy, sẽ trường sanh bất lão.

Quý vị có muốn biết nguyên nhân ấy hay không? Tôi nói cho quý vị biết: Nguyên nhân chính là ý niệm. Chúng ta dấy lên một niệm, niệm ấy diệt, bèn gọi là “sinh diệt tâm”. Tâm của quý vị là cái tâm sinh diệt, lại còn là sinh diệt trong từng sát-na, nên hết thấy vạn pháp vô thường! Chúng ta đã hiểu nguyên nhân ấy, tiêu trừ nguyên nhân ấy như thế nào đây? Chúng ta tu cái tâm chẳng sinh diệt. Chỉ cần tâm chẳng sinh diệt, thừa cùng quý vị, hết thấy vạn pháp cũng bất sinh bất diệt, tuyệt diệu thay! Hết thấy vạn pháp bất sinh bất diệt. Đại Kinh bảo: Chúng ta thấy hết thấy vạn pháp là tướng sinh diệt, là vô thường. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng; nhưng chư Phật nhìn vào vạn tướng thì phàm những gì có tướng đều là thật tướng! Nhất là trong các kinh Đại Thừa, như kinh Pháp Hoa đã nói về cảnh giới Như Lai như sau: “*Thường tịch diệt tướng*”. Hết thấy vạn pháp thanh tịnh, tịch diệt, chẳng có sinh diệt. Các Ngài thấy chẳng sinh diệt, chúng ta thấy có sinh diệt, lạ thay! Chúng ta dùng cái tâm sinh diệt để nhìn cảnh giới. Vì vậy, đức Phật nói “*cảnh chuyển theo tâm*”, chẳng sai tí nào! Trong Liễu Phàm Tứ Huán, có không ít chỗ nói đến Phong Thủy. Phật pháp nói về Phong Thủy cao minh nhất: Cảnh chuyển theo tâm. “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống Như Lai*”. Chúng ta mong cầu điều này, mong có thể chuyển cảnh giới, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Chuyển cảnh giới như thế nào? Học sao cho tâm chẳng động trong cảnh giới. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phải chẳng khởi tâm, chẳng động niệm trong cảnh giới, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, vạn pháp như như. Phải tinh tấn hướng đến cảnh giới nơi quả địa Như Lai, “*hướng*” (向) là nỗ lực học tập theo phương hướng ấy, đưa chính mình đến một cảnh giới khác, quay trở lại nhìn cảnh giới này, sẽ chẳng khác gì cách nhìn của chư Phật và chư đại Bồ Tát. Đó là thật sự giác.

Đại Kinh nói “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”, đây là lợi ích đạt được ngay lập tức trong hiện tiền. Tôi tin tưởng, nghiêm túc niệm bản kinh Vô Lượng Thọ này. Tôi dạy mọi người một phương pháp, quý vị niệm hằng ngày từ ba biến đến năm biến, nếu quý vị thật sự niệm được nửa năm, nhất định sẽ khác hẳn. Nếu có thể thường niệm, thường tư duy giáo huấn trong kinh, trong cuộc sống hằng ngày, hễ gặp cảnh giới gì, bèn nghĩ trong kinh đã dạy chúng ta làm như thế nào, quý vị đạt được lợi ích càng thù thắng, đạt được càng nhiều, càng thù thắng hơn. Công phu ấy chớ nên ngưng nghỉ giữa chừng, phải tiếp tục nỗ lực thực hiện chẳng ngừng, cảnh giới của quý vị sẽ mỗi năm một tốt đẹp hơn, mỗi tháng một tốt đẹp hơn.

Do vậy phải hiểu: Lục đạo đều là như huyễn, như hóa, như mộng, huyễn, bọt, bóng. [Vậy thì] trong lục đạo, quý vị còn chấp trước chi nữa? Còn có gì để so đo nữa? Hoảng nhiên đại ngộ chân tướng sự thật này, trong cảnh giới, chúng ta xác thực là chẳng phân biệt, không chấp trước, không dấy vọng tưởng! Quý vị sẽ sống hết sức tự tại, hết sức vui sướng, thật sự đạt tới lìa khổ được vui. Ở trong hoàn cảnh bèn tùy duyên, chẳng phan duyên, suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, thấy điều gì cũng đều tự tại, thấy điều gì cũng đều vô ngại, như vậy thì mới có thể khế nhập Thật Tướng.

(Diễn) Hựu tham, sân, si, Giới, Định, Huệ, nhân dã, thiện đạo, ác đạo quả dã, nhân ký toàn không, quả phục hà hữu? Cố tất như huyễn.

(演) 又貪瞋痴戒定慧因也，善道惡道果也，因既全空，果復何有？故悉如幻。

(Diễn: Lại nữa, tham, sân, si, Giới, Định, Huệ là nhân; thiện đạo, ác đạo là quả. Nhân đã hoàn toàn không, làm sao có quả nữa? Vì thế, đều là như huyễn).

Kết luận được nêu ra rất triệt để, cũng có cùng một ý nghĩa với lời Sao: “*Huyễn vô tự tánh, duy thị nhất tâm, nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức*” (Huẩn chẳng có tự tánh, chỉ là nhất tâm. Nhất tâm chẳng sanh, vạn pháp đều dứt bật). Chữ “*huyễn*” chỉ nhân quả của lục đạo, mà cũng là Hoặc, Nghiệp, Khổ. Hoặc, Nghiệp, Khổ đều là huyễn. Vì sao nói Hoặc, Nghiệp, Khổ đều là huyễn? Vì Hoặc, Nghiệp, Khổ đều là pháp hữu vi! Pháp hữu vi là gì? Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, tất cả hết thảy các pháp được chia thành hai loại lớn: Một loại lớn là pháp hữu vi, loại kia là pháp vô vi. Pháp hữu vi lại được chia thành bốn hạng mục lớn là tâm pháp, tâm sở hữu pháp, tâm bất tương ứng hành pháp, và sắc pháp, gồm có tất cả chín mươi bốn pháp; sáu pháp sau cùng được gọi là pháp vô vi. Kinh Kim Cang đã nói: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Quý vị biết Hoặc, Nghiệp, Khổ đều là pháp hữu vi. Hoặc nghiệp là nhân, Khổ là quả báo. Nhân như huyễn, quả cũng như huyễn, nhân lẫn quả đều là như huyễn. Mọi người ngàn muôn phần đừng hiểu lầm “*nhân là rỗng không, quả cũng là rỗng không*”, vậy thì nay ta làm chuyện xấu nhiều hơn một

chút cũng chẳng sao, nhân quả đều không mà! Trong cái nhìn của Phật, Bồ Tát, chúng là Không.

Chúng tôi lại nêu tỷ dụ để quý vị có thể lý giải. Nằm mộng có phải là rỗng không hay chẳng? Chúng ta biết nằm mộng là rỗng không, chẳng thật. Nếu quý vị mỗi ngày gặp ác mộng, quý vị có cảm thấy cuộc sống như vậy dễ thở hay chẳng? Mỗi đêm đều mộng thấy có người muốn tới giết hại quý vị, trừng trị quý vị rất thảm, có thoả mái hay chẳng? Lục đạo luân hồi giống hệt như ác mộng, chẳng thoả mái! Giả, chẳng sai, nó giả trất, nhưng quý vị hứng chịu và cảm nhận thật sự cái giả ấy! Tới ngày nào đó, quý vị chẳng còn hứng chịu cái giả ấy, sẽ giống như Như Lai và các đại Bồ Tát. Quý vị có cách nào ở trong giả mà đối với khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thấy đều chẳng hứng chịu hay không? Quý vị có thể chẳng còn hứng chịu hết thấy những sự khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, thì trong Phật pháp có một danh từ mô tả điều này: Quý vị đã đắc Chánh Thọ. Chánh Thọ là tam-muội, là Thiên Định. Chánh Thọ là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thấy đều chẳng lãnh chịu.

Năm thứ Thọ ấy (khổ, lạc, ưu, hỷ, xả) là tạm có, nhưng không chân thật. Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả chẳng thật, khi mê thì có, lúc đã giác bèn chẳng có. Từ A La Hán trở lên bèn chẳng có. A La Hán đã đắc Chánh Thọ, chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả; lục đạo phàm phu mới có! Quý vị nằm mộng, trong mộng bỗng dung biết: Có sao ta nay đang nằm mộng? Mộng thấy cạp ăn thịt, quý vị rất khảng khái: “Ta hành Bồ Tát đạo, ta xả thân cho cạp xơi!” Quý vị sẽ rất vui vẻ thực hiện, vì sao? Quý vị biết đó là giả, nhân và quả đều là giả, quý vị chẳng sợ hãi! Chính vì quý vị chẳng biết là đang nằm mộng, gặp phải cạp sắp ăn thịt quý vị, sợ đến nỗi toàn thân đầm mồ hôi lạnh, khiến cho quý vị kinh hãi tỉnh giấc, chẳng biết chân tướng sự thật. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta chân tướng của lục đạo.

Nếu thật sự hiểu chân tướng, con người sẽ thay đổi, biến thành như thế nào? Biến thành giống như Bồ Tát, cũng có nghĩa là chẳng có quan niệm được mất. Trong hết thấy các pháp, chẳng được, chẳng mất, người ấy tự tại lắm! Vì đều là rỗng không, há có được? Nếu chẳng có được, há có mất? Chẳng có được mất, liền tự tại. Nay chư vị đã nghe đạo lý này, thử xem quý vị có thể buông bỏ lẽ được mất hay chẳng? [Chẳng buông bỏ được] tức là quý vị chẳng thật sự hiểu. Thật sự đã hiểu, nhất định là ngay lập tức vứt bỏ tâm được mất. Vì sao? [Nó chính là] cội khổ, gốc mê, đương nhiên phải bỏ đi! Vẫn chẳng bỏ được, tức là quý vị vẫn

chưa nghe hiểu lời ấy! Nghe là nghe vậy thôi, chẳng hiểu! Chẳng thể thấu hiểu ý nghĩa thật sự!

Nói thật ra, Phật pháp là “*biết khó, hành dễ*”, tu chứng Phật pháp dễ dàng, dễ như lật bàn tay, chuyển mê thành ngộ! Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ “*biết khó*”, nhận biết chân tướng sự thật, hiểu đạo lý thì khó, rất ư là khó. Vì biết khó như vậy, nên Thích Ca Mâu Ni Phật xót lòng rất miêng khuyên bảo, giảng giải suốt bốn mươi chín năm! Hành rất dễ dàng, niệm A Di Đà Phật! Ông Châu Quảng Đại ở Washington DC niệm ba ngày ba đêm liên vãng sanh, quý vị thấy dễ dàng quá đi chứ! Ông ta ngay lập tức thấy A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Di Đà nói “*hoặc một ngày cho đến hoặc bảy ngày*”, dễ dàng nhất là một ngày thành công! Ông Châu Quảng Đại vẫn còn phải làm ba ngày ba đêm, là người căn tánh bậc trung. Người căn tánh bậc thượng chỉ cần một ngày, quý vị thấy dễ dàng quá! Nhưng quý vị muốn hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, chẳng phải là chuyện đơn giản!

Vì thế, hãy nên hiểu “*huyền vô tự tánh*”, tự tánh là tự thể, nó chẳng có tự thể. “*Duy thị nhất tâm*” (Chỉ là nhất tâm), nhất tâm là bản tánh, là Chân Như bản tánh. Tận hư không khắp pháp giới, kinh Phật nói là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, người thế tục nói là vũ trụ và nhân sinh, Phật pháp gọi vũ trụ và nhân sinh là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Sử dụng danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Những thứ ấy là gì? Chỉ là nhất tâm! Chuyện này ai thật sự biết? Tại Trung Hoa, chúng ta chỉ thấy Lục Tổ biết, lão nhân gia nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ; nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp*”. Vạn pháp là cái được sanh ra, cái có thể sanh là nhất tâm, nhất tâm là tự tánh. Tự tánh có thể sanh là thật, vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn bất hoại. Cái được sanh ra chính là hiện tượng, vạn pháp là giả, vì nó biến hóa trong từng sát-na. Do đó, cái được sanh là huyền, cái có thể sanh là thật. “*Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức*” (Nhất tâm chẳng sanh, vạn pháp đều diệt). Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất minh bạch, lão nhân gia nói: “*Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang*”, giác gì vậy? Giác tâm bất động, giác tâm vô niệm. Vì lẽ đó, tông chỉ của nhà Thiền là “*vô niệm vi Tông*” (lấy vô niệm làm Tông), nhà Thiền tu hành là tu vô niệm. Tông chỉ tu hành của Tịnh Độ Tông là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhà Thiền nói nhất tâm là vô niệm, cách nói khác nhau, nhưng ý nghĩa và cảnh giới tương đồng. “*Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức*” chính là giác rồi, trống rỗng chẳng có tam thiên đại thiên. Không chỉ chẳng có lục đạo, mà mười pháp

giới cũng chẳng có! Lục đạo là huyền, chẳng có tự tánh. Mười pháp giới cũng là huyền, chẳng có tự tánh.

Tứ thánh là hiện tướng và tác dụng do tâm giác ngộ hiện ra. Lục đạo luân hồi là hiện tướng và tác dụng do mê tâm hiện ra. Tuy là một tâm giống hệt nhau, cùng do một tâm khởi tác dụng, nhưng cảm nhận khổ vui sai biệt rất lớn. Đại chủ ý, đại mục tiêu trong giáo học Phật pháp là phá mê khai ngộ, nơi quả là “lìa khổ, được vui”. Mê là khổ nhân, lục đạo luân hồi là khổ quả. Giác ngộ là lạc nhân, tứ thánh pháp giới là lạc quả. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này!

---o0o---

Tập 179

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi bốn.

Nhị, phong thụ diễn pháp.

(Kinh) Xá Lợi Phất, bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

二風樹演法。

(經) 舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念僧之心。

(Hai, gió và cây diễn pháp.

Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu, và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn thứ nhạc hòa tấu cùng lúc. Nghe âm thanh ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn kinh văn này có khoa đề (科題: tiểu đề mục) là Phong Thụ Diễn Pháp, nói đến chuyện vô tình thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong phần trước, các loài chim là hữu tình, nay kinh nói về gió và cây. Như vậy là trong thế giới ấy, hữu tình và vô tình cùng

tuyên diệu pháp. Đây là một nhân tố quan trọng khiến cho người tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng bị thoái chuyển.

(Sớ) Tiên ngôn hàng thụ, la võng, kim ngôn thử chư thụ võng, nhân phong xuất âm, như thượng điệu minh, hóa đạo chúng sanh, lợi ích vô tận dã.

(疏) 前言行樹羅網，今言此諸樹網，因風出音，如上鳥鳴，化導眾生，利益無盡也。

(Sớ: Trong phần trước, [kinh văn] đã nói lưới màn giăng trên các hàng cây, nay nói đến các lưới trên cây do gió thổi qua mà phát ra âm thanh giống như tiếng chim hót trong phần trên, giáo hóa chúng sanh, lợi ích vô tận).

Trong phần trước, [chánh kinh] đã nói đến các màn lưới giăng nơi hàng cây trong thế giới Tây Phương, đoạn này lại tiếp tục nói những tấm lưới căng trên các hàng cây vì gió thổi qua mà phát ra âm thanh, giống như những cái chuông gió (phong linh, wind chime) trong thế gian, âm thanh rất hay. Phong linh trong cõi chúng ta tối đa là vang tiếng hòa nhã mà thôi, chẳng thể thuyết pháp. Cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là cây báu, lá cây đều bằng bảy báu, âm thanh ấy hay đẹp chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được! [Âm thanh của lưới và cây] giống như trong phần trước đã nói chim có thể diễn diệu pháp, hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh.

(Sớ) Phong viết vi giả, phong chi mỹ dã. Âm viết vi diệu giả, âm chi mỹ dã. Vi diệu tức hòa nhã ý.

(疏) 風曰微者，風之美也；音曰微妙者，音之美也，微妙即和雅意。

(Sớ: Gió nói là Vi tức là gió dịu, âm thanh mà nói là Vi Diệu, tức là âm thanh rất tuyệt diệu. Vi Diệu có ý nghĩa hòa nhã).

“Hòa” (和) là ôn hòa, “nhã” (雅) là trang nhã, chánh đáng, âm thanh chánh đáng.

(Sớ) Bách thiên chủng nhạc giả, dĩ thiểu hướng đa.

(疏) 百千種樂者，以少況多。

(Sớ: “Trăm ngàn loại nhạc”: Dùng số ít để sánh ví cho số nhiều).

Trăm ngàn loại: Giống như nhạc giao hưởng trong hiện thời.

(Sớ) Tán kỳ chí mỹ, cực nhân thiên nhạc, sở bất năng cập.

(疏) 讚其至美，極人天樂，所不能及。

(Sớ: Nhằm tán thán [các âm thanh do cây và lười báu phát ra] hay đẹp tốt cùng, các loại nhạc tuyệt diệu của trời người đều chẳng thể sánh bằng).

Đây là tán thán tới mức độ cùng cực, âm nhạc trong nhân gian hay cõi trời đều chẳng có cách nào sánh bằng!

(Sớ) Kỳ âm diệc tuyên Căn, Lục, Giác, Đạo.

(疏) 其音亦宣根力覺道。

(Sớ: Âm thanh ấy cũng tuyên nói Căn, Lục, Giác, Đạo).

Các âm thanh cũng tuyên nói Ngũ Căn, Ngũ Lục, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo. Bốn khoa này tượng trưng cho vô lượng Phật pháp, chẳng có pháp nào không được diễn nói.

(Sớ) Chủng chủng Đạo Phẩm, bất ngôn giả, văn tỉnh dã.

(疏) 種種道品，不言者，文省也。

(Sớ: Không nói tới các thứ Đạo Phẩm là do kinh văn nói tỉnh lược).

“Tỉnh” (省) là tỉnh lược.

(Sớ) Hựu Đại Bản vân “vi phong xúc thân”, kim bất ngôn giả, diệc văn tỉnh dã.

(疏) 又大本云：微風觸身。今不言者，亦文省也。

(Sớ: Kinh Đại Bản lại nói “gió nhẹ chạm vào thân”, nay [kinh này] chẳng nói thì cũng là do kinh văn tỉnh lược vậy).

Kinh Di Đà văn tự ít, nói đơn giản. Tuy chẳng nói, nhưng ý nghĩa đều được bao gồm trong ấy, vì chúng ta xem kinh Đại Bản Vô Lượng Thọ sẽ biết.

(Sao) Vi phong vi mỹ giả, thử độ cụ phong xuy động, tắc xuất khuynh tru đảo hạp, khả chiến cụ thanh.

(鈔) 微風為美者，此土颶風吹動，則出傾湫倒峽，可戰懼聲。

(Sao: “Vi phong là gió dịu”: Trong cõi này, gió bão thổi lên, ắt sẽ nghiêng ao, lật khe núi, phát ra âm thanh đáng kinh sợ).

Trong thế gian này có những loại gió khiến chúng ta chẳng ưa thích cho lắm. Ví như Đài Loan có Đài Phong (gió lốc)⁷⁶, ở Mỹ có Long Quyển Phong (gió trốt, vòi rồng, tornado). “Cụ phong” (颶風) là trận gió lớn. Đài Phong chính là trận bão lớn. “Khuynh tru đảo hạp” (傾湫倒峽), “tru” (湫) là ao nước, [“hạp” (峽) là khe núi]. Gió thổi khiến nước trong ao bị văng ra ngoài, có sức mạnh to lớn dường ấy. Hễ gặp phải trận gió như vậy, chúng ta rất kinh hãi.

(Sao) Mãnh phong xuy động, tắc xuất hám ốc bạt mộc, khả yểm ác thanh.

(鈔) 猛風吹動，則出撼屋拔木，可厭惡聲。

(Sao: Gió dữ thổi lên ắt phát ra âm thanh rung nhà, tróc cây đáng ghê sợ).

“Mãnh phong” chính là Đài Phong.

(Sao) Nãi chí Tỳ Lam phong xuy động, tắc xuất tồi sơn toái nhạc, hoại chư thế giới, vô khả tỵ thanh.

(鈔) 乃至毗嵐風吹動，則出摧山碎嶽，壞諸世界，無可避聲。

(Sao: Cho đến gió Tỳ Lam thổi lên, ắt phát ra âm thanh vỡ núi tan non, tan nát các thế giới, chẳng thể tránh né).

Chúng ta chẳng gặp gió Tỳ Lam (Vairambhaka). Nếu gặp phải, thế giới này chẳng còn nữa! Trong kinh, đức Phật đã nói tới Tam Tai (Samvartanī), có Đại Tam Tai và Tiểu Tam Tai. Đại Tam Tai là Hỏa Tai, Thủy Tai, và Phong Tai. Phong Tai được gọi là Tỳ Lam Phong.

Lúc một tam thiên đại thiên thế giới sắp hoại, Tam Tai bèn xuất hiện:

1) Hỏa Tai có thể cháy đến Sơ Thiên Thiên. Từ Sơ Thiên Thiên trở xuống, toàn thể Thái Dương Hệ bị cháy sạch. Qua viễn vọng kính thiên văn, chúng ta quan sát thấy trong vũ trụ, một tinh hệ bị biến mất, hủy mất, đó là Hỏa Tai trong Đại Tam Tai như đức Phật đã nói.

2) Loại thứ hai là Thủy Tai, có thể ngập đến Nhị Thiên Thiên, còn đáng sợ hơn Hỏa Tai. Từ Nhị Thiên Thiên trở xuống đều chẳng còn!

3) Loại thứ ba là Phong Tai. Gió Tỳ Lam thổi tan Tam Thiên Thiên. Từ Tam Thiên trở xuống đều bị hủy diệt, núi Tu Di cũng chẳng còn. Đến Đệ Tứ Thiên mới an toàn.

Tứ Thiên được gọi là Phước Thiên, có thể tránh khỏi Tam Tai. Bất cứ loại nào trong Đại Tam Tai, thế giới này đều chẳng thể hứng chịu!

Tiểu Tam Tai như đức Phật đã nói chính là chiến tranh hạch tử (chiến tranh hạt nhân, chiến tranh bằng vũ khí nguyên tử) trong hiện tại. Tiểu Tam Tai là Binh Đao Kiếp, tức là chiến tranh kéo dài bảy ngày, ôn dịch bảy tháng và đói kém bảy năm bảy tháng. Hai mươi năm trước, tôi đến thăm Trường Kỳ (Nagasaki) và Quảng Đảo (Hiroshima) của Nhật Bản, hoảng nhiên đại ngộ! Tiểu Tam Tai như trong kinh đã nói vốn là tình hình ấy. Sau khi chiến tranh hạt nhân bùng nổ, trên thân nhiễm bụi bức xạ (bụi phóng xạ, radioactive dust), sau bảy tháng chẳng chết thì mới có thể giữ được mạng. [Như vậy thì] bệnh ôn dịch chính là bệnh bức xạ. Trên mặt đất, cỏ cây chẳng mọc, khi tôi đến đó đã là năm thứ tám, mới vừa mọc cỏ. Kinh nói bảy năm bảy tháng cỏ cây chẳng mọc, đương nhiên là đói kém. Chiến tranh hạt nhân có thể tránh được hay chẳng? Nhìn vào thế giới hiện thời, dường như chẳng có cách nào tránh né! Cơ Đốc Giáo tiên đoán tận thế vào năm 1999, tiên tri cổ xưa của Trung Hoa cũng nói trong thời kỳ ấy sẽ có đại kiếp nạn, thế giới này sẽ khôi phục trật tự, khôi phục hòa bình, ước chừng là sau năm 2020. Ba mươi năm sau, trên thế giới mới có hòa bình. Hiện thời, dân cư trên thế giới quá đông, dễ nảy sinh chiến tranh. Nhất là giàu nghèo chẳng quân bình, đại đa số người sống trong thế gian này oán trời hờn người, đó là điều hết sức đáng sợ! Trong thế giới ngày nay, những quốc gia có vũ khí nguyên tử dần dần tăng thêm nhiều, quan niệm luân lý và đạo đức trên cả thế

giới bị đọa lạc, đáng sợ quá! Vì thế, hiện thời chẳng ai có thể dự đoán cục diện thế giới biến hóa [như thế nào], đúng là nháy mắt đã biến hóa ngàn phần!

Chúng ta biết trạng huống trước mắt, chớ nên không nghiêm túc tu học Phật pháp! Chúng ta biết trong cộng nghiệp còn có bất cộng nghiệp, có biệt nghiệp. Sau một trận kiếp nạn rất lớn, vẫn có những người may mắn tránh khỏi. Phàm những người may mắn tránh khỏi đại nạn đều là người có phước. Tục ngữ có câu: “*Nạn lớn chẳng chết, ắt có phước mai sau*”. Người ấy chẳng có phước thì làm sao có thể thoát khỏi tai nạn? Vì thế, chúng ta phải nghiêm túc tu phước. Tu phước thì phước đức thù thắng nhất trong thế gian và xuất thế gian không gì hơn tu học pháp môn Tịnh Tông.

(Sao) Tứ linh Minh Thứ, Thanh Minh dẳng phong, tuy diệc xưng mỹ, chỉ thị phi phát sơn lâm, sanh trưởng bách vật nhi dĩ.

(鈔) 即令明庶清明等風，雖亦稱美，止是披拂山林，生長百物而已。

(Sao: Ngay như các loại gió như Minh Thứ, Thanh Minh⁷⁷ v.v... tuy cũng được khen là gió tốt đẹp, nhưng chỉ là thổi phơ phát trong chốn núi rừng, sanh trưởng trăm vật mà thôi).

Đây là nói tới các thứ gió ôn hòa, trong mát khiến cho chúng ta cảm thấy hết sức thoải mái, trăm vật nhờ vào đó mà sanh trưởng. Lợi ích của chúng đến tột cùng chỉ là như vậy mà thôi! Nói theo cách hiện thời, [những loại gió ấy có tác dụng] điều tiết khí hậu, bốn mùa rõ rệt, sanh trưởng vạn vật.

(Sao) Bĩ quốc chi phong, tự hữu tự vô, phi hàn, phi nhiệt, khinh tế thuận hòa, bất khả vân dụ.

(鈔) 彼國之風，似有似無，非寒非熱，輕細醇和，不可云喻。

(Sao: Gió trong cõi kia dường có, dường không, chẳng lạnh, chẳng nóng, nhẹ nhàng, êm dịu, thuận hòa chẳng thể diễn tả, sánh ví được).

Gió trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quá tốt lành, đáng yêu, vì sao? Nó có thể thuận theo lòng mong muốn. Chúng ta hai người ở cùng một chỗ, tôi thích gió ấm áp hơn, hoặc tôi thích gió mát hơn, nó có thể thích hợp với nhiệt độ chúng ta mong tưởng. Rất mâu nhiệm! Gió thổi tới thân mỗi người, cảm xúc khác nhau. Trong thế giới Sa Bà, chẳng có chuyện này, trong các thế giới của chư Phật nơi phương khác cũng chẳng có. Vì sao mà biết? Các thế giới của chư Phật nơi phương khác chẳng khác thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật cho mấy! “*Tự hữu, tự vô*” (Dường có, dường không), quý vị cảm giác là có, nó bèn có. Chẳng cảm thấy nó, nó sẽ không có. “*Phi hàn, phi nhiệt*” (Chẳng lạnh, chẳng nóng): Gió này vô cùng ôn hòa. “*Khinh tế thuận hòa, bất khả vân dụ*” (Nhẹ nhàng, êm dịu, thuận hòa, chẳng thể diễn tả hay sánh ví được), tán thán chẳng ngớt, chẳng có cách nào hình dung hay tỷ dụ được! Gió trong thế giới Cực Lạc tốt đẹp dường ấy.

(Sao) Quán Kinh vân: “Bát chủng thanh phong”. Thanh tức vi ý, hướng bỉ hàng thụ, cập chư la võng, giai thị thất bảo, bị dĩ vi phong, hỗ tương xao khấu, tự nhiên nhi xuất vi diệu âm thanh, như bách thiên nhạc, đồng thời tịnh tác. Tắc lục luật giao sưởng, bát âm khắc hài, hòa chi cực dã, nhã chi chí dã.

(鈔) 觀經云：八種清風。清即微意，況彼行樹，及諸羅網，皆是七寶，被以微風。互相敲叩。自然而出微妙音聲。如百千樂，同時並作。則六律交暢，八音克諧，和之極也，雅之至也。

(Sao: Quán Kinh nói “tám loại thanh phong”, Thanh có nghĩa là dịu nhẹ. Hướng chi các hàng cây và các lưới màn đều bằng bảy báu, do gió nhẹ luôn qua bên khua chạm lẫn nhau, tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, như trăm ngàn thứ nhạc đồng thời hòa tấu, nên lục luật chen nhau thánh thót, tám âm hòa hợp. Hòa đến tột cùng, trang nhã đến tột bậc).

Gió thổi tới cây, khi lá chạm lá, cành đung cành, giống như phong linh [reo thánh thót] vậy, tự nhiên phát ra âm thanh dường như trăm ngàn loại nhạc khí đồng thời diễn tấu trong nhạc giao hưởng. “*Lục luật⁷⁸ giao sưởng, bát âm⁷⁹ khắc hài, hòa chi cực dã, nhã chi chí dã*”: Mấy câu này ca ngợi nhạc giao hưởng, nhạc khí phối hợp vô cùng hòa nhã, nghe hết sức êm tai!

(Sao) Bĩ phong thụ ký phi ty trúc, thù vi Cung Thương, nhi năng dĩ bách thiên chủng nhạc, đồng thử dương dương, thành vi hy hữu, nhân thiên mạc cập giả.

(鈔) 彼風樹既非絲竹，誰為宮商，而能與百千種樂，同此洋洋，誠為希有，人天莫及者。

(Sao: Tiếng gió luôn qua cây ấy đã chẳng phải là tiếng tơ, tiếng trúc, há do ai thổi khúc Cung, Thương⁸⁰, mà có thể hòa hợp trăm ngàn loại nhạc cùng nhau réo rắt, thật là hy hữu, [các thứ âm nhạc trong cõi] trời người chẳng thể bằng được).

Tại Trung Hoa vào thời cổ, nhạc khí phổ biến nhất là “ty trúc”. Địch (笛: sáo dọc), tiêu (簫: sáo ngang), sênh (笙: khèn)⁸¹ dùng trúc chế thành, đàn cổ cầm, cổ tranh dùng tơ [bện thành] thành dây đàn, nên [âm nhạc thời cổ thường được] gọi là “ty trúc chi thanh” (tiếng tơ trúc). Thân cây và lá cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là trúc, mà cũng chẳng phải là tơ, nhưng nó có âm thanh tuyệt vời ngàn ấy, đúng là hy hữu, trời người chẳng sánh bằng!

(Sao) Như Đại Bản ngôn: “Thế gian đế vương chi nhạc, bách thiên vạn chủng, bất như Đạo Lợi thiên cung nhất âm chi mỹ”.

(鈔) 如大本言：世間帝王之樂，百千萬種，不如忉利天宮一音之美。

(Sao: Như kinh Đại Bản chép: “Trăm ngàn vạn thứ nhạc của đế vương trong thế gian, chẳng hay bằng một tiếng nhạc trong cung trời Đạo Lợi).

Kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy, tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đế vương thời cổ là đáng tôn quý nhất trong thế gian, nên chỉ có âm nhạc trong cung đình mới trọn đủ viên mãn, vũ đạo cũng giống như vậy. Thời cổ nói đến giai cấp. Giai cấp thấp hơn một bậc, nhạc khí phải giảm bớt, số người nhảy múa cũng phải giảm bớt. Xưa kia, thiên tử vũ là Bát Dật Vũ (八佾舞), gồm tám người cùng múa. Chư hầu giảm thành Lục Dật, tức là sáu người cùng múa. Các quan đại phu giảm tới bốn người. Hiện thời, những hạn chế ấy chẳng còn. Ca múa cung đình cũng được đưa lên sân khấu cho mọi giới thường dân thưởng thức. Nhạc

của đế vương trong nhân gian tuy hay, vẫn kém xa nhạc trong Đao Lợi Thiên, “*bất như Đao Lợi thiên cung nhất âm chi mỹ*” (chẳng hay đẹp bằng một tiếng nhạc trong cung trời Đao Lợi).

(Sao) Đao Lợi thiên cung bách thiên chủng nhạc, bất như Dạ Ma thiên cung nhất âm chi mỹ.

(鈔) 切利天宮百千種樂，不如夜摩天宮一音之美。

(Sao: Trăm ngàn loại nhạc trong cung trời Đao Lợi chẳng hay đẹp bằng một tiếng nhạc nơi cung trời Dạ Ma).

Chư thiên càng lên cao càng siêu thắng.

(Sao) Triển chuyển chư thiên, nãi chí bất như Cực Lạc quốc trung, phong xuy thụ lâm, xuất diệu âm thanh chi mỹ, thị siêu xuất nhân thiên dã.

(鈔) 展轉諸天，乃至不如極樂國中，風吹樹林，出妙音聲之美，是超出人天也。

(Sao: Các cõi trời lần lượt lên cao hơn [như vậy] vẫn chẳng hay đẹp bằng âm thanh màu nhiệm do gió thổi qua rừng cây phát ra trong cõi Cực Lạc, âm thanh ấy vượt trời, người).

“*Chư thiên*” [ở đây là lần lượt] tính đến Đệ Lục Thiên, vì sao? Phía trên Đệ Lục Thiên là Sắc Giới, người ta chẳng cần nghe những thứ này, tâm họ thanh tịnh, không cần những thứ này để giải trí, vui thỏa. Họ đã vượt thoát, trụ trong cảnh giới Thiên Định. Âm nhạc trong Đệ Lục Thiên tức Tha Hóa Tự Tại Thiên thua xa âm thanh hay đẹp do gió thổi qua rừng cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thụ dụng viên mãn trọn đủ. Trong thế gian này, sự thụ dụng trong Dục Giới, xét theo sự tướng thì thấy đều trọn đủ, nhưng tâm chẳng thanh tịnh. Đối với sự thụ dụng trong Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên, tâm họ vô cùng thanh tịnh, hưởng niềm vui tịch tĩnh, nhưng chẳng có sự, nên cũng là “*Sự và Lý, Tánh và Tướng chưa thể viên dung*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới Lý Sự viên dung, Tánh Tướng bất nhị, nên mới là chân lạc! Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Sự, kinh Hoa Nghiêm nói là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, đây mới là thật sự đạt đến rốt ráo viên mãn, chẳng lệch về bên nào. Phạm phu lệch về sự tướng, chẳng biết Lý, nên họ có đau khổ. Nhị Thiên thiên

trọng Lý, thường được gọi là “*trụ trong Không Tịch*”, chẳng có sự tương, không được hoàn mỹ! Đều lệch về một bên! Chỉ riêng cảnh giới của các vị đại Bồ Tát là viên dung, Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạo tràng Nhất Thừa Phật pháp viên mãn, nên vượt trời trời, người.

(Sao) Diệt tuyên Đạo Phẩm giả, dĩ kinh trung dẫn xưng diệu âm, kỳ thật ý hàm thuyết pháp.

(鈔) 亦宣道品者，以經中但稱妙音，其實意含說法。

(Sao: “Cũng tuyên nói Đạo Phẩm”: Do trong kinh chỉ nói “âm thanh mâu nhiệm”, thật ra cũng bao hàm ý nghĩa thuyết pháp).

Đây là kinh văn tinh lược, trong các âm thanh ấy có thuyết pháp.

(Sao) Nhược phi pháp âm, hà năng sử nhân ức niệm Tam Bảo.

(鈔) 若非法音，何能使人憶念三寶。

(Sao: Nếu chẳng phải là pháp âm, làm sao có thể khiến cho người ta nghĩ nhớ Tam Bảo?).

Đây là chứng cứ: Nghe tiếng gió rung cây đều có thể khiến cho người ta phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Ở đây nói đến Phật, Pháp, Tăng, nói nông cạn là niệm Giác, niệm Chánh, niệm Thanh Tịnh. Nói cách khác, quý vị nghe tiếng gió thổi qua rừng cây, vừa nghe liền giác ngộ, liền phá mê khai ngộ, chẳng thể nghĩ bàn! Vừa nghe liền là chánh tri chánh kiến, đánh thức chánh tri chánh kiến của chính mình. Sau khi đã nghe, tâm địa ngày càng thanh tịnh. Đó gọi là “*niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”. Chẳng phải là nghe âm thanh ấy, quý vị liền niệm A Di Đà Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm Quán Âm, Thế Chí, chẳng phải như vậy! Nếu hiểu như vậy tức là đã hiểu kinh ngậy ngốc. Sau khi đã nghe, giác tâm, chánh tâm, thanh tịnh tâm không ngừng tăng trưởng, nên họ chẳng bị thoái chuyển.

(Sao) Cố Đại Bản vân: “Vi phong từ động, xuy chư bảo thụ, hoặc tác âm nhạc, hoặc tác pháp âm”, thị kỳ chứng dã.

(鈔) 故大本云：微風徐動，吹諸寶樹，或作音樂，或作法音，是其證也。

(Sao: Do đó, kinh Đại Bản chép: “Gió nhẹ thông thả trôi, thổi qua các cây bấu, hoặc phát ra tiếng nhạc, hoặc phát ra pháp âm”, đó là chứng cứ vậy).

Kinh Đại Bản nói rõ ràng. Kinh vẫn có câu “*hoặc tác pháp âm*”, “*tác pháp âm*” chính là âm thanh thuyết pháp. Âm thanh ấy có thể thuyết pháp.

(Sao) Dĩ tiền lệ hậu, giai văn tỉnh cố.

(鈔) 以前例後，皆文省故。

(Sao: Đối chiếu phần trước để suy ra ý nghĩa trong phần sau, đều là do kinh văn tỉnh lược vậy).

Đối chiếu phần kinh văn phía trước với đoạn sau này, liền biết trong Tiểu Bản có nhiều chỗ tỉnh lược. Ngôn ngữ tuy giản lược, nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn. Đối với kẻ sơ học mà nói, kinh Tiểu Bản khá khó, vì chẳng nói rõ ràng, chúng ta đọc sẽ khó hiểu trạng huống thực tế, chẳng bằng niệm kinh Đại Bản Vô Lượng Thọ. Đại Bản nói rất tỉ mỉ. Sau khi đã niệm nhuần nhuyễn Đại Bản, lại niệm Tiểu Bản sẽ rất có ý vị. Vì sao? Bao nhiêu ý nghĩa được bao hàm trong mỗi câu quý vị đều biết. Tiểu Bản văn tự ít, dễ nhiếp thọ. Vì thế, trước hết phải đồ công từ Đại Bản, đến lúc thấu triệt thuần thực, khi thọ trì có thể dùng Tiểu Bản.

(Sao) Ngôn xúc thân giả, Đại Bản vân: “Bỉ quốc nhất thiết hữu tình, vị phong xuy thân, an hòa thích duyệt, do như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định”, tức diệt bất thuyết pháp chi thuyết pháp dã.

(鈔) 言觸身者，大本云：彼國一切有情，為風吹身，安和適悅，猶如比丘得滅盡定。則亦不說法之說法也。

(Sao: “Nói chạm đến thân”: Kinh Đại Bản chép: “Hết thấy hữu tình trong cõi ấy, được gió thổi vào thân, an hòa, thơ thới, vui sướng, giống như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định”, tức là chẳng thuyết pháp mà thuyết pháp vậy).

Kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn như vậy, nhưng kinh Di Đà tỉnh lược. Gió nhẹ thổi đến thân chúng ta, thân sẽ có cảm nhận. Hãy đặc biệt chú ý kinh vẫn nói: “*Bỉ quốc nhất thiết hữu tình*” (Hết thấy hữu tình trong cõi ấy), vì sao? Đã là “*hết thấy*” thì chúng ta đến đó, cũng có phần!

Ngài chẳng nói riêng một loại người vãng sanh nào! Hết thấy hữu tình tức là từ thượng thượng phẩm vãng sanh cho đến hạ hạ phẩm vãng sanh, thấy đều chẳng phải là ngoại lệ, thậm chí bao gồm Biên Địa. Tôi tin tưởng trong Biên Địa, họ sung sướng giống như trong cung trời Đao Lợi hoặc trong cung trời Dạ Ma, bất quá khi gió thổi đến thân, họ không hiểu ý nghĩa trong lời thuyết pháp, nhưng nhất định là được thoải mái. Sự rằng đối với chuyện niệm Tam Bảo, họ bị chướng ngại, vì kinh dạy: “*Trong năm trăm năm chẳng nghe danh tự Tam Bảo*”. Gió thổi đến bên thân bèn cảm nhận “*giống như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định*”.

(Diễn) Diệt Tận Định giả, Cửu Thứ Đệ Định chi tối hậu Định dã.

(演) 滅盡定者，九次第定之最後定也。

(Diễn: Diệt Tận Định là môn Định cuối cùng trong Cửu Thứ Đệ Định).

Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: A La Hán và Bích Chi Phật đắc Cửu Thứ Đệ Định. Cửu Định là do đâu mà có? Từ Sơ Thiên tiến lên cao hơn. Tứ Thiên Thiên có bốn loại Định, lại lên cao hơn là Vô Sắc Giới Thiên có bốn tầng, cũng cần phải cật vào tu Định thì mới có thể sanh về đó. Thiên Định thế gian trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới chẳng ra khỏi tam giới, chúng ta gọi chung là Tứ Thiên Bát Định. Chư vị phải biết: Trên thực tế, Tứ Thiên Bát Định là Bát Định, chẳng phải là ngoài Tứ Thiên còn có Bát Định. Bốn loại Định của Tứ Thiên Thiên cộng thêm bốn loại Định của Tứ Không Thiên, hợp lại thành Bát Định. Đó là Thiên Định thế gian.

Nếu quý vị đắc loại Thiên Định Sơ Thiên này, có thể ngồi xếp bằng nhập Định suốt nửa tháng, một tháng, hai tháng, ba tháng, thấy đều làm được. Thật sự đắc Thiên Định, nhập Định ba tháng chín mươi ngày, chẳng cần ăn cơm, uống nước. Người ấy xuất Định, tinh thần sung mãn, chẳng nói: “Đã không ăn nhiều ngày như vậy, đói rã ruột!” Vì sao chẳng bị đói? Vì nhiệt lượng của một bữa ăn đủ để nuôi dưỡng thân thể suốt một trăm ngày, người ấy có năng lực này. Vì sao? Chẳng bị tiêu hao! Nay những thứ chúng ta ăn vào, vào đến bên trong sẽ có tác dụng hóa học biến hóa chúng thành năng lượng, năng lượng ấy bù đắp cho sự tiêu hao của mỗi tế bào trong thân thể. Người ta nhập Định, lượng tiêu hao giảm bớt, giảm bớt đến mức gần như zero, chẳng cần tiêu hao. Chư vị phải biết: Nhập Định chẳng phải là ngồi ở đó ngủ gật, ngồi ở đó ngủ gà

ngủ gật thì chẳng được rồi. Nay chúng ta thấy rất nhiều người ngồi xếp bằng ngủ gà ngủ gật, chẳng được! Ngủ thì vẫn tiêu hao năng lượng y như vậy, chỉ tiêu hao ít hơn lúc tỉnh táo một chút! Vì sao? Động tác chậm rãi, máu cũng tuần hoàn chậm rãi, chẳng nhanh như khi hoạt động lúc tỉnh táo, nên lượng tiêu hao cũng ít hơn. Sơ Thiên đã có bản lãnh này, huống gì Tứ Thiên Bát Định?

Người ta hễ nhập Định, một năm hoặc hai năm chẳng xuất Định cũng có! Xưa kia, lúc Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ cầu học, trên đường qua Tây Vực, gặp một người đang nhập Định. Người ấy nhập Định đã bao lâu chẳng ai biết, mặt đầy bụi bặm, tóc rất dài, chim làm tổ ngay trên mặt. Quý vị nghĩ xem, người ấy nhập Định trong thời gian bao lâu? Huyền Trang đại sư là bậc tái lai, chẳng phải là phạm nhân. Phạm nhân trông thấy cũng có lẽ tưởng là tượng đắp bằng đất sét, tôi đa là vái chào rồi bỏ đi, đâu có quan tâm tới? Huyền Trang đại sư đến gõ dẫn khánh bên tai người ấy, gõ chốc lát người ấy bèn xuất Định, mở mắt nhìn Huyền Trang đại sư: “Thầy gọi tôi xuất Định để làm gì?” Huyền Trang đại sư đáp: “Hai người chúng ta có duyên rất sâu. Nay tôi sang Ấn Độ thỉnh kinh, ông hãy nhanh chóng đầu thai nơi nước Đại Đường. Sau khi tôi quay về, ông sẽ làm đệ tử của tôi”. Cụ già ấy vâng lời, liền nhập diệt, thần thức đầu thai nơi Trung Hoa, tức là Khuy Cơ đại sư. Ngài Huyền Trang từ Ấn Độ trở về, thời gian trước, sau, lưu lại Ấn Độ tổng cộng mười chín năm. Khi Sư quay về, Khuy Cơ đại sư đã mười bảy, mười tám tuổi, là một người trẻ tuổi. Ngài Huyền Trang tìm được Khuy Cơ, bảo Khuy Cơ xuất gia. Khuy Cơ đầu thai cũng chọn một gia đình rất giàu có, làm cháu của Uất Trì Kính Đức (gọi Uất Trì Kính Đức, tức Uất Trì Cung, bằng chú). Uất Trì Kính Đức là đại tướng của Đường Thái Tông, được phong hầu⁸². Nếu Huyền Trang đại sư chẳng phải là bậc tái lai, Ngài làm sao biết được? Thuở đó, Huyền Trang đại sư tuổi tác cũng không cao, khi Ngài qua Tây Vực cầu học cũng chỉ hai mươi mấy tuổi. Những vị này đều là bậc tái lai, sự tích được ghi chép trong truyện ký. Có thể thấy là người nhập Định sanh tử tự tại đều là đại Bồ Tát tái lai, chắc chắn chẳng phải là phạm nhân, các Ngài muốn đi lúc nào thì đi, muốn đầu thai nơi đâu bèn đầu thai nơi đó, tự tại dường ấy. Tổ sư đời thứ nhất của Pháp Tướng Duy Thức Tông Trung Hoa là Khuy Cơ đại sư.

Tứ Thiên Bát Định chẳng thể thoát khỏi tam giới, chẳng có cách nào liễu sanh tử, nhất định phải tiếp tục không ngừng nâng cao công phu, tiến cao hơn một tầng nữa, biến thành Đệ Cửu Định. Trong tam giới chẳng có Đệ Cửu Định, cao nhất trong tam giới là Đệ Bát Định. Vì vậy,

Đệ Cửu Định thoát khỏi tam giới, chứng quả A La Hán. A La Hán và Bích Chi Phật đều tu Đệ Cửu Định. Chư vị phải biết: Phật môn gọi sự tu học ấy là “*thụ xuất*” (thoát khỏi tam giới theo chiều dọc), hết sức khó khăn! Lại thừa cùng chư vị, trừ pháp môn Tịnh Độ ra, các pháp môn khác đều là thụ xuất, đều thoát khỏi tam giới theo cách ấy. Vượt thoát như vậy, quý vị nghĩ xem: Khó lắm! Tịnh Độ Tông thuận tiện vì chẳng phải là thụ xuất, mà là “*hoành siêu*” (vượt tam giới theo chiều ngang), [tức là] từ nhân đạo thoát ra, chẳng phải là thụ xuất từ nơi đây. Cỏ nhân dùng con sâu ở trong cây trúc để tỷ dụ. Cây trúc có từng lóng một, Tứ Thiên Bát Định giống như cây trúc có chín đốt. Con sâu từ bên trong đục ra, đục từng lóng một, nó phải cắn nát mới chui qua được, phải từ từ đục thủng cả chín mắt trúc, mới thoát ra từ phía trên. Dùng chuyện này để tỷ dụ: Phải đạt tới Đệ Cửu Định mới thoát ra. Vì thế, biết là thoát tam giới khó khăn. Tịnh Độ Tông chẳng phải là [thoát ra] ở phía trên, mà cắn thủng ra từ bên cạnh, cắn một lần đã thoát ra. Thông minh hơn, đỡ tốn sức hơn! Dưới đây là mô tả hình trạng của Định.

(Diễn) Thử Định thất thức hằng hành tâm tâm sở, lục thức chi bất hằng hành tâm tâm sở, tất giai diệt tận.

(演) 此定七識恆行心心所，六識之不恆行心心所，悉皆滅盡。

(Diễn: Đối với Định này, các tâm và tâm sở hằng hành tương ứng với thức thứ bảy và tâm, tâm sở bất hằng hành tương ứng với thức thứ sáu, thấy đều diệt hết).

Thức thứ bảy là Mạt Na Thức. Mạt Na Thức được gọi là “*hằng hành*”. “*Hằng*” (恆) là thường hằng, chẳng thay đổi. Tác dụng của thức thứ bảy là cố chấp, chấp trước, chấp trước điều gì? Chấp trước Ngã. Ngã Kiến, Ngã Chấp là thức thứ bảy. “*Tâm sở*” là nói đến các tâm sở tương ứng với thức thứ bảy, vì nó hết sức chấp trước, nên các tâm sở tương ứng với nó cũng không nhiều. Thức thứ sáu là phân biệt, chẳng chấp trước. Do phân biệt, nên nó chẳng thường hằng. Thức thứ bảy luôn suy xét, cân nhắc! Tâm sở của thức thứ sáu vô cùng nhiều, gần như tất cả tâm sở đều tương ứng với thức thứ sáu. Nói theo Bách Pháp, thức thứ sáu tức ý thức tương ứng với năm mươi một tâm sở hữu pháp.

Các tâm sở tương ứng với thức thứ sáu và thức thứ bảy đều chẳng khởi tác dụng, “*tất giai diệt tận*” (thấy đều diệt tận). “*Độc hữu bát thức,*

có viết diệt tận” (Chỉ có thức thứ tám, nên nói là diệt tận). Thức thứ tám còn tồn tại. Chỗ này là nói rõ cái được gọi là “*chuyển tám thức thành bốn trí*” trong Đại Thừa Phật pháp, công phu đã đạt tới giới hạn, muốn chuyển nhưng chẳng có cách nào chuyển được. Vì sao người ấy chẳng có cách nào chuyển được? Còn có chấp trước vi tế, chúng ta thường nói là “*tập khí Tiểu Thừa*”. Người ấy đã thật sự bỏ được tâm sở nơi tâm, nhưng chưa đoạn tập khí, đây là chỗ khó khăn trong sự tu học của hàng Tiểu Thừa, chẳng được nhanh chóng như Đại Thừa. Trong Đại Thừa, đặc biệt là người căn tánh viên đốn, tâm lượng to tát, đối với hết thảy mọi sự, có thể thấy thấu suốt, buông xuống, chẳng tính toán, so đo chi ly, chẳng ghim mãi trong lòng, người Hoa thường nói là “*phóng khoáng*”. Người phóng khoáng tu học Đại Thừa dễ dàng, tu Tiểu Thừa sẽ khó khăn. Vì sao? Tiểu Thừa thứ gì cũng chấp trước, giữ chặt từng điều giới luật một, người Đại Thừa cảm thấy rất phiền phức, chẳng dễ dàng tu học. Người tu học Tiểu Thừa, do tập khí Tiểu Thừa, thấy hàng Đại Thừa gai mắt: “*Các người tu hành cái quái gì vậy?*”

Thời cổ, hai vị Khuy Cơ và Đạo Tuyên luật sư tương phản tột bậc. Đạo Tuyên luật sư cũng là một người rất lỗi lạc. Trong mười tông phái tại Trung Hoa, Ngài là tổ sư khai sơn của Luật Tông, giới luật tinh nghiêm, trời người đều tôn kính. Người trì giới hàng ngày ăn một bữa, cảm động thiên thần đến dâng cơm. Mỗi buổi ngọ trai do thiên thần đến cúng dường. Pháp sư Khuy Cơ là người tu hành phóng khoáng, chẳng câu nệ tiểu tiết. Tuy là Bồ Tát, nhưng đầu thai thì vẫn bị mê khi cách ám. Huyền Trang đại sư thấy Ngài, khuyên Ngài xuất gia, Ngài vẫn không muốn. Về sau, vâng lời, nhưng đặt điều kiện, vì Ngài từ nhỏ sống trong cung đình, chú được phong hầu, là con cháu nhà vương hầu, từ nhỏ đã quen thói được bao nhiêu cung nữ hầu hạ. Nay phải xuất gia, Ngài nói: “*Khi con xuất gia, phải chở theo một xe mỹ nữ hầu hạ con, phải chở theo một xe vàng, phải chở theo một xe sách*”. Do vậy, người ta gọi Ngài là “*tam xa pháp sư*”, thuyết pháp rất giỏi, biện tài vô ngại! Đạo Tuyên luật sư đương nhiên rất bội phục, nhưng cũng có chỗ xem thường. Vì sao? Giới luật chẳng nghiêm! Giáo lý rất thông thạo, thuyết pháp rất giỏi, nhưng trì giới chẳng ra làm sao cả!

Có một hôm, Khuy Cơ đại sư đi qua núi Chung Nam, tiện dịp đến bái phỏng Đạo Tuyên luật sư. Đạo Tuyên luật sư nghĩ, giữa trưa sẽ có thiên thần đến cúng dường, có thể khoe khoang với pháp sư Khuy Cơ một chút: “*Người thấy ta giới luật tinh nghiêm, chư thiên đều đến cúng dường*”. Nào ngờ, hôm đó, thiên thần chẳng đến cúng dường. Đạo Tuyên

luật sư rất thất vọng, ngày hôm đó cũng chẳng dùng cơm. Tới hôm sau, giữa trưa, thiên thần lại đến cúng dường. Ngài liền quở trách vị trời đó: “Sao hôm qua ông chẳng cúng dường cho ta?” Thiên thần liền thưa: “Ngày hôm qua có bậc Đại Thừa Bồ Tát ở trên núi này, khắp núi đều là thần hộ pháp, con không dám tiến vào”. Đạo Tuyên luật sư nghe lời ấy, hết sức hổ thẹn, khắp thân toát mồ hôi, mới biết chính mình chẳng bằng kẻ khác!

Giới Đại Thừa và giới Tiểu Thừa khác nhau. Giới Tiểu Thừa coi trọng sự tướng, chẳng thể vi phạm về mặt sự tướng, trong tâm khởi vọng niệm, họ chẳng quan tâm. Giới Tiểu Thừa kết tội luận theo Sự, chẳng luận tâm. Giới Đại Thừa là luận tâm, chẳng luận sự. Trong hai loại giới ấy, giới Đại Thừa khó trì! Giới Tiểu Thừa chỉ cần chẳng phạm về mặt Sự, đúng quy củ chẳng phạm là được rồi! Giới Đại Thừa xét theo khởi tâm động niệm. Vì thế, tâm địa hàng Đại Thừa thanh tịnh, trong hết thảy cảnh giới, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Tam Học Giới, Định, Huệ niệm niệm trọn đủ, Tiểu Thừa kém xa, chẳng thể sánh bằng!

Hàng Tiểu Thừa chẳng thể chuyên tám thức thành bốn trí, then chốt ở ngay chỗ này. Họ chú trọng sự tướng đã thành thói quen, hễ bảo họ cởi mở, họ hết sức chẳng dám, chẳng có cách nào [cởi mở] được! Do vậy, trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói, nói theo cách hiện thời là “tiên đoán”, [cổ nhân nói là] đức Phật “*huyền ký*”: Thời kỳ Mạt Pháp, để hoàng dương Phật pháp thì hãy nên hoàng dương Đại Thừa. Chúng ta ngẫm lại, hiện thời, lời ấy rất có lý, khế cơ, khế lý! Vì trong xã hội hiện đại, chúng ta gọi là xã hội cởi mở, Đại Thừa là cởi mở, Tiểu Thừa là bảo thủ. Vì thế, Tiểu Thừa hết sức thích hợp với xã hội phong kiến, ai nấy vâng theo nề nếp, tuân theo quy củ. Trong xã hội hiện tại, ngôn luận, tư tưởng tự do, Đại Thừa Phật pháp hết sức thích hợp. Nếu quý vị nói với đại chúng rằng [Phật pháp] chẳng tính toán tiểu tiết chi ly, [họ sẽ nghĩ] được lắm! Rất được hoan nghênh, rất dễ tiếp nhận. Cầm lấy giới luật Tiểu Thừa, trước kia tôi có mấy người bạn đọc kinh Phật, vừa xem đến Sa Di Luật Nghi: “Làm sao mà học được! Cứ hờ ra liền phạm giới, thôi đi, tôi không học!” Tức là chẳng thích hợp với thời đại này! Vì thế, khế hợp căn cơ thời đại này nhất là Đại Thừa Phật pháp. Đại Thừa Phật pháp viên dung hơn Tiểu Thừa Phật pháp. Nói thật ra là tu học sống động, nhưng phải thật sự dụng công, phải dụng công ngay nơi tâm địa của chính mình, tu giác, tu chánh, tu tâm thanh tịnh.

(Diễn) Đắc thứ Định giả, lục căn hư tĩnh, vô phục trì dật, nội ngoại tràm minh, nhập vô sở nhập, chân an hòa thích duyệt chi cực, cố dĩ dụ vi phong xuy thân.

(演) 得此定者，六根虛靜，無復馳逸，內外湛明，入無所入，真安和適悅之極，故以喻為風吹身。

(Diễn: Người đắc Định này sáu căn rỗng rang, vắng lặng, chẳng còn rong ruổi, buông lung, trong ngoài tĩnh lặng, sáng suốt, nhập vào chỗ không có gì để nhập, thật sự an hòa, thoải mái, vui sướng cùng cực, nên tỷ dụ như được gió [êm dịu] thổi vào thân).

Phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng nổi niềm vui sướng trong Diệt Tận Định. Không chỉ là Diệt Tận Định, mà đắc một chút Thiền Định, kinh thường nói là “*pháp hỷ sung mãn*”. Cảnh giới cao hơn pháp hỷ là Thiền Duyệt. Thiền Duyệt làm thức ăn: Người đắc Sơ Thiền trở lên chẳng cần ăn uống. Chúng ta phải cậy vào thức ăn để duy trì sanh mạng, từ Sơ Thiền Thiên trở lên bèn không cần, vì sao? Họ có Thiền Duyệt, dùng Thiền Duyệt để bồi đắp, nuôi dưỡng sanh mạng. Vì Tứ Thiền Thiên là Sắc Giới, Sắc Giới có thân thể, chẳng cần ăn uống, ngủ nghỉ! Năm món dục tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ họ đều chẳng cần tới. Vẫn chưa thoát khỏi năm thứ ấy thì là Dục Giới. Quan trọng nhất đối với sanh mạng của chúng ta là ăn uống và ngủ nghỉ. Chúng ta chẳng ăn cơm, chẳng ngủ nghỉ, sẽ không xong, người ta do công phu ấy nên có thể chẳng cần phải ngủ. Nhập Định chẳng phải là ngủ nghỉ, đầu óc tỉnh táo, chẳng phải là hôn trầm, hiểu biết rành rẽ, phân minh. Trong Định có cảnh giới, cảnh giới ấy sung sướng vô cùng. Ngay cả Sơ Thiền mà còn đạt được Thiền Duyệt pháp hỷ, huông hồ Cửu Thứ Đệ Định, công phu cao hơn chín tầng! Trong kinh, đức Phật đã sánh ví cảnh giới ấy với cảm xúc và sự thoải mái do gió thổi tới thân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Tắc diệt bất thuyết pháp chi thuyết pháp dã*” (Đây cũng là cách thuyết pháp bằng việc không thuyết pháp): Tuy chẳng nói là thuyết pháp, nhưng gió thổi tới thân, có thể đạt được sự thoải mái giống như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định. Trong Diệt Tận Định có cảnh giới, gió ấy thổi tới thân cũng giống như cảnh giới nhập Định, đó là “*chẳng nói mà nói*”.

(Sớ) Hựu thứ bảo thụ đẳng, tam chủng bảo trung, kim thị tối thắng, năng tác Phật sự cố.

(疏) 又此寶樹等，三種寶中，今是最勝，能作佛事故。

(Sớ: Lại nữa, các cây báu ấy, so trong ba thứ báu, bên là thù thắng nhất, vì có thể làm Phật sự).

Đại sư lại vì chúng ta nói cặn kẽ về cây báu.

(Sao) Trí Luận ngôn, bảo hữu tam chủng.

(鈔) 智論言，寶有三種。

(Sao: Đại Trí Độ Luận nói có ba thứ báu).

Giải thích ba thứ báu, đây là điều được nói trong Đại Trí Độ Luận.

(Sao) Nhất nhân bảo giả, Luân Vương chi bảo, năng vũ chư vật.

(鈔) 一人寶者，輪王之寶，能雨諸物。

(Sao: Một là vật báu trong nhân gian, tức vật báu của Luân Vương, có thể tuôn ra các vật).

Chúng ta chưa hề thấy “Luân Vương chi bảo”, cũng chưa từng nghe nói tới, vì trong giai đoạn hiện tại, thế giới này chẳng có Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương là người có phước báo lớn nhất trong thế gian, nhà vua có vật báu. Vật báu “*năng vũ chư vật*” (có thể tuôn ra các vật). Nói theo cách hiện thời, “vũ” (雨) là “sanh ra”. Chư vị có lẽ hiểu được ý nghĩa này, vật báu ấy là gì? Cỗ máy! Đối với cỗ máy, bỏ nguyên liệu vào đầu này, đầu kia sẽ ra thành phẩm, đó là ý nghĩa “có thể tuôn ra các thứ báu”. Đương nhiên Luân Vương xuất hiện, nhất định là khoa học kỹ thuật càng phát triển. Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi khoa học kỹ thuật đạt đến tột đỉnh trong tận hư không khắp pháp giới. Một chút khoa học kỹ thuật nhỏ nhoi của chúng ta trong hiện thời còn sanh ra những tác dụng phụ rất lớn, khiến cho môi trường bị ô nhiễm. Người ta ở bên đó sản xuất đủ thứ vật dụng hằng ngày, chắc chắn chẳng bị ô nhiễm. Lại còn là biến hóa thuận theo lòng mong muốn. Nay chúng ta vẫn chẳng thể thuận theo lòng mong muốn, sản phẩm đâu tốt cách mấy, sau khi sử dụng một khoảng thời gian đều bị trục trặc, bên cỗi của người ta chắc chắn chẳng có tình hình này. Vật báu của Luân Vương thuộc tình hình này, là một cỗ máy tinh vi, tất nhiên là có thể tích nhỏ,

thao tác dễ dàng, chẳng có tác dụng phụ, có thể chế tạo những vật dụng hằng ngày thật tinh xảo, đẹp đẽ. Có ý nghĩa này! Thứ hai là...

(Sao) Nhị, thiên bảo giả, chư thiên chi bảo, năng tùy sử lệnh.

(鈔) 二天寶者，諸天之寶，能隨使令。

(Sao: Hai là vật báu trong cõi trời, là vật báu của chư thiên, có thể sai khiến tùy ý).

Thiên đạo cũng là một loại chúng sanh, phước báo của chư thiên lớn hơn nhân gian chúng ta. Chẳng biết phước báo của thiên vương cõi trời to hơn phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương trong nhân gian bao nhiêu lần! “*Thiên bảo, năng tùy sử lệnh*” [nghĩa là có thể tùy thuận sự sai khiến], thuận theo ý của con người. Ở đây, quá nửa là nói về Dục Giới Thiên, vì Dục Giới Thiên hoàn toàn chưa lia khỏi tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, bất quá là càng lên cao hơn, ý niệm ấy càng nhạt mỏng. Đối với các thứ thụ dụng vật chất, có thể thỏa ý mọi người. Theo kinh điển, chúng ta thấy Đạo Lợi Thiên mới là tầng trời thứ hai, thường được gọi là Địa Cư Thiên [vì cõi trời ấy] còn chưa rời khỏi núi Tu Di. Trong kinh đức Phật đã nói về trạng huống cuộc sống của chư thiên rất rõ ràng. Nếu chư vị ngại tra duyệt kinh điển phiền phức, hãy xem Pháp Uyển Châu Lâm, hoặc Kinh Luật Di Tướng⁸³. Hai loại sách ấy do các vị đại đức đời Đường đã biên tập từ hết thảy các kinh luận, chia thành một trăm loại. Những điều được nói trong kinh luận nếu cùng thuộc một loại đều chép vào cùng một chỗ, quý vị vừa xem liền thấy toàn bộ. Quý vị muốn xem về đời sống của chư thiên Đạo Lợi Thiên, hãy mở đến chương ấy, những điều kinh luận nói về Đạo Lợi Thiên đều được biên chép cùng một chỗ, quý vị có thể thấy được.

Chư thiên cõi Đạo Lợi mặc quần áo tự tại hơn chúng ta. Quần áo của chúng ta phải cắt may, họ chẳng cần cắt may y phục. “*Thiên y vô phùng*” (Áo trời không cắt may), chẳng cần cắt may, chất liệu lại vô cùng mềm nhẹ, mặc vào thoải mái lắm! “*Phiêu phiêu dục tiên*” (Bồng bồng dờng dờng như lên tiên) chính là nói đến ý nghĩa này. Nó có thể giữ ấm, màu sắc vô cùng tươi đẹp, chẳng cần giặt, vĩnh viễn chẳng dơ bẩn, chẳng có bụi bặm. Nếu quần áo của họ dính bụi bặm, vị trời ấy sắp hết thọ mạng. Bảy ngày trước khi vị trời ấy hết tuổi thọ, sẽ có hiện tượng ấy. Trước khi chỉ còn sống được bảy ngày, chẳng có hiện tượng ấy. Chư thiên chẳng ngã bệnh. Chư thiên thích cài hoa, bất luận nam hay nữ, trên mũ đều cài hoa, toàn là hoa tươi, hết sức tươi đẹp. Bảy ngày trước khi

mạng chung, hoa khô héo, quần áo dơ bẩn, khi ấy họ vô cùng hoảng sợ, hết sức đau khổ, biết chính mình chẳng còn sống được bao lâu. Thức ăn của họ cũng là thức ăn trăm vị. Đức Phật nói tình hình cuộc sống tại Biên Địa Nghi Thành của Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như Đạo Lợi Thiên hoặc Dạ Ma Thiên, tự tại y hệt. Đúng là “*ngĩ đến áo bèn có áo, nghĩ tới ăn bèn có ăn*”, nhưng Đạo Lợi và Dạ Ma có lúc mạng chung, Biên Địa Nghi Thành trong Tây Phương Cực Lạc chẳng có lúc mạng chung. Cho tới năm trăm năm, hoa nở thấy Phật, cảnh giới ngày càng tốt đẹp hơn. Vì vậy, thọ mạng của chư thiên tuy dài, vẫn có ngày chấm dứt. Thứ ba là...

(Sao) Tam Phật Bảo giả, năng ư thập phương nhi tác Phật sự, kim năng thuyết pháp. Thị vi bảo trung tối thắng, xuất quá nhân thiên cố.

(鈔) 三佛寶者，能於十方而作佛事，今能說法，是為寶中最勝，出過人天故。

(Sao: Ba là Phật Bảo, có thể làm Phật sự trong mười phương, nay có thể thuyết pháp. Đây là vật thù thắng nhất trong các món báu, vượt trời trời người).

Dù là bảo vật trong nhân gian hay cõi trời, chỉ có thể thỏa mãn nhu cầu vật chất, [giúp cho chúng ta] hưởng thụ vật chất, chúng chẳng thể thuyết pháp, chẳng thể khiến cho chúng ta giác ngộ, chẳng thể khiến cho chúng ta minh tâm kiến tánh. Vì thế, báu vật của trời người đều thua kém Phật Bảo, Phật Bảo mới là “*bảo trung tối thắng*” (vật thù thắng nhất trong các vật báu). Đây là giải thích [vì sao Phật Bảo] là thù thắng trong ba thứ báu.

(Sớ) Hựu Phật đạo thụ thuyết pháp, kim bất ngôn giả, diệc văn tĩnh cố, lệ tiền trì thủy giai thuyết pháp cố. Hựu Hoa Nghiêm, Bát Nhã đẳng, giai hữu thử nghĩa.

(疏) 又佛道樹說法，今不言者，亦文省故，例前池水皆說法故，又華嚴般若等，皆有此義。

(Sớ: Lại nữa, cây đạo tràng của Phật có thể thuyết pháp, nhưng nay kinh chẳng nói, cũng do kinh văn tĩnh lược. Phỏng theo lệ trên, nước trong các ao đều thuyết pháp. Các kinh như Hoa Nghiêm, Bát Nhã v.v... lại đều có ý nghĩa này).

“*Đạo thụ*” là cây nơi đạo tràng. Chúng ta đã đọc từ kinh Vô Lượng Thọ thấy đó là những cây mọc quanh giảng đường thuyết pháp của A Di Đà Phật. Những rừng cây ấy, nói thật ra, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng, do những cây ấy ở gần bên A Di Đà Phật, nên kinh đặc biệt nói tới chúng. Nhưng chư vị phải ghi nhớ, ca ngợi A Di Đà Phật, ca ngợi hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật, cũng là nhằm bảo chúng ta: Trong tương lai, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn cảnh cư trụ sẽ tốt đẹp dường ấy. Đây là chỗ khác nhau giữa tông này và các tông khác. Các tông khác tu học có thứ tự, quả báo có đẳng cấp. Trong tông này, tu cái nhân chẳng có thứ tự. Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, Quán Âm cũng do niệm câu A Di Đà Phật mà vãng sanh. Các Ngài đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng nhờ tín nguyện trì danh. Nay chúng ta tuy một phẩm phiền não chẳng đoạn, nhưng cũng do niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật mà vãng sanh, nên chúng ta tu nhân bình đẳng với các Ngài. Nếu quý vị hỏi: “Vì sao thế giới ấy bình đẳng?” Nhân đã là bình đẳng, đương nhiên quả báo bình đẳng, điều này phù hợp với chân lý được nói trong Phật pháp. Các pháp môn khác đích xác là cái nhân bất bình đẳng, nên quả đương nhiên là bất bình đẳng. Ví như ta phá tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, người khác phá tám mươi một phẩm Tư Hoặc, do cái nhân bất bình đẳng, sẽ chứng quả khác nhau. Phá tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chỉ có thể chứng quả Tu Đà Hoàn. Lại lên cao hơn một bước, sẽ phá tám mươi một phẩm Tư Hoặc, chứng quả A La Hán. Quả A La Hán và Tu Đà Hoàn tuyệt đối chẳng bình đẳng, do tu nhân khác nhau.

Nay chúng ta cùng với chư Phật, Bồ Tát, trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới cho tới địa ngục chúng sanh, chúng ta tu nhân toàn là bình đẳng, Tín, Nguyện, Trì Danh, ba điều kiện vãng sanh Tịnh Độ ấy hoàn toàn bình đẳng, cho nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thụ dụng y báo và chánh báo cũng hoàn toàn bình đẳng. Tuy hoàn toàn bình đẳng, nhưng trong tâm thì một đẳng là tâm thanh tịnh, một đẳng là tâm còn có phiền não. Đây là sự thật, chẳng còn phải bàn cãi chi nữa! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ dần dần đoạn; vì thế, nói với quý vị có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm là nói theo nội tâm, chẳng phải là nói theo hoàn cảnh; đối với hoàn cảnh, quyết định chẳng có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Chúng ta vãng sanh là “*hoành siêu tam giới*”, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn “*hoành sanh tứ độ*”. Đức Phật trụ trong cõi Thường Tịch Quang, Bồ Tát trụ trong cõi Thật Báo

Trang Nghiêm. Bồ Tát chưa phá vô minh, trụ trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Những kẻ giống như chúng ta, một phẩm Kiến Tư phiền não chưa đoạn, trụ trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư; nhưng người trong bốn cõi ấy, hằng ngày cùng nắm tay nhau. Đó là nói “*hoành sanh tứ độ*”. Phải hiểu nguyên lý này, quý vị mới biết pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

---o0o---

Tập 180

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi bảy:

(Sao) Đạo thụ giả, Đại Bốn ngôn: “Phật đạo tràng thụ, chúng bảo trang nghiêm, bảo vô lượng pháp âm thanh, biến chư Phật sát, chúng sanh văn giả, đắc thâm Pháp Nhân, trụ Bất Thoái Chuyển, dĩ chí thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”.

(鈔) 道樹者，大本言：佛道場樹，眾寶莊嚴，寶網覆上，微風徐動，出無量妙法音聲，遍諸佛刹，眾生聞者，得深法忍，住不退轉，以至成就無上菩提。

(Sao: “Cây đạo tràng”: Kinh Đại Bốn nói: “Cây đạo tràng của Phật, trang nghiêm bằng các thứ báu, lưới báu phủ lên trên. Gió nhẹ khẽ lay động, phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp vang vọng khắp các cõi Phật. Chúng sanh nghe tiếng bèn đắc Pháp Nhân sâu, trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề).

Đây là giải thích câu “*hựu Phật đạo thụ thuyết pháp*” (cây đạo tràng của Phật lại thuyết pháp) trong lời Sớ, chuyện này được nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Không chỉ là các cây đạo tràng gần giảng đường của A Di Đà Phật, mà toàn thể các hàng cây ở khắp nơi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng khác gì những cây ở đạo tràng. Khi chúng ta đọc Đại Kinh đã thấy hiện tượng này. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng, nếu chánh báo bình đẳng, tướng mạo và dung nhan của chúng ta hoàn toàn giống với A Di Đà Phật, hoàn cảnh cư trụ của chúng ta đương nhiên sẽ chẳng khác biệt A Di Đà Phật. Nếu

có sai biệt, chẳng thể coi thế giới ấy là một thế giới bình đẳng. Dầu là hạ phẩm hạ sanh, y báo và chánh báo trang nghiêm đều giống như chư Phật, Bồ Tát.

“Phật đạo tràng thụ, chúng bảo trang nghiêm” (Cây đạo tràng của Phật được trang nghiêm bằng các món báu), vì Tây Phương đều là do các thứ báu hợp thành. Đôi khi kinh nói là bảy báu. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư nói: Do người thế gian chúng ta coi những thứ ấy là quý báu, nghĩ chúng vô cùng trân quý, nên [kinh văn] nêu đại lược bảy thứ. Trên thực tế, trân bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng vô biên. Trên mỗi cây đều có phủ *“la võng”*, đẹp đẽ dị thường! Quán Kinh có nói: Những lưới mảnh ấy còn tỏa ra ánh sáng, trong quang minh lại hóa hiện Phật. Cảnh giới ấy quá đẹp đẽ. Các cõi nước của mười phương chư Phật lại còn hiện bóng rõ rệt trong ánh sáng của lưới mảnh, giống như chúng ta xem TV, có thể thấy các thế giới của hết thầy chư Phật trong những phương khác. Đương nhiên, địa cầu trong thế giới Sa Bà cũng ở trong ấy. Đôi với một hội của chúng ta ở đây trong hiện thời, chúng ta giảng kinh và nghe kinh ở đây, họ cũng thấy rõ ràng trong lưới báu, họ thấy rõ hình dáng của mỗi người chúng ta.

“Vi phong từ động, xuất vô lượng diệu pháp âm thanh” (Gió nhẹ khẽ thổi, phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp): Gió thổi qua cây, cành va vào nhau, lá chạm lẫn nhau, đều phát ra âm thanh. Âm thanh du dương là một chuyện khác, càng màu nhiệm hơn là những âm thanh ấy có thể thuyết pháp. Thuyết pháp gì? Chúng ta muốn nghe pháp gì, nó liền nói pháp ấy, đích xác là màu nhiệm. Trong thế gian này, chúng ta chỉ đọc trong kinh Đại Thừa [thầy nói]: *“Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều hiểu”*. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô tình thuyết pháp. Cây cối là vô tình, thực vật cũng có thể thuyết pháp. Cây báu trổ khắp Tây Phương quốc độ, nên thuyết pháp cũng là trổ khắp mỗi góc của Tây Phương. Càng màu nhiệm hơn là dưới mỗi cội cây báu đều có hóa thân của Tây Phương Tam Thánh. Đến nơi ấy, đúng là không lúc nào, không chỗ nào chẳng thấy A Di Đà Phật. Chẳng như trong thế gian này, địa phương quá lớn, Tổng Thống chỉ ở Thủ Đô, các nơi biên địa chẳng trông thấy, tối đa là nhìn thấy phút chốc trên TV. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật hóa thân, hóa thân trổ khắp quốc độ, hóa hiện thân giống hệt như bản thân Ngài. Cũng có thể nói là quý vị lúc nào, chỗ nào, cũng đều thấy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chẳng rời quanh ta. Đúng là màu nhiệm chẳng thể diễn tả được!

Sau khi chúng sanh nghe Phật pháp, “*đắc thâm Pháp Nhân*” (đắc Pháp Nhân sâu xa); đây là lợi ích thù thắng do nghe pháp mà đạt được, đắc Pháp Nhân rất sâu. Câu này, nói theo thực tế là phẩm vị của chúng ta được nâng cao. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu xét theo cách nói thông thường, xét theo trình độ, quả thật có năm mươi hai đẳng cấp, từ địa vị Sơ Tín cho đến địa vị Diệu Giác. Thường xuyên nghe pháp, sẽ dần dần nâng cao phẩm vị của chính mình, từ địa vị Thập Tín đạt đến Thập Trụ, từ Thập Trụ đạt đến Thập Hạnh, từ Thập Hạnh đạt đến Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Ở đây, chúng ta phải chú ý là “nghe pháp”. Vì sao tu hành trong mười phương thế giới bị thoái chuyển? Do chẳng nghe pháp. Không nghe pháp sẽ dễ dàng thoái chuyển, vì sao? Đừng nói là từ quá khứ vô lượng kiếp tới nay, nói ngay trong một đời này, từ lúc chúng ta hiểu chuyện cho đến hiện tại, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài đều là ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, nên bất tri bất giác bị phiền não huân tập.

Xã hội hiện đại đã mất trật tự. Trong truyền thống từ xưa tại Trung Hoa, “trật tự” là đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. Cao nhất là đạo, đạo chẳng có thì còn có đức. Đức chẳng có thì lại nói đến nhân. Nhân cũng chẳng có, bèn nói tới nghĩa. Nghĩa chẳng có, bèn nói lễ. Lễ cũng chẳng có thì ôi thôi! Thiên hạ đại loạn. Theo sử sách Trung Hoa ghi chép, thời đại viễn cổ là thời Tam Hoàng Ngũ Đế⁸⁴, “*Tam Hoàng hành đạo, vô vi nhi trị*” (Tam Hoàng hành đạo, vô vi mà bình trị), thiên hạ thái bình. Đến Ngũ Đế, đạo đã mất, nhưng do định chế, điển chương, chế độ ước thúc, chẳng phải là vô vi nhi trị, bắt đầu hữu vi, bèn dùng đức, sử dụng đức để thu phục kẻ khác. Sau thời đại Ngũ Đế chính là Tam Vương, tức là Hạ, Thương, Châu, đức cũng đã mất, dùng nhân để cai trị, suy từ mình mà nghĩ đến người khác. Thời đại Tam Vương qua đi, đến thời Xuân Thu Chiến Quốc Ngũ Bá⁸⁵, bèn nói tới nghĩa khí, nói tới nghĩa. Sau khi thời đại Ngũ Bá qua đi, từ nhà Tần thống nhất mãi cho đến nhà Thanh đều là dùng Lễ để trị thiên hạ, lễ còn hiện diện. Hiện thời, lễ cũng không được nhắc tới, nên gọi là mất trật tự; vì thế, chúng sanh khổ sở!

Nếu tu đạo mà chẳng thể thường xuyên nghe pháp, tất nhiên là bị tập khí phiền não thế gian huân tập, há lẽ nào chẳng thoái chuyển? Tu hành trong đạo tràng thời cổ, mỗi ngày là “*hai thời giảng kinh*”. Một thời của Ấn Độ bằng bốn giờ hiện thời. Hai thời giảng kinh, mỗi ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ, rồi tu hành tám tiếng đồng hồ. Vì thế, mỗi ngày có mười sáu giờ công khóa, người ấy sẽ chẳng suy tưởng lung tung, vì sao? Có một chút thời gian bèn vội vã nghỉ ngơi một chút, tám giờ

còn lại vừa ăn cơm, làm lụng, ngủ nghỉ. Thuở đức Phật tại thế, [thời gian] ngủ nghỉ là bốn giờ. “*Trung dạ thùy miên*” (Ngủ vào lúc giữa đêm), nên họ chẳng bị hôn trầm. Trung dạ là gì? Từ mười giờ tối đến hai giờ sáng. Sơ dạ là từ sáu giờ tối đến mười giờ đêm. Trung dạ là mười giờ đến hai giờ. Hậu dạ là từ hai giờ đến sáu giờ sáng hôm sau. Thời gian ngủ nghỉ chỉ có trung dạ, đúng là tinh thần Đầu Đà, nghiêm túc nỗ lực. Họ phải nghe kinh tám tiếng đồng hồ, đó là giải môn; tu hành tám tiếng đồng hồ, tu hành thuở ấy là tĩnh tọa, niệm Phật, trì chú, ba loại lớn ấy. Nghe kinh trong giảng đường mỗi ngày tám tiếng đồng hồ. Đó là công khóa tu tập chủ yếu trong các tự viện, am đường thuở trước.

Đại khái, hành môn là đại đồng tiểu dị, giải môn thì mỗi tông phái chọn lựa kinh điển khác nhau. Ví như tông Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư cả một đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lần. Giảng năm mươi lần như thế nào? Giảng một bộ kinh từ đầu đến cuối tối thiểu phải là ba ngàn giờ, mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ. Một năm sẽ giảng viên mãn một bộ kinh. Năm sau lại giảng từ đầu. Lão nhân gia giảng lặp đi lặp lại năm mươi lượt, suốt năm mươi năm, đúng là phi thường! Lão nhân gia sống hơn trăm tuổi, một đời Ngài trải qua chín vị hoàng đế⁸⁶, là thầy của bảy vị hoàng đế, Ngài là quốc sư. Người đời sau tôn xưng Ngài là Hoa Nghiêm Bồ Tát. Ngài giảng năm mươi lượt, học trò học với Ngài bèn được huân tu từng lần một. Chư vị ngẫm xem: Lẽ đâu họ chẳng thành tựu? Thật sự phải có lòng kiên nhẫn, chẳng kiên nhẫn sẽ không được! Vì vậy, nghe pháp là điều tất yếu trong Tín, Giải, Hạnh của chúng ta. Tín được kiến lập trên cơ sở lý giải. Nếu giải thấu triệt, tín tâm tự nhiên kiên cố, tự nhiên chẳng bị dao động. Khó trách thuở ấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong nhân gian, thuyết pháp mỗi ngày, chẳng nghỉ ngơi ngày nào! “*Thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội*”, thật giống như mở Phật học giảng tòa. Trong bốn mươi chín năm, Ngài tổ chức hơn ba trăm lần. Vì thế, giảng và học hết sức trọng yếu.

Giải và Hành cùng thực hiện thì mới thật sự đạt được thành tựu, thành tựu là quả vị tăng cao hơn. Ở đây nói là “*đắc thâm Pháp Nhãn*”, vì sao lại hiểu câu này là tăng cao quả vị? Chúng ta đọc kinh Nhân Vương liền biết, đối với năm mươi hai địa vị Bồ Tát, kinh Nhân Vương đều dùng chữ Nhãn để nói, chia thành năm đẳng cấp. Năm đẳng cấp là phân chia sơ lược, tức Ngũ Nhãn Bồ Tát. Đầu tiên là Tín Nhãn, địa vị cuối cùng là Tịch Diệt Nhãn. Trước Tịch Diệt Nhãn là Vô Sanh Pháp Nhãn. “*Đắc thâm Pháp Nhãn*” là địa vị Bồ Tát không ngừng tăng cao

hơn. Nói theo Tịnh Độ Tông sẽ là phẩm vị tăng cao, mang ý nghĩa ấy. “*Trụ Bất Thoái Chuyển*”: Hạ phẩm hạ sanh cũng viên chứng ba món Bất Thoái. “*Dĩ chí thành tựu Vô Thượng Bồ Đề*” (Cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề): Đây là chứng Viên Giáo Phật quả, Vô Thượng Bồ Đề là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Sao) Kim bất ngôn giả, như tiền Sớ dẫn nhiếp hàng thụ trung, vị hàng thụ thượng năng thuyết pháp, Phật thụ ninh độc bất nhiên, cố viết “văn tĩnh”.

(鈔) 今不言者，如前疏引攝行樹中，謂行樹尚能說法，佛樹寧獨不然，故曰文省。

(Sao: “Nay chẳng nói”: Như lời Sớ trong phần trước đã nói điều này được gộp trong phần nói về hàng cây, nghĩa là: Hàng cây còn có thể thuyết pháp, lẽ đâu riêng cây của Phật lại chẳng như vậy, nên nói là “kinh văn tĩnh lược”).

Kinh Di Đà chẳng nói cây nơi đạo tràng thuyết pháp. Trong phần trước đã nói hàng cây thông thường có thể thuyết pháp, vậy thì cây nơi đạo tràng của A Di Đà Phật đương nhiên lại càng chẳng cần phải nói nữa! Đây là chuyện tĩnh lược nơi mặt văn tự. Tuy văn tự tĩnh lược, nhưng ý nghĩa xác thực là viên mãn.

(Sao) Hựu lệ suy chi, như tiền chỉ thuyết bảo trì, Sớ dẫn nhị bộ kinh văn, tức bảo thủy lưu diễn, giai thuyết diệu pháp cố.

(鈔) 又例推之，如前止說寶池，疏引二部經文，則寶水流衍，皆說妙法故。

(Sao: “Lại nữa, theo như đó mà suy”: Như trong phần trước chỉ nói đến ao báu, lời Sớ bèn trích dẫn kinh văn từ hai bộ kinh khác, chứng tỏ nước báu tuôn chảy đều có thể nói diệu pháp).

Kinh Di Đà nói đến ao bảy báu, Lời Sớ bèn trích dẫn kinh văn từ hai bộ kinh là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để chứng tỏ kinh nghĩa ở nơi đây đã bao hàm ý nghĩa như thế này: Nước cũng có thể thuyết pháp.

(Sao) Hựu lệ suy chi, như Đại Bản ngôn: Kỳ đạo tràng thụ, chúng sanh kiến giả, vô kỳ nhãn bệnh. Văn kỳ hương giả, diệc vô tỵ bệnh; thực kỳ quả giả, thiết diệc vô bệnh; thụ quang chiếu giả, thân diệc vô bệnh; quán tướng thụ giả, tâm đắc thanh tịnh, vô phục tham sân phiền não chi bệnh.

(鈔) 又例推之，如大本言：其道場樹，眾生見者，無其眼病；聞其香者，亦無鼻病；食其果者，舌亦無病；樹光照者，身亦無病；觀想樹者，心得清淨，無復貪瞋煩惱之病。

(Sao: “Lại theo lệ ấy mà suy” thì như kinh Đại Bản nói: “Cây đạo tràng ấy, chúng sanh hề trông thấy, chẳng bị bệnh mắt. Ngửi mùi hương ấy, chẳng bị bệnh mũi. Ăn quả cây ấy, lưỡi cũng chẳng bệnh. Được ánh sáng từ cây ấy chiếu đến, thân cũng chẳng bệnh. Quán tướng cây ấy, tâm được thanh tịnh, chẳng còn các bệnh tham, sân, phiền não”)

Cây này đúng là cây báu. Nay chúng ta bệnh tật rất nhiều, đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, bệnh gì cũng đều chẳng có. Thừa cùng chư vị, quý vị hãy buông hết thảy vạn duyên xuống, tưởng cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hề quý vị nghĩ tưởng thì bệnh gì cũng chẳng có. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Do đó, đọc kinh văn này, nghĩ tới kinh văn này thì kinh văn này thật sự có thể trị bệnh! Nói cách khác, tâm nhất định phải thanh tịnh. Những ý niệm trong tâm toàn là y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, há còn có bệnh gì nữa? Chẳng có bệnh! Nếu chúng ta niệm niệm tưởng quá khứ, tưởng vị lai, tưởng ngũ dục, lục trần trong thế gian, đương nhiên sanh bệnh, vì sao? Đó là bệnh căn, hằng ngày nghĩ tới bệnh căn, làm sao người không đổ bệnh cho được? Chúng tôi thấy nhiều người tu hành, không chỉ lúc bình thường chẳng ngã bệnh, mà lúc sắp mất cũng chẳng ngã bệnh, cao minh thay! Đó gọi là “*biết trước lúc mất*”, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, đi tự tại như vậy, chẳng bị bệnh đau khổ. Đối với sanh, lão, bệnh, tử, người ấy thật sự chẳng có lão khổ, chẳng có bệnh khổ, chẳng có tử khổ; sanh thì đã qua rồi, quên mất rồi. Hết thảy chúng sanh chẳng thể tránh bốn nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử ấy, người tu hành chẳng có. Bốn nỗi khổ ấy đều chẳng có, thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu quý vị muốn bất sanh, bất tử, chẳng lão, chẳng bệnh, hãy nương theo kinh điển này để tu hành. Người khác có thể làm được, có thể tu được, tôi tin tưởng chúng ta cũng có thể tu được, chỉ sợ quý vị chẳng chịu tu. Nếu quý vị chịu tu, chắc chắn là có thể đạt được!

Đối với các cây báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu đã đến thế giới Cực Lạc, chẳng cần phải nói gì nữa. Nay chúng ta tưởng, tưởng công đức của cây sẽ sanh ra hiệu quả. Một câu nói quan trọng nhất ở đây là “*tâm đắc thanh tịnh, vô phục tham sân phiền não*” (tâm được thanh tịnh, chẳng còn có tham, sân, phiền não) Nay chúng ta niệm kinh, tưởng cảnh giới trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tưởng công đức trang nghiêm của các cây báu, vì sao đạt được hiệu ứng? Do hiện thời quý vị “*tâm đắc thanh tịnh, vô phục tham sân phiền não*”, đạo lý ở chỗ này. Bản thân chúng ta có thể tu như vậy, được oai thần của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân gia trì, chúng ta hiện thời có thể thoát lìa nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, hiện thời chẳng có [những nỗi khổ ấy].

(Sao) Hựu vân: Kiến thử thụ giả, đắc tam Pháp Nhân.

(鈔) 又云：見此樹者，得三法忍。

(Sao: Lại nói: “Người thấy cây ấy, sẽ đắc ba Pháp Nhân”).

“*Tam Pháp Nhân*” sẽ được chú giải dưới đây bằng kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ:

1) “*Nhất, Âm Hưởng Nhân, nhân văn thánh giáo đắc ngộ nhập cố*” (Một là Âm Hưởng Nhân, do nghe thánh giáo mà được ngộ nhập). Chúng sanh trong thế giới Sa Bà, Nhĩ Căn nhạy bén nhất trong lục căn. Trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông, đã nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Âm Hưởng (音響) là pháp âm. Sau khi nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật, tập khí phiền não của chính mình dần dần tiêu mất. Đó là loại Nhân thứ nhất.

2) Công phu tăng lên tới giai đoạn thứ hai: “*Nhi, Nhu Thuận Nhân, chiết phục phiền não toàn bất khởi cố*” (Hai là Nhu Thuận Nhân, chiết phục phiền não, khiến chúng hoàn toàn chẳng dậy lên). Nhìn theo giai đoạn tu hành trong Tịnh Tông thì Âm Hưởng Nhân là công phu thành phỉến, Nhu Thuận Nhân là Sự nhất tâm bất loạn, phiền não hoàn toàn chẳng dậy lên.

3) “*Tam, Vô Sanh Pháp Nhân, vô sanh chi Lý nhân khả u tâm cố*” (Ba là Vô Sanh Pháp Nhân, tâm có thể nhẫn lý Vô Sanh). Đây là Lý nhất tâm bất loạn. Ở đây gọi ba loại công phu Niệm Phật là ba thứ Nhân.

Nếu chúng ta muốn công phu thành phiền thì “*đọc tụng, thọ trì, vì người khác diễn nói*” rất quan trọng. Nói thật ra, hiện nay, thời gian huân tập của chúng ta vẫn chẳng đủ, thời gian huân tập quá ít. Tuy đạo tràng này mỗi tuần giảng kinh bốn lần, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi, nhưng trong hai mươi bốn giờ, chỉ có một tiếng rưỡi huân tập Phật pháp, còn hai mươi hai giờ rưỡi là tham, sân, si, mạn phiền não huân tập, tính toán kiêu nào đây? Rất khó thành tựu! Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, chỉ cần có lúc rảnh rỗi, hãy niệm Phật, học thuộc kinh, niệm kinh, nhằm bổ túc sự thiếu sót trong nghe pháp, khiến cho thời gian huân tập Phật pháp được dài hơn. Nói nghiêm ngặt, mỗi ngày chúng ta nếu niệm Phật, tụng kinh, nghe pháp mười hai giờ, hãy còn mười hai giờ là hôn trầm, phiền não, công phu là năm mươi phần trăm, có thể thành tựu hay không, vẫn chẳng đáng trông cậy cho lắm! Phương pháp như của cổ nhân thì đáng tin cậy, vì sao? Hai phần ba là huân tập Phật pháp, [thời gian] chẳng thể huân tập Phật pháp chỉ có một phần ba. Mỗi ngày họ công phu mười sáu giờ, đích xác là nắm rất vững!

Nay nếu chúng ta có một đạo tràng như vậy, chỉ sợ chẳng có một đồng tu nào đến đó, chẳng ai tới cả! Đạo tràng hiện thời sắp đặt càng lắm tiết mục xen tạp thì người càng đông: Ca hát, khiêu vũ, cắm hoa, thật nhiều bộ môn, náo nhiệt phi phàm, giống như cái chợ, môn đình như cái chợ. Còn như chúng ta ở đây, giảng kinh khô khan, vô vị, người đến chẳng nhiều lắm, chẳng náo nhiệt phô trương như chỗ của họ. Đạo tràng giống như cổ nhân, người hiện tại càng chẳng có. Khó trách lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vài ba lượt bảo chúng tôi: “*Đồng tu quý tinh chuyên, chẳng cần đông*”. Dăm ba người chẳng kể là ít, thật sự có đạo tâm, thật sự có thể vãng sanh, đó là đúng. Chúng ta xem sách Tây Phương Xác Chỉ, học trò của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát là mười hai người, tuy đạo tràng nhỏ, nhưng thật sự đắc thụ dụng.

(Sao) *Tắc tri thụ sắc hương vị, giai diệc diễn sướng Căn, Lực, Giác, Đạo, như thị đẳng pháp, chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo.*

(鈔) 則知樹色香味，皆亦演暢根力覺道，如是等法，眾生聞者，咸念三寶。

(Sao: *Nên biết sắc, hương, vị của cây cũng đều diễn nói lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như vậy. Chúng sanh nghe thấy, đều niệm Tam Bảo.*)

Nói rõ vô tình thuyết pháp trong thế giới ấy, chẳng có pháp nào không được tuyên dương.

(Sao) Hựu lệ suy chi.

(鈔) 又例推之。

(Sao: Lại theo lệ ấy mà suy).

Lại theo lệ trên đây mà suy luận.

(Sao) Bỉ quốc kim sa.

(鈔) 彼國金沙。

(Sao: Cát vàng trong cõi ấy).

Cát vàng trải dưới đáy ao bảy báu.

(Sao) Bỉ quốc giai đạo.

(鈔) 彼國階道。

(Sao: Bạc thềm, lối đi trong cõi ấy).

“Giai” là bạc thềm, “đạo” là đường.

(Sao) Bỉ quốc lâu các, bỉ quốc liên hoa, thiên nhạc, thiên hoa, y kích, thực khí, nhất thiết chư vật, giai diệc diễn vương Căn, Lực, Giác, Đạo, như thị đẳng pháp, chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo.

(鈔) 彼國樓閣，彼國蓮華，天樂天華，衣襪食器，一切諸物，皆亦演暢根力覺道。如是等法，眾生聞者，咸念三寶。

(Sao: Lầu, gác, hoa sen, nhạc trời, hoa trời, đồ đựng hoa, vật dụng để ăn uống, hết thảy các vật trong cõi ấy cũng đều diễn nói lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như thế. Chúng sanh nghe thấy đều niệm Tam Bảo).

Người bình phàm chẳng thể nghĩ đến ý nghĩa này! Do vậy, ta cũng biết Liên Trì đại sư nhận thức thế giới Tây Phương sâu hơn chúng ta, xác thực là như vậy. Y báo, chánh báo, chẳng có gì không nói pháp, tuyệt diệu! Hiện thời, quý vị ở nơi đây chẳng thể thuyết pháp, đã tới Tây

Phương Cục Lạc thế giới bèn có thể thuyết pháp, vì sao? Tự tánh khai phát. Mục tiêu giáo học của Tây Phương Cục Lạc thế giới A Di Đà Phật đã được kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng: “*Khai hóa, hiển thị Chân Thật chi tế*”. “*Chân Thật chi tế*” là Chân Như bốn tánh. Hễ đến Tây Phương Cục Lạc thế giới bèn minh tâm kiến tánh.

(Sao) Như Hoa Nghiêm hương vân đài võng, giai xuất tụng ngôn.

(鈔) 如華嚴香雲臺網，皆出頌言。

(Sao: Như mây hương, đài, lưới trong Hoa Nghiêm đều phát ra tiếng nói kệ).

Liên Trì đại sư nói những lời này là có căn cứ từ kinh văn, Ngài chỉ ra kinh Hoa Nghiêm có cảnh giới này. Thế giới Hoa Tạng đã có chuyện này thì Tây Phương Cục Lạc thế giới nhất định phải có, vì Hoa Tạng chẳng khác Cục Lạc, Cục Lạc là Hoa Tạng. Trong kinh Hoa Nghiêm, mây hương, lọng báu, lưới mảnh, thầy đều thuyết pháp. Chúng ta có thể đọc thấy điều này trong mười hai cuốn đầu của kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Hựu Đao Lợi thiên cổ, diễn mạc trắc chi chân thuyên.

(鈔) 又忉利天鼓，演莫測之真詮。

(Sao: Lại nữa, cái trống trên cõi trời Đao Lợi diễn nói lời chân thật không thể suy lường).

Phản trước là nói về thế giới Hoa Tạng, nay lại quay về nhìn trong thế giới Sa Bà, cái trống trời trong Dục Giới Thiên cũng có tình hình như vậy.

(Diễn) Hoa Nghiêm vân: Đao Lợi chư thiên trước ngũ dục lạc, hành phóng dật thời, thiên cổ chi trung, tự nhiên xuất âm, nhi cáo chi ngôn: “Thử lạc vô thường, mạc hành phóng dật đẳng”.

(演) 華嚴云：忉利諸天著五欲樂，行放逸時，天鼓之中，自然出音，而告之言，此樂無常，莫行放逸等。

(Diễn: Kinh Hoa Nghiêm nói: Khi chư thiên cõi Đao Lợi tham đắm năm món dục lạc, làm chuyện buông lung, trong cái trống trời tự

nhiên phát ra tiếng bảo: “Lạc này là vô thường, đừng làm những chuyện buông lung” v.v...).

Đao Lợi Thiên thuộc về Dục Giới Thiên. Tầng trời này cũng chẳng cao, ở trên Tứ Vương Thiên, dưới Dạ Ma Thiên, đối với sự vui thú ngũ dục tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ vẫn hết sức nồng đậm. Khi hưởng lạc hơi mê say, do buông lung bèn mê đắm, cái trống trời⁸⁷ sẽ nhắc nhở họ. Khi trống trời Đao Lợi vang ra tiếng, nó có thể phát ra âm thanh cảnh giác mọi người: “Quý vị đừng hưởng lạc quá lố, lạc ấy là vô thường”. Nó đưa ra lời cảnh cáo. Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển, có lúc cũng lợi dụng máy móc để cảnh cáo. Ví dụ như những thứ [thiết bị cảnh báo] phòng cháy, phòng ngừa trộm cắp. Thậm chí, các máy móc chạy bằng điện trong gia đình, nếu vượt qua mức độ an toàn, liền tự động phát ra âm thanh nhắc nhở chúng ta về sự nguy hiểm. Trong tương lai, lại tiến hơn nữa, người máy có thể nói chuyện, thấy chúng ta buông lung cũng có thể đưa ra lời cảnh cáo. Nhân gian và cõi trời còn có thể làm được, huống gì thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc? Đây là suy luận theo lý, lại còn tìm được căn cứ trong kinh văn, xác thực là như vậy.

(Sao) Lô Âm bảo lâm, thuyết Vô Sanh chi diệu kệ.

(鈔) 雷音寶林，說無生之妙偈。

(Sao: Rừng báu chốn Lô Âm nói bài kệ Vô Sanh màu nhiệm).

Lô Âm là cõi Phật, “*bảo lâm*” là nói tới cây cối trong cõi Phật, giống như cây nơi đạo tràng đều có thể thuyết pháp.

(Sao) Hựu Đại Bát Nhã vân: Tịnh Độ thụ lâm đẳng nội ngoại vật trung, thường hữu vi phong xung kích, phát vi diệu âm, thuyết nhất thiết pháp giai vô tự tánh đẳng, đồng thử nghĩa dã.

(鈔) 又大般若云：淨土樹林等內外物中，常有微風衝擊，發微妙音，說一切法皆無自性等，同此義也。

(Sao: Kinh Đại Bát Nhã lại nói: “Các vật trong ngoài rừng cây nơi Tịnh Độ, thường có gió nhẹ thổi lay động, phát ra tiếng vi diệu, nói hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh v.v...”, có cùng ý nghĩa này).

Điều này được nói trong kinh Đại Bát Nhã. Do vậy, có thể biết: Vô tình thuyết pháp không chỉ được nói trong ba kinh Tịnh Độ, mà các kinh như Hoa Nghiêm, Bát Nhã cũng đều có nói. Chúng ta có thể tin tưởng chuyện này.

(Sớ) Thiện hội chi giả, thử độ hữu tình, vô tình, diệt giai thuyết pháp, như văn oanh kích trúc đẳng, hướng phục Tịnh Độ!

(疏) 善會之者，此土有情無情，亦皆說法，如聞鶯擊竹等，況復淨土。

(Sớ: Đối với người khéo hiểu thì hữu tình lẫn vô tình trong cõi này cũng đều thuyết pháp, như nghe tiếng chim oanh hót, tiếng trúc khua v.v... Hướng hồ Tịnh Độ).

“Hội” (會) là thấu hiểu, hiểu ý. Thiên Tông thường nói “*hội ma?*”, [nghĩa là] quý vị có hiểu hay không? Mang ý nghĩa ấy, quý vị có thể ngay lập tức thấu hiểu ý của người ấy hay không? Lục trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp, có bao giờ lục trần trong thế gian này chẳng thường thuyết pháp? Tâm của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, nên họ có thể hiểu diệu pháp do lục trần tuyên thuyết. Tâm người trong thế gian này quá thô tháp, hời hợt, hờ hững, nên lục trần thuyết pháp mà chẳng biết! Nói với quý vị mỗi ngày, quý vị vẫn chẳng giác ngộ, vẫn mê hoặc, điên đảo. Nếu chúng ta dùng tâm thanh tịnh đối với lục trần, xác thực cũng chẳng kém Tây Phương.

Đã là nói như vậy, vì sao chúng ta vẫn mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nói theo lý luận, hoàn toàn chẳng sai, có thể chẳng cần đến Tây Phương, nhưng quý vị tu hành trong thế giới này, đối với hoàn cảnh chung quanh, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, quý vị có bị chúng ảnh hưởng hay không? Tuy tâm quý vị thanh tịnh, nhưng thanh tịnh chưa đầy mấy phút lại bị kẻ khác nhiễu loạn, chuyện này phiền phức to lớn. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm ai nấy đều thanh tịnh, chỗ tốt đẹp là đây! Nếu trong thế gian này, người và sự quanh ta thứ gì cũng đều thanh tịnh, chúng ta sẽ chẳng bắt buộc phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. So sánh giữa đôi bên, hoàn cảnh bên kia tốt đẹp hơn bên này, ở bên ấy đức Phật thọ vô lượng, Phật thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, vô tình thuyết pháp vĩnh viễn chẳng gián đoạn, còn trong thế gian này, chúng ta chẳng có những chuyện ấy.

(Sao) Thiện hội giả, vị bất dĩ cảnh vi cảnh, nhi hội cảnh tức tâm.

(鈔) 善會者，謂不以境為境，而會境即心。

(Sao: “Khéo hiểu” nghĩa là chẳng chấp cảnh là cảnh, mà hiểu cảnh chính là tâm).

Chuyện này thật sự chẳng dễ dàng, cảnh giới ấy quá cao. Trong ấy có đạo lý, tận hư không khắp pháp giới, nói theo Phật pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Do tự tâm biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm và thức đều là Chân Như bản tánh; nói cách khác, tình và vô tình đều do Chân Như bản tánh của chính mình biến ra. [Đã là] những thứ do Chân Như bản tánh biến ra, có gì chẳng phải là Chân Như bản tánh? Cổ nhân nói: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*”, [nghĩa là] dùng vàng làm đồ vật, có món nào chẳng phải là vàng? Nói theo pháp, tình và vô tình có gì chẳng phải là Chân Như bản tánh? Khi ấy, sẽ chẳng gọi là cảnh, mà toàn là tánh.

Nếu đối với ý nghĩa này, chúng ta vẫn còn chưa dễ lãnh hội cho lắm, chúng tôi dùng mộng làm tỷ dụ, rất nhiều cảnh giới trong mộng do đâu mà có? Do tâm của chính mình biến hiện. Nếu quý vị giác ngộ một thoáng, giác ngộ là quý vị đã hiểu, khéo thấu hiểu: “*Toàn thể mộng chính là tâm*”. Ngay trong khi ta nằm mộng, toàn thể tâm biến thành mộng cảnh, tâm giống như thế nào? Cảnh giới ấy chính là hình tướng của tâm. “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Tâm và cảnh bất nhị, Tánh và Tướng như một, đến chỗ này chính là cảnh giới của Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát trở lên (đến Bát Địa mới viên dung tự tại), đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vì thế, có cảnh hay không? Chẳng có, toàn là tự tánh. Đến khi ấy:

(Sao) Túc vật vật đầu đầu, giai tổ sư ý.

(鈔) 則物物頭頭，皆祖師意。

(Sao: Mọi vật mọi sự đều là ý tổ sư).

“*Tổ sư ý*” là gì? Minh tâm kiến tánh.

(Sao) Kim cô cử nhị sự dã.

(鈔) 今姑舉二事也。

(Sao: Nay chỉ nêu ra hai chuyện).

Nay nêu lên hai ví dụ, đây là hai công án trong Thiền Tông. Công án thứ nhất là...

(Sao) Văn oanh giả.

(鈔) 聞鶯者。

(Sao: Nghe tiếng chim oanh...).

“Oanh” (鶯) là chim hoàng oanh (黃鶯). Hoàng oanh kêu trên cành liễu khiến cho người ấy khai ngộ, há chẳng phải là hoàng oanh đang thuyết pháp ư? Lần này người ấy nghe hiểu. Trong quá khứ, mỗi ngày nghe chim oanh thuyết pháp, nhưng chẳng nghe hiểu. Lần này nghe đã hiểu, bèn khai ngộ. Đó là hữu tình thuyết pháp.

(Sao) Nhất tăng nhân nghi Pháp Hoa vân.

(鈔) 一僧因疑法華云。

(Sao: Một vị Tăng do nghi [một câu] được nói trong kinh Pháp Hoa).

Đôi với một câu kinh văn của kinh Pháp Hoa, vị ấy có nghi tình. Nghi tình tức là vị ấy chẳng liễu giải, chứ chẳng phải là hoài nghi. Hoài nghi là không tin tưởng, đó là hoài nghi, là tham, sân, si, mạn nghi, là phiền não, chẳng có tác dụng gì hết! Còn nghi tình là gì? Ta không liễu giải, nhưng ta tin tưởng, tin tưởng lời Phật dạy quyết định là chân thật, nhưng ta không hiểu, đó gọi là “nghi tình”.

Thiền Tông nói: “Đại nghi bèn đại ngộ, tiểu nghi bèn tiểu ngộ”, chẳng nghi ngờ sẽ không thể ngộ. Ở đây nói tới nghi tình, tuyệt đối chẳng phải là hoài nghi. Hoài nghi thì không được rồi, hoài nghi là phiền não.

Kinh Pháp Hoa có hai câu như sau:

(Sao) Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng.

(鈔) 諸法從本來，常自寂滅相。

(Sao: Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt).

“Chư pháp” là hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp trước nay đều là thanh tịnh, tịch diệt. Kinh văn còn có hai câu kế đó: “Chư pháp trụ

pháp vị, thể gian tướng bất hoại” (Các pháp trụ pháp vị, tướng thể gian chẳng hoại). Đó đều là những câu rất khó hiểu trong kinh Pháp Hoa. Tướng thể giới chẳng hoại, tức là bất sanh bất diệt. Đó cũng là bất sanh bất diệt. Hai câu ấy đều nhằm nói: Hết thầy các pháp bất sanh bất diệt. Nếu quý vị thật sự hiểu hai câu ấy, sẽ chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, chẳng phải là Bồ Tát bình phàm. Nói theo Tịnh Độ Tông, quý vị chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta nói rộng khuôn khổ, Lý nhất tâm bất loạn Bồ Tát sẽ là Viên Giáo Sơ Trụ. Nếu nói nghiêm ngặt, Lý nhất tâm bất loạn là từ Thất Địa trở lên, tối thiểu cũng là Đẳng Địa Bồ Tát, đó là Viên Giáo. Kinh Nhân Vương nói Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Thất Địa là hạ phẩm Vô Sanh Nhẫn; Bát Địa là trung phẩm Vô Sanh Nhẫn; Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhẫn, địa vị của quý vị cao lắm!

(Sao) Cửu tham vị ngộ.

(鈔) 久參未悟。

(Sao: Tham đã lâu nhưng chưa ngộ).

Vấn đề này ghim trong lòng rất lâu, chẳng hiểu rõ [hai câu ấy] có nghĩa là gì. Có một ngày, đây cũng là vì tham cứu lâu ngày, tâm đã tịnh. Vì vấn đề này thường chẳng thể giải quyết, dầu chẳng thể giải quyết cũng chớ nên suy tưởng, [hễ suy tưởng tức là] quý vị nghiên cứu, trật mất rồi! Chỉ có thể khởi lên nghi tình, thường có nghi tình ấy, chứ vọng tưởng gì cũng đều chẳng có. Thiền Tông dùng phương pháp ấy để xóa sạch vọng tưởng, chấp trước. Thời gian càng lâu, tâm càng thanh tịnh, nói không chừng sẽ gặp một cơ hội nào đó, hễ gặp được sẽ thông suốt. Đối với vị xuất gia ấy, hoàng oanh hót tại đó mỗi ngày, vị ấy nghe hót mỗi ngày, vẫn chẳng khai ngộ. Hôm ấy, nước chảy thành khe, tâm địa thanh tịnh mới đạt đến độ thuận thực, vừa gặp gỡ liền khai ngộ.

(Sao) Hót văn oanh thanh, toại đắc đại triệt.

(鈔) 忽聞鶯聲，遂得大徹。

(Sao: Chợt nghe tiếng chim oanh hót bèn được đại triệt).

Nghe hoàng oanh vừa hót, bèn đại triệt đại ngộ! Ngài bèn nói một bài kệ:

(Sao) Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng, xuân đào bách hoa hương, hoàng oanh đề liễu thượng.

(鈔) 諸法從本來，常自寂滅相，春到百花香，黃鸞啼柳上。

(Sao: Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt, xuân đến trăm hoa ngát, oanh hót trên cành liễu).

Đây là hai câu trong kinh Pháp Hoa, đã tham lâu chẳng ngộ, nay bỗng dung khai ngộ. Xuân đã tới, trăm hoa tự nhiên nở ngát hương, chim hoàng oanh hót trên cây liễu. Đối với bài kệ sau khi khai ngộ của Ngài, chúng ta đọc có thể khai ngộ hay không?

(Sao) Kịch trúc giả.

(鈔) 擊竹者。

(Sao: Đụng vào trúc là...).

Đây là vô tình thuyết pháp. Trong phần trước là hữu tình, phần này là vô tình. Có thể thấy hữu tình lẫn vô tình đều thuyết pháp ở đó, chúng ta có hiểu hay không? Đây là nói tới tôn giả Hương Nham, cũng là một vị đại đức trong Thiên Tông.

(Sao) Hương Nham dĩ bất hội “phụ mẫu vị tiền sanh” cú, phát phần trụ sơn.

(鈔) 香巖以不會父母未前生句，發憤住山。

(Sao: Ngài Hương Nham do chẳng hiểu câu “diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra”, nên phát phần trụ trong núi).

[Sách Diễn Nghĩa nói] “*Hương Nham tại Bách Trượng hội trung, cơ phong mẫn tiếp*” (Ngài Hương Nham ở trong hội của ngài Bách Trượng, cơ phong nhanh lẹ). Ngài là học trò của tổ Bách Trượng, sống vào đời Đường. Vị này hết sức thông minh, trí huệ rất cao, trong Thiên Đường đối đáp như nước chảy. “*Hậu tham Quy Sơn*” (Sau đến tham phỏng ngài Quy Sơn), đến chỗ tổ sư Quy Sơn xin tham học. “*Sơn vấn viết: - Nhữ tại Bách Trượng, năng vấn nhất đáp thập, vấn thập đáp bách, thị phủ?*” (Ngài Quy Sơn hỏi: “Ông ở chỗ ngài Bách Trượng có thể hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đúng không?”), đúng hay không? Rất thông minh, có thể thấy thuở ấy ngài Hương Nham rất nổi danh. Thiền sư Quy Sơn biết bản lĩnh của Ngài. “*Hương Nham vân thị*” (Ngài

Hương Nham thừa phải), chẳng sai, quả thật là như vậy. “*Son vân: Ngã bất yếu nhữ đáp thập, đáp bách, đản tương phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục đạo nhất cú lai*” (Ngài Quy Sơn nói: “Ta không cần ông đáp mười, đáp trăm, chỉ đem một câu ‘diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra’ nói ra đi”). Ông nói câu “diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra” cho ta nghe thử xem, ta không cần ông đáp trăm, đáp mười chi cả! “*Nham bất năng đáp*” (Ngài Hương Nham chẳng thể đáp), lần này đúng là bị bắt bí mất rồi, cơ duyên của Ngài không ở chỗ ngài Bách Trọng, mà ở nơi pháp sư Quy Sơn. “*Câu Quy Sơn vị thuyết. Son vân: - Ngã nhược vị nhữ thuyết phá, nhữ hậu lai mạ ngã, thả khứ, bất vị nhữ thuyết*” (Su cầu ngài Quy Sơn giảng cho. Ngài Quy Sơn nói: “Nếu ta nói toạc ra với ông, sau này ông sẽ chửi ta. Hãy đi đi, ta chẳng nói cho ông biết”). Thật vậy, vì sao chẳng thể nói? Sau khi nói ra, quý vị sẽ chẳng khai ngộ. Giống như người nghe tiếng chim oanh khai ngộ trên đây, nếu vị ấy nói ra, quý vị có hiểu hay không? Người ta ngộ, nếu vị ấy nói ra, quý vị sẽ chẳng khai ngộ, chuyện này nhất định là chuyện của chính mình. Chính quý vị sau khi đã ngộ nhập, sẽ tìm vị ấy xin ấn chứng, vị ấy sẽ bảo cho quý vị biết. Nếu quý vị chẳng khai ngộ, vị ấy quyết định chẳng nói cho quý vị biết. Nói cho quý vị biết, sẽ ngăn lấp ngộ môn của quý vị, trong tương lai, lẽ nào quý vị chẳng hận vị ấy? Đương nhiên sẽ hận thấu xương! Người hiện thời chẳng hiểu [như vậy]! Người hiện thời nếu gặp một vị thầy cao minh mà thầy chẳng nói, [sẽ chê trách]: “Vị thầy này tiếc pháp, chẳng nói cho chúng ta biết”.

Lần ấy, ngài Hương Nham đúng là đã gặp một cửa ải khó vượt. Hòa thượng chẳng bảo ban, cũng chẳng nói với Ngài. “*Hương Nham phẫn vân: Ngã bạn nhất sanh, tố cá thường hành chúc phạn tăng, quyết yếu tham phá*” (Ngài Hương Nham phát phẫn, nói: “Ta sống cả một đời, thường làm một ông Tăng chỉ biết ăn cơm, húp cháo, quyết phải tham thấu triệt chuyện này”). Ngài phát phẫn, chẳng còn mỗi ngày biện luận đấu cơ phong với người khác, mà thật thà tu hành, mới hiểu điều gì? Thông minh như trước đó, chẳng có một tí tác dụng gì cả, bị người ta giảng cho một câu liền bí rị! Ngài tu khổ hạnh trong chốn thường trụ. “*Hậu nhân trị địa*” (Về sau do vỡ đất), “*trị địa*” (治地) là trồng trọt. Bách Trọng đại sư đề xướng: “*Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*” (Một ngày không làm thì ngày đó chẳng ăn), Phật môn hiện thời nói là “*xuất pha*” (出坡: ra sườn núi). Xuất Pha do Bách Trọng đại sư đề xướng, tức là đề xướng người xuất gia tự trồng lương thực, rau cỏ, chớ

nên cầu từ nơi người khác. Trong quá khứ, tự viện có rất nhiều ruộng đất, núi rừng, đều do tín đồ quyên tặng, họ dựa vào thu nhập đó để có lương thực. Ruộng đất hơn phân nửa cho nông dân cấy rẽ, chính mình thu tô, cũng có một phần do chính mình trồng trọt. Điều này chẳng phù hợp giới luật. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn chẳng cho phép, vì người xuất gia sống theo quy chế khát thực. Nhưng Phật pháp truyền đến Trung Hoa, chẳng thể tuân theo quy chế khát thực. Vì người Hoa coi thường người khát thực, cho khát thực là ăn mày. Tại Ấn Độ, người xuất gia khát thực được mọi người hết sức tôn trọng cúng dường. Phật pháp truyền đến Trung Hoa thoát đầu được quốc gia cúng dường, vì đều do hoàng đế phái đặc sứ nghênh thỉnh pháp sư từ ngoại quốc đến làm khách của cả nước, tiếp nhận sự cúng dường của triều đình. Về sau, Phật pháp phổ biến, tiếp nhận các quan lại, trưởng giả, cư sĩ tại địa phương cúng dường, nên tại Trung Hoa chẳng có quy chế khát thực.

Do vậy, Bách Trượng đại sư đề xướng trồng trọt. Trong giới luật, trồng trọt được gọi là Hạ Khẩu Thực, là tà mạng. Bách Trượng đại sư đề xướng là có đạo lý, đức Phật chế định giới luật nhằm phù hợp xã hội thuở đó. Chúng ta phải hiểu rõ, tuân thủ tinh thần giới luật, chẳng thể biến đổi, nhưng phương thức mỗi thời đại mỗi khác. Cách sống đã khác, khu vực khác nhau, thủy đều phải tu chỉnh. Cách làm như thế nào phải tùy thời, tùy chỗ để tu chỉnh, hòng thích hợp tình hình sinh hoạt của đại chúng thì Phật pháp mới có thể phổ biến, hoàng dương, mới có thể được người ta hoan hỷ tiếp nhận. Nếu phương thức đã hình thành bèn bất biến thì Phật pháp chắc chắn bị tiêu diệt. Chư vị phải hiểu, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, nhân mạnh Trung Đạo, Nho gia nói là Trung, giống như con sông cong cong queo queo, nó vĩnh viễn ở giữa, chẳng lệch sang đôi bờ. Phật pháp cũng là như thế, bất luận trong thời đại nào, bất luận ở chỗ nào, đều hành theo Trung Đạo. Vì thế, giới luật quyết định chẳng thể chấp chết cứng nơi giới điều, [hễ chấp chết cứng] thì trật rồi! Kinh giáo cũng chớ nên chấp chết cứng nơi văn tự. Cùng một bộ kinh, từ xưa tới nay có nhiều chú giải, mỗi cá nhân có cách giảng khác nhau. Cách giảng ấy mang tánh chất thời đại. Kinh văn chẳng biến đổi, thời cổ cũng dùng bản ấy, hiện thời cũng dùng bản ấy, nhưng thời cổ có cách giảng của thời cổ, hiện tại có cách giảng của hiện tại, do nhu cầu của đại chúng trong mỗi thời mỗi khác, phải biết chuyện này.

Hiểu nguyên tắc này, chúng ta đọc chú giải của cổ nhân. Ví như chúng ta xem chú giải của người đời Đường, qua bản chú giải ấy, từ cách giảng của vị ấy, chúng ta có thể suy đoán hình thái ý thức và cách

sống trong thời Đường có những điểm khó khăn nào, cách giải thích ấy nhằm giải quyết những vướng mắc của họ, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc liền biết người ta mắc những bệnh gì. Vì vậy, đọc chú giải mà chẳng hiểu những nguyên lý và nguyên tắc này, cũng chấp chết cứng nơi câu văn của cổ nhân, những gì quý vị học toàn là chết cứng. Vì thế, nhân mạnh “*thôi trần xuất tâm*” (tiếp thu những điều cũ có chọn lọc, tức là gạn lọc, phát huy những điều tinh hoa đạt tới một mức độ cao hơn, trừ khử những điều hạn chế, sai lạc, thiên kiến trong cách nhìn của cổ nhân), chúng ta phải có cách nhìn sống động. Nhìn sống động thì mới hiểu chúng ta ở trong thời đại này, thời đại này rất khác quá khứ, chúng ta phải biết giảng bộ kinh này theo cách nào thì mới có thể đối trị căn bệnh của người hiện thời, cũng tức là đối trị cách nghĩ, cách nhìn, cách làm sai lầm như thế nào? Cứu chữa như thế nào? Phật pháp như vậy thì mới phù hợp.

Vị này cũng đã nêu gương. Từ đây trở đi, Ngài hoàn toàn buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, và thói ham cao, chuộng xa. Người có tài hoa bèn ngạo mạn, Ngài có chỗ đáng để kiêu ngạo mà! Ngài Hương Nham ở chỗ tổ Bách Trượng có cái đáng để kiêu ngạo, đi tới chỗ ngài Quy Sơn, đụng phải vấn đề khó nuốt, chẳng dám kiêu ngạo nữa, thật thà làm lụng cực nhọc. Câu “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*” luôn ghim trong lòng. Do ghim đã lâu, nên chẳng có vọng niệm, hằng ngày tưởng “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*”, nên vọng tưởng, chấp trước đều chẳng có. Có một hôm, cũng rất ngẫu nhiên, trong khi trồng trọt, cuốc phải một cục đá, Ngài liền tùy tiện nhặt lên, quăng đi. Cạnh đó là rừng trúc, nhằm lúc cục đá đập vào thân trúc, vừa nghe âm thanh ấy, Ngài khai ngộ. Nói thật ra, Ngài đã làm quăng như vậy không biết bao nhiêu lần, cũng không biết đã nghe [tiếng đá văng vào trúc] bao nhiêu lượt, nhưng đều chẳng khai ngộ, lần này bèn khai ngộ. Tức là giống như người nghe chim hoàng oanh hót, cũng chẳng biết là đã nghe mấy trăm lượt, mấy ngàn lượt, đều chẳng khai ngộ, lần này vừa đụng tới, [cơ duyên] đã chín muồi, bèn khai ngộ.

“*Nãi hương Quy Sơn tác lễ viết: Nhược Quy Sơn tảo vị ngã thuyết, yên đắc hữu kim nhật sự, nhất kích vong sở tri*” (Bèn hướng về Quy Sơn⁸⁸ làm lễ, nói: “Nếu ngài Quy Sơn đã sớm nói cho con biết, há có chuyện ngày hôm nay, vừa đụng liền quên bằng những gì đã biết”). Nếu trước kia lão hòa thượng đã nói cho Ngài biết, Ngài sẽ chẳng có cảnh giới hôm nay, chẳng đạt được. Vì đó là của người khác, chẳng phải là của chính mình, phải do chính mình ngộ nhập, đó là minh tâm kiến tánh.

Một người minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, không nhất định do cơ duyên nào, chẳng có cách nào dự đoán được. Nhưng quyết định chớ nên giữ ý niệm ấy. Hễ giữ ý niệm ấy, chắc chắn quý vị chẳng khai ngộ. Ví như chúng ta niệm Phật, mong đắc nhất tâm bất loạn, hằng ngày nghĩ ngợi: “Cớ sao ta vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn?” Quý vị vĩnh viễn chẳng thể nào đạt được nhất tâm, chẳng đạt được. Chỉ có người thật thà niệm câu A Di Đà Phật, điều gì cũng quên hết, giống như tham Thiền; nhưng trong tham Thiền, có người tham suốt đời cũng chẳng khai ngộ, nhiều lắm, quá u là nhiều! Người tham Thiền, trong một vạn người, có thể khai ngộ trong một đời, thừa cùng chư vị, chỉ là dăm ba vị mà thôi; do vậy, pháp môn ấy chẳng bằng niệm Phật. Niệm Phật, chẳng ngộ cũng chẳng sao, vẫn vãng sanh như thường, người ấy đời nghiệp vãng sanh.

Tham Thiền mà tham đến mức công phu thành phiến, vô dụng! Tham đến mức Sự nhất tâm bất loạn vẫn vô dụng! Sự nhất tâm bất loạn là đắc Định. Công phu thành phiến là Tương Tự Định, công phu định lực ấy có thể khuất phục phiền não, nhưng trọn chẳng đoạn phiền não, vô dụng! Dầu cho đã đoạn hết phiền não, vẫn chẳng có tác dụng, nhất định phải là minh tâm kiến tánh. Khi chưa đạt tới cảnh giới ấy, công phu suốt một đời đều thành lãng phí. Vì thế, chẳng bằng niệm Phật, niệm Phật chỉ cần công phu thành phiến, quyết định vãng sanh. Do đó, mười phương ba đời hết thấy chư Phật tôn sùng pháp môn này. Pháp môn này được gọi là “đạo dễ hành” vì ai nấy đều có phần. Thiện Đạo đại sư bảo: “*Trăm người tu, trăm người vãng sanh; ngàn người tu, ngàn người vãng sanh, chẳng sót một ai!*” Thiền chẳng dễ dàng như thế, Mật cũng chẳng dễ dàng dường ấy. Đây là một pháp môn dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, và cũng là ôn hòa, thích đáng nhất trong hết thấy các pháp môn.

(Sao) Nhất nhật trị địa thứ.

(鈔) 一日治地次。

(Sao: Một hôm, trong khi cày ruộng đất).

Nhằm hôm Ngài đang trông rọt ở nơi ấy.

(Sao) Phao thạch kích trúc, khanh nhiên hữu thanh, hốt nhi đại ngộ, tác tụng: “Hữu nhất kích vong sở tri, cánh bất giả tu trì, động dung dương cổ lộ, bất đạo tiểu nhiên cơ”.

(鈔) 拋石擊竹，鏗然有聲，忽而大悟作頌：有一擊忘所知，更不假修持，動容揚古路，不墮悄然機。

(Sao: *Quăng đá trúng cây trúc, vang thành tiếng lạch cách, bỗng đại ngộ, làm bài tụng như sau: “Vừa đụng bèn quên sạch sở tri, chẳng còn nhọc sức phải tu trì, hành vi, vẻ mặt phô đường cũ, chẳng đọa vào trong nẻo tịch vi”*).

Khi ngài Ngô, đã làm bài kệ ấy.

(Sao) *Đẳng ngữ, như thị, tắc diêm tiền thước tào.*

(鈔) 等語，如是，則簷前鶻噪。

(Sao: “Đẳng” là [còn nhiều trường hợp giống] như vậy, như chim khách kêu dưới mái hiên).

“Thước” (鶻) là hỷ thước (喜鶻: chim khách), chim khách kêu dưới mái hiên trước nhà.

(Sao) *Dã ngoại tùng thanh.*

(鈔) 野外松聲。

(Sao: *Tiếng tùng reo ngoài đồng*).

Nơi rừng tùng ngoài đồng hoang, ta có thể thấy tùng lượn sóng. Gió lùa qua cội tùng, tùng uốn lượn rập rờn như sóng trên mặt biển, âm thanh ấy cũng êm tai lắm, đó là tiếng tùng reo.

(Sao) *Nhất văn, nhất dăng.*

(鈔) 一蚊一蠅。

(Sao: *Một con muỗi, một con ruồi*).

Nghe tiếng muỗi, ruồi vo ve.

(Sao) *Nhất thảo, nhất diệp, mạc bất diễn dương diệu pháp, cổ phát đạo tâm, hướng thanh tịnh Phật độ hồ?*

(Diễn) *Nhất kích vong sở tri. Sở Tri tức Sở Tri Chương.*

(鈔) 一草一葉，莫不演揚妙法，鼓發道心，況清淨佛土乎。

(演) 一擊忘所知，所知，即所知障。

(Sao: Một nhánh cỏ, một chiếc lá, không gì chẳng diễn bày, tuyên dương diệu pháp, cỏ vũ phát khởi đạo tâm, hướng hồ côi Phật thanh tịnh u?)

(Diễn: “Vừa đụng bèn quên sạch sở tri”: Sở Tri chính là Sở Tri Chướng).

Đã phá Sở Tri Chướng! Chẳng phá Sở Tri Chướng, chẳng thể khai ngộ. Vì sao chớ nên nghiên cứu, chớ nên suy tưởng kinh giáo? Quý vị nghiên cứu là tăng trưởng Sở Tri Chướng. Do đó, đôi với kinh giáo, quý vị nghe, tiếp xúc, nếu hiểu thì hiểu, không hiểu thì chẳng sao, đừng quan tâm, đó là đúng. Một nguyên tắc là từ đầu tới cuối giữ gìn cái tâm thanh tịnh. Hiểu thì hiểu, không hiểu là không hiểu, đúng như Không lão phu tử đã nói: “*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã*” (Biết thì nói là biết, không biết bèn nói không biết, đó là biết vậy), đó là phương pháp cầu trí huệ thật sự. Trí huệ của Không lão phu tử cũng cầu từ trong Định, cũng chẳng rót vào tâm ý thức. Đó là đã phá Sở Tri Chướng, bèn khai ngộ.

(Diễn) Tức cừ vân nhất đáp thập xứ, đáo thử hốt nhiên hôn hóa, cố vân vong.

(演) 即渠問一答十處，到此忽然渾化，故云忘。

(Diễn: Tức là khả năng hỏi một đáp mười của Ngài đến lúc ấy bỗng nhiên mất tâm mất tích, nên nói là “quên bẵng”).

Trong quá khứ, ngài Hương Nham nghe một biết mười, nghe mười đáp trăm, toàn là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ chân thật. Khi ấy (đã khai ngộ), trí huệ chân thật hiện tiền, các thứ phân biệt, vọng tưởng trước kia tới lúc đó đều hoàn toàn tiêu trừ, toàn bộ đều chẳng có, tâm địa thanh tịnh, bỗng nhiên sáng ngời, pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng biết, đó là trí huệ hiện tiền. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

**A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa
Quyển VI hết**

“Hoan nghênh ân tống - công đức vô lượng”

¹ Kinh Kim Cang chép: “*Tu Bồ Đề! U ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ? Tu Bồ Đề ngôn: Như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Phật ngôn: Tu Bồ Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân thánh vương tức thị Như Lai*” (Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ sao? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai hay không? Tu Bồ Đề thưa: “Đúng như thế! Dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai”. Phật dạy: “Này Tu Bồ Đề! Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương chính là Như Lai”).

² “*Giá trị liên thành*” là một từ ngữ diễn tả một vật báu có giá trị rất lớn. Thành ngữ này phát xuất từ câu chuyện Hòa Thị Bích. Hòa Thị Bích là một viên ngọc quý được đặt theo tên một tiểu phu nước Sở tên là Biện Hòa. Ông này tuy là tiểu phu, nhưng có con mắt nhìn ngọc rất nhạy bén. Một hôm, ông ta tìm được một khối đá có ngọc tại Kinh Sơn. Dem dâng lên Sở Lệ Vương, vua sai người coi thử, chỉ chặt một góc đá nên không phát hiện ra ngọc. Vua cho là Biện Hòa khi quân, bèn chặt đứt một chân. Sở Lệ Vương chết, Sở Vũ Vương kế vị, Biện Hòa lại dâng ngọc, lại bị chặt nốt chân kia. Đau lòng Biện Hòa cứ ôm khối đá mà khóc ngoài đồng. Sở Vũ Vương chết, Sở Văn Vương kế vị, Biện Hòa lại dâng đá, vua nhận biết, sai người chẻ đá lấy ngọc. Viên ngọc ấy quý báu, theo truyền thuyết, tỏa ánh sáng chiếu xa bốn tấc. Nhằm tôn vinh lòng trung nghĩa của Biện Hòa, vua đặt tên viên ngọc ấy là Hòa Thị Bích (ngọc họ Hòa). Trải bao biến động, cuối cùng viên ngọc ấy lọt vào tay Huệ Văn Vương nước Triệu. Tần Chiêu Vương muốn có viên ngọc ấy, bèn sai người viết thư sang Triệu, đề nghị dùng mười lăm thành của nước Tần đổi lấy viên ngọc ấy. Do đó, viên Hòa Thị Bích được gọi là “*giá trị liên thành*”.

³ Hệ Từ là phần chú giải kinh Dịch, nêu bày ý nghĩa chánh yếu của kinh Dịch, chủ yếu giải thích ý nghĩa của từng quẻ, từng hào, cũng như vị trí của từng tượng trong mỗi quẻ. Tương truyền, Hệ Từ do Khổng Tử biên soạn.

⁴ Phước Châu, còn gọi là Dung Thành, Tam Sơn, Tả Hải, Mân Đô, hoặc gọi gọn là Dung, là tỉnh lỵ của tỉnh Phước Kiến. Phước Châu nằm ở phía

Đông tỉnh Phước Kiến, trên sông Mân Giang. Thành phố này khá cổ, thành lập từ năm 202 trước Công Nguyên.

⁵ Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Linh võng là nói đến y báo và chánh báo trong uế độ, sanh từ hữu lậu thức của phàm phu, nên gọi là như huyền tâm sở sanh*”.

⁶ “*Trung khí*” có nhiều cách hiểu, nhưng ở đây có nghĩa là lượng khí hô hấp, vận động khi nói, ca hát, hoặc xướng niệm. Do người Hoa quan niệm, khi nói, hát, hay đọc tụng, nếu chúng ta dùng luồng khí xuất phát từ phần Trung Tiêu (từ dưới ngực đến Đan Điền) thì giọng đọc hoặc giọng hát sẽ rền vang, mạnh mẽ, âm áp, lưu loát, không ngắt ngứ, không bị cụt hơi.

⁷ Nhạc Chương là một thuật ngữ hiểu theo nghĩa hẹp là từng phân đoạn cấu trúc của một đại tác phẩm, bao gồm tốc độ, tiết tấu, phong cách, trình tự riêng. Chẳng hạn một tác phẩm nhạc giao hưởng thường chia thành nhiều phần từ chậm đến nhanh mang sắc thái biểu đạt tình cảm khác nhau. Ở đây, nhạc chương chỉ có nghĩa là sắc thái đặc thù, tiết tấu, giai điệu của một thể loại âm nhạc.

⁸ Thuần Điển là một chương sách của kinh Thư (Thượng Thư), ghi chép về ngôn hạnh của vua Thuần. Câu nói được trích dẫn ở đây là lời vua Thuần dặn ông Quỳ: “*Đế viết: - Quỳ! Mạng như diễn nhạc, giáo trụ tử, trực nhi ôn, khoan nhi lật, cương nhi vô ngược, giản nhi vô ngạo. Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn, thanh y vĩnh, Luật hòa thanh, bát âm khắc hài, vô tương đoạt luân, thần nhân dĩ hòa. Quỳ viết: - U! Dư kích thạch, phụ thạch, bách thú suất vũ*” (Vua nói: “Ông Quỳ! Ta đặt ông làm quan chủ trì âm nhạc, nhằm dạy bảo lũ trẻ, khiến cho chúng nó chất trực, ôn hòa, khoan dung nhưng kiên quyết, cương nghị nhưng chẳng thô bạo, giản dị, chẳng cao ngạo. Thơ nhằm biểu lộ tư tưởng, tình cảm, lời ca nhằm diễn đạt ngôn ngữ, năm âm thanh căn cứ trên những quy định về xướng âm, Lục Luật nhằm khiến cho năm âm thanh được hài hòa, âm thanh của tám loại nhạc khí điều hòa, chẳng bị rối loạn trật tự, khiến cho thần và người đều hòa hợp”. Ông Quỳ tâu: “Thưa vâng! Thần sẽ gõ khánh đá khiến cho trăm loài thú cùng nhảy múa”).

⁹ Bát âm là âm thanh của tám loại nhạc khí, phân loại dựa theo chất liệu tức là:

- Kim: Nhạc khí bằng kim loại như chuông, khánh, biện chung, biện khánh, phương hưởng, vân la, trống đồng, công, chiêng, nã bạt, linh v.v...

-
- Thạch: Nhạc khí bằng đá, như khánh đá chẳng hạn.
 - Ty: Các loại đàn dây. Do dây đàn thỏ xưa se bằng tơ, nên gọi là các loại đàn được gọi chung là Ty, như đàn cầm, đàn sắt, không hầu, tỳ bà, nhị hồ, tam huyền, nguyệt cầm, liễu cầm, nguyệt cầm, tranh v.v...
 - Trúc: Các loại bằng tre, trúc, sậy, như sáo, tiêu, địch, tóa na (kèn Tàu), quyển, kèn tất lật... Sau này, các loại nhạc khí thổi, nếu không có bầu cộng hưởng, dù không làm bằng tre vẫn được xếp vào bộ Trúc.
 - Bào: Các loại nhạc khí làm bằng quả bầu, hay có hình dáng bầu tròn làm bầu cộng hưởng như sênh, hồ lô tư (một loại kèn gồm ba ống cắm vào một quả bầu), hồ lô sênh (một loại sênh gồm có năm đến bảy ống cắm vào quả bầu khô, trong khi loại sênh thường có bầu cộng hưởng bằng gỗ hay kim loại) v.v...
 - Thỏ: Nhạc khí bằng đất nung như huân (giống kèn Ocarina của phương Tây), phễu (nhạc khí bằng đất nung có dạng vò, dùng cây giồng vào lòng phễu tạo ra tiếng, nhạc khí này hầu như chỉ dùng trong lễ tế Khổng Tử)...
 - Cách: Các loại nhạc khí bịt da như các loại trống.
 - Mộc: Nhạc khí bộ gõ bằng gỗ như mõ, phách, bản tử, ngữ (nhạc khí hình con hồ, trên lưng có 27 vạch nổi lên. Khi dùng sẽ dùng một bó tre gồm 15 thanh tre cào lên những cái vạch gỗ đó cho phát ra âm thanh loạt xoạt. Ngày nay, Ngữ chỉ dùng trong lễ tế Khổng Tử) v.v...

¹⁰ Huân (埙, còn viết là 壎) là một thứ nhạc khí thường làm bằng đất nung, hình hơi giống quả trứng, một đầu nhọn, một đầu bằng. Đầu nhọn khoét lỗ để thổi, chung quanh khoét lỗ, thông thường là sáu lỗ, được chia thành hai loại: Loại có hình như trứng con phượng, gọi là Nhã Huân; loại giống hình trứng gà thì gọi là Tụng Huân. Huân đôi khi còn được gọi là Đào Địch (ống sáo bằng đất nung), và chữ Huân (Đào Địch) cũng thường được dùng để dịch tên loại kèn Ocarina của phương Tây (tuy Ocarina đẹp và nhỏ hơn Huân).

Trì (箎) là loại sáo bằng trúc thổi ngang, khoét tám lỗ hoặc bảy lỗ (trong khi Tiêu là sáo thổi dọc). Hiện thời hầu như không ai sử dụng Trì, trừ những dàn nhạc tấu loại Nhã Nhạc thời Tùy - Đường mới dùng đến. Trì gần giống như ống Địch (sáo ngang) hiện thời, điểm khác biệt là hai đầu của Trì bịt kín, trong khi Địch để trống, Trì cũng ngắn hơn Địch. Sách Nhĩ Nhã chép: “Trì dài một thước bốn tấc, to ba tấc, thổi ngang. Loại nhỏ chỉ dài hai tấc”.

¹¹ Quốc Nhạc (còn gọi là Dân Nhạc, Trung Nhạc, Hoa Nhạc) là danh xưng người Hoa Đài Loan dùng để gọi âm nhạc truyền thống của họ, nhằm phân biệt với các loại nhạc chịu ảnh hưởng nhạc lý phương Tây, chủ yếu sử dụng các nhạc cụ truyền thống của Trung Hoa.

¹² Cung và Vũ là hai âm trong quy định về luật ngũ cung trong âm nhạc cổ truyền. Cung gần tương ứng với note Do và Vũ tương ứng với note La trong nhạc Âu Tây.

¹³ “*Nhị thính*” là khai thính và bế thính. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nhất giả khai thính, thính chủng chủng não, tinh thần mậu loạn. Nhị giả bế thính, tịch vô sở văn, u phách tâm một*” (Một là khai thính, nghe các thứ ồn náo, tinh thần rối loạn. Hai là bế thính, vắng lặng chẳng nghe thấy gì, thần phách chìm đắm). Pháp sư Viên Anh giảng: Do sự đối ứng của Nhĩ Căn đối với động và tịnh của Thanh Trần mà có hai loại nghe như vậy.

¹⁴ Từ (詞, còn viết là 辭) là một thể loại văn chương, đôi khi còn gọi là Khúc Từ Từ, Thi Từ, Trường Đoạn Cú hoặc Nhạc Phủ. Thể loại này xuất hiện dưới đời Đường (tuy có thuyết cho rằng có thể sớm hơn), đạt đến đỉnh cao nhất vào thời Tống. Thoạt đầu, Từ thường được dùng để phổ nhạc hoặc hát, về sau trở thành một thể loại văn chương độc lập. Có thể coi Từ như một thể loại thi ca, tuy có quy luật, nhưng không quá bó buộc, cứng nhắc như Đường Thi nên được giới văn nhân rất ưa chuộng vì có thể diễn tả ý tưởng phóng khoáng hơn. Đặc điểm của Từ là câu dài ngắn không đều, nhưng gieo vần nghiêm ngặt, Nếu căn cứ theo số chữ thì có ba loại lớn là Tiêu Lệnh (trong vòng 58 chữ), Trung Điệu (59-90 chữ), Trường Điệu (từ 91 chữ trở lên). Nếu căn cứ theo từng đoạn thì có Đơn Điệu (chỉ có một đoạn), Song Điệu, Tam Điệp (ba đoạn) và Tứ Điệp (bốn đoạn). Nếu căn cứ trên nhạc điệu thì lại chia thành Lệnh, Dẫn, Man, Tam Thai, Tự Từ, Pháp Khúc, Đại Khúc, Triền Lệnh, Chư Cung Điệu. Mỗi một Điệu như vậy có nhạc khúc nhất định, khi gieo vần dùng chữ phải tuân theo quy cách để có thể hát lên được.

¹⁵ Chân Đế (Paramārtha, 469-569) là một vị pháp sư dịch kinh lừng danh vào thế kỷ thứ năm, thứ sáu. Đôi khi Ngài còn được gọi là Câu La Na Đà (Kulanātha), là người xứ Ưu Thiên Ni (Ujjainī), Bắc Ấn, thuộc dòng dõi Bà La Môn. Pháp sư thông minh, mẫn tiệp, nhớ dai, quán thông Tam Tạng, thấu hiểu sâu xa nghĩa lý Đại Thừa. Ngài theo đường biển đến Trung Hoa nhằm năm Đại Đồng nguyên niên (546) đời Lương. Năm Thái Thanh thứ hai (548), Ngài đến kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh

hiện thời) yết kiến Lương Vũ Đế, nhưng loạn Hầu Cảnh nổi ra, Ngài bèn về phương Nam ẩn thân, lần lượt trải qua nhiều nơi như Giang, Chiết, Tô, Cám, Mân, Quảng v.v... Tuy phải trôi giạt nhiều nơi, không được đế vương hộ trì, Ngài vẫn dịch rất nhiều kinh luận. Do chiến cuộc, số lượng kinh luận Ngài dịch hơn sáu mươi bốn bộ, nhưng hiện thời chỉ còn giữ được ba mươi bộ, và toàn là những bộ kinh luận trọng yếu trong Phật giáo Đại Thừa. Vì thế, Ngài cùng với các vị Cưu Ma La Thập, Huyền Trang và Nghĩa Tịnh được tôn xưng là Tứ Đại Phiên Dịch Gia. Các bộ kinh luận do Ngài dịch được biết đến nhiều nhất là Chuyển Thức Luận, Đại Thừa Duy Thức Luận, Kim Quang Minh Kinh, Nhiếp Đại Thừa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, Trung Biên Phân Biệt Luận, Câu Xá Luận Thích, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Luật Nhị Thập Nhị Minh Liễu Luận v.v... Trong số đó, hai bộ Nhị Thừa Đại Thừa Luận và Nhiếp Đại Thừa Luận Thích được coi là kinh điển bắt buộc phải học của Pháp Tướng. Vì thế, Ngài còn được tôn là tổ của Nhiếp Luận Tông Trung Hoa.¹⁶ Na-do-tha (Nayuta) là một con số rất lớn, bằng 10 lũy thừa 112, tức là sau số 1 có 112 con số 0.

¹⁷ “Khiếu” có nghĩa gốc là những lỗ hở trên thân thể, thường gọi là Thất Khiếu, như mắt, tai, mũi, miệng v.v... Do Đạo giáo quan niệm linh hồn thoát ra khỏi thể xác qua các Khiếu nên gọi là Linh Hồn Xuất Khiếu.

¹⁸ Nguyên văn “*thập lý trường đình*”. Đây là một kiến trúc được thiết lập từ thời Tần - Hán. Theo đó, trên các trục lộ chính, cứ mười dặm đường lập một cái đình để khách bộ hành nghỉ chân. Đình là một kiến trúc thường là hình bát giác, có mái, nhưng không có vách, bên trong thường là bàn ghế đá. Thoạt đầu, Tần Thủy Hoàng quy định cứ ba mươi dặm là một Chuyển (nơi thay ngựa, thay phu trạm chuyển vận thư), cứ mười dặm là một Đình (để phu trạm nghỉ chân). Sang thời Hán, Đình trở thành nơi nghỉ chân của khách bộ hành hoặc tiễn biệt. Đưa nhau đi xa, bạn bè sẽ đưa chân đến mười dặm, rồi mới quay lại. Về sau, “*thập lý trường đình*” được dùng như một từ ngữ phiếm chỉ nơi tiễn chân, chia tay, chứ không nhất thiết phải tiễn nhau đến mười dặm!

¹⁹ Lục Hợp Thái là một loại vé số, thịnh hành ở Hương Cảng, thường được biết dưới tên là Mark Six, phát hành bởi tổ chức Hongkong Jockey Club (Hương Cảng Trại Mã Hội, tức hội đua ngựa Hương Cảng), trực thuộc Hương Cảng Tưởng Khoán Quản Lý Cục (giống như Sở Số Xổ Kiến Thiết của ta). Người chơi mua vé, điền sáu con số họ dự đoán sẽ

được thả ra từ các lồng cầu quay số. Máy quay số gồm các ống hình trụ chứa những quả cầu được đánh số từ 1 đến 49.

²⁰ Bộ kinh này có tên đầy đủ là Phật Thuyết Bảo Vũ Kinh, còn gọi là Hiền Thọ Bất Thoái Chuyên Bồ Tát Ký, do ngài Đạt Ma Lưu Chi dịch vào đời Đường. Trong kinh này, đức Phật thọ ký Nguyệt Quang thiên tử trong tương lai sẽ làm con gái của Chi Na quốc vương, dùng chánh pháp để cai trị, giáo hóa. Đến khi Di Lặc Phật ra đời, lại được thọ ký. Tiếp đó, Chỉ Nhất Thiết Cái Bồ Tát từ thế giới Liên Hoa Nhân ở phương Đông hỏi Phật mười pháp an lạc, tạo lợi ích, thành tựu hết thảy chúng sanh; nhân đó, đức Phật dạy hãy dùng mười pháp Thí, Nhẫn, Tinh Tấn, Phương Tiện, Bát Nhã v.v... để viên mãn ý nguyện ấy.

²¹ Kinh Kim Cang chép: *“Nhu thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Xá Vệ quốc Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bốn xứ, phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa”* (Ta nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc, cùng với các vị đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp. Khi ấy, đức Thế Tôn vào giờ ăn, đắp y, cầm bát, vào đại thành Xá Vệ khát thực. Ở trong thành, Ngài lần lượt khát thực, trở về chỗ mình, dùng cơm xong, cất y, bát, rửa chân xong xuôi, bèn trải tòa ngồi).

²² Ở đây, Tở đã dùng hình ảnh dệt cửi để hình dung sự tuần hoàn. Trong khung cửi, sợi chăng (giăng, căng) theo chiều dọc là Kinh, sợi căng theo chiều ngang là Vĩ, cái thoi dệt sẽ lần lượt luôn sợi ngang đan xen sợi dọc, lần lượt từ trên xuống dưới không ngừng.

²³ Thuở xưa, khi dệt xong vải, người ta thường mang ra sông, suối để giặt. Người giặt dùng chày hay gậy đập vải bị nhúng ướt với mục đích gạt bỏ những chất dơ.

²⁴ Năm tầng trời ấy là Vô Phiền Thiên (Avr̥ha), Vô Nhiệt Thiên (Atapa), Thiện Kiến Thiên (Sudr̥sa), Thiện Hiện Thiên (Sudar̥sana) và Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanis̥tha).

²⁵ Lục Thư là sự phân loại cách tạo chữ và phương pháp sử dụng các từ ngữ trong tiếng Hán, bao gồm:

- Tượng Hình: Mô phỏng hình dáng sự việc, như Nhật (日), Nguyệt (月), Sơn (山), Xuyên (川)...

- Chỉ Sự (còn gọi là Biểu Ý): Chỉ định một sự vật bằng cách dùng chữ để diễn đạt ý, như thêm nét vào một chữ gốc. Chẳng hạn, chữ Bản (本: gốc cây), được tạo thành một vạch thêm vào dưới chữ Mộc (木), hoặc các chữ Thượng (上), Hạ (下).

- Hình Thanh: Kết hợp một chữ (gọi là Hình) để biểu thị ý nghĩa, thêm một chữ biểu thị âm đọc. Chẳng hạn Chỉ (趾: ngón chân), ghép bởi chữ Túc (足: chân) và Chỉ (止) để gợi ý âm đọc.

- Hội Ý: Ghép hai hay nhiều chữ lại, nhằm diễn tả một ý nghĩa như chữ Tửu (酒) gồm chữ Đậu (酉) nghĩa là cái vò bằng đất chứa đựng dịch thể được tượng trưng bằng bộ Thủy (水).

- Chuyển Chú: Dùng chữ này để chỉ ý nghĩa chữ khác, có thể phân thành ba loại như Hình Chuyển Chú (những chữ có cùng một bộ Thủ, có ý nghĩa gần giống nhau), Nghĩa Chuyển Chú (có ý nghĩa tương đồng), và Âm Chuyển Chú (âm đọc gần giống nhau, có thể dùng để giải thích hay dùng lẫn cho nhau). Nói chung, định nghĩa này không phân biệt rạch ròi ranh giới giữa Âm Chuyển Chú và Giả Tá.

- Giả Tá: Mượn những chữ có âm đọc giống nhau, để chỉ những ý khác. Cách này thường dùng trong biên chép cho nhanh, nhất là trong lời chú Thảo. Chẳng hạn khi chép chuyện Ngu Công Dời Núi trong sách Liệt Tử, người ta đã than: “*Thậm hỹ, nhữ chi bất huệ*” (甚矣, 汝之不惠: Ông thật là ngu đần quá). Chữ Huệ (惠) là cách viết Giả Tá thay cho Huệ (慧: trí huệ).

²⁶ Toàn bộ đoạn này chỉ được sách Diễn Nghĩa giảng vắn tắt như sau: “*Từ câu ‘Thiền Định tư thần’ (Thiền Định bồi bổ tinh thần) trở đi, lần lượt giải thích năm món ăn trên đây. Thực (thức ăn) có ý nghĩa vun bồi, vui sướng. Nay Thiền Định duy trì cái tâm, xa lìa những thứ thô trực, nặng nề. Thân thể sáng khoái, tinh thần thoải mái, chính là ý nghĩa của Thực. Thực có ý nghĩa tăng trưởng, nay nguyện lực kiên cường, chấp trì chánh pháp, Pháp Thân tăng trưởng, chính là ý nghĩa Thực. Thực có thể hoàn thành các sự, nay do niệm lực có thể hiểu rõ, nhớ kỹ chẳng quên, nên hoàn thành thánh đạo, đó chính là ý nghĩa Thực. Thực có ý nghĩa giải trừ đói khát, nay giải thoát có thể trừ ba chướng, vun bồi, tăng trưởng Pháp Thân, đó chính là ý nghĩa của Thực. Thực có thể khiến cho*

thân tâm vui sướng, thoải mái, nay pháp hỷ có thể [làm cho hành nhân] đắc đại hoan hỷ, no đủ, sung túc, đó chính là ý nghĩa Thực”.

²⁷ Đây là vị thiện tri thức thứ mười ba trong năm mươi ba vị thiện tri thức. Theo kinh Hoa Nghiêm, vị ưu-bà-di này ở thành Hải Trụ. Thiện Tài đến đó, thấy nhà cửa trang nghiêm, tường vây quanh bằng các thứ báu, ưu-bà-di Cụ Túc ngồi trên tòa báu, dung mạo đẹp đẽ, trang nghiêm, khả ái, đoan chánh, oai đức chói ngời. Trong nhà bày mười ức tòa, vượt trời tất cả các thứ sở hữu của chư thiên, đều do nghiệp lực của Bồ Tát thành tựu. Trong nhà chẳng có gì khác, ngoại trừ một cái bát nhỏ, lại có một vạn đồng nữ vây quanh, oai nghi sắc tướng như cung nữ cõi trời, trang sức bằng các thứ báu, âm thanh khả ái, khiến người nghe vui sướng, thân cận chiêm ngưỡng, tư duy, quan sát, khom mình, cúi đầu trước ưu-bà-di. Sau khi Thiện Tài đánh lễ, thưa hỏi Bồ Tát đạo, ưu-bà-di liền nói bà ta đã đắc Vô Tận Phước Đức Tạng Giải Thoát Môn. Từ trong cái bát nhỏ ấy, thuận theo sự ưa thích của mỗi chúng sanh mà sanh ra đủ thứ thức ăn ngon lành, khiến cho họ no đủ. Dầu cho trăm ngàn vạn ức, cho đến bất khả thuyết chúng sanh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số chúng sanh, cho đến mười phương thế giới hết thảy chúng sanh tùy lòng ưa muốn đều được no đủ, nhưng thức ăn chẳng có cùng tận, cũng chẳng giảm bớt. Các thứ mùi vị ngon lành bậc nhất, giường, tòa, y phục, vật dụng để nằm, xe cộ, hoa, hương, trân bảo, chuỗi ngọc, tràng, phan, lọng, hết thảy những vật cần dùng cho cuộc sống đều thuận theo ý muốn mà từ cái bát ấy xuất sanh đầy đủ...

²⁸ Sư Đầu là một quả núi rất nổi tiếng ở Đài Loan, nằm giữa hai làng Tam Loan và Nam Trang thuộc huyện Miêu Lật. Núi này được coi là đạo tràng Phật giáo và Đạo giáo lớn nhất Đài Loan. Từ năm 1895, đã có tăng lữ kết am tu hành trong hang động tự nhiên trên núi, đặt tên là Sư Nham Động (về sau là chùa Nguyên Quang). Các chùa miếu nổi tiếng là Khuyến Hóa Đường, Phạm Âm Tự, Phụ Thiên Cung, Khai Thiện Tự v.v...

²⁹ Thổ nhưỡng: Cấu tạo đặc trưng của một vùng đất do các lớp đất khác nhau tạo thành. Nói thông thường, thổ nhưỡng được phân loại chủ yếu do cấu tạo khoáng chất, vật chất hữu cơ và hóa học cũng như kết cấu của các hạt đất.

³⁰ Thân Nhân Duyên là một trong bốn duyên. Đây là duyên chánh yếu khiến cho một quả được kết thành. Chẳng hạn Thân Nhân Duyên của cây táo chính là hạt táo.

³¹ Sở Duyên Duyên nghĩa là cái duyên có thể phan duyên, có thể bị duyên (tác động đến, ảnh hưởng đến). Chẳng hạn như tâm thức là Năng Duyên, còn cảnh giới là Sở Duyên. Như vậy cảnh giới được gọi là Sở Duyên Duyên của tâm thức.

³² Tăng Thượng Duyên là duyên giúp cho Lục Dụng của Thân Nhân Duyên hiện hành.

³³ Nói đầy đủ, hai mươi hai Căn gồm Lục Căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), Nam Căn, Nữ Căn, Mạng Căn (căn nguyên của sanh mạng), Ngũ Thọ Căn (Khô, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả), Ngũ Căn (Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ) và Tam Vô Lậu Căn (Vị Tri Đương Tri Căn, Dĩ Tri Căn và Cụ Tri Căn).

³⁴ Do Danh và Minh cùng phát âm là Míng (trong âm Quan Thoại), nên hòa thượng phải nhấn mạnh như vậy.

³⁵ Trong nguyên văn, người ghi lại lời giảng đã ghi sai tên ông này thành Trần Kiến Minh. Trần Kiện Dân (陳健民, 1906-1987), thường được gọi là Yogi C.M. Chen, không rõ quê quán. Theo các học trò, ông ta từng tu Mật Tông tại vùng Tây Khang năm năm, nhưng có người nói ông ta ẩn tu tại Kalimpong (Ấn Độ) năm năm, trước khi chuyển đến Hoa Kỳ. Theo Lạt-ma Ole Nydahl, ông Trần thuở trẻ tu tiên, cầu trường sanh, về sau, đổi sang tu Phật giáo, sang Tây Tạng học Mật, sống nhiều năm trong hang. Có người nói ông ta đã thọ pháp với nhiều vị Lạt-ma nổi tiếng và có hai đệ tử người Anh nổi tiếng là tỳ-kheo Sangharakshita (người sáng lập dòng tu Tây Phương Phật Hữu, FWBO) và Khantipalo (ông này là một trong các vị tỳ-kheo theo truyền thống Nam Tông hai mươi năm, sáng lập tự viện Nam Tông tại Úc như Wat Buddhadharma và trung tâm Phật giáo Bodhicitta. Về sau, hoàn tục, lập gia đình để học Mật Tông Tây Tạng theo truyền thống Dzogchen. Năm 2010, ông lại xin thọ giới sa-di theo truyền thống Đại Thừa Việt Nam với pháp danh Minh An, rồi phải vào viện dưỡng lão vì bệnh Alzheimers). Tác phẩm Buddhist Meditation, Systematic and Practical được coi là biên bản ghi chép cuộc đối thoại về Thiền Định giữa ba thầy trò, nhưng người khiến cho ông Trần Kiện Dân nổi tiếng trong cộng đồng người Hoa là tiến sĩ Lâm Ngọc Đường. Ông Lâm được coi là học trò đặc pháp của Trần Kiện Dân, tích cực truyền bá tư tưởng của ông Trần, và xuất bản bộ Khúc Quãng Trai Toàn Tập (曲肱齋全集, toàn tập các trước tác của Trần Kiện Dân). Có lẽ chỉ có ông Trần Kiện Dân chủ trương thuyết này nhằm lật đổ quan niệm “đói nghiệp vãng sanh”. Các vị hành giả đại đức thông thạo Mật

Tông Trung Hoa như lão hòa thượng Mộng Tham, Nguyên Âm lão nhân và giáo sư Nam Hoài Cẩn đều lên tiếng phủ định quan điểm của ông Trần.

³⁶ Đây là một thành ngữ trích từ câu nói “*đại nhi hóa chi, vị Thánh*” trong thiên Tận Tâm Hạ sách Mạnh Tử. Các nhà chú giải thường giải thích câu này có nghĩa là phẩm đức, phẩm hạnh to tát, tốt đẹp rạng rỡ, khiến cho người chung quanh cho đến khắp thiên hạ đều bị cảm hóa; người như vậy đáng gọi là bậc Thánh.

³⁷ Đây là một khẩu hiệu dùng trong phong trào vận động Ngũ Tứ đầu thời Dân Quốc, với chủ trương xóa sạch những tư tưởng cũ, phong kiến, hủ bại. Các lãnh tụ thời ấy như Trần Độc Tú, Hồ Thích v.v... đã cổ xúy ý tưởng phé bỏ toàn bộ học thuyết Nho, Thích, Đạo trong xã hội Trung Hoa. “*Đả đảo tiệm buôn họ Khổng*” tức là phé bỏ toàn bộ kinh điển Nho gia trong học đường, đóng cửa các văn miếu, văn chỉ tại các địa phương, biến chùa chiền, miếu thờ, đạo quán thành trường học, tịch thu tài sản của các miếu thờ, tự viện v.v...

³⁸ Tam Không là Nhân Không, Pháp Không và Nhân Pháp Câu Không (nhân và pháp đều không).

³⁹ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận (Mahāyānābhidharma Samuccaya Vyākhyā), gọi tắt là Tập Tập Luận, hoặc Đối Pháp Luận, do An Huệ Bồ Tát biên soạn nhằm chú giải bộ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Luận của Vô Trước Bồ Tát. Vào năm Vĩnh Huy thứ ba (652), tác phẩm này được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành mười sáu quyển. Theo truyền thống, bộ luận này được coi là bản hội tập những lời giảng giải Du Già Sư Địa Luận của đệ tử ngài Vô Trước là ngài Giác Sư Tử.

⁴⁰ Giám Viện (còn gọi là Giám Tự) là người có trách nhiệm quản lý sự vụ cao nhất trong một ngôi chùa, bao gồm quản trị các chấp sự trông coi giáo học, công khóa, lương thực, kinh sách, pháp khí, nhân sự, tri khách, điều hành mọi hoạt động trong chùa, thường được coi là cánh tay mặt của hòa thượng trụ trì. Nói gọn lại, vị này là tổng quản trị của mọi chức vụ khác trong từng lâm. Đôi khi Giám Viện còn gọi là Đương Gia, tuy có trường hợp vị Đương Gia quyền hạn nhỏ hơn Giám Viện, chỉ là phụ tá của Giám Viện.

⁴¹ Nguyên văn là “*long sáo*” (龍套), còn gọi là Văn Đường (文堂) hoặc Lưu Hành (流行), tức là những diễn viên phụ nhằm nổi bật nhân vật chính. Diễn viên phụ trong các thể loại tuồng, thường cứ bốn người kết

thành một đội, gọi là một Đường (堂), thường đóng vai người hầu hoặc sĩ tốt, đảm nhiệm vai trò hò hét trợ oai cho các vai võ tướng, hoặc biểu thị quân số tháp tùng. Về sau, trong các màn biểu diễn, những diễn viên phụ múa hát phụ họa đôi khi cũng được gọi là “long sáo”. Tại Đài Loan, nhất là Phật Quang Sơn hoặc Linh Nham Sơn Tự (của pháp sư Diệu Liên), mỗi khi hòa thượng trụ trì hoặc các vị trưởng lão giảng kinh thường có những màn biểu diễn của các pháp sư cầm đèn lồng, phan, cái, vừa đi vừa hát, nhiều quanh sân khấu, chuông trống rầm rộ, chung bày sân khấu, phong màn lộng lẫy, đồng thời chiếu hình ảnh giới thiệu các hoạt động của chùa, thậm chí còn có võ tăng biểu diễn võ thuật. Khi vị trưởng lão giảng kinh, thường là trước khi giảng đoạn kinh nào, các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thường hát đoạn kinh ấy lên rồi mới giảng.

⁴² Ngũ Chung Trí là Pháp Giới Thế Tánh Trí, Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí.

⁴³ Hai mươi lăm môn tam-muội nhằm đối trị hai mươi lăm loại lưu chuyển sanh tử trong tam giới, chính là: 1) Vô Cấu tam-muội nhằm phá hoại địa ngục đạo. 2) Bất Thoái tam-muội nhằm phá hoại súc sanh đạo. 3) Tâm Nhạo tam-muội nhằm phá hoại ngã quý đạo. 4) Hoan Hỷ tam-muội nhằm phá hoại A Tu La đạo. 5) Nhật Quang tam-muội nhằm phá trừ cõi Đông Phất Bà Đề. 6) Nguyệt Quang tam-muội nhằm phá trừ cõi Tây Cù Gia Ni. 7) Nhiệt Diễm tam-muội nhằm phá trừ Bắc Uất Đan Việt. 8) Như Huyền tam-muội nhằm phá trừ Nam Diêm Phù Đề. 9) Bất Động tam-muội nhằm trừ Tứ Thiên Xứ. 10) Nan Phục tam-muội nhằm trừ cõi Tam Thập Tam Thiên. 11) Duyệt Ý tam-muội nhằm trừ Diêm Ma Thiên. 12) Thanh Sắc tam-muội nhằm trừ Đâu Suất Thiên. 13) Hoàng Sắc tam-muội nhằm trừ Hóa Lạc Thiên. 14) Xích Sắc tam-muội nhằm trừ Tha Hóa Tự Tại Thiên. 15) Bạch Sắc tam-muội nhằm trừ cõi Sơ Thiên. 16) Chung Chung tam-muội nhằm trừ Đại Phạm Thiên. 17) Song tam-muội nhằm trừ cõi Nhị Thiên. 18) Lôi Âm tam-muội nhằm trừ cõi Tam Thiên. 19) Chú Vũ tam-muội nhằm trừ cõi Tứ Thiên. 20) Như Hư Không tam-muội nhằm trừ cõi Vô Tướng Thiên. 21) Chiếu Kính tam-muội nhằm trừ cảnh giới Tịnh Cư A Na Hàm. 22) Vô Ngại tam-muội nhằm trừ Không Xứ Thiên. 23) Thường tam-muội nhằm trừ Thức Xứ Thiên. 24) Lạc tam-muội nhằm trừ Bất Dụng Xứ Thiên. 25) Ngã tam-muội nhằm trừ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

⁴⁴ Pháp sư Đông Sơ (東初, 1908-1977) là một vị danh Tăng thời cận đại, húy là Đăng Lăng, hiệu Đông Sơ, họ Phạm, quê ở huyện Thái, tỉnh Giang Tô. Năm 1920, Sư xuống tóc theo hầu hòa thượng Tịnh Thiên tại Quán Âm Am ở Giang Tô, thọ Cụ Túc Giới năm 1929. Năm 1934, Sư tốt nghiệp trường Mân Nam Phật Học Viện ở Hạ Môn do Thái Hư đại sư chủ trì. Năm 1935, Sư được hòa thượng Trí Quang chùa Định Huệ tại Trấn Giang phó pháp tông Tào Động, kế thừa pháp mạch Tào Động. Năm 1949, Sư sang Đài Loan, từng đảm nhiệm các chức vụ Xử Lý Thường Vụ hội Phật Giáo Trung Quốc. Năm 1950, Sư bế quan tại chùa Pháp Tạng ở Bắc Đầu để đọc Đại Tạng Kinh ròng rã suốt ba năm. Sư chủ trì việc ấn hành Đại Tạng Kinh từ năm 1955 sau khi đã thành lập Trung Hoa Phật Giáo Văn Hóa Quán nhằm đề cao văn hóa Phật Giáo. Hai học trò nổi tiếng nhất của Sư là pháp sư Thánh Nghiêm (người sáng lập Pháp Cổ Sơn) và pháp sư Thánh Khai (Từ Quang Sơn).

⁴⁵ Tăng Quốc Phiên (1811-1872), có tên ban đầu là Tử Thành, tự Bá Hàm, hiệu Điều Sanh, người xứ Tương Hương, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, là cháu bảy mươi đời của Tăng Sâm. Ông là một danh tướng cuối đời Thanh, được coi là một chính trị gia, quân sự gia, lý học gia và văn học gia lỗi lạc thời ấy. Cùng với các ông Lý Hồng Chương, Tả Tông Đường, Trương Chi Động, được gọi là Văn Thanh Tứ Đại Danh Thần (bốn vị quan nổi tiếng cuối đời Thanh). Ông học giỏi, nhưng học hành lận đận, mãi tới năm Đạo Quang 18 (1838) mới đỗ Tiến Sĩ. Ông từng làm quan tới chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ, kiêm Lương Giang Tổng Đốc, tước Nghị Dũng Hầu, thụy hiệu là Văn Chánh. Chiến công lừng lẫy nhất của ông là dẹp yên loạn Thái Bình Thiên Quốc. Tính tình ông cương trực, viết sớ tấu can gián vua Hàm Phong không kiêng dè. Bài sớ *“kính trần thánh đức tam đoan dự phòng lưu tệ sớ”* (kính trình ba điều chỉnh đốn đức hạnh của nhà vua để ngăn ngừa các điều tệ hại nảy sinh) khiến vua Hàm Phong đọc xong, nộ khí xung thiên, vút xuống đất, lấy chân chà đạp. Khi quân Thái Bình Thiên Quốc chiếm cứ Nam Kinh, uy hiếp Hồ Nam, ông đã tập hợp thân thích, nghĩa dũng trong tỉnh, huấn luyện thành đội quân vũ trang gọi là Tương Quân, đồng thời mua hỏa pháo của Tây phương, huấn luyện thủy binh, nên đã thành công dẹp tan quân phản loạn.

Tăng Bảo Tôn (1891-1978), tự Bình Phương, biệt hiệu là Hạo Như, là một nhà nữ giáo dục của Trung Hoa. Bà là cháu của Tăng Quốc Phiên, và là con gái của Tăng Quảng Quân. Năm 1911, bà là một trong những nữ

sinh viên đầu tiên sang du học Anh Quốc, đỗ Cử Nhân tại đại học Luân Đôn, sau đó lại tiếp tục theo học các chương trình hậu đại học tại các trường Oxford và Cambridge. Bà hồi hương năm 1917, sáng lập Nghệ Tô Nữ Hiệu dành cho nữ sinh viên, từng làm hiệu trưởng các trường nữ sinh tại Hồ Nam. Năm 1947, bà làm dân biểu tỉnh Hồ Nam, kiêm ủy viên của Hội Công Tác Phụ Nữ của Quốc Dân Đảng, Phó Chủ Nhiệm Hội Trù Bị Quang Phục Đại Lục.

⁴⁶ Khảo Thí Viện (考試院) là cơ cấu của Trung Hoa Dân Quốc đặc trách việc khảo hạch và tuyển chọn nhằm đảm bảo năng lực và phẩm chất thích đáng của các ứng viên thuộc nhân viên dân sự của chánh phủ để bổ nhiệm hoặc thăng cấp. Cơ quan này được thành lập từ năm 1928. Cơ quan này gồm một Viện Trưởng, một Phó Viện Trưởng và mười chín ủy viên, do chính Tổng Thống đề cử và được Quốc Hội chấp thuận, nhiệm kỳ là sáu năm. Khảo Thí Viện gồm bốn cơ quan nhỏ là:

- Khảo Tuyển Bộ (考選部) lo khảo hạch kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ kỹ thuật của ứng viên. Đồng thời chịu trách nhiệm tổ chức và giám định các cuộc thi.

- Thuyên Tụ Bộ (銓叙部) phụ trách vấn đề phong chức, thăng cấp, trợ cấp, trả lương hưu trí, bãi chức, xét công, ban thưởng v.v...

- Bảo Huấn Hội (保訓會) đặc trách xét duyệt và bảo vệ quyền lợi của nhân viên, cũng như chuyên lo huấn luyện nghiệp vụ.

- Cơ Kim Giám Lý Ủy Viên Hội (基金鑒理委員會) chuyên đặc trách vấn đề hưu trí.

⁴⁷ “*Kinh, sử, tử, tập*” là cách phân loại sách vở cổ điển của Trung Quốc. Khái niệm này được hình thành bởi Lý Sung đời Tấn, nhưng danh xưng “*kinh, sử, tử, tập*” chưa được chính thức áp dụng; đến đầu đời Đường, cách phân loại này mới được chính thức áp dụng. Mỗi loại trong bốn loại ấy lại còn chia thành nhiều loại nhỏ. Theo đó:

1) Kinh: Bao gồm những sách vở chánh yếu của Nho gia, mang tính chất khuôn mẫu, quy định các phạm trù đạo đức và luân lý, như Châu Dịch, Ngũ Kinh, Châu Lễ, Lễ Ký, Xuân Thu Tả Truyện, Tứ Thư, Nhĩ Nhã, Nhạc Luận, Nhạc Lễ Đại Nghĩa, Nhạc Kinh, Hoàng Chung Luật, Hiếu Kinh, Khổng Tử Gia Ngữ, Hà Đồ Lạc Thư, Dịch Vĩ, Xuân Thu Vĩ, Luận Ngữ Sám, Ngọc Thiên, Âm Thư Khảo Nguyên, Thanh Vận v.v... Từ đó,

ngành học thuật chuyên nghiên cứu các loại kinh điển này được gọi là Kinh Học.

2) Sử: Bao gồm cách sách chép về lịch sử và các thư tịch ghi chép về điển chương, quy chế, quy định về quan chức của các vương triều, như hai mươi lăm bộ sử, ký sự lịch sử, tạp sử, chiếu lệnh, truyện ký về các triều đại, thời lệnh (các mệnh lệnh theo các thời điểm trong từng triều đại) v.v... Các tác phẩm tiêu biểu là Chiến Quốc Sách, Sử Lý, Triệu Tuyệt Ký, Sử Ký, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Đông Quán Hán Ký, Lương Thư Đế Ký, Châu Sử, Thông Sử, Tam Quốc Chí, Trần Thư, Hậu Ngụy Thư, Thanh Sử Cảo v.v...

3) Tử: Bao gồm các trước tác của các triết gia và học phái (hoặc các tác phẩm chú giải những bộ sách ấy) cũng như các sách vở của Phật Giáo và Đạo Giáo, chia thành mười bốn loại nhỏ là Nho gia, binh gia, pháp gia, nông gia, y gia, thiên văn toán pháp, thuật số, chư lục (các sách vở ghi chép ngữ lục của triết gia), tạp gia, loại thư, tiểu thuyết gia, Thích gia, Đạo gia. Các tác phẩm tiêu biểu là Yến Anh Xuân Thu, Tăng Tử, Tân Ngữ, Thuyết Uyển, Yếu Lãm, Đạo Đức Kinh, Lão Tử Nghĩa Sớ, Văn Tử, Hạc Quán Tử, Liệt Tử, Trang Tử, Nam Hoa Luận, Bão Phác Tử Nội Thiên, Huyền Tử, Quán Tử, Thương Quân Tử, Hàn Tử, Nhân Vật Chí, Doãn Văn Tử, Sĩ Phẩm, Mặc Tử, Quỷ Cốc Tử, Tôn Tử Binh Pháp, Thái Công Lục Thao, Thái Công Kim Quỹ, Đại Tướng Quân Binh Pháp, Huyền Nữ Chiến Kinh, Bão Phác Tử Ngoại Thiên, Bác Vật Chí, Thái Bình Quảng Ký, Cổ Kim Chú, Tế Dân Yếu Thuật, Cẩm Uyển Bảo Lục, Châu Lễ, Hồn Thiên Nghĩa, Thiên Văn Tập Chiêm, Tinh Chiêm, Hồng Phạm Chiêm, Nhị Thập Bát Tú Phần Dã Đồ, Tứ Phần Lịch, Lậu Khắc Kinh, Cửu Chương Toán Thuật, Tôn Tử Toán Kinh, Châu Dịch Linh Thông Quyết, Chiêm Mộng Thư, Cửu Cung Hành Kỳ Kinh, Tai Dị Đồ, Bản Thảo Đồ Kinh, Bản Thảo Cương Mục, Trương Trọng Cảnh Phương, Tổ Ván, Châm Cứu Giáp Ất Kinh, Linh Khu Kinh, Dưỡng Sanh Yếu Tập, Mạch Kinh, Hoàng Đế Dưỡng Thai Kinh, Dưỡng Sanh Thuật v.v...

4) Tập: Bao gồm các trước tác như tản văn (văn xuôi), biên văn (văn vần), thơ, từ, tán khúc, bình luận, hý khúc (các vở tuồng), ca khúc v.v... Lại chia thành nhiều loại nhỏ như Sở Từ, Biệt Tập, Thi Văn Bình (bình luận thơ văn), Thi Từ v.v... Các tác phẩm tiêu biểu là Sở Từ, Tư Mã Tương Như Tập, Đỗ Dự Tập, Hàn Khang Bá Tập, Nhạc Phủ Tân Ca, Linh Bảo Kinh, Đồng Huyền Lục v.v...

Chính vì cách phân loại sách vở thành bốn loại này mà khi Càn Long ra lệnh biên tập một tổng tập các tác phẩm cổ điển của Trung Hoa, nhóm chủ biên đã đặt tên cho bộ tổng tập ấy là Tứ Khố Toàn Thư.

⁴⁸ Theo hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc, Giám Sát Viện (監察院) là cơ quan giám sát cao cấp nhất, có quyền điều tra, kiểm tra, và giám sát các ngành của chính quyền, cũng như các quyền hạn tiếp nhận đơn khiếu nại các viên chức, giám sát hoạt động của Khảo Thí Viện, cũng như đề ra những biện pháp để sửa chữa những sai sót hoặc lệch lạc trong hoạt động của chính quyền. Viện còn có quyền tiến hành đàn hặc và khởi tố lên Tối Cao Pháp Viện nếu phát hiện các viên chức chính quyền (kể cả Tổng Thống) đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong chức vụ. Viện này bao gồm hai mươi chín ủy viên, có nhiệm kỳ sáu năm. Cơ quan này gần như tương đương với Government Accountability Office của Hoa Kỳ.

⁴⁹ “*Ngũ gia*” (năm nhà) là năm loại người hoặc sự việc có thể khiến cho ta mất sạch tài sản dễ dàng: Vua (chính quyền), giặc cướp, thủy tai, hỏa tai, con cháu tồi bại.

⁵⁰ Mười một thiện pháp là Tín, Tinh Tấn, Tàm, Quý, Bất Tham, Bất Sân, Bất Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại.

⁵¹ “*Thận chung truy viễn*” (慎終追遠): “*Thận chung*” là chôn cất, làm đám tang cẩn thận khi cha mẹ khuất bóng. “*Truy viễn*” là cúng tế tổ tiên. Hiểu theo nghĩa rộng, “*thận chung truy viễn*” là luôn tưởng niệm ân đức, báo đáp ân đức ông bà, cha mẹ, tổ tiên, các bậc tiền hiền.

⁵² Gọi là Hoàng Quyển vì giấy dùng để in kinh sách nhà Phật thường có màu vàng. Do thuở xưa, trước khi in hay chép, người ta nhuộm giấy bằng một loại thuốc chống mối mọt khiến cho giấy có màu vàng nhạt, nên gọi là Hoàng Chi. Gọi là Xích Trục vì trục cuốn thường sơn màu đỏ vừa dễ thấy, vừa có tác dụng trang trí. Do kinh được in trên một tấm giấy dài, phải gắn trục gỗ ở hai đầu để dễ mở ra, hoặc cuộn lại, đồng thời lại có tác dụng ngăn cho kinh khỏi bị rách như khi dùng tay trực tiếp mở cuốn giấy ra.

⁵³ Thật ra, trong Hán Tạng còn có một loại A Hàm nữa, đôi khi được gọi là Tiểu Bộ A Hàm (Kṣudraka Āgama). Trong bản tiếng Hán, phần này được chia thành mười lăm bản kinh (trong khi đó, theo truyền thống Nam Tông, đây là mười lăm phần, tức là gồm nhiều bản kinh hơn). Phần này tuy ngắn, nhưng bao gồm các bản kinh khá nổi tiếng như Pháp Cú, Nghĩa Thích, Bốn Sự, Bốn Sanh, Ngạ Quỷ Sự, Thí Dụ Kinh, Phật Chúng

Tánh Kinh, Sở Hành Tạng Kinh v.v... Phật môn Trung Hoa do chịu ảnh hưởng của Nhất Thiết Nghĩa Bộ (Sarvāstivāda) chỉ công nhận Tứ A Hàm, coi những kinh thuộc Tiểu Bộ là một phần của Tăng Nhất A Hàm, trong khi các bộ phái như Đàm Ma Cấp Đa Bộ (Pháp Tạng Bộ, Dharmaguptaka), Hóa Địa Bộ (Mahīśāsaka)... lại coi đây là một bộ loại riêng. Trường phái Theravāda coi Tiểu Bộ A Hàm là một phần A Hàm riêng biệt với danh xưng Khuddaka Nikāya.

⁵⁴ “*Hoại sắc*” tức là màu không thuộc về chánh sắc. Chánh sắc là các màu đỏ, vàng, lam, trắng, đen. Hoại sắc là các màu ấy được pha trộn lẫn thành một màu hỗn hợp, không còn vẻ tươi sáng ban đầu, hoặc thuần màu, chẳng hạn y màu vàng bèn nhuộm thành màu vàng ử dột, giống như màu vàng nghệ xẫm hoặc đất thó, không giữ vẻ tươi sáng như hiện thời. Chính vì vậy mà tăng nhân Trung Hoa thuở trước thường mặc màu xám khói hương, màu chàm, màu nâu, hoặc đen xẫm, ngay cả y vàng cũng nhuộm xẫm sao cho vàng không ra vàng, đỏ không ra đỏ, cam không ra cam.

⁵⁵ Thuận Tông là hoàng đế thứ mười của nhà Đường, tên thật là Lý Tụng (761-806), con trưởng của Đức Tông (Lý Quát). Ông là người chăm lo việc nước, tận lực trừ khử những tệ hại trong thời Đức Tông, trọng dụng những vị hiền thần như Liễu Tông Nguyên, Lưu Vũ Tích v.v... giáng chức hoặc biếm truất các tham quan, dẹp trừ bè phái hoạn quan, sử gọi công cuộc cải cách này là Vĩnh Trinh Duy Tân. Tiếc rằng ông bị trúng phong (stroke) á khẩu. Thừa dịp này bọn hoạn quan quyền thần cầm đầu bởi Câu Văn Trân cấu kết với các quyền thần và phiến trấn bắt ông thoái vị, nhường ngôi cho thái tử Lý Thuần (Đường Hiến Tông), đuổi các hiền thần như Vương Hoài, Hàn Thái v.v... Ông mất năm sau, có tin đồn ông bị bọn hoạn quan sát hại.

⁵⁶ “*Quang phục*” là từ ngữ thường được dùng để chỉ thời điểm Trung Hoa thoát khỏi ách xâm lược của Nhật Bản. Ở đây, từ ngữ này được dùng để chỉ thời điểm chính quyền Tưởng Giới Thạch thất thủ Hoa Lục, chạy ra Đài Loan, tái lập chính quyền Trung Hoa Dân Quốc tại đó.

⁵⁷ Khiếu quyết: Bí quyết mấu chốt của một việc gì đó.

⁵⁸ Ngũ pháp là Danh, Tướng, Phân Biệt, Chánh Trí và Như Như. Ba tự tánh là Biên Kế Sở Chấp Tánh, Y Tha Khởi Tánh và Viên Thành Thật Tánh. Hai vô ngã là Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã.

⁵⁹ Đây là một thành ngữ xuất phát từ một đôi câu đối của Trịnh Bản Kiêu: “*Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại. Bích lập thiên nhân, vô dục tắc*

cuong” (Biên dung nạp trăm sông, do bao dung nên nó to lớn. Vách núi dựng ngàn dặm, do chẳng có dục vọng nên nó cao chót vót thành rặng). Sau này, từ ngữ “*vô dục tắc cuong*” được sử dụng với ý nghĩa: Người không có dục vọng thế tục hèn kém thì mới có thể đạt đến tinh thần đại nghĩa lâm liệt, không ai sánh bằng.

⁶⁰ Chúng tôi dịch câu này theo lời giảng của cụ Lý Bình Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu.

⁶¹ Thông Thư (通書), còn gọi là Thông Thắng (通勝) là một loại niên giám được xuất bản hằng năm của người Hoa, nội dung chủ yếu là liệt kê ngày tốt xấu Âm Lịch, sao hạn của mỗi ngày, hành canh Thái Tuế, hướng tốt xấu, những điều nên kiêng kỵ hằng ngày, cũng như những điều nên làm như dọn nhà, cưới hỏi, khai trương, mai táng, xuất hành, nhận chức, cúng tế, may cắt, gọt tóc, xây bếp, kê giường v.v... Thông Thư có nguồn gốc từ Hoàng Lịch, và Thông Thư như hiện thời dựa theo kiểu mẫu điển chế từ đời Thanh. Đầu sách thường là Xuân Nguu Đồ (vẽ Mang Thần dẫn trâu, có ý nghĩa tiên đoán mùa màng năm ấy), sao hạn Thái Tuế, cách tính sao hạn, cách cúng sao hạn, giải mộng, giải điềm như chim kêu vào lúc nào, máy mắt, bấp thịch rung động v.v... (nghĩa là toàn thể những trò bói toán mê tín của họ), đồng thời tập hợp những cách ngôn, những phương thức bói toán như cách tính hướng nhà, cách bói hương, những thức ăn kỵ nhau v.v...

⁶² Nhập phẩm: Do nói tổng quát, vãng sanh về cõi Cực Lạc sẽ có ba bậc chín phẩm, nên vãng sanh Cực Lạc được gọi là “*nhập phẩm*” (dự vào phẩm vị). Nếu sanh trong biên địa nghi thành, chẳng thuộc vào ba bậc chín phẩm, nên gọi là “chưa nhập phẩm”.

⁶³ “*Nhất niệm tam thiên*” là một giáo nghĩa do tổ Trí Giả đề xướng trong bộ Ma Ha Chỉ Quán. Nhất niệm tam thiên là trong mỗi một niệm có đủ ba ngàn pháp, đồng thời trọn đủ. Tức là từ mười pháp giới (thiên, nhân, A Tu La, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật), mỗi pháp giới lại nhiếp mười pháp giới kia, nên 10x10 thành một trăm pháp giới. Mỗi pháp trong hết thấy các pháp lại có mười Như Thị, nên 100x10 thành một ngàn, tức là Thiên Như pháp giới. Trong mỗi pháp giới thuộc Thiên Như pháp giới lại có đủ cả ba thứ thế gian, nên 1000x3=3.000 pháp giới. Có hai cách hiểu “ba thứ thế gian”:

1. Theo Trí Độ Luận, ba thứ thế gian gồm Quốc Độ Thế Gian, Chúng Sanh Thế Gian và Ngũ Âm Thế Gian.

2. Theo cách hiểu thông thường, ba thứ thể gian chính là tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

⁶⁴ Kinh Giải Thâm Mật (Sandhinirmocana Sūtra) có đến bốn bản dịch, nhưng bản dịch hoàn thiện nhất là bản của ngài Huyền Trang dịch vào năm Trinh Quán 21 (647) đời Đường. Kinh chủ yếu thuyết minh tam tánh, tam vô tánh, tạo thành căn bản lý luận cho Duy Thức Tông.

- Ba Tự Tánh là Biến Kế Chấp Tánh (Parikalpitasvabhāva), Y Tha Khởi Tánh (Paratantrasvabhāva) và Viên Thành Thật Tánh (Pariṇispannasvabhāva).

- Ba Vô Tánh là Tướng Vô Tánh, Sanh Vô Tánh và Thắng Nghĩa Vô Tánh. Ba vô tánh nhằm nói lên bản chất của ba tự tánh.

⁶⁵ Do câu này quá khó dịch, nên chúng tôi đành phải dịch tạm như vậy, và tạm ghi

chú như sau: Ức (抑) là hạ thấp giọng, Dương (揚) là lên giọng, “*phản phúc ức dương*” là lần lượt lên giọng và hạ thấp giọng tương ứng với ngữ cảnh và hàm nghĩa của từng câu văn. Hiểu theo nghĩa rộng, từ ngữ “*phản phúc ức dương*” sẽ có nghĩa là biết cách nhấn mạnh những chỗ quan trọng, hoặc đề cao ưu điểm, chỉ ra những điểm mâu thuẫn hoặc nhược điểm trong lập luận của đối phương, bộc lộ những ưu điểm trong cách lý luận của ta. Do đó, chúng tôi tạm dịch là “lập luận gãy gọn”.

“*Diệt dăng*” (跌蕩) là không bị gò bó, trôi chảy, lưu loát. “*Đốn tòa*”:

“*Đốn*” (頓) là tạm ngừng một chút, Tòa (挫) là chuyển giọng. Do đó, “*diệt dăng đốn tòa*” hiểu theo ý nghĩa hẹp là biết ngừng đúng chỗ, biết nhấn nhá ngữ điệu lưu loát để biểu đạt tình cảm. Do đó, chúng tôi tạm dịch là “*ăn nói lưu loát, hùng hồn*”.

⁶⁶ Đài Từ (台詞), còn gọi là Đối Bạch (對白), tức là những lời đối thoại nói theo lối thông thường (không hát) trong thể loại tuồng, nhất là Kinh Kịch và Việt Kịch (tuồng Hồ Quảng), có tác dụng biểu lộ tâm tình, khắc họa tính cách, thân phận, địa vị của nhân vật. Khác với Ca Từ thường dùng nhiều điển cố, Đài Từ gần gũi với ngôn ngữ thông dụng. Khi đọc lời ca từ, diễn viên phải biểu lộ được tình cảm, nhấn nhá, phát âm “tròn vành, rõ chữ”. Trong khi đó, lúc hát ca từ (khởi xoang, 起腔), người hát chỉ chú trọng giữ đúng trường độ, nhịp điệu, tiết tấu, chất giọng khỏe vang, tức là chú trọng phương diện thanh nhạc hơn ngữ âm.

⁶⁷ Chúng tôi thấy một số vị dịch từ ngữ này thành “trùng tuyên”, trộm nghĩ không phù hợp lắm. Vì “trùng tuyên” là nhắc lại giống hệt như những gì thầy giảng, không sai chút nào. Còn “phức giảng” chỉ là nhắc lại những ý thầy giảng, nhưng không tự tiện thêm vào ý mình, có thể diễn đạt dài hay ngắn tùy theo ý mình, sử dụng ngôn từ riêng của mình, miễn sao không ra ngoài những ý nghĩa thầy đã giảng. Trong những câu tiếp đó và trong phần sau, Hòa Thượng đã nhấn mạnh: “*Đương nhiên là sau khi nghe xong, không có cách nào phức giảng ngay lập tức, thường là phải mất thời gian hai, ba ngày để chuẩn bị. Lúc mới học, nhất định phải viết bài giảng nháp, tức là dùng những điều ta đã ghi chép được từ lời giảng của thầy để soạn thành bài giảng nháp. Bài giảng nháp còn phải chú trọng sử dụng văn nói thông dụng, chẳng phải là viết văn chương... Cùng phức giảng với các bạn học, tôi cũng chẳng dùng bút ký, hoàn toàn nhờ vào chính mình thông hiểu ý nghĩa. Do đó, khi thầy giảng kinh, tôi dốc hết tinh thần lắng nghe, tôi mong nghe hiểu. Sau khi đã hiểu, tôi thích thế nào, bèn giảng thế ấy, tôi hiểu rõ, tôi đã hiểu ý nghĩa. Thậm chí thời gian tôi giảng còn dài hơn thầy Lý, vì sao? Tôi đã hiểu lý, thầy dùng ba câu để giảng xong, tôi có thể dùng mười câu để giảng xong, giảng còn cặn kẽ hơn*”. Trong khi đó trùng tuyên như ngài A Nan thường được kinh điển sánh ví “*giống như nước từ bình nọ đổ sang bình kia, không suy suyển một giọt*”.

⁶⁸ Đăng Lưu Tội: Tội tương đương, tương tự, gần giống.

⁶⁹ Chùa Đại An thuộc huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Có thuyết nói pháp sư An Thế Cao đã đặt tên chùa là Đại An nhằm kỷ niệm quê hương An Tức của mình. An Tức là cách người Trung Hoa dịch tên vương triều Parthia (còn gọi là vương triều Arsacid, tồn tại từ năm 247 trước Công Nguyên đến 224 Công Nguyên) tại Iran. Lãnh thổ An Tức vào thời cực thịnh bao gồm vùng Đông Bắc Iran và Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ hiện thời. Quốc gia này giữ vai trò là một trung tâm thương mại trọng yếu trên con đường tơ lụa. Chùa Đại An nổi tiếng vì thiền sư Hoàng Bá Hy Vận đời Đường sau khi đắc pháp nơi tổ Bách Trượng Hoài Hải đã trụ tích và dạy Thiền tại đây.

⁷⁰ Đoạn kinh này nằm trong phép Quán thứ năm tức Quán Ao Báu. Xin trích dẫn lời dịch của Hòa Thượng Thiền Tâm: “*Kể lại quán tưởng nước các bảo trì. Ở cõi Cực Lạc, có tám ao nước bát công đức, mỗi ao do bảy báu hợp thành. Những thứ báu công đức, mỗi ao do bảy báu hợp thành. Những thứ báu này tánh chất nhu nhuyễn, từ Như Ý Châu Vương sanh*

ra. Nước ao phân thành mười bốn chi nhánh, mỗi dòng chiếu lộ sắc màu bảy báu. Thành ao bằng vàng ròng, đáy ao trải cát kim cương tạp sắc. Mỗi ao nước có sáu mươi ức hoa sen thất bảo, và mỗi hoa sen tròn rộng mười hai do tuần. Nước Ma Ni trong ao chảy lên xuống theo cọng sen và luôn vào các cánh hoa, phát ra tiếng nhiệm màu. Âm thanh này tuyên diễn những pháp Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các môn Ba La Mật, hoặc khen ngợi tướng tốt của chư Phật. Từ Như Ý Châu Vương lại tuôn ra ánh sáng vàng màu nhiệm, hóa thành các sắc chim bách bảo. Tiếng chim thanh diệu hòa nhã cùng trời giọng khen ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đây là môn tượng ao nước bát công đức, thuộc về phép quán thứ năm”.

⁷¹ Thước ở đây là thước Tàu (một thước chừng 30 cm hiện thời, vào thời Châu thước còn ngắn hơn nữa, chừng hai mươi mấy cm). Tại Trung Hoa vào thời cổ, tám thước là một Tầm, hai Tầm là một Thường. Do đó, Tầm Thường là từ ngữ chỉ những gì ở quanh quần ta, đã quen thấy.

⁷² Ba Lợi ngữ (Pāli) là văn tự được sử dụng để ghi chép kinh điển theo hệ thống Nam Truyền, thường gọi là tiếng Nam Phạn, trong khi kinh điển Bắc Truyền được chép bằng tiếng Sankrit. Pāli có nghĩa đen là “sợi dây, hàng, văn chương”, các ý nghĩa này đều nhằm nói lên đây là ngôn ngữ được sử dụng trong các thánh điển. Tiếng Pāli thuộc ngữ hệ Prakrit của Ấn Độ và chưa bao giờ được sử dụng như một ngôn ngữ giao tiếp. Tuy vậy, theo truyền thống Theravada, chữ này được coi là phương ngôn của xứ Ma Kiệt Đà (Magadha). Tại Sri Lanka, tiếng Pāli được coi là truyền vào nước này trong khoảng thế kỷ thứ tư hay thứ năm.

⁷³ Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh (Saddharma-smṛty-upasthāna-sūtra), do ngài Bát Nhã Lưu Chi dịch vào đời Bắc Ngụy, gồm bảy mươi quyển. Trong kinh này, do ngoại đạo chất vấn các tỳ-kheo mới xuất gia về vấn đề thân, khẩu, ý, đức Thế Tôn bèn rộng nói pháp môn Chánh Pháp Niệm Xứ, xiển minh mối quan hệ nhân quả giữa tam giới và lục đạo, cũng như miêu tả cận kề tình hình trong lục đạo. Pháp môn này nhấn mạnh hạnh tu của hàng tỳ-kheo, tuy thuộc phạm vi Tiểu Thừa, nhưng đã bao hàm rất nhiều tư tưởng Đại Thừa.

⁷⁴ Vật Do Như Thử là một bộ sách do Từ Khiêm soạn vào đời Thanh, ghi chép những câu chuyện kỳ thú về loài vật, như những gương hiếu nghĩa, từ ái, trinh liệt, thông huệ, kể cả chuyện niệm Phật vãng sanh. Đối với mỗi chuyện, tác giả còn viết lời bình, làm thơ tán dương. Tựa đề Vật

Do Như Thử hàm nghĩa: Loài vật mà còn tốt lành như thế, ta là người há thua kém hay sao?

⁷⁵ Vô Sắc Giới (Arūpadhātu) gồm: Không Vô Biên Xứ (Ākāśanantyāyatana), Thức Vô Biên Xứ (Vijñānanantyāyatana), Vô Sở Hữu Xứ (Ākiṃcanyāyatana), Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Naivasamjñā-nāsamjñāyatana).

⁷⁶ Đài Phong (颱風) là một loại bão lốc vùng nhiệt đới ở vùng biển Bắc Thái Bình Dương từ bờ biển Trung Hoa cho đến Nhật Bản, Phi Luật Tân v.v..., thường được biết dưới tên gọi Typhoon (chữ Đài Phong theo giọng đọc Quảng Đông đã được Anh hóa). Tuy thế, có một số người cho rằng Typhoon xuất phát từ Tūfān (bão) của tiếng Ba Tư cổ. Loại bão này thường giáng xuống Đài Loan, Việt Nam, Phi Luật Tân, Nhật Bản, và các tỉnh duyên hải Nam Trung Hoa. Trận bão Haiyan vừa đánh vào Phi Luật Tân vừa qua chính là Typhoon.

⁷⁷ Minh Thứ Phong là tên gọi của Đông phong (gió Đông), còn Thanh Minh Phong là gió Đông Nam. Sách Thuyết Văn giảng: “*Gió có tám loại. Gió phương Đông gọi là Minh Thứ Phong, gió từ phương Đông Nam gọi là Thanh Minh Phong, gió từ phương Nam gọi là Cảnh Phong, gió từ phương Tây Nam gọi là Lương Phong, gió từ phương Tây gọi là Lư Hạp Phong, gió từ phía Tây Bắc gọi là Bất Châu Phong, gió từ phương Bắc gọi là Quảng Mạc Phong, gió từ phía Đông Bắc gọi là Dung Phong*”. Sách Sử Ký, chương Luật Thư giảng: “*Minh Thứ Phong ở phương Đông. Minh Thứ có nghĩa là mọi vật đều xuất hiện*”.

⁷⁸ Lục Luật nói ở đây chính là cách phân chia cao độ các nốt nhạc trong cổ nhạc Trung Hoa. Theo truyền thống, người ta tin mười hai nốt nhạc ấy do cổ nhân dùng mười hai ống sáo (luật quản) có độ dài khác nhau, phát ra mười hai âm thanh tiêu chuẩn có cao độ khác nhau. Kể theo thứ tự, sẽ là Hoàng Chung, Đại Lữ, Thái Thốc, Giáp Chung, Cô Tuyền, Trọng Lữ, Nhuy Tân, Lâm Chung, Di Tắc, Nam Lữ, Vô Tạ, Ứng Chung. Mười hai âm này lại được chia thành sáu âm thuộc Dương và sáu âm thuộc Âm, những âm thuộc Dương gọi là Lục Luật, các âm thuộc Âm thì gọi là Lục Lữ. Trong cách phân chia này, những âm thuộc số lẻ là Dương, số chẵn là Âm (chẳng hạn Hoàng Chung là Dương, Đại Lữ là âm).

⁷⁹ Bát Âm là âm thanh do các loại nhạc khí được chế bằng tám chất liệu khác nhau phát ra:

1) Kim (金) là các nhạc khí bằng kim loại (thường là đồng) như chuông, phương hưởng (giàn khánh đẹp, mỗi cái khánh có hình như chữ L), biện chung (dàn chuông), thanh la, trống đồng, nã bạt, linh, chiêng...

2) Thạch (石) là các loại nhạc khí bằng đá như khánh đá.

3) Ty (絲) là các loại đàn, do thời cổ, dây đàn bằng tơ bện, nên gọi là Ty, như đàn cầm, đàn tranh, không hầu (gần giống đàn harp), tỳ bà, đàn nguyệt (đờn kìm), độc huyền, nhị huyền (hồ cầm, nhị, đờn cò v.v...), cách hồ (giống như hồ cầm, nhưng có phần cộng hưởng được bịt bằng da)...

4) Trúc (竹) là các loại tiêu, sáo, kèn như tiêu (sáo thổi ngang), địch (sáo thổi dọc), bát xích (sáo Nhật), tấu lật, quản tử, tóa nạp (kèn Tàu), ba ô (sáo Mèo), mang đồng (sáo ống, rất to, dài chừng hai thước)...

5) Bào (匏) là các loại nhạc khí thổi, có bầu cộng hưởng bằng quả bầu hay có hình dáng giống như quả bầu, như sênh, lô sênh, hồ lô tư, hồ lô sênh...

6) Thổ (土) là các loại nhạc khí bằng đất nung như huân (ocarina), phẫu (loại nhạc khí này chỉ dùng trong lễ tế Khổng Tử, có hình thể rất to như cái bàn vuông, có học ở bên hông, dùng chùy lớn giông vào phát ra âm thanh lộc cộc).

7) Cách (革) là các loại nhạc khí có màng rung bằng da, như các loại trống.

8) Mộc là các loại nhạc khí gỗ bằng gỗ như mõ, phách v.v...

⁸⁰ Cung Thương là hai nốt nhạc trong truyền thống Ngũ Âm của cổ nhạc châu Á, bao gồm Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ (tương đương với các note nhạc Mi, So, La, Do, Re trong nhạc lý phương Tây).

⁸¹ Sênh là một nhạc khí rất cổ mà vẫn được sử dụng cho đến hiện thời, thuộc loại thổi gồm nhiều ống sáo (thông thường có đến 17 ống dài ngắn khác nhau, các loại sênh cải tiến có số ống từ 24 đến 42 ống) cắm vào một bầu cộng hưởng vôi loe ra để thổi. Trong mỗi ống đều có lưỡi gà để rung theo nhịp thổi. Sênh thường được dùng để hòa tấu với kèn tóa nạp và địch. Thời xưa lại chia thành hai loại, loại to gọi là Vu, loại nhỏ gọi là Hòa. Người Hoa tin Sênh do họ Nữ Oa chế ra. Trong khi đó, khèn (khene, khaen) là một loại nhạc khí tương tự (phổ biến tại Lào, Thái

Lan), nhưng âm vực thấp hơn và các note nhạc không phong phú bằng sênh, nhưng đôi khi có người cũng gọi sênh là khèn.

⁸² Hiểu theo nghĩa hẹp, phong hầu (封侯) có nghĩa là được phong tước hầu, nhưng ở đây, phải hiểu theo nghĩa rộng là quan tước hiển hách, cao vòi, vì Uất Trì Cung được phong quan chức cao nhất là Phu Hạ Nhị Châu Đô Đốc (Đô Đốc của Phu Châu và Hạ Châu), nhưng tước thì được gia phong hai lần. Lần thứ nhất là trong năm Trinh Quán nguyên niên (627), Uất Trì Cung được phong tước Ngô Quốc Công, ăn lộc một ngàn ba trăm hộ, giữ chức Kinh Châu Đạo Hành Quân Tổng Quản. Lần thứ hai vào năm Trinh Quán 11 (637), ông được phong làm Ngạc Quốc Công, thực ấp tại Tuyên Châu gồm một ngàn ba trăm hộ, kiêm Tuyên Châu Thứ Sử, Quang Lộc Đại Phu, kiêm Phu Châu Đô Đốc.

⁸³ Pháp Uyển Châu Lâm do ngài Đạo Thế biên soạn vào đời Đường, gồm 100 quyển, hoàn thành vào năm Tổng Chương nguyên niên (668). Từ năm Hiên Khánh thứ tư (659), ngài Đạo Thế đã dựa theo Kinh Luật Di Tướng để biên soạn bộ Chư Kinh Tập Yếu, sau đổi tên thành Pháp Uyển Châu Lâm, trích dẫn hơn bốn trăm loại kinh luận, bao gồm các thể loại kinh Phật, Nho gia, Đạo Giáo, sấm vĩ..., được coi là một loại bách khoa toàn thư Phật Giáo thời cổ, gồm 640 hạng mục bắt đầu từ Kiếp Lượng Thiên và kết thúc bằng Truyện Ký Thiên. Trong tác phẩm này, có trích dẫn những bản nguyên dịch của kinh điển hoặc tác phẩm đã mất từ lâu như Bồ Tát Bản Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh, Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v...

Kinh Luật Di Tướng gồm năm mươi quyển, do ngài Bảo Xướng soạn, hoàn thành vào năm Thiên Giám 15 (516) đời Lương. Sách này thu thập những tướng trạng kỳ lạ, thần dị trong các kinh luật. Sách do Lương Vũ Đế sai ngài Bảo Xướng làm chủ biên, các vị Tăng Hào, Pháp Sanh v.v... phụ tá. Sách được chia thành hai mươi một bộ môn như trời, đất, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, quốc vương... cho đến địa ngục, quỷ thần, súc sanh.

⁸⁴ Tam Hoàng có nhiều thuyết giải thích:

- Theo Sử Ký (do Tư Mã Thiên soạn, phần Tam Hoàng Bản Kỷ) và Xuân Thu Vận Đầu Khu của Tư Mã Trinh Bô thì Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Nữ Oa.

- Theo Thượng Thư (kinh Thư), Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế.

- Theo Thượng Thư Đại Truyện và Lễ Vỹ Hàm Văn Gia, Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Toại Nhân.

- Theo Bạch Hổ Thông, Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Chúc Dung.

- Theo Thông Giám Ngoại Kỳ, Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Cộng Công.

- Theo Vĩ Thư đời Hán, Tam Hoàng là Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng.

Ngũ Đế cũng có nhiều thuyết khác nhau:

- Theo Sử Ký, Đại Đới Lễ Ký, Dịch Truyện, và Xuân Thu Quốc Ngữ, Ngũ Đế là Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu và Thuấn.

- Theo Thượng Thư, Bạch Hổ Thông Nghĩa, Ngũ Đế là Thiệu Hạo, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu và Thuấn.

- Theo Chiến Quốc Sách, Ngũ Đế là Hoàng Đế, Bào Hy, Thần Nông, Nghiêu và Thuấn.

- Theo Lễ Ký, Lã Thị Xuân Thu, và Hoài Nam Tử, Ngũ Đế là Hoàng Đế, Chuyên Húc, Thái Hạo, Thiệu Hạo, Viêm Đế.

- Theo Tư Trị Thông Giám, Ngũ Đế là Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu và Thiệu Hạo.

Thông thường, Ngũ Đế được hiểu theo thuyết của Sử Ký.

⁸⁵ Ngũ Bá (五霸) là năm vua chư hầu mạnh nhất, thống lãnh chư hầu trong thời Xuân Thu. Bá có nghĩa là bá chủ, tức lãnh tụ, có các chức trách: Tôn vương (tức tuân phục thiên tử nhà Châu), trấn áp các nước di địch chung quanh, ngăn cấm trừng phạt những kẻ soán nghịch, giết vua, giúp các nước chư hầu yếu kém, đập tan những cuộc xâm lăng lẫn nhau giữa các nước chư hầu. Đối với Ngũ Bá, cũng có nhiều thuyết:

- Theo Sử Ký, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công (Khương Tiểu Bạch), Tần Mục Công (Doanh Nhậm Hảo), Tấn Văn Công (Cơ Trọng (Trùng) Nhĩ), Sở Trang Vương (Hùng Lữ) và Tống Tương Công (Tử Tư Phủ).

- Theo Từ Thông, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương và Trịnh Trang Công (Cơ Ngộ Sanh).

- Theo Tứ Tử Hồng Đức Luận, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương và Việt Vương Câu Tiễn (Tự Câu Tiễn).

- Theo Bạch Hổ Thông, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương và Ngô Vương Hạp Lư (Cơ Quang).

- Theo Hán Thư Chú, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Ngô Vương Phù Sai (Cơ Phù Sai).

- Theo Tuân Tử, Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Vương Hạp Lư, Việt Vương Câu Tiễn.

⁸⁶ Thanh Lương Trưng Quán đại sư (735-839). Ngài sanh vào năm Khai Nguyên thứ hai mươi (737) đời Đường Huyền Tông, viên tịch năm Khai Thành thứ tư (839) tức là đã sống qua các đời vua Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông và Văn Tông của nhà Đường.

⁸⁷ Cái trống trời này được nói tới trong phẩm Hiền Thủ. Sau khi Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát nói về các hạnh thanh tịnh (các hạnh ấy được ghi lại trong phẩm Tịnh Hạnh) bèn dùng kệ hỏi Hiền Thủ Bồ Tát về công đức thù thắng do tu hành các hạnh thanh tịnh ấy. Hiền Thủ Bồ Tát liền nói kệ trả lời, trong ấy có đoạn như sau: “*Đạo Lợi Thiên trung hữu thiên cổ, tòng thiên nghiệp báo nhi sanh đắc, tri chư thiên chúng phóng dật thời, không trung tự nhiên xuất thủ âm. Nhất thiết ngũ dục tất vô thường, như thủy tụ mật tánh hư nguy. Chư hữu như mộng, như dương diễm; diệt như phù vân thủy trung nguyệt. Phóng dật vi oán, vi khổ não, phi cam lộ đạo, sanh tử kính. Nhược hữu tác chư phóng dật hạnh, nhập u tử diệt đại ngư khẩu. Thế gian sở hữu chúng khổ bốn, nhất thiết thánh nhân giai yếm hoạn, ngũ dục công đức diệt hoại tánh. Nhữ ưng ái nhạo chân thật pháp. Tam thập tam thiên văn thủ âm, tất cộng lai thắng Thiện Pháp Đường, Đế Thích vị thuyết vi diệu pháp, hàm linh thuận tịch trừ tham ái. Bĩ âm vô hình bất khả kiến, do năng lợi ích chư thiên chúng, hướng tùy tâm nhạo hiện sắc thân, nhi bất tế độ chư quần sanh?*” (Trong trời Đạo Lợi có trống trời, do thiên nghiệp báo mà sanh ra, biết lúc chư thiên đang buông lung, hư không tự nhiên vang tiếng này, hết thấy ngũ dục đều vô thường, như bọt nước đọng, tánh hư nguy, hữu vi như mộng, như nắng đọng, cũng như mây nổi, trắng trong nước. Buông lung là oán, là khổ não, là đường sanh tử, chẳng cam lộ. Nếu trót làm các hạnh buông lung, sẽ lọt miệng cá lớn tử diệt, tất cả cội khổ trong thế gian, hết thấy thánh nhân đều chán nhàm. Công đức ngũ dục tánh diệt hoại, hãy nên yêu thích pháp chân thật. Chư thiên Đạo Lợi nghe tiếng ấy, thấy đều cùng lên Thiện Pháp Đường, Đế Thích vì họ thuyết diệu pháp, khiến đều thuận tịch, trừ tham ái. Tiếng ấy vô hình, chẳng thể thấy, còn hay lợi ích các vị trời, hướng tùy tâm thích hiện sắc thân, mà chẳng tế độ các quần sanh?)

⁸⁸ Quy Sơn là một quả núi thuộc tỉnh Hồ Nam, nằm trên ranh giới các huyện Ninh Hương, Đào Giang và An Hóa. Ngọn cao nhất có tên là Linh Phong. Ngài Quy Sơn Linh Hựu (771-853) là đệ tử nổi pháp của tổ Bách Trượng Hoài Hải. Ngài Linh Hựu xuất gia năm mười lăm tuổi, mười tám tuổi thọ Cụ Túc Giới tại chùa Long Hưng ở Hàng Châu. Năm hai mươi ba tuổi đến Giang Tây bái yết tổ Bách Trượng, trở thành thủ tọa đệ tử. Trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường Hiến Tông, Ngài vâng lệnh tổ Bách Trượng đến núi Quy Ngưỡng thuộc Đàm Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Nam), trụ trì chùa Đồng Khánh. Đệ tử nổi pháp của ngài Quy Sơn có đến bốn mươi một vị, nổi tiếng nhất là các vị Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, Kính Sơn Hồng Ân, Hương Nghiêm Trí Nhàn v.v...